

**SÁCH GIÁO LÝ
CỦA HỘI THÁNH CÔNG GIÁO**

Logo ngoài bì: hình phác họa theo bức khắc trên mộ đá trong hang toại đạo Domitilla ở Rôma, vào cuối thế kỷ thứ ba. Hình ảnh người mục tử này, có nguồn gốc từ lương dân, được Kitô hữu thời đó lấy lại để diễn tả việc an nghỉ và hạnh phúc mà linh hồn những người quá cố tìm được trong đời sống vĩnh cửu.

Hình ảnh đó cũng gợi lên một số khía cạnh đặc trưng của Sách Giáo Lý này: Đức Kitô, Vị Mục tử nhân lành dẫn dắt và bảo vệ tín hữu (con chiên) bằng quyền năng của Người (cây gậy), lôi cuốn họ bằng khúc nhạc du dương của chân lý (sáo bè), và cho họ an nghỉ dưới bóng “cây sự sống”, là cây Thánh giá cứu chuộc mà Người dùng để mở cửa thiên đàng.

SÁCH GIÁO LÝ CỦA HỘI THÁNH CÔNG GIÁO

**Bản dịch chính thức của Ủy Ban Giáo Lý Đức Tin
trực thuộc Hội Đồng Giám Mục Việt Nam.**

**Dịch từ nguyên tác La ngữ:
“CATECHISMUS CATHOLICAE ECCLESIAE”
do Toà Thánh Vatican soạn thảo
và Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II công bố năm 1992.**

Libreria Editrice Vaticana, 1997, Città del Vaticano.



CONGREGAZIONE
PER LA DOTTRINA
DELLA FEDE

00120 Città del Vaticano,
Palazzo del S. Uffizio

25 giugno 2009

PROT. N.I/03
(Si prega citare il numero nella risposta)

Eccellenza Rev.ma,

con lettera del 28 ottobre scorso, qui pervenuta il 24 giugno u.s., Ella trasmetteva a questa Congregazione, per competente esame, il progetto di traduzione in lingua *Vietnamita* del *Catechismo della Chiesa Cattolica*.

Questa Congregazione, dando fiducia agli esperti revisori, indicati da Vostra Eccellenza, concede, per quanto di sua competenza, il proprio assenso alla pubblicazione della suddetta traduzione (*'imprimi potest'*).

RingraziandoLa vivamente, colgo volentieri l'occasione per porgerLe distinti ossequi

dev.mo

William Card. Levada

William Cardinale Levada

Prefetto

Eccellenza Rev.ma
Mons. Pietro Nguyen Van Nhon
Presidente
Conferenza Episcopale Vietnamita
9 Nguyen Thai Hoc
Da Lat, Lam Dong
Viet Nam

BỘ GIÁO LÝ ĐỨC TIN

00120 Città del Vaticano

Palazzo del S. Uffizio

Prot. N. I/ 03

Ngày 25 tháng 6 năm 2009

Kính thưa Đức Cha,

Trong thư Đức Cha viết ngày 28 tháng 10 năm trước và đã đến ngày 24 tháng 6 năm 2009, Đức Cha đã gửi cho Bộ có thẩm quyền để duyệt lại Bản dịch tiếng Việt *Sách Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo*.

Tin tưởng ở những chuyên viên hiệu đính do Đức Cha chỉ định, và theo thẩm quyền của mình, Bộ chấp thuận cho ấn hành bản dịch này (*“imprimi potest”*).

Tôi vô cùng cảm ơn Đức Cha, và nhân dịp này, xin gửi đến Đức Cha những lời cầu chúc tốt đẹp.

Chân thành,

Hồng Y William Levada

Bộ Trưởng

Kính gửi

Đức Cha Phêrô Nguyễn Văn Nhơn

Chủ tịch

Hội Đồng Giám Mục Việt Nam

9 Nguyễn Thái Học

Đà Lạt, Lâm Đồng

Việt Nam

KÝ HIỆU CÁC SÁCH THÁNH KINH

Viết tắt Tên sách tiếng Việt Tên sách tiếng La tinh

CỰU ƯỚC

Ac	Ai ca	Lamentationes
Am	Amốt	Prophetia Amos
Br	Barúc	Liber Baruch
Cn	Châm ngôn	Liber Proverbiorum
Dc	Diễm ca	Canticum Canticorum
Dcr	Dacaria	Prophetia Zachariae
Ds	Dân số	Liber Numeri
Đn	Đanien	Prophetia Danielis
Đnl	Đệ nhị luật	Liber Deuteronomii
Ed	Êdêkien	Prophetia Ezechielis
Er	Étra	Liber Esdrae
Et	Étte	Liber Esther
G	Gióp	Liber Iob
Gđt	Giuditha	Liber Iudith
Ge	Giôen	Prophetia Ioel
Gn	Giôna	Prophetia Ionae
Gr	Giêrêmia	Liber Ieremiae
Gs	Giôsuê	Liber Iosue
Gv	Giăng viên	Liber Ecclesiastes
Hc	Huấn ca	Liber Ecclesiasticus
Hs	Hôê	Prophetia Osee
Is	Isaia	Liber Isaiae
Kb	Khabacúc	Prophetia Habacuc
Kg	Khácgai	Prophetia Aggaei
Kn	Khôn ngoan	Liber Sapientiae
Lv	Lêvi	Liber Leviticus
1 Mcb	Macabê quyển 1	Liber I Maccabaeorum
2 Mcb	Macabê quyển 2	Liber II Maccabaeorum
Mk	Mikha	Prophetia Michaeae
Ml	Malakhi	Prophetia Malachiae

Nk	Nakhum	Prophetia Nahum
Nkm	Nokhemia	Liber Nahemiae
Ôv	Ôvadia	Prophetia Abdiae
R	Rút	Liber Ruth
1 Sb	Sử biên niên quyển 1	Liber I Paralipomenon
2 Sb	Sử biên niên quyển 2	Liber II Paralipomenon
1 Sm	Samuen quyển 1	Liber I Samuelis
2 Sm	Samuen quyển 2	Liber II Samuelis
St	Sáng thế	Liber Genesis
Tb	Tôbia	Liber Thobis
Tl	Thủ lãnh	Liber Iudicum
Tv	Thánh vịnh	Liber Psalmorum
1 V	các Vua quyển 1	Liber I Regum
2 V	các Vua quyển 2	Liber II Regum
Kh	Xuất hành	Liber Exodus
Xp	Xôphônia	Prophetia Sophoniae

TÂN ƯỚC

Cl	Côlôxê	Epistula ad Colossenses
1 Cr	1 Côrintô	Epistula I ad Corinthios
2 Cr	2 Côrintô	Epistula II ad Corinthios
Cv	Công vụ tông đồ	Actus Apostolorum
Dt	Do thái	Epistula ad Hebraeos
Ep	Êphêxô	Epistula ad Ephesios
Ga	Gioan	Evangelium secundum Ioannem
1 Ga	1 Gioan	Epistula I Ioannis
2 Ga	2 Gioan	Epistula II Ioannis
3 Ga	3 Gioan	Epistula III Ioannis
Gc	Giacôbê	Epistula Iacobi
Gđ	Giuda	Epistula Iudae
Gl	Galát	Epistula ad Galatas
Kh	Khải huyền	Apocalypsis Ioannis
Lc	Luca	Evangelium secundum Lucam
Mc	Máccô	Evangelium secundum Marcum
Mt	Mátthêu	Evangelium secundum Matthaeum
Pl	Philípphê	Epistula ad Philippenses
Plm	Philêmôn	Epistula ad Philemonem

1 Pr	1 Phêrô	Epistula I Petri
2 Pr	2 Phêrô	Epistula II Petri
Rm	Roma	Epistula ad Romanos
1 Tm	1 Timôthê	Epistula I ad Timotheum
2 Tm	2 Timôthê	Epistula II ad Timotheum
Tt	Titô	Epistula ad Titum
1 Tx	1 Thêxalônica	Epistula I ad Thessalonicenses
2 Tx	2 Thêxalônica	Epistula II ad Thessalonicenses

SÁCH GIÁO LÝ này sử dụng bản dịch Thánh Kinh của Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ, với đôi chút thay đổi, khi cần thiết, cho phù hợp với văn mạch.

CÁC CHỮ VIẾT TẮT KHÁC

AAS	<i>Acta Apostolicae Sedis</i>
Act	Actio
Adh. ap.	Adhortatio apostolica
AHMA	<i>Analecta hymnica Medii Aevi</i>
BP	Biblioteca patristica
c	caput vel corpus
CA	<i>Corpus apologetarum Christianorum saeculi secundi</i>
cap	caput
CCEO	Codex Canonum Ecclesiarum Orientalium
CCG	<i>Corpus Christianorum (Series Graeca)</i>
CCL	<i>Corpus Christianorum (Series Latina)</i>
Cf	Conferatur
CIC	Codex Iuris Canonici
COD	<i>Conciliorum Oecumenicorum Decreta</i>
concl	conclusio
Const	Constitutio
Const. ap	Constitutio apostolica
Const. dogm	Constitutio dogmatica
Const. past	Constitutio pastoralis
CSEL	<i>Corpus Scriptorum Ecclesiasticorum Latinorum</i>
Decl	Declaratio

Decr	Decretum
DS	H. Denzinger-A. Schönmetzer, <i>Enchiridion Symbolorum definitionum et declarationum de rebus fidei et morum</i>
ed	editio
Ed. Leon.	Sancti Thomae Aquinatis Doctoris Angelici <i>Opera omnia</i> iussu impensaue Leonis XIII P.M. edita
Ep. ap.	Epistula apostolica
Funk	F.X. Funk, <i>Patres apostolici</i> , 2a ed.
GCS	<i>Die griechischen christlichen Schriftsteller</i>
Ibid	Ibidem
Id	Idem
Inscr	Inscriptio
Litt. enc.	Litterae encyclicae
MGH	<i>Monumenta Germaniae historica</i>
MHSI	<i>Monumenta historica Societatis Iesu</i>
p	pagina (ae)
PG	<i>Patrologia graeca</i> (J.P. Migne)
PL	<i>Patrologia latina</i> (J.P. Migne)
PLS	<i>Patrologia latina. Supplementum</i>
PTS	<i>Patristische Texte und Studien</i>
q	quaestio
SC	<i>Sources chrétiennes</i>
Sess	Sessio
SPM	<i>Stromata patristica et medievalia</i>
TD	<i>Textes et documents</i>
TPL	<i>Textus patristici et liturgici</i>
v	volumen
CD	Công đồng
ĐGH	Đức Giáo Hoàng
X.	Xem

TÔNG HIẾN “KHO TÀNG ĐỨC TIN”

**CONSTITUTIO APOSTOLICA
“FIDEI DEPOSITUM”**

**CÔNG BỐ SÁCH GIÁO LÝ
CỦA HỘI THÁNH CÔNG GIÁO
ĐƯỢC SOẠN THẢO
TIẾP SAU CÔNG ĐỒNG VATICANÔ II**

**GIOAN-PHAOLÔ II, GIÁM MỤC,
TÔI TỐ CÁC TÔI TỐ THIÊN CHÚA
ĐỂ GHI NHỚ MUÔN ĐỜI**

**Kính gửi chư huynh khả kính là các vị Hồng y,
Thượng Phụ, Tổng Giám Mục và Giám mục,
các linh mục và phó tế
cùng mọi thành phần dân Thiên Chúa.**

1. DẪN NHẬP

KHO TÀNG ĐỨC TIN đã được Chúa đã trao ban cho Hội Thánh Ngài gìn giữ, và Hội Thánh vẫn không ngừng chu toàn nhiệm vụ đó. Công đồng chung Vaticanô II, do vị tiền nhiệm đáng nhớ của chúng tôi là Đức Gioan XXIII long trọng khai mạc cách đây ba mươi năm, đã có ý định và ước muốn nêu rõ sứ vụ tông đồ và mục vụ của Hội Thánh, nhờ đó ánh sáng rạng ngời của chân lý

Tin Mừng sẽ thúc đẩy mọi người tìm kiếm và đón nhận tình yêu cao vời của Chúa Kitô (x. Ep 3,19).

Đức Gioan XXIII đã uỷ thác cho Công đồng nhiệm vụ chính yếu là gìn giữ và giải thích tốt hơn nữa kho tàng quý báu của đạo lý Kitô giáo, để ý nghĩa kho tàng ấy được sáng tỏ hơn cho các Kitô hữu cũng như mọi người thiện chí. Vì vậy, Công đồng không đặt nặng việc kết án các sai lạc của thời đại, nhưng dành ưu tiên cho nỗ lực bày tỏ một cách thanh thản sức mạnh và vẻ đẹp của đạo lý đức tin. Ngài nói: “Được ánh sáng của Công đồng này soi chiếu, như chúng tôi tin tưởng, Hội Thánh sẽ có thêm nhiều nguồn ơn thiêng liêng phong phú, và nhờ tiếp thu được từ đó những năng lực mới, Hội Thánh sẽ vững vàng nhìn vào tương lai. Chúng ta cần phải bắt tay thực hiện cách phấn khởi và không sợ hãi công việc mà thời đại chúng ta đòi hỏi, để tiếp tục con đường Hội Thánh đã đi từ gần hai mươi thế kỷ qua”¹.

Với ơn Chúa giúp đỡ, qua bốn năm làm việc miệt mài, các nghị phụ Công đồng đã đúc kết và trình bày cho toàn thể Hội Thánh một tổng hợp các đạo lý và quy tắc mục vụ rất đáng kính nể. Các mục tử cũng như các Kitô hữu tìm được ở đây những chỉ dẫn để thực hiện công cuộc “đổi mới suy tư, hành động, phong hóa, phục hưng sức mạnh tinh thần, niềm vui và hy vọng mà Công đồng hết lòng mong muốn”².

Sau khi kết thúc, Công đồng vẫn không ngừng thúc đẩy đời sống Hội Thánh. Năm 1985, chúng tôi đã có thể tuyên bố: “Đối với chúng tôi là người đã được đặc ân tham dự và cộng tác tích cực vào tiến trình của Công đồng, Vaticanô II luôn luôn là, và một cách đặc biệt trong triều đại Giáo Hoàng của chúng tôi, tiếp tục là điểm quy chiếu thường hằng cho mọi hoạt động mục vụ của chúng tôi, trong nỗ lực có ý thức nhằm thể hiện cách vững vàng và chắc chắn các chỉ đạo của Công đồng, trên bình diện mỗi Giáo Hội địa phương cũng như trên bình diện Hội Thánh toàn cầu. Thật sự, phải luôn luôn trở về với nguồn mạch ấy”³.

Do ý định này, ngày 25/1/1985, chúng tôi đã triệu tập một hội nghị bất thường của Thượng Hội đồng Giám mục, nhân dịp kỷ niệm hai mươi năm Công đồng kết thúc. Mục đích của hội nghị là tạ ơn Thiên Chúa vì các hồng ân và hoa trái thiêng liêng của Công đồng Vaticanô II, đồng thời đào sâu giáo huấn của Công đồng, để

¹ ĐGH Gioan XXIII, *Diễn văn* khai mạc Công đồng Vaticanô II, ngày 11/10/1962: AAS 54 (1962) 788-791.

² ĐGH Phaolô VI, *Diễn văn* bế mạc Công đồng Vaticanô II, ngày 8/12/1965: AAS 58 (1966), 7-8.

³ ĐGH Gioan Phaolô II, *Diễn văn* ngày 25/1/1985: *L'Osservatore Romano*, ngày 27/1/1985.

toàn thể các Kitô hữu tiếp nhận, thấm nhuần và áp dụng rộng rãi hơn.

Trong bối cảnh này, các nghị phụ của Thượng Hội đồng đã khẳng định: “Ước nguyện chung là có một sách giáo lý hay một bản tóm lược toàn bộ đạo lý công giáo cả về đức tin lẫn luân lý, để làm điểm quy chiếu cho các sách giáo lý hay bản toát yếu được biên soạn ở các vùng khác nhau. Việc trình bày đạo lý phải có tính chất thánh kinh và phụng vụ, diễn đạt một đạo lý lành mạnh, đồng thời thích nghi với đời sống hiện nay của các Kitô hữu”⁴. Ngay khi Thượng Hội đồng kết thúc, tôi đã theo đề nghị đó vì nó “đáp ứng hoàn toàn một nhu cầu thiết thực của Hội Thánh toàn cầu cũng như của các Giáo Hội địa phương”⁵.

Vì thế, hôm nay chúng tôi hết lòng tạ ơn Thiên Chúa, vì có thể giới thiệu cho toàn thể Hội Thánh “bản văn quy chiếu” này với tên gọi là *Sách Giáo Lý của Hội Thánh Công giáo* để canh tân việc dạy giáo lý nhờ các nguồn mạch sống động của đức tin.

Sau việc canh tân phụng vụ và soạn thảo bộ Giáo Luật mới cho Giáo Hội La tinh và các bộ luật cho các Giáo Hội Đông phương Công giáo, Sách Giáo Lý này sẽ góp phần rất quan trọng vào công cuộc đổi mới toàn bộ đời sống Hội Thánh, như Công đồng Vaticanô II mong muốn và đã khởi sự.

2. LỘ TRÌNH VÀ TINH THẦN SOẠN THẢO BẢN VĂN

Sách Giáo Lý của Hội Thánh Công giáo là kết quả của một sự cộng tác rất rộng rãi và được hoàn thiện qua sáu năm làm việc vất vả trong tinh thần cởi mở và tâm hồn nhiệt thành.

Năm 1986, chúng tôi đã uỷ thác cho một ủy ban gồm mười hai vị Hồng y và Giám mục, do Đức Hồng y Joseph Ratzinger làm chủ tịch, nhiệm vụ soạn thảo một đề cương chuẩn bị cho sách giáo lý theo yêu cầu của các nghị phụ Thượng Hội đồng. Một hội đồng biên tập, gồm bảy vị Giám mục giáo phận là những chuyên gia thần học và dạy giáo lý, đã được thành lập để giúp ủy ban trong công việc này.

Với nhiệm vụ đề ra những nguyên tắc chỉ đạo và quan tâm xúc tiến công việc, ủy ban đã chăm chú dõi theo tất cả quá trình biên soạn của chín bản văn nối tiếp nhau. Về phần mình, hội đồng biên tập đảm nhận nhiệm vụ viết bản văn, sửa đổi theo yêu cầu của ủy ban và lưu ý đến nhận xét của các nhà thần học, các người diễn

⁴ Thượng Hội đồng Giám mục (Khóa bất thường, 1985), *Báo cáo tổng kết*, ngày 7/12/1985: *Enchiridion Vaticanum* 9, II, B, a, n. 4, p. 1758, n. 1797.

⁵ ĐGH Gioan Phaolô II, *Diễn văn* bế mạc Thượng Hội đồng Giám mục (Khóa bất thường), ngày 7/12/1985, n.6: AAS 78 (1986), 435.

giải đạo lý Kitô giáo, các học viện, nhất là của các Giám mục trên toàn thế giới, nhằm hoàn chỉnh bản văn. Trong hội đồng, các ý kiến khác nhau đã được đem ra đối chiếu một cách rất hữu ích. Nhờ đó, bản văn được thêm phong phú, đồng thời vẫn bảo đảm sự thống nhất và đồng bộ.

Bản dự thảo đã được gửi đến tất cả các Giám mục Công giáo, các Hội đồng Giám mục hay Thượng Hội đồng, các học viện thần học và dạy giáo lý để tham khảo ý kiến. Cách chung, bản dự thảo đã được hàng Giám mục tiếp nhận rất thuận lợi. Có thể khẳng định rằng Sách Giáo Lý này là kết quả cộng tác của toàn thể hàng Giám mục Hội Thánh Công giáo. Các ngài đã quảng đại đáp lại lời mời gọi của chúng tôi để tham gia trách nhiệm trong một sáng kiến liên hệ chặt chẽ đến đời sống Hội Thánh. Sự hưởng ứng của các Giám mục làm chúng tôi rất vui mừng, vì bấy nhiêu tiếng nói tập hợp lại đã tạo nên như một “bản giao hưởng đức tin”. Việc thực hiện Sách Giáo Lý này cho thấy rõ tính tập đoàn của hàng Giám mục và chứng thực tính Công giáo của Hội Thánh.

3. PHÂN CHIA ĐỀ MỤC

Sách Giáo Lý phải trình bày một cách trung thành và có hệ thống đạo lý của Thánh Kinh, của Thánh Truyền sống động trong Hội Thánh, của Huấn Quyền chân chính, cũng như gia sản thiêng liêng của các Giáo phụ, các Thánh tiến sĩ, và các Thánh nam nữ trong Hội Thánh, nhờ đó các mầu nhiệm Kitô giáo được hiểu biết tốt hơn và đức tin của dân Thiên Chúa được kiện toàn. Cần phải đề ra sự lý giải thích đáng cho các công bố về đạo lý mà Chúa Thánh Thần đã gọi lên cho Hội Thánh qua các thời đại. Hơn nữa, Sách Giáo Lý cũng phải là một trợ giúp cho việc lấy ánh sáng đức tin soi sáng những hoàn cảnh mới và những vấn đề chưa được đặt ra trong quá khứ. Vì thế Sách Giáo Lý này sẽ gồm cả những điều mới lẫn điều cũ (x. Mt 13,52), bởi đức tin luôn luôn là một và luôn luôn là nguồn mạch của những ánh sáng mới.

Để đáp ứng hai đòi hỏi ấy, Sách Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo, một mặt lấy lại cách sắp xếp “cũ”, đã trở thành truyền thống mà Sách Giáo Lý của thánh Piô V đã theo, và chia nội dung thành bốn phần: *Kinh Tin Kinh*; *Phụng vụ thánh*, đứng đầu là các bí tích; *Luân lý Kitô giáo*, được trình bày dựa trên Mười Điều Răn; cuối cùng là *Kinh nguyện Kitô giáo*. Tuy nhiên, đồng thời, nội dung thường được trình bày theo cách “mới” để đáp ứng các yêu cầu của thời đại chúng ta.

Bốn phần có liên hệ chặt chẽ với nhau: mầu nhiệm Kitô giáo là đối tượng của đức tin (*Phần thứ nhất*); mầu nhiệm ấy được cử

hành và được truyền thông qua các hành động phụng vụ (*Phần thứ hai*); mẫu nhiệm ấy hiện diện để soi sáng và nâng đỡ con cái Thiên Chúa trong các việc làm của họ (*Phần thứ ba*); mẫu nhiệm ấy đặt nền móng cho kinh nguyện của chúng ta, mà tiêu biểu đặc biệt là kinh Lạy Cha, và tạo thành đối tượng cho lời cầu xin, ca ngợi và chuyển cầu của chúng ta (*Phần thứ tư*).

Chính phụng vụ là kinh nguyện; chỗ chính đáng để tuyên xưng đức tin là trong cử hành phụng vụ. Ân sủng, hoa trái của các bí tích, là điều kiện không thay thế được trong đời sống luân lý Kitô giáo, cũng như đức tin là điều kiện để tham dự phụng vụ của Hội Thánh. Nếu đức tin không được triển khai bằng việc làm, thì đó là đức tin chết (x. Gc 2,14-26) và không thể mang hoa quả dẫn đến sự sống vĩnh cửu.

Đọc Sách Giáo Lý của Hội Thánh Công giáo, chúng ta có thể nắm được sự thống nhất tuyệt vời của mẫu nhiệm của Thiên Chúa, và kế hoạch cứu độ của Ngài, cũng như vị trí trung tâm của Đức Kitô Giêsu, Con Một Thiên Chúa, được Chúa Cha sai đến, làm người trong lòng Đức Trinh Nữ Maria rất thánh, nhờ quyền năng Chúa Thánh Thần, để trở thành Đấng Cứu Độ chúng ta. Đã chết và đã sống lại, Người luôn hiện diện trong Hội Thánh của Người, nhất là trong các bí tích. Chính Người là nguồn mạch thật của đức tin, là mẫu mực của đời sống luân lý Kitô giáo và là Thầy dạy chúng ta cầu nguyện.

4. GIÁ TRỊ ĐẠO LÝ CỦA BẢN VĂN

Ngày hai mươi lăm tháng Sáu năm nay, chúng tôi đã phê chuẩn, và hôm nay chúng tôi lấy Quyền Tông Đồ của chúng tôi truyền phổ biến Sách Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo. Đây là bản trình bày đức tin Hội Thánh và đạo lý Công Giáo, được Thánh Kinh cũng như Truyền Thống Tông Đồ và Huấn quyền Hội Thánh xác nhận hoặc soi sáng. Chúng tôi tuyên bố đây là quy luật vững chắc để truyền dạy đức tin, và do đó là một dụng cụ chính đáng cho sự hiệp thông trong Hội Thánh.

Ước gì quyển sách này giúp ích cho công cuộc canh tân mà Chúa Thánh Thần không ngừng kêu gọi Hội Thánh của Thiên Chúa, Thân Thể Đức Kitô, thực hiện trên đường lữ thứ tiến về ánh sáng rực rỡ của Nước Trời!

Việc phê chuẩn và công bố Sách Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo thuộc về thừa tác vụ mà người kế nhiệm thánh Phêrô muốn cống hiến cho Hội Thánh Công giáo, cho tất cả các Giáo Hội địa phương đang sống hòa hợp và hiệp thông với Tòa Thánh Rôma: nghĩa là thừa tác vụ để nâng đỡ và củng cố đức tin cho tất

cả các môn đệ Chúa Giêsu (x. Lc 22,32), cũng như tăng cường các mối dây hợp nhất trong cùng một đức tin tông truyền.

Vì vậy, chúng tôi xin các mục tử của Hội Thánh cũng như các tín hữu hãy đón nhận Sách Giáo Lý này trong tinh thần hiệp thông và chuyên cần sử dụng sách này trong khi chu toàn sứ vụ loan báo đức tin và kêu gọi người ta sống theo Tin Mừng. Sách Giáo Lý này được trao cho họ để làm bản tham chiếu chắc chắn và có thẩm quyền trong việc giảng dạy đạo lý công giáo, và cách riêng, trong việc soạn các sách giáo lý địa phương. Sách này cũng được trao cho mọi tín hữu muốn biết rõ hơn về những điều phong phú khôn lường của ơn cứu độ (x. Ep 3,8). Sách này muốn nâng đỡ những nỗ lực đại kết, được khởi xướng từ ao ước thánh thiện muốn đạt tới sự hợp nhất tất cả các Kitô hữu, qua việc nêu rõ sự mạch lạc hài hoà lớn lao và kỳ diệu của đức tin công giáo. Cuối cùng, Sách Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo được trao cho tất cả những ai thắc mắc về niềm hy vọng nơi chúng ta (x. 1 Pr 3,15) và muốn biết Hội Thánh Công Giáo tin gì.

Sách Giáo Lý này không có ý định thay thế các sách giáo lý địa phương được phê chuẩn bởi giáo quyền, bởi các Giám mục giáo phận và các Hội Đồng Giám Mục, nhất là khi đã được Tòa Thánh phê chuẩn. Sách này có ý khích lệ và giúp soạn thảo những sách giáo lý mới ở từng địa phương theo những hoàn cảnh và văn hóa khác nhau, nhưng vẫn lưu tâm gìn giữ sự hợp nhất trong đức tin và lòng trung thành với đạo lý công giáo.

KẾT LUẬN

Để kết thúc văn kiện giới thiệu Sách Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo, chúng tôi cầu xin Đức Trinh Nữ Maria rất thánh, Mẹ Ngôi Lời Nhập Thể và Mẹ Hội Thánh, lấy lời chuyển cầu đầy quyền năng của Mẹ mà nâng đỡ công việc dạy giáo lý của toàn thể Hội Thánh trên mọi cấp độ, trong giai đoạn này, khi Hội Thánh được mời gọi có một nỗ lực mới trong công cuộc Phúc Âm hóa. Xin cho ánh sáng đức tin chân thật giải thoát nhân loại khỏi cảnh u tối và nô lệ của tội lỗi, và dẫn đưa họ đến sự tự do duy nhất đúng nghĩa (x. Ga 8,32), nghĩa là sự tự do của đời sống trong Chúa Giêsu Kitô, thể hiện ở đời này dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần, và hướng về sự sung mãn của hạnh phúc được chiêm ngưỡng Thiên Chúa mặt giáp mặt trong Nước Trời (x. 1 Cr 13,12; 2 Cr 5,6-8).

Ban hành ngày mười một tháng Mười, năm 1992, nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày khai mạc Công đồng Vaticanô II, năm thứ 14 triều đại giáo hoàng của chúng tôi.

GIOAN PHAOLÔ II

LỜI MỞ ĐẦU

PROOEMIUM

“Lạy Cha, ... sự sống đời đời, đó là họ nhận biết Cha, Thiên Chúa duy nhất và chân thật, và nhận biết Đấng Cha đã sai đến, là Giêsu Kitô” (Ga 17,3). “Thiên Chúa, Đấng cứu độ chúng ta, Đấng muốn cho mọi người được cứu độ và nhận biết chân lý” (1 Tm 2,3-4). “Dưới gầm trời này, không có một danh nào khác đã được ban cho nhân loại, để chúng ta phải nhờ vào danh đó mà được cứu độ” (Cv 4,12), ngoài Danh Chúa Giêsu.

I. SỰ SỐNG CỦA CON NGƯỜI

- NHẬN BIẾT THIÊN CHÚA VÀ YÊU MẾN NGÀI

VITA HOMINIS – DEUM COGNOSCERE ILLUMQUE AMARE

1. Thiên Chúa, tự bản thể là Đấng vô cùng hoàn hảo và hạnh phúc. Theo ý định hoàn toàn do lòng nhân hậu, Ngài đã tự ý tạo dựng con người, để cho họ được thông phần sự sống hạnh phúc của Ngài. Do đó, trong mọi thời và mọi nơi, Ngài đã đến gần với con người. Thiên Chúa kêu gọi con người, giúp họ tìm kiếm Ngài, nhận biết và đem hết tâm lực yêu mến Ngài. Thiên Chúa triệu tập mọi người, vốn đã bị phân tán vì tội lỗi, để hợp nhất thành gia đình của Ngài là Hội Thánh. Để thực hiện điều này, khi thời gian tới hồi viên mãn, Ngài đã sai Con Ngài đến làm Đấng Chuộc Tội và Cứu Độ. Trong và nhờ Người Con ấy, Thiên Chúa kêu gọi loài người để trong Chúa Thánh Thần, họ trở nên dưỡng tử của Ngài và do đó, được thừa hưởng sự sống hạnh phúc của Ngài.

2. Để tiếng gọi ấy vang vọng trên toàn cõi địa cầu, Đức Kitô đã sai phái các Tông Đồ do Người tuyển chọn, trao cho các ông nhiệm vụ loan báo Tin Mừng: “Vậy anh em hãy đi, và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép rửa cho họ nhân danh Cha, và Con, và Thánh Thần, dạy bảo họ tuân giữ mọi điều Thầy đã truyền cho anh em. Và đây, Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế” (Mt 28,19-20). Các Tông Đồ, nhờ sức mạnh của lời sai phái ấy, “ra đi rao giảng khắp nơi, có Chúa cùng hoạt động với các ông và dùng những dấu lạ kèm theo mà xác nhận lời các ông rao giảng” (Mc 16,20).

3. Những ai, nhờ ơn Chúa giúp, đã đón nhận lời kêu gọi này của Đức Kitô và tự nguyện đáp ứng, cũng được tình yêu Đức Kitô thúc đẩy đi loan báo Tin Mừng khắp nơi trên thế giới. Kho tàng này, những vị kế nhiệm đã lãnh nhận từ các Tông Đồ, và bảo toàn một cách trung tín. Mọi Kitô hữu cũng được kêu gọi lưu truyền kho tàng ấy từ đời nọ đến đời kia, bằng lời rao giảng đức tin, bằng cách sống đức tin trong sự hiệp thông huynh đệ, và bằng việc cử hành đức tin đó trong phụng vụ và kinh nguyện⁶.

II. LƯU TRUYỀN ĐỨC TIN - VIỆC DẠY GIÁO LÝ

DE FIDE TRANSMITTENDA – DE CATECHESI

4. Từ rất sớm, thuật ngữ *Day Giáo Lý* đã được dùng để gọi toàn bộ các nỗ lực của Hội Thánh nhằm đào tạo các môn đệ, nhằm giúp người ta tin Chúa Giêsu là Con Thiên Chúa và nhờ tin như vậy mà được sống nhân danh Người, nhằm giáo dục và huấn luyện họ trong cuộc sống đời này, và như vậy, xây dựng Thân Thể Đức Kitô⁷.

5. “Cách chung, có thể khẳng định dạy giáo lý là *giáo dục đức tin* cho trẻ em, thanh niên và người lớn, đặc biệt qua việc giảng dạy giáo lý Kitô giáo, thông thường được tiến hành một cách có tổ chức và hệ thống, với mục đích dẫn đưa tín hữu đến cuộc sống Kitô hữu sung mãn”⁸.

6. Dạy giáo lý có liên hệ với một số yếu tố khác trong sứ mạng mục vụ của Hội Thánh, mặc dầu không lẫn lộn với những yếu tố đó. Những yếu tố này mang ít nhiều tính chất của việc dạy giáo lý, chuẩn bị cho việc dạy giáo lý hoặc bắt nguồn từ đó. Đó là: việc sơ khởi loan báo Tin Mừng, cũng gọi là rao giảng truyền giáo nhằm khơi dậy đức tin; việc tìm kiếm những lý chứng để tin; kinh nghiệm sống cuộc đời Kitô hữu; việc cử hành các bí tích; việc gia nhập cộng đoàn Hội Thánh; việc làm chứng bằng hoạt động tông đồ và truyền giáo⁹.

7. “Quả thật, việc dạy giáo lý được kết hợp và liên quan mật thiết với toàn bộ đời sống của Hội Thánh. Chính nhờ việc dạy giáo lý, Hội Thánh không những lan rộng về địa dư và gia tăng về số lượng mà nhất là còn tăng trưởng từ bên trong và đáp ứng với kế hoạch của Thiên Chúa”¹⁰.

⁶ X. Cv 2,42.

⁷ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Catechesi tradendae*, 1: AAS 71 (1979) 1277-1278.

⁸ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Catechesi tradendae*, 18: AAS 71 (1979) 1292.

⁹ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Catechesi tradendae*, 18: AAS 71 (1979) 1292.

¹⁰ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Catechesi tradendae*, 13: AAS 71 (1979) 1288.

8. Những thời kỳ Hội Thánh được canh tân cũng là những thời kỳ mạnh về việc dạy giáo lý. Thật vậy, vào thời hoàng kim của các Giáo phụ, người ta thấy có những Thánh Giám mục dành nhiều phần quan trọng trong thừa tác vụ của các ngài cho việc dạy giáo lý. Đó là thánh Cyrillô Giêrusalem, thánh Gioan Kim Khẩu, thánh Ambrôsiô, thánh Augustinô, và nhiều Giáo phụ khác. Các ngài đã để lại những tác phẩm dạy giáo lý mẫu mực.

9. Thừa tác vụ dạy giáo lý luôn nhận được những nguồn năng lực mới từ các Công đồng. Về điểm này, Công đồng Tridentinô là một thí dụ điển hình:

- Công đồng đã dành phân ưu tiên cho việc dạy giáo lý trong các văn kiện của mình.
- Công đồng là nguồn gốc của *Sách Giáo Lý Rôma (Catechismus Romanus)*, một cuốn sách mang danh Công đồng; đây là một tác phẩm tuyệt vời với tính cách là bản toát yếu giáo lý Kitô giáo.
- Công đồng đã khơi dậy trong Hội Thánh một mối quan tâm đáng kể đối với việc dạy giáo lý.
- Công đồng đã thúc đẩy việc soạn thảo nhiều bộ sách giáo lý, là công trình của các Thánh Giám mục và thần học gia, như thánh Phêrô Canisiô, thánh Carôlô Bôrômêô, thánh Turibiô Môgrôvejô, thánh Rôbertô Bellarminô.

10. Vì thế, không lạ gì sau Công đồng Vaticanô II (mà Đức Thánh Cha Phaolô VI coi như cuốn sách giáo lý vĩ đại của thời hiện đại), việc dạy giáo lý trong Hội Thánh lại được quan tâm. Các văn kiện sau đây làm chứng điều đó: Chỉ thị tổng quát về việc dạy giáo lý ban hành năm 1971, các khóa họp Thượng Hội đồng Giám mục về Phúc âm hoá (1974) và về việc dạy giáo lý (1977), các tông huấn *Evangelii nuntiandi (Loan báo Tin Mừng)* (1975) và *Catechesi tradendae (Dạy giáo lý)* (1979) tổng kết các khoá họp Thượng Hội đồng Giám mục nói trên. Khóa họp bất thường của Thượng Hội đồng Giám mục, cử hành năm 1985, yêu cầu: “Ước nguyện chung là có một sách giáo lý hay một bản toát yếu tóm lược toàn bộ đạo lý công giáo, cả về đức tin lẫn luân lý”¹¹. Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã nhất trí với ước nguyện của Thượng Hội đồng Giám mục, ngài nhìn nhận rằng: “Ước nguyện đó nói lên một nhu cầu thiết thực của Hội Thánh toàn cầu cũng như của các Giáo Hội địa phương”¹². Ngài đã cẩn thận quan tâm để ước nguyện đó của các Nghị phụ được thực hiện.

¹¹ Thượng Hội đồng Giám mục, Khóa bất thường 1985, *Báo cáo tổng kết II*, B, a, 4 (E Civitate Vaticana 1985), 11.

¹² ĐGH Gioan Phaolô II, *Diễn văn* bế mạc Thượng Hội đồng Giám mục, Khóa bất thường (ngày 7/12/1985), 6: AAS 78 (1986) 435.

III. SÁCH GIÁO LÝ NÀY

ĐƯỢC SOẠN VỚI MỤC ĐÍCH GÌ? CHO AI?

DE HUIUS CATECHISMI FINE

ATQUE DE ILLIS AD QUOS IPSE DIRIGATUR

11. Mục tiêu của Sách Giáo Lý này là trình bày một cách mạch lạc và tổng hợp những nội dung cốt yếu và căn bản của giáo lý công giáo về đức tin và luân lý, dưới ánh sáng Công đồng Vaticanô II và toàn bộ Thánh Truyền của Hội Thánh. Những nguồn mạch chính của sách này là Thánh Kinh, các Thánh Giáo phụ, phụng vụ và Huấn quyền của Hội Thánh. Sách được soạn thảo để làm “nhu điểm quy chiếu cho các sách giáo lý hay bản toát yếu sẽ được soạn thảo trong các miền khác nhau”¹³.

12. Sách Giáo Lý này chủ yếu được dành cho các vị có trách nhiệm dạy giáo lý: trước hết là các Giám mục, trong tư cách là thầy dạy đức tin và Mục tử của Hội Thánh. Sách được trao cho các ngài như một dụng cụ giúp các ngài chu toàn nhiệm vụ dạy dỗ Dân Thiên Chúa. Qua các Giám mục, sách được gửi đến những người soạn sách giáo lý, đến các linh mục và các giáo lý viên. Đọc sách này cũng sẽ hữu ích cho mọi Kitô hữu khác.

IV. BỐ CỤC CỦA SÁCH GIÁO LÝ

DE HUIUS STRUCTURA CATECHISMI

13. Bố cục Sách Giáo Lý này dựa theo truyền thống cổ điển của các sách giáo lý, được soạn xoay quanh bốn “trụ căn bản”: tuyên xưng đức tin trong Phép Rửa (*Tín biểu*), các bí tích của đức tin, đời sống theo đức tin (*các Điều Răn*), và kinh nguyện của tín hữu (*kinh Lạy Cha*).

Phần thứ nhất: Tuyên xưng đức tin

Pars prima: Professio fidei

14. Những ai thuộc về Đức Kitô nhờ đức tin và Phép Rửa đều phải tuyên xưng đức tin của Phép Rửa trước mặt mọi người¹⁴. Vì thế, Sách Giáo Lý này trước hết trình bày nội dung của mạc khải và đức tin: qua mạc khải, Thiên Chúa đến với con người và ban chính mình Ngài cho con người; nhờ đức tin, con người đáp lại Thiên Chúa (*Đoạn 1*). Kinh Tin Kính tóm lược những hồng ân mà Thiên Chúa, Đấng là nguồn gốc mọi điều thiện hảo, là Đấng Cứu chuộc,

¹³ Thượng Hội đồng Giám mục, Khóa bất thường 1985, *Báo cáo tổng kết* II, B, a, 4 (E Civitate Vaticana 1985), 11.

¹⁴ X. Mt 10,32; Rm 10,9.

là Đấng Thánh hoá, đã ban cho con người. Các hồng ân trên được sắp đặt trong “ba chương” về Phép Rửa, đó là tin vào một Thiên Chúa duy nhất: Chúa Cha toàn năng, Đấng Tạo Hoá; Chúa Giêsu Kitô, Con của Ngài, là Chúa và là Đấng Cứu độ chúng ta; và Chúa Thánh Thần, trong Hội Thánh (Đoạn 2).

Phần thứ hai: Các bí tích đức tin

Pars secunda: Fidei sacramenta

15. Phần thứ hai trình bày ơn cứu độ của Thiên Chúa, đã được Chúa Giêsu Kitô và Chúa Thánh Thần thực hiện một lần cho mãi mãi, nay được hiện tại hoá như thế nào trong các hành động thánh thiêng của phụng vụ Hội Thánh (Đoạn 1), đặc biệt trong bảy bí tích (Đoạn 2).

Phần thứ ba: Đời sống đức tin

Pars tertia: Vita ex fide

16. Phần thứ ba nêu lên cùng đích tối hậu của con người được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa, là vinh phúc, và những con đường để đạt tới vinh phúc đó: nhờ hành động ngay chính và tự do, với sự trợ giúp của Luật và ân sủng Chúa (Đoạn 1); nhờ thực thi mệnh lệnh song hành “mến Chúa, yêu người”, được triển khai trong Mười Điều Răn của Thiên Chúa (Đoạn 2).

Phần thứ tư: Kinh nguyện trong đời sống đức tin

Pars quarta: Oratio in vita ex fide

17. Phần cuối cùng của Sách Giáo Lý nói về ý nghĩa và tầm quan trọng của kinh nguyện trong đời sống các tín hữu (Đoạn 1), kết thúc bằng việc giải thích vắn tắt bảy lời cầu xin trong kinh Lạy Cha (Đoạn 2). Nơi những lời cầu xin này, chúng ta thấy đúc kết mọi điều thiện hảo mà chúng ta phải hy vọng và Cha chúng ta ở trên trời muốn ban cho chúng ta.

V. NHỮNG CHỈ DẪN DẪN THỰC HÀNH

CHO VIỆC SỬ DỤNG SÁCH GIÁO LÝ NÀY

PRO HUIUS CATECHISMI USU PRACTICAE ANIMADVERSIONES

18. Sách Giáo Lý này được coi là một *bản trình bày mạch lạc* về toàn bộ đức tin công giáo. Vậy phải đọc sách này như một khối thống nhất. Qua các chỉ dẫn ghi ngoài lề bản văn (những con số in nhỏ quy chiếu đến những đoạn văn khác cùng một chủ đề) và qua bảng mục lục phân tích được đặt ở cuối sách, người đọc có thể thấy được sự liên hệ của mỗi chủ đề với toàn bộ đức tin.

19. Thường các đoạn văn Thánh Kinh không được trích nguyên văn, nhưng chỉ ghi xuất xứ ở cước chú (bằng ký hiệu “X.”). Để hiểu các đoạn văn ấy cách sâu xa hơn, cần phải tìm đến chính các bản văn. Các tham chiếu Thánh Kinh này là công cụ làm việc cho việc dạy giáo lý.

20. Những đoạn **in chữ nhỏ** ở một số chỗ là những ghi chú về mặt sử học, minh giáo, hoặc là những trình bày bổ sung về tín lý.

21. Các đoạn **trích dẫn in chữ nhỏ**, trích từ tác phẩm của các Giáo phụ, các bản văn phụng vụ, các văn kiện của Huấn quyền và từ Hạnh các Thánh, được dùng để làm phong phú thêm cho việc trình bày giáo lý. Những bản văn ấy được chọn thường để sử dụng trực tiếp trong việc dạy giáo lý.

22. Cuối mỗi nội dung có chung đề tài, có một số câu ngắn gọn tóm lược các điểm chính yếu của giáo lý. Những câu **Tóm Lược** ấy nhằm đề xuất những công thức tổng hợp và dễ nhớ, cho việc dạy giáo lý ở các địa phương.

VI. NHỮNG THÍCH NGHI CẦN THIẾT

NECESSARIAE ACCOMMODATIONES

23. Sách Giáo Lý này nhấn mạnh việc trình bày giáo lý. Sách nhằm mục đích giúp hiểu biết đức tin cách sâu xa hơn. Nhờ đó, đức tin được trưởng thành, đâm rễ sâu hơn vào cuộc sống và chiếu toả trong đời sống chứng nhân¹⁵.

24. Chính vì nhằm mục đích đó, Sách Giáo Lý này không tìm cách đưa ra những thích nghi, trong cách trình bày giáo lý cũng như những phương pháp dạy giáo lý, theo những đòi hỏi do khác biệt về văn hóa, tuổi tác, mức trưởng thành tinh thần, tập quán xã hội và giáo hội, nơi những người học giáo lý. Những thích nghi cần thiết ấy là việc của các sách giáo lý địa phương, và nhất là của những vị giảng dạy các Kitô hữu.

“Người có nhiệm vụ giảng dạy, phải trở nên tất cả cho mọi người, để chinh phục mọi người cho Đức Kitô... Và đừng nghĩ rằng những người được giao cho mình, về đức tin, chỉ là một loại người duy nhất, cho nên có thể giảng dạy bằng một đường lối và phương pháp, và có thể hướng dẫn mọi tín hữu đến lòng đạo chân thật theo cùng một cách như nhau: nhưng vì có một số người giống như trẻ sơ sinh, một số khác đang bắt đầu lớn lên trong Đức Kitô, một số khác nữa một cách nào đó đã trưởng thành, nên cần phải cẩn thận xem ai cần sữa, ai cần thức ăn

¹⁵ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Catechesi tradendae*, 20-22: AAS 71 (1979) 1293-1296; *Ibid.*, 25: AAS 71 (1979) 1297-1298.

cứng hơn... Đó là điều Thánh Tông Đồ đã truyền cho những ai được gọi vào tác vụ này, để khi dạy các mẫu nhiệm đức tin và các quy luật sống, họ biết thích nghi với tinh thần và trí hiểu của người nghe”¹⁶.

Trên hết mọi sự là đức mến

25. Để kết thúc phần trình bày này, thiết tưởng nên nhắc lại nguyên tắc mục vụ đã được Sách Giáo Lý Rôma nêu ra:

“Hẳn nhiên đường lối tuyệt hảo hơn, mà Thánh Tông Đồ đã dạy, đó là hướng tất cả nội dung của đạo lý và giáo huấn tới đức mến, là điều không bao giờ mất được. Vì vậy khi trình bày một điều hoặc phải tin, hoặc phải hy vọng hoặc phải làm, thì luôn luôn phải làm nổi bật tình yêu của Chúa chúng ta trong điều đó, để ai ai cũng hiểu rằng mọi hành vi nhân đức trọn hảo Kitô giáo không có nguồn gốc nào khác ngoài tình yêu và không có mục đích nào khác ngoài tình yêu”¹⁷.

¹⁶ *Catechismus Romanus* hoặc *Catechismus ex decreto Concilii Tridentini ad parochos, Pii V Pontificis Maximi iussu editus*, Lời Tựa, 11: ed. P. Rodríguez (Città del Vaticano-Pamplona 1989), 11.

¹⁷ *Catechismus Romanus*, Lời Tựa, 10: ed. P. Rodríguez (Città del Vaticano-Pamplona 1989), 10.

PHẦN THỨ NHẤT
TUYÊN XUNG ĐỨC TIN

PARS PRIMA
PROFESSIO FIDEI

ĐOẠN THỨ NHẤT

“TÔI TIN” – “CHÚNG TÔI TIN”

SECTIO PRIMA

“CREDO” – “CREDIMUS”

26. Khi tuyên xưng đức tin, chúng ta khởi đầu bằng thuật từ: “Tôi tin” hoặc “Chúng tôi tin”. Trước khi trình bày đức tin của Hội Thánh, như được tuyên xưng trong Tín biểu, được cử hành trong phụng vụ, được thể hiện trong cuộc sống bằng việc tuân giữ các Điều Răn và bằng việc cầu nguyện, chúng ta hãy tự hỏi xem “tin” nghĩa là gì. Đức tin là việc con người đáp lại Thiên Chúa, Đấng tự mạc khải và hiến mình cho con người, đồng thời ban ánh sáng chứa chan cho con người đang đi tìm ý nghĩa tối hậu của đời mình. Do đó, trước hết chúng ta sẽ bàn về cuộc tìm kiếm của con người (*Chương I*), kế đến bàn về mạc khải của Thiên Chúa, qua đó Thiên Chúa đến với con người (*Chương II*), và cuối cùng, bàn về việc con người đáp lại bằng đức tin (*Chương III*).

CHƯƠNG I

CON NGƯỜI “CÓ KHẢ NĂNG”

ĐÓN NHẬN THIÊN CHÚA

CAPUT PRIMUM

HOMO EST DEI “CAPAX”

I. CON NGƯỜI KHAO KHÁT THIÊN CHÚA DE DESIDERIO DEI

355, 1701 27. Niềm khao khát Thiên Chúa được ghi khắc trong trái tim con người bởi vì con người được tạo dựng bởi Thiên Chúa và hướng về Thiên Chúa. Thiên Chúa không ngừng lôi kéo con người đến với Ngài, và chỉ nơi Thiên Chúa, con người mới gặp được chân lý và hạnh phúc mà họ không ngừng tìm kiếm:

1718

“Khía cạnh cao quý nhất của phẩm giá con người là con người được kêu gọi hiệp thông với Thiên Chúa. Ngay từ lúc mới sinh ra, con người đã được mời gọi đối thoại với Thiên Chúa: thật vậy, con người đã chẳng hiện hữu, nếu, một khi đã được Thiên Chúa vì tình yêu mà tạo dựng, nó không được Thiên Chúa vì tình yêu mà luôn luôn bảo tồn; và con người cũng chẳng sống theo chân lý cách trọn vẹn, nếu nó không tự nguyện nhìn nhận tình yêu ấy và phó mình cho Đấng Tạo Hoá của mình”¹.

843, 2566 2095-2109 28. Trong lịch sử của mình mãi đến ngày nay, loài người đã diễn tả việc tìm kiếm Thiên Chúa của mình bằng nhiều cách, qua các tín ngưỡng và các hành vi tôn giáo (cầu kinh, tế lễ, phụng tự, suy niệm, v.v...). Các hình thức diễn tả này, mặc dù có thể kéo theo chúng những nét hàm hồ, vẫn là rất phổ quát đến nỗi con người có thể được gọi là một *hữu thể có tôn giáo*:

“Từ một người duy nhất, Thiên Chúa đã tạo thành toàn thể nhân loại, để họ ở trên khắp mặt đất; Ngài đã vạch ra những thời kỳ nhất định và những ranh giới cho nơi ở của họ. Như vậy là để họ tìm kiếm Thiên Chúa; may ra họ dò dẫm mà tìm thấy Ngài, tuy rằng thật sự Ngài không ở xa mỗi người chúng ta. Thật

¹ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 19: AAS 58 (1966) 1038-1039.

vậy, chính ở nơi Ngài mà chúng ta sống, cử động và hiện hữu” (Cv 17,26-28).

29. Tuy nhiên, “sự liên kết thân mật và sống động này với Thiên Chúa”² có thể bị con người bỏ quên, sao lãng và thậm chí mình 2123-2128
 nhiên gạt bỏ. Những thái độ như thế có thể phát xuất do những nguyên nhân rất khác nhau³: do bất mãn trước sự dữ trên thế giới, do không hiểu biết hoặc thờ ơ về tôn giáo, do lo toan về thế gian và tiền của⁴, do gương xấu của các tín hữu, do những trào lưu tư 398
 tưởng chống tôn giáo, cuối cùng là do thái độ của con người tội lỗi, vì sợ hãi mà lẩn tránh Thiên Chúa⁵ và chạy trốn khi nghe tiếng gọi của Ngài⁶.

30. “Tâm hồn những ai tìm kiếm Chúa, nào hoan hỉ!” (Tv 105,3). Dù con người có thể quên lãng hay chối từ Thiên Chúa, nhưng chính Thiên Chúa vẫn không ngừng kêu gọi mọi người tìm kiếm 2567
 Ngài để họ được sống và đạt được hạnh phúc. Nhưng việc tìm kiếm này đòi hỏi con người phải có nỗ lực của trí tuệ, sự ngay thẳng của 368
 ý chí, “một tấm lòng thành”, và phải có cả chứng từ của những người khác để dạy con người tìm kiếm Thiên Chúa.

“Lạy Chúa, Chúa vĩ đại và rất đáng ca tụng: quyền năng của Chúa cao cả và sự khôn ngoan của Chúa thật khôn lường. Và con người, một phần nhỏ bé trong các thụ tạo của Chúa, con người trong thân phận phải chết, mang nơi mình chứng tích của tội lỗi mình và chứng tích việc Chúa chống lại kẻ kiêu căng: vậy mà con người như vậy, một phần nhỏ bé trong các thụ tạo của Chúa, muốn ca tụng Chúa. Chính Chúa thúc giục để con người vui thích ca tụng Chúa, bởi vì Chúa đã dựng nên chúng con cho Chúa, và tâm hồn chúng con không yên nghỉ cho đến khi được yên nghỉ trong Chúa”⁷.

II. NHỮNG CON ĐƯỜNG

GIÚP CON NGƯỜI NHẬN BIẾT THIÊN CHÚA

DE VIIS, QUIBUS AD DEUM COGNOSCENDUM HABETUR ACCESSUS

31. Được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa, được mời gọi nhận biết và yêu mến Thiên Chúa, con người tìm kiếm Thiên Chúa sẽ khám phá ra một số “con đường” giúp nhận biết Ngài. Những con đường này còn được gọi là “những lý chứng về sự hiện hữu của

² CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 19: AAS 58 (1966) 1039.

³ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 19-21: AAS 58 (1966) 1038-1042.

⁴ X. Mt 13,22.

⁵ X. St 3,8-10.

⁶ X. Ga 1,3.

⁷ Thánh Augustinô, *Confessiones*, 1, 1, 1: CCL 27, 1 (PL 32, 659-661).

Thiên Chúa”, nhưng không theo nghĩa lý chứng của các khoa học tự nhiên, mà theo nghĩa những “lý chứng đồng quy và có sức thuyết phục”, giúp con người đạt tới những sự chắc chắn thật sự.

Những “con đường” để đến với Thiên Chúa như thế có khởi điểm là các thụ tạo: thế giới vật chất và con người.

32. Vũ trụ: Thiên Chúa có thể được nhận biết như là nguồn gốc và cùng đích của vũ trụ, căn cứ vào sự vận hành và chuyển biến của vũ trụ, vào tính cách bất tất, vào trật tự và vẻ đẹp của vũ trụ.

Về người ngoại giáo, thánh Phaolô khẳng định: “Những gì người ta có thể biết về Thiên Chúa thì thật là hiển nhiên trước mắt họ, vì chính Thiên Chúa đã cho họ thấy rõ. Quả vậy, những gì người ta không thể nhìn thấy được nơi Thiên Chúa, tức là quyền năng vĩnh cửu và thần tính của Ngài, thì từ khi Thiên Chúa tạo thành vũ trụ, trí khôn con người có thể nhìn thấy được qua những công trình của Ngài” (Rm 1,19-20)⁸.

Còn thánh Augustinô thì nói: “Bạn hãy hỏi vẻ đẹp của trái đất, hãy hỏi vẻ đẹp của biển khơi, hãy hỏi vẻ đẹp của không khí đang dần nở và lan tỏa, hãy hỏi vẻ đẹp của bầu trời, ... hãy hỏi những thực tại ấy. Tất cả sẽ trả lời bạn: Này bạn xem, chúng tôi quả là đẹp. Vẻ đẹp của chúng là lời tuyên xưng của chúng. Ai đã làm nên những vẻ đẹp có thể thay đổi đó, nếu không phải là Đấng Toàn Mỹ không bao giờ thay đổi?”⁹

33. Con người: với sự cởi mở đón nhận chân lý và vẻ đẹp, với lương tri, với sự tự do và tiếng nói của lương tâm, với niềm khát vọng sự vô biên và hạnh phúc, con người tự hỏi về sự hiện hữu của Thiên Chúa. Nhìn vào tất cả những điều kể trên, con người nhận ra những dấu chỉ của linh hồn thiêng liêng của mình. Là “hạt giống của sự vĩnh cửu mà con người mang nơi mình, và không thể giản lược vào vật chất mà thôi”¹⁰, nên linh hồn con người không thể có một nguồn gốc nào khác ngoài một mình Thiên Chúa.

34. Vũ trụ và con người minh chứng rằng chúng không phải là nguyên lý tiên khởi và cứu cánh tối hậu của chính mình, nhưng thông phần với “Hữu Thể Tự Tại”, vô thủy vô chung. Như vậy, qua những “con đường” khác nhau đó, con người có thể đạt tới việc nhận biết sự hiện hữu của một thực tại là nguyên lý tiên khởi và

⁸ X. Cv 14,15-17; 17,27-28; Kn 13,1-9.

⁹ Thánh Augustinô, *Sermo* 241, 2: PL 38, 1134.

¹⁰ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 18: AAS 58 (1966) 1038; x. *Ibid.*, 14: AAS 58 (1966) 1036.

là cứu cánh tối hậu của mọi sự, “mà mọi người gọi là Thiên Chúa”¹¹. 199

35. Các tài năng của con người làm cho con người có thể nhận biết sự hiện hữu của một Thiên Chúa có ngôi vị. Nhưng để con người có thể tiến đến chỗ thân mật với Ngài, Thiên Chúa đã muốn mạc khải chính mình Ngài cho con người và ban cho họ ân sủng để nhờ đó họ có thể đón nhận mạc khải này trong đức tin. Tuy nhiên, các “lý chứng về sự hiện hữu của Thiên Chúa” có thể chuẩn bị cho đức tin và giúp người ta thấy rằng đức tin không đối nghịch với lý trí của con người. 50 159

III. VIỆC NHẬN BIẾT THIÊN CHÚA THEO QUAN NIỆM CỦA HỘI THÁNH DE DEI COGNITIONE SECUNDUM ECCLESIAM

36. “Mẹ Hội Thánh khẳng định và dạy rằng: Từ những loài thụ tạo, nhờ ánh sáng tự nhiên của lý trí con người, con người có thể nhận biết cách chắc chắn về Thiên Chúa như là nguyên lý và cùng đích của mọi loài”¹². Không có khả năng này, con người không thể đón nhận mạc khải của Thiên Chúa. Con người có được khả năng đó là vì đã được tạo dựng “theo hình ảnh Thiên Chúa” (St 1,27). 355

37. Tuy nhiên, trong những hoàn cảnh lịch sử mà con người đã trải qua, con người gặp nhiều khó khăn trong việc nhận biết Thiên Chúa nếu chỉ dựa vào ánh sáng của lý trí. 1960

“Nói một cách đơn giản, mặc dầu lý trí con người, nhờ sức lực và ánh sáng tự nhiên của mình, thật sự có thể đạt tới sự nhận biết đích thực và chắc chắn về một Thiên Chúa có ngôi vị, Đấng bảo vệ và cai quản vũ trụ bằng sự quan phòng của Ngài, cũng như nhận biết một luật tự nhiên được Đấng Tạo Hoá đặt trong tâm hồn chúng ta, nhưng có không ít những chướng ngại vật ngăn cản lý trí sử dụng khả năng bẩm sinh đó của nó một cách hữu hiệu. Vì những chân lý liên quan đến Thiên Chúa, liên quan đến mối liên hệ giữa Thiên Chúa và con người, là những điều hoàn toàn vượt quá lãnh vực những sự vật hữu hình, và khi những chân lý đó được diễn ra bằng hành động và tác động đến đời sống thì chúng đòi con người phải hiến thân và từ bỏ mình. Để đạt được những chân lý như vậy, trí tuệ con người phải làm việc một cách khó khăn, một đằng vì sự thúc đẩy của các giác quan và trí tưởng tượng, đằng khác vì những dục vọng do nguyên tội

¹¹ Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, I, q. 2, a. 3, c: Ed. Leon. 4, 31.

¹² CD Vaticanô I, Hiến chế tín lý *Dei Filius*, c. 2: DS 3004; X. *Ibid.*, De Revelatione, canon 2: DS 3026; CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 6: AAS 58 (1966) 819.

gây nên. Cho nên trong những vấn đề đó, con người dễ cho là dối trá hoặc ít nhất là mơ hồ, những điều họ không muốn đó là những sự thật”¹³.

2036 **38.** Vì lý do đó, con người cần được mạc khải của Thiên Chúa soi dẫn, không những trong những gì vượt quá trí khôn, mà cả trong “những chân lý tôn giáo và luân lý tự chúng vốn không vượt quá khả năng lý trí, để trong tình trạng hiện thời của nhân loại, mọi người có thể biết được cách dễ dàng, chắc chắn và không lẫn lộn sai lầm”¹⁴.

IV. PHẢI NÓI VỀ THIÊN CHÚA THẾ NÀO?

QUOMODO DE DEO LOQUENDUM?

851 **39.** Khi bênh vực khả năng của lý trí con người trong việc nhận biết Thiên Chúa, Hội Thánh tin tưởng rằng mình có thể nói về Thiên Chúa cho mọi người và với mọi người. Niềm xác tín này là khởi điểm cho việc đối thoại của Hội Thánh với các tôn giáo khác, với triết học và khoa học, và cả với những người vô tín ngưỡng và những người vô thần.

40. Vì sự hiểu biết của chúng ta về Thiên Chúa có giới hạn, nên ngôn ngữ chúng ta dùng để nói về Thiên Chúa cũng bị giới hạn. Chúng ta chỉ có thể nói về Thiên Chúa dựa vào những gì chúng ta biết về các thụ tạo và theo cách hiểu biết và suy nghĩ hạn hẹp của loài người chúng ta.

213, 299 **41.** Mọi thụ tạo đều có một nét nào đó giống Thiên Chúa, đặc biệt là con người được tạo dựng theo hình ảnh Ngài và giống như Ngài. Nhiều điều hoàn hảo của các thụ tạo (tính chân, thiện, mỹ của chúng) phản chiếu sự hoàn hảo vô biên của Thiên Chúa. Do đó, chúng ta có thể nói về Thiên Chúa từ những sự hoàn hảo nơi các thụ tạo của Ngài, “vì các thụ tạo càng lớn lao đẹp đẽ thì càng giúp nhận ra Đấng tạo thành” (Kn 13,5).

212, 300 **42.** Thiên Chúa siêu việt trên mọi thụ tạo. Vì vậy chúng ta phải không ngừng thanh luyện ngôn ngữ của chúng ta khỏi những gì là hạn hẹp, lệ thuộc vào hình ảnh, và bất toàn, để Thiên Chúa, Đấng loài người “không thể diễn tả được, không thể hiểu thấu được,

¹³ ĐGH Piô XII, Thông điệp *Humani generis*: DS 3875.

¹⁴ *Ibid.*: DS 3876. X. CD Vaticanô I, Hiến chế tín lý *Dei Filius*, c. 2: DS 3005; CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 6: AAS 58 (1966) 819-820; Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, I, q. 1, a. 1, c: Ed. Leon. 4, 6.

không thể nhìn thấy được, không thể suy tới được”¹⁵, không bị lẫn lộn với những kiểu trình bày phạm nhân của chúng ta. Ngôn ngữ phạm nhân của chúng ta không bao giờ có thể diễn tả đầy đủ màu nhiệm vô tận của Thiên Chúa. 370

43. Khi nói như vậy về Thiên Chúa, ngôn ngữ của chúng ta diễn đạt theo cách phạm nhân, nhưng thật sự đạt tới chính Thiên Chúa, dù không thể diễn tả được Ngài trong tính đơn thuần vô biên của Ngài. Chúng ta phải nhớ rằng “giữa Đấng Tạo Hoá và thụ tạo, không thể ghi nhận sự giống nhau, mà không bao hàm rằng sự khác nhau còn lớn hơn nhiều”¹⁶; hơn nữa, “chúng ta không thể nắm bắt được Thiên Chúa là gì, nhưng chỉ có thể biết được Ngài không phải là gì, và các hữu thể khác liên hệ với Ngài như thế nào”¹⁷. 206

TÓM LƯỢC

44. *Tự bản tính và do ơn gọi, con người là một hữu thể có tôn giáo. Vì phát sinh từ Thiên Chúa và quy hướng về Thiên Chúa, con người chỉ sống cuộc sống nhân linh một cách đầy đủ khi tự nguyện sống liên kết với Thiên Chúa.*

45. *Con người được tạo dựng để sống hiệp thông với Thiên Chúa. Nơi Ngài, họ tìm được hạnh phúc. “Khi con gắn bó hết mình với Chúa, con sẽ không bao giờ còn phải đau đớn và vất vả nữa, và được tràn đầy Chúa, đời con sẽ trở nên sống động”¹⁸.*

46. *Khi lắng nghe sứ điệp của các thụ tạo và tiếng nói của lương tâm, con người có thể đạt đến việc nhận biết chắc chắn về sự hiện hữu của Thiên Chúa, là nguyên nhân và cùng đích của mọi sự.*

47. *Hội Thánh dạy rằng, con người có thể nhận biết cách chắc chắn về Thiên Chúa duy nhất và chân thật, là Đấng Tạo Hóa và Chúa của chúng ta, qua các công trình của Ngài, nhờ ánh sáng tự nhiên của lý trí con người¹⁹.*

48. *Chúng ta thật sự có thể nói về Thiên Chúa dựa trên những nét hoàn hảo đa dạng của các thụ tạo, vì đó là những điểm giống với sự hoàn hảo vô biên của Thiên Chúa, mặc dầu ngôn ngữ hạn hẹp của chúng ta không diễn tả được hết màu nhiệm của Ngài.*

¹⁵ Phụng vụ Byzantin. *Anaphora sancti Ioannis Chrysostomi: Liturgies Eastern and Western*, ed. F.E. Brightman (Oxford 1896) p. 384 (PG 63, 915).

¹⁶ CD Latêranô IV, *Cap. 2. De errore abbatis Ioachim*: DS 806.

¹⁷ Thánh Tôma Aquinô, *Summa contra gentiles*, 1, 30: Ed. Leon. 13, 92.

¹⁸ Thánh Augustinô, *Confessiones*, 10, 28, 39: CCL 27, 175 (PL 32, 795).

¹⁹ X. CD Vaticanô I, Hiến chế tín lý *Dei Filius*, De revelatione, canon 2: DS 3026.

49. “Các thụ tạo tan biến nếu không có Đấng Tạo Hoá”²⁰. Vì thế, tín hữu biết rằng mình được tình yêu Chúa Kitô thúc bách phải mang ánh sáng của Thiên Chúa hằng sống đến cho những ai không biết Ngài hoặc chối từ Ngài.

²⁰ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 36: AAS 58 (1966) 1054.

CHƯƠNG 2

THIÊN CHÚA ĐẾN GẶP CON NGƯỜI

CAPUT SECUNDUM

DEUS HOMINI OCCURRIT

50. Con người có thể dùng lý trí tự nhiên để nhận biết Thiên Chúa 36 một cách chắc chắn, dựa vào những công trình của Ngài. Nhưng còn có một lãnh vực nhận biết khác, mà con người không thể đạt tới bằng sức lực của mình, đó là lãnh vực của Mạc Khải thần linh¹. Thiên Chúa, bằng một quyết định hoàn toàn tự do, tự mạc Khải và ban chính mình Ngài cho con người. Thiên Chúa làm điều đó khi 1066 mạc Khải cho mọi người mầu nhiệm của Ngài, kế hoạch yêu thương của Ngài vốn đã có từ muôn thuở trong Đức Kitô. Thiên Chúa đã mạc Khải trọn vẹn kế hoạch của Ngài khi sai Con chí ái của Ngài, là Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta, và sai Chúa Thánh Thần.

Mục 1

Mạc Khải của Thiên Chúa

Articulus 1

De revelatione Dei

I. THIÊN CHÚA MẠC KHẢI

“KẾ HOẠCH YÊU THƯƠNG” CỦA NGÀI

DEUS SUUM REVELAT “BENEVOLUM CONSILIUM”

51. “Do lòng nhân lành và khôn ngoan, Thiên Chúa đã muốn mạc 2823 Khải chính mình và tỏ cho biết mầu nhiệm của ý muốn Ngài; nhờ mầu nhiệm đó, loài người có thể đến cùng Chúa Cha, nhờ Chúa Kitô, Ngôi Lời nhập thể, trong Chúa Thánh Thần, và được thông phần vào bản tính Thiên Chúa”². 1996

¹ X. CD Vaticanô I, Hiến chế tín lý *Dei Filius*, c.4: DS 3015.

² CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 2: AAS 58 (1966) 818.

52. Thiên Chúa, Đấng “ngự trong ánh sáng siêu phàm” (1 Tm 6,16), muốn truyền thông sự sống thần linh của Ngài cho loài người mà Ngài đã tự ý tạo dựng, để cho họ được trở nên nghĩa tử trong Con Một của Ngài³. Khi tự mạc khải, Thiên Chúa muốn làm cho loài người có khả năng đáp lại Ngài, nhận biết và yêu mến Ngài vượt quá những gì họ có thể làm được tự sức mình.

1953 **53.** Kế hoạch của Thiên Chúa về Mạc Khải được thể hiện cùng một
1950 lúc “bằng các việc làm và lời nói có liên hệ mật thiết với nhau”⁴, và soi sáng cho nhau. Kế hoạch đó bao hàm “một đường lối sư phạm thần linh” đặc biệt: Thiên Chúa truyền thông chính mình cho con người một cách tiệm tiến. Ngài chuẩn bị con người qua nhiều giai đoạn để đón nhận mạc khải siêu nhiên về chính bản thân Ngài. Mạc khải này sẽ đạt tới tột đỉnh nơi Ngôi Vị và nơi sự vự của Ngôi Lời nhập thể, là Chúa Giêsu Kitô.

Thánh Irênê thường nói về đường lối sư phạm này của Thiên Chúa dưới hình ảnh Thiên Chúa và con người dần dần làm quen với nhau: “Ngôi Lời của Thiên Chúa đã ở giữa loài người và trở thành Con Người, để làm cho con người quen dần với việc đón nhận Thiên Chúa, và làm cho Thiên Chúa quen dần với việc ngự trong con người, theo ý muốn của Chúa Cha”⁵.

II. CÁC GIAI ĐOẠN MẠC KHẢI REVELATIONIS PERIODI

Từ khởi thủy, Thiên Chúa tự mạc khải cho con người

- 32 **54.** “Thiên Chúa, Đấng tạo dựng và bảo tồn mọi sự nhờ Ngôi Lời, không ngừng làm chứng cho loài người về chính mình nơi các thụ tạo; hơn nữa, vì muốn mở ra con đường cứu độ cao vời, ngay từ khởi thủy, Ngài đã tỏ mình ra cho nguyên tổ biết”⁶. Ngài đã mời gọi nguyên tổ của chúng ta sống hiệp thông thân mật với Ngài, khi ban cho họ ân sủng và đức công chính rạng ngời.
- 374 **55.** Mạc khải này không bị tội nguyên tổ làm gián đoạn. Quả vậy, “sau khi tổ tông sa ngã, bằng việc hứa ban ơn cứu chuộc, Ngài đã nâng họ dậy hướng tới niềm hy vọng cứu độ. Ngài đã không ngừng
- 397, 410

³ X. Ep 1,4-5.

⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 2: AAS 58 (1966) 818.

⁵ Thánh Irênê, *Adversus haereses* 3, 20, 2: SC 211, 392 (PG 7, 944); x. exempli gratia, *Ibid.* 3, 17, 1: SC 211, 330 (PG 7, 929); *Ibid.* 4, 12, 4: SC 100, 518 (PG 7, 1006); *Ibid.* 4, 21, 3: SC 100, 684 (PG 7, 1046).

⁶ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 3: AAS 58 (1966) 818.

săn sóc nhân loại, để ban sự sống đời đời cho tất cả những ai tìm kiếm ơn cứu độ bằng cách kiên tâm làm việc lành”⁷.

“Và khi con người đã mất tình nghĩa với Cha vì bất phục tùng, Cha đã không bỏ mặc con người dưới quyền lực sự chết.... Nhiều lần Cha đã giao ước với loài người”⁸.

761

Giao ước với ông Nôê

56. Khi sự hợp nhất của nhân loại bị tội lỗi phá vỡ, Thiên Chúa lập tức có ý định cứu độ nhân loại khi can thiệp qua từng nhóm người. Giao ước với ông Nôê sau cơn lụt đại hồng thủy⁹ nói lên nguyên tắc của Nhiệm cục thần linh đối với “các dân tộc”, nghĩa là đối với những người quy tụ lại “theo tiếng nói, dòng họ và dân tộc của mình” (St 10,5)¹⁰.

401

1219

57. Trật tự đa dân tộc này, vừa có tính vũ trụ, vừa có tính xã hội và tôn giáo¹¹, nhằm hạn chế tính kiêu căng của một nhân loại đã sa ngã, muốn đồng lòng trong sự ngoan cố của mình¹², muốn tự mình gây dựng sự hợp nhất theo kiểu xây tháp Babel¹³. Nhưng vì tội lỗi¹⁴, nên thuyết đa thần cũng như việc tôn thờ các ngẫu tượng là dân tộc và lãnh tụ của mình, đã không ngừng đe dọa biến Nhiệm cục tạm thời này thành sự gian tà ngoại đạo.

58. Giao ước với ông Nôê có hiệu lực trong suốt thời gian của các dân tộc¹⁵, cho tới khi Tin Mừng được loan báo một cách phổ quát. Thánh Kinh tôn kính một số vĩ nhân của “các dân tộc”, như “Abel, người công chính”, vua tư tế Melchisêdê¹⁶, ông này là hình bóng của Đức Kitô¹⁷, hoặc các người công chính “Nôê, Daniel và Job” (Ed 14,14). Như vậy Thánh Kinh nói lên mức độ thánh thiện cao vời mà những người sống theo Giao ước Nôê có thể đạt tới, đang khi mong đợi Đức Kitô “quy tụ con cái Thiên Chúa đang tản mác khắp nơi về một mối” (Ga 11,52).

674

2569

⁷ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 3: AAS 58 (1966) 818.

⁸ *Kinh nguyện Thánh Thể IV: Sách Lễ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 467.

⁹ X. St 9,9.

¹⁰ X. St 10,20-31.

¹¹ X. Cv 17,26-27.

¹² X. Kn 10,5.

¹³ X. St 11,4-6.

¹⁴ X. Rm 1,18-25.

¹⁵ X. Lc 21,24.

¹⁶ X. St 14,18.

¹⁷ X. Dt 7,3.

Thiên Chúa chọn ông Abraham

145, 2570 **59.** Để quy tụ loài người đang tản mác về một mối, Thiên Chúa chọn ông Abram và phán với ông: “Hãy rời bỏ xứ sở, họ hàng và nhà cha người” (St 12,1); với ý định làm cho ông thành Abraham, nghĩa là “cha của vô số dân tộc” (St 17,5): “Nhờ người, mọi gia tộc trên mặt đất sẽ được chúc phúc” (St 12,3)¹⁸.

760 **60.** Dân tộc phát sinh từ ông Abraham sẽ được thừa hưởng lời Thiên Chúa hứa với các tổ phụ, tức là dân được Ngài tuyển chọn¹⁹,
762, 781 họ được gọi để chuẩn bị cho việc quy tụ trong tương lai mọi con cái Thiên Chúa trong sự duy nhất của Hội Thánh²⁰; dân tộc này sẽ là gốc rễ mà các dân ngoại khi tin vào Thiên Chúa sẽ được tháp ghép vào²¹.

61. Các tổ phụ, các tiên tri và những vĩ nhân khác của Cựu ước đã và sẽ luôn được tôn kính như những vị Thánh trong tất cả các truyền thống phụng vụ của Hội Thánh.

Thiên Chúa huấn luyện dân Israel của Ngài

2060, 2574 **62.** Sau thời các Tổ phụ, Thiên Chúa lập Israel làm dân của Ngài khi cứu họ khỏi ách nô lệ Ai cập. Ngài lập Giao ước Sinai với dân và ban Lê Luật của Ngài cho họ qua ông Môisen, để họ nhận biết và phụng sự Ngài với tư cách là Thiên Chúa duy nhất hằng sống và chân thật, là Cha quan phòng và là thẩm phán chí công, và để họ mong đợi Đấng Cứu Độ mà Ngài đã hứa ban²².

1961 **63.** Israel là dân tư tế của Thiên Chúa²³, được “mang danh Đức Chúa” (Đnl 28,10). Đó là dân của “những người đầu tiên được nghe lời Chúa phán dạy”²⁴, dân của “những người làm anh” trong đức tin của tổ phụ Abraham²⁵.

711 **64.** Qua các tiên tri, Thiên Chúa đào tạo dân Ngài trong niềm hy vọng ơn cứu độ, trong sự mong đợi Giao ước mới và vĩnh cửu dành cho tất cả mọi người²⁶, Giao ước đó sẽ được ghi khắc trong các trái

¹⁸ X. Gl 3,8.

¹⁹ X. Rm 11,28.

²⁰ X. Ga 11,52; 10,16.

²¹ X. Rm 11,17-18.24.

²² X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 3: AAS 58 (1966) 818.

²³ X. Xh 19,6.

²⁴ *Thứ Sáu Tuần Thánh, Cầu nguyện cho mọi người VI: Sách Lễ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 254.

²⁵ X. ĐGH Gioan Phaolô II, *Diễn văn tại Hội đường Do thái ở Rôma*, (ngày 13/4/1986) 4: *Insegnamenti di Giovanni Paolo II*, IX 1, 1027.

²⁶ X. Is 2,2-4.

tim²⁷. Các Tiên tri loan báo ơn cứu chuộc triệt để cho dân của Thiên Chúa, ơn thanh tẩy khỏi mọi bất trung của họ²⁸, và ơn cứu độ ấy sẽ bao gồm tất cả các dân tộc²⁹. Đặc biệt những người nghèo khó và khiêm nhu của Chúa³⁰ sẽ ấp ủ niềm hy vọng này. Những phụ nữ thánh thiện như các bà Sara, Rêbecca, Rachel, Miryam, Đêbora, Anna, Juditha và Esther, đã gìn giữ cho niềm hy vọng cứu độ ấy của Israel luôn sống động. Hình ảnh tinh tuyền nhất của niềm hy vọng này là Đức Maria³¹.

489

III. CHÚA GIÊSU KITÔ - “ĐẲNG TRUNG GIAN VÀ ĐỒNG THỜI LÀ SỰ VIÊN MÃN CỦA TOÀN BỘ MẠC KHẢI”³²

CHRISTUS IESUS - “MEDIATOR SIMUL ET PLENITUDO TOTIUS REVELATIONIS”

Thiên Chúa đã phán dạy mọi sự trong Ngôi Lời của Ngài

65. “Thuở xưa, nhiều lần nhiều cách, Thiên Chúa đã phán dạy cha ông ta qua các tiên tri ; nhưng vào thời sau hết này, Thiên Chúa đã phán dạy chúng ta qua Thánh Tử” (Dt 1,1-2). Đức Kitô, Con Thiên Chúa làm người, là Lời duy nhất, hoàn hảo và cao cả nhất của Chúa Cha. Nơi Người, Thiên Chúa đã nói tất cả, và sẽ không có lời nào khác ngoài Lời đó. Sau bao vị khác, thánh Gioan Thánh giá đã diễn tả điều này một cách rõ ràng, khi chú giải câu Dt 1,1-2:

102

“Từ khi Thiên Chúa ban cho chúng ta Con Ngài, Đấng là Lời duy nhất và dứt khoát của Ngài, Thiên Chúa đã nói với chúng ta một lần duy nhất trong Lời này và Ngài không còn gì để nói thêm nữa. Những gì trước kia Ngài chỉ nói từng phần qua các tiên tri, thì nay Ngài đã nói hết trong Đấng mà Ngài đã trao ban trọn vẹn cho chúng ta, tức là Con của Ngài. Do đó, bây giờ mà có ai còn muốn hỏi Thiên Chúa điều gì hoặc nài xin Ngài một thị kiến hay mạc khải nào nữa, thì người ấy chẳng những làm một chuyện điên rồ, mà xem ra còn xúc phạm đến Thiên Chúa, bởi

516

²⁷ X. Gr 31,31-34; Dt 10,16.

²⁸ X. Ed 36.

²⁹ X. Is 49,5-6; 53,11.

³⁰ X. Sp 2,3.

³¹ X. Lc 1,38.

³² CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 2: AAS 58 (1966) 818.

2717 không chăm chú nhìn vào Đức Kitô mà lại tìm kiếm một cái gì khác hoặc một điều mới lạ ngoài Đức Kitô”³³.

Sẽ không có mạc khải nào khác nữa

94 **66.** “Vây nhiệm cục Kitô giáo sẽ không bao giờ mai một, vì là giao ước mới và vĩnh cửu. Chúng ta không phải chờ đợi một mạc khải công khai mới nào khác nữa trước ngày Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta tỏ mình ra trong vinh quang”³⁴. Tuy nhiên, mặc dù mạc khải đã hoàn tất, nhưng nó vẫn chưa được giải thích trọn vẹn; vì thế đức tin Kitô giáo còn phải dần dần, qua dòng thời gian, tìm hiểu tất cả sự cao siêu của mạc khải.

84 **67.** Theo dòng lịch sử, đã xuất hiện những điều gọi là “mạc khải tư”, một số trong đó được thẩm quyền Hội Thánh công nhận. Tuy vậy, những mạc khải đó không thuộc kho tàng đức tin. Chức năng của chúng không phải là “cải thiện” hoặc “bổ sung” mạc khải vĩnh viễn của Đức Kitô, nhưng để giúp người ta, vào một thời điểm lịch sử nào đó, sống mạc khải của Đức Kitô cách trọn vẹn hơn. Cảm thức đức tin của các tín hữu, dưới sự hướng dẫn của Huấn quyền Hội Thánh, có khả năng phân định và đón nhận 93 trong các mạc khải đó những gì là lời khuyến dụ đích thực của Đức Kitô hoặc của các Thánh gửi đến cho Hội Thánh.

Đức tin Kitô giáo không thể tiếp nhận “những mạc khải” nào muốn vượt cao hơn hay sửa đổi mạc khải đã được hoàn tất trong Đức Kitô. Một số tôn giáo ngoài Kitô giáo và một số giáo phái được sáng lập gần đây đặt nền tảng trên “những mạc khải” như thế.

TÓM LƯỢC

68. *Vì tình yêu, Thiên Chúa đã tự mạc khải và ban chính mình Ngài cho con người. Qua đó, Ngài mang lại lời giải đáp vĩnh viễn và dư đầy cho những vấn nạn mà con người tự đặt ra cho mình về ý nghĩa và cùng đích cuộc đời họ.*

69. *Thiên Chúa đã tự mạc khải cho con người, bằng việc dần dần dùng lời nói và việc làm mà truyền thông mầu nhiệm riêng của Ngài.*

70. *Ngoài những chứng từ mà Thiên Chúa nêu lên về chính mình Ngài qua các thụ tạo, Thiên Chúa còn đích thân tỏ mình cho*

³³ Thánh Gioan Thánh giá, *Subida del monte Carmelo*, 2, 22, 3-5: Biblioteca Mistica Carmelitana, v. 11 (Burgos 1929) 184.

³⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 4: AAS 58 (1966) 819.

nguyên tổ chúng ta. Ngài đã nói với các vị, và sau khi các vị sa ngã, Ngài đã hứa ơn cứu độ³⁵ và ban Giao Ước của Ngài cho các vị.

71. Thiên Chúa lập với ông Nôê một giao ước vĩnh cửu giữa Ngài và mọi sinh linh³⁶. Giao ước này sẽ tồn tại bao lâu thế gian còn tồn tại.

72. Thiên Chúa đã tuyển chọn ông Abraham và đề xướng một giao ước với ông và dòng dõi ông. Từ đó, Thiên Chúa thiết lập dân Ngài và mạc khải Lê Luật của Ngài cho họ qua ông Môisen. Nhờ các tiên tri, Thiên Chúa đã chuẩn bị cho dân ấy đón nhận ơn cứu độ dành cho toàn thể nhân loại.

73. Thiên Chúa đã tự mạc khải trọn vẹn khi sai chính Con Ngài đến trần gian; nơi Chúa Con, Thiên Chúa đã thiết lập Giao ước của Ngài đến muôn đời. Con Thiên Chúa là Lời tối hậu của Chúa Cha nói với nhân loại, sau Người, không còn một mạc khải nào khác.

Mục 2

Sư lưu truyền Mạc Khải của Thiên Chúa

Articulus 2

De transmissione revelationis divinae

74. Thiên Chúa “muốn cho mọi người được cứu độ và nhận biết chân lý” (1 Tm 2,4), nghĩa là, nhận biết Đức Kitô Giêsu³⁷. Vì vậy Đức Kitô phải được rao giảng cho mọi dân tộc và mọi người, và mạc khải phải được loan truyền đến tận cùng thế giới.

851

“Những gì Thiên Chúa đã mạc khải để cứu rỗi muôn dân, Ngài đã ân cần sắp đặt để luôn được bảo toàn và lưu truyền nguyên vẹn cho mọi thế hệ”³⁸.

I. TRUYỀN THỐNG CÁC TÔNG ĐỒ

DE TRADITIONE APOSTOLICA

75. “Chúa Kitô, nơi Người, Thiên Chúa tối cao hoàn tất trọn vẹn mạc khải, đã truyền dạy các Tông Đồ rao giảng cho mọi người Tin

³⁵ X. St 3,15.

³⁶ X. St 9,16.

³⁷ X. Ga 14,6.

³⁸ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 7: AAS 58 (1966) 820.

171 Mừng đã được hứa trước qua miệng các tiên tri, và được chính Người thực hiện và công bố; các ngài rao giảng Tin Mừng như nguồn mọi chân lý cứu độ và luật lệ luân lý, đồng thời truyền thông cho họ các hồng ân của Thiên Chúa”³⁹.

Lời rao giảng của các Tông Đồ

76. Theo mệnh lệnh của Chúa, việc lưu truyền Tin Mừng đã được thực hiện bằng hai cách:

Bằng truyền khẩu: “một phần do các Tông Đồ: qua lời giảng dạy, gương lành và các định chế, các ngài đã truyền lại những gì đã nhận lãnh từ miệng Đức Kitô khi chung sống với Người và thấy Người hành động, hoặc đã học biết được nhờ Chúa Thánh Thần gợi ý”;

Bằng văn tự: “một phần do chính các ngài và những người phụ tá các ngài đã viết lại sứ điệp cứu độ dưới sự linh hứng của cùng một Chúa Thánh Thần”⁴⁰.

... được tiếp nối do những người kế nhiệm các Tông Đồ

861 **77.** “Để Tin Mừng được giữ gìn toàn vẹn và sống động mãi trong Hội Thánh, các Tông Đồ đã để lại những người kế vị là các giám mục và ‘trao lại cho họ quyền giáo huấn của các ngài’”⁴¹. Thật vậy, “những lời giảng dạy của các Tông Đồ được đặc biệt ghi lại trong các sách linh hứng, phải được bảo tồn và liên tục lưu truyền cho đến tận thế”⁴².

174
1124, 2651 **78.** Việc lưu truyền sống động này, được thực hiện trong Chúa Thánh Thần, được gọi là Thánh Truyền, để phân biệt với Thánh Kinh, mặc dù nó có liên hệ chặt chẽ với Thánh Kinh. Nhờ Thánh Truyền, “Hội Thánh, qua giáo lý, đời sống và việc phượng tự của mình, bảo tồn và lưu truyền cho mọi thế hệ tất cả thực chất của mình, và tất cả những gì mình tin”⁴³. “Lời các Thánh Giáo phụ chứng thực sự có mặt sống động của Thánh Truyền; và sự phong phú của Thánh Truyền đã thâm nhập vào thực hành và đời sống của Hội Thánh, một Hội Thánh luôn tin và cầu nguyện”⁴⁴.

79. Như vậy, việc Chúa Cha truyền thông chính mình, nhờ Ngôi Lời và trong Chúa Thánh Thần, vẫn tiếp diễn và tác động trong

³⁹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 7: AAS 58 (1966) 820.

⁴⁰ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 7: AAS 58 (1966) 820.

⁴¹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 7: AAS 58 (1966) 820.

⁴² CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 8: AAS 58 (1966) 820.

⁴³ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 8: AAS 58 (1966) 821.

⁴⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 8: AAS 58 (1966) 821.

Hội Thánh: “Thiên Chúa, Đấng xưa đã phán dạy, nay vẫn không ngừng ngỏ lời với Hiền Thê của Con yêu dấu mình; và Thánh Thần, Đấng làm cho tiếng nói sống động của Tin Mừng vang dội trong Hội Thánh, và nhờ Hội Thánh làm vang dội trong thế giới, hướng dẫn các tín hữu nhận biết toàn thể chân lý và làm cho lời Chúa Kitô tràn ngập lòng họ”⁴⁵.

II. TƯƠNG QUAN GIỮA THÁNH TRUYỀN VÀ THÁNH KINH DE RELATIONE INTER TRADITIONEM ET SACRAM SCRIPTURAM

Cùng một nguồn mạch

80. “Thánh Truyền và Thánh Kinh được nối kết và thông giao với nhau cách chặt chẽ. Thật thế, do cả hai đều phát xuất từ một nguồn mạch thần linh, có thể nói cả hai kết hợp thành một và cùng quy hướng về một mục đích”⁴⁶. Cả hai đều làm cho mâu nhiệm Đức Kitô được hiện diện và sinh hoa trái trong Hội Thánh, theo như chính Người đã hứa ở lại với các môn đệ “mọi ngày cho đến tận thế” (Mt 28,20).

... nhưng hai cách lưu truyền khác biệt

81. “*Thánh Kinh* là Lời Thiên Chúa nói, xét theo tư cách được ghi chép lại dưới sự linh hứng của Chúa Thánh Thần”.

“Còn *Thánh Truyền* thì truyền đạt nguyên vẹn cho các đấng kế vị các Tông Đồ Lời Thiên Chúa đã được Chúa Kitô và Chúa Thánh Thần ký thác cho các Tông Đồ, để các đấng kế vị đó, nhờ Thần chân lý soi sáng, trung thành gìn giữ, trình bày và phổ biến Lời ấy bằng việc rao giảng”⁴⁷.

113

82. Do đó, Hội Thánh, vì được ủy thác nhiệm vụ lưu truyền và giải thích mạc khải, “có được sự chắc chắn về tất cả các điều được mạc khải không chỉ nhờ riêng vào Thánh Kinh. Chính vì thế, cả Thánh Kinh lẫn Thánh Truyền đều phải được đón nhận và tôn kính bằng một tâm tình yêu mến và kính trọng như nhau”⁴⁸.

Truyền thống Tông Đồ và các truyền thống trong Hội Thánh

83. Truyền Thống mà chúng ta nói đây xuất phát từ các Tông Đồ và lưu truyền những gì chính các ngài đã lãnh nhận từ giáo huấn

⁴⁵ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 8: AAS 58 (1966) 821.

⁴⁶ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 9: AAS 58 (1966) 821.

⁴⁷ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 9: AAS 58 (1966) 821.

⁴⁸ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 9: AAS 58 (1966) 821.

và gương mẫu của Chúa Giêsu cũng như những gì các ngài học được nhờ Chúa Thánh Thần. Thật vậy, thế hệ các Kitô hữu đầu tiên chưa có một Tân Ước thành văn, và chính bản văn Tân Ước chứng thực tiến trình của Truyền Thống sống động này.

1202, 2041
2684

Chúng ta phải phân biệt “Truyền Thống các Tông Đồ” với “các truyền thống” thuộc các lãnh vực thần học, kỷ luật, phụng vụ hoặc sùng kính đã phát sinh theo thời gian trong các Giáo Hội địa phương. Đó là những hình thức riêng biệt, qua đó Thánh Truyền phổ quát đón nhận những lối diễn tả đã được thích nghi cho những địa phương khác nhau vào những thời đại khác nhau. Các truyền thống này có thể được giữ lại, sửa đổi hay thậm chí bị loại bỏ, dưới ánh sáng Truyền Thống các Tông Đồ, theo sự hướng dẫn của Huấn quyền Hội Thánh.

III. GIẢI NGHĨA KHO TÀNG ĐỨC TIN DE INTERPRETATIONE DEPOSITI FIDEI

Kho tàng đức tin được giao phó cho toàn thể Hội Thánh

84. “Kho tàng đức tin” (*Depositum fidei*)⁴⁹, chứa đựng trong Thánh Truyền và Thánh Kinh, đã được giao phó cho toàn thể Hội Thánh nhờ các Tông Đồ. “Khi gắn bó với kho tàng ấy, toàn thể dân thánh, quy tụ quanh các vị chủ chăn, chuyên cần với giáo huấn của các Tông Đồ, với tình hiệp thông, với việc bẻ bánh và kinh nguyện, nên giữa các thủ lãnh và các tín hữu có sự nhất trí lạ lùng trong việc nắm giữ, thực hành và tuyên xưng đức tin đã được truyền lại”⁵⁰.

857, 871
2033

Huấn quyền Hội Thánh

85. “Nhiệm vụ chính thức giải thích Lời Thiên Chúa đã được ghi chép hay truyền lại, nhiệm vụ này đã được ủy thác riêng cho Huấn quyền sống động của Hội Thánh, quyền này được thi hành nhân danh Chúa Giêsu Kitô”⁵¹, nghĩa là được ủy thác cho các Giám mục hiệp thông với vị kế nhiệm thánh Phêrô, là Giám mục Rôma.

888-892
2032, 2040

86. “Tuy nhiên, Huấn quyền này không ở trên Lời Chúa, nhưng phục vụ Lời Chúa vì chỉ giảng dạy những điều đã được truyền lại; bởi vì do mệnh lệnh của Thiên Chúa và nhờ ơn trợ giúp của Chúa Thánh Thần, Huấn quyền kính mến lắng nghe, thành kính gìn giữ và trung thành trình bày Lời đó, đồng thời từ kho tàng đức tin duy

688

⁴⁹ X. 1 Tm 6,20; 2 Tm 1,12-14.

⁵⁰ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 10: AAS 58 (1966) 822.

⁵¹ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 10: AAS 58 (1966) 822.

nhất ấy, Huấn quyền kín mức ra tất cả mọi điều mà đề nghị cho giáo dân tin như là những điều đã được Thiên Chúa mạc khải⁵².

87. Vì ghi nhớ lời Đức Kitô đã nói với các Tông Đồ: “Ai nghe anh em là nghe Thầy” (Lc 10,16)⁵³, các tín hữu ngoan ngoãn nhận lãnh các giáo huấn và chỉ thị mà các mục tử ban cho họ dưới những hình thức khác nhau. 1548
2037

Các tín điều đức tin

88. Huấn quyền Hội Thánh thực thi trọn vẹn quyền bính nhận từ Đức Kitô khi ấn định các tín điều, tức là khi công bố, dưới hình thức buộc dân Kitô giáo phải tin, những chân lý được chứa đựng trong mạc khải của Thiên Chúa, hoặc cả khi công bố một cách dứt khoát những chân lý có liên hệ tất yếu với các chân lý đó. 888-892
2032-2040

89. Giữa đời sống thiêng liêng của chúng ta với các tín điều có một mối liên hệ chặt chẽ. Tín điều là những ánh sáng trên con đường đức tin của chúng ta, soi sáng và làm cho con đường đức tin ấy được an toàn. Ngược lại, nếu chúng ta sống ngay thẳng, trí tuệ và tâm hồn chúng ta sẽ mở rộng đón nhận ánh sáng các tín điều⁵⁴. 2625

90. Những mối dây liên kết lẫn nhau và sự gắn bó chặt chẽ giữa các tín điều có thể gặp thấy trong toàn bộ mạc khải về mầu nhiệm Đức Kitô⁵⁵. Phải nhớ rằng “có một trật tự hoặc ‘một phẩm trật’ các chân lý của giáo lý Công giáo, vì tương quan khác nhau của chúng với nền tảng đức tin Kitô giáo”⁵⁶. 114, 158
234

Cảm thức siêu nhiên về đức tin

91. Mọi Kitô hữu đều tham dự vào ơn hiểu biết và việc lưu truyền chân lý mạc khải. Họ được xúc dầu bằng Chúa Thánh Thần, là Đấng dạy dỗ họ⁵⁷ và dẫn họ “tới sự thật toàn vẹn” (Ga 16,13). 737

92. “Toàn thể các tín hữu... không thể sai lầm trong đức tin. Họ biểu lộ phẩm tính đặc biệt ấy nhờ cảm thức siêu nhiên về đức tin của toàn thể dân Chúa, khi ‘từ các Giám mục cho đến những giáo dân rốt hết’ đều đồng ý cách phổ quát về những điều liên quan đến đức tin và phong hóa”⁵⁸. 785

⁵² CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 10: AAS 58 (1966) 822.

⁵³ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 20: AAS 57 (1965) 24.

⁵⁴ X. Ga 8,31-32.

⁵⁵ X. CD Vatican I, Hiến chế tín lý *Dei Filius*, c. 4: DS 3016 (mysteriorum nexus); CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 25: AAS 57 (1965) 29.

⁵⁶ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Unitatis redintegratio*, 11: AAS 57 (1965) 99.

⁵⁷ X. 1 Ga 2,20.27.

⁵⁸ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 12: AAS 57 (1965) 16.

889 **93.** “Thật vậy, nhờ cảm thức về đức tin được Thánh Thần chân lý khơi dậy và nâng đỡ, và dưới sự hướng dẫn của Huấn quyền, dân Thiên Chúa gắn bó cách kiên trì với đức tin đã được lưu truyền duy chỉ một lần cho các Thánh, hiểu biết đức tin ấy cách sâu sắc hơn nhờ suy xét đúng, và áp dụng đức tin ấy cách đầy đủ hơn trong đời sống”⁵⁹.

Sự tăng trưởng trong hiểu biết về đức tin

66 **94.** Nhờ Chúa Thánh Thần trợ giúp, sự hiểu biết về các sự việc và các lời nói thuộc kho tàng đức tin có thể được tiến triển trong đời sống Hội Thánh:

- 2651 – “hoặc nhờ các tín hữu chiêm ngưỡng và học hỏi, khi đã ghi nhớ các điều đó trong lòng”⁶⁰, đặc biệt “việc nghiên cứu thần học giúp đào sâu hiểu biết về chân lý được mạc khải”⁶¹;
- 2038, 2518 – “hoặc nhờ họ đã thông hiểu những điều thiêng liêng họ cảm nghiệm được”⁶²; “Lời Chúa lớn lên cùng với người đọc”⁶³;
- “hoặc nhờ việc giảng dạy của những người lãnh nhận một đặc sủng chắc chắn về chân lý do việc kế nhiệm trong chức giám mục”⁶⁴.

95. “Như thế, đã rõ là do ý định hết sức khôn ngoan của Thiên Chúa, Thánh Truyền, Thánh Kinh và Huấn quyền của Hội Thánh được nối kết và liên đới với nhau đến nỗi không một cái nào có thể đứng vững một mình không cần hai cái kia; và dưới tác động của một Chúa Thánh Thần duy nhất, cả ba cùng góp phần hữu hiệu vào việc cứu độ các linh hồn, mỗi bên theo phương cách riêng”⁶⁵.

TÓM LƯỢC

96. *Điều Đức Kitô đã ủy thác cho các Tông Đồ, các ngài đã truyền lại bằng lời rao giảng và bằng văn tự, dưới sự linh hứng của Chúa Thánh Thần, cho tất cả mọi thế hệ, cho đến ngày Đức Kitô trở lại trong vinh quang.*

⁵⁹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 12: AAS 57 (1965) 16.

⁶⁰ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 8: AAS 58 (1966) 821.

⁶¹ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 62: AAS 58 (1966) 1084; x. *Ibid.*, 44: AAS 58 (1966) 1065; Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 23: AAS 58 (1966) 828; *Ibid.*, 24: AAS 58 (1966) 828-829; Sắc lệnh *Unitatis redintegratio*, 4: AAS 57 (1965) 94.

⁶² CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 8: AAS 58 (1966) 821.

⁶³ Thánh Grêgôriô Cả, *Homilia in Ezechielem* 1, 7, 8: CCL 142, 87 (PL 76, 843).

⁶⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 8: AAS 58 (1966) 821.

⁶⁵ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 10: AAS 58 (1966) 822.

97. “Thánh Truyền và Thánh Kinh làm thành một kho tàng thánh thiêng duy nhất lưu trữ Lời Chúa”⁶⁶, trong đó, như trong một tấm gương, Hội Thánh lữ hành chiêm ngắm Thiên Chúa, là nguồn mạch mọi sự phong phú của mình.

98. “Hội Thánh qua giáo lý, đời sống và việc phụng tự của mình, bảo tồn và lưu truyền cho mọi thế hệ tất cả thực chất của mình và tất cả những gì mình tin”⁶⁷.

99. Nhờ cảm thức siêu nhiên về đức tin, toàn thể dân Thiên Chúa không ngừng đón nhận hồng ân là sự mạc khải của Thiên Chúa, tìm hiểu nó cách sâu sắc hơn, và sống nhờ hồng ân đó cách đầy đủ hơn.

100. Nhiệm vụ giải thích Lời Thiên Chúa một cách đúng nghĩa được ủy thác riêng cho Huấn quyền của Hội Thánh, tức là cho Đức Giáo Hoàng và cho các Giám mục hiệp thông với ngài.

MỤC 3

Thánh Kinh

Articulus 3

De Sacra Scriptura

I. ĐỨC KITÔ – LỜI DUY NHẤT CỦA THÁNH KINH

CHRISTUS – UNICUM SACRAE SCRIPTURAE VERBUM

101. Thiên Chúa, trong sự hạ cố do lòng nhân hậu của Ngài, để tự mạc khải cho loài người, đã dùng ngôn ngữ phàm nhân mà nói với họ: “Các lời của Thiên Chúa, được diễn tả bằng ngôn ngữ loài người, đã trở nên tương tự với lời nói loài người, cũng như khi xưa Lời của Chúa Cha vĩnh cửu đã mặc lấy xác thịt yếu đuối của loài người, đã trở nên giống như loài người”⁶⁸.

102. Qua tất cả các lời ở trong Thánh Kinh, Thiên Chúa chỉ nói một Lời, là (Ngôi) Lời duy nhất của Ngài. Trong Ngôi Lời, Thiên Chúa bày tỏ tất cả về chính mình Ngài⁶⁹.

65, 2763

⁶⁶ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 10: AAS 58 (1966) 822.

⁶⁷ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 8: AAS 58 (1966) 821.

⁶⁸ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 13: AAS 58 (1966) 824.

⁶⁹ X. Dt 1,1-3.

426-429

“Anh em hãy nhớ rằng một Lời duy nhất của Thiên Chúa được trải ra trong toàn bộ Thánh Kinh, một Lời duy nhất vang trên môi miệng của các Thánh. Lời này lúc khởi đầu là Thiên Chúa hướng về Thiên Chúa, lúc ấy Lời không có các âm vận, bởi vì Ngài không lệ thuộc thời gian”⁷⁰.

1100, 1184

103. Vì lý do đó, Hội Thánh đã luôn tôn kính Thánh Kinh như đã tôn kính chính Thân Thể [Minh Thánh] Chúa. Hội Thánh không ngừng lấy bánh ban sự sống từ bàn tiệc Lời Chúa cũng như bàn tiệc Thân Thể [Minh Thánh] Chúa Kitô mà trao ban cho các tín hữu⁷¹.

1378

104. Hội Thánh không ngừng tìm thấy lương thực và sức mạnh cho mình trong Thánh Kinh⁷², vì nơi đó, Hội Thánh không chỉ tiếp nhận một lời phạm nhân, nhưng thực sự là Lời của Thiên Chúa⁷³. “Quả thật, trong các sách thánh, Cha trên trời âu yếm đến gặp con cái và trò chuyện với họ”⁷⁴.

II. LINH HỨNG VÀ CHÂN LÝ THÁNH KINH

DE INSPIRATIONE ET VERITATE SACRAE SCRIPTURAE

105. *Thiên Chúa là tác giả của Thánh Kinh.* “Những gì Thiên Chúa mạc khải mà Thánh Kinh chứa đựng và trình bày, đều được viết ra dưới sự linh hứng của Chúa Thánh Thần”.

“Thật vậy, Hội Thánh, Mẹ thánh chúng ta, nhờ đức tin tông truyền, xác nhận rằng toàn bộ các sách Cựu Ước cũng như Tân Ước với tất cả các phần đoạn đều là sách thánh và được ghi vào bản thư quy Thánh Kinh: bởi lẽ được viết ra dưới sự linh hứng của Chúa Thánh Thần, các sách ấy có tác giả là chính Thiên Chúa và được truyền lại cho chính Hội Thánh với tư cách đó”⁷⁵.

106. Thiên Chúa đã linh hứng cho các tác giả phạm nhân viết ra các sách thánh. “Để viết ra các sách thánh, Thiên Chúa đã chọn những con người và dùng họ trong tài năng và sức lực của họ, để khi chính Ngài hành động trong họ và qua họ, họ viết ra như những tác giả đích thật tất cả những gì Chúa muốn, và chỉ những điều đó thôi”⁷⁶.

⁷⁰ Thánh Augustinô, *Enarratio in Psalmum* 103, 4, 1: CCL 40, 1521 (PL 37, 1378).

⁷¹ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 21: AAS 58 (1966) 827.

⁷² X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 24: AAS 58 (1966) 829.

⁷³ X. I Tx 2,13.

⁷⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 21: AAS 58 (1966) 827-828.

⁷⁵ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 11: AAS 58 (1966) 822-823.

⁷⁶ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 11: AAS 58 (1966) 823.

107. Các sách được linh hứng giảng dạy sự thật. “Vì phải xem mọi lời tác giả được linh hứng, tức các thánh sử, viết ra, là những điều Chúa Thánh Thần xác quyết, nên phải tuyên xưng rằng Thánh Kinh dạy ta cách chắc chắn, trung thành và không sai lầm, chân lý mà Thiên Chúa đã muốn Thánh Kinh ghi lại nhằm cứu độ chúng ta”⁷⁷.

108. Tuy nhiên, đức tin Kitô giáo không phải là một “tôn giáo của Sách vở”. Kitô giáo là tôn giáo của “Lời” Thiên Chúa: Lời đó “không phải là lời được viết ra và câm lặng, nhưng là Ngôi Lời nhập thể và sống động”⁷⁸. Cần thiết là phải có Đức Kitô, Ngôi Lời vĩnh cửu của Thiên Chúa hằng sống, nhờ Chúa Thánh Thần, mở trí cho chúng ta, thì chúng ta mới hiểu được Thánh Kinh⁷⁹, nếu không thì các sách đó chỉ là văn tự chết.

III. CHÚA THÁNH THẦN, ĐÁNG GIẢI THÍCH THÁNH KINH SPIRITUS SANCTUS SCRIPTURAE INTERPRES

109. Trong Thánh Kinh, Thiên Chúa nói với con người theo cách thức loài người. Vì vậy, để giải thích Thánh Kinh cho đúng, phải cẩn thận tìm hiểu điều các tác giả phàm nhân thật sự có ý khẳng định và điều Thiên Chúa muốn tỏ bày cho chúng ta qua lời lẽ của các ngài⁸⁰.

110. Để thấy được ý của các vị thánh sử, cần lưu ý đến các điều kiện về thời đại và văn hoá của các ngài, đến các “văn thể” được dùng trong thời đó, đến cách cảm nghĩ, nói năng và tường thuật, thường được dùng vào thời đại của thánh sử. “Vì chân lý được trình bày và diễn tả qua nhiều thể văn khác nhau, như thể văn lịch sử, ngôn sứ, thi phú hoặc những thể văn diễn tả khác”⁸¹.

111. Nhưng bởi vì Thánh Kinh được linh hứng, nên có một nguyên tắc khác để giải thích cho đúng. Nguyên tắc này không kém quan trọng so với nguyên tắc trên và nếu không có nguyên tắc này thì Thánh Kinh chỉ là văn tự chết: “Bởi vì Thánh Kinh đã được viết ra bởi Chúa Thánh Thần, thì cũng phải được đọc và giải thích nhờ chính Thánh Thần”⁸².

⁷⁷ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 11: AAS 58 (1966) 823.

⁷⁸ Thánh Bênêđô Clairvaux, *Homilia super “Missus est”*, 4, 11: *Opera*, ed. J. Leclercq-H. Rochais, v. 4 (Romae 1966) 57.

⁷⁹ X. Lc 24,45.

⁸⁰ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 12: AAS 58 (1966) 823.

⁸¹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 12: AAS 58 (1966) 823.

⁸² CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 12: AAS 58 (1966) 824.

Công đồng Vaticanô II đưa ra *ba tiêu chuẩn* để giải thích Thánh Kinh theo Chúa Thánh Thần, Đấng đã linh hứng Thánh Kinh⁸³:

128 **112.** 1) *Phải hết sức chú ý đến “nội dung và sự duy nhất của toàn bộ Thánh Kinh”*. Mặc dầu các sách hợp thành bộ Thánh Kinh có khác biệt nhau mấy đi nữa, Thánh Kinh vẫn là một, bởi kế hoạch của Thiên Chúa chỉ có một và Đức Kitô Giêsu là trung tâm và trái tim của kế hoạch ấy, một trái tim đã rộng mở sau cuộc Vượt Qua của Người⁸⁴.

“Hình ảnh ‘Trái tim Đức Kitô’⁸⁵ được hiểu về Thánh Kinh, vì Thánh Kinh bộc lộ trái tim của Người. Trước cuộc khổ nạn, trái tim này còn đóng kín, bởi vì Thánh Kinh còn tối nghĩa. Nhưng sau cuộc khổ nạn, Thánh Kinh đã được mở ra, bởi vì từ lúc đó những ai hiểu Thánh Kinh sẽ biết suy xét và phân định các sấm ngôn phải được giải thích như thế nào”⁸⁶.

81 **113.** 2) *Phải đọc Thánh Kinh trong “Thánh Truyền sống động của Hội Thánh”*. Theo châm ngôn của các Giáo phụ, Thánh Kinh được viết chủ yếu trên trái tim của Hội Thánh hơn là trên những vật liệu thể chất⁸⁷. Thật vậy, Hội Thánh lưu giữ ký ức sống động về Lời Thiên Chúa trong Thánh Truyền của mình, và Chúa Thánh Thần ban cho Hội Thánh khả năng giải thích Thánh Kinh theo cách thiêng liêng (“theo nghĩa thiêng liêng mà Chúa Thánh Thần ban cho Hội Thánh”⁸⁸).

90 **114.** 3) *Phải chú ý đến “tính tương hợp của đức tin”*⁸⁹. Thuật ngữ “tính tương hợp của đức tin” có nghĩa là sự liên hệ hài hoà giữa các chân lý đức tin với nhau và trong toàn bộ chương trình mạc khải.

Các nghĩa của Thánh Kinh

115. Theo một truyền thống cổ xưa, có thể phân biệt *hai nghĩa* của Thánh Kinh: *nghĩa văn tự* và *nghĩa thiêng liêng*. Nghĩa thiêng liêng lại được chia thành nghĩa *ẩn dụ*, nghĩa *luân lý* và nghĩa *dẫn đường*. Sự hòa hợp sâu xa của bốn nghĩa này đem lại cho việc đọc Thánh Kinh cách sống động trong Hội Thánh tất cả sự phong phú của nó.

⁸³ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 12: AAS 58 (1966) 824.

⁸⁴ X. Lc 24,25-27.44-46.

⁸⁵ X. Tv 22,15.

⁸⁶ Thánh Tôma Aquinô, *Expositio in Psalmos*, 21, 11: *Opera omnia*, v. 18 (Parisiis 1876) 350.

⁸⁷ X. Thánh Hilariô, *Liber ad Constantium Imperatorem* 9: CSEL 65, 204 (PL 10, 570); Thánh Giêrônimô, *Commentarius in epistulam ad Galatas* 1, 1, 11-12: PL 26, 347.

⁸⁸ Origiênê, *Homiliae in Leviticum*, 5, 5: SC 286, 228 (PG 12, 454).

⁸⁹ X. Rm 12,6.

116. Nghĩa văn tự: Đây là nghĩa được các lời của Thánh Kinh nói lên và được khoa chú giải nhận ra dựa trên những quy tắc giải thích đúng đắn. “Tất cả các nghĩa của Thánh Kinh đều đặt nền tảng trên nghĩa văn tự”⁹⁰. 110-114

117. Nghĩa thiêng liêng: Vì tính thống nhất của kế hoạch của Thiên Chúa, không những bản văn Thánh Kinh, mà cả những sự việc và biến cố được bản văn nói tới, đều có thể là những dấu chỉ. 1101

1) *Nghĩa ẩn dụ:* Chúng ta có thể hiểu biết các biến cố một cách sâu xa hơn khi nhận ra ý nghĩa của chúng trong Đức Kitô. Thí dụ cuộc vượt qua Biển Đỏ là dấu chỉ cuộc chiến thắng của Đức Kitô, và do đó cũng là dấu chỉ của bí tích Rửa Tội⁹¹.

2) *Nghĩa luân lý:* Các biến cố được Thánh Kinh thuật lại phải dẫn đưa chúng ta đến hành động chính trực. Các biến cố đó được viết ra “để răn dạy chúng ta” (1 Cr 10,11)⁹².

3) *Nghĩa dẫn đường:* Chúng ta cũng có thể nhìn các sự việc và các biến cố trong ý nghĩa vĩnh cửu của chúng, theo nghĩa chúng dẫn đường (tiếng Hy Lạp: *anagoge*, nghĩa là *dẫn đường*) cho chúng ta về Quê trời. Thí dụ Hội Thánh nơi trần thế là dấu chỉ Giêrusalem thiên quốc⁹³.

118. Có một câu thơ thời Trung Cổ tóm tắt bốn nghĩa ấy như sau:

“Nghĩa văn tự dạy về biến cố,
nghĩa ẩn dụ dạy điều phải tin,
nghĩa luân lý dạy điều phải làm,
nghĩa dẫn đường dạy điều phải vươn tới”⁹⁴.

119. “Các nhà chú giải có nhiệm vụ dựa theo những quy tắc đó mà cố gắng hiểu thấu và trình bày ý nghĩa Thánh Kinh cách sâu sắc hơn, ngõ hầu nhờ sự học hỏi có thể gọi là chuẩn bị đó, phán quyết của Hội Thánh được chín chắn. Quả vậy, mọi điều liên hệ đến việc giải thích Thánh Kinh cuối cùng đều phải lệ thuộc vào phán quyết của Hội Thánh, vì Hội Thánh đã nhận từ Thiên Chúa mệnh lệnh và nhiệm vụ gìn giữ và giải thích Lời Thiên Chúa”⁹⁵. 94

“Tôi sẽ không tin Tin Mừng, nếu không có quyền bính của Hội Thánh Công giáo thúc đẩy tôi”⁹⁶. 113

⁹⁰ Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, I, q.1, a.10, ad 1: Ed. Leon. 4, 25.

⁹¹ X. 1 Cr 10,2.

⁹² X. Dt 3-4,11.

⁹³ X. Kh 21,1-22,5.

⁹⁴ Augustinô de Dacia, *Rotulus pugillaris* I: ed. A. Walz: Angelicum 6 (1929) 256.

⁹⁵ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 12: AAS 58 (1966) 824.

⁹⁶ Thánh Augustinô, *Contra epistolam Manichaei quam vocant fundamenti*, 5, 6: CSEL 25, 197 (PL 42, 176).

IV. THƯ QUY CÁC SÁCH THÁNH

DE SCRIPTURARUM CANONE

1117 **120.** Truyền Thống các Tông Đồ giúp Hội Thánh phân định những văn bản nào phải được kể vào danh mục các Sách Thánh⁹⁷. Danh mục đầy đủ này được gọi là “Thư quy” Thánh Kinh. Thánh Kinh gồm 46 bản văn Cựu Ước (hoặc 45, nếu gom *Giêrêmia* và *Ai Ca* thành một) và 27 bản văn Tân Ước⁹⁸. Đó là:

Phần Cựu Ước gồm các sách: Sáng Thế, Xuất Hành, Lêvi, Dân Số, Đệ Nhị Luật, Giôsuê, Thủ Lãnh, Rút, 1 và 2 Samuen, 1 và 2 Các Vua, 1 và 2 Sử Biên Niên, Étra và Nokhemia, Tôbia, Giuditha, Étte, 1 và 2 Macabê, Gióp, Thánh Vịnh, Châm Ngôn, Giảng Viên, Diễm Ca, Khôn Ngoan, Huấn Ca, Isaia, Giêrêmia, Ai Ca, Barúc, Êdêkien, Đanien, Hôsê, Giôen, Amốt, Ôvadia, Giôna, Mikha, Nakhum, Khabacúc, Xôphônia, Khácgai, Dacaria, Malakhi.

Phần Tân Ước gồm các sách: các sách Tin Mừng theo thánh Mátthêu, theo thánh Máccô, theo thánh Luca, theo thánh Gioan, Công vụ Tông Đồ, Thư Rôma, Thư 1 và 2 Côrintô, Thư Galát, Thư Êphêxô, Thư Philipphê, Thư Côlôxê, Thư 1 và 2 Thêxalônica, Thư 1 và 2 Timôthê, Thư Titô, Thư Philêmôn, Thư Do thái, Thư thánh Giacôbê, Thư 1 và 2 của thánh Phêrô, Thư 1, 2 và 3 của thánh Gioan, Thư thánh Giuđa, Khải Huyền.

Cựu Ước

1093 **121.** Cựu Ước là một phần không thể thiếu được của Thánh Kinh. Tất cả các tác phẩm của Cựu Ước được Thiên Chúa linh hứng nên có một giá trị trường tồn⁹⁹, bởi vì Giao Ước cũ không hề bị thu hồi.

702 **122.** Thật vậy, “Nhiệm vụ Cựu Ước được bố trí với mục đích chính
763 yếu là để chuẩn bị cho ngày quang lâm của Chúa Kitô, Đấng Cứu
Độ muôn loài”. Các sách Cựu Ước, “tuy có nhiều bất toàn và tạm
bợ”, vẫn làm chứng về phương pháp giáo dục của tình yêu cứu độ
708 của Thiên Chúa: các sách ấy “diễn tả một cảm thức sâu sắc về
Thiên Chúa, tàng trữ những lời giáo huấn cao siêu về Ngài, một
khoa khôn ngoan hữu ích về đời sống con người, và những kho
2568 tàng kinh nguyện tuyệt diệu; sau cùng, trong đó ẩn chứa mẫu
nhiệm ơn cứu độ chúng ta”¹⁰⁰.

⁹⁷ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 8: AAS 58 (1966) 821.

⁹⁸ X. *Decretum Damasi*: DS 179-180; CD Florentinô, *Decretum pro iacobitis*: DS 1334-1336; CD Tridentinô, Sess. 4a, *Decretum de Libris Sacris et de traditionibus recipiendis*: DS 1501-1504.

⁹⁹ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 14: AAS 58 (1966) 825.

¹⁰⁰ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 15: AAS 58 (1966) 825.

123. Các Kitô hữu tôn kính Cựu Ước với tính cách Lời đích thực của Thiên Chúa. Hội Thánh luôn cực lực chống lại ý kiến đòi gạt bỏ Cựu Ước, viện cứ là Tân Ước đã làm cho Cựu Ước ra lỗi thời (chủ thuyết Marcion).

Tân Ước

124. “Trong các sách Tân Ước, Lời Thiên Chúa là quyền năng của Thiên Chúa để cứu rỗi mọi tín hữu, được trình bày và biểu dương sức mạnh cách trời vượt”¹⁰¹. Các sách ấy trao cho chúng ta chân lý tối hậu được Thiên Chúa mạc khải. Đối tượng trung tâm của Tân Ước là Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa nhập thể, các việc làm và giáo huấn của Người, cuộc khổ nạn và việc tôn vinh Người, cũng như những bước đầu của Hội Thánh Người dưới tác động của Chúa Thánh Thần¹⁰².

125. *Các sách Tin Mừng* là tâm điểm của tất cả các sách Thánh Kinh “vì là chứng tích chính yếu về đời sống và giáo huấn của Ngôi Lời nhập thể, Đấng Cứu Chuộc chúng ta”¹⁰³. 515

126. Trong việc hình thành các sách Tin Mừng, người ta có thể phân biệt ba giai đoạn:

1) *Cuộc đời và giáo huấn của Chúa Giêsu.* Hội Thánh quả quyết cách mạnh mẽ rằng bốn sách Tin Mừng “mà Hội Thánh không ngần ngại khẳng định lịch sử tính, trung thành lưu truyền những gì Chúa Giêsu, Con Thiên Chúa, khi sống giữa loài người, thật sự đã làm và đã dạy nhằm phân rỗi đời đời của họ, cho tới ngày Người được đưa lên trời”.

2) *Giáo huấn truyền khẩu.* “Thật vậy, sau khi Chúa lên trời, các Tông Đồ đã truyền lại cho những người nghe những điều Người đã nói và đã làm với sự thông hiểu đầy đủ hơn mà chính các ngài có nhờ học được từ các biến cố vinh hiển của Chúa Kitô và nhờ ánh sáng Thần chân lý dạy dỗ”. 76

3) *Các sách Tin Mừng.* “Vậy các thánh sử đã viết bốn sách Tin Mừng: các ngài chọn một số trong nhiều điều đã được truyền lại bằng miệng hay đã được chép ra rồi, tóm tắt hoặc giải thích một số điều tùy theo tình trạng của các Giáo hội, sau cùng các ngài vẫn giữ hình thức lời giảng, mà bao giờ cũng nhằm truyền đạt cho chúng ta những điều xác thực và chân thành về Chúa Giêsu”¹⁰⁴. 76

¹⁰¹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 17: AAS 58 (1966) 826.

¹⁰² X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 20: AAS 58 (1966) 827.

¹⁰³ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 18: AAS 58 (1966) 826.

¹⁰⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 19: AAS 58 (1966) 826-827.

1154 **127.** Bốn sách Tin Mừng giữ một địa vị độc nhất trong Hội Thánh, như có thể thấy được qua lòng tôn kính mà phụng vụ dành cho Tin Mừng và qua sức thu hút không gì sánh bằng của Tin Mừng đối với các Thánh trong mọi thời đại.

“Không có giáo lý nào cao trọng hơn, tốt hơn, quý hơn và sáng chói hơn bản văn Tin Mừng. Anh chị em hãy xem và hãy ghi nhớ những gì Chúa và Thầy của chúng ta là Đức Kitô đã giảng dạy bằng lời nói và thực hiện bằng gương sáng của Người”¹⁰⁵.

2705 “Trên hết mọi sự, chính Tin Mừng nuôi dưỡng tôi trong các kinh nguyện của tôi; nơi Tin Mừng tôi gặp được tất cả những gì cần thiết cho linh hồn hèn mọn của tôi. Trong đó tôi luôn khám phá ra những ánh sáng mới, những ý nghĩa còn ẩn giấu và huyền nhiệm”¹⁰⁶.

Tính thống nhất giữa Cựu và Tân Ước

1094 **128.** Ngay từ thời các Tông Đồ¹⁰⁷ rồi sau đó trong suốt Truyền Thống của mình, Hội Thánh luôn làm sáng tỏ tính thống nhất của kế hoạch của Thiên Chúa trong hai Giao Ước nhờ cách đọc *tiên trung* (*per typologiam*). Cách đọc này nhận ra trong các công trình của Thiên Chúa dưới thời Cựu Ước những “hình ảnh báo trước”
489 điều Thiên Chúa sẽ thực hiện lúc thời gian đến hồi viên mãn, nơi Người Con nhập thể của Ngài.

651 **129.** Do đó các Kitô hữu đọc Cựu Ước dưới ánh sáng của Đức Kitô, Đấng đã chết và sống lại. Cách đọc tiên trung này làm tỏ hiện nội dung vô tận của Cựu Ước. Tuy nhiên không được quên rằng Cựu Ước vẫn có giá trị riêng của nó trong mạc khải, mà chính Chúa
2055 chúng ta đã xác nhận¹⁰⁸. Đàng khác, Tân Ước cũng cần phải được đọc dưới ánh sáng Cựu Ước. Việc dạy giáo lý Kitô giáo thời sơ khai đã luôn trở về với Cựu Ước¹⁰⁹. Theo một châm ngôn cổ, Tân Ước được ẩn tàng trong Cựu Ước, còn Cựu Ước được tỏ bày trong Tân Ước: “cái Mới tiềm ẩn trong cái Cũ, còn cái Cũ xuất hiện trong cái Mới”¹¹⁰.

1968 **130.** Cách đọc tiên trung cho thấy tính năng động hướng tới việc hoàn thành kế hoạch của Thiên Chúa, lúc “Thiên Chúa có toàn

¹⁰⁵ Thánh Cêsaria Juniô, *Epistula ad Richildam et Radegundem*: SC 345, 480.

¹⁰⁶ Thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu, *Manuscrit A*, 83v: *Manuscrits autobiographiques* (Paris 1992) 268.

¹⁰⁷ X. 1 Cr 10,6-11; Dt 10,1; 1 Pr 3,21.

¹⁰⁸ X. Mc 12,29-31.

¹⁰⁹ X. 1 Cr 5,6-8; 10,1-11.

¹¹⁰ Thánh Augustinô, *Quaestiones in Heptateucum*, 2, 73; CCL 33, 106 (PL 34, 623); X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 16: AAS 58 (1966) 825.

quyền trên muôn loài” (1 Cr 15,28). Như vậy, thí dụ, việc kêu gọi các tổ phụ và cuộc Xuất Hành khỏi Ai cập vẫn không mất đi giá trị riêng của chúng trong kế hoạch của Thiên Chúa, mặc dầu đồng thời, chúng là những giai đoạn trung gian trong kế hoạch ấy.

V. THÁNH KINH TRONG ĐỜI SỐNG HỘI THÁNH

DE SACRA SCRIPTURA IN ECCLESIAE VITA

131. “Trong Lời Thiên Chúa, có năng lực lớn lao có thể nâng đỡ và ban sinh lực cho Hội Thánh, còn đối với con cái Hội Thánh thì thành sức mạnh cho đức tin, lương thực cho linh hồn, nguồn sống tinh tuyền và trường tồn cho đời sống thiêng liêng”¹¹¹. Vì vậy, “lối vào Thánh Kinh cần phải được rộng mở cho các Kitô hữu”¹¹².

132. “Việc nghiên cứu Thánh Kinh phải là như linh hồn của khoa Thần học. Nhờ chính lời Thánh Kinh này, thừa tác vụ Lời Chúa, gồm có việc giảng thuyết của các vị chủ chăn, việc dạy giáo lý và toàn thể giáo huấn Kitô giáo, trong đó bài diễn giảng trong phụng vụ phải chiếm ưu thế, được nuôi dưỡng lành mạnh và tăng cường sinh lực thánh thiện”¹¹³.

133. Hội Thánh “nhiệt liệt và đặc biệt khuyến khích mọi Kitô hữu ... học được ‘mối lợi tuyệt vời, là được biết Chúa Giêsu Kitô’ (Pl 3,8) nhờ năng đọc Sách Thánh. ‘Thật vậy, không biết Thánh Kinh là không biết Chúa Kitô’”¹¹⁴.

94

2653

1792

TÓM LƯỢC

134. Toàn bộ Thánh Kinh là một cuốn sách duy nhất, và cuốn sách duy nhất ấy chính là Chúa Kitô, “bởi vì toàn bộ Thánh Kinh nói về Chúa Kitô và toàn bộ Thánh Kinh được hoàn tất trong Chúa Kitô”¹¹⁵.

135. “Thánh Kinh chứa đựng Lời Thiên Chúa và vì được linh hứng nên thật sự là Lời Thiên Chúa”¹¹⁶.

136. Thiên Chúa là Tác giả của Thánh Kinh vì Ngài linh hứng các tác giả phàm nhân; chính Ngài hành động trong họ và nhờ họ.

¹¹¹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 21: AAS 58 (1966) 828.

¹¹² CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 22: AAS 58 (1966) 828.

¹¹³ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 24: AAS 58 (1966) 829.

¹¹⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 25: AAS 58 (1966) 829; X. Thánh Hiêrônimô, *Commentarii in Isaiam*, Lời Tựa: CCL 73, 1 (PL 24, 17).

¹¹⁵ Hugo de Sancto Victore, *De Arca Noe*, 2, 8: PL 176, 642; x. *Ibid.* 2, 9: PL 176, 642-643.

¹¹⁶ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum* 24: AAS 58 (1966) 829.

Như vậy, Ngài bảo đảm rằng các tác phẩm của họ giảng dạy chân lý cứu độ một cách không sai lầm¹¹⁷.

137. Việc giải thích các Sách Thánh đã được linh hứng trước hết phải đạt đến điều Thiên Chúa muốn mạc khải qua các thánh sử, để cứu độ chúng ta. Điều gì đến từ Chúa Thánh Thần, chỉ được hiểu cách đầy đủ nhờ tác động của Chúa Thánh Thần¹¹⁸.

138. Hội Thánh lãnh nhận và tôn kính 46 sách của Cựu Ước và 27 sách của Tân Ước, với tính cách là những sách được linh hứng.

139. Bốn sách Tin Mừng giữ một vị trí trung tâm, vì Chúa Kitô Giêsu là tâm điểm của các sách đó.

140. Tính thống nhất của hai Giao Ước bắt nguồn từ sự duy nhất của kế hoạch và mạc khải của Thiên Chúa. Cựu Ước chuẩn bị cho Tân Ước, còn Tân Ước làm hoàn thành Cựu Ước; cả hai soi sáng cho nhau, cả hai đều thật sự là Lời Thiên Chúa.

141. “Hội Thánh đã luôn tôn kính Thánh Kinh như đã tôn kính chính Thân Thể [Minh Thánh] Chúa”¹¹⁹; cả hai nuôi dưỡng và chi phối toàn bộ đời sống Kitô hữu. “Lời Chúa là ngọn đèn soi cho con bước, là ánh sáng chỉ đường con đi” (Tv 119,105)¹²⁰.

¹¹⁷ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum* 11: AAS 58 (1966) 822-823.

¹¹⁸ X. Origiênê, *Homiliae in Exodum*, 4, 5: SC 321, 128 (PG 12, 320).

¹¹⁹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum* 21: AAS 58 (1966) 827.

¹²⁰ X. Is 50,4.

CHƯƠNG BA

CON NGƯỜI ĐÁP LỜI THIÊN CHÚA

CAPUT TERTIUM

HOMO DEO RESPONDET

142. Qua mạc khải, “Thiên Chúa vô hình, do tình thương chan hoà của Ngài, đã ngỏ lời với loài người như với bạn hữu và liên lạc với họ để mời gọi họ và chấp nhận cho họ đi vào cuộc sống của chính Ngài”¹. Đức tin là sự đáp lại thích đáng đối với lời mời gọi ấy.

1102

143. Bằng đức tin, con người đem trí khôn và ý chí của mình quy phục Thiên Chúa cách trọn vẹn. Con người đặt trọn bản thân quy thuận Thiên Chúa, Đấng mạc khải². Thánh Kinh gọi việc đáp lại này của con người đối với Thiên Chúa, Đấng mạc khải, là “sự vâng phục của đức tin”³.

2087

Mục 1

Tôi tin

1814-1816

Articulus 1

Credo

I. SỰ VÂNG PHỤC CỦA ĐỨC TIN

DE FIDEI OBOEDIENTIA

144. Vâng phục (*ob-audire*: nghe, lắng nghe) bằng đức tin là tự nguyện quy thuận lời đã nghe, bởi vì chân lý của lời đó được Thiên Chúa là chính Chân Lý, bảo đảm. Thánh Kinh trưng dẫn tổ phụ Abraham như gương mẫu của sự vâng phục đó. Còn Đức Trinh Nữ Maria là người thể hiện sự vâng phục đó cách hoàn hảo.

¹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum* 2: AAS 58 (1966) 818.

² X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum* 5: AAS 58 (1966) 819.

³ X. Rm 1,5; 16,26.

Ông Abraham – “tổ phụ của tất cả những người tin”

59, 2570 **145.** Thư gửi tín hữu Do thái, trong bài tán dương đức tin của các bậc tổ tiên, đã đặc biệt nhấn mạnh đến đức tin của ông Abraham: “Nhờ đức tin, ông Abraham đã vâng nghe tiếng Chúa gọi mà ra đi đến một nơi ông sẽ được lãnh nhận làm gia nghiệp, và ông đã ra đi mà không biết mình đi đâu” (Dt 11,8)⁴. Nhờ đức tin, ông đã sống như kẻ mới nhập cư và người lữ hành trong Đất hứa⁵. Nhờ 489 đức tin, bà Sara đã thụ thai người con của lời hứa. Cuối cùng, nhờ đức tin, ông Abraham đã dâng hiến con một mình làm hy lễ⁶.

1819 **146.** Như vậy, ông Abraham đã thực hiện điều Thư gửi tín hữu Do thái định nghĩa về đức tin: “Đức tin là bảo đảm cho những điều hy vọng, là bằng chứng của những điều ta không thấy” (Dt 11,1). “Ông Abraham đã tin Thiên Chúa, và vì thế được kể là người công chính” (Rm 4,3)⁷. “Nhờ niềm tin, ông đã nên vững mạnh” (Rm 4,20), ông Abraham trở thành “tổ phụ của tất cả những người tin” (Rm 4,11.18)⁸.

839 **147.** Cựu Ước rất phong phú về các chứng từ của đức tin ấy. Thư gửi tín hữu Do thái tán tụng đức tin gương mẫu, “nhờ đức tin ấy, các tiền nhân đã được Thiên Chúa chứng giám” (Dt 11,2.39). Tuy nhiên, “Thiên Chúa đã trù liệu cho chúng ta một phần phúc tốt hơn”: đó là ơn được tin vào Con của Ngài, là “Chúa Giêsu, Đấng khai mở và kiện toàn lòng tin” (Dt 11,40; 12,2).

Đức Maria – “Phúc thay người đã tin”

494, 2617 **148.** Đức Trinh Nữ Maria thể hiện cách trọn hảo sự vâng phục của đức tin. Trong đức tin, Đức Maria đón nhận lời sứ thần Gabriel loan báo và đoan hứa, vì ngài tin rằng “đối với Thiên Chúa, không có gì là không thể làm được” (Lc 1,37)⁹, và ngài bày tỏ lòng quy phục: “Vâng, tôi đây là nữ tỳ của Chúa, xin Chúa cứ làm cho tôi như lời sứ thần nói” (Lc 1,38). Bà Êlisabét chào Đức Maria bằng những lời này: “Em thật có phúc, vì đã tin rằng Chúa sẽ thực hiện những gì Ngài đã nói với em” (Lc 1,45). Chính vì đức tin này mà Đức Maria sẽ được mọi đời khen là diễm phúc¹⁰.

⁴ X. St 12,1-4.

⁵ X. St 23,4.

⁶ X. Dt 11,17.

⁷ X. St 15,6.

⁸ X. St 15,5.

⁹ X. St 18,14.

¹⁰ X. Lc 1,48.

149. Trong suốt cuộc đời của Đức Maria, và cho đến cuộc thử thách tốt bậc¹¹, khi Chúa Giêsu Con ngài chết trên thập giá, đức tin của ngài đã không hề lay chuyển. Đức Maria không ngừng tin rằng lời Chúa sẽ “được thực hiện”. Vì vậy Hội Thánh tôn kính Đức Maria là người đã thể hiện đức tin một cách tinh tuyền nhất.

969

507, 829

II. “TÔI BIẾT TÔI ĐÃ TIN VÀO AI” (2 Tm 1,12)

“SCIO ENIM CUI CREDIDI”

Tin vào một mình Thiên Chúa

150. Tin trước hết là *gắn bó bản thân con người với Thiên Chúa*, đồng thời và không thể tách biệt, là *tự nguyện chấp nhận tất cả chân lý được Thiên Chúa mạc khải*. Bởi vừa là gắn bó bản thân với Thiên Chúa, vừa là chấp nhận chân lý do Thiên Chúa mạc khải, nên đức tin Kitô giáo khác với việc tin một người phàm. Thật là tốt đẹp và phải đạo khi hoàn toàn tin tưởng ở Thiên Chúa và tuyệt đối tin điều Ngài đã nói. Thật vô ích và lầm lạc khi đặt một niềm tin như vậy vào một thụ tạo¹².

222

Tin vào Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa

151. Đối với Kitô hữu, tin vào Thiên Chúa không thể tách rời khỏi việc tin vào Đấng Ngài đã sai đến, tức là Con chí ái của Ngài, đẹp lòng Ngài mọi đàng¹³. Thiên Chúa đã dạy chúng ta phải nghe lời Con của Ngài¹⁴. Chính Chúa Giêsu đã nói với các môn đệ Người: “Hãy tin vào Thiên Chúa và tin vào Thầy” (Ga 14,1). Chúng ta có thể tin vào Chúa Giêsu Kitô, vì chính Người là Thiên Chúa, là Ngôi Lời nhập thể: “Thiên Chúa, chưa bao giờ có ai thấy cả; nhưng Con Một vốn là Thiên Chúa và là Đấng hằng ở nơi cung lòng Chúa Cha, chính Người đã tỏ cho chúng ta biết” (Ga 1,18). Bởi vì Người “đã thấy Chúa Cha” (Ga 6,46), nên chỉ một mình Người biết Chúa Cha và có thẩm quyền mạc khải Chúa Cha cho chúng ta¹⁵.

424

Tin vào Chúa Thánh Thần

152. Không thể tin vào Chúa Giêsu Kitô mà không thông phần vào Thần Khí của Người. Chính Chúa Thánh Thần mạc khải cho loài người biết Chúa Giêsu là ai. “Không ai có thể nói rằng: ‘Đức Giêsu là Chúa’, nếu người ấy không ở trong Thần Khí” (1 Cr 12,3). “Thật

243, 683

¹¹ X. Lc 2,35.

¹² X. Gr 17,5-6; Tv 40,5; 146,3-4.

¹³ X. Mc 1,11.

¹⁴ X. Mc 9,7.

¹⁵ X. Mt 11,27.

vậy, Thần Khí thấu suốt mọi sự, ngay cả những gì sâu thẳm nơi Thiên Chúa.... Không ai biết được những gì nơi Thiên Chúa, nếu không phải là Thần Khí của Thiên Chúa” (1 Cr 2,10-11). Chỉ mình Thiên Chúa mới biết một cách trọn vẹn về Thiên Chúa. Chúng ta tin vào Chúa Thánh Thần, vì Ngài là Thiên Chúa.

232 *Hội Thánh không ngừng tuyên xưng đức tin vào một Thiên Chúa duy nhất, là Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần.*

III. NHỮNG ĐẶC TÍNH CỦA ĐỨC TIN

DE PROPRIETATIBUS FIDEI

Đức tin là một ân sủng

153. Khi thánh Phêrô tuyên xưng Chúa Giêsu là Đức Kitô, Con
552 Thiên Chúa hằng sống, Chúa Giêsu nói với ông rằng không phải huyết nhục mạc khải cho ông điều ấy, nhưng là Cha của Người, “Đấng ngự trên trời” (Mt 16,17)¹⁶. Đức tin là một hồng ân của
1814 Thiên Chúa, là một nhân đức siêu nhiên do Thiên Chúa tuôn ban.
1996 “Để có được đức tin này, cần có ân sủng Thiên Chúa đến trước giúp
2606 đỡ và sự trợ giúp bên trong của Chúa Thánh Thần: Ngài đánh động và quy hướng con tim về cùng Thiên Chúa, Ngài mở mắt lý trí và cho ‘mọi người cảm thấy dịu ngọt khi ưng thuận và tin vào chân lý’¹⁷.

Đức tin là một hành vi nhân linh

154. Chỉ có thể tin nhờ ân sủng và những trợ giúp nội tâm của
1749 Chúa Thánh Thần. Tuy nhiên, tin vẫn thật sự là một hành vi nhân linh. Tin vào Thiên Chúa và gắn bó với những chân lý do Ngài mạc khải không đi ngược với tự do và trí khôn con người. Ngay trong các giao tiếp giữa người với người, không có gì đi ngược với phẩm giá của chúng ta khi chúng ta tin những gì người khác nói về bản thân họ hoặc ý định của họ, và khi tin vào những lời hứa của họ (chẳng hạn những cam kết hôn nhân), và như vậy con người có thể hiệp thông với nhau. Do đó, càng không có gì đi ngược
2126 với phẩm giá của chúng ta, khi chúng ta “bằng đức tin, dâng lên Thiên Chúa, Đấng mạc khải, sự quy phục trọn vẹn của lý trí và ý chí”¹⁸, và như vậy, chúng ta được hiệp thông thân mật với Ngài.

2008 **155.** Trong đức tin, lý trí và ý chí con người cộng tác với ân sủng của Thiên Chúa: “Tin là một hành vi của lý trí chấp nhận chân lý

¹⁶ X. Gl 1,15-16; Mt 11,25.

¹⁷ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum* 5: AAS 58 (1966) 819.

¹⁸ CĐ Vaticanô I, Hiến chế tín lý *Dei Filius*, c. 3: DS 3008.

của Thiên Chúa theo lệnh của ý chí được Thiên Chúa tác động nhờ ân sủng”¹⁹.

Đức tin và lý trí

156. Động lực khiến chúng ta tin không phải là vì các chân lý được mạc khải tỏ hiện là xác thật và có thể hiểu được đối với ánh sáng của lý trí tự nhiên của chúng ta. Chúng ta tin “vì uy quyền của chính Thiên Chúa, Đấng mạc khải, Đấng không thể sai lầm cũng như không thể lừa dối chúng ta”²⁰. “Tuy nhiên, để đức tin của chúng ta ‘quy phục phù hợp với lý trí’, Thiên Chúa đã muốn có những bằng chứng bên ngoài về mạc khải của Ngài kèm theo sự trợ giúp bên trong của Chúa Thánh Thần”²¹. Chẳng hạn, các phép lạ của Đức Kitô và của các Thánh²², các lời tiên tri, sự phát triển và thánh thiện cũng như sự phong phú và vững bền của Hội Thánh, đó “là những dấu chỉ chắc chắn nhất của mạc khải của Thiên Chúa, những dấu chỉ đó phù hợp với lý trí của mọi người”²³, đó là những động lực khiến chúng ta tin, những động lực đó cho thấy “sự ứng thuận của đức tin hoàn toàn không phải là một hành vi mù quáng của tâm trí”²⁴.

157. Đức tin thì *chắc chắn*, chắc chắn hơn mọi hiểu biết phàm nhân, bởi vì đức tin dựa trên chính Lời của Thiên Chúa, Đấng không thể nói dối. Các chân lý được mạc khải có thể bị coi là tối tăm đối với cả lý trí lẫn kinh nghiệm phàm nhân, nhưng “sự chắc chắn nhờ ánh sáng của Thiên Chúa thì lớn hơn sự chắc chắn nhờ ánh sáng của lý trí tự nhiên”²⁵. “Mười ngàn nỗi khó khăn không làm thành một sự hồ nghi”²⁶.

158. “Đức tin *tìm hiểu biết*”²⁷: gắn liền với đức tin là việc người tin muốn biết rõ hơn về Đấng mình đã tin và hiểu rõ hơn về điều Ngài đã mạc khải; về phần mình, một hiểu biết sâu xa hơn sẽ dẫn đến một đức tin lớn lao hơn, luôn thấm đượm tình yêu hơn. Ở đức tin mở “con mắt của trái tim” (Ep 1,18) để có một hiểu biết sống động về các nội dung của mạc khải, nghĩa là về toàn bộ kế hoạch của

¹⁹ Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, II-II, q. 2, a. 9, c: Ed. Leon. 8, 37; x. CD Vaticanô I, Hiến chế tín lý *Dei Filius*, c. 3: DS 3010.

²⁰ CD Vaticanô I, Hiến chế tín lý *Dei Filius*, c. 3: DS 3008.

²¹ CD Vaticanô I, Hiến chế tín lý *Dei Filius*, c. 3: DS 3009.

²² X. Mc 16,20; Dt 2,4.

²³ CD Vaticanô I, Hiến chế tín lý *Dei Filius*, c. 3: DS 3009.

²⁴ CD Vaticanô I, Hiến chế tín lý *Dei Filius*, c. 3: DS 3010.

²⁵ Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, II-II, q. 171, a.5, 3um: Ed. Leon. 10, 373.

²⁶ John Henry Newman, *Apologia pro vitasua*, c. 5, Ed. M.J. Svaglic (Oxford 1967) 210.

²⁷ Thánh Anselmô, *Proslogion*, Prooemium: *Opera omnia*, ed. F.S. Schmitt, v. 1 (Edinburghi 1946) 94.

90 Thiên Chúa và các mầu nhiệm đức tin, tương quan giữa các mầu
 nhiệm với nhau và với Đức Kitô, tâm điểm của các mầu nhiệm được
 2518 mạc khải. “Và để người ta hiểu biết mạc khải sâu xa thêm mãi...,
 Chúa Thánh Thần không ngừng ban các hồng ân mà kiện toàn đức
 tin”²⁸. Đúng như câu châm ngôn của thánh Augustinô: “Bạn hãy hiểu
 để tin; bạn hãy tin để hiểu”²⁹.

159. *Đức tin và khoa học.* “Mặc dù đức tin vượt trên lý trí, nhưng
 283 không bao giờ có thể có mâu thuẫn thật sự giữa đức tin và lý trí: vì
 cùng một Thiên Chúa, Đấng mạc khải các mầu nhiệm và tuôn đổ
 đức tin, cũng là Đấng ban ánh sáng lý trí cho tâm hồn con người,
 mà Thiên Chúa không thể tự phủ nhận chính mình Ngài, cũng như
 điều chân thật không bao giờ nghịch lại điều chân thật”³⁰. “Bởi
 vậy, việc nghiên cứu có phương pháp trong mọi ngành, nếu được
 2293 tiến hành một cách thật sự khoa học và theo đúng các chuẩn mực
 luân lý, sẽ không bao giờ thật sự đối nghịch với đức tin, bởi vì các
 thực tại trần thế và các thực tại đức tin đều có nguồn gốc là bởi
 cùng một Thiên Chúa. Hơn nữa, ai khiêm tốn và kiên nhẫn cố
 gắng nghiên cứu những bí ẩn của các sự vật, thì mặc dù họ không
 ý thức, họ vẫn như được dẫn đưa bởi bàn tay của Thiên Chúa,
 Đấng đang nâng đỡ vạn vật, Ngài làm cho hiện hữu những gì đang
 hiện hữu”³¹.

Đức tin là một hành vi tự do

160. Để việc đáp lại của đức tin là một hành vi nhân linh, “con
 738, 2106 người phải đáp lại Thiên Chúa bằng việc tin một cách tự nguyện.
 Do đó, không được cưỡng ép ai phải chấp nhận đức tin trái với ý
 muốn của họ. Thật vậy, tự bản chất của nó, đức tin là một hành vi
 tự nguyện”³². “Thiên Chúa mời gọi con người phục vụ Ngài trong
 tinh thần và chân lý; con người phải theo lương tâm đáp lại lời
 mời gọi ấy, nhưng không bị ép buộc... Điều này ta thấy rõ ràng
 nhất nơi Đức Kitô”³³. Thật vậy, Đức Kitô mời gọi người ta tin và
 hối cải, nhưng Người không hề cưỡng ép ai. “Người đã làm chứng
 cho chân lý, nhưng không muốn dùng sức mạnh để áp đặt chân lý
 đối với những kẻ chống đối. Nước Người ... tăng triển bằng tình

²⁸ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum* 5: AAS 58 (1966) 819.

²⁹ Thánh Augustinô, *Sermo*, 43, 7, 9: CCL 41, 512 (PL 38, 258).

³⁰ CD Vaticanô I, Hiến chế tín lý *Dei Filius*, c. 4: DS 3017.

³¹ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 36: AAS 58 (1966) 1054.

³² CD Vaticanô II, Tuyên ngôn *Dignitatis humanae*, 10: AAS 58 (1966) 936; X. *Bộ Giáo Luật*, điều 748, 2.

³³ CD Vaticanô II, Tuyên ngôn *Dignitatis humanae*, 11: AAS 58 (1966) 936.

yêu, tình yêu đó là Đức Kitô đã chịu giương cao trên thập giá để lôi kéo người ta đến với mình”³⁴.

616

Sự cần thiết của đức tin

161. Tin vào Chúa Giêsu Kitô và Đấng đã sai Người đến cứu độ chúng ta, là điều cần thiết để đạt được ơn cứu độ đó.³⁵ “Mà ‘không có đức tin, thì không thể đẹp lòng Thiên Chúa’ (Dt 11,6) và cũng không thể đạt tới chức vị làm con cái Thiên Chúa, nên không ai được công chính hóa nếu không có đức tin, và không ai đạt tới cuộc sống muôn đời nếu không ‘bền chí đến cùng’ (Mt 10,22; 24,13) trong đức tin”³⁶.

432
1257

846

Sự kiên trì trong đức tin

162. Đức tin là một hồng ân nhưng không, Thiên Chúa ban tặng cho con người. Chúng ta có thể đánh mất hồng ân vô giá đó. Thánh Phaolô cảnh giác ông Timôthê về nguy cơ này: “Đây là chỉ thị tôi trao cho anh ... để anh dựa vào đó mà chiến đấu trong cuộc chiến cao đẹp này, với đức tin và lương tâm ngay thẳng. Một số người đã vứt bỏ lương tâm ngay thẳng đó, nên đức tin của họ đã bị chết chìm” (1 Tm 1,18-19). Để sống, lớn lên và kiên trì đến cùng trong đức tin, chúng ta phải nuôi dưỡng đức tin bằng Lời Thiên Chúa; chúng ta phải cầu xin Chúa gia tăng đức tin cho chúng ta³⁷; đức tin ấy phải hành động “nhờ đức mến” (Gl 5, 6)³⁸, phải được nâng đỡ bằng đức cậy³⁹ và phải đậm rễ trong đức tin của Hội Thánh.

2089

1037, 2016
2573, 2849

Đức tin – khởi đầu của sự sống muôn đời

163. Đức tin làm cho chúng ta như được nếm trước niềm hoan lạc và ánh sáng của ơn hưởng kiến hồng phúc (*visio beatifica*), ơn đó là mục đích của cuộc lữ hành trần gian này của chúng ta. Lúc đó chúng ta sẽ nhìn thấy Thiên Chúa “mặt giáp mặt” (1 Cr 13,12), và “Ngài thế nào chúng ta sẽ thấy Ngài như vậy” (1 Ga 3,2). Vì vậy đức tin đã là khởi đầu của sự sống muôn đời:

1088

“Khi chúng ta chiêm ngưỡng, như nhìn trong gương, ân sủng là những điều thiện hảo còn xa với được hứa ban cho chúng ta, mà

³⁴ CD Vaticanô II, Tuyên ngôn *Dignitatis humanae*, 11: AAS 58 (1966) 937.

³⁵ X. Mc 16,16; Ga 3,36; 6,40.

³⁶ CD Vaticanô I, Hiến chế tín lý *Dei Filius*, c. 3: DS 3012; x. CD Tridentinô, Sess. 6a, *Decretum de iustificatione*, c. 8: DS 1532.

³⁷ X. Mc 9,24; Lc 17,5; 22,32.

³⁸ X. Gc 2,14-26.

³⁹ X. Rm 15,13.

nhờ đức tin chúng ta mong chờ được hưởng, thì y như những điều đó đã có đây rồi”⁴⁰.

164. Tuy nhiên, hiện giờ chúng ta “tiến bước nhờ lòng tin chứ không phải nhờ được thấy Chúa” (2 Cr 5,7), và chúng ta nhận biết Thiên Chúa “lờ mờ như trong một tấm gương, có ngần, có hạn” (1 Cr 13,12). Mặc dù đức tin sáng tỏ nhờ Đấng chúng ta tin, nhưng đời sống đức tin lại thường tối tăm. Đức tin có thể bị thử thách.

2846 Trần gian mà chúng ta đang sống thường được coi như xa vời với những gì đức tin tuyên xưng; những kinh nghiệm về sự dữ và đau khổ, về những bất công và cái chết, dường như mâu thuẫn với Tin Mừng; những điều đó có thể làm cho đức tin bị nao núng và trở thành một cảm dỗ đối với đức tin.

309, 1502
1006

165. Chính lúc đó chúng ta phải hướng về các *nhân chứng đức tin*: về ông Abraham, là người “mặc dầu không còn gì để trông cậy, ông vẫn trông cậy và vững tin” (Rm 4,18); về Đức Trinh Nữ Maria, là người, “trong cuộc lễ hành đức tin”⁴¹, đã tiến đến tận “đêm tối của đức tin”⁴² khi tham dự vào đêm tối là cuộc khổ hình thập giá của Con ngài, và đêm tối là phần mộ của Người⁴³; và chúng ta phải hướng về biết bao nhiêu nhân chứng đức tin khác nữa: “Được ngần ấy nhân chứng đức tin như đám mây bao quanh, chúng ta hãy cởi bỏ mọi gánh nặng và tội lỗi đang trói buộc mình, và hãy kiên trì chạy trong cuộc đua dành cho ta, mắt hướng về Chúa Giêsu là Đấng khai mở và kiện toàn lòng tin” (Dt 12,1-2).

2719

Mục 2

Chúng tôi tin

Articulus 2

Credimus

166. Đức tin là một hành vi cá nhân: là lời đáp lại cách tự nguyện của con người trước lời mời gọi của Thiên Chúa, Đấng tự mạc khải. Nhưng đức tin không phải là một hành vi đơn độc. Không ai có thể tin một mình, cũng như không ai có thể sống một mình. Không ai

875

⁴⁰ Thánh Basiliô Cả, *Liber de Spiritu Sancto*, 15, 36: SC 17bis, 370 (PG 32,132); x. Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, II-II, q. 4, a. 1, c: Ed. Leon. 8, 44.

⁴¹ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 58: AAS 57 (1965) 61.

⁴² X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Redemptoris Mater*, 17: AAS 79 (1987) 381.

⁴³ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Redemptoris Mater*, 18: AAS 79 (1987) 382-383.

tự ban đức tin cho mình, cũng như không ai tự ban sự sống cho mình. Người tin nhận được đức tin từ những kẻ khác và phải thông truyền đức tin đó cho những kẻ khác. Tình yêu của chúng ta đối với Chúa Giêsu và đối với tha nhân, thúc giục chúng ta nói về đức tin của chúng ta cho những người khác. Mỗi người tin là như một mắt xích trong một chuỗi rộng lớn các kẻ tin. Tôi không thể tin nếu không được nâng đỡ bằng đức tin của những người khác, và bằng đức tin của tôi, tôi góp phần vào việc nâng đỡ đức tin của những người khác.

167. “Tôi tin”⁴⁴: đây là đức tin của Hội Thánh, được mỗi tín hữu đích thân tuyên xưng, đặc biệt lúc chịu phép Rửa Tội. “Chúng tôi tin”⁴⁵: đây là đức tin của Hội Thánh, được các Giám mục họp Công đồng tuyên xưng, hoặc thông thường hơn, được cộng đoàn tín hữu cử hành phụng vụ tuyên xưng. “Tôi tin”: đây cũng là Hội Thánh, Mẹ chúng ta, đang lấy đức tin của mình mà đáp lời Thiên Chúa, và dạy chúng ta nói : “Tôi tin”, “Chúng tôi tin”. 1124 2040

I. “LẠY CHÚA, XIN NHÌN ĐẾN ĐỨC TIN CỦA HỘI THÁNH CHÚA” “RESPICE, DOMINE, FIDEM ECCLESIAE TUAE”

168. Trước hết Hội Thánh tin, và như vậy hướng dẫn, nuôi dưỡng và nâng đỡ đức tin của tôi. Trước hết Hội Thánh tuyên xưng Chúa ở khắp nơi (như chúng ta hát trong kinh *Te Deum*: “Và trải rộng khắp nơi trên thế, Hội Thánh Ngài hoan hỷ tuyên xưng”), rồi cùng với Hội Thánh và trong Hội Thánh, chúng ta được thúc đẩy và hướng dẫn để chúng ta cũng tuyên xưng: “Tôi tin”, “Chúng tôi tin”. Chính từ Hội Thánh mà chúng ta lãnh nhận đức tin và đời sống mới trong Đức Kitô nhờ bí tích Rửa Tội. Trong sách *Nghi thức Rôma*, thừa tác viên cử hành bí tích Rửa Tội hỏi người dự tòng: “Con xin gì cùng Hội Thánh Chúa? – Thưa: “Con xin đức tin” – “Đức tin sinh ơn ích gì cho con ?” – “Thưa đức tin đem lại cho con sự sống đời đời”⁴⁶. 1253

169. Ổn cứu độ đến từ một mình Thiên Chúa, nhưng bởi vì chúng ta lãnh nhận đời sống đức tin nhờ Hội Thánh, nên Hội Thánh là mẹ chúng ta: “Chúng tôi tin Hội Thánh như người mẹ cho chúng tôi được tái sinh, chứ chúng tôi không tin vào Hội Thánh như là 750

⁴⁴ Tín biểu các Tông Đồ: DS 30.

⁴⁵ Tín biểu Nicêa-Constantinôpôli: DS 150.

⁴⁶ Nghi thức gia nhập Kitô giáo cho người lớn, 75, ed. typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1972) 24; *Ibid.*, 247, 91.

2030 tác giả của ơn cứu độ⁴⁷. Bởi vì là mẹ chúng ta, nên Hội Thánh cũng là người giáo dục đức tin của chúng ta.

II. NGÔN NGỮ ĐỨC TIN

SERMO FIDEI

186 **170.** Chúng ta không tin vào những công thức, nhưng tin vào những thực tại mà các công thức đó diễn tả, những thực tại mà đức tin cho phép chúng ta “đụng chạm tới”. “Hành vi [đức tin] của tín hữu không dừng lại ở lời phát biểu, mà ở thực tại [được phát biểu]⁴⁸. Tuy nhiên, chúng ta tiếp cận những thực tại đó nhờ sự trợ giúp của những công thức diễn tả đức tin. Những công thức này cho phép diễn tả và lưu truyền đức tin, cử hành đức tin trong cộng đoàn, làm cho tín hữu thấm nhuần và sống đức tin mỗi ngày một hơn.

78, 84, 857 **171.** Hội Thánh, là “cột trụ và điểm tựa của chân lý” (1 Tm 3,15), trung thành bảo toàn đức tin đã được truyền lại cho dân thánh một lần cho mãi mãi⁴⁹. Chính Hội Thánh ghi nhớ những Lời của Đức Kitô và lưu truyền từ đời nọ đến đời kia lời tuyên xưng đức tin của các Tông Đồ. Cũng như một người mẹ dạy con mình nói, và qua đó dạy con hiểu biết và giao tiếp với những người khác, Hội 185 Thánh, Mẹ chúng ta, cũng dạy chúng ta ngôn ngữ đức tin để dẫn dắt chúng ta hiểu biết đức tin và sống đức tin.

III. MỘT ĐỨC TIN DUY NHẤT

UNA FIDES

813 **172.** Từ nhiều thế kỷ, qua biết bao ngôn ngữ, văn hóa, dân tộc và quốc gia, Hội Thánh không ngừng tuyên xưng đức tin duy nhất của mình, đức tin đó Hội Thánh đã lãnh nhận từ một Chúa duy nhất, đức tin đó được lưu truyền nhờ một Phép Rửa duy nhất, đức tin đó bén rễ trong niềm xác tín rằng tất cả mọi người chỉ có một Thiên Chúa duy nhất và là Cha duy nhất⁵⁰. Thánh Irênê Lyon, chứng nhân của đức tin ấy, đã tuyên bố:

830 **173.** “Hội Thánh được gieo trồng trên khắp thế giới cho đến tận cùng cõi đất, đã lãnh nhận đức tin từ các Tông Đồ và các môn đệ của các ngài... Hội Thánh chuyên cần bảo tồn lời rao giảng đó và đức tin đó như đang sống trong cùng một ngôi nhà, và tin những điều đó một cách giống nhau, như chỉ có một linh hồn và một trái

⁴⁷ Faustus Reiensis, *De Spiritu Sancto*, 1, 2: CSEL 21, 104 (1, 1: PL 62, 11).

⁴⁸ Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, II-II, q. 1, a. 2, ad 2: Ed. Leon. 8, 11.

⁴⁹ X. Gđ 1,3.

⁵⁰ X. Ep 4,4-6.

tim, và đồng thanh rao giảng, dạy dỗ và lưu truyền đức tin ấy, như chỉ có một miệng lưỡi”⁵¹.

174. “Mặc dầu trên trần gian có những ngôn ngữ khác nhau, nhưng nội dung của Thánh Truyền là một và y nguyên. Các Giáo Hội được thiết lập tại Đức không tin một cách nào khác hoặc lưu truyền một cách nào khác, và các Giáo Hội ở vùng Ibêria, các Giáo Hội ở vùng Celtô, các Giáo Hội ở Đông phương, ở Ai Cập, ở Libya hay tại trung tâm thế giới cũng vậy...”⁵². “Quả vậy, lời rao giảng của Hội Thánh có tính chất chân thật và vững bền, nơi Hội Thánh, một con đường cứu độ duy nhất được tỏ bày cho khắp trần gian”⁵³.

175. “Chúng ta gìn giữ đức tin mà chúng ta đã lãnh nhận từ Hội Thánh, và đức tin đó, luôn nhờ Thần Khí của Thiên Chúa, là như một kho tàng quý giá luôn tươi trẻ được chứa đựng trong cái bình tốt, và đức tin đó làm tươi trẻ chính cái bình chứa đựng nó”⁵⁴.

TÓM LƯỢC

176. *Đức tin là sự gắn bó cá nhân của toàn thể con người mình với Thiên Chúa, Đấng tự mạc khải. Đức tin bao hàm sự gắn bó của lý trí và ý chí với mạc khải mà Thiên Chúa đã bày tỏ về chính Ngài qua các việc làm và lời nói.*

177. *Vì vậy “tin” có hai tương quan: với chủ vị và với chân lý; với chân lý vì tin vào chủ vị là Đấng làm chứng cho chân lý đó.*

178. *Chúng ta không được tin vào ai khác ngoài Thiên Chúa, là Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần.*

179. *Đức tin là một hồng ân siêu nhiên của Thiên Chúa. Để tin, con người cần đến những trợ lực bên trong của Chúa Thánh Thần.*

180. *“Tin” là một hành vi nhân linh, có ý thức và tự do, xứng hợp với phẩm giá con người.*

181. *“Tin” là một hành vi có chiều kích Hội Thánh. Đức tin của Hội Thánh có trước, sinh ra, nâng đỡ và dưỡng nuôi đức tin của chúng ta. Hội Thánh là Mẹ của mọi tín hữu. “Không ai có thể có Thiên Chúa là Cha, mà lại không có Hội Thánh là Mẹ”⁵⁵.*

⁵¹ Thánh Irênê, *Adversus haereses*, 1, 10, 1-2: SC 264, 154-158 (PG 7, 550-551).

⁵² Thánh Irênê, *Adversus haereses*, 1, 10, 2: SC 264, 158-160 (PG 7, 531-534).

⁵³ Thánh Irênê, *Adversus haereses*, 5, 20, 1: SC 153, 254-256 (PG 7, 1177).

⁵⁴ Thánh Irênê, *Adversus haereses*, 3, 24, 1: SC 211, 472 (PG 7, 966).

⁵⁵ Thánh Cyprianô, *De Ecclesiae catholicae unitate*, 6: CCL 3, 253 (PL 4, 519).

182. “Chúng ta tin tất cả những gì chứa đựng trong Lời Thiên Chúa, được viết thành văn hoặc được lưu truyền, và được Hội Thánh dạy phải tin như là những điều được Thiên Chúa mạc khải”⁵⁶.

183. Đức tin là cần thiết để được cứu độ. Chính Chúa đã khẳng định: “Ai tin và chịu phép rửa sẽ được cứu độ; còn ai không tin, thì sẽ bị kết án” (Mc 16,16).

184. “Đức tin là một cách nếm trước sự hiểu biết sẽ làm cho chúng ta hạnh phúc trong tương lai”⁵⁷.

TÍN BIỂU

Tín biểu của các Tông Đồ⁵⁸

Tôi tin kính Đức Chúa Trời
là Cha phép tắc vô cùng
dựng nên trời đất.

Tôi tin kính Đức Giêsu Kitô
là Con Một Đức Chúa Cha
cùng là Chúa chúng tôi.

Tín biểu Nicêa-Constantinôpôli⁵⁹

Tôi tin kính một Thiên Chúa
là Cha toàn năng
Đấng tạo thành trời đất
muôn vật hữu hình và vô hình.

Tôi tin kính một Chúa Giêsu
Kitô
Con Một Thiên Chúa,
sinh bởi Đức Chúa Cha từ trước
muôn đời;
Người là Thiên Chúa bởi Thiên
Chúa;
Ánh sáng bởi Ánh sáng;
Thiên Chúa thật bởi Thiên Chúa
thật;
được sinh ra mà không phải được
tạo thành;
đồng bản thể với Đức Chúa Cha:
nhờ Người mà muôn vật được
tạo thành.
Vì loài người chúng ta và để cứu
độ chúng ta, Người đã từ trời
xuống thế.

⁵⁶ ĐGH Phaolô VI, *Sollemnis Professio fidei*, 20: AAS 60 (1968) 441.

⁵⁷ Thánh Tôma Aquinô, *Compendium theologiae*, 1, 2: Ed. Leon. 42, 83.

⁵⁸ DS 30. Chú thích riêng của bản dịch tiếng Việt: Ủy Ban Phụng Tự trực thuộc Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, *Nghi Thức Thánh Lễ (bản dịch được Toà Thánh phê chuẩn ngày 10.05.2005)* (Hà Nội: Nhà Xuất Bản Tôn Giáo, 2005), 18.

⁵⁹ DS 150. Chú thích riêng của bản dịch tiếng Việt: *Nhut trên*, 17.

Bởi phép Đức Chúa Thánh
Thần mà Người xuống thai
Sinh bởi bà Maria đồng
trinh,

Chịu nạn đời quan Phongxiô
Philatô

Chịu đóng đinh trên cây
Thánh Giá,
chết và táng xác,
Xuống ngục tổ tông.

Ngày thứ ba bởi trong kẻ
chết mà sống lại,
lên trời,

ngự bên hữu Đức Chúa Cha
phép tắc vô cùng,

Ngày sau bởi trời lại xuống
phán xét kẻ sống và kẻ
chết.

Tôi tin kính Đức Chúa Thánh
Thần

Tôi tin có Hội Thánh hằng có
ở khắp thế này,

Các Thánh thông công.

Tôi tin phép tha tội.

Tôi tin xác loài người ngày
sau sống lại

Tôi tin hằng sống vậy.

Amen.

Bởi phép Đức Chúa Thánh Thần
Người đã nhập thể
trong lòng Trinh Nữ Maria
và đã làm người.

Người chịu đóng đinh vào thập
giá vì chúng ta thời quan
Phongxiô Philatô;

Người chịu khổ hình và mai
táng.

Ngày thứ ba Người sống lại như
lời Thánh Kinh,

Người lên trời

ngự bên hữu Đức Chúa Cha.

và Người sẽ lại đến trong vinh
quang để phán xét kẻ sống và
kẻ chết,

Nước Người sẽ không bao giờ
cùng.

Tôi tin kính Đức Chúa Thánh
Thần

là Thiên Chúa và là Đấng ban
sự sống;

Người bởi Đức Chúa Cha và Đức
Chúa Con mà ra.

Người được phụng thờ và tôn
vinh

cùng với Đức Chúa Cha và Đức
Chúa Con.

Người đã dùng các Tiên tri mà
phán dạy.

Tôi tin Hội Thánh duy nhất,
thánh thiện, công giáo và
tông truyền.

Tôi tuyên xưng có một Phép Rửa
để tha tội.

Tôi trông đợi kẻ chết sống lại

và sự sống đời sau.

Amen.

ĐOẠN THỨ HAI

TUYÊN XUNG ĐỨC TIN KITÔ GIÁO

SECTIO SECUNDA

FIDEI CHRISTIANAE PROFESSIO

CÁC TÍN BIỂU

SYMBOLA FIDEI

171, 949 **185.** Ai nói “Tôi tin”, tức là nói “Tôi gắn bó với những điều *chúng tôi cùng tin*”. Sự hiệp thông trong đức tin đòi hỏi một ngôn ngữ chung của đức tin, làm chuẩn mực cho mọi người và liên kết mọi người trong cùng một lời tuyên xưng đức tin.

186. Ngay từ đầu, Hội Thánh thời các Tông Đồ đã diễn tả và lưu truyền đức tin của mình bằng những công thức ngắn và có giá trị chuẩn mực đối với mọi người¹. Không lâu sau đó, Hội Thánh lại muốn thu thập những điểm cốt yếu của đức tin vào những bản tóm lược mạch lạc và rõ ràng, chủ yếu dành cho những người chuẩn bị lãnh bí tích Rửa Tội.

“Bản tóm lược đức tin này được soạn thảo không phải để làm vừa lòng người ta; nhưng trong toàn bộ Thánh Kinh, đã chọn lấy những điều quan trọng nhất để làm thành một giáo huấn đức tin duy nhất. Như trong một hạt cải nhỏ bé đã chứa đựng nhiều cành lá, cũng vậy trong một ít lời, bản tóm lược đức tin này chứa đựng toàn bộ tri thức đạo đức của cả Cựu Ước lẫn Tân Ước”².

187. Các bản tổng hợp đức tin đó được gọi là các “Bản tuyên xưng đức tin”, vì chúng tóm lược đức tin mà các Kitô hữu tuyên xưng. Chúng được gọi là “Kinh Tin Kính” vì thường bắt đầu bằng thuật ngữ “Tôi tin kính.” Chúng cũng còn được gọi là các “Tín biểu” (Symbola fidei).

¹ X. Rm 10,9; 1 Cr 15,3-5.

² Thánh Cyrillô Giêrusalem, *Catecheses illuminandorum*, 5, 12: *Opera*, v.1, ed. G.C. Reischl (Monaci 1848) 150 (PG 33, 521-524).

188. *Symbolon* là một từ Hy Lạp dùng để chỉ phân nửa của một vật được bẻ ra (chẳng hạn, của một ấn tín) mà người ta đưa ra làm dấu chỉ để nhận ra nhau. Những phần đã bị bẻ ra được đặt khớp lại với nhau để xác minh căn tính của người mang nó. Tín biểu (*Symbolum fidei*) là một dấu chỉ để các tín hữu nhận ra nhau, hiệp thông với nhau. *Symbolon* sau đó được dùng để chỉ một bản toát yếu, bản sưu tập, hoặc bản tóm lược. Tín biểu là bản toát yếu những chân lý chủ yếu của đức tin. Từ đó, nó được coi là điểm đầu tiên và căn bản mà việc dạy giáo lý phải quy chiếu.

189. Việc “tuyên xưng đức tin” đầu tiên được thực hiện khi lãnh nhận bí tích Rửa Tội. “Tín biểu” trước hết là Tín biểu của *Phép Rửa*. Bởi vì Phép Rửa được ban “nhân danh Cha, và Con, và Thánh Thần” (Mt 28,19), nên các chân lý đức tin được tuyên xưng trong Phép Rửa đã được sắp xếp theo tương quan của chúng với Ba Ngôi Chí Thánh. 1237
232

190. Do đó Tín biểu được chia làm ba phần: “Phần đầu nói về Thiên Chúa Ngôi Thứ Nhất và về công trình tạo dựng kỳ diệu; phần tiếp sau nói về Ngôi Hai và về mầu nhiệm Cứu chuộc loài người; phần cuối cùng nói về Ngôi Ba, là nguyên lý và nguồn mạch của việc thánh hóa chúng ta”³. Đó là “ba chương của ấn tín [rửa tội] của chúng ta”⁴.

191. Tín biểu “được chia làm ba phần, gồm những câu khác biệt nhưng liên kết rất chặt chẽ với nhau. Dựa theo một hình ảnh các Giáo phụ quen dùng, chúng ta gọi các câu đó là *articuli* [nghĩa đen là các khúc, ở đây dịch là “mục”]. Như các chi thể trong một thân thể được phân chia thành nhiều khúc, thì cũng vậy, trong việc tuyên xưng đức tin, từng điều riêng rẽ chúng ta phải tin cũng được gọi cách thích hợp và chính đáng là một *articulum*”⁵. Theo một truyền thống cổ xưa, được thánh Ambrôsiô xác nhận, người ta quen liệt kê *mười hai mục* trong kinh Tin Kính, để nói lên một cách tượng trưng, dựa theo số các Tông Đồ, kinh đó bao gồm đức tin tông truyền⁶.

192. Qua các thế kỷ, để đáp ứng những nhu cầu của các thời đại khác nhau, đã có nhiều Bản tuyên xưng đức tin hoặc Tín biểu: những Tín biểu của các Giáo Hội thời các Tông Đồ và thời cổ xưa⁷, Tín biểu “*Quicumque*” được coi là của thánh Athanasiô⁸, những Bản

³ *Catechismus Romanus*, 1, 1,4: Ed. P. Rodriguez (Città del Vaticano-Pamplona 1989) 20.

⁴ Thánh Irênê, *Demonstratio apostolicae predicationis*, 100; SC 62, 170.

⁵ *Catechismus Romanus*, 1, 1, 4: Ed. P. Rodriguez (Città del Vaticano-Pamplona 1989) 20.

⁶ X. Thánh Ambrôsiô, *Explanatio Symboli*, 8: CSEL 73, 10-11 (PL 17, 1196).

⁷ X. *Symbola fidei ab Ecclesia antiqua recepta*: DS 1-64.

⁸ X. DS 75-76.

tuyên xưng đức tin của một số Công đồng (như Tôlêđô⁹; Latêranô¹⁰; Lyon¹¹; Tridentinô¹²), hay của một số vị Giáo Hoàng như “Bản tuyên xưng đức tin” của Đức Giáo Hoàng Đamasô¹³, hoặc “*Kinh Tin Kính* của dân Thiên Chúa” do Đức Phaolô VI soạn thảo (1968)¹⁴.

193. Không một Tín biểu nào xuất phát từ những thời đại khác nhau của đời sống Hội Thánh có thể bị coi là lỗi thời và vô ích. Các Tín biểu này giúp chúng ta ngày nay biết được và thấu hiểu đức tin ngàn đời của Hội Thánh, thông qua các bản tóm lược đã được thực hiện.

Trong tất cả các Tín biểu, có hai bản chiếm một địa vị rất đặc biệt trong đời sống Hội Thánh:

194. *Tín biểu của các Tông Đồ*: bản này được gọi như vậy bởi vì được coi, một cách chính xác, như bản tóm lược trung thành đức tin của các Tông Đồ. Đây là Tín biểu dùng khi rửa tội, được Giáo Hội Rôma sử dụng từ thời xa xưa. Do đó, bản này có một uy thế lớn lao: “Đây là Tín biểu mà Giáo Hội Rôma bảo tồn, đó là nơi thánh Phêrô, thủ lãnh các Tông Đồ, đã đặt tông tòa và là nơi ngài đã đem đức tin chung của Hội Thánh đến”¹⁵.

195. *Tín biểu* được gọi là *Nicêa-Constantinôpôli* có một uy thế lớn lao vì phát xuất từ hai Công đồng chung đầu tiên (năm 325 và năm 381). Cho đến nay, bản này vẫn còn là gia sản chung của tất cả các Giáo Hội lớn của Đông phương và Tây phương.

196. Sách Giáo Lý này trình bày đức tin theo Tín biểu của các Tông Đồ, vì bản này có thể nói được là “giáo lý Rôma cổ xưa nhất”. Tuy nhiên, phần trình bày sẽ được bổ túc bằng cách thường xuyên tham chiếu Tín biểu Nicêa–Constantinôpôli vì bản này thường rõ ràng và chi tiết hơn.

197. Cũng như trong ngày lãnh nhận bí tích Rửa Tội, khi trọn cuộc sống của chúng ta được ủy thác cho “quy luật đạo lý” (Rm 6,17), chúng ta hãy đón nhận Tín biểu, để nhờ đó chúng ta được sống. Khi đọc kinh Tin Kính với lòng tin, chúng ta được hiệp thông với Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, và cũng được hiệp thông với Hội Thánh phổ quát, là người lưu truyền đức tin cho chúng ta, và chính trong lòng Hội Thánh mà chúng ta tin:

⁹ CD Tôlêđô XI: DS 525-541.

¹⁰ CD Latêranô IV: DS 800-802.

¹¹ CD Lyon II: DS 851-861.

¹² *Professio fidei Tridentina*: DS 1862-1870.

¹³ X. DS 71-72.

¹⁴ ĐGH Phaolô VI, *Solemnis Professio fidei*: AAS 60 (1968) 433-445.

¹⁵ Thánh Ambrôsiô, *Explanatio Symboli*, 7: CSEL 73, 10 (PL 17, 1196).

“Tín biểu là dấu ấn thiêng liêng, là điều chúng ta tâm niệm, và như là người canh giữ luôn hiện diện, chắc chắn đó là kho tàng của linh hồn chúng ta”¹⁶.

1274

¹⁶ Thánh Ambrôsiô, *Explanatio Symboli*, 1: CSEL 73, 3 (PL 17, 1193).

CHƯƠNG MỘT

TÔI TIN KÍNH ĐỨC CHÚA TRỜI LÀ CHA

CAPUT PRIMUM

CREDO IN DEUM PATREM

198. Bản tuyên xưng đức tin của chúng ta bắt đầu bằng *Thiên Chúa*, bởi vì Thiên Chúa là “khởi nguyên và cùng tận” (Is 44,6), là khởi đầu và cùng đích của hết mọi loài. Kinh Tin Kính bắt đầu từ Thiên Chúa *Cha*, bởi vì Chúa Cha là Ngôi Thứ Nhất trong Ba Ngôi Chí Thánh; Tín biểu của chúng ta bắt đầu bằng việc tạo dựng trời đất, bởi vì việc tạo dựng là khởi đầu và là nền tảng của mọi công trình của Thiên Chúa.

Mục 1

“TÔI TIN KÍNH ĐỨC CHÚA TRỜI, LÀ CHA PHÉP TẮC VÔ CÙNG, DỰNG NÊN TRỜI ĐẤT”

ARTICULUS 1

“CREDO IN DEUM PATREM OMNIPOTENTEM, CREATOREM CAELI ET TERRAE”

Tiết 1

Tôi Tin Kính Đức Chúa Trời

Paragraphus 1

Credo in Deum

199. “Tôi tin kính Đức Chúa Trời”: lời xác quyết đầu tiên của bản tuyên xưng đức tin cũng là điều quan trọng nhất. Toàn bộ Tín biểu đều nói về Thiên Chúa, và nếu có nói về con người và về trần gian,

thì cũng nói trong tương quan với Thiên Chúa. Tất cả các mục trong bản Tuyên xưng đức tin đều lệ thuộc vào mục thứ nhất này, cũng như các giới răn của Thiên Chúa đều nhằm giải thích giới răn thứ nhất. Những mục khác giúp chúng ta hiểu biết Thiên Chúa hơn, theo mức độ Ngài đã từng bước tự mạc khải cho con người. “Vì vậy, một cách đúng đắn, các tín hữu trước tiên tuyên xưng họ tin vào Thiên Chúa”¹. 2083

I. “TÔI TIN KÍNH MỘT THIÊN CHÚA”

“CREDO IN UNUM DEUM”

200. Tín biểu Nicêa-Constantinôpôli bắt đầu bằng những lời trên đây. Việc tuyên xưng chỉ có một Thiên Chúa duy nhất bắt nguồn từ mạc khải của Thiên Chúa trong Cựu Ước. Việc tuyên xưng này không thể tách biệt khỏi việc tuyên xưng về sự hiện hữu của Thiên Chúa, và cũng có giá trị hết sức căn bản. Thiên Chúa là Đấng duy nhất: chỉ có một Thiên Chúa. “Vì vậy đức tin Kitô giáo tin và tuyên xưng chỉ có một Thiên Chúa, xét theo bản tính, bản thể và yếu tính”². 2085

201. Thiên Chúa tự mạc khải cho Israel, dân Ngài chọn, rằng Ngài là Đấng Duy Nhất: “Nghe đây, hỡi Israel, Đức Chúa, Thiên Chúa chúng ta là Đức Chúa duy nhất. Hãy yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của anh em, hết lòng, hết dạ, hết sức anh em” (Đnl 6,4-5). Qua các Tiên tri, Thiên Chúa kêu gọi Israel và các dân tộc trở lại với Ngài, là Đấng Duy Nhất: “Nào muôn dân khắp cõi địa cầu, hãy hướng về Ta, thì các ngươi sẽ được cứu độ, vì Ta là Thiên Chúa, chẳng còn chúa nào khác... Trước mặt Ta, mọi người sẽ quỳ gối, và mở miệng thề rằng: Chỉ mình Đức Chúa mới cứu độ và làm cho mạnh sức” (Is 45,22-24)³. 2083

202. Chính Chúa Giêsu xác quyết rằng Thiên Chúa là “Chúa Duy Nhất”, và phải yêu mến Thiên Chúa hết lòng, hết linh hồn, hết tâm trí và hết sức lực⁴. Đồng thời, Người cũng minh định rằng chính Người là “Chúa”⁵. Tuyên xưng “Đức Giêsu là Chúa” là nét đặc thù của đức tin Kitô giáo. Điều này không trái ngược với đức tin vào một Thiên Chúa Duy Nhất. Tin vào Chúa Thánh Thần là “Chúa và là Đấng ban sự sống” không hề đưa đến sự chia cắt nào nơi Thiên Chúa Duy Nhất. 446 152

¹ *Catechismus Romanus*, 1, 2, 6: ed. P. Rodriguez (Città del Vaticano-Pamplona 1989) 23.

² *Catechismus Romanus*, 1, 2, 8: ed. P. Rodriguez (Città del Vaticano-Pamplona 1989) 26.

³ X. Pl 2,10-11.

⁴ X. Mc 12,29-30.

⁵ X. Mc 12,35-37.

42 “Chúng tôi tin cách vững vàng và tuyên xưng cách đơn sơ rằng chỉ có Một Thiên Chúa chân thật, vĩnh cửu, vô hạn và bất biến, vô phương thấu hiểu, toàn năng và khôn tả, là Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần: Ba Ngôi Vị, nhưng chỉ có một yếu tính, một bản thể hoặc một bản tính hoàn toàn đơn nhất”⁶.

II. THIÊN CHÚA MẠC KHẢI DANH NGÀI

DEUS NOMEN SUUM REVELAT

2143 **203.** Thiên Chúa tự mặc khải cho Israel, dân của Ngài, tỏ cho họ biết Danh Ngài. Tên gọi diễn tả yếu tính, căn tính của một người và ý nghĩa cuộc đời của người đó. Thiên Chúa có một tên gọi. Ngài không phải là một sức mạnh vô danh. Cho biết tên gọi của mình là cho những người khác nhận biết mình, một cách nào đó là tự trao mình, để người ta có thể tiếp xúc với mình, có thể hiểu biết mình cách thân mật hơn, và thật sự có thể gọi mình một cách cá vị.

63 **204.** Thiên Chúa đã tự mặc khải cho dân Ngài một cách tiệm tiến và dưới nhiều danh xưng khác nhau. Tuy nhiên, việc mặc khải tôn danh Thiên Chúa cho ông Môisen trong cuộc thần hiện nơi bụi gai cháy bùng, để dẫn đến cuộc Xuất Hành và Giao Ước Sinai, được coi như một mặc khải căn bản cho cả Cựu và Tân Ước.

Thiên Chúa hằng sống

2575 **205.** Thiên Chúa gọi ông Môisen từ giữa bụi gai cháy bùng nhưng không tàn lụi. Thiên Chúa nói với ông Môisen: “Ta là Thiên Chúa của cha ngươi, Thiên Chúa của Abraham, Thiên Chúa của Isaac, Thiên Chúa của Giacob” (Xh 3,6). Thiên Chúa là Thiên Chúa của tổ tiên, Đấng đã kêu gọi và hướng dẫn các Tổ phụ trong các cuộc lữ hành của họ. Ngài là Thiên Chúa trung tín và thương xót, Đấng nhớ tới họ và nhớ các lời Ngài đã hứa; Ngài đến để giải thoát con cháu họ khỏi ách nô lệ. Ngài là Thiên Chúa, Đấng, vượt quá thời gian và không gian, có khả năng và ý muốn làm điều đó, và là 268 Đấng sẽ dùng sự toàn năng của mình để thực hiện kế hoạch này.

“Ta là Đấng Hiện Hữu”

“Ông Môisen thưa với Thiên Chúa: ‘Bây giờ, con đến gặp con cái Israel và nói với họ: Thiên Chúa của cha ông anh em sai tôi đến với anh em. Vậy nếu họ hỏi con: Tên Đấng ấy là gì? Thì con sẽ nói với họ làm sao?’ Thiên Chúa phán với ông Môisen: ‘Ta là Đấng Hiện Hữu’. Ngài phán: ‘Ngươi nói với con cái Israel thế này: “Đấng Hiện Hữu” sai tôi đến với anh em.... Đó là danh Ta

⁶ CD Latêranô IV, C. 1, *De fide Catholica*: DS 800.

cho đến muôn thuở, đó là danh hiệu các người sẽ dùng mà kêu cầu Ta từ đời nọ đến đời kia” (Xh 3,13-15).

206. Khi mạc khải Danh thánh bí nhiệm YHWH của Ngài, nghĩa là, “Ta là Đấng Hiện Hữu” hoặc “Ta là Đấng Ta là”, hoặc “Ta chính là Ta”, Thiên Chúa nói Ngài là ai và phải gọi tên Ngài như thế nào. Danh thánh này có tính chất huyền nhiệm cũng như Thiên Chúa là mầu nhiệm. Đó vừa là Danh được mạc khải, vừa như là từ chối một Danh xưng, và vì vậy, Danh này diễn tả Thiên Chúa một cách tốt nhất, vì Ngài là Đấng vô cùng vượt quá tất cả những gì chúng ta có thể hiểu biết và nói lên: Ngài là “Thiên Chúa ẩn mình” (Is 45,15), Danh thánh Ngài không thể gọi được⁷, và vị Thiên Chúa đó là Đấng tự làm cho mình nên gần gũi với con người.

43

207. Khi mạc khải Danh Ngài, Thiên Chúa đồng thời mạc khải lòng trung tín của Ngài, một lòng trung tín có từ muôn thuở và cho tới muôn đời, một lòng trung tín có giá trị trong quá khứ (“Ta là Thiên Chúa của cha người”, Xh 3,6) cũng như trong tương lai (“Ta sẽ ở với người”, Xh 3,12). Thiên Chúa, Đấng mạc khải Danh Ngài là “Đấng Hiện Hữu”, đã tự mạc khải mình là vị Thiên Chúa luôn có mặt, luôn hiện diện với dân Ngài để cứu độ họ.

208. Trước sự hiện diện cuốn hút và huyền nhiệm của Thiên Chúa, con người nhận ra sự nhỏ bé của mình. Trước bụi gai cháy bừng, ông Môisen cúi dấp và che mặt trước tôn nhan Thiên Chúa chí thánh⁸. Trước vinh quang của Thiên Chúa ba lần thánh, tiên tri Isaia thốt lên: “Khốn thân tôi, tôi chết mất, vì tôi là một người môi miệng ô uế” (Is 6,5). Trước những dấu chỉ thần linh Chúa Giêsu thực hiện, ông Phêrô thốt lên: “Lạy Chúa, xin tránh xa con, vì con là kẻ tội lỗi” (Lc 5,8). Nhưng bởi vì Thiên Chúa là Đấng Thánh, nên Ngài có thể tha thứ cho kẻ nhận biết mình là tội nhân trước mặt Ngài: “Ta sẽ không hành động theo cơn nóng giận..., vì Ta là Thiên Chúa, chứ không phải người phạm. Ở giữa người, Ta là Đấng Thánh” (Hs 11,9). Tông đồ Gioan cũng sẽ nói tương tự: “Chúng ta sẽ được an lòng trước mặt Thiên Chúa. Vì nếu lòng chúng ta có cáo tội chúng ta, Thiên Chúa còn cao cả hơn lòng chúng ta, và Ngài biết hết mọi sự” (1 Ga 3,19-20).

724

448

388

209. Vì tôn kính sự thánh thiện của Thiên Chúa, dân Israel không gọi Danh của Ngài. Khi đọc Thánh Kinh, người ta thay thế Danh được mạc khải bằng tước hiệu thần linh là “Chúa” (*Adonai*, tiếng Hy Lạp là *Kyrios*).

⁷ X. Tl 13,18.

⁸ X. Xh 3,5-6.

446 Thần tính của Chúa Giêsu sẽ được tuyên xưng bằng tước hiệu này: “Đức Giêsu là Chúa”.

“Thiên Chúa nhân hậu và từ bi”

2116 210. Sau khi dân Israel phạm tội, chối bỏ Thiên Chúa để quay
2577 sang thờ con bê bằng vàng⁹, Thiên Chúa đã nghe lời chuyển cầu
của ông Môisen và chấp nhận đồng hành giữa đám dân bất trung,
qua đó biểu lộ tình yêu của Ngài¹⁰. Khi ông Môisen xin được thấy
vinh quang Thiên Chúa, Ngài trả lời: “Ta sẽ cho tất cả vẻ đẹp của
Ta đi qua trước mặt ngươi, và sẽ xưng danh Ta là Chúa [YHWH]
trước mặt ngươi” (Xh 33,18-19). Và Chúa đi qua trước mặt ông
Môisen và hô to: “Chúa, Chúa [YHWH, YHWH], Thiên Chúa nhân
hậu và từ bi, hay nén giận, giàu nhân nghĩa và thành tín”
(Xh 34,5-6). Lúc đó ông Môisen tuyên xưng Chúa là Thiên Chúa
hay tha thứ¹¹.

604 211. Thánh Danh “Ta Hiện Hữu” hoặc “Đấng Hiện Hữu” diễn tả sự
trung tín của Thiên Chúa, Đấng “giữ lòng nhân nghĩa với muôn
ngàn thế hệ” (Xh 34,7) cho dù con người có bất trung, tội lỗi, đáng
phải trừng phạt. Thiên Chúa mạc khải rằng Ngài “giàu lòng
thương xót” (Ep 2,4), đến nỗi trao ban chính Con Một của Ngài.
Chúa Giêsu, khi hiến mạng sống mình để giải thoát chúng ta khỏi
tội lỗi, sẽ mạc khải rằng chính Người mang danh thánh của Thiên
Chúa: “Khi các ông giương cao Con Người lên, bấy giờ các ông sẽ
biết là “Tôi Hiện Hữu”” (Ga 8,28).

Chỉ mình Thiên Chúa là ĐẤNG HIỆN HỮU

42 212. Trải qua các thế kỷ, đức tin của Israel đã có thể khai triển và
đào sâu hơn nữa các ý nghĩa phong phú chứa đựng trong việc mạc
khải Danh thánh của Thiên Chúa. Thiên Chúa là duy nhất, ngoài
42 Ngài ra không có thần nào hết¹². Ngài siêu việt trên vũ trụ và lịch
sử. Chính Ngài tạo dựng trời đất. “Chúng tiêu tan, Chúa còn hoài;
chúng như áo cũ thấy rồi mòn hao... Nhưng chính Ngài tiền hậu y
nguyên; tháng năm Ngài vẫn triền miên” (Tv 102,27-28). Nơi Ngài,
469, 2086 “không hề có sự thay đổi, cũng không hề có sự chuyển vận khi tối
khi sáng” (Gc 1,17). Ngài là “Đấng Hiện Hữu” từ muôn thuở đến
muôn đời và như vậy Ngài là Đấng luôn trung tín với chính mình
Ngài và với các lời hứa của Ngài.

⁹ X. Xh 32.

¹⁰ X. Xh 33,12-17.

¹¹ X. Xh 34,9.

¹² X. Is 44,6.

213. Vì vậy việc mạc khải Danh khôn tả “Ta là Đấng Ta là” chứa đựng chân lý này: chỉ mình Thiên Chúa là ĐÁNG HIỆN HỮU. Bản dịch Bảy Mươi và kế đó là Truyền thống Hội Thánh đã hiểu Danh thánh của Thiên Chúa theo nghĩa đó: Thiên Chúa là sự viên mãn của sự Hiện Hữu và của mọi trọn hảo, không có khởi đầu, và cũng chẳng có cùng tận. Trong khi tất cả mọi thụ tạo đều lãnh nhận từ Thiên Chúa tất cả những gì chúng là và những gì chúng có, thì duy chỉ mình Ngài là tự mình hiện hữu và Ngài là gì đều do chính Ngài.

41

**III. THIÊN CHÚA, “ĐÁNG HIỆN HỮU”,
LÀ CHÂN LÝ VÀ LÀ TÌNH YÊU
DEUS, “ILLE QUI EST”, EST VERITAS ET AMOR**

214. Thiên Chúa, “Đấng Hiện Hữu”, đã tự mạc khải cho Israel như Đấng “giàu nhân nghĩa và thành tín” (Xh 34,6). Hai từ ngữ ấy diễn tả một cách cô đọng những sự phong phú của Danh Thiên Chúa. Trong mọi công trình của Ngài, Thiên Chúa biểu lộ lòng quảng đại, sự tốt lành, ân sủng và tình yêu của Ngài; Ngài cũng cho thấy Ngài là Đấng đáng được tin tưởng, là Đấng bền vững, trung tín, chân thật: “Xin cảm tạ danh Chúa, vì Ngài vẫn thành tín yêu thương” (Tv 138,2)¹³. Ngài là Chân Lý, vì “Thiên Chúa là Ánh Sáng, nơi Ngài không có một chút bóng tối nào” (1 Ga 1,5); Ngài là “Tình Yêu” (1 Ga 4,8), như thánh Tông Đồ Gioan dạy.

1062

Thiên Chúa là Chân Lý

215. “Căn nguyên lời Ngài là chân lý, mọi quyết định công minh của Ngài tồn tại muôn năm” (Tv 119,160). “Lạy Chúa là Chúa Thượng, chính Ngài là Thiên Chúa, những lời Ngài phán là chân lý” (2 Sm 7, 28); vì vậy những lời Thiên Chúa hứa luôn luôn được thực hiện¹⁴. Thiên Chúa là chính Chân Lý, những lời của Ngài không thể là sai lầm. Vì vậy người ta có thể, một cách hoàn toàn tin tưởng, phó mình cho sự thật và sự trung tín của lời Ngài trong mọi sự. Khởi đầu của tội lỗi và của sự sa ngã của loài người là lời dối trá của Tê-n-cám-Dỗ, nó dẫn con người đến chỗ nghi ngờ lời Thiên Chúa, nghi ngờ lòng nhân hậu và sự trung tín của Ngài.

2465

156, 1063

397

216. Chân lý của Thiên Chúa là sự khôn ngoan của Ngài, chỉ huy toàn bộ trật tự của việc tạo dựng và việc điều hành trần gian¹⁵. Một mình Thiên Chúa đã tạo dựng trời đất¹⁶, nên duy một mình

295

¹³ X. Tv 85,11.

¹⁴ X. Đnl 7,9.

¹⁵ X. Kn 13,1-9.

¹⁶ X. Tv 115,15.

32 Ngài có thể ban sự hiểu biết đích thực về mọi thụ tạo trong tương quan của chúng với Ngài.¹⁷

851 **217.** Thiên Chúa cũng là Đấng chân thật khi Ngài tự mạc khải: 2466 giáo huấn đến từ Thiên Chúa là “Luật của chân lý” (Ml 2,6). Ngài sai Con của Ngài “đến thế gian,” chính là để “làm chứng cho sự thật” (Ga 18,37). “Chúng ta biết rằng Con Thiên Chúa đã đến và ban cho chúng ta trí khôn để biết Thiên Chúa thật” (1 Ga 5,20)¹⁸.

Thiên Chúa là Tình Yêu

295 **218.** Theo dòng lịch sử của mình, Israel đã có thể khám phá ra rằng Thiên Chúa chỉ có một động lực duy nhất khiến Ngài tự mạc khải cho họ và chọn họ giữa mọi dân để họ là dân của Ngài: đó là tình yêu nhưng không của Ngài¹⁹. Nhờ các Tiên tri, Israel hiểu rằng, cũng vì tình yêu mà Thiên Chúa đã không ngừng giải cứu họ²⁰ và tha thứ cho sự bất trung và tội lỗi của họ²¹.

239 **219.** Tình yêu của Thiên Chúa đối với Israel được so sánh với tình 796 yêu của một người cha đối với con mình²². Tình yêu đó còn mạnh hơn tình yêu của một người mẹ dành cho con cái mình²³. Thiên Chúa yêu dân Ngài hơn người chồng yêu người vợ yêu dấu của mình²⁴. Tình yêu đó cũng sẽ chiến thắng những bất trung thậm chí 458 tội tệ nhất²⁵, và sẽ đi đến chỗ ban tặng hồng ân quý giá nhất: “Thiên Chúa yêu thế gian đến nỗi đã ban Con Một Ngài” (Ga 3,16).

220. Tình yêu của Thiên Chúa “tồn tại muôn đời” (Is 54,8): “Núi có đời có đổi, đồi có chuyển có lay, tình nghĩa của Ta đối với người vẫn không thay đổi” (Is 54,10). “Ta đã yêu người bằng mối tình muôn thuở, nên Ta vẫn dành cho người lòng xót thương” (Gr 31,3).

733 **221.** Thánh Gioan còn đi xa hơn nữa khi làm chứng rằng: “Thiên 851 Chúa là tình yêu” (1 Ga 4,8.16): Chính Hữu Thể của Thiên Chúa là tình yêu. Khi sai Con Một của Ngài và Thánh Thần Tình Yêu lúc thời gian đến hồi viên mãn, Thiên Chúa mạc khải điều bí ẩn thâm sâu nhất của Ngài²⁶: chính Ngài là sự trao đổi tình yêu vĩnh cửu:

¹⁷ X. Kn 7,17-21.

¹⁸ X. Ga 17,3.

¹⁹ X. Đnl 4,37; 7,8; 10,15.

²⁰ X. Is 43,1-7.

²¹ X. Hs 2.

²² X. Hs 11,1.

²³ X. Is 49,14-15.

²⁴ X. Is 62,4-5.

²⁵ X. Ed 16; Hs 11.

²⁶ X. 1 Cr 2,7-16; Ep 3,9-12.

Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, và Ngài đã tiền định cho chúng ta được dự phần vào sự trao đổi tình yêu đó.

257

IV. NHỮNG HỆ QUẢ CỦA ĐỨC TIN VÀO THIÊN CHÚA DUY NHẤT DE CONSECTARIIS FIDEI IN UNUM DEUM

222. Tin vào Thiên Chúa, Đấng duy nhất, và yêu mến Ngài hết mình, có những hệ quả rất quan trọng cho toàn bộ cuộc sống của chúng ta.

223. *Đó là nhận biết sự vĩ đại và quyền năng của Thiên Chúa:* 400
“Hãy xem, Thiên Chúa cao vời, làm sao ta hiểu thấu” (G 36,26). Vì vậy Thiên Chúa phải là Đấng “được phục vụ trước hết”²⁷.

224. *Đó là sống trong tâm tình cảm tạ:* nếu Thiên Chúa là Đấng duy nhất, thì chúng ta là gì, và có gì, đều là bởi Ngài: “Bạn có gì mà bạn đã không nhận lãnh?” (I Cr 4,7). “Biết lấy chi đền đáp Chúa bây giờ, vì mọi ơn lành Ngài đã ban cho?” (Tv 116,12). 2637

225. *Đó là nhận biết sự hợp nhất và phẩm giá đích thực của mọi người:* Mọi người đều được dựng nên “theo hình ảnh và giống như” Thiên Chúa (St 1,26). 356, 360
1700, 1934

226. *Đó là sử dụng các thụ tạo cách đúng đắn:* đức tin vào Thiên Chúa Duy Nhất hướng dẫn chúng ta sử dụng mọi vật không phải là Thiên Chúa nếu chúng đưa chúng ta đến với Ngài, và xa tránh các thụ tạo nếu chúng ngăn cách chúng ta khỏi Thiên Chúa²⁸: 339, 2402
2415

“Lạy Chúa là Thiên Chúa của con, xin cất khỏi con những gì làm con xa Chúa. Lạy Chúa là Thiên Chúa của con, xin ban cho con những gì đưa con đến với Chúa. Lạy Chúa là Thiên Chúa của con, xin giải thoát con khỏi chính mình con và ban cho con được hoàn toàn thuộc về Chúa”²⁹.

227. *Đó là luôn tin tưởng vào Thiên Chúa, cả khi gặp nghịch cảnh.* 313
Một lời kinh của thánh Têrêsa Giêsu diễn tả ý đó một cách tuyệt 2090
vời:

“Đừng để điều gì làm cho bạn xao xuyến;
Đừng để điều gì làm cho bạn lo sợ.
Mọi sự đều qua đi, Thiên Chúa không thay đổi!
Kiên nhẫn sẽ được tất cả.

2830

²⁷ Thánh Jeanne d’Arc, *Dictum: Procès de condamnation*, ed. P. Tisset Y. Lanhers, v.1 (Paris 1960) 280 và 288.

²⁸ X. Mt 5,29-30; 16,24; 19,23-24.

²⁹ Thánh Nicôla Flue, *Bruder-Klausen-Gebet*, apud R. Amschwand, Bruder Klaus. Ergänzungsband zum Quellenwerk von R. Durrer (Sarnen 1987) 215.

1723

Ai có Thiên Chúa, người ấy chẳng thiếu gì:
Chỉ có Thiên Chúa, là đã đủ”³⁰.

TÓM LƯỢC

228. “Nghe đây, hỡi Israel, Đức Chúa, Thiên Chúa chúng ta, là Đức Chúa duy nhất” (Đnl 6,4; Mc 12, 29) “Hữu Thể tối cao nhất thiết phải là duy nhất, nghĩa là không ai sánh bằng... Nếu Thiên Chúa không duy nhất, thì Ngài không phải là Thiên Chúa”³¹.

229. Đức tin vào Thiên Chúa quy hướng chúng ta về một mình Ngài, như về nguồn gốc đầu tiên và về cùng đích tối hậu của chúng ta, và không quý trọng sự gì hơn Ngài, hoặc không để một sự gì thay chỗ Ngài.

230. Tuy đã tự mạc khải, Thiên Chúa vẫn còn là mẫu nhiệm khôn tả: “Nếu bạn hiểu được, thì Ngài không phải là Thiên Chúa”³².

231. Thiên Chúa của đức tin chúng ta đã tự mạc khải là Đấng Hiện Hữu; Ngài cho chúng ta biết Ngài là Đấng “giàu nhân nghĩa và thành tín” (Xh 34,6). Bản thể của Ngài là chân lý và tình yêu.

Tiết 2

Chúa Cha

Paragraphus 2

Pater

I. “NHÂN DANH CHA VÀ CON VÀ THÁNH THẦN”

“IN NOMINE PATRIS ET FILII ET SPIRITUS SANCTI”

189, 1223

232. Các Kitô hữu được rửa tội “nhân danh Cha và Con và Thánh Thần” (Mt 28,19). Trước đó họ đã ba lần trả lời “Tôi tin” để đáp lại ba câu hỏi yêu cầu họ tuyên xưng đức tin vào Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. “Đức tin của mọi Kitô hữu cốt tạc tại Chúa Ba Ngôi”³³.

³⁰ Thánh Têrêsa Giêsu, *Poesia*, 9: Biblioteca Mistica Carmelitana, v.6 (Burgos 1919) 90.

³¹ Tertullianô, *Adversus Marcionem* 1, 3, 5: CCL 1, 444 (PL 2, 274).

³² Thánh Augustinô, *Sermo*, 52, 6, 16: ed. P. Verbraken: *Revue Bénédictine* 74 (1964) 27 (PL 38, 360).

³³ Thánh Cêsariô Arêlatensê, *Expositio vel traditio Symboli* (Sermo 9): CCL 103, 47.

233. Các Kitô hữu được rửa tội “nhân danh” Cha và Con và Thánh Thần, chứ không “nhân các danh” của các Ngài³⁴, bởi vì chỉ có một Thiên Chúa, Cha toàn năng, Con duy nhất của Ngài và Thánh Thần: Đó là Thiên Chúa Ba Ngôi Chí Thánh.

234. Mầu nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi là mầu nhiệm trung tâm của đức tin và đời sống Kitô hữu. Đây là mầu nhiệm của Thiên Chúa trong chính bản thể của Ngài. Vì vậy đây là nguồn mạch của các mầu nhiệm khác của đức tin và là ánh sáng chiếu soi các mầu nhiệm ấy. Đây là giáo lý căn bản nhất và chủ yếu nhất trong “phẩm trật các chân lý” đức tin³⁵. “Lịch sử cứu độ chính là lịch sử của đường lối và phương thế, mà Thiên Chúa thật và duy nhất là Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần, dùng để tự mạc khải cho con người, và giao hoà và kết hợp với Ngài những ai từ bỏ tội lỗi”³⁶.

235. Trong tiết này sẽ vẫn tắt trình bày mầu nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi được mạc khải thế nào (I), Hội Thánh đã trình bày giáo lý đức tin về mầu nhiệm này thế nào (II), và sau cùng, Chúa Cha, nhờ sứ vụ thần linh của Chúa Con và Chúa Thánh Thần, thực hiện “kế hoạch nhân hậu” của Ngài trong việc tạo dựng, cứu chuộc và thánh hoá như thế nào (III).

236. Các Giáo phụ phân biệt *Theologia* với *Oikonomia*. Thuật ngữ thứ nhất chỉ mầu nhiệm sự sống nội tại của Thiên Chúa Ba Ngôi. Thuật ngữ thứ hai chỉ mọi công trình của Thiên Chúa, qua đó Ngài tự mạc khải và truyền thông sự sống của Ngài. Nhờ *Oikonomia* mà *Theologia* được mạc khải cho chúng ta, nhưng ngược lại, *Theologia* soi sáng toàn thể *Oikonomia*. Các công trình của Thiên Chúa mạc khải cho chúng ta biết Ngài trong bản thể của Ngài, và ngược lại, mầu nhiệm bản thể nội tại của Thiên Chúa soi sáng cho chúng ta hiểu tất cả các công trình của Ngài. Trong các tương quan nhân loại, sự việc cũng diễn ra tương tự như vậy. Con người biểu lộ mình qua hành động và càng biết rõ một người nào đó, chúng ta càng hiểu rõ hành động của họ.

237. Thiên Chúa Ba Ngôi là mầu nhiệm đức tin theo nghĩa hẹp, là một trong những mầu nhiệm được ẩn giấu nơi Thiên Chúa, “mà nếu Thiên Chúa không mạc khải thì không ai có thể biết được”³⁷. Chắc chắn Thiên Chúa đã để lại những dấu vết nào đó về thực thể Ba Ngôi của Ngài trong công trình tạo dựng và trong việc Ngài mạc khải suốt dòng Cựu Ước. Nhưng đời sống nội tại của thực thể Ngài, là Ba Ngôi Chí Thánh, vẫn là một mầu nhiệm mà lý trí

³⁴ X. Vigiliô, *Professio fidei* (552): DS 415.

³⁵ X. Thánh bộ Giáo sĩ, *Directorium catechisticum generale*, 43: AAS 64 (1972) 123.

³⁶ Thánh bộ Giáo sĩ, *Directorium catechisticum generale*, 47: AAS 64 (1972) 125.

³⁷ CD Vaticanô I, Hiến chế tín lý *Dei Filius*, c. 4: DS 3015.

thuần túy của con người không thể nào đạt đến được, và ngay cả đức tin của Israel cũng không thể biết mầu nhiệm đó, trước khi Con Thiên Chúa nhập thể và Chúa Thánh Thần được sai đến.

II. MẠC KHẢI VỀ THIÊN CHÚA BA NGÔI DE REVELATIONE DEI TAMQUAM TRINITATIS

Chúa Cha được mạc khải nhờ Chúa Con

2443 **238.** Việc khấn cầu Thiên Chúa với tước hiệu là “Cha” đã được biết đến trong nhiều tôn giáo. Thượng Đế thường được coi như “cha của các vị thần và của người phàm”. Trong dân Israel, Thiên Chúa được gọi là Cha, với tư cách là Đấng tạo dựng trần gian³⁸. Hơn nữa Thiên Chúa còn là Cha vì Ngài đã lập Giao ước và ban Lề luật cho dân được gọi là “Israel con đầu lòng của Ta” (Xh 4,22). Ngài cũng được gọi là Cha của vua Israel³⁹. Và đặc biệt hơn nữa, Ngài là “Cha của người nghèo”, của cô nhi, quả phụ, những kẻ được Ngài thương yêu che chở⁴⁰.

370, 2779 **239.** Khi gọi Thiên Chúa là “Cha”, ngôn ngữ đức tin chủ yếu muốn nêu lên hai khía cạnh: Thiên Chúa là nguồn gốc thứ nhất và là Đấng uy quyền siêu việt trên hết mọi sự, đồng thời là Đấng nhân hậu và yêu thương chăm sóc mọi con cái của Ngài. Tình phụ tử này của Thiên Chúa cũng có thể được diễn tả qua hình ảnh tình mẫu tử⁴¹. Hình ảnh tình mẫu tử nói lên rõ hơn sự gần gũi của Thiên Chúa và sự thân mật giữa Thiên Chúa với thụ tạo của Ngài. Như vậy, ngôn ngữ đức tin mức nguồn nơi kinh nghiệm phàm nhân về cha mẹ, các vị này một cách nào đó, là những đại diện đầu tiên của Thiên Chúa đối với con người. Nhưng kinh nghiệm đó cũng cho thấy rằng, cha mẹ phàm nhân có thể phạm sai lầm và họ có thể làm méo mó dung mạo của tình phụ tử và mẫu tử. Vì vậy phải nhớ rằng, Thiên Chúa siêu việt hẳn trên sự phân biệt phái tính của phàm nhân. Ngài không là nam mà cũng không là nữ. Ngài là Thiên Chúa. Ngài cũng siêu việt hẳn trên sự làm cha làm mẹ của người phàm⁴², mặc dù Ngài là nguồn gốc và là chuẩn mực⁴³ của chức năng làm cha làm mẹ: không ai là cha như Thiên Chúa là Cha.

2780 **240.** Chúa Giêsu đã mạc khải Thiên Chúa là “Cha” theo một nghĩa 441-445 chưa từng có: Ngài là Cha không những vì Ngài là Đấng Tạo Hoá, nhưng từ đời đời Ngài là Cha trong tương quan với Con duy nhất

³⁸ X. Đnl 32,6; Mt 2,10.

³⁹ X. 2 Sm 7,14.

⁴⁰ X. Tv 68,6.

⁴¹ X. Is 66,13; Tv 131,2.

⁴² X. Tv 27,10.

⁴³ X. Ep 3,14-15; Is 49,15.

của Ngài, Đấng từ đời đời là Con trong tương quan với Cha của Người: “Không ai biết rõ người Con, trừ Chúa Cha; cũng như không ai biết rõ Chúa Cha, trừ người Con và kẻ mà người Con muốn mạc khải cho” (Mt 11,27).

241. Vì vậy các Tông Đồ tuyên xưng Chúa Giêsu là “Ngôi Lời”, “lúc khởi đầu ... vẫn hướng về Thiên Chúa, và Ngôi Lời là Thiên Chúa” (Ga 1,1), là “hình ảnh của Thiên Chúa vô hình” (Cl 1,15), và là “phản ánh vẻ huy hoàng, là hình ảnh trung thực của bản thể Thiên Chúa” (Dt 1,3).

242. Sau các ngài, Hội Thánh tiếp nối Truyền thống Tông Đồ, trong Công đồng chung thứ nhất họp tại Nicêa năm 325, đã tuyên xưng Chúa Con “đồng bản thể với Chúa Cha”⁴⁴, nghĩa là, Người là một Thiên Chúa duy nhất cùng với Chúa Cha. Công đồng chung thứ hai họp tại Constantinôpôli năm 381, vẫn duy trì cách diễn tả trong công thức của tín biểu Nicêa và đã tuyên xưng: “Con Một Thiên Chúa, sinh bởi Đức Chúa Cha từ trước muôn đời, Người là Ánh sáng bởi Ánh sáng, Thiên Chúa thật bởi Thiên Chúa thật, được sinh ra mà không phải được tạo thành, đồng bản thể với Đức Chúa Cha”⁴⁵.

465

Chúa Cha và Chúa Con được mạc khải nhờ Chúa Thánh Thần

243. Trước cuộc Vượt Qua của Người, Chúa Giêsu báo tin sẽ sai đến một “Đấng Bào Chữa (Đấng Bảo Vệ) khác”, là Chúa Thánh Thần. Chúa Thánh Thần, Đấng đã hoạt động trong công trình tạo dựng⁴⁶ và sau khi “đã dùng các Tiên tri mà phán dạy”⁴⁷, nay Ngài sẽ đến với và ở trong các môn đệ⁴⁸, để dạy bảo họ⁴⁹, và dẫn họ tới “sự thật toàn vẹn” (Ga 16,13). Như vậy Chúa Thánh Thần được mạc khải như một Ngôi Vị thần linh khác, trong tương quan với Chúa Giêsu và với Chúa Cha.

683

2780

687

244. Nguồn gốc vĩnh cửu của Chúa Thánh Thần được mạc khải trong ‘sứ vụ trong thời gian’ của Ngài. Chúa Thánh Thần được sai đến với các Tông Đồ và với Hội Thánh, hoặc do Chúa Cha nhân danh Chúa Con, hoặc do chính Chúa Con, sau khi Người trở về với Chúa Cha⁵⁰. Sứ vụ của Ngôi Vị Chúa Thánh Thần sau khi Chúa

⁴⁴ Tín biểu Nicêa: DS 125.

⁴⁵ Tín biểu Nicêa-Constantinôpôli: DS 150.

⁴⁶ X. St 1,2.

⁴⁷ Tín biểu Nicêa-Constantinôpôli: DS 150.

⁴⁸ X. Ga 14,17.

⁴⁹ X. Ga 14,26.

⁵⁰ X. Ga 14,26; 15,26; 16,14.

732 Giêsu được tôn vinh⁵¹ mạc khải một cách đầy đủ mầu nhiệm Ba Ngôi Chí Thánh.

152 **245.** Đức tin tông truyền về Chúa Thánh Thần đã được Công đồng chung thứ hai họp tại Constantinôpôli năm 381 tuyên xưng: Chúng tôi tin kính “Chúa Thánh Thần, là Chúa và là Đấng ban sự sống; Ngài bởi Chúa Cha mà ra”⁵². Bằng lời tuyên xưng đó, Hội Thánh nhìn nhận Chúa Cha như “nguồn mạch và cội nguồn của tất cả thần tính”⁵³. Nhưng cội nguồn vĩnh cửu của Chúa Thánh Thần không phải không có liên hệ với cội nguồn của Chúa Con: “Chúng tôi tin rằng Chúa Thánh Thần, Ngôi Thứ Ba trong Ba Ngôi, là Thiên Chúa duy nhất và đồng hàng với Chúa Cha và Chúa Con, cùng một bản thể, cùng một bản tính;... Ngài được gọi là Thần Khí không phải chỉ của Chúa Cha cũng không phải chỉ của Chúa Con, nhưng một trật là của Chúa Cha và của Chúa Con”⁵⁴. Tín biểu 685 Constantinôpôli của Hội Thánh tuyên xưng: “Ngài được phụng thờ và tôn vinh cùng với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con”⁵⁵.

246. Tín biểu theo truyền thống La tinh tuyên xưng rằng Chúa Thánh Thần “bởi Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con (*Filioque*) mà ra”. Công đồng Florentina, năm 1439, giải thích: “Chúa Thánh Thần ... có bản tính và hữu thể của Ngài bởi Chúa Cha và một trật bởi Chúa Con, và từ đời đời Ngài xuất phát bởi Hai Ngôi như bởi một nguyên lý duy nhất và bởi một hơi thở duy nhất... Và bởi vì mọi sự, vốn là của Chúa Cha, chính Chúa Cha đã ban cho Con Một khi sinh ra Con Một, trừ cương vị làm Cha, nên việc Thần Khí xuất phát bởi Chúa Con, thì từ đời đời Chúa Con có việc xuất phát đó là bởi Chúa Cha, Đấng cũng sinh ra Chúa Con từ đời đời”⁵⁶.

247. Lời khẳng định “và bởi Đức Chúa Con” (*Filioque*) không có trong Tín biểu công bố năm 381 tại Constantinôpôli. Nhưng thánh Giáo Hoàng Lêô, dựa theo truyền thống cổ xưa của La tinh và Alexandria, đã công bố điều này như một tín điều vào năm 447⁵⁷, trước khi Rôma, tại Công đồng Chalcedônia năm 451, biết đến và tiếp nhận Tín biểu của năm 381. Việc sử dụng công thức này trong Tín biểu được dần dần đưa vào phụng vụ La tinh (từ thế kỷ VIII đến thế kỷ XI). Tuy nhiên, việc phụng vụ La tinh đưa công thức *Filioque* vào trong Tín biểu Nicêa-Constantinôpôli, đã tạo nên sự bất đồng, mãi cho đến nay, với các Giáo Hội Chính Thống.

⁵¹ X. Ga 7,39.

⁵² Tín biểu Nicêa-Constantinôpôli: DS 150.

⁵³ CĐ Tôlêđô VI (năm 638), *De Trinitate et de Filio Dei Redemptore incarnato*: DS 490.

⁵⁴ CĐ Tôlêđô XI (năm 675), *Tín biểu*: DS 527.

⁵⁵ Tín biểu Nicêa-Constantinôpôli: DS 150.

⁵⁶ CĐ Florentina, *Decretum pro Graecis*: DS 1300-1301.

⁵⁷ X. Thánh Lêô Cả, *Epistula Quam laudabiliter*: DS 284.

248. Truyền thống Đông phương trước hết diễn tả rằng Chúa Cha là cội nguồn thứ nhất của Chúa Thánh Thần. Khi tuyên xưng Chúa Thánh Thần “xuất phát từ Chúa Cha” (Ga 15,26), truyền thống đó xác quyết Chúa Thánh Thần *xuất phát* từ Chúa Cha *qua* Chúa Con (a *Patre per Filium procedere*)⁵⁸. Còn truyền thống Tây phương trước hết xác quyết sự hiệp thông đồng bản thể giữa Chúa Cha và Chúa Con, khi nói rằng Chúa Thánh Thần xuất phát từ Chúa Cha *và* Chúa Con (ex *Patre Filioque procedere*). Truyền thống này nói như vậy là “hợp pháp và hợp lý”⁵⁹, bởi vì theo trật tự vĩnh cửu giữa các Ngôi Vị Thiên Chúa trong sự hiệp thông đồng bản thể, Chúa Cha, với tư cách là “nguyên lý không có khởi đầu”⁶⁰, là cội nguồn thứ nhất của Chúa Thánh Thần, nhưng còn với tư cách là Cha của Con duy nhất, thì Chúa Cha là nguyên lý duy nhất cùng với Con của Ngài, từ đó, Chúa Thánh Thần xuất phát “như từ một nguyên lý duy nhất”⁶¹. Sự bỏ tước hợp pháp này, nếu không bị thổi phồng, thì không tác động gì đến sự đồng nhất của đức tin vào thực tại của cùng một mẫu nhiệm được tuyên xưng.

III. BA NGÔI CHÍ THÁNH TRONG GIÁO LÝ ĐỨC TIN SANCTISSIMA TRINITAS IN DOCTRINA FIDEI

Sự hình thành tín điều Chúa Ba Ngôi

249. Ngay từ buổi đầu, chân lý được mạc khải về Ba Ngôi Chí Thánh đã có trong những điều căn bản của đức tin sống động của Hội Thánh, chủ yếu qua bí tích Rửa Tội. Chân lý đó được diễn tả trong quy luật đức tin về phép Rửa, được công thức hoá trong việc rao giảng, trong việc dạy giáo lý và trong kinh nguyện của Hội Thánh. Người ta đã gặp những công thức như vậy trong các tác phẩm của các Tông Đồ, như lời chào sau đây làm chứng, lời chào này đã được sử dụng lại trong Thánh lễ: “Nguyện xin ân sủng Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, tình yêu của Chúa Cha và ơn thông hiệp của Chúa Thánh Thần, ở cùng tất cả anh chị em” (2 Cr 13,13)⁶².

683
189

250. Trong những thế kỷ đầu, Hội Thánh đã cố gắng trình bày minh bạch hơn đức tin của mình vào Thiên Chúa Ba Ngôi, vừa để đào sâu sự hiểu biết của chính mình về đức tin, vừa để bảo vệ đức tin khỏi những sai lạc muốn bóp méo đức tin. Đó là công trình của các Công đồng đầu tiên, được trợ lực bởi hoạt động thần học của

94

⁵⁸ X. CĐ Vaticanô II, Sắc lệnh *Ad Gentes*, 2: AAS 58 (1966) 948.

⁵⁹ CĐ Florentina, *Decretum pro Graecis* (năm 1439): DS 1302.

⁶⁰ CĐ Florentina, *Decretum pro Iacobitis* (năm 1442): DS 1331.

⁶¹ CĐ Lyon II, *Constitutio de Summa Trinitate et fide catholica* (1274): DS 850.

⁶² X. 1 Cr 12,4-6; Ep 4,4-6.

các Giáo Phụ và được đón nhận bởi cảm thức đức tin của dân Kitô giáo.

170 **251.** Để công thức hoá tín điều Thiên Chúa Ba Ngôi, Hội Thánh phải triển khai một thuật ngữ riêng, dựa vào những khái niệm bắt nguồn từ triết học, như: “bản thể” (*substantia*), “ngôi” hoặc “ngôi vị” (*persona* hoặc *hypostasis*), “tương quan” (*relatio*) v.v... Làm như vậy, Hội Thánh đã không giao phó đức tin cho sự khôn ngoan phàm nhân, nhưng đã cho các từ ngữ này một ý nghĩa mới, chưa từng biết đến, những từ ngữ này từ nay sẽ được sử dụng để nói lên mầu nhiệm khôn tả, vốn “vô cùng vượt trên mọi điều chúng ta có thể hiểu được theo cách thức phàm nhân”⁶³.

252. Hội Thánh sử dụng từ “bản thể” (*substantia*) (hoặc “yếu tính”, *essentia* hoặc “bản tính”, *natura*) để chỉ Hữu Thể thần linh trong sự duy nhất của Ngài, từ “ngôi” hoặc “ngôi vị” (*persona* hoặc *hypostasis*) để chỉ Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần trong sự phân biệt thật sự với nhau giữa các Ngài, còn từ “tương quan” (*relatio*) để chỉ sự phân biệt của các Ngài trong vấn đề các Ngài quy chiếu về nhau.

Tín điều Ba Ngôi Chí Thánh

2789 **253.** *Tam Vị Nhất Thể.* Chúng ta không tuyên xưng ba Thiên Chúa, nhưng một Thiên Chúa duy nhất có Ba Ngôi: “Ba Ngôi đồng bản thể”⁶⁴. Các Ngôi Vị Thiên Chúa không chia nhau một thần tính duy nhất, nhưng mỗi Ngôi Vị đều là Thiên Chúa trọn vẹn: “Chúa Cha là gì thì Chúa Con là thế ấy, Chúa Con là gì thì Chúa Cha là thế ấy, Chúa Cha và Chúa Con là gì thì Chúa Thánh Thần là thế ấy, nghĩa là một Thiên Chúa duy nhất theo bản tính”⁶⁵. “Ba Ngôi Vị đều là thực thể đó, nghĩa là bản thể, yếu tính hoặc bản tính thần linh”⁶⁶.

468, 689 **254.** *Các Ngôi Vị Thiên Chúa thật sự phân biệt với nhau.* “Chúng tôi tôn thờ và tuyên xưng một Thiên Chúa duy nhất nhưng không đơn độc”⁶⁷. “Chúa Cha”, “Chúa Con”, “Chúa Thánh Thần”, không phải đơn thuần là những danh xưng chỉ các dạng thức của “Hữu Thể” thần linh, bởi vì Ba Ngôi thật sự phân biệt với nhau: “Chúa Con không phải là Chúa Cha, và Chúa Cha không phải là Chúa Con, và Chúa Thánh Thần không phải là Chúa Cha hoặc Chúa Con”⁶⁸. Ba Ngôi phân biệt nhau qua các tương quan về nguồn gốc:

⁶³ ĐGH Phaolô VI, *Sollemnis Professio fidei*, 9: AAS 60 (1968) 437.

⁶⁴ CĐ Constantinôpôli II (năm 553), *Anathematismi de tribus Capitulis*, 1: DS 421.

⁶⁵ CĐ Tôlêđô XI (năm 675), *Tín biểu*: DS 530.

⁶⁶ CĐ Latêranô IV (năm 1215), Cap. 2, *De errore abbatî Ioachim*: DS 804.

⁶⁷ Fides Damasi: DS 71.

⁶⁸ CĐ Tôlêđô XI (năm 675), *Tín biểu*: DS 530.

“Chúa Cha là Đấng sinh thành, Chúa Con là Đấng được sinh ra, Chúa Thánh Thần là Đấng xuất phát”⁶⁹. *Thiên Chúa Nhất Thể Tam Vị*.

255. *Các Ngôi vị Thiên Chúa có tương quan với nhau.* Bởi vì sự phân biệt thật sự giữa các Ngôi Vị với nhau không phân chia thần tính duy nhất, nên sự phân biệt đó chỉ cốt tại các mối tương quan quy chiếu các Ngôi Vị với nhau. “Trong các danh xưng nói lên mối tương quan giữa các Ngôi vị, Chúa Cha có tương quan với Chúa Con, Chúa Con có tương quan với Chúa Cha, và Chúa Thánh Thần có tương quan với Hai Ngôi kia. Khi xét về tương quan thì chúng ta nói là Ba Ngôi, nhưng chúng ta tin vào một bản tính hay một bản thể”⁷⁰. Thật vậy, giữa Ba Ngôi “mọi sự ... đều là một, khi không nói đến sự đối lập về tương quan”⁷¹. “Vì sự duy nhất đó, Chúa Cha hoàn toàn ở trong Chúa Con, hoàn toàn ở trong Chúa Thánh Thần; Chúa Con hoàn toàn ở trong Chúa Cha, hoàn toàn ở trong Chúa Thánh Thần; Chúa Thánh Thần hoàn toàn ở trong Chúa Cha, hoàn toàn ở trong Chúa Con”⁷².

240

256. Thánh Grêgôriô Nazianzêno, có biệt danh là “Nhà thần học”, cống hiến cho các dự tông tại Constantinôpôli bản toát yếu đức tin về Ba Ngôi như sau:

236, 684

“Trên hết mọi sự, tôi yêu cầu, bạn hãy gìn giữ kho tàng quý giá này, kho tàng đó là lý do để tôi sống và chiến đấu, là điều tôi muốn đem theo khi chết, là điều giúp tôi chấp nhận tất cả mọi gian khổ và khinh chê mọi lạc thú: tôi muốn nói đến đức tin, đến việc tuyên xưng vào Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Hôm nay tôi trao lời tuyên xưng đó cho bạn. Với lời tuyên xưng đức tin đó, tôi sắp chìm bạn xuống nước thanh tẩy, rồi kéo bạn lên. Tôi trao cho bạn để làm người bạn đường, người bảo trợ suốt đời, lời tuyên xưng vào một Thần Tính và một Quyền Năng duy nhất, cùng gặp được trong Ba Ngôi, và gồm Ba Ngôi một cách phân biệt, không hơn kém về bản thể hoặc bản tính, không tăng giảm về sự cao hơn hoặc thấp hơn... Ba Ngôi vô cùng, kết hợp với nhau vô cùng. Nếu xét riêng, mỗi Ngôi đều là Thiên Chúa. Nếu suy tưởng một trật, Ba Ngôi vẫn là một Thiên Chúa... Tôi vừa suy tưởng đến Thiên Chúa Duy Nhất, thì lập tức hào quang của Ba Ngôi tràn ngập tâm hồn tôi. Tôi vừa bắt đầu phân biệt Ba Ngôi, thì bị kéo trở lại Thiên Chúa Duy Nhất”⁷³.

84

⁶⁹ CD Latêranô IV (năm 1215), Cap. 2, *De errore abbati Ioachim*: DS 804.

⁷⁰ CD Tôlêđô XI (năm 675), *Tín biểu*: DS 528.

⁷¹ CD Florentina, *Decretum pro Iacobitis* (năm 1442) DS 1330.

⁷² CD Florentina, *Decretum pro Iacobitis* (năm 1442) DS 1331.

⁷³ Thánh Grêgôriô Nazianzêno, *Oratio*, 40, 41: SC 358, 292-294 (PG 36, 417).

IV. CÁC CÔNG TRÌNH THẦN LINH VÀ CÁC SỨ VỤ CỦA BA NGÔI

DE DIVINIS OPERIBUS ET MISSIONIBUS TRINITARIIS

221 **257.** “Ôi nguồn sáng, Ba Ngôi diễm phúc, là Căn Nguyên Độc Nhất
vũ hoàn!”⁷⁴ Thiên Chúa là hạnh phúc vĩnh cửu, là sự sống bất tử,
là ánh sáng không tàn lụi. Thiên Chúa là tình yêu: Chúa Cha,
758 Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Thiên Chúa tự ý muốn truyền
thông vinh quang của sự sống hạnh phúc của Ngài. Đó là “kế
hoạch yêu thương” (Ep 1,9) mà Ngài đã cử mang từ trước khi tạo
dựng trần gian trong Con yêu dấu của Ngài, và quả thật “Ngài đã
tiền định cho ta làm nghĩa tử nhờ Chúa Giêsu Kitô” (Ep 1,5), nghĩa
là, Ngài đã tiền định cho chúng ta “nên đồng hình đồng dạng với
Con của Ngài” (Rm 8,29) nhờ “Thần Khí làm cho anh em nên
nghĩa tử” (Rm 8,15). Kế hoạch này là ân sủng “Ngài đã ban cho
chúng ta từ muôn thuở” (2 Tm 1,9), xuất phát trực tiếp từ tình yêu
292 của Chúa Ba Ngôi. Kế hoạch đó được thể hiện trong công trình tạo
850 dựng, và sau khi con người sa ngã, trong toàn bộ lịch sử cứu độ,
trong các sứ vụ của Chúa Con và Chúa Thánh Thần, được tiếp nối
trong sứ vụ của Hội Thánh⁷⁵.

686 **258.** Toàn bộ Nhiệm cục thần linh là công trình chung của Ba Ngôi
Thiên Chúa. Vì cũng như Ba Ngôi chỉ có một bản tính, Ba Ngôi
cũng chỉ có cùng một hoạt động⁷⁶. “Chúa Cha, Chúa Con và Chúa
Thánh Thần không phải là ba nguyên lý của thụ tạo nhưng là một
nguyên lý duy nhất”⁷⁷. Tuy nhiên mỗi Ngôi Vị Thiên Chúa thực
hiện công trình chung theo cách đặc thù của mình trong Ba Ngôi.
Cho nên, theo sau Tân Ước⁷⁸, Hội Thánh tuyên xưng: “Một Thiên
Chúa là Cha, mọi sự đều bởi Ngài; Một Chúa Giêsu Kitô, mọi sự
đều nhờ Người; và Một Chúa Thánh Thần, mọi sự đều trong
Ngài”⁷⁹. Các sứ vụ thần linh là việc Nhập thể của Chúa Con và
việc trao ban Chúa Thánh Thần biểu lộ cách đặc biệt các đặc tính
riêng của các Ngôi Vị Thiên Chúa.

236 **259.** Toàn bộ Nhiệm cục thần linh là công trình vừa có tính chung,
vừa có tính riêng, nên vừa cho thấy đặc tính của từng Ngôi Vị
Thiên Chúa vừa cho thấy bản tính duy nhất của Ba Ngôi. Toàn bộ

⁷⁴ Thánh thi Kinh Chiều II Chúa nhật, Tuần 2 và 4: *Các Giờ Kinh Phụng Vụ*, editio typica, v.3 (Typis Polyglottis Vaticanis 1973) 684 và 931; v.4 (Typis Polyglottis Vaticanis 1974) 632 và 879.

⁷⁵ X. CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Ad Gentes*, 2-9: AAS 58 (1966) 948-958.

⁷⁶ X. CD Constantinôpôli II (năm 553) *Anathematismi de tribus Capitulis*, 1: DS 421.

⁷⁷ CD Florentina, *Decretum pro Iacobitis* (năm 1442) DS 1331.

⁷⁸ X. 1 Cr 8,6.

⁷⁹ CD Constantinôpôli II (năm 553) *Anathematismi de tribus Capitulis*, 1: DS 421.

đời sống Kitô hữu cũng là sự hiệp thông với mỗi Ngôi Vị Thiên Chúa mà không hề phân biệt Ba Ngôi. Ai tôn vinh Chúa Cha, là làm điều đó nhờ Chúa Con trong Chúa Thánh Thần; ai bước theo Chúa Kitô, là làm điều đó bởi vì Chúa Cha lôi kéo người ấy⁸⁰ và Chúa Thánh Thần thúc đẩy người ấy⁸¹.

260. Cùng đích của toàn bộ Nhiệm cục thần linh là đưa các thụ tạo đến hợp nhất trọn vẹn với Ba Ngôi Diễm Phúc⁸². Nhưng ngay từ bây giờ, chúng ta được kêu gọi trở nên nơi cư ngụ của Ba Ngôi Chí Thánh. Chúa nói: “Ai yêu mến Thầy, thì sẽ giữ lời Thầy. Cha Thầy sẽ yêu mến người ấy. Cha Thầy và Thầy sẽ đến và ở lại với người ấy” (Ga 14,23):

1050, 1721

1997

“Lạy Thiên Chúa của con, lạy Ba Ngôi con tôn thờ, xin giúp con quên hẳn mình để an trú trong Chúa, bất động và thanh thản như thể linh hồn con đã ở trong cõi vĩnh hằng; xin đừng để điều gì có thể quấy phá sự bình an của con, và làm con phải ra khỏi Chúa, ôi Đấng Bất Biến của con, nhưng mỗi giây phút xin đem con vào sâu hơn nữa trong mầu nhiệm thâm sâu của Chúa! Xin ban bình an cho linh hồn con; xin biến linh hồn con thành thiên đàng của Chúa, thành nơi cư ngụ mà Chúa ưa thích, và nơi nghỉ ngơi của Chúa. Ước gì con không bao giờ bỏ mặc Chúa một mình, nhưng ước gì con ở đó với trọn vẹn bản thân, hoàn toàn tỉnh thức trong đức tin, hoàn toàn thờ lạy, và hoàn toàn phó thác cho hoạt động sáng tạo của Chúa”⁸³.

2565

TÓM LƯỢC

261. *Mầu nhiệm Ba Ngôi Chí Thánh là mầu nhiệm trung tâm của đức tin và đời sống Kitô hữu. Chỉ một mình Thiên Chúa mới có thể cho ta biết được mầu nhiệm ấy khi Ngài tự mạc khải là Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần.*

262. *Việc Nhập Thể của Con Thiên Chúa mạc khải rằng Thiên Chúa là Cha từ muôn thuở, và Chúa Con là Đấng đồng bản thể với Chúa Cha, nghĩa là, Chúa Con là Thiên Chúa duy nhất trong Chúa Cha và cùng với Chúa Cha.*

⁸⁰ X. Ga 6,44.

⁸¹ X. Rm 8,14.

⁸² X. Ga 17,21-23.

⁸³ Chân phước Élisabet Chúa Ba Ngôi, Lời nguyện dâng Chúa Ba Ngôi: *Ecrits spirituels*, 50, ed. M.M. Philipon (Paris 1949) 80.

263. *Sứ vụ của Chúa Thánh Thần, Đấng Chúa Cha sai đến nhân danh Chúa Con⁸⁴, và Chúa Con sai đến “từ nơi Chúa Cha” (Ga 15,26), mạc khải rằng Chúa Thánh Thần cùng với Chúa Cha và Chúa Con là một Thiên Chúa duy nhất. “Ngài được phụng thờ và tôn vinh cùng với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con”⁸⁵.*

264. *“Chúa Thánh Thần chủ yếu xuất phát từ Chúa Cha, mà từ đời đời Chúa Cha ban tặng cho Chúa Con, nên Chúa Thánh Thần xuất phát chung từ Hai Ngôi”⁸⁶.*

265. *Nhờ ân sủng của bí tích Rửa Tội “nhân danh Cha và Con và Thánh Thần” (Mt 28,19), chúng ta được kêu gọi để tham dự vào sự sống của Ba Ngôi Diễm Phúc, “ở trần thế này trong bóng tối của đức tin và sau khi chết trong ánh sáng vĩnh cửu”⁸⁷.*

266. *“Đức tin công giáo là thế này, chúng ta thờ kính Một Thiên Chúa trong Ba Ngôi, và Ba Ngôi trong Một Thiên Chúa, mà không lẫn lộn các Ngôi Vị, không phân chia bản thể: thật vậy, Ngôi Cha là khác, Ngôi Con là khác và Ngôi Thánh Thần là khác; nhưng thần tính, sự vinh quang ngang nhau và uy quyền vĩnh cửu của Chúa Cha, của Chúa Con và của Chúa Thánh Thần là một”⁸⁸.*

267. *Các Ngôi vị thần linh không thể tách rời nhau trong cùng một bản thể duy nhất, thì cũng không thể tách rời nhau trong các hoạt động của mình. Nhưng trong hoạt động thần linh duy nhất này, mỗi Ngôi vị hiện diện theo cách đặc thù của mình trong Ba Ngôi, nhất là trong các sứ vụ thần linh là việc Nhập Thể của Chúa Con và việc trao ban Chúa Thánh Thần.*

Tiết 3

Đấng Toàn Năng

Paragraphus 3

Omnipotens

268. Trong tất cả các phẩm tính thần linh, Tín biểu chỉ nhắc đến sự toàn năng của Thiên Chúa: việc tuyên xưng Thiên Chúa Toàn Năng là rất quan trọng đối với đời sống chúng ta. Chúng ta tin

⁸⁴ X. Ga 14,26.

⁸⁵ Tín biểu Nicêa-Constantinôpôli: DS 150.

⁸⁶ Thánh Augustinô, *De Trinitate*, 15, 26, 47: CCL 50A, 529 (PL 42, 1095).

⁸⁷ ĐGH Phaolô VI, *Sollemnis Professio fidei*, 9: AAS 60 (1968) 436.

⁸⁸ Tín biểu “*Quicumque*”: DS 75.

rằng sự toàn năng của Ngài là *phổ quát*, bởi vì Thiên Chúa, Đấng đã tạo dựng mọi sự⁸⁹, điều khiển và làm được mọi sự; sự toàn năng của Thiên Chúa tràn đầy *tình yêu*, bởi vì Ngài là Cha chúng ta⁹⁰; sự toàn năng của Thiên Chúa là *mâu nhiệm*, bởi vì chỉ có đức tin có thể nhận ra sự toàn năng đó, khi nó được “biểu lộ trọn vẹn trong sự yếu đuối” (2 Cr 12,9)⁹¹.

“Muốn làm gì là Chúa làm nên” (Tv 115,3)

269. Thánh Kinh thường tuyên xưng quyền năng *phổ quát* của Thiên Chúa. Ngài được gọi là “Đấng Quyền Năng của Giacob” (St 49,24; Is 1,24...), “Chúa các đạo binh”, “Đấng Mạnh Mẽ, Đấng Oai Hùng” (Tv 24,8-10). Vì vậy, Thiên Chúa là Đấng toàn năng “chốn trời cao cùng nơi đất thấp” (Tv 135,6), bởi vì chính Ngài đã tạo dựng nên chúng. Không có gì mà Ngài không làm được⁹², và Ngài sắp đặt công trình của Ngài theo ý Ngài⁹³; Ngài là Chúa cả trần 303 gian, Ngài đã thiết lập trật tự cho nó, và trật tự đó hoàn toàn quy phục Ngài và phục vụ Ngài. Ngài là Chúa của lịch sử: Ngài điều khiển các tâm hồn và các biến cố theo ý Ngài⁹⁴: “Quyền năng Chúa luôn luôn vĩ đại, ai chống nổi cánh tay dũng mãnh của Ngài?” (Kn 11,21).

“Chúa xót thương hết mọi người, vì Chúa làm được hết mọi sự” (Kn 11,23)

270. Thiên Chúa là *Cha* toàn năng. Tình phụ tử và quyền năng của Ngài soi sáng lẫn nhau. Quả thế, Ngài cho thấy sự toàn năng đầy 2777 tình Cha của Ngài qua cách Ngài chăm lo cho những nhu cầu của chúng ta⁹⁵; qua việc Ngài nhận chúng ta làm nghĩa tử (“Ta sẽ là Cha các người, và các người sẽ là con trai, con gái của Ta, Chúa toàn năng phán như vậy”: (2 Cr 6,18); sau hết, Ngài bày tỏ rõ ràng quyền năng của Ngài qua lòng khoan dung vô tận, khi Ngài tự ý tha thứ các tội lỗi. 1441

271. Sự toàn năng của Thiên Chúa không hề có tính chất độc đoán: “Nơi Thiên Chúa, quyền năng và yếu tính, ý muốn và trí tuệ, sự khôn ngoan và sự công chính là một. Do đó, không có gì trong

⁸⁹ X. St 1,1; Ga 1,3.

⁹⁰ X. Mt 6,9.

⁹¹ X. 1 Cr 1,18.

⁹² X. Gr 32,17; Lc 1,37.

⁹³ X. Gr 27,5.

⁹⁴ X. Et 4,17c; Cn 21,1; Tb 13,2.

⁹⁵ X. Mt 6,32.

quyền năng của Thiên Chúa mà không ở trong ý muốn công chính của Ngài, và trong trí tuệ khôn ngoan của Ngài”⁹⁶.

Mâu nhiệm về sự “bề ngoài có vẻ bất lực” của Thiên Chúa

309 **272.** Đức tin vào Thiên Chúa là Cha toàn năng có thể bị thử thách
412 do kinh nghiệm về sự dữ và đau khổ. Đôi khi Thiên Chúa có thể bị
609 coi như vắng mặt và bất lực không ngăn chặn được sự dữ. Thật ra,
Thiên Chúa là Cha đã mặc khải sự toàn năng của Ngài một cách
hết sức *huyền nhiệm* trong việc Con của Ngài tự nguyện hạ mình
và sống lại, nhờ đó Ngài đã chiến thắng sự dữ. Như vậy, Đức Kitô
bị đóng đinh là sức mạnh của Thiên Chúa và sự khôn ngoan của
Thiên Chúa “vì sự điên rồ của Thiên Chúa còn hơn cái khôn ngoan
của loài người, và sự yếu đuối của Thiên Chúa còn hơn cái mạnh
648 mẽ của loài người” (1 Cr 1,25). Trong việc Đức Kitô sống lại và
được tôn vinh, Chúa Cha biểu dương “sức mạnh toàn năng đầy hiệu
lực” của Ngài và cho thấy “quyền lực vô cùng lớn lao” của Ngài mà
“Ngài đã thi thố cho chúng ta là những tín hữu” (Ep 1,19-22).

148 **273.** Chỉ đức tin mới có thể gắn bó với những đường lối mâu nhiệm
của sự toàn năng của Thiên Chúa. Đức tin này tự hào về những
yếu kém của mình, để lôi kéo quyền năng của Đức Kitô xuống trên
mình⁹⁷. Gương mẫu cao cả nhất của một đức tin như thế là Đức
Trinh Nữ Maria, Mẹ là người đã tin rằng “đối với Thiên Chúa,
không có gì là không thể làm được” (Lc 1,37) và đã ngợi khen
Chúa: “Đấng Toàn Năng đã làm cho tôi biết bao điều cao cả, Danh
Ngài thật chí thánh chí tôn” (Lc 1,49).

1814, 1817 **274.** “Không gì có thể củng cố đức tin và đức cậy của chúng ta bằng
việc chúng ta xác tín trong tâm hồn rằng: không có gì mà Thiên
Chúa không làm được. Từ chỗ đó, sau khi lý trí đã có ý niệm về
Thiên Chúa toàn năng, thì những điều phải tin, dù là cao cả và kỳ
diệu, và vượt quá trật tự và cách thức của các sự việc, lý trí con
người vẫn chấp nhận một cách dễ dàng, không chút do dự”⁹⁸.

TÓM LƯỢC

275. *Cùng với ông Job, người công chính, chúng ta tuyên xưng: “Con biết rằng việc gì Chúa cũng làm được, không có gì Chúa đã định trước mà lại không thành tựu” (G 42,2).*

⁹⁶ Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, I, q. 25, a. 5, ad 1: Ed. Leon. 4, 297.

⁹⁷ X. 2 Cr 12,9; Pl 4,13.

⁹⁸ *Catechismus Romanus*, 1, 2, 13: ed. P. Rodriguez (Città del Vaticano- Pamplona) 31.

276. Hội Thánh, trung thành với chứng từ của Thánh Kinh, thường dâng lời cầu nguyện lên “Thiên Chúa toàn năng hằng hữu” (“*Omnipotens sempiternus Deus...*”), trong khi vững tin rằng: “đối với Thiên Chúa, không có gì là không thể làm được” (Lc 1,37)⁹⁹.

277. Thiên Chúa cho thấy sự toàn năng của Ngài, khi Ngài làm cho chúng ta hối cải bỏ đàng tội lỗi và Ngài lấy ân sủng mà đưa chúng ta trở lại trong tình bằng hữu với Ngài (“*Lạy Chúa, khi Chúa thương xót và thứ tha, chính là lúc Chúa biểu lộ quyền năng cách tỏ tường hơn cả*”)¹⁰⁰.

278. Nếu ai không tin rằng tình yêu của Thiên Chúa là toàn năng, thì làm thế nào người đó tin được rằng Thiên Chúa đã có thể tạo dựng chúng ta, Chúa Con đã có thể cứu chuộc chúng ta, Chúa Thánh Thần đã có thể thánh hoá chúng ta?

Tiết 4

Đấng Tạo Hoá

Paragraphus 4

Creator

279. “Lúc khởi đầu, Thiên Chúa đã tạo thành trời đất” (St 1,1). Những lời long trọng này đã mở đầu bộ Thánh Kinh. Tín biểu lấy lại những lời đó khi tuyên xưng Thiên Chúa là Cha toàn năng, “Đấng tạo thành trời đất”¹⁰¹, “muôn vật hữu hình và vô hình”¹⁰². Vì vậy trước hết, chúng ta nói về Đấng Tạo Hoá, kể đến về công trình tạo dựng của Ngài, sau hết về việc con người sa ngã phạm tội, rồi được Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, đến giải thoát chúng ta khỏi tội lỗi.

280. Công trình tạo dựng là nền tảng liên quan đến “mọi sáng kiến cấu độ của Thiên Chúa”, “khởi đầu của lịch sử cứu độ”¹⁰³ mà Đức Kitô là tột đỉnh. Ngược lại, mầu nhiệm Đức Kitô là ánh sáng quyết định soi tỏ mầu nhiệm tạo dựng; mầu nhiệm Đức Kitô mạc khải cùng đích của việc “lúc khởi đầu, Thiên Chúa đã sáng tạo trời

⁹⁹ X. St 18,14; Mt 19,26.

¹⁰⁰ Chúa nhật XXVI Thường Niên, Lời nguyện nhập lễ: *Sách Lễ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 365.

¹⁰¹ Tín biểu của các Tông Đồ: DS 30.

¹⁰² Tín biểu Nicêa-Constantinôpôli: DS 150.

¹⁰³ Thánh bộ Giáo sĩ, *Directorium catechisticum generale*, 51: AAS 64 (1972) 128.

1043 đất” (St 1,1): ngay từ đầu, Thiên Chúa đã nhắm tới vinh quang của công trình tạo dựng mới trong Đức Kitô¹⁰⁴.

1095 **281.** Vì vậy, các bài Sách Thánh trong đêm Canh thức Vượt Qua, đem mừng công trình tạo dựng mới trong Đức Kitô, bắt đầu bằng bài tường thuật công trình tạo dựng. Trong phụng vụ Byzantin, bài tường thuật này luôn là bài đọc thứ nhất trong lễ vọng các đại lễ kính Chúa. Theo một chứng từ cổ xưa, việc dạy các dự tông để chịu phép Rửa Tội cũng theo cùng một đường lối đó¹⁰⁵.

I. DẠY GIÁO LÝ VỀ CÔNG TRÌNH TẠO DỰNG CATECHESIS DE CREATIONE

1730 **282.** Việc dạy giáo lý về công trình tạo dựng là hết sức quan trọng. Nó liên quan đến chính nền tảng của cuộc sống làm người và làm Kitô hữu: vì nó đem lại câu trả lời của đức tin Kitô giáo cho câu hỏi căn bản mà con người của mọi thời đại thường đặt ra cho mình: “Chúng ta từ đâu tới?” “Chúng ta đi về đâu?” “Nguồn gốc của chúng ta là gì?” “Cùng đích của chúng ta là gì?” “Mọi vật hiện hữu từ đâu tới và đi về đâu?” Hai câu hỏi này, về nguồn gốc và cùng đích, không thể tách rời nhau. Chúng có tính cách quyết định đối với ý nghĩa và định hướng cho cuộc đời chúng ta và cho cách thức hành động của chúng ta.

159 **283.** Câu hỏi về nguồn gốc trần gian và con người là đối tượng của nhiều công trình nghiên cứu khoa học, giúp mở rộng tầm hiểu biết của chúng ta về độ tuổi và các chiều kích của trần gian, về sự hình thành các dạng sinh vật, về sự xuất hiện đầu tiên của loài người. Những khám phá này 341 mời gọi chúng ta thêm lòng cảm phục sự cao cả của Đấng Tạo Hóa, tạ ơn Ngài vì các công trình của Ngài, vì sự thông minh và tài năng Ngài đã ban cho các nhà bác học và các nhà nghiên cứu. Cùng với vua Salômôn, những vị này có thể nói: “Chính Ngài đã kháng ban cho tôi tri thức xác thực về những gì đang hiện hữu, để tôi thấu hiểu cơ cấu của vũ trụ và năng lực của các nguyên tố tạo thành... Vì chính người thợ làm ra muôn vật muôn loài đã chỉ dạy cho tôi. Người thợ ấy chính là Đức Khôn Ngoan” (Kn 7,17-21).

284. Sự quan tâm lớn lao dành cho các công cuộc nghiên cứu này còn được thúc đẩy mạnh mẽ bởi một câu hỏi thuộc một lãnh vực khác, vượt quá phạm vi của các khoa học tự nhiên. Vấn đề không phải chỉ là tìm hiểu trần gian vật chất phát sinh khi nào và cách nào, và con người đã xuất hiện lúc nào, nhưng quan trọng hơn, chính là khám phá ra ý nghĩa

¹⁰⁴ X. Rm 8,18-23.

¹⁰⁵ X. Êgiêria, *Itinerarium seu Peregrinatio ad loca sancta* 46, 2: SC 296, 308; PLS 1, 1089-1090; Thánh Augustinô, *De catechizandis rudibus* 3, 5: CCL 46, 124 (PL 40, 313).

của nguồn gốc đó: Phải chăng trần gian bị điều khiển bởi một sự ngẫu nhiên, một định mệnh mù quáng, một tất yếu vô danh, hay được điều khiển bởi một Hữu Thể siêu việt, thông minh và tốt lành, được gọi là Thiên Chúa? Và nếu trần gian xuất phát từ sự khôn ngoan và tốt lành của Thiên Chúa, thì tại sao lại có sự dữ? Nó từ đâu ra? Ai chịu trách nhiệm về nó? Có cách nào thoát khỏi sự dữ không?

285. Từ buổi đầu, đức tin Kitô giáo đã đối mặt với những giải đáp khác với giải đáp của mình về vấn đề nguồn gốc. Người ta gặp trong các tôn giáo và các văn hóa cổ xưa nhiều huyền thoại về vấn đề nguồn gốc. Một số triết gia đã cho rằng mọi sự đều là Thần Linh, trần gian là Thần Linh, hoặc quá trình tiến hoá của trần gian là quá trình tiến hoá của Thần Linh (thuyết phiếm thần); một số khác cho rằng trần gian là một xuất phát tất yếu của Thần Linh, từ Thần Linh phát ra và trở về với Ngài; một số khác nữa khẳng định sự hiện hữu của hai nguyên lý vĩnh cửu, Thiện và Ác, Ánh Sáng và Bóng Tối, luôn giao tranh với nhau (thuyết nhị nguyên, thuyết của Manikê); một số người theo các thuyết ấy cho rằng thế giới (ít nhất là thế giới vật chất) là xấu, là sản phẩm của một sự sa ngã, vì vậy cần phải loại bỏ đi hoặc phải vượt khỏi (thuyết ngộ đạo); những người khác lại cho rằng trần gian do Thiên Chúa tạo nên, theo kiểu một người thợ làm ra cái đồng hồ, làm ra rồi để nó tự vận hành (tự nhiên thần giáo); cuối cùng, có những người không chấp nhận một nguồn gốc siêu việt nào của trần gian, chỉ coi trần gian thuần túy là sự tương tác của vật chất vẫn luôn hiện hữu (thuyết duy vật). Tất cả những cố gắng đó cho thấy rằng câu hỏi về vấn đề nguồn gốc là một thách thức muôn thuở và phổ quát. Việc tìm kiếm này là một nét đặc trưng của con người. 295

286. Chính trí thông minh của loài người có khả năng tìm ra câu trả lời cho câu hỏi về nguồn gốc. Thật vậy, sự hiện hữu của Thiên Chúa, Đấng Tạo Hoá, có thể được nhận biết một cách chắc chắn bằng ánh sáng của lý trí con người, nhờ các công trình của Ngài¹⁰⁶, mặc dù sự nhận biết đó thường bị mờ tối và lệch lạc vì sai lầm. Chính vì vậy cần có đức tin củng cố và soi sáng lý trí để hiểu biết chân lý này cách chính xác. “Nhờ đức tin, chúng ta hiểu rằng vũ trụ đã được hình thành bởi lời của Thiên Chúa; vì thế những cái hữu hình là do những cái vô hình mà có” (Dt 11,3). 32 37

287. Chân lý về công trình tạo dựng rất quan trọng đối với toàn bộ cuộc sống con người, nên Thiên Chúa, do lòng nhân hậu của Ngài, đã muốn mạc khải cho Dân Ngài nhận biết những điều hữu ích về vấn đề này. Vượt trên sự hiểu biết tự nhiên mà bất cứ người nào cũng có thể có được về Đấng Tạo Hóa¹⁰⁷, Thiên Chúa đã dần dần 107

¹⁰⁶ X. CĐ Vaticanô I, Hiến chế tín lý *Dei Filius*, De Revelatione, canon 1: DS 3026.

¹⁰⁷ X. Cv 17,24-29; Rm 1,19-20.

mạc khải cho Israel mẫu nhiệm tạo dựng. Thiên Chúa, Đấng đã chọn các tổ phụ, Đấng đã đưa Israel ra khỏi Ai cập, Đấng đã tạo dựng và huấn luyện Israel khi tuyển chọn dân này làm dân riêng của Ngài¹⁰⁸, chính Ngài đã tự mạc khải mình là Đấng làm chủ mọi dân tộc trên mặt đất, và cả toàn cõi đất, mình là Đấng duy nhất “đã dựng nên trời đất” (Tv 115,15; 124,8; 134,3).

280 **288.** Việc mạc khải về công trình tạo dựng như vậy không thể tách rời khỏi việc mạc khải và thực hiện Giao Ước của Thiên Chúa duy nhất với dân Ngài. Công trình tạo dựng được mạc khải như bước đầu hướng tới Giao Ước này, như chứng từ đầu tiên và phổ quát của tình yêu toàn năng của Thiên Chúa¹⁰⁹. Vì thế, chân lý về công
2569 trình tạo dựng cũng được diễn tả ngày càng mạnh mẽ trong sự điệp của các Tiên tri¹¹⁰, trong lời cầu nguyện của các Thánh vịnh¹¹¹ và của phụng vụ, trong suy tư về sự khôn ngoan¹¹² của dân Chúa chọn.

390 **289.** Trong tất cả những lời Thánh Kinh nói về công trình tạo dựng, ba chương đầu của sách Sáng Thế có một chỗ đứng độc đáo. Về phương diện văn chương, những bản văn đó có thể do nhiều nguồn khác nhau. Các tác giả được linh hứng đã đặt các bản văn này ở đầu Sách Thánh để long trọng diễn tả những chân lý về công trình tạo dựng, về nguồn gốc và cùng đích của công trình đó trong Thiên Chúa, về trật tự và sự tốt lành của nó, về ơn gọi của
111 con người, và cuối cùng về thảm kịch tội lỗi và niềm hy vọng vào ơn cứu độ. Những lời này, được đọc dưới ánh sáng của Chúa Kitô, trong sự thống nhất của Thánh Kinh, và trong Truyền thống sống động của Hội Thánh, vẫn là nguồn chính yếu cho việc dạy giáo lý về những mẫu nhiệm của “lúc khởi đầu”: việc tạo dựng, sự sa ngã, lời hứa ban ơn cứu độ.

II. TẠO DỰNG - CÔNG TRÌNH CỦA BA NGÔI CHÍ THÁNH CREATIO – SANCTISSIMAE TRINITATIS OPUS

290. “Lúc khởi đầu Thiên Chúa đã tạo dựng trời đất” (St 1,1): những lời đầu tiên này của Thánh Kinh xác quyết ba điều: Thiên Chúa vĩnh cửu đã ban một khởi điểm cho tất cả những gì hiện hữu bên ngoài Ngài. Duy chỉ mình Ngài là Đấng Tạo Hoá (động từ “tạo dựng”- tiếng hipri là *bara* - luôn có chủ từ là Thiên Chúa). Tất cả

¹⁰⁸ X. Is 43,1.

¹⁰⁹ X. St 15,5; Gr 33,19-26.

¹¹⁰ X. Is 44,24.

¹¹¹ X. Tv 104.

¹¹² X. Cn 8,22-31.

những gì hiện hữu (được diễn tả bằng thuật ngữ “trời đất”) đều tùy thuộc vào Đấng đã cho chúng hiện hữu. 326

291. “Lúc khởi đầu đã có Ngôi Lời... và Ngôi Lời là Thiên Chúa... Nhờ Ngôi Lời, vạn vật được tạo thành và không có Người, thì chẳng có gì được tạo thành” (Ga 1,1-3). Tân Ước mạc khải rằng: Thiên Chúa đã tạo dựng tất cả nhờ Ngôi Lời vĩnh cửu là Con yêu dấu của Ngài. “Trong Người, muôn vật được tạo thành, trên trời cùng dưới đất... Tất cả đều do Thiên Chúa tạo dựng nhờ Người và cho Người. Người có trước muôn loài muôn vật, tất cả đều tồn tại trong Người” (Cl 1,16-17). Đức tin của Hội Thánh cũng xác quyết một cách tương tự về hoạt động tạo dựng của Chúa Thánh Thần: Ngài, Đấng chúng ta tuyên xưng là “Đấng ban sự sống”¹¹³, là “Thần Khí Sáng Tạo” (*Veni, Creator Spiritus*): “*Lạy Thần Khí Sáng Tạo, xin ngự đến*”), là “Nguồn mạch của sự thiện hảo”¹¹⁴. 241 331 703

292. Hành động tạo dựng của Chúa Con và Chúa Thánh Thần, là một, một cách không thể tách biệt, với hành động tạo dựng của Chúa Cha, là điều đã được thoáng thấy trong Cựu Ước¹¹⁵, đã được mạc khải trong Tân Ước, nay được quy luật đức tin của Hội Thánh xác định rõ ràng: “Chỉ có một Thiên Chúa duy nhất [...]: Ngài là Cha, là Thiên Chúa, là Đấng Tạo Hoá, là Tác Giả, là Đấng làm nên mọi sự, Đấng *tự mình* tác tạo mọi sự, nghĩa là nhờ Lời và đức Khôn Ngoan của Ngài”¹¹⁶; “Chúa Con và Chúa Thánh Thần” là như “những bàn tay” của Ngài¹¹⁷. Tạo dựng là công trình chung của Ba Ngôi Chí Thánh. 699 257

III. “TRẦN GIAN ĐƯỢC TẠO DỰNG ĐỂ LÀM VINH DANH THIÊN CHÚA” “MUNDUS AD DEI GLORIAM CONDITUS EST”

293. Chân lý căn bản, mà Thánh Kinh và Truyền Thống không ngừng giảng dạy và cử hành, là: “Trần gian được tạo dựng để làm vinh danh Thiên Chúa”¹¹⁸. Thánh Bonaventura giải thích: Thiên Chúa đã tạo dựng mọi sự “không phải để gia tăng vinh quang, 337, 344

¹¹³ Tín biểu Nicêa-Constantinôpôli: DS 150.

¹¹⁴ *Phụng vụ Byzantin, 2^{um} Sticherum Vesperarum Dominicæ Pentecostes: Pentekostarion* (Rome 1883), 408.

¹¹⁵ X. Tv 33,6; 104,30; St 1,2-3.

¹¹⁶ Thánh Irênê, *Adversus haereses*, 2, 30, 9: SC 294, 318-320 (PG 7, 822).

¹¹⁷ Thánh Irênê, *Adversus haereses*, 4, 20, 1: SC 100, 626 (PG 7, 1032).

¹¹⁸ CĐ Vaticanô I, Hiến chế tín lý *Dei Filius*, De Deo rerum omnium Creatore, canon 5: DS 3025.

- 1361 nhưng để biểu lộ và truyền thông vinh quang của Ngài¹¹⁹. Quả thật, Thiên Chúa không thể có lý do nào khác để tạo dựng, ngoài tình yêu và sự tốt lành của Ngài: “Khi tay Ngài được mở ra bằng chìa khoá của tình yêu, thì các thụ tạo xuất hiện”¹²⁰. Công đồng Vaticanô I giải thích:
- 759 “Thiên Chúa, do sự tốt lành và uy quyền toàn năng của Ngài, không phải để gia tăng hoặc đạt được vinh phúc của Ngài, nhưng để biểu lộ sự trọn hảo của Ngài qua những điều thiện hảo Ngài ban cho các thụ tạo, do ý định hoàn toàn tự do của Ngài, lúc khởi đầu thời gian, đã tạo dựng mọi loài từ hư vô, cả loài thiêng liêng lẫn loài có thể xác”¹²¹.
- 2809 **294.** Vinh quang của Thiên Chúa cốt tại việc biểu lộ và truyền thông sự tốt lành của Ngài, vì đó mà trần gian đã được tạo dựng. “Theo ý muốn nhân hậu của Ngài, Ngài đã tiền định cho ta làm nghĩa tử nhờ Chúa Giêsu Kitô, để ta hằng ngợi khen ân sủng rạng
1722 *ngời, ân sủng Ngài ban tặng cho ta*” (Ep 1,5-6). “Thật vậy, vinh quang của Thiên Chúa là con người sống, và sự sống của con người là được nhìn thấy Thiên Chúa. Nếu sự mạc khải của Thiên Chúa qua công trình tạo dựng đã đem đến sự sống cho mọi loài trên trái đất, thì việc Ngôi Lời biểu lộ Chúa Cha lại càng đem lại sự sống gấp bội cho những ai thấy Thiên Chúa”¹²². Mục đích tối hậu của công trình tạo dựng là Thiên Chúa, “Đấng dựng nên mọi loài, cuối cùng sẽ ‘có toàn quyền trên muôn loài’ (1 Cr 15,28), đem lại vinh
1992 quang cho Ngài và đồng thời đem lại vinh phúc cho chúng ta”¹²³.

IV. MẦU NHIỆM TẠO DỰNG MYSTERIUM CREATIONIS

Thiên Chúa tạo dựng bằng sự khôn ngoan và tình yêu

295. Chúng ta tin Thiên Chúa đã tạo dựng trần gian theo sự khôn ngoan của Ngài¹²⁴. Trần gian không phải là sản phẩm của bất cứ một luật tất yếu, một định mệnh mù quáng hoặc một sự ngẫu nhiên nào. Chúng ta tin trần gian xuất phát từ ý muốn tự do của Thiên Chúa, Đấng đã muốn cho các thụ tạo được tham dự vào hữu

¹¹⁹ Thánh Bônaventura, *In secundum librum Sententiarum*, dist. 1, p. 2, a. 2, q. 1, concl.: *Opera omnia*, v. 2 (Ad Claras Aquas 1885) 44.

¹²⁰ Thánh Tôma Aquinô, *Commentum in secundum librum Sententiarum*, Prologus: *Opera omnia*, v. 8 (Paris 1873) 2.

¹²¹ CĐ Vaticanô I, Hiến chế tín lý *Dei Filius*, c. 1: DS 3002.

¹²² Thánh Irênê, *Adversus haereses*, 4, 20, 7: SC 100, 648 (PG 7, 1037).

¹²³ CĐ Vaticanô II, Sắc lệnh *Ad Gentes*, 2: AAS 58 (1966) 948.

¹²⁴ X. Kn 9,9.

thể, sự khôn ngoan và sự tốt lành của Ngài. “Ngài đã dựng nên muôn vật, và do ý Ngài muốn, mọi loài liền có và được dựng nên” (Kh 4,11). “Công trình Ngài, lạ Chúa, quả thiên hình vạn trạng! Chúa hoàn thành tất cả thật khôn ngoan” (Tv 104,24). “Chúa nhân ái đối với mọi người, tỏ lòng nhân hậu với muôn loài Chúa đã dựng nên” (Tv 145,9).

216, 1951

Thiên Chúa tạo dựng “từ hư vô”

296. Chúng ta tin Thiên Chúa tạo dựng mà không cần một thứ gì đã hiện hữu trước, cũng không cần một sự trợ giúp nào¹²⁵. Công trình tạo dựng cũng không phải là một sự xuất phát tất yếu từ bản thể Thiên Chúa¹²⁶. Thiên Chúa tạo dựng một cách tự do “từ hư vô” (“ex nihilo”)¹²⁷:

285

“Nếu Thiên Chúa làm nên trần gian từ một chất liệu có trước, thì có gì là cao cả? Một người thợ giữa chúng ta, khi nhận được vật liệu từ ai đó, cũng làm ra được những gì anh ta muốn. Nhưng quyền năng của Thiên Chúa được chứng tỏ trong điều này, là từ hư vô, Ngài làm nên bất cứ những gì Ngài muốn”¹²⁸.

297. Thánh Kinh làm chứng đức tin về việc tạo dựng “từ hư vô” như một chân lý đầy hứa hẹn và hy vọng. Một bà mẹ đã khuyến khích bảy người con mình chịu tử đạo như sau:

338

“Mẹ không rõ các con đã thành hình trong lòng mẹ thế nào. Không phải mẹ ban cho các con thần khí và sự sống. Cũng không phải mẹ sắp đặt các phần cơ thể cho mỗi người trong các con. Chính Đấng Tạo Hoá càn khôn đã nắn đúc nên loài người, và đã sáng tạo nguồn gốc muôn loài. Chính Ngài do lòng thương xót, cũng sẽ trả lại cho các con thần khí và sự sống, bởi vì bây giờ các con trọng Luật Lệ của Ngài hơn bản thân mình... Mẹ xin con hãy nhìn xem trời đất và muôn loài trong đó, mà nhận biết rằng Thiên Chúa đã làm nên tất cả từ hư vô, và loài người cũng được tạo thành như vậy” (2 Mcb 7,22-23.28).

298. Bởi vì Thiên Chúa có thể tạo dựng từ hư vô, nên Ngài, “Đấng làm cho kẻ chết được sống và khiến những gì không có hóa có” (Rm 4,17), cũng có thể, nhờ Chúa Thánh Thần, ban sự sống phần hồn cho các tội nhân bằng cách tạo cho họ một quả tim tinh

1375

¹²⁵ X. CD Vaticanô I, Hiến chế tín lý *Dei Filius*, c.1: DS 3002.

¹²⁶ X. CD Vaticanô I, Hiến chế tín lý *Dei Filius*, De Deo rerum omnium Creatore, canones 1-4: DS 3023-3024.

¹²⁷ CD Latêranô IV, Cap. 2, *De fide catholica*: DS 800; CD Vaticanô I, Hiến chế tín lý *Dei Filius*, De Deo rerum omnium Creatore, canon 5: DS 3025.

¹²⁸ Thánh Thêôphilô Antiôchia, *Ad Autolycum*, 2, 4: SC 20, 102 (PG 6, 1052).

992 tuyên¹²⁹, và ban sự sống phần xác cho người đã chết qua việc phục sinh. Và bởi vì Ngài đã có thể lấy Lời của Ngài mà làm cho ánh sáng bùng lên từ bóng tối¹³⁰, nên Ngài cũng có thể ban ánh sáng đức tin cho những kẻ chưa biết Ngài¹³¹.

Thiên Chúa tạo dựng một thế giới trật tự và tốt lành

299. Nếu Thiên Chúa tạo dựng một cách khôn ngoan, thì công
trình tạo dựng là có trật tự: “Chúa đã sắp xếp có chừng có mực, đã
339 tính toán và cân nhắc cả rồi” (Kn 11,20). Trần gian được tạo dựng
trong Ngôi Lời vĩnh cửu và nhờ Ngôi Lời vĩnh cửu, Đấng là “hình
ảnh của Thiên Chúa vô hình” (Cl 1,15), trần gian đó là dành cho
con người và hướng tới con người, là hình ảnh của Thiên Chúa¹³²,
và được kêu gọi để sống trong tương quan cá vị với Thiên Chúa.
41, 1147 Trí khôn của chúng ta, được tham dự vào ánh sáng của Đấng
Thượng trí thần linh, có thể hiểu được những điều Thiên Chúa nói
với chúng ta qua công trình tạo dựng¹³³, tuy phải cố gắng nhiều, và
trong tinh thần khiêm tốn và kính trọng trước Đấng Tạo Hóa và
công trình của Ngài¹³⁴. Công trình tạo dựng, được phát sinh do sự
tốt lành của Thiên Chúa, nên nó được dự phần vào sự tốt lành này
 (“Và Thiên Chúa thấy thế là tốt đẹp, ... là rất tốt đẹp”:
St 1,4.10.12.18.21.31). Quả thật, Thiên Chúa đã muốn công trình
tạo dựng là như một quà tặng dành cho con người, như một gia sản
358 được gửi gắm và ủy thác cho con người. Nhiều lần Hội Thánh đã
phải biện hộ cho sự tốt lành của công trình tạo dựng, bao gồm cả
2415 sự tốt lành của thế giới vật chất¹³⁵.

Thiên Chúa vừa siêu việt trên công trình tạo dựng, vừa hiện diện nơi công trình tạo dựng

42 300. Thiên Chúa vô cùng cao cả hơn các công trình của Ngài¹³⁶:
223 “Uy phong Ngài vượt quá trời cao” (Tv 8,2). “Ngài cao cả khôn dò
khôn thấu” (Tv 145,3). Nhưng bởi vì Ngài là Đấng Tạo Hóa tối cao
và tự do, là căn nguyên đệ nhất của tất cả những gì hiện hữu, nên

¹²⁹ X. Tv 51,12.

¹³⁰ X. St 1,3.

¹³¹ X. 2 Cr 4,6.

¹³² X. St 1,26.

¹³³ X. Tv 19,2-5.

¹³⁴ X. G 42,3.

¹³⁵ X. Thánh Lêô Cả, *Epistula Quam laudabiliter*: DS 286; CĐ Bracarense I, *Anathematismi praesertim contra Priscillianistas*, 5-13: DS 455-463; CĐ Latêranô IV, Cap. 2, *De fide catholica*: DS 800; CĐ Florentinô, *Decretum pro Iacobitis*: DS 1333; CĐ Vaticanô I, Hiến chế tín lý *Dei Filius*, c. 1: DS 3002.

¹³⁶ X. Hc 43,30.

Ngài hiện diện nơi thâm sâu nhất của các thụ tạo của Ngài: “Chính ở nơi Ngài mà chúng ta sống, cử động và hiện hữu” (Cv 17,28). Theo lời thánh Augustinô: Ngài “thâm sâu hơn sự thâm sâu nhất của tôi và cao vời hơn tột đỉnh của tôi”¹³⁷.

Thiên Chúa giữ gìn và nâng đỡ công trình tạo dựng

301. Sau khi tạo dựng, Thiên Chúa không bỏ mặc thụ tạo của Ngài. Không những Thiên Chúa cho chúng hữu thể và hiện hữu, nhưng Ngài còn luôn luôn giữ gìn chúng “hiện hữu”, cho chúng có thể hoạt động và dẫn đưa chúng đến cùng đích của chúng. Nhận biết sự lệ thuộc tuyệt đối như vậy vào Đấng Tạo Hoá là nguồn mạch của sự khôn ngoan và tự do, của niềm vui và sự tin tưởng:

1951

396

“Quả thế, Chúa yêu thương mọi loài hiện hữu, không ghê tởm bất cứ loài nào Chúa đã làm ra, vì giả như Chúa ghét loài nào, thì đã chẳng dựng nên. Nếu như Ngài không muốn, làm sao một vật tồn tại nổi? Nếu như Ngài không cho hiện hữu, làm sao nó có thể được duy trì? Lạy Chúa Tể là Đấng yêu sự sống, Chúa xử khoan dung với mọi loài, vì mọi loài đều là của Chúa” (Kn 11,24-26).

V. THIÊN CHÚA THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CỦA NGÀI: SỰ QUAN PHÒNG CỦA THIÊN CHÚA

DEUS CONSILIUM SUUM DUCIT IN REM: DIVINA PROVIDENTIA

302. Công trình tạo dựng có sự tốt lành và hoàn hảo riêng, nhưng chưa tuyệt đối trọn vẹn khi xuất phát từ bàn tay Đấng Tạo Hoá. Trần gian được tạo dựng “*trong tình trạng lên đường*” (“*in statu viae*”) hướng đến sự hoàn hảo cuối cùng mà Thiên Chúa đã định cho chúng. Những sắp xếp nhờ đó Thiên Chúa dẫn đưa công trình tạo dựng của Ngài tới sự hoàn hảo đó, chúng ta gọi là sự quan phòng của Thiên Chúa.

“Quả thật, nhờ sự quan phòng của Ngài, Thiên Chúa gìn giữ và điều khiển tất cả những gì Ngài đã tạo dựng, ‘từ chân trời này vươn mạnh tới chân trời kia, Ngài cai quản mọi loài thật tốt đẹp’ (Kn 8,1). ‘Nhưng tất cả đều trần trụi và phơi bày trước mắt Ngài’ (Dt 4,13), kể cả những điều trong tương lai do hành động tự do của các thụ tạo”¹³⁸.

303. Chứng từ của Thánh Kinh đều đồng nhất: Thiên Chúa quan phòng chăm sóc mọi sự cách *cụ thể* và *trực tiếp*, Ngài quan tâm đến tất cả mọi sự, từ những điều nhỏ nhất đến những biến cố

¹³⁷ Thánh Augustinô, *Confessiones*, 3, 6, 11: CCL 27, 33 (PL 32, 688).

¹³⁸ CD Vaticanô I, Hiến chế tín lý *Dei Filius*, c. 1: DS 3003.

trọng đại của trần gian và của lịch sử. Sách Thánh xác quyết mạnh mẽ quyền chủ tể tuyệt đối của Thiên Chúa trong dòng chảy của các biến cố: “Thiên Chúa chúng ta ở trên trời, muốn làm gì là Chúa làm nên” (Tv 115,3); và Sách Thánh nói về Đức Kitô: “Người mở ra thì không ai đóng lại được, Người đóng lại thì không ai mở ra được” (Kh 3,7). “Lòng con người ấp ủ bao dự tính, duy kế hoạch của Chúa mới trường tồn” (Cn 19,21).

304. Chúng ta nhận thấy điều này là, Chúa Thánh Thần, tác giả chính của Thánh Kinh, thường quy các hành động về Thiên Chúa, mà không nhắc đến các nguyên nhân đệ nhị. Đó không phải là “cách nói” sơ khai, nhưng là cách sâu sắc để nhắc nhớ đến quyền tối thượng của Thiên Chúa và quyền chủ tể tuyệt đối của Ngài trên lịch sử và trần gian¹³⁹, và như vậy để dạy người ta phải tín thác vào Ngài. Cách cầu nguyện của các Thánh vịnh là trường huấn luyện quan trọng về niềm tín thác này¹⁴⁰.

305. Chúa Giêsu đòi hỏi chúng ta phó thác với tình con thảo cho sự quan phòng của Cha trên trời, Đấng chăm sóc đến những nhu cầu nhỏ bé nhất của con cái Ngài: “Anh em đừng lo lắng tự hỏi: ta sẽ ăn gì? uống gì?... Cha anh em trên trời thừa biết anh em cần tất cả những thứ đó. Trước hết hãy tìm kiếm Nước Thiên Chúa và đức công chính của Ngài, còn tất cả những thứ kia, Ngài sẽ thêm cho” (Mt 6,31-33)¹⁴¹.

Sự quan phòng và các nguyên nhân đệ nhị

306. Thiên Chúa là Chúa tể của kế hoạch của Ngài. Nhưng để thực hiện kế hoạch ấy, Ngài cũng dùng đến sự cộng tác của các thụ tạo. Đây không phải là dấu hiệu của sự yếu kém, nhưng là dấu chỉ của sự cao cả và lòng nhân hậu của Thiên Chúa toàn năng. Quả vậy, Thiên Chúa không những ban cho các thụ tạo được hiện hữu, nhưng còn ban cho chúng phẩm giá để chúng hoạt động, để chúng nên nguyên nhân và nguyên lý cho nhau, và như vậy để chúng cộng tác vào việc hoàn thành kế hoạch của Ngài.

307. Đối với con người, Thiên Chúa còn ban cho dư đầy khả năng để tham dự một cách tự do vào sự quan phòng của Ngài, khi trao cho họ trách nhiệm làm chủ trái đất và thống trị nó¹⁴². Như vậy, Thiên Chúa cho con người trở nên những nguyên nhân thông minh và tự do để hoàn thành công trình tạo dựng, và thực hiện sự hài hoà của công trình ấy hầu mưu ích cho chính mình và cho tha nhân. Con người, những cộng tác viên thường là vô ý thức, của

¹³⁹ X. Is 10,5-15; 45,5-7; Đnl 32,39; Hc 11,14.

¹⁴⁰ X. Tv 22; 32; 35; 103; 138.

¹⁴¹ X. Mt 10,29-31.

¹⁴² X. St 1,26-28.

thánh ý Thiên Chúa, có thể tham gia một cách ý thức vào kế hoạch của Thiên Chúa bằng hành động, bằng kinh nguyện, và cả bằng các đau khổ của mình¹⁴³. Như vậy, họ trở thành “những cộng sự viên của Thiên Chúa” (1 Cr 3,9)¹⁴⁴ và của Nước Ngài¹⁴⁵ cách trọn vẹn.

2738
618, 1505

308. Chân lý sau đây là không thể tách rời khỏi đức tin vào Thiên Chúa Tạo Hoá: Thiên Chúa hành động trong mọi hoạt động của các thụ tạo của Ngài. Ngài là nguyên nhân đệ nhất, hành động trong và qua các nguyên nhân đệ nhị: “Vì chính Thiên Chúa tác động đến ý chí cũng như hành động của anh em do lòng yêu thương của Ngài” (Pl 2,13)¹⁴⁶. Chân lý này không những không làm giảm bớt phẩm giá của thụ tạo, nhưng còn nâng nó lên. Thụ tạo, được tạo dựng từ hư vô bởi quyền năng, sự khôn ngoan và lòng nhân hậu của Thiên Chúa, không thể làm gì được nếu bị cắt khỏi nguồn gốc của mình; “vì không có Đấng Tạo Hoá, thụ tạo sẽ tan biến”¹⁴⁷; thụ tạo lại càng không thể đạt tới cùng đích tối hậu của mình nếu không có sự trợ giúp của ân sủng¹⁴⁸.

970

Thiên Chúa quan phòng và cố vấp phạm của sự dữ

309. Nếu Thiên Chúa là Cha toàn năng, Đấng tạo dựng nên trần gian có trật tự và tốt đẹp, chăm sóc tất cả các thụ tạo của Ngài, thì tại sao lại có sự dữ? Trước câu hỏi vừa khẩn thiết vừa không thể tránh được, vừa bi thảm vừa bí nhiệm này, không câu trả lời vội vàng nào là đầy đủ được. Chỉ có toàn bộ đức tin Kitô giáo mới là câu trả lời cho câu hỏi này: sự tốt đẹp của công trình tạo dựng, thảm kịch tội lỗi, tình yêu kiên nhẫn của Thiên Chúa, Đấng đã đi bước trước đến với con người qua các Giao Ước của Ngài, qua việc Con Ngài Nhập Thể đem lại ơn cứu chuộc, qua việc ban Chúa Thánh Thần, qua việc quy tụ Hội Thánh, qua sức mạnh của các bí tích, qua việc kêu gọi tới cuộc sống vĩnh phúc, mà ngay từ đầu các thụ tạo có tự do được mời gọi đón nhận, nhưng cũng ngay từ đầu, do một huyền nhiệm khủng khiếp, họ có thể từ chối! *Không có khía cạnh nào của sứ điệp Kitô giáo mà lại không phải là một phần câu trả lời cho câu hỏi về sự dữ.*

164, 385

2805

310. Nhưng tại sao Thiên Chúa lại không tạo dựng một trần gian thật hoàn hảo đến nỗi không thể có một sự dữ nào trong đó? Theo

412

¹⁴³ X. Cl 1,24.

¹⁴⁴ X. 1 Tx 3,2.

¹⁴⁵ X. Cl 4,11.

¹⁴⁶ X. 1Cr 12,6.

¹⁴⁷ CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 36: AAS 58 (1966) 1054.

¹⁴⁸ X. Mt 19,26; Ga 15,5; Pl 4,13.

1042-1050 quyền năng vô biên của Ngài, Thiên Chúa luôn có thể tạo dựng được một thế giới tốt hơn¹⁴⁹. Nhưng trong sự khôn ngoan và lòng nhân hậu vô biên của Ngài, Thiên Chúa đã tự ý muốn dựng nên một trần gian “trong tình trạng lên đường” hướng về sự hoàn hảo cuối cùng của nó. Trong kế hoạch của Thiên Chúa, quá trình này 342 gồm có việc những vật này xuất hiện và những vật khác biến đi, có cái hoàn hảo hơn và có cái kém hơn, có xây đắp và cũng có tàn phá trong thiên nhiên. Như vậy, cùng với sự tốt lành thể lý, cũng có sự dữ thể lý, bao lâu công trình tạo dựng chưa đạt tới mức hoàn hảo của nó¹⁵⁰.

396 311. Các Thiên thần và các con người, là những thụ tạo thông
1849 minh và tự do, phải tiến về mục đích tối hậu của mình, nhờ sự lựa chọn tự do và yêu mến điều gì là ưu tiên. Vì vậy, họ có thể đi sai đường. Trong thực tế, họ đã phạm tội. Như vậy, sự dữ luân lý, vô cùng nghiêm trọng hơn so với sự dữ thể lý, đã xâm nhập vào trần gian. Thiên Chúa không bao giờ, bằng bất cứ cách nào, một cách trực tiếp hay gián tiếp, là nguyên nhân của sự dữ luân lý¹⁵¹. Tuy nhiên Ngài cho phép điều đó, vì tôn trọng sự tự do của thụ tạo của Ngài, và một cách bí nhiệm, Ngài biết từ sự dữ dẫn đưa tới điều thiện hảo:

“Quả thật, Thiên Chúa toàn năng tốt lành vô cùng, nên không bao giờ cho phép một sự dữ nào xảy ra trong các công trình của Ngài, nếu Ngài không toàn năng và tốt lành đến độ Ngài có thể hành động cách tốt đẹp từ sự dữ”¹⁵².

598-600 312. Như vậy, với thời gian, chúng ta có thể nhận ra rằng: Thiên Chúa, trong sự quan phòng toàn năng của Ngài, có thể dẫn đưa tới điều thiện hảo từ những hậu quả của sự dữ, cho dù là sự dữ luân lý, do các thụ tạo của Ngài gây nên: “Không phải các anh đã gửi tôi đến đây, nhưng là Thiên Chúa... Các anh đã định làm điều ác cho tôi, nhưng Thiên Chúa lại định cho nó thành điều tốt để... cứu sống một dân đông đảo” (St 45,8; 50,20)¹⁵³. Từ sự dữ luân lý lớn lao nhất người ta từng phạm, là việc khước từ và giết chết Con Thiên Chúa, sự dữ đó là do tội lỗi của tất cả mọi người gây nên, Thiên Chúa đã dẫn đưa tới điều thiện hảo cao trọng nhất, nhờ ân sủng 1994 chan chứa gấp bội của Ngài¹⁵⁴: Đức Kitô được tôn vinh và chúng ta

¹⁴⁹ X. Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, I, q. 25, a. 6: Ed. Leon. 4, 298-299.

¹⁵⁰ X. Thánh Tôma Aquinô, *Summa contra gentiles*, 3, 71: Ed. Leon. 14, 209-211.

¹⁵¹ X. Thánh Augustinô, *De libero arbitrio*, 1, 1, 1: CCL 29, 211 (PL 32, 1221-1223); Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, I-II, q. 79, a. 1: Ed. Leon. 7, 76-77.

¹⁵² Thánh Augustinô, *Enchiridion de fide, spe et caritate*, 3, 11: CCL 46, 53 (PL 40, 236).

¹⁵³ X. Tb 2,12-18 (bản Vulgata).

¹⁵⁴ X. Rm 5,20.

được cứu chuộc. Tuy nhiên không vì vậy mà sự dữ trở thành điều thiện hảo.

313. “Thiên Chúa làm cho mọi sự đều sinh lợi ích cho những ai yêu mến Ngài” (Rm 8,28). Chúng từ của các Thánh không ngừng củng cố chân lý này.

227

Thánh Catarina Siêna nói với “những người bất bình và nổi dậy chống lại những gì xảy đến cho họ”: “Mọi sự được ban tặng bởi tình yêu và được quan phòng cho phần rỗi của con người, chứ không vì bất cứ mục đích nào khác”¹⁵⁵.

Ngay trước khi chịu tử đạo, thánh Tôma More an ủi con gái mình: “Không gì có thể xảy ra mà không do Thiên Chúa muốn. Mà bất cứ điều gì Ngài muốn, thì dù đối với chúng ta có vẻ là sự dữ, nhưng thật ra đó là điều thiện hảo nhất”¹⁵⁶.

Và bà Giuliana Norwich viết: “Nhờ ơn Chúa, tôi đã được dạy phải vững vàng gắn bó với đức tin... và tin một cách mạnh mẽ rằng mọi sự sẽ tốt đẹp... Chính bạn sẽ thấy là mọi sự sẽ tốt đẹp”¹⁵⁷.

314. Chúng ta tin vững vàng rằng Thiên Chúa là Chúa của trần gian và của lịch sử. Nhưng thường chúng ta không biết được các đường lối của sự quan phòng của Ngài. Chỉ khi nào tới chung cuộc, lúc mà sự hiểu biết phiến diện của chúng ta kết thúc, khi chúng ta thấy Thiên Chúa “mặt giáp mặt” (1 Cr 13,12), chúng ta sẽ hiểu biết một cách trọn vẹn các đường lối này, mà qua đó, kể cả nhờ những thảm kịch của sự dữ và tội lỗi, Thiên Chúa dẫn đưa công trình tạo dựng của Ngài tới sự nghỉ ngơi của ngày *Sabat*¹⁵⁸ chung cuộc, vì ngày đó mà Thiên Chúa đã tạo dựng trời đất.

1040

2550

TÓM LƯỢC

315. *Thiên Chúa, trong công trình tạo dựng trần gian và con người, đã cho thấy chứng từ đầu tiên và phổ quát về tình yêu toàn năng và sự khôn ngoan của Ngài, đây là lời loan báo đầu tiên về “kế hoạch nhân hậu” của Ngài, một kế hoạch có mục đích là công trình tạo dựng mới trong Đức Kitô.*

¹⁵⁵ Thánh Catarina Siêna, *Il dialogo della Divina Provvidenza* 138: Ed. G. Cavallini (Roma 1995) 441.

¹⁵⁶ Margarita Roper, *Epistola ad Aliciam Alington* (tháng Tám 1534): *The Correspondence of Sir Thomas More*, ed. E.F. Rogers (Princeton 1947) 531-532.

¹⁵⁷ Giuliana Norwich, *Revelatio* 13, 32: *A Book of Showings to the anchoress Julian of Norwich*, ed. E. Colledge-J. Walsh, vol. 2 (Toronto 1978) 426 và 422.

¹⁵⁸ X. St 2,2.

316. Tuy công trình tạo dựng được đặc biệt coi là của Chúa Cha, nhưng chân lý đức tin cũng dạy: Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần là nguyên lý duy nhất và không thể phân chia của công trình tạo dựng.

317. Một mình Thiên Chúa đã tạo dựng trần gian một cách tự do, trực tiếp, không hề có một sự trợ giúp nào.

318. Không một thụ tạo nào có quyền năng vô biên cần thiết để “tạo dựng” theo đúng nghĩa của từ này, nghĩa là, làm ra và cho hiện hữu điều gì trước đó không hề có (kêu gọi nó hiện hữu “từ hư vô”)¹⁵⁹.

319. Thiên Chúa đã tạo dựng trần gian để biểu lộ và truyền thông vinh quang của Ngài. Sự vinh quang mà vì đó Thiên Chúa đã tạo dựng các thụ tạo của Ngài, là để chúng được dự phần vào sự chân thiện mỹ của Ngài.

320. Thiên Chúa, Đấng đã tạo dựng trần gian, gìn giữ nó hiện hữu nhờ Ngôi Lời, là Con của Ngài, Đấng “dùng lời quyền năng của mình mà duy trì vạn vật” (Dt 1,3), và nhờ Thần Khí Sáng Tạo của Ngài, Đấng ban sự sống.

321. Sự quan phòng của Thiên Chúa là những sắp xếp nhờ đó Thiên Chúa, với sự khôn ngoan và tình yêu, dẫn đưa mọi thụ tạo của Ngài tới mục đích tối hậu của chúng.

322. Đức Kitô mời gọi chúng ta phó thác với tình con thảo vào sự quan phòng của Cha trên trời¹⁶⁰, và thánh Tông Đồ Phêrô nhắc lại: “Mọi âu lo, hãy trút cả cho Ngài, vì Ngài chăm sóc anh em” (1 Pr 5,7)¹⁶¹.

323. Thiên Chúa quan phòng cũng hành động qua hành động của các thụ tạo. Thiên Chúa cho con người được cộng tác một cách tự do vào các kế hoạch của Ngài.

324. Việc Thiên Chúa cho phép có sự dữ thể lý và sự dữ luân lý là một mâu nhiệm mà Thiên Chúa làm sáng tỏ nhờ Con của Ngài là Chúa Giêsu Kitô, đã chết và đã sống lại để chiến thắng sự dữ. Đức tin giúp chúng ta xác tín rằng, Thiên Chúa đã không cho phép sự dữ xuất hiện, nếu Ngài không làm phát sinh điều thiện hảo từ chính sự dữ đó, bằng những đường lối mà chúng ta chỉ biết được trọn vẹn trong đời sống vĩnh cửu.

¹⁵⁹ X. Sacra Congregatio Studiorum, *Decretum* (27 iulii 1914): DS 3624.

¹⁶⁰ X. Mt 6,26-34.

¹⁶¹ X. Tv 55,23.

Tiết 5

Trời và đất

Paragraphus 5

Caelum et terra

325. Tín biểu của các Tông Đồ tuyên xưng Thiên Chúa là Đấng “dựng nên trời đất”¹⁶²; và tín biểu Nicêa-Constantinôpôli giải thích thêm: “muôn vật hữu hình và vô hình”¹⁶³.

326. Trong Thánh Kinh, kiểu nói “trời đất” có nghĩa là tất cả những gì hiện hữu, là toàn bộ công trình tạo dựng. Kiểu nói này cũng nêu lên mối liên hệ, trong công trình tạo dựng, vừa kết hợp vừa phân biệt trời với đất: “Đất” là thế giới của con người¹⁶⁴. “Trời” hoặc “các tầng trời” có thể chỉ bầu trời¹⁶⁵, nhưng cũng có thể chỉ “nơi” riêng của Thiên Chúa, là Cha chúng ta, Đấng “ngự trên trời” (Mt 5, 16)¹⁶⁶; và do đó, “trời” cũng chỉ vinh quang cánh chung. Sau hết, “trời” chỉ “nơi” của các thụ tạo thiêng liêng – tức là các Thiên thần – là những vị hầu cận Thiên Chúa. 290
1023, 2794

327. Bản tuyên xưng đức tin của Công đồng Latêranô IV khẳng định: Thiên Chúa “ngay vào lúc khởi đầu thời gian, đã cùng một lúc tạo dựng từ hư vô cả hai loài thụ tạo, thiêng liêng và vật chất, nghĩa là Thiên thần và trần gian, và sau cùng là con người, được tạo dựng vừa tinh thần vừa thể xác.”¹⁶⁷ 296

I. CÁC THIÊN THẦN

ANGELI

Sự hiện hữu của các Thiên thần là một chân lý đức tin

328. Sự hiện hữu của các hữu thể thiêng liêng, không có thể xác, mà Thánh Kinh thường gọi là các Thiên thần, là một chân lý đức tin. Chứng từ của Thánh Kinh cũng rõ ràng như sự nhất trí của Thánh Truyền. 150

¹⁶² DS 30.

¹⁶³ DS 150.

¹⁶⁴ X. Tv 115,16.

¹⁶⁵ X. 19,2.

¹⁶⁶ X. Tv 115,16.

¹⁶⁷ CĐ Latêranô IV, Cap. I, *De Fide catholica*: DS 800; CĐ Vaticanô I, Hiến chế tín lý *Dei Filius*, c. 1: DS 3002; ĐGH Phaolô VI, *Sollemnis Professio fidei*, 8: AAS 60 (1968) 436.

Các Thiên thần là ai ?

329. Thánh Augustinô nói về các vị đó: “Thiên thần’ là tên gọi chỉ chức vụ chứ không chỉ bản chất. Nếu bạn tìm tên gọi chỉ bản chất của vị này, thì đó là thiêng liêng; nếu bạn tìm tên chỉ chức vụ, thì đó là Thiên thần; vị ấy là gì, thì là thiêng liêng, vị ấy làm gì, thì là Thiên thần”¹⁶⁸. Các Thiên thần, tự bản thể, là những *tôi tớ* và sứ giả của Thiên Chúa. Vì các ngài “không ngừng chiêm ngưỡng nhan Cha Thầy, Đấng ngự trên trời” (Mt 18,10), nên các ngài là những vị “thực hiện Lời Chúa, luôn sẵn sàng phụng lệnh Ngài” (Tv 103,20).

330. Vì là những thụ tạo hoàn toàn *thiên liêng*, các Thiên thần có trí tuệ và ý chí: các ngài là những thụ tạo có ngôi vị¹⁶⁹, và bất tử¹⁷⁰. Các ngài trỗi vượt hơn mọi thụ tạo hữu hình về mặt hoàn hảo. Vinh quang rực rỡ của các ngài minh chứng điều ấy¹⁷¹.

Đức Kitô “với tất cả các Thiên thần của Người”

331. Đức Kitô là trung tâm của thế giới Thiên thần. Các vị đều là sứ giả của Người: “Khi Con Người đến trong vinh quang của Người, có tất cả các thiên sứ theo hầu...” (Mt 25,31). Các Thiên thần là của Đức Kitô, bởi vì các vị ấy đã được tạo dựng *nhờ* Người và *trong* Người: “Vì trong Người, muôn vật được tạo thành, trên trời cùng dưới đất, hữu hình với vô hình, dầu là hàng dũng lực thần thiêng hay là bậc quyền năng thượng giới. Tất cả đều do Thiên Chúa tạo dựng nhờ Người và cho Người” (Cl 1,16). Các vị còn thuộc về Người hơn nữa, bởi vì Người đã dùng các vị làm sứ giả của kế hoạch cứu độ của Người: “Nào tất cả các vị đó không phải là những bậc thiêng liêng chuyên lo phụng thờ Chúa, được sai đi phục vụ để mưu ích cho những kẻ sẽ được thừa hưởng ơn cứu độ sao?” (Dt 1,14).

332. Khởi từ lúc tạo dựng¹⁷² và suốt dòng lịch sử cứu độ, các Thiên thần có mặt để hoặc xa hoặc gần loan báo ơn cứu độ và phục vụ cho việc thực hiện ơn cứu độ theo kế hoạch của Thiên Chúa. Các Thiên thần đóng cửa vườn địa đàng¹⁷³, bảo vệ ông Lót¹⁷⁴, cứu bà Agar và con trai bà¹⁷⁵, chặn tay ông Abraham¹⁷⁶. Lễ Luật được

¹⁶⁸ Thánh Augustinô, *Enarratio in Psalmum* 103, 1, 15: CCL 40, 1488 (PL 37, 1348-1349).

¹⁶⁹ X. ĐGH Piô XII, Thông điệp *Humani generis*: DS 3891.

¹⁷⁰ X. Lc 20,36.

¹⁷¹ X. Đn 10,9-12.

¹⁷² X. G 38,7.

¹⁷³ X. St 3,24.

¹⁷⁴ X. St 19.

¹⁷⁵ X. St 21,17.

¹⁷⁶ X. St 22,11.

truyền thông qua thừa tác vụ của các Thiên thần¹⁷⁷, các ngài hướng dẫn dân Chúa¹⁷⁸, loan báo những cuộc chào đời¹⁷⁹, và những ơn kêu gọi¹⁸⁰, trợ giúp các Tiên tri¹⁸¹, đó là chúng ta chỉ nêu lên một số thí dụ. Cuối cùng, thiên thần Gabriel loan báo việc chào đời của vị Tiên hô và của chính Chúa Giêsu¹⁸².

333. Từ cuộc Nhập Thể cho tới cuộc Thăng Thiên, cuộc đời của Ngôi Lời nhập thể được hầu cận bằng sự tôn thờ và phục vụ của các Thiên thần. “Khi đưa Trưởng Tử vào thế giới loài người, Thiên Chúa nói: ‘Mọi Thiên thần của Thiên Chúa, phải thờ lạy Người!’” (Dt 1,6). Ca khúc ngợi khen của các Thiên thần khi Đức Kitô giáng sinh không ngừng vang vọng trong lời ca tụng của Hội Thánh: 559
“Vinh danh Thiên Chúa...” (Lc 2,14). Các Thiên thần bảo vệ Chúa Giêsu khi Người còn thơ ấu¹⁸³, phục vụ Người trong hoang địa¹⁸⁴, an ủi Người trong cơn hấp hối¹⁸⁵, khi Người đã có thể được các vị cứu khỏi tay kẻ thù¹⁸⁶, như dân Israel xưa¹⁸⁷. Các Thiên thần cũng rao giảng Tin Mừng¹⁸⁸ khi loan báo Tin Mừng về việc Nhập Thể¹⁸⁹ và về việc Phục Sinh của Đức Kitô¹⁹⁰. Các ngài loan báo việc Đức Kitô lại đến¹⁹¹, và khi Người đến, các ngài sẽ có mặt để phục vụ việc xét xử của Người¹⁹².

Các Thiên thần trong đời sống Hội Thánh

334. Từ đó, toàn bộ đời sống Hội Thánh hưởng nhờ sự trợ giúp bí nhiệm và đầy uy quyền của các Thiên thần¹⁹³.

335. Trong phụng vụ, Hội Thánh kết hợp mình với các Thiên thần để tôn thờ Thiên Chúa ba lần thánh¹⁹⁴; Hội Thánh khẩn cầu các 1138

¹⁷⁷ X. Cv 7,53.

¹⁷⁸ X. Xh 23,20-23.

¹⁷⁹ X. Tl 13.

¹⁸⁰ X. Tl 6,11-24; Is 6,6.

¹⁸¹ X. 1 V 19,5.

¹⁸² X. Lc 1,11,26.

¹⁸³ X. Mt 1,20; 2,13,19.

¹⁸⁴ X. Mc 1,13; Mt 4,11.

¹⁸⁵ X. Lc 22,43.

¹⁸⁶ X. Mt 26,53.

¹⁸⁷ X. 2 Mcb 10,29-30; 11,8.

¹⁸⁸ X. Lc 2,10.

¹⁸⁹ X. Lc 2,8-14.

¹⁹⁰ X. Mc 16,5-7.

¹⁹¹ X. Cv 1,10-11.

¹⁹² X. Mt 13,41; 24,31; Lc 12,8-9.

¹⁹³ X. Cv 5,18-20; 8,26-29; 10,3-8; 12,6-11; 27,23-25.

¹⁹⁴ X. Kinh “Thánh, Thánh, Thánh”: *Sách Lễ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 392.

Thiên thần trợ giúp (như trong kinh *In Paradisum deducant te angeli, Xin các Thiên thần Chúa dẫn đưa bạn về thiên đàng* của phụng vụ cầu cho các tín hữu qua đời¹⁹⁵, hoặc trong “Thánh thi Cherubim” của phụng vụ Byzantin¹⁹⁶); đặc biệt hơn, Hội Thánh cử hành việc kính nhớ một số Thiên thần (thánh Micae, thánh Gabriel, thánh Raphael, các Thiên thần Hộ thủ).

1020 **336.** Cuộc đời con người, từ lúc khởi đầu¹⁹⁷ cho đến lúc chết¹⁹⁸, đều được bao bọc bằng sự bảo vệ¹⁹⁹ và lời chuyển cầu²⁰⁰ của các Thiên thần. “Bên cạnh mỗi tín hữu đều có một Thiên thần làm Đấng bảo trợ và mục tử, hướng dẫn họ đến sự sống”²⁰¹. Đời sống Kitô hữu, ngay tại trần gian này, đã được tham dự trong đức tin vào cộng đoàn vinh phúc của các Thiên thần và của những người đã được hợp nhất trong Thiên Chúa.

II. THẾ GIỚI HỮU HÌNH

MUNDUS VISIBILIS

290 **337.** Chính Thiên Chúa đã tạo dựng thế giới hữu hình trong toàn bộ sự phong phú, đa dạng và trật tự của nó. Thánh Kinh trình bày công trình của Đấng Tạo Hoá một cách biểu tượng như một chuỗi sáu ngày “làm việc” của Thiên Chúa, kết thúc với sự “nghỉ ngơi” vào ngày thứ bảy²⁰². Liên quan đến công trình tạo dựng, Thánh Kinh dạy những chân lý đã được Thiên Chúa mạc khải vì ơn cứu độ chúng ta²⁰³, giúp chúng ta “nhận ra bản chất sâu xa, giá trị và trật tự của toàn thể thụ tạo để ca ngợi Thiên Chúa”²⁰⁴.

297 **338.** *Không có gì hiện hữu mà không mắc nợ Thiên Chúa Tạo Hoá về sự hiện hữu của mình.* Trần gian bắt đầu khi nó được dựng nên từ hư vô nhờ Lời Thiên Chúa. Tất cả mọi hữu thể hiện hữu, toàn bộ thiên nhiên, toàn bộ lịch sử nhân loại đều bắt nguồn từ biến cố đầu tiên đó: quả vậy, đây là khởi điểm, qua đó trần gian được hình thành và bắt đầu thời gian²⁰⁵.

¹⁹⁵ *Nghi thức an táng*, 50, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1969) 23.

¹⁹⁶ Liturgia Byzantina sancti Ioannis Chrysotomi, Hymnus cherubinatorum: *Liturgies Eastern and Western*, ed. F.E. Brightman (Oxford 1896) 377.

¹⁹⁷ X. Mt 18,10.

¹⁹⁸ X. Lc 16,22.

¹⁹⁹ X. Tv 34,8; 91,10-13.

²⁰⁰ X. G 33,23-24; Dc 1,12; Tb 12,12.

²⁰¹ Thánh Basiliô, *Adversus Eunomium*, 3, 1: SC 305, 148 (PG 29, 656).

²⁰² X. St 1,1-2,4.

²⁰³ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 11: AAS 58 (1966) 823.

²⁰⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 36: AAS 57 (1965) 41.

²⁰⁵ X. Thánh Augustinô, *De Genesi contra Manichaeos*, 1, 2, 4: PL 36, 175.

- 339.** *Mỗi thụ tạo đều có sự tốt lành và hoàn hảo riêng của nó.* Về mỗi công trình của “sáu ngày”, Sách Thánh đều viết: “Và Thiên Chúa thấy thế là tốt đẹp”. “Chính nhờ việc tạo dựng, mà mọi sự vật được thiết lập với sự bền vững, chân thật và tốt lành riêng, và theo những định luật và trật tự riêng”²⁰⁶. Các thụ tạo khác nhau, trong bản chất riêng của mình, mỗi thụ tạo một cách, đều phản chiếu một tia sáng của sự khôn ngoan vô biên và sự tốt lành vô biên của Thiên Chúa. Chính vì vậy con người phải tôn trọng sự tốt lành riêng của từng thụ tạo, tránh không sử dụng các sự vật một cách vô trật tự, vì làm như vậy là coi thường Đấng Tạo Hóa và kéo theo những hậu quả nguy hại cho con người và cho môi trường của con người. 2501
299
- 340.** *Thiên Chúa muốn các thụ tạo lệ thuộc lẫn nhau.* Mặt trời, mặt trăng, cây sến và bông hoa nhỏ, phượng hoàng và chim sẻ: cảnh thiên hình vạn trạng của các sự vật lớn nhỏ khác nhau nói lên rằng không thụ tạo nào có thể tự túc. Chúng chỉ hiện hữu trong sự lệ thuộc lẫn nhau, để bổ túc cho nhau trong việc phục vụ lẫn nhau. 1937
- 341.** *Vẻ đẹp của trần gian:* Trật tự và sự hài hòa của thế giới thụ tạo là kết quả do sự đa dạng của các sự vật và sự đa dạng của các liên hệ giữa chúng với nhau. Con người dần dần khám phá ra các mối liên hệ ấy như các định luật của thiên nhiên. Chúng khiến cho các nhà bác học phải thán phục. *Vẻ đẹp của công trình tạo dựng phản chiếu vẻ đẹp vô biên của Đấng Tạo Hoá. Vẻ đẹp này phải gợi lên nơi trí tuệ và ý chí con người sự tôn kính và quy phục.* 283
2500
- 342.** *Phẩm trật các thụ tạo* được diễn tả qua thứ tự “sáu ngày”, từ bậc kém hoàn hảo tới bậc hoàn hảo hơn. Thiên Chúa yêu thương tất cả các thụ tạo của Ngài²⁰⁷, và chăm sóc chúng, cả đến những con chim sẻ. Tuy nhiên Chúa Giêsu nói: “Anh em còn quý giá hơn muôn vàn chim sẻ” (Lc 12,6-7), hoặc chỗ khác: “Người thì quý hơn chiên biết mấy!” (Mt 12,12). 310
- 343.** *Con người là tột đỉnh* của công trình tạo dựng. Trình thuật của Sách Thánh diễn tả điều này khi phân biệt rõ ràng việc tạo dựng loài người với việc tạo dựng các loài khác²⁰⁸. 355
- 344.** *Có sự liên đới với nhau giữa mọi thụ tạo* vì tất cả đều có chung một Đấng Tạo Hoá, và tất cả đều quy hướng về vinh quang của Ngài: 293, 1939
2416

²⁰⁶ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 36: AAS 58 (1966) 1054.

²⁰⁷ X. Tv 145,9.

²⁰⁸ X. St 1,26.

“Chúc tụng Chúa, lạ Chúa của con, cùng với tất cả các thụ tạo của Chúa, đặc biệt là với anh Mặt Trời, anh ấy là ngày, và Chúa dùng anh ấy để soi sáng chúng con. Anh ấy đẹp và toả chiếu ánh huy hoàng rực rỡ; anh ấy là một tín hiệu chỉ về Chúa, lạ Đấng Tối Cao...”

1218 Chúc tụng Chúa, lạ Chúa của con, vì chị Nước, chị ấy hữu ích và khiêm nhường, quý giá và thanh khiết...

Chúc tụng Chúa, lạ Chúa của con, vì chị Đất là mẹ chúng con, mẹ nâng đỡ và quản lý chúng con, mẹ sản xuất đủ loại trái cây, với muôn hoa sắc sỡ và cây cỏ...

Các bạn hãy chúc tụng và ngợi khen Chúa của tôi, hãy tạ ơn và hết sức khiêm tốn phục vụ Ngài²⁰⁹.

2168 **345.** Ngày sabat kết thúc “sáu ngày” làm việc. Sách Thánh nói: “Ngày thứ bảy, Thiên Chúa đã hoàn thành công việc Ngài làm”, và như vậy “trời đất đã hoàn tất”; và ngày thứ bảy Thiên Chúa “nghỉ ngơi”, Ngài “ban phúc lành cho ngày thứ bảy và thánh hóa ngày đó” (St 2,1-3). Những lời được linh hứng này chứa đựng rất nhiều giáo huấn bổ ích.

2169 **346.** Trong công trình tạo dựng, Thiên Chúa đã đặt một nền móng và những định luật vững bền²¹⁰, tín hữu có thể dựa vào đó một cách tin tưởng. Chúng sẽ là dấu chỉ và bảo chứng của sự trung thành không hề lay chuyển của Giao Ước của Thiên Chúa²¹¹. Về phần mình, con người phải trung thành với nền móng này và tôn trọng những định luật mà Đấng Tạo Hoá đã khắc ghi trên đó.

1145-1152 **347.** Công trình tạo dựng đã được thực hiện hướng về ngày sabat, tức là hướng đến việc phụng tự và tôn thờ Thiên Chúa. Việc phụng tự đã được khắc ghi trong trật tự của công trình tạo dựng²¹². Luật dòng thánh Bê-nê-đi-ctô dạy: “Không được đặt việc gì lên trên việc thờ phượng Thiên Chúa”²¹³, như vậy là nêu rõ trật tự đúng đắn cho những điều con người phải quan tâm.

2172 **348.** Ngày sabat nằm ở trung tâm của Lễ Luật Israel. Tuân giữ các giới răn là sống phù hợp với sự khôn ngoan và ý muốn của Thiên Chúa đã được diễn tả trong công trình tạo dựng của Ngài.

2174 **349.** Ngày thứ tám. Nhưng đối với chúng ta, đã bùng lên một ngày mới: ngày Đức Kitô sống lại. Ngày thứ bảy hoàn tất công trình tạo

²⁰⁹ Thánh Phanxicô Assisi, *Canticum Fratris Solis: Opuscula sancti Patris Francisci Assisiensis*, ed. C. Esser (Grottaferrata 1978) 84-86.

²¹⁰ X. Dt 4,3-4.

²¹¹ X. Gr 31,35-37; 33,19-26.

²¹² X. St 1,14.

²¹³ Thánh Bê-nê-đi-ctô, *Regula*, 43, 3: CSEL 75, 106 (PL 66, 675).

dựng thứ nhất. Ngày thứ tám khởi đầu một công trình tạo dựng mới. Như vậy, công trình tạo dựng đạt tới tột đỉnh nơi công trình cao cả nhất, là công trình Cứu chuộc. Công trình tạo dựng thứ nhất gặp được ý nghĩa và tột đỉnh của nó trong công trình tạo dựng mới nơi Đức Kitô, sự huy hoàng của cuộc tạo dựng mới này vượt xa sự huy hoàng của cuộc tạo dựng thứ nhất²¹⁴.

TÓM LƯỢC

350. Thiên thần là những thụ tạo thiêng liêng, không ngừng tôn vinh Thiên Chúa và phục vụ các kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa đối với các thụ tạo khác: “Các Thiên thần cộng tác vào mọi điều thiện hảo của chúng ta”²¹⁵.

351. Các Thiên thần hầu cận Đức Kitô, là Chúa của mình. Các ngài phục vụ Người, đặc biệt trong việc thực hiện sứ vụ cứu độ của Người đối với nhân loại.

352. Hội Thánh tôn kính các Thiên thần, là những vị trợ giúp Hội Thánh trong cuộc lữ hành trần thế, và là những vị bảo vệ mọi hữu thể nhân linh.

353. Thiên Chúa đã muốn các thụ tạo của Ngài có sự đa dạng, mỗi loài có sự tốt lành riêng, tất cả lệ thuộc lẫn nhau và tuân theo trật tự của mình. Ngài đã định cho tất cả các thụ tạo vật chất phục vụ cho lợi ích của nhân loại. Con người, và nhờ họ, toàn bộ công trình tạo dựng, đều được quy hướng về vinh quang Thiên Chúa.

354. Tôn trọng những lề luật đã được khắc ghi trong công trình tạo dựng và những mối tương quan xuất phát từ bản chất của mọi vật, là một nguyên tắc khôn ngoan và là một nền tảng của luân lý.

²¹⁴ X. Canh thức Vượt qua, Lời nguyện sau bài đọc thứ nhất: *Sách Lễ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 276.

²¹⁵ Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, I, 114, 3, ad 3: Ed. Leon. 5, 535.

Tiết 6

Con người

Paragaphus 6

Homo

1700 **355.** “Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh mình; Thiên
343 Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh Thiên Chúa. Thiên Chúa
sáng tạo con người có nam có nữ” (St 1,27). Con người có một địa vị
độc tôn trong công trình tạo dựng: con người là “hình ảnh của Thiên
Chúa” (I); trong bản tính riêng của mình, con người kết hợp thế giới
thiên nhiên và thế giới vật chất (II); con người được tạo dựng “có nam
có nữ” (III); Thiên Chúa cho con người sống thân mật với Ngài (IV).

I. “THEO HÌNH ẢNH THIÊN CHÚA” “AD IMAGINEM DEI”

1703, 2258 **356.** Trong tất cả các thụ tạo hữu hình, chỉ con người có khả năng
“nhận biết và yêu mến Đấng Tạo Hoá của mình”²¹⁶; là “thụ tạo duy
nhất trên trái đất Thiên Chúa dựng nên vì chính họ”²¹⁷; chỉ con
người được kêu gọi tham dự vào sự sống của Thiên Chúa, bằng sự
nhận biết và tình yêu. Con người được tạo dựng vì mục đích ấy, và
225 đó là lý do căn bản của phẩm giá con người:

“Vì lý do nào Chúa đã đặt con người vào một phẩm giá cao trọng
như vậy? Chính tình yêu khôn tả đã khiến Chúa nhìn đến thụ
295 tạo của Chúa nơi chính Chúa, Chúa đã ‘say mê’ nó; vì tình yêu
Chúa đã dựng nên nó, vì tình yêu Chúa đã cho nó hiện hữu, để
nó ném được sự Tốt lành vĩnh cửu của Chúa”²¹⁸.

1935 **357.** Mỗi cá nhân con người, bởi vì được dựng nên theo hình ảnh
của Thiên Chúa, nên có phẩm giá của một *ngôi vị*: không chỉ là
1877 một sự vật nào đó, nhưng là một ai đó. Con người có khả năng
nhận thức về bản thân mình, làm chủ mình, tự hiến mình cách tự
do và đi vào sự hiệp thông với những ngôi vị khác; nhờ ân sủng,
mỗi người được kêu gọi vào Giao ước với Đấng Tạo Hoá của mình,
để dâng lên Ngài một lời đáp lại của đức tin và tình yêu, mà
không ai khác có thể thay thế chỗ của mình được.

²¹⁶ CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 12: AAS 58 (1966) 1034.

²¹⁷ CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 24: AAS 58 (1966) 1045.

²¹⁸ Thánh Catarina Siena, *II dialogo della Divina provvidenza*, 13: ed. G. Cavallini (Roma 1995) 43.

358. Thiên Chúa đã tạo dựng mọi sự cho con người²¹⁹; còn con người được tạo dựng để phục vụ Thiên Chúa và yêu mến Ngài và dâng lên Ngài toàn thể thụ tạo: 299 901

“Vây ai được tạo dựng sau cùng và được vinh dự dường ấy? Thưa đó là con người, một sinh vật cao cả và kỳ diệu, và đối với Thiên Chúa, nó quý giá hơn mọi thụ tạo; vì con người mà trời, đất, biển và toàn thể thụ tạo được hiện hữu: Thiên Chúa đã tha thiết muốn cứu độ con người, đến nỗi đã không buông tha Con Một của Ngài vì họ: Thiên Chúa cũng không ngừng vận dụng mọi cách để nâng con người lên đặt ở bên hữu Ngài”²²⁰.

359. “Quả thật, chỉ trong mẫu nhiệm của Ngôi Lời Nhập Thể, mà mẫu nhiệm về con người mới thật sự được sáng tỏ”²²¹: 1701

“Thánh Phaolô cho chúng ta biết có hai người là nguồn gốc của nhân loại, là ông Adam và Đức Kitô... Adam đầu tiên được tạo dựng là một người lãnh nhận sự sống. Còn Adam cuối cùng là Đấng thiêng liêng ban sự sống. Người đầu tiên được tạo dựng bởi Đấng cuối cùng, do Đấng này, người đầu tiên lãnh nhận linh hồn để được sống... Khi tạo dựng Adam đầu tiên, Adam cuối cùng đã khắc ghi hình ảnh mình trong đó. Từ đó Adam cuối cùng đã nhận lấy vai trò và tên gọi của Adam đầu tiên, để không bỏ mất những gì đã được tạo dựng theo hình ảnh của mình. Adam đầu tiên, Adam cuối cùng: Adam đầu tiên có khởi đầu, Adam cuối cùng không có kết thúc, bởi vì Đấng cuối cùng này mới thật sự là Đấng đầu tiên, như chính Người đã nói: “Ta là Đầu và là Cuối”²²². 388, 411

360. Vì cùng xuất phát từ một nguồn gốc chung, *tất cả mọi người làm thành một loài người duy nhất*. “Từ một người duy nhất, Thiên Chúa đã tạo thành toàn thể nhân loại” (Cv 17,26)²²³: 225, 404 775, 831 842

“Cái nhìn kỳ diệu khiến chúng ta có thể chiêm ngắm nhân loại trong sự thống nhất vì cùng có chung một nguồn gốc bởi Đấng Tạo Hoá; trong sự thống nhất về bản tính vì mọi người đều được tạo dựng như nhau, gồm một thân xác vật chất và một linh hồn thiêng liêng bất tử; trong sự thống nhất về mục đích mà mọi người cùng theo đuổi, về nhiệm vụ phải đảm nhận trong cuộc sống này; trong sự thống nhất về nơi cư ngụ là trái đất với những tài nguyên, mà mọi người, do quyền tự nhiên của mình,

²¹⁹ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 12: AAS 58 (1966) 1034; *Ibid.*, 24: AAS 58 (1966) 1045; *Ibid.*, 39: AAS 58 (1966) 1056-1057.

²²⁰ Thánh Gioan Kim khẩu, *Sermones in Genesim*, 2, 1: PG 54, 587-588.

²²¹ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 22: AAS 58 (1966) 1042.

²²² Thánh Phêrô Kim ngôn, *Sermones*, 117, 1-2: CCL 24A, 709 (PL 52, 520).

²²³ X. Tb 8,6.

đều có quyền sử dụng để nuôi dưỡng và phát triển sự sống; sau cùng, trong sự thống nhất về cùng đích siêu nhiên, là chính Thiên Chúa, Đấng mà tất cả đều phải quy hướng về; trong sự thống nhất về những phương thế để đạt tới cùng đích đó; trong sự thống nhất về ơn Cứu chuộc mà Đức Kitô đã thực hiện cho mọi người”²²⁴.

- 1939 **361.** Quy luật “của sự con người cần đến nhau và của đức mến”²²⁵, bảo đảm cho chúng ta rằng mọi người thật sự đều là anh em, tuy không loại trừ sự khác biệt rất nhiều giữa các cá nhân, các nền văn hóa, và các dân tộc.

II. “MỘT HỮU THỂ CÓ XÁC CÓ HỒN” “CORPORE ET ANIMA UNUS”

1146, 2332 **362.** Được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa, con người là một hữu thể vừa có yếu tố thể xác lại vừa có yếu tố tinh thần. Trình thuật Thánh Kinh diễn tả thực tại đó bằng một ngôn ngữ biểu tượng khi khẳng định rằng “Thiên Chúa lấy bụi từ đất nặn ra con người, thổi sinh khí vào lỗ mũi, và con người trở nên một sinh vật” (St 2,7). Như vậy con người toàn diện được dựng nên do *ý muốn* của Thiên Chúa.

- 1703 **363.** Trong Thánh Kinh, từ *linh hồn* thường chỉ *sự sống* con người²²⁶ hoặc toàn bộ *nhân vị*²²⁷. Nhưng từ đó cũng dùng để chỉ cái thâm sâu nhất trong con người²²⁸, giá trị nhất trong con người²²⁹, nhờ đó con người là hình ảnh của Thiên Chúa một cách đặc biệt hơn: “linh hồn” là *nguyên lý tinh thần* trong con người.

- 1004 **364.** *Thân xác* của con người được dự phần vào phẩm giá là “hình ảnh của Thiên Chúa”: nó là thân xác nhân linh (*corpus humanum*) chính vì được linh hồn thiêng liêng làm cho sinh động, và toàn bộ nhân vị được đặt định trở nên đền thờ Chúa Thánh Thần, trong Thân Thể Đức Kitô²³⁰.

“Là một thực thể có xác có hồn, con người, nhờ chính điều kiện có xác của mình, quy tụ nơi mình những yếu tố của thế giới vật chất, cho nên, nhờ con người, các yếu tố ấy đạt tới tuyệt đỉnh của chúng và có thể tự do dâng lời ca ngợi Đấng Tạo Hóa. Vì vậy

²²⁴ DGH Piô XII, Thông điệp *Summi Pontificatus*: AAS 31 (1939) 427; x. CD Vaticanô II, Tuyên ngôn *Nostra aetate*, 1: AAS 58 (1966) 740.

²²⁵ DGH Piô XII, Thông điệp *Summi Pontificatus*: AAS 31 (1939) 426.

²²⁶ X. Mt 16,25-26; Ga 15,13.

²²⁷ X. Cv 2,41.

²²⁸ X. Mt 26,38; Ga 12,27.

²²⁹ X. Mt 10,28; 2 Mcb 6,30.

²³⁰ X. 1 Cr 6,19-20; 15,44-45.

con người không được khinh miệt sự sống thể xác, nhưng trái lại, con người phải coi thân xác mình là tốt đẹp và đáng tôn trọng vì thân xác ấy do Thiên Chúa tạo dựng và sẽ được sống lại trong ngày sau hết”²³¹.

2289

365. Sự thống nhất xác hồn thâm sâu đến độ linh hồn phải được coi là “mô thể” của thân xác²³²; nghĩa là, nhờ linh hồn thiêng liêng mà thân xác, vốn được cấu tạo bằng vật chất, là một thân xác nhân linh (*corpus humanum*) và sống động; tinh thần và vật chất nơi con người không phải là hai bản tính được nối kết lại, nhưng sự kết hợp của chúng tạo thành một bản tính duy nhất.

366. Hội Thánh dạy rằng mỗi linh hồn thiêng liêng được tạo dựng trực tiếp bởi Thiên Chúa²³³ chứ không phải do cha mẹ “sinh sản”; Hội Thánh cũng dạy chúng ta rằng, linh hồn thì bất tử²³⁴; linh hồn không hư hoại khi lìa khỏi xác trong giờ chết, và sẽ tái hợp với thân xác trong ngày sống lại sau hết.

1005
997

367. Đôi khi linh hồn được phân biệt với tinh thần. Chẳng hạn thánh Phaolô cầu nguyện để trọn con người chúng ta: “tinh thần, linh hồn và thân xác” được gìn giữ, “không gì đáng trách, trong ngày Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, quang lâm” (1 Tx 5,23). Hội Thánh dạy rằng sự phân biệt này không đem lại sự nhị phân trong linh hồn²³⁵. Từ “tinh thần” muốn nói là con người, ngay từ khi được tạo dựng, đã được quy hướng về cùng đích siêu nhiên của mình²³⁶, và linh hồn của con người có khả năng được nâng lên cách nhưng không để hiệp thông với Thiên Chúa²³⁷.

2083

368. Truyền thống linh đạo của Hội Thánh cũng nhấn mạnh đến *trái tim*, mà theo ý nghĩa của Thánh Kinh, là nơi “thâm sâu thân mật” (“trong đáy lòng”: Gr 31,33), đó là nơi con người quyết định theo hoặc không theo Thiên Chúa²³⁸.

478, 582
1431, 1764
2517, 2562
2843

²³¹ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 14: AAS 58 (1966) 1035.

²³² X. CD Vienna (năm 1312), Hiến chế *Fidei catholicae*: DS 902.

²³³ X. ĐGH Piô XII, Thông điệp *Humani generis* (năm 1950): DS 3896; ĐGH Phaolô VI, *Sollemnis Professio fidei*, 8: AAS 60 (1968) 436.

²³⁴ X. CD Latêranô (năm 1513), Tông sắc *Apostolici regiminis*: DS 1440.

²³⁵ X. CD Constantinôpôli IV (năm 870), canon 11: DS 657.

²³⁶ X. CD Vaticanô I, Hiến chế tín lý *Dei Filius*, c. 2: DS 3005; CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 22: AAS 58 (1966) 1042-1043.

²³⁷ X. ĐGH Piô XII, Thông điệp *Humani generis* (năm 1950): DS 3891.

²³⁸ X. Đnl 6,5; 29,3; Is 29,13; Ed 36,26; Mt 6,21; Lc 8,15; Rm 5,5.

2331-2336

III. “THIÊN CHÚA ĐÃ TẠO DỰNG CON NGƯỜI CÓ NAM CÓ NỮ”

“MASCULUM ET FEMINAM CREAVIT EOS”

Thiên Chúa muốn con người bình đẳng nhưng khác biệt nhau

369. Người nam và người nữ được tạo dựng, nghĩa là họ hiện hữu do ý muốn của Thiên Chúa: một đàng, họ hoàn toàn bình đẳng với tư cách là những nhân vị; đàng khác, họ là nam và là nữ theo cách hiện hữu riêng. “Là người nam”, “là người nữ”, đều là thực tại tốt lành do ý muốn của Thiên Chúa: người nam và người nữ có một phẩm giá không thể mất được, do Thiên Chúa, Đấng Tạo Hoá, trực tiếp ban cho họ²³⁹. Người nam và người nữ, với cùng một phẩm giá, đều là “hình ảnh của Thiên Chúa”. “Là người nam” hay “là người nữ”, họ đều phản ánh sự khôn ngoan và lòng nhân hậu của Đấng Tạo Hoá.

42, 239

370. Đừng diễn tả Thiên Chúa theo hình ảnh loài người. Ngài không là nam, cũng không là nữ. Thiên Chúa là thuần túy thiêng liêng, trong tính thiêng liêng đó không có chỗ cho sự phân biệt phái tính. Nhưng “những nét hoàn hảo” của người nam và người nữ phản ánh một chút nào đó sự trọn hảo vô biên của Thiên Chúa: những hoàn hảo của người mẹ²⁴⁰, của người cha và người chồng²⁴¹ cũng vậy.

“Cho nhau” _ “Tuy hai mà một”

1605

371. Người nam và người nữ, được tạo dựng *đồng thời*, được Thiên Chúa muốn là người này phải sống *cho* người kia. Lời Chúa muốn chúng ta hiểu điều đó qua nhiều câu Thánh Kinh: “Con người ở một mình thì không tốt. Ta sẽ làm cho nó một trợ tá tương xứng với nó” (St 2,18). Không một con vật nào có thể là “tương xứng” với con người²⁴². Thiên Chúa lấy xương sườn người nam tạo thành người nữ và dẫn đến cho người nam; vừa trông thấy người nữ, người nam phải thốt lên một tiếng thán phục, một lời reo mừng của tình yêu và của sự hiệp thông: “Đây là xương bởi xương tôi, thịt bởi thịt tôi” (St 2,23). Người nam nhận ra người nữ như một “cái tôi” khác của cùng bản tính nhân loại.

372. Người nam, và người nữ được tạo dựng “người này cho người kia”: không phải Thiên Chúa đã tạo dựng họ “chỉ có một nửa” và

²³⁹ X. St 2,7.22.

²⁴⁰ X. Is 49,14-15; 66,13; Tv 131,2-3.

²⁴¹ X. Os 11,1-4; Gr 3,4-19.

²⁴² X. St 2,19-20.

“không đầy đủ”; Thiên Chúa đã tạo dựng họ để họ hiệp thông các ngôi vị, trong đó mỗi người có thể thành “sự trợ giúp” cho người kia, bởi vì một đàng, họ là những nhân vị bình đẳng với nhau (“xương bởi xương tôi...”) và đàng khác, là người nam và là người nữ, họ bổ túc cho nhau²⁴³. Trong hôn nhân, Thiên Chúa đã kết hợp họ đến độ, một khi nên “một xương một thịt” (St 2,24), họ có thể lưu truyền sự sống con người: “Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều, cho đầy mặt đất” (St 1,28). Người nam và người nữ, với tư cách là đôi vợ chồng và cha mẹ, khi lưu truyền sự sống con người cho dòng dõi mình, một cách độc đáo, cộng tác vào công trình của Đấng Tạo Hoá²⁴⁴.

1652, 2366

373. Trong kế hoạch của Thiên Chúa, người nam và người nữ có ơn gọi để làm chủ trái đất²⁴⁵ với tư cách là “những người quản lý” của Thiên Chúa. Quyền làm chủ này không được trở thành một sự thống trị độc đoán và phá hoại. Vì là hình ảnh của Đấng Tạo Hoá, “Đấng yêu thương mọi loài hiện hữu” (Kn 11,24), người nam và người nữ được kêu gọi tham dự vào sự quan phòng của Thiên Chúa đối với các thụ tạo khác. Do đó, họ có trách nhiệm về trần gian mà Thiên Chúa đã giao phó cho họ.

307

2415

IV. CON NGƯỜI TRONG VƯỜN ĐỊA ĐÀNG

HOMO IN PARADISO

374. Con người đầu tiên không những được tạo dựng là tốt lành, mà còn được sống trong tình thân nghĩa với Đấng Tạo Hóa của mình, trong sự hài hòa với chính mình và với vạn vật xung quanh. Tình thân nghĩa và sự hài hòa này chỉ thua kém vinh quang của công trình tạo dựng mới trong Đức Kitô.

54

375. Hội Thánh, khi giải thích một cách chính thống ngôn ngữ biểu tượng của Thánh Kinh dưới ánh sáng của Tân Ước và Truyền Thống, dạy rằng: nguyên tổ chúng ta, ông Adam và bà Evà, đã được tạo dựng trong tình trạng thánh thiện và công chính nguyên thủy²⁴⁶. Ân sủng của sự thánh thiện nguyên thủy đó là được tham dự vào sự sống của Thiên Chúa²⁴⁷.

1997

376. Mọi chiều kích của đời sống con người được củng cố bằng sự rạng ngời của ân sủng này. Bao lâu còn sống thân mật với Thiên Chúa, con người sẽ không phải chết²⁴⁸, cũng không phải đau khổ²⁴⁹.

²⁴³ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Tông thư *Mulieris dignitatem*, 7: AAS 80 (1988) 1664-1665.

²⁴⁴ CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 50: AAS 58 (1966) 1070-1071.

²⁴⁵ X. St 1,28.

²⁴⁶ X. CĐ Tridentinô, Sess. 5a, *Decretum de peccato originali*, canon 1: DS 1511.

²⁴⁷ X. CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 2: AAS 57 (1965) 5-6.

²⁴⁸ X. St 2,17; 3,19.

1008 Sự hài hòa nội tâm nơi mỗi nhân vị, sự hài hòa giữa người nam và
1502 người nữ²⁵⁰, và cuối cùng là sự hài hòa giữa đôi vợ chồng đầu tiên
với toàn thể thụ tạo, tạo nên tình trạng được gọi là “sự công chính
nguyên thủy”.

2514 **377.** “Quyền làm chủ” trần gian mà Thiên Chúa đã ban cho con
người ngay từ lúc đầu, được thực hiện trước tiên nơi chính con
người, là việc làm chủ chính bản thân mình. Con người còn nguyên
vẹn và có trật tự trong chính bản thân, vì còn tự do đối với ba thứ
dục vọng²⁵¹ khiến con người quy phục các lạc thú của giác quan, sự
ham mê của cái trần thế và đề cao chính mình, đi ngược lại những
lệnh truyền của lý trí.

2415 **378.** Dấu chỉ của sự thân thiện của con người với Thiên Chúa là
2427 việc Thiên Chúa đặt con người trong vườn địa đàng²⁵². Con người
sống ở đó “để cày cấy và canh giữ đất đai” (St 2,15): lao động
không phải là một hình khổ²⁵³, nhưng là sự cộng tác của người
nam và người nữ với Thiên Chúa trong việc kiện toàn công trình
tạo dựng hữu hình.

379. Toàn bộ sự hài hòa của tình trạng công chính nguyên thủy
này, mà kế hoạch của Thiên Chúa nhắm dành cho con người, đã bị
mất đi vì tội của nguyên tổ chúng ta.

TÓM LƯỢC

380. “Lạy Cha, Cha đã dựng nên con người giống hình ảnh Cha,
và trao cho việc trông coi vũ trụ, để khi phụng sự một mình Cha là
Đấng Tạo Hóa, con người cai quản mọi loài thụ tạo”²⁵⁴.

381. Con người được tiền định để họa lại hình ảnh của Con Thiên
Chúa làm người – “Đấng là hình ảnh của Thiên Chúa vô hình” (Cl
1,15) để Đức Kitô trở nên trưởng tử giữa một đàn em đồng đức²⁵⁵.

382. Con người là “một hữu thể có xác có hồn”²⁵⁶. Giáo lý đức tin
xác quyết rằng linh hồn thì thiêng liêng và bất tử, được Thiên
Chúa tạo dựng cách trực tiếp.

²⁴⁹ X. St 3,16.

²⁵⁰ X. St 2,25.

²⁵¹ X. 1 Ga 2,16.

²⁵² X. St 2,8.

²⁵³ X. St 3,17-19.

²⁵⁴ Kinh nguyện Thánh Thể IV, 118: *Sách Lễ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 467.

²⁵⁵ X. Ep 1,3-6; Rm 8,29.

²⁵⁶ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 14: AAS 58 (1966) 1035.

383. “Thiên Chúa không tạo dựng con người đơn độc: ngay từ đầu, ‘Ngài sáng tạo con người có nam có nữ’ (St 1,27), sự chung sống của họ đã tạo nên hình thức đầu tiên của sự hiệp thông giữa các ngôi vị”²⁵⁷.

384. Mạc Khải cho chúng ta biết tình trạng thánh thiện và công chính nguyên thủy của người nam và người nữ trước khi phạm tội: do tình thân nghĩa của họ với Thiên Chúa mà cuộc sống của họ trong vườn địa đàng được hạnh phúc.

Tiết 7

Sự sa ngã

Paragraphus 7

Lapsus

385. Thiên Chúa vô cùng tốt lành và mọi công trình của Ngài đều tốt đẹp. Tuy nhiên, không ai thoát được kinh nghiệm về đau khổ, về những sự dữ trong thiên nhiên – những sự dữ coi như gắn liền với những giới hạn riêng của các thụ tạo –, và nhất là vấn nạn về sự dữ luân lý. Sự dữ từ đâu đến? Thánh Augustinô nói: “Tôi đã tìm xem sự dữ từ đâu và không thấy câu giải đáp”²⁵⁸, và cuộc tìm kiếm đau thương riêng của thánh nhân chỉ tìm được câu giải đáp lúc ngài hối cải trở về với Thiên Chúa hằng sống. Bởi vì “mâu nhiệm của sự gian ác” (2 Tx 2,7) chỉ được sáng tỏ dưới ánh sáng của mâu nhiệm đạo thánh²⁵⁹. Việc mạc Khải tình yêu của Thiên Chúa trong Đức Kitô đã biểu lộ tình trạng lan tràn của sự dữ và đồng thời sự đầy tràn chan chứa của ân sủng²⁶⁰. Vì vậy chúng ta phải xem xét vấn nạn về nguồn gốc của sự dữ với cái nhìn đức tin hướng về Đấng duy nhất đã chiến thắng sự dữ²⁶¹.

309

457

1848

539

²⁵⁷ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 12: AAS 58 (1966) 1034.

²⁵⁸ Thánh Augustinô, *Confessiones*, 7, 7, 11: CCL 27, 99 (PL 32, 739).

²⁵⁹ X. 1 Tm 3,16.

²⁶⁰ X. Rm 5,20.

²⁶¹ X. Lc 11,21-22; Ga 16,11; 1 Ga 3,8.

I. Ở Đâu Tội Lỗi Đã Lan Tràn, Ở Đó Ân Sủng Cũng Chứa Chứa Gấp Bội

UBI ABUNDAVIT PECCATUM, SUPERABUNDAVIT GRATIA

Thực tại của tội lỗi

1847 **386.** Tội lỗi hiện diện trong lịch sử loài người: Thật là vô ích khi tìm cách làm ngơ hoặc gán những cái tên khác cho thực tại tâm tởi đó. Muốn hiểu tội là gì, trước hết phải nhận biết *mối liên hệ thâm sâu của con người với Thiên Chúa*, bởi vì ngoài mối tương quan đó, chúng ta không thể khám phá ra ác tính của tội lỗi trong căn tính đích thực của nó, là chối bỏ và chống đối Thiên Chúa, cho dù tội lỗi vẫn đè nặng trên đời sống con người và trên lịch sử.

1848 **387.** Thực tại của tội lỗi, và cách riêng của tội tổ tông, chỉ được làm sáng tỏ dưới ánh sáng của mạc khải Thiên Chúa. Không nhận biết điều mạc khải đem lại cho chúng ta về Thiên Chúa, chúng ta không thể biết rõ tội lỗi là gì, và bị cám dỗ muốn giải thích tội lỗi như một khiếm khuyết trong quá trình tăng trưởng, như một yếu kém về tâm lý, một sai lầm, một hậu quả tất yếu của một cơ cấu xã hội thoái hoá, v.v.... Chỉ khi nào nhận biết được kế hoạch của Thiên Chúa về con người, người ta mới hiểu rằng tội lỗi là lạm dụng sự tự do, vốn được Thiên Chúa ban cho các ngôi vị được tạo dựng để họ có thể yêu mến Ngài và yêu mến nhau.

Tội tổ tông - một chân lý căn bản của đức tin

431 **388.** Thực tại của tội lỗi cũng được làm sáng tỏ cùng với sự tiến triển của mạc khải. Mặc dầu dân Thiên Chúa thời Cựu Ước đã biết đến thân phận đau thương của con người dưới ánh sáng của việc sa ngã được thuật lại trong sách Sáng Thế, họ vẫn không thể nắm bắt được ý nghĩa tối hậu của việc sa ngã đó, ý nghĩa tối hậu này chỉ được biểu lộ dưới ánh sáng của cái Chết và sự Sống lại của Chúa Giêsu Kitô²⁶². Cần phải nhận biết Đức Kitô là nguồn mạch của ân sủng, thì mới nhận ra ông Adam là nguồn gốc của tội lỗi. Thần Khí bào chữa, do Đức Kitô phục sinh sai đến, đã đến tố cáo “thế gian sai lầm về tội lỗi” (Ga 16,8), khi Ngài mạc khải Đức Kitô là Đấng cứu chuộc trần gian.

422 **389.** Giáo lý về tội tổ tông, có thể nói được, là “mặt trái” của Tin Mừng này: Chúa Giêsu là Đấng Cứu Độ của tất cả mọi người, mọi người đều cần ơn cứu độ, và ơn cứu độ được ban cho mọi người nhờ Đức Kitô. Hội Thánh, người có cảm thức về Đức Kitô²⁶³, biết rằng

²⁶² X. Rm 5,12-21.

²⁶³ X. 1 Cr 2,16.

không thể công kích mặc khải về tội tổ tông mà không xúc phạm đến mầu nhiệm Đức Kitô.

Để hiểu trình thuật về sự sa ngã

390. Trình thuật về sự sa ngã (St 3) sử dụng kiểu nói hình tượng, nhưng xác quyết một sự kiện thuở đầu, đã xảy ra vào lúc khởi đầu lịch sử nhân loại²⁶⁴. Mặc khải cho chúng ta sự chắc chắn của đức tin rằng toàn bộ lịch sử nhân loại đều mang dấu tích của tội tổ tông, do nguyên tổ chúng ta đã phạm một cách tự do²⁶⁵. 289

II. SỰ SA NGÃ CỦA CÁC THIÊN THẦN

ANGELORUM LAPSUS

391. Đằng sau sự lựa chọn bất tuân của nguyên tổ chúng ta, có một tiếng nói dụ dỗ, chống lại Thiên Chúa²⁶⁶, đã vì ghen tương mà làm cho nguyên tổ sa vào cõi chết²⁶⁷. Thánh Kinh và Truyền thống của Hội Thánh coi hữu thể này là một thiên thần sa ngã, gọi là Satan hay ma quỷ²⁶⁸. Hội Thánh dạy rằng thoát đầu đó là một Thiên thần tốt lành do Thiên Chúa tạo dựng. “Chắc chắn ma quỷ và các thần dữ khác được Thiên Chúa tạo dựng đều tốt lành theo bản tính, nhưng chính chúng đã làm cho mình nên ác xấu”²⁶⁹. 2538

392. Thánh Kinh có nói đến tội của các thiên thần này²⁷⁰. Sự “sa ngã” đó cốt tại một lựa chọn tự do của các thụ tạo thiêng liêng này, họ chối bỏ Thiên Chúa và Nước của Ngài một cách triệt để và không thể thay đổi. Chúng ta thấy được sự phản ánh của cuộc nổi loạn này trong những lời Tên Cám Dỗ nói với các nguyên tổ chúng ta: “Các người sẽ trở nên như Thiên Chúa” (St 3,5). “Ma quỷ phạm tội từ lúc khởi đầu” (1 Ga 3,8); “nó là kẻ nói dối và là cha sự gian dối” (Ga 8,44). 2482

393. Tính cách không thể thay đổi của sự lựa chọn của các thiên thần, chứ không phải vì thiếu lòng thương xót vô biên của Thiên Chúa, làm cho tội của chúng không thể được tha thứ. “Quả vậy, sau 1033-1037

²⁶⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 13: AAS 58 (1966) 1034-1035.

²⁶⁵ CD Tridentinô, Sess. 5a, *Decretum de peccato originali*, canon 3: DS 1513; ĐGH Piô XII, Thông điệp *Humani generis*: DS 3897; ĐGH Phaolô VI, *Diễn văn* (ngày 11/7/1966): AAS 58 (1966) 649-655.

²⁶⁶ X. St 3,1-5.

²⁶⁷ X. Kn 2,24.

²⁶⁸ X. Ga 8,44; Kh 12,9.

²⁶⁹ CD Latêranô IV (năm 1215), Cap. 1, *De fide catholica*: DS 800.

²⁷⁰ X. 2 Pr 2,4.

1022 khi sa ngã, chính chúng không chút thống hối, cũng như con người sau khi chết”²⁷¹.

550 **394.** Thánh Kinh chứng tỏ ảnh hưởng tai hại của kẻ mà Chúa
2846-2849 Giêsu gọi là “tên sát nhân ... ngay từ đầu” (Ga 8,44), nó cũng đã ra sức làm cho Chúa Giêsu đi trệch ra khỏi sứ vụ Người đã lãnh nhận nơi Chúa Cha²⁷². “Con Thiên Chúa xuất hiện, là để phá hủy công việc của ma quỷ” (1 Ga 3,8). Trong các hậu quả của các việc làm của ma quỷ, nghiêm trọng nhất là sự quyến rũ dối trá dẫn đưa con người đến chỗ bất tuân Thiên Chúa.

309 **395.** Tuy nhiên, quyền năng của Satan không phải là vô hạn. Nó chỉ là một thụ tạo, có quyền năng vì là thuần túy thiêng liêng, nhưng vẫn luôn luôn là thụ tạo: nó không thể ngăn chặn công trình xây dựng Nước Thiên Chúa. Mặc dầu Satan hoạt động trong trần gian do thù hận chống lại Thiên Chúa và Nước Ngài trong 1673 Chúa Giêsu Kitô, và mặc dầu hoạt động của nó gây ra những thiệt hại nghiêm trọng cho mỗi người và cho xã hội – trong lãnh vực tinh thần và một cách gián tiếp cả trong lãnh vực vật chất –, hoạt động 412 ấy được cho phép bởi Chúa quan phòng, Đấng điều khiển lịch sử của loài người và của trần gian cách mạnh mẽ và dịu dàng. Việc Thiên 2850-2854 Chúa cho phép ma quỷ hoạt động quả là một mâu nhiệm lớn lao, nhưng “chúng ta biết rằng: Thiên Chúa làm cho mọi sự đều sinh lợi ích cho những ai yêu mến Ngài” (Rm 8,28).

III. TỘI TỔ TÔNG

PECCATUM ORIGINALE

Thử thách sự tự do

1730 **396.** Thiên Chúa đã tạo dựng con người theo hình ảnh Ngài và cho
311 họ sống trong tình bằng hữu với Ngài. Là một thụ tạo tinh thần, con người chỉ có thể sống trong tình bằng hữu đó bằng cách tự do suy phục Thiên Chúa. Điều đó được diễn tả trong lệnh cấm con người không được ăn trái của cây cho biết điều thiện, điều ác, “vì ngày nào người ăn, chắc chắn người sẽ phải chết” (St 2,17). “Cây cho biết điều thiện điều ác” (St 2,17) là một biểu tượng diễn tả ranh giới không thể vượt qua mà con người, trong tư cách là thụ tạo, phải nhìn nhận một cách tự do và tôn trọng một cách tin tưởng. Con người lệ thuộc Đấng Tạo Hoá; nó phải quy phục các định luật của công trình tạo dựng và các quy tắc luân lý quy định việc sử dụng sự tự do.

²⁷¹ Thánh Gioan Đamasênô, *Expositio fidei* 18 [De fide orthodoxa 2,4]: PTS 12, 50 (PG 94, 877).

²⁷² X. Mt 4,1-11.

Tội đầu tiên của con người

397. Con người, bị ma quỷ cám dỗ, đã dập tắt trong trái tim mình lòng tin tưởng đối với Đấng Tạo Hoá của mình²⁷³, và lạm dụng sự tự do của mình, đã *bất tuân* mệnh lệnh của Thiên Chúa. Đó là tội đầu tiên của con người²⁷⁴. Mọi tội lỗi sau đó đều là bất tuân Thiên Chúa và thiếu tin tưởng vào lòng nhân hậu của Ngài. 1707, 2541 1850 215

398. Trong tội này, con người *đã chọn mình hơn* Thiên Chúa và qua đó đã khinh thường Thiên Chúa: con người đã chọn chính bản thân chống lại Thiên Chúa, chống lại những đòi buộc của thân phận thụ tạo của mình, và do đó chống lại cả lợi ích riêng của mình. Con người, được tạo dựng trong tình trạng thánh thiện, được Thiên Chúa nhắm cho nó được “thần hóa” trọn vẹn trong vinh quang. Do ma quỷ cám dỗ, con người đã muốn trở nên “như Thiên Chúa”²⁷⁵ mà “không cần Thiên Chúa, vượt qua Thiên Chúa, và không theo Thiên Chúa”²⁷⁶. 2084 2113

399. Thánh Kinh cho thấy những hậu quả bi đát của sự bất tuân đầu tiên đó. Ông Adam và bà Evà đã lập tức đánh mất sự thánh thiện nguyên thủy²⁷⁷. Họ đâm ra sợ hãi Thiên Chúa²⁷⁸, vì họ đã tạo ra một hình ảnh sai lầm về Ngài, hình ảnh của một vị Thần ham hố các đặc quyền của mình²⁷⁹.

400. Sự hài hoà mà tổ tông đang hưởng nhờ sự công chính nguyên thủy, đã bị phá hủy; quyền điều khiển của các khả năng tinh thần của linh hồn trên thể xác đã bị đập tan²⁸⁰; sự kết hợp của người nam và người nữ trở nên căng thẳng²⁸¹; những liên hệ giữa họ bị đánh dấu bằng ham muốn và thống trị²⁸². Sự hài hoà với công trình tạo dựng bị phá vỡ: thế giới hữu hình trở nên xa lạ và thù nghịch với con người²⁸³. Vì con người, muôn loài đã phải lệ thuộc vào cảnh hư nát²⁸⁴. Cuối cùng, hậu quả đã được báo trước cách minh nhiên đối với tội bất tuân²⁸⁵, nay thành hiện thực: con người 1607 2514

²⁷³ X. St 3,1-11.

²⁷⁴ X. Rm 5,19.

²⁷⁵ St 3,5.

²⁷⁶ Thánh Maximô Hiên tu, *Ambiguorum liber*: PG 91, 1156.

²⁷⁷ X. Rm 3,23.

²⁷⁸ X. St 3,9-10.

²⁷⁹ X. St 3,5.

²⁸⁰ X. St 3,7.

²⁸¹ X. St 3,11-13.

²⁸² X. St 3,16.

²⁸³ X. St 3,17.19.

²⁸⁴ X. Rm 8,20.

²⁸⁵ X. St 2,17.

602, 1008 từ tro bụi sẽ trở về bụi tro²⁸⁶. *Sự chết đã xâm nhập vào lịch sử nhân loại*²⁸⁷.

1865, 2259 **401.** Sau tội đầu tiên này, một “cuộc xâm lăng” thật sự của tội lỗi tràn ngập trần gian: Cain giết em là Abel²⁸⁸, sự sa đọa lan rộng khắp nơi như là hậu quả của tội lỗi²⁸⁹; trong lịch sử Israel, tội lỗi cũng thường được biểu lộ một cách đặc biệt như sự bất trung đối với Thiên Chúa của Giao Ước và như sự vi phạm luật Môisen. Ngay cả sau việc Cứu Chuộc của Đức Kitô, giữa các Kitô hữu, tội lỗi còn xuất hiện bằng nhiều cách khác nhau²⁹⁰. Thánh Kinh và Truyền Thống Hội Thánh không ngừng nhắc đến sự hiện diện và
1739 *tính phổ quát của tội lỗi trong lịch sử loài người:*

“Những điều mặc khải cho biết, kinh nghiệm riêng của chúng ta cũng xác nhận. Khi nhìn vào trong lòng, con người thấy mình bị lôi kéo về những điều sai trái, và ngập lặn trong muôn vàn sự dữ, vốn là những điều không thể xuất phát từ Đấng Tạo Hóa tốt lành. Khi từ chối không nhìn nhận Thiên Chúa như nguồn gốc của mình, con người cũng đã phá đổ sự quy hướng cần thiết về cùng đích tối hậu, đồng thời phá vỡ toàn bộ sự hòa hợp của mình đối với chính bản thân, đối với những người khác và đối với mọi loài thụ tạo”²⁹¹.

Hậu quả của tội Adam trên nhân loại

430, 605 **402.** Mọi người đều bị liên lụy với tội Adam. Thánh Phaolô khẳng định: “Vì một người duy nhất đã không vâng lời Thiên Chúa, mà muôn người thành tội nhân” (Rm 5,19), muôn người ở đây có nghĩa là mọi người: “Vì một người duy nhất, mà tội lỗi đã xâm nhập trần gian, và tội lỗi gây nên sự chết; như thế, sự chết đã lan tràn tới mọi người, bởi vì mọi người đã phạm tội” (Rm 5,12). Đối lại tính phổ quát của tội lỗi và sự chết, thánh Tông Đồ nêu lên tính phổ quát của ơn cứu độ trong Đức Kitô: “Cũng như vì một người duy nhất đã sa ngã mà mọi người bị Thiên Chúa kết án, thì nhờ một người duy nhất đã thực hiện lễ công chính, mọi người cũng được Thiên Chúa làm cho nên công chính, nghĩa là được sống” (Rm 5,18).

2606 **403.** Noi theo thánh Phaolô, Hội Thánh luôn dạy rằng tình trạng cùng khốn đang đè nặng lên con người, cũng như việc họ hưởng

²⁸⁶ X. St 3,19.

²⁸⁷ X. Rm 5,12.

²⁸⁸ X. St 4,3-15.

²⁸⁹ X. St 6,5.12; Rm 1,18-32.

²⁹⁰ X. 1 Cr 1-6; Kh 2-3.

²⁹¹ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 13: AAS 58 (1966) 1035.

chiều về sự dữ và về sự chết là những điều không thể hiểu được, nếu không xét đến mối liên hệ của chúng với tội Adam và với việc ông đã truyền lại cho chúng ta một tội mà mọi người chúng ta phải mang lấy từ khi sinh ra, và tội này là “cái chết của linh hồn”²⁹². Dựa trên sự chắc chắn này của đức tin, Hội Thánh ban phép Rửa Tội để tha tội cho cả những trẻ em chưa từng phạm tội riêng²⁹³. 1250

404. Tội Adam đã trở nên tội của tất cả dòng dõi của ông như thế nào? Toàn thể nhân loại đều ở trong Adam “như một thân thể duy nhất của một con người duy nhất”²⁹⁴. Do “tính thống nhất” này của nhân loại, mọi người đều bị liên lụy với tội Adam, cũng như mọi người đều được thông phần vào sự công chính của Đức Kitô. Dầu sao, việc lưu truyền tội tổ tông là một mầu nhiệm mà chúng ta không thể hiểu cách đầy đủ. Nhưng nhờ mạc khải, chúng ta biết ông Adam đã nhận được sự thánh thiện và công chính nguyên thủy không phải chỉ cho riêng ông, nhưng cho toàn thể bản tính nhân loại: Khi nghe theo Tên Cám Dỗ, ông Adam và bà Evà đã phạm một tội cá nhân, nhưng tội đó ảnh hưởng đến bản tính nhân loại, một bản tính mà họ sẽ lưu truyền trong tình trạng đã sa ngã²⁹⁵. Đó là một tội được lưu truyền cho toàn thể nhân loại qua việc sinh sản, nghĩa là qua việc lưu truyền một bản tính nhân loại đã mất sự thánh thiện và công chính nguyên thủy. Do đó, tội tổ tông được gọi là “tội” theo nghĩa loại suy: đó là một thứ tội con người bị “nhiễm” chứ không phải đã “phạm”; một tình trạng, chứ không phải một hành vi. 360 50

405. Tội tổ tông, mặc dầu truyền đến mỗi người²⁹⁶, nhưng không hề mang tính cách một tội của bản thân nơi bất kỳ ai trong con cháu ông Adam. Không còn sự thánh thiện và sự công chính nguyên thủy, nhưng bản tính nhân loại không hoàn toàn bị huỷ hoại: bản tính nhân loại bị thương tật trong các sức lực tự nhiên riêng của mình, u mê đốt nát, phải chịu đau khổ, bị sự chết thống trị, và hướng chiều về tội lỗi (sự hướng chiều về điều xấu được gọi là dục vọng: *concupiscentia*). Bí tích Rửa Tội, khi ban cho con người đời sống ân sủng của Chúa Kitô, xóa bỏ tội tổ tông và đưa con người trở về cùng Thiên Chúa, nhưng những hậu quả của tội tổ tông trên bản tính, đã bị suy yếu và hướng chiều về điều xấu, vẫn tồn tại nơi con người và kêu gọi con người vào cuộc chiến đấu thiêng liêng. 2515 1264

²⁹² X. CĐ Tridentinô, Sess. 5a, *Decretum de peccato originali*, canon 2: DS 1512.

²⁹³ X. CĐ Tridentinô, Sess. 5a, *Decretum de peccato originali*, canon 4: DS 1514.

²⁹⁴ Thánh Tôma Aquinô, *Quaestiones disputatae de malo*, 4, 1, c.: Ed. Leon. 23, 105.

²⁹⁵ X. CĐ Tridentinô, Sess. 5a, *Decretum de peccato originali*, canones 1-2: DS 1511-1512.

²⁹⁶ X. CĐ Tridentinô, Sess. 5a, *Decretum de peccato originali*, canon 3: DS 1513.

406. Giáo lý của Hội Thánh về sự lưu truyền tội tổ tông đã được xác định cách đặc biệt vào thế kỷ V, chủ yếu là dưới ảnh hưởng sự quan tâm của thánh Augustinô chống lại chủ thuyết của ông Pêlagiô, và vào thế kỷ XVI, chống lại cuộc Cải Cách của những người thệ phản. Ông Pêlagiô chủ trương rằng, bằng sức mạnh tự nhiên của ý chí tự do, không cần sự trợ giúp của ân sủng, con người vẫn có thể sống tốt lành về mặt luân lý; như vậy, ông này giảm lược ảnh hưởng của tội Adam thành ảnh hưởng của một gương xấu. Trái lại, những nhà Cải Cách thệ phản đầu tiên chủ trương rằng, vì tội tổ tông, con người đã bị hư hỏng hoàn toàn và con người không còn sự tự do; họ đồng hóa tội mà mỗi người lãnh nhận do lưu truyền với sự nghiêng chiều về sự dữ (*dục vọng*), một sự nghiêng chiều không thể cưỡng lại được. Hội Thánh đã tuyên bố về ý nghĩa của mạc khải liên quan đến tội tổ tông, đặc biệt tại Công đồng Arausicanô II năm 529²⁹⁷, và tại Công đồng Tridentinô năm 1546²⁹⁸.

Một cuộc chiến cam go

2015
2852
1888

407. Giáo lý về tội tổ tông, gắn liền với giáo lý về ơn Cứu chuộc nhờ Đức Kitô, mang lại cho ta một cái nhìn để phân định sáng suốt về tình trạng của con người và hành động của họ ở trần gian. Vì tội tổ tông, ma quỷ đã có được một quyền thống trị nào đó trên con người, mặc dầu con người vẫn còn tự do. Tội tổ tông khiến con người “bị cầm giữ dưới quyền của kẻ nắm quyền thống trị của sự chết, tức là ma quỷ”²⁹⁹. Nếu không biết rằng bản tính nhân loại đã bị tổn thương, bị nghiêng chiều về sự dữ, người ta có thể mắc những sai lầm nghiêm trọng trong các lãnh vực giáo dục, chính trị, hoạt động xã hội³⁰⁰ và luân lý.

1865

408. Các hậu quả của tội tổ tông và của tất cả các tội cá nhân của con người đã đưa trần gian, trong tổng thể của nó, vào một tình trạng tội lỗi mà thánh Gioan đã gọi bằng kiểu nói: “tội trần gian” (Ga 1,29). Kiểu nói này cũng được dùng để nêu lên ảnh hưởng tiêu cực mà các thoả thuận tập thể và các cơ cấu xã hội, là hoa trái của tội lỗi con người, áp đặt lên các nhân vị³⁰¹.

2516

409. Hoàn cảnh bi đát như vậy của trần gian, đang “nằm dưới ách thống trị của Ác thần” (1 Ga 5,19)³⁰² làm cho đời sống con người trở thành một cuộc chiến đấu:

²⁹⁷ CĐ Arausicanô II, Canones 1-2: DS 371-372.

²⁹⁸ CĐ Tridentinô, Sess. 5a, *Decretum de peccato originali*: DS 1510-1516.

²⁹⁹ CĐ Tridentinô, Sess. 5a, *Decretum de peccato originali*, canon 1: DS 1511; x. Dt 2,14.

³⁰⁰ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus*, 25: AAS 83 (1991) 823-824.

³⁰¹ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Reconciliatio et poenitentia*, 16: AAS 77 (1985) 213-217.

³⁰² X. 1 Pr 5,8.

“Toàn bộ lịch sử của nhân loại là lịch sử của cuộc chiến cam go chống lại quyền lực của sự dữ, khởi đầu ngay từ lúc bình minh của lịch sử và sẽ kéo dài đến ngày cuối cùng như lời Chúa phán. Nằm giữa cuộc chiến này, con người phải luôn luôn chiến đấu để gắn bó với điều thiện hảo và chỉ sau khi hết sức cố gắng và với sự trợ giúp của ơn Chúa, con người mới đạt được sự thống nhất nội tâm”³⁰³.

IV. “CHA ĐÃ KHÔNG BỎ MẶT CON NGƯỜI DƯỚI QUYỀN LỰC SỰ CHẾT”

“NON DERELIQUISTI EUM IN MORTIS IMPERIO”

- 410.** Sau khi sa ngã, con người không bị Thiên Chúa bỏ rơi. Trái lại, Thiên Chúa gọi con người³⁰⁴ và, một cách bí nhiệm, loan báo cho con người cuộc chiến thắng trên sự dữ và việc nâng con người sa ngã dậy³⁰⁵. Đoạn này trong sách *Sáng Thế* được gọi là “Tiền Tin Mừng” bởi vì đó là lời loan báo đầu tiên về Đấng Messia Cứu Chuộc, về cuộc chiến đấu giữa con rắn và Người Nữ, và về chiến thắng chung cuộc của một hậu duệ Người Nữ này. 55, 705
1609, 2568
675
- 411.** Truyền thống Kitô giáo nhận ra trong đoạn này lời tiên báo một vị “Adam mới”³⁰⁶, Đấng đã lấy sự “vâng lời cho đến chết... trên thập giá” (Pl 2,8) của mình, mà sửa lại một cách đầy tràn chan chứa tội bất tuân của ông Adam³⁰⁷. Đàng khác, nơi Người Nữ được tiên báo trong Tiền Tin Mừng, nhiều Giáo phụ và tiến sĩ Hội Thánh nhận ra Đức Maria, Mẹ Đức Kitô, như là một bà “Eva mới”. Đức Maria là người đầu tiên và theo một cách thể độc nhất vô nhị, được thừa hưởng chiến thắng của Đức Kitô trên tội lỗi: Bà được gìn giữ khỏi mọi vết nhơ của tội tổ tông³⁰⁸ và trong suốt cuộc đời trần thế của mình, nhờ ân sủng đặc biệt của Thiên Chúa, Bà đã không hề phạm một tội nào³⁰⁹. 359, 615
491
- 412.** Nhưng tại sao Thiên Chúa không ngăn cản con người đầu tiên phạm tội? Thánh Lê Cả trả lời: “Điều chúng ta nhận được nhờ ân sủng khôn tả của Đức Kitô cao cả hơn điều chúng ta bị mất vì sự ghen tương của ma quỷ”³¹⁰. Và thánh Tôma Aquinô nói: “Không có gì ngăn cản bản tính loài người, sau tội lỗi, lại được 310, 395
272

³⁰³ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 37: AAS 58 (1966) 1055.

³⁰⁴ X. St 3,9.

³⁰⁵ X. St 3,15.

³⁰⁶ X. 1 Cr 15,21-22.45.

³⁰⁷ X. Rm 5,19-20.

³⁰⁸ X. ĐGH Piô IX, Tông sắc *Ineffabilis Deus*: DS 2803.

³⁰⁹ X. CD Tridentinô, Sess. 6a, *Decretum de iustificatione*, canon 23: DS 1573.

³¹⁰ Thánh Lê Cả, *Sermo* 73, 4: CCL 88A, 453 (PL 54, 151).

1994 nâng lên một mức cao hơn: thật vậy, Thiên Chúa cho phép sự dữ xảy ra để từ đó Ngài rút ra một điều thiện hảo hơn. Do đó, thánh Phaolô đã nói trong Rm 5,20: ‘Ở đâu tội lỗi đã lan tràn, ở đó ân sủng càng chứa chan gấp bội’; và do đó, trong bài Công bố Tin Mừng Phục Sinh có câu: ‘Ôi tội hồng phúc (felix culpa), nhờ có tội, ta mới có được Đấng Cứu Chuộc cao cả đường này!’³¹¹.

TÓM LƯỢC

413. “Thiên Chúa không làm ra cái chết, chẳng vui gì khi sinh mạng tiêu vong... Nhưng chính vì quỷ dữ ganh tị mà cái chết đã xâm nhập thế gian” (Kn 1,13; 2,24).

414. Satan hoặc ma quỷ và các ác thần khác là những thiên thần sa ngã bởi vì chúng đã tự do khước từ phục vụ Thiên Chúa và kế hoạch của Ngài. Lựa chọn của chúng là một lựa chọn dứt khoát chống lại Thiên Chúa. Chúng ra sức lôi kéo con người vào cuộc nổi loạn của chúng chống lại Thiên Chúa.

415. “Được Thiên Chúa dựng nên trong tình trạng công chính, nhưng con người, bị ma quỷ dụ dỗ, ngay từ khởi đầu lịch sử, đã lạm dụng sự tự do của mình, nâng mình lên chống lại Thiên Chúa và muốn đạt tới cứu cánh của mình ngoài Thiên Chúa”³¹².

416. Ông Adam, với tư cách là con người đầu tiên, vì tội của mình, đã đánh mất sự thánh thiện và công chính nguyên thủy mà ông đã lãnh nhận từ Thiên Chúa, không phải cho riêng mình ông nhưng cho tất cả mọi người.

417. Vì tội đầu tiên của họ, ông Adam và bà Evà đã lưu truyền cho hậu duệ một bản tính nhân loại đã bị thương tật, nên đã mất đi sự thánh thiện và sự công chính nguyên thủy. Sự mất mát đó được gọi là “tội tổ tông”.

418. Hậu quả của tội tổ tông là bản tính nhân loại bị suy yếu trong các sức lực tự nhiên của mình, u mê dốt nát, phải đau khổ, bị sự chết thống trị và hướng chiều về tội lỗi (sự hướng chiều này được gọi là “dục vọng”).

419. “Cùng với Công đồng Tridentinô, chúng tôi xác quyết rằng tội tổ tông được lưu truyền lại cùng với bản tính loài người, ‘không

³¹¹ Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, III, q. 1, a. 3, ad 3: Ed. Leon. 11, 14; lời này của thánh Tôma trưng dẫn câu trong bài Công bố Tin mừng Phục sinh “Exsultet”.

³¹² CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 13: AAS 58 (1966) 1034-1035.

phải do bất chước, nhưng qua truyền sinh' và tội ấy 'thuộc về riêng mỗi người'³¹³.

420. Chiến thắng của Đức Kitô trên tội lỗi đã ban cho chúng ta những điều thiện hảo cao quý hơn những gì tội lỗi đã lấy mất của chúng ta: "Ở đâu tội lỗi đã lan tràn, ở đó ân sủng càng chứa chan gấp bội" (Rm 5,20).

421. "Các Kitô hữu tin rằng trần gian này đã được dựng nên và bảo tồn bởi tình yêu của Đấng Tạo Hoá, quả thật nó đã rơi vào ách nô lệ tội lỗi, nhưng đã được giải thoát bởi Đức Kitô, Đấng chịu đóng đinh và phục sinh để đập tan quyền lực của Ác thần"³¹⁴.

³¹³ ĐGH Phaolô VI, *Sollemnis Professio fidei*, 16: AAS 60 (1968) 439.

³¹⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 2: AAS 58 (1966) 1026.

CHƯƠNG HAI

TÔI TIN KÍNH MỘT CHÚA GIÊSU KITÔ, CON MỘT THIÊN CHÚA

CAPUT SECUNDUM

CREDO IN IESUM CHRISTUM, FILIUM DEI UNICUM

Tin Mừng: Thiên Chúa đã sai Con mình tới

389 **422.** “Khi thời gian tới hồi viên mãn, Thiên Chúa đã sai Con mình
tới, sinh làm con một người phụ nữ và sống dưới Lê luật, để chuộc
những ai sống dưới Lê luật, hầu chúng ta nhận được ơn làm nghĩa
tử” (Gl 4,4-5). Đây là Tin Mừng Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên
Chúa¹: Thiên Chúa đã viếng thăm dân Ngài². Ngài đã thực hiện
những lời hứa với tổ phụ Abraham và con cháu ông³. Ngài đã thực
2763 hiện vượt quá mọi điều chúng ta mong ước: Ngài đã sai Con yêu
dấu của Ngài tới⁴.

423. Chúng tôi tin và chúng tôi tuyên xưng rằng: Chúa Giêsu
Nazareth, một người Do thái sinh bởi một phụ nữ Israel tại Bêlem
dưới thời vua Hêrôđê Cả và hoàng đế Cêsarê Augustô I, vốn làm
nghề thợ mộc, đã chịu chết trên thập giá tại Giêrusalem, thời tổng
trấn Phongtiô Philatô dưới triều hoàng đế Tibêriô, Chúa Giêsu ấy
là Con vĩnh cửu của Thiên Chúa, đã làm người, “Người bởi Thiên
Chúa mà đến” (Ga 13,3), là “Đấng từ trời xuống” (Ga 3,13; 6,33),
Đấng đã đến trong xác phàm⁵, bởi vì “Ngôi Lời đã trở nên người
phàm, và cư ngụ giữa chúng ta. Chúng tôi đã được nhìn thấy vinh
quang của Người, vinh quang mà Chúa Cha ban cho Người, là Con
Một đây tràn ân sủng và sự thật. Từ nguồn sung mãn của Người,
tất cả chúng ta đã lãnh nhận hết ơn này đến ơn khác” (Ga
1,14.16).

683 **424.** Được tác động bởi ân sủng Chúa Thánh Thần và được Chúa
Cha lôi kéo, chúng tôi tin và tuyên xưng về Chúa Giêsu rằng: “Thầy
552 là Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống” (Mt 16,16). Trên tảng đá

¹ X. Mc 1,1.

² X. Lc 1,68.

³ X. Lc 1,55.

⁴ X. Mc 1,11.

⁵ X. 1 Ga 4,2.

đức tin, mà ông Phêrô đã tuyên xưng, Đức Kitô đã xây dựng Hội Thánh của Người.⁶

“Loan báo Tin Mừng về sự phong phú khôn lường của Đức Kitô” (Ep 3,8)

425. Lưu truyền đức tin Kitô giáo, trước tiên là loan báo Chúa Giêsu Kitô, để dẫn đưa người ta đến chỗ tin vào Người. Ngay từ đầu, các môn đệ tiên khởi đã khao khát loan báo Đức Kitô: “Phần chúng tôi, những gì tai đã nghe, mắt đã thấy, chúng tôi không thể không nói ra” (Cv 4,20). Các ông đã kêu mời con người trong mọi thời đại vào hưởng niềm vui hiệp thông với Đức Kitô:

850, 858

“Điều vẫn có ngay từ lúc khởi đầu, điều chúng tôi đã nghe, điều chúng tôi đã thấy tận mắt, điều chúng tôi đã chiêm ngưỡng, và tay chúng tôi đã chạm đến, đó là Lời Sự Sống. Quả vậy, sự sống đã được tỏ bày, chúng tôi đã thấy và làm chứng, chúng tôi loan báo cho anh em sự sống đời đời: sự sống ấy vẫn hướng về Chúa Cha và nay đã được tỏ bày cho chúng tôi. Điều chúng tôi đã thấy và đã nghe, chúng tôi loan báo cho cả anh em nữa, để chính anh em cũng được hiệp thông với chúng tôi, mà chúng tôi thì hiệp thông với Chúa Cha và với Chúa Giêsu Kitô, Con của Ngài. Những điều này, chúng tôi viết ra để niềm vui của chúng ta được nên trọn vẹn” (1 Ga 1,1-4).

Trọng tâm của việc dạy giáo lý: Đức Kitô

426. “Phải xác quyết ngay rằng, ở trung tâm của việc dạy giáo lý, chủ yếu chúng ta gặp một nhân vật: đó là Chúa Giêsu Kitô Nazareth, ‘Con Một của Chúa Cha’... Người đã chịu khổ hình và đã chịu chết vì chúng ta; và Người, từ khi sống lại, luôn luôn sống với chúng ta... Dạy giáo lý là giúp người ta nhận ra toàn bộ kế hoạch vĩnh cửu của Thiên Chúa trong con người Đức Kitô; là tìm hiểu ý nghĩa các hành động và lời nói của Đức Kitô, và các dấu lạ Người đã thực hiện”⁷. Mục đích của việc dạy giáo lý là “dẫn đưa con người đến hiệp thông với Chúa Giêsu Kitô; chỉ một mình Người mới có thể dẫn người ta đến tình yêu của Chúa Cha trong Chúa Thánh Thần và đến chỗ được thông phần vào sự sống của Ba Ngôi Chí Thánh”⁸.

1698

513

260

⁶ X. Mt 16,18; Thánh Lêô Cả, *Sermo* 4, 3: CCL 88, 19-20 (PL 54, 151); *Sermo* 51,1: CCL 88A, 296-297 (PL 54, 309); *Sermo* 62, 2: CCL 88A, 377-378 (PL 54, 350-351); *Sermo* 83, 3: CCL 88A, 521-522 (PL 54, 432).

⁷ DGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Catechesi tradendae*, 5: AAS 71 (1979) 1280-1281.

⁸ DGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Catechesi tradendae*, 5: AAS 71 (1979) 1281.

- 2145 **427.** “Trong việc dạy giáo lý, phải giảng dạy Đức Kitô, là Ngôi Lời nhập thể và là Con Thiên Chúa, những điều khác phải được quy chiếu về Người; chỉ một mình Đức Kitô giảng dạy, còn bất cứ ai khác giảng dạy đều phải là phát ngôn viên của Người, phải để Đức
876 Kitô nói qua miệng lưỡi họ... Mọi giáo lý viên đều phải có thể áp dụng cho mình lời nói huyền nhiệm này của Chúa Giêsu: ‘Đạo lý tôi dạy không phải là của tôi, nhưng là của Đấng đã sai tôi’” (Ga 7,16)⁹.

428. Ai được kêu gọi rao giảng Tin Mừng Đức Kitô, trước hết phải tìm “mối lợi tuyệt vời là được biết Đức Kitô”; người ấy phải “đành mất hết”, “để được Đức Kitô và được kết hợp với Người”, và để “biết Người quyền năng thế nào nhờ đã phục sinh, cùng được thông phần những đau khổ của Người, nhờ nên đồng hình đồng dạng với Người trong cái chết của Người, với hy vọng có ngày cũng được sống lại từ trong cõi chết” (Pl 3,8-11).

- 851 **429.** Từ việc nhận biết Đức Kitô với tâm tình yêu mến, sẽ nảy sinh ước ao loan báo Người, ước ao “rao giảng Tin Mừng” về Người, và ước ao dẫn đưa người khác đến chỗ “chấp nhận” đức tin vào Chúa Giêsu Kitô. Nhưng đồng thời, người ta cũng cảm thấy nhu cầu phải luôn hiểu biết đức tin ấy một cách tốt hơn. Nhằm mục đích đó, theo thứ tự của Tín biểu, trước hết các tước hiệu chính của Chúa Giêsu sẽ được trình bày: Đức Kitô, Con Thiên Chúa, Chúa (*Mục 2*). Tiếp đó Tín biểu tuyên xưng các mâu nhiệm chính yếu của cuộc đời Đức Kitô: các mâu nhiệm về việc Nhập Thể của Người (*Mục 3*), các mâu nhiệm về cuộc Vượt Qua của Người (*Mục 4 và 5*) và sau cùng các mâu nhiệm về sự Tôn Vinh Người (*Mục 6 và 7*).

⁹ ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Catechesi tradendae*, 6: AAS 71 (1979) 1281-1282.

Mục 2

“Tôi tin kính Đức Chúa Giêsu Kitô, là Con Một Đức Chúa Cha, cùng là Chúa chúng tôi”

Articulus 2

“Et in Iesum Christum, Filium Eius unicum, Dominum nostrum”

I. CHÚA GIÊSU

IESUS

430. Trong tiếng Do thái, “Giêsu” có nghĩa là “Thiên Chúa Cứu Độ”. Khi Truyền tin, thiên thần Gabriel dạy đặt tên cho Người là Giêsu; tên gọi này vừa diễn tả căn tính của Người, vừa diễn tả sứ vụ của Người¹⁰. Bởi vì không ai “có quyền tha tội, ngoài một mình Thiên Chúa” (Mc 2,7), cho nên, trong Chúa Giêsu là Con vĩnh cửu của Ngài, đã làm người, chính Thiên Chúa “sẽ cứu dân Ngài khỏi tội lỗi của họ” (Mt 1,21). Như vậy, nơi Chúa Giêsu, Thiên Chúa tóm kết toàn bộ lịch sử cứu độ của Ngài cho nhân loại. 210

431. Trong lịch sử cứu độ, Thiên Chúa không chỉ bằng lòng với việc giải thoát Israel khỏi “cảnh nô lệ” (Đnl 5,6) khi đưa họ ra khỏi Ai cập. Ngài còn cứu họ khỏi tội lỗi của họ nữa. Bởi vì tội luôn là một xúc phạm đến Thiên Chúa¹¹, nên chỉ mình Ngài mới có quyền tha tội¹². Vì vậy, khi Israel càng ý thức rõ hơn về tính phổ quát của tội lỗi, họ càng không thể tìm kiếm ơn cứu độ ngoài việc khẩn cầu danh Thiên Chúa, Đấng Cứu Chuộc¹³. 1441, 1850
388

432. Danh “Giêsu” nói lên rằng chính Danh Thánh Thiên Chúa hiện diện nơi bản thân của Con Ngài¹⁴, Đấng đã làm người để cứu chuộc mọi người khỏi tội lỗi một cách dứt khoát. “Giêsu” là một Danh thần linh, Danh duy nhất mang lại ơn cứu độ¹⁵, và từ nay mọi người có thể kêu cầu Danh của Người, bởi vì qua việc Nhập Thể, chính Người đã tự kết hợp với tất cả mọi người¹⁶ đến độ “dưới 589, 2666
389

¹⁰ X. Lc 1,31.

¹¹ X.Tv 51,6.

¹² X.Tv 51,11.

¹³ X. Tv 79,9.

¹⁴ X. Cv 5,41; 3 Ga 7.

¹⁵ X. Ga 3,18; Cv 2,21.

¹⁶ X. Rm 10,6-13.

161 gầm trời này, không có một danh nào khác đã được ban cho nhân loại, để chúng ta phải nhờ vào danh đó mà được cứu độ” (Cv 4,12)¹⁷.

615 **433.** Thánh danh Thiên Chúa Cứu Độ được vị thượng tế kêu cầu mỗi năm một lần để xin ơn xá tội cho Israel, khi ông lấy máu của hy lễ rảy lên bàn xá tội trong nơi Cực Thánh¹⁸. Bàn xá tội xưa là nơi Thiên Chúa hiện diện¹⁹. Khi thánh Phaolô nói về Chúa Giêsu: “Thiên Chúa đã đặt Người làm nơi xá tội nhờ máu của Người” (Rm 3,25), ông muốn nói rằng trong bản tính nhân loại của Chúa Giêsu, “Thiên Chúa đã cho thế gian được hòa giải với Ngài” (2 Cr 5,19).

2812 **434.** Việc phục sinh của Chúa Giêsu làm hiển vinh thánh danh Thiên Chúa Cứu Độ²⁰, bởi vì từ lúc đó Danh Giêsu bày tỏ cách trọn vẹn quyền năng tối thượng của “Danh hiệu trời vượt trên muôn ngàn danh hiệu” (Pl 2,9-10). Các Thần dữ khiếp sợ Danh Người²¹, và nhân Danh Người, các môn đệ Chúa Giêsu làm nhiều phép lạ²², bởi vì tất cả những gì họ xin Chúa Cha nhân danh Chúa Giêsu, Chúa Cha đều ban cho họ²³.

2667-2668 **435.** Danh Chúa Giêsu nằm ở trung tâm của kinh nguyện Kitô giáo. Tất cả các lời nguyện trong phụng vụ đều kết thúc bằng công thức: “Nhờ Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng con”. Tột đỉnh của Kinh *Kính Mừng Maria* là câu “và Giêsu, con lòng Bà gồm phúc lạ”. Lời tâm nguyện của Giáo Hội Đông phương, gọi là “Lời khấn nguyện Chúa Giêsu” (oratio Iesu) thưa lên rằng: “Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, xin thương xót con là kẻ có tội”. Nhiều Kitô hữu đã chết khi miệng chỉ kêu danh thánh “Giêsu”, như thánh nữ Jeanne d’Arc²⁴.

II. ĐỨC KITÔ CHRISTUS

690, 695 **436.** Danh hiệu “Kitô” là một từ Hy Lạp, dịch từ “Messia” của tiếng Do thái, có nghĩa là “người được xức dầu”. Danh hiệu này trở thành tên riêng của Chúa Giêsu bởi vì Người đã chu toàn cách hoàn hảo sứ vụ thần linh mà danh hiệu ấy bao hàm. Quả vậy,

¹⁷ X. Cv 9,14; Gc 2,7.

¹⁸ X. Lv 16,15-16; Gv 50,22; Dt 9,7.

¹⁹ X. Xh 25,22; Lv 16,2; Ds 7,89; Dt 9,5.

²⁰ X. Ga 12,28.

²¹ X. Cv 16,16-18; 19,13-16.

²² X. Mc 16,17.

²³ X. Ga 15,16.

²⁴ X. *La réhabilitation de Jeanne la Pucelle. L'enquête ordonnée par Charles VII en 1450 et le codicille de Guillaume Bouillé*, ed. P. Doncoeur-Y. Lanhers (Paris 1956) 39. 45. 56.

trong Israel, những ai được thánh hiến cho Thiên Chúa để thi hành một sứ vụ Ngài giao phó, đều được xúc dầu nhân danh Thiên Chúa. Đó là trường hợp của các vua²⁵, các tư tế²⁶ và đôi khi, các tiên tri²⁷. Đó phải là, một cách tuyệt hảo, trường hợp của Đấng Messia, là người Thiên Chúa sai đến để thiết lập Nước của Ngài cách vĩnh viễn²⁸. Đấng Messia phải được xúc dầu bằng Thần Khí của Chúa²⁹ với tư cách là vua, đồng thời là tư tế³⁰, và cũng với tư cách là tiên tri.³¹ Chúa Giêsu đã thực hiện niềm hy vọng về Đấng Messia của Israel trong ba nhiệm vụ của Người là Tư tế, Tiên tri và Vương đế.

711-716
783

437. Thiên thần đã loan báo cho các mục đồng việc Giáng Sinh của Chúa Giêsu, với tính cách là việc ra đời của Đấng Messia đã được hứa ban cho Israel: “Hôm nay, một Đấng Cứu Độ đã sinh ra cho anh em trong thành Vua David, Người là Đấng Kitô, là Đức Chúa” (Lc 2,11). Ngay từ đầu, Chúa Giêsu là “Đấng Chúa Cha đã hiến thánh và sai đến thế gian” (Ga 10,36), với tư cách là “Đấng Thánh” (Lc 1,35) được cứu mang trong lòng dạ trinh khiết của Đức Maria³². Thánh Giuse được Thiên Chúa kêu gọi đón bà Maria vợ ông về, “vì người con bà cứu mang là do quyền năng Chúa Thánh Thần” (Mt 1,20), để Chúa Giêsu, “cũng gọi là Đấng Kitô” (Mt 1,16), được sinh ra do vợ ông Giuse trong dòng tộc thiên sai (in generatione messianica) của vua David.³³

486, 525

438. Việc được thánh hiến làm Đấng Messia của Chúa Giêsu biểu lộ sứ vụ thần linh của Người. “Trong danh hiệu ‘Kitô’ bao gồm Đấng xúc dầu, Đấng được xúc dầu, và chính việc xúc dầu: Đấng xúc dầu là Chúa Cha, Đấng được xúc dầu là Chúa Con, trong Chúa Thánh Thần, Đấng là Việc xúc dầu”³⁴. Việc xúc dầu thánh hiến vĩnh cửu của Chúa Giêsu được mạc khải trong cuộc đời trần thế của Người khi Người chịu phép rửa bởi ông Gioan, khi “Thiên Chúa đã dùng Thánh Thần và quyền năng mà xúc dầu tấn phong Người” (Cv 10,38) “để Người được tỏ ra cho dân Israel” (Ga 1,31) trong tư cách là Đấng Messia của Thiên Chúa. Những việc Người làm và

727

535

²⁵ X. 1 Sm 9,16; 10,1; 16,1.12-13; 1 V 1,39.

²⁶ X. Xh 29,7; Lv 8,12.

²⁷ X. 1 V 19,16.

²⁸ X. Tv 2,2; Cv 4,26-27.

²⁹ X. Is 11,2.

³⁰ X. Zc 4,14; 6,13.

³¹ X. Is 61,1; Lc 4,16-21.

³² X. Lc 1,35.

³³ X. Rm 1,3; 2 Tm 2,8; Kh 22,16.

³⁴ Thánh Irêne, *Adversus haereses*, 3, 18, 3: SC 211, 350 (PG 7, 934).

những lời Người dạy giúp cho chúng ta nhận biết Người là “Đấng Thánh của Thiên Chúa”³⁵.

- 528-529 **439.** Nhiều người Do Thái, và cả một số người ngoại cùng chia sẻ niềm hy vọng của Israel, đã nhận ra nơi Chúa Giêsu những nét cơ bản của “Con vua David”, Đấng Messia mà Thiên Chúa đã hứa ban cho Israel³⁶. Chúa Giêsu đã chấp nhận danh hiệu Messia, Người có quyền làm như vậy³⁷, nhưng Người chấp nhận một cách dè dặt, bởi vì danh hiệu này bị một số người đương thời với Người hiểu theo một quan niệm quá phàm trần³⁸, đặc biệt mang tính chất chính trị.³⁹
- 552 **440.** Khi thánh Phêrô tuyên xưng Người là Đấng Messia, Chúa Giêsu chấp nhận lời tuyên xưng đức tin đó, nhưng Người loan báo ngay cuộc khổ nạn đã gần đến của “Con Người”⁴⁰. Người tỏ cho thấy ý nghĩa đích thực của vương quyền Messia của Người, vừa trong căn tính siêu việt của Con Người, “Đấng từ trời xuống” (Ga 3,13)⁴¹, vừa trong sứ vụ cứu chuộc của Người với tư cách là Người Tôi trung đau khổ: “Con Người đến, không phải để được người ta phục vụ, nhưng là để phục vụ, và hiến dâng mạng sống làm giá chuộc muôn người” (Mt 20,28)⁴². Do đó ý nghĩa đích thực của vương quyền Người chỉ được biểu lộ cách tốt đỉnh trên Thập Giá.⁴³ Chỉ sau khi Người sống lại, thánh Phêrô mới có thể công bố vương quyền Messia của Người trước mặt dân Thiên Chúa: “VẬY TOÀN THỂ NHÀ ISRAEL PHẢI BIẾT CHẮC ĐIỀU NÀY: CHÚA GIÊSU MÀ ANH EM ĐÃ TREO TRÊN THẬP GIÁ, THIÊN CHÚA ĐÃ ĐẶT NGƯỜI LÀM CHÚA VÀ LÀM Đấng KITÔ” (Cv 2,36).

III. CON MỘT THIÊN CHÚA

FILIUS DEI UNICUS

441. Trong Cựu Ước “Con Thiên Chúa” là danh hiệu được ban cho các Thiên thần⁴⁴, cho dân Chúa chọn⁴⁵, cho con cái Israel⁴⁶, và cho

³⁵ X. Mc 1,24; Ga 6,69; Cv 3,14.

³⁶ X. Mt 2,2; 9,27; 12,23; 15,22; 20,30; 21,9.15.

³⁷ X. Ga 4,25-26; 11,27.

³⁸ X. Mt 22,41-46.

³⁹ X. Ga 6,15; Lc 24,21.

⁴⁰ X. Mt 16,16-23.

⁴¹ X. Ga 6,62; Đn 7,13.

⁴² X. Is 53,10-12.

⁴³ X. Ga 19,19-22; Lc 23,39-43.

⁴⁴ X. Đnl (LXX) 32,8; G 1,6.

⁴⁵ X. Xh 4,22; Os 11,1; Gr 3,19; Gv 36,14; Kn 18,13.

⁴⁶ X. Đnl 14,1; Os 2,1.

các vua của họ⁴⁷. Trong những trường hợp ấy, danh hiệu “Con Thiên Chúa” nói lên việc Thiên Chúa nhận một số thụ tạo làm nghĩa tử, và việc này tạo nên những mối liên hệ thân tình đặc biệt giữa Thiên Chúa và thụ tạo của Ngài. Khi vị Vua Messia của lời hứa được gọi là “Con Thiên Chúa”⁴⁸, điều này, xét theo nghĩa văn tự của các bản văn nêu trên, không nhất thiết hàm ý rằng Người có bản tính vượt trội phạm nhân. Những người đã gọi Chúa Giêsu là Đấng Messia của Israel⁴⁹ có lẽ cũng không có ý muốn nói gì hơn⁵⁰.

442. Trường hợp thánh Phêrô thì khác, khi ông tuyên xưng Chúa Giêsu là “Đấng Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống”⁵¹, bởi vì Chúa Giêsu đã long trọng trả lời ông: “Không phải *phạm nhân* mạc khải cho anh điều ấy, nhưng là *Cha của Thầy*, Đấng ngự trên trời” (Mt 16,17). Tương tự như vậy, khi đề cập đến cuộc hối cải của mình trên đường đi Đamas, thánh Phaolô đã nói: “Thiên Chúa đã dành riêng tôi ngay từ khi tôi còn trong lòng mẹ, và đã gọi tôi nhờ ân sủng của Ngài. Ngài đã đoái thương mạc khải Con của Ngài cho tôi, để tôi loan báo Tin Mừng về Con của Ngài cho các dân ngoại” (Gl 1,15-16). “Lập tức, ông bắt đầu rao giảng Chúa Giêsu trong các hội đường, rằng Người là Con Thiên Chúa” (Cv 9,20). Ngay từ đầu⁵², điều này đã là trung tâm của đức tin tông truyền⁵³, đức tin mà thánh Phêrô, với tư cách là nền tảng Hội Thánh, đã tuyên xưng trước hết⁵⁴.

552

424

443. Nếu thánh Phêrô có thể nhận ra tính chất siêu việt trong tư cách Con Thiên Chúa của Chúa Giêsu, Đấng Messia, thì đó là bởi vì chính Người đã nói lên điều đó cách rõ ràng. Trước Thượng Hội Đồng, khi những kẻ tố cáo hỏi Người: “Vậy ông là Con Thiên Chúa sao?”, Chúa Giêsu trả lời: “Đúng như các ông nói, chính tôi đây” (Lc 22,70)⁵⁵. Trước đó đã lâu, Chúa Giêsu đã tự xưng mình là “Con”, là người biết rõ Chúa Cha⁵⁶, là người phân biệt mình với các “tôi tớ” mà Thiên Chúa đã sai đến trước với dân Ngài⁵⁷, là

⁴⁷ X. 2 Sm 7,14; Tv 82,6.

⁴⁸ X. 1 Sbn 17,13; Tv 2,7.

⁴⁹ X. Mt 27,54.

⁵⁰ X. Lc 23,47.

⁵¹ X. Mt 16,16.

⁵² X. 1 Tx 1,10.

⁵³ X. Ga 20,31.

⁵⁴ X. Mt 16,18.

⁵⁵ X. Mt 26,64; Mc 14,62.

⁵⁶ X. Mt 11,27; 21,37-38.

⁵⁷ X. Mt 21,34-36.

- 2786 người trở vượt trên cả các Thiên thần⁵⁸. Chúa Giêsu phân biệt tư cách làm “Con” của Người với tư cách làm con của các môn đệ Người vì không bao giờ Người nói “Cha chúng ta”⁵⁹, trừ lúc truyền dạy họ: “Anh em hãy cầu nguyện như thế này: ‘Lạy Cha chúng con’” (Mt 6,9); và Người nhấn mạnh sự khác biệt giữa “Cha của Thầy, cũng là Cha của anh em” (Ga 20,17).
- 536, 554 **444.** Vào hai thời điểm quan trọng, lúc Đức Kitô chịu Phép Rửa và lúc Người Hiến Dâng, các sách Tin Mừng nhắc đến tiếng Chúa Cha gọi Chúa Giêsu là “Con yêu dấu” của Ngài⁶⁰. Chính Chúa Giêsu cũng tự xưng là “Con Một” của Thiên Chúa (Ga 3,16) và qua danh hiệu đó, xác quyết sự tiền hữu vĩnh cửu (aeternam praeexistentiam) của mình⁶¹. Người đòi phải tin vào “danh Con Một Thiên Chúa” (Ga 3,18). Lời tuyên xưng này của Kitô giáo đã xuất hiện ngay từ tiếng kêu của viên đại đội trưởng trước mặt Chúa Giêsu trên thập giá: “Quả thật, người này là Con Thiên Chúa” (Mc 15,39). Chỉ trong mầu nhiệm Vượt Qua, người tin tước hiệu “Con Thiên Chúa” mới có thể hiểu được ý nghĩa cao cả nhất của tước hiệu đó.
- 653 **445.** Sau khi Người phục sinh, tư cách Con Thiên Chúa của Đức Kitô tỏ rạng trong quyền năng của nhân tính được tôn vinh của Người. “Từ cõi chết sống lại nhờ Thánh Thần, Người đã được đặt làm Con Thiên Chúa với tất cả quyền năng” (Rm 1,4)⁶². Các Tông Đồ có thể tuyên xưng: “Chúng tôi đã được nhìn thấy vinh quang của Người, vinh quang mà Chúa Cha ban cho Người là Con Một đầy tràn ân sủng và sự thật” (Ga 1,14).

IV. CHÚA DOMINUS

- 209 **446.** Trong bản dịch các sách Cựu ước ra tiếng Hy Lạp, YHWH, danh không thể xưng mà Thiên Chúa dùng để tự mạc khải cho ông Môisen⁶³, được dịch là *Kyrios* (“Chúa”). Từ đó, tước hiệu “Chúa” trở thành danh xưng thông dụng nhất để nói lên chính thần tính của Thiên Chúa Israel. Tân Ước dùng tước hiệu “Chúa”, theo nghĩa mạnh như trên, cho Chúa Cha, và đồng thời, và đây là điều mới

⁵⁸ X. Mt 24,36.

⁵⁹ X. Mt 5,48; 6,8; 7,21; Lc 11,13.

⁶⁰ X. Mt 3,17; 17,5.

⁶¹ X. Ga 10,36.

⁶² X. Cv 13,33.

⁶³ X. Xh 3,14.

mẻ, cũng dùng cho Chúa Giêsu, qua đó nhìn nhận Người chính là Thiên Chúa⁶⁴.

447. Chính Chúa Giêsu nhận tước hiệu ấy cho mình một cách mặc nhiên khi tranh luận với các người Phariseu về ý nghĩa thánh vịnh 110⁶⁵, nhưng khi nói chuyện với các Tông Đồ thì Người nhận một cách minh nhiên⁶⁶. Trong suốt cuộc đời công khai của Người, những cử chỉ thống trị của Chúa Giêsu trên thiên nhiên, trên bệnh tật, trên ma quỷ, trên sự chết và tội lỗi, chứng tỏ Người có quyền tối thượng của Thiên Chúa. 548

448. Trong các sách Tin Mừng, khi thưa chuyện với Chúa Giêsu, người ta rất thường gọi Người là “Chúa”. Tước hiệu này cho thấy lòng tôn kính và tin tưởng của những người đến với Chúa Giêsu và mong đợi Người cứu giúp và chữa lành⁶⁷. Dưới tác động của Chúa Thánh Thần, khi thưa như vậy, người ta nhìn nhận mầu nhiệm thần linh của Chúa Giêsu⁶⁸. Khi gặp gỡ Chúa Giêsu Phục sinh, việc gọi tước hiệu ấy trở thành việc thờ lạy: “Lạy Chúa của con! lạy Thiên Chúa của con!” (Ga 20,28). Lúc đó, việc gọi Người như vậy còn mang ý nghĩa kính yêu và thân ái, là điểm riêng của truyền thống Kitô giáo: “Chúa đó!” (Ga 21,7). 208, 683 641

449. Khi dành cho Chúa Giêsu tước hiệu thần linh là “Chúa”, những lời tuyên xưng đức tin tiên khởi của Hội Thánh xác quyết ngay từ đầu⁶⁹ rằng quyền năng, danh dự và vinh quang thuộc về Chúa Cha cũng thuộc về Chúa Giêsu⁷⁰, bởi vì Người “vốn dĩ là Thiên Chúa” (Pl 2,6), và bởi vì Chúa Cha đã làm tỏ hiện quyền chủ tể này của Chúa Giêsu khi cho Người sống lại từ cõi chết và tôn dương Người trong vinh quang của Ngài⁷¹. 461 653

450. Ngay từ đầu lịch sử Kitô giáo, việc xác quyết quyền chủ tể của Chúa Giêsu trên trần gian và trên lịch sử⁷² cũng có nghĩa là nhìn nhận rằng, con người không được để cho tự do cá nhân của mình suy phục một cách tuyệt đối bất cứ quyền bính trần thế nào, nhưng chỉ suy phục một mình Thiên Chúa là Cha và Chúa Giêsu Kitô: Hoàng đế Cêsar không phải là “Chúa”⁷³. Hội Thánh “tin rằng 668-672 2242

⁶⁴ X. 1 Cr 2,8.

⁶⁵ X. Mt 22,41-46; Cv 2,34-36; Dt 1,13.

⁶⁶ X. Ga 13,13.

⁶⁷ X. Mt 8,2; 14,30; 15,22.

⁶⁸ X. Lc 1,43; 2,11.

⁶⁹ X. Cv 2,34-36.

⁷⁰ X. Rm 9,5; Tt 2,13; Kh 5,13.

⁷¹ X. Rm 10,9; 1 Cr 12,3; Pl 2,9-11.

⁷² X. Kh 11,15.

⁷³ X. Mc 12,17; Cv 5,29.

mình gặp được chìa khóa, trung tâm và cứu cánh của toàn thể lịch sử nhân loại nơi Chúa và Thầy của mình”⁷⁴.

- 2664-2665 **451.** Kinh nguyện Kitô giáo được ghi dấu bằng tước hiệu “Chúa”, dù là lời mời gọi cầu nguyện “Chúa ở cùng anh chị em”, dù là câu kết thúc lời nguyện: “Nhờ Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng con”, hay cả
2817 trong tiếng kêu đầy tin tưởng và hy vọng “Maran atha” (“Chúa đến!”) hoặc “Marana tha” (“Lạy Chúa, xin ngự đến!”) (1 Cr 16,22). “Amen. Lạy Chúa Giêsu, xin ngự đến” (Kh 22,20).

TÓM LƯỢC

452. *Thánh Danh Giêsu có nghĩa là “Thiên Chúa Cứu Độ”. Hài nhi sinh bởi Đức Trinh Nữ Maria được gọi là “Giêsu”: “Vì chính Người sẽ cứu dân Người khỏi tội lỗi của họ” (Mt 1,21). “Dưới gầm trời này, không có một danh nào khác đã được ban cho nhân loại, để chúng ta phải nhờ vào danh đó mà được cứu độ” (Cv 4,12).*

453. *Danh hiệu “Kitô” có nghĩa là “Đáng được xúc dầu”, “Đáng Messia”. Chúa Giêsu là Đáng Kitô bởi vì “Thiên Chúa đã dùng Thánh Thần và quyền năng mà xúc dầu tấn phong Người” (Cv 10,38). Người là “Đáng phải đến” (Lc 7,19), là đối tượng của niềm hy vọng của Israel⁷⁵.*

454. *Danh hiệu “Con Thiên Chúa” nói lên mối tương quan duy nhất và vĩnh cửu của Chúa Giêsu Kitô với Thiên Chúa, Cha của Người. Người là Con Một của Chúa Cha⁷⁶ và là chính Thiên Chúa⁷⁷. Ai muốn trở thành Kitô hữu, người ấy nhất thiết phải tin rằng Chúa Giêsu là Con Thiên Chúa⁷⁸.*

455. *Danh hiệu “Chúa” nói lên quyền tối thượng của Thiên Chúa. Tuyên xưng hay kêu cầu Chúa Giêsu là Chúa, là tin vào thần tính của Người. “Không ai có thể nói rằng: ‘Đức Giêsu là Chúa’, nếu người ấy không ở trong Thần Khí” (1 Cr 12,3).*

⁷⁴ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 10: AAS 58 (1966) 1033; x. *Ibid.*, 45: AAS 58 (1966) 1066.

⁷⁵ X. Cv 28,20.

⁷⁶ X. Ga 1,14.18; 3,16.18.

⁷⁷ X. Ga 1,1.

⁷⁸ X. Cv 8,37; 1 Ga 2,23.

Mục 3
“Bởi phép Đức Chúa Thánh Thần,
mà Người xuống thai,
sinh bởi bà Maria đồng trinh”

Articulus 3
Iesus Christus “conceptus est de Spiritu Sancto,
natus ex Maria Virgine”

Tiết 1
Con Thiên Chúa làm người

Paragraphus 1
Filius Dei homo factus est

I. TẠI SAO NGÔI LỜI LÀM NGƯỜI?
CUR VERBUM CARO FACTUM EST?

456. Cùng với Tín biểu Nicêa-Constantinôpôli, chúng ta tuyên xưng: “Vì loài người chúng ta và để cứu độ chúng ta, Người đã từ trời xuống thế. Bởi phép Đức Chúa Thánh Thần, Người đã nhập thể trong lòng Trinh Nữ Maria và đã làm người”⁷⁹.

457. Ngôi Lời đã làm người để cứu độ chúng ta, bằng cách giao hòa chúng ta với Thiên Chúa: Thiên Chúa “đã yêu thương chúng ta và sai Con của Ngài đến làm của lễ đền tội cho chúng ta” (1 Ga 4,10). “Chúa Cha đã sai Con của Ngài đến làm Đấng cứu độ thế gian” (1 Ga 4,14). “Chúa Giêsu đã xuất hiện để xoá bỏ tội lỗi” (1 Ga 3,5):

“Bản tính chúng ta vì bệnh tật nên cần được chữa lành, vì sa ngã nên cần được nâng dậy, vì đã chết nên cần được phục sinh. Chúng ta đã đánh mất việc thông phần vào sự thiện, nên cần được dẫn trở về sự thiện. Chúng ta bị vây hãm trong bóng tối, nên cần đến ánh sáng. Chúng ta bị tù đầy nên mong người cứu chuộc; bị thua trận, nên cần người trợ giúp, bị áp bức dưới ách nô lệ nên chờ người giải phóng. Đó lại là những lý do nhỏ bé và

⁷⁹ DS 150.

không xứng đáng để làm cho Thiên Chúa động lòng hay sao? Những lý do ấy không đủ để Thiên Chúa xuống viếng thăm bản tính nhân loại, trong lúc nhân loại đang ở trong tình trạng khốn cùng và bất hạnh hay sao?”⁸⁰

- 219 **458.** Ngôi Lời đã làm người để chúng ta nhận biết tình yêu của Thiên Chúa: “Tình yêu của Thiên Chúa đối với chúng ta được biểu lộ như thế này: Thiên Chúa đã sai Con Một đến thế gian để nhờ Con Một của Ngài mà chúng ta được sống” (1 Ga 4,9). “Thiên Chúa yêu thế gian đến nỗi đã ban Con Một, để ai tin vào Con của Ngài thì khỏi phải chết, nhưng được sống muôn đời” (Ga 3,16).
- 520, 823 **459.** Ngôi Lời đã làm người để trở thành gương mẫu thánh thiện cho
2012 chúng ta. “Anh em hãy mang lấy ách của tôi và hãy học với tôi...” (Mt 11,29). “Chính Thầy là con đường, là sự thật và là sự sống. Không ai có thể đến với Chúa Cha mà không qua Thầy” (Ga 14,6). Và trên núi Hiên Dung, Chúa Cha đã truyền: “Hãy vâng nghe lời Người” (Mc 9,7)⁸¹. Người đúng là gương mẫu của các mối phúc thật và là chuẩn mực của Luật mới: “Anh em hãy yêu thương nhau, như Thầy đã yêu thương anh em” (Ga 15,12). Tình yêu này đòi hỏi người ta thật sự hiến thân để đi theo Người⁸².
- 1717, 1965 **460.** Ngôi Lời đã làm người để làm cho chúng ta được “thông phần bản tính Thiên Chúa” (2 Pr 1,4). “Chính vì điều này mà Ngôi Lời của Thiên Chúa làm người, Đáng là Con Thiên Chúa trở nên Con Người, đó là để cho loài người, khi kết hợp với Ngôi Lời của Thiên Chúa và nhận quyền làm nghĩa tử, thì được trở nên con cái Thiên Chúa”⁸³. “Chính Người đã làm người, để chúng ta được trở thành những vị thần”⁸⁴. “Con Một Thiên Chúa, bởi muốn cho chúng ta được tham dự vào thần tính của Người, nên đã mang lấy bản tính của chúng ta, để Đấng đã làm người, làm cho người ta trở thành những vị thần”⁸⁵.
- 1265, 1391
- 1988

II. NHẬP THỂ

INCARNATIO

- 653, 661 **461.** Lấy lại cách nói của thánh Gioan (“Ngôi Lời đã trở thành
449 nhục thể”: Ga 1,14), Hội Thánh dùng từ “Nhập Thể” để gọi sự kiện Con Thiên Chúa nhận lấy bản tính nhân loại, để thực hiện việc

⁸⁰ Thánh Grêgôriô Nyssenô, *Oratio catechetica* 15,3: TD 7,78 (PG 45, 48).

⁸¹ X. Đnl 6,4-5.

⁸² X. Mc 8,34.

⁸³ Thánh Irênê, *Adversus haereses*, 3, 19, 1: SC 211, 374 (PG 7, 939).

⁸⁴ Thánh Athanasiô Alexandrinô, *De Incarnatione*, 54, 3: SC 199, 458 (PG 25, 192).

⁸⁵ Thánh Tôma Aquinô, *Officium de festo corporis Christi*, Ad Matutinas, In primo Nocturno, Lectio 1: *Opera omnia*, v.29 (Parisiis 1876) 336.

cứu độ chúng ta trong bản tính ấy. Trong một thánh thi do thánh Phaolô ghi lại, Hội Thánh hát mừng mầu nhiệm Nhập Thể như sau:

“Anh em hãy có những tâm tình như chính Đức Kitô Giêsu: Chúa Giêsu Kitô, vốn dĩ là Thiên Chúa, mà không nghĩ phải nhất quyết duy trì địa vị ngang hàng với Thiên Chúa, nhưng đã hoàn toàn trút bỏ vinh quang, mặc lấy thân nô lệ, trở nên giống phàm nhân, sống như người trần thế. Người lại còn hạ mình, vâng lời cho đến nỗi bằng lòng chịu chết, chết trên cây thập tự” (Pl 2,5-8)⁸⁶.

462. Thư gửi tín hữu Do Thái cũng nói về mầu nhiệm ấy như sau:

“Vì vậy, khi vào trần gian, Đức Kitô nói: Chúa đã không ưa hy lễ và hiến tế, nhưng đã tạo cho con một thân thể. Chúa cũng chẳng thích lễ toàn thiêu và lễ xá tội. Bấy giờ con mới thưa: Lạy Thiên Chúa, này con đây, con đến để thực thi ý Ngài” (Dt 10,5-7, trích Tv 40,7-9, bản LXX).

463. Tin vào việc Nhập Thể thật của Con Thiên Chúa là dấu hiệu đặc trưng của đức tin Kitô giáo. “Căn cứ vào điều này, anh em nhận ra Thần Khí của Thiên Chúa: Thần Khí nào tuyên xưng Chúa Giêsu Kitô là Đấng đã đến, và trở nên người phàm, thì Thần Khí ấy bởi Thiên Chúa” (1 Ga 4,2). Đó cũng là niềm xác tín hân hoan của Hội Thánh ngay từ buổi đầu, khi hát mừng “mầu nhiệm cao cả của đạo thánh”: “Đức Kitô xuất hiện trong thân phận người phàm” (1 Tm 3,16). 90

III. THIÊN CHÚA THẬT VÀ NGƯỜI THẬT

VERUS DEUS ET VERUS HOMO

464. Biến cố độc nhất vô nhị là việc Nhập Thể của Con Thiên Chúa không có nghĩa là Chúa Giêsu Kitô một phần là Thiên Chúa, một phần là người; cũng không có nghĩa Người là kết quả của một sự pha trộn lẫn lộn giữa hai bản tính thần linh và nhân loại. Người đã thật sự làm người, mà vẫn thật sự là Thiên Chúa. Chúa Giêsu Kitô là Thiên Chúa thật và là người thật. Hội Thánh đã phải bảo vệ và làm sáng tỏ chân lý đức tin này suốt những thế kỷ đầu tiên, trước các lạc thuyết đã làm sai lạc chân lý đó. 88

465. Các lạc thuyết đầu tiên không phủ nhận thần tính của Đức Kitô, cho bằng chối bỏ nhân tính thật của Người (Ảo thân thuyết theo chủ trương Ngộ đạo). Ngay từ thời các Tông Đồ, đức tin Kitô

⁸⁶ X. *Thánh ca Kinh Chiều I Chúa Nhật: Các Giờ Kinh Phụng Vụ*, editio typica, v.1, p. 545. 629. 718 et 808; v.2, p. 844. 937. 1037 et 1129; v.3, p. 548. 669. 793 et 916; v.4, p. 496. 617. 741 et 864 (Typis Polyglottis Vaticanis 1973-1974).

giáo nhấn mạnh đến việc Nhập Thể thật của Con Thiên Chúa, Đấng đã đến trong xác phàm⁸⁷. Nhưng vào thế kỷ thứ III, để chống lại Phaolô Samosatêno, tại Công đồng họp ở Antiôchia, Hội Thánh phải khẳng định rằng: Chúa Giêsu Kitô là Con Thiên Chúa do bản tính chứ không phải do được nhận làm nghĩa tử. Công đồng chung thứ I, họp tại Nicêa vào năm 325, tuyên xưng trong Tín biểu của mình rằng: Con Thiên Chúa “được sinh ra mà không phải được tạo thành, đồng bản thể với Đức Chúa Cha” (*trong tiếng Hy Lạp là homousion*)⁸⁸, và Hội Thánh đã kết án Ariô là người đã khẳng định rằng “Con Thiên Chúa đã xuất phát từ hư vô”⁸⁹ và “có một bản thể hay yếu tính khác với Chúa Cha”⁹⁰.

466. Lạc thuyết của Nestôriô cho rằng trong Đức Kitô ngôi vị nhân loại được liên kết với Ngôi Vị thần linh của Con Thiên Chúa. Chống lại lạc thuyết này, Thánh Cyrillô Alêxandria và Công đồng chung thứ III họp tại Êphêsô năm 431 tuyên xưng rằng: “Ngôi Lời đã làm người, khi một thân thể do một linh hồn có lý trí làm cho sống động được kết hợp với Ngài theo Ngôi Vị”⁹¹. Nhân tính của Đức Kitô không có một chủ thể nào khác ngoài Ngôi Vị thần linh của Con Thiên Chúa, Đấng đã nhận lấy nhân tính ấy làm của mình từ lúc tượng thai. Chính vì vậy, Công đồng chung Êphêsô vào năm 431 công bố rằng Đức Maria, nhờ sự tượng thai nhân loại của Con Thiên Chúa trong lòng bà, bà đã rất thật sự trở thành Mẹ Thiên Chúa: “[Đức Maria là] Mẹ Thiên Chúa..., không phải vì bản tính của Ngôi Lời và thần tính của Ngài đã bắt đầu được sinh ra bởi Đức Trinh Nữ rất thánh, nhưng vì từ Đức Trinh Nữ đã sinh ra thân xác thánh thiêng đó, do một linh hồn có lý trí làm cho sống động, và Ngôi Lời Thiên Chúa đã kết hợp với thân xác đó theo Ngôi Vị, nên có thể nói Ngôi Lời đã được sinh ra theo xác phàm”⁹².

467. Những người chủ trương thuyết Nhất Tính (Monophysitae) khẳng định: bản tính nhân loại không còn tồn tại nơi Đức Kitô, khi bản tính đó được Ngôi Vị thần linh của Con Thiên Chúa đảm nhận. Để chống lại lạc thuyết này, Công đồng chung thứ IV, họp tại Chalcedônia năm 451, tuyên xưng:

“Theo sau các thánh phụ, chúng tôi đồng thanh dạy phải tuyên xưng Một Chúa Con Duy Nhất là Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta, hoàn hảo trong thần tính và cũng hoàn hảo trong nhân tính; là Thiên Chúa thật và là người thật, gồm có một linh hồn có lý trí

⁸⁷ X. 1 Ga 4,2-3; 2 Ga 7.

⁸⁸ *Tín biểu Nicêa*: DS 125.

⁸⁹ CĐ Nicêa, *Epistula synodalis “Epeidê tês”* ad Aegyptios: DS 130.

⁹⁰ *Tín biểu Nicêa*: DS 126.

⁹¹ CĐ Êphêsô, *Epistula II Cyrilli Alexandrini ad Nestorium*: DS 250.

⁹² CĐ Êphêsô, *Epistula II Cyrilli Alexandrini ad Nestorium*: DS 251.

và một thân xác; đồng bản thể với Đức Chúa Cha theo thần tính mà cũng đồng bản tính với chúng ta theo nhân tính, ‘giống chúng ta về mọi phương diện ngoại trừ tội lỗi’;⁹³ sinh bởi Đức Chúa Cha theo thần tính từ trước muôn đời, và trong những thời cuối cùng này, vì chúng ta và để cứu độ chúng ta, Người được sinh ra theo nhân tính từ Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa.

Cùng một Đấng duy nhất là Đức Kitô, là Chúa, là Con Một, phải được nhìn nhận trong hai bản tính một cách không lẫn lộn, không thay đổi, không phân chia, không tách biệt, sự khác biệt giữa hai bản tính không hề bị mất đi do việc kết hợp, nhưng các đặc điểm của mỗi bản tính đã được bảo tồn khi kết hợp với nhau trong một Ngôi Vị và một Đấng duy nhất⁹⁴.

468. Sau Công đồng Chalcedônia một số người biến nhân tính của Đức Kitô thành như một chủ thể có ngôi vị riêng. Chống lại những người này, Công đồng chung thứ V, họp tại Constantinôpôli, năm 553, tuyên xưng rằng: “Chỉ có một Ngôi Vị duy nhất, là Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, *Một Ngôi Vị trong Ba Ngôi Chí Thánh*”⁹⁵. Bởi vậy, mọi sự trong nhân tính của Đức Kitô đều phải được quy về Ngôi Vị thần linh của Người với tư cách là chủ thể riêng của Người⁹⁶, không những các phép lạ, nhưng cả những đau khổ⁹⁷ và chính cái chết: chúng tôi tuyên xưng rằng “Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta, Đấng bị đóng đinh vào thập giá về phần xác, là Thiên Chúa thật, là Chúa vinh quang, và là một Ngôi trong Ba Ngôi chí thánh”⁹⁸.

254

616

469. Như vậy, Hội Thánh tuyên xưng rằng Chúa Giêsu là Thiên Chúa thật và là người thật một cách không thể tách biệt. Người thật sự là Con Thiên Chúa đã làm người, là anh em của chúng ta, mà vẫn không ngừng là Thiên Chúa, Chúa chúng ta:

212

Phụng vụ Rôma hát kính: “Ngài vẫn là Ngài như trước [Ngài là Thiên Chúa], và Ngài đã đảm nhận lấy điều mà trước đó Ngài không là [Ngài làm người]”⁹⁹. Còn phụng vụ của thánh Gioan Kim Khẩu công bố và hát kính: “Lạy Con duy nhất và Ngôi Lời của Thiên Chúa, dù bất tử, nhưng để cứu độ chúng con, Chúa đã đoái thương nhập thể trong lòng Đức Maria, Mẹ rất thánh của

⁹³ X. Dt 4,15.

⁹⁴ CD Chalcedônia, : DS 301-302.

⁹⁵ CD Constantinôpôli II, Sess. 8a. Canon 4: DS 424.

⁹⁶ X. CD Êphêsô, *Anathematismi Cyrilli Alexandrini*, 4: DS 255.

⁹⁷ X. CD Constantinôpôli II, Sess. 8a. Canon 3: DS 423.

⁹⁸ X. CD Constantinôpôli II, Sess. 8a. Canon 10: DS 432.

⁹⁹ *Lễ trọng kính Đức Maria Mẹ Thiên Chúa*, Điệp ca kính “Benedictus”: *Các Giờ Kinh Phụng Vụ*, editio typica, v.1 (Typis Polyglottis Vaticanis 1973) 394; x. Thánh Lêô Cả, *Sermo* 21, 2: CCL 138, 87 (PL 54, 192).

Thiên Chúa và trọn đời đồng trinh. Chúa đã làm người và đã chịu đóng đinh vào thập giá mà không hề biến đổi. Lạy Đức Kitô, là Thiên Chúa, Chúa đã dùng cái chết của mình mà đập tan sự chết, Chúa là Một trong Ba Ngôi Chí Thánh, được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, xin cứu độ chúng con!”¹⁰⁰

IV. CON THIÊN CHÚA LÀM NGƯỜI NHƯ THẾ NÀO?

QUOMODO FILIUS DEI EST HOMO?

470. Trong sự kết hợp kỳ diệu của mầu nhiệm Nhập Thể, “bản tính nhân loại được đảm nhận, chứ không bị hoà tan”¹⁰¹, nên qua các thế kỷ, Hội Thánh hằng tuyên xưng Chúa Kitô có một linh hồn nhân loại thật với các hoạt động của trí tuệ và ý chí, và một thân xác nhân loại thật. Nhưng đồng thời Hội Thánh đã phải luôn nhắc lại rằng bản tính nhân loại của Đức Kitô thuộc hẳn về Ngôi Vị thần linh của Con Thiên Chúa, Đấng đã đảm nhận nó. Tất cả những gì Đức Kitô là và tất cả những gì Người làm trong bản tính nhân loại, đều xuất phát từ “một Đấng trong Ba Ngôi Thiên Chúa”.
 516 Vì vậy, Con Thiên Chúa truyền thông cho nhân tính của Người
 626 cách thức hiện hữu riêng của Ngôi Vị mình trong Ba Ngôi. Như vậy, trong linh hồn cũng như trong thân xác của Người, Đức Kitô diễn tả theo cách thể nhân loại cung cách hành xử của Thiên Chúa Ba Ngôi¹⁰²:

2599 “Con Thiên Chúa đã làm việc với đôi tay nhân loại, suy nghĩ bằng trí óc nhân loại, hành động theo ý chí nhân loại, yêu mến bằng quả tim nhân loại. Sinh làm con Đức Trinh Nữ Maria, Người đã thật sự trở nên một người giữa chúng ta, giống chúng ta trong mọi sự, ngoại trừ tội lỗi”¹⁰³.

Linh hồn và tri thức nhân loại của Đức Kitô

471. Apôlinariô Laodicensê cho rằng trong Đức Kitô, Ngôi Lời đã thay thế linh hồn hay tinh thần. Để chống lại điều sai lạc này, Hội Thánh tuyên xưng: Ngôi Con hằng hữu cũng đã đảm nhận một
 363 linh hồn nhân loại có lý trí¹⁰⁴.

472. Linh hồn nhân loại này, mà Con Thiên Chúa đã đảm nhận, đã được phú bẩm một tri thức nhân loại thật sự. Tri thức này, theo

¹⁰⁰ *Officium Horarum Byzantinum, Hymnus “Ho monogenês: Opologion to mega”* (Romae 1876) 82.

¹⁰¹ CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 22: AAS 58 (1966) 1042.

¹⁰² X. Ga 14,9-10.

¹⁰³ CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 22: AAS 58 (1966) 1042-1043.

¹⁰⁴ X. Thánh Đamasô I, *Epistula Oti te apostolike cathedra*: DS 149.

đúng nghĩa, tự nó không thể có tính chất vô hạn: nó được hình thành trong các điều kiện lịch sử của cuộc sống trong không gian và thời gian. Do đó, Con Thiên Chúa khi làm người, đã có thể chấp nhận “ngày càng thêm khôn ngoan, thêm cao lớn và thêm ân nghĩa” (Lc 2,52) và thậm chí Người còn phải tìm hiểu về những điều mà trong điều kiện nhân loại, phải được học hỏi qua kinh nghiệm¹⁰⁵. Điều này phù hợp với việc Người tự nguyện hạ mình “mặc lấy thân nô lệ”¹⁰⁶.

473. Nhưng, đồng thời, tri thức nhân loại thật sự này của Con Thiên Chúa cũng diễn tả sự sống thần linh của Ngôi Vị của Người¹⁰⁷. “Con Thiên Chúa biết hết mọi sự; và con người mà Người tiếp nhận cũng biết như thế, *không phải do bản tính, nhưng do kết hợp với Ngôi Lời*. Nhân tính, được kết hợp với Ngôi Lời, biết hết mọi sự và biểu hiện những đặc tính thần linh xứng với uy quyền nơi mình”¹⁰⁸. Trước hết, đó là trường hợp Con Thiên Chúa làm người có một sự hiểu biết thâm sâu và trực tiếp về Cha của Người¹⁰⁹. Trong tri thức nhân loại của mình, Chúa Con cũng cho thấy Người có khả năng thần linh nhìn thấu những tư tưởng thầm kín trong lòng dạ người ta¹¹⁰.

240

474. Tri thức nhân loại của Đức Kitô, vì được kết hợp với Đức Khôn Ngoan thần linh trong Ngôi Lời nhập thể, hiểu biết đầy đủ các kế hoạch vĩnh cửu mà Người đến để mạc khải¹¹¹. Điều Người nói là Người không biết trong lãnh vực này¹¹², thì ở chỗ khác Người tuyên bố là Người không có sứ vụ mạc khải điều ấy¹¹³.

Ý muốn nhân loại của Đức Kitô

475. Một cách tương tự, trong Công đồng chung thứ VI, Hội Thánh đã tuyên xưng rằng Đức Kitô có hai ý muốn và hai hoạt động theo hai bản tính Thiên Chúa và nhân loại, không đối kháng nhưng hợp tác với nhau, cho nên Ngôi Lời làm người, trong sự phục tùng theo nhân tính đối với Chúa Cha, đã muốn điều mà Người đã quyết định, theo thần tính, cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, về

2008

2824

¹⁰⁵ X. Mc 6,38; 8,27; Ga 11,34.

¹⁰⁶ X. Pl 2,7.

¹⁰⁷ X. Thánh Grêgôriô Cả, *Epistula Sicut aqua*: DS 475.

¹⁰⁸ Thánh Maximô Hiên tu, *Quaestiones et dubia*, Q.I, 67: CCG 10, 155 (66: PG 90, 840).

¹⁰⁹ X. Mc 14,36; Mt 11,27; Ga 1,18; 8,55.

¹¹⁰ X. Mc 2,8; Ga 2,25; 6,61.

¹¹¹ X. Mc 8,31; 9,31; 10,33-34; 14,18-20.26-30.

¹¹² X. Mc 13,32.

¹¹³ X. Cv 1,7.

ơn cứu độ chúng ta¹¹⁴. Hội Thánh nhận biết rằng “ý muốn nhân loại của Người luôn theo ý muốn thần linh, không miễn cưỡng, không đối kháng, và hơn nữa, ý muốn nhân loại của Người đã phục tùng ý muốn thần linh và toàn năng của Người”¹¹⁵.

Thân xác thật của Đức Kitô

476. Bởi vì Ngôi Lời đã làm người khi đảm nhận một nhân tính thật, nên thân xác của Đức Kitô có những nét xác định rõ ràng¹¹⁶.

1159-1162

2129-2132

Do đó, dung nhan nhân loại của Chúa Giêsu có thể được “hoạ lại”¹¹⁷ Trong Công đồng chung thứ VII¹¹⁸, Hội Thánh công nhận việc Người được trình bày qua các ảnh tượng thánh là hợp pháp.

477. Đồng thời, Hội Thánh cũng luôn luôn công nhận: trong thân xác của Chúa Giêsu, “Thiên Chúa vốn là Đấng vô hình, đã xuất hiện hữu hình cho chúng ta”¹¹⁹. Thật vậy, các đặc điểm cá nhân của thân xác Đức Kitô diễn tả Ngôi Vị thần linh của Con Thiên Chúa. Con Thiên Chúa đã nhận làm của mình những nét nhân dạng của thân xác Người, cho nên khi được hoạ lại nơi một ảnh tượng thánh nào đó, những nét này có thể được tôn kính, bởi vì khi tín hữu tôn kính ảnh tượng thánh, là họ “tôn thờ chính Đấng mà ảnh tượng thánh ấy diễn tả”¹²⁰.

Trái tim của Ngôi Lời nhập thể

478. Trong cuộc đời của Người, trong lúc Người hấp hối và trong lúc Người chịu khổ nạn, Chúa Giêsu biết và yêu thương mọi người và từng người chúng ta, và Người đã tự hiến mạng vì mỗi người chúng ta. Con Thiên Chúa “đã yêu mến tôi và hiến mạng vì tôi” (Gl 2,20). Người đã yêu mến tất cả chúng ta bằng một trái tim nhân loại. Do đó Trái Tim cực thánh của Chúa Giêsu, bị đâm thấu vì tội lỗi chúng ta và để cứu độ chúng ta¹²¹, “được coi là dấu chỉ và biểu tượng đặc biệt của tình yêu, qua đó Đấng Cứu Chuộc thần linh

487

368

2669

766

¹¹⁴ X. CĐ Constantinôpôli III (năm 681), Sess. 18a, *Definitio de duabus in Christo voluntatibus et operationibus*: DS 556-559.

¹¹⁵ CĐ Constantinôpôli III, Sess. 18a, *Definitio de duabus in Christo voluntatibus et operationibus*: DS 556.

¹¹⁶ X. CĐ Latêranô (năm 649), Canon 4: DS 504.

¹¹⁷ X. Gl 3,1.

¹¹⁸ CĐ Nicêa II (năm 787), Act. 7a, *Definitio de sacris imaginibus*: DS 600-603.

¹¹⁹ *Kinh Tiền Tụng Lễ Giáng Sinh, II: Sách Lễ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 396.

¹²⁰ CĐ Nicêa II, Act. 7a, *Definitio de sacris imaginibus*: DS 601.

¹²¹ X. Ga 19,34.

hằng liên lý yêu mến Chúa Cha vĩnh cửu và yêu mến tất cả mọi người”¹²².

TÓM LƯỢC

479. Vào thời gian Thiên Chúa đã định, Con Một của Chúa Cha, là Ngôi Lời vĩnh cửu và là hình ảnh bản thể của Chúa Cha, đã nhập thể: Người đã đảm nhận bản tính nhân loại mà không mất đi bản tính Thiên Chúa.

480. Chúa Giêsu Kitô là Thiên Chúa thật và là người thật trong sự duy nhất của Ngôi Vị Thiên Chúa của Người; vì vậy Người là Đấng Trung Gian duy nhất giữa Thiên Chúa và loài người.

481. Chúa Giêsu Kitô có hai bản tính, thần tính và nhân tính, không lẫn lộn, nhưng kết hợp trong Ngôi Vị duy nhất của Con Thiên Chúa.

482. Vì là Thiên Chúa thật và là người thật, Đức Kitô có một tri thức và một ý muốn nhân loại, hoàn toàn hoà hợp và quy phục tri thức và ý muốn thần linh của Người, mà Người có chung với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần.

483. Vì vậy, Nhập Thể là mẫu nhiệm kỳ diệu của sự kết hợp giữa bản tính Thiên Chúa và bản tính nhân loại trong Ngôi Vị duy nhất của Ngôi Lời.

¹²² ĐGH Piô XII, Thông điệp *Haurietis aquas*: DS 3924; x. *Ibid.*, Thông điệp *Mystici corporis*: DS 3812.

Tiết 2

“...Bởi phép Đức Chúa Thánh Thần mà Người xuống thai, sinh bởi bà Maria đồng trinh”

Paragraphus 2

“...Conceptus est de Spiritu Sancto, natus ex Maria Virgine”

I. BỞI PHÉP ĐỨC CHÚA THÁNH THẦN MÀ NGƯỜI XUỐNG THAI...

CONCEPTUS EST DE SPIRITU SANCTO ...

461 **484.** Biến cố Truyền tin cho Đức Maria mở đầu “thời gian tới hồi viên mãn” (Gl 4,4), nghĩa là, lúc hoàn thành các lời hứa và các sự
“tất cả sự viên mãn của thần tính hiện diện cách cụ thể” (Cl 2,9).
Lời phúc đáp thần linh cho vấn nạn của Mẹ: “Việc ấy sẽ xảy ra
cách nào, vì tôi không biết đến việc vợ chồng?” (Lc 1,34) đã được
721 đưa ra là nhờ quyền năng của Chúa Thánh Thần: “Thánh Thần sẽ
ngự xuống trên bà” (Lc 1,35).

689, 723 **485.** Sứ vụ của Chúa Thánh Thần luôn luôn được kết hợp với sứ vụ
của Chúa Con và quy hướng về sứ vụ của Chúa Con¹²³. Chúa Thánh
Thần, là “Chúa và là Đấng ban sự sống”, được sai đến để thánh
hoá cung lòng Đức Trinh Nữ Maria và làm cho Mẹ thụ thai một
cách thần linh, khi tác động để Mẹ cụ mang Con vĩnh cửu của
Chúa Cha trong nhân tính được đảm nhận từ nhân tính của Mẹ.

437 **486.** Con Một của Chúa Cha, với tư cách một con người được thụ
thai trong cung lòng Đức Trinh Nữ Maria, là “Đức Kitô”, nghĩa là
Đấng được xức dầu bằng Chúa Thánh Thần¹²⁴, từ lúc khởi đầu sự
hiện hữu nhân loại của Người, mặc dù việc Người tỏ mình ra sẽ
được thực hiện dần dần: cho các mục đồng¹²⁵, cho các đạo sĩ¹²⁶, cho
ông Gioan Tẩy giả¹²⁷, cho các môn đệ¹²⁸. Vì vậy, toàn bộ cuộc đời
của Chúa Giêsu Kitô sẽ biểu lộ “Thiên Chúa đã dùng Thánh Thần

¹²³ X. Ga 16,14-15.

¹²⁴ X. Mt 1,20; Lc 1,35.

¹²⁵ X. Lc 2,8-20.

¹²⁶ X. Mt 2,1-12.

¹²⁷ X. Ga 1,31-34.

¹²⁸ X. Ga 2,11.

và quyền năng mà xúc dầu tấn phong Người” (Cv 10,38) như thế nào.

II. ... SINH BỞI BÀ MARIA ĐỒNG TRINH

... NATUS EX MARIA VIRGINE

487. Những gì đức tin Công giáo tin về Mẹ Maria, đều đặt nền tảng trên những gì đức tin đó tin về Đức Kitô, nhưng những gì đức tin dạy về Mẹ Maria, lại làm sáng tỏ đức tin vào Đức Kitô. 963

Đức Maria được tiên định

488. “Thiên Chúa đã sai Con mình tới” (Gl 4,4), nhưng để tạo một thân xác¹²⁹ cho Người, Thiên Chúa đã muốn có sự tự do cộng tác của một thụ tạo. Với mục đích ấy, từ muôn đời Thiên Chúa đã chọn, để làm Mẹ của Con mình, một người con gái Israel, một thiếu nữ Do Thái ở Nazareth miền Galilêa, “một trinh nữ đã đính hôn với một người tên là Giuse, thuộc dòng dõi vua Đavid, trinh nữ ấy tên là Maria” (Lc 1,26-27):

“Chúa Cha rất nhân từ đã muốn có sự ưng thuận của người Mẹ đã được tiên định, trước khi Chúa Con nhập thể, để như vậy, một người nữ đã mang đến sự chết như thế nào, thì một người nữ cũng sẽ mang lại sự sống như vậy”¹³⁰.

489. Suốt thời Cựu Ước, sứ vụ của Đức Maria đã được chuẩn bị bởi 722
sứ vụ của những phụ nữ thánh thiện. Ngay từ đầu, là bà Evà: bất chấp sự bất tuân phục của mình, bà đã nhận được Lời Hứa rằng 410
một hậu duệ của bà sẽ chiến thắng ma quỷ¹³¹ và Lời Hứa rằng bà 145
sẽ là mẹ của tất cả chúng sinh¹³². Do lời hứa đó, bà Sara, mặc dù đã cao niên, vẫn thụ thai một người con trai¹³³. Trái với mọi niềm hy vọng nhân loại, Thiên Chúa đã chọn những gì bị coi như bất lực và yếu đuối¹³⁴ để chứng tỏ Ngài luôn trung tín với lời Ngài đã hứa: 64
bà Anna, mẹ của tiên tri Samuel¹³⁵, bà Đêbôra, bà Ruth, bà Juditha, bà Esther và nhiều phụ nữ khác. Đức Maria “trỗi vượt giữa những người khiêm hạ và nghèo hèn của Chúa, những người hy vọng và đón nhận ơn cứu độ từ nơi Ngài với lòng tin tưởng. Cuối cùng, sau sự trông đợi lâu dài Lời Chúa đã hứa, thời gian đã

¹²⁹ X. Dt 10,5.

¹³⁰ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 56: AAS 57 (1965) 60; x. *Ibid.*, 61: AAS 57 (1965) 63.

¹³¹ X. St 3,15.

¹³² X. St 3,20.

¹³³ X. St 18,10-14; 21,1-2.

¹³⁴ X. 1 Cr 1,27.

¹³⁵ X. 1 Sm 1.

đến hồi viên mãn và một Nhiệm cục mới đã bắt đầu với Đức Maria, người Con Gái Sion cao trọng nhất”¹³⁶.

Vô nhiễm nguyên tội

2676, 2853
2001
490. Để làm Mẹ Đấng Cứu độ, Đức Maria “đã được Chúa ban cho các hồng ân xứng với nhiệm vụ cao cả ấy”¹³⁷. Lúc Truyền tin, thiên thần Gabriel đã chào Mẹ là “người đầy ơn phúc”¹³⁸. Thật vậy, Mẹ cần được hướng dẫn hoàn toàn bởi ân sủng của Thiên Chúa, để có thể đáp lại lời loan báo ơn gọi của mình bằng sự ưng thuận tự do của đức tin.

411
491. Qua các thế kỷ, Hội Thánh đã ý thức rằng Đức Maria, vì được Thiên Chúa ban cho “đầy ơn phúc”¹³⁹, nên được cứu chuộc ngay từ lúc tượng thai. Tín điều Vô Nhiễm Nguyên Tội, do Đức Giáo Hoàng Piô IX công bố năm 1854, tuyên xưng:

“Rất Thánh Trinh Nữ Maria ngay từ lúc đầu tiên tượng thai, bởi ân sủng và đặc ân của Thiên Chúa toàn năng, trông vào công nghiệp của Đức Kitô Giê-su Đấng Cứu độ loài người, đã được gìn giữ tinh tuyền khỏi mọi vết nhơ của nguyên tội”¹⁴⁰.

2011
1077
492. Những ánh rạng ngời này của “một sự thánh thiện hoàn toàn độc nhất vô nhị”, đã được ban cho Mẹ “ngay từ lúc đầu tiên tượng thai”¹⁴¹, tất cả đều từ Đức Kitô mà đến với Mẹ: Mẹ đã “được cứu chuộc cách hết sức kỳ diệu nhờ xét đến công nghiệp Con Mẹ”¹⁴². Chúa Cha đã “thi ân giáng phúc” cho Mẹ, hơn bất cứ thụ tạo nào khác, cho Mẹ “hưởng muôn vàn ân phúc của Thánh Thần, từ cõi trời, trong Đức Kitô” (Ep 1,3). Ngài “đã chọn” Mẹ “trong Đức Kitô, trước cả khi tạo thành vũ trụ, để trước thánh nhan Ngài”, Mẹ “trở nên tinh tuyền thánh thiện, nhờ tình thương của Ngài” (x. Ep 1,4).

493. Các Giáo phụ thuộc truyền thống Đông phương gọi Mẹ Thiên Chúa là Đấng Toàn Thánh (*Panaghia*) và tôn vinh Mẹ là “Đấng không hề vương nhiễm một vết nhơ tội lỗi nào, như thể một tạo vật mới được Chúa Thánh Thần nắn đúc và tạo dựng”¹⁴³. Nhờ ân sủng của Thiên Chúa, Đức Maria suốt đời vẫn tinh tuyền không hề phạm một tội riêng nào.

¹³⁶ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 55: AAS 57 (1965) 59-60.

¹³⁷ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 56: AAS 57 (1965) 60.

¹³⁸ X. Lc 1,28.

¹³⁹ X. Lc 1,28.

¹⁴⁰ ĐGH Piô IX, Tông sắc *Ineffabilis Deus*: DS 2803.

¹⁴¹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 56: AAS 57 (1965) 60.

¹⁴² CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 53: AAS 57 (1965) 58.

¹⁴³ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 56: AAS 57 (1965) 60.

“Xin Chúa cứ làm cho tôi như lời sứ thần nói...”

494. Khi được loan báo rằng, mặc dù không biết người nam, mình sẽ hạ sinh “Con Đấng Tối Cao”, bởi quyền năng Chúa Thánh Thần¹⁴⁴, Đức Maria tin chắc chắn rằng, đối với Thiên Chúa, không có gì là không thể làm được, nên với “sự vâng phục của đức tin”¹⁴⁵, Mẹ đã trả lời: “Vâng, tôi đây là nữ tỳ của Chúa, xin Chúa cứ làm cho tôi như lời sứ thần nói” (Lc 1,37-38). Như vậy, khi nói lên sự ưng thuận của mình đối với lời Thiên Chúa, Đức Maria trở thành Mẹ Chúa Giêsu và với trọn tâm hồn, Mẹ chấp nhận ý định cứu độ của Thiên Chúa, mà không tội lỗi nào ngăn cản Mẹ, Mẹ tự hiến hoàn toàn cho con người và công trình của Con Mẹ, để, một cách tùy thuộc vào Người và cùng với Người, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, Mẹ phục vụ mầu nhiệm Cứu Chuộc¹⁴⁶.

Thánh Irênê nói: “Nhờ vâng phục, Đức Mẹ đã trở nên nguyên nhân ơn cứu độ cho chính mình và cho toàn thể nhân loại”¹⁴⁷. Từ đó, cùng với thánh nhân, nhiều Giáo phụ xưa cũng giảng dạy rằng: “Nút dây do sự bất tuân của bà Evà thắt lại, nay được gỡ ra nhờ sự vâng phục của Đức Maria; điều mà trinh nữ Evà đã buộc lại do sự cứng lòng tin, Đức Trinh Nữ Maria đã tháo ra nhờ đức tin”¹⁴⁸; và so sánh với bà Evà, các ngài gọi Đức Maria là “Mẹ chúng sinh”, và rất thường quả quyết rằng: “Sự chết qua bà Evà, sự sống qua Đức Maria”¹⁴⁹.

Đức Maria, Mẹ Thiên Chúa

495. Trong các sách Tin Mừng, Đức Maria được gọi là “Thân mẫu Chúa Giêsu” (Ga 2,1; 19,25)¹⁵⁰. Cả trước khi Con Mẹ chào đời, dưới sự thúc đẩy của Chúa Thánh Thần, Mẹ đã được gọi là “Thân mẫu Chúa tôi” (Lc 1,43). Quả thật, Đấng mà Mẹ đã cưu mang làm người bởi phép Chúa Thánh Thần, Đấng thật sự là Con Mẹ theo xác phàm, chính là Con vĩnh cửu của Chúa Cha, là Ngôi Hai trong Ba Ngôi chí thánh. Vì vậy, Hội Thánh tuyên xưng Đức Maria thật sự là Mẹ Thiên Chúa (*Theotokos*)¹⁵¹.

¹⁴⁴ X. Lc 1,28-37.

¹⁴⁵ X. Rm 1,5.

¹⁴⁶ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 56: AAS 57 (1965) 60-61.

¹⁴⁷ Thánh Irênê, *Adversus haereses*, 3, 22, 4: SC 211, 440 (PG 7, 959).

¹⁴⁸ X. Thánh Irênê, *Adversus haereses*, 3, 22, 4: SC 211, 442-444 (PG 7, 959-960).

¹⁴⁹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 56: AAS 57 (1965) 60-61.

¹⁵⁰ X. Mt 13,55.

¹⁵¹ X. CD Êphêsô, *Epistula II Cyrilli Alexandrini ad Nestorium*: DS 251.

Sự đồng trinh của Đức Maria

496. Ngay trong các công thức đức tin đầu tiên¹⁵², Hội Thánh đã tuyên xưng rằng Chúa Giêsu được thụ thai trong lòng Đức Trinh Nữ Maria là chỉ do quyền năng của Chúa Thánh Thần mà thôi, và Hội Thánh cũng khẳng định khía cạnh thể lý của biến cố này: Chúa Giêsu được thụ thai “bởi Chúa Thánh Thần, không có mầm giống nam nhân”¹⁵³. Các Giáo Phụ nhận ra việc thụ thai đồng trinh là dấu chỉ của việc Con Thiên Chúa thật sự đã đến trong bản tính nhân loại như chúng ta.

Thánh Ignatiô Antiôchia (đầu thế kỷ II) dạy: “Tôi đã nhận thấy anh em... xác tín rằng Chúa chúng ta, thật sự xuất thân từ dòng dõi vua David theo xác phàm¹⁵⁴, là Con Thiên Chúa theo ý định và quyền năng Thiên Chúa¹⁵⁵, Người đã thật sự được sinh ra bởi một trinh nữ;... Người đã thật sự chịu đóng đinh trong thân xác vì chúng ta, thời quan Phongxiô Philatô... Người đã thật sự chịu khổ hình cũng như đã thật sự sống lại”¹⁵⁶.

497. Các trình thuật Tin Mừng¹⁵⁷ hiểu việc thụ thai đồng trinh như một công trình của Thiên Chúa, vượt quá mọi hiểu biết và mọi khả năng nhân loại¹⁵⁸: Thiên thần đã nói với ông Giuse về Đức Maria, hiện thân của ông rằng: “Người con bà cụ mang là do quyền năng Chúa Thánh Thần” (Mt 1,20). Hội Thánh nhận ra đây là việc thực hiện lời hứa của Thiên Chúa qua miệng tiên tri Isaia: “Này đây, Trinh Nữ sẽ thụ thai và sinh hạ một con trai” (Is 7,14), theo bản Hy Lạp của Mt 1,23.

498. Đôi lúc, người ta lúng túng vì sự im lặng của Tin Mừng Marcô và các thư Tân Ước đối với việc thụ thai đồng trinh của Đức Maria. Người ta cũng tự hỏi không biết đây có phải là huyền thoại hay là luận điểm thần học không chứng cứ lịch sử. Về vấn đề này, phải trả lời rằng: đức tin vào việc Mẹ Maria thụ thai Chúa Giêsu mà còn đồng trinh, đã bị người Do Thái và lương dân vô tín chống đối mãnh liệt, chế diễu hoặc hiểu sai¹⁵⁹: đức tin đó không phát sinh từ huyền thoại ngoại giáo hoặc từ sự mô phỏng nào đó theo các ý tưởng đương thời. Ý nghĩa của biến cố này chỉ có

¹⁵² X. DS 10-64.

¹⁵³ CĐ Latêranô (năm 649), Canon 3: DS 503.

¹⁵⁴ X. Rm 1,3.

¹⁵⁵ X. Ga 1,13.

¹⁵⁶ Thánh Ignatiô Antiôchia, *Epistula ad Smyrnaeos*, 1-2: SC 10bis, 132-134 (Funk 1, 274-276).

¹⁵⁷ X. Mt 1,18-25; Lc 1,26-38.

¹⁵⁸ X. Lc 1,34.

¹⁵⁹ X. Thánh Justinô, *Dialogus cum Triphone Iudaeo*, 66-67: CA 2, 234-236 (PG 6, 628-629); Origiênê, *Contra Celsum*, 1,32: SC 132, 162-164 (PG 8, 720-724); *Ibid.*, 1, 69: SC 132, 270 (PG 8, 788-789).

thể hiểu được nhờ đức tin, khi nhìn biến cố đó “trong sự nối kết chính các mầu nhiệm với nhau”¹⁶⁰, nghĩa là trong toàn bộ các mầu nhiệm của Đức Kitô, từ việc Nhập Thể cho đến cuộc Vượt Qua của Người. Thánh Ignatiô Antiôchia đã nêu rõ sự nối kết này: “Thủ lãnh thế gian không hề biết đến việc Đức Maria đồng trinh, việc Mẹ sinh con cũng như việc Chúa chịu chết: ba mầu nhiệm này thật vẻ vang nhưng đã được Thiên Chúa âm thầm thực hiện”¹⁶¹. 90 2717

Đức Maria “trọn đời đồng trinh”

499. Việc suy niệm sâu xa hơn trong đức tin về việc Đức Maria đồng trinh mà làm mẹ, đã đưa Hội Thánh đến chỗ tuyên xưng Đức Maria thật sự và trọn đời đồng trinh¹⁶², cả trong khi sinh hạ Con Thiên Chúa làm người¹⁶³. Thật vậy, việc sinh hạ Đức Kitô “không làm suy giảm nhưng thánh hiến sự trinh khiết vẹn toàn” của Mẹ¹⁶⁴. Phụng vụ của Hội Thánh tôn vinh Mẹ là *Aeiparthenos*, “Đấng trọn đời đồng trinh”¹⁶⁵.

500. Về điều này, đôi khi người ta phản đối rằng Thánh Kinh có nhắc đến các anh em và chị em của Chúa Giêsu¹⁶⁶. Hội Thánh vẫn luôn hiểu rằng những đoạn văn này không hề ám chỉ những người con khác của Đức Trinh Nữ Maria: ông Giacôbê và ông Giuse, “anh em của Chúa Giêsu” (Mt 13,55), thật ra là con của một bà Maria nào đó là môn đệ của Đức Kitô¹⁶⁷, bà này được cẩn thận phân biệt là “bà Maria khác” (Mt 28,1). Đây là những người anh em bà con họ hàng gần, theo như cách nói quen dùng trong Cựu Ước¹⁶⁸.

501. Chúa Giêsu là người Con duy nhất của Đức Maria. Nhưng tình mẫu tử thiêng liêng của Mẹ¹⁶⁹ trải rộng cho hết mọi người đã được Chúa Giêsu đến cứu độ. “Người Con mà Mẹ sinh ra, Thiên Chúa đã đặt ‘làm trưởng tử giữa một đàn em đồng đức’ (Rm 8,29), tức là các tín hữu, mà Mẹ đã cộng tác vào việc sinh hạ và dạy dỗ họ với tình yêu từ mẫu”¹⁷⁰. 969 970

¹⁶⁰ CD Vaticanô I, Hiến chế tín lý *Dei Filius*, c. 4: DS 3016.

¹⁶¹ Thánh Ignatiô Antiôchia, *Epistula ad Ephesos*, 19,1: SC 10bis, 74 (Funk 1, 228); x. 1 Cr 2,8.

¹⁶² X. CD Constantinôpôli II, Sess. 8a, Canon 6: DS 427.

¹⁶³ X. Thánh Lêô Cả, *Tomus ad Flavianum*: DS 291; *Ibid.*: DS 294; Pelagius I, *Epistula Humani Generis*: DS 442; CD Latêranô, Canon 3: DS 503; CD Tôlêđô XVI, : DS 571; ĐGH Phaolô IV, Tông hiến *Cum quorundam hominum*: DS 1880.

¹⁶⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 57: AAS 57 (1965) 61.

¹⁶⁵ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 52: AAS 57 (1965) 58.

¹⁶⁶ X. Mc 3,31-35; 6,3; 1 Cr 9,5; Gl 1,19.

¹⁶⁷ X. Mt 27,56.

¹⁶⁸ X. St 13,8; 14,16; 29,15 v.v....

¹⁶⁹ X. Ga 19,26-27; Kh 12,17.

¹⁷⁰ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 63: AAS 57 (1965) 64.

Chức năng làm Mẹ đồng trinh của Đức Maria trong kế hoạch của Thiên Chúa

90 **502.** Cái nhìn của đức tin, liên kết với toàn bộ Mạc Khải, có thể khám phá ra những lý do huyền nhiệm mà vì đó, Thiên Chúa, trong kế hoạch cứu độ của Ngài, đã muốn Con của Ngài sinh ra bởi một trinh nữ. Những lý do này liên quan đến Ngôi Vị và sứ vụ cứu chuộc của Đức Kitô, cũng như đến việc Đức Maria chấp nhận góp phần vào sứ vụ này vì tất cả mọi người.

422 **503.** Sự đồng trinh của Đức Maria cho thấy mâu nhiệm Nhập Thể tuyệt đối do Thiên Chúa khởi xướng. Chúa Giêsu chỉ có Thiên Chúa là Cha.¹⁷¹ “Không bao giờ Người tách khỏi Chúa Cha vì con người mà Người đã đảm nhận... Một mình Người vừa là Con Thiên Chúa vừa là Con Người. Xét về mặt bản tính, Người là Con của Chúa Cha trên trời theo thần tính, là Con của Đức Maria theo nhân tính; nhưng thật sự Người là Con Thiên Chúa trong hai bản tính”¹⁷².

359 **504.** Chúa Giêsu được thụ thai trong lòng Đức Trinh Nữ Maria bởi phép Chúa Thánh Thần, bởi vì Người là *Adam mới*¹⁷³, người khởi đầu công trình tạo dựng mới: “Người thứ nhất bởi đất mà ra thì thuộc về đất; còn người thứ hai thì từ trời mà đến” (1 Cr 15,47). Ngay từ lúc Người được thụ thai, nhân tính Đức Kitô đã tràn đầy Thần Khí, vì Thiên Chúa “ban Thần Khí cho Người vô ngần vô hạn” (Ga 3,34). “Từ nguồn sung mãn của Người”, của Đấng là đầu của nhân loại được cứu chuộc¹⁷⁴ mà “chúng ta đã lãnh nhận hết ơn này đến ơn khác” (Ga 1,16).

1265 **505.** Chúa Giêsu, Adam mới, qua việc Người được thụ thai trong cung lòng đồng trinh, đã khởi đầu *cuộc sinh hạ mới* của những người được nhận làm nghĩa tử trong Chúa Thánh Thần nhờ đức tin. “Việc ấy sẽ xảy ra cách nào ?” (Lc 1,34)¹⁷⁵. Việc tham dự vào sự sống thần linh là điều “không phải do khí huyết, cũng chẳng do ước muốn của nhục thể, hoặc do ước muốn của người đàn ông, nhưng do bởi Thiên Chúa” (Ga 1,13). Sự sống mới này được đón nhận cách trinh khiết, bởi vì nó được tặng ban cho con người, hoàn toàn do bởi Chúa Thánh Thần. Ý nghĩa phụ nữ của ơn gọi của con người đến với Thiên Chúa¹⁷⁶ được thực hiện cách trọn hảo trong chức năng làm mẹ đồng trinh của Đức Maria.

¹⁷¹ X. Lc 2,48-49.

¹⁷² CD Frioul (năm 796 hoặc 797), : DS 619.

¹⁷³ X. 1 Cr 15,45.

¹⁷⁴ X. Cl 1,18.

¹⁷⁵ X. Ga 3,9.

¹⁷⁶ X. 2 Cr 11,2.

506. Đức Maria là một Trinh Nữ, bởi vì sự đồng trinh của Mẹ là *dấu chỉ* 148, 1814 *đức tin* của Mẹ, một đức tin không pha trộn chút nghi ngờ nào¹⁷⁷ và là dấu chỉ sự tự hiến trọn vẹn của Mẹ cho thánh ý Thiên Chúa¹⁷⁸. Chính nhờ đức tin mà Đức Maria trở thành Mẹ Đấng Cứu độ: “Đức Maria thật là diễm phúc vì Mẹ đã tin vào Đức Kitô hơn là vì Mẹ đã cưu mang thân xác Người”¹⁷⁹.

507. Đức Maria vừa là Trinh Nữ vừa là Mẹ, bởi vì Mẹ là hình ảnh của Hội Thánh, là sự thể hiện toàn hảo nhất của Hội Thánh¹⁸⁰. “Nhờ đón 967 nhận lời Thiên Chúa cách trung thành, Hội Thánh được làm Mẹ: thật vậy, nhờ việc rao giảng và ban Phép Rửa, Hội Thánh sinh hạ những người con, được thụ thai bởi Chúa Thánh Thần, và được sinh ra bởi Thiên Chúa, để sống đời sống mới và bất tử. Và Hội Thánh là Trinh Nữ, bởi đã gìn giữ cách toàn vẹn và tinh tuyền lòng tin vào Đức Phu Quân”¹⁸¹. 149

TÓM LƯỢC

508. Trong số các con cháu bà Evà, Thiên Chúa đã chọn Đức Trinh Nữ Maria làm Mẹ của Con Ngài. Mẹ “đầy ơn phúc”, là “hoa trái tuyệt vời nhất của công trình Cứu chuộc”¹⁸². Ngay từ lúc đầu tiên khi được thụ thai, Mẹ đã được gìn giữ tinh tuyền khỏi vết nhơ nguyên tội và suốt đời Mẹ, Mẹ vẫn luôn tinh tuyền không hề phạm một tội riêng nào.

509. Đức Maria thật sự là “Mẹ Thiên Chúa” vì là Mẹ của Con vĩnh cửu của Thiên Chúa, đã làm người, Đấng cũng chính là Thiên Chúa.

510. Đức Maria “vẫn còn đồng trinh khi thụ thai Con mình, đồng trinh khi sinh Con, đồng trinh khi bông ẵm Người, đồng trinh khi cho Người bú mớm, là người mẹ đồng trinh, vĩnh viễn đồng trinh”¹⁸³: Mẹ là “nữ tỳ của Chúa” (Lc 1,38) bằng toàn bộ hữu thể của mình.

511. Đức Trinh Nữ Maria đã cộng tác vào “việc cứu độ nhân loại bằng đức tin và lòng tuân phục tự do”¹⁸⁴. Mẹ đã nói lên lời ưng

¹⁷⁷ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 63: AAS 57 (1965) 64.

¹⁷⁸ X. I Cr 7,34-35.

¹⁷⁹ Thánh Augustinô, *De sancta virginitate* 3, 3: CSEL 41, 237(PG 40, 398).

¹⁸⁰ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 63: AAS 57 (1965) 64.

¹⁸¹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 64: AAS 57 (1965) 64.

¹⁸² X. CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 103: AAS 56 (1964) 125.

¹⁸³ Thánh Augustinô, *Sermo* 186, 1: PL 38, 999.

¹⁸⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 56: AAS 57 (1965) 60.

thuận của mình “thay cho toàn thể bản tính nhân loại”¹⁸⁵. Nhờ sự vâng phục của mình, Mẹ đã trở thành bà Evà mới, là Mẹ của chúng sinh.

Tiết 3

Các mầu nhiệm của cuộc đời Đức Kitô

Paragraphus 3

Mysteria vitae Christi

1163 **512.** Khi đề cập đến cuộc đời Đức Kitô, Tín biểu chỉ nói về các mầu nhiệm Nhập Thể (được thụ thai và ra đời) và Vượt Qua (chịu khổ nạn, chịu đóng đinh vào thập giá, chịu chết, chịu mai táng, xuống ngục tổ tông, sống lại, và lên trời). Tín biểu không nói gì cách minh nhiên về các mầu nhiệm của cuộc đời ẩn dật và công khai của Chúa Giêsu; tuy nhiên, các đề mục đức tin liên quan đến việc Nhập Thể và cuộc Vượt Qua của Chúa Giêsu, lại làm sáng tỏ toàn bộ cuộc đời trần thế của Người. “Tất cả những việc Chúa Giêsu làm và những điều Người dạy, kể từ đầu cho tới ngày Người được rước lên trời” (Cv 1,1-2), cần phải được nhìn xem dưới ánh sáng các mầu nhiệm Giáng Sinh và Phục Sinh.

426, 561 **513.** Tùy theo hoàn cảnh, việc dạy giáo lý sẽ trình bày tất cả sự phong phú của các mầu nhiệm của Chúa Giêsu. Ở đây, chúng tôi chỉ nêu lên một số yếu tố chung cho tất cả mọi mầu nhiệm của cuộc đời của Người (I), rồi sau đó phác họa các mầu nhiệm chính yếu trong cuộc đời ẩn dật (II) và công khai (III) của Chúa Giêsu.

I. CẢ CUỘC ĐỜI ĐỨC KITÔ LÀ MỘT MẦU NHIỆM

TOTA VITA CHRISTI MYSTERIUM EST

514. Có nhiều điều liên quan đến Chúa Giêsu mà loài người tò mò muốn biết, nhưng lại không được các sách Tin Mừng nói đến. Tin Mừng hầu như không nói gì về cuộc sống của Người ở Nazareth, và một phần lớn cuộc đời công khai của Người cũng không được kể lại¹⁸⁶. Những gì đã được viết ra trong các Tin Mừng, được kể lại là “để anh em tin rằng Chúa Giêsu là Đấng Kitô, Con Thiên Chúa, và để nhờ tin mà được sự sống nhờ danh Người” (Ga 20,31).

¹⁸⁵ Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, III, q. 30, a. 1, c: Ed. Leon. 11, 315.

¹⁸⁶ X. Ga 20,30.

515. Các sách Tin Mừng đã được viết ra bởi những người trong số những người đầu tiên đã có đức tin¹⁸⁷, và muốn cho những người khác được tham dự vào đức tin đó. Đã được biết Chúa Giêsu là ai trong đức tin, họ có thể thấy và chỉ cho người khác thấy những dấu tích của mầu nhiệm của Người trong suốt cuộc đời trần thế của Người. Từ những mảnh tã quấn thân ngày Người Giáng Sinh¹⁸⁸, cho đến chút giấm lúc Người chịu khổ hình¹⁸⁹, và tấm khăn liệm ngày Người Phục Sinh¹⁹⁰, mọi sự trong cuộc đời Chúa Giêsu đều là dấu chỉ của mầu nhiệm của Người. Qua những cử chỉ, những phép lạ, những lời nói của Người, Người mạc khải “nơi Người, tất cả sự viên mãn của thần tính hiện diện cách cụ thể” (Cl 2,9). Như vậy, nhân tính của Người xuất hiện như một “bí tích”, nghĩa là, một dấu chỉ và dụng cụ của thần tính của Người, và của ơn cứu độ mà Người mang lại: những gì hữu hình trong cuộc đời trần thế của Người, dẫn chúng ta đến với mầu nhiệm vô hình, là địa vị làm Con Thiên Chúa của Người và sứ vụ cứu chuộc của Người. 126 609, 774 477

Những nét chung của các mầu nhiệm của Chúa Giêsu

516. Cả cuộc đời của Đức Kitô là một *Mạc khải* về Chúa Cha: những lời Người nói, những việc Người làm, những lúc Người im lặng, những đau khổ Người chịu, cách thế Người sống và giảng dạy. Chúa Giêsu có thể nói: “Ai thấy Thầy là thấy Chúa Cha” (Ga 14,9), và Chúa Cha nói: “Đây là Con Ta, Người đã được Ta tuyển chọn, hãy vâng nghe lời Người” (Lc 9,35). Vì Chúa chúng ta đã làm người để chu toàn thánh ý của Chúa Cha¹⁹¹, nên ngay cả những điểm nhỏ nhặt nhất trong các mầu nhiệm của Người đều biểu lộ cho chúng ta thấy tình yêu của Thiên Chúa đối với chúng ta¹⁹². 65 2708

517. Cả cuộc đời của Đức Kitô là một mầu nhiệm *Cứu chuộc*. Ôn Cứu chuộc đến với chúng ta trước hết nhờ Máu Người đổ ra trên thập giá¹⁹³, nhưng mầu nhiệm này được thực hiện qua cả cuộc đời Đức Kitô: ngay trong việc Người Nhập Thể, Người đã trở nên nghèo để lấy cái nghèo của Người mà làm cho chúng ta nên giàu có¹⁹⁴; trong cuộc sống ẩn dật, Người vâng phục¹⁹⁵ để sửa lại sự bất 606 1115

¹⁸⁷ X. Mc 1,1; Ga 21,24.

¹⁸⁸ X. Lc 2,7.

¹⁸⁹ X. Mt 27,48.

¹⁹⁰ X. Ga 20,7.

¹⁹¹ X. Dt 10,5-7.

¹⁹² X. 1 Ga 4,9.

¹⁹³ X. Ep 1,7; Cl 1,13-14 (Vulgata); 1 Pr 1,18-19.

¹⁹⁴ X. 2 Cr 8,9.

¹⁹⁵ X. Lc 2,51.

phục tòng của chúng ta; khi giảng dạy, lời Người nói thanh tẩy những người nghe¹⁹⁶; khi chữa bệnh và trừ quỷ, “Người đã mang lấy các tật nguyên của ta, và gánh lấy các bệnh hoạn của ta” (Mt 8,17)¹⁹⁷; khi phục sinh, Người làm cho chúng ta được nên công chính¹⁹⁸.

518. Cả cuộc đời của Đức Kitô là một mẫu nhiệm *Quy tụ*: tất cả những gì Chúa Giêsu đã làm, đã nói, và đã chịu đau khổ, đều có mục đích là để phục hồi con người sa ngã về lại ơn gọi đầu tiên của họ:

668, 2748

“Khi nhập thể và làm người, Đức Kitô đã quy tụ nơi mình lịch sử lâu dài của nhân loại, và đã đem lại ơn cứu độ cho chúng ta theo con đường tắt, để những gì xưa kia chúng ta đã mất nơi Adam, tức là không còn là hình ảnh và giống như Thiên Chúa nữa, thì nay chúng ta được nhận lại trong Đức Kitô Giêsu”¹⁹⁹. “Chính vì thế Đức Kitô đã trải qua mọi tuổi đời, để cho mọi người lại được hiệp thông với Thiên Chúa”²⁰⁰.

Chúng ta hiệp thông với các mẫu nhiệm của Chúa Giêsu

793

602

519. Mọi sự phong phú của Đức Kitô là dành cho mọi người và là tài sản của mọi người²⁰¹. Đức Kitô không sống cho bản thân Người, nhưng cho chúng ta, từ lúc Người nhập thể “vì loài người chúng ta và để cứu độ chúng ta”²⁰², cho đến khi Người chịu chết “vì tội lỗi chúng ta” (1 Cr 15,3) và sống lại “để chúng ta được nên công chính” (Rm 4,25). Cả bây giờ nữa, Người vẫn là trạng sư của chúng ta “trước mặt Chúa Cha” (1 Ga 2,1), “vì Người hằng sống để chuyển cầu” cho chúng ta (Dt 7,25). Với tất cả những gì Người đã sống và đã chịu đựng một lần cho mãi mãi vì chúng ta, giờ đây Người luôn hiện diện “trước mặt Thiên Chúa chuyển cầu cho chúng ta” (Dt 9,24) đến muôn đời.

1085

459

359

2607

520. Trong cả cuộc đời của Người, Chúa Giêsu tỏ mình là *mẫu mực của chúng ta*²⁰³: chính Người là “con người hoàn hảo”²⁰⁴, Người mời gọi chúng ta trở nên môn đệ của Người và bước đi theo Người; qua

¹⁹⁶ X. Ga 15,3.

¹⁹⁷ X. Is 53,4.

¹⁹⁸ X. Rm 4,25.

¹⁹⁹ Thánh Irênê, *Adversus haereses*, 3, 18, 1: SC 211, 342-344 (PG 7, 932).

²⁰⁰ Thánh Irênê, *Adversus haereses*, 3, 18, 7: SC 211, 366 (PG 7, 937); x. Id., *Adversus haereses*, 2, 22, 4: SC 294, 220-222 (PG 7, 784).

²⁰¹ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Redemptor hominis*, 11: AAS 71 (1979) 278.

²⁰² *Tín biểu Nicêa-Constantinôpôli*: DS 150.

²⁰³ X. Rm 15,5; Pl 2,5.

²⁰⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 38: AAS 58 (1966) 1055.

việc tự hạ của Người, Người ban cho chúng ta một gương mẫu để bắt chước²⁰⁵; qua việc cầu nguyện của Người, Người lôi kéo chúng ta cầu nguyện²⁰⁶; qua sự nghèo khó của Người, Người kêu gọi chúng ta tự nguyện chấp nhận sự thiếu thốn và những cơn bách hại²⁰⁷.

521. Tất cả những gì chính Người đã sống, Đức Kitô làm cho chúng ta được sống những điều đó trong Người, và Người sống những điều đó trong chúng ta. “Khi nhập thể, Con Thiên Chúa một cách nào đó đã nên một với mọi người”²⁰⁸. Chúng ta được kêu gọi nên một với Người; chính Người làm cho chúng ta, với tư cách là những chi thể của Thân Thể Người, được hiệp thông với những gì Người đã sống trong thân thể Người vì chúng ta và nên như mẫu mực cho chúng ta: 2715
1391

Chúng ta phải tiếp nối và hoàn thành nơi bản thân chúng ta các giai đoạn của cuộc đời Chúa Giêsu và các mẫu nhiệm của Người, và thường xuyên cầu xin... để Người hoàn tất và kiện toàn những điều ấy trong chúng ta và trong toàn thể Hội Thánh Người... Vì Con Thiên Chúa có ý truyền thông, mở rộng và tiếp tục các mẫu nhiệm của Người trong chúng ta và trong toàn thể Hội Thánh Người,... hoặc bằng các ân sủng Người quyết định ban cho chúng ta hoặc bằng những hiệu quả Người muốn thực hiện nơi chúng ta qua các mẫu nhiệm ấy. Bằng cách này, Người muốn hoàn tất các mẫu nhiệm của Người trong chúng ta²⁰⁹.

II. CÁC MẪU NHIỆM CỦA THỜI THƠ ẤU VÀ CỦA QUÃNG ĐỜI ẨN DẬT CỦA CHÚA GIÊSU MYSTERIA INFANTIAE ET VITAE OCCULTAE IESU

Những sự chuẩn bị

522. Việc Con Thiên Chúa ngự đến trong thế gian là một biến cố hết sức trọng đại, đến độ Thiên Chúa đã muốn chuẩn bị cho biến cố đó qua nhiều thế kỷ. Các nghi thức và các hy lễ, các hình ảnh và các biểu tượng của “Giao Ước Cũ”²¹⁰, tất cả đều được Thiên Chúa làm cho hội tụ trong Đức Kitô: Chính Ngài loan báo Đức Kitô qua miệng các Tiên tri kế tiếp nhau ở Israel. Ngoài ra, Ngài còn khơi 711, 762

²⁰⁵ X. Ga 13,15.

²⁰⁶ X. Lc 11,1.

²⁰⁷ X. Mt 5,11-12.

²⁰⁸ CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 22: AAS 58 (1966) 1042.

²⁰⁹ Thánh Gioan Eudes, *Le royaume de Jésus*, 3,4: *Oeuvres complètes*, v.1 (Vannes 1905) 310-311.

²¹⁰ X. Dt 9,15.

dậy trong tâm hồn các người ngoại giáo một sự chờ đợi chưa rõ ràng việc Con Thiên Chúa ngự đến.

712-720 **523.** *Thánh Gioan Tẩy Giả* là vị Tiên Hô trực tiếp của Chúa²¹¹, đã được sai đến để dọn đường²¹². Thánh nhân là “ngôn sứ của Đấng Tối Cao” (Lc 1,76), trở vượt tất cả mọi Tiên tri²¹³, và là vị Tiên tri cuối cùng²¹⁴. Thánh nhân khởi đầu Tin Mừng²¹⁵; ngay từ trong lòng mẹ đã đón chào Đức Kitô đến²¹⁶, và tìm thấy niềm vui trong việc được làm “bạn của chú rể” (Ga 3,29), Đấng mà thánh nhân chỉ cho biết là Chiên “Thiên Chúa, Đấng xoá bỏ tội trần gian” (Ga 1,29). Thánh nhân đi trước Chúa Giêsu trong “thần trí và quyền năng của ngôn sứ Êlia” (Lc 1,17), và làm chứng cho Người bằng lời rao giảng của mình, bằng phép rửa thống hối của mình và cuối cùng bằng cuộc tử đạo của mình²¹⁷.

1171 **524.** Mỗi năm khi cử hành *phụng vụ Mùa Vọng*, Hội Thánh thể hiện lại niềm mong đợi Đấng Messia: khi hiệp thông với sự chuẩn bị lâu dài để đón Đấng Cứu độ ngự đến lần thứ nhất, các tín hữu canh tân lòng sốt sắng đón chờ Người ngự đến lần thứ hai²¹⁸. Khi mừng sinh nhật và cuộc tử đạo của vị Tiên Hô, Hội Thánh hợp nhất với ước nguyện của thánh nhân: “Đức Kitô phải nổi bật lên, còn tôi phải lu mờ đi” (Ga 3,30).

Mâu nhiệm Giáng Sinh

437 2443 **525.** Chúa Giêsu đã ra đời trong cảnh bần hàn của chuồng bò lừa, trong một gia đình nghèo²¹⁹; các mục đồng chất phác là những chứng nhân đầu tiên của biến cố. Chính trong cảnh nghèo hèn này mà vinh quang thiên quốc được tỏ lộ²²⁰. Hội Thánh không ngừng hoan hỉ hát mừng vinh quang đêm ấy:

“Hôm nay Đức Trinh Nữ sinh hạ Đấng Hằng Hữu, và thế gian dâng tặng hang đá cho Đấng Chí Tôn. Các Thiên thần cùng với các mục đồng tôn vinh Người, các đạo sĩ tiến bước theo ánh sao: bởi vì một Hài Nhi bé nhỏ, là Thiên Chúa vĩnh cửu, đã được sinh ra cho chúng ta!”²²¹

²¹¹ X. Cv 13,24.

²¹² X. Mt 3,3.

²¹³ X. Lc 7,26.

²¹⁴ X. Mt 11,13.

²¹⁵ X. Cv 1,22; Lc 16,16.

²¹⁶ X. Lc 1,41.

²¹⁷ X. Mc 6,17-29.

²¹⁸ X. Kh 22,17.

²¹⁹ X. Lc 2,6-7.

²²⁰ X. Lc 2,8-20.

²²¹ Thánh Rômanô Mêlôđô, *Kontakion*, 10, *In diem Nativitatis Christi*, Prooemium: SC 110, 50.

526. “Trở nên trẻ nhỏ” trong tương quan với Thiên Chúa là điều kiện để vào Nước Trời²²²; để được vậy, cần phải tự hạ²²³, phải trở nên bé mọn; hơn nữa, còn phải “được sinh ra một lần nữa bởi ơn trên” (Ga 3,7), được sinh ra từ Thiên Chúa²²⁴ để trở nên con cái Thiên Chúa²²⁵. Mẫu nhiệm Giáng Sinh được thực hiện nơi chúng ta khi Đức Kitô “được thành hình” nơi chúng ta²²⁶. Việc Giáng Sinh của Chúa Giêsu là mẫu nhiệm của “việc trao đổi kỳ diệu” này:

“Cuộc trao đổi sao mà kỳ diệu! Đấng Tạo Hoá của nhân loại, nhận lấy một thân xác có linh hồn, kháng hạ sinh bởi một Trinh Nữ; khi làm người mà chẳng cần mâm giống nam nhân, Người đã rộng ban cho chúng ta thần tính của Người”²²⁷.

460

Các mẫu nhiệm của thời thơ ấu của Chúa Giêsu

527. Việc cắt bì cho Chúa Giêsu, ngày thứ tám sau khi Người ra đời²²⁸, là dấu chỉ việc Người được tháp nhập vào dòng dõi của tổ phụ Abraham, vào dân của Giao Ước, là dấu chỉ sự suy phục Lễ luật của Người²²⁹, của việc Người đến với phụng tự Israel, nền phụng tự mà Người sẽ tham dự suốt đời Người. Dấu chỉ này báo trước “phép cắt bì của Đức Kitô”, tức là bí tích Rửa Tội²³⁰.

580

1214

528. *Hiển Linh* là sự tỏ mình ra của Chúa Giêsu, như Đấng Messia của Israel, là Con Thiên Chúa, và là Đấng Cứu Độ trần gian. Cùng với việc Chúa Giêsu chịu phép rửa ở sông Jordanô và với tiệc cưới Cana²³¹, lễ này mừng kính việc “các đạo sĩ” từ phương Đông đến thờ lạy Chúa Giêsu²³². Nơi các “đạo sĩ” này, là đại diện cho các tôn giáo lương dân lân cận, Tin Mừng nhận ra những hoa quả đầu mùa của các dân tộc sẽ đón nhận Tin Mừng cứu độ nhờ mẫu nhiệm Nhập Thể. Việc các đạo sĩ đến Giêrusalem để bái lạy Vua dân Do Thái²³³ cho thấy các vị ấy đến Israel, dưới ánh sáng tiên báo Đấng

439

²²² X. Mt 18,3-4.

²²³ X. Mt 23,12.

²²⁴ X. Ga 1,13.

²²⁵ X. Ga 1,12.

²²⁶ X. Gl 4,19.

²²⁷ X. *Lễ trọng kính Đức Maria Mẹ Thiên Chúa*, Diệp Ca Kinh Chiều I và II: *Các Giờ Kinh Phụng Vụ*, editio typica, v.1 (Typis Polyglottis Vaticanis 1973) 385 và 397.

²²⁸ X. Lc 2,21.

²²⁹ X. Gl 4,4.

²³⁰ X. Cl 2,11-13.

²³¹ X. *Lễ trọng mừng Chúa Hiển Linh*, Diệp Ca kinh “Magnificat”, Kinh Chiều II: *Các Giờ Kinh Phụng Vụ*, editio typica, v.1 (Typis Polyglottis Vaticanis 1973) 465.

²³² X. Mt 2,1.

²³³ X. Mt 2,2.

711-716
122 Messia của ngôi sao David²³⁴, để tìm kiếm Đấng sẽ là vua của các dân tộc²³⁵. Việc họ đến có nghĩa là các dân ngoại chỉ có thể gặp được Chúa Giêsu và thờ lạy Người là Con Thiên Chúa và là Đấng Cứu độ trần gian, bằng cách hướng về dân Do Thái²³⁶ và nhờ dân ấy mà lãnh nhận lời hứa về Đấng Messia như đã được ghi chép trong Cựu Ước²³⁷. Cuộc Hiện Linh cho thấy đông đảo dân ngoại được gia nhập vào gia đình của các Tổ Phụ²³⁸, và được hưởng “phẩm giá của Israel”²³⁹.

583 529. Việc dâng Chúa Giêsu vào Đền thờ²⁴⁰ cho thấy Người có tư cách là “con đầu lòng” thuộc về Thiên Chúa như sở hữu riêng của Ngài²⁴¹. Cùng với ông Simêon và bà Anna, toàn thể dân Israel đến gặp gỡ Đấng Cứu Độ mà họ trông chờ (truyền thống Byzantin gọi 439 biến cố này như vậy). Chúa Giêsu được nhìn nhận là Đấng Messia được mong đợi đã quá lâu, là “ánh sáng muôn dân”, là “vinh quang của Israel”, nhưng cũng là “dấu hiệu cho người đời chống báng”. 614 Lưỡi gươm của đau khổ được tiên báo cho Đức Maria, loan báo một việc dâng hiến khác, hoàn hảo và duy nhất, là việc dâng hiến trên thập giá, việc dâng hiến này sẽ mang lại ơn cứu độ mà Thiên Chúa “đã dành sẵn cho muôn dân”.

574 530. Việc trốn sang Ai Cập và sự kiện tàn sát trẻ vô tội²⁴² cho thấy sự chống đối của bóng tối đối với ánh sáng: “Người đã đến nhà mình, nhưng người nhà chẳng chịu đón nhận” (Ga 1,11). Cả cuộc đời của Đức Kitô sẽ được ghi dấu bằng sự bách hại. Những ai thuộc về Người, đều tham dự vào điều đó với Người²⁴³. Việc Người rời bỏ Ai Cập để trở về²⁴⁴ gợi nhớ cuộc Xuất Hành²⁴⁵ và giới thiệu Chúa Giêsu là Đấng giải phóng tối hậu.

Các mẫu nhiệm của quãng đời ẩn dật của Chúa Giêsu

531. Phần lớn cuộc đời Người, Chúa Giêsu đã chia sẻ thân phận của đại đa số con người: một cuộc sống thường ngày không có vẻ

²³⁴ X. Ds 24,17; Kh 22,16.

²³⁵ X. Ds 24,17-19.

²³⁶ X. Ga 4,22.

²³⁷ X. Mt 2,4-6.

²³⁸ X. Thánh Lêô Cả, *Sermo* 33, 3: CCL 138, 173 (PL 54, 242).

²³⁹ *Canh thức Vượt Qua, Lời nguyện sau bài đọc thứ III: Sách Lễ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 277.

²⁴⁰ X. Lc 2,22-39.

²⁴¹ X. Xh 13,12-13.

²⁴² X. Mt 2,13-18.

²⁴³ X. Ga 15,20.

²⁴⁴ X. Mt 2,15.

²⁴⁵ X. Os 11,1.

cao trọng nào, một cuộc sống lao động tay chân, một cuộc sống suy phục Luật Thiên Chúa trong Do Thái giáo²⁴⁶, một cuộc sống trong cộng đoàn. Về toàn bộ quãng đời này, chúng ta được mạc khải là Chúa Giêsu đã vâng phục cha mẹ Người²⁴⁷ và “ngày càng thêm khôn ngoan, thêm cao lớn, và thêm ân nghĩa đối với Thiên Chúa và người ta” (Lc 2,52). 2427

532. Sự vâng phục của Chúa Giêsu đối với Mẹ Người và cha nuôi của Người là chu toàn cách trọn hảo điều răn thứ tư. Sự vâng phục ở trần gian là hình ảnh của sự vâng phục con thảo của Người đối với Cha trên trời của Người. Việc Chúa Giêsu hằng ngày vâng phục thánh Giuse và Mẹ Maria loan báo và tham dự trước vào sự tuân phục của lời cầu nguyện trong vườn Cây Dầu: “Xin đừng cho ý con thể hiện...” (Lc 22,42). Sự vâng phục của Đức Kitô trong các hoàn cảnh thường ngày của cuộc đời ẩn dật đã khởi đầu công trình tái tạo những gì mà ông Adam đã phá huỷ vì bất tuân²⁴⁸. 2214-2220 612

533. Cuộc đời ẩn dật ở Nazareth cho phép mọi người hiệp thông với Chúa Giêsu qua những lối sống thông thường nhất:

“Ngôi nhà Nazareth là mái trường nơi chúng ta bắt đầu học về cuộc đời Chúa Giêsu; đây là trường dạy Tin Mừng. Trước hết là bài học về *thinh lặng*. Ước gì chúng ta biết quý chuộng sự thinh lặng, vì đó là bầu khí tuyệt vời và tối cần cho tâm hồn... Kế đến là bài học về *đời sống gia đình*: Ước gì Nazareth dạy chúng ta biết gia đình là gì, sự hiệp thông tình yêu của gia đình là gì, vẻ đẹp quan trọng và bùng sáng của gia đình là gì, tính chất thánh thiêng và bất khả xâm phạm của gia đình là gì... Sau cùng là bài học về *lao động*. Ôi Nazareth, ngôi nhà của “Con bác thợ mộc”, chính tại đây, chúng ta muốn hiểu biết và đề cao bốn phận lao động của con người, tuy nhỏ nhằn nhưng đem lại ơn cứu chuộc... Sau hết, tại đây chúng tôi muốn chào mừng mọi người lao động trên toàn thế giới, và chỉ cho họ một mẫu mực vĩ đại, là người anh thần linh của họ”²⁴⁹. 2717 2204 2427

534. Việc *tìm thấy Chúa Giêsu trong Đền thờ*²⁵⁰ là biến cố duy nhất phá vỡ sự im lặng của các sách Tin Mừng về những năm tháng ẩn dật của Chúa Giêsu. Ở đây, Chúa Giêsu cho chúng ta thoáng thấy mẫu nhiệm của sự tận hiến của Người cho sứ vụ xuất phát từ tư cách làm Con Thiên Chúa của Người. “Cha mẹ không 583 2599

²⁴⁶ X. Gl 4,4.

²⁴⁷ X. Lc 2,51.

²⁴⁸ X. Rm 5,19.

²⁴⁹ ĐGH Phaolô VI, *Homilia in templo Annuntiationis beatæ Mariæ Virginis in Nazareth* (5-1-1964): AAS 56 (1964) 167-168.

²⁵⁰ X. Lc 2,41-52.

964 biết là con có bốn phận ở nhà của Cha con sao?” (Lc 2,49) Đức Maria và thánh Giuse “không hiểu” lời này, nhưng đón nhận lời ấy trong đức tin, và Đức Maria “hàng ghi nhớ những điều ấy trong lòng”, suốt những năm dài Chúa Giêsu ẩn mình trong sự thinh lặng của cuộc đời bình thường.

III. CÁC MẪU NHIỆM CỦA QUĂNG ĐỜI CÔNG KHAI CỦA CHÚA GIÊSU MYSTERIA VITAE PUBLICAE IESU

Chúa Giêsu chịu phép rửa

719-720 **535.** Chúa Giêsu khởi đầu²⁵¹ quãng đời công khai bằng việc Người chịu phép rửa của ông Gioan tại sông Giođan²⁵². Ông Gioan rao giảng “phép rửa tỏ lòng thống hối để được ơn tha tội” (Lc 3,3). Đông đảo những người tội lỗi, thu thuế, binh lính²⁵³, Pharisiêu và Sadoc²⁵⁴, cùng những cô gái điếm²⁵⁵, đến xin ông làm phép rửa. “Bấy giờ Chúa Giêsu đến”. Vị Tẩy Giả ngần ngại, nhưng Chúa 701 Giêsu yêu cầu: Người chịu phép rửa. Lúc đó, Chúa Thánh Thần, lấy hình chim bồ câu, ngự xuống trên Chúa Giêsu, và có tiếng phán từ trời: “Đây là Con yêu dấu của Ta” (Mt 3,13-17). Đây là việc Chúa 438 Giêsu tỏ mình ra (“Hiển Linh”) với tư cách là Đấng Messia của Israel và là Con Thiên Chúa.

606 **536.** Phép Rửa của Chúa Giêsu, về phần Người, là sự chấp nhận và khởi đầu sứ vụ của Người, với tư cách là Người Tội Trung Đau Khổ. Người chấp nhận bị liệt vào hàng tội nhân²⁵⁶. Chính Người là 1224 “Chiên Thiên Chúa, Đấng xoá tội trần gian” (Ga 1,29); nay Người tham dự trước vào “phép rửa” là cái chết đẫm máu của Người²⁵⁷. Người đến để chu toàn “đức công chính” (Mt 3,15), nghĩa là, Người hoàn toàn quy phục thánh ý của Cha Người: vì tình yêu, Người bằng lòng chịu phép rửa là cái chết để chúng ta được ơn tha thứ 444 tội lỗi²⁵⁸. Đáp lại sự chấp nhận ấy, có tiếng của Chúa Cha tuyên bố 727 Ngài hoàn toàn hài lòng về Con của mình²⁵⁹. Chúa Thánh Thần, mà Chúa Giêsu đã có đầy tràn từ lúc được Người được thụ thai, nay

²⁵¹ X. Lc 3,23.

²⁵² X. Cv 1,22.

²⁵³ X. Lc 3,10-14.

²⁵⁴ X. Mt 3,7.

²⁵⁵ X. Mt 21,32.

²⁵⁶ X. Is 53,12.

²⁵⁷ X. Mc 10,38; Lc 12,50.

²⁵⁸ X. Mt 26,39.

²⁵⁹ X. Lc 3,22; Is 42,1.

đến để “ở lại” trên Người²⁶⁰. Chúa Giêsu sẽ là nguồn mạch ban Thánh Thần cho toàn thể nhân loại. Trong phép rửa của Người, “các tầng trời”, mà tội của ông Adam đã đóng lại, nay được “mở ra cho Người” (Mt 3,16); và dòng nước nhờ việc Chúa Giêsu và Chúa Thánh Thần ngự xuống được thánh hóa, để chuẩn bị cho một công trình tạo dựng mới.

537. Kitô hữu, nhờ bí tích Rửa Tội, được đồng hoá một cách bí tích với Chúa Giêsu, Đấng, trong phép rửa của mình, đã tham dự trước vào cái Chết và sự Sống Lại của mình; họ phải tiến vào mầu nhiệm của sự khiêm tốn quy phục và thống hối này, bước xuống nước cùng với Chúa Giêsu để cùng với Người bước lên, và phải được tái sinh bởi nước và Chúa Thánh Thần để trở nên con yêu dấu của Chúa Cha trong Chúa Con và “sống một đời sống mới” (Rm 6,4):

“Chúng ta hãy cùng chịu mai táng với Đức Kitô bằng Phép Rửa, để cùng được phục sinh với Người; hãy cùng bước xuống với Người, để đồng thời cũng được nâng lên; chúng ta hãy cùng đi lên với Người, để đồng thời cũng được tôn vinh”²⁶¹.

“Nhờ những gì đã được hoàn thành nơi Đức Kitô, chúng ta biết rằng: sau khi chúng ta được tẩy rửa trong nước và Chúa Thánh Thần từ trời ngự xuống trên chúng ta, thì chúng ta được xúc dầu vinh quang thiên quốc và trở thành con cái Thiên Chúa nhờ có tiếng của Chúa Cha nhận cho làm nghĩa tử”²⁶².

Chúa Giêsu chịu cám dỗ

538. Các sách Tin Mừng có nói đến một thời gian Chúa Giêsu sống cô tịch trong hoang địa, ngay sau khi Người nhận phép rửa của ông Gioan. “Thần Khí liền đẩy Người vào hoang địa” (Mc 1,12) và Chúa Giêsu ở lại đó bốn mươi ngày không ăn; Người sống giữa các dã thú và các Thiên thần hầu hạ Người.²⁶³ Cuối thời gian này, Satan cám dỗ Người ba lần nhằm đặt vấn đề về thái độ con thảo của Người đối với Thiên Chúa. Chúa Giêsu đã đẩy lui các cuộc tấn công này, chúng thu tóm cơn cám dỗ của ông Adam trong vườn địa đàng và những cơn cám dỗ của dân Israel trong hoang địa, rồi ma quỷ bỏ Người mà đi, “chờ đợi thời cơ” (Lc 4,13).

539. Các tác giả Tin Mừng nêu rõ ý nghĩa cứu độ của biến cố bí nhiệm này. Chúa Giêsu là Adam mới, Người vững lòng trung thành ở chỗ Adam cũ đã đầu hàng cơn cám dỗ. Chúa Giêsu thực hiện

²⁶⁰ X. Ga 1,32-33; Is 11,2.

²⁶¹ Thánh Grêgôriô Nazianzêno, *Oratio* 40, 9: SC 358, 216 (PG 36, 369).

²⁶² Thánh Hilariô, *In evangelium Matthaei*, 2, 6: SC 254, 110 (PL 9, 927).

²⁶³ X. Mt 1,13.

cách hoàn hảo ơn gọi của dân Israel: trái hẳn với những kẻ xưa kia đã thách thức Thiên Chúa suốt bốn mươi năm trong hoang địa²⁶⁴, Chúa Giêsu được mặc khải như Người Tội Trung của Thiên Chúa, hoàn toàn vâng phục thánh ý Thiên Chúa. Trong việc này, Chúa

385 Giêsu toàn thắng ma quỷ: Người đã trói kẻ mạnh và thu lại tài sản nó đã cướp²⁶⁵. Chiến thắng của Chúa Giêsu trước kẻ cám dỗ trong

609 tuyệt đối trong tình yêu con thảo của Người đối với Chúa Cha.

2119 **540.** Cám dỗ Chúa Giêsu phải chịu cho thấy cách thế Con Thiên

519, 2849 Chúa là Đấng Messia, trái ngược hẳn điều Satan xúi giục Người và người ta muốn gán cho Người²⁶⁶. Chính vì thế, Đức Kitô chiến

1438 thắng Tên cám dỗ là chiến thắng *cho chúng ta*: “Vị Thượng Tế của chúng ta không phải là Đấng không biết cảm thương những nỗi yếu hèn của ta, vì Người đã chịu thử thách về mọi phương diện cũng như ta, nhưng không phạm tội” (Dt 4,15). Mỗi năm, qua bốn mươi ngày *Mùa Chay*, Hội Thánh kết hợp với mẫu nhiệm Chúa Giêsu trong hoang địa.

“Nước Thiên Chúa đã đến gần”

541. “Sau khi ông Gioan bị nộp, Chúa Giêsu đến miền Galilêa, rao giảng Tin Mừng của Thiên Chúa. Người nói: “Thời kỳ đã mãn, và

2816 Triều đại Thiên Chúa đã đến gần. Anh em hãy sám hối và tin vào

763 Tin Mừng” (Mc 1,14-15). “Để chu toàn thánh ý Chúa Cha, Đức Kitô đã khởi đầu Nước Trời nơi trần gian”²⁶⁷. Và thánh ý Chúa Cha là “nâng loài người lên, cho họ được dự phần vào sự sống của Thiên Chúa”²⁶⁸. Thiên Chúa thực hiện điều này bằng cách quy tụ người ta quanh Con của Ngài, là Chúa Giêsu Kitô. Cộng đồng được

669, 768 quy tụ này, chính là Hội Thánh, là “hạt giống và điểm khởi đầu

865 của Nước Thiên Chúa” trên trần gian²⁶⁹.

2233 **542.** Đức Kitô là trung tâm của cộng đồng nhân loại này trong “gia đình của Thiên Chúa”. Người triệu tập họ quanh Người bằng lời nói, bằng những dấu chỉ biểu lộ Nước Thiên Chúa, bằng việc sai phái các môn đệ của Người. Người sẽ làm cho Nước Người đến, chủ yếu nhờ mẫu nhiệm cao cả là cuộc Vượt Qua của Người, tức là cái Chết trên thập giá và sự Sống lại của Người. “Phần tôi, một khi được giương cao lên khỏi mặt đất, tôi sẽ kéo mọi người lên với tôi”

²⁶⁴ X. Tv 95,10.

²⁶⁵ X. Mc 3,27.

²⁶⁶ X. Mt 16,21-23.

²⁶⁷ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 3: AAS 57 (1965) 6.

²⁶⁸ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 2: AAS 57 (1965) 5-6.

²⁶⁹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 5: AAS 57 (1965) 8.

(Ga 12,32). Mọi người đều được mời gọi tham dự vào sự kết hợp này với Đức Kitô²⁷⁰.

789

Chúa Giêsu loan báo Nước Thiên Chúa

543. Mọi người đều được mời gọi gia nhập Nước Thiên Chúa. Nước này của Đấng Messia trước tiên được loan báo cho con cái Israel²⁷¹, nhưng hướng đến việc đón nhận mọi người thuộc mọi dân tộc²⁷². Để vào Nước Thiên Chúa, cần phải đón nhận lời của Chúa Giêsu:

764

“Lời Chúa được ví như hạt giống gieo trong ruộng: ai nghe Lời Chúa với đức tin và gia nhập đàn chiên nhỏ của Đức Kitô, thì đã đón nhận chính Nước Người; rồi do sức của nó, hạt giống nảy mầm và lớn lên cho tới mùa gặt”²⁷³.

544. Nước Thiên Chúa thuộc về những người nghèo hèn và bé mọn, nghĩa là, những người đón nhận Nước ấy với tâm hồn khiêm tốn. Đức Kitô được sai đến để “loan báo Tin Mừng cho kẻ nghèo hèn” (Lc 4,18)²⁷⁴. Người tuyên bố rằng họ có phúc, “vì Nước Trời là của họ” (Mt 5,3); Chúa Cha đã thương mại khải cho những kẻ “bé mọn” này điều Người giấu không cho bậc khôn ngoan thông thái biết²⁷⁵. Chúa Giêsu, từ máng cỏ cho tới thập giá, đã chia sẻ kiếp sống của những kẻ nghèo hèn; Người đã từng chịu đói²⁷⁶, chịu khát²⁷⁷, chịu thiếu thốn²⁷⁸. Hơn thế nữa, Người tự đồng hóa mình với mọi hạng người nghèo hèn và coi lòng yêu thương tích cực đối với họ là điều kiện để được vào Nước của Người²⁷⁹.

709

2443

2546

545. Chúa Giêsu mời những kẻ tội lỗi vào bàn tiệc Nước Thiên Chúa: “Tôi không đến để kêu gọi người công chính, mà để kêu gọi người tội lỗi” (Mc 2,17)²⁸⁰. Người mời gọi họ hối cải, vì không hối cải thì không thể vào Nước Người, nhưng Người cũng dùng lời nói và hành động cho họ thấy lòng thương xót vô biên của Cha Người đối với họ²⁸¹, và “trên trời cũng thế, ai nấy sẽ vui mừng vì một người tội lỗi ăn năn sám hối” (Lc 15,7). Bằng chứng cao cả nhất

1443

588

1846

1439

²⁷⁰ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 3: AAS 57 (1965) 6.

²⁷¹ X. Mt 10,5-7.

²⁷² X. Mt 8,11; 28,19.

²⁷³ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 5: AAS 57 (1965) 7.

²⁷⁴ X. Lc 7,22.

²⁷⁵ X. Mt 11,25.

²⁷⁶ X. Mc 2,23-26; Mt 21,18.

²⁷⁷ X. Ga 4,6-7; 19,28.

²⁷⁸ X. Lc 9,58.

²⁷⁹ X. Mt 25,31-46.

²⁸⁰ X. 1 Tm 1,15.

²⁸¹ X. Lc 15,11-32.

của tình yêu này, là việc Người dâng hiến mạng sống mình “cho muôn người được tha tội” (Mt 26,28).

- 2613 **546.** Chúa Giêsu kêu gọi người ta vào Nước Trời, bằng cách dùng *các dụ ngôn*, là nét đặc trưng trong cách giảng dạy của Người²⁸². Qua các dụ ngôn, Người mời vào dự tiệc Nước Trời²⁸³, nhưng Người cũng đòi phải có một lựa chọn triệt để: để đạt được Nước Trời, cần phải cho đi mọi sự²⁸⁴; lời nói suông không đủ, cần phải có việc làm²⁸⁵. Các dụ ngôn như những tấm gương đối với con người: họ đón nhận Lời Chúa chỉ như mảnh đất khô khan hay mảnh đất mầu mỡ?²⁸⁶ Họ làm gì với những nén bạc đã nhận?²⁸⁷ Chúa Giêsu và sự hiện diện của Nước Trời trong trần gian, một cách kín đáo, nằm ở trung tâm của các dụ ngôn. Cần phải tiến vào Nước Trời, nghĩa là, phải trở nên môn đệ Đức Kitô, mới “hiểu biết các mầu nhiệm Nước Trời” (Mt 13,11). Còn đối với những kẻ “ở ngoài” (Mc 4,11), mọi sự đều bí ẩn²⁸⁸.

Các dấu chỉ Nước Thiên Chúa

- 670 **547.** Kèm theo những lời Người nói, Chúa Giêsu đã làm “những phép mầu, điềm thiêng và dấu lạ” (Cv 2,22) để cho thấy Nước Trời đang hiện diện nơi Người. Chúng chứng tỏ Chúa Giêsu chính là 439 Đấng Messia đã được tiên báo²⁸⁹.
- 548.** Các dấu lạ do Chúa Giêsu thực hiện minh chứng Chúa Cha đã sai Người đến²⁹⁰. Chúng mời gọi ta hãy tin vào Người²⁹¹. Những ai 156 đến với Người bằng đức tin, đức tin cho họ được điều họ thỉnh 2616 cầu²⁹². Lúc đó, các phép lạ củng cố lòng tin vào Người, Đấng thực 574 hiện các công việc của Cha Người: chúng chứng tỏ Người là Con Thiên Chúa²⁹³. Nhưng chúng cũng có thể là cơ vấp ngã²⁹⁴. Quả vậy, 447 chúng không nhằm thỏa mãn trí tò mò, và lòng ưa chuộng ma thuật. Bất chấp những phép lạ hết sức tỏ tường của Người, Chúa

²⁸² X. Mc 4,33-34.

²⁸³ X. Mt 22,1-14.

²⁸⁴ X. Mt 13,44-45.

²⁸⁵ X. Mt 21,28-32.

²⁸⁶ X. Mt 13,3-9.

²⁸⁷ X. Mt 25,14-30.

²⁸⁸ X. Mt 13,10-15.

²⁸⁹ X. Lc 7,18-23.

²⁹⁰ X. Ga 5,36; 10,25.

²⁹¹ X. Ga 10,38.

²⁹² X. Mc 5,25-34; 10,52.

²⁹³ X. Ga 10,31-38.

²⁹⁴ X. Mt 11,6.

Giêsu vẫn bị một số người loại bỏ²⁹⁵, thậm chí Người còn bị tố cáo là hành động nhờ ma quỷ²⁹⁶.

549. Khi giải thoát một số người khỏi những sự dữ đời này như đói khát²⁹⁷, bất công²⁹⁸, bệnh tật và cái chết²⁹⁹, Chúa Giêsu đã thực hiện các dấu chỉ Người là Đấng Messia. Tuy nhiên, Người không đến để loại trừ mọi điều xấu khỏi trần gian này³⁰⁰, nhưng để giải thoát con người khỏi ách nô lệ nặng nề nhất, là ách nô lệ của tội lỗi³⁰¹, thứ ách nô lệ này ngăn cản họ trong ơn gọi của họ là làm con cái Thiên Chúa, và gây ra mọi hình thức nô lệ giữa con người. 1503 440

550. Khi Nước Thiên Chúa trị đến là lúc nước Satan bị sụp đổ³⁰²: “Nếu tôi dựa vào Thần Khí của Thiên Chúa mà trừ quỷ, thì quả là triều đại Thiên Chúa đã đến giữa các ông” (Mt 12,28). Những việc trừ quỷ do Chúa Giêsu thực hiện, giải phóng người ta khỏi quyền thống trị của ma quỷ³⁰³. Những việc ấy báo trước sự chiến thắng cao cả của Chúa Giêsu trên “thủ lãnh thế gian này”³⁰⁴. Nhờ thập giá của Đức Kitô mà Nước Thiên Chúa sẽ được thiết lập vĩnh viễn: “Thiên Chúa đã cai trị từ cây gổ”³⁰⁵. 394 1673 440, 2816

“Chìa khóa Nước Trời”

551. Chúa Giêsu, khi khởi đầu đời sống công khai của Người, đã chọn Nhóm Mười Hai người đàn ông để các ông ở với Người và tham dự vào sứ vụ của Người³⁰⁶. Người cho các ông tham dự vào quyền hành của Người và “sai các ông đi rao giảng Nước Thiên Chúa và chữa lành bệnh nhân” (Lc 9,2). Các ông được liên kết vĩnh viễn với Nước của Đức Kitô, bởi vì Người sẽ dùng các ông mà điều khiển Hội Thánh: 858 765

“Thầy sẽ trao Vương Quốc cho anh em, như Cha Thầy đã trao cho Thầy, để anh em được đồng bàn ăn uống với Thầy trong Vương Quốc của Thầy, và ngự toà xét xử mười hai chi tộc Israel” (Lc 22,29-30).

²⁹⁵ X. Ga 11,47-48.

²⁹⁶ X. Mc 3,22.

²⁹⁷ X. Ga 6,5-15.

²⁹⁸ X. Lc 19,8.

²⁹⁹ X. Mt 11,5.

³⁰⁰ X. Lc 12,13-14; Ga 18,36.

³⁰¹ X. Ga 8,34-36.

³⁰² X. Mt 12,26.

³⁰³ X. Lc 8,26-39.

³⁰⁴ X. Ga 12,31.

³⁰⁵ Vênanitiô Fortunatô, *Hymnus “Vexilla Regis”*: MGH 1/4/1, 34 (PL 88, 96).

³⁰⁶ X. Mc 3,13-19.

- 880 **552.** Trong nhóm Mười Hai, ông Simon Phêrô giữ địa vị thứ
153 nhất³⁰⁷; Chúa Giêsu ủy thác cho ông một sứ vụ độc đáo. Nhờ Chúa
442 Cha mạc khải, ông Phêrô tuyên xưng “Thầy là Đấng Kitô, Con
Thiên Chúa hằng sống” (Mt 16,16). Lúc đó Chúa chúng ta liền
tuyên bố với ông: “Anh là Phêrô, nghĩa là Tảng Đá, trên Tảng Đá
này, Thầy sẽ xây Hội Thánh của Thầy, và quyền lực tử thần sẽ
không thắng nổi” (Mt 16,18). Đức Kitô, “Viên đá sống động”³⁰⁸, bảo
đảm rằng Hội Thánh mà Người xây dựng trên Tảng Đá Phêrô sẽ
chiến thắng quyền lực tử thần. Nhờ đức tin ông đã tuyên xưng, ông
424 Phêrô sẽ mãi là Tảng Đá kiên vững của Hội Thánh. Ông có sứ vụ
gìn giữ đức tin được toàn vẹn và làm cho các anh em mình nên
vững mạnh trong đức tin³⁰⁹.
- 381 **553.** Chúa Giêsu ủy thác cho ông Phêrô một thẩm quyền đặc biệt:
“Thầy sẽ trao cho anh chìa khoá Nước Trời; dưới đất anh cầm buộc
điều gì, trên trời cũng sẽ cầm buộc như vậy; dưới đất anh tháo cởi
điều gì, trên trời cũng sẽ tháo cởi như vậy” (Mt 16,19). “Quyền chìa
khóa” là quyền cai quản Nhà của Thiên Chúa, tức là Hội Thánh.
Chúa Giêsu, “Mục Tử nhân lành” (Ga 10,11) xác nhận nhiệm vụ đó
1445 sau khi Người phục sinh: “Hãy chăn dắt chiên của Thầy” (Ga 21,15-
17). Quyền “cầm buộc và tháo cởi” có nghĩa là quyền tha tội, quyền
đưa ra những phán quyết về giáo lý và những quyết định về kỷ luật
641, 881 trong Hội Thánh. Chúa Giêsu ủy thác quyền này cho Hội Thánh qua
thừa tác vụ của các Tông Đồ³¹⁰, và đặc biệt của ông Phêrô, người duy
nhất Chúa mình nhiên trao phó chìa khóa Nước Trời.

Ném trước Nước Trời: Chúa Hiển Dung

- 554.** Từ ngày ông Phêrô tuyên xưng Chúa Giêsu là Đấng Kitô, Con
Thiên Chúa hằng sống, Chúa Giêsu “bắt đầu tỏ cho các môn đệ
biết, Người phải đi Giêrusalem, phải chịu nhiều đau khổ..., rồi bị
giết chết, và ngày thứ ba sẽ sống lại” (Mt 16,21). Ông Phêrô khước
từ lời loan báo đó³¹¹, các môn đệ khác cũng không hiểu gì hơn³¹².
Chính trong bối cảnh này, đã xảy ra biến cố kỳ diệu là cuộc Hiển
697, 2600 Dung của Chúa Giêsu³¹³ trên núi cao, trước mặt ba nhân chứng do
Người lựa chọn, là các ông Phêrô, Giacôbê và Gioan. Dung mạo và
y phục của Chúa Giêsu trở nên chói sáng, ông Môisen và ông Êlia
hiện ra đàm đạo với Người, “nói về cuộc xuất hành Người sắp hoàn

³⁰⁷ X. Mc 3,16; 9,2; Lc 24,34; 1 Cr 15,5.

³⁰⁸ X. 1 Pr 2,4.

³⁰⁹ X. Lc 22,32.

³¹⁰ X. Mt 18,18.

³¹¹ X. Mt 16,22-23.

³¹² X. Mt 17,23; Lc 9,45.

³¹³ X. Mt 17,1-8; 2 Pr 1,16-18.

thành tại Giêrusalem” (Lc 9,31). Một đám mây bao phủ các Ngài và có tiếng từ trời phán: “Đây là Con Ta, người đã được Ta tuyển chọn, hãy vâng nghe lời Người” (Lc 9,35). 444

555. Chúa Giêsu tỏ lộ vinh quang thần linh của mình trong chốc lát, và như vậy Người xác nhận lời tuyên xưng của ông Phêrô. Người cũng cho thấy rằng, để “vào trong vinh quang của Người” (Lc 24,26), Người phải đi qua thập giá tại Giêrusalem. Ông Môisen và ông Êlia đã thấy vinh quang của Thiên Chúa trên núi; Lê luật và các Tiên tri đã tiên báo những đau khổ của Đấng Messia³¹⁴. Cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu đúng là do ý muốn của Chúa Cha: Chúa Con hành động với tư cách là Người Tôi Trung của Thiên Chúa³¹⁵. Đám mây nói lên sự hiện diện của Chúa Thánh Thần: “Cả Ba Ngôi cùng xuất hiện, Chúa Cha trong tiếng nói, Chúa Con trong nhân tính của mình, Chúa Thánh Thần trong đám mây sáng chói”³¹⁶. 2576, 2583

“Lạy Chúa Kitô là Thiên Chúa, Chúa đã hiển dung trên núi và, tùy theo khả năng, các môn đệ Chúa chiêm ngưỡng vinh quang Chúa, để mai sau khi thấy Chúa chịu đóng đinh thập giá, họ hiểu rằng Chúa đã tự nguyện chịu khổ hình. Rồi họ sẽ loan báo cho thế giới biết Chúa chính là vinh quang Chúa Cha chiếu tỏa”³¹⁷.

556. Tại ngưỡng cửa đời sống công khai: phép rửa; tại ngưỡng cửa cuộc Vượt Qua: biến cố Hiển Dung. Qua phép rửa của Chúa Giêsu, “mâu nhiệm cuộc tái sinh lần thứ nhất” được loan báo: đó là bí tích Rửa Tội của chúng ta; Hiển Dung là “bí tích của cuộc tái sinh lần thứ hai”: đó là sự phục sinh riêng của chúng ta.³¹⁸ Ngay từ bây giờ, chúng ta được tham dự vào sự phục sinh của Chúa, nhờ Chúa Thánh Thần, Đấng hoạt động trong các bí tích của Thân Thể Chúa Kitô. Biến cố Hiển Dung cho chúng ta được nếm trước việc ngự đến trong vinh quang của Chúa Kitô, Đấng “sẽ biến đổi thân xác yếu hèn của chúng ta nên giống thân xác vinh hiển của Người” (Pl 3,21). Nhưng biến cố ấy cũng nhắc nhở chúng ta rằng: “Chúng ta phải chịu nhiều gian khổ mới được vào Nước Thiên Chúa” (Cv 14,22). 257

1003

³¹⁴ X. Lc 24,27.

³¹⁵ X. Is 42,1.

³¹⁶ Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, III, q. 45, a. 4, ad 2: Ed. Leon. 11, 433.

³¹⁷ *Phụng vụ Byzantin. Kontakion in die Transfigurationis: Menaia tou olou eniautou*, v. 6 (Romae 1901) 341.

³¹⁸ Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, III, q. 45, a. 4, ad 2: Ed. Leon. 11, 433.

“Khi ông Phêrô ước ao sống với Đức Kitô trên núi, ông chưa hiểu gì³¹⁹. Hỡi ông Phêrô, Chúa sẽ chỉ dành cho ông điều đó, sau khi chết. Còn hiện nay thì Chúa nói: Hãy xuống núi để chịu lao nhọc ở trần gian, để phục vụ ở trần gian, để chịu sỉ nhục, chịu đóng đinh ở trần gian. Đáng là Sự Sống, đã xuống để bị giết; Đáng là Bánh, đã xuống để chịu đói; Đáng là Đường, đã xuống để chịu mệt nhọc trên đường; Đáng là Nguồn Mạch, đã xuống để chịu khát; còn ông lại từ chối lao nhọc ư?”³²⁰.

Chúa Giêsu lên Giêrusalem

557. “Khi đã tới ngày Chúa Giêsu được rước lên trời, Người nhất quyết đi lên Giêrusalem” (Lc 9,51)³²¹. Qua quyết định này, Chúa Giêsu tỏ cho thấy Người lên Giêrusalem trong tư thế sẵn sàng để chịu chết ở đó. Người đã loan báo đến ba lần cuộc khổ nạn và Phục Sinh của Người³²². Khi tiến về Giêrusalem, Người nói: “Một ngôn sứ mà chết ngoài thành Giêrusalem thì không được!” (Lc 13,33).

558. Chúa Giêsu gọi lại cái chết của các Tiên tri, đã bị giết ở Giêrusalem³²³. Dù sao, Người vẫn khẩn khoản kêu gọi Giêrusalem quy tụ quanh Người: “Đã bao lần Ta muốn tập hợp con cái người lại, như gà mẹ tập hợp gà con dưới cánh, mà các người không chịu” (Mt 23,37b). Khi nhìn thấy Giêrusalem, Người khóc thương thành ấy³²⁴ và một lần nữa thốt lên ao ước của lòng Người: “Phải chi ngày hôm nay người cũng nhận ra những gì đem lại bình an cho người! Nhưng hiện giờ điều ấy còn bị che khuất, mắt người không thấy được” (Lc 19,42).

Chúa Giêsu vào thành Giêrusalem với tư cách là Đấng Messia

559. Giêrusalem sẽ đón nhận Đấng Messia của mình như thế nào? Chúa Giêsu, Đấng luôn trốn tránh mọi ý đồ của dân chúng muốn tôn Người làm vua³²⁵, đã chọn thời điểm và chuẩn bị kỹ lưỡng để tiến vào Giêrusalem, thành của “David, tổ tiên Người” (Lc 1,32) với tư cách là Đấng Messia³²⁶. Người được dân chúng hoan hô như con vua David, như Đấng mang lại ơn cứu độ (*Hosanna* có nghĩa là “xin

³¹⁹ X. Lc 9,23.

³²⁰ Thánh Augustinô, *Sermo* 78, 6: PL 38, 492-493.

³²¹ X. Ga 13,1.

³²² X. Mc 8,31-33; 9,31-32; 10,32-34.

³²³ X. Mt 23,37a.

³²⁴ X. Lc 19,41.

³²⁵ X. Ga 6,15.

³²⁶ X. Mt 21,1-11.

cứu”, “xin ban ơn cứu độ!”). Nhưng “Đức Vua vinh hiển” (Tv 24,7-10) lại “ngồi trên lưng lừa con” (Dcr 9,9) tiến vào thành: Người không chinh phục Thiếu nữ Sion, hình ảnh của Hội Thánh Người, bằng mưu mẹo hay bằng bạo lực, nhưng bằng sự khiêm tốn, là bằng chứng của sự thật³²⁷. Vì vậy, ngày hôm đó, thần dân của Nước Người là các trẻ em³²⁸ và “những người nghèo của Thiên Chúa”, họ tung hô Người giống như các Thiên thần đã loan báo Người cho các mục đồng³²⁹. Lời tung hô của họ: “Chúc tụng Đấng ngự đến nhân danh Chúa” (Tv 118,26) được Hội Thánh dùng lại trong kinh “Thánh! Thánh! Thánh!” để mở đầu phụng vụ Thánh Thể tưởng niệm cuộc Vượt Qua của Chúa. 333
1352

560. Việc Chúa Giêsu tiến vào thành Giêrusalem tỏ cho thấy Nước Thiên Chúa đang đến. Sự kiện đó, Đức Vua Messia sắp hoàn thành bằng cuộc Vượt Qua, là sự Chết và sự Sống lại của Người. Phụng vụ Hội Thánh khởi đầu Tuần Thánh bằng việc cử hành biến cố Chúa Giêsu tiến vào Giêrusalem, trong Chúa Nhật Lễ Lá. 550, 2816
1169

TÓM LƯỢC

561. “Cả cuộc đời của Đức Kitô là một giáo huấn liên tục: những lúc Người thinh lặng, các dấu lạ Người làm, việc Người cầu nguyện, tấm lòng yêu thương của Người đối với con người, sự quan tâm đặc biệt của Người đối với những người bé mọn và nghèo hèn, việc Người hoàn toàn chấp nhận hiến mình trên thập giá để cứu chuộc loài người, và cuối cùng việc Người sống lại, tất cả là sự thực hiện lời Người và sự hoàn tất Mạc Khải của Người”³³⁰.

562. Các môn đệ Đức Kitô phải nên giống Người cho tới khi Người được thành hình trong họ³³¹. “Chúng ta được thấu nhận vào các mâu nhiệm của cuộc đời Người, nên đồng hình đồng dạng với Người, cùng chết và cùng sống lại với Người, cho tới khi cùng cai trị với Người”³³².

563. Con người, hoặc mục đồng hoặc đạo sĩ, không thể gặp được Thiên Chúa ở trần gian này, nếu không quỳ xuống trước máng cỏ Bêlem và thờ lạy Thiên Chúa ẩn mình trong sự yếu đuối của một hài nhi.

³²⁷ X. Ga 18,37.

³²⁸ X. Mt 21,15-16; Tv 8,3.

³²⁹ X. Lc 19,38; 2,14.

³³⁰ ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Catechesi tradendae*, 9: AAS 71 (1979) 1284.

³³¹ X. Gl 4,19.

³³² CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 7: AAS 57 (1965) 10.

564. Chúa Giêsu, qua việc tuân phục Đức Maria và thánh Giuse, và qua việc lao động khiêm nhường trong những năm dài ở Nazareth, nêu gương thánh thiện cho chúng ta trong cuộc sống hằng ngày trong gia đình và trong việc lao động.

565. Chúa Giêsu, ngay từ lúc khởi đầu đời sống công khai của Người, lúc Người chịu phép rửa, là “Người Tôi Trung” hoàn toàn hiến thân cho công trình Cứu Độ, công trình này sẽ được hoàn tất trong “phép rửa” là cuộc khổ nạn của Người.

566. Các cơn cám dỗ trong hoang địa cho thấy Chúa Giêsu, Đấng Messia khiêm nhường, đã chiến thắng Satan nhờ việc Người gắn bó trọn vẹn với kế hoạch cứu độ theo ý muốn của Chúa Cha.

567. Đức Kitô đã khai mạc Nước Trời nơi trần gian. “Thật sự, Nước này chiếu sáng trước mặt mọi người qua lời nói, hành động và sự hiện diện của Chúa Kitô”³³³. Hội Thánh là hạt giống và điểm khởi đầu của Nước Trời. Chìa khóa Nước Trời được trao cho ông Phêrô.

568. Cuộc Hiến Dựng của Chúa Kitô nhằm mục đích củng cố đức tin của các Tông Đồ để chuẩn bị cho cuộc khổ nạn: việc leo lên “núi cao” chuẩn bị cho việc leo lên đồi Calvariô. Đức Kitô, Đầu của Hội Thánh, biểu lộ điều Thân Thể Người ao ước và là điều được phản ánh trong các bí tích: đó là “niềm hy vọng đạt tới vinh quang” (Cl 1,27)³³⁴.

569. Chúa Giêsu tự nguyện lên Giêrusalem dù biết rằng tại đây Người sẽ phải chết cách khổ nhục vì sự thù nghịch của những kẻ tội lỗi³³⁵.

570. Việc Chúa Giêsu tiến vào thành Giêrusalem cho thấy Nước Trời đang đến. Đức Vua Messia, mà trẻ em và những người có tâm hồn nghèo hèn nghênh đón, sẽ hoàn thành Nước Trời bằng cuộc Vượt Qua, là cái Chết và sự Sống lại của Người.

³³³ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 5: AAS 57 (1965) 7.

³³⁴ X. Thánh Lêô Cả, *Sermo* 51, 3: CCL 138A, 298-299 (PL 54, 310).

³³⁵ X. Dt 12,3.

Mục 4
Chúa Giêsu Kitô đã
“chịu nạn đời quan Phongtiô Philatô,
chịu đóng đinh trên cây thánh giá,
chết và táng xác”

Articulus 4
Iesus Christus est “passus sub Pontio Pilato,
crucifixus, mortuus, et sepultus”

571. Mầu nhiệm Vượt Qua, tức là mầu nhiệm thập giá và sự sống lại của Chúa Kitô, là trung tâm Tin Mừng mà các Tông Đồ, và sau các ngài là Hội Thánh, phải loan báo cho trần gian. Kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa được hoàn tất “một lần cho mãi mãi” (Dt 9,26) nhờ cái chết cứu chuộc của Con Thiên Chúa là Chúa Giêsu Kitô. 1067

572. Hội Thánh vẫn trung thành với cách giải thích toàn bộ Thánh Kinh mà chính Chúa Giêsu đã đưa ra trước cũng như sau cuộc Vượt Qua của Người³³⁶: “Nào Đấng Kitô lại chẳng phải chịu khổ hình như thế, rồi mới vào trong vinh quang của Người sao?” (Lc 24,26). Cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu đã xảy ra cụ thể trong lịch sử do việc Người đã “bị các kỳ mục, thượng tế cùng kinh sư loại bỏ” (Mc 8,31); và họ đã “nộp Người cho dân ngoại nhạo báng, đánh đòn và đóng đinh vào thập giá” (Mt 20,19). 599

573. Vì vậy đức tin có thể nỗ lực tìm hiểu kỹ càng các tình tiết về cái chết của Chúa Giêsu, được các sách Tin Mừng trung thành lưu truyền³³⁷ và được các nguồn lịch sử khác soi sáng, để hiểu rõ hơn ý nghĩa của công trình Cứu Chuộc. 158

³³⁶ X. Lc 24,27.44-45.

³³⁷ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 19: AAS 58 (1966) 826-827.

Tiết 1

Chúa Giêsu và Israel

Paraphus 1

IESUS ET ISRAEL

530 **574.** Ngay từ đầu sứ vụ công khai của Chúa Giêsu, những người
Pharisêu và nhóm Hêrôđê, cùng với các tư tế và kinh sư đã toa rập
với nhau để hại Người³³⁸. Vì một số hành động của Người (như trừ
quỷ^{2,339}, tha tội³⁴⁰, chữa bệnh ngày sabat³⁴¹, đưa ra những giải thích
riêng về sự thanh sạch theo pháp lý³⁴², thân thiện với những người
thu thuế và những kẻ tội lỗi công khai³⁴³), Chúa Giêsu bị một số
người có ý xấu nghi ngờ là Người bị quỷ ám³⁴⁴. Người bị tố cáo về
591 tội nói phạm thượng³⁴⁵, về tội làm tiên tri giả^{2,346}, về những tội thật
sự thuộc về tôn giáo mà Luật phạt tử hình bằng cách ném đá³⁴⁷.

575. Vì vậy, một số việc làm và lời nói của Chúa Giêsu đã là “dấu hiệu
cho người đời chống báng”³⁴⁸ đối với giới lãnh đạo tôn giáo tại
Giêrusalem, những người mà Tin Mừng thánh Gioan thường gọi là “người
Do Thái”³⁴⁹, hơn là đối với đại chúng dân Thiên Chúa³⁵⁰. Các liên hệ giữa
Chúa Giêsu với nhóm Pharisêu không phải chỉ là bất đồng. Một số người
Pharisêu đã báo cho Người biết mối nguy hiểm đang đe dọa Người³⁵¹.
Chúa Giêsu ca tụng một số người trong họ, ví dụ như vị kinh sư nói trong
Mc 12,34, và nhiều lần Người đã dùng bữa tại nhà những người
993 Pharisêu³⁵². Chúa Giêsu xác nhận những giáo lý chung trong nhóm tôn
giáo ưu tú này của dân Chúa: việc kẻ chết sống lại³⁵³, các hình thức đạo

³³⁸ X. Mc 3,6.

³³⁹ X. Mt 12,24.

³⁴⁰ X. Mc 2,7.

³⁴¹ X. Mc 3,1-6.

³⁴² X. Mc 7,14-23.

³⁴³ X. Mc 2,14-17.

³⁴⁴ X. Mc 3,22; Ga 8,48; 10,20.

³⁴⁵ X. Mc 2,7; Ga 5,18; 10,33.

³⁴⁶ X. Ga 7,12; 7,52.

³⁴⁷ X. Ga 8,59; 10,31.

³⁴⁸ X. Lc 2,34.

³⁴⁹ X. Ga 1,19; 2,18; 5,10; 7,13; 9,22; 18,12; 19,38; 20,19.

³⁵⁰ X. Ga 7,48-49.

³⁵¹ X. Lc 13,31.

³⁵² X. Lc 7,36; 14,1.

³⁵³ X. Mt 22,23-34; Lc 20,39.

đức (bố thí, ăn chay và cầu nguyện)³⁵⁴, và thói quen gọi Thiên Chúa là Cha, tính chất trung tâm của giới răn mến Chúa yêu người³⁵⁵.

576. Đối với nhiều người Israel, Chúa Giêsu xem ra hành động nghịch với những định chế căn bản của dân Chúa chọn. Người có vẻ như:

- chống lại việc tuân phục Lễ luật, trong toàn bộ các giới luật thành văn, và đối với nhóm Pharisêu, trong việc giải thích truyền khẩu;
- chống lại vị trí trung tâm của Đền thờ Giêrusalem, xét như nơi thánh, nơi duy nhất Thiên Chúa lưu ngụ;
- chống lại Đức tin vào Thiên Chúa duy nhất, Đấng không ai có thể được tham dự vào vinh quang của Ngài.

I. CHÚA GIÊSU VÀ LỄ LUẬT

IESUS ET LEX

577. Khởi đầu Bài giảng trên núi, Chúa Giêsu đưa ra một giáo huấn long trọng trong đó Người trình bày Lễ luật, đã được Thiên Chúa ban tại Sinai dịp Giao Ước đầu tiên, dưới ánh sáng của ân sủng của Giao Ước Mới: 1965

“Anh em đừng tưởng Thầy đến để bãi bỏ Luật Môisen hoặc lời các ngôn sứ. Thầy đến không phải là để bãi bỏ, nhưng là để kiện toàn. Vì, Thầy bảo thật anh em, trước khi trời đất qua đi, thì một chấm một phết trong Lễ luật cũng sẽ không qua đi, cho đến khi mọi sự được hoàn thành. Vậy ai bãi bỏ dù chỉ là một trong những điều răn nhỏ nhất ấy, và dạy người ta làm như thế, thì sẽ bị gọi là kẻ nhỏ nhất trong Nước Trời. Còn ai tuân hành, và dạy làm như thế, thì sẽ được gọi là lớn trong Nước Trời” (Mt 5,17-19). 1967

578. Chúa Giêsu, Đấng Messia của Israel, do đó là người lớn nhất trong Nước Trời, đã phải chu toàn Lễ luật, khi tuân giữ toàn bộ Lễ luật, theo chính lời Người nói, cho đến cả những điều răn nhỏ nhất. Nói cho đúng, chính Người là Đấng duy nhất đã có thể làm điều này một cách trọn hảo³⁵⁶. Những người Do Thái, theo chính họ thú nhận, đã không bao giờ có thể chu toàn trọn bộ Lễ luật mà không vi phạm một điều răn nhỏ nhất nào³⁵⁷. Vì vậy trong lễ Xá Tội hằng năm, con cái Israel cầu xin Thiên Chúa tha thứ cho những lỗi phạm Lễ luật của họ. Thật vậy, Lễ luật tạo thành một 1953

³⁵⁴ X. Mt 6,2-18.

³⁵⁵ X. Mc 12,28-34.

³⁵⁶ X. Ga 8,46.

³⁵⁷ X. Ga 7,19; Cv 13,38-41; 15,10.

tổng thể và, như thánh Giacôbê nhắc nhở, “ai tuân giữ tất cả Lê luật, mà chỉ sa ngã về một điểm thôi, thì cũng thành người có tội về hết mọi điểm” (Gc 2,10)³⁵⁸.

579. Những người Pharisiêu rất trọng nguyên tắc tuân giữ toàn bộ Lê luật, không những chỉ theo văn tự, mà cả theo tinh thần nữa. Khi nêu nguyên tắc đó cho Israel, họ đã dẫn đưa nhiều người Do Thái thời Chúa Giêsu tới việc hết sức nhiệt thành giữ đạo³⁵⁹. Điều này, nếu không bị phá huỷ do việc xét đoán mọi sự cách “giả hình”³⁶⁰, thì nhất định đã chuẩn bị cho dân hướng tới sự can thiệp chưa từng thấy của Thiên Chúa, là việc thi hành trọn vẹn Lê luật sẽ được hoàn thành bởi Đấng Công Chính duy nhất thay cho mọi tội nhân³⁶¹.

527 **580.** Việc chu toàn Lê luật cách trọn hảo chỉ có thể được thực hiện bởi Đấng ban hành Lê luật của Thiên Chúa, là Ngôi Con, được sinh ra dưới Lê luật³⁶². Nơi Chúa Giêsu, Lê luật không còn được ghi trên bia đá nữa, nhưng “vào lòng dạ” và “vào tâm khảm” (Gr 31,33) của Người Tội Trung, là người, vì đã “trung thành làm sáng tỏ công lý” (Is 42,3), nên được đặt làm “Giao Ước với dân” (Is 42,6). Chúa Giêsu chu toàn Lê luật cho đến độ đảm nhận trên mình “lời nguyện rửa của Lê luật”³⁶³ mà những ai “không bền chí thi hành tất cả những gì được chép trong sách Luật” đã chuốc lấy³⁶⁴, bởi vì Đức Kitô đã chịu chết “mà chuộc tội lỗi người ta đã phạm trong thời Giao Ước Cũ” (Dt 9,15).

2054 **581.** Trước mắt người Do Thái và các nhà lãnh đạo tinh thần của họ, Chúa Giêsu xuất hiện như một “kinh sư”³⁶⁵. Người thường tranh luận về cách giải thích Lê luật của các kinh sư³⁶⁶. Nhưng đồng thời, Chúa Giêsu tất yếu phải đối đầu với những tiến sĩ Luật bởi vì khi trình bày cách giải thích của mình, Người không tự giới hạn trong những cách giải thích của họ; “vì Người giảng dạy như một Đấng có thẩm quyền, chứ không như các kinh sư của họ” (Mt 7,28-29). Nơi Người, cùng một Lời của Thiên Chúa đã từng vang lên trên núi Sinai để ban hành Lê luật được ghi khắc cho ông Môisen, nay lại vang dội trên núi Bát Phúc³⁶⁷. Đấng là Ngôi Lời không bãi bỏ, nhưng kiện toàn Lê luật, bằng cách đưa ra lời giải thích tối hậu

³⁵⁸ X. Gl 3,10; 5,3.

³⁵⁹ X. Rm 10,2.

³⁶⁰ X. Mt 15,3-7; Lc 11,39-54.

³⁶¹ X. Is 53,11; Dt 9,15.

³⁶² X. Gl 4,4.

³⁶³ X. Gl 3,13.

³⁶⁴ X. Gl 3,10.

³⁶⁵ X. Ga 11,28; 3,2; Mt 22,23-24.34-36.

³⁶⁶ X. Mt 12,5; 9,12; Mc 2,23-27; Lc 6,6-9; Ga 7,22-23.

³⁶⁷ X. Mt 5,1.

với một uy quyền thần linh: “Anh em còn nghe Luật dạy người xưa rằng... Còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết” (Mt 5,33-34). Chính Người, với cùng một thẩm quyền thần linh ấy, phủ nhận một số “truyền thống của người phàm”³⁶⁸ (Mc 7,8) của nhóm Phariseu, vì những truyền thống đó hủy bỏ Lời Thiên Chúa³⁶⁹.

582. Đi xa hơn nữa, Chúa Giêsu còn kiện toàn Lễ luật về sự thanh sạch của các thức ăn, một điều hết sức quan trọng trong cuộc sống hằng ngày của người Do Thái, khi Người cho thấy ý nghĩa “quản giáo” của luật ấy³⁷⁰ bằng lời giải thích thần linh: “Bất cứ cái gì từ bên ngoài vào trong con người, thì không thể làm cho con người ra ô uest... Như vậy là Người tuyên bố mọi thức ăn đều thanh sạch... Cái gì từ trong con người xuất ra, cái đó mới làm cho con người ra ô uest. Vì từ bên trong, từ lòng người, phát xuất những ý định xấu” (Mc 7,18-21). Khi lấy thẩm quyền thần linh mà đưa ra lời giải thích tối hậu về Lễ luật, Chúa Giêsu ở trong tình thế đối nghịch với một số kinh sư không chấp nhận lời giải thích của Người, mặc dù lời giải thích này được củng cố bằng những dấu lạ thần linh kèm theo³⁷¹. Điều này đặc biệt đúng, trong vấn đề ngày sabat. Chúa Giêsu thường dựa trên chính lập luận của các kinh sư³⁷², để nhắc nhở rằng luật nghỉ ngơi ngày sabat không bị vi phạm khi phục vụ Thiên Chúa³⁷³ hay phục vụ người lân cận³⁷⁴, như trường hợp các lần Người chữa lành.

II. CHÚA GIÊSU VÀ ĐỀN THỜ

IESUS ET TEMPLUM

583. Chúa Giêsu, cũng như các Tiên tri trước Người, tỏ lòng tôn kính rất sâu xa đối với Đền thờ Giêrusalem. Ở đó, Người đã được thánh Giuse và Đức Maria tiến dâng, bốn mươi ngày sau khi Người ra đời³⁷⁵. Lúc mười hai tuổi, Người quyết định ở lại trong Đền thờ để nhắc cha mẹ Người nhớ rằng Người phải lo việc của Cha Người³⁷⁶. Trong quãng đời ẩn dật của Người, Người đều lên Đền thờ mỗi năm ít nhất để mừng lễ Vượt Qua³⁷⁷; thừa tác vụ công khai của Người được đánh dấu như theo nhịp điệu những lần Người

³⁶⁸ X. Mc 7,8.

³⁶⁹ X. Mc 7,13.

³⁷⁰ X. Gl 3,24.

³⁷¹ X. Ga 5,36; 10,25.37-38; 12,37.

³⁷² X. Mc 2,25-27; Ga 7,22-24.

³⁷³ X. Mt 12,5; Ds 28,9.

³⁷⁴ X. Lc 13,15-16; 14,3-4.

³⁷⁵ X. Lc 2,22-39.

³⁷⁶ X. Lc 2,46-49.

³⁷⁷ X. Lc 2,41.

hành hương lên Giêrusalem vào những dịp lễ lớn của người Do Thái³⁷⁸.

2599 **584.** Chúa Giêsu lên Đền thờ với tính cách là đến một nơi để gặp gỡ Thiên Chúa. Đối với Người, Đền thờ là nhà của Cha Người, nhà cầu nguyện, và Người phẫn nộ bởi vì tiền đường Đền thờ đã trở thành nơi buôn bán³⁷⁹. Sở dĩ Người xua đuổi những kẻ buôn bán ra khỏi Đền thờ, đó là vì lòng yêu mến nhiệt thành đối với Cha Người: “Đừng biến nhà Cha tôi thành nơi buôn bán. Các môn đệ của Người nhớ lại lời đã chép trong Thánh Kinh: ‘Vì nhiệt tâm lo việc nhà Chúa, mà con phải thiệt thân’ (Tv 69,10)” (Ga 2,16-17). Sau khi Người phục sinh, các Tông Đồ vẫn giữ một lòng tôn kính đạo hạnh đối với Đền thờ³⁸⁰.

585. Tuy nhiên, ngay trước cuộc khổ nạn của Người, Chúa Giêsu đã tiên báo sự sụp đổ của công trình kiến trúc nguy nga ấy, tại đó sẽ không còn tảng đá nào nằm trên tảng đá nào³⁸¹. Người loan báo sự việc ấy như là một dấu chỉ của thời đại sau cùng, thời đại được khai mở bằng cuộc Vượt Qua của Người³⁸². Nhưng lời tiên báo đó đã bị những kẻ làm chứng gian bóp méo khi được thuật lại trong cuộc thẩm vấn Người trước mặt vị thượng tế³⁸³. Người ta còn dùng lời ấy để nhục mạ Người khi Người bị đóng đinh trên thập giá³⁸⁴.

797 **586.** Chúa Giêsu không hề có thái độ thù nghịch Đền thờ³⁸⁵, chính tại đó Người đã giảng dạy một phần giáo huấn quan trọng của Người³⁸⁶, Người đã muốn nộp thuế Đền thờ cho mình và cho ông Phêrô³⁸⁷ mà Người vừa mới đặt làm nền tảng cho Hội Thánh tương lai của Người³⁸⁸. Hơn nữa, Người tự đồng hóa mình với Đền thờ khi tự giới thiệu mình là nơi ở vĩnh viễn của Thiên Chúa giữa loài người³⁸⁹. Chính vì vậy mà việc thân thể Người bị sát hại³⁹⁰ loan báo việc Đền thờ bị phá hủy, điều đó cho thấy lịch sử cứu độ đã bước vào một thời đại mới: “Đã đến giờ các người sẽ thờ phượng

³⁷⁸ X. Ga 2,13-14; 5,1.14; 7,1.10.14; 8,2; 10,22-23.

³⁷⁹ X. Mt 21,23.

³⁸⁰ X. Cv 2,46; 3,1; 5,20-21; v.v....

³⁸¹ X. Mt 24,1-2.

³⁸² X. Mt 24,3; Lc 13,35.

³⁸³ X. Mc 14,57-58.

³⁸⁴ X. Mt 27,39-40.

³⁸⁵ X. Mt 8,4; 23,21; Lc 17,14; Ga 4,22.

³⁸⁶ X. Ga 18,20.

³⁸⁷ X. Mt 17,24-27.

³⁸⁸ X. Mt 16,18.

³⁸⁹ X. Ga 2,21; Mt 12,6.

³⁹⁰ X. Ga 2,18-22.

Chúa Cha, không phải trên núi này hay tại Giêrusalem” 1179
(Ga 4,21)³⁹¹.

III. CHÚA GIÊSU VÀ ĐỨC TIN CỦA ISRAEL VÀO THIÊN CHÚA DUY NHẤT VÀ LÀ Đấng CỨU ĐỘ IESUS ET FIDES ISRAEL IN DEUM UNICUM ET SALVATOREM

587. Nếu Lễ luật và Đền thờ Giêrusalem đã có thể là cơ để giới cầm quyền tôn giáo Israel “chống báng”³⁹² Chúa Giêsu, thì nhiệm vụ của Người trong công trình Cứu Chuộc các tội nhân, một công trình tuyệt hảo của Thiên Chúa, mới thật sự là viên đá gây vấp phạm đối với họ³⁹³.

588. Chúa Giêsu đã là cơ vấp phạm (scandalum) cho những người Pharisêu, khi Người dùng bữa với những người thu thuế và tội lỗi³⁹⁴ một cách rất thân mật, giống như với chính họ³⁹⁵. Chống lại những người “tự hào cho mình là công chính mà khinh chê người khác” (Lc 18,9)³⁹⁶, Chúa Giêsu xác quyết: “Tôi không đến để kêu gọi người công chính, mà để kêu gọi người tội lỗi sám hối ăn năn” (Lc 5,32). Người còn đi xa hơn nữa, khi tuyên bố trước mặt nhóm Pharisêu rằng, mọi người đều có tội³⁹⁷, cho nên ai tự cho mình là không cần được cứu độ, là người đui mù về chính bản thân mình³⁹⁸. 545

589. Chúa Giêsu đã là cơ vấp phạm đặc biệt bởi vì Người đã đồng hóa cách xử sự nhân từ của Người đối với các tội nhân, với cách xử sự của chính Thiên Chúa đối với họ³⁹⁹. Người còn đi đến chỗ muốn cho người ta hiểu rằng, qua việc Người đồng bàn với các tội nhân⁴⁰⁰, Người đón nhận những người đó vào bàn tiệc của Đấng Messia⁴⁰¹. Nhưng đặc biệt khi Người tha tội, Chúa Giêsu đã đặt các nhà cầm quyền tôn giáo của Israel trước một tình thế tiến thoái lưỡng nan. Họ đã chẳng sững sốt nói rất đúng sao: “Ai có quyền tha tội, ngoài một mình Thiên Chúa?” (Mc 2,7)? Chúa Giêsu, khi Người tha tội, thì hoặc là Người nói phạm thượng, bởi vì là người mà dám coi mình ngang hàng với Thiên Chúa⁴⁰², hoặc là Người nói 431, 1441

³⁹¹ X. Ga 4,23-24; Mt 27,51; Dt 9,11; Kh 21,22.

³⁹² X. Lc 2,34.

³⁹³ X. Lc 20,17-18; Tv 118,22.

³⁹⁴ X. Lc 5,30.

³⁹⁵ X. Lc 7,36; 11,37; 14,1.

³⁹⁶ X. Ga 7,49; 9,34.

³⁹⁷ X. Ga 8,33-36.

³⁹⁸ X. Ga 9,40-41.

³⁹⁹ X. Mt 9,13; Os 6,6.

⁴⁰⁰ X. Lc 15,1-2.

⁴⁰¹ X. Lc 15,23-32.

⁴⁰² X. Ga 5,18; 10,33.

đúng, thì như vậy, Con Người của Người làm hiện diện và mạc
432 khải thánh Danh của Thiên Chúa⁴⁰³.

590. Chỉ có căn tính thần linh của Con Người Giêsu mới có thể
biện minh cho một đòi hỏi tuyệt đối thế này: “Ai không đi với tôi,
là chống lại tôi” (Mt 12,30); cũng vậy, khi Người nói về mình: “Đây
thì còn hơn ông Giônã nữa. ..., còn hơn vua Salômôn nữa” (Mt
12,41-42), hoặc lớn hơn cả Đền thờ⁴⁰⁴, Người cũng nói về mình, khi
nhắc lại lời vua David đã gọi Đấng Messia là Chúa của ông⁴⁰⁵; khi
Người xác quyết: “Trước khi có ông Abraham, thì tôi, Tôi Hằng
253 Hữu” (Ga 8,58); thậm chí Người còn nói: “Tôi và Chúa Cha là một”
(Ga 10,30).

591. Chúa Giêsu yêu cầu các nhà cầm quyền tôn giáo ở Giêrusalem
hãy tin vào Người vì những công việc của Cha Người mà Người đã
thực hiện⁴⁰⁶. Nhưng hành vi đức tin như vậy đòi phải chết đối với
bản thân, để được “sinh ra một lần nữa bởi ơn trên”⁴⁰⁷ với sự lôi
526 kéo của ân sủng của Thiên Chúa⁴⁰⁸. Một đòi hỏi hối cải triệt để
như vậy khi đứng trước sự thực hiện các lời hứa cách lạ lùng⁴⁰⁹
giúp chúng ta hiểu được sự sai lầm bi thảm của Thượng Hội Đồng
khi phán quyết Chúa Giêsu đáng phải chết vì là kẻ nói phạm
thượng⁴¹⁰. Như vậy các thành viên của Thượng Hội Đồng đã hành
574 động vừa do “không biết việc họ làm”⁴¹¹, vừa vì sự chai đá cứng
lòng⁴¹² không chịu tin⁴¹³.

TÓM LƯỢC

592. *Chúa Giêsu không bãi bỏ nhưng làm cho nên trọn⁴¹⁴ cách hết sức hoàn hảo⁴¹⁵ Lễ luật Sinai: Người đã mạc khải ý nghĩa tối hậu của Lễ luật⁴¹⁶ và chuộc lại các vi phạm Lễ luật.⁴¹⁷*

⁴⁰³ X. Ga 17,6.26.

⁴⁰⁴ X. Mt 12,6.

⁴⁰⁵ X. Mc 12,36-37.

⁴⁰⁶ X. Ga 10,36-38.

⁴⁰⁷ X. Ga 3,7.

⁴⁰⁸ X. Ga 6,44.

⁴⁰⁹ X. Is 53,1.

⁴¹⁰ X. Mc 3,6; Mt 26,64-66.

⁴¹¹ X. Lc 23,34; Cv 3,17-18.

⁴¹² X. Mc 3,5; Rm 11,25.

⁴¹³ X. Rm 11,20.

⁴¹⁴ X. Mt 5,17-19.

⁴¹⁵ X. Ga 8,46.

⁴¹⁶ X. Mt 5,33.

⁴¹⁷ X. Dt 9,15.

593. Chúa Giêsu tôn trọng Đền thờ: Người lên Đền thờ vào những dịp lễ hành hương của người Do Thái và Người yêu mến với một tình yêu tha thiết nơi Thiên Chúa ở giữa loài người. Đền thờ báo trước mâu nhiệm của Người. Người loan báo sự sụp đổ của Đền thờ, như một biểu hiện việc chính Người sẽ bị giết và việc lịch sử cứu độ bước vào một thời đại mới trong đó Thân Thể Người sẽ là Đền thờ vĩnh viễn.

594. Chúa Giêsu làm những hành vi, như việc tha tội, biểu lộ rằng Người là chính Thiên Chúa Cứu Độ⁴¹⁸. Một số người Do Thái, không nhận biết Chúa Giêsu là Thiên Chúa làm người⁴¹⁹, chỉ thấy Người là một phạm nhân mà lại tự cho mình là Thiên Chúa⁴²⁰, nên đã kết án Người là kẻ nói phạm thượng.

Tiết 2

Chúa Giêsu “chịu đóng đinh trên cây thánh giá, chết”

Paragraphus 2

Jesus mortuus est crucifixus

I. VỤ ÁN CHÚA GIÊSU

IESU PROCESSUS

Những chia rẽ giữa các nhà cầm quyền Do Thái về Chúa Giêsu

595. Giữa các nhà cầm quyền tôn giáo ở Giêrusalem, không kể ông Nicôdêmo thuộc nhóm Pharisiêu⁴²¹ và ông Giuse, người Arimathêa, một nhân vật quyền thế, cả hai là những môn đệ âm thầm của Chúa Giêsu⁴²², nhưng từ lâu những người khác đã có sự bất đồng với nhau về Người⁴²³, đến độ, hôm trước cuộc khổ nạn, thánh Gioan đã có thể nói: “Ngay cả trong giới lãnh đạo Do thái, cũng có nhiều người đã tin vào Chúa Giêsu. Nhưng họ không dám xưng ra, vì sợ bị nhóm Pharisiêu khai trừ khỏi Hội Đường” (Ga 12,42). Điều này hoàn toàn không có gì lạ nếu chúng ta lưu ý rằng ngay sau lễ Ngũ Tuần, “cũng có một đám rất đông các tư tế đón

⁴¹⁸ X. Ga 5,16-18.

⁴¹⁹ X. Ga 1,14.

⁴²⁰ X. Ga 10,33.

⁴²¹ X. Ga 7,50.

⁴²² X. Ga 19,38-39.

⁴²³ X. Ga 9,16-17; 10,19-21.

nhận đức tin” (Cv 6,7) và “có những người thuộc phái Phariseu đã trở thành tín hữu” (Cv 15,5), đến độ thánh Giacôbê đã có thể nói với thánh Phaolô rằng: “Thưa anh, anh thấy có hàng vạn người Do thái đã tin theo, và tất cả đều nhiệt thành đối với luật Môisen” (Cv 21,20).

1753 **596.** Các nhà cầm quyền tôn giáo ở Giêrusalem đã không nhất trí với nhau về cách xử sự đối với Chúa Giêsu⁴²⁴. Nhóm Phariseu dọa khai trừ những ai đi theo Người⁴²⁵. Với những ai sợ rằng “mọi người sẽ tin vào ông ấy, rồi người Rôma sẽ đến phá hủy cả nơi thánh của ta lẫn dân tộc ta!” (Ga 11,48), thượng tế Caipha đã đề nghị bằng lời tiên tri: “Các ông cũng chẳng nghĩ đến điều lợi cho các ông là: thà một người chết thay cho dân còn hơn là toàn dân bị tiêu diệt” (Ga 11,49-50). Thượng Hội Đồng tuyên bố Chúa Giêsu đáng phải chết⁴²⁶ vì tội nói phạm thượng, nhưng vì đã mất quyền tuyên án tử hình⁴²⁷, nên họ đã nộp Chúa Giêsu cho người Rôma và tố cáo Người về tội nổi loạn chính trị⁴²⁸, điều đó khiến Người bị liệt đồng hàng với Barabbas, một người bị tống ngục “vì một vụ bạo động” (Lc 23,19). Các thượng tế cũng đưa ra những lời đe dọa mang tính chất chính trị để buộc quan Philatô kết án tử hình Chúa Giêsu⁴²⁹.

Người Do Thái không có tội một cách tập thể về cái chết của Chúa Giêsu

1735 **597.** Xét đến tính chất phức tạp về mặt lịch sử của vụ án Chúa Giêsu, được biểu lộ trong các trình thuật của các sách Tin Mừng, và bất cứ tội cá nhân nào của những người tham gia vụ án này (Giuda, Thượng Hội Đồng, Philatô) chỉ mình Thiên Chúa biết, nên chúng ta không thể quy trách nhiệm cho mọi người Do thái ở Giêrusalem, mặc dù đã có những tiếng la ó của đám đông bị lừa gạt⁴³⁰, và những lời trách cứ tập thể trong các bài giảng kêu gọi hối cải sau lễ Ngũ Tuần⁴³¹. Chính Chúa Giêsu trên thập giá đã tha thứ cho họ⁴³², và sau Người, thánh Phêrô cũng coi những người Do thái ở Giêrusalem và cả các thủ lãnh của họ là đã hành động vì “không hiểu biết”⁴³³. Càng không được mở rộng trách nhiệm đến những người Do thái ở những nơi chốn khác và thời đại khác, căn cứ vào tiếng la ó của dân chúng: “Máu hấn cứ đổ xuống đầu chúng

⁴²⁴ X. Ga 9,16; 10,19.

⁴²⁵ X. Ga 9,22.

⁴²⁶ X. Mt 26,66.

⁴²⁷ X. Ga 18,31.

⁴²⁸ X. Lc 23,2.

⁴²⁹ X. Ga 19,12.15.21.

⁴³⁰ X. Mc 15,11.

⁴³¹ X. Cv 2,23.36; 3,13-14; 4,10; 5,30; 7,52; 10,39; 13,27-28; 1 Tx 2,14-15.

⁴³² X. Lc 23,34.

⁴³³ X. Cv 3,17.

tôi và con cháu chúng tôi” (Mt 27,25), vì đây chỉ là một công thức thừa nhận bản án⁴³⁴. Vì vậy, Hội Thánh đã tuyên bố tại Công đồng Vaticanô II:

“Không thể quy trách nhiệm một cách không phân biệt về những tội ác người ta đã phạm trong cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu cho mọi người Do thái thời đó, cũng như cho người Do thái thời nay... Không thể nói rằng Thiên Chúa đã loại bỏ người Do thái hoặc đã chúc dữ cho họ, coi đó như là điều được dạy trong Thánh Kinh”⁴³⁵.

839

Mọi tội nhân đều là tác giả của cuộc khổ nạn của Đức Kitô

598. Trong giáo huấn đức tin của mình và trong chứng từ của các Thánh, Hội Thánh không bao giờ quên chân lý này: “Các tội nhân là những tác giả và tác viên của mọi cực hình mà Đức Kitô đã phải chịu”⁴³⁶. Xét vì tội lỗi của chúng ta xúc phạm đến chính Đức Kitô⁴³⁷, Hội Thánh không ngần ngại quy trách nhiệm tối đa về các cực hình Chúa Giêsu phải chịu cho các Kitô hữu, một trách nhiệm mà họ rất thường trút trên một mình người Do thái:

“Chúng ta phải coi những kẻ thường xuyên sa ngã trong tội lỗi là những người đã phạm lỗi tầy trời ấy. Bởi lẽ tội lỗi của chúng ta đã làm Chúa Kitô phải chịu khổ hình thập giá, nên chắc chắn, chính những ai chìm đắm trong gian tà và tội ác, là những người đã tự tay đóng đinh Con Thiên Chúa vào thập giá một lần nữa và đã công khai sỉ nhục Người. Quả thật, có thể thấy rằng như vậy tội ác của chúng ta là nặng nề hơn của người Do thái, vì những người này, theo thánh Tông Đồ, ‘nếu biết, họ đã chẳng đóng đinh Chúa hiển vinh vào thập giá’ (1 Cr 2,8); còn chúng ta, chúng ta tuyên xưng rằng chúng ta biết Người, nên khi chúng ta chối bỏ Người bằng hành động, thì một cách nào đó coi như chúng ta đã ra tay tàn nhẫn giáng trên Người”⁴³⁸.

1851

“Và ma quỷ cũng không đóng đinh Người vào thập giá, nhưng chính bạn cùng với chúng đã đóng đinh Người, và bạn còn đóng đinh Người bằng cách hưởng lạc thú trong các nét xấu và tội lỗi”⁴³⁹.

⁴³⁴ X. Cv 5,28; 18,6.

⁴³⁵ CD Vaticanô II, Tuyên ngôn *Nostra aetate*, 4: AAS 58 (1966) 743.

⁴³⁶ *Catechismus Romanus*, 1, 5, 11: ed. P. Rodriguez (Città del Vaticano-Pamplona 1989) 64. x. Dt 12,3.

⁴³⁷ X. Mt 25,45; Cv 9,4-5.

⁴³⁸ *Catechismus Romanus*, 1, 5, 11: ed. P. Rodriguez (Città del Vaticano-Pamplona 1989) 64.

⁴³⁹ Thánh Phanxicô Assisi, *Admonitio*, 5,3: *Opuscula sancti Patris Francisci Assisiensis*, ed. C. Esser (Grottaferrata 1978) 66.

II. CÁI CHẾT CỨU CHUỘC CỦA ĐỨC KITÔ TRONG KẾ HOẠCH CỨU ĐỘ CỦA THIÊN CHÚA MORS REDEMPTIVA CHRISTI IN DIVINO SALUTIS CONSILIO

“Chúa Giêsu bị nộp theo kế hoạch Thiên Chúa đã định”

517 **599.** Cái chết tàn nhẫn của Chúa Giêsu không phải là kết quả ngẫu nhiên do sự kết hợp của những tình huống bất hạnh. Cái chết đó thuộc về mầu nhiệm của kế hoạch của Thiên Chúa, như thánh Phêrô giải thích cho người Do thái ở Giêrusalem ngay từ bài giảng đầu tiên trong ngày lễ Ngũ Tuần: Người đã bị nộp “theo kế hoạch Thiên Chúa đã định và biết trước” (Cv 2,23). Thánh Kinh nói như vậy không có nghĩa là những kẻ đã “nộp Chúa Giêsu”⁴⁴⁰ chỉ là những người thụ động làm theo một kịch bản do Thiên Chúa viết trước.

312 **600.** Đối với Thiên Chúa mọi thời điểm trong tính thời sự của nó đều là hiện tại. Vì vậy, chính Thiên Chúa thiết lập kế hoạch “tiền định” vĩnh cửu của Ngài, Ngài bao gồm trong kế hoạch ấy lời đáp trả tự do của mỗi người đối với ân sủng của Ngài: “Đúng vậy, Hêrôđê, Phongxiô Philatô, cùng với chư dân và dân Israel đã toa rập trong thành này, chống lại tôi tớ thánh của Ngài là Chúa Giêsu, Đấng Ngài đã xức dầu⁴⁴¹. Như thế họ đã thực hiện tất cả những gì quyền năng và ý muốn của Ngài đã định trước” (Cv 4,27-28). Thiên Chúa cho phép xảy ra những hành vi xuất phát từ sự mù quáng của họ⁴⁴², để hoàn thành kế hoạch cứu độ của Ngài⁴⁴³.

Đức Kitô “đã chết vì tội lỗi chúng ta theo như lời Thánh Kinh”

652 **601.** Kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa về việc “Người Tội Trung
173 Công Chính” bị giết⁴⁴⁴ đã được báo trước trong Thánh Kinh như một mầu nhiệm Cứu Chuộc phổ quát, nghĩa là, giải thoát người ta khỏi ách nô lệ tội lỗi⁴⁴⁵. Thánh Phaolô, trong lời tuyên xưng đức tin mà ngài nói mình đã “lãnh nhận”⁴⁴⁶, tuyên xưng rằng “Đức Kitô đã chết vì tội lỗi chúng ta *đúng như lời Thánh Kinh*” (1 Cr 15,3)⁴⁴⁷. Sự chết mang lại ơn cứu chuộc của Đức Kitô hoàn thành

⁴⁴⁰ X. Cv 3,13.

⁴⁴¹ X. Tv 2,1-2.

⁴⁴² X. Mt 26,54; Ga 18,36; 19,11.

⁴⁴³ X. Cv 3,17-18.

⁴⁴⁴ X. Is 53,11; Cv 3,14.

⁴⁴⁵ X. Is 53,11-12; Ga 8,34-36.

⁴⁴⁶ X. 1 Cr 15,3.

⁴⁴⁷ X. Cv 3,18; 7,52; 13,29; 26,22-23.

một cách đặc biệt lời tiên tri về Người Tôi trung đau khổ⁴⁴⁸. Chính Chúa Giêsu đã trình bày ý nghĩa cuộc đời và sự chết của Người dưới ánh sáng về Người Tôi trung đau khổ⁴⁴⁹. Sau khi Người sống lại, Người đã giải thích Thánh Kinh như vậy cho các môn đệ Emmaus⁴⁵⁰, rồi cho chính các Tông Đồ⁴⁵¹.

“Thiên Chúa đã biến Người thành hiện thân của tội lỗi vì chúng ta”

602. Chính vì thế thánh Phêrô có thể diễn tả đức tin tông truyền về kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa như sau: “Anh em đã được cứu thoát khỏi lối sống phù phiếm do cha ông anh em truyền lại. Nhưng anh em đã được cứu chuộc nhờ bửu huyết của Con Chiên vẹn toàn, vô tì tích, là Đức Kitô. Người là Đấng Thiên Chúa đã biết từ trước, khi vũ trụ chưa được dựng nên, và Người đã xuất hiện vì anh em trong thời cuối cùng này” (1 Pr 1,18-20). Các tội người ta phạm, tiếp theo sau tội tổ tông, khiến người ta phải chết⁴⁵². Khi sai Con Một của Ngài đến trong thân phận tội tở⁴⁵³, tức là trong thân phận loài người đã sa ngã và tất phải chết vì tội lỗi⁴⁵⁴, “Đấng chẳng hề biết tội là gì, thì Thiên Chúa đã biến Người thành hiện thân của tội lỗi vì chúng ta, để làm cho chúng ta nên công chính trong Người” (2 Cr 5,21). 400 519

603. Vì không phạm tội, Chúa Giêsu không bao giờ biết đến việc bị Thiên Chúa loại bỏ⁴⁵⁵. Nhưng trong tình yêu cứu chuộc, một tình yêu hằng kết hợp Người với Chúa Cha⁴⁵⁶, Người đã đảm nhận lấy chúng ta, những kẻ đang vì tội lỗi mà lạc đường lìa xa Thiên Chúa, đến độ trên thập giá, Người đã có thể thốt lên thay chúng ta: “Lạy Thiên Chúa, Thiên Chúa của con, sao Ngài bỏ rơi con!” (Mc 15,34)⁴⁵⁷. Vì đã kết hợp Đức Kitô với chúng ta là các tội nhân, nên Thiên Chúa “đã chẳng tiếc, nhưng đã trao nộp chính Con Một của Ngài vì hết thảy chúng ta” (Rm 8,32), để chúng ta “được giao hoà với Thiên Chúa nhờ cái chết của Con Một Ngài” (Rm 5,10). 2572

⁴⁴⁸ X. Is 53,7-8; Cv 8,32-35.

⁴⁴⁹ X. Mt 20,28.

⁴⁵⁰ X. Lc 24,25-27.

⁴⁵¹ X. Lc 24,44-45.

⁴⁵² X. Rm 5,12; 1 Cr 15,56.

⁴⁵³ X. Pl 2,7.

⁴⁵⁴ X. Rm 8,3.

⁴⁵⁵ X. Ga 8,46.

⁴⁵⁶ X. Ga 8,29.

⁴⁵⁷ X. Tv 22,1.

Thiên Chúa đã khởi xướng trong tình yêu cứu chuộc mọi người

211 **604.** Khi trao nộp Con của Ngài vì tội lỗi chúng ta, Thiên Chúa
2009 biểu lộ kế hoạch của Ngài là một kế hoạch của tình yêu lân mẫn,
1825 đi trước mọi công trạng của chúng ta: “Tình yêu cốt ở điều này:
không phải chúng ta đã yêu mến Thiên Chúa, nhưng chính Ngài
đã yêu thương chúng ta, và sai Con của Ngài đến làm của lễ đền
tội cho chúng ta” (1 Ga 4,10)⁴⁵⁸. “Đức Kitô đã chết vì chúng ta,
ngay khi chúng ta còn là những người tội lỗi, đó là bằng chứng
Thiên Chúa yêu thương chúng ta” (Rm 5,8).

605. Tình yêu này không loại trừ một ai. Chúa Giêsu nhắc lại điều
đó để kết luận dụ ngôn về con chiên lạc: “Cũng vậy, Cha của anh
em, Đấng ngự trên trời, không muốn cho một ai trong những kẻ bé
mọn này phải hư mất” (Mt 18,14). Người quả quyết Người “hiến
dâng mạng sống làm giá *chuộc muôn người*” (Mt 20,28). Lời tuyên
402 bố quan trọng này không mang ý nghĩa hạn chế: lời đó đặt song
đối tập thể nhân loại với một mình Đấng Cứu Chuộc, Đấng tự hiến
để cứu độ nhân loại ấy⁴⁵⁹. Hội Thánh, theo sau các Tông Đồ⁴⁶⁰, dạy
634, 2793 rằng: Đức Kitô đã chết cho tất cả mọi người không trừ một ai.
“Trước kia, hiện nay cũng như sau này, không có một ai mà Người
[Đức Kitô] không chịu khổ nạn cho”⁴⁶¹.

III. ĐỨC KITÔ ĐÃ TỰ HIẾN CHO CHÚA CHA VÌ TỘI LỖI CHÚNG TA

CHRISTUS SE IPSUM PATRI SUO PRO NOSTRIS OBTULIT PECCATIS

Cả cuộc đời của Đức Kitô là của lễ dâng hiến Chúa Cha

517 **606.** Con Thiên Chúa, Đấng từ trời xuống, không phải để làm theo
ý Người, nhưng để làm theo ý Đấng đã sai Người⁴⁶², “khi vào trần
gian, Người nói: ‘Lạy Thiên Chúa, này con đây, con đến để thực thi
ý Ngài’... theo ý đó, chúng ta được thánh hóa, nhờ Chúa Giêsu Kitô
đã hiến dâng thân mình làm lễ tế, một lần cho mãi mãi” (Dt 10,5-
10). Ngay từ phút đầu tiên Người nhập thể, Chúa Con đã gắn bó
với kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa trong sứ vụ cứu chuộc của
mình: “Lương thực của Thầy là thi hành ý muốn của Đấng đã sai
536 Thầy, và hoàn tất công trình của Ngài” (Ga 4,34). Hy lễ của Chúa

⁴⁵⁸ X. 1 Ga 4,19.

⁴⁵⁹ X. Rm 5,18-19.

⁴⁶⁰ X. 2 Cr 5,15; 1 Ga 2,2.

⁴⁶¹ CD Carisia (năm 853), *De libero arbitrio hominis et de predestinatione*, canon 4: Ds 624.

⁴⁶² X. Ga 6,38.

Giêsu “đền bù tội lỗi cả thế gian” (1 Ga 2,2) là sự diễn tả tình yêu hiệp thông của Người với Chúa Cha: “Sở dĩ Chúa Cha yêu mến tôi, là vì tôi hy sinh mạng sống mình” (Ga 10,17). Thế gian phải “biết rằng Thầy yêu mến Chúa Cha và làm đúng như Chúa Cha đã truyền cho Thầy” (Ga 14,31).

607. Sự khao khát gắn bó với kế hoạch yêu thương cứu chuộc của Chúa Cha truyền cảm hứng cho cả cuộc đời Chúa Giêsu⁴⁶³, bởi vì cuộc khổ nạn cứu chuộc của Người là lý do việc Người nhập thể: “Lạy Cha, xin cứu con khỏi giờ này! Nhưng chính vì giờ này mà con đã đến” (Ga 12,27). “Chén mà Chúa Cha đã trao cho Thầy, lẽ nào Thầy chẳng uống?” (Ga 18,11). Và trên thập giá, trước khi mọi sự “đã hoàn tất” (Ga 19,30), Người nói: “Tôi khát!” (Ga 19,28).

457

“Chiên xoá tội trần gian”

608. Sau khi chấp nhận làm phép rửa cho Chúa Giêsu giữa các tội nhân⁴⁶⁴, ông Gioan Tẩy Giả đã thấy và giới thiệu Người là Chiên Thiên Chúa, Đấng xoá tội trần gian⁴⁶⁵. Như vậy ông cho thấy rằng Chúa Giêsu đồng thời vừa là Người Tội trung đầu khổ, im lặng chịu đem đi làm thịt⁴⁶⁶ và mang lấy tội lỗi muôn người⁴⁶⁷, vừa là Chiên Vượt Qua, biểu tượng cho việc Cứu Chuộc Israel trong cuộc Vượt Qua đầu tiên⁴⁶⁸. Cả cuộc đời của Đức Kitô diễn tả sứ vụ của Người: phục vụ và hiến dâng mạng sống làm giá chuộc muôn người⁴⁶⁹.

523

517

Chúa Giêsu tự do gắn bó với tình yêu cứu chuộc của Chúa Cha

609. Khi gắn bó với tình yêu của Chúa Cha đối với loài người trong trái tim nhân loại của mình, Chúa Giêsu “đã yêu thương họ đến cùng” (Ga 13,1), bởi vì “không có tình thương nào cao cả hơn tình thương của người đã hy sinh tính mạng vì bạn hữu của mình” (Ga 15,13). Như vậy, nhân tính của Người trong cuộc khổ nạn và cái chết, đã trở thành dụng cụ tự do và hoàn hảo của tình yêu thần linh của Người, một tình yêu muốn cứu độ mọi người⁴⁷⁰. Thật vậy, Người đã tự do chấp nhận cuộc khổ nạn và cái chết vì tình yêu đối với Cha Người và đối với loài người mà Người muốn cứu độ: “Mạng

478

515

272, 539

⁴⁶³ X. Lc 12,50; 22,15; Mt 16,21-23.

⁴⁶⁴ X. Lc 3,21; Mt 3,14-15.

⁴⁶⁵ X. Ga 1,29.36.

⁴⁶⁶ X. Is 53,7; Gr 11,19.

⁴⁶⁷ X. Is 53,12.

⁴⁶⁸ X. Xh 12,3-14; Ga 19,36; 1 Cr 5,7.

⁴⁶⁹ X. Mc 10,45.

⁴⁷⁰ X. Dt 2,10.17-18; 4,15; 5,7-9.

sống của tôi, không ai lấy đi được, nhưng chính tôi tự ý hy sinh mạng sống mình” (Ga 10,18). Do đó, Con Thiên Chúa đã tự do tột bậc khi Người tiến tới cái Chết⁴⁷¹.

Trong Bữa Tiệc Ly, Chúa Giêsu thực hiện trước việc tự nguyện dâng hiến mạng sống của mình

766 610. Chúa Giêsu đã diễn tả cách hết sức rõ ràng việc Người tự
1337 nguyện dâng hiến chính mình trong bữa tiệc Người ăn với mười
hai Tông Đồ⁴⁷² “trong đêm bị nộp” (1 Cr 11,23). Hôm trước ngày
chịu nạn, khi còn hoàn toàn tự do, Chúa Giêsu đã biến bữa Tiệc
cuối cùng với các Tông Đồ của Người thành lễ tưởng niệm việc
Người tự nguyện dâng hiến chính mình cho Chúa Cha⁴⁷³ để cứu độ
nhân loại: “Đây là Mình Thầy, bị nộp vì anh em” (Lc 22,19). “Đây
là Máu Thầy, Máu Giao Ước, đổ ra cho muôn người được tha tội”
(Mt 26,28).

1364 611. Bí tích Thánh Thể mà Chúa Giêsu đã thiết lập lúc đó, sẽ là
“việc tưởng niệm”⁴⁷⁴ hy tế của Người. Người bao gồm các Tông Đồ
1341, 1566 vào sự dâng hiến chính mình Người và dạy họ lưu truyền việc dâng
hiến này mãi mãi⁴⁷⁵. Như vậy, Chúa Giêsu đã đặt các Tông Đồ của
Người làm tư tế của Giao Ước Mới: “Vì họ, con xin thánh hiến
chính mình con, để nhờ sự thật, họ cũng được thánh hiến” (Ga
17,19)⁴⁷⁶.

Cơ hấp hối trong vườn Giêtsêmani

532, 2600 612. Chúa Giêsu đã tham dự trước chén của Giao Ước Mới khi
Người tự hiến trong bữa Tiệc Ly⁴⁷⁷, rồi Người nhận lấy chén đó từ
tay Chúa Cha trong cơ hấp hối của Người tại vườn Giêtsêmani⁴⁷⁸,
khi Người “vâng lời cho đến nỗi bằng lòng chịu chết” (Pl 2,8)⁴⁷⁹.
Chúa Giêsu cầu nguyện: “Lạy Cha, nếu có thể được, xin cho con
khỏi phải uống chén này...” (Mt 26,39). Như vậy Người diễn tả nỗi
khiếp sợ mà bản tính nhân loại của Người cảm nghiệm trước cái
Chết. Thật vậy, bản tính nhân loại của Chúa Giêsu, cũng như của

⁴⁷¹ X. Ga 18,4-6; Mt 26,53.

⁴⁷² X. Mt 16,20.

⁴⁷³ X. 1 Cr 5,7.

⁴⁷⁴ X. 1 Cr 11,25.

⁴⁷⁵ X. Lc 22,19.

⁴⁷⁶ X. CĐ Tridentinô, Sess. 22a, *Doctrina de sanctissimo Missae Sacrificio*, c. 2: DS 1752; Sess. 23a, *Doctrina de sacramento Ordinis*, c.1: DS 1764.

⁴⁷⁷ X. Lc 22,20.

⁴⁷⁸ X. Mt 26,42.

⁴⁷⁹ X. Dt 5,7-8.

chúng ta, được nhắm đến sự sống vĩnh cửu; nhưng khác với chúng ta, bản tính nhân loại của Người hoàn toàn không có tội⁴⁸⁰, mà tội mới gây nên sự chết⁴⁸¹; nhưng đặc biệt, bản tính nhân loại của Người đã được đảm nhận bởi Ngôi Vị thần linh của “Đấng khơi nguồn sự sống”⁴⁸², “Đấng hằng sống”⁴⁸³. Khi chấp nhận thánh ý Chúa Cha bằng ý chí nhân loại của mình⁴⁸⁴, Chúa Giêsu chấp nhận cái Chết có giá trị cứu chuộc của mình, để “tội lỗi của chúng ta, chính Người đã mang vào thân thể mà đưa lên cây thập giá” (1 Pr 2,24). 1009

Cái chết của Đức Kitô là hy lễ duy nhất và tối hậu

613. Cái chết của Đức Kitô đồng thời vừa là *hy lễ Vượt Qua*, mang lại ơn Cứu Chuộc tối hậu cho loài người⁴⁸⁵, nhờ Con Chiên, Đấng xoá tội trần gian⁴⁸⁶, vừa là *hy lễ của Giao Ước Mới*⁴⁸⁷, cho con người lại được hiệp thông với Thiên Chúa⁴⁸⁸, khi giao hòa con người với Thiên Chúa nhờ máu đổ ra cho muôn người được tha tội⁴⁸⁹. 1366 2009

614. Hy lễ này của Đức Kitô là duy nhất, hy lễ đó hoàn tất và vượt hơn hẳn mọi hy lễ⁴⁹⁰. Trước hết, hy lễ đó là một hồng ân của chính Thiên Chúa Cha: Chúa Cha trao nộp Con của Ngài để giao hòa chúng ta với Ngài⁴⁹¹. Đồng thời, đây là sự dâng hiến của Con Thiên Chúa làm người, Đấng, vì tình yêu⁴⁹², tự ý dâng hiến mạng sống mình⁴⁹³ cho Cha của Người nhờ Chúa Thánh Thần⁴⁹⁴, để đền bù sự bất tuân của chúng ta. 529, 1330 2100

⁴⁸⁰ X. Dt 4,15.

⁴⁸¹ X. Rm 5,12.

⁴⁸² X. Cv 3,15.

⁴⁸³ X. Kh 1,18; Ga 1,4; 5,26.

⁴⁸⁴ X. Mt 26,42.

⁴⁸⁵ X. 1 Cr 5,7; Ga 8,34-36.

⁴⁸⁶ X. Ga 1,29; 1 Pr 1,19.

⁴⁸⁷ X. 1 Cr 11,25.

⁴⁸⁸ X. Xh 24,8.

⁴⁸⁹ X. Mt 26,28; Lv 16,15-16.

⁴⁹⁰ X. Dt 10,10.

⁴⁹¹ X. 1 Ga 4,10.

⁴⁹² X. Ga 15,13.

⁴⁹³ X. Ga 10,17-18.

⁴⁹⁴ X. Dt 9,14.

Chúa Giêsu đền thay sự bất tuân của chúng ta bằng sự vâng phục của Người

1850 **615.** “Cũng như vì một người duy nhất đã không vâng lời Thiên Chúa, mà muôn người thành tội nhân, thì nhờ một người duy nhất đã vâng lời Thiên Chúa, muôn người cũng sẽ thành người công chính” (Rm 5,19). Chúa Giêsu, bằng sự vâng phục cho đến chết của
 433 Người, đã hoàn thành việc đền thay của Người Tội trung đau khổ, là hiến thân làm *hy lễ đền tội*, mang lấy tội lỗi của muôn người và làm cho họ nên công chính khi gánh lấy tội lỗi của họ⁴⁹⁵. Chúa Giêsu đã đền bù các lỗi lầm của chúng ta và tạ tội với Chúa Cha vì
 411 tội lỗi của chúng ta⁴⁹⁶.

Trên thập giá, Chúa Giêsu hoàn tất hy tế của Người

616. Tình yêu thương đến cùng⁴⁹⁷ mang lại cho hy lễ của Đức Kitô giá trị Cứu Chuộc và đền bù, đền tội và tạ tội. Người đã biết và
 478 yêu thương tất cả chúng ta khi Người dâng hiến mạng sống mình⁴⁹⁸. “Tình yêu Đức Kitô thúc chúng tôi, vì chúng tôi nghĩ rằng: nếu một người đã chết thay cho mọi người, thì mọi người đều chết” (2 Cr 5,14). Không một ai, dù là người thánh thiện nhất, có khả năng mang lấy trên mình tội lỗi của mọi người và hiến mình
 468 làm hy lễ vì mọi người. Nơi Đức Kitô, sự hiện hữu của Ngôi Vị Chúa Con vừa vượt hơn hẳn vừa bao gồm tất cả các nhân vị, khiến cho Đức Kitô là Đầu của toàn thể nhân loại, và làm cho hy tế của
 519 Người có giá trị cứu chuộc *cho tất cả mọi người*.

1992 **617.** Công đồng Tridentinô dạy: “Bằng cuộc khổ nạn rất thánh của Người trên cây thập giá, Đức Kitô đã lập công cho chúng ta được nên công chính”⁴⁹⁹, qua đó nêu rõ tính duy nhất của hy tế của Đức
 1235 Kitô, Đấng là tác giả của ơn cứu độ vĩnh cửu⁵⁰⁰. Vì vậy khi tôn kính Thánh Giá, Hội Thánh ca hát rằng: “Kính chào Thánh Giá, niềm hy vọng duy nhất của chúng con!”⁵⁰¹

⁴⁹⁵ X. Is 53,10-12.

⁴⁹⁶ X. CĐ Tridentinô, Sess. 6a, *Decretum de iustificatione*, c. 7: DS 1529.

⁴⁹⁷ X. Ga 13,1.

⁴⁹⁸ X. Gl 2,20; Ep 5,2.25.

⁴⁹⁹ CĐ Tridentinô, Sess. 6a, *Decretum de iustificatione*, c. 1: DS 1529.

⁵⁰⁰ X. Dt 5,9.

⁵⁰¹ Additio liturgica ad Hymnum “Vexilla Regis”: *Các Giờ Kinh Phụng Vụ*, editio typica, v. 2 (Typis Polyglottis Vaticanis 1974) 313; v. 4 (Typis Polyglottis Vaticanis 1974) 1129.

Sự tham dự của chúng ta vào hy tế của Đức Kitô

618. Thánh giá là hy tế duy nhất của Đức Kitô, Đấng trung gian duy nhất giữa Thiên Chúa và loài người⁵⁰². Nhưng bởi vì, trong Ngôi Vị Thiên Chúa nhập thể của Người, “một cách nào đó Người đã tự kết hợp với toàn thể mọi người”⁵⁰³, nên Người đã “ban cho mọi người một khả năng để, theo cách Thiên Chúa biết, họ được kết hợp vào mầu nhiệm Vượt Qua”⁵⁰⁴. Người kêu gọi các môn đệ vác thập giá mình mà theo Người⁵⁰⁵, bởi vì Người đã chịu khổ nạn vì chúng ta, đã để lại một gương mẫu cho chúng ta dõng bước theo Người⁵⁰⁶. Quá thật, Người cũng muốn những người đầu tiên hưởng nhờ hy tế cứu chuộc của Người được kết hợp vào hy tế ấy⁵⁰⁷. Điều đó được thực hiện, một cách cao cả nhất, nơi Mẹ Người, Mẹ được kết hợp vào mầu nhiệm cuộc khổ nạn cứu chuộc của Người một cách mật thiết hơn bất cứ ai khác⁵⁰⁸.

1368, 1460

307, 2100

964

“Đây là chiếc thang thật và duy nhất của thiên đàng, và ngoài thập giá, không có chiếc thang nào khác để lên trời”⁵⁰⁹.

TÓM LƯỢC

619. “Đức Kitô đã chết vì tội lỗi chúng ta, đúng như lời Thánh Kinh” (1 Cr 15,3).

620. *Ơn cứu độ của chúng ta xuất phát từ sự khởi xướng của tình yêu Thiên Chúa đối với chúng ta “chính Ngài đã yêu thương chúng ta, và sai Con của Ngài đến làm của lễ đền tội cho chúng ta” (1 Ga 4,10). “Trong Đức Kitô, Thiên Chúa đã cho thế gian được giao hoà với Ngài” (2 Cr 5,19).*

621. *Chúa Giêsu đã tự hiến một cách tự do để cứu độ chúng ta. Người tỏ cho thấy và thực hiện trước việc ban tặng này trong bữa Tiệc Ly: “Đây là mình Thầy, bị nộp vì anh em” (Lc 22,19).*

622. *Công trình Cứu Chuộc của Đức Kitô cốt tại điều này: Người “đến... hiến dâng mạng sống làm giá chuộc muôn người” (Mt 20,28),*

⁵⁰² X. 1 Tm 2,5.

⁵⁰³ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 22: AAS 58 (1966) 1042.

⁵⁰⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 22: AAS 58 (1966) 1043.

⁵⁰⁵ X. Mt 16,24.

⁵⁰⁶ X. 1 Pr 2,21.

⁵⁰⁷ X. Mc 10,39; Ga 21,18-19; Cl 1,24.

⁵⁰⁸ X. Lc 2,35.

⁵⁰⁹ Thánh Rôsa Lima: P.Hansen, *Vita mirabilis [...] venerabilis sororis Rosae de sancta Maria Limensis* (Romae 1664) 137.

nghĩa là, “Người yêu thương họ đến cùng” (Ga 13,1), để họ được cứu chuộc khỏi lối sống phù phiếm do cha ông họ truyền lại⁵¹⁰.

623. Nhờ sự vâng phục vì tình yêu đối với Chúa Cha, vâng phục trọn vẹn cho đến nỗi “chết trên cây thập tự” (Pl 2,8), Chúa Giêsu đã hoàn thành sứ vụ đền tội⁵¹¹ của Người Tôi trung đau khổ, Đấng làm cho muôn người nên công chính và chính Người gánh lấy tội lỗi của họ⁵¹².

Tiết 3

Chúa Giêsu Kitô được “táng xác”

Paragraphus 3

Iesus Christus sepultus est

362, 1005

624. Chúa Giêsu “đã phải nếm sự chết, là để cho mọi người được cứu độ, nhờ ơn Thiên Chúa” (Dt 2,9). Trong kế hoạch cứu độ của Ngài, Thiên Chúa đã định cho Con của Ngài không những phải chết “vì tội lỗi chúng ta” (1 Cr 15,3), nhưng còn phải “nếm sự chết”, nghĩa là, biết tình trạng của sự chết, tình trạng linh hồn Người và thân thể Người tách rời nhau một thời gian, từ lúc Người tắt thở trên thập giá cho đến lúc Người sống lại. Tình trạng Chúa Giêsu chịu chết là mẫu nhiệm của việc mai táng và việc xuống ngục tở tông. Đó là mẫu nhiệm của ngày Thứ Bảy Tuần Thánh trong đó Đức Kitô, được đặt trong mộ⁵¹³, biểu lộ sự nghỉ ngơi cao cả của Thiên Chúa vào ngày sabat⁵¹⁴, sau khi hoàn tất công trình cứu độ loài người⁵¹⁵, đem lại bình an cho khắp trần gian⁵¹⁶.

343

Thân thể Đức Kitô ở trong mộ

625. Khoảng thời gian Đức Kitô ở trong mộ thật sự nối kết tình trạng còn chịu đau đớn trước cuộc Vượt Qua của Người, với tình trạng vinh hiển hiện tại của Đấng Phục Sinh. Chính Ngôi Vị của “Đấng Hằng Sống” có thể nói: “Ta đã chết, và nay Ta sống đến muôn thuở muôn đời” (Kh 1,18):

⁵¹⁰ X. 1 Pr 1,18.

⁵¹¹ X. Is 53,10.

⁵¹² X. Is 53,11; Rm 5,19.

⁵¹³ X. Ga 19,42.

⁵¹⁴ X. Dt 4,4-9.

⁵¹⁵ X. Ga 19,30.

⁵¹⁶ X. Cl 1,18-20.

“Đây là mâu nhiệm của sự sắp đặt của Thiên Chúa đối với cái Chết và sự Sống Lại từ cõi chết của Con Ngài, là bằng cái chết, linh hồn quả thật bị tách biệt khỏi thân thể, và Ngài đã không ngăn cản hậu quả tất yếu của tự nhiên; tuy nhiên, nhờ sự Sống Lại, mọi sự đã lại kết hợp với nhau nơi Người, đến độ Người thật sự trở thành giao điểm của sự chết và sự sống: để Đấng đã thiết lập điều tự nhiên bị tách biệt bằng cái chết, thì chính Người đã là nguyên lý kết hợp những gì đã bị tách biệt”⁵¹⁷.

626. Bởi vì “Đấng khơi nguồn sự sống” đã bị giết⁵¹⁸ cũng là “Đấng hằng sống đã phục sinh”⁵¹⁹, nên tất yếu là Ngôi Vị thần linh của Con Thiên Chúa vẫn tiếp tục đảm nhận linh hồn và thân thể của Người khi cả hai bị tách biệt với nhau vì cái chết:

470, 650

“Vì vậy, mặc dầu Đức Kitô, như một người, đã chết, và linh hồn thánh của Người đã lìa khỏi thân thể tinh tuyền của Người, nhưng thần tính không tách biệt khỏi bên nào, không hề tách biệt khỏi linh hồn cũng không hề tách biệt khỏi thân thể: Ngôi Vị duy nhất của Người không bị chia ra thành hai. Quả vậy, thân thể và linh hồn ngay từ đầu đã hiện hữu trong Ngôi Vị của Ngôi Lời; và mặc dầu hồn xác bị tách biệt nhau trong sự chết, nhưng cả hai vẫn luôn hiện hữu nơi Ngôi Vị duy nhất của Ngôi Lời”⁵²⁰.

“Chúa không để Đấng Thánh của Ngài phải hư nát”

627. Cái chết của Đức Kitô cái chết thật, vì đã chấm dứt cuộc đời nhân loại nơi trần thế của Người. Nhưng vì sự kết hợp của Ngôi Vị Chúa Con với thân thể của Người, nên thân thể ấy không trở thành một xác chết giống như trong những trường hợp khác, “vì lẽ cái chết không tài nào khống chế được Người mãi” (Cv 2,24), và do đó, “quyền năng của Thiên Chúa đã gìn giữ thân thể Đức Kitô khỏi hư nát”⁵²¹. Về Đức Kitô, đồng thời người ta vừa có thể nói: “Người đã bị khai trừ khỏi cõi nhân sinh” (Is 53,8), vừa có thể nói: “Cả thân xác con cũng nghỉ ngơi trong niềm hy vọng. Vì Chúa chẳng đành bỏ mặc linh hồn con trong cõi âm ty, cũng không để Vị Thánh của Ngài phải hư nát” (Cv 2,26-27)⁵²². Sự Sống Lại của Đức Kitô “ngày thứ ba” (1 Cr 15,4; Lc 24,46)⁵²³ là dấu chỉ của điều đó,

1009

1683

⁵¹⁷ Thánh Grêgôriô Nyssenô, *Oratio catechetica* 16, 9: TD 7, 90 (PG 45, 52).

⁵¹⁸ X. Cv 3,15.

⁵¹⁹ X. Lc 24,5-6.

⁵²⁰ Thánh Gioan Đamascênô, *Expositio fidei*, 71 [De fide orthodoxa 3, 27]: PTS 12, 170 (PG 94, 1098).

⁵²¹ Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, III, 51, 3, ad 2; Ed. Leon. 11, 490.

⁵²² X. Tv 16,9-10.

⁵²³ X. Mt 12,40; Ga 2,1; Os 6,2.

cũng bởi vì người ta cho rằng sự hư nát được biểu lộ từ ngày thứ tư⁵²⁴.

“Cùng chịu mai táng với Đức Kitô...”

537 **628.** Bí tích Rửa Tội, mà dấu chỉ nguyên thủy và đầy đủ của bí tích này là việc chìm xuống nước, nói lên cách hiệu nghiệm việc Kitô hữu xuống mộ để người ấy cùng với Đức Kitô chết cho tội lỗi, hầu tiến vào một đời sống mới: “Vì được chìm vào trong cái chết của
1215 Người, chúng ta đã cùng được mai táng với Người. Bởi thế, cũng như Người đã được sống lại từ cõi chết nhờ quyền năng vinh hiển của Chúa Cha, thì chúng ta cũng được sống một đời sống mới” (Rm 6,4)⁵²⁵.

TÓM LƯỢC

629. *Chúa Giêsu đã ném sự chết vì mọi người*⁵²⁶. Con Thiên Chúa làm người đã chết thật sự và đã được mai táng thật sự.

630. *Trong thời gian Đức Kitô ở trong mộ, Ngôi Vị thần linh của Người vẫn luôn đảm nhận cả linh hồn cả thân thể của Người, tuy lúc đó hai bên bị cái chết tách biệt. Vì vậy, thân thể của Đức Kitô đã chết mà “không phải hư nát” (Cv 13,37).*

Mục 5

Chúa Giêsu Kitô “xuống ngục tổ tông, ngày thứ ba bởi trong kẻ chết mà sống lại”

Articulus 5

Jesus Christus “descendit ad inferos, tertia die resurrexit a mortuis”

631. Chúa Giêsu “đã xuống tận các vùng sâu thẳm dưới mặt đất. Đấng đã xuống, cũng chính là Đấng đã lên” (Ep 4,9-10). Tín biểu của các Tông Đồ tuyên xưng trong cùng một mục, việc Đức Kitô xuống ngục tổ tông và việc ngày thứ ba Người bởi trong kẻ chết mà sống

⁵²⁴ X. Ga 11,39.

⁵²⁵ X. Cl 2,12; Ep 5,26.

⁵²⁶ X. Dt 2,9.

lại, bởi vì trong cuộc Vượt Qua của Người, chính từ trong lòng cái chết mà Người làm vọt lên sự sống:

“Đức Kitô, Con yêu quý của Cha,
Đáng đã từ cõi âm ty trở lại,
đem ánh sáng thanh bình soi chiếu vạn dân,
Người hằng sống hiển trị muôn đời. Amen”⁵²⁷.

Tiết 1

Đức Kitô xuống ngục tổ tông

Paragraphus 1

Christus descendit ad inferos

632. Những xác quyết thường xuyên của Tân Ước, theo đó Chúa Giêsu “trỗi dậy từ cõi chết” (1 Cr 15,20)⁵²⁸, giả thiết là, trước khi Người sống lại, Người đã ở nơi của những người chết⁵²⁹. Lời rao giảng của các Tông Đồ về việc Chúa Giêsu xuống ngục tổ tông có ý nghĩa đầu tiên này: Chúa Giêsu đã chết giống như mọi người, và linh hồn Người đã xuống với họ, ở nơi của những người chết. Nhưng Người xuống đó với tư cách là Đấng Cứu Độ, để loan báo Tin Mừng cho các vong linh bị cầm giữ ở đó⁵³⁰.

633. Thánh Kinh gọi nơi ở của những người chết, mà Đức Kitô khi chết đã xuống, là âm phủ, *Sheol* (tiếng Do thái) hoặc *Hades* (tiếng Hy Lạp)⁵³¹, bởi vì những kẻ ở đó không được nhìn thấy Thiên Chúa⁵³². Thật vậy, tình trạng của mọi người đã chết, dù họ công chính hay xấu xa, đều như vậy, trong khi mong đợi Đấng Cứu Chuộc⁵³³, điều này không có nghĩa là số phận của họ đều như nhau, như Chúa Giêsu cho thấy trong dụ ngôn anh Lazarô nghèo khổ được đem “vào lòng ông Abraham”⁵³⁴. “Khi xuống ngục tổ tông, Chúa Kitô đã giải thoát linh hồn những người công chính đang ở trong lòng ông Abraham mà mong đợi Đấng Cứu Độ”⁵³⁵. Chúa

⁵²⁷ *Canh thức Vượt qua, Công bố Tin mừng Phục sinh* (“Exsultet”): *Sách Lễ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 273 et 275.

⁵²⁸ X. Cv 3,15; Rm 8,11.

⁵²⁹ X. Dt 13,20.

⁵³⁰ X. 1 Pr 3,18-19.

⁵³¹ X. Pl 2,10; Cv 2,24; Kh 1,18; Ep 4,9.

⁵³² X. Tv 6,6; 88,11-13.

⁵³³ X. Tv 89,49; 1 Sm 28,19; Ed 32,17-32.

⁵³⁴ X. Lc 16,22-26.

⁵³⁵ *Catechismus Romanus*, 1, 6, 3: ed. Rodriguez (Città del Vaticano-Pamplona 1989) 71.

1033 Giêsu không xuống ngục tổ tông để giải thoát những kẻ đã bị kết án⁵³⁶ hoặc để phá hủy địa ngục đọa đày⁵³⁷, nhưng để giải thoát những người công chính đã đi trước Người⁵³⁸.

605 **634.** “Tin Mừng đã được loan báo ngay cho cả những kẻ chết” (1 Pr 4,6). Việc xuống ngục tổ tông là sự hoàn thành, một cách sung mãn, việc loan báo Tin Mừng cứu độ. Đây là chặng cuối cùng trong sứ vụ làm Đấng Messia của Chúa Giêsu, trong một thời gian ngắn ngủi, nhưng trong một ý nghĩa thật hết sức rộng lớn của việc mở rộng công trình cứu chuộc cho mọi người thuộc mọi thời và mọi nơi, bởi vì tất cả những ai được cứu độ đều được tham dự vào công trình Cứu Chuộc.

635. Vì vậy, Đức Kitô đã xuống cõi thâm sâu của sự chết⁵³⁹ để “các kẻ chết nghe tiếng Con Thiên Chúa, ai nghe thì sẽ được sống” (Ga 5,25). Chúa Giêsu, “Đấng khơi nguồn sự sống”⁵⁴⁰, đã “nhờ cái chết của Người, Người đã tiêu diệt tên lãnh chúa gây ra sự chết, tức là ma quỷ, và đã giải thoát những ai vì sợ chết mà suốt đời sống trong tình trạng nô lệ” (Dt 2,14-15). Từ nay, Đức Kitô phục sinh “nắm giữ chìa khóa của Tử thần và Âm phủ” (Kh 1,18) và “khi vừa nghe Danh Thánh Giêsu, cả trên trời dưới đất và trong nơi âm phủ, muôn vật phải bái quỳ” (Pl 2,10).

“Hôm nay mặt đất hoàn toàn thịnh lặng, hoàn toàn thịnh lặng và hoàn toàn cô quạnh; hoàn toàn thịnh lặng vì Đức Vua an giấc; trái đất đã sợ hãi rồi yên tĩnh, vì Thiên Chúa đang ngủ trong xác phàm, và Người đánh thức những kẻ đang ngủ từ bao đời... Chắc chắn Người đi tìm nguyên tổ như tìm con chiên lạc. Người muốn đến thăm tất cả những ai đang ngồi trong tối tăm và trong bóng sự chết; Đấng vừa là Thiên Chúa, vừa là con cháu của nguyên tổ đến để giải thoát ông Adam đang bị cầm giữ cùng với bà Evà bị cầm giữ khỏi những sự đau buồn. Ta là Thiên Chúa của người, nhưng vì người, Ta đã trở thành con của người... Hãy trở dậy, hỡi người ngủ mê: vì Ta dựng nên người không phải để cho người ở lại đây trong gông cùm âm phủ. Hãy trở dậy từ cõi chết; Ta là Sự Sống của những kẻ đã chết”⁵⁴¹.

⁵³⁶ X. CD Rôma (năm 745), *De descensu Christi ad inferos*: DS 587.

⁵³⁷ X. ĐGH Bênêdictô XII, *Libellus Cum dudum* (năm 1341), 18: DS 1011; ĐGH Clêmentê VI, *Epistula Super quibusdam* (năm 1351), c. 15, 13: DS 1077.

⁵³⁸ X. CD Tôlêđô IV (năm 633), *Capitulum*, 1: DS 485; Mt 27,52-53.

⁵³⁹ X. Mt 12,40; Rm 10,7; Ep 4,9.

⁵⁴⁰ X. Cv 3,15.

⁵⁴¹ *Antiqua homilia in sancto et magno Sabbato*: PG 43, 440. 452. 461.

TÓM LƯỢC

636. Bằng kiểu nói “Chúa Giêsu xuống ngục tổ tông”, Tín biểu tuyên xưng Chúa Giêsu thật sự đã chết và nhờ cái Chết của Người vì chúng ta, Người đã chiến thắng cả sự chết lẫn ma quỷ, “tên lãnh chúa gây ra sự chết” (Dt 2,14).

637. Đức Kitô đã chết, với linh hồn được kết hợp cùng Ngôi Vị thân linh, Người đã xuống nơi ở của những kẻ chết. Người đã mở cửa trời cho những người công chính đã đi trước Người.

Tiết 2

Ngày thứ ba bởi trong kẻ chết mà sống lại

Paragraphus 2

Tertia die resurrexit a mortuis

638. “Chúng tôi xin loan báo cho anh em Tin Mừng này: điều Thiên Chúa hứa với cha ông chúng ta, thì Ngài đã thực hiện cho chúng ta là con cháu các ông, khi làm cho Chúa Giêsu sống lại” (Cv 13,32-33). Sự Sống Lại của Chúa Giêsu là chân lý cao cả nhất của đức tin chúng ta vào Đức Kitô, với tính cách là một chân lý trung tâm đã được tin và thể hiện trong cuộc sống bởi cộng đoàn Kitô giáo tiên khởi, đã được lưu truyền bởi Thánh Truyền như chân lý nền tảng, đã được xác lập bởi các văn kiện của Tân Ước, và được rao giảng, đồng thời cùng với thập giá, như là phần thiết yếu của mầu nhiệm Vượt Qua:

90

“Đức Kitô đã sống lại từ cõi chết,
Nhờ cái Chết của Người, Người đã chiến thắng sự chết,
Người đã ban sự sống cho những kẻ đã chết”⁵⁴².

651, 991

I. BIẾN CỐ LỊCH SỬ VÀ SIÊU VIỆT

EVENTUS HISTORICUS ET TRANSCENDENS

639. Mầu nhiệm của sự Sống lại của Đức Kitô là một biến cố có thật, với những cuộc tỏ hiện đã được kiểm chứng theo lịch sử, như Tân Ước làm chứng. Khoảng năm 56, thánh Phaolô đã có thể viết cho tín hữu Côrintô: “Trước hết, tôi đã truyền lại cho anh em điều mà chính tôi đã lãnh nhận, đó là: Đức Kitô đã chết vì tội lỗi chúng ta đúng như lời Kinh Thánh, rồi Người đã được mai táng, và ngày

⁵⁴² Phụng vụ Byzantin, *Troparium in die Paschatis: Pentekostarion* (Romae 1884) 6.

thứ ba đã sống lại, đúng như lời Kinh Thánh. Người đã hiện ra với ông Kêpha, rồi với nhóm Mười Hai” (1 Cr 15,3-4). Ở đây vị Tông Đồ nói đến *truyền thống sống động về sự Sống lại* mà ngài đã học được sau cuộc hồi cải của ngài ở cổng thành Đamas⁵⁴³.

Ngôi mộ trống

640. “Sao các bà lại tìm Người Sống ở giữa kẻ chết? Người không còn đây nữa, nhưng đã sống lại rồi” (Lc 24,5-6). Trong các biến cố Vượt Qua, yếu tố đầu tiên mà ta gặp là ngôi mộ trống. Tự nó, điều này không phải là một bằng chứng trực tiếp. Việc thân thể Đức Kitô không còn trong mộ có thể được giải thích cách khác⁵⁴⁴. Dầu vậy, ngôi mộ trống vẫn là một dấu chỉ căn bản đối với mọi người. Việc phát hiện ngôi mộ trống là bước đầu dẫn các môn đệ đến việc nhìn nhận chính sự kiện Sống lại. Trước hết đó là trường hợp của các phụ nữ thánh thiện⁵⁴⁵, rồi đến ông Phêrô⁵⁴⁶. Người môn đệ “Chúa Giêsu thương mến” (Ga 20,2), khi vào trong mộ và thấy “những băng vải để ở đó” (Ga 20,6), khẳng định rằng ông đã thấy và đã tin⁵⁴⁷. Điều này giả thiết rằng khi thấy ngôi mộ trống⁵⁴⁸ ông đã nhận ra rằng việc thân thể Chúa Giêsu không còn đó không phải là một việc do người phạm và Chúa Giêsu đã không đơn thuần trở lại cuộc sống trần thế như trường hợp anh Lazarô⁵⁴⁹.

Những lần hiện ra của Đấng Phục Sinh

641. Bà Maria Magdalêna và các phụ nữ thánh thiện, những người đã đến để hoàn thành việc xúc dầu cho thân thể của Chúa Giêsu⁵⁵⁰, vốn được mai táng cách vội vã vào chiều ngày Thứ Sáu vì đã đến ngày sabat⁵⁵¹, là những người đầu tiên được gặp Đấng Phục Sinh⁵⁵². Như vậy, các phụ nữ là những sứ giả đầu tiên loan báo sự sống lại của Đức Kitô cho chính các Tông Đồ⁵⁵³. Sau đó Chúa Giêsu hiện ra với các ông, trước hết là với ông Phêrô, sau đó với nhóm Mười Hai⁵⁵⁴. Vì vậy ông Phêrô, người đã được kêu gọi để củng cố

⁵⁴³ X. Cv 9,3-18.

⁵⁴⁴ X. Ga 20,13; Mt 28,11-15.

⁵⁴⁵ X. Lc 24,3.22-23.

⁵⁴⁶ X. Lc 24,12.

⁵⁴⁷ X. Ga 20,8.

⁵⁴⁸ X. Ga 20,5-7.

⁵⁴⁹ X. Ga 11,44.

⁵⁵⁰ X. Mc 16,1; Lc 24,1.

⁵⁵¹ X. Ga 19,31.42.

⁵⁵² Mt 28,9-10; Ga 20,11-18.

⁵⁵³ X. Lc 24,9-10.

⁵⁵⁴ X. 1 Cr 15,5.

đức tin của các anh em mình⁵⁵⁵, đã thấy Đấng Phục Sinh trước các anh em và dựa trên chứng từ của ông mà cộng đoàn kêu lên: “Chúa đã sống lại thật rồi, và đã hiện ra với ông Simon” (Lc 24,34). 448

642. Tất cả những gì đã xảy ra trong những ngày lễ Vượt Qua đó, đòi buộc mỗi vị Tông Đồ, đặc biệt là ông Phêrô, xây dựng một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên đã bắt đầu từ sáng ngày Vượt Qua. Với tư cách là những chứng nhân của Đấng Phục Sinh, các ngài mãi là những tảng đá nền móng của Hội Thánh Người. Đức tin của cộng đoàn các tín hữu tiên khởi được xây dựng trên lời chứng của những con người cụ thể mà các Kitô hữu quen biết và phần đông lúc đó còn sống giữa họ. “Những chứng nhân về cuộc Phục Sinh của Đức Kitô”⁵⁵⁶ trước hết là ông Phêrô và Nhóm Mười Hai, nhưng không chỉ có các vị ấy: ông Phaolô nói đến hơn năm trăm người đã được Chúa Giêsu hiện ra một lượt, rồi với ông Giacôbê và với tất cả các Tông Đồ⁵⁵⁷. 659, 881

643. Trước những lời chứng đó, không thể giải thích rằng sự phục sinh của Đức Kitô nằm bên ngoài trật tự thể lý, và không thể không công nhận sự phục sinh đó có tính cách là một sự kiện lịch sử. Qua các sự kiện, người ta thấy rõ là đức tin của các môn đệ đã bị lung lay tận gốc do cuộc khổ nạn và cái Chết trên thập giá của Thầy họ, mà chính Người đã báo trước⁵⁵⁸. Sự chấn động tâm hồn do cuộc khổ nạn gây nên là mạnh mẽ đến nỗi các môn đệ (hoặc ít nhất một số người trong họ) không tin ngay lời loan báo về việc Sống Lại. Các sách Tin Mừng không hề trình bày cho chúng ta thấy một cộng đoàn đầy hứng khởi thần bí; nhưng cho chúng ta thấy những môn đệ mất tinh thần (“buồn rầu”: Lc 24,17) và hoảng sợ⁵⁵⁹. Vì vậy họ đã không tin các phụ nữ thánh thiện từ ngôi mộ trở về, và những lời của các bà, họ “cho là chuyện vớ vẩn” (Lc 24,11)⁵⁶⁰. Khi Chúa Giêsu hiện ra với Nhóm Mười Một chiều ngày Vượt Qua, “Người khiển trách các ông không tin và cứng lòng, bởi lẽ các ông không chịu tin những kẻ đã được thấy Người, sau khi Người sống lại” (Mc 16,14). 860

644. Các môn đệ, cả khi đứng trước thực tại Chúa Giêsu phục sinh, vẫn còn nghi ngờ⁵⁶¹; đối với các ông, coi như không thể nào có việc ấy: họ tưởng là thấy ma⁵⁶², “các ông còn chưa tin vì mừng quá, và còn đang ngỡ ngàng” (Lc 24,41). Ông Tôma cũng đã nghi ngờ như vậy⁵⁶³, và trong dịp

⁵⁵⁵ X. Lc 22,31-32.

⁵⁵⁶ X. Cv 1,22.

⁵⁵⁷ X. 1 Cr 15,4-8.

⁵⁵⁸ X. Lc 22,31-32.

⁵⁵⁹ X. Ga 20,19.

⁵⁶⁰ X. Mc 16,11.13.

⁵⁶¹ X. Lc 24,38.

⁵⁶² X. Lc 24,39.

⁵⁶³ X. Ga 20,24-27.

hiện ra lần cuối cùng mà sách Matthêu thuật lại, “có mấy ông lại hoài nghi” (Mt 28,17). Vì vậy, giả thuyết cho rằng sự Phục Sinh là “sản phẩm” của lòng tin (hay sự dễ tin) của các Tông Đồ, không có cơ sở. Hoàn toàn trái lại, đức tin của các ông vào sự Phục Sinh phát xuất từ kinh nghiệm trực tiếp về thực tại Chúa Giêsu sống lại, dưới tác động của ân sủng của Thiên Chúa.

Trạng thái nhân tính đã phục sinh của Đức Kitô

999 **645.** Chúa Giêsu phục sinh liên hệ trực tiếp với các môn đệ của Người qua đụng chạm⁵⁶⁴ và qua việc chia sẻ thực phẩm⁵⁶⁵. Như vậy, Người mời gọi họ nhìn nhận Người không phải là ma⁵⁶⁶, nhưng nhất là để các ông thấy rõ rằng thân thể phục sinh của Người đang hiện diện với các ông, chính là thân thể đã bị hành hạ và bị đóng đinh vào thập giá, bởi vì thân thể đó vẫn còn mang các dấu vết của cuộc khổ nạn của Người⁵⁶⁷. Tuy nhiên, thân thể đích thực và hiện thực này đồng thời có những đặc tính mới của một thân thể vinh hiển: thân thể đó không còn bị ràng buộc trong không gian và thời gian nữa, nhưng có thể tự do hiện diện ở đâu và lúc nào Người muốn⁵⁶⁸, bởi vì nhân tính của Người không còn có thể bị ràng buộc ở trần thế nữa và chỉ thuộc về quyền năng thần linh của Chúa Cha⁵⁶⁹. Cũng vì vậy, Chúa Giêsu phục sinh hoàn toàn tự do để hiện ra như Người muốn: dưới hình dạng một người làm vườn⁵⁷⁰ hoặc “dưới một hình dạng khác” (Mc 16,12), không giống hình dạng các môn đệ đã quen, chính là để khơi dậy đức tin của các ông⁵⁷¹.

934
549 **646.** Sự Phục Sinh của Đức Kitô không phải là việc trở lại với cuộc sống trần thế, giống như trường hợp của những kẻ Người đã cho sống lại trước cuộc Vượt Qua: con gái ông Giairô, người thanh niên Naim, anh Lazarô. Các sự kiện này là những biến cố kỳ diệu, nhưng những người được hưởng phép lạ đó, nhờ quyền năng của Chúa Giêsu, chỉ trở lại với cuộc sống trần thế “thông thường”. Một lúc nào đó họ sẽ lại chết. Sự phục sinh của Đức Kitô thì hoàn toàn khác hẳn. Trong thân thể phục sinh của Người, Người chuyển từ trạng thái phải chết sang một sự sống khác vượt trên thời gian và không gian. Thân thể của Chúa Giêsu trong sự Phục Sinh đầy tràn

⁵⁶⁴ X. Lc 24,39; Ga 20,27.

⁵⁶⁵ X. Lc 24,30.41-43; Ga 21,9.13-15.

⁵⁶⁶ X. Lc 24,39.

⁵⁶⁷ X. Lc 24,40; Ga 20,20.27.

⁵⁶⁸ X. Mt 28,9.16-17; Lc 24,15.36; Ga 20,14.19.26; 21,4.

⁵⁶⁹ X. Ga 20,17.

⁵⁷⁰ X. Ga 20,14-15.

⁵⁷¹ X. Ga 20,14.16; 21,4.7.

quyền năng của Chúa Thánh Thần; thân thể này tham dự vào sự sống thần linh trong trạng thái vinh quang của Người, đến độ thánh Phaolô đã có thể nói Đức Kitô là một người thiên giới⁵⁷².

Sự Phục Sinh xét như một biến cố siêu việt

647. Thánh thi *Exultet* trong đêm Canh thức Vượt Qua hát: “Ôi! Đêm thật diễm phúc, đêm duy nhất biết được thời giờ Đức Kitô từ cõi chết phục sinh”⁵⁷³. Thật vậy, không ai chứng kiến tận mắt chính biến cố Phục Sinh và không một tác giả sách Tin Mừng nào mô tả biến cố đó. Không ai có thể nói sự Phục Sinh đã xảy ra về mặt thể lý như thế nào. Bản chất thâm sâu nhất của biến cố đó, tức là sự chuyển qua một cuộc sống khác, lại càng khó nhận biết bằng giác quan. Sự Phục Sinh, một biến cố lịch sử có thể được xác nhận bằng dấu chỉ là ngôi mộ trống và bằng thực tại là những lần gặp gỡ của các Tông Đồ với Đức Kitô phục sinh, vẫn mãi nằm trong trung tâm của mầu nhiệm đức tin, vì biến cố đó siêu việt và vượt hẳn trên lịch sử. Chính vì vậy, Đức Kitô phục sinh không tỏ mình ra cho thế gian⁵⁷⁴, nhưng cho các môn đệ của Người, “những kẻ từng theo Người từ Galilê lên Giêrusalem. Giờ đây chính họ làm chứng cho Người trước mặt dân” (Cv 13,31).

1000

II. SỰ PHỤC SINH, CÔNG TRÌNH CỦA BA NGÔI CHÍ THÁNH RESURRECTIO – SANCTISSIMAE TRINITATIS OPUS

648. Sự Phục Sinh của Đức Kitô là đối tượng của đức tin, vì đó là sự can thiệp siêu việt của chính Thiên Chúa trong công trình tạo dựng và trong lịch sử. Trong biến cố này, Ba Ngôi Thiên Chúa vừa cùng hoạt động chung, vừa biểu lộ tính cách riêng biệt của mỗi Ngôi. Sự Phục Sinh được thực hiện do quyền năng của Chúa Cha, Đấng “đã làm sống lại” (Cv 2,24) Đức Kitô, Con của Ngài, và bằng cách đó, Chúa Cha đưa nhân tính của Người, cùng với thân thể của Người, vào Ba Ngôi một cách hoàn hảo. Chúa Giêsu được mạc khải một cách vĩnh viễn là “Đấng đã từ cõi chết sống lại nhờ Thánh Thần, Người đã được đặt làm Con Thiên Chúa với tất cả quyền năng” (Rm 1,4). Thánh Phaolô nhấn mạnh đến việc Thiên Chúa biểu lộ quyền năng⁵⁷⁵ qua hoạt động của Chúa Thánh Thần, Đấng làm cho nhân tính đã chết của Chúa Giêsu được sống lại và kêu gọi nhân tính đó vào trạng thái vinh hiển của Chúa.

258

989

663

445

272

⁵⁷² X. 1 Cr 15,35-50.

⁵⁷³ *Canh thức Vượt qua, Công bố Tin Mừng Phục Sinh (“Exsultet”): Sách Lễ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 272.

⁵⁷⁴ X. Ga 14,22.

⁵⁷⁵ X. Rm 6,4; 2 Cr 13,4; Pl 3,10; Ep 1,19-22; Dt 7,16.

649. Về phần Chúa Con, Người thực hiện việc Phục Sinh của chính mình bằng sức mạnh của quyền năng thần linh của mình. Chúa Giêsu loan báo rằng Con Người sẽ phải chịu đau khổ, chịu chết rồi sống lại (động từ với nghĩa chủ động⁵⁷⁶). Nơi khác, Người xác quyết cách minh nhiên: “Tôi hy sinh mạng sống mình để rồi lấy lại... Tôi có quyền hy sinh và có quyền lấy lại mạng sống ấy” (Ga 10,17-18). “Chúng ta tin rằng Chúa Giêsu đã chết và đã sống lại” (1 Tx 4,14).

626 **650.** Các Giáo phụ chiêm ngắm sự Phục Sinh, khởi từ Ngôi Vị thần linh của Đức Kitô, Ngôi Vị này vẫn kết hợp với linh hồn Người và thân thể Người, khi hai phần đã bị tách biệt bởi cái chết: “Nhờ sự duy nhất của bản tính Thiên Chúa hiện diện ở cả hai phần của con người, nên hai phần bị chia lìa và tách biệt, lại được tái hợp và liên kết với nhau. Như vậy sự chết là do sự tách rời những phần vốn kết hợp, còn sự Phục Sinh là do sự kết hợp các phần bị tách rời”⁵⁷⁷.

1005

III. Ý NGHĨA VÀ ẢNH HƯỞNG CỨU ĐỘ CỦA SỰ PHỤC SINH SENSUS ET MOMENTUM RESURRECTIONIS SALVIFICUM

651. “Nếu Đức Kitô đã không sống lại, thì lời rao giảng của chúng tôi trống rỗng, và cả đức tin của anh em cũng trống rỗng” (1 Cr 15,14). Trước hết, sự Phục Sinh tạo nên việc xác nhận tất cả những gì chính Đức Kitô đã làm và đã giảng dạy. Tất cả các chân lý, kể cả những chân lý mà tâm trí nhân loại không thể đạt tới, đều được biện minh, một khi Đức Kitô phục sinh đưa ra lý chứng tối hậu, mà Người đã hứa, về thẩm quyền thần linh của Người.

129
274

652. Sự phục sinh của Đức Kitô là *việc hoàn thành những lời hứa của Cựu Ước*⁵⁷⁸ và của chính Chúa Giêsu trong cuộc đời trần thế của Người⁵⁷⁹. Kiểu nói “đúng như lời Thánh Kinh”⁵⁸⁰ nêu rõ rằng sự phục sinh của Đức Kitô đã hoàn thành các lời tiên báo này.

994
601

445 **653.** *Chân lý về thần tính của Chúa Giêsu* được xác nhận bằng sự phục sinh của Người. Người đã nói: “Khi các ông giương cao Con Người lên, bấy giờ các ông sẽ biết là Tôi Hằng Hữu” (Ga 8,28). Sự phục sinh của Đấng bị đóng đinh chứng minh rằng Người thật sự

⁵⁷⁶ X. Mc 8,31; 9,9.31; 10,34.

⁵⁷⁷ Thánh Grêgôriô Nyssêno, *De tridui inter mortem et resurrectionem Domini nostri Iesu Christi spatio: Gregorii Nysseni opera*, ed. W. Jaeger-H. Langerbeck, v. 9 (Leiden 1967) 293-294 (PG 46, 417); x. *Statuta Ecclesiae Antiqua*: DS 325; ĐGH Anastasiô II, *Thư In prolixitate epistulae*: DS 359; Thánh Hormidas, *Thư Inter ea quae*: DS 369; CĐ Tôlêđô XI, : DS 539.

⁵⁷⁸ X. Lc 24,26-27.44-48.

⁵⁷⁹ X. Mt 28,6; Mc 16,7; Lc 24,6-7.

⁵⁸⁰ X. 1 Cr 15,3-4; Tín biểu Nicêa-Constantinôpôli: DS 150.

là “Đấng Hằng Hữu”, là Con Thiên Chúa và là chính Thiên Chúa. Thánh Phaolô đã có thể tuyên bố với người Do thái: “Chúng tôi xin loan báo cho anh em Tin Mừng này: điều Thiên Chúa hứa với cha ông chúng ta, thì Ngài đã thực hiện cho chúng ta là con cháu các ngài, khi làm cho Chúa Giêsu sống lại, đúng như lời đã chép trong thánh vịnh thứ hai: Con là Con của Cha, ngày hôm nay Cha đã sinh ra Con” (Cv 13,32-33)⁵⁸¹. Sự Phục Sinh của Đức Kitô được liên kết chặt chẽ với mầu nhiệm Nhập Thể của Con Thiên Chúa. Sự phục sinh là việc hoàn thành mầu nhiệm này theo kế hoạch vĩnh cửu của Thiên Chúa.

422, 461

654. Trong mầu nhiệm Vượt Qua có hai khía cạnh: Đức Kitô, nhờ sự Chết của Người, giải thoát chúng ta khỏi tội lỗi, nhờ sự Phục Sinh của Người, mở đường cho chúng ta tiến vào cuộc sống mới. Trước hết, đây là *sự công chính hoá*, phục hồi chúng ta trong ân sủng của Thiên Chúa⁵⁸², để “cũng như Đức Kitô đã được sống lại từ cõi chết..., thì chúng ta cũng được sống một đời sống mới” (Rm 6,4). Đời sống mới này cốt tại việc chiến thắng cái chết của tội lỗi, và việc tham dự mới vào ân sủng⁵⁸³. Đời sống mới hoàn thành ơn được làm *nghĩa tử*, bởi vì người ta trở thành anh em của Đức Kitô, như chính Chúa Giêsu gọi các môn đệ Người sau cuộc phục sinh của Người: “Về báo cho anh em của Thầy” (Mt 28,10)⁵⁸⁴. Anh em đây không phải do bản tính, nhưng do hồng ân của ân sủng, bởi vì ơn được làm nghĩa tử cho chúng ta thật sự thông phần vào sự sống của Người Con Một, sự sống đó đã được mạc khải trọn vẹn trong sự Phục Sinh của Người.

1987

1996

655. Cuối cùng, sự phục sinh của Đức Kitô – và chính Đức Kitô phục sinh – là nguyên lý và nguồn mạch cho chúng ta *ngày sau được sống lại*: “Đức Kitô đã sống lại từ cõi chết, mở đường cho những ai đã an giấc ngàn thu... Như mọi người vì liên đới với Adam mà phải chết, thì mọi người nhờ liên đới với Đức Kitô, cũng được Thiên Chúa cho sống” (1 Cr 15,20-22). Trong khi mong đợi việc hoàn thành này, Đức Kitô phục sinh sống trong trái tim các tín hữu của Người. Nơi Người, các Kitô hữu được nếm “những sức mạnh của thế giới tương lai” (Dt 6,5) và đời sống của họ được Đức Kitô lôi cuốn vào trong lòng đời sống thần linh⁵⁸⁵, “để những ai đang sống, không còn sống cho chính mình nữa, mà sống cho Đấng đã chết và sống lại vì mình” (2 Cr 5,15).

989

1002

⁵⁸¹ X. Tv 2,7.⁵⁸² X. Rm 4,25.⁵⁸³ X. Ep 2,4-5; 1 Pr 1,3.⁵⁸⁴ X. Ga 20,17.⁵⁸⁵ X. Cl 3,1-3.

TÓM LƯỢC

656. Đức tin vào sự phục sinh có đối tượng là một biến cố, vừa được xác nhận theo lịch sử bằng lời chứng của các môn đệ, những người đã thật sự gặp Đấng Phục Sinh, đồng thời vừa có tính siêu việt một cách bí nhiệm, xét như là việc nhân tính của Đức Kitô tiến vào trong vinh quang của Thiên Chúa.

657. Ngôi mộ trống và những băng vải xếp ở đó tự chúng nói lên rằng, thân thể của Đức Kitô, nhờ quyền năng của Thiên Chúa, đã thoát khỏi xiềng xích của sự chết và sự hư nát. Những dấu chỉ đó chuẩn bị các môn đệ để họ gặp gỡ Đấng Phục Sinh.

658. Đức Kitô, “trưởng tử trong số những người từ cõi chết” (Cl 1,18), là nguyên lý của sự sống lại của chính chúng ta, ngay bây giờ nhờ sự công chính hóa linh hồn chúng ta⁵⁸⁶, và sau này nhờ sự làm cho thân thể chúng ta được sống⁵⁸⁷.

Mục 6

Chúa Giêsu “lên trời, ngự bên hữu Đức Chúa Cha phép tắc vô cùng”

Articulus 6

Iesus “ascendit ad caelos, sedet ad dexteram Dei Patris omnipotentis”

659. “Sau khi nói với họ, Chúa Giêsu được đưa lên trời và ngự bên hữu Thiên Chúa” (Mc 16,19). Thân thể Đức Kitô đã được vinh hiển ngay khi Người sống lại; điều này được chứng tỏ qua các đặc tính mới và siêu phàm mà thân thể của Người được hưởng từ đó và mãi mãi về sau⁵⁸⁸. Nhưng trong bốn mươi ngày, khi Người ăn uống thân mật với các môn đệ của Người⁵⁸⁹, và dạy dỗ họ về Nước Trời⁵⁹⁰, thì vinh quang của Người vẫn còn được che giấu dưới

⁵⁸⁶ X. Rm 6,4.

⁵⁸⁷ X. Rm 8,11.

⁵⁸⁸ X. Lc 24,31; Ga 20,19.26.

⁵⁸⁹ X. Cv 10,41.

⁵⁹⁰ X. Cv 1,3.

những nét của một nhân tính thông thường⁵⁹¹. Lần hiện ra cuối cùng của Chúa Giêsu được kết thúc bằng việc nhân tính của Người tiến vào vinh quang thần linh một cách vĩnh viễn; vinh quang này được tượng trưng bằng đám mây⁵⁹² và trời⁵⁹³, nơi từ nay Người ngự bên hữu Thiên Chúa⁵⁹⁴. Một cách ngoại lệ và duy nhất, Người sẽ tỏ mình ra cho thánh Phaolô “như cho một đứa trẻ sinh non” (1 Cr 15,8) và trong lần cuối cùng này, Người đặt ông làm Tông Đồ⁵⁹⁵.

660. Tính chất còn che giấu của vinh quang của Đấng Phục Sinh trong thời gian này được soi sáng qua những lời bí nhiệm Người nói với bà Maria Magdalêna: “Thầy chưa lên cùng Chúa Cha. Nhưng hãy đi gặp anh em Thầy và bảo họ: ‘Thầy lên cùng Cha của Thầy, cũng là Cha của anh em, lên cùng Thiên Chúa của Thầy, cũng là Thiên Chúa của anh em’” (Ga 20,17). Điều này nói lên sự khác biệt của việc biểu lộ giữa vinh quang của Đức Kitô phục sinh và vinh quang của Đức Kitô được tôn vinh bên hữu Chúa Cha. Biến cố Lên Trời, vừa có tính lịch sử đồng thời vừa có tính siêu việt, đánh dấu sự chuyển đổi từ vinh quang này đến vinh quang kia.

661. Bước cuối cùng này vẫn liên kết chặt chẽ với bước đầu tiên, nghĩa là với việc từ trời xuống thế, được thực hiện trong việc Nhập Thể. Chỉ có Đấng “từ Chúa Cha mà đến” mới có thể “trở về cùng Chúa Cha”: đó là Đức Kitô⁵⁹⁶. “Không ai đã lên trời, ngoại trừ Con Người, Đấng từ trời xuống” (Ga 3,13)⁵⁹⁷. Nhân loại, với sức tự nhiên của mình, không thể vào được “Nhà Cha”⁵⁹⁸, không thể đạt tới sự sống và sự vinh phúc của Thiên Chúa. Chỉ có Đức Kitô mới có thể mở lối cho con người tiến vào: “Người lên trời không phải để lìa xa thân phận yếu hèn của chúng con, nhưng để chúng con là chi thể của Người, tin tưởng được theo Người đến nơi mà chính Người là Đầu và là Thủ lãnh của chúng con đã đến trước”⁵⁹⁹.

662. “Phần tôi, một khi được giương cao lên khỏi mặt đất, tôi sẽ kéo mọi người lên với tôi” (Ga 12,32). Việc bị giương cao trên thập giá có ý chỉ và loan báo việc được đưa lên trời của mẫu nhiệm Thăng Thiên. Thập giá là khởi đầu của Thăng Thiên. Chúa Giêsu Kitô, vị Thượng Tế duy nhất của Giao Ước mới và vĩnh cửu, “đã chẳng vào

⁵⁹¹ X. Mc 16,12; Lc 24,15; Ga 20,14-15; 21,4.

⁵⁹² X. Cv 1,9; Lc 9,34-35; Xh 13,22.

⁵⁹³ X. Lc 24,51.

⁵⁹⁴ X. Mc 16,19; Cv 2,33; 7,56; Tv 110,1.

⁵⁹⁵ X. 1 Cr 9,1; Ga 1,16.

⁵⁹⁶ X. Ga 16,28.

⁵⁹⁷ X. Ep 4,8-10.

⁵⁹⁸ X. Ga 14,2.

⁵⁹⁹ *Kinh Tiền Tụng Lễ Chúa Thăng Thiên, I: Sách Lễ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 410.

1137 một cung thánh do tay người phạm làm ra... nhưng Người đã vào chính cõi trời, để giờ đây ra đứng trước mặt Thiên Chúa chuyển cầu cho chúng ta” (Dt 9,24). Trên trời, Đức Kitô thực thi chức tư tế của Người một cách thường hằng, “Người hằng sống để chuyển cầu cho họ” “nhờ Người mà tiến lại gần Thiên Chúa” (Dt 7,25). Với tư cách là “Thượng Tế đem phúc lộc của thế giới tương lai” (Dt 9,11), Người là trung tâm và là chủ sự của phụng vụ tôn vinh Chúa Cha trên trời⁶⁰⁰.

648 **663.** Đức Kitô, từ nay, *ngự bên hữu Chúa Cha*: “Khi nói rằng Người ngự bên hữu Chúa Cha, chúng ta muốn nói đến danh dự và vinh quang của thần tính, trong đó Con Thiên Chúa, với tư cách là Thiên Chúa và đồng bản thể với Chúa Cha, đã hiện hữu từ trước muôn đời, nay sau khi trở thành xác phạm, Người ngự một cách có thể nói được là thể lý, với thân thể Người đã đảm nhận, trong chính vinh quang đó”⁶⁰¹.

541 **664.** Việc Đức Kitô ngự bên hữu Chúa Cha có nghĩa là sự khai mạc Nước của Đấng Messia, sự hoàn thành thị kiến của tiên tri Daniel về Con Người: “Người được trao cho quyền thống trị, vinh quang và Nước; muôn người thuộc mọi dân tộc, quốc gia và ngôn ngữ đều phải phụng sự Người. Quyền thống trị của Người là quyền vĩnh cửu, không bao giờ mai một; Nước Người sẽ chẳng hề suy vong” (Đn 7,14). Kể từ lúc ấy, các Tông Đồ trở thành chứng nhân của “Nước sẽ không bao giờ cùng”⁶⁰².

TÓM LƯỢC

665. *Cuộc Thăng Thiên của Đức Kitô đánh dấu việc nhân tính của Chúa Giêsu vĩnh viễn tiến vào quyền năng thiên giới của Thiên Chúa, từ đó Người sẽ lại đến*⁶⁰³, *nhưng trong khoảng thời gian đó, việc Thăng Thiên đã che giấu Người khỏi mắt người ta*⁶⁰⁴.

666. *Chúa Giêsu Kitô, là Đầu của Hội Thánh, đã đi trước chúng ta vào Nước vinh hiển của Chúa Cha, để chúng ta, là chi thể của Thân Thể Người, sống trong niềm hy vọng một ngày kia sẽ được vĩnh viễn ở với Người.*

⁶⁰⁰ X. Kh 4,6-11.

⁶⁰¹ Thánh Gioan Đamascênô, *Expositio fidei*, 75 [De fide orthodoxa, 4, 2]: PTS 12, 173 (PG 94, 1104).

⁶⁰² X. *Tín biểu Nicêa-Constantinôpôli*: DS 150.

⁶⁰³ X. Cv 1,11.

⁶⁰⁴ X. Cl 3,3.

667. Chúa Giêsu Kitô, đã tiến vào cung thánh trên trời một lần cho mãi mãi, không ngừng chuyển cầu cho chúng ta với tư cách là Đấng trung gian, Đấng luôn luôn tuôn ban Chúa Thánh Thần cho chúng ta.

Mục 7

“Ngày sau bởi trời”,

Người “lại xuống phán xét kẻ sống và kẻ chết”

Articulus 7

“inde venturus est iudicare vivos et mortuos”

I. “NGƯỜI SẼ TRỞ LẠI TRONG VINH QUANG”

“ITERUM VENTURUS EST CUM GLORIA”

Đức Kitô đã hiển trị nhờ Hội Thánh...

668. “Đức Kitô đã chết và sống lại chính là để làm Chúa kẻ sống cũng như kẻ chết” (Rm 14,9). Việc Đức Kitô lên trời cho thấy nhân tính của Người cũng được tham dự vào quyền năng và uy quyền của chính Thiên Chúa. Chúa Giêsu Kitô là Chúa: Người nắm mọi quyền bính trên trời dưới đất. Người “vượt trên mọi quyền lực thần thiêng, trên mọi tước vị có thể có được” vì Chúa Cha “đã đặt tất cả dưới chân Người” (Ep 1,20-22). Đức Kitô là Chúa của tất cả vũ trụ⁶⁰⁵ và của lịch sử. Nơi Người, lịch sử của con người, kể cả toàn bộ công trình tạo dựng, tìm gặp được “nơi quy tụ” của mình⁶⁰⁶, tột đỉnh siêu việt của mình. 450 518

669. Là Chúa, Đức Kitô cũng là Đầu Hội Thánh, Thân Thể của Người⁶⁰⁷. Được đưa lên trời và được tôn vinh sau khi chu toàn sứ vụ, Đức Kitô vẫn hiện diện nơi trần thế trong Hội Thánh của Người. Công trình cứu chuộc là nguồn mạch của quyền bính mà Đức Kitô thực thi trong Hội Thánh bằng sức mạnh của Chúa Thánh Thần⁶⁰⁸. “Nước của Đức Kitô đã hiện diện một cách mầu 792 1088 541

⁶⁰⁵ X. Ep 4,10; 1 Cr 15,24.27-28.

⁶⁰⁶ X. Ep 1,10.

⁶⁰⁷ X. Ep 1,22.

⁶⁰⁸ X. Ep 4,11-13.

nhiệm”⁶⁰⁹ trong Hội Thánh, là “hạt giống và điểm khởi đầu của Nước Trời nơi trần thế”⁶¹⁰.

1042 **670.** Khởi từ cuộc Thăng Thiên, kế hoạch của Thiên Chúa bước vào giai đoạn hoàn thành. Chúng ta đang sống trong “giờ cuối cùng” (1 Ga 2,18)⁶¹¹. “Quả vậy, những thời đại cuối cùng đã đến với chúng ta và sự canh tân trần gian đã được thiết lập một cách không thể đảo ngược, và trong thời đại này sự canh tân đó đã được tiên dự một cách hiện thực nào đó: thật vậy, Hội Thánh nơi trần
825 gian được ghi dấu bằng sự thánh thiện thật, tuy còn bất toàn”⁶¹².
547 Nước Đức Kitô đã biểu lộ sự hiện diện của mình nhờ những dấu chỉ kỳ diệu⁶¹³ đi kèm theo việc loan báo Nước đó nhờ Hội Thánh⁶¹⁴.

... cho tới khi mọi sự quy phục Người

1043 **671.** Tuy nhiên, Nước Đức Kitô, đang hiện diện trong Hội Thánh của Người, chưa phải là tuyệt đối với “quyền năng và vinh quang” (Lc 21,27)⁶¹⁵ do việc Vua ngự đến trần gian. Nước này còn bị các thế lực sự dữ tấn công⁶¹⁶, mặc dù chúng đã bị đánh bại tận gốc rễ
769, 773 do cuộc Vượt Qua của Đức Kitô. Cho tới khi mọi sự quy phục Người⁶¹⁷, “cho tới khi có trời mới đất mới, nơi công lý ngự trị, Hội Thánh lữ hành, trong các bí tích và các định chế của mình, vốn là những điều thuộc thời đại này, vẫn mang hình dáng của thời đại chóng qua này và chính Hội Thánh đang sống giữa các thụ tạo còn đang rên siết và quằn quại như sắp sinh nở và mong đợi cuộc tỏ hiện của các con cái Thiên Chúa”⁶¹⁸. Vì vậy, các Kitô hữu cầu nguyện, nhất là trong bí tích Thánh Thể⁶¹⁹, để Đức Kitô mau lại đến⁶²⁰, bằng cách thưa với Người: “Lạy Chúa, xin ngự đến !” (Kh 22,20)⁶²¹.

1043, 2046
2817

672. Đức Kitô, trước cuộc Thăng Thiên của Người, đã khẳng định rằng chưa đến giờ Người thiết lập Nước của Đấng Messia một cách

⁶⁰⁹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 3: AAS 57 (1965) 6.

⁶¹⁰ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 5: AAS 57 (1965) 8.

⁶¹¹ X. 1 Pr 4,7.

⁶¹² CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 48: AAS 57 (1965) 53.

⁶¹³ X. Mc 16,17-18.

⁶¹⁴ X. Mc 16,20.

⁶¹⁵ X. Mt 25,31.

⁶¹⁶ X. 2 Tx 2,7.

⁶¹⁷ X. 1 Cr 15,28.

⁶¹⁸ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 48: AAS 57 (1965) 53.

⁶¹⁹ X. 1 Cr 11,26.

⁶²⁰ X. 2 Pr 3,11-12.

⁶²¹ X. 1 Cr 16,22; Kh 22,17.

vinh hiển mà Israel mong đợi⁶²², Nước đó phải mang lại cho mọi người, theo lời các tiên tri⁶²³, một trật tự vĩnh viễn của công lý, của tình yêu, và của hoà bình. Thời gian hiện tại, theo Chúa, là thời gian của Thần Khí và của việc làm chứng⁶²⁴, nhưng cũng là thời gian được ghi dấu bằng nỗi khó khăn hiện tại⁶²⁵ và bằng sự thử thách của sự dữ⁶²⁶, thời gian này không buông tha Hội Thánh⁶²⁷, và khởi đầu cuộc chiến của những ngày sau cùng⁶²⁸. Đây là thời gian của sự mong đợi và tỉnh thức⁶²⁹. 732 2612

Việc Ngự đến vinh hiển của Đức Kitô, niềm hy vọng của Israel

673. Sau cuộc Thăng Thiên, việc Ngự đến trong vinh quang của Đức Kitô luôn gần kề⁶³⁰, mặc dù chúng ta “không biết thời giờ và kỳ hạn Chúa Cha đã toàn quyền sắp đặt” (Cv 1,7)⁶³¹. Biến cố cánh chung này có thể xảy ra bất cứ lúc nào⁶³², mặc dù chính biến cố đó cũng như cuộc thử thách cuối cùng phải xảy ra trước biến cố đó, còn được “trì hoãn”⁶³³. 1040, 1048

674. Việc Ngự đến của Đấng Messia vinh hiển vào bất cứ lúc nào trong lịch sử tùy thuộc⁶³⁴ vào việc Người được nhận biết bởi “toàn thể Israel”⁶³⁵ mà một phần dân ấy còn cứng lòng⁶³⁶ “không tin” (Rm 11,20) vào Chúa Giêsu. Thánh Phêrô nói với người Do Thái ở Giêrusalem sau lễ Ngũ Tuần: “Anh em hãy sám hối và trở lại cùng Thiên Chúa, để Ngài xóa bỏ tội lỗi cho anh em. Như vậy, thời kỳ an lạc mà Chúa ban cho anh em sẽ đến, khi Ngài sai Đấng Kitô Ngài đã dành cho anh em, là Chúa Giêsu. Chúa Giêsu còn phải được giữ lại trên trời, cho đến thời phục hồi vạn vật, thời mà Thiên Chúa đã dùng miệng các vị thánh ngôn sứ của Ngài mà loan báo tự ngàn xưa” (Cv 3,19-21). Thánh Phaolô cũng nhắc lại điều

⁶²² X. Cv 1,6-7.

⁶²³ X. Is 11,1-9.

⁶²⁴ X. Cv 1,8.

⁶²⁵ X. 1 Cr 7,26.

⁶²⁶ X. Ep 5,16.

⁶²⁷ X. 1 Pr 4,17.

⁶²⁸ X. 1 Ga 2,18; 4,3; 1 Tm 4,1.

⁶²⁹ X. Mt 25,1-13; Mc 13,33-37.

⁶³⁰ X. Kh 22,20.

⁶³¹ X. Mc 13,32.

⁶³² X. Mt 24,44; 1 Tx 5,2.

⁶³³ X. 2 Tx 2,3-12.

⁶³⁴ X. Rm 11,31.

⁶³⁵ X. Rm 11,26; Mt 23,39.

⁶³⁶ X. Rm 11,25.

đó: “Thật vậy, nếu vì họ bị gạt ra một bên mà thế giới được hòa giải với Thiên Chúa, thì việc họ được thâu nhận lại là gì, nếu không phải là từ cõi chết bước vào cõi sống?” (Rm 11,15). Việc gia nhập của đông đủ người Do Thái⁶³⁷ vào ơn cứu độ của Đấng Messia, sau việc gia nhập đông đủ của các dân ngoại⁶³⁸, sẽ làm cho dân Chúa đạt “tới tâm vóc viên mãn của Đức Kitô” (Ep 4,13), trong đó, 58 “Thiên Chúa có toàn quyền trên muôn loài” (1 Cr 15,28).

Cuộc thử thách cuối cùng của Hội Thánh

769 **675.** Trước cuộc Ngự đến của Đức Kitô, Hội Thánh phải trải qua một cuộc thử thách cuối cùng, làm lung lạc đức tin của nhiều tín hữu⁶³⁹. Cuộc bách hại, luôn đi theo Hội Thánh trên đường lữ thứ trần gian⁶⁴⁰, sẽ làm lộ rõ “mâu nhiệm sự dữ” dưới hình thức một sự đánh lừa về tôn giáo, có vẻ như mang đến cho người ta một giải pháp về các vấn đề của họ với giá phải trả là sự chối bỏ chân lý. Sự đánh lừa về tôn giáo ở mức cao nhất là của tên Phản Kitô, nghĩa là, của một chủ nghĩa Messia giả hiệu, trong đó con người tự tôn vinh chính mình thay vì tôn vinh Thiên Chúa và Đấng Messia của Ngài đã đến trong xác phàm⁶⁴¹.

676. Sự đánh lừa của tên Phản Kitô đã được phác họa trên trần gian mỗi khi người ta cho rằng mình thực hiện được trong lịch sử niềm hy vọng về Đấng Messia, một niềm hy vọng vốn chỉ có thể được hoàn thành vượt quá giới hạn lịch sử, nhờ cuộc phán xét cánh chung: Hội Thánh đã bác bỏ sự giả mạo này về Vương quốc tương lai, và cả dưới một hình thức giảm nhẹ của sự giả mạo đó, có tên là thuyết ngàn năm (millenarismus)⁶⁴², nhất là dưới một hình thức chính trị của một chủ thuyết Messia đã bị tục hoá (messianismus saecularizatus), “đòi bại tự bản chất”⁶⁴³.

1340 **677.** Hội Thánh chỉ tiến vào vinh quang Nước Trời sau cuộc Vượt Qua cuối cùng này, trong đó Hội Thánh đi theo Chúa của mình trong sự chết và sự sống lại của Người⁶⁴⁴. Vì vậy Nước Trời sẽ không được thực hiện bằng một chiến thắng của Hội Thánh trong lịch sử⁶⁴⁵, theo một đà tiến từ dưới đi lên nào đó, nhưng bằng sự chiến thắng của Thiên Chúa trên cuộc tấn công cuối cùng của sự

⁶³⁷ X. Rm 11,12.

⁶³⁸ X. Rm 11,25; Lc 21,24.

⁶³⁹ X. Lc 18,8; Mt 24,12.

⁶⁴⁰ X. Lc 21,12; Ga 15,19-20.

⁶⁴¹ X. 2 Tx 2,4-12; 1 Tx 5,2-3; 2 Ga 7; 1 Ga 2,18.22.

⁶⁴² X. Sanctum Officium, *Decretum de millenarismo* (19-7-1944): DS 3839.

⁶⁴³ X. ĐGH Piô XI, Thông điệp *Divini Redemptoris* (19-3-1937): AAS 29. (1937) 65-106; CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 20-21: AAS 58 (1966) 1040-1042.

⁶⁴⁴ X. Kh 19,1-9.

⁶⁴⁵ X. Kh 13,8.

dữ⁶⁴⁶, sự chiến thắng đó làm cho Tân nương của Ngài từ trời xuống⁶⁴⁷. Chiến thắng của Thiên Chúa trên sự nổi loạn của sự dữ sẽ mang hình thức cuộc Phán Xét cuối cùng⁶⁴⁸, sau cuộc đảo lộn cuối cùng khắp vũ trụ của trần gian đang qua đi⁶⁴⁹. 2853

II. “ĐỂ PHÁN XÉT KẸ SỐNG VÀ KẸ CHẾT”

1038-1041

“IUDICARE VIVOS ET MORTUOS”

678. Chúa Giêsu, sau các Tiên tri⁶⁵⁰ và ông Gioan Tẩy Giả⁶⁵¹, trong lời rao giảng của mình, đã loan báo cuộc Phán Xét vào ngày tận thế. Lúc đó những cách sống của mỗi người⁶⁵² và sự kín nhiệm trong các tâm hồn⁶⁵³ được đưa ra ánh sáng. Lúc đó tội cứng lòng tin, tức là tội coi thường ân sủng do Thiên Chúa ban, sẽ bị kết án⁶⁵⁴. Cách đối xử với đồng loại sẽ biểu lộ là người ta đã đón nhận hay đã từ chối ân sủng và tình yêu Thiên Chúa⁶⁵⁵. Chúa Giêsu sẽ phán trong ngày tận thế: “Mỗi lần các người làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các người đã làm cho chính Ta vậy” (Mt 25,40). 1470

679. Đức Kitô là Chúa của sự sống vĩnh cửu. Thẩm quyền đầy đủ để xét xử một cách vĩnh viễn về các công việc và các tâm hồn của mọi người là thuộc về Người, với tư cách là Đấng Cứu Chuộc trần gian. Người “đã đạt được” quyền này nhờ thập giá của Người. Chúa Cha cũng “đã ban cho Người Con mọi quyền xét xử” (Ga 5,22)⁶⁵⁶. Nhưng Chúa Con không đến để xét xử, mà để cứu độ⁶⁵⁷, và để ban sự sống Người có nơi chính mình⁶⁵⁸. Qua việc từ chối ân sủng khi còn sống ở đời này, mỗi người tự xét xử chính mình⁶⁵⁹, lãnh nhận tùy theo các công việc của mình⁶⁶⁰, và cũng có thể tự kết án mình muôn đời khi từ chối Thần Khí tình yêu⁶⁶¹. 1021

⁶⁴⁶ X. Kh 20,7-10.

⁶⁴⁷ X. Kh 21,2-4.

⁶⁴⁸ X. Kh 20,12.

⁶⁴⁹ X. 2 Pr 3,12-13.

⁶⁵⁰ X. Đn 7,10; Ge 3,4; Ml 3,19.

⁶⁵¹ X. Mt 3,7-12.

⁶⁵² X. Mc 12,38-40.

⁶⁵³ X. Lc 12,1-3; Ga 3,20-21; Rm 2,16; 1 Cr 4,5.

⁶⁵⁴ X. Mt 11,20-24; 12,41-42.

⁶⁵⁵ X. Mt 5,22; 7,1-5.

⁶⁵⁶ X. Ga 5,27; Mt 25,31; Cv 10,42; 17,31; 2 Tm 4,1.

⁶⁵⁷ X. Ga 3,17.

⁶⁵⁸ X. Ga 5,26.

⁶⁵⁹ X. Ga 3,18; 12,48.

⁶⁶⁰ X. 1 Cr 3,12-15.

⁶⁶¹ X. Mt 12,32; Dt 6,4-6; 10,26-31.

TÓM LƯỢC

680. Chúa Kitô đã hiến trọn nhờ Hội Thánh, nhưng mọi sự ở trần gian này chưa quy phục Người. Chiến thắng của Nước Đức Kitô sẽ chỉ đến sau cuộc tấn công cuối cùng của các thế lực sự dữ.

681. Trong Ngày Phán Xét, lúc cùng tận trần gian, Đức Kitô sẽ đến trong vinh quang để hoàn thành cuộc chiến thắng vĩnh viễn của sự lành trên sự dữ, cả hai, như lúa tốt và cỏ lùng, đã cùng phát triển trong suốt dòng lịch sử.

682. Đức Kitô vinh hiển, khi ngự đến vào lúc cùng tận thời gian để phán xét kẻ sống và kẻ chết, sẽ làm tỏ lộ những điều kín nhiệm trong các tâm hồn và sẽ trả lại cho mỗi người tùy theo các công việc của họ và tùy theo việc họ đã đón nhận hoặc từ chối ân sủng.

CHƯƠNG BA

TÔI TIN KÍNH ĐỨC CHÚA THÁNH THẦN

CAPUT TERTIUM

CREDO IN SPIRITUM SANCTUM

683. “Không ai có thể nói rằng: ‘Đức Giêsu là Chúa’, nếu người ấy không ở trong Thần Khí” (1 Cr 12,3). “Thiên Chúa đã sai Thần Khí của Con mình đến ngự trong lòng anh em mà kêu lên: ‘Abba, Cha ơi!’” (Gl 4,6). Sự nhận biết đó của đức tin chỉ có thể có được trong Chúa Thánh Thần. Để được hiệp thông với Đức Kitô, trước hết cần phải được Chúa Thánh Thần đánh động. Ngài đến với chúng ta trước và khơi dậy đức tin trong chúng ta. Nhờ phép Rửa Tội của chúng ta, là bí tích đầu tiên của đức tin, mà sự sống, vốn bắt nguồn nơi Chúa Cha và được ban cho chúng ta trong Chúa Con, được truyền thông một cách thân mật và cá vị bởi Chúa Thánh Thần trong Hội Thánh: 424, 2670

Bí tích Rửa Tội “ban cho chúng ta ơn tái sinh trong Chúa Cha, nhờ Con của Ngài, trong Chúa Thánh Thần. Bởi vì những ai mang Thần Khí Thiên Chúa, thì được dẫn đến với Ngôi Lời, nghĩa là đến với Chúa Con; nhưng Chúa Con trình diện họ với Chúa Cha và Chúa Cha ban cho họ sự bất diệt. Vì vậy, không có Thần Khí thì không thể thấy Con Thiên Chúa, và không có Chúa Con thì không ai có thể đến gần Chúa Cha, bởi vì Chúa Con là sự nhận biết Chúa Cha, và sự nhận biết Con Thiên Chúa là nhờ Chúa Thánh Thần”¹. 249

684. Chúa Thánh Thần, bằng ân sủng của mình, là Đấng đầu tiên trong việc khơi dậy đức tin của chúng ta và trong sự sống mới, sự sống đó là nhận biết Chúa Cha và Đấng Chúa Cha đã sai đến là Chúa Giêsu Kitô². Tuy nhiên Chúa Thánh Thần lại là Đấng cuối cùng trong cuộc mạc khải các Ngôi Vị trong Ba Ngôi Chí Thánh. Thánh Grêgôriô Nazianzêno, “Nhà thần học”, giải thích tiến trình này qua đường lối sư phạm là “sự hạ cố” của Thiên Chúa: 236

“Cựu Ước đã giảng dạy một cách tỏ tường về Chúa Cha, nhưng một cách hơi lơ mờ về Chúa Con. Rồi Tân Ước cho chúng ta thấy cách rõ ràng về Chúa Con, và trình bày một cách lơ mờ nào đó

¹ Thánh Irênê, *Demonstratio praedicationis apostolicae*, 7: SC 62, 41-42.

² X. Ga 17,3.

về thần tính của Chúa Thánh Thần. Còn bây giờ, chính Thần Khí ngự giữa chúng ta và công bố cho chúng ta một cách tỏ tường hơn về Ngài. Quả vậy, sẽ là không khôn ngoan, nếu thần tính của Chúa Cha chưa được tuyên xưng, mà đã giảng dạy cách tỏ tường về Chúa Con; và nếu thần tính của Chúa Con chưa được đón nhận, thì việc giảng dạy về Chúa Thánh Thần, nói một cách quá đáng, là như chất thêm một gánh khá nặng cho chúng ta: ... Nhờ những tiếp cận âm thầm thích hợp hơn và ... những tiến dần lên, rồi những phát triển và tăng tiến ‘từ sự sáng sủa này đến sự sáng sủa khác’, ánh sáng của mầu nhiệm Ba Ngôi chiếu tỏ những tia sáng rạng ngời”³.

- 236 **685.** Vì vậy, tin vào Chúa Thánh Thần là tuyên xưng rằng Ngài là Một trong Ba Ngôi Chí Thánh, đồng bản thể với Chúa Cha và Chúa Con, “được phụng thờ và tôn vinh cùng với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con”⁴. Do đó, vấn đề về mầu nhiệm thần linh của Chúa Thánh Thần đã được trình bày trong “thần học về Ba Ngôi”. Vì vậy ở đây chúng ta chỉ bàn về Chúa Thánh Thần trong “Nhiệm cục” thần linh.
- 258 **686.** Chúa Thánh Thần cùng hoạt động với Chúa Cha và Chúa Con từ lúc khởi đầu cho đến khi hoàn tất kế hoạch cứu độ chúng ta. Nhưng chỉ trong “thời sau hết”, bắt đầu từ cuộc Nhập Thể cứu chuộc của Chúa Con, Chúa Thánh Thần mới được mạc khải và truyền thông, được nhận biết và đón nhận với tư cách là một Ngôi Vị. Lúc đó kế hoạch của Thiên Chúa, được hoàn thành trong Đức Kitô, Đấng là “Trưởng tử” và là Đầu của công trình tạo dựng mới, đã có thể được thành hình cụ thể trong nhân loại nhờ việc tuôn đổ Thần Khí: Hội Thánh, các Thánh thông công, phép tha tội, xác phàm sẽ sống lại, và sự sống đời đời.

Mục 8

“Tôi tin kính Đức Chúa Thánh Thần”

Articulus 8

“Credo in Spiritum Sanctum”

- 243 **687.** “Không ai biết được những gì nơi Thiên Chúa, nếu không phải là Thần Khí của Thiên Chúa” (1 Cr 2,11). Tuy nhiên, Thần Khí,

³ Thánh Grêgôriô Nazianzêno, *Oratio* 31 (Theologica 5), 26: SC 250, 326 (PG 36, 161-164).

⁴ *Tín biểu Nicêa-Constantinôpôli*: DS 150.

Đấng mạc khải Thiên Chúa, làm cho chúng ta nhận biết Đức Kitô, Ngôi Lời hằng sống của Thiên Chúa, lại không nói về chính mình Ngài. “Ngài đã dùng các Tiên tri mà phán dạy”⁵ để giúp chúng ta nghe được Lời của Chúa Cha. Nhưng chúng ta không nghe tiếng Chúa Thánh Thần. Chúng ta chỉ nhận biết Ngài trong tiến trình Ngài mạc khải Ngôi Lời cho chúng ta và chuẩn bị cho chúng ta đón nhận Ngôi Lời trong đức tin. Thần chân lý, Đấng “vén màn” Đức Kitô cho chúng ta, không nói về chính mình Ngài⁶. Sự ẩn mình mang tính chất thần linh cách riêng biệt như vậy giải thích tại sao Ngài là “Đấng mà thế gian không thể đón nhận, vì thế gian không thấy và cũng chẳng biết Ngài” còn những ai tin vào Đức Kitô, thì nhận biết Ngài, bởi vì Ngài luôn ở với họ (Ga 14,17).

688. Hội Thánh, sự hiệp thông sống động trong đức tin của các Tông Đồ do chính Hội Thánh lưu truyền, là môi trường để chúng ta nhận biết Chúa Thánh Thần:

- trong Thánh Kinh do Ngài linh hứng;
- trong Thánh Truyền, mà các Giáo phụ là những chứng nhân luôn hiện đại;
- trong Huấn quyền của Hội Thánh, được Ngài trợ lực;
- trong phụng vụ bí tích, qua các lời nói và các biểu tượng của bí tích, trong đó Chúa Thánh Thần làm cho chúng ta được hiệp thông với Đức Kitô;
- trong kinh nguyện, chính Ngài chuyển cầu cho chúng ta;
- trong các đặc sủng và các thừa tác vụ, nhờ đó Hội Thánh được xây dựng;
- trong các dấu chỉ của đời sống tông đồ và thừa sai;
- trong chứng từ của các Thánh, qua đó Ngài biểu lộ sự thánh thiện của Ngài và tiếp tục công trình cứu độ.

I. SỨ VỤ PHỐI HỢP CỦA CHÚA CON VÀ CHÚA THÁNH THẦN CONIUNCTA FILII ET SPIRITUS MISSIO

689. Đấng mà Chúa Cha đã sai đến trong tâm hồn chúng ta, Thần Khí của Con Ngài⁷, Đấng ấy thật sự là Thiên Chúa. Là Đấng đồng bản thể với Chúa Cha và Chúa Con, Ngài không thể bị tách biệt khỏi Chúa Cha và Chúa Con, trong đời sống thâm sâu của Ba Ngôi cũng như trong hồng ân tình yêu của Ba Ngôi dành cho trần gian. Nhưng đức tin của Hội Thánh, khi tôn thờ Ba Ngôi Chí Thánh ban

245

⁵ *Tín biểu Nicêa-Constantinôpôli*: DS 150.

⁶ X. Ga 16,13.

⁷ X. Gl 4,6.

sự sống, đồng bản thể và không thể phân chia, cũng tuyên xưng sự
 254 phân biệt giữa các Ngôi Vị. Khi Chúa Cha sai Lời của Ngài đến,
 485 Ngài luôn sai Thần Khí của Ngài nữa: một sứ vụ phối hợp trong đó
 Chúa Con và Chúa Thánh Thần được phân biệt, nhưng không thể
 tách biệt. Đức Kitô là Đấng xuất hiện vì Người là hình ảnh hữu
 hình của Thiên Chúa vô hình, nhưng chính Chúa Thánh Thần là
 Đấng mạc khải Đức Kitô.

436 **690.** Chúa Giêsu là Đức Kitô, “Đấng được xức dầu”, bởi vì Thần
 Khí là sự Xức dầu của Người, và mọi sự xảy ra khởi từ cuộc Nhập
 Thể, đều bắt nguồn từ sự sung mãn này⁸. Sau cùng, khi Đức Kitô
 được tôn vinh⁹, đến lượt Người, Người có thể sai Thần Khí từ nơi
 Chúa Cha đến với những ai tin vào Người: Người truyền thông cho
 họ vinh quang của mình¹⁰, nghĩa là truyền thông Chúa Thánh
 Thần, Đấng tôn vinh Người¹¹. Từ lúc đó, sứ vụ phối hợp này được
 788 mở rộng đến những người được Chúa Cha nhận làm nghĩa tử trong
 thân thể của Con Ngài: sứ vụ của Thần Khí nghĩa tử sẽ là kết hợp
 họ với Đức Kitô và làm cho họ sống trong Người.

“Việc Xức dầu nói lên ý nghĩa là không có khoảng cách nào giữa
 Chúa Con và Chúa Thánh Thần; cũng như lý trí và giác quan
 không nhận thấy một trung gian nào giữa da thịt và dầu xức, thì
 sự kết hợp giữa Chúa Con và Chúa Thánh Thần cũng không thể
 phân chia như vậy, đến độ ai muốn tiếp xúc với Đức Kitô bằng
 đức tin, cần phải tiếp xúc với dầu trước đã: quả vậy, không có
 chi thể nào, mà không có Chúa Thánh Thần. Vì vậy, việc tuyên
 xưng quyền làm Chúa của Chúa Con được thực hiện trong Chúa
 448 Thánh Thần do những kẻ đón nhận Chúa Con, những người này
 được Chúa Thánh Thần từ muôn phương đến gặp khi họ đến với
 Chúa Con bằng đức tin”¹².

II. DANH XÚNG, CÁC DANH HIỆU VÀ CÁC BIỂU TƯỢNG CỦA CHÚA THÁNH THẦN

SPIRITUS SANCTI NOMEN, APPELLATIONES ET SYMBOLA

Danh xưng riêng của Chúa Thánh Thần

691. “Chúa Thánh Thần” là danh xưng riêng của Đấng chúng ta
 phụng thờ và tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Con. Hội

⁸ X. Ga 3,34.

⁹ X. Ga 7,39.

¹⁰ X. Ga 17,22.

¹¹ X. Ga 16,14.

¹² Thánh Grêgôriô Nyssênô, *Adversus Macedonianos de Spiritu Sancto*, 16: *Gregorii Nysseni opera*, ed. W. Jaeger-H. Langerbeck, v. 3/1 (Leiden 1958) 102-103 (PG 45, 1321).

Thánh đã lãnh nhận danh xưng này từ Chúa Giêsu và tuyên xưng danh này trong bí tích Rửa Tội của những người con mới của mình¹³.

Từ “Thần Khí” xuất phát từ chữ *Ruah* trong tiếng Do thái và có nghĩa đầu tiên là hơi thở, không khí, gió. Chúa Giêsu dùng đúng hình ảnh khả giác “gió” để gợi ý cho ông Nicôđêmo hiểu sự mới mẻ siêu việt của Đấng, theo Ngôi Vị, là Hơi Thở của Thiên Chúa, là Thần Khí¹⁴. Đàng khác, “Thánh” và “Thần” là những thuộc tính thần linh chung cho Ba Ngôi Vị thần linh. Nhưng Thánh Kinh, phụng vụ và ngôn ngữ thần học, khi kết hợp hai từ đó lại với nhau, muốn nói cách riêng đến Ngôi Vị khôn tả của Chúa Thánh Thần, không thể nào lẫn lộn với những cách sử dụng khác của các từ “thánh” và “thần”.

Những danh hiệu của Chúa Thánh Thần

692. Khi Chúa Giêsu loan báo và hứa rằng Chúa Thánh Thần sẽ ngự đến, Người gọi Chúa Thánh Thần là “Đấng Bào Chữa” (*Paracletus*), hoặc sát chữ là “Đấng được gọi đến bên mình”, *advocatus* (Ga 14,16.26; 15,26; 16,7). *Paracletus* cũng thường được dịch là “Đấng An ủi”, và Chúa Giêsu là Đấng An ủi thứ nhất¹⁵. Chính Chúa gọi Chúa Thánh Thần là “Thần chân lý”¹⁶. 1433

693. Ngoài danh xưng riêng của Ngài, rất thường được dùng trong sách Công Vụ Tông Đồ và các Thánh Thư, ta còn thấy những danh hiệu nơi thánh Phaolô như sau: Thần Khí của lời hứa (Ep 1,13; Gl 3,14), Thần Khí nghĩa tử (Rm 8,15; Gl 4,6), Thần Khí của Đức Kitô (Rm 8,9) Thần Khí của Chúa (2 Cr 3,17), Thần Khí của Thiên Chúa (Rm 8,9.14; 15,19; 1 Cr 6,11; 7,40); và nơi thánh Phêrô: Thần Khí của vinh quang (1 Pr 4,14).

Những biểu tượng chỉ Chúa Thánh Thần

694. *Nước.* Trong bí tích Rửa Tội, nước là một biểu tượng nói lên tác động của Chúa Thánh Thần, vì vậy, sau lời khấn cầu Chúa Thánh Thần, nước trở thành dấu chỉ bí tích hữu hiệu của việc tái sinh: giống như trong lần sinh ra thứ nhất chúng ta được cứu mang trong nước, thì cũng vậy, nước Rửa Tội thật sự nói lên rằng việc chúng ta được sinh vào đời sống thần linh được ban trong Chúa Thánh Thần. Nhưng, “chúng ta đều đã chịu phép rửa trong cùng một Thần Khí”, “và tất cả chúng ta đã được đầy tràn một Thần Khí duy nhất” (1 Cr 12,13): Vì vậy đích thân Thần Khí 1218

¹³ X. Mt 28,19.

¹⁴ X. Ga 3,5-8.

¹⁵ X. 1 Ga 2,1 (*parakleton*).

¹⁶ X. Ga 16,13.

cũng là Nước hằng sống, chảy ra từ Đức Kitô chịu đóng đinh thập giá¹⁷ như từ nguồn mạch của mình, và vọt ra thành sự sống vĩnh cửu trong chúng ta¹⁸.

1293 **695. Sự xúc dầu.** Sự xúc dầu cũng là một biểu tượng nói về Chúa Thánh Thần, đến độ từ này trở thành đồng nghĩa với Chúa Thánh Thần¹⁹. Trong nghi thức khai tâm Kitô giáo, việc xúc dầu là dấu chỉ bí tích của phép Thêm Sức, mà các Giáo Hội Đông phương gọi cách chính xác là “Sự Xúc dầu thánh” (“*Christmatio*”). Nhưng để hiểu thật rõ, phải trở lại với cuộc xúc dầu đầu tiên bởi Chúa Thánh Thần: cuộc xúc dầu cho Chúa 436 Giêsu. “Kitô” (tiếng Do thái là Messia) có nghĩa là “người được xúc dầu” bằng Thần Khí Thiên Chúa. Trong Cựu Ước, có một số nhân vật là “những người được xúc dầu” của Chúa²⁰, nổi bật là vua David²¹. Nhưng Chúa Giêsu là Đấng Được Xúc Dầu của Thiên Chúa một cách độc nhất vô nhị: nhân tính mà Chúa Con đảm nhận, “được xúc dầu bằng Chúa Thánh Thần” một cách trọn vẹn. Chúa Giêsu được Chúa Thánh Thần thiết đặt làm “Đức Kitô”²². Đức Trinh Nữ Maria thụ thai Đức Kitô bởi Chúa Thánh Thần, Đấng đã dùng Thiên thần loan báo rằng Người là Đức Kitô khi Người giáng sinh²³, và là Đấng thúc đẩy ông Simêon đến đền thờ để ông 1504 được thấy Đức Kitô của Chúa²⁴; Đức Kitô được đầy Thánh Thần²⁵, và sức mạnh của Chúa Thánh Thần xuất phát từ Đức Kitô trong những hành vi chữa lành và cứu độ của Người²⁶. Cuối cùng chính Chúa Thánh Thần làm cho Chúa Giêsu sống lại từ cõi chết²⁷. Lúc đó Chúa Giêsu, được thiết đặt làm Đức Kitô một cách trọn vẹn trong nhân tính đã chiến thắng sự chết của Người²⁸, tuân theo Chúa Thánh Thần cách trọn vẹn cho đến khi “các Thánh”, trong sự kết hợp với nhân tính của Con Thiên Chúa, làm nên “con người trưởng thành tới tầm vóc viên mãn của Đức Kitô” (Ep 4,13), làm nên “Đức Kitô toàn thể” (“*totum Christum*”) theo cách nói của thánh 794 Augustinô²⁹.

1127 **696. Lửa.** Trong khi nước là biểu tượng của việc sinh sản và sinh sôi nảy nở của sự sống được ban trong Chúa Thánh Thần, thì lửa là biểu tượng của sức mạnh có sức biến đổi của các hoạt động của Chúa Thánh Thần.

¹⁷ X. Ga 19,34; 1 Ga 5,8.

¹⁸ X. Ga 4,10-14; 7,38; Xh 17,1-6; Is 55,1; Dcr 14,8; 1 Cr 10,4; Kh 21,6; 22,17.

¹⁹ X. 1 Ga 2,20.27; 2 Cr 1,21.

²⁰ X. Xh 30,22-32.

²¹ X. 1 Sm 16,13.

²² X. Lc 4,18-19; Is 61,1.

²³ X. Lc 2,11.

²⁴ X. Lc 2,26-27.

²⁵ X. Lc 4,1.

²⁶ X. Lc 6,19; 8,46.

²⁷ X. Rm 1,4; 8,11.

²⁸ X. Cv 2,36.

²⁹ Thánh Augustinô, *Sermo* 341,1,1: PL 39, 1493; Ibid. 9,11: PL 34, 1499.

Tiên tri Êlia, người “xuất hiện... chẳng khác nào ngọn lửa, lời của ông tựa đước cháy bùng bùng” (Hc 48,1), bằng lời cầu nguyện, ông kéo lửa từ trời xuống thiêu cháy hy lễ trên núi Carmel³⁰, lửa này như hình ảnh của ngọn lửa là Chúa Thánh Thần, làm biến đổi những gì lửa đó chạm tới. Ông Gioan Tẩy Giả, người đi trước Chúa “đầy thần khí và quyền năng của ngôn sứ Êlia” (Lc 1,17), đã loan báo Đức Kitô là Đấng “sẽ làm phép rửa cho anh em trong Thánh Thần và lửa” (Lc 3,16), trong Đấng là Thần Khí mà Chúa Giêsu sẽ nói về Ngài: “Thầy đã đến ném lửa vào mặt đất, và Thầy những ước mong phải chi lửa ấy đã bùng lên” (Lc 12,49). Dưới hình ảnh những cái lưỡi “như bằng lửa”, Chúa Thánh Thần ngự trên các môn đệ vào sáng ngày lễ Ngũ Tuần và xuống đầy lòng các ông³¹. Truyền thống linh đạo sẽ giữ lại biểu tượng ngọn lửa như biểu tượng điển cảm nhất của hành động của Chúa Thánh Thần³²: “Anh em đừng dập tắt Thần Khí” (1 Tx 5,19).

697. *Áng mây và ánh sáng.* Hai biểu tượng này là không thể tách biệt trong các cuộc tỏ hiện của Chúa Thánh Thần. Trong các cuộc thần hiện thời Cựu Ước, áng mây khi mờ tối, khi chói sáng, vừa mạc khải Thiên Chúa hằng sống và cứu độ, vừa che khuất sự siêu việt của vinh quang Ngài; với ông Môisen trên núi Sinai³³, trong Lều Hội Ngộ³⁴ và suốt cuộc hành trình trong hoang địa³⁵; với vua Salômôn dịp cung hiến Đền Thờ³⁶. Rồi những hình ảnh này được Đức Kitô hoàn thành trong Chúa Thánh Thần. Chính Chúa Thánh Thần ngự đến trên Đức Trinh Nữ Maria và “phủ bóng” trên Bà, để Bà thụ thai và hạ sinh Chúa Giêsu³⁷. Trên núi Hiên Dung, chính Chúa Thánh Thần đến trong đám mây bao phủ Chúa Giêsu, ông Môisen và ông Êlia, cùng với các ông Phêrô, Giacôbê và Gioan, và “từ đám mây có tiếng phán rằng: ‘Đây là Con Ta, Người đã được Ta tuyển chọn, hãy vâng nghe lời Người’” (Lc 9,35). Cuối cùng, cũng chính đám mây này “quyện lấy Chúa Giêsu khuất mắt” các môn đệ trong ngày Thăng Thiên³⁸ và sẽ mạc khải Con Người trong vinh quang của Người vào ngày Người ngự đến³⁹.

698. *Dấu ấn* là một biểu tượng rất gần với biểu tượng xúc dầu. Thật vậy, Đức Kitô là Đấng “Chúa Cha đã ghi dấu xác nhận” (Ga 6,27), và trong

³⁰ X. 1 V 18,38-39.

³¹ X. Cv 2,3-4.

³² X. Thánh Gioan Thánh Giá, *Llama de amor viva*: Biblioteca Mistica Carmelitana, v. 13 (Burgos 1931) 1-102; 103-213.

³³ X. Xh 24,15-18.

³⁴ X. Xh 33,9-10.

³⁵ X. Xh 40,36-38; 1 Cr 10,1-2.

³⁶ X. 1 V 8,10-12.

³⁷ X. Lc 1,35.

³⁸ X. Cv 1,9.

³⁹ X. Lc 21,27.

- 1121 Người, Chúa Cha cũng ghi dấu xác nhận chúng ta⁴⁰. Hình ảnh “dấu ấn”, bởi vì nói lên hiệu quả không thể xoá nhoà của việc xúc dầu bằng Chúa Thánh Thần trong các bí tích Rửa Tội, Thêm Sức, Truyền Chức Thánh, nên đã được dùng trong một số truyền thống thần học để diễn tả “ấn tín” không thể xoá được, được ghi dấu bởi ba bí tích không thể được tái ban đó.
- 292 **699.** *Bàn tay.* Chúa Giêsu đặt tay để chữa lành cho các bệnh nhân⁴¹ và 1288 chúc lành cho các trẻ em⁴². Các Tông Đồ cũng làm như vậy nhân danh Người⁴³. Hơn nữa, chính qua việc đặt tay của các Tông Đồ mà Chúa Thánh Thần được ban⁴⁴. *Thư gửi tín hữu Do Thái* kể việc đặt tay vào số “các mục căn bản” của giáo huấn của mình⁴⁵. Hội Thánh đã giữ lại dấu chỉ này của việc tuôn đổ tràn đầy Thánh Thần trong các kinh Khấn cầu 1300, 1573 Chúa Thánh Thần [*Epiclesis*] trong các bí tích. 1668
- 2056 **700.** *Ngón tay.* Chúa Giêsu “dùng ngón tay Thiên Chúa mà trừ quỷ”⁴⁶. Nếu Lễ luật của Thiên Chúa được ghi trên các bia đá “do chính tay Thiên Chúa viết” (Xh 31,18), thì “lá thư của Đức Kitô”, được trao cho các tông đồ chăm sóc, “đã được viết... bằng Thần Khí của Thiên Chúa hằng sống, không phải ghi trên những tấm bia bằng đá, nhưng trên những tấm bia bằng thịt, tức là lòng người” (2 Cr 3,3). Thánh thi “*Veni Creator Spiritus*” (“*Lạy Thần Khí Sáng Tạo, xin ngự đến*”) khấn cầu Chúa Thánh Thần bằng những lời này: “Chúa là ngón tay trong bàn tay mặt của Chúa Cha”⁴⁷.
- 1219 **701.** *Chim bồ câu.* Vào cuối trận lụt đại hồng thủy (đây là một biểu tượng chỉ bí tích Rửa Tội), chim bồ câu được ông Nôê thả ra đã trở về, ngậm một nhánh ô liu xanh tươi, báo cho biết mặt đất lại đã có thể cư ngụ 535 được⁴⁸. Khi Chúa Giêsu tiến lên từ dòng nước phép rửa của Người, Chúa Thánh Thần lấy hình chim bồ câu đáp xuống và ngự trên Người⁴⁹. Chúa Thánh Thần đáp xuống trái tim đã được thanh tẩy của những người lãnh bí tích Rửa Tội và nghỉ ngơi ở đó. Trong một số nhà thờ, Thánh Thể được lưu giữ trong một bình bằng kim loại có hình chim bồ câu (gọi là *columbarium*) treo bên trên bàn thờ. Trong truyền thống nghệ thuật ảnh tượng Kitô giáo, chim bồ câu là biểu tượng để chỉ Chúa Thánh Thần.

⁴⁰ X. 2 Cr 1,22; Ep 1,13; 4,30.

⁴¹ X. Mc 6,5; 8,23.

⁴² X. Mc 10,16.

⁴³ X. Mc 16,18; Cv 5,12; 14,3.

⁴⁴ X. Cv 8,17-19; 13,3; 19,6.

⁴⁵ X. Dt 6,2.

⁴⁶ X. Lc 11,20.

⁴⁷ *Chúa Nhật Hiện Xuống*, Thánh Thi Kinh Chiều I và II: *Các Giờ Kinh Phụng Vụ*, editio typica, v.2 (Typis Polyglottis Vaticanis 1974) 795 và 812.

⁴⁸ X. St 8,8-12.

⁴⁹ X. Mt.3,16 và song song.

III. THẦN KHÍ VÀ LỜI THIÊN CHÚA TRONG THỜI ĐẠI CỦA CÁC LỜI HỨA SPIRITUS ET VERBUM DEI IN PROMISSIONUM TEMPORE

702. Từ lúc khởi đầu cho đến khi “thời gian đến hồi viên mãn”⁵⁰, sứ vụ phối hợp của Ngôi Lời và của Thần Khí Chúa Cha tuy còn ẩn giấu, nhưng đã hoạt động. Thần Khí của Thiên Chúa chuẩn bị cho thời đại của Đấng Messia, và cả hai Đấng, lúc này chưa được mạc khải trọn vẹn, nhưng đã được hứa ban để nhân loại chờ mong và đón nhận khi các Ngài tỏ hiện. Vì vậy, khi đọc Cựu Ước⁵¹, Hội Thánh tìm hiểu kỹ càng⁵² những gì Thần Khí, “Đấng đã dùng các Tiên tri mà phán dạy”⁵³, có ý muốn nói với chúng ta về Đức Kitô. 107

Ở đây, đức tin của Hội Thánh dùng từ “các Tiên tri” chỉ chung tất cả những vị được Chúa Thánh Thần linh hứng trong việc loan báo sống động và trong việc soạn thảo các Sách Thánh, thuộc Cựu Ước cũng như Tân Ước. Truyền thống Do thái phân biệt Lễ luật (năm sách đầu tiên hoặc Ngũ Thư), các Tiên tri (các sách chúng ta gọi là lịch sử và tiên tri) và các Văn phẩm (chủ yếu là các sách khôn ngoan và các Thánh vịnh)⁵⁴. 243

Trong công trình tạo dựng

703. Lời Thiên Chúa và Hơi Thở của Ngài là nguồn gốc của sự hiện hữu và sự sống của mọi thụ tạo⁵⁵: 292

“Chúa Thánh Thần ngự trị, thánh hóa và làm cho các thụ tạo có sinh khí, bởi vì Ngài là Thiên Chúa đồng bản thể với Chúa Cha và Chúa Con... Vì Ngài là Thiên Chúa nên Ngài đem lại sức mạnh cho mọi thụ tạo và gìn giữ chúng trong Chúa Cha và Chúa Con”⁵⁶. 291

704. “Còn đối với con người, Thiên Chúa dùng các bàn tay của Ngài [nghĩa là Chúa Con và Chúa Thánh Thần] để nhào nặn nó... và vẽ hình dáng riêng của Ngài trên xác phàm đã được nhào nặn, đến độ dầu nó là hữu hình, nó cũng mang dáng dấp thần linh”⁵⁷. 356

⁵⁰ X. Gl 4,4.

⁵¹ X. 2 Cr 3,14.

⁵² X. Ga 5,39.46.

⁵³ *Tín biểu Nicêa-Constantinôpôli*: DS 150.

⁵⁴ X. Lc 24,44.

⁵⁵ X. Tv 33,6; 104,30; St 1,2; 2,7; Gv 3,20-21; Xh 37,10.

⁵⁶ *Officium Horarum Byzantinum. Matutinum pro die Dominica modi secundi, Antiphonae 1 et 2: Parakletikês* (Romae 1885) 107.

⁵⁷ Thánh Irêne, *Demonstratio praedicationis apostolicae*, 11: SC 62, 48-49.

Thần Khí của lời hứa

- 410 **705.** Con người, bị biến dạng bởi tội lỗi và cái chết, vẫn còn là “theo hình ảnh Thiên Chúa”, theo hình ảnh Chúa Con, nhưng “bị tước mất vinh quang Thiên Chúa”⁵⁸, không còn “giống như Thiên Chúa”. Lời hứa với tổ phụ Abraham khai mạc nhiệm cục cứu độ;
- 2809 vào cuối nhiệm cục này, chính Chúa Con sẽ đảm nhận “hình ảnh”⁵⁹ và sẽ phục hồi cho nó lại “giống” với Chúa Cha, khi trả lại cho con người vinh quang, tức là Thần Khí “ban sự sống”.
- 60 **706.** Trái với mọi hy vọng phàm nhân, Thiên Chúa hứa cho tổ phụ Abraham một dòng dõi như hoa trái của đức tin và của quyền năng Chúa Thánh Thần⁶⁰. Nơi dòng dõi của ông, mọi dân tộc trên mặt đất sẽ được chúc phúc⁶¹. Dòng dõi đó sẽ là Đức Kitô⁶², trong Người sự tuôn đổ Thánh Thần sẽ thực hiện việc quy tụ nên một các con cái Thiên Chúa đang tản mát⁶³. Tự ràng buộc mình bằng một lời thề⁶⁴, Thiên Chúa cam kết sẽ ban Con chí ái của Ngài⁶⁵, cũng như sẽ ban Thần Khí của Lời hứa, Đấng chuẩn bị công cuộc cứu chuộc dân mà Thiên Chúa đã thủ đắc cho mình⁶⁶.

Trong những cuộc Thần hiện và trong Lễ luật

707. Những cuộc Thần hiện (những cuộc tỏ hiện của Thiên Chúa), từ thời các Tổ phụ cho đến ông Môisen, và từ ông Jôsuê cho đến các thị kiến mở đầu sứ vụ của các Tiên tri lớn, soi sáng con đường của Lời hứa. Truyền thống Kitô giáo luôn nhận biết Ngôi Lời Thiên Chúa tỏ mình cho người ta thấy được và nghe được trong các cuộc Thần hiện đó, Ngài đồng thời vừa “được mạc khải” vừa “bị che khuất” trong áng mây của Chúa Thánh Thần.

- 1961-1964 **708.** Đường lối sự phạm này của Thiên Chúa tỏ lộ rõ ràng trong
122 việc ban Lễ luật⁶⁷. Lễ luật đã được ban như một “người quản giáo” để dẫn dân tới Đức Kitô⁶⁸. Nhưng sự bất lực của Lễ luật, không thể cứu độ con người đã mất “sự giống như” Thiên Chúa, và sự ý thức

⁵⁸ X. Rm 3,23.

⁵⁹ X. Ga 1,14; Pl 2,7.

⁶⁰ X. St 18,1-15; Lc 1,26-38.54-55; Ga 1,12-13; Rm 4,16-21.

⁶¹ X. St 12,3.

⁶² X. Gl 3,16.

⁶³ X. Ga 11,52.

⁶⁴ X. Lc 1,73.

⁶⁵ X. St 22,17-18; Rm 8,32; Ga 3,16.

⁶⁶ X. Ep 1,13-14; Gl 3,14.

⁶⁷ X. Xh 19-20; Đnl 1-11; 29-30.

⁶⁸ X. Gl 3,24.

manh hơn về tội, do Lễ luật mang lại⁶⁹ đã khơi dậy lòng khao khát Chúa Thánh Thần. Những lời than vãn của các Thánh vịnh làm chứng điều đó. 2585

Trong thời các Vua và thời Lưu Đày

709. Lễ luật, dấu chỉ của Lời hứa và của Giao Ước, lẽ ra phải điều khiển trái tim cũng như các thể chế của dân phát sinh từ đức tin của tổ phụ Abraham. “Nếu các người thực sự nghe tiếng Ta và giữ giao ước của Ta ... Ta sẽ coi các người là một vương quốc tư tế, một dân thánh” (Xh 19,5-6)⁷⁰. Nhưng, sau thời David, Israel đã sa chước cám dỗ muốn thiết lập một nước giống như các dân tộc khác. Tuy nhiên, nước, đối tượng của Lời hứa được ban cho David⁷¹ sẽ là công trình của Chúa Thánh Thần; nước đó sẽ thuộc về những người nghèo theo Thần Khí. 2579
544

710. Việc quên lãng Lễ luật và bất trung với Giao Ước dẫn đến cái chết: cuộc lưu đày có vẻ là sự thất bại của các Lời hứa, mà thật ra là sự trung tín bí nhiệm của Thiên Chúa, Đấng cứu độ, và là khởi đầu của cuộc phục hồi như đã hứa, nhưng theo Thần Khí. Dân Thiên Chúa cần phải trải qua cuộc thanh tẩy này⁷²; cuộc lưu đày mang bóng dáng cây thập giá trong kế hoạch của Thiên Chúa, và số sót những người nghèo trở về từ cuộc lưu đày, là một trong những hình ảnh rõ ràng nhất của Hội Thánh.

Sự mong đợi Đấng Messia và Thần Khí của Người

711. “Này Ta sắp làm một việc mới” (Is 43,19). Hai đường hướng tiên tri được phác họa, một đường dẫn đến sự mong đợi Đấng Messia; đường kia hướng đến việc loan báo một Thần Khí mới, hai đường hướng này đồng quy nơi “số sót” nhỏ bé, nơi dân của những người nghèo⁷³, họ đang mong đợi “niềm an ủi của Israel” và “sự cứu chuộc Giêrusalem” (Lc 2,25.38) trong niềm hy vọng. 64, 522

Ở trên, chúng ta đã thấy Chúa Giêsu hoàn thành những lời tiên tri nói về Người như thế nào. Ở đây, chúng ta giới hạn vào những lời tiên tri trong đó tương quan giữa Đấng Messia và Thần Khí của Người xuất hiện rõ ràng hơn.

⁶⁹ X. Rm 3,20.

⁷⁰ X. 1 Pr 2,9.

⁷¹ X. 2 Sm 7; Tv 89; Lc 1,32-33.

⁷² X. Lc 24,26.

⁷³ X. Sp 2,3.

439 **712.** Những nét phác hoạ dung mạo Đấng Messia được mong đợi, bắt đầu được biểu lộ trong sách Emmanuel⁷⁴ (khi “ngôn sứ Isaia ... đã thấy vinh quang” của Đức Kitô: Ga 12,41), đặc biệt trong đoạn văn Is 11,1-2:

“Từ gốc tổ Giessê, sẽ đâm ra một nhánh nhỏ,
 Từ cội rễ ấy, sẽ mọc lên một mầm non.
 Thần Khí Chúa sẽ ngự trên vị này:
 Thần khí khôn ngoan và minh mẫn,
 Thần khí mưu lược và dũng mãnh,
 Thần khí hiểu biết và kính sợ Chúa”.

601 **713.** Những nét phác hoạ về Đấng Messia được mạc khải chủ yếu trong các bài ca về Người Tôi trung⁷⁵. Những bài ca này loan báo ý nghĩa cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu, và cho thấy cách Người sẽ đổ tràn Thần Khí để cho muôn người được sống: không phải từ bên ngoài, nhưng bằng cách “mặc lấy thân nô lệ” của chúng ta (Pl 2,7). Khi mang lấy cái chết của chúng ta trên mình Người, Người có thể truyền thông cho chúng ta Thần Khí riêng của Người, Thần Khí sự sống của Người.

714. Chính vì vậy, Đức Kitô khởi đầu công cuộc loan báo Tin Mừng của Người bằng cách áp dụng cho mình đoạn sau đây của tiên tri Isaia (Lc 4,18-19)⁷⁶:

“Thần Khí Chúa ngự trên tôi,
 Vì Chúa đã xức dầu tấn phong tôi,
 để tôi loan báo Tin Mừng cho kẻ nghèo hèn,
 Ngài đã sai tôi đi công bố cho kẻ bị giam cầm biết họ được tha,
 cho người mù biết họ được sáng mắt,
 trả lại tự do cho người bị áp bức,
 công bố một năm hồng ân của Chúa”.

214 **715.** Các bản văn tiên tri trực tiếp liên quan đến việc sai Chúa Thánh Thần đến, là những lời sấm trong đó Thiên Chúa lấy ngôn ngữ Lời hứa mà nói vào trái tim của dân Ngài, bằng cung giọng yêu thương và trung tín⁷⁷, sáng ngày lễ Ngũ Tuần, thánh Phêrô sẽ tuyên bố việc hoàn thành những điều đó⁷⁸. Theo những lời hứa đó, trong “thời sau hết”, Thần Khí Thiên Chúa sẽ đổi mới trái tim người ta bằng cách ghi khắc Lê luật mới trong họ; Ngài sẽ quy tụ và giao hoà những dân tộc đã bị phân tán và chia rẽ; Ngài sẽ biến

⁷⁴ X. Is 6-12.

⁷⁵ X. Is 42,1-9; Mt 12,18-21; Ga 1,32-34, atque etiam Is 49,16; Mt 3,17; Lc 2,32, et denique Is 50,4-10 et 52,13-15; 53,12.

⁷⁶ X. Is 61,1-2.

⁷⁷ X. Ed 11,19; 36,25-28; 37,1-14; Gr 31,31-34; Ge 3,1-5.

⁷⁸ X. Cv 2,17-21.

đôi công trình tạo dựng thứ nhất và Thiên Chúa sẽ ở đó với người ta trong hoà bình.

716. Đoàn dân “của những người nghèo”⁷⁹, những người khiêm nhu và hiền lành, hoàn toàn phó thác cho kế hoạch bí nhiệm của Thiên Chúa của mình, những người mong chờ công lý không bởi người ta nhưng bởi Đấng Messia, đoàn dân ấy cuối cùng là công trình cao cả mà âm thầm của Chúa Thánh Thần, trải suốt thời gian của các Lời hứa, để chuẩn bị cho cuộc Ngự đến của Đức Kitô. 368
 Phẩm chất tâm hồn của những người đó, đã được thanh tẩy và soi sáng bởi Thần Khí, được diễn tả trong các Thánh vịnh. Nơi những người nghèo này, Thần Khí chuẩn bị cho Chúa “một dân hoàn hảo”⁸⁰.

IV. THẦN KHÍ CỦA ĐỨC KITÔ LÚC THỜI GIAN VIÊN MÃN SPIRITUS CHRISTI IN PLENITUDINE TEMPORUM

Gioan, Vị Tiên hô, Tiên tri và Tẩy giả

717. “Có một người được Thiên Chúa sai đến, tên là Gioan” 523
 (Ga 1,6). Ông Gioan được “đầy Thánh Thần, ngay khi còn trong lòng mẹ” (Lc 1,15)⁸¹, do chính Đức Kitô mà Đức Trinh Nữ Maria vừa thụ thai bởi Chúa Thánh Thần. Như vậy, việc Đức Maria “viếng thăm” bà Êlisabeth đã trở thành việc Thiên Chúa viếng thăm dân Ngài⁸².

718. Ông Gioan chính là “tiên tri Êlia phải đến”⁸³: ngọn lửa của 696
 Thần Khí ở trong ông và làm cho ông (với tư cách là người “tiên hô”) “chạy trước” Chúa, Đấng ngự đến. Nơi ông Gioan, vị Tiên hô, Chúa Thánh Thần hoàn tất việc “chuẩn bị một dân sẵn sàng đón Chúa” (Lc 1,17).

719. Ông Gioan “còn hơn một Tiên tri nữa”⁸⁴. Nơi ông, Chúa Thánh Thần hoàn thành việc “dùng các Tiên tri mà phán dạy”. Ông Gioan kết thúc hàng ngũ các Tiên tri khởi đầu từ ông Êlia⁸⁵. Ông loan báo niềm an ủi Israel đã gần kề, là “tiếng” của Đấng An Ủi, Đấng ngự đến⁸⁶. Chính ông, như Thần chân lý cũng sẽ làm, 2684

⁷⁹ X. Sp 2,3; Tv 22,27; 34,3; Is 49,13; 61,1; v.v....

⁸⁰ X. Lc 1,17.

⁸¹ X. Lc 1,41.

⁸² X. Lc 1,68.

⁸³ X. Mt 17,10-13.

⁸⁴ X. Lc 7,26.

⁸⁵ X. Mt 11,13-14.

⁸⁶ X. Ga 1,23; Is 40,1-3.

“đến để làm chứng, và làm chứng về ánh sáng” (Ga 1,7)⁸⁷. Nơi ông Gioan, Thần Khí hoàn thành “điều các tiên tri tìm hiểu” và các Thiên thần “ước mong”⁸⁸: “Người thấy Thần Khí xuống và ngự trên ai, thì người đó chính là Đấng làm phép rửa trong Thánh Thần. Tôi đã thấy, nên xin chứng thật rằng Người là Đấng Thiên Chúa tuyển chọn.... Đây là Chiên Thiên Chúa” (Ga 1,33-36).

535 **720.** Cuối cùng, với ông Gioan Tẩy Giả, Chúa Thánh Thần khởi sự và biểu hiện trước những gì Ngài sẽ thực hiện với Đức Kitô và trong Đức Kitô: đó là phục hồi cho con người sự “giống như” Thiên Chúa. Phép rửa của ông Gioan là phép rửa thống hối, còn Phép Rửa trong nước và trong Thần Khí sẽ là sự tái sinh⁸⁹.

“Mừng vui lên, hỡi người đầy ân phúc”

484 **721.** Đức Maria, Mẹ rất thánh của Thiên Chúa, trọn đời đồng trinh, là công trình tuyệt tác của sứ vụ phối hợp giữa Chúa Con và Thần Khí Thiên Chúa đã chuẩn bị Mẹ, lần đầu tiên Chúa Cha đã tìm được *Chỗ Ở*, nơi Con của Ngài và Thần Khí của Ngài có thể cư ngụ giữa loài người. Theo ý nghĩa này, Truyền thống Hội Thánh thường đọc những bản văn đẹp nhất viết về đức Khôn Ngoan trong tương quan với Đức Maria⁹⁰: trong phụng vụ Đức Maria được ca ngợi và được trình bày như là “Toà Đấng Khôn Ngoan”. Nơi Đức Maria, “những kỳ công của Thiên Chúa” mà Thần Khí sắp hoàn thành trong Đức Kitô và trong Hội Thánh, bắt đầu được biểu lộ.

489 **722.** Chúa Thánh Thần đã dùng ân sủng của Ngài mà *chuẩn bị* Đức Maria. Mẹ của Đấng “nơi Người, tất cả sự viên mãn của thần tính hiện diện cách cụ thể” (Cl 2,9) tất phải “đầy ơn phúc”. Đức Maria đã được thụ thai, trong ân sủng thuần túy, không hề có tội, với tư cách là người khiêm tốn nhất trong các thụ tạo, xứng đáng nhất trong mọi người để đón nhận hồng ân khôn tả của Đấng Toàn Năng. Thiên thần Gabriel chào Mẹ cách chính xác là “Con gái Sion”: “Kính mừng” (= “Mừng vui lên”)⁹¹. Chính Mẹ, trong bài thánh ca của mình⁹², đã làm cho lời tạ ơn của toàn dân Thiên Chúa và của Hội Thánh lên tới Chúa Cha trong Chúa Thánh Thần, khi Mẹ cứu mang nơi mình Chúa Con vĩnh cửu.

⁸⁷ X. Ga 15,26; 5,33.

⁸⁸ X. 1 Pr 1,10-12.

⁸⁹ X. Ga 3,5.

⁹⁰ X. Cn 8,1- 9,6; Hc 24.

⁹¹ X. Sp 3,14; Dcr 2,14.

⁹² X. Lc 1,46-55.

723. Nơi Đức Maria, Chúa Thánh Thần *thực hiện* kế hoạch nhân ái của Chúa Cha. Bởi Chúa Thánh Thần, Đức Trinh Nữ đã thụ thai và sinh hạ Con Thiên Chúa. Sự đồng trinh mà vẫn sinh con của Mẹ là độc nhất vô nhị nhờ quyền năng của Chúa Thánh Thần và của đức tin⁹³. 485
506

724. Nơi Đức Maria, Chúa Thánh Thần *làm tỏ hiện* Con của Chúa Cha đã trở thành Con của Đức Trinh Nữ. Mẹ là bụi gai bùng cháy của cuộc Thần hiện tối hậu: chính Mẹ, được đầy tràn Chúa Thánh Thần, tỏ cho thấy Ngôi Lời trong xác phàm khiêm hạ của Người, và làm cho những kẻ nghèo hèn⁹⁴ và những của đầu mùa của các dân tộc⁹⁵ nhận biết Người. 208
2619

725. Cuối cùng, qua Đức Maria, Chúa Thánh Thần bắt đầu làm cho được *hiệp thông* với Đức Kitô, những người là đối tượng của tình yêu nhân ái của Thiên Chúa (“những người thiện tâm” của Thiên Chúa⁹⁶), và những người khiêm hạ luôn luôn là những người đầu tiên đón nhận Người: các mục đồng, các đạo sĩ, ông Simêon và bà Anna, cô dâu chú rể ở Cana và các môn đệ đầu tiên. 963

726. Vào cuối sứ vụ này của Chúa Thánh Thần, Đức Maria trở nên “Người Đàn Bà”, bà Evà mới, “Mẹ của chúng sinh”, Mẹ của “Đức Kitô toàn thể” (“*totius Christi Mater*”)⁹⁷. Chính với tư cách này, Mẹ hiện diện với nhóm Mười Hai, “đồng tâm nhất trí chuyên cần cầu nguyện” (Cv 1,14), vào lúc bình minh của “thời đại cuối cùng” mà Thần Khí sắp khai mạc vào sáng ngày lễ Ngũ Tuần với việc làm tỏ hiện Hội Thánh. 494, 2618

Đức Kitô Giêsu

727. Toàn bộ sứ vụ của Chúa Con và Chúa Thánh Thần trong thời gian viên mãn tập trung vào sự kiện Chúa Con là Đấng Được Xức Dầu bằng Thần Khí của Chúa Cha khởi từ cuộc Nhập Thể của Người: Chúa Giêsu là Đức Kitô, Đấng Messia. 438
695
536

Toàn bộ chương hai của Tín biểu phải được đọc dưới ánh sáng này. Toàn bộ công trình của Đức Kitô là sứ vụ phối hợp của Chúa Con và của Chúa Thánh Thần. Ở đây, chúng ta sẽ chỉ đề cập những gì liên quan đến lời Chúa Giêsu hứa ban Thánh Thần và việc Người thực hiện lời hứa đó sau khi Người được tôn vinh.

⁹³ X. Lc 1,26-38; Rm 4,18-21; Gl 4,26-28.

⁹⁴ X. Lc 2,15-19.

⁹⁵ X. Mt 2,11.

⁹⁶ X. Lc 2,14.

⁹⁷ X. Ga 19,25-27.

728. Chúa Giêsu không mặc khải trọn vẹn Chúa Thánh Thần, cho tới khi Người được tôn vinh qua cái Chết và sự Sống lại của Người. Tuy nhiên, Người cũng dần dần gợi ý về Chúa Thánh Thần khi Người giảng dạy dân chúng, khi Người mặc khải Thịt của Người sẽ là của ăn cho thế gian được sống⁹⁸. Người cũng gợi ý cho ông Nicôđêmô⁹⁹, cho người phụ nữ Samaria¹⁰⁰ và những người tham dự Lễ Lều¹⁰¹. Người nói cách tỏ tường cho các môn đệ của Người nhân khi dạy họ cầu nguyện¹⁰² và khi báo trước việc họ phải là nhân chứng cho Người¹⁰³.

729. Chỉ khi đến Giờ Chúa Giêsu phải được tôn vinh, Người mới hứa rằng Chúa Thánh Thần sẽ ngự đến, vì cái Chết và sự Sống lại của Người sẽ là sự hoàn thành Lời đã hứa với các Tổ phụ¹⁰⁴: Thần chân lý, Đấng Bào Chữa khác, sẽ được Chúa Cha ban nhờ lời cầu xin của Chúa Giêsu; chính Ngài sẽ được Chúa Cha sai đến nhân danh Chúa Giêsu; Chúa Giêsu sẽ sai Chúa Thánh Thần từ Chúa Cha mà đến, bởi vì Ngài xuất phát từ Chúa Cha. Chúa Thánh Thần sẽ đến, và chúng ta sẽ nhận biết Ngài, Ngài sẽ ở cùng chúng ta mãi mãi, Ngài sẽ cư ngụ với chúng ta; Ngài sẽ dạy dỗ chúng ta mọi sự và nhắc cho chúng ta nhớ tất cả những gì Chúa Giêsu đã nói, và Ngài sẽ làm chứng cho Đức Kitô; Ngài sẽ dẫn chúng ta đến chân lý trọn vẹn và sẽ tôn vinh Đức Kitô. Còn đối với thế gian, Ngài sẽ chứng minh rằng thế gian sai lầm về tội lỗi, về sự công chính, và về việc xét xử.

730. Cuối cùng, Giờ của Chúa Giêsu đã đến¹⁰⁵: Chúa Giêsu phó thác thân khí của Người trong tay Chúa Cha¹⁰⁶ vào đúng lúc Người toàn thắng sự chết bằng cái Chết của mình, đến độ khi “sống lại từ cõi chết nhờ quyền năng vinh hiển của Chúa Cha” (Rm 6,4), Người liền “thổi hơi” ban Chúa Thánh Thần trên các môn đệ của Người¹⁰⁷. Từ Giờ đó, sứ vụ của Đức Kitô và của Chúa Thánh Thần trở thành sứ vụ của Hội Thánh: “Như Chúa Cha đã sai Thầy, thì Thầy cũng sai anh em” (Ga 20,21)¹⁰⁸.

⁹⁸ X. Ga 6,27.51.62-63.

⁹⁹ X. Ga 3,5-8.

¹⁰⁰ X. Ga 4,10.14.23-24.

¹⁰¹ X. Ga 7,37-39.

¹⁰² X. Lc 11,13.

¹⁰³ X. Mt 10,19-20.

¹⁰⁴ X. Ga 14,16-17.26; 15,26; 16,7-15; 17,26.

¹⁰⁵ X. Ga 13,1; 17,1.

¹⁰⁶ X. Lc 23,46; Ga 19,30.

¹⁰⁷ X. Ga 20,22.

¹⁰⁸ X. Mt 28,19; Lc 24,47-48; Cv 1,8.

V. THẦN KHÍ VÀ HỘI THÁNH TRONG THỜI ĐẠI CUỐI CÙNG SPIRITUS ET ECCLESIA IN ULTIMIS TEMPORIBUS

Lễ Ngũ Tuần

731. Ngày lễ Ngũ Tuần (vào cuối bảy tuần mừng lễ Vượt Qua), cuộc Vượt Qua của Đức Kitô được hoàn thành bằng việc tuôn đổ Chúa Thánh Thần, Đấng được biểu lộ, được ban, và được truyền thông với tư cách là một Ngôi Vị thần linh: Chúa Kitô từ nguồn sung mãn của Người tuôn đổ cách đầy tràn Thần Khí của Người¹⁰⁹. 2623
767

732. Trong ngày đó, mầu nhiệm Ba Ngôi Chí Thánh được mạc khải trọn vẹn. Sau ngày đó, Nước mà Đức Kitô đã loan báo, được mở ra cho những ai tin vào Người: trong sự khiêm hạ của xác phàm và trong đức tin, họ đã được tham dự vào sự hiệp thông của Ba Ngôi Chí Thánh. Chúa Thánh Thần, nhờ việc Ngài ngự đến, mà Ngài không ngừng ngự đến, dẫn đưa trần gian vào “thời đại cuối cùng”, thời đại của Hội Thánh, vào Nước đã được sở hữu làm gia sản, nhưng chưa hoàn tất: 244
672

“Chúng ta đã thấy Ánh sáng thật, chúng ta đã lãnh nhận Thánh Thần Thiên Chúa, chúng ta đã tìm được đức tin chân chính: chúng ta tôn thờ Ba Ngôi bất khả phân ly, vì chính Ba Ngôi đã cứu độ chúng ta”¹¹⁰.

Chúa Thánh Thần - Hồng ân của Thiên Chúa

733. “Thiên Chúa là Tình Yêu” (1 Ga 4,8.16) và tình yêu là hồng ân đầu tiên, chứa đựng tất cả mọi sự khác. Tình yêu này “Thiên Chúa đã đổ vào lòng chúng ta, nhờ Thánh Thần mà Ngài ban cho chúng ta” (Rm 5,5). 218

734. Bởi vì do tội mà chúng ta chết hoặc ít nhất là bị thương, nên hiệu quả đầu tiên của hồng ân tình yêu là ơn tha thứ các tội của chúng ta. Chính “ơn thông hiệp của Chúa Thánh Thần” (2 Cr 13,13) trong Hội Thánh phục hồi những người đã được Rửa Tội trở lại tình trạng “giống như” Thiên Chúa mà họ đã đánh mất vì tội lỗi. 1987

735. Lúc đó Chúa Thánh Thần ban cho chúng ta “bảo chứng” hoặc “những ân huệ khởi đầu” của phần gia sản của chúng ta¹¹¹: đó là chính sự sống của Ba Ngôi Chí Thánh, là yêu thương “như chính

¹⁰⁹ X. Cv 2,33-36.

¹¹⁰ *Officium Horarum Byzantinum. Vespertinum in die Pentecostes, Sticheron 4: Pentekostarion* (Romae 1884) 390.

¹¹¹ X. Rm 8,23; 2 Cr 1,22.

1822 Ngài đã yêu thương chúng ta”¹¹². Tình yêu này (Đức mến của 1 Cr 13) là nguyên lý của đời sống mới trong Đức Kitô, nay có thể thực hiện được bởi vì chúng ta đã lãnh nhận “sức mạnh của Thánh Thần khi Ngài ngự xuống” (Cv 1,8).

1832 **736.** Nhờ sức mạnh đó của Chúa Thánh Thần, các con cái Thiên Chúa có thể mang lại hoa trái. Đấng đã tháp chúng ta vào Cây Nho thật, sẽ làm cho chúng ta mang lại hoa trái của Thần Khí, là “bác ái, hoan lạc, bình an, nhẫn nhục, nhân hậu, từ tâm, trung tín, hiền hòa, tiết độ” (Gl 5,22-23). Thần Khí là sự sống của chúng ta; chúng ta càng từ bỏ chính mình¹¹³, Thần Khí càng làm cho chúng ta hoạt động¹¹⁴.

“Nhờ Chúa Thánh Thần, chúng ta được phục hồi để vào thiên đàng, được dẫn lên Nước Trời, được ban ơn làm nghĩa tử: chúng ta được vững lòng để gọi Thiên Chúa là Cha của mình, và thông phần vào ân sủng của Đức Kitô, được gọi là con cái ánh sáng và dự phần vào vinh quang vĩnh cửu”¹¹⁵.

Chúa Thánh Thần và Hội Thánh

787-798
1093-1109 **737.** Sứ vụ của Đức Kitô và của Chúa Thánh Thần được thực hiện trong Hội Thánh, là Thân Thể Đức Kitô và Đền Thờ Chúa Thánh Thần. Sứ vụ phối hợp này từ nay đưa các tín hữu của Đức Kitô vào sự hiệp thông của Người với Chúa Cha trong Chúa Thánh Thần: Thần Khí chuẩn bị người ta, Ngài đến với họ trước bằng ân sủng của Ngài để lôi kéo họ đến với Đức Kitô. Chính Ngài làm tỏ hiện Chúa phục sinh cho họ, nhắc cho họ nhớ Lời của Người và mở trí cho họ hiểu được sự Chết và sự Sống Lại của Người. Ngài làm cho *mâu nhiệm của Đức Kitô hiện diện* cho họ, nhất là trong bí tích Thánh Thể, để hòa giải họ, và cho họ được hiệp thông với Thiên Chúa, để làm cho họ “mang lại nhiều hoa trái”¹¹⁶.

850, 777 **738.** Như vậy, sứ vụ của Hội Thánh không phải là được thêm vào sứ vụ của Đức Kitô và của Chúa Thánh Thần, nhưng là bí tích của sứ vụ đó: Hội Thánh, tự bản chất và trong tất cả các chi thể của mình, được sai đi để loan báo và làm chứng, hiện tại hóa và truyền bá *mâu nhiệm hiệp thông* của Ba Ngôi Chí Thánh (đây sẽ là nội dung của mục kế tiếp):

“Tất cả chúng ta đã lãnh nhận cùng một Thần Khí duy nhất là Thánh Thần, nên một cách nào đó chúng ta được kết hợp với

¹¹² X. 1 Ga 4,11-12.

¹¹³ X. Mt 16,24-26.

¹¹⁴ X. Gl 5,25.

¹¹⁵ Thánh Basiliô Cả, *Liber de Spiritu Sancto*, 15,36: SC 17bis, 370 (PG 32, 132).

¹¹⁶ X. Ga 15,5.8.16.

nhau và với Thiên Chúa. Mặc dầu chúng ta nhiều người, và mặc dầu Đức Kitô đã làm cho Thần Khí của Chúa Cha và của Người cư ngụ trong mỗi người chúng ta, Thần Khí vẫn là một và không thể phân chia, Ngài quy tụ những thần trí riêng rẽ... trong sự hợp nhất nhờ chính Ngài và làm cho tất cả như nên một trong Ngài. Cũng như sức mạnh của Mình Thánh Chúa Kitô làm cho những ai ăn Mình Thánh Người được thuộc về một thân thể duy nhất như thế nào, thì cũng một cách đó, theo tôi nghĩ, Thần Khí duy nhất và không thể phân chia của Thiên Chúa đang ngự trong mọi người, cũng đưa mọi người đến sự hợp nhất tinh thần như vậy”¹¹⁷.

739. Bởi vì Chúa Thánh Thần là sự Xức Dầu của Đức Kitô, nên Đức Kitô, là Đầu của thân thể, tuôn đổ Thánh Thần cho các chi thể của Người để nuôi dưỡng và chữa lành họ, cắt đặt họ vào trong các phận vụ đối với nhau, làm cho họ được sống, sai họ đi làm chứng, liên kết họ vào việc Người dâng mình lên Chúa Cha và vào việc Người chuyển cầu cho khắp cả trần gian. Qua các bí tích của Hội Thánh, Đức Kitô truyền thông cho các chi thể của Người Thần Khí của Người, là Đấng Thánh và là Đấng Thánh Hóa (đây sẽ là nội dung của Phần Thứ Hai của Sách Giáo Lý này).

1076

740. “Những kỳ công của Thiên Chúa” đang nói ở đây, được ban cho các tín hữu trong các bí tích của Hội Thánh, sẽ mang lại hoa trái trong đời sống mới trong Đức Kitô theo Thần Khí (đây sẽ là nội dung của Phần Thứ Ba của Sách Giáo Lý này).

741. “Thần Khí giúp đỡ chúng ta là những kẻ yếu hèn, vì chúng ta không biết cầu nguyện thế nào cho phải; nhưng chính Thần Khí cầu thay nguyện giúp chúng ta, bằng những tiếng rên siết khôn tả” (Rm 8,26). Chúa Thánh Thần, Đấng thực hiện các công trình của Thiên Chúa, là Thầy dạy cầu nguyện (đây sẽ là nội dung của Phần Thứ Tư của Sách Giáo Lý này).

TÓM LƯỢC

742. “Để chứng thực anh em là con cái, Thiên Chúa đã sai Thần Khí của Con mình đến ngự trong lòng anh em mà kêu lên: *Abba, Cha ơi*” (Gl 4,6).

743. Từ lúc khởi đầu cho đến lúc hoàn tất thời gian, khi Thiên Chúa sai Con của Ngài, Ngài luôn luôn sai Thần Khí của Ngài: Sự vụ của hai Ngôi được phối hợp và không thể tách biệt nhau..

¹¹⁷ Thánh Cyrillô Alexandria, *Commentarius in Iohannem* 11, 11: PG 74, 561.

744. Khi thời gian đến hồi viên mãn, Chúa Thánh Thần hoàn thành nơi Đức Maria mọi công cuộc chuẩn bị để Đức Kitô ngự đến giữa dân của Thiên Chúa. Qua hành động của Chúa Thánh Thần nơi Đức Maria, Chúa Cha ban cho trần gian Đấng Emmanuel, Đấng là “Thiên Chúa ở cùng chúng ta” (Mt 1,23).

745. Con Thiên Chúa qua việc Xức Dầu bằng Chúa Thánh Thần được thánh hiến làm Đức Kitô (Đấng Messia) trong cuộc Nhập Thể của Người¹¹⁸.

746. Chúa Giêsu, nhờ sự Chết và sự Sống lại của Người, được thiết đặt làm Chúa và làm Đức Kitô trong vinh quang¹¹⁹. Chính Người, từ nguồn sung mãn của mình, tuôn đổ Chúa Thánh Thần trên các Tông Đồ và trên Hội Thánh.

747. Chúa Thánh Thần, Đấng mà Đức Kitô là Đầu đã tuôn đổ cho các chi thể của Người, xây dựng, ban sinh khí và thánh hóa Hội Thánh. Hội Thánh là bí tích của sự hiệp thông giữa Ba Ngôi Chí Thánh và loài người.

Mục 9

“Tôi tin Hội Thánh Công giáo”

Articulus 9

“Credo Sanctam Ecclesiam Catholicam”

748. “Ánh sáng muôn dân chính là Đức Kitô, nên Thánh Công đồng đang nhóm họp trong Chúa Thánh Thần hết lòng mong ước chiếu giải trên mọi người ánh sáng của Đức Kitô, phản chiếu trên dung nhan Hội Thánh, bằng việc rao truyền Tin Mừng cho mọi thụ tạo”¹²⁰. Những lời trên đây mở đầu “Hiến chế tín lý về Hội Thánh” của Công đồng Vaticanô II. Như vậy, Công đồng cho thấy đề mục đức tin về Hội Thánh hoàn toàn tùy thuộc vào những đề mục quy chiếu về Chúa Giêsu Kitô. Hội Thánh không có ánh sáng nào khác ngoài ánh sáng của Đức Kitô; Hội Thánh có thể so sánh, theo hình ảnh các Giáo phụ thích dùng, với mặt trăng, mọi ánh sáng của nó đều là phản chiếu ánh sáng mặt trời.

¹¹⁸ X. Tv 2,6-7.

¹¹⁹ X. Cv 2,36.

¹²⁰ CD Vaticanô II, Hiến Chế tín lý *Lumen Gentium*, 1: AAS 57 (1965) 5.

749. Đề mục về Hội Thánh cũng hoàn toàn tùy thuộc đề mục trước, về Chúa Thánh Thần. “Bởi vì khi đã cho thấy Chúa Thánh Thần là nguồn mạch và là Đấng ban phát mọi sự thánh thiện, bây giờ chúng tôi tuyên xưng rằng chính Ngài đã ban cho Hội Thánh sự thánh thiện”¹²¹. Hội Thánh, theo cách diễn tả của các Giáo phụ, là nơi “Thần Khí trở hoa”¹²².

750. Tin rằng Hội Thánh có đặc tính là “Thánh thiện” và “Công giáo”, và Hội Thánh có đặc tính “Duy nhất” và “Tông truyền” (như *Tín biểu Nicêa-Constantinôpôli* thêm vào), là điều không thể tách biệt khỏi đức tin vào Thiên Chúa là Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Trong *Tín biểu của các Tông Đồ*, chúng ta tuyên xưng chúng ta tin Hội Thánh (“Tôi tin có Hội Thánh”), chứ không phải “tôi tin kính Hội Thánh”, để chúng ta không lẫn lộn Thiên Chúa với các công trình của Ngài và để chúng ta quy một cách rõ ràng về lòng nhân hậu của Thiên Chúa tất cả mọi hồng ân mà Ngài đã đặt vào Hội Thánh của Ngài¹²³. 811
169

Tiết 1

Hội Thánh trong kế hoạch của Thiên Chúa

Paragraphus 1

Ecclesia in consilio Dei

I. DANH XÚNG VÀ HÌNH ẢNH VỀ HỘI THÁNH

ECCLESIAE NOMINA ET IMAGINES

751. “Hội Thánh” trong tiếng La tinh là *Ecclesia* (tiếng Hy Lạp là *Ekklesia*, *Ek-kalein*, “gọi ra, triệu tập”) có nghĩa là “một cuộc triệu tập”. Danh từ này được dùng để chỉ một cuộc tập họp dân chúng¹²⁴, thông thường mang tính chất tôn giáo. Từ này thường được bản Cựu Ước bằng tiếng Hy Lạp sử dụng để chỉ việc tập họp dân Chúa chọn trước mặt Thiên Chúa, nhất là cuộc tập họp ở núi Sinai khi Israel lãnh nhận Lê luật và được Thiên Chúa thiết lập làm dân thánh của Ngài¹²⁵. Khi gọi mình là “*Ecclesia*” (Hội Thánh), cộng đoàn tiên khởi của những người tin vào Đức Kitô tự nhận mình là

¹²¹ *Catechismus Romanus*, 1, 10, 1: ed. P. Rodriguez (Città del Vaticano-Pamplona 1989) 104.

¹²² Thánh Hippolytô Rôma, *Traditio apostolica*, 35: ed. B. Botte (Munster i. W. 1989) 82.

¹²³ X. *Catechismus Romanus*, 1, 10, 22: ed. P. Rodriguez (Città del Vaticano-Pamplona 1989) 118.

¹²⁴ X. Cv 19,39.

¹²⁵ X. Xh 19.

thừa kế của cuộc tập họp dân Chúa trong Cựu Ước. Trong cộng đoàn mới này, Thiên Chúa “triệu tập” dân của Ngài từ khắp cùng cõi đất. Từ “*Kyriakè*”, từ gốc của “*Church*” trong tiếng Anh, và “*Kirche*” trong tiếng Đức, có nghĩa là “điều thuộc về Chúa”.

1140 **752.** Trong ngôn ngữ Kitô giáo, từ *Ecclesia* (Hội Thánh) dùng để
832, 830 chỉ một cuộc tập họp phụng vụ¹²⁶, nhưng cũng để chỉ một cộng
đoàn các tín hữu ở một địa phương¹²⁷ và toàn thể cộng đoàn các tín
hữu trên khắp thế giới¹²⁸. Ba nghĩa này thật ra không thể tách
biệt nhau. “Hội Thánh” là dân được Thiên Chúa quy tụ từ khắp thế
gian. Hội Thánh hiện diện trong những cộng đoàn địa phương và
trở nên hiện thực trong một cộng đoàn phụng vụ, đặc biệt là cộng
đoàn cử hành Thánh Thể. Hội Thánh sống nhờ Lời và Minh
Thánh Đức Kitô và như vậy, Hội Thánh trở thành Thân Thể Đức
Kitô.

Các biểu tượng về Hội Thánh

781 **753.** Trong Thánh Kinh, chúng ta gặp nhiều hình ảnh và biểu
tượng có tương quan mật thiết với nhau, được Mạc Khải dùng để
nói về mầu nhiệm khôn lường của Hội Thánh. Các hình ảnh trong
Cựu ước đều là những biến thể của một ý tưởng căn bản, ý tưởng
về “dân Thiên Chúa”. Trong Tân Ước¹²⁹, tất cả những hình ảnh
789 này có một tâm điểm mới là Đức Kitô, Đấng trở thành “Đầu” của
dân này¹³⁰, một dân từ nay là Thân Thể của Người. Chung quanh
tâm điểm đó, những hình ảnh được tổng hợp “rút ra hoặc từ đời
sống chăn nuôi hay trồng trọt, hoặc từ việc xây dựng, hoặc từ đời
sống gia đình và hôn nhân”¹³¹.

857 **754.** “Quả thật, Hội Thánh là *chuông chiên* mà cửa vào duy nhất và cần
thiết của chuông chiên đó là Đức Kitô¹³². Hội Thánh cũng là *đàn chiên*
mà chính Thiên Chúa đã tiên báo Ngài sẽ là mục tử của đàn chiên đó¹³³,
và những con chiên của đàn ấy, tuy do các mục tử phạm nhân chăn dắt,
nhưng luôn được dẫn dắt và nuôi dưỡng bởi chính Đức Kitô, vị Mục tử
nhân lành và Thủ lãnh các mục tử¹³⁴, Đấng đã hiến mạng sống mình cho
các con chiên^{135»136}.”

¹²⁶ X. 1 Cr 11,18; 14,19.28.34-35.

¹²⁷ X. 1 Cr 1,2; 16,1.

¹²⁸ X. 1 Cr 15,9; Gl 1,13; Plm 3,6.

¹²⁹ X. Ep 1,22; Cl 1,18.

¹³⁰ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 9: AAS 57 (1965) 13.

¹³¹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 6: AAS 57 (1965) 8.

¹³² X. Ga 10,1-10.

¹³³ X. Is 40,11; Ed 34,11-31.

¹³⁴ X. Ga 10,11; 1 Pr 5,4.

¹³⁵ X. Ga 10,11-15.

755. “Hội Thánh là *thừa ruộng*, hay cánh đồng của Thiên Chúa¹³⁷. Trong cánh đồng đó, mọc lên cây ôliu cổ thụ mà gốc rễ thánh là các Tổ phụ, và nơi cây này, sự giao hoà giữa những người Do thái và các dân ngoại đã được và sẽ được thực hiện¹³⁸. Hội Thánh được Nhà Làm Vườn thiên quốc trồng như một cây nho được tuyển chọn¹³⁹. Đức Kitô là cây nho thật, ban sức sống và sự sinh sôi nảy nở các ngành, tức là chúng ta, những kẻ được ở trong Người nhờ Hội Thánh, và không có Người, chúng ta không thể làm gì được^{140»141}.

795

756. “Hội Thánh cũng thường được gọi là *toà nhà* của Thiên Chúa.¹⁴² Chính Chúa đã tự ví Người như viên đá mà các thợ xây nhà loại bỏ, nhưng đã trở nên viên đá góc tường (Mt 21,42 và ss; Cv 4,11; 1 Pr 2,7; Tv 118,22). Trên nền móng này, Hội Thánh được xây dựng bởi các Tông Đồ¹⁴³ và nhờ nền móng này Hội Thánh có được sự vững vàng và kết cấu. Toà nhà này được gọi bằng nhiều tên khác nhau: nhà Thiên Chúa¹⁴⁴ nơi *gia đình* của Ngài cư ngụ, chỗ ở của Thiên Chúa trong Thần Khí¹⁴⁵, lều của Thiên Chúa giữa loài người¹⁴⁶, và nhất là *Đền thánh*, được tượng trưng bằng các đền thánh bằng đá được các Thánh Giáo phụ ca tụng, và trong phụng vụ được so sánh, một cách không phải vô lý, với Thành thánh, là Giêrusalem mới. Quả thật, ở trần gian này, chúng ta như những viên đá sống động được sử dụng để xây nên Thành thánh đó¹⁴⁷. Ông Gioan đã chiêm ngưỡng Thành thánh đó từ trời, từ nơi Thiên Chúa mà xuống trong cuộc canh tân trần gian, ‘sẵn sàng như tân nương trang điểm để đón tân lang’ (Kh 21,1-2)¹⁴⁸.

857

797

1045

757. “Hội Thánh cũng được gọi là ‘thành Giêrusalem trên trời’, và ‘Mẹ chúng ta’ (Gl 4,26)¹⁴⁹; được mô tả như Hiền Thê tinh tuyền của Con Chiên không tì ố¹⁵⁰, được Đức Kitô ‘yêu thương và hiến mình để thánh hóa’ (Ep 5,25-26), được Người kết hợp bằng một giao ước bất khả tiêu hủy, và được Người ‘nuôi nấng và chăm sóc’ không ngừng (Ep 5,29)¹⁵¹.

507

796

1616

¹³⁶ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 6: AAS 57 (1965) 8.

¹³⁷ X. 1 Cr 3,9.

¹³⁸ X. Rm 11,13-26.

¹³⁹ X. Mt 21,33-43 và song song; Is 5,1-7.

¹⁴⁰ X. Ga 15,1-5.

¹⁴¹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 6: AAS 57 (1965) 8.

¹⁴² X. 1 Cr 3,9.

¹⁴³ X. 1 Cr 3,11.

¹⁴⁴ X. 1 Tm 3,15.

¹⁴⁵ X. Ep 2,19-22.

¹⁴⁶ X. Kh 21,3.

¹⁴⁷ X. 1 Pr 2,5.

¹⁴⁸ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 6: AAS 57 (1965) 8-9.

¹⁴⁹ X. Kh 12,17.

¹⁵⁰ X. Kh 19,7; 21,2,9; 22,17.

¹⁵¹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 6: AAS 57 (1965) 9.

II. NGUỒN GỐC, NỀN TẢNG VÀ SỨ VỤ CỦA HỘI THÁNH ORIGO, FUNDATIO ET MISSIO ECCLESIAE

257 **758.** Để tìm hiểu mầu nhiệm Hội Thánh, trước hết cần phải suy tư về nguồn gốc của Hội Thánh trong kế hoạch của Ba Ngôi Chí Thánh rồi việc Hội Thánh được hình thành dần dần trong lịch sử.

Một kế hoạch xuất phát từ trái tim của Chúa Cha

293 **759.** “Chúa Cha hằng hữu, bởi kế hoạch hoàn toàn tự do và bí nhiệm do sự khôn ngoan và nhân hậu của Ngài, đã tạo dựng trần gian, đã quyết định nâng người ta lên cho tham dự đời sống thần linh”, Ngài kêu gọi mọi người tới đời sống đó trong Con của Ngài. “Ngài đã quyết định tập hợp những người tin vào Đức Kitô thành Hội Thánh thánh thiện”. “Gia đình” này “của Thiên Chúa” được thiết lập và từng bước được hình thành qua các giai đoạn của lịch sử nhân loại theo sự an bài của Chúa Cha: Thật vậy, “Hội Thánh đã được hình dung trước, từ lúc khởi đầu trần gian, được chuẩn bị một cách kỳ diệu trong lịch sử dân Israel và trong Giao Ước cũ, được thiết lập trong thời đại cuối cùng, được tỏ hiện bằng việc Thần Khí được tuôn đổ, và sẽ được hoàn tất cách vinh hiển vào lúc tận thế”¹⁵².

Hội Thánh được hình dung trước, từ lúc khởi đầu trần gian

294 **760.** Các Kitô hữu thời sơ khai cho rằng: “Trần gian đã được tạo dựng vì Hội Thánh”¹⁵³. Thiên Chúa đã tạo dựng trần gian để trần
309 gian được hiệp thông vào đời sống thần linh của Ngài, sự hiệp thông này được thực hiện qua việc “triệu tập” người ta trong Đức Kitô, và “sự triệu tập” này là Hội Thánh. Hội Thánh là mục đích của mọi sự¹⁵⁴, và cả những thăng trầm đau thương, như việc các thiên thần sa ngã và loài người phạm tội, đã chẳng được Thiên Chúa cho phép xảy ra nếu như đó không là cơ hội và phương thế để biểu dương toàn thể sức mạnh của cánh tay Ngài, toàn thể mức độ của tình yêu Ngài muốn dành cho trần gian:

“Quả vậy, cũng như ý muốn của Thiên Chúa là một công trình, và công trình đó có tên là trần gian, thì cũng vậy, ý định của Ngài là cứu độ loài người, và công trình cứu độ ấy có tên là Hội Thánh”¹⁵⁵.

¹⁵² CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 2: AAS 57 (1965) 5-6.

¹⁵³ Hermas, *Pastor*, 8, 1 (Visio 2, 4, 1): SC 53, 96; x. Aristides, *Apologia*, 16, 7: BP 11, 125; Thánh Justinô, *Apologia* 2, 7: CA 1, 216-218 (PG 6, 456).

¹⁵⁴ X. Thánh Êpiphaniô, *Panarion* 1, 1, 5, *Haereses* 2, 4: GCS 25, 174 (PG 41, 181).

¹⁵⁵ Thánh Clémentê Alexandria, *Paedagogus*, 1, 6, 27, 2: GCS 12, 106 (PG 8, 281).

Hội Thánh được chuẩn bị trong Giao Ước Cựu

761. Việc tập hợp dân Thiên Chúa bắt đầu ngay từ lúc tội lỗi phá hủy sự hiệp thông giữa con người với Thiên Chúa và giữa con người với nhau. Việc tập hợp Hội Thánh là như sự phản ứng của Thiên Chúa trước cảnh hỗn độn do tội lỗi gây ra. Công cuộc tái hợp âm thầm này được thực hiện giữa lòng tất cả các dân tộc: “Hễ ai kính sợ Thiên Chúa và ăn ngay ở lành, thì dù thuộc bất cứ dân tộc nào, cũng đều được Ngài tiếp nhận” (Cv 10,35)¹⁵⁶.

55

762. Việc chuẩn bị xa cho cuộc tập hợp dân Thiên Chúa bắt đầu bằng ơn gọi của ông Abraham, Thiên Chúa hứa cho ông trở thành cha tương lai của một dân tộc vĩ đại¹⁵⁷. Việc chuẩn bị gần bắt đầu bằng việc tuyển chọn Israel làm dân Thiên Chúa¹⁵⁸. Nhờ việc được tuyển chọn, Israel phải là dấu chỉ cuộc tập hợp trong tương lai gồm tất cả các dân tộc¹⁵⁹. Nhưng các Tiên tri tố cáo Israel đã phản bội Giao ước và đã hành xử như một gái điếm¹⁶⁰. Các ngài loan báo một Giao Ước mới và vĩnh cửu¹⁶¹. “Giao ước mới này, chính Đức Kitô đã thiết lập”¹⁶².

122, 522

60

84

Hội Thánh được Đức Kitô thiết lập

763. Chúa Con là Đấng thực hiện kế hoạch cứu độ của Chúa Cha vào lúc thời gian đến hồi viên mãn: đó là lý do Người được sai đến¹⁶³. “Chúa Giêsu đã khởi đầu Hội Thánh của Người bằng việc rao giảng Tin Mừng, nghĩa là rao giảng Nước Thiên Chúa ngự đến, Nước đã được hứa trong Thánh Kinh từ nhiều thế kỷ¹⁶⁴. Để chu toàn ý Chúa Cha, Đức Kitô đã khai mạc Nước Trời nơi trần thế. Hội Thánh là Nước của Đức Kitô đã hiện diện trong mẫu nhiệm¹⁶⁵.”

541

764. “Quả thật, Nước Thiên Chúa sáng tỏ trước mặt mọi người trong lời nói, hành động và sự hiện diện của Đức Kitô”¹⁶⁶. Ai đón

543

¹⁵⁶ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 9: AAS 57 (1965) 12; Ibid., 13: AAS 57 (1965) 17-18; Ibid., 16: AAS 57 (1965) 20.

¹⁵⁷ X. St 12,2; 15,5-6.

¹⁵⁸ X. Xh 19,5-6; Đnl 7,6.

¹⁵⁹ X. Is 2,2-5; Mk 4,1-4.

¹⁶⁰ X. Os 1; Is 1,2-4; Gr 2; v.v....

¹⁶¹ X. Gr 31,31-34; Is 55,3.

¹⁶² CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 9: AAS 57 (1965) 13.

¹⁶³ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 3: AAS 57 (1965) 6; Id., Sắc lệnh *Ad Gentes*, 3: AAS 58 (1966) 949.

¹⁶⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 5: AAS 57 (1965) 7.

¹⁶⁵ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 3: AAS 57 (1965) 6.

¹⁶⁶ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 5: AAS 57 (1965) 7.

nhận lời của Chúa Giêsu là đón nhận “chính Nước Thiên Chúa”¹⁶⁷. Mầm mống và điểm khởi đầu của Nước Thiên Chúa là “một đoàn chiên nhỏ bé” (Lc 12,32), gồm những người được Chúa Giêsu đến triệu tập quanh Người và chính Người là mục tử của họ¹⁶⁸. Những người đó họp thành gia đình đích thực của Chúa Giêsu¹⁶⁹. Những ai
1691 Người đã quy tụ quanh Người, Người đã dạy cho họ một “cách hành
2558 động” mới, và cả một kinh nguyện riêng¹⁷⁰.

765. Chúa Giêsu đã thiết lập cho cộng đoàn của Người một cơ cấu
tồn tại cho tới khi Nước Thiên Chúa được hoàn thành trọn vẹn.
551, 860 Trước hết, Người tuyển chọn nhóm Mười Hai với ông Phêrô làm
thủ lãnh¹⁷¹. Những vị này, đại diện cho mười hai chi tộc Israel¹⁷²,
là những tảng đá nền móng của Giêrusalem mới¹⁷³. Nhóm Mười
Hai¹⁷⁴ và các môn đệ khác¹⁷⁵ được tham dự vào sứ vụ của Đức Kitô,
vào quyền năng của Người, và cả số phận của Người¹⁷⁶. Bằng tất cả
các hành động này, Đức Kitô chuẩn bị và xây dựng Hội Thánh của
Người.

766. Nhưng Hội Thánh được sinh ra một cách chủ yếu từ việc hiến
813 thân trọn vẹn của Đức Kitô để cứu độ chúng ta, việc hiến thân ấy
610, 1340 được thể hiện trước trong việc thiết lập bí tích Thánh Thể và được
thực hiện trên thập giá. “Sự khởi đầu và tăng trưởng của Hội
Thánh được đánh dấu bằng việc máu và nước trào ra từ cạnh sườn
617 rộng mở của Chúa Giêsu bị đóng đinh trên thập giá”¹⁷⁷. “Chính từ
cạnh sườn của Đức Kitô yên nghỉ trên thập giá đã phát sinh bí
478 tích kỳ diệu là toàn thể Hội Thánh”¹⁷⁸. Như bà Evà được tạo ra từ
cạnh sườn của ông Adam, thì cũng vậy, Hội Thánh được sinh từ
trái tim bị đâm thấu của Đức Kitô chết trên thập giá¹⁷⁹.

¹⁶⁷ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 5: AAS 57 (1965) 7.

¹⁶⁸ X. Mt 10,16; 26,31; Ga 10,1-21.

¹⁶⁹ X. Mt 12,49.

¹⁷⁰ X. Mt 5-6.

¹⁷¹ X. Mc 3,14-15.

¹⁷² X. Mt 19,28; Lc 22,30.

¹⁷³ X. Kh 21,12-14.

¹⁷⁴ X. Mc 6,7.

¹⁷⁵ X. Lc 10,1-2.

¹⁷⁶ X. Mt 10,25; Ga 15,20.

¹⁷⁷ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 3: AAS 57 (1965) 6.

¹⁷⁸ CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 5: AAS 56 (1964) 99.

¹⁷⁹ X. Thánh Ambrôsiô, *Expositio evangelii secundum Lucam* 2,85-89: CCL 14, 69-72 (PL 15, 1666-1668).

Hội Thánh – được tỏ hiện bởi Chúa Thánh Thần

767. “Vây sau khi công trình mà Chúa Cha trao cho Chúa Con thực hiện nơi trần thế đã được hoàn tất, thì Chúa Thánh Thần được sai đến vào ngày lễ Ngũ Tuần, để Ngài thánh hoá Hội Thánh một cách liên li”¹⁸⁰. Lúc đó “Hội Thánh được tỏ hiện một cách công khai trước mặt dân chúng, và Tin Mừng bắt đầu được truyền bá cho muôn dân qua việc rao giảng”¹⁸¹. Bởi vì là “cuộc triệu tập” mọi người đến với ơn cứu độ, nên tự bản chất của mình, Hội Thánh có tính chất thừa sai, được Đức Kitô sai đến với mọi dân tộc để làm cho họ thành môn đệ¹⁸². 731 849

768. Chúa Thánh Thần “dạy dỗ và hướng dẫn Hội Thánh bằng nhiều hồng ân theo phẩm trật và theo đặc sủng”¹⁸³, để Hội Thánh thực hiện sứ vụ của mình. “Từ đó, được trang bị bằng các hồng ân của Đấng Sáng Lập và trong khi trung thành tuân giữ các giới luật của Người về bác ái, khiêm nhường và từ bỏ, Hội Thánh lãnh nhận sứ vụ loan báo và thiết lập Nước của Đức Kitô và của Thiên Chúa nơi mọi dân tộc, và tạo thành mầm mống và điểm khởi đầu của Nước này trên trái đất”¹⁸⁴. 541

Hội Thánh – được hoàn tất trong vinh quang

769. “Hội Thánh ... sẽ chỉ được hoàn tất trong vinh quang thiên quốc”¹⁸⁵, trong cuộc Ngự đến vinh hiển của Đức Kitô. Cho đến ngày đó, “Hội Thánh vẫn tiến bước trên đường lữ thứ giữa những cuộc bách hại của thế gian và những ơn an ủi của Thiên Chúa”¹⁸⁶. Nơi trần thế, Hội Thánh biết mình đang ở chốn lưu đày, đang trên đường lữ thứ xa cách Chúa¹⁸⁷, Hội Thánh khao khát cuộc ngự đến trọn vẹn của Nước Thiên Chúa, khao khát “giờ sẽ được kết hợp cùng Vua của mình trong vinh quang”¹⁸⁸. Sự hoàn tất của Hội Thánh, và qua đó, sự hoàn tất của trần gian trong vinh quang sẽ chỉ xảy ra sau nhiều thử thách lớn lao. Chỉ khi đó “mọi người công chính từ ông Adam, ‘từ ông Abel người công chính cho đến người 671, 2818 675 1045

¹⁸⁰ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 4: AAS 57 (1965) 6.

¹⁸¹ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Ad Gentes*, 4: AAS 58 (1966) 950.

¹⁸² X. Mt 28,19-20; CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Ad Gentes*, 2: AAS 58 (1966) 948; *Ibid.*, 5-6: AAS 58 (1966) 951-955.

¹⁸³ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 4: AAS 57 (1965) 7.

¹⁸⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 5: AAS 57 (1965) 8.

¹⁸⁵ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 48: AAS 57 (1965) 53.

¹⁸⁶ Thánh Augustinô, *De civitate Dei*, 18, 51: CSEL 40/2, 354 (PL 41, 614); x. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 8: AAS 57 (1965) 12.

¹⁸⁷ X. 2 Cr 5,6; CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 6: AAS 57 (1965) 9.

¹⁸⁸ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 5: AAS 57 (1965) 8.

được tuyển chọn cuối cùng' sẽ được quy tụ trong Hội Thánh phổ quát bên cạnh Chúa Cha"¹⁸⁹.

III. MẦU NHIỆM HỘI THÁNH

ECCLESIAE MYSTERIUM

812 **770.** Hội Thánh sống trong lịch sử, nhưng đồng thời siêu việt trên lịch sử. “Chỉ tâm trí được soi sáng bởi đức tin”¹⁹⁰ mới có thể nhận ra trong thực tại hữu hình của Hội Thánh một thực tại thiêng liêng mang sự sống thần linh.

Hội Thánh - vừa hữu hình vừa thiêng liêng

827 **771.** “Đức Kitô, Đấng Trung Gian duy nhất, đã thiết lập và không ngừng nâng đỡ Hội Thánh của Người, một cộng đoàn đức tin, đức cậy và đức mến, như một cơ cấu hữu hình nơi trần thế, qua Hội Thánh đó Người ban phát chân lý và ân sủng cho mọi người”. Hội Thánh đồng thời:

- 1880 – “vừa là một xã hội... có tổ chức theo phẩm trật, vừa là Thân Thể mầu nhiệm của Đức Kitô”;
- “vừa là một tập thể hữu hình vừa là một cộng đoàn thiêng liêng”;
- 954 – “vừa là một Hội Thánh được phong phú bởi những của cải trần thế vừa là một Hội Thánh được phong phú bởi những của cải thiên quốc”.

Các chiều kích trên đồng thời “cấu thành một thực tại phức hợp duy nhất, kết hợp hai yếu tố nhân loại và thần linh”¹⁹¹:

“Hội Thánh có đặc điểm là vừa mang tính nhân loại vừa mang tính thần linh, vừa hữu hình vừa hàm chứa những thực tại vô hình, vừa nhiệt thành trong hành động vừa siêu thoát trong chiêm niệm, vừa hiện diện trong trần gian vừa xa lạ với trần gian; tuy nhiên, trong Hội Thánh, yếu tố nhân loại quy hướng về yếu tố thần linh và tùy thuộc vào đó; yếu tố hữu hình quy hướng về yếu tố vô hình; yếu tố hoạt động quy hướng về yếu tố chiêm niệm, và hiện tại quy hướng về thành đô tương lai mà chúng ta đang tìm kiếm”¹⁹².

“Ôi thật khiêm cung! Ôi thật cao trọng! Lều tạm bằng gỗ tùng và thánh điện của Thiên Chúa, lều tạm trần thế và cung điện thiên quốc; ngôi nhà bằng đất sét và lâu đài hoàng gia; thân thể

¹⁸⁹ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 2: AAS 57 (1965) 6.

¹⁹⁰ *Catechismus Romanus*, 1, 10, 20: ed. P. Rodriguez (Città del Vaticano-Pamplona 1989) 117.

¹⁹¹ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 8: AAS 57 (1965) 11.

¹⁹² CĐ Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 2: AAS 56 (1964) 98.

của sự chết và đền thờ của ánh sáng; và sau cùng, đối tượng bị khinh miệt bởi những kẻ kiêu căng, và hiền thê của Đức Kitô! Tôi đen nhưng tôi đẹp, hỡi các thiếu nữ Giêrusalem: mặc dầu lao động và đau khổ của cuộc lưu đày lâu dài làm nàng xanh xao, nhưng nàng lại được trang điểm bằng vẻ đẹp thiên quốc”¹⁹³.

Hội Thánh – mầu nhiệm hợp nhất người ta với Thiên Chúa

772. Trong Hội Thánh, Đức Kitô hoàn thành và mạc khải mầu nhiệm riêng của Người như mục đích của kế hoạch của Thiên Chúa: “quy tụ muôn loài trong trời đất dưới quyền một thủ lãnh là Đức Kitô” (Ep 1,10). Thánh Phaolô gọi cuộc kết hợp phụ phụ của Đức Kitô với Hội Thánh là “một mầu nhiệm cao cả” (Ep 5,32). Bởi vì được kết hợp với Đức Kitô như với Phu Quân của mình¹⁹⁴, nên chính Hội Thánh cũng trở thành một mầu nhiệm¹⁹⁵. Khi chiêm ngắm mầu nhiệm nơi Hội Thánh, thánh Phaolô đã thốt lên: “Đức Kitô đang ở giữa anh em, Đấng ban cho chúng ta niềm hy vọng đạt tới vinh quang” (Cl 1,27). 518 796

773. Trong Hội Thánh, sự hiệp thông này giữa người ta với Thiên Chúa nhờ đức mến “không bao giờ mất được” (1 Cr 13,8) là mục đích chi phối tất cả những gì là phương tiện bí tích gắn liền với thế giới đang qua đi này¹⁹⁶. “Toàn bộ cơ cấu của Hội Thánh đều hướng về sự thánh thiện của các chi thể của Đức Kitô. Sự thánh thiện ấy lại được xác định theo ‘mầu nhiệm cao cả’, là mầu nhiệm Hiền Thê dùng tặng phẩm tình yêu của riêng mình đáp trả lại tặng phẩm của Đấng Phu Quân”¹⁹⁷. Đức Maria trỗi vượt tất cả chúng ta về sự thánh thiện, vốn là mầu nhiệm của Hội Thánh, như một Hiền Thê không tỳ ố, không vết nhăn¹⁹⁸. Vì vậy, “chiều kích Maria của Hội Thánh trỗi vượt trên chiều kích Phêrô”¹⁹⁹. 671 972

Hội Thánh - bí tích phổ quát của ơn cứu độ

774. Từ *mysterion* trong tiếng Hy Lạp được dịch sang tiếng La tinh bằng hai từ là *mysterium* (mầu nhiệm) và *sacramentum* (bí tích). Trong cách giải thích về sau này, từ *sacramentum* (bí tích) diễn tả dấu chỉ hữu hình của thực tại ẩn giấu của ơn cứu độ, thực tại ẩn giấu đó được diễn tả bằng 1075

¹⁹³ Thánh Bênêđô, *In Canticum sermo* 27, 7, 14: *Opera*, ed. J. Leclecq-C.H Talbot-H. Rochais, v.1 (Romae 1957) 191.

¹⁹⁴ X. Ep 5,25-27.

¹⁹⁵ X. Ep 3,9-11.

¹⁹⁶ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 48: AAS 57 (1965) 53.

¹⁹⁷ ĐGH Gioan Phaolô II, Tông thư *Mulieris dignitatem*, 27: AAS 80 (1988) 1718.

¹⁹⁸ X. Ep 5,27.

¹⁹⁹ ĐGH Gioan Phaolô II, Tông thư *Mulieris dignitatem* 27: AAS 80 (1988) 1718, nota 55.

từ *mysterium* (mầu nhiệm). Theo nghĩa này, chính Đức Kitô là mầu nhiệm của ơn cứu độ: “Mầu nhiệm của Thiên Chúa không là gì khác ngoài Đức Kitô”²⁰⁰. Công trình cứu độ do nhân tính thánh thiện và có sức thánh
 515
 2014 hóa của Đức Kitô thực hiện là bí tích của ơn cứu độ. Bí tích này được biểu lộ và hoạt động trong các bí tích của Hội Thánh (mà các Giáo Hội Đông phương cũng gọi là các “mầu nhiệm thánh”). Bảy bí tích là những dấu chỉ và những dụng cụ Chúa Thánh Thần dùng để tuôn đổ ân sủng của Đức Kitô là Đầu, trên Hội Thánh là Thân Thể của Người. Như vậy, Hội
 1116 Thánh chứa đựng và truyền thông ân sủng vô hình mà mình là dấu chỉ. Trong ý nghĩa loại suy này, chính Hội Thánh được gọi là một “bí tích”.

775. “Trong Đức Kitô, Hội Thánh là bí tích, nghĩa là dấu chỉ và dụng cụ của sự kết hợp mật thiết với Thiên Chúa và của sự hợp nhất của toàn thể nhân loại”²⁰¹: là bí tích của *sự kết hợp mật thiết con người với Thiên Chúa*: đó là mục đích đầu tiên của Hội Thánh. Bởi vì sự hiệp thông giữa con người bắt rễ trong sự kết hợp với
 360 Thiên Chúa, nên Hội Thánh cũng là bí tích của *sự hợp nhất của nhân loại*. Trong Hội Thánh, sự hợp nhất đó đã bắt đầu, bởi vì Hội Thánh quy tụ những người “thuộc mọi dân, mọi chi tộc, mọi nước và mọi ngôn ngữ” (Kh 7,9); đồng thời, Hội Thánh là “dấu chỉ và dụng cụ” để thực hiện trọn vẹn sự hợp nhất này mà cho đến nay vẫn còn phải đạt tới.

1088 **776.** Với tính cách là bí tích, Hội Thánh là dụng cụ của Đức Kitô. “Hội Thánh cũng được Đức Kitô sử dụng như dụng cụ để cứu chuộc mọi người”²⁰², “Hội Thánh là bí tích phổ quát của ơn cứu độ”²⁰³ qua đó Đức Kitô “biểu lộ và đồng thời thực hiện mầu nhiệm tình yêu của Thiên Chúa đối với con người”²⁰⁴. Hội Thánh là “kế hoạch hữu hình của tình yêu Thiên Chúa đối với nhân loại”²⁰⁵, trong kế hoạch này, Thiên Chúa muốn cho “nhân loại phổ quát hợp thành Dân duy nhất của Thiên Chúa, quy tụ thành Thân thể duy nhất của Đức Kitô, xây dựng nên một Đền thờ duy nhất của Chúa Thánh Thần”²⁰⁶.

²⁰⁰ Thánh Augustinô, *Epistula* 187, 11, 34: CSEL 57, 113 (PL 33, 845).

²⁰¹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 1: AAS 57 (1965) 5.

²⁰² CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 9: AAS 57 (1965) 13.

²⁰³ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 48: AAS 57 (1965) 53.

²⁰⁴ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 45: AAS 58 (1966) 1066.

²⁰⁵ ĐGH Phaolô VI, *Allocutio ad Sacri Collegii Cardinalium Patres* (22-6-1973): AAS 65 (1973) 391.

²⁰⁶ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Ad Gentes*, 7: AAS 58 (1966) 956; x. Id., Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 17: AAS 57 (1965) 20-21.

TÓM LƯỢC

777. Từ Hội Thánh (*Ecclesia*) có nghĩa gốc là “cuộc triệu tập”. Từ này chỉ sự tập hợp những người được Lời Chúa triệu tập, để họp thành dân Thiên Chúa, và những người này, được nuôi dưỡng bằng Mình Thánh Đức Kitô, chính họ trở thành Thân Thể Đức Kitô.

778. Hội Thánh vừa là con đường, đồng thời vừa là mục đích của kế hoạch của Thiên Chúa: Được hình dung trước trong công trình tạo dựng, được chuẩn bị trong Cựu Ước, được thành lập do các lời và hành động của Chúa Giêsu Kitô, được thực hiện nhờ thập giá cứu chuộc và sự phục sinh của Người, Hội Thánh được làm tỏ hiện như mẫu nhiệm cứu độ qua việc tuôn đổ Chúa Thánh Thần. Hội Thánh sẽ được hoàn tất trong vinh quang thiên quốc như cuộc tập hợp mọi người được cứu chuộc từ cõi đất²⁰⁷.

779. Hội Thánh vừa hữu hình vừa thiêng liêng, vừa là một xã hội có phẩm trật vừa là thân thể mẫu nhiệm của Đức Kitô. Hội Thánh là duy nhất, được tạo thành bởi hai yếu tố nhân loại và thần linh. Đó là mẫu nhiệm Hội Thánh, mẫu nhiệm này chỉ có thể được đón nhận bằng đức tin.

780. Trên trần gian này, Hội Thánh là bí tích cứu độ, là dấu chỉ và dụng cụ của sự hiệp thông giữa Thiên Chúa với con người.

Tiết 2

Hội Thánh – Dân Thiên Chúa, Thân Thể Đức Kitô, Đền Thờ Chúa Thánh Thần

Paragraphus 2

Ecclesia – Populus Dei, Corpus Christi, Templum Spiritus Sancti

I. HỘI THÁNH – DÂN THIÊN CHÚA

ECCLESIA – POPULUS DEI

781. “Quả thật, trong mọi thời và trong mọi dân, bất cứ ai kính sợ Thiên Chúa và thực hành sự công chính đều được Ngài đón nhận. Tuy nhiên, Thiên Chúa không muốn thánh hoá và cứu độ người ta riêng rẽ từng người một, không liên kết với nhau, nhưng Ngài

²⁰⁷ X. Kh 14,4.

muốn thiết lập họ thành một Dân, là dân nhận biết Ngài trong chân lý, và phụng sự Ngài một cách thánh thiện. Vì vậy, Ngài đã chọn dân Israel làm dân của Ngài, thiết lập với họ một Giao ước, giáo huấn họ dần dần, bằng cách biểu lộ chính mình Ngài và ý muốn của Ngài trong lịch sử của họ và thánh hiến họ cho Ngài. Tuy nhiên, tất cả những điều đó chỉ là chuẩn bị và hình bóng của Giao Ước mới và hoàn hảo, sẽ được ký kết trong Đức Kitô... Đó là Giao Ước mới Đức Kitô đã thiết lập trong máu Người, Người kêu gọi những người Do thái và dân ngoại làm thành một Dân, liên kết nhau hướng về sự hợp nhất không theo xác thịt nhưng trong Thần Khí²⁰⁸.

Những đặc tính của dân Thiên Chúa

- 871 **782.** Dân Thiên Chúa có những đặc tính, phân biệt họ một cách rõ ràng với tất cả những tập thể trong lịch sử về tôn giáo, chủng tộc, chính trị hoặc văn hóa:
- 2787 – Đây là dân của *Thiên Chúa*: Thiên Chúa không thuộc riêng một dân nào. Nhưng Ngài thủ đắc cho mình một dân từ những người trước kia không phải là một dân: “là giống nòi được tuyển chọn, là hàng tư tế vương giả, là dân thánh” (1 Pr 2,9).
- 1267 – Người ta trở nên *phần tử* của dân này, không nhờ sự sinh ra theo thể lý, nhưng nhờ sự sinh ra “bởi ơn trên”, “bởi nước và Thần Khí” (Ga 3,3-5), nghĩa là, nhờ đức tin vào Đức Kitô và nhờ bí tích Rửa Tội.
- 695 – “Dân này có Đấng làm *Đầu* là Chúa Giêsu Kitô (Đấng Được Xức Dầu, Đấng Messia): bởi vì cùng một Sự Xức Dầu, là Chúa Thánh Thần, chảy từ Đầu vào Thân thể, nên đây là “Dân thuộc về Đấng Được Xức Dầu”.
- 1741 – “Dân này có *phẩm giá* và sự tự do của các con cái Thiên Chúa, Chúa Thánh Thần ngự trong trái tim của họ như trong một đền thờ”²⁰⁹.
- 1972 – “Dân này có *Luật* là giới răn mới của yêu thương như chính Đức Kitô đã yêu thương chúng ta”²¹⁰. Đó là Luật “mới” của Chúa Thánh Thần²¹¹.
- 849 – *Sứ vụ* của dân này là làm muối đất và ánh sáng thế gian²¹². “Dân này là hạt giống chắc chắn nhất mang lại sự hợp nhất, niềm hy vọng và ơn cứu độ cho toàn thể nhân loại”²¹³.

²⁰⁸ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 9: AAS 57 (1965) 12-13.

²⁰⁹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 9: AAS 57 (1965) 13.

²¹⁰ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 9: AAS 57 (1965) 13; x. Ga 13,14.

²¹¹ X. Rm 8,2; Gl 5,25.

²¹² X. Mt 5,13-16.

²¹³ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 9: AAS 57 (1965) 13.

- Cuối cùng, *mục đích* của dân này là “Nước Thiên Chúa, đã được chính Thiên Chúa khởi sự nơi trần thế và ngày càng lan rộng, cho đến khi được chính Ngài hoàn tất trong ngày tận thế”²¹⁴. 769

Dân tư tế, tiên tri và vương đế

- 783.** Chúa Cha đã dùng Thánh Thần xúc dầu và thiết đặt Chúa Giêsu Kitô làm “Tư tế, Tiên tri và Vương đế”. Toàn thể dân Thiên Chúa tham dự vào ba chức năng này của Đức Kitô và lãnh trách nhiệm về sứ vụ và về sự phục vụ, xuất phát từ ba chức năng đó²¹⁵. 436 873
- 784.** Khi một người gia nhập dân Thiên Chúa nhờ đức tin và nhờ bí tích Rửa Tội, thì người đó được tham dự vào ơn gọi duy nhất của dân đó: vào ơn gọi làm *tư tế* của dân Thiên Chúa. “Chúa Kitô được cất nhắc làm Thượng tế giữa loài người, đã làm cho dân mới ‘thành một nước, thành những tư tế cho Thiên Chúa, Cha của Người’. Thật vậy, những ai đã lãnh Phép Rửa, nhờ ơn tái sinh và việc xúc dầu bằng Chúa Thánh Thần, đều *được thánh hiến* để trở thành ngôi nhà thiêng liêng và hàng tư tế thánh”²¹⁶. 1268 1546
- 785.** “Dân thánh của Thiên Chúa cũng được tham dự vào chức năng *tiên tri* của Đức Kitô”. Chủ yếu nhờ cảm thức siêu nhiên của đức tin, một cảm thức riêng của toàn thể dân Thiên Chúa, giáo dân và giáo phẩm, khi họ “luôn luôn gắn bó với đức tin đã được truyền lại cho các Thánh một lần cho mãi mãi”²¹⁷, khi họ đào sâu để hiểu biết đức tin hơn, và trở thành chứng nhân cho Đức Kitô giữa trần gian này. 92
- 786.** Cuối cùng, dân Thiên Chúa được tham dự vào chức năng *vương đế* của Đức Kitô. Đức Kitô thực thi quyền vương đế của Người khi Người lôi kéo mọi người đến với mình qua cái Chết và sự Sống lại của Người²¹⁸. Đức Kitô, là Vua và là Chúa của vũ trụ, đã trở nên tôi tớ mọi người, vì “Người đến không phải để được người ta phục vụ, nhưng là để phục vụ và hiến dâng mạng sống làm giá cứu chuộc muôn người” (Mt 20,28). Đối với Kitô hữu, “cai trị là phục vụ” Đức Kitô²¹⁹; Hội Thánh đặc biệt “nhận ra trong những người nghèo khó và đau khổ hình ảnh của Đấng Sáng Lập nghèo khó và đau khổ của mình”²²⁰. Dân Thiên Chúa thực hiện 2449 2443

²¹⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 9: AAS 57 (1965) 13.

²¹⁵ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Redemptoris Hominis* 18-21: AAS 71 (1979) 301-320.

²¹⁶ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 10: AAS 57 (1965) 14.

²¹⁷ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 12: AAS 57 (1965) 16.

²¹⁸ X. Ga 12,32.

²¹⁹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 36: AAS 57 (1965) 41.

²²⁰ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 8: AAS 57 (1965) 12.

“phẩm giá vương đế” của mình khi sống theo ơn gọi phục vụ cùng với Đức Kitô.

“Quả thật, tất cả những người được tái sinh trong Đức Kitô, dầu thánh giá làm cho họ trở thành Vua, việc xúc dầu bằng Chúa Thánh Thần thánh hiến họ làm tư tế, để, ngoại trừ sự phục vụ đặc biệt của thừa tác vụ của chúng tôi, tất cả các Kitô hữu có tinh thần và có lý trí đều nhận ra mình thuộc dòng dõi vương đế và có chức vụ tư tế. Thật vậy, có gì mang tính vương đế đối với một tâm hồn cho bằng hướng dẫn thân xác mình quy phục Thiên Chúa? Và có gì mang tính tư tế cho bằng dâng lên Chúa một lương tâm trong sạch và dâng những lễ vật tinh tuyền của lòng đạo hạnh trên bàn thờ của trái tim?”²²¹

II. HỘI THÁNH – THÂN THỂ ĐỨC KITÔ

ECCLESIA – CORPUS CHRISTI

Hội Thánh là sự hiệp thông với Chúa Giêsu

787. Ngay từ đầu, Chúa Giêsu đã kết hợp các môn đệ Người vào cuộc đời Người²²²; Người đã mặc khải cho họ mâu nhiệm Nước Trời²²³; và cho họ được tham dự vào sứ vụ, niềm vui²²⁴ và những đau khổ của Người²²⁵. Chúa Giêsu còn nói đến một sự hiệp thông mật thiết hơn nữa giữa Người với những ai đi theo Người: “Hãy ở lại trong Thầy như Thầy ở lại trong anh em... Thầy là cây nho, anh em là cành” (Ga 15,4-5). Và Người loan báo một sự hiệp thông bí nhiệm và thật sự giữa thân thể của Người và thân thể của chúng ta: “Ai ăn thịt và uống máu tôi thì ở lại trong tôi và tôi ở lại trong người ấy” (Ga 6,56).

788. Khi không còn hiện diện hữu hình với các môn đệ của Người, Chúa Giêsu đã không để họ phải mồ côi²²⁶. Người hứa Người sẽ ở với họ cho đến tận thế²²⁷. Người sai Thần Khí của Người đến với họ²²⁸. Như vậy sự hiệp thông với Chúa Giêsu một cách nào đó đã trở nên mật thiết hơn: “Quả thật, bằng việc truyền thông Thần Khí của Người, Chúa Giêsu đã thiết lập các anh em Người, được

²²¹ Thánh Lêô Cả, *Sermo* 4, 1: CCL 138, 16-17 (PL 54, 149).

²²² X. Mc 1,16-20; 3,13-19.

²²³ X. Mt 13,10-17.

²²⁴ X. Lc 10,17-20.

²²⁵ X. Lc 22,28-30.

²²⁶ X. Ga 14,18.

²²⁷ X. Mt 28,20.

²²⁸ X. Ga 20,22; Cv 2,33.

triệu tập từ muôn dân, thành thân thể của Người một cách mẫu nhiệm”²²⁹.

789. Việc so sánh Hội Thánh với một thân thể làm sáng tỏ sự ràng buộc thân mật giữa Hội Thánh và Đức Kitô. Hội Thánh không chỉ được quy tụ *quanh Đức Kitô*; Hội Thánh được nên một *trong Người*, trong Thân Thể của Người. Có ba khía cạnh của Hội Thánh – Thân Thể Đức Kitô, cần được lưu ý đặc biệt: sự hợp nhất của mọi chi thể với nhau nhờ họ kết hợp với Đức Kitô; Đức Kitô là Đầu của Thân Thể; và Hội Thánh là Hiền Thê của Đức Kitô. 521

“Một Thân Thể duy nhất”

790. Khi đáp lại Lời Thiên Chúa và trở nên chi thể của Thân Thể Đức Kitô, các tín hữu được kết hợp mật thiết với Đức Kitô: “Trong thân thể đó, sự sống của Đức Kitô được truyền thông cho các tín hữu là những kẻ, nhờ các bí tích, đã được kết hợp một cách bí nhiệm và thật sự với Đức Kitô chịu nạn và được tôn vinh”²³⁰. Điều này đặc biệt là thật đối với bí tích Rửa Tội, nhờ bí tích này chúng ta được kết hợp với cái Chết và sự Sống lại của Đức Kitô²³¹, và đối với bí tích Thánh Thể, nhờ bí tích này “khi chúng ta được tham dự thật sự vào Thân Thể của Chúa, chúng ta được nâng lên đến sự hiệp thông với Người và với nhau”²³². 947 1227 1329

791. Sự hợp nhất trong Thân Thể không làm mất tính đa dạng của các chi thể: “Trong việc xây dựng Thân Thể của Đức Kitô, có sự đa dạng của các chi thể và các phận vụ. Chỉ có một Thần Khí, Đáng phân phát các hồng ân khác nhau của Ngài, theo sự phong phú của Ngài và theo nhu cầu của các thừa tác vụ để mang lại lợi ích cho Hội Thánh”²³³. Sự hợp nhất của Nhiệm Thể làm phát sinh và cổ võ đức mến giữa các tín hữu. “Từ đó, nếu một chi thể đau khổ, thì tất cả các chi thể đều đau khổ; còn nếu một chi thể được vinh dự, thì tất cả các chi thể đều chung vui”²³⁴. Sau cùng, sự hợp nhất của Thân Thể Đức Kitô chiến thắng mọi chia rẽ nhân loại: “Quả thế, bất cứ ai trong anh em được thanh tẩy để thuộc về Đức Kitô, đều mặc lấy Đức Kitô; không còn chuyện phân biệt Do thái hay Hy Lạp, nô lệ hay tự do, đàn ông hay đàn bà; nhưng tất cả anh em chỉ là một trong Đức Kitô” (Gl 3,27-28). 814 1937

²²⁹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 7: AAS 57 (1965) 9.

²³⁰ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 7: AAS 57 (1965) 9.

²³¹ X. Rm 6,4-5; 1 Cr 12,13.

²³² CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 7: AAS 57 (1965) 9.

²³³ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 7: AAS 57 (1965) 10.

²³⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 7: AAS 57 (1965) 10.

Đức Kitô là Đầu của Thân Thể này

- 669 **792.** Đức Kitô là “Đầu của Thân Thể, nghĩa là Đầu của Hội Thánh” (Cl 1,18). Người là Nguyên Lý của cả công trình tạo dựng và công trình cứu chuộc. Khi được siêu thăng vào trong vinh quang của Chúa Cha, “Người đứng hàng đầu trong mọi sự” (Cl 1,18), nhất là
- 1119 trong Hội Thánh, và qua Hội Thánh, Người mở rộng Nước của Người trên mọi sự.
- 661 **793.** Chính Người kết hợp chúng ta với cuộc Vượt Qua của Người: Mọi chi thể phải trở nên giống như Người “cho đến khi Đức Kitô được hình thành” nơi họ (Gl 4,19). “Chính vì thế chúng ta... được
- 519 đảm nhận lấy các mâu nhiệm của cuộc đời Người, hiệp thông với những đau khổ của Người như thân thể hiệp thông với Đầu, cùng chịu đau khổ với Người, để cùng được tôn vinh với Người”²³⁵.
- 872 **794.** Chính Người làm cho chúng ta được tăng trưởng²³⁶: Để làm cho chúng ta tăng trưởng trong Người, là Đầu của chúng ta²³⁷, Đức Kitô phân phối các hồng ân và các thừa tác vụ trong Thân Thể Người là Hội Thánh, nhờ đó chúng ta giúp đỡ lẫn nhau trên con đường cứu độ.
- 695 **795.** Vì vậy, Đức Kitô và Hội Thánh là “Đức Kitô toàn thể” (*Christus totus*). Hội Thánh là một với Đức Kitô. Các Thánh ý thức một cách rất sống động về sự hợp nhất này:
- “Vậy chúng ta hãy vui mừng và cảm tạ, vì không những chúng ta trở thành Kitô hữu, mà còn trở thành chính Đức Kitô. Thừa anh em, anh em có hiểu ân sủng của Thiên Chúa, Đáng là Đầu, trên chúng ta không? Anh em hãy cảm phục và vui mừng: chúng ta được trở thành Đức Kitô. Quả vậy, nếu Người là Đầu và chúng ta là chi thể, thì con người toàn thể (*totus homo*) chính là Người và chúng ta... Vậy sự viên mãn của Đức Kitô, là Đầu và các chi thể. Nhưng Đầu và các chi thể là gì? Đó là Đức Kitô và Hội Thánh”²³⁸.
- “Đấng Cứu Chuộc chúng ta đã tỏ cho thấy, Người cùng với Hội Thánh mà Người đã đảm nhận, là như một người duy nhất”²³⁹.
- 1474 “Đầu và các chi thể là như một người huyền nhiệm duy nhất”²⁴⁰.
- Một câu nói của thánh nữ Jeanne d’Arc trước toà án tóm tắt đức tin của các Thánh tiến sĩ và cũng diễn tả lương tri của tín hữu:

²³⁵ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 7: AAS 57 (1965) 10.

²³⁶ X. Cl 2,19.

²³⁷ X. Ep 4,11-16.

²³⁸ Thánh Augustinô, *In Iohannis evangelium tractatus*, 21, 8: CCL 36, 216-217 (PL 35, 1568).

²³⁹ Thánh Grêgôriô Cả, *Moralia in Iob*, Praefatio, 6, 14: CCL 143, 19 (PL 75, 525).

²⁴⁰ Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, III, q. 48, a. 2, ad 1: Ed. Leon. 11, 464.

“Về Chúa chúng ta và Hội Thánh thì tôi nghĩ cả hai chỉ là một, không phải rắc rối làm gì”²⁴¹.

Hội Thánh là Hiền Thê của Đức Kitô

796. Sự hợp nhất giữa Đức Kitô và Hội Thánh, giữa Đầu và các chi thể của Thân Thể, cũng bao hàm sự phân biệt giữa hai bên trong một tương quan cá vị. Khía cạnh này thường được diễn tả bằng hình ảnh phu quân và hiền thê. Đề tài Đức Kitô phu quân của Hội Thánh đã được các Tiên tri chuẩn bị và ông Gioan Tẩy Giả loan báo²⁴². Chính Chúa cũng tự xưng như là “chàng rể” (Mc 2,19)²⁴³. Thánh Tông Đồ trình bày Hội Thánh và mỗi tín hữu, chi thể của Thân Thể Người, như là Hiền Thê “được kết hôn” với Chúa Kitô để nên một Thần Khí với Người²⁴⁴. Hội Thánh là Hiền Thê tinh tuyền của Con Chiên tinh tuyền²⁴⁵, mà Đức Kitô đã yêu thương, Người đã hiến mạng sống mình vì Hội Thánh “để thánh hoá và thanh tẩy Hội Thánh” (Ep 5,26), Người liên kết Hội Thánh với mình bằng một giao ước vĩnh cửu, và không ngừng chăm sóc Hội Thánh như thân thể riêng của Người²⁴⁶:

“Đây là Đức Kitô toàn thể, gồm Đầu và thân thể, và là một do bởi nhiều người... Vậy hoặc là đầu nói, hoặc là các chi thể nói, thì đều là Đức Kitô nói: Người nói trong cương vị là Đầu (*ex persona capitis*), và Người nói trong cương vị là Thân Thể (*ex persona corporis*). Nhưng nói gì? ‘Cả hai sẽ thành một xương một thịt. Mầu nhiệm này thật là cao cả. Tôi muốn nói về Đức Kitô và Hội Thánh’ (Ep 5,31-32). Và chính Chúa cũng nói trong Tin Mừng: ‘Như vậy, họ không còn là hai, nhưng chỉ là một xương một thịt’ (Mt 19,6). Vậy như anh em đã biết, thật sự thì có hai người, nhưng cả hai đã nên một khi thành vợ thành chồng... Với tư cách là Đầu, Người tự xưng là ‘Phu quân’; với tư cách là Thân Thể, Người tự xưng là ‘Hiền thê’”²⁴⁷.

III. HỘI THÁNH – ĐỀN THỜ CỦA CHÚA THÁNH THÂN ECCLESIA – TEMPLUM SPIRITUS SANCTI

797. “Tinh thần hay linh hồn chúng ta tương quan với các chi thể thế nào, thì Chúa Thánh Thần cũng như thế đối với các chi thể” 813

²⁴¹ Thánh Jeanne d’Arc, *Dictum: Procès de condamnation*, ed. P. Tisset (Paris 1960) 166.

²⁴² X. Ga 3,29.

²⁴³ X. Mt 22,1-14; 25,1-13.

²⁴⁴ X. 1 Cr 6,15-17; 2 Cr 11,2.

²⁴⁵ X. Kh 22,17; Ep 1,4; 5,27.

²⁴⁶ X. Ep 5,29.

²⁴⁷ Thánh Augustinô, *Enarratio in Psalmum 74*, 4: CCL 39, 1027 (PL 37, 948-949).

của Đức Kitô, đối với Thân Thể Đức Kitô là Hội Thánh”²⁴⁸. “Cũng phải quy về Thân Khí của Đức Kitô, như về một nguyên lý không hữu hình, việc tất cả các phần của Thân Thể được kết hợp với nhau, cũng như với Đầu cao trọng của mình, vì Thân Khí hiện diện trọn vẹn nơi Đầu, trọn vẹn nơi Thân Thể, trọn vẹn nơi mỗi một chi thể”²⁴⁹. Chúa Thánh Thần làm cho Hội Thánh trở nên “Đền thờ của Thiên Chúa hằng sống” (2 Cr 6,16)²⁵⁰:

“Quả vậy, hồng ân của Thiên Chúa đã được uỷ thác cho Hội Thánh... và sự hiệp thông của Đức Kitô đã được ký thác cho Hội Thánh, đó là Chúa Thánh Thần, Ngài là bảo chứng của sự bất diệt, là sức mạnh củng cố đức tin của chúng ta và là chiếc thang đưa chúng ta lên tới Thiên Chúa... Quả vậy, ở đâu có Hội Thánh, thì ở đó có Thân Khí của Thiên Chúa; và ở đâu có Thân Khí của Thiên Chúa, thì ở đó có Hội Thánh và mọi ân sủng”²⁵¹.

737 **798.** Chúa Thánh Thần là “nguyên lý của mọi hành động tác sinh
1091-1109 và thật sự có giá trị cứu độ trong mỗi phần của Thân Thể”²⁵². Ngài hoạt động bằng nhiều cách để xây dựng toàn thân trong đức mến²⁵³: bằng Lời Thiên Chúa là “Lời có sức xây dựng” (Cv 20,32); bằng bí tích Rửa Tội nhờ đó Ngài làm nên Thân Thể Đức Kitô²⁵⁴; bằng các bí tích giúp cho các chi thể của Đức Kitô được tăng trưởng và được chữa lành; bằng ân sủng của các Tông Đồ, là điều trở vượt trong các hồng ân của Ngài²⁵⁵; bằng các nhân đức, giúp các tín hữu hành động theo sự lành, và cuối cùng bằng nhiều ân sủng đặc biệt (được gọi là “các đặc sủng”) giúp các tín hữu “có đủ khả năng và sẵn lòng đảm nhận các công việc và phận vụ khác nhau, để mưu ích cho việc canh tân, xây dựng và phát triển Hội Thánh”²⁵⁶.

Các đặc sủng

951, 2003 **799.** Các đặc sủng, hoặc ngoại thường hoặc đơn giản và khiêm tốn, là những ân sủng của Chúa Thánh Thần, đều hữu ích cho Hội Thánh cách trực tiếp hay gián tiếp, theo mức độ các đặc sủng đó quy về việc xây dựng Hội Thánh, về việc mưu ích cho con người và về những nhu cầu của trần gian.

²⁴⁸ Thánh Augustinô, *Sermo* 268, 2: PL 38, 1232.

²⁴⁹ ĐGH Piô XII, Thông điệp *Mystici corporis*: DS 3808.

²⁵⁰ X. 1 Cr 3,16-17; Ep 2,21.

²⁵¹ Thánh Irênê, *Adversus haereses*, 3, 24, 1: SC 211, 472-474 (PG 7, 966).

²⁵² ĐGH Piô XII, Thông điệp *Mystici corporis*: DS 3808.

²⁵³ X. Ep 4,16.

²⁵⁴ X. 1 Cr 12,13.

²⁵⁵ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 7: AAS 57 (1965) 10.

²⁵⁶ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 12: AAS 57 (1965) 16; x. Id., Sắc lệnh *Apostolicam actuositatem*, 3: AAS 58 (1966) 839-840.

800. Các đặc sủng phải được đón nhận với lòng biết ơn, không những bởi người lãnh nhận các đặc sủng đó, mà còn bởi tất cả các phần tử của Hội Thánh. Đó là sự phong phú thật kỳ diệu của ân sủng cho sức sống tông đồ và cho sự thánh thiện của toàn Thân Thể Đức Kitô; miễn là đó phải là những hồng ân thật sự xuất phát bởi Chúa Thánh Thần, và được thực thi hoàn toàn phù hợp với những thúc đẩy đích thực của Ngài, nghĩa là theo đức mến, là thước đo thật của các đặc sủng²⁵⁷.

801. Theo nghĩa này, rõ ràng là sự phân định các đặc sủng luôn luôn là cần thiết. Không có đặc sủng nào được miễn khỏi tương quan với và quy phục các Mục tử của Hội Thánh. Các ngài “có thẩm quyền đặc biệt, không phải để dập tắt Thần Khí, nhưng phải thử thách tất cả và giữ lại điều gì là tốt”²⁵⁸, để tất cả các đặc sủng, trong sự khác biệt và bổ sung lẫn nhau, cùng cộng tác “vì lợi ích chung” (1 Cr 12,7)²⁵⁹.

894

1905

TÓM LƯỢC

802. *Chúa Giêsu Kitô “đã tự hiến để cứu chuộc chúng ta cho thoát khỏi mọi điều bất chính, và để thanh luyện chúng ta, khiến chúng ta thành dân riêng của Người” (Tt 2,14).*

803. *“Anh em là giống nòi được tuyển chọn, là hàng tư tế vương giả, là dân thánh, dân riêng của Thiên Chúa” (1 Pr 2,9).*

804. *Chúng ta gia nhập dân Thiên Chúa nhờ đức tin và nhờ bí tích Rửa Tội. “Tất cả mọi người đều được kêu gọi gia nhập dân mới của Thiên Chúa”²⁶⁰, để trong Đức Kitô “người ta làm thành một gia đình duy nhất và một dân duy nhất của Thiên Chúa”²⁶¹.*

805. *Hội Thánh là Thân Thể của Đức Kitô. Nhờ Thần Khí và nhờ hành động của Ngài trong các bí tích, nhất là bí tích Thánh Thể, Đức Kitô, Đấng đã chết và đã sống lại, làm cho cộng đoàn các tín hữu nên Thân Thể của Người.*

806. *Trong sự hợp nhất của Thân Thể này, có sự đa dạng của các chi thể và các chức năng. Tất cả các chi thể đều được liên kết với nhau, nhất là với những người đau khổ, những người nghèo và những người bị bách hại.*

²⁵⁷ X. 1 Cr 13.

²⁵⁸ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 12: AAS 57 (1965) 17.

²⁵⁹ X. CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 30: AAS 57 (1965) 37; ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Christifideles laici*, 24: AAS 81 (1989) 435.

²⁶⁰ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 13: AAS 57 (1965) 17.

²⁶¹ CĐ Vaticanô II, Sắc lệnh *Ad Gentes*, 1: AAS 58 (1966) 947.

807. *Hội Thánh là một Thân Thể có Đức Kitô là Đầu: Hội Thánh sống do Người, trong Người, và cho Người; chính Người sống với Hội Thánh và trong Hội Thánh.*

808. *Hội Thánh là Hiền Thê của Đức Kitô: Người đã yêu mến Hội Thánh và đã nộp mình vì Hội Thánh. Người đã thanh tẩy Hội Thánh bằng Máu Người. Người làm cho Hội Thánh trở thành Mẹ, sinh ra tất cả các con cái của Thiên Chúa.*

809. *Hội Thánh là Đền Thờ của Chúa Thánh Thần. Thần Khí là như linh hồn của Nhiệm Thể, là nguyên lý của sự sống của Nhiệm Thể, nguyên lý của sự hợp nhất trong khác biệt, nguyên lý của sự phong phú các hồng ân và đặc sủng của Nhiệm Thể.*

810. *“Như vậy Hội Thánh phổ quát xuất hiện như một dân được quy tụ trong sự hợp nhất của Chúa Cha, và Chúa Con và Chúa Thánh Thần”²⁶².*

Tiết 3

Hội Thánh duy nhất, thánh thiện, công giáo và tông truyền

Paragraphus 3

Ecclesia est una, sancta, catholica et apostolica

750 **811.** “Đây là Hội Thánh duy nhất của Đức Kitô, mà trong Tín biểu chúng ta tuyên xưng là duy nhất, thánh thiện, công giáo và tông truyền”²⁶³. Bốn đặc tính này nối kết với nhau một cách không thể tách biệt²⁶⁴, và nêu rõ những nét căn bản của Hội Thánh và của sứ vụ của Hội Thánh. Hội Thánh không tự mình có các thuộc tính ấy; 832, 865 Đức Kitô, nhờ Chúa Thánh Thần, đã làm cho Hội Thánh được duy nhất, thánh thiện công giáo và tông truyền, và cũng chính Người kêu gọi Hội Thánh hãy thực hiện từng điều trong các đặc tính đó.

156, 770 **812.** Chỉ đức tin mới có thể nhận biết rằng Hội Thánh có các đặc tính này từ nguồn mạch thần linh. Nhưng những biểu hiện lịch sử của các đặc tính đó cũng là những dấu chỉ nói lên cách rõ ràng trước lý trí nhân loại. Công đồng Vaticanô I nhắc lại: “Bởi sự

²⁶² CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 4: AAS 57 (1965) 7; x. Thánh Cyprianô, *De dominica Oratione*, 23: CCL 3A, 105 (PL 4, 553).

²⁶³ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 8: AAS 57 (1965) 11.

²⁶⁴ X. Sanctum Officium, *Epistula ad Episcopos Angliae* (14-9-1864): DS 2888.

thánh thiện trời vượt, ... sự hợp nhất công giáo và sự vững bền không gì thắng nổi của mình, Hội Thánh tự mình đã là một lý do quan trọng và thường xuyên về tính khả tín, và là một bằng chứng không thể phi bác về sứ vụ thần linh của mình”²⁶⁵.

I. HỘI THÁNH DUY NHẤT

ECCLESIA EST UNA

“Mẫu nhiệm thánh thiêng của tính duy nhất của Hội Thánh”²⁶⁶

813. *Hội Thánh là duy nhất vì nguồn mạch của mình:* “Khuôn mẫu mực tối cao và nguyên lý của mẫu nhiệm này, là sự hợp nhất trong Ba Ngôi của Thiên Chúa duy nhất là Chúa Cha và Chúa Con trong Chúa Thánh Thần”²⁶⁷. *Hội Thánh là duy nhất vì Đấng Sáng Lập của mình:* “Quả thật, chính Chúa Con nhập thể ... đã nhờ cây thập giá của mình mà giao hoà mọi người với Thiên Chúa ... tái lập sự hợp nhất mọi người trong một dân tộc và một thân thể”²⁶⁸. *Hội Thánh là duy nhất vì “linh hồn” của mình:* “Chúa Thánh Thần, Đấng ngự trong các tín hữu, đầy tràn và điều khiển toàn Hội Thánh, làm cho các tín hữu hiệp thông với nhau cách kỳ diệu và kết hợp tất cả trong Đức Kitô cách rất mật thiết, cho nên Ngài là nguyên lý của sự hợp nhất của Hội Thánh”²⁶⁹. Vì vậy, theo bản chất, Hội Thánh là duy nhất:

“Ôi mẫu nhiệm lạ lùng thay! Có Chúa Cha duy nhất của vũ trụ, có Ngôi Lời duy nhất của vũ trụ, và Chúa Thánh Thần duy nhất, và chính Ngài ở khắp nơi. Cũng có một người Mẹ Đồng Trinh duy nhất; mà tôi thích gọi người mẹ đó là Hội Thánh”²⁷⁰.

814. Tuy nhiên, ngay từ khởi đầu, Hội Thánh duy nhất đó cho thấy mình rất *đa dạng*, điều này vừa xuất phát từ những hồng ân khác nhau của Thiên Chúa đồng thời vừa từ vô số những người lãnh nhận các hồng ân đó. Những đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá được quy tụ thành sự duy nhất của dân Thiên Chúa. Giữa các phần tử của Hội Thánh có sự đa dạng về các hồng ân, các chức năng, các hoàn cảnh và các cách sống; “trong sự hiệp thông của Hội Thánh, có sự hiện diện cách chính đáng của các Giáo Hội địa

²⁶⁵ CD Vaticanô I, Hiến chế tín lý *Dei Filius*, c. 3: DS 3013.

²⁶⁶ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Unitatis redintegratio*, 2: AAS 57 (1965) 92.

²⁶⁷ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Unitatis redintegratio*, 2: AAS 57 (1965) 92.

²⁶⁸ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 78: AAS 58 (1966) 1101.

²⁶⁹ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Unitatis redintegratio*, 2: AAS 57 (1965) 91.

²⁷⁰ Thánh Clêmentê Alexandria, *Paedagogus*, 1, 6, 42: GCS 12, 115 (PG 8, 300).

phương với những truyền thống riêng”²⁷¹. Những phong phú lớn lao của sự đa dạng này không nghịch lại tính duy nhất của Hội Thánh. Tuy nhiên tội lỗi và những hậu quả nặng nề của nó không ngừng đe dọa hồng ân là sự duy nhất. Vì vậy thánh Tông Đồ đã khuyên phải duy trì “sự hợp nhất mà Thần Khí đem lại, bằng cách ăn ở thuận hoà gắn bó với nhau” (Ep 4,3).

1827 **815.** Những mối dây của sự duy nhất này là gì? Trên hết mọi sự, đó là đức mến, là “mối dây liên kết tuyệt hảo” (Cl 3,14). Nhưng sự
830, 837 duy nhất của Hội Thánh lữ hành cũng được nâng đỡ bằng những mối dây hiệp thông hữu hình:

- 173 – Nhờ việc tuyên xưng một đức tin duy nhất đã tiếp nhận từ các Tông Đồ;
- Nhờ sự cử hành chung việc phượng tự thần linh, nhất là các bí tích;
- Nhờ sự kế nhiệm tông truyền qua bí tích Truyền Chức Thánh, điều này duy trì sự hòa hợp huynh đệ của gia đình Thiên Chúa²⁷².

816. “Đây là Hội Thánh duy nhất của Đức Kitô, ... mà Đấng Cứu Độ chúng ta, sau khi Người phục sinh, đã trao cho ông Phêrô chăn dắt, và truyền cho ông và các tông đồ khác phải truyền bá và cai quản... Được thiết lập trên trần gian như một xã hội có phẩm trật, Hội Thánh ấy tồn tại trong (*subsistit in*) Hội Thánh Công giáo, do Vị kế nhiệm thánh Phêrô và các Giám mục hiệp thông với ngài điều khiển”²⁷³.

830 Sắc lệnh về Đại Kết (de Oecumenismo) của Công đồng Vaticanô II giải thích: “Quả vậy, nhờ Hội Thánh duy nhất công giáo của Đức Kitô, là sự trợ giúp thông thường của ơn cứu độ, người ta có thể đạt được cách viên mãn các phương tiện cứu độ. Thật sự, chúng tôi tin, Chúa đã ủy thác tất cả sản nghiệp Tân Ước cho riêng Tông Đồ Đoàn do thánh Phêrô lãnh đạo, để tạo thành một Thân Thể duy nhất của Đức Kitô nơi trần thế; tất cả những ai thuộc về dân Thiên Chúa một cách nào đó, đều phải được tháp nhập một cách đầy đủ vào Thân Thể này”²⁷⁴.

Những vết thương của sự duy nhất

817. Thật ra, “trong Hội Thánh duy nhất và độc nhất này của Thiên Chúa, ngay từ buổi sơ khai, đã xuất hiện một số rạn nứt mà thánh Tông Đồ đã nặng lời khiển trách là đáng lên án. Trong

²⁷¹ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 13: AAS 57 (1965) 18.

²⁷² X. CĐ Vaticanô II, Sắc lệnh *Unitatis redintegratio*, 2: AAS 57 (1965) 91-92; Id., Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 14: AAS 57 (1965) 18-19; *Bộ Giáo Luật*, điều 205.

²⁷³ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 8: AAS 57 (1965) 11-12.

²⁷⁴ CĐ Vaticanô II, Sắc lệnh *Unitatis redintegratio*, 3: AAS 57 (1965) 94.

những thế kỷ sau đó, còn phát sinh những xung đột trầm trọng hơn và những cộng đoàn không nhỏ đã tách biệt khỏi sự hiệp thông đầy đủ với Hội Thánh Công giáo, có khi không phải không do lỗi của những người ở cả hai bên²⁷⁵. Những sự đoạn tuyệt, làm tổn thương sự duy nhất của Thân Thể Đức Kitô (được phân biệt là lạc giáo, bội giáo và ly giáo)²⁷⁶, đã xảy ra do tội lỗi của con người:

2089

“Ở đâu có tội lỗi, ở đó có lộn xộn, ly giáo, lạc giáo, và xung đột; còn ở đâu có nhân đức, ở đó có sự duy nhất, sự kết hợp, nhờ đó tất cả các tín hữu chỉ có một trái tim, và một linh hồn”²⁷⁷.

818. Ngày nay những người sinh ra trong các cộng đoàn phát sinh từ những cuộc ly khai ấy “và đang sống đức tin vào Đức Kitô, không thể bị tố cáo về tội chia rẽ, và Hội Thánh Công giáo quý mến họ với lòng tôn trọng và yêu thương huynh đệ... Được công chính hóa bởi đức tin trong bí tích Rửa Tội, họ được tháp nhập vào Đức Kitô, và vì vậy họ có quyền mang danh Kitô hữu, và xứng đáng được con cái của Hội Thánh Công giáo nhìn nhận là anh em trong Chúa”²⁷⁸.

1271

819. Hơn nữa, “nhiều yếu tố của sự thánh hóa và của chân lý”²⁷⁹ hiện hữu bên ngoài những giới hạn hữu hình của Hội Thánh Công giáo: “Lời Chúa bằng văn tự, đời sống trong ân sủng, đức tin, đức cậy, đức mến, và những hồng ân nội tâm khác của Chúa Thánh Thần cùng những yếu tố hữu hình”²⁸⁰. Thần Khí của Đức Kitô dùng những Giáo Hội và những cộng đoàn giáo hội đó như những phương tiện cứu độ, sức mạnh của những phương tiện này xuất phát từ sự sung mãn của ân sủng và của chân lý mà Đức Kitô đã giao phó cho Hội Thánh Công giáo. Tất cả những điều thiện hảo đó đều xuất phát từ Đức Kitô và dẫn đến Người²⁸¹, và tự chúng là lời kêu gọi tiến đến “sự hợp nhất phổ quát”²⁸².

Trên đường tiến đến hợp nhất

820. “Đức Kitô từ ban đầu đã rộng ban cho Hội Thánh ơn hợp nhất. Chúng tôi tin rằng sự hợp nhất ấy tồn tại mãi trong Hội Thánh Công Giáo và chúng tôi hy vọng sự hợp nhất ngày càng

²⁷⁵ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Unitatis redintegratio*, 3: AAS 57 (1965) 92-93.

²⁷⁶ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 751.

²⁷⁷ Ôrigênê, *In Ezechielem holimia*, 9, 1: SC 352, 296 (PG 13, 732).

²⁷⁸ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Unitatis redintegratio*, 3: AAS 57 (1965) 93.

²⁷⁹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 8: AAS 57 (1965) 12.

²⁸⁰ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Unitatis redintegratio*, 3: AAS 57 (1965) 93; x. Id., Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 15: AAS 57 (1965) 19.

²⁸¹ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Unitatis redintegratio*, 3: AAS 57 (1965) 93.

²⁸² CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 8: AAS 57 (1965) 12.

phát triển cho đến ngày tận thế²⁸³. Đức Kitô vẫn luôn luôn ban cho Hội Thánh ơn hợp nhất, nhưng Hội Thánh phải luôn luôn cầu nguyện và hành động để duy trì, tăng cường và hoàn chỉnh sự hợp nhất như Đức Kitô muốn. Vì thế, chính Chúa Giêsu cầu nguyện trong giờ khổ nạn và không ngừng cầu xin Chúa Cha cho các môn đệ được hợp nhất: “Để tất cả nên một, như Cha ở trong Con và Con ở trong Cha để họ cũng ở trong chúng ta. Như vậy, thế gian sẽ tin rằng Cha đã sai Con” (Ga 17,21). Lòng ao ước lập lại sự hợp nhất của tất cả các Kitô hữu là một hồng ân của Đức Kitô và một lời kêu gọi của Chúa Thánh Thần²⁸⁴.

821. Để đáp lại lời kêu gọi hợp nhất của Chúa Thánh Thần, Hội Thánh cần:

- *canh tân* thường xuyên để ngày càng trung thành hơn với ơn gọi của mình; sự canh tân này là động lực của phong trào hợp nhất²⁸⁵.
- 2748 – *hối cải tận đáy lòng* “để sống phù hợp hơn với Tin Mừng”²⁸⁶, vì chính sự bất trung với ân sủng của Đức Kitô là nguyên nhân gây chia rẽ giữa các chi thể;
- 2791 – *cầu nguyện chung*, vì “sự hối cải tận đáy lòng và sự thánh thiện trong đời sống, cùng với những lời kinh chung và riêng cầu cho sự hợp nhất các Kitô hữu, phải được coi như là linh hồn của mọi phong trào đại kết và có thể xứng đáng được mệnh danh là sự đại kết trong tinh thần”²⁸⁷;
- hiểu biết nhau trong tình huynh đệ²⁸⁸;
- *đào tạo tinh thần đại kết* cho các tín hữu và nhất là cho các linh mục²⁸⁹;
- *đối thoại* giữa các nhà thần học và gặp gỡ giữa các Kitô hữu của các Giáo Hội và các cộng đoàn khác nhau²⁹⁰;
- *hợp tác* giữa các Kitô hữu trong các lãnh vực khác nhau để phục vụ con người²⁹¹.

822. “Toàn thể Hội Thánh, tín hữu cũng như mục tử, đều có bổn phận quan tâm đến việc tái lập sự hợp nhất”²⁹². Nhưng cũng cần ý

²⁸³ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Unitatis redintegratio*, 4: AAS 57 (1965) 95.

²⁸⁴ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Unitatis redintegratio*, 1: AAS 57 (1965) 90-91.

²⁸⁵ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Unitatis redintegratio*, 6: AAS 57 (1965) 96-97.

²⁸⁶ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Unitatis redintegratio*, 7: AAS 57 (1965) 97.

²⁸⁷ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Unitatis redintegratio*, 8: AAS 57 (1965) 98.

²⁸⁸ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Unitatis redintegratio*, 9: AAS 57 (1965) 98.

²⁸⁹ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Unitatis redintegratio*, 10: AAS 57 (1965) 99.

²⁹⁰ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Unitatis redintegratio*, 4: AAS 57 (1965) 94; *Ibid.*, 9: AAS 57 (1965) 98; *Ibid.*, 11: AAS 57 (1965) 99.

²⁹¹ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Unitatis redintegratio*, 12: AAS 57 (1965) 99-100.

²⁹² CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Unitatis redintegratio*, 5: AAS 57 (1965) 96.

thức rằng “ý nguyện thánh thiện muốn giao hoà toàn thể Kitô hữu trong sự hợp nhất của Hội Thánh duy nhất và độc nhất của Đức Kitô, vượt quá sức lực và khả năng loài người”. Vì thế, chúng ta đặt hết hy vọng “vào lời Đức Kitô cầu nguyện cho Hội Thánh, vào tình thương của Chúa Cha đối với chúng ta và vào quyền năng của Chúa Thánh Thần”²⁹³.

II. HỘI THÁNH THÁNH THIÊN

ECCLESIA EST SANCTA

823. “Chúng tôi tin Hội Thánh ... mãi mãi thánh thiện. Thật vậy, Đức Kitô, Con Thiên Chúa, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần được ca tụng là ‘Đấng Thánh duy nhất’, đã yêu dấu Hội Thánh như Hiền Thê của mình, và đã tự hiến vì Hội Thánh, để thánh hóa Hội Thánh, và kết hợp Hội Thánh với mình như Thân Thể của mình, và ban cho dư đầy hồng ân của Chúa Thánh Thần để làm vinh danh Thiên Chúa”²⁹⁴. Vì vậy Hội Thánh là “dân thánh của Thiên Chúa”²⁹⁵ và các phần tử của Hội Thánh được gọi là “các Thánh”²⁹⁶. 459 796 946

824. Hội Thánh, nhờ kết hợp với Đức Kitô, được chính Người thánh hóa; nhờ Người và trong Người, Hội Thánh cũng có *khả năng thánh hóa*: “Tất cả các công việc của Hội Thánh đều hướng về mục đích là thánh hóa con người trong Đức Kitô và tôn vinh Thiên Chúa”²⁹⁷. Hội Thánh được giao cho “đầy đủ các phương tiện cứu độ”²⁹⁸. Trong Hội Thánh, “chúng ta đạt đến sự thánh thiện nhờ ân sủng của Thiên Chúa”²⁹⁹. 816

825. “Hội Thánh nơi trần thế được ghi dấu đặc biệt bằng sự thánh thiện đích thực, tuy chưa trọn hảo”³⁰⁰. Các chi thể của Hội Thánh còn phải đạt tới sự thánh thiện trọn hảo: “Được ban cho những phương tiện cứu độ dồi dào và cao cả như thế, tất cả các Kitô hữu, dù trong hoàn cảnh và bậc sống nào, mỗi người trong con đường của mình, đều được Chúa kêu gọi đạt tới sự thánh thiện trọn hảo như Chúa Cha là Đấng trọn hảo”³⁰¹. 670 2013

²⁹³ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Unitatis redintegratio*, 24: AAS 57 (1965) 107.

²⁹⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 39: AAS 57 (1965) 44.

²⁹⁵ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 12: AAS 57 (1965) 16.

²⁹⁶ X. Cv 9,13; 1 Cr 6,1; 16,1.

²⁹⁷ CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 10: AAS 56 (1964) 102.

²⁹⁸ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Unitatis redintegratio*, 3: AAS 57 (1965) 94.

²⁹⁹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 48: AAS 57 (1965) 53.

³⁰⁰ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 48: AAS 57 (1965) 53.

³⁰¹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 11: AAS 57 (1965) 16.

1827 **826.** Đức mến là linh hồn của sự thánh thiện mà mọi người được
2658 kêu gọi đạt tới: “Đức mến hướng dẫn, hình thành và đưa tới mục
đích, tất cả các phương tiện thánh hoá”³⁰²:

864 “Tôi hiểu rằng nếu Hội Thánh là một thân thể gồm những bộ
phận khác nhau, thì không thể thiếu bộ phận cần thiết nhất và
cao quý nhất; tôi hiểu rằng Hội Thánh có một trái tim và trái
tim ấy bùng cháy Tình Yêu. Tôi hiểu rằng chỉ có Tình Yêu khiến
các chi thể của Hội Thánh hoạt động, nếu Tình Yêu bị tàn lụi,
thì các Tông Đồ sẽ không loan báo Tin Mừng nữa, các vị Tử Đạo
sẽ từ chối đổ máu mình ra... Tôi hiểu rằng Tình Yêu bao gồm nơi
mình tất cả các Ôn Gọi, Tình Yêu là mọi sự, và Tình Yêu bao
trùm khắp không gian và thời gian... tất một lời, Tình Yêu thì
vĩnh cửu”³⁰³.

1425-1429 **827.** “Trong khi Đức Kitô thật sự là Đấng ‘thánh thiện, vô tội, tinh
tuyền’, không hề biết đến tội, nhưng đến để đền các tội riêng của
821 dân, thì, vì mang trong lòng mình những kẻ tội lỗi, vừa thánh
thiện vừa phải luôn được thanh tẩy, Hội Thánh luôn tiếp tục việc
sám hối và canh tân”³⁰⁴. Tất cả các chi thể của Hội Thánh, kể cả
các thừa tác viên, đều phải nhận mình là kẻ tội lỗi³⁰⁵. Trong tất cả
mọi người, cỗ lòng của tội lỗi còn lẫn lộn với lúa tốt của Tin Mừng
cho đến tận thế³⁰⁶. Vì vậy, Hội Thánh quy tụ những người tội lỗi
đã được lãnh nhận ơn cứu độ của Đức Kitô, nhưng còn đang trên
đường thánh hóa:

Vì vậy, Hội Thánh “thánh thiện, dù mang trong lòng mình
những người tội lỗi; bởi vì Hội Thánh không có sự sống nào khác
ngoài sự sống của ân sủng; quả thật, nếu các chi thể của Hội
Thánh được nuôi dưỡng bằng sự sống này, thì họ được thánh
hoá, nếu họ tách mình khỏi sự sống này, thì họ rơi vào tội lỗi và
các xấu xa của tâm hồn, những điều đó ngăn cản không cho sự
thánh thiện rạng ngời của Hội Thánh được lan toả. Vì vậy, Hội
Thánh chịu đau khổ và thống hối vì những tội lỗi đó, tuy có
quyền giải thoát các con cái mình khỏi tội lỗi nhờ Máu Đức Kitô
và hồng ân của Chúa Thánh Thần”³⁰⁷.

1173 **828.** Khi phong thánh cho một số tín hữu, nghĩa là khi long trọng
tuyên bố những tín hữu này đã thực hành các nhân đức một cách

³⁰² CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 42: AAS 57 (1965) 48.

³⁰³ Thánh Têrêsa Hải đồng Giêsu, *Manuscrit B, 3v: Manuscrits autobiographiques* (Paris 1992) 299.

³⁰⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 8: AAS 57 (1965) 12; x. Id., Sắc lệnh *Unitatis redintegratio*, 3: AAS 57 (1965) 92-94; *Ibid.*, 6: AAS 57 (1965) 96-97.

³⁰⁵ X. 1 Ga 1,8-10.

³⁰⁶ X. Mt 13,24-30.

³⁰⁷ DGH Phaolô VI, *Sollemnis Professio fidei*, 19: AAS 60 (1968) 440.

anh dũng và đã sống trung thành với ân sủng của Thiên Chúa, Hội Thánh nhìn nhận quyền năng của Thần Khí thánh thiện đang ngự nơi mình và Hội Thánh nâng đỡ niềm hy vọng của các tín hữu khi đưa các thánh làm gương mẫu và làm người chuyển cầu cho họ³⁰⁸. “Trong những hoàn cảnh khó khăn nhất suốt dòng lịch sử Hội Thánh, các Thánh nam nữ luôn là nguồn mạch và là khởi điểm của sự canh tân”³⁰⁹. “Quả thật, sự thánh thiện của Hội Thánh là nguồn mạch bí ẩn và là thước đo không thể sai lầm của hoạt động tông đồ và nhiệt tình truyền giáo của Hội Thánh”³¹⁰.

2045

829. “Trong khi Hội Thánh đã đạt tới sự trọn hảo không tì ố, không vết nhăn, nơi Đức Trinh Nữ diễm phúc, thì các Kitô hữu vẫn còn phải cố gắng, để chiến thắng tội lỗi mà tiến tới trong sự thánh thiện; vì vậy họ ngược mắt nhìn lên Đức Maria”³¹¹: nơi Đức Mẹ, Hội Thánh đã hoàn toàn thánh thiện.

1172

972

III. HỘI THÁNH CÔNG GIÁO ECCLESIA EST CATHOLICA

“Công giáo” là gì?

830. Thuật ngữ “công giáo” (*catholica*) có nghĩa là “phổ quát”, hoặc “theo tính toàn bộ” hoặc “theo sự toàn vẹn”. Hội Thánh là công giáo theo cả hai nghĩa:

Hội Thánh là công giáo bởi vì trong Hội Thánh có Đức Kitô hiện diện. “Ở đâu có Đức Kitô Giêsu, ở đó có Hội Thánh Công giáo”³¹². Nơi Hội Thánh, tồn tại sự sung mãn của Thân Thể Đức Kitô, được kết hợp với Đầu của mình³¹³, điều đó có nghĩa là Hội Thánh đã nhận được từ Đức Kitô “đầy đủ các phương tiện cứu độ”³¹⁴ theo như Người muốn: lời tuyên xưng đức tin chính xác và trọn vẹn, đời sống bí tích toàn vẹn và thừa tác vụ thánh chức trong sự kế nhiệm tông truyền. Theo ý nghĩa căn bản này, Hội Thánh đã là công giáo từ ngày lễ Ngũ Tuần³¹⁵ và mãi mãi sẽ là công giáo cho đến ngày Chúa quang lâm.

795

815-816

³⁰⁸ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 40: AAS 57 (1965) 44-45; *Ibid.*, 48-51: AAS 57 (1965) 53-58.

³⁰⁹ ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Christifideles laici*, 16: AAS 81 (1989) 417.

³¹⁰ ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Christifideles laici*, 17: AAS 81 (1989) 419-420.

³¹¹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 65: AAS 57 (1965) 64.

³¹² Thánh Ignatiô Antiôchia, *Epistula ad Smyrnaeos*, 8, 2: SC 10bis, 138 (Funk 1, 282).

³¹³ X. Ep 1,22-23.

³¹⁴ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Ad Gentes*, 6: AAS 58 (1966) 953.

³¹⁵ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Ad Gentes*, 4: AAS 58 (1966) 950-951.

849 **831.** Hội Thánh là công giáo bởi vì Hội Thánh được Đức Kitô sai đến với toàn thể nhân loại³¹⁶:

360 “Mọi người được kêu gọi vào dân mới của Thiên Chúa. Vì thế
dân này, vẫn là một dân duy nhất, phải được mở rộng khắp trần
gian và qua mọi thế hệ, để kế hoạch của thánh ý Thiên Chúa
được hoàn thành: từ nguyên thủy Ngài đã tạo dựng một bản tính
518 nhân loại duy nhất, và đã quyết định quy tụ nên một các con cái
đã tản mát của Ngài... Đặc tính phổ quát này, làm vinh dự cho
dân Thiên Chúa, là một hồng ân của chính Chúa, nhờ đó Hội
Thánh Công Giáo, một cách hữu hiệu và liên li, hướng tới việc
quy tụ toàn thể nhân loại cùng mọi điều thiện hảo của họ, dưới
quyền Đức Kitô là Đầu, trong sự hợp nhất của Thần Khí của
Người”³¹⁷.

Mỗi Giáo Hội địa phương cũng là “công giáo”

814 **832.** “Hội Thánh Đức Kitô thật sự hiện diện trong mọi cộng đoàn
hợp pháp các tín hữu ở các địa phương, các cộng đoàn này gắn bó
với các Mục tử của mình và trong Tân Ước được gọi là các Hội
Thánh... Trong các cộng đoàn đó, các tín hữu được quy tụ nhờ việc
rao giảng Tin Mừng Đức Kitô, và mẫu nhiệm Bữa Tiệc của Chúa
được cử hành... Trong các cộng đoàn đó, tuy thường là nhỏ bé và
811 nghèo nàn hay sống tản mát, vẫn có Đức Kitô hiện diện, nhờ sức
mạnh của Người mà Hội Thánh duy nhất, thánh thiện, công giáo
và tông truyền được kết hợp”³¹⁸.

833. Danh xưng “Giáo Hội địa phương”, trước hết là một giáo phận,
được dùng để chỉ một cộng đoàn các tín hữu sống hiệp thông trong
đức tin và các bí tích với Giám mục của họ là người đã thụ phong
886 trong sự kế nhiệm tông truyền³¹⁹. Các Giáo Hội địa phương này
được thành lập “theo hình ảnh Hội Thánh phổ quát”, chính trong
và từ các Giáo Hội ấy mà một Hội Thánh công giáo duy nhất hiện
hữu³²⁰.

882, 1369 **834.** Các Giáo Hội địa phương có đặc tính công giáo cách đầy đủ
nhờ hiệp thông với một trong các Giáo Hội đó, tức là với Giáo Hội
Rôma, là Giáo Hội “chủ trì trong đức mến”³²¹. “Quả vậy, toàn thể
Hội Thánh, nghĩa là các tín hữu ở khắp mọi nơi, cần phải hoà hợp

³¹⁶ X. Mt 28,19.

³¹⁷ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 13: AAS 57 (1965) 17.

³¹⁸ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 26: AAS 57 (1965) 31.

³¹⁹ X. CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Christus Dominus*, 11: AAS 58 (1966) 677; *Bộ Giáo Luật*, các điều 368-369; *Bộ Giáo Luật Đông phương*, các điều 177,1. 178. 311,1. 312.

³²⁰ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 23: AAS 57 (1965) 27.

³²¹ Thánh Ignatiô Antiôchia, *Epistula ad Romanos*, Inscr.: SC 10bis, 106 (Funk 1, 252).

với Giáo Hội Rôma vì sự ưu việt cao trọng hơn của nó³²². “Quả vậy, từ buổi đầu, khi Ngôi Lời Thiên Chúa xuống mang lấy xác phàm nơi chúng ta, tất cả các Giáo Hội của các Kitô hữu ở khắp mọi nơi đã coi và vẫn coi Giáo Hội cao quý ở Rôma như căn bản và nền tảng vững chắc duy nhất: vì theo chính lời hứa của Đấng Cứu Độ, các cửa địa ngục không bao giờ thắng được Giáo Hội ấy³²³”.

835. “Vậy chúng ta phải cẩn thận, đừng nghĩ rằng Hội Thánh phổ quát như là một tổng hợp, hay có thể nói, một hiệp hội liên minh ... các Giáo Hội địa phương... Chính Hội Thánh, do ơn gọi và sứ vụ phổ quát, khi bén rễ vào những hoàn cảnh khác nhau, liên quan đến trật tự dân sự, xã hội và nhân loại, thì đã mặc lấy những bộ mặt bên ngoài và những đặc điểm khác nhau trong bất cứ miền nào của trái đất³²⁴. Sự đa dạng phong phú về các kỷ luật giáo hội, các nghi thức phụng vụ, các di sản riêng về thần học và tu đức của các Giáo hội địa phương, “khi kết hợp nên một, cho thấy một cách sáng chói tính công giáo của Hội Thánh không bị phân chia³²⁵”.

1202

Ai thuộc về Hội Thánh Công giáo?

836. “Mọi người đều được kêu gọi tới sự hợp nhất mang tính công giáo của dân Thiên Chúa..., và thuộc về hoặc quy hướng về sự hợp nhất đó bằng những cách khác nhau: hoặc là các tín hữu công giáo, hoặc là những người khác tin vào Đức Kitô, hoặc cuối cùng là tất cả mọi người một cách phổ quát, được kêu gọi hưởng ơn cứu độ nhờ ân sủng của Thiên Chúa³²⁶”.

831

837. “Được tháp nhập hoàn toàn vào cộng đoàn Hội Thánh, là những ai có Thần Khí của Đức Kitô, chấp nhận cơ cấu trọn vẹn của Hội Thánh và tất cả các phương tiện cứu độ đã được thiết lập trong Hội Thánh, và được kết hợp trong cơ cấu hữu hình của Hội Thánh với Đức Kitô, Đấng hướng dẫn Hội Thánh nhờ Đức Giáo Hoàng và các Giám mục, bằng những mối dây là việc tuyên xưng đức tin, là các bí tích, là sự cai quản và hiệp thông trong Hội Thánh. Tuy nhiên, một người dù đã được tháp nhập vào Hội Thánh, nhưng nếu không kiên trì trong đức mến, thì người đó vẫn không được cứu độ, vì quả thật, họ ở trong lòng Hội Thánh “bằng thân xác”, chứ không phải “bằng trái tim³²⁷”.

771

882

815

³²² Thánh Irênê, *Adversus haereses*, 3, 3, 2: SC 211, 32 (PG 7, 849); x. CD Vaticanô I, Hiến chế tín lý *Pater aeternus*, c. 2: DS 3057.

³²³ Thánh Maximô Hiên tu, *Opuscula theologica et polemica*: PG 91, 137-140.

³²⁴ ĐGH Phaolô VI, Tông huấn *Evangelii nuntiandi*, 62: AAS 68 (1976) 52.

³²⁵ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 23: AAS 57 (1965) 29.

³²⁶ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 13: AAS 57 (1965) 18.

³²⁷ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 14: AAS 57 (1965) 18-19.

- 818 **838.** “Với những người đã được Rửa Tội, mang danh xưng là Kitô hữu, nhưng không tuyên xưng đức tin toàn vẹn hoặc không duy trì sự hợp nhất hiệp thông dưới quyền Đấng kế nhiệm thánh Phêrô, 1271 Hội Thánh biết mình vẫn liên kết với họ vì nhiều lý do”³²⁸. “Quả vậy, những ai tin vào Đức Kitô và đã lãnh nhận bí tích Rửa Tội theo đúng nghi thức, thì cũng hiệp thông một cách nào đó với Hội Thánh công giáo, mặc dầu là sự hiệp thông không trọn vẹn”³²⁹. Với các Giáo Hội Chính thống, sự hiệp thông này sâu đậm đến mức “chỉ còn thiếu một chút là đạt tới sự sung mãn phải có, cho phép 1399 cử hành chung bí tích Thánh Thể của Chúa”³³⁰.

Hội Thánh và những người ngoài Kitô giáo

- 856 **839.** “Những ai chưa đón nhận Tin Mừng, cũng quy hướng về dân Thiên Chúa bằng những hình thức khác nhau”³³¹.

Tương quan của Hội Thánh với dân Do Thái. Hội Thánh, dân Thiên Chúa trong Tân Ước, khi nhìn kỹ vào mầu nhiệm của chính 63 mình, khám phá ra mối liên hệ giữa mình với dân Do Thái³³², là dân “được Chúa là Thiên Chúa chúng ta ngỏ lời trước”³³³. Khác với các tôn giáo khác ngoài Kitô giáo, đức tin Do Thái đã là lời đáp lại 147 đối với mạc khải của Thiên Chúa trong Cựu Ước. Chính dân Do Thái này “đã được Thiên Chúa nhận làm con, được Ngài cho thấy vinh quang, ban tặng các giao ước, Lễ luật, một nền phụng tự và các lời hứa; họ là con cháu các tổ phụ; và ... chính Đức Kitô, xét theo huyết thống, cũng cùng một nòi giống với họ” (Rm 9,4-5), “quả thế, khi Thiên Chúa đã ban ơn và kêu gọi, thì Ngài không hề đổi ý” (Rm 11,29).

- 674 **840.** Đàng khác, khi nhìn về tương lai, dân Thiên Chúa của Cựu Ước và dân mới của Thiên Chúa đều hướng tới những mục tiêu tương tự: đó là sự mong chờ Đấng Messia ngự đến (hoặc trở lại). Nhưng một bên, là mong chờ sự trở lại của Đấng Messia, đã chết và đã sống lại, được nhận biết là Chúa và là Con Thiên Chúa; còn bên kia, là mong chờ, vào ngày tận thế, việc Ngự đến của Đấng Messia, mà dung mạo của Người còn ẩn khuất, sự

³²⁸ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 15: AAS 57 (1965) 19.

³²⁹ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Unitatis redintegratio*, 3: AAS 57 (1965) 93.

³³⁰ ĐGH Phaolô VI, *Allocutio in Aede Sixtina, decem exactis annis a sublati mutuis excommunicationibus inter Romanam et Constantinopolitanam Ecclesias* (14-12-1975): AAS 68 (1976) 121; x. CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Unitatis redintegratio*, 13-18: AAS 57 (1965) 100-104.

³³¹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 16: AAS 57 (1965) 20.

³³² X. CD Vaticanô II, Tuyên ngôn *Nostra aetate*, 4: AAS 58 (1966) 742-743.

³³³ *Thứ Sáu Tuần Thánh, Nghi thức Cử hành cuộc Thương Khó của Chúa, Cầu nguyện cho mọi người VI: Sách Lễ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 254.

mong chờ này kèm theo bi kịch là không biết hay không nhận Đức Kitô Giêsu. 597

841. *Tương quan của Hội Thánh với người Hồi giáo.* “Ý định cứu độ còn bao gồm những ai nhận biết Đấng Tạo Hoá, trong số đó trước tiên phải kể đến những người Hồi giáo, những người tự nhận mình giữ đức tin của tổ phụ Abraham, cùng với chúng ta tôn thờ Thiên Chúa duy nhất, nhân từ, Đấng sẽ phán xét con người trong ngày sau hết”³³⁴.

842. *Mối liên hệ của Hội Thánh với các tôn giáo ngoài Kitô giáo* trước hết xuất phát từ chỗ tất cả nhân loại cùng có chung một nguồn gốc và một mục đích: 360

“Thật vậy, mọi dân tộc đều họp thành một cộng đoàn, có chung một nguồn gốc, vì Thiên Chúa đã cho toàn thể nhân loại sinh sống trên khắp mặt địa cầu, họ cũng có cùng một mục đích tối hậu, là Thiên Chúa, Đấng trải rộng sự quan phòng, chứng tích lòng nhân hậu và kế hoạch cứu độ của Ngài đến tất cả mọi người, cho đến khi những người được chọn được họp nhất trong Thành thánh”³³⁵.

843. Hội Thánh nhìn nhận trong các tôn giáo khác một sự tìm kiếm “trong bóng tối và trong hình ảnh” vị Thiên Chúa không được biết đến, nhưng gần gũi, bởi vì chính Ngài ban cho mọi người sự sống, hơi thở và mọi sự, và bởi vì chính Ngài muốn tất cả mọi người đều được cứu độ. Như vậy, Hội Thánh xem bất cứ điều gì tốt đẹp và chân thật có thể gặp được trong các tôn giáo, như một sự chuẩn bị cho việc đón nhận Tin Mừng và điều đó “được ban bởi Đấng soi sáng mọi người, để cuối cùng họ được sống”³³⁶. 28 856

844. Tuy nhiên trong cách thực hành tín ngưỡng của mình, người ta cũng biểu lộ những giới hạn và những sai lầm làm méo mó hình ảnh Thiên Chúa: 29

“Bị ma quỷ gạt gẫm, người ta rất thường sai lạc trong các suy nghĩ của mình, và đánh đổi chân lý của Thiên Chúa lấy điều giả dối, phục vụ loài thụ tạo hơn là Đấng Tạo Hoá, hoặc họ sống và chết như không có Thiên Chúa trên trần gian này, nên bị rơi vào tuyệt vọng tột cùng”³³⁷.

³³⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 16: AAS 57 (1965) 20; x. Id., Tuyên ngôn *Nostra aetate*, 3: AAS 58 (1966) 741-742.

³³⁵ CD Vaticanô II, Tuyên ngôn *Nostra aetate*, 1: AAS 58 (1966) 740.

³³⁶ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 16: AAS 57 (1965) 20; x. Id., Tuyên ngôn *Nostra aetate*, 2: AAS 58 (1966) 740-741; ĐGH Phaolô VI, Tông huấn *Evangelii nuntiandi*, 53: AAS 68 (1976) 41.

³³⁷ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 16: AAS 57 (1965) 20.

30 845. Để quy tụ lại tất cả con cái của Ngài đã bị tội lỗi làm tản mát
 và lạc lối, Chúa Cha đã muốn tập hợp toàn thể nhân loại vào Hội
 953 Thánh của Con Ngài. Hội Thánh là nơi trong đó nhân loại phải
 tìm lại được sự hợp nhất của mình và ơn cứu độ của mình. Hội
 Thánh là “trần gian đã được giao hoà”³³⁸. Hội Thánh là con tàu
 “được căng buồm bằng thánh giá của Chúa, theo luồng gió của
 Chúa Thánh Thần, an toàn vượt biển trần gian này”³³⁹, theo một
 hình ảnh khác quen thuộc với các Giáo phụ, Hội Thánh được hình
 dung bằng con tàu của ông Nôê, con tàu duy nhất cứu khỏi cơn lụt
 1219 đại hồng thủy³⁴⁰.

“Ngoài Hội Thánh không có ơn cứu độ”

846. Phải hiểu thế nào về lời khẳng định thường được các Giáo
 phụ nhắc lại này? Theo nghĩa tích cực, khẳng định này có nghĩa là
 toàn bộ ơn cứu độ xuất phát từ Đức Kitô là Đầu nhờ Hội Thánh là
 Thân Thể của Người:

“Dựa vào Thánh Kinh và Thánh Truyền, Công đồng dạy rằng:
 Hội Thánh lữ hành này là cần thiết để được cứu độ. Quả vậy, chỉ
 một mình Đức Kitô là trung gian và là con đường của ơn cứu độ,
 Người hiện diện giữa chúng ta trong Thân Thể Người là Hội
 161, 1257 Thánh; qua việc minh nhiên công bố sự cần thiết của đức tin và
 Phép Rửa, chính Người đã đồng thời xác nhận sự cần thiết của
 Hội Thánh, mà người ta bước vào đó nhờ Phép Rửa như qua một
 cái cửa. Vì vậy, những ai không phải là không biết rằng Hội
 Thánh Công giáo được Thiên Chúa thiết lập nhờ Chúa Giêsu
 Kitô như phương tiện cứu rỗi cần thiết, mà vẫn không muốn gia
 nhập, hoặc không muốn kiên trì sống trong Hội Thánh này, thì
 không thể được cứu độ”³⁴¹.

847. Lời khẳng định này không nhắm tới những người không biết
 Đức Kitô và Hội Thánh của Người mà không do lỗi của họ:

“Quả vậy, những người không biết đến Tin Mừng của Đức Kitô
 và Hội Thánh Người mà không do lỗi của họ, nhưng thành tâm
 tìm kiếm Thiên Chúa, và dưới tác động của ân sủng, cố gắng chu
 toàn thánh ý của Ngài bằng các công việc theo sự hướng dẫn của
 lương tâm, thì họ có thể đạt được ơn cứu độ muôn đời”³⁴².

³³⁸ Thánh Augustinô, *Sermo* 96, 7, 9: PL 38, 588.

³³⁹ Thánh Ambrôsiô, *De virginitate* 18,119: *Sancti Ambrosii Episcopi Mediolanensis opera*, v. 14/2 (Milano-Roma 1989) 96 (PL 16, 297).

³⁴⁰ X. 1 Pr 3,20-21.

³⁴¹ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 14: AAS 57 (1965) 18.

³⁴² CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 16: AAS 57 (1965) 20; x. *Sanctum Officium, Epistula ad Archiepiscopum Bostoniensem* (8-8-1949): DS 3866-3872.

848. “Mặc dầu Thiên Chúa có thể dùng những đường lối chỉ mình Ngài biết để đưa những người không biết Tin Mừng, mà không do lỗi của họ, đến với đức tin, mà không có đức tin thì không thể làm vui lòng Ngài³⁴³, Hội Thánh vẫn có bổn phận, và đồng thời là một quyền thánh thiêng, phải rao giảng Tin Mừng³⁴⁴ cho tất cả mọi người. 1260

Truyền giáo - một đòi hỏi bắt nguồn từ tính công giáo của Hội Thánh

849. *Lệnh truyền giáo.* “Được Thiên Chúa sai đến với muôn dân để nên ‘bí tích cứu độ phổ quát’, do những đòi hỏi sâu sắc của tính công giáo, vâng theo lệnh truyền của Đấng Sáng Lập của mình, Hội Thánh cố gắng loan báo Tin Mừng cho tất cả mọi người³⁴⁵. “Vậy anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép rửa cho họ nhân danh Cha và Con và Thánh Thần, dạy bảo họ tuân giữ mọi điều Thầy đã truyền cho anh em. Và đây, Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế” (Mt 28,19-20). 738, 767

850. *Nguồn gốc và mục đích của việc truyền giáo.* Lệnh truyền giáo của Chúa bắt nguồn từ tình yêu vĩnh cửu của Ba Ngôi Chí Thánh: “Tự bản chất, Hội Thánh lữ hành phải truyền giáo, vì chính Hội Thánh bắt nguồn từ sứ vụ của Chúa Con và sứ vụ của Chúa Thánh Thần, theo ý định của Thiên Chúa Cha³⁴⁶. Mục đích tối hậu của việc truyền giáo là làm cho loài người được tham dự vào sự hiệp thông giữa Chúa Cha và Chúa Con trong Thần Khí tình yêu của chính các Ngài³⁴⁷. 257 730

851. *Động lực của việc truyền giáo.* Hội Thánh luôn nhận lấy bổn phận và sức mạnh thúc đẩy việc truyền giáo của mình từ chính tình yêu của Thiên Chúa đối với tất cả mọi người: Quả vậy, “tình yêu Đức Kitô thôi thúc chúng tôi...” (2 Cr 5,14)³⁴⁸. Thật vậy, “Thiên Chúa muốn cho mọi người được cứu độ và nhận biết chân lý” (1 Tm 2,4). Thiên Chúa muốn tất cả mọi người được cứu độ nhờ nhận biết chân lý. Ôn cứu độ được gặp thấy trong chân lý. Những ai vâng theo sự thúc đẩy của Thánh Thần chân lý, thì đã ở trên đường cứu độ; nhưng chân lý này đã được uỷ thác cho Hội Thánh, nên Hội Thánh phải đáp ứng khát vọng của những người đó là mang chân 221, 429 74, 217 2104 890

³⁴³ X. Dt 11,6.

³⁴⁴ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Ad Gentes*, 7: AAS 58 (1966) 955.

³⁴⁵ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Ad Gentes*, 1: AAS 58 (1966) 947.

³⁴⁶ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Ad Gentes*, 2: AAS 58 (1966) 948.

³⁴⁷ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Redemptoris missio*, 23: AAS 83 (1991) 269-270.

³⁴⁸ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Apostolicam actuositatem*, 6: AAS 58 (1966) 842-843; ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Redemptoris missio*, 11: AAS 83 (1991) 259-260.

lý đến cho họ. Bởi vì Hội Thánh tin vào kế hoạch phổ quát của ơn cứu độ, nên Hội Thánh phải truyền giáo.

2044 **852.** *Những nẻo đường truyền giáo.* “Chúa Thánh Thần là Đấng chủ xướng toàn bộ việc truyền giáo của Hội Thánh”³⁴⁹. Chính Ngài dẫn dắt Hội Thánh trên các nẻo đường truyền giáo. “Hội Thánh tiếp tục và triển khai qua dòng lịch sử sứ vụ của chính Đức Kitô, Đấng đã được sai đi rao giảng Tin Mừng cho những người nghèo; được Thần Khí Đức Kitô thúc đẩy, Hội Thánh phải tiến bước trên chính con đường Đức Kitô đã đi, là con đường khó nghèo, vâng phục, phục vụ và tự hiến cho đến chết, từ đó Người đã chiến thắng nhờ sự sống lại của Người”³⁵⁰. Theo cách đó, “máu là hạt giống trở 2473 sinh các Kitô hữu”³⁵¹.

1428 **853.** Nhưng trên đường lữ hành, Hội Thánh cũng cảm nghiệm “khoảng cách giữa sứ điệp mà Hội Thánh phải rao giảng và sự yếu hèn nhân loại của những người được ủy thác Tin Mừng”³⁵². Chỉ bằng con đường “sám hối và canh tân”³⁵³ và “qua cửa hẹp của Thập Giá”³⁵⁴, Dân Thiên Chúa mới có thể mở rộng Nước Đức Kitô³⁵⁵. “Cũng như Đức Kitô đã hoàn thành công trình cứu chuộc trong nghèo khó và bị bách hại, Hội Thánh cũng được 2443 kêu gọi tiến bước trên chính con đường đó, để truyền thông cho người ta những hoa trái của ơn cứu độ”³⁵⁶.

2105 **854.** Do chính sứ vụ của mình, “Hội Thánh đồng hành với toàn thể nhân loại và cảm nghiệm cùng một số phận trần thế với trần gian, và Hội Thánh hiện hữu như men, như linh hồn của xã hội nhân loại phải được canh tân trong Đức Kitô và phải được biến đổi thành gia đình của Thiên Chúa”³⁵⁷. Vì thế nỗ lực truyền giáo đòi hỏi *sự kiên nhẫn*. Công việc truyền giáo bắt đầu bằng việc rao giảng Tin Mừng cho các dân tộc và các nhóm người chưa tin vào Đức Kitô³⁵⁸; tiếp đến là thiết lập những cộng đoàn Kitô hữu, là dấu chỉ sự hiện diện của Thiên Chúa trên trần gian³⁵⁹, và thành lập những Giáo Hội địa phương³⁶⁰; tiến trình hội nhập văn hóa 204 được thúc đẩy, để Tin Mừng nhập thể vào các nền văn hóa của các dân

³⁴⁹ ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Redemptoris missio*, 21: AAS 83 (1991) 268.

³⁵⁰ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Ad Gentes*, 5: AAS 58 (1966) 952.

³⁵¹ Tertullianô, *Apologeticum*, 50, 13: CCL 1, 171 (PL 1, 603).

³⁵² CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 43: AAS 58 (1966) 1064.

³⁵³ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 8: AAS 57 (1965) 12; x. *Ibid.*, 15: AAS 57 (1965) 20.

³⁵⁴ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Ad Gentes*, 1: AAS 58 (1966) 947.

³⁵⁵ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Redemptoris missio*, 12-20: AAS 83 (1991) 260-268.

³⁵⁶ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 8: AAS 57 (1965) 12.

³⁵⁷ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 40: AAS 58 (1966) 1058.

³⁵⁸ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Redemptoris missio*, 42-47: AAS 83 (1991) 289-295.

³⁵⁹ X. CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Ad Gentes*, 15: AAS 58 (1966) 964.

³⁶⁰ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Redemptoris missio*, 48-49: AAS 83 (1991) 295-297.

tộc³⁶¹; tiến trình đó sẽ không thiếu lúc gặp sự chống đối. “Đối với người ta, các tập thể và các dân tộc, Hội Thánh chỉ tiếp xúc và thâm nhập dần dần, và như vậy đón nhận họ vào sự sung mãn của tính công giáo”³⁶².

855. Công việc truyền giáo của Hội Thánh đòi hỏi nỗ lực để *hợp nhất các Kitô hữu*³⁶³. “Sự chia rẽ giữa các Kitô hữu ngăn trở Hội Thánh thực hiện đầy đủ tính công giáo đặc thù của mình nơi những con cái đó, những người đã liên kết với Hội Thánh bằng Phép Rửa, nhưng còn bị tách biệt chưa hiệp thông trọn vẹn với Hội Thánh. Hơn nữa, chính Hội Thánh cũng khó diễn tả sự sung mãn của tính công giáo về mọi phương diện trong đời sống thực tế”³⁶⁴. 821

856. Nhiệm vụ truyền giáo bao hàm sự *đối thoại đầy tôn trọng* đối với những ai chưa đón nhận Tin Mừng³⁶⁵. Các tín hữu có thể nhận được điều bổ ích cho chính mình từ cuộc đối thoại này, nhờ học biết thêm rằng “bất cứ điều gì thuộc về chân lý và ân sủng đã có nơi các dân tộc, đều được nhận ra như một sự hiện diện bí ẩn của Thiên Chúa”³⁶⁶. Chính các tín hữu loan báo Tin Mừng cho những người không biết, để củng cố, bổ túc, và nâng cao chân lý và sự thiện mà Thiên Chúa đã tuôn đổ cho người ta, cho các dân tộc, và để thanh luyện họ khỏi sự sai lầm và sự dữ “để Thiên Chúa được vinh danh, mà quỷ phải hổ thẹn, và con người được hạnh phúc”³⁶⁷. 839 843

IV. HỘI THÁNH TÔNG TRUYỀN

ECCLESIA EST APOSTOLICA

857. Hội Thánh có đặc tính tông truyền vì được đặt nền trên các Tông Đồ, và điều này được hiểu theo ba nghĩa: 75

- Hội Thánh đã và đang được xây dựng trên “nền móng là các Tông Đồ” (Ep 2,20)³⁶⁸, là những chứng nhân đã được chính Đức Kitô tuyển chọn và sai đi³⁶⁹;
- Với sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần, Đấng hằng ngự trong Hội Thánh, Hội Thánh gìn giữ và lưu truyền giáo huấn³⁷⁰, kho 171

³⁶¹ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Redemptoris missio*, 52-54: AAS 83 (1991) 299-302.

³⁶² CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Ad Gentes*, 6: AAS 58 (1966) 953.

³⁶³ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Redemptoris missio*, 50: AAS 83 (1991) 297-298.

³⁶⁴ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Unitatis redintegratio*, 4: AAS 57 (1965) 96.

³⁶⁵ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Redemptoris missio*, 55: AAS 83 (1991) 302-304.

³⁶⁶ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Ad Gentes*, 9: AAS 58 (1966) 958.

³⁶⁷ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Ad Gentes*, 9: AAS 58 (1966) 958.

³⁶⁸ X. Kh 21,14.

³⁶⁹ X. Mt 28,16-20; Cv 1,8; 1 Cr 9,1; 15,7-8; Gl 1,1; v.v....

³⁷⁰ X. Cv 2,42.

tàng quý báu, những lời lành thánh nghe được từ các Tông Đồ³⁷¹;

880, 1575

- Hội Thánh tiếp tục được giảng dạy, thánh hóa và hướng dẫn bởi các Tông Đồ cho đến khi Đức Kitô trở lại nhờ những vị kế nhiệm các ngài trong nhiệm vụ mục tử: Giám mục đoàn, “với sự trợ giúp của các linh mục, hợp nhất với Đấng kế nhiệm thánh Phêrô là mục tử tối cao của Hội Thánh”³⁷².

“Lạy Chúa là Mục Tử hàng hữu, Chúa không bỏ rơi đoàn chiên Chúa, nhưng nhờ các Thánh Tông Đồ, Chúa luôn che chở giữ gìn để đoàn chiên được hướng dẫn nhờ các vị lãnh đạo Chúa đã đặt làm mục tử nhân danh Con Chúa...”³⁷³.

Sứ vụ của các Tông Đồ

551

858. Chúa Giêsu là Đấng được Chúa Cha sai đi. Ngay từ đầu sứ vụ của Người, Người “gọi đến với mình những kẻ Người muốn... Người lập nhóm Mười Hai, để các ông ở với Người, và để Người sai các ông đi rao giảng” (Mc 3,13-14). Từ đó, họ là “những người được sai đi” (thuật ngữ Hy Lạp *Apostoloi* nói lên ý nghĩa đó). Qua họ, Đức Kitô tiếp tục sứ vụ riêng của Người: “Như Chúa Cha đã sai Thầy, thì Thầy cũng sai anh em” (Ga 20,21)³⁷⁴. Như vậy, thừa tác vụ của họ là sự tiếp tục sứ vụ của Đức Kitô. Chính Người nói với nhóm Mười Hai: “Ai đón tiếp anh em, là đón tiếp Thầy” (Mt 10,40)³⁷⁵.

425, 1086

859. Chúa Giêsu kết hợp họ vào sứ vụ mà Người lãnh nhận từ Chúa Cha: cũng như “Chúa Con không thể tự mình làm gì” (Ga 5,19,30) nhưng lãnh nhận tất cả từ Chúa Cha, Đấng đã sai Người, thì những người Chúa Giêsu sai đi cũng vậy, họ không thể làm được gì nếu không có Người³⁷⁶, từ nơi Người, họ đã lãnh nhận lệnh truyền sai đi và quyền năng để hoàn thành điều đó. Vì thế, các Tông Đồ của Đức Kitô biết rằng họ đã được Thiên Chúa làm cho trở thành “những thừa tác viên của Tân Ước” (2 Cr 3,6), “những thừa tác viên của Thiên Chúa” (2 Cr 6,4), “những sứ giả thay mặt Đức Kitô” (2 Cr 5,20), “những đầy tớ của Đức Kitô, những người quản lý các mầu nhiệm của Thiên Chúa” (1 Cr 4,1).

876

642

860. Trong nhiệm vụ của các Tông Đồ, có một khía cạnh không thể được lưu truyền: đó là các ngài là những chứng nhân đặc tuyển về

³⁷¹ X. 2 Tm 1,13-14.

³⁷² CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Ad Gentes*, 5: AAS 58 (1966) 952.

³⁷³ *Kinh Tiền Tụng Lễ Các Thánh Tông Đồ I: Sách Lễ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 426.

³⁷⁴ X. Ga 13,20; 17,18.

³⁷⁵ X. Lc 10,16.

³⁷⁶ X. Ga 15,5.

sự sống lại của Chúa và là những nền móng của Hội Thánh. Nhưng cũng có một khía cạnh trường tồn trong nhiệm vụ của các ngài: Đức Kitô đã hứa với các ngài rằng Người sẽ ở với các ngài cho đến tận thế³⁷⁷. “Sứ vụ thần linh, mà Đức Kitô ủy thác cho các Tông Đồ, sẽ tồn tại cho đến tận thế, bởi vì Tin Mừng, được truyền lại bởi các ngài, phải luôn luôn là nguyên lý của toàn bộ sự sống đối với Hội Thánh. Chính vì vậy các Tông Đồ ... đã cẩn thận thiết đặt những người kế nhiệm”³⁷⁸.

765

1536

Các Giám mục – những vị kế nhiệm các Tông Đồ

861. “Để sứ vụ đã được ủy thác cho các ngài vẫn được tiếp tục sau khi các ngài qua đời, các Tông Đồ đã trao cho các cộng sự viên trực tiếp của mình, như trao một di chúc, nhiệm vụ phải hoàn thành và củng cố công trình các ngài đã khởi sự, khuyên nhủ họ lưu ý đến hết đoàn chiên mà trong đó Chúa Thánh Thần đã đặt họ chân đất Hội Thánh của Thiên Chúa. Các ngài đã thiết đặt những người như vậy và quy định rằng sau đó, khi những người này chết, thì những người đàn ông khác đã được thử thách sẽ lãnh nhận thừa tác vụ của họ”³⁷⁹.

77

1087

862. “Cũng như nhiệm vụ được Chúa ủy thác cho một mình ông Phêrô, vị thứ nhất của các Tông Đồ, phải được lưu truyền cho các vị kế nhiệm ông, là một nhiệm vụ trường tồn, thì cũng vậy, nhiệm vụ của các Tông Đồ là phải chân đất Hội Thánh, và được thực thi liên tục bởi việc truyền chức thánh cho các Giám mục, nhiệm vụ đó cũng trường tồn”. Vì vậy, Hội Thánh dạy rằng: “Chính Chúa đã thiết đặt các Giám mục kế nhiệm các Tông Đồ làm các mục tử của Hội Thánh, nên ai nghe các ngài là nghe Đức Kitô, còn ai khinh miệt các ngài là khinh miệt Đức Kitô và Đấng đã sai Đức Kitô đến”³⁸⁰.

880

1556

Việc tông đồ

863. Toàn thể Hội Thánh có đặc tính tông truyền vì, nhờ các vị kế nhiệm thánh Phêrô và các Tông Đồ, Hội Thánh vẫn giữ nguyên nguồn gốc của mình trong sự hiệp thông đức tin và sự sống. Hội Thánh còn có đặc tính tông truyền vì “được sai đi” khắp trần gian; tất cả các chi thể của Hội Thánh, tuy bằng những cách khác nhau,

900

³⁷⁷ X. Mt 28,20.

³⁷⁸ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 20: AAS 57 (1965) 23.

³⁷⁹ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 20: AAS 57 (1965) 23; x. Thánh Clêmentê Rôma, *Epistula ad Corinthios*, 42, 4: SC 167, 168-170 (Funk, 1, 152); *Ibid.* 44, 2: SC 167, 172 (Funk, 1, 154-156).

³⁸⁰ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 20: AAS 57 (1965) 24.

2472 đều tham dự vào tính chất “được sai đi” này. “Quả vậy, ơn gọi Kitô hữu, tự bản chất, cũng là ơn gọi làm việc tông đồ”. Được gọi là “Việc tông đồ”, là “mọi hoạt động của Nhiệm Thể” nhằm “làm cho Nước Đức Kitô ở mọi nơi trên trần thế” được rộng mở³⁸¹.

828 **864.** “Vì Đức Kitô, Đấng được Chúa Cha sai đến, là nguồn mạch và là nguồn gốc của mọi việc tông đồ trong Hội Thánh, nên việc tông đồ”, của các thừa tác viên có chức thánh cũng như của các giáo dân, “có sinh hoa kết quả hay không đều tùy thuộc vào sự kết hợp
824 sống động của chính họ với Đức Kitô”³⁸². Việc tông đồ, tùy theo các
1324 ơn gọi, các nhu cầu thời đại, các hồng ân khác nhau của Chúa Thánh Thần, mang những hình thức hết sức đa dạng. Nhưng đức
824 mến, được mức nguồn đặc biệt từ bí tích Thánh Thể, luôn “như là
1324 linh hồn của mọi việc tông đồ”³⁸³.

811 **865.** Hội Thánh là Hội Thánh *duy nhất, thánh thiện, công giáo và*
541 *tông truyền* trong căn tính sâu xa và tối hậu của mình, bởi vì nơi Hội Thánh, “Nước Trời”, “Nước Thiên Chúa”³⁸⁴ đã hiện hữu và sẽ được hoàn thành trong ngày tận thế, Nước đó đã đến nơi Ngôi Vị của Đức Kitô và trong trái tim của những ai được tháp nhập vào Người, đang lớn lên cách âm thầm cho đến khi nước đó tỏ hiện trọn vẹn lúc cánh chung. Lúc đó, *tất cả* mọi người đã được Người cứu chuộc, đã được Người “thánh hóa và làm cho nên tinh tuyền trước tôn nhan Thiên Chúa trong tình yêu”³⁸⁵, sẽ được quy tụ thành dân *duy nhất* của Thiên Chúa, “Hiền Thể của Con Chiên”³⁸⁶, “Thành Thánh tự trời, từ nơi Thiên Chúa mà xuống, chói lợi sự huy hoàng của Thiên Chúa”³⁸⁷; và “tường thành xây trên mười hai nền móng, trên đó có tên *mười hai Tông Đồ của Con Chiên*” (Kh 21,14).

TÓM LƯỢC

866. *Hội Thánh duy nhất: Hội Thánh chỉ có một Chúa, tuyên xưng một đức tin, sinh bởi một Phép Rửa, họp thành một Thân Thể, được làm cho sống bởi một Thần Khí, nhắm đến một niềm hy*

³⁸¹ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Apostolicam actuositatem*, 2: AAS 58 (1966) 838.

³⁸² CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Apostolicam actuositatem*, 4: AAS 58 (1966) 840; x. Ga 15,5.

³⁸³ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Apostolicam actuositatem*, 3: AAS 58 (1966) 839.

³⁸⁴ X. Kh 19,6.

³⁸⁵ X. Ep 1,4.

³⁸⁶ X. Kh 21,9.

³⁸⁷ X. Kh 21,10-11.

vọng³⁸⁸, khi niềm hy vọng này hoàn thành, mọi chia rẽ sẽ được vượt thắng.

867. Hội Thánh thánh thiện: Thiên Chúa chí thánh là Đấng sáng lập Hội Thánh; Đức Kitô, Phu Quân của Hội Thánh đã tự hiến để thánh hóa Hội Thánh; Thần Khí thánh thiện làm cho Hội Thánh được sống. Dù bao gồm những người tội lỗi, Hội Thánh vẫn là “cộng đoàn không tội lỗi được tạo thành từ những người tội lỗi”. Nơi các Thánh, Hội Thánh chiếu tỏa sự thánh thiện của mình. Nơi Đức Maria, Hội Thánh đã thánh thiện trọn vẹn.

868. Hội Thánh công giáo: Hội Thánh loan báo toàn bộ đức tin, mang trong mình và ban phát đầy đủ các phương tiện cứu độ; Hội Thánh được sai đến với tất cả các dân tộc; Hội Thánh ngỏ lời với tất cả mọi người; Hội Thánh bao trùm mọi thời đại; Hội Thánh “tự bản chất, có đặc tính là truyền giáo”³⁸⁹.

869. Hội Thánh tông truyền: Hội Thánh được xây dựng trên những nền móng vững chắc là mười hai Tông Đồ của Con Chiên³⁹⁰; Hội Thánh không thể bị hủy diệt³⁹¹; Hội Thánh được gìn giữ một cách không thể sai lầm trong chân lý; Đức Kitô điều khiển Hội Thánh qua thánh Phêrô và các Tông Đồ khác, các ngài đang hiện diện nơi những người kế nhiệm các ngài, là Đức Giáo Hoàng và Giám mục đoàn.

870. “Hội Thánh duy nhất của Đức Kitô mà trong Tin biểu chúng ta tuyên xưng là duy nhất, thánh thiện, công giáo và tông truyền,... Hội Thánh này tồn tại trong Hội Thánh Công giáo, do vị kế nhiệm thánh Phêrô và các Giám mục hiệp thông với ngài điều khiển, mặc dù nhiều yếu tố thánh hóa và chân lý vẫn được gặp thấy bên ngoài cơ cấu Hội Thánh Công giáo”³⁹².

³⁸⁸ X. Ep 4,3-5.

³⁸⁹ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Ad Gentes*, 2: AAS 58 (1966) 948.

³⁹⁰ X. Kh 21,14.

³⁹¹ X. Mt 16,18.

³⁹² CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 8: AAS 57 (1965) 11-12.

Tiết 4

Các Kitô hữu:

Phẩm trật, giáo dân, đời sống thánh hiến

Paragraphus 4

Christifideles: Hierarchia, laici, vita consecrata

- 1268-1269 **871.** “Các Kitô hữu là những người, được tháp nhập vào Đức Kitô nhờ phép Rửa Tội, được thiết lập thành dân Thiên Chúa, và do đó được tham dự, theo cách của mình, vào chức vụ tư tế, tiên tri và vương đế của Đức Kitô, được kêu gọi, tùy theo điều kiện riêng của mỗi người, để thực thi sứ vụ mà Thiên Chúa đã uỷ thác cho Hội Thánh phải hoàn thành trong trần gian”³⁹³.
- 782-786
- 1934 **872.** “Giữa tất cả các Kitô hữu, do việc họ được tái sinh trong Đức Kitô, có sự bình đẳng thật sự về phẩm giá và hành động, nhờ đó, tất cả mọi người, tùy theo địa vị và nhiệm vụ riêng của mỗi người, cộng tác vào việc xây dựng Thân Thể Đức Kitô”³⁹⁴.
- 794
- 814, 1937 **873.** Chính những khác biệt Chúa đã muốn đặt giữa các chi thể của Thân Thể Người, phục vụ cho sự hợp nhất và cho sứ vụ của Thân Thể Người. “Bởi vì trong Hội Thánh có nhiều thừa tác vụ khác nhau nhưng đều cùng chung một sứ vụ. Nhiệm vụ được Đức Kitô trao phó cho các Tông Đồ và những vị kế nhiệm các ngài là nhân danh Người và lấy quyền Người mà giảng dạy, thánh hóa và cai quản. Còn các giáo dân, những người được tham dự vào chức vụ tư tế, tiên tri và vương đế của Đức Kitô, chu toàn những phần việc của mình trong sứ vụ của toàn dân Thiên Chúa trong Hội Thánh và trong trần gian”³⁹⁵. Cuối cùng, “trong cả hai thành phần này [phẩm trật và giáo dân], có những Kitô hữu, qua việc tuyên giữ những lời khuyên Phúc Âm..., được thánh hiến cách đặc biệt cho Thiên Chúa, và làm ích cho sứ vụ cứu độ của Hội Thánh”³⁹⁶.

³⁹³ *Bộ Giáo Luật*, điều 204, 1; x. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 31: AAS 57 (1965) 37-38.

³⁹⁴ *Bộ Giáo Luật*, điều 208; x. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 32: AAS 57 (1965) 38-39.

³⁹⁵ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Apostolicam actuositatem*, 2: AAS 58 (1966) 838-839.

³⁹⁶ *Bộ Giáo Luật*, điều 207, 2.

I. CƠ CẤU PHẨM TRẬT CỦA HỘI THÁNH

HIERARCHICA ECCLESIAE CONSTITUTIO

Tại sao có thừa tác vụ trong Hội Thánh?

874. Chính Đức Kitô là nguồn mạch của thừa tác vụ trong Hội Thánh. Chính Người đã thiết lập thừa tác vụ, và trao ban thẩm quyền, sứ vụ, phương hướng và mục đích cho thừa tác vụ trong Hội Thánh: 1544

“Để dân Thiên Chúa được chăn dắt và luôn được tăng trưởng, Chúa Kitô đã thiết lập các thừa tác vụ khác nhau trong Hội Thánh của Người hầu mưu ích cho toàn thân. Thật vậy, các thừa tác viên, những người sử dụng quyền thánh chức, phục vụ các anh chị em mình, để mọi người thuộc dân Thiên Chúa ... đạt tới ơn cứu độ”³⁹⁷.

875. “Làm sao họ tin Đấng họ không được nghe? Làm sao mà nghe, nếu không có ai rao giảng? Làm sao mà rao giảng, nếu không được sai đi?” (Rm 10,14-15). Không có ai, không có cá nhân nào hay cộng đoàn nào, có thể tự loan báo Tin Mừng cho chính mình. “Có đức tin là nhờ nghe giảng” (Rm 10,17). Không ai có thể tự ban cho mình lệnh truyền và sứ vụ loan báo Tin Mừng. Người được Chúa sai đi nói và hành động không phải do quyền bính riêng, nhưng do sức mạnh quyền bính của Đức Kitô; người đó nói với cộng đoàn không phải với tư cách là một thành viên của cộng đoàn, nhưng nhân danh Đức Kitô. Không ai có thể tự ban cho mình ân sủng, ân sủng phải được ban tặng. Điều này giả thiết phải có những thừa tác viên của ân sủng, được Đức Kitô ban cho quyền bính và tư cách. Từ nơi Đức Kitô, các Giám mục và linh mục lãnh nhận sứ vụ và khả năng (“quyền thánh chức”) để hành động *trong cương vị Đức Kitô là Đầu (in persona Christi Capitis)*, còn các phó tế lãnh nhận sức mạnh phục vụ dân Thiên Chúa, qua “việc phục vụ” Lời Chúa, phụng vụ và việc bác ái, trong sự hiệp thông với Giám mục và hàng linh mục của ngài. Thừa tác vụ này, trong đó những người được Đức Kitô sai đi nhờ hồng ân Thiên Chúa, thực hiện và ban tặng những gì họ không thể tự thực hiện và ban tặng cho chính mình, được truyền thống Hội Thánh gọi là “bí tích”. Thừa tác vụ của Hội Thánh được trao ban qua một bí tích riêng. 1548

876. Được gắn liền cách nội tại với bản chất bí tích của thừa tác vụ của Hội Thánh là đặc tính *phục vụ (indoles servitii)* của thừa tác vụ đó. Thật vậy, các thừa tác viên hoàn toàn tùy thuộc Đức Kitô là Đấng trao sứ vụ và thẩm quyền, nên họ thật sự là “những nô lệ 1536

³⁹⁷ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 18: AAS 57 (1965) 21-22.

427 của Đức Kitô³⁹⁸, theo gương Đức Kitô, Đấng đã tự nguyện nhận lấy “thân nô lệ” (Pl 2,7) vì chúng ta. Bởi vì lời và ân sủng mà họ là thừa tác viên, không phải là của họ, nhưng là của Đức Kitô, Đấng đã ủy thác cho họ vì những người khác, nên họ đã tự nguyện trở thành nô lệ của mọi người³⁹⁹.

1559 **877.** Cũng vậy, do bản chất bí tích của thừa tác vụ trong Hội Thánh, nên thừa tác vụ đó có đặc tính *tập thể* (*indolem collegialem*). Thật vậy, Chúa Giêsu, từ lúc khởi đầu thừa tác vụ của mình, đã thiết lập nhóm Mười Hai, “mầm mống của dân Israel mới, đồng thời là nguồn gốc của phẩm trật có chức thánh”⁴⁰⁰. Cùng được tuyển chọn một trật, và cùng được sai đi một trật, sự hợp nhất huynh đệ của các ngài sẽ phục vụ sự hiệp thông huynh đệ của tất cả các tín hữu; sự hiệp thông này sẽ là phản ảnh và làm chứng cho sự hiệp thông của Ba Ngôi Thiên Chúa⁴⁰¹. Vì vậy, Giám mục nào cũng thực thi thừa tác vụ của mình trong Giám mục đoàn, trong sự hiệp thông với Giám mục Rôma là vị kế nhiệm thánh Phêrô và là đầu của Giám mục đoàn; các linh mục thực thi thừa tác vụ của mình trong linh mục đoàn giáo phận, dưới sự hướng dẫn của Giám mục của mình.

1484 **878.** Sau cùng, do bản chất bí tích của thừa tác vụ trong Hội Thánh, nên thừa tác vụ đó có đặc tính *cá vị* (*indolem personalem*). Nếu các thừa tác viên của Đức Kitô hành động trong sự hiệp thông, thì họ cũng luôn luôn hành động cách cá vị. Mỗi người được kêu gọi cách cá vị: “Phần anh, hãy theo Thầy” (Ga 21,22)⁴⁰², để, trong sứ vụ chung, người đó phải là một chứng nhân cá vị, khi lãnh trách nhiệm cách cá vị trước mặt Đấng trao ban sứ vụ, và khi hành động “trong cương vị của Người” (“in Eius persona”) hầu phục vụ các nhân vị: “Tôi rửa anh nhân danh Cha...”; “Tôi tha tội cho anh...”.

879. Vì vậy, thừa tác vụ bí tích trong Hội Thánh là một việc phục vụ được thực thi nhân danh Đức Kitô. Thừa tác vụ đó có đặc tính cá vị và hình thức tập đoàn. Điều đó được thể hiện trong những mối liên hệ giữa Giám mục đoàn và đầu Giám mục đoàn, là vị kế nhiệm thánh Phêrô, và trong tương quan giữa trách nhiệm mục vụ của Giám mục đối với giáo phận của mình và sự quan tâm chung của Giám mục đoàn đối với Hội Thánh phổ quát.

³⁹⁸ X. Rm 1,1.

³⁹⁹ X. 1 Cr 9,19.

⁴⁰⁰ CĐ Vaticanô II, Sắc lệnh *Ad Gentes*, 5: AAS 58 (1966) 951.

⁴⁰¹ X. Ga 17,21-23.

⁴⁰² X. Mt 4,19.21; Ga 1,43.

Giám mục đoàn và vị đứng đầu là Đức Giáo Hoàng

880. “Đức Kitô, khi thành lập nhóm Mười Hai, đã thiết lập các ông theo cách thức một tập thể, một nhóm bền vững; Người đã đặt ông Phêrô, được chọn trong số họ, đứng đầu tập thể đó”⁴⁰³. “Cũng như do Chúa thiết lập, thánh Phêrô và các Tông Đồ khác lập thành một Tông Đồ Đoàn, thì Giám mục Rôma, vị kế nhiệm thánh Phêrô và các Giám mục, những người kế nhiệm các Tông Đồ, cũng được kết hợp với nhau như vậy”⁴⁰⁴. 552, 862

881. Chúa đã đặt một mình ông Simon, mà Người đặt tên là Phêrô, làm đá tảng của Hội Thánh Người. Người đã trao cho ông các chìa khóa của Hội Thánh⁴⁰⁵; và đặt ông làm mục tử của toàn thể đoàn chiên⁴⁰⁶. “Tuy nhiên, nhiệm vụ tháo gỡ và cầm buộc, đã được ban cho ông Phêrô, rõ ràng cũng đã được trao ban cho Tông Đồ đoàn, hợp nhất với đầu của mình”⁴⁰⁷. Nhiệm vụ mục tử này của thánh Phêrô và của các Tông Đồ khác thuộc về nền móng của Hội Thánh. Nhiệm vụ đó được tiếp tục bởi các Giám mục dưới quyền tối thượng của Giám mục Rôma. 553 642

882. Đức Giáo Hoàng, là Giám mục Rôma và vị kế nhiệm thánh Phêrô, “là nguyên lý và nền tảng hữu hình và trường tồn của sự hợp nhất, cả của cộng đoàn các Giám mục, cả của cộng đoàn các tín hữu”⁴⁰⁸. “Thật vậy, do nhiệm vụ của mình là Đại diện Đức Kitô và Mục tử của toàn thể Hội Thánh, Giám mục Rôma có quyền trọn vẹn, tối cao và phổ quát trong Hội Thánh và ngài luôn có quyền tự ý thực thi thẩm quyền đó”⁴⁰⁹. 834 1369 837

883. “Giám mục đoàn không có thẩm quyền, nếu không kết hợp với Giám mục Rôma là thủ lãnh của họ”. Như vậy, Giám mục đoàn “cũng có quyền trọn vẹn và tối cao trong Hội Thánh phổ quát, nhưng chỉ có thể thi hành thẩm quyền này với sự ưng thuận của Giám mục Rôma”⁴¹⁰.

⁴⁰³ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 19: AAS 57 (1965) 22.

⁴⁰⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 22: AAS 57 (1965) 25; x. *Bộ Giáo Luật*, điều 330.

⁴⁰⁵ X. Mt 16,18-19.

⁴⁰⁶ X. Ga 21,15-17.

⁴⁰⁷ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 22: AAS 57 (1965) 26.

⁴⁰⁸ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 23: AAS 57 (1965) 27.

⁴⁰⁹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 22: AAS 57 (1965) 26; x. Id., Sắc lệnh *Christus Dominus*, 2: AAS 58 (1966) 673; *Ibid.*, 9: AAS 58 (1966) 676.

⁴¹⁰ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 22: AAS 57 (1965) 26; x. *Bộ Giáo Luật*, điều 336.

884. “Giám mục đoàn thực thi thẩm quyền trong Hội Thánh phổ quát một cách trọng thể trong Công đồng chung”⁴¹¹. “Nhưng không bao giờ có thể có Công đồng chung, nếu không được vị kế nhiệm thánh Phêrô phê chuẩn hay ít ra chấp nhận”⁴¹².

885. “Giám mục đoàn vừa diễn tả tính đa dạng và tính phổ quát của dân Thiên Chúa vì gồm nhiều người, vừa diễn tả sự hợp nhất của đoàn chiên của Đức Kitô, vì được tập hợp dưới quyền một vị làm đầu”⁴¹³.

1560 **886.** “Mỗi *Giám mục* là nguyên lý và nền tảng hữu hình của sự
833 hợp nhất trong Giáo Hội địa phương của ngài”⁴¹⁴. Như vậy, “mỗi Giám mục thực thi quyền mục vụ của mình trên phần dân Thiên Chúa được ủy thác cho mình”⁴¹⁵, với sự trợ giúp của các linh mục và phó tế. Nhưng, với tư cách là thành viên Giám mục đoàn, mỗi
2448 Giám mục tham dự vào sự quan tâm đến tất cả các Giáo Hội⁴¹⁶, các ngài thực thi sự quan tâm đó trước hết bằng việc “điều hành tốt Giáo Hội riêng như một phần của Hội Thánh phổ quát”, như vậy các ngài “muu ích cho toàn nhiệm thể, cũng là thân thể của các Giáo Hội”⁴¹⁷. Mối quan tâm này được đặc biệt hướng đến những người nghèo⁴¹⁸, những người bị bách hại vì đức tin, cũng như đến các thừa sai đang hoạt động trên toàn trái đất.

887. Các Giáo Hội địa phương lân cận và có chung nền văn hóa tạo thành những giáo tỉnh, hay những tập thể lớn hơn được gọi là giáo miền hay địa hạt thượng phụ⁴¹⁹. Các Giám mục của những tập thể này có thể họp Công nghị hay Công đồng giáo tỉnh. “Cũng vậy, ngày nay các Hội đồng Giám mục có thể góp phần một cách đa dạng và phong phú để ý kiến tập đoàn được áp dụng cụ thể”⁴²⁰.

85-87
2032-2040

Nhiệm vụ giảng dạy

888. Các Giám mục, với các linh mục là những cộng sự viên của ngài, “có nhiệm vụ trước tiên là phải loan báo Tin Mừng của Thiên

⁴¹¹ *Bộ Giáo Luật*, điều 337, 1.

⁴¹² CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 22: AAS 57 (1965) 27.

⁴¹³ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 22: AAS 57 (1965) 26.

⁴¹⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 23: AAS 57 (1965) 27.

⁴¹⁵ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 23: AAS 57 (1965) 27.

⁴¹⁶ X. CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Christus Dominus*, 3: AAS 58 (1966) 674.

⁴¹⁷ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 23: AAS 57 (1965) 28.

⁴¹⁸ X. Gl 2,10.

⁴¹⁹ X. *Canones Apostolorum*, 34 [*Constitutiones apostolicae*, 8, 47, 34]: SC 336, 284 (Funk, *Didascalia et Constitutiones Apostolorum*, 1, 572-574).

⁴²⁰ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 23: AAS 57 (1965) 29.

Chúa cho mọi người”⁴²¹, theo lệnh truyền của Chúa⁴²². Các ngài “là sứ giả của đức tin, dẫn đưa những môn đệ mới đến với Đức Kitô, và là những vị thầy đích thực” “được ban thẩm quyền của Đức Kitô”⁴²³ để giảng dạy đức tin tông truyền. 2068

889. Đức Kitô, Đấng là chân lý, để gìn giữ Hội Thánh trong đức tin tinh tuyền do các Tông Đồ lưu truyền, đã muốn cho Hội Thánh của Người được tham dự vào sự bất khả ngộ của riêng Người. “Nhờ cảm thức siêu nhiên của đức tin”, dân Thiên Chúa “gắn bó cách kiên vững với đức tin”, dưới sự hướng dẫn của Huấn quyền sống động của Hội Thánh⁴²⁴. 92

890. Sứ vụ của Huấn quyền gắn liền với tính chất vĩnh viễn của Giao Ước được Thiên Chúa lập với dân Ngài trong Đức Kitô; Huấn quyền phải bảo vệ dân Thiên Chúa khỏi những sai lạc và khiếm khuyết, và bảo đảm cho dân khả năng khách quan để tuyên xưng đức tin chân chính một cách không sai lầm. Như vậy, nhiệm vụ mục tử của Huấn quyền là tinh thức lo cho dân Thiên Chúa vững bền trong chân lý, một chân lý có sức giải phóng. Để Huấn quyền hoàn thành nhiệm vụ này, Đức Kitô đã ban cho các mục tử đặc sủng bất khả ngộ trong các vấn đề về đức tin và phong hóa. Việc thực thi đặc sủng này có thể mang những dạng khác nhau. 851 1785

891. “Do nhiệm vụ của ngài, Giám mục Rôma, là đầu của Giám mục đoàn, được hưởng ơn bất khả ngộ đó khi, với tư cách là mục tử và thầy dạy tối cao của mọi Kitô hữu, là người củng cố anh em mình trong đức tin, ngài công bố một đạo lý về đức tin hoặc phong hóa bằng một hành vi chung thẩm... Ơn bất khả ngộ được hứa ban cho Hội Thánh cũng có nơi Giám mục đoàn, khi các ngài thực thi Huấn quyền tối thượng cùng với vị kế nhiệm thánh Phêrô”, nhất là trong một Công đồng chung⁴²⁵. Khi Hội Thánh dùng Huấn quyền tối thượng để “dạy phải tin một điều gì như là do Thiên Chúa mạc khải”⁴²⁶ và như là giáo huấn của Đức Kitô, thì người ta “phải gắn bó với những xác quyết đó bằng sự vâng phục của đức tin”⁴²⁷. “Kho tàng Mạc khải thần linh trải rộng bao nhiêu, thì ơn bất khả ngộ này trải rộng bấy nhiêu”⁴²⁸.

⁴²¹ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Presbyterorum ordinis*, 4: AAS 58 (1966) 995.

⁴²² X. Mt 16,15.

⁴²³ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 25: AAS 57 (1965) 29.

⁴²⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 12: AAS 57 (1965) 16; x. Id., Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 10: AAS 58 (1966) 822.

⁴²⁵ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 25: AAS 57 (1965) 30; x. CD Vaticanô I, Hiến chế tín lý *Pastor aeternus*, c. 4: DS 3074.

⁴²⁶ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 10: AAS 58 (1966) 822.

⁴²⁷ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 25: AAS 57 (1965) 30.

⁴²⁸ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 25: AAS 57 (1965) 30.

892. Ông trợ giúp thần linh cũng được ban cho các vị kế nhiệm các Tông Đồ khi giáo huấn cùng với vị kế nhiệm thánh Phêrô, và cách riêng cho Giám mục Rôma, Mục tử của toàn thể Hội Thánh, khi các ngài thực thi Huấn quyền thông thường mà dạy một đạo lý giúp hiểu tốt hơn Mạc Khải trong các vấn đề về đức tin và phong hoá, dầu các ngài không xác quyết cách bất khả ngộ, hoặc không diễn tả “một cách chung thẩm”. Các Kitô hữu “phải gắn bó với Huấn quyền thông thường này bằng sự vâng phục đạo hạnh của tâm hồn”⁴²⁹, sự vâng phục đạo hạnh này, tuy khác biệt với sự ưng thuận của đức tin, nhưng nối dài sự ưng thuận của đức tin.

Nhiệm vụ thánh hóa

1561 **893.** Giám mục cũng là “người phục vụ ân sủng của chức tư tế tối cao”⁴³⁰, nhất là trong bí tích Thánh Thể do chính ngài dâng và ngài bảo đảm việc hiến dâng nhờ các linh mục, là các cộng sự viên của ngài. Thật vậy, bí tích Thánh Thể là tâm điểm của đời sống Giáo hội địa phương. Giám mục và các linh mục thánh hoá Giáo hội bằng kinh nguyện và việc làm của mình, nhờ thừa tác vụ Lời Chúa và các bí tích. Các ngài thánh hoá Giáo Hội nhờ gương mẫu của mình, “đừng lấy quyền mà thống trị những người Thiên Chúa đã giao phó cho anh em, nhưng hãy nêu gương sáng cho đoàn chiên” (1 Pr 5, 3). Như vậy, “cùng với đoàn chiên được ủy thác cho mình, các ngài có thể đạt tới sự sống vĩnh cửu”⁴³¹.

Nhiệm vụ cai quản

801 **894.** “Như vị đại diện và sứ giả của Đức Kitô, các Giám mục cai quản các Giáo Hội địa phương được trao phó cho mình bằng những lời khuyên bảo, khích lệ, gương sáng của mình, và cũng bằng thẩm quyền và quyền thánh chức”⁴³², mà các ngài phải thực thi để xây dựng trong tinh thần phục vụ, là tinh thần của Thầy mình⁴³³.

1558 **895.** “Quyền năng này, mà các ngài thi hành một cách cá vị, nhân danh Đức Kitô, là một quyền năng riêng, thông thường và trực tiếp; tuy việc thực thi quyền này cuối cùng phải được hướng dẫn bởi thẩm quyền tối cao của Hội Thánh”⁴³⁴. Nhưng không được coi các Giám mục như những đại diện của Giám mục Rôma: thẩm quyền thông thường và trực tiếp của vị này trên toàn Hội Thánh

⁴²⁹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 25: AAS 57 (1965) 29-30.

⁴³⁰ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 26: AAS 57 (1965) 31.

⁴³¹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 26: AAS 57 (1965) 32.

⁴³² CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 27: AAS 57 (1965) 32.

⁴³³ X. Lc 22,26-27.

⁴³⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 27: AAS 57 (1965) 32.

không hủy bỏ, nhưng trái lại, củng cố và bảo vệ thẩm quyền của các Giám mục. Thẩm quyền này phải được thực thi trong sự hiệp thông với toàn thể Hội Thánh dưới sự hướng dẫn của Giám mục Rôma.

896. Vị Mục Tử nhân lành phải là gương mẫu và “khuôn mẫu” cho nhiệm vụ mục tử của Giám mục. Ý thức về những yếu đuối của mình, Giám mục “có thể cảm thông với những ai dốt nát và lầm lạc. Ngài không nên từ chối lắng nghe những kẻ thuộc quyền, mà ngài ân cần săn sóc như những người con thật của mình... Còn các tín hữu phải gắn bó với Giám mục của mình như Hội Thánh gắn bó với Chúa Giêsu Kitô và như Chúa Giêsu Kitô gắn bó với Chúa Cha”⁴³⁵. 1550

“Tất cả anh em hãy vâng phục Giám mục, như Chúa Giêsu Kitô vâng phục Chúa Cha; hãy vâng phục linh mục đoàn như vâng phục các Tông Đồ; và hãy kính trọng các phó tế như kính trọng lệnh truyền của Chúa. Chớ gì không ai làm điều gì có liên quan đến Hội Thánh một cách tách biệt với Giám mục”⁴³⁶.

II. CÁC KITÔ HỮU GIÁO DÂN CHRISTIFIDELES LAICI

897. “Danh xưng giáo dân ở đây được dùng để chỉ tất cả các Kitô hữu trừ những thành viên có chức thánh và bậc tu trì đã được Hội Thánh công nhận, nghĩa là các Kitô hữu, đã được tháp nhập vào Đức Kitô nhờ phép Rửa Tội, đã được thiết đặt vào dân Thiên Chúa, được tham dự vào nhiệm vụ tư tế, tiên tri và vương đế của Đức Kitô theo cách thức của mình, theo phần vụ của mình mà thực thi sứ vụ của toàn dân Kitô giáo trong Hội Thánh và trên trần gian”⁴³⁷. 873

Ôn gọi của các giáo dân

898. “Ôn gọi riêng của các giáo dân là tìm kiếm Nước Thiên Chúa bằng việc quản trị và sắp xếp các thực tại trần gian theo ý Thiên Chúa... Vậy một cách đặc biệt, nhiệm vụ của họ là phải soi sáng và sắp xếp thế nào, để các thực tại trần gian, vốn liên kết mật thiết với họ, không ngừng được thực hiện và phát triển theo Đức Kitô, để ca ngợi Đấng Tạo Hóa và Đấng Cứu Chuộc”⁴³⁸. 2105

⁴³⁵ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 27: AAS 57 (1965) 33.

⁴³⁶ X. Thánh Ignatiô Antiôchia, *Epistula ad Smyrnaeos*, 8, 1: SC 10bis, 138 (Funk 1, 282).

⁴³⁷ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 31: AAS 57 (1965) 37.

⁴³⁸ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 31: AAS 57 (1965) 37-38.

2442 **899.** Các sáng kiến của các Kitô hữu giáo dân là đặc biệt cần thiết khi phải khám phá và phát minh ra những phương tiện để đem các đòi hỏi của đạo lý và đời sống Kitô giáo thấm nhập vào các thực tại xã hội, chính trị và kinh tế. Các sáng kiến này là một yếu tố bình thường của đời sống Hội Thánh:

“Các Kitô hữu, và cụ thể hơn, là các giáo dân, đứng ở tuyến đầu của đời sống Hội Thánh; nhờ họ, Hội Thánh là nguyên lý sống động của xã hội nhân loại. Vì vậy, họ đặc biệt phải luôn ý thức rõ ràng hơn rằng không những họ thuộc về Hội Thánh, mà họ còn là Hội Thánh, nghĩa là, là cộng đoàn các Kitô hữu trên trần thế dưới sự hướng dẫn của vị làm đầu chung là Giám mục Rôma, và của các Giám mục hiệp thông với ngài. Họ là Hội Thánh”⁴³⁹.

863 **900.** Bởi vì việc tông đồ đã được Thiên Chúa trao phó cho họ, cũng như cho mọi Kitô hữu khác, qua bí tích Rửa Tội và Thêm Sức, nên các giáo dân có bổn phận và có quyền lợi làm việc, hoặc một cách cá nhân, hoặc được quy tụ trong các hiệp hội, để sứ điệp cứu độ của Thiên Chúa được mọi người ở khắp trái đất nhận biết và đón nhận; nghĩa vụ này còn khẩn cấp hơn khi chỉ nhờ họ, người ta mới có thể được nghe Tin Mừng và nhận biết Đức Kitô. Hành động của họ trong các cộng đoàn Hội Thánh là hết sức cần thiết, đến nỗi nếu không có hành động đó, thì việc tông đồ của các mục tử thường không thể đạt được hiệu quả đầy đủ⁴⁴⁰.

Giáo dân tham dự vào nhiệm vụ tư tế của Đức Kitô

784, 1268 **901.** “Các giáo dân, vì đã được thánh hiến cho Đức Kitô và được xúc dầu bằng Chúa Thánh Thần, được kêu gọi và được chuẩn bị cách kỳ diệu để Thần Khí luôn mang lại những hoa trái dồi dào hơn nơi họ. Thật vậy, tất cả các công việc của họ, những lời cầu nguyện và việc dấn thân làm tông đồ, đời sống hôn nhân và gia đình, việc lao động hằng ngày, việc thư giãn tinh thần và thể xác, nếu được thực hiện trong Thần Khí, và cả những khó khăn trong cuộc sống nếu được chịu đựng cách kiên nhẫn, thì tất cả đều trở nên những hiến lễ thiêng liêng đẹp lòng Thiên Chúa, nhờ Chúa Giêsu Kitô (x. 1 Pr 2,5), những hiến lễ đó được dâng lên Chúa Cha một cách rất thành kính, khi cử hành Thánh lễ, cùng với lễ vật là Mình Thánh Chúa. Như vậy, các giáo dân, với tư cách là những

⁴³⁹ ĐGH Piô XII, *Allocutio ad Patres Cardinales recenter creatos* (20-2-1946): AAS 38 (1946) 149; trích dẫn bởi ĐGH Gioan-Phaolô II, Tông huấn *Christifideles laici*, 9: AAS 81 (1989) 406.

⁴⁴⁰ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 33: AAS 57 (1965) 39.

người tôn thờ bằng hành động một cách thánh thiện ở khắp nơi, cũng dâng chính trần gian lên Thiên Chúa”⁴⁴¹.

358

902. Đặc biệt, các cha mẹ tham dự vào nhiệm vụ thánh hóa “bằng cách sống đời sống phu phụ theo tinh thần Kitô giáo và lo cho con cái được hưởng nền giáo dục Kitô giáo”⁴⁴².

903. Các giáo dân, nếu có những phẩm chất đòi phải có, có thể được chấp nhận lãnh các thừa tác vụ đọc sách và giúp lễ một cách bền vững⁴⁴³. “Ở đâu nhu cầu Hội Thánh đòi hỏi, vì thiếu thừa tác viên, các giáo dân, dù không có chức đọc sách và giúp lễ, cũng có thể làm thay một số việc của các thừa tác viên, cụ thể là thực thi thừa tác vụ Lời Chúa, chủ tọa các buổi đọc kinh phụng vụ, ban Phép Rửa và cho rước lễ, theo các quy định của giáo luật”⁴⁴⁴.

1143

Giáo dân tham gia vào nhiệm vụ tiên tri của Đức Kitô

904. “Đức Kitô ... chu toàn nhiệm vụ tiên tri của Người, không những nhờ Phẩm trật ... nhưng còn nhờ các giáo dân, những kẻ Người đã đặt làm chứng nhân và ban cho họ cảm thức đức tin và ơn ngôn ngữ”⁴⁴⁵.

785

92

“Dạy dỗ ... để dẫn đến đức tin ... là nhiệm vụ của bất cứ vị giảng thuyết nào, và cũng là của bất cứ tín hữu nào”⁴⁴⁶.

905. Các giáo dân cũng chu toàn sứ vụ tiên tri của mình bằng việc phúc âm hóa, “nghĩa là loan báo Đức Kitô bằng chứng từ đời sống và bằng lời nói”. Nơi các giáo dân, “việc phúc âm hóa này ... mang một sắc thái đặc thù và một hiệu quả đặc biệt vì được thực hiện trong những hoàn cảnh bình thường của đời sống”⁴⁴⁷.

2044

“Quả thật, việc tông đồ như vậy không chỉ cốt tại chứng từ đời sống; việc tông đồ thật tìm những cơ hội để loan báo Đức Kitô bằng lời nói hoặc cho những người chưa tin ... hoặc cho các tín hữu”⁴⁴⁸.

2472

⁴⁴¹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 34: AAS 57 (1965) 40; x. *Ibid.*, 10: AAS 57 (1965) 14-15.

⁴⁴² *Bộ Giáo Luật*, điều 835, 4.

⁴⁴³ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 230, 1.

⁴⁴⁴ *Bộ Giáo Luật*, điều 230, 3.

⁴⁴⁵ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 35: AAS 57 (1965) 40.

⁴⁴⁶ Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, III, q. 71, a. 4, ad 3: Ed. Leon. 12, 124.

⁴⁴⁷ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 35: AAS 57 (1965) 40.

⁴⁴⁸ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Apostolicam actuositatem*, 6: AAS 58 (1966) 843; x. *Id.*, Sắc lệnh *Ad Gentes*, 15: AAS 58 (1966) 965.

2495 **906.** Những ai trong các Kitô hữu giáo dân có khả năng và đã được huấn luyện, cũng có thể góp phần mình vào việc dạy giáo lý⁴⁴⁹, vào việc giảng dạy các khoa học thánh⁴⁵⁰, vào các phương tiện truyền thông xã hội⁴⁵¹.

907. “Tùy theo kiến thức, thẩm quyền và uy tín bản thân, các Kitô hữu có quyền, và đôi khi có cả bổn phận phải bày tỏ cho các vị Mục tử có chức thánh biết ý kiến của họ liên quan tới lợi ích của Hội Thánh, họ cũng có quyền bộc lộ ý kiến của họ cho các Kitô hữu khác, miễn là bảo vệ được sự toàn vẹn của tín lý và luân lý, cũng như lòng kính trọng các vị Mục tử, và phải lưu ý đến công ích và phẩm giá của tha nhân”⁴⁵².

Giáo dân tham gia vào nhiệm vụ vương đế của Đức Kitô

786 **908.** Đức Kitô, nhờ việc Người vâng phục cho đến chết⁴⁵³, đã truyền thông cho các môn đệ của Người hồng ân là sự tự do vương đế để “bằng sự từ bỏ mình và bằng đời sống thánh thiện, họ có thể chiến thắng vương quốc của tội lỗi nơi chính bản thân họ”⁴⁵⁴.

“Bất cứ ai chế ngự được thân xác mình và làm chủ bản thân một cách năng động thích hợp, không để linh hồn mình bị kích động bởi các đam mê, thì, vì kiếm chế tốt bản thân bằng một loại quyền năng vương đế, người đó được gọi là vua, người đó biết cai trị bản thân và là thẩm phán của mình, không bị lôi cuốn vào tội lỗi mà thành nô lệ”⁴⁵⁵.

1887 **909.** “Ngoài ra, khi các cơ chế và hoàn cảnh của trần gian gây nên dịp tội, người giáo dân cũng phải hợp sức làm cho các cơ chế và hoàn cảnh đó trở nên lành mạnh, sao cho chúng phù hợp với các quy luật của đức công bằng, và nâng đỡ hơn là chống lại việc thực thi các nhân đức. Bằng hành động như vậy, họ làm cho nền văn hoá và các công trình nhân loại được thấm nhuần những giá trị luân lý”⁴⁵⁶.

910. “Các giáo dân ... có thể cảm thấy mình được kêu gọi hay đã được kêu gọi để cộng tác với các Mục tử trong việc phục vụ cộng đoàn Hội Thánh, để làm cho đời sống cộng đoàn được tăng trưởng và phong phú, khi họ thực thi những thừa tác vụ rất đa dạng, tùy

⁴⁴⁹ X. *Bộ Giáo Luật*, các điều 774. 776. 780.

⁴⁵⁰ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 229.

⁴⁵¹ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 822, 3.

⁴⁵² *Bộ Giáo Luật*, điều 212, 3.

⁴⁵³ X. Pl 2,8-9.

⁴⁵⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 36: AAS 57 (1965) 41.

⁴⁵⁵ Thánh Ambrôsiô, *Expositio psalmi CXVIII*, 14, 30: CSEL 62, 318 (PL 15, 1476).

⁴⁵⁶ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 36: AAS 57 (1965) 42.

theo ân sủng và các đặc sủng, mà Chúa đã muốn rộng ban cho họ⁴⁵⁷. 799

911. Trong Hội Thánh, trong việc thực thi quyền cai quản, “các Kitô hữu giáo dân có thể cộng tác chiếu theo quy tắc của luật⁴⁵⁸. Như vậy có sự hiện diện của họ trong các Công đồng địa phương⁴⁵⁹, các Công nghị giáo phận⁴⁶⁰, các Hội đồng mục vụ⁴⁶¹; trong việc thực thi trách nhiệm mục vụ trong một giáo xứ⁴⁶², cộng tác trong các Hội đồng kinh tế⁴⁶³; tham gia vào các Tòa án giáo hội⁴⁶⁴, v.v....

912. Các Kitô hữu phải “cẩn thận phân biệt đâu là quyền lợi và nghĩa vụ của họ với tư cách là phần tử của Hội Thánh, đâu là quyền lợi và nghĩa vụ của họ với tư cách là phần tử của xã hội nhân loại. Họ phải cố gắng nối kết cả hai một cách hài hoà, mà nhớ rằng, họ phải được hướng dẫn bởi lương tâm Kitô hữu, trong bất cứ công việc trần thế nào, vì không một hoạt động nhân loại nào, dầu trong các công việc trần thế, có thể vượt khỏi quyền thống trị của Thiên Chúa⁴⁶⁵. 2245

913. “Như vậy, mỗi giáo dân, do chính những hồng ân đã được ban cho mình, là chứng nhân và đồng thời là dụng cụ sống động của chính sứ vụ của Hội Thánh, ‘tùy theo mức độ Đức Kitô ban cho’ (Ep 4,7)⁴⁶⁶.

III. ĐỜI SỐNG THÁNH HIẾN

VITA CONSECRATA

914. “Bậc sống ... được thiết lập do việc tuyên giữ các lời khuyên Phúc Âm, tuy không liên quan đến cơ cấu phẩm trật của Hội Thánh, vẫn thuộc về đời sống và sự thánh thiện của Hội Thánh một cách vững bền⁴⁶⁷. 2103

Các lời khuyên Phúc Âm và đời sống thánh hiến

915. Các lời khuyên Phúc Âm, vốn có nhiều, được đề ra cho tất cả các môn đệ của Đức Kitô. Sự hoàn hảo của đức mến, mà tất cả các 1973-1974

⁴⁵⁷ DGH Phaolô VI, Tông huấn *Evangelii nuntiandi*, 73: AAS 68 (1976) 61.

⁴⁵⁸ *Bộ Giáo Luật*, điều 129, 2.

⁴⁵⁹ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 443, 4.

⁴⁶⁰ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 463, 1-2.

⁴⁶¹ X. *Bộ Giáo Luật*, các điều 511. 512. 536.

⁴⁶² X. *Bộ Giáo Luật*, điều 517, 2.

⁴⁶³ X. *Bộ Giáo Luật*, các điều 492, 1. 537.

⁴⁶⁴ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 1421, 2.

⁴⁶⁵ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 36: AAS 57 (1965) 42.

⁴⁶⁶ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 33: AAS 57 (1965) 39.

⁴⁶⁷ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 44: AAS 57 (1965) 51.

Kitô hữu được kêu gọi tới, đối với những ai tự nguyện đảm nhận ơn gọi sống đời sống thánh hiến, bao hàm nghĩa vụ tuân giữ đức khiết tịnh trong sự độc thân vì Nước Trời, đức khó nghèo và đức vâng phục. Việc tuyên giữ các lời khuyên này, trong một bậc sống vững bền được Hội Thánh công nhận, là đặc tính của “đời sống thánh hiến” cho Thiên Chúa⁴⁶⁸.

- 2687 **916.** Bậc sống “đời sống thánh hiến” xuất hiện như một trong những cách để sống một cách “thân mật hơn” sự thánh hiến đã bắt nguồn từ bí tích Rửa Tội và dâng hiến trọn vẹn cho Thiên Chúa⁴⁶⁹. Trong đời sống thánh hiến, các Kitô hữu muốn mình, dưới sự tác động của Chúa Thánh Thần, bước theo Đức Kitô cách gần gũi hơn, tự hiến cho Thiên Chúa đáng mến trên hết mọi sự, và theo đuổi sự trọn hảo của đức mến để phục vụ Nước Trời, bày tỏ và loan báo trong Hội Thánh sự vinh quang của thế giới tương lai⁴⁷⁰.

Một cây lớn có nhiều cành

- 2684 **917.** “Như trong một cây lớn mọc lên từ hạt giống do Thiên Chúa gieo trồng và đâm cành cách kỳ diệu và đa dạng trong cánh đồng của Chúa, [đã phát sinh] những hình thức khác nhau của đời sống đan tu hoặc cộng đoàn, và những gia đình khác nhau..., họ làm gia tăng sản nghiệp, vừa sinh ích cho các thành viên, vừa sinh ích cho toàn Thân Thể của Đức Kitô⁴⁷¹.”

918. “Ngay từ thời sơ khai của Hội Thánh, đã có những người nam và người nữ, có ý muốn nhờ việc thực hành các lời khuyên Phúc Âm để bước theo Đức Kitô cách tự do hơn, và bắt chước Người cách khắng khít hơn, và mỗi người một cách, họ sống một cuộc đời tận hiến cho Thiên Chúa. Nhiều người trong số đó, được Chúa Thánh Thần linh hứng, hoặc đã sống cuộc đời cô tịch, hoặc đã lập ra những gia đình tu sĩ mà Hội Thánh, bằng thẩm quyền của mình, đã sẵn lòng chấp nhận và phê chuẩn⁴⁷².”

919. Các Giám mục phải luôn cố gắng phân định những hồng ân mới của đời sống thánh hiến, được Chúa Thánh Thần phó thác cho Hội Thánh của Ngài; việc phê chuẩn những hình thức mới của đời sống thánh hiến được dành riêng cho Tòa Thánh⁴⁷³.

⁴⁶⁸ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 42-43: AAS 57 (1965) 47-50; Id., Sắc lệnh *Perfectae caritatis*, 1: AAS 58 (1966) 702-703.

⁴⁶⁹ X. CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Perfectae caritatis*, 5: AAS 58 (1966) 704-705.

⁴⁷⁰ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 573.

⁴⁷¹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 43: AAS 57 (1965) 49.

⁴⁷² CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Perfectae caritatis*, 1: AAS 58 (1966) 702.

⁴⁷³ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 605.

Đời ẩn tu

920. Các ẩn sĩ, đầu không luôn luôn tuyên giữ cách công khai ba lời khuyên Phúc Âm, đã “hiển dâng đời mình để ngợi khen Thiên Chúa và mưu cầu phần rỗi cho thế giới bằng việc sống cách biệt với thế gian hơn, trong sự thỉnh lặng đơn độc, trong việc chuyên cần cầu nguyện và trong sự sám hối”⁴⁷⁴.

921. Các ẩn sĩ tỏ cho thấy phương diện nội tâm hơn của mầu nhiệm Hội Thánh, là sự thân mật cá vị với Đức Kitô. Dù mắt người ta không thấy, nhưng đời ẩn tu là sự rao giảng thầm lặng về Đức Kitô, Đấng mà ẩn sĩ hiển dâng đời mình cho Người, bởi vì Người là tất cả mọi sự đối với họ. Đây là một ơn gọi đặc biệt nhằm gặp được vinh quang của Đấng chịu đóng đinh vào thập giá, trong hoang địa, trong chính cuộc chiến đấu thiêng liêng. 2719 2015

Các trinh nữ và góa phụ sống đời sống thánh hiến

922. Từ thời các Tông Đồ, đã có những trinh nữ⁴⁷⁵ và góa phụ Kitô hữu⁴⁷⁶ được Chúa kêu gọi để gắn bó với Người một cách không chia sẻ trong sự tự do hơn của trái tim, thể xác và tinh thần, họ đã quyết định, và được Hội Thánh phê chuẩn, sống trong bậc đồng trinh hoặc tiết dục vĩnh viễn “vì Nước Trời” (Mt 19,12). 1618-1620

923. Các trinh nữ “là những người nói lên sự quyết tâm lành thánh theo sát Đức Kitô, họ được Giám mục giáo phận cung hiến cho Thiên Chúa theo nghi thức phụng vụ được phê chuẩn, họ đính hôn cách huyền nhiệm với Đức Kitô, Con Thiên Chúa, và hiến thân phục vụ Hội Thánh”⁴⁷⁷. Qua nghi thức trọng thể này (*Nghi thức Thánh hiến các Trinh nữ*), “trinh nữ trở thành một nhân vị được thánh hiến, một dấu chỉ siêu việt của tình yêu của Hội Thánh đối với Đức Kitô, một hình ảnh cánh chung của Hiền thể thiên quốc và của đời sống tương lai”⁴⁷⁸. 1537 1672

924. Gần gũi với những hình thức khác của đời sống thánh hiến⁴⁷⁹, bậc đồng trinh đặt người nữ sống giữa trần gian (hoặc nữ đan sĩ) trong kinh nguyện, sám hối, phục vụ anh chị em và làm việc tông

⁴⁷⁴ Bộ Giáo Luật, điều 603, 1.

⁴⁷⁵ X. 1 Cr 7,34-36.

⁴⁷⁶ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Vita consecrata*, 7: AAS 88 (1996) 382.

⁴⁷⁷ Bộ Giáo Luật, điều 604, 1.

⁴⁷⁸ *Nghi thức Thánh hiến các Trinh nữ*, Praenotanda, 1, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 7.

⁴⁷⁹ X. Bộ Giáo Luật, điều 604, 1.

đồ, tùy theo bậc sống và đặc sủng được ban cho mỗi người⁴⁸⁰. Các trình nữ được thánh hiến có thể được liên kết lại, để tuân giữ quyết định của mình cách trung thành hơn⁴⁸¹.

Đời tu dòng

1672 **925.** Đời tu dòng, đã xuất hiện tại Đông phương trong những thế kỷ đầu của Kitô giáo⁴⁸² và được thực hiện trong các dòng tu do Hội Thánh thiết lập theo giáo luật⁴⁸³, phân biệt với những hình thức khác của đời sống thánh hiến về phương diện phụng tự, việc tuyên khấn công khai các lời khuyên Phúc Âm, chung sống đời huynh đệ, làm bằng chứng cho sự kết hợp giữa Đức Kitô và Hội Thánh⁴⁸⁴.

796 **926.** Đời tu dòng xuất phát từ mâu nhiệm Hội Thánh. Đó là một hồng ân Hội Thánh lãnh nhận từ Chúa mình và hồng ân đó, Hội Thánh trao lại, xét như một bậc sống bền vững, cho tín hữu được Thiên Chúa kêu gọi tuyên khấn các lời khuyên Phúc Âm. Như vậy, Hội Thánh có thể vừa biểu lộ Đức Kitô vừa nhận biết mình như 854 Hiền Thê của Đấng Cứu Độ. Đời tu dòng, dưới những hình thức khác nhau, được mời gọi để nói lên chính tình yêu của Thiên Chúa, trong ngôn ngữ của thời đại chúng ta.

927. Tất cả các tu sĩ, dù thuộc dòng miễn trừ hay không miễn trừ⁴⁸⁵, đều có chỗ trong số những cộng sự viên của Giám mục giáo phận trong nhiệm vụ mục tử của ngài⁴⁸⁶. Ngay từ lúc khởi đầu việc phúc âm hoá, việc gieo trồng và phát triển truyền giáo của Hội Thánh đòi sự hiện diện của đời tu dòng dưới mọi hình thức⁴⁸⁷. “Lịch sử chứng minh công lao to lớn của các Hội dòng trong việc truyền bá đức tin và trong việc hình thành các Giáo Hội mới: không những công lao của các Đan viện cổ xưa và các Dòng tu thời Trung cổ, mà còn của những Cộng đoàn trong thời đại chúng ta”⁴⁸⁸.

⁴⁸⁰ X. *Nghị thức Thánh hiến Trình nữ*, Praenotanda, 2, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 7.

⁴⁸¹ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 604, 2.

⁴⁸² X. CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Unitatis redintegratio*, 15: AAS 57 (1965) 102.

⁴⁸³ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 573.

⁴⁸⁴ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 607.

⁴⁸⁵ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 591.

⁴⁸⁶ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Christus Dominus*, 33-35: AAS 58 (1966) 690-692.

⁴⁸⁷ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Ad Gentes*, 18: AAS 58 (1966) 968-969; *Ibid.*, 40: AAS 58 (1966) 987-988.

⁴⁸⁸ DGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Redemptoris missio*, 69: AAS 83 (1991) 317.

Các tu hội đời

928. “Tu hội đời là một tu hội của đời sống thánh hiến, trong đó các Kitô hữu sống giữa thế giới cố gắng vươn tới sự trọn hảo của đức mến và góp phần vào việc thánh hoá trần gian một cách đặc biệt từ bên trong”⁴⁸⁹.

929. “Bằng đời sống được dâng hiến trọn vẹn và hoàn toàn cho việc thánh hóa trần gian”⁴⁹⁰, các thành viên của những tu hội này “tham gia vào nhiệm vụ loan báo Tin Mừng của Hội Thánh, giữa thế giới và từ thế giới”⁴⁹¹, trong đó, sự hiện diện của họ tác động như men trong bột⁴⁹². Bằng chứng của đời sống Kitô hữu của họ nhằm quy hướng các việc trần thế theo Thiên Chúa và hình thành trần gian bằng sức mạnh của Tin Mừng. Bằng những mối ràng buộc thánh, họ sống các lời khuyên Phúc Âm và gìn giữ sự hiệp thông và tình huynh đệ với nhau, phù hợp với tính cách thế tục riêng trong lối sống của họ⁴⁹³.

901

Các tu đoàn tông đồ

930. Bên cạnh những hình thức khác nhau của đời sống thánh hiến, “là các tu đoàn tông đồ, mà các thành viên theo đuổi mục đích tông đồ riêng của tu đoàn, dù không có lời khấn dòng, và sống chung như anh chị em theo một lối sống riêng, để vươn tới sự trọn hảo của đức mến qua việc tuân giữ hiến pháp. Trong số các tu đoàn ấy, có những tu đoàn mà các thành viên đảm nhận các lời khuyên Phúc Âm” tùy theo hiến pháp của họ⁴⁹⁴.

Thánh hiến và sứ vụ: loan báo Đức Vua ngự đến

931. Người đã được Phép Rửa dành riêng cho Thiên Chúa, nay hiến thân cho Ngài là Đấng đáng mến trên hết mọi sự, như vậy người đó cố gắng để, một cách mật thiết hơn, được thánh hiến cho việc phục vụ Thiên Chúa và dẫn thân mưu ích cho Hội Thánh. Nhờ bậc sống đời sống thánh hiến, Hội Thánh biểu lộ Đức Kitô và cho thấy Chúa Thánh Thần hành động trong Hội Thánh một cách kỳ diệu như thế nào. Những ai tuyên giữ các lời khuyên Phúc Âm có sứ vụ đầu tiên là sống sự thánh hiến của mình. Vì họ “dẫn thân phục vụ Hội Thánh do chính sự thánh hiến của mình, cho nên họ

⁴⁸⁹ Bộ Giáo Luật, điều 710.

⁴⁹⁰ ĐGH Piô XII, Tông hiến *Provida Mater*: AAS 39 (1947) 118.

⁴⁹¹ Bộ Giáo Luật, điều 713, 2.

⁴⁹² X. CE Vaticanô II, Sắc lệnh *Perfectae caritatis*, 11: AAS 58 (1966) 707.

⁴⁹³ X. Bộ Giáo Luật, điều 713.

⁴⁹⁴ Bộ Giáo Luật, điều 713, 1-2.

buộc phải hoạt động cách đặc biệt cho công cuộc truyền giáo, theo thể thức riêng của hội dòng”⁴⁹⁵.

775 **932.** Trong Hội Thánh, như là một bí tích, nghĩa là một dấu chỉ và dụng cụ của sự sống của Thiên Chúa, đời tu dòng xuất hiện như một dấu chỉ đặc biệt của mẫu nhiệm Cứu Chuộc. Bước theo và bắt chước Đức Kitô “một cách gần gũi hơn”, biểu lộ sự huỷ mình ra không của Người “một cách rõ ràng hơn”, là hiện diện “một cách sâu sắc hơn”, trong trái tim Đức Kitô, với những người đương thời của mình. Những ai đi trên con đường “hẹp hơn” này khích động anh chị em bằng gương sáng của mình, và “đưa ra một bằng chứng sáng chói và nổi bật rằng, trần gian không thể được biến hình và được dâng lên cho Thiên Chúa nếu không có tinh thần của các mối phúc”⁴⁹⁶.

672 **933.** Dù chứng tá của họ có đặc tính công khai, như trong bậc tu dòng, hoặc ở mức riêng tư hơn, thậm chí bí mật nữa, thì đối với tất cả những người sống đời sống thánh hiến, ngày Ngự đến của Đức Kitô vẫn luôn là nguồn gốc và định hướng của cuộc đời họ:

769 “Quả thật, bởi vì dân Thiên Chúa không có một thành trì vĩnh viễn ở đời này, ... nên bậc sống thánh hiến vừa biểu lộ những sự tốt đẹp của thiên quốc đã hiện diện nơi trần thế này cho tất cả những ai tin, vừa làm chứng rằng một đời sống mới và vĩnh cửu đã được thủ đắc nhờ sự Cứu Chuộc của Đức Kitô, vừa tiên báo sự phục sinh tương lai và vinh quang của Nước Trời”⁴⁹⁷.

TÓM LƯỢC

934. “Do sự thiết định của Thiên Chúa, trong Hội Thánh, giữa các Kitô hữu có những thừa tác viên có chức thánh, theo luật được gọi là giáo sĩ, và những người khác, được gọi là giáo dân”. Cuối cùng, trong cả hai thành phần đó, có những Kitô hữu, qua việc tuyên giữ các lời khuyên Phúc Âm, được thánh hiến cho Thiên Chúa và như vậy phục vụ sứ vụ của Hội Thánh⁴⁹⁸.

935. Đức Kitô sai các Tông Đồ của Người và những vị kế nhiệm các ngài đi rao giảng đức tin và thiết lập Nước Người. Người cho họ tham gia vào sứ vụ của Người. Bởi Người, họ lãnh nhận quyền hành động trong cương vị của Người (in *Eius persona*).

⁴⁹⁵ Bộ Giáo Luật, điều 783; x. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Redemptoris missio*, 69; AAS 83 (1991) 317-318.

⁴⁹⁶ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 31; AAS 57 (1965) 37.

⁴⁹⁷ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 44; AAS 57 (1965) 50-51.

⁴⁹⁸ X. Bộ Giáo Luật, điều 207, 1-2.

936. Chúa đã đặt thánh Phêrô làm nền tảng hữu hình của Hội Thánh của Người. Người đã ban cho ông các chìa khoá của Hội Thánh. Giám mục Giáo Hội Rôma, vị kế nhiệm thánh Phêrô, là “thủ lãnh của Giám mục đoàn, là Đấng Đại diện Đức Kitô và là Mục tử của toàn thể Hội Thánh trên trần gian”⁴⁹⁹.

937. Giám mục Rôma “do sự thiết định của Thiên Chúa, được hưởng quyền trọn vẹn, tối cao, trực tiếp và phổ quát trong việc chăm sóc các linh hồn”⁵⁰⁰.

938. Các Giám mục, được thiết đặt bởi Chúa Thánh Thần, kế nhiệm các Tông Đồ. “Mỗi Giám mục là nguyên lý và nền tảng hữu hình của sự hợp nhất trong các Giáo Hội địa phương của các ngài”⁵⁰¹.

939. Các Giám mục, được các linh mục là các cộng sự viên của ngài, và các phó tế giúp đỡ, có nhiệm vụ giảng dạy đức tin một cách xác thực, cử hành phụng tự thân linh nhất là bí tích Thánh Thể, cai quản các Giáo Hội của mình với tư cách các mục tử thật. Sự quan tâm đến tất cả các Giáo Hội cũng thuộc nhiệm vụ của các ngài, cùng với và dưới quyền Giám mục Rôma.

940. “Vì tính chất riêng của bậc giáo dân là sống giữa trần gian và giữa các công việc trần thế, nên họ được Thiên Chúa kêu gọi, để, một khi nhiệt thành theo tinh thần Kitô giáo, họ thực thi việc tông đồ của mình trong trần gian như men trong bột”⁵⁰².

941. Các giáo dân tham dự vào chức tư tế của Đức Kitô: một khi luôn được kết hợp hơn với Người, họ triển khai ân sủng của bí tích Rửa Tội và Thêm Sức trong mọi phương diện của đời sống cá vị, gia đình, xã hội và Hội Thánh, và như vậy, họ thực hiện ơn gọi nên thánh dành cho tất cả những người đã được rửa tội.

942. Các giáo dân, vì sứ vụ tiên tri của mình, “cũng được kêu gọi để làm chứng cho Đức Kitô trong mọi sự, giữa lòng cộng đồng nhân loại”⁵⁰³.

943. Các giáo dân, vì sứ vụ vương đế của mình, nhờ sự từ bỏ mình và sự thánh thiện của đời sống, có thể nhổ tận gốc quyền thống trị của tội lỗi trong chính bản thân mình và trong trần gian⁵⁰⁴.

⁴⁹⁹ X. Bộ Giáo Luật, điều 331.

⁵⁰⁰ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Christus Dominus*, 2: AAS 58 (1966) 673.

⁵⁰¹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 23: AAS 57 (1965) 27.

⁵⁰² CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Apostolicam actuositatem*, 2: AAS 58 (1966) 839.

⁵⁰³ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 43: AAS 58 (1966) 1063.

⁵⁰⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 36: AAS 57 (1965) 41.

944. Đời sống thánh hiến cho Thiên Chúa có đặc điểm là công khai tuyên giữ các lời khuyên Phúc Âm về khó nghèo, khiết tịnh và vâng phục trong một bậc sống bền vững được Hội Thánh công nhận.

945. Người đã được Phép Rửa dành riêng cho Thiên Chúa, nay hiến thân cho Ngài là Đáng đáng mến trên hết mọi sự, trong bậc sống của đời sống thánh hiến, người đó cố gắng để, một cách mật thiết hơn, dâng mình cho việc phục vụ Thiên Chúa và dẫn thân mưu ích cho toàn thể Hội Thánh.

Tiết 5

Các Thánh thông công

Paragraphus 5

Sanctorum communio

946. Sau khi tuyên xưng: “Hội Thánh hằng có ở khắp thế này”, tín biểu các Tông Đồ thêm: “Các Thánh thông công”. Một cách nào đó, 823 mục này là lời giải thích cho mục trước: “Hội Thánh là gì, nếu không phải là cộng đoàn của tất cả các Thánh?”⁵⁰⁵. Quả thật, Hội Thánh là sự hiệp thông của các Thánh.

947. “Bởi vì tất cả các tín hữu là một thân thể duy nhất, nên điều thiện hảo của người này được truyền thông cho người khác.... Bởi đó, giữa những điều khác, ... phải tin là có sự truyền thông những điều thiện hảo trong Hội Thánh. Thành phần chủ yếu là Đức Kitô, 790 bởi vì Người là Đầu.... Do đó, điều thiện hảo của Đức Kitô được truyền thông ... cho tất cả các chi thể; và sự truyền thông này được thực hiện qua các bí tích của Hội Thánh”⁵⁰⁶. “Thật vậy, Thần Khí duy nhất điều khiển Hội Thánh làm cho bất cứ điều gì được thu thập trong Hội Thánh, đều là của chung”⁵⁰⁷.

948. Vì vậy, thuật ngữ “các Thánh thông công” có hai nghĩa: “hiệp 1331 thông trong các thực tại thánh (*sancta*)” và “hiệp thông giữa những người thánh (*sancti*)”.

⁵⁰⁵ Thánh Nicetas Remesiana, *Instructio ad competentes*, 5, 3, 23 [*Explanatio Symboli*, 10]: TPL 1, 119 (PL 52, 871).

⁵⁰⁶ Thánh Tôma Aquinô, *In Symbolum Apostolorum scilicet “Credo in Deum” Expositio*, 13: *Opera omnia*, v. 27 (Parisiis 1875) 224.

⁵⁰⁷ *Catechismus Romanus*, 1, 10, 24; ed. P. Rodríguez (Città del Vaticano-Pamplona 1989) 119.

“*Sancta sanctis!* (Các thực tại thánh cho những người thánh)” là lời chủ tế xướng lên trong nhiều phụng vụ Đông phương, lúc nâng cao Mình Máu Thánh trước khi cho rước lễ. Các Kitô hữu (*sancti*) được nuôi dưỡng bằng Mình và Máu Đức Kitô (*sancta*) để tăng trưởng trong sự hiệp thông của Chúa Thánh Thần (*Koinônia*) và truyền thông sự hiệp thông đó cho trần gian.

I. HIỆP THÔNG CÁC CỦA CẢI THIÊN LIÊNG BONORUM SPIRITUALIUM COMMUNIO

949. Trong cộng đoàn tiên khởi ở Giêrusalem, các môn đệ “chuyên cần nghe các Tông Đồ giảng dạy, luôn luôn hiệp thông với nhau, siêng năng tham dự lễ bẻ bánh, và cầu nguyện không ngừng” (Cv 2,42).

Sự hiệp thông trong đức tin. Đức tin của các tín hữu là đức tin của Hội Thánh, được đón nhận từ các Tông Đồ, là kho tàng của sự sống, một kho tàng khi được truyền thông thì lại thêm phong phú. 185

950. *Sự hiệp thông các bí tích.* “Quả vậy, hoa trái của tất cả các bí tích thuộc về hết mọi tín hữu; nhờ các bí tích này, giống như nhờ những mối dây thánh thiêng, họ được gắn liền và kết hợp với Đức Kitô, nhất là nhờ bí tích Rửa Tội, qua đó, như qua một cái cửa, họ tiến vào Hội Thánh. Các Giáo phụ giải thích rằng, ‘các Thánh thông công’ trong Tín biểu phải được hiểu là sự hiệp thông các bí tích... Danh xưng [hiệp thông] này phù hợp với tất cả các bí tích, vì tất cả đều kết hợp chúng ta với Thiên Chúa.; tuy nhiên danh xưng ấy thích hợp hơn cho bí tích Thánh Thể, là bí tích thực hiện sự hiệp thông này”⁵⁰⁸. 1130 1331

951. *Sự hiệp thông các đặc sủng:* Trong sự hiệp thông của Hội Thánh, Chúa Thánh Thần “ban phát các ân sủng đặc biệt cho các tín hữu thuộc mọi bậc sống” để xây dựng Hội Thánh⁵⁰⁹. “Thần Khí tỏ mình ra nơi mỗi người một cách, là vì ích chung” (1 Cr 12,7). 799

952. “*Đối với họ, mọi sự đều là của chung*” (Cv 4,32): “Kitô hữu thật sự không sở hữu một điều gì, mà không cho rằng đó là của chung cho mình cùng với tất cả những người khác; vì vậy họ phải mau mắn và sẵn sàng làm nhẹ bớt sự cùng khổ của những người túng thiếu”⁵¹⁰. Kitô hữu là người quản lý tài sản của Chúa⁵¹¹. 2402

953. *Sự hiệp thông đức mến:* Trong mâu nhiệm các Thánh thông công, “không ai trong chúng ta sống cho chính mình, cũng như 1827

⁵⁰⁸ *Catechismus Romanus*, 1, 10, 24: ed. P. Rodríguez (Città del Vaticano-Pamplona 1989) 119.

⁵⁰⁹ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 12: AAS 57 (1965) 16.

⁵¹⁰ *Catechismus Romanus*, 1, 10, 27: ed. P. Rodríguez (Città del Vaticano-Pamplona 1989) 121.

⁵¹¹ X. Lc 16,1-3.

không ai chết cho chính mình” (Rm 14,7). “Nếu một bộ phận nào đau, thì mọi bộ phận cùng đau; Nếu một bộ phận nào được vẻ vang, thì mọi bộ phận cũng vui chung. Vậy anh em, anh em là Thân Thể của Đức Kitô và mỗi người là một bộ phận” (1 Cr 12,26-27). Đức mến “không tìm tư lợi” (1 Cr 13,5)⁵¹². Việc nhỏ nhất trong các hành vi của chúng ta được làm trong đức mến đều sinh lợi ích cho mọi người, trong sự liên đới hỗ tương với tất cả mọi người, kể sống và kể chết, sự liên đới đó được đặt nền trong mẫu nhiệm “các Thánh thông công”. Mọi tội lỗi đều làm tổn thương sự hiệp thông này.

II. HIỆP THÔNG GIỮA HỘI THÁNH THIÊN QUỐC VÀ HỘI THÁNH TRẦN THẾ

COMMUNIO INTER ECCLESIAM CAELESTEM ET TERRESTREM

771 **954.** *Ba tình trạng của Hội Thánh.* “Cho tới khi Chúa ngự đến trong sự uy nghi của Người, có tất cả các Thiên thần với Người, và khi sự chết đã bị hủy diệt, mọi sự đều quy phục Người, thì trong số các môn đệ của Chúa, có những người đang tiếp tục cuộc lữ hành trên trần thế, có những người đã hoàn tất cuộc sống đời này và đang được thanh luyện, lại có những người đã được hiển vinh, đang chiêm ngưỡng ‘cách tỏ tường chính Thiên Chúa Tam Vị Nhất Thể, như Ngài là’⁵¹³.”

1031, 1023

“Tuy nhiên, tất cả chúng ta, theo mức độ và cách thức khác nhau, đều hiệp thông trong cùng một đức mến đối với Thiên Chúa và đối với người lân cận, và cùng hát lên bài ca chúc tụng vinh quang Thiên Chúa chúng ta. Thật vậy, tất cả những ai thuộc về Đức Kitô, có Thần Khí của Người, đều họp thành một Hội Thánh duy nhất và liên kết với nhau trong Người”⁵¹⁴.

955. “Vì vậy, sự kết hợp giữa những người còn đi đường với các anh em đã yên nghỉ trong bình an của Đức Kitô không hề bị gián đoạn, mà trái lại, theo đức tin trường tồn của Hội Thánh, sự hợp nhất đó còn được tăng cường bằng việc truyền thông cho nhau những lợi ích thiêng liêng”⁵¹⁵.

1370 **956.** *Sự chuyển cầu của các Thánh:* “Vì được gắn bó mật thiết hơn với Đức Kitô, các Thánh trên trời củng cố toàn thể Hội Thánh một cách vững chắc hơn trong sự thánh thiện.... Các ngài không ngừng chuyển cầu với Chúa Cha cho chúng ta, trong khi dâng các công

2683

⁵¹² X. 1 Cr 10,24.

⁵¹³ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 49: AAS 57 (1965) 54.

⁵¹⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 49: AAS 57 (1965) 54-55.

⁵¹⁵ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 49: AAS 57 (1965) 55.

nghiệp các ngài đã lập được nơi trần thế nhờ Đấng Trung Gian duy nhất giữa Thiên Chúa và loài người là Đức Kitô Giêsu... Nhờ vậy sự yếu đuối của chúng ta được giúp đỡ rất nhiều bằng sự quan tâm huynh đệ của các ngài”⁵¹⁶:

“Anh em đừng khóc, bởi vì tôi sẽ có ích cho anh em hơn, ở nơi tôi sắp tới, hơn là lúc tôi ở đây”⁵¹⁷.

“Tôi muốn ở trên trời, để làm việc lành dưới thế”⁵¹⁸.

957. Hiệp thông với các Thánh. “Chúng ta không chỉ kính nhớ các Thánh trên trời vì gương sáng của các ngài, nhưng hơn thế nữa, còn để sự hợp nhất của toàn thể Hội Thánh trong Thần Khí được tăng cường nhờ việc thực thi đức mến huynh đệ. Thật vậy, cũng như sự hiệp thông giữa những người đi đường đưa chúng ta tới gần Đức Kitô hơn, thì sự liên kết với các Thánh cũng kết hợp chúng ta với Đức Kitô, tự nơi Người, với tư cách là nguồn mạch và là Đầu, tuôn chảy mọi ân sủng và sự sống của chính dân Thiên Chúa”⁵¹⁹: 1373

“Quả vậy, chúng ta tôn thờ Đức Kitô vì Người là Con Thiên Chúa; và chúng ta yêu mến một cách chính đáng các vị Tử Đạo, xét như là những môn đệ và những người bắt chước Chúa, vì sự hết sức tốt lành của các ngài đối với Đấng là Vua và Thầy của mình; ước gì chúng ta được là bạn đồng hành và đồng môn với các ngài”⁵²⁰.

958. Hiệp thông với những người đã qua đời. “Bởi biết rất chắc chắn rằng có sự hiệp thông như thế trong toàn Nhiệm Thể của Chúa Giêsu Kitô, nên ngay từ buổi đầu của Kitô giáo, Hội Thánh lữ hành đã hết sức thành kính nhớ đến những người đã qua đời, và bởi vì ‘dâng hy lễ để đền tội cho những người đã chết, để họ được giải thoát khỏi tội lỗi, là một ý nghĩ đạo đức và thánh thiện’ (2 Mcb 12,45), nên Hội Thánh cũng dâng lời cầu cho họ”⁵²¹. 1032, 1689

Lời cầu nguyện của chúng ta cho họ không những có thể giúp đỡ họ, mà còn làm cho sự chuyển cầu của họ cho chúng ta nên hữu hiệu.

959. Trong gia đình duy nhất của Thiên Chúa. “Vì tất cả chúng ta đều là con cái Thiên Chúa và hợp thành một gia đình trong Đức Kitô, nên khi chúng ta hiệp thông với nhau trong đức mến hồ 1027

⁵¹⁶ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 49: AAS 57 (1965) 55.

⁵¹⁷ Thánh Đômินิกô, khi hấp hối, nói với các anh em mình: *Relatio iuridica* 4 (Frater Radulphus de Faventia) 42: Acta sanctorum, Augustus I, 636; x. Iordanus de Saxonia, *Vita* 4, 69: Acta Sanctorum, Augustus I, 551.

⁵¹⁸ Thánh Têrêxa Hài đồng Giêsu, *Verba* (17-7-1897): *Derniers Entretiens* (Paris 1971) 270.

⁵¹⁹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 50: AAS 57 (1965) 56.

⁵²⁰ *Martyrium sancti Polycarpi* 17, 3: SC 10bis, 232 (Funk 1, 336).

⁵²¹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 50: AAS 57 (1965) 55.

tương và trong cùng một lời ngợi khen Chúa Ba Ngôi Chí Thánh, chúng ta sống phù hợp với ơn gọi thâm sâu của Hội Thánh⁵²².

TÓM LƯỢC

960. *Hội Thánh là “sự hiệp thông của các Thánh”: thuật ngữ này trước hết chỉ sự hiệp thông trong “các thực tại thánh” (sancta), nhất là bí tích Thánh Thể, bí tích này “biểu thị và thực hiện sự hợp nhất của các tín hữu, những người hợp thành một Thân Thể trong Đức Kitô”⁵²³.*

961. *Thuật ngữ này cũng chỉ sự hiệp thông của “những người thánh” (sancti) trong Đức Kitô, Đấng “đã chết cho mọi người”. Sự hiệp thông này thâm sâu đến nỗi, điều gì mỗi người làm hoặc chịu, trong và vì Đức Kitô, cũng đều mang lại hoa trái cho mọi người.*

962. *“Chúng tôi tin sự hiệp thông của tất cả các Kitô hữu, nghĩa là của những người lữ hành nơi trần thế, những người đã qua đời và đang được thanh luyện, và những người đang vui hưởng vinh phúc thiên quốc, tất cả hợp thành một Hội Thánh duy nhất; và chúng tôi cũng tin rằng trong sự hiệp thông đó, chúng tôi được hưởng nhờ tình yêu thương xót của Thiên Chúa và của các Thánh của Ngài, các Đấng luôn lắng nghe những lời cầu khẩn của chúng tôi”⁵²⁴.*

Tiết 6

Đức Maria - Mẹ Đức Kitô, Mẹ Hội Thánh

Paragraphus 6

Maria – Mater Christi, Mater Ecclesiae

484-507
721-726 **963.** Sau khi chúng ta đã nói về nhiệm vụ của Đức Trinh Nữ điễm phúc trong mầu nhiệm của Đức Kitô và Chúa Thánh Thần, giờ đây chúng ta phải lưu ý đến chỗ đứng của Mẹ trong mầu nhiệm Hội Thánh. “Thật vậy, Đức Trinh Nữ Maria ... được nhận biết và tôn kính với tư cách là Mẹ thật của Thiên Chúa là Đấng Cứu Chuộc... Mẹ cũng ‘thật là Mẹ các chi thể của Đức Kitô’... bởi vì đã cộng tác

⁵²² CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 51: AAS 57 (1965) 58.

⁵²³ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 3: AAS 57 (1965) 6.

⁵²⁴ ĐGH Phaolô VI, *Sollemnis Professio fidei*, 30: AAS 60 (1968) 445.

bằng đức mến để các tín hữu được sinh ra trong Hội Thánh, được làm chi thể của Đức Kitô là Đầu của Hội Thánh⁵²⁵. “Đức Maria, ... Mẹ Đức Kitô, cũng là Mẹ ... Hội Thánh⁵²⁶”.

I. TÌNH MẪU TỬ CỦA ĐỨC MARIA ĐỐI VỚI HỘI THÁNH MATERNITAS MARIAE RELATE AD ECCLESIAM

Đức Maria hợp nhất trọn vẹn với Con mình...

964. Nhiệm vụ của Đức Maria đối với Hội Thánh không thể tách biệt khỏi sự hợp nhất của Mẹ với Đức Kitô, và trực tiếp xuất phát từ sự hợp nhất đó. “Sự liên kết của Đức Maria với Người Con trong công cuộc cứu độ được biểu lộ từ lúc Mẹ thụ thai Đức Kitô cách trinh khiết cho đến lúc Chúa chịu chết⁵²⁷. Trong giờ khổ nạn của Người, sự liên kết đó được biểu lộ cách đặc biệt:

“Đức Trinh Nữ diễm phúc đã tiến bước trong cuộc lữ hành đức tin, và Mẹ đã trung thành gìn giữ sự hợp nhất với Con cho đến tận thập giá, Mẹ đứng đó không ngoài kế hoạch của Thiên Chúa, Mẹ đã cùng chịu đau khổ cách khủng khiếp với Người Con Một của mình và liên kết mình với hy lễ của Người bằng tình mẫu tử, đồng thuận cách yêu thương với lễ phẩm bị sát tế do lòng Mẹ sinh ra; và cuối cùng, Mẹ được chính Đức Kitô Giêsu đang hấp hối trên thập giá ban làm mẹ người môn đệ, bằng những lời này: ‘Thưa Bà, đây là con Bà’ (x. Ga 19,26-27)”⁵²⁸. 534
618

965. Đức Maria, sau cuộc Thăng thiên của Con mình, “đã trợ giúp Hội Thánh sơ khai bằng lời cầu nguyện của mình⁵²⁹. Cùng với các Tông Đồ và một số người phụ nữ khác, “chúng ta thấy ... Đức Maria cũng dùng lời cầu nguyện của mình mà khẩn cầu hồng ân là Thần Khí, Đấng đã phủ bóng trên ngài trong ngày Truyền tin”⁵³⁰.

... cả trong cuộc Lên trời của Mẹ...

966. “Sau cùng, Đức Trinh Nữ Vô nhiễm, được gìn giữ tinh tuyền khỏi mọi tì vết nguyên tội, sau khi hoàn tất cuộc đời trần thế, đã được đưa lên hưởng vinh quang thiên quốc cả xác cả hồn, và được Chúa tôn vinh làm Nữ Vương vũ trụ, để Mẹ được đồng hình đồng 491

⁵²⁵ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 53: AAS 57 (1965) 57-58; x. Thánh Augustinô, *De sancta virginitate* 6, 6: CSEL 41, 240 (PL 40, 399).

⁵²⁶ ĐGH Phaolô VI, *Allocutio ad Conciliares Patres, tertia exacta Oecumenicae Synodi Sessione* (21-11-1964): AAS 56 (1964) 1015.

⁵²⁷ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 57: AAS 57 (1965) 61.

⁵²⁸ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 58: AAS 57 (1965) 61-62.

⁵²⁹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 69: AAS 57 (1965) 66.

⁵³⁰ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 59: AAS 57 (1965) 62.

dạng cách sung mãn hơn với Con mình, là Chúa các chúa và là Đấng đã chiến thắng tội lỗi và sự chết”⁵³¹. Cuộc Lên trời của Đức Trinh Nữ rất thánh là sự tham dự độc nhất vô nhị vào sự Phục sinh của Con mình và là việc thể hiện trước sự phục sinh của các Kitô hữu khác:

“Lạy Mẹ Thiên Chúa, khi sinh con, Mẹ vẫn khiết trinh; khi yên nghỉ, Mẹ vẫn không lìa bỏ trần gian: Mẹ đã đến với Đấng là nguồn mạch sự sống, chính Mẹ, người đã cứu mang Thiên Chúa hằng sống và chính Mẹ, bằng lời khẩn cầu của Mẹ, sẽ cứu linh hồn chúng con khỏi chết”⁵³².

... chính Mẹ là Mẹ chúng ta trong lãnh vực ân sủng

2679 **967.** Vì sự hoàn toàn gắn bó của Mẹ với thánh ý Chúa Cha, với
 507 công trình cứu chuộc của Con mình, và với mọi tác động của Chúa
 Thánh Thần, Đức Trinh Nữ Maria là gương mẫu về đức tin và đức
 mến cho Hội Thánh. Vì vậy, chính Mẹ là “thành phần ưu việt và
 tuyệt đối độc nhất vô nhị của Hội Thánh”⁵³³, và Mẹ cũng là “sự
 thực hiện mẫu mực”, là “*điển hình*” của Hội Thánh⁵³⁴.

494 **968.** Nhưng nhiệm vụ của Mẹ đối với Hội Thánh và toàn thể nhân
 loại còn được mở rộng hơn nữa. Chính Mẹ “đã cộng tác một cách
 tuyệt đối độc nhất vô nhị vào công trình của Đấng Cứu Độ, bằng
 sự vâng phục, bằng đức tin, đức cậy và đức mến nồng nhiệt, để
 phục hồi sự sống siêu nhiên cho các linh hồn. Vì lý do đó, Mẹ là
 Mẹ của chúng ta trong lãnh vực ân sủng”⁵³⁵.

501 **969.** “Tình mẫu tử này của Đức Maria trong Nhiệm vụ ân sủng
 149 kéo dài không ngừng, khởi từ sự ưng thuận Mẹ đã trung tín bày tỏ
 trong cuộc Truyền tin, và chịu đựng cách không do dự dưới chân
 thập giá, cho tới sự hoàn tất vĩnh viễn của mọi người được tuyển
 1370 chọn. Thật vậy, sau khi Mẹ được lên trời, nhiệm vụ cứu độ của Mẹ
 không chấm dứt, nhưng qua việc liên li chuyển cầu của mình, Mẹ
 tiếp tục đem lại cho chúng ta những hồng ân của ơn cứu độ vĩnh
 cửu... Vì vậy, trong Hội Thánh, Đức Trinh Nữ diễm phúc được kêu
 cầu bằng các tước hiệu là Trạng Sư, Đấng Cứu Giúp, Đấng Phù Hộ,
 Đấng Trung Gian”⁵³⁶.

⁵³¹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 59: AAS 57 (1965) 62; x. ĐGH Piô XII, Tông huấn *Munificentissimus Deus* (1-11-1950): DS 3903.

⁵³² *Troparium in die dormitionis beatæ Mariæ Virginis: Opologion to mega* (Romae 1876) 215.

⁵³³ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 53: AAS 57 (1965) 59.

⁵³⁴ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 63: AAS 57 (1965) 64.

⁵³⁵ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 61: AAS 57 (1965) 63.

⁵³⁶ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 62: AAS 57 (1965) 63.

970. “Nhiệm vụ làm mẹ của Đức Maria đối với loài người ... không hề làm lu mờ hay suy giảm sự trung gian duy nhất của Đức Kitô, nhưng tỏ cho thấy uy lực của sự trung gian ấy. Thật vậy, mọi dòng chảy mang ơn cứu độ của Đức Trinh Nữ ... đều bắt nguồn từ công nghiệp đầy tràn chan chứa của Đức Kitô, dựa trên sự trung gian của Người, hoàn toàn lệ thuộc vào sự trung gian đó, và múc lấy mọi sức mạnh từ đó”⁵³⁷. “Quả vậy, không bao giờ một thụ tạo nào có thể được liệt kê cùng với Ngôi Lời nhập thể và là Đấng Cứu Chuộc; nhưng cũng như chức tư tế của Đức Kitô được tham dự bằng nhiều cách khác nhau hoặc bởi các thừa tác viên hoặc bởi giáo dân, và cũng như sự tốt lành duy nhất của Thiên Chúa thật sự được tuân do bằng nhiều cách khác nhau cho các thụ tạo, thì cũng vậy, sự trung gian duy nhất của Đấng Cứu Chuộc không loại bỏ nhưng khơi dậy sự cộng tác khác nhau nơi các thụ tạo, nhờ được tham dự vào một nguồn mạch duy nhất”⁵³⁸.

2008

1545

308

II. VIỆC SÙNG KÍNH ĐỨC TRINH NỮ ĐIỂM PHÚC BEATAE VIRGINIS CULTUS

971. “Hết mọi đời sẽ khen tôi điểm phúc” (Lc 1,48): “Lòng sùng kính của Hội Thánh đối với Đức Trinh Nữ Maria điểm phúc thuộc về chính bản chất của phụng tự Kitô giáo”⁵³⁹. Đức Trinh Nữ điểm phúc “đáng được Hội Thánh tôn vinh bằng một phụng tự đặc biệt. Thật vậy, từ những thời rất xa xưa, Đức Trinh Nữ điểm phúc đã được tôn kính dưới tước hiệu “Mẹ Thiên Chúa”, và các tín hữu đã khẩn cầu cùng ẩn náu dưới sự che chở của Mẹ trong mọi cơn gian nan khốn khó.... Phụng tự đó, tuy là độc nhất vô nhị, nhưng tự bản chất vẫn khác biệt với phụng tự tôn thờ được dâng lên Ngôi Lời nhập thể, cũng như dâng lên Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, và phụng tự tôn kính Đức Maria chủ yếu là cổ võ phụng tự tôn thờ Chúa Ba Ngôi”⁵⁴⁰; sự tôn kính đó được diễn tả trong các lễ phụng vụ dành cho Mẹ Thiên Chúa⁵⁴¹ và trong các kinh nguyện kính Đức Maria, như kinh Mân Côi, “bản tóm lược toàn bộ Tin Mừng”⁵⁴².

1172

2678

III. ĐỨC MARIA - HÌNH ẢNH CÁNH CHUNG CỦA HỘI THÁNH MARIA – ICON ESCHATOLOGICA ECCLESIAE

972. Sau khi đã trình bày về Hội Thánh, về nguồn gốc, sứ vụ và đích điểm của Hội Thánh, chúng ta không thể kết luận bằng cách

⁵³⁷ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 60: AAS 57 (1965) 62.

⁵³⁸ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 62: AAS 57 (1965) 63.

⁵³⁹ ĐGH Phaolô VI, Tông huấn *Marialis cultus* 56: AAS 66 (1974) 162.

⁵⁴⁰ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 66: AAS 57 (1965) 65.

⁵⁴¹ X. CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 103: AAS 56 (1964) 125.

⁵⁴² ĐGH Phaolô VI, Tông huấn *Marialis cultus*, 42: AAS 66 (1974) 152-153.

773 nào tốt hơn là hướng nhìn về Đức Maria, để nơi Mẹ, chúng ta
 chiêm ngắm Hội Thánh là gì trong mẫu nhiệm của mình, trong
 “cuộc lữ hành đức tin” của mình, và Hội Thánh sẽ là gì trong quê
 hương tương lai, khi kết thúc cuộc hành trình của mình, ở đó, “để
 làm vinh danh Chúa Ba Ngôi Chí Thánh và không thể phân chia”,
 829 “trong sự hiệp thông của tất cả các Thánh”⁵⁴³, có một người đang
 mong đợi Hội Thánh, người mà Hội Thánh tôn kính với tư cách là
 Mẹ của Chúa mình và là Mẹ riêng của mình.

2853 “Cũng như ở trên trời, nơi Mẹ đã được vinh quang cả xác cả hồn,
 Mẹ Chúa Giêsu là hình ảnh và là khởi đầu của Hội Thánh sẽ
 được hoàn thành ở đời sau như thế nào, thì cũng vậy, nơi trần
 thế, cho đến khi ngày của Chúa đến, Mẹ sáng chói như dấu chỉ
 của niềm hy vọng vững chắc và niềm an ủi cho dân lữ hành của
 Thiên Chúa”⁵⁴⁴.

TÓM LƯỢC

973. *Đức Maria, khi nói lời “Xin vâng” trong ngày Truyền tin và như vậy bày tỏ sự đồng thuận của mình đối với mẫu nhiệm Nhập Thể, đã cộng tác vào toàn bộ công trình Con của Mẹ phải hoàn thành. Chính ngài là Mẹ ở bất cứ nơi nào Con của Mẹ là Đấng Cứu Độ, và là Đầu của Nhiệm Thể.*

974. *Đức Trinh Nữ Maria rất thánh, sau khi hoàn tất cuộc đời trần thế của mình, được đưa cả xác cả hồn lên hưởng vinh quang thiên quốc, nơi Mẹ tham dự vào vinh quang của cuộc Phục Sinh của Con mình, thể hiện trước sự phục sinh của tất cả các chi thể của Thân Thể Người.*

975. *“Chúng tôi tin Mẹ rất thánh của Thiên Chúa, bà Evà mới, Mẹ Hội Thánh, giờ đây ở trên trời, vẫn tiếp tục nhiệm vụ làm mẹ đối với các chi thể của Đức Kitô”⁵⁴⁵.*

⁵⁴³ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 69: AAS 57 (1965) 66-67.

⁵⁴⁴ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 68: AAS 57 (1965) 66.

⁵⁴⁵ ĐGH Phaolô VI, *Sollemnis Professio fidei*, 15: AAS 60 (1968) 439.

Mục 10

“Tôi tin phép tha tội”

Articulus 10

“Credo remissionem peccatorum”

976. Tín biểu các Tông Đồ kết hợp đức tin về ơn tha tội không những với đức tin vào Chúa Thánh Thần mà còn với đức tin về Hội Thánh và về sự hiệp thông của các Thánh. Chúa Kitô phục sinh, khi ban Chúa Thánh Thần cho các Tông Đồ của Người, Người ban cho họ quyền năng thần linh riêng của Người để tha tội: “Anh em hãy nhận lấy Thánh Thần. Anh em tha tội cho ai thì người ấy được tha, anh em cầm giữ ai, thì người ấy bị cầm giữ” (Ga 20,22-23).

(Phần Thứ Hai của Sách Giáo Lý này sẽ trình bày rõ ràng về ơn tha tội qua bí tích Rửa Tội, bí tích Giải Tội và các bí tích khác, nhất là bí tích Thánh Thể. Vì vậy, ở đây, chúng ta chỉ nói cách vắn tắt đến một số yếu tố căn bản.)

I. CÓ MỘT PHÉP RỬA ĐỂ THA TỘI

1263

UNUM BAPTISMA IN REMISSIONEM PECCATORUM

977. Chúa chúng ta đã gắn liền ơn tha tội với đức tin và bí tích Rửa Tội: “Anh em hãy đi khắp tứ phương thiên hạ, loan báo Tin Mừng cho mọi loài thụ tạo. Ai tin và chịu Phép Rửa, sẽ được cứu độ” (Mc 16,15-16). Bí tích Rửa Tội là bí tích đầu tiên và chính yếu để tha tội, bởi vì bí tích này kết hợp chúng ta với Đức Kitô đã chết vì tội lỗi chúng ta, và đã sống lại vì sự công chính hoá của chúng ta⁵⁴⁶, để “chúng ta cũng được sống một đời sống mới” (Rm 6,4).

978. “Khi lần đầu chúng ta tuyên xưng đức tin và được tẩy sạch nhờ Phép Rửa thánh thiêng, thì ơn tha thứ được ban cho chúng ta một cách hết sức dư dật, đến nỗi không còn tội lỗi nào phải tẩy xóa, dù là tội tổ tông hay những tội riêng do thiếu sót hoặc do lỗi phạm, không còn phải chịu hình phạt nào để đền tội. Tuy nhiên, không ai được giải thoát khỏi mọi yếu đuối của bản tính nhờ ân sủng của bí tích Rửa Tội: nhưng đúng hơn, chúng ta vẫn phải chiến đấu chống lại những quấy nhiễu của dục vọng, nó không ngừng xúi giục chúng ta phạm tội”⁵⁴⁷.

1264

⁵⁴⁶ X. Rm 4,25.

⁵⁴⁷ *Catechismus Romanus*, 1, 11, 3; ed. P. Rodríguez (Città del Vaticano-Pamplona 1989) 123.

1446 **979.** Trong cuộc chiến chống việc hưởng chiều về sự dữ này, ai là người có đủ nghị lực và cảnh giác để tránh được mọi vết thương của tội lỗi? “Vì vậy, bởi vì trong Hội Thánh cần phải có quyền tha tội theo một thể thức khác với bí tích Rửa Tội, nên chìa khoá Nước Trời đã được ký thác cho Hội Thánh, nhờ đó tội của mọi hối nhân có thể được tha thứ, cho dù họ có phạm tội mãi đến ngày cuối cùng của cuộc đời”⁵⁴⁸.

1422-1484 **980.** Nhờ Bí tích Thống Hối, người đã được rửa tội có thể được giao hoà với Thiên Chúa và với Hội Thánh:

“Các Giáo phụ có lý khi gọi bí tích Thống Hối là ‘một Phép Rửa cực nhọc’⁵⁴⁹. Bí tích Thống Hối này là cần thiết cho những người sa ngã sau khi chịu Phép Rửa, để được cứu độ, như Phép Rửa là cần thiết cho những người chưa được tái sinh”⁵⁵⁰.

II. QUYỀN CHÌA KHOÁ POTESTAS CLAVIUM

1444 **981.** Đức Kitô, sau cuộc Phục Sinh của Người, đã sai các Tông Đồ Người đi “nhân danh Người, mà rao giảng cho muôn dân... kêu gọi họ sám hối để được ơn tha tội” (Lc 24,47). Các Tông Đồ và những vị kế nhiệm các ngài chu toàn “chức vụ giao hoà” (2 Cr 5,18) không những bằng việc loan báo cho người ta ơn tha thứ của Thiên Chúa, mà Đức Kitô đã có công đạt được cho chúng ta, và bằng việc kêu gọi người ta hối cải và tin, mà còn bằng việc truyền thông cho họ ơn tha thứ tội lỗi nhờ bí tích Rửa Tội, và bằng việc giao hoà họ với Thiên Chúa và với Hội Thánh nhờ quyền chìa khoá các ngài đã lãnh nhận từ Đức Kitô:

553 “Hội Thánh đã lãnh nhận chìa khoá Nước Trời, để trong Hội Thánh nhờ Máu Đức Kitô và tác động của Chúa Thánh Thần, việc tha thứ tội lỗi được thể hiện. Trong Hội Thánh, linh hồn đã chết do tội lỗi được hồi sinh để được cùng sống với Đức Kitô, nhờ ân sủng của Người mà chúng ta được cứu độ”⁵⁵¹.

1463 **982.** Không có tội nào, dù nặng nề đến mấy, mà Hội Thánh không thể tha thứ. “Không người nào, dù gian ác và xấu xa đến đâu, lại không thể hy vọng chắc chắn mình được tha thứ, miễn là người đó thật sự thống hối về các lầm lạc của mình”⁵⁵². Đức Kitô, Đấng đã chết cho tất cả mọi người, muốn rằng: các cửa của sự tha thứ trong

⁵⁴⁸ *Catechismus Romanus*, 1, 11, 4: ed. P. Rodríguez (Città del Vaticano-Pamplona 1989) 123.

⁵⁴⁹ X. Thánh Grêgôriô Nazianzêno, *Oratio* 39, 17: SC 358, 188 (PG 36, 356).

⁵⁵⁰ CĐ Tridentinô, Sess. 14a, *Doctrina de sacramento Paenitentiae*, c. 2: DS 1672.

⁵⁵¹ Thánh Augustinô, *Sermo* 214, 11: ed. P. Verbraken: *Revue Bénédictine* 72 (1962) 21 (PL 38, 1071-1072).

⁵⁵² *Catechismus Romanus*, 1, 11, 5: ed. P. Rodríguez (Città del Vaticano-Pamplona 1989) 124.

Hội Thánh của Người luôn rộng mở cho bất cứ ai bỏ tội lỗi trở về⁵⁵³.

983. Việc dạy giáo lý phải cố gắng khơi dậy và nuôi dưỡng nơi các tín hữu niềm tin về sự cao cả khôn sánh của hồng ân mà Chúa phục sinh đã làm cho Hội Thánh của Người: đó là sứ vụ và quyền năng tha thứ thật sự các tội lỗi, nhờ thừa tác vụ của các Tông Đồ và của những vị kế nhiệm các ngài: 1442

“Chúa muốn các môn đệ của Người có một quyền năng lớn lao: Người muốn các tội tớ thấp hèn của Người nhân danh Người mà thực hiện tất cả những gì Người đã làm khi còn tại thế”⁵⁵⁴. 1465

“[Các tư tế] đã lãnh nhận quyền năng mà Thiên Chúa đã không ban cho các Thiên thần hoặc các Tổng lãnh Thiên thần... Bất cứ điều gì các tư tế làm nơi đất thấp, thì trên trời cao, Thiên Chúa đều phê chuẩn”⁵⁵⁵.

“Nếu trong Hội Thánh không có ơn tha tội, thì không có một hy vọng nào: nếu trong Hội Thánh không có ơn tha tội, thì không có hy vọng nào về đời sống tương lai và sự giải thoát vĩnh cửu. Chúng ta hãy tạ ơn Thiên Chúa, Đấng đã ban cho Hội Thánh của Ngài hồng ân này”⁵⁵⁶.

TÓM LƯỢC

984. *Tin biểu kết hợp sự “tha tội” với lời Tuyên xưng đức tin về Chúa Thánh Thần. Quả thật, Đức Kitô phục sinh đã ký thác cho các Tông Đồ quyền tha tội, khi Người ban Chúa Thánh Thần cho các ngài.*

985. *Bí tích Rửa Tội là bí tích đầu tiên và chính yếu để tha tội: bí tích này kết hợp chúng ta với Đức Kitô, Đấng đã chết và sống lại, và ban cho chúng ta Chúa Thánh Thần.*

986. *Do ý muốn của Đức Kitô, Hội Thánh có quyền tha tội cho những người đã được rửa tội; Hội Thánh thực thi quyền này, một cách thông thường, qua các Giám mục và các linh mục trong bí tích Thống Hối.*

⁵⁵³ X. Mt 18,21-22.

⁵⁵⁴ Thánh Ambrôsiô, *De Paenitentia* 1, 8, 34: CSEL 73, 135-136 (PL 16, 476-477).

⁵⁵⁵ Thánh Gioan Kim Khẩu, *De sacerdotio* 3, 5: SC 272, 148 (PG 48, 643).

⁵⁵⁶ Thánh Augustinô, *Sermo* 213, 8, 8: ed. G. Morin, *Sancti Augustini sermones post Maurinos reperti* (Guelferbytanus 1, 9) (Romae 1930) 448 (PL 38, 1064).

987. “Trong việc tha tội, cả các tư tế, cả các bí tích đều là những dụng cụ, qua đó Chúa Kitô, là Tác giả và là Đấng ban phát ơn cứu độ, thực hiện việc tha tội và sự công chính trong chúng ta”⁵⁵⁷.

Mục 11

“Tôi tin xác loài người ngày sau sống lại”

Articulus 11

“Credo carnis resurrectionem”

988. Tín biểu của Kitô giáo – là Bản tuyên xưng đức tin của chúng ta vào Thiên Chúa là Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, và vào hành động tạo dựng, cứu độ và thánh hoá của Ngài – được kết thúc với lời tuyên xưng về sự sống lại của những người chết, vào lúc cùng tận thời gian, và về sự sống vĩnh cửu.

989. Chúng ta tin một cách chắc chắn và hy vọng một cách chính xác rằng: cũng như Đức Kitô đã thật sự sống lại từ cõi chết và sống muôn đời, thì cũng vậy, những người công chính sau cái chết của mình sẽ sống muôn đời với Đức Kitô phục sinh, Đấng sẽ làm cho họ sống lại vào ngày sau hết⁵⁵⁸. Sự sống lại của chúng ta, cũng như sự sống lại của Người, sẽ là công trình của Ba Ngôi Chí Thánh:

“Nếu Thần Khí ngự trong anh em, Thần Khí của Đấng đã làm cho Chúa Giêsu sống lại từ cõi chết, thì Đấng đã làm cho Chúa Giêsu sống lại từ cõi chết, cũng sẽ dùng Thần Khí của Ngài đang ngự trong anh em, mà làm cho thân xác của anh em được sự sống mới” (Rm 8,11)⁵⁵⁹.

990. Từ “thân xác” được dùng ở đây để chỉ con người trong thân phận yếu đuối và phải chết của nó⁵⁶⁰. “Xác sống lại” có nghĩa là sau khi chết, không những linh hồn bất tử được có sự sống, mà cả “thân xác phải chết” (Rm 8,11) của chúng ta cũng sẽ được đảm nhận lại sự sống.

⁵⁵⁷ *Catechismus Romanus*, 1, 11, 6: ed. P. Rodríguez (Città del Vaticano-Pamplona 1989) 124-125.

⁵⁵⁸ X. Ga 6,39-40.

⁵⁵⁹ X. 1 Tx 4,14; 1 Cr 6,14; 2 Cr 4,14; Pl 3,10-11.

⁵⁶⁰ X. St 6,3; Tv 56,5; Is 40,6.

991. Tin sự sống lại của những người chết là một yếu tố căn bản của đức tin Kitô giáo ngay từ hồi đầu. “Niềm tin của các Kitô hữu, sự sống lại của những người chết. Chúng tôi tin điều đó”⁵⁶¹: 638

“Sao trong anh em có người lại nói: không có chuyện kẻ chết sống lại? Nếu kẻ chết không sống lại, thì Đức Kitô đã không sống lại! Mà nếu Đức Kitô đã không sống lại, thì lời rao giảng của chúng tôi trống rỗng, và cả đức tin của anh em cũng trống rỗng... Nhưng không phải thế! Đức Kitô đã sống lại từ cõi chết, mở đường cho những ai đã an giấc ngàn thu” (1 Cr 15,12-14.20).

I. SỰ PHỤC SINH CỦA ĐỨC KITÔ VÀ CỦA CHÚNG TA RESURRECTIO CHRISTI ET NOSTRA

Mạc khải tiệm tiến về sự Phục Sinh

992. Việc kẻ chết sống lại đã được Thiên Chúa mạc khải dần dần cho dân Ngài. Niềm hy vọng vào sự sống lại về thân xác của những người chết đã phổ biến như một hệ luận nội tại của đức tin vào Thiên Chúa, là Đấng tạo dựng toàn bộ con người, cả hồn cả xác. Đấng tạo dựng trời đất cũng là Đấng trung tín giữ Giao Ước của Ngài với tổ phụ Abraham và dòng dõi ông. Chính trong hai viễn tượng [tạo dựng và giao ước] này, niềm tin vào sự phục sinh bắt đầu được biểu lộ. Trong những cơn thử thách của mình, các vị Tử Đạo nhà Macabêô đã tuyên xưng: 297

“Bởi lẽ chúng tôi chết vì Luật pháp của Vua vũ trụ, nên Ngài sẽ cho chúng tôi sống lại để hưởng sự sống đời đời” (2 Mcb 7,9).

“Thà chết vì tay người đời đang khi dựa vào lời Thiên Chúa hứa mà hy vọng sẽ được Ngài cho sống lại” (2 Mcb 7,14)⁵⁶².

993. Những người Phariseu⁵⁶³ và nhiều người đương thời với Chúa⁵⁶⁴ đã mong đợi sự phục sinh. Chúa Giêsu đã giảng dạy điều đó một cách xác quyết. Với những người Saducêô phủ nhận sự phục sinh, Người trả lời: “Chẳng phải vì không biết Kinh Thánh và quyền năng Thiên Chúa mà các ông lầm sao?” (Mc 12,24). Đức tin về sự phục sinh dựa trên đức tin vào Thiên Chúa, Đấng “không phải là Thiên Chúa của kẻ chết nhưng là của kẻ sống” (Mc 12,27). 205

994. Hơn nữa: Chúa Giêsu kết hợp đức tin về sự phục sinh với Ngôi Vị riêng của Người: “Chính Thầy là sự Sống lại và là sự Sống” (Ga 11,25). Chính Chúa Giêsu sẽ làm cho sống lại trong

⁵⁶¹ Tertullianô, *De resurrectione mortuorum* 1, 1: CCL 2, 921 (PL 2, 841).

⁵⁶² X. 2 Mcb 7,29; Đn 12,1-13.

⁵⁶³ X. Cv 23,6.

⁵⁶⁴ X. Ga 11,24.

- ngày sau hết những ai đã tin vào Người⁵⁶⁵ và những ai đã ăn Thịt
 646 và uống Máu Người⁵⁶⁶. Ngay bây giờ, Người đã đưa ra một dấu chỉ
 và một bảo chứng khi trả lại sự sống cho một số người đã chết⁵⁶⁷,
 như vậy Người loan báo sự phục sinh riêng của Người tuy sự phục
 652 sinh của Người thuộc một trật tự khác. Người nói về biến cố độc
 nhất này như dấu chỉ Jôna⁵⁶⁸, như dấu chỉ Đền Thờ⁵⁶⁹: Người loan
 báo sự phục sinh của Người ngày thứ ba sau khi Người bị giết⁵⁷⁰.
- 860 **995.** Làm chứng nhân cho Đức Kitô là “làm chứng nhân về sự phục
 sinh của Người” (Cv 1,22)⁵⁷¹, là đã ăn, đã uống “với Người sau khi
 Người từ trong kẻ chết sống lại” (Cv 10,41). Niềm hy vọng Kitô
 giáo về sự phục sinh được ghi dấu cách tuyệt đối bằng những cuộc
 655 gặp gỡ Đức Kitô phục sinh. Chúng ta sẽ phục sinh như Người, với
 Người và nhờ Người.
- 643 **996.** Ngay từ đầu, đức tin Kitô giáo về sự phục sinh đã gặp những
 phản ứng không hiểu và chống đối⁵⁷². “Trong đức tin Kitô giáo,
 không có việc nào bị chống đối cách mạnh mẽ, dai dẳng, quyết liệt
 và hăng hái cho bằng vấn đề thân xác sống lại”⁵⁷³. Thông thường,
 người ta chấp nhận là sự sống của nhân vị, sau khi chết, được tiếp
 tục một cách thiêng liêng. Nhưng làm sao tin được rằng thân xác
 hiển nhiên là phải chết này lại có thể phục sinh vào đời sống vĩnh
 cửu?

Người chết sẽ phục sinh thế nào?

- 366 **997.** “*Phục sinh*” là gì? Khi chết, linh hồn và thân xác bị tách biệt,
 thân xác con người bị hư hoại trong khi linh hồn của nó đến gặp
 Thiên Chúa, mà vẫn mong đợi được kết hợp lại với thân xác được
 tôn vinh của mình. Thiên Chúa, bằng sự toàn năng của Ngài, sẽ
 vĩnh viễn trả lại sự sống bất hoại cho thân xác chúng ta, kết hợp
 thân xác đó với linh hồn chúng ta, bằng sức mạnh của cuộc phục
 sinh của Chúa Giêsu.

⁵⁶⁵ X. Ga 5,24-25; 6,40.

⁵⁶⁶ X. Ga 6,54.

⁵⁶⁷ X. Mc 5,21-43; Lc 7,11-17; Ga 11.

⁵⁶⁸ X. Mt 12,39.

⁵⁶⁹ X. Ga 2,19-22.

⁵⁷⁰ X. Mc 10,34.

⁵⁷¹ X. Cv 4,33.

⁵⁷² X. Cv 17,32; 1 Cr 15,12-13.

⁵⁷³ Thánh Augustinô, *Enarratio in Psalmum* 88, 2, 5: CCL 39, 1237 (PL 37, 1134).

998. *Ai sẽ phục sinh?* Tất cả mọi người đã chết đều sẽ phục sinh: 1038
 “Ai đã làm điều lành, thì sẽ sống lại để được sống, ai đã làm điều dữ, thì sẽ sống lại để bị kết án” (Ga 5,29)⁵⁷⁴.

999. *Phục sinh thế nào?* Đức Kitô đã phục sinh với thân xác riêng 640
 của Người: “Nhìn chân tay Thầy coi, chính Thầy đây mà!” 645
 (Lc 24,39); nhưng Người không trở lại với đời sống trần thế. Cũng vậy, trong Người, “tất cả mọi người sẽ sống lại với thân xác riêng của mình, thân xác hiện giờ họ đang mang”⁵⁷⁵, nhưng thân xác này “sẽ được biến đổi thành thân xác của sự vinh quang”⁵⁷⁶, thành “thân thể có thần khí” (1 Cr 15,44):

“Nhưng có người sẽ nói: Kẻ chết sống lại thế nào? Họ lấy thân thể nào mà trở về? Đồ ngốc! Người gieo cái gì, cái ấy phải chết mới được sống; cái người gieo không phải là hình thể sẽ mọc lên, nhưng là một hạt trơ trụi... Gieo xuống thì hư nát, mà sống lại thì bất diệt; ... những kẻ chết sẽ sống lại mà không còn hư nát... Quả vậy, cái thân phải hư nát này sẽ mặc lấy sự bất diệt; và cái thân phải chết này sẽ mặc lấy sự bất tử” (1 Cr 15,35-37.42.52-53).

1000. Sự “phục sinh thế nào” đó, vượt quá trí tưởng tượng và sự 647
 hiểu biết của chúng ta; điều đó chỉ có thể đạt tới bằng đức tin. Nhưng việc chúng ta tham dự vào bí tích Thánh Thể đã cho chúng ta được nếm trước sự biến hình của thân xác chúng ta nhờ Đức Kitô:

“Cũng như bánh là hoa mầu ruộng đất, sau khi nhận được lời 1405
 khấn cầu Thiên Chúa, không còn là bánh thường nữa, nhưng là Thánh Thể với hai thực tại trần thế và thiên quốc: cũng vậy, thân xác chúng ta khi đón nhận Thánh Thể thì không còn bị hư hoại, nhưng đã mang niềm hy vọng phục sinh”⁵⁷⁷.

1001. *Khi nào phục sinh?* Một cách vĩnh viễn, “trong ngày sau hết” 1038
 (Ga 6,39-40.44.54; 11,24); “ngày tận thế”⁵⁷⁸. Quả vậy, sự phục sinh 673
 của những người chết được gắn liền với cuộc Quang lâm của Đức Kitô:

“Vì khi hiệu lệnh ban ra, khi tiếng Tổng lãnh Thiên thần và tiếng kèn của Thiên Chúa vang lên, thì chính Chúa sẽ từ trời ngự xuống, và những người chết trong Đức Kitô sẽ sống lại trước tiên” (1 Tx 4,16).

⁵⁷⁴ X. Đn 12,2.

⁵⁷⁵ CD Latêranô IV, Cap. 1, *De fide catholica*: DS 801.

⁵⁷⁶ X. Pl 3,21.

⁵⁷⁷ Thánh Irênê, *Adversus haereses*, 4, 18, 5: SC 100, 610-612 (PG 7,1028-1029).

⁵⁷⁸ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 48: AAS 57 (1965) 54.

Phục sinh với Đức Kitô

1002. Nếu thật sự là, Đức Kitô sẽ cho chúng ta phục sinh trong “ngày sau hết”, thì cũng thật sự là, một cách nào đó, chúng ta đã phục sinh với Đức Kitô rồi. Thật vậy, nhờ Chúa Thánh Thần, đời sống Kitô hữu, ngay nơi trần thế, đã là sự tham dự vào cái Chết và sự Sống lại của Đức Kitô:

“Anh em đã cùng được mai táng với Đức Kitô khi chịu Phép Rửa, lại cùng được sống lại với Người, vì tin vào quyền năng của Thiên Chúa, Đấng đã làm cho Người sống lại từ cõi chết... Anh em đã được sống lại cùng với Đức Kitô, nên hãy tìm kiếm những gì thuộc thượng giới, nơi Đức Kitô đang ngự bên hữu Thiên Chúa” (Cl 2,12; 3,1).

1003. Được liên kết với Đức Kitô nhờ bí tích Rửa Tội, các tín hữu thật sự đã tham dự vào sự sống thiên quốc của Đức Kitô phục sinh⁵⁷⁹, nhưng sự sống này còn “tiềm tàng với Đức Kitô nơi Thiên Chúa” (Cl 3,3). Chính Thiên Chúa đã cho chúng ta được “cùng sống lại và cùng ngự trị với Đức Kitô Giêsu trên cõi trời” (Ep 2,6). Được nuôi dưỡng bằng Mình Thánh Đức Kitô trong bí tích Thánh Thể, chúng ta đã thuộc về Thân Thể của Người. Khi chúng ta được phục sinh vào ngày sau hết, “lúc đó”, chúng ta sẽ xuất hiện “với Người và cùng Người hưởng phúc vinh quang” (Cl 3,4).

1004. Trong khi mong đợi ngày đó, thân xác và linh hồn của tín hữu đã được tham dự vào phẩm giá được hiện hữu “trong Đức Kitô”; vì vậy, phải tôn trọng thân xác của mình, và cả thân xác của người khác, nhất là khi thân xác đó phải chịu đau đớn:

“Thân xác ... phụng sự Chúa, vì Chúa làm chủ thân xác; Thiên Chúa đã làm cho Đức Kitô sống lại; chính Ngài cũng sẽ dùng quyền năng của mình mà làm cho chúng ta sống lại. Nào anh em chẳng biết rằng thân xác anh em là phần thân thể của Đức Kitô sao? ... Anh em đâu còn thuộc về mình nữa... Vậy anh em hãy tôn vinh Thiên Chúa nơi thân xác anh em” (1 Cr 6,13-15.19-20).

II. CHẾT TRONG ĐỨC KITÔ GIÊSU

IN CHRISTO IESU MORI

1005. Để được phục sinh với Đức Kitô, chúng ta phải chết với Đức Kitô, phải “liìa bỏ thân xác để được ở bên Chúa” (2 Cr 5,8). Khi ra đi⁵⁸⁰, nghĩa là chết, linh hồn bị tách biệt khỏi thân xác. Linh hồn

⁵⁷⁹ X. Pl 3,20.

⁵⁸⁰ X. Pl 1,23.

sẽ lại kết hợp với thân xác của mình trong ngày kẻ chết sống lại⁵⁸¹. 624
650

Sự chết

1006. “Đối diện với sự chết, bí ẩn về thân phận con người lên đến mức cao nhất”⁵⁸². Theo một nghĩa nào đó, sự chết phần xác là điều tự nhiên, nhưng đối với đức tin, thật ra, sự chết là “lương bổng mà tội lỗi trả cho người ta” (Rm 6,23)⁵⁸³. Và đối với những người chết trong ân sủng Đức Kitô, sự chết là tham dự vào cái Chết của Chúa, để họ cũng có thể tham dự vào sự Phục sinh của Người⁵⁸⁴. 164, 1500

1007. *Sự chết là kết thúc cuộc đời trần thế.* Cuộc đời chúng ta được đo bằng thời gian, trong quãng thời gian đó, chúng ta thay đổi, chúng ta già đi, và cũng như đối với mọi sinh vật trên trái đất, sự chết xuất hiện như một kết thúc bình thường của cuộc đời. Khía cạnh này của sự chết mang lại sự khẩn trương cho cuộc đời chúng ta: Nhắc đến việc phải chết giúp chúng ta nhớ rằng chúng ta chỉ có một thời gian giới hạn để thực hiện cuộc đời chúng ta:

“Giữa tuổi thanh xuân, bạn hãy tưởng nhớ Đấng đã dựng nên mình. Đừng chờ ... bụi đất lại trở về với đất, khi phàm nhân trả lại cho Thiên Chúa hơi thở Ngài đã ban cho mình” (Gv 12, 1.7).

1008. *Sự chết là hậu quả của tội lỗi.* Là người giải thích xác thực những khẳng định của Thánh Kinh⁵⁸⁵ và Thánh Truyền, Huấn quyền của Hội Thánh dạy rằng cái chết đã đi vào trần gian vì tội lỗi của con người⁵⁸⁶. Mặc dù con người có bản tính là phải chết, nhưng Thiên Chúa đã định cho con người không phải chết. Vì vậy sự chết đi ngược lại với những kế hoạch của Thiên Chúa Tạo Hoá, và nó đã đi vào trần gian với tính cách là hậu quả của tội lỗi⁵⁸⁷. “Sự chết ... về phần xác, mà lẽ ra con người đã thoát khỏi nếu đã không phạm tội”⁵⁸⁸, cũng là “thù địch... cuối cùng” (1 Cr 15,26) mà con người phải chiến thắng. 401
376

1009. *Sự chết được Đức Kitô biến đổi.* Chúa Giêsu, Con Thiên Chúa, cũng đã chịu chết vì chết là đặc điểm của thân phận nhân loại. Nhưng chính Người, tuy run sợ khi đối diện với sự chết⁵⁸⁹, đã 612

⁵⁸¹ X. DGH Phaolô VI, *Sollemnis Professio fidei*, 28: AAS 60 (1968) 444.

⁵⁸² CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 18: AAS 58 (1966) 1038.

⁵⁸³ X. St 2,17.

⁵⁸⁴ X. Rm 6,3-9; Pl 3,10-11.

⁵⁸⁵ X. St 2,17; 3,3.19; Kn 1,13; Rm 5,12; 6,23.

⁵⁸⁶ X. CD Tridentinô, Sess. 5a, *Decretum de peccato originali*, canon 1: DS 1511.

⁵⁸⁷ X. Kn 2,23-24.

⁵⁸⁸ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 18: AAS 58 (1966) 1038.

⁵⁸⁹ X. Mc 14,33-34; Dt 5,7-8.

đảm nhận nó trong một hành vi suy phục thánh ý Cha Người cách trọn vẹn và tự nguyện. Sự vâng phục của Chúa Giêsu đã biến đổi lời chúc dữ của sự chết thành lời chúc lành⁵⁹⁰.

1681-1690

Ý nghĩa của sự chết theo Kitô giáo

1010. Nhờ Đức Kitô, sự chết theo Kitô giáo có một ý nghĩa tích cực. “Đối với tôi, sống là Đức Kitô và chết là một mối lợi” (Pl 1,21). “Đây là lời đáng tin cậy: Nếu ta cùng chết [với Người], ta sẽ cùng sống [với Người]” (2 Tm 2,11). Sự mới mẻ chủ yếu của cái chết theo Kitô giáo là điều này: nhờ Phép Rửa, Kitô hữu đã “chết với Đức Kitô” một cách bí tích, để sống một đời sống mới; nếu chúng ta chết trong ân sủng của Đức Kitô, sự chết thể lý sẽ hoàn tất việc “chết với Đức Kitô” đó, và như vậy nó hoàn thành việc tháp nhập chúng ta vào Người trong hành vi cứu chuộc của Người:

“Tôi thà chết trong Đức Kitô Giêsu, hơn là cai trị toàn cõi trái đất. Tôi tìm kiếm Người, Đấng đã chết cho chúng ta; tôi khao khát Người, Đấng đã phục sinh vì chúng ta. Giờ tôi được sinh ra đã đến gần. ... Anh em hãy để tôi nhận lãnh ánh sáng tinh tuyền; khi tôi tới được đó, tôi sẽ là một con người”⁵⁹¹.

1025

1011. Trong sự chết Thiên Chúa kêu gọi con người đến với Ngài. Vì vậy, đối với cái chết, Kitô hữu có thể mong ước giống như thánh Phaolô: “Ao ước của tôi là ra đi để được ở với Đức Kitô” (Pl 1,23); và họ có thể biến đổi cái chết riêng của mình thành một hành vi vâng phục và yêu mến đối với Chúa Cha theo gương Đức Kitô⁵⁹²:

“Tình yêu của tôi đã bị đóng đinh vào thập giá; ... Một mạch nước đang sống và đang nói ở trong tôi, nói với tôi tự bên trong rằng: ‘Hãy đến với Chúa Cha’”⁵⁹³.

“Con nóng lòng được nhìn thấy Chúa, nên con muốn chết”⁵⁹⁴.

“Tôi không chết, tôi đang bước vào cõi sống”⁵⁹⁵.

1012. Cái nhìn của Kitô giáo về sự chết⁵⁹⁶ được diễn tả một cách rõ ràng trong phụng vụ của Hội Thánh:

⁵⁹⁰ X. Rm 5,19-21.

⁵⁹¹ Thánh Ignatiô Antiôchia, *Epistula ad Romanos*, 6, 1-2: SC 10bis 114 (Funk 1, 258-260).

⁵⁹² X. Lc 23,26.

⁵⁹³ Thánh Ignatiô Antiôchia, *Epistula ad Romanos*, 7, 2: SC 10bis 116 (Funk 1, 260).

⁵⁹⁴ Thánh Têrêsa Giêsu, *Poesía 7*: Biblioteca Mística Carmelitana, v.6 (Burgos 1919) 86.

⁵⁹⁵ Thánh Têrêsa Hải đồng Giêsu, *Lettre (9-6-1897): Correspondance Générale*, v. 2 (Paris 1973) 1015.

⁵⁹⁶ X. 1 Tx 4,13-14.

“Lạy Chúa, đối với các tín hữu Chúa, sự sống thay đổi chứ không mất đi; và khi nơi nung nấu ở trần gian bị hủy diệt tiêu tan thì lại được một chỗ ở vĩnh viễn trên trời”⁵⁹⁷.

1013. Sự chết là kết thúc cuộc lữ hành trần thế của con người, là kết thúc thời gian của ân sủng và của lòng thương xót mà Thiên Chúa ban cho con người để họ thực hiện cuộc đời trần thế của mình theo kế hoạch của Thiên Chúa và để họ quyết định số phận tối hậu của mình. “Sau khi kết thúc dòng đời duy nhất là cuộc đời trần thế của chúng ta”⁵⁹⁸, chúng ta sẽ không trở lại với những cuộc đời trần thế khác. “Phận con người là phải chết một lần, rồi sau đó chịu phán xét” (Dt 9,27). Không có việc “đầu thai” (“reincarnatio”) sau khi chết.

1014. Hội Thánh khuyên chúng ta hãy chuẩn bị cho giờ chết của chúng ta (“Lạy Chúa, xin cứu chúng con khỏi chết đột ngột và bất ngờ”: Kinh Cầu Các Thánh cũ), hãy khẩn xin Mẹ Thiên Chúa chuyển cầu cho chúng ta “trong giờ lâm tử” (kinh Kính Mừng) và hãy phó thác cho thánh Giuse là bổn mạng của ơn chết lành:

2676-2677

“Trong mọi hành động và suy nghĩ, con phải xử sự như con sắp chết tức thì. Nếu con có lương tâm tốt lành, con sẽ không quá sợ sự chết. Xa lánh tội lỗi thì tốt hơn là trốn tránh sự chết. Nếu hôm nay con không sẵn sàng, thì làm sao ngày mai con sẵn sàng được?”⁵⁹⁹

“Lạy Chúa, chúc tụng Chúa vì chị chết thể xác, không người nào sống mà có thể thoát được chị. Khốn cho những ai chết trong những tội trọng; phúc cho những ai, mà chị gặp, đang ở trong thánh ý Chúa, bởi vì cái chết thứ hai sẽ không làm gì hại cho họ”⁶⁰⁰.

TÓM LƯỢC

1015. “*Thân xác là then chốt của ơn cứu độ*”⁶⁰¹. Chúng ta tin vào Thiên Chúa, Đấng tạo dựng thân xác. Chúng ta tin vào Ngôi Lời đã trở nên xác phàm để cứu chuộc thân xác. Chúng ta tin “xác loài người ngày sau sống lại”, là tột đỉnh của công trình tạo dựng và cứu chuộc thân xác.

⁵⁹⁷ Kinh Tiền Tụng I cầu cho các tín hữu đã qua đời: Sách Lễ Rôma, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 439.

⁵⁹⁸ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 48: AAS 57 (1965) 54.

⁵⁹⁹ *De imitatione Christi*, 1, 23, 5-8: ed. T. Lupo (Città del Vaticano 1982) 70.

⁶⁰⁰ Thánh Phanxicô Assisi, *Canticum Fratris Solis: Opuscula sancti Patris Francisci Assisiensis*, ed. C. Esser (Grottaferrata 1978) 85-86.

⁶⁰¹ Tertullianô, *De resurrectione mortuorum*, 8, 2: CCL 2, 931 (PL 2, 852).

1016. Do sự chết, linh hồn bị tách biệt khỏi thân xác, nhưng khi phục sinh, Thiên Chúa sẽ trả lại sự sống bất hoại cho thân xác đã được biến đổi của chúng ta, Ngài lại kết hợp nó với linh hồn chúng ta. Cũng như Đức Kitô đã phục sinh và sống muôn đời, tất cả chúng ta sẽ sống lại trong ngày sau hết.

1017. “Chúng ta tin ... sự phục sinh thật của thân xác này, mà giờ đây chúng ta đang mang”⁶⁰². Tuy nhiên, được gieo xuống mồ là thân xác hư hoại, phục sinh là thân xác bất hoại⁶⁰³, “thân xác có thần khí” (1 Cr 15,44).

1018. Do hậu quả của tội tổ tông, con người phải chịu chết về phần xác, “mà lẽ ra con người đã thoát khỏi nếu đã không phạm tội”⁶⁰⁴.

1019. Chúa Giêsu, Con Thiên Chúa, đã tự nguyện chịu chết vì chúng ta trong sự suy phục thánh ý Thiên Chúa, Cha của Người, một cách trọn vẹn và tự nguyện. Bằng cái chết của Người, Người đã chiến thắng sự chết, và như vậy mở ra cho tất cả mọi người khả năng được cứu độ.

Mục 12

“Tôi tin hằng sống vậy”

Articulus 12

“Credo vitam aeternam”

1523-1525

1020. Kitô hữu nào kết hợp sự chết riêng của mình với sự chết của Chúa Giêsu, thì coi sự chết như việc đến với Chúa và đi vào sự sống muôn đời. Khi Hội Thánh, lần cuối cùng, đọc lời xá giải của Đức Kitô để tha thứ cho Kitô hữu hấp hối, xúc dầu ban sức mạnh và trao Chúa Kitô là của ăn đàng như lương thực cho cuộc hành trình, Hội Thánh dịu dàng trấn an người ấy:

“Hỡi linh hồn Kitô hữu, hãy ra đi khỏi trần gian này, nhân danh Chúa Cha toàn năng, Đấng đã tạo dựng nên con, nhân danh Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống, Đấng đã chịu khổ hình vì con, nhân danh Chúa Thánh Thần, Đấng đã được tôn đở trên con; hôm nay xin cho con được bình an đến chỗ của con và nơi lưu ngụ của con bên Thiên Chúa trong thành thánh Sion,

⁶⁰² CĐ Lyon II, *Professio fidei Michaelis Palaeologi imperatoris*: DS 854.

⁶⁰³ X. 1 Cr 15,42.

⁶⁰⁴ CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 18: AAS 58 (1966) 1038.

cùng với Đức thánh Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa, với thánh Giuse, với tất cả các Thiên thần và các Thánh của Thiên Chúa... Xin cho con được trở về cùng Đấng đã lấy bùn đất tạo dựng nên con. Khi con lia bỏ đời này, xin thánh Maria, các Thiên thần và toàn thể các Thánh đón tiếp con... Xin cho con được nhìn thấy mặt giáp mặt Đấng Cứu Chuộc con và con được chiêm ngưỡng Thiên Chúa đến muôn đời”⁶⁰⁵.

336, 2677

I. PHÁN XÉT RIÊNG IUDICIUM PARTICULARE

1021. Sự chết kết thúc đời sống con người, xét như quãng thời gian mở ngõ để đón nhận hay khước từ ân sủng của Thiên Chúa được biểu lộ trong Đức Kitô⁶⁰⁶. Tân Ước nói về sự phán xét chủ yếu trong viễn tượng một cuộc gặp gỡ sau cùng với Đức Kitô khi Người ngự đến lần thứ hai, nhưng cũng nhiều lần khẳng định sự thưởng phạt mỗi người ngay sau khi họ chết, tùy theo công việc và đức tin của họ. Dụ ngôn về người nghèo khó Lazarô⁶⁰⁷, và lời Đức Kitô trên thập giá nói với người trộm lành⁶⁰⁸, cũng như những bản văn khác trong Tân Ước⁶⁰⁹ nói đến số phận cuối cùng của linh hồn⁶¹⁰, một số phận có thể khác nhau giữa người này với người khác.

1038

679

1022. Mỗi người, ngay sau khi chết, lãnh nhận trong linh hồn bất tử của mình sự trả công muôn đời cho mình trong một cuộc phán xét riêng, cuộc phán xét đó quy chiếu đời sống họ với Đức Kitô để hoặc họ phải trải qua việc thanh luyện⁶¹¹, hoặc họ lập tức được vào hưởng vinh phúc trên trời⁶¹² hoặc họ lập tức bị luận phạt muôn đời⁶¹³.

393

⁶⁰⁵ *Ordo Unctionis infirmorum eorumque pastoralis curae, Ordo commendationis morientium*, 146-147, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1972) 60-61.

⁶⁰⁶ X. 2 Tm 1,9-10.

⁶⁰⁷ X. Lc 16,22.

⁶⁰⁸ X. Lc 23,43.

⁶⁰⁹ X. 2 Cr 5,8; Pl 1,23; Dt 9,27; 12,23.

⁶¹⁰ X. Mt 16,26.

⁶¹¹ X. CD Lyon II, *Professio fidei Michaelis Palaeologi imperatoris*: DS 856; CD Florentinô, *Decretum pro Graecis*: DS 1304; CD Tridentinô, Sess. 25a, *Decretum de purgatorio*: DS 1820.

⁶¹² X. CD Lyon II, *Professio fidei Michaelis Palaeologi imperatoris*: DS 857; ĐGH Gioan XXII, Tông sắc *Ne super his*: DS 991; ĐGH Bênêdictô XII, Hiến chế *Benedictus Deus*: DS 1000-1001; CD Florentinô, *Decretum pro Graecis*: DS 1305.

⁶¹³ X. CD Lyon II, *Professio fidei Michaelis Palaeologi imperatoris*: DS 858; ĐGH Bênêdictô XII, Hiến chế *Benedictus Deus*: DS 1002; CD Florentinô, *Decretum pro Graecis*: DS 1306.

1470

“Vào lúc đời xế bóng, bạn sẽ bị xét xử về tình yêu”⁶¹⁴.

II. THIÊN ĐÀNG

CAELUM

954 **1023.** Những ai chết trong ân sủng và tình bằng hữu của Thiên Chúa, và những ai đã được thanh luyện trọn vẹn, thì được sống muôn đời với Đức Kitô. Muôn đời họ sẽ giống như Thiên Chúa, bởi vì họ thấy Ngài “như Ngài là” (1 Ga 3,2), “mặt giáp mặt” (1 Cr 13,12)⁶¹⁵:

“Bằng thẩm quyền tông đồ, chúng tôi định tín rằng: Theo sự an bài chung của Thiên Chúa, từ sau cuộc Thăng thiên của Đấng Cứu Độ chúng ta là Chúa Giêsu Kitô, linh hồn của tất cả các Thánh ... và của mọi Kitô hữu đã chết sau khi lãnh nhận Phép Rửa thánh thiêng của Đức Kitô, nếu họ không có gì phải thanh luyện, sau khi họ chết, ... hoặc nếu lúc đó nơi họ đã hoặc sẽ có gì phải thanh luyện, mà đã thanh luyện xong sau khi chết ... thì ngay cả trước khi họ đảm nhận lại thân xác của mình và trước cuộc phán xét chung, các linh hồn này đã, đang và sẽ được ở trên trời, trên Nước Trời và trên Thiên Đàng cùng với Đức Kitô, được nhập đoàn các thánh Thiên thần, và sau cuộc khổ nạn và cái chết của Chúa Giêsu Kitô, các linh hồn này đã và đang được xem thấy bản tính thần linh bằng sự hưởng kiến trực tiếp và giáp mặt, không qua trung gian một thụ tạo nào”⁶¹⁶.

260, 326
2734, 1718

1024. Đời sống trọn hảo này với Ba Ngôi Chí Thánh, việc hiệp thông sự sống với Ngài, với Đức Trinh Nữ Maria, với các Thiên thần và tất cả các Thánh, được gọi là “thiên đàng”. Thiên đàng là mục đích tối hậu và là sự hoàn thành các nguyện vọng sâu xa nhất của con người, là tình trạng vinh phúc tuyệt hảo và vĩnh viễn.

1011

1025. Sống trên thiên đàng là “ở với Đức Kitô”⁶¹⁷. Những người được tuyển chọn sống “trong Người”, nhưng ở đó họ vẫn giữ, thậm chí họ tìm được, căn tính riêng của mình, danh xưng riêng của mình⁶¹⁸.

“Quả vậy, sự sống là được ở với Đức Kitô, bởi vì ở đâu có Đức Kitô, ở đó là Nước Trời”⁶¹⁹.

⁶¹⁴ Thánh Gioan Thánh Giá, *Avisos y sentencias*, 57: Biblioteca Mística Carmelitana, v. 13 (Burgos 1931) 238.

⁶¹⁵ X. Kh 22,4.

⁶¹⁶ ĐGH Bênêdictô XII, Hiến chế *Benedictus Deus*: DS 1000; x. CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 49: AAS 57 (1965) 54.

⁶¹⁷ X. Ga 14,3; Pl 1,23; 1 Tx 4,17.

⁶¹⁸ X. Kh 2,17.

⁶¹⁹ Thánh Ambrôsiô, *Expositio evangelii secundum Lucam*, 10, 121: CCL 14, 379 (PL 15, 1927).

1026. Chúa Giêsu Kitô, nhờ sự chết và sự sống lại của Người, đã “mở cửa” thiên đàng cho chúng ta. Sự sống của các Thánh cốt tại việc sở hữu sung mãn các hoa trái của ơn Cứu Chuộc mà Đức Kitô đã hoàn thành, Người là Đấng kết hợp vào vinh quang thiên quốc của Người những ai đã tin vào Người và đã trung thành với thánh ý Người. Thiên Đàng là cộng đồng vinh phúc của tất cả những người đã được tháp nhập trọn vẹn vào Đức Kitô. 793

1027. Mẫu nhiệm hiệp thông vinh phúc với Thiên Chúa và với tất cả những người ở trong Đức Kitô, vượt quá mọi hiểu biết và mọi trình bày. Thánh Kinh nói với chúng ta về mẫu nhiệm này bằng các hình ảnh: sự sống, ánh sáng, sự bình an, tiệc cưới, rượu Nước Trời, nhà Cha, thành Giêrusalem thiên quốc, thiên đàng: “Điều mắt chẳng hề thấy, tai chẳng hề nghe, lòng người không hề nghĩ tới, đó lại là điều Thiên Chúa đã dọn sẵn cho những ai mến yêu Ngài” (1 Cr 2,9). 959, 1720

1028. Thiên Chúa, vì sự siêu việt của Ngài, không ai có thể trông thấy Ngài như Ngài là, nếu chính Ngài không mở mẫu nhiệm của Ngài cho con người chiêm ngưỡng trực tiếp, và nếu chính Ngài không ban cho con người khả năng đó. Việc chiêm ngưỡng Thiên Chúa như vậy trong vinh quang thiên quốc của Ngài, được Hội Thánh gọi là “sự hưởng kiến vinh phúc” (*visio beatifica*): 1722

“Bạn sẽ vinh quang và hạnh phúc biết bao vì được phép nhìn thấy Chúa, được hân hạnh hưởng niềm vui cứu độ và ánh sáng vĩnh cửu cùng với Chúa Kitô, Thiên Chúa của bạn, ... bạn sẽ hưởng niềm vui của sự bất tử cùng với những người công chính và các bạn hữu của Thiên Chúa trong Nước Trời”⁶²⁰.

1029. Trong vinh quang trên trời, các Thánh vẫn tiếp tục thi hành thánh ý của Thiên Chúa một cách hân hoan đối với những người khác và đối với toàn thể các thụ tạo. Các ngài đã hiển trị cùng với Đức Kitô; cùng với Người, các ngài “sẽ hiển trị đến muôn thuở muôn đời” (Kh 22,5)⁶²¹. 956
668

III. SỰ THANH LUYỆN CUỐI CÙNG HOẶC LUYỆN NGỤC FINALIS PURIFICATIO SEU PURGATORIUM

1030. Những người chết trong ân sủng và tình thân nghĩa của Thiên Chúa, nhưng chưa được thanh luyện hoàn toàn, thì tuy họ chắc chắn sẽ được cứu độ muôn đời, họ còn phải chịu thanh luyện sau khi chết, để đạt được sự thánh thiện cần thiết hầu tiến vào hưởng niềm vui thiên đàng.

⁶²⁰ Thánh Cyprianô, *Epistula* 58, 10: CSEL 3/2, 665 (56, 10: PL 4, 367-368).

⁶²¹ X. Mt 25,21.23.

954, 1472 **1031.** Hội Thánh gọi sự thanh luyện cuối cùng này của những người được chọn là *Luyện ngục*, sự thanh luyện này khác hẳn với hình phạt của những kẻ bị luận phạt. Hội Thánh công bố đạo lý đức tin liên quan đến luyện ngục, chủ yếu trong các Công đồng Florentinô⁶²² và Tridentinô⁶²³. Truyền thống của Hội Thánh, dựa trên một số bản văn của Thánh Kinh⁶²⁴, nói đến lửa thanh luyện:

“Đối với một số tội nhẹ, phải tin là trước phán xét chung có lửa thanh luyện, theo điều Đấng là Chân lý đã nói rằng nếu ai nói phạm đến Chúa Thánh Thần, người đó sẽ chẳng được tha cả đời này lẫn đời sau (Mt 12,32). Trong lời đó, chúng ta có thể hiểu là một số tội có thể được tha ở đời này, còn một số tội có thể được tha ở đời sau”⁶²⁵.

958 **1032.** Đạo lý này cũng dựa trên tập quán cầu nguyện cho những người quá cố, điều này đã được Thánh Kinh nói đến: “Bởi đó ông Giuđa Maccabêô đã dâng hy lễ đền tội cho những người quá cố, để họ được giải thoát khỏi tội lỗi” (2 Mcb 12,46). Ngay những thời
1371 đầu, Hội Thánh vẫn kính nhớ người quá cố và dâng lời cầu nguyện cho họ, nhất là dâng Hy lễ Thánh Thể⁶²⁶, để một khi đã được
1479 thanh luyện họ có thể được vinh phúc hưởng kiến Thiên Chúa. Hội Thánh cũng khuyên làm việc bố thí, hưởng các ân xá và làm các việc đền tạ để cầu cho những người đã qua đời:

“Vậy chúng ta hãy giúp đỡ họ và hãy nhớ đến họ. Nếu hy lễ của ông Job đã đền được tội cho các con ông⁶²⁷: tại sao bạn lại hồ nghi, là liệu những lễ tế chúng ta dâng lên để cầu cho người quá cố có đem đến cho họ một an ủi nào không? ... Chúng ta đừng ngần ngại giúp đỡ những người đã qua đời, và dâng lời cầu nguyện cho họ”⁶²⁸.

IV. HỎA NGỤC INFERNUS

1033. Chúng ta không thể được kết hợp với Thiên Chúa, nếu chúng ta không tự nguyện yêu mến Ngài. Nhưng chúng ta không thể yêu mến Ngài, nếu chúng ta phạm tội trọng chống lại Ngài, chống lại người lân cận của chúng ta hoặc chống lại chính chúng ta: “Kẻ

⁶²² X. CD Florentinô, *Decretum pro Graecis*: DS 1304.

⁶²³ X. CD Tridentinô, Sess. 25a, *Decretum de purgatorio*: DS 1820; Sess. 6a, *Decretum de iustificatione*, canon 30: DS 1580.

⁶²⁴ Thí dụ: 1 Cr 3,15; 1 Pr 1,7.

⁶²⁵ Thánh Grêgôriô Cả, *Dialogi*, 4, 41, 3: SC 265, 148 (4, 39; PL 77, 396).

⁶²⁶ CD Lyon II, *Professio fidei Michaelis Palaeologi imperatoris*: DS 856.

⁶²⁷ X. G 1,5.

⁶²⁸ Thánh Gioan Kim Khẩu, *In epistulam I ad Corinthios homilia* 41, 5: PG 61, 361.

không yêu thương thì ở lại trong sự chết. Phàm ai ghét anh em mình, ấy là kẻ sát nhân, và anh em biết: không kẻ sát nhân nào có sự sống đời đời ở lại trong nó” (1 Ga 3,15). Chúa chúng ta cảnh cáo rằng chúng ta sẽ bị tách biệt khỏi Người, nếu chúng ta bỏ qua không đáp ứng những nhu cầu khẩn thiết của người nghèo và những người bé mọn, là các anh em của Người⁶²⁹. Chết trong tội trọng mà chúng ta không thống hối và không đón nhận tình yêu thương xót của Thiên Chúa, có nghĩa là chúng ta bị tách biệt khỏi Ngài đến muôn đời, vì sự chọn lựa tự do riêng của chúng ta. Tình trạng chính mình tự loại trừ mình cách vĩnh viễn như vậy (“*auto-exclusio*”) khỏi sự hiệp thông với Thiên Chúa và với các Thánh, được gọi bằng từ “hoả ngục”. 1861 393 633

1034. Chúa Giêsu thường nói về lửa không hề tắt của “hoả ngục”⁶³⁰, dành cho những ai cho đến chết vẫn không tin và không chịu hối cải, ở đó cả linh hồn và thân xác có thể bị hư mất⁶³¹. Chúa Giêsu dùng những lời nghiêm khắc loan báo: “Con Người sẽ sai các Thiên thần của Người tập trung... mọi kẻ làm điều gian ác, mà tống ra khỏi Nước của Người, rồi quăng chúng vào lò lửa” (Mt 13,41-42), và chính Người sẽ công bố lời kết án: “Quân bị nguyên rủa kia, đi đi cho khuất mắt Ta mà vào lửa đời đời!” (Mt 25,41).

1035. Đạo lý của Hội Thánh khẳng định có hỏa ngục và tính vĩnh cửu của hỏa ngục. Linh hồn của những kẻ chết trong tình trạng tội lỗi, ngay sau khi chết, sẽ xuống chịu hình phạt hỏa ngục, chịu “lửa muôn đời”⁶³². Hình phạt chủ yếu của hỏa ngục cốt tại việc muôn đời bị tách biệt khỏi Thiên Chúa, Đấng mà chỉ nơi Ngài con người mới có thể có sự sống và sự vinh phúc, là những mục đích của việc con người được tạo dựng, và là những điều con người hằng khát vọng. 393

1036. Những khẳng định của Thánh Kinh và đạo lý của Hội Thánh về hỏa ngục là *lời kêu gọi lãnh trách nhiệm* qua đó con người phải sử dụng sự tự do của mình liên quan đến số phận muôn đời của mình. Đồng thời là *lời kêu gọi khẩn thiết phải hối cải*: “Hãy qua cửa hẹp mà vào, vì cửa rộng và đường thênh thang thì đưa đến 1734 1428

⁶²⁹ X. Mt 25,31-46.

⁶³⁰ X. Mt 5,22.29; 13,42.50; Mc 9,43-48.

⁶³¹ X. Mt 10,28.

⁶³² X. *Symbolum Quicumque*: DS 76; *Synodus Constantinopolitana* (năm 543), *Anathematismi contra Origenem*, 7: DS 409; *Ibid.*, 9: DS 411; CĐ Latêranô IV, Cap.1, *De fide catholica*: DS 801; CĐ Lyon II, *Professio fidei Michaelis Palaeologi imperatoris*: DS 858; ĐGH Bênêdictô XII, Hiến chế *Benedictus Deus*: DS 1002; CĐ Florentinô, *Decretum pro Iacobitis*: DS 1351; CĐ Tridentinô, Sess. 6a, *Decretum de iustificatione*, canon 25: DS 1575; ĐGH Phaolô VI, *Sollemnis Professio fidei*, 12: AAS 60 (1968) 438.

diệt vong, mà nhiều người lại đi qua đó; còn cửa hẹp và đường chật thì đưa đến sự sống, nhưng ít người tìm được lối ấy” (Mt 7,13-14):

“Vì chúng ta không biết ngày và giờ, nên theo lời Chúa dạy, chúng ta luôn phải tỉnh thức, để, khi dòng đời độc nhất của sự sống trần thế của chúng ta chấm dứt, chúng ta xứng đáng vào dự tiệc cưới với Người và được liệt kê vào số người được chúc phúc (x. Mt 25,31-46), kẻ cũng như những tội tớ xấu xa và lười biếng (x. Mt 25,26) chúng ta được lệnh phải vào lửa muôn đời (x. Mt 25,41), vào chốn tối tăm bên ngoài, nơi khóc lóc và nghiến răng”⁶³³.

162
1014, 1821

1037. Thiên Chúa không tiền định cho ai xuống hỏa ngục⁶³⁴; điều này đòi sự tự ý thù ghét Thiên Chúa (tội trọng) và cố chấp trong tình trạng đó đến cùng. Hội Thánh, trong phụng vụ Thánh Thể và trong kinh nguyện hằng ngày của các tín hữu, khẩn cầu lòng thương xót của Thiên Chúa, Đấng không muốn “cho ai phải diệt vong, nhưng muốn cho mọi người đi tới chỗ ăn năn hối cải” (2 Pr 3,9):

“Vì vậy, lạy Chúa, xin vui lòng chấp nhận lễ vật của chúng con là tội tớ Chúa, và của toàn thể gia đình Chúa... Xin an bài cho đời chúng con được sống trong bình an của Chúa, cứu chúng con thoát khỏi án phạt đời đời và nhận chúng con vào đoàn những người Chúa chọn”⁶³⁵.

678-679

V. PHÁN XÉT CUỐI CÙNG ULTIMUM IUDICIUM

998, 1001

1038. Việc phục sinh của tất cả mọi người đã chết, “người lành và kẻ dữ” (Cv 24,15), đi trước cuộc Phán Xét cuối cùng. Đó sẽ là “giờ mọi kẻ ở trong mồ sẽ nghe tiếng ... Con Người và sẽ ra khỏi đó: ai đã làm điều lành, thì sẽ sống lại để được sống; ai đã làm điều dữ, thì sẽ sống lại để bị kết án” (Ga 5,28-29). Lúc đó Đức Kitô sẽ đến “trong vinh quang của Người, có tất cả các thiên sứ theo hầu... Các dân thiên hạ sẽ được tập hợp trước mặt Người; và Người sẽ tách biệt họ với nhau, như mục tử tách biệt chiên với dê, Người sẽ cho chiên đứng bên phải Người, còn dê ở bên trái... Thế là họ ra đi để chịu cực hình muôn kiếp, còn những người công chính ra đi để hưởng sự sống muôn đời” (Mt 25,31.32.46).

⁶³³ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 48: AAS 57 (1965) 54.

⁶³⁴ X. CĐ Arausicanô II, *Conclusio*: DS 397; CĐ Tridentinô, Sess. 6a, *Decretum de iustificatione*, canon 17: DS 1567.

⁶³⁵ *Kinh Nguyện Thánh Thể I, hoặc Lễ Quy Rôma*, 88: *Sách Lễ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 450.

1039. Đối diện với Đức Kitô, Đấng là Chân lý, chân lý về mối tương quan của từng người với Thiên Chúa sẽ được biểu lộ một cách vĩnh viễn⁶³⁶. Việc Phán Xét cuối cùng sẽ mạc khải, đến tận những hậu quả cuối cùng của nó, điều thiện hảo mà mỗi người đã làm, hoặc đã bỏ không làm, trong suốt đời sống trần thế của họ: 678

“Bất cứ điều gì những kẻ dữ làm, đều bị ghi lại, mà họ không biết, khi ‘Thiên Chúa ta ngự đến, Ngài không nín lặng’ (Tv 50,3)... Rồi Ngài quay sang những kẻ ở bên trái và nói: Ta đã đặt những người nghèo khó bé mọn của Ta trên trần thế cho các ngươi. Ta như là Đầu, Ta đang ngự bên hữu Chúa Cha trên trời, nhưng các chi thể của Ta nơi trần thế phải đau khổ, túng thiếu. Nếu các ngươi cho các chi thể của Ta bất cứ cái gì, thì cái đó đã lên tới Đầu. Các ngươi phải biết rằng, Ta đã đặt những người nghèo khó bé mọn của Ta cho các ngươi khi còn ở trần thế, Ta đặt họ làm những người phục vụ các ngươi để đem các việc làm của các ngươi vào kho tàng của Ta. Và các ngươi đã chẳng đặt gì vào tay họ, vì vậy các ngươi chẳng gặp được gì ở nơi Ta”⁶³⁷.

1040. Cuộc Phán Xét cuối cùng sẽ diễn ra khi Đức Kitô trở lại một cách vinh quang. Chỉ có Chúa Cha mới biết ngày giờ; chỉ một mình Ngài quyết định việc Ngự đến của Đức Kitô. Lúc đó, qua Con của Ngài là Chúa Giêsu Kitô, Chúa Cha sẽ công bố phán quyết chung thẩm của Ngài về toàn thể lịch sử. Chúng ta sẽ nhận biết ý nghĩa tối hậu của toàn bộ công trình tạo dựng và của toàn bộ Nhiệm vụ cứu độ và chúng ta sẽ hiểu những đường lối kỳ diệu qua đó sự quan phòng của Thiên Chúa đã dẫn đưa mọi sự đến mục đích tối hậu của chúng. Cuộc Phán Xét cuối cùng sẽ mạc khải đức công chính của 314 Thiên Chúa chiến thắng mọi sự bất chính mà các thụ tạo của Ngài đã lỗi phạm, và tình yêu của Ngài mạnh hơn sự chết⁶³⁸.

1041. Sứ điệp của việc Phán Xét cuối cùng là kêu gọi hối cải, trong khi Thiên Chúa còn cho người ta “thời gian thuận tiện” và “ngày cứu độ” (2 Cr 6,2). Sứ điệp này gọi lên sự kính sợ thánh thiện đối với Thiên Chúa. Nó thúc đẩy người ta đến sự công chính của Nước Trời. Sứ điệp này loan báo “ngày hồng phúc vẫn hằng mong đợi” (Tt 2,13), tức là ngày trở lại của Chúa, Đấng sẽ đến “để được tôn vinh giữa các thần thánh của Người và được ngưỡng mộ giữa mọi kẻ đã tin” (2 Tx 1,10). 1432 2854

⁶³⁶ X. Ga 12,48.

⁶³⁷ Thánh Augustinô, *Sermo* 18, 4, 4: CCL 41, 247-249 (PL 38, 130-131).

⁶³⁸ X. Dc 8,6.

VI. HY VỌNG TRỜI MỚI ĐẤT MỚI

CAELORUM NOVORUM ET TERRAE NOVAE SPES

769 **1042.** Lúc cùng tận thời gian, Nước Thiên Chúa sẽ đạt tới sự viên
mãn của mình. Sau cuộc Phán Xét chung, những người công chính,
670 được tôn vinh cả xác cả hồn, sẽ hiển trị muôn đời với Đức Kitô, và
chính toàn thể trần gian sẽ được đổi mới:

Lúc đó Hội Thánh “sẽ được hoàn tất trong vinh quang thiên
quốc, khi ... cùng với nhân loại, cả toàn thể trần gian, được kết
310 hợp mật thiết với con người và nhờ con người mà đạt tới mục
đích của mình, cũng được canh tân trọn vẹn trong Đức Kitô”⁶³⁹

1043. Thánh Kinh gọi sự canh tân huyền diệu này, nó sẽ biến đổi
671 nhân loại và trần gian, là “trời mới đất mới” (2 Pr 3,13)⁶⁴⁰. Đó sẽ
280 là sự hoàn thành chung cuộc kế hoạch của Thiên Chúa: “Quy tụ
518 muôn loài trong trời đất... trong Đức Kitô” (Ep 1,10).

1044. Trong trần gian mới⁶⁴¹, trong thành Giêrusalem thiên quốc,
Thiên Chúa sẽ có nơi cư ngụ của Ngài giữa con người. “Ngài sẽ lau
sạch nước mắt họ, sẽ không còn sự chết; cũng chẳng còn tang tóc,
kêu than và đau khổ nữa, vì những điều cũ đã biến mất”
(Kh 21,4)⁶⁴².

1045. *Đối với con người*, sự hoàn tất này sẽ là sự thực hiện vĩnh
775 viễn việc hợp nhất nhân loại mà Thiên Chúa đã muốn từ tạo thiên
lập địa, và Hội Thánh lữ hành đã “như là bí tích” của sự hợp nhất
ấy⁶⁴³. Những ai được kết hợp với Đức Kitô sẽ làm thành cộng đoàn
những người được cứu chuộc, “Thành thánh” của Thiên Chúa
1404 (Kh 21,2), “Hiền thê của Con Chiên” (Kh 21,9). Cộng đoàn này sẽ
không còn bị tổn thương bởi tội lỗi, bởi các điều ô uế⁶⁴⁴, bởi tính
ích kỷ từng hủy diệt hoặc làm tổn thương cộng đồng nhân loại nơi
trần thế. Sự hưởng kiến vinh phúc (*visio beatifica*) trong đó Thiên
Chúa tỏ mình ra cách vô tận cho những người được chọn, sẽ là
nguồn mạch vĩnh cửu của vinh phúc, của bình an và của sự hiệp
thông với nhau.

1046. *Đối với vũ trụ*, Mạc Khải khẳng định rằng nhân loại và vũ
trụ vật chất có chung một vận mệnh sâu xa:

349 “Muôn loài thụ tạo những ngong ngóng đợi chờ ngày Thiên Chúa
mạc Khải vinh quang của con cái Ngài... Vẫn còn niềm trông cậy

⁶³⁹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 48: AAS 57 (1965) 53.

⁶⁴⁰ X. Kh 21,1.

⁶⁴¹ X. Kh 21,5.

⁶⁴² X. Kh 21,27.

⁶⁴³ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 1: AAS 57 (1965) 5.

⁶⁴⁴ X. Kh 21,27.

là có ngày cũng sẽ được giải thoát, không phải lệ thuộc vào cảnh hư nát... Thật vậy, chúng ta biết rằng: cho đến bây giờ, muôn loài thụ tạo cùng rên siết và quằn quại như sắp sinh nở. Không phải muôn loài mà thôi, cả chúng ta cũng rên siết trong lòng ... khi trông đợi sự cứu chuộc thân xác chúng ta” (Rm 8,19-23).

1047. Vì vậy, vũ trụ hữu hình được tiền định để chính nó được biến đổi: “Chính nó phải được phục hồi như tình trạng ban đầu, không có trở ngại nào, mà phục vụ những người công chính”⁶⁴⁵, trong khi tham dự vào sự tôn vinh họ trong Chúa Giêsu Kitô phục sinh.

1048. “*Chúng ta không biết được thời gian hoàn tất của trái đất và nhân loại, chúng ta cũng chẳng biết cách thức vũ trụ sẽ biến đổi ra sao. Quả thật bộ mặt biến dạng vì tội lỗi của trần gian này sẽ qua đi, nhưng chúng ta được dạy rằng Thiên Chúa đã chuẩn bị một nơi lưu ngụ mới và một trần thế mới, trong đó sự công chính lưu ngụ, và vinh phúc của nó sẽ thỏa mãn và vượt quá mọi khát vọng về bình an, vốn đã trào lên trong trái tim con người*”⁶⁴⁶. 673

1049. “Tuy nhiên, sự trông đợi đất mới không được làm suy giảm, trái lại phải khích động hơn sự quan tâm phát triển trái đất này, nơi mà thân thể gia đình nhân loại mới đang tăng trưởng và đã có khả năng đưa ra một nét phác họa nào đó của thời đại mới. Vì vậy, tuy phải phân biệt rõ rệt sự tiến bộ trần thế với sự tăng trưởng Nước Đức Kitô, nhưng tiến bộ này trở thành rất quan trọng đối với Nước Thiên Chúa tùy theo mức độ nó có thể góp phần vào việc tổ chức xã hội nhân loại một cách tốt đẹp hơn”⁶⁴⁷. 2820

1050. “Thật vậy, sau khi chúng ta đã theo lệnh Chúa, và trong Thần Khí của Người, truyền bá khắp cõi đất những sự tốt lành của phẩm giá nhân loại, của sự hiệp thông huynh đệ và của sự tự do, nghĩa là tất cả những hoa trái tốt đẹp của bản tính và sự nghiệp của chúng ta, thì sau đó chúng ta sẽ gặp lại chúng, nhưng trong tình trạng đã được thanh luyện khỏi mọi tì ố, được chiếu sáng và được biến hình, khi Đức Kitô trao lại cho Chúa Cha Nước vĩnh cửu và phổ quát”⁶⁴⁸. Lúc đó, *trong đời sống vĩnh cửu*, Thiên Chúa “có toàn quyền trên muôn loài” (1 Cr 15,28): 1709

“Sự sống thật và theo bản chất cốt tủy tại điều này: Thiên Chúa Cha, nhờ Chúa Con và trong Chúa Thánh Thần, đổ tràn các hồng ân thiên quốc trên tất cả không trừ ai. Nhờ lòng thương 260

⁶⁴⁵ Thánh Irênê, *Adversus haereses*, 5, 32, 1: SC 153, 398 (PG 7, 1210).

⁶⁴⁶ CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 39: AAS 58 (1966) 1056-1057.

⁶⁴⁷ CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 39: AAS 58 (1966) 1057.

⁶⁴⁸ CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 39: AAS 58 (1966) 1057; x. Id., Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 2: AAS 57 (1965) 5-6.

xót của Ngài, cả chúng ta là những con người, chúng ta cũng đã lãnh nhận lời hứa vĩnh viễn là được sống muôn đời⁶⁴⁹.

TÓM LƯỢC

1051. Ngay sau khi qua đời, mỗi người trong linh hồn bất tử của mình, trong cuộc phán xét riêng, nhận lấy sự thưởng phạt muôn đời của mình từ nơi Đức Kitô, Đáng phán xét kẻ sống và kẻ chết.

1052. “Chúng tôi tin là linh hồn của tất cả những ai đã chết trong ơn nghĩa của Đức Kitô... đều là thành phần dân Thiên Chúa sau khi chết, cái chết sẽ hoàn toàn bị tiêu diệt trong ngày phục sinh, ngày mà những linh hồn này được kết hợp với thân xác của mình⁶⁵⁰.”

1053. “Chúng tôi tin rằng đoàn ngũ đông đảo các linh hồn, được quy tụ với Chúa Giêsu và Đức Maria trên thiên đàng, hợp thành Hội Thánh thiên quốc, nơi các vị, khi hưởng vinh phúc vĩnh cửu, được thấy Thiên Chúa như Ngài là, và theo cấp độ và cách thức khác nhau, các vị cũng được dự phần với các Thánh Thiên thần vào quyền cai quản thân linh mà Đức Kitô vinh hiển đang thực thi, khi các vị chuyển cầu cho chúng ta và bằng sự quan tâm tâm huynh đệ, các vị giúp đỡ rất nhiều cho sự yếu hèn của chúng ta⁶⁵¹.”

1054. Những người chết trong ân sủng và tình thân nghĩa của Thiên Chúa, nhưng chưa được thanh luyện hoàn toàn, thì tuy họ chắc chắn sẽ được cứu độ muôn đời, họ còn phải chịu thanh luyện sau khi chết, để đạt được sự thánh thiện cần thiết hầu tiến vào hưởng niềm vui của Thiên Chúa.

1055. Do mâu nhiệm “các Thánh thông công”, Hội Thánh trao phó những người quá cố cho lòng thương xót của Thiên Chúa và dâng những lời cầu khẩn, nhất là dâng Hy lễ Thánh Thể cầu cho họ.

1056. Hội Thánh, theo gương Đức Kitô, luôn khuyến cáo các tín hữu về một thực tại đáng buồn và bi thảm là sự chết muôn đời⁶⁵², còn được gọi là “hỏa ngục”.

1057. Hình phạt chủ yếu của hỏa ngục cốt tại việc muôn đời bị tách biệt khỏi Thiên Chúa, Đáng mà chỉ nơi Ngài con người mới có

⁶⁴⁹ Thánh Cyrillô Giêrusalem, *Catecheses illuminandorum*, 18, 29: *Opera*, v. 2, ed. J. Rupp (Monaci 1870) 332 (PG 33, 1049).

⁶⁵⁰ ĐGH Phaolô VI, *Sollemnis Professio fidei*, 28: AAS 60 (1968) 444.

⁶⁵¹ ĐGH Phaolô VI, *Sollemnis Professio fidei*, 29: AAS 60 (1968) 444.

⁶⁵² X. Sacra Congregatio pro Clericis, *Directorium catechisticum generale*, 69: AAS 64 (1972) 141.

thể có sự sống và sự vinh phúc, là những mục đích của việc con người được tạo dựng, và là những điều con người hằng khát vọng.

1058. Hội Thánh cầu nguyện để không ai bị hư mất: “Lạy Chúa, ... xin ... đừng để con lìa xa Chúa bao giờ”⁶⁵³. Nếu thật sự là không ai có thể tự cứu được mình, thì cũng thật sự là, Thiên Chúa muốn “cho mọi người được cứu độ” (1 Tm 2,4) và đối với Thiên Chúa, “mọi sự đều có thể được” (Mt 19,26).

1059. “Hội Thánh Rôma tin và tuyên xưng cách chắc chắn rằng, ... vào ngày Phán xét chung, tất cả mọi người cùng với thân xác của mình, sẽ trình diện trước tòa án của Đức Kitô để trả lẽ về các hành vi của mình”⁶⁵⁴.

1060. Nước Thiên Chúa, lúc cùng tận thời gian, sẽ đạt tới sự viên mãn của mình. Lúc đó, những người công chính sẽ hiển trị muôn đời với Đức Kitô, bằng cả thân xác và linh hồn đã được tôn vinh, và chính toàn thể vũ trụ vật chất cũng sẽ được biến đổi. Lúc đó, trong cuộc sống vĩnh cửu, Thiên Chúa “có toàn quyền trên muôn loài” (1 Cr 15,28).

“AMEN”

1061. Tín biểu, cũng như quyền cuối cùng của Thánh Kinh⁶⁵⁵, kết thúc bằng một từ Do thái: *Amen*. Chúng ta thường gặp chính từ này ở cuối các kinh nguyện của Tân Ước. Cũng vậy, Hội Thánh cũng chấm dứt các kinh nguyện của mình bằng *Amen*. 2856

1062. Trong tiếng Do thái, từ *Amen* có cùng ngữ căn với từ “tin”. Ngữ căn này diễn tả sự vững bền, sự đáng tin, sự trung tín. Như vậy, chúng ta hiểu tại sao từ “Amen” có thể được dùng để nói về sự trung tín của Thiên Chúa đối với chúng ta, và về lòng tin cậy của chúng ta vào Ngài. 214

1063. Trong sách tiên tri Isaia, chúng ta thấy có kiểu nói “Thiên Chúa chân thật”, sát chữ là “Thiên Chúa Amen”, nghĩa là, Thiên Chúa trung tín với các lời Ngài đã hứa: “Trong xứ, ai cầu phúc cho mình, sẽ nhân danh Thiên Chúa chân thật mà cầu phúc” (Is 65,16). Chúa chúng ta thường dùng từ “Amen”⁶⁵⁶, đôi khi với 215

⁶⁵³ Lời nguyện trước Hiệp Lễ, 132: *Sách Lễ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 474.

⁶⁵⁴ CĐ Lyon II, *Professio fidei Michaelis Palaeologi imperatoris*: DS 859; CĐ Tridentinô, Sess. 6a, *Decretum de iustificatione*, c. 16: DS 1549.

⁶⁵⁵ X. Kh 22,21.

⁶⁵⁶ X. Mt 6,2.5.16.

156 hình thức lặp lại⁶⁵⁷, để nhấn mạnh sự đáng tin của giáo huấn của Người, và quyền bính của Người dựa trên chân lý của Thiên Chúa.

197, 2101 **1064.** Vì vậy, từ “Amen” ở cuối Tín biểu lặp lại và xác nhận thuật ngữ đầu tiên của Tín biểu: “Tôi tin”. Tin là thừa “Amen” đối với các lời, các lời hứa và các điều răn của Thiên Chúa, và là phó thác bản thân một cách tuyệt đối cho Đáng là “Amen” của tình yêu vô tận và của sự trung tín trọn vẹn. Vậy đời sống Kitô hữu mỗi ngày sẽ là “Amen” cho lời “Tôi tin” trong bản Tuyên xưng đức tin khi chúng ta lãnh nhận Phép Rửa:

“Tín biểu của bạn phải là như gương soi cho bạn. Hãy ngắm nhìn bạn trong đó, để xem bạn có tin tất cả những gì bạn tuyên xưng là bạn tin hay không, và hằng ngày hãy vui mừng trong đức tin của bạn”⁶⁵⁸.

1065. Chính Chúa Giêsu Kitô là “Amen” (Kh 3,14). Chính Người là “Amen” vĩnh viễn của tình yêu của Chúa Cha đối với chúng ta. Chính Người đảm nhận và thực hiện “Amen” của chúng ta dâng lên Chúa Cha: “Quả thật, mọi lời hứa của Thiên Chúa đều là ‘Có’ nơi Người. Vì thế, cũng nhờ Người mà chúng ta hô lên ‘Amen’ để tôn vinh Thiên Chúa” (2 Cr 1,20):

“Chính nhờ Người, với Người, và trong Người,
mà mọi danh dự và vinh quang
đều quy về Chúa là Cha toàn năng
trong sự hợp nhất của Chúa Thánh Thần đến muôn đời.

AMEN”⁶⁵⁹.

⁶⁵⁷ X. Ga 5,19.

⁶⁵⁸ Thánh Augustinô, *Sermo* 58, 11, 13: PL 38, 399.

⁶⁵⁹ *Vinh tụng ca kết thúc Kinh Nguyện Thánh Thể: Sách Lễ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 455, 460, 464, et 471.

PHẦN THỨ HAI
CỬ HÀNH
MẦU NHIỆM KITÔ GIÁO

PARS SECUNDA
MYSTERII CHRISTIANI CELEBRATIO

Tại sao có phụng vụ ?

1066. Trong Tín biểu, Hội Thánh tuyên xưng mầu nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi và “thiên ý nhiệm mầu là kế hoạch yêu thương” (Ep 1,9) của Ngài đối với tất cả các thụ tạo: Chúa Cha hoàn tất “thiên ý nhiệm mầu” của Ngài khi ban Con yêu dấu và Thánh Thần Ngài để cứu độ trần gian và để tôn vinh Danh Ngài. Đó là mầu nhiệm của Đức Kitô¹ được mạc khải và thực hiện trong lịch sử, theo một kế hoạch, một “sự an bài” được tổ chức cách khôn ngoan mà thánh Phaolô gọi là “mầu nhiệm Thiên Chúa đã an bài” (Ep 3,9) và truyền thống giáo phụ gọi là “Nhiệm cục của Ngôi Lời Nhập Thể” hay “Nhiệm cục cứu độ”. 50 236

1067. “Công trình cứu chuộc nhân loại và tôn vinh Thiên Chúa cách trọn hảo này, đã được tiên báo trong Cựu Ước qua những công trình vĩ đại của Chúa, nay được Đức Kitô thực hiện, đặc biệt bằng mầu nhiệm Vượt Qua, nghĩa là bằng cuộc tử nạn hồng phúc, sự sống lại từ cõi chết và lên trời vinh hiển của Người; qua đó, ‘Người đã chết để tiêu diệt sự chết của chúng ta và sống lại để tái lập sự sống’. Chính từ cạnh sườn Đức Kitô an nghỉ trên thập giá mà bí tích kỳ diệu của toàn thể Hội Thánh đã được phát sinh”². Vì vậy, trong phụng vụ, Hội Thánh chủ yếu cử hành mầu nhiệm Vượt Qua, qua mầu nhiệm đó Đức Kitô đã thực hiện công trình cứu độ chúng ta. 571

1068. Hội Thánh loan báo và cử hành mầu nhiệm này của Đức Kitô trong phụng vụ của mình, để các tín hữu được sống nhờ mầu nhiệm đó và làm chứng cho mầu nhiệm đó trong trần gian:

“Nhờ phụng vụ, nhất là trong hy tế Thánh Thể của Chúa, ‘công trình cứu chuộc chúng ta được thực hiện’. Phụng vụ góp phần rất nhiều để giúp các tín hữu, qua cuộc sống mình, diễn tả và biểu lộ cho người khác mầu nhiệm Đức Kitô và bản chất đích thực của Hội Thánh”³.

Thuật ngữ “phụng vụ” nghĩa là gì ?

1069. Thuật ngữ “phụng vụ” (“liturgia”), theo gốc chữ, có nghĩa là “công vụ”, “việc phục vụ nhân danh dân cho dân”. Trong truyền thống Kitô giáo, thuật ngữ này có nghĩa là dân Thiên Chúa dự phần vào “công việc của Thiên Chúa”⁴. Qua phụng vụ, Đức Kitô, Đấng Cứu Chuộc và Thượng Tế của chúng ta, tiếp tục công trình

¹ X. Ep 3,4.

² CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 5: AAS 56 (1964) 99.

³ CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 2: AAS 56 (1964) 97-98.

⁴ X. Ga 17,4.

cứu chuộc chúng ta trong Hội Thánh, với Hội Thánh và nhờ Hội Thánh của Người.

783 **1070.** Thuật ngữ “phụng vụ” trong Tân Ước được dùng để chỉ không những việc cử hành phụng tự thần linh⁵, mà còn cả việc loan báo Tin Mừng⁶ và việc thực thi bác ái⁷. Trong tất cả những trường hợp này, vấn đề là phục vụ Thiên Chúa và phục vụ con người. Trong cử hành phụng vụ, Hội Thánh là người phục vụ, theo hình ảnh Chúa mình, là Đấng duy nhất “lo việc tế tự”⁸, Hội Thánh được tham dự vào chức tư tế (phụng tự), tiên tri (loan báo) và vương đế (phục vụ bác ái) của Người:

“Vì thế, phụng vụ đáng được xem là việc thực thi trách vụ tư tế của Chúa Giêsu Kitô; trong đó, công cuộc thánh hóa con người được biểu thị bằng những dấu chỉ khả giác và được thực hiện cách riêng biệt theo từng dấu chỉ, và trong đó phụng tự công cộng vẹn toàn được thực thi bởi Nhiệm Thể Chúa Giêsu Kitô, nghĩa là bởi Đấng là Đầu cùng với các chi thể của Người. Do đó, mọi cử hành phụng vụ, vì là công trình của Đức Kitô tư tế và của Thân Thể Người là Hội Thánh, đều là hành động thánh thiêng tuyệt hảo, không có một hành động nào khác của Hội Thánh hữu hiệu bằng, xét cả về danh hiệu lẫn đẳng cấp”⁹.

Phụng vụ xét như nguồn mạch sự sống

1692 **1071.** Phụng vụ, là công trình của Đức Kitô, cũng là hành động của Hội Thánh Người. Phụng vụ thực hiện và biểu thị Hội Thánh như dấu chỉ hữu hình của sự hiệp thông giữa Thiên Chúa và con người nhờ Đức Kitô. Phụng vụ dẫn các tín hữu vào sự sống mới của cộng đoàn. Phụng vụ đòi buộc mọi người phải tham dự “một cách ý thức, tích cực và có kết quả”¹⁰.

1072. “Phụng vụ không phải là tất cả hoạt động của Hội Thánh”¹¹: việc rao giảng Tin Mừng, đức tin và sự hối cải phải đi trước phụng vụ; lúc đó phụng vụ mới có thể mang lại hoa trái của mình trong đời sống các tín hữu: đời sống mới theo Chúa Thánh Thần, việc dẫn thân vào sứ vụ của Hội Thánh và việc phục vụ cho sự hợp nhất của Hội Thánh.

⁵ X. Cv 13,2; Lc 1,23.

⁶ X. Rm 15,16; Pl 2,14-17.30.

⁷ X. Rm 15,27; 2 Cr 9,12; Pl 2,25.

⁸ X. Dt 8,2.6.

⁹ CĐ Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 7: AAS 56 (1964) 101.

¹⁰ CĐ Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 11: AAS 56 (1964) 103.

¹¹ CĐ Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 9: AAS 56 (1964) 101.

Kinh nguyện và phụng vụ

1073. Phụng vụ còn là tham dự vào kinh nguyện của Đức Kitô dâng lên Chúa Cha trong Chúa Thánh Thần. Mọi kinh nguyện Kitô giáo đều bắt nguồn và kết thúc trong phụng vụ. Nhờ phụng vụ, con người nội tâm được bén rễ sâu và đặt nền tảng¹² trên tình yêu của Thiên Chúa, Đấng “rất mực yêu mến chúng ta” (Ep 2,4) trong Con yêu dấu của Ngài. Đây chính là “công trình kỳ diệu của Thiên Chúa”, là đời sống được hướng dẫn và được nội tâm hóa bởi mọi lời cầu nguyện, “mọi lúc trong Thần Khí” (Ep 6,18).

2558

Việc dạy giáo lý và phụng vụ

1074. “Phụng vụ là chóp đỉnh mà hoạt động của Hội Thánh vươn tới, đồng thời là nguồn mạch tuôn trào tất cả sức mạnh của Hội Thánh”¹³. Do đó, phụng vụ là chỗ rất đặc biệt để dạy giáo lý cho dân Thiên Chúa. “Dạy giáo lý, tự bản chất, gắn liền với mọi cử hành phụng vụ và bí tích, vì chính trong các bí tích, nhất là bí tích Thánh Thể, Đức Kitô Giêsu hành động cách sung mãn để biến đổi con người”¹⁴.

1075. Việc dạy giáo lý trong phụng vụ nhằm đưa con người vào mầu nhiệm Đức Kitô (mystagon), dẫn từ hữu hình đến vô hình, từ dấu chỉ đến thực tại, từ “các bí tích” tới “các mầu nhiệm”. Việc trình bày như vậy là trách nhiệm của các sách địa phương và miền. Còn Sách này, nhằm phục vụ toàn thể Hội Thánh, trong đó có nhiều khác biệt về nghi thức và văn hóa¹⁵, nên chỉ trình bày những gì là căn bản và chung cho toàn thể Hội Thánh liên quan tới phụng vụ xét như là mầu nhiệm và việc cử hành (*Đoạn 1*), rồi đến bảy bí tích và các á bí tích (*Đoạn 2*).

426

774

¹² X. Ep 3,16-17.

¹³ CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 10: AAS 56 (1964) 102.

¹⁴ ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Catechesi tradendae*, 23: AAS 71 (1979) 1296.

¹⁵ CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 3-4: AAS 56 (1964) 98.

ĐOẠN THỨ NHẤT

NHIỆM VỤ BÍ TÍCH

SECTIO PRIMA

OECONOMIA SACRAMENTALIS

739 **1076.** Ngày lễ Ngũ Tuần, nhờ việc tuân ban Chúa Thánh Thần, Hội Thánh được biểu lộ cho trần gian¹. Hồng ân của Thần Khí khai mở một thời đại mới trong “việc phân phát các mầu nhiệm”: đó là thời đại của Hội Thánh, trong thời gian kéo dài này, Đức Kitô, nhờ phụng vụ của Hội Thánh Người, biểu lộ, làm hiện diện và truyền thông công trình cứu độ của Người “cho tới khi Chúa đến” (1 Cr 11,26). Trong thời đại này của Hội Thánh, Đức Kitô từ nay sống và hành động trong và với Hội Thánh Người một cách mới, riêng cho thời đại mới này. Người hành động qua các bí tích; truyền thống chung của Hội Thánh, Đông phương cũng như Tây phương, gọi đó là “Nhiệm vụ bí tích”: nhiệm vụ này cốt tại việc truyền thông (hoặc “phân phát”) hoa trái của mầu nhiệm Vượt Qua của Đức Kitô trong việc cử hành phụng vụ “bí tích” của Hội Thánh.

Do đó, trước hết, cần phải trình bày “việc phân phát bí tích” (*Chương một*). Nhờ đó, chúng ta sẽ thấy rõ hơn bản chất và những khía cạnh cốt yếu của việc cử hành phụng vụ (*Chương hai*).

¹ X. CE Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 6: AAS 56 (1964) 100; Id., Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 2: AAS 57 (1965) 6.

CHƯƠNG MỘT
MẦU NHIỆM VƯỢT QUA
TRONG THỜI ĐẠI CỦA HỘI THÁNH
CAPUT PRIMUM
MYSTERIUM PASCHALE IN ECCLESIAE TEMPORE

Mục 1

Phụng vụ - Công trình của Ba Ngôi Chí Thánh

Articulus 1

Liturgia – Sanctissimae Trinitatis Opus

**I. CHÚA CHA, NGUỒN MẠCH VÀ CÙNG ĐÍCH
CỦA PHỤNG VỤ**

PATER, LITURGIAE FONDS ET FINIS

1077. “Chúc tụng Thiên Chúa là Thân Phụ Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta. Trong Đức Kitô, từ cõi trời, Ngài đã thi ân giáng phúc cho ta hưởng muôn vàn ơn phúc của Thánh Thần. Trong Đức Kitô, Ngài đã chọn ta trước cả khi tạo thành vũ trụ, để trước thánh nhan Ngài, ta trở nên tinh tuyền thánh thiện, nhờ tình thương của Ngài. Theo ý muốn và lòng nhân ái của Ngài, Ngài đã tiền định cho ta làm nghĩa tử nhờ Chúa Giêsu Kitô, để ta hằng ngợi khen ân sủng rạng ngời, ân sủng Ngài ban tặng cho ta trong Thánh Tử yêu dấu” (Ep 1,3-6). 492

1078. “Chúc lành” là hành động thần linh ban sự sống, và nguồn gốc của hành động này là Chúa Cha. Việc chúc lành của Ngài vừa là một lời nói vừa là một hồng ân (*bene-dictio, eu-logia*). Khi áp dụng cho con người, từ này có nghĩa “chúc tụng”, nghĩa là tôn thờ và tạ ơn Đấng Tạo Hoá của mình. 2626

1079. Từ lúc khởi đầu cho đến lúc cùng tận thời gian, toàn bộ công trình của Thiên Chúa đều là *chúc lành*. Từ bài thơ phụng vụ về cuộc tạo dựng đầu tiên cho đến những thánh ca về thành Giêrusalem thiên quốc, các tác giả được linh hứng đều loan báo

chương trình cứu độ như một lời chúc lành triền miên của Thiên Chúa.

1080. Từ lúc khởi đầu, Thiên Chúa đã chúc lành cho các sinh vật, đặc biệt cho người nam và người nữ. Giao ước với ông Noê và với tất cả mọi sinh vật canh tân lời chúc lành sinh sôi nảy nở này, bất chấp tội lỗi của con người đã khiến đất đai “bị chúc dữ”. Nhưng khởi từ tổ phụ Abraham, lời chúc lành của Thiên Chúa mới đi sâu vào lịch sử loài người, một lịch sử đang hướng về cõi chết, để làm cho nó tiến về cõi sống, tiến về nguồn mạch của nó: nhờ đức tin của “cha các kẻ tin”, người đã đón nhận lời chúc lành, mà lịch sử cứu độ được khởi đầu.

1081. Những lời chúc lành của Thiên Chúa được bày tỏ qua các biến cố kỳ diệu và có ý nghĩa cứu độ: đó là việc sinh hạ Isaac, việc xuất hành ra khỏi Ai Cập (Vượt Qua và Xuất Hành), việc trao ban Đất Hứa, việc tuyển chọn David, sự hiện diện của Thiên Chúa trong Đền Thờ, cuộc lưu đày có ý nghĩa thanh luyện và sự hồi hương của “ít người còn sót lại”. Lễ Luật, các Tiên tri và các Thánh vịnh, dệt nên phụng vụ của dân Chúa chọn, vừa nhắc nhớ những lời chúc lành của Thiên Chúa, vừa đáp lại những lời chúc lành đó bằng những câu ca ngợi và chúc tụng tạ ơn.

1082. Trong phụng vụ của Hội Thánh, lời chúc lành của Thiên Chúa được mạc khải và truyền thông cách sung mãn: Chúa Cha được nhận biết và được tôn thờ với tư cách là nguồn gốc và cùng đích của mọi chúc lành trong công trình tạo dựng và cứu độ; trong Ngôi Lời của Ngài, Đấng đã nhập thể, chịu chết và sống lại vì chúng ta, Chúa Cha đổ tràn trên chúng ta những lời chúc lành của Ngài, và nhờ Ngôi Lời, Ngài tuôn đổ vào lòng chúng ta hồng ân chứa đựng mọi hồng ân: đó là Chúa Thánh Thần.

2627 **1083.** Như vậy, chúng ta hiểu được chiều kích kép của phụng vụ Kitô giáo xét như lời đáp lại của đức tin và tình yêu đối với những lời “chúc lành thiêng liêng” Chúa Cha đã ban cho chúng ta. Một
đàng, được kết hợp với Chúa của mình và dưới tác động của Chúa Thánh Thần², Hội Thánh chúc tụng Chúa Cha “vì phúc lộc khôn tả Ngài ban” (2 Cr 9,15), bằng việc tôn thờ, ca ngợi và tạ ơn. Đàng khác, cho tới khi kế hoạch của Thiên Chúa được hoàn tất, Hội
1360 Thánh không ngừng dâng lên Chúa Cha “lễ vật là những hồng ân Ngài ban”, và cầu khẩn Ngài ban Thánh Thần xuống trên lễ vật này, trên chính Hội Thánh, trên các tín hữu và trên toàn thể trần gian, để, nhờ hiệp thông vào sự chết và sự sống lại của Đức Kitô-Thượng tế, và nhờ sức mạnh của Chúa Thánh Thần, những lời

² X. Lc 10,21.

chức lành này của Thiên Chúa đem lại hoa trái sự sống “để ta hằng ngợi khen ân sủng rạng ngời, ân sủng Ngài ban tặng cho ta” (Ep 1,6).

II. CÔNG TRÌNH CỦA ĐỨC KITÔ TRONG PHỤNG VỤ CHRISTI OPUS IN LITURGIA

Đức Kitô được tôn vinh

1084. Đức Kitô, Đấng “ngự bên hữu Chúa Cha” và tuân đổ Thánh Thần trên Thân Thể của Người là Hội Thánh, từ nay hoạt động qua các bí tích do chính Người thiết lập để truyền thông ân sủng của Người. Các bí tích là những dấu chỉ khả giác (các lời nói và các hành động) mà loài người chúng ta hiện nay vẫn có thể hiểu được. Các bí tích thực hiện cách hữu hiệu ân sủng mà chúng nói lên, nhờ hành động của Đức Kitô và nhờ quyền năng của Chúa Thánh Thần. 662 1127

1085. Trong phụng vụ của Hội Thánh, Đức Kitô chủ yếu biểu lộ và hoàn thành mầu nhiệm Vượt Qua của Người. Trong cuộc đời trần thế, Chúa Giêsu đã loan báo mầu nhiệm Vượt Qua của Người bằng lời giảng dạy và tham dự trước vào mầu nhiệm đó bằng các hành động của Người. Khi Giờ của Người đến³, Chúa Giêsu đã sống biến cố độc nhất của lịch sử, một biến cố không qua đi: Chúa Giêsu chịu chết, chịu mai táng, sống lại từ cõi chết và ngự bên hữu Chúa Cha “một lần cho mãi mãi” (Rm 6,10; Dt 7,27; 9,12). Đó là biến cố xác thực, đã xảy ra trong lịch sử của chúng ta, nhưng là biến cố độc nhất. Tất cả những biến cố khác của lịch sử đã xảy ra một lần rồi qua đi, chìm vào dĩ vãng. Trái lại, mầu nhiệm Vượt Qua của Đức Kitô không thể chỉ tồn tại trong quá khứ, bởi vì chính Người đã dùng cái chết của Người mà huỷ diệt sự chết, và bất cứ điều gì Đức Kitô là, bất cứ điều gì Người đã làm và đã chịu vì tất cả mọi người, những điều đó đều tham dự vào tính vĩnh cửu của Thiên Chúa, và như vậy đều vượt trên mọi thời gian và luôn là hiện tại. Biến cố Thập Giá và Phục Sinh vẫn đang tồn tại và lôi kéo mọi sự tới sự sống. 519 1165

... từ Hội Thánh thời các Tông Đồ...

1086. “Như Đức Kitô được Chúa Cha sai đi thế nào, thì chính Người cũng sai các Tông Đồ, được đầy tràn Thánh Thần, như vậy, không những để khi công bố Tin Mừng cho mọi thụ tạo, các Tông Đồ loan báo rằng Con Thiên Chúa đã nhờ sự chết và sự sống lại 858

³ X. Ga 13,1; 17,1.

của Người, mà giải thoát chúng ta khỏi quyền lực Satan và sự chết, và đưa chúng ta vào Nước của Chúa Cha, nhưng còn để các Tông Đồ thực thi công trình cứu độ, mà các ông đã rao giảng, nhờ Hy Lễ và các bí tích, là trung tâm điểm của toàn thể đời sống phụng vụ”⁴.

1087. Như vậy, Đức Kitô Phục sinh, khi ban Chúa Thánh Thần cho các Tông Đồ, đã trao cho các ông quyền thánh hóa của Người⁵: Các ông trở nên những dấu chỉ bí tích của Đức Kitô. Nhờ quyền năng của cùng một Chúa Thánh Thần, các ông trao quyền thánh hóa ấy cho những người kế nhiệm. Việc “kế nhiệm Tông Đồ” này xây dựng nên toàn bộ đời sống phụng vụ của Hội Thánh; chính việc kế nhiệm đó mang tính bí tích và được lưu truyền qua bí tích Truyền Chức thánh.

861
1336

... đang hiện diện trong phụng vụ trần thế...

1088. “Để thực hiện một công cuộc lớn lao như vậy (phân phát hoặc truyền thông công trình cứu độ của Người), Đức Kitô luôn hiện diện trong Hội Thánh Người, nhất là trong các hoạt động phụng vụ. Người hiện diện trong Hy tế Thánh lễ cũng như trong con người thừa tác viên, “Đấng xưa đã tự hiến trên thánh giá, thì nay chính Người dâng hiến qua thừa tác vụ của các tư tế”, và nhất là Người hiện diện dưới hình bánh hình rượu Thánh Thể. Người hiện diện bằng quyền năng của Người trong các bí tích, đến nỗi khi một ai đó làm Phép Rửa, thì đó là chính Đức Kitô làm Phép Rửa. Người hiện diện trong Lời của Người, vì chính là Người đang nói, khi Kinh Thánh được đọc lên trong Hội Thánh. Cuối cùng, Người hiện diện khi Hội Thánh cầu nguyện và hát Thánh vịnh, như chính Người đã hứa: ‘Ở đâu có hai ba người họp lại nhân danh Thầy, thì có Thầy ở đấy, giữa họ’ (Mt 18, 20)”⁶.

776
669
1373

1089. “Trong công cuộc lớn lao như vậy, qua đó Thiên Chúa được tôn vinh cách hoàn hảo và con người được thánh hoá, Đức Kitô hằng liên kết với Hội Thánh là Hiền Thê rất yêu quý của Người, và Hội Thánh kêu cầu Người là Chúa của mình và nhờ Người mà phụng thờ Chúa Cha hằng hữu”⁷.

796

... Phụng vụ trần thế tham dự vào phụng vụ trên trời

1090. “Trong phụng vụ trần thế, chúng ta tham dự như một cách nếm trước phụng vụ trên trời, được cử hành trong thành thánh

1137-1139

⁴ CĐ Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 6: AAS 56 (1964) 100.

⁵ X. Ga 20,21-23.

⁶ CĐ Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 7: AAS 56 (1964) 100-101.

⁷ CĐ Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 7: AAS 56 (1964) 101.

Giêrusalem, nơi chúng ta là lũ khách đang tiến về, ở đó, Đức Kitô đang ngự bên hữu Thiên Chúa, là thừa tác viên của cung thánh, và của nhà tạm đích thực; chúng ta hợp cùng toàn thể đạo binh trên trời đồng thanh ca ngợi tôn vinh Chúa; chúng ta kính nhớ các Thánh, và hy vọng được đồng phạm với các ngài; chúng ta mong đợi Đấng Cứu Độ là Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, cho đến khi Người, là sự sống của chúng ta, xuất hiện, và chúng ta sẽ xuất hiện với Người trong vinh quang”⁸.

III. CHÚA THÁNH THẦN VÀ HỘI THÁNH TRONG PHỤNG VỤ SPIRITUS SANCTUS ET ECCLESIA IN LITURGIA

1091. Trong phụng vụ, Chúa Thánh Thần là nhà sư phạm về đức tin cho Dân Thiên Chúa, là Đấng thực hiện “những kỳ công của Thiên Chúa”, tức là các bí tích của Giao Ước Mới. Điều Chúa Thánh Thần mong muốn và thực hiện trong lòng Hội Thánh, đó là chúng ta được sống bằng sự sống của Đức Kitô phục sinh. Khi Chúa Thánh Thần gặp được nơi chúng ta lời đáp lại của đức tin mà Ngài đã khơi lên, thì đó là một sự cộng tác thật sự. Vì vậy phụng vụ là công trình chung của Chúa Thánh Thần và Hội Thánh.

798

1092. Trong việc phân phát cách bí tích mầu nhiệm của Đức Kitô, Chúa Thánh Thần cũng hành động cùng một cách thức như trong các thời đại khác của Nhiệm cục cứu độ: Ngài chuẩn bị cho Hội Thánh gặp gỡ Chúa của mình; Ngài nhắc nhớ và làm tỏ hiện Đức Kitô cho đức tin của cộng đoàn; Ngài làm cho hiện diện và hiện tại hoá mầu nhiệm của Đức Kitô bằng quyền năng biến đổi của Ngài; sau cùng, Thánh Thần của sự hiệp thông kết hợp Hội Thánh vào đời sống và sứ vụ của Đức Kitô.

737

Chúa Thánh Thần chuẩn bị cho việc đón nhận Đức Kitô

1093. Trong Nhiệm cục bí tích, Chúa Thánh Thần hoàn tất các hình bóng của Cựu Ước. Bởi vì Hội Thánh của Đức Kitô “đã được chuẩn bị cách kỳ diệu trong lịch sử dân Israel và trong Cựu Ước”⁹, nên phụng vụ của Hội Thánh giữ lại một số yếu tố của phụng tự Cựu Ước, xét như một phần không thể thiếu và không thể thay thế, coi đó là của mình:

762

- Chủ yếu là việc đọc Cựu Ước;
- Lời cầu nguyện của các Thánh vịnh;

121

2585

⁸ CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 8: AAS 56 (1964) 101; x. Id., Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 50: AAS 57 (1965) 55-57.

⁹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 2: AAS 57 (1965) 6.

1081 – và nhất là tưởng nhớ các biến cố cứu độ và những thực tại đầy ý nghĩa đã được hoàn tất trong mầu nhiệm của Đức Kitô (Lời Hứa và Giao Ước, Xuất Hành và Vượt Qua, Vương Quốc và Đền Thờ, Lưu Đày và Hồi Hương).

128-130 **1094.** Chính trên sự hoà hợp này giữa hai Giao Ước¹⁰, mà giáo lý về cuộc Vượt Qua của Chúa được xây dựng¹¹, rồi đến giáo lý của các Tông Đồ và của các Giáo phụ. Giáo lý này khai mở những điều còn bị che giấu trong văn tự của Cựu Ước: đó là mầu nhiệm của Đức Kitô. Cách giải thích này được gọi là “tiên trưng”, vì nó cho thấy sự mới mẻ của Đức Kitô khởi từ những “hình bóng” (biểu trưng) loan báo về Người qua các sự kiện, lời nói và biểu tượng của Giao ước cũ. Nhờ việc đọc lại Cựu Ước trong Thánh Thần chân lý khởi đi từ Đức Kitô, các hình bóng được biểu lộ ra¹². Chẳng hạn, cơn lụt hồng thủy và con tàu ông Nôê là hình bóng báo trước ơn cứu độ nhờ bí tích Rửa Tội¹³; cột mây và việc vượt qua Biển Đỏ cũng cùng ý nghĩa đó; nước từ tảng đá là hình bóng các hồng ân thiêng liêng của Đức Kitô¹⁴; manna trong hoang địa là hình bóng tiên báo Thánh Thể, “Bánh bởi trời, bánh đích thực” (Ga 6,32).

281 **1095.** Vì vậy, đặc biệt trong mùa Vọng, mùa Chay và nhất là đêm Canh thức Vượt Qua, Hội Thánh đọc lại và sống trở lại tất cả các biến cố lớn lao đó của lịch sử cứu độ trong “ngày hôm nay” của phụng vụ của mình. Nhưng điều đó cũng đòi hỏi việc dạy giáo lý phải giúp các tín hữu mở rộng tâm hồn để hiểu được ý nghĩa

117 “thiên thiêng” ấy của Nhiệm vụ cứu độ, đúng như phụng vụ của Hội Thánh bày tỏ và giúp chúng ta sống.

1096. *Phụng vụ Do thái và Phụng vụ Kitô giáo.* Việc hiểu biết rõ hơn về đức tin và đời sống tôn giáo của dân Do Thái, như họ tuyên xưng và sống cho đến nay, có thể giúp chúng ta hiểu rõ hơn một số khía cạnh của phụng vụ Kitô giáo. Đối với người Do thái cũng như với Kitô hữu, Kinh Thánh là phần cốt yếu của cả hai nền phụng vụ: công bố Lời Chúa, đáp lại Lời Chúa, kinh nguyện ca ngợi và chuyển cầu cho người sống và kẻ chết, sự khẩn cầu lòng thương xót Chúa. Phụng vụ Lời Chúa, trong cơ cấu đặc trưng của nó, bắt

1174 nguồn từ phụng vụ Do thái. Các Giờ Kinh phụng vụ cũng như các bản văn và công thức phụng vụ khác, cũng song song với phụng vụ Do thái, kể cả các kinh nguyện đáng kính nhất của chúng ta, như

1352 kinh “Lạy Cha”. Các Kinh nguyện Thánh Thể cũng được cảm hứng

¹⁰ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 14-16: AAS 58 (1966) 824-825.

¹¹ X. Lc 24,13-49.

¹² X. 2 Cr 3,14-16.

¹³ X. 1 Pr 3,21.

¹⁴ X. 1 Cr 10,1-6.

từ những kiểu mẫu của truyền thống Do thái. Liên hệ giữa phụng vụ Do thái và phụng vụ Kitô giáo, kể cả những khác biệt trong nội dung, có thể thấy rõ cách đặc biệt trong các ngày lễ lớn của Năm phụng vụ, như lễ Vượt Qua. Các Kitô hữu và người Do thái cùng cử hành lễ Vượt Qua: đối với người Do Thái đó là lễ Vượt Qua của lịch sử hướng tới tương lai; còn đối với các Kitô hữu, lễ Vượt Qua đã được hoàn thành trong sự chết và sự sống lại của Đức Kitô, tuy vẫn luôn trông đợi sự hoàn tất chung cuộc. 840

1097. Trong *phụng vụ của Giao Ước Mới*, mọi hoạt động phụng vụ, đặc biệt việc cử hành thánh lễ và các bí tích, đều là cuộc gặp gỡ giữa Đức Kitô và Hội Thánh. Cộng đoàn phụng vụ được hợp nhất “nhờ ơn thông hiệp của Chúa Thánh Thần”, Đấng quy tụ các con cái Thiên Chúa trong Thân Thể duy nhất của Đức Kitô. Cộng đoàn này vượt trên các mối liên hệ phạm nhân, chủng tộc, văn hóa và xã hội.

1098. Cộng đoàn phải *chuẩn bị* để gặp gỡ Chúa mình, sao cho là một dân đã hoàn toàn sẵn sàng¹⁵. Việc chuẩn bị các tâm hồn như vậy là công việc chung của Chúa Thánh Thần và của cộng đoàn, đặc biệt là của các thừa tác viên của cộng đoàn. Ân sủng của Chúa Thánh Thần tìm cách khơi dậy đức tin, sự hối cải tâm hồn và sự đồng thuận theo thánh ý Chúa Cha. Phải có những chuẩn bị này để có thể đón nhận những ân sủng khác được truyền thông trong chính việc cử hành, và các hoa trái của cuộc sống mới mà việc cử hành nhắm sản sinh ra sau đó. 1430

Chúa Thánh Thần nhắc nhớ mầu nhiệm Đức Kitô

1099. Chúa Thánh Thần và Hội Thánh cùng cộng tác để Đức Kitô và công trình cứu độ của Người được biểu lộ trong phụng vụ. Đặc biệt trong bí tích Thánh Thể, và một cách tương tự trong các bí tích khác, phụng vụ là *Sự Tưởng niệm* mầu nhiệm cứu độ. Chúa Thánh Thần là ký ức sống động của Hội Thánh¹⁶. 91

1100. *Lời Chúa.* Trước hết, Chúa Thánh Thần gọi cho cộng đoàn phụng vụ nhớ lại ý nghĩa của biến cố cứu độ khi Ngài ban sức sống cho Lời Chúa đang được loan báo, để chúng ta có thể đón nhận và sống Lời Chúa: 1134

“Trong cử hành phụng vụ, Thánh Kinh là hết sức quan trọng. Thật vậy, những bài trích từ Thánh Kinh được đọc lên, rồi được giải thích trong bài giảng, những Thánh vịnh trong Thánh Kinh được hát lên; và do sự gọi hứng và thúc đẩy của Thánh Kinh mà 103, 131

¹⁵ X. Lc 1,17.

¹⁶ X. Ga 14,26.

những lời kinh, lời nguyện và các bài phụng ca tuôn trào; và cũng từ Thánh Kinh mà các hành động cũng như các dấu chỉ có được ý nghĩa của chúng”¹⁷.

117 **1101.** Chúa Thánh Thần ban cho người đọc cũng như người nghe, tùy theo việc họ chuẩn bị tâm hồn, sự hiểu biết thiêng liêng về Lời Chúa. Qua các lời, các hành động và các biểu tượng, dệt thành việc cử hành, Chúa Thánh Thần đưa các tín hữu và các thừa tác viên vào trong tương quan sống động với Đức Kitô, là Lời và Hình Ảnh của Chúa Cha, để họ có thể làm sao cho ý nghĩa của các điều họ nghe, họ chiêm ngắm và họ hành động trong cuộc cử hành, được đưa vào trong đời sống của họ.

143 **1102.** “Chính Lời của ơn cứu độ nuôi dưỡng đức tin trong tâm hồn các tín hữu; nhờ đức tin đó mà cộng đoàn các tín hữu khởi đầu và lớn lên”¹⁸. Việc loan báo Lời Chúa không dừng lại nơi một lời giảng dạy nào đó: nó đòi hỏi sự *đáp lại của đức tin*, xét như một ứng thuận và dấn thân, để có một Giao ước giữa Thiên Chúa với dân Ngài. Chúa Thánh Thần còn ban ơn đức tin, củng cố và làm tăng trưởng đức tin trong cộng đoàn. Cộng đoàn phụng vụ trước hết là sự hiệp thông trong đức tin.

1362 **1103.** *Kinh Tưởng niệm (Anamnesis)*. Việc cử hành phụng vụ luôn quy chiếu về những lần can thiệp cứu độ của Thiên Chúa trong lịch sử. “Nhiệm vụ mạc khải này được thực hiện bằng các việc làm và lời nói có liên hệ mật thiết với nhau, theo nghĩa là ... các lời ... công bố các việc làm và làm sáng tỏ mâu nhiệm được chứa đựng trong đó”¹⁹. Trong phụng vụ Lời Chúa, Chúa Thánh Thần “nhắc” cho cộng đoàn “nhớ” tất cả những gì Đức Kitô đã làm cho chúng ta. Theo bản chất của các hành động phụng vụ và theo các truyền thống nghi lễ của các Giáo hội, việc cử hành “nhắc nhớ lại” kỳ công của Thiên Chúa trong phần Tưởng niệm (*Anamnesis*) được triển khai dài hay ngắn. Chúa Thánh Thần, Đấng nhắc cho Hội Thánh nhớ lại như vậy, cũng thúc giục Hội Thánh tạ ơn và ca ngợi (*Doxologia*).

Chúa Thánh Thần hiện tại hóa mầu nhiệm Đức Kitô

1085 **1104.** Phụng vụ Kitô giáo không những gợi nhớ các biến cố đã giải thoát chúng ta, mà còn làm cho các biến cố đó hiện diện và tác động trong hiện tại. Mầu nhiệm Vượt Qua của Đức Kitô được cử hành, chứ không phải được tái diễn; chỉ có các cuộc cử hành là

¹⁷ CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 24: AAS 56 (1964) 106-107.

¹⁸ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Presbyterorum ordinis*, 4: AAS 58 (1966) 996.

¹⁹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 2: AAS 58 (1966) 818.

được tái diễn; trong mỗi lần cử hành đều có sự tuôn đổ Chúa Thánh Thần, Đấng làm cho mầu nhiệm duy nhất được hiện tại hoá.

1105. *Kinh Khấn cầu Chúa Thánh Thần (Epiclesis – “khấn cầu trên”)* là lời khấn cầu của vị tư tế nài xin Chúa Cha sai Chúa Thánh Thần, Đấng Thánh Hóa đến, để các lễ vật trở thành Mình và Máu Đức Kitô, và khi lãnh nhận Mình Máu Thánh Chúa, chính các tín hữu cũng trở thành lễ vật sống động dâng lên Thiên Chúa. 1153

1106. Cùng với kinh Tưởng Niệm (*Anamnesis*), kinh Khấn cầu Chúa Thánh Thần (*Epiclesis*) nằm ở trung tâm mỗi cuộc cử hành bí tích, đặc biệt là bí tích Thánh Thể:

“Bạn hỏi: làm thế nào Bánh trở nên Mình Đức Kitô và Rượu trở nên Máu Đức Kitô? Tôi xin thưa với bạn: Chúa Thánh Thần ngự đến và thực hiện những điều đó, những điều vượt trên mọi lời nói và mọi tư tưởng... Bạn chỉ cần nghe biết đó là bởi Chúa Thánh Thần; cũng như do Mẹ Thiên Chúa và bởi Chúa Thánh Thần, Chúa đã nhận lấy xác phàm cho Người và nơi chính mình Người”²⁰. 1375

1107. Quyền năng biến đổi của Chúa Thánh Thần trong phụng vụ làm cho Nước Chúa mau đến và mầu nhiệm cứu độ chóng hoàn tất. Trong việc chờ đợi và trong niềm hy vọng, Ngài thật sự làm cho chúng ta được tham dự trước vào sự hiệp thông sung mãn của Thiên Chúa Ba Ngôi. Được Chúa Cha, Đấng nhận lời khấn cầu của Hội Thánh, sai đến, Chúa Thánh Thần ban sự sống cho những ai đón nhận Ngài và ngay từ bây giờ, đối với những kẻ ấy, Ngài là “bảo chứng” phần gia nghiệp của họ²¹. 2816

Ơn hiệp thông của Chúa Thánh Thần

1108. Mục đích của sứ vụ Chúa Thánh Thần trong mọi hoạt động phụng vụ là để chúng ta được hiệp thông với Đức Kitô để làm nên Thân Thể Người. Chúa Thánh Thần như nhựa sống trong cây nho của Chúa Cha, mang lại hoa trái nơi các ngành nho²². Trong phụng vụ, sự cộng tác mật thiết giữa Chúa Thánh Thần và Hội Thánh được thực hiện. Chính Ngài, Thần Khí của sự hiệp thông, luôn hiện diện trong Hội Thánh, và do đó, Hội Thánh là bí tích lớn của sự hiệp thông của Thiên Chúa, một bí tích quy tụ các con cái Thiên Chúa còn đang tản mác. Hoa trái của Chúa Thánh Thần trong 788 1091 775

²⁰ Thánh Gioan Đamascênô, *Expositio fidei*, 86 [De fide orthodoxa, 4, 13] : PTS 12, 194-195 (PG 94, 1141. 1145).

²¹ X. Ep 1,14; 2 Cr 1,22.

²² X. Ga 15,1-17 ; Gl 5,22.

phụng vụ là, một cách không thể tách rời, sự hiệp thông với Ba Ngôi Chí Thánh và sự hiệp thông huynh đệ²³.

1109. Kinh Khấn cầu Chúa Thánh Thần (*Epiclesis*) cũng là lời nguyện xin cho cộng đoàn được hiệp thông trọn vẹn trong mầu nhiệm Đức Kitô. “Ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, tình yêu của Chúa Cha và ơn thông hiệp của Chúa Thánh Thần” (2 Cr 13,13) phải luôn ở với chúng ta và đem lại hiệu quả vượt ra ngoài lúc cử hành thánh lễ. Vì vậy, Hội Thánh cầu xin Chúa Cha sai Chúa Thánh Thần đến để Ngài làm cho đời sống các tín hữu trở thành của lễ sống động dâng lên Thiên Chúa, nhờ sự biến đổi thiêng liêng theo hình ảnh Đức Kitô, nhờ chăm lo cho sự hợp nhất của Hội Thánh và nhờ tham dự vào sứ vụ của Hội Thánh bằng việc làm chứng và phục vụ bác ái.

TÓM LƯỢC

1110. Trong phụng vụ của Hội Thánh, Chúa Cha được chúc tụng và tôn thờ với tư cách là nguồn mạch mọi chúc lành trong công trình tạo dựng và cứu độ; qua đó Ngài đã chúc lành cho chúng ta trong Con của Ngài để ban Thần Khí nghĩa tử cho chúng ta.

1111. Công trình của Đức Kitô trong phụng vụ mang tính bí tích bởi vì mầu nhiệm cứu độ của Người được quyền năng Chúa Thánh Thần làm cho hiện diện; bởi vì Thân Thể của Người là Hội Thánh cũng là bí tích (dấu chỉ và dụng cụ) nhờ đó Chúa Thánh Thần ban phát mầu nhiệm cứu độ; và bởi vì Hội Thánh lữ hành, qua các hành động phụng vụ của mình, được tham dự như ném trước Phụng vụ thiên quốc.

1112. Sứ vụ của Chúa Thánh Thần trong phụng vụ của Hội Thánh là chuẩn bị cho cộng đoàn gặp gỡ Đức Kitô; là nhắc nhở và làm tỏ hiện Đức Kitô cho đức tin của cộng đoàn; là, nhờ quyền năng biến đổi của Ngài, làm cho công trình cứu độ của Đức Kitô hiện diện và tác động trong hiện tại, và làm cho hồng ân hiệp thông được sinh hoa kết quả trong Hội Thánh.

²³ X. 1 Ga 1,3-7.

Mục 2

Mầu nhiệm Vượt Qua trong các bí tích của Hội Thánh

Articulus 2

Mysterium paschale in Ecclesiae sacramentis

1113. Toàn bộ đời sống phụng vụ của Hội Thánh xoay quanh Hy tế Thánh Thể và các bí tích²⁴. Trong Hội Thánh có bảy bí tích: Rửa Tội, Thêm Sức hay Xức Dầu Thánh, Thánh Thể, Thống Hối, Xức Dầu Bệnh Nhân, Truyền Chức Thánh và Hôn Phối²⁵. Trong mục này, sẽ bàn đến đặc tính chung về tín lý của bảy bí tích của Hội Thánh. Những đặc tính chung về việc cử hành sẽ được trình bày ở chương II, và những điểm đặc thù của từng bí tích sẽ được trình bày ở đoạn II. 1210

I. CÁC BÍ TÍCH CỦA ĐỨC KITÔ CHRISTI SACRAMENTA

1114. “Dựa vào giáo lý của các Sách Thánh, vào các truyền thống Tông Đồ ... và sự đồng tâm nhất trí của các Giáo phụ”²⁶, chúng tôi tuyên xưng rằng “tất cả các bí tích của Luật Mới ... đều do Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta thiết lập”²⁷.

1115. Những lời nói và hành động của Chúa Giêsu, trong quãng đời ẩn dật cũng như trong thừa tác vụ công khai của Người, đều có tính chất cứu độ. Chúng tham dự trước vào quyền năng của mầu nhiệm Vượt Qua của Người. Chúng loan báo và chuẩn bị những gì Người sẽ ban cho Hội Thánh khi mọi sự được hoàn tất. Các mầu nhiệm của cuộc đời Đức Kitô là nền tảng cho những gì Người ban phát trong các bí tích nhờ các thừa tác viên của Hội Thánh Người, bởi vì “điều hữu hình nơi Đấng cứu độ chúng ta được chuyển vào trong các bí tích”²⁸. 512-560

²⁴ X. CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 6: AAS 56 (1964) 100.

²⁵ X. CD Lyon II, *Professio fidei Michaelis Palaeologi imperatoris* : DS 860; CD Florentinô, *Decretum pro Armenis* : DS 1310; CD Tridentinô, Sess. 7a, *Canones de sacramentis in genere*, canon 1: DS 1601.

²⁶ CD Tridentinô, Sess. 7a, *Decretum de sacramentis*, Prooemium: DS 1600.

²⁷ CD Tridentinô, Sess. 7a, *Canones de sacramentis in genere*, canon 1: DS 1601.

²⁸ Thánh Lêô Cả, *Sermo* 74, 2: CCL 138A, 457 (PL 54, 398).

1504 1116. Là “những năng lực phát ra” từ thân thể Đức Kitô²⁹, Đấng
774 hằng sống và ban sự sống, là những hành động của Chúa Thánh
Thần, Đấng hoạt động trong thân thể Đức Kitô là Hội Thánh, các
bí tích là “những kỳ công của Thiên Chúa” trong Giao Ước mới và
vĩnh cửu.

II. CÁC BÍ TÍCH CỦA HỘI THÁNH

ECCLESIAE SACRAMENTA

120 1117. Nhờ Chúa Thánh Thần, Đấng dẫn đưa Hội Thánh vào “sự
thật toàn vẹn” (Ga 16,13), Hội Thánh dần dần nhận ra kho tàng
này mà mình đã lãnh nhận từ Đức Kitô và xác định việc “ban
phát” kho tàng ấy, cũng như Hội Thánh đã làm với Thư Quy các
Sách Thánh và giáo lý đức tin, với tư cách là người quản lý trung
tín các mầu nhiệm của Thiên Chúa³⁰. Vì vậy, theo dòng thời gian,
Hội Thánh xác định trong số các cử hành phụng vụ của mình, có
bảy cử hành là những bí tích, theo nghĩa hẹp của từ này, do Chúa
thiết lập.

1396 1118. Các bí tích là “của Hội Thánh” theo hai nghĩa: chúng là “do
Hội Thánh” và “cho Hội Thánh”. Các bí tích là “do Hội Thánh” bởi
vì Hội Thánh là bí tích của hành động của Đức Kitô Đấng đang
hoạt động trong Hội Thánh nhờ sứ vụ của Chúa Thánh Thần. Và
các bí tích là “cho Hội Thánh”, “nhờ chúng mà Hội Thánh được xây
dựng”³¹ bởi vì chúng biểu lộ và truyền thông cho con người, đặc
biệt trong bí tích Thánh Thể, mầu nhiệm của sự hiệp thông của
Thiên Chúa-Tình Yêu, Đấng là Một Chúa Ba Ngôi.

792 1119. Hội Thánh, cùng với Đức Kitô là Đầu làm nên như “một con
người mầu nhiệm”³², hành động trong các bí tích với tư cách là
“cộng đoàn tư tế” “có tổ chức”³³. Nhờ bí tích Rửa Tội và Thêm Sức,
dân tư tế có khả năng cử hành phụng vụ; ngoài ra, có một số Kitô
hữu, được lãnh nhận bí tích Truyền Chức Thánh, “được thiết đặt
nhân danh Đức Kitô để chăn dắt Hội Thánh bằng lời và ân sủng
của Thiên Chúa”³⁴.

1547 1120. Thừa tác vụ có chức thánh hay “chức tư tế thừa tác”³⁵ là để
phục vụ chức tư tế do bí tích Rửa Tội. Chức tư tế thừa tác bảo đảm

²⁹ X. Lc 5,17; 6,19; 8,46.

³⁰ X. Mt 13,52; 1 Cr 4,1.

³¹ Thánh Augustinô, *De civitate Dei*, 22, 17: CSEL 40/2, 625 (PL 41, 779);

x. Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, III, q. 64, a. 2, ad 3: Ed. Leon. 12, 43.

³² ĐGH Piô XII, Thông điệp *Mystici corporis*: AAS 35 (1943) 226.

³³ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 11: AAS 57 (1965) 15.

³⁴ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 11: AAS 57 (1965) 15.

³⁵ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 10: AAS 57 (1965) 14.

rằng trong các bí tích, chính Đức Kitô hành động nhờ Chúa Thánh Thần cho Hội Thánh. Sứ vụ cứu độ mà Chúa Cha ủy thác cho Chúa Con khi xuống thế làm người, được trao cho các Tông Đồ và qua các ngài cho những người kế nhiệm các ngài: những vị này lãnh nhận Thánh Thần của Chúa Giêsu để hành động nhân danh Người và trong cương vị của Người³⁶. Như vậy, thừa tác vụ có chức thánh là sợi dây mang tính bí tích nối kết hành động phụng vụ với những gì các Tông Đồ đã nói và đã làm, và qua các Tông Đồ, với những gì Đức Kitô, Đấng là nguồn mạch và nền tảng của các bí tích, đã nói và đã làm.

1121. Ba bí tích Rửa Tội, Thêm Sức và Truyền Chức Thánh, ngoài việc trao ban ân sủng, còn ban một *dấu ấn* bí tích hoặc “ấn tín”, nhờ đó, Kitô hữu được tham dự vào chức tư tế của Đức Kitô và là thành phần trong Hội Thánh theo những bậc sống và những phận vụ khác nhau. Việc đồng hình đồng dạng như vậy với Đức Kitô và với Hội Thánh, do Chúa Thánh Thần thực hiện, là không thể bị tẩy xóa³⁷, nhưng tồn tại mãi mãi trong Kitô hữu, với tính cách một sự chuẩn bị tích cực để đón nhận ân sủng, với tính cách một lời hứa và bảo chứng được Thiên Chúa che chở, và với tính cách một ơn gọi để phụng thờ Thiên Chúa và phục vụ Hội Thánh. Vì vậy các bí tích này không bao giờ có thể được tái ban. 272, 1304
1582

III. CÁC BÍ TÍCH CỦA ĐỨC TIN SACRAMENTA FIDEI

1122. Đức Kitô đã sai các Tông Đồ của Người đi để “nhân danh Người mà rao giảng cho muôn dân... kêu gọi họ sám hối để được ơn tha tội” (Lc 24,47). “Anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm Phép Rửa cho họ nhân danh Cha, và Con, và Thánh Thần” (Mt 28,19). Sứ vụ làm Phép Rửa, tức là sứ vụ bí tích, được bao hàm trong sứ vụ rao giảng Tin Mừng, bởi vì bí tích được chuẩn bị bằng *Lời Chúa và bằng đức tin*, là sự ưng thuận vâng theo Lời đó: 849
1236

“Dân Thiên Chúa được quy tụ trước tiên bằng Lời của Thiên Chúa hằng sống... Chính thừa tác vụ bí tích đòi phải có việc rao giảng Lời Chúa, bởi vì các bí tích là bí tích của đức tin, một đức tin được sinh ra và được nuôi dưỡng bằng Lời Chúa”³⁸.

1123. “Các bí tích có mục đích thánh hóa con người, xây dựng thân thể Đức Kitô và sau cùng là thờ phượng Thiên Chúa; là những dấu chỉ, chúng còn có mục đích giáo huấn nữa. Các bí tích không

³⁶ X. Ga 20,21-23; Lc 24,47; Mt 28,18-20.

³⁷ CD Tridentinô, Sess. 7a, *Canones de sacramentis in genere*, canon 9: DS 1609.

³⁸ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Presbyterorum ordinis*, 4: AAS 58 (1966) 995-996.

- những giả thiết phải có đức tin trước, mà chúng còn nuôi dưỡng, củng cố và diễn tả đức tin bằng các lời đọc và các nghi thức; bởi vậy, chúng được gọi là các bí tích của *đức tin*³⁹.
- 1154
- 166 **1124.** Đức tin của Hội Thánh có trước đức tin của tín hữu, là người được mời gọi gắn bó với đức tin của Hội Thánh. Khi cử hành các bí tích, Hội Thánh tuyên xưng đức tin đã lãnh nhận từ các Tông Đồ.
- 1327 Từ đó có câu thành ngữ cổ: “*Lex orandi, lex credendi*”, nghĩa là “*Luật cầu nguyện, luật đức tin*” (hay như lời Ông Prospêrô Aquitanô, vào thế kỷ thứ 5: “*Legem credendi lex statuat supplicandi*”, nghĩa là “*Luật của việc khẩn cầu ấn định luật của đức tin*”)⁴⁰. Luật của việc cầu nguyện là luật của đức tin. Hội Thánh tin như Hội Thánh cầu nguyện. Phụng vụ là yếu tố cấu thành của Truyền Thống thánh thiện và sống động⁴¹.
- 78
- 1205 **1125.** Vì vậy, không một nghi thức bí tích nào có thể được sửa đổi hay tùy tiện thêm bớt theo sở thích của thừa tác viên hay cộng đoàn. Chính thẩm quyền tối cao của Hội Thánh cũng không thể thay đổi phụng vụ theo sở thích của mình, nhưng chỉ được làm vậy trong sự vâng phục đức tin và tôn kính cách đạo hạnh mẫu nhiệm của phụng vụ.
- 1126.** Ngoài ra, bởi vì các bí tích diễn tả và phát huy sự hiệp thông đức tin trong Hội Thánh, nên *luật cầu nguyện (lex orandi)* là một trong những tiêu chuẩn cốt yếu của việc đối thoại nhằm tái lập sự hợp nhất các Kitô hữu⁴².
- 815

IV. CÁC BÍ TÍCH CỦA ƠN CỨU ĐỘ

SACRAMENTA SALUTIS

- 1084 **1127.** Khi được cử hành cách xứng đáng trong đức tin, các bí tích ban ân sủng mà chúng biểu lộ⁴³. Các bí tích đều *hữu hiệu*, bởi vì chính Đức Kitô hành động trong chúng: chính Người là Đấng rửa tội, chính Người là Đấng hành động trong các bí tích của Người để truyền thông ân sủng mà bí tích biểu lộ. Chúa Cha luôn nhận lời cầu nguyện của Hội Thánh của Con Ngài, vì trong kinh Khẩn cầu Chúa Thánh Thần (*Epiclesis*) của mỗi bí tích, Hội Thánh biểu lộ đức tin của mình vào quyền năng của Chúa Thánh Thần. Cũng như lửa biến đổi mọi thứ nó chạm tới thành lửa, Chúa Thánh Thần
- 1105
- 696

³⁹ CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum concilium*, 59: AAS 56 (1964) 116.

⁴⁰ *Indiculus*, c. 8 : DS 246 (PL 51, 209).

⁴¹ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 8: AAS 58 (1966) 821.

⁴² X. CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Unitatis redintegratio*, 2: AAS 57 (1965) 91-92 ; *Ibid.*, 15: AAS 57 (1965) 101-102.

⁴³ X. CD Tridentinô, Sess. 7a, *Canones de sacramentis in genere*, canon 5: DS 1605; *Ibid.*, canon 6: DS 1606.

cũng biến đổi những gì được trao phó cho quyền năng của Ngài thành sự sống thân linh.

1128. Đây là ý nghĩa của điều Hội Thánh khẳng định⁴⁴: các bí tích hữu hiệu “do sự” - *ex opere operato* - (*do chính hành động bí tích được thực hiện*) nghĩa là chúng hữu hiệu nhờ công trình cứu độ của Đức Kitô đã được hoàn thành một lần cho mãi mãi. Từ đó, có hệ luận này là: “Bí tích không mang lại hiệu quả nhờ sự công chính của người trao ban hay người lãnh nhận, nhưng nhờ quyền năng của Thiên Chúa”⁴⁵. Khi một bí tích được cử hành theo đúng ý hướng của Hội Thánh, thì quyền năng của Đức Kitô và của Thần Khí Người hành động trong và qua bí tích ấy, chứ không lệ thuộc vào sự thánh thiện bản thân của thừa tác viên. Tuy nhiên, các hoa trái của các bí tích cũng tùy thuộc vào sự chuẩn bị nội tâm của người lãnh nhận.

1584

1129. Hội Thánh khẳng định rằng, đối với các tín hữu, các bí tích của Giao Ước Mới là *cần thiết cho ơn cứu độ*⁴⁶. “Ân sủng bí tích” là ân sủng của Chúa Thánh Thần được Đức Kitô ban cho riêng từng bí tích. Chúa Thánh Thần chữa lành và biến đổi những ai đón nhận Ngài bằng cách làm cho họ nên đồng hình đồng dạng với Con Thiên Chúa. Hoa trái của đời sống bí tích là, Thần Khí của ơn làm nghĩa tử làm cho các tín hữu được tham dự bản tính Thiên Chúa bằng cách kết hợp họ một cách sống động với Người Con duy nhất, là Đấng Cứu Độ⁴⁷.

1257

2003

460

V. CÁC BÍ TÍCH CỦA ĐỜI SỐNG VĨNH CỬU

SACRAMENTA VITAE AETERNAE

1130. Hội Thánh cử hành mầu nhiệm của Chúa mình “cho tới khi Chúa đến” (1 Cr 11,26), lúc “Thiên Chúa có toàn quyền trên muôn loài” (1 Cr 15,28). Ngay từ thời các Tông Đồ, phụng vụ đã được hướng đến cùng đích của mình qua lời rên xiết của Thần Khí trong Hội Thánh: “*Marana tha!* – Lạy Chúa, xin ngự đến!” (1 Cr 16,22). Như thế, Phụng vụ chia sẻ nỗi khát khao của Chúa Giêsu: “Thầy những khát khao mong mỗi ăn lễ Vượt Qua này với anh em... cho đến khi lễ này được nên trọn vẹn trong Nước Thiên Chúa” (Lc 22, 15.16). Trong các bí tích của Đức Kitô, Hội Thánh đã nhận được bảo chứng gia tài của mình, đã được dự phần vào đời sống vĩnh cửu, đang khi “trông chờ ngày hồng phúc vẫn hằng mong đợi, ngày Đức Kitô Giêsu là Thiên Chúa vĩ đại và là Đấng Cứu Độ chúng ta,

2817

950

⁴⁴ X. CĐ Tridentinô, Sess. 7a, *Canones de sacramentis in genere*, canon 8: DS 1608.

⁴⁵ X. Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, III, q. 68, a. 8, c.: Ed. Leon. 12, 100.

⁴⁶ X. CĐ Tridentinô, Sess. 4a, *Canones de sacramentis in genere*, canon 8: DS 1604.

⁴⁷ X. 2 Pr 1,4.

xuất hiện vinh quang” (Tt 2,13). “Thần Khí và Tân Nương nói: Xin Ngài ngự đến... Lạy Chúa Giêsu, xin ngự đến” (Kh 22, 17.20).

Thánh Tôma tóm lược các chiều kích khác nhau của dấu chỉ bí tích như sau: “Bí tích là dấu chỉ nhắc nhớ điều đã xảy ra trước nó, tức là cuộc khổ nạn của Đức Kitô; là dấu chỉ cho thấy điều được thực hiện nơi chúng ta nhờ cuộc khổ nạn của Đức Kitô, tức là ân sủng; là dấu chỉ tiên báo, tức là báo trước vinh quang tương lai”⁴⁸.

TÓM LƯỢC

1131. Các bí tích là những dấu chỉ hữu hiệu của ân sủng, do Đức Kitô thiết lập và ủy thác cho Hội Thánh; qua các bí tích, sự sống thần linh được trao ban cho chúng ta. Các nghi thức khả giác được dùng để cử hành bí tích, biểu thị và thực hiện ân sủng riêng của từng bí tích. Các bí tích mang lại hoa trái nơi những người lãnh nhận có sự chuẩn bị nội tâm cần thiết.

1132. Hội Thánh cử hành các bí tích với tư cách là một cộng đoàn tư tế có tổ chức, gồm chức tư tế do bí tích Rửa Tội, và chức tư tế của các thừa tác viên có chức thánh.

1133. Chúa Thánh Thần chuẩn bị cho các bí tích bằng Lời Chúa và bằng đức tin đón nhận Lời Chúa nơi những tâm hồn đã chuẩn bị tốt. Lúc đó các bí tích củng cố và diễn tả đức tin.

1134. Đời sống bí tích đem lại hoa trái vừa cho cá nhân vừa cho Hội Thánh. Một đàng, đối với mọi tín hữu, hoa trái này là đời sống cho Thiên Chúa trong Chúa Giêsu Kitô; đàng khác, đối với Hội Thánh, hoa trái này là sự tăng trưởng trong đức mến và trong sứ vụ làm chứng của Hội Thánh.

⁴⁸ Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, III, q. 60, a. 3, c.: Ed. Leon. 12,6.

CHƯƠNG HAI

CỬ HÀNH MẦU NHIỆM VƯỢT QUA TRONG CÁC BÍ TÍCH

CAPUT SECUNDUM

SACRAMENTALIS CELEBRATIO MYSTERII PASCHALIS

1135. Việc dạy giáo lý về phụng vụ đòi hỏi trước hết phải hiểu biết Nhiệm cục bí tích (*Chương một*). Dưới ánh sáng đó, tính chất mới mẻ của việc cử hành các bí tích được tỏ hiện. Vì vậy, chương này sẽ bàn đến việc cử hành các bí tích của Hội Thánh. Chúng ta sẽ trình bày điểm chung của việc cử hành bảy bí tích trong các truyền thống phụng vụ khác nhau; sau đó sẽ là điểm đặc thù của từng bí tích. Việc dạy giáo lý căn bản về các cử hành bí tích sẽ trả lời những câu hỏi đầu tiên mà các tín hữu đặt ra về vấn đề này:

- Ai cử hành?
- Cử hành như thế nào?
- Cử hành khi nào?
- Cử hành ở đâu?

Mục 1

Cử hành phụng vụ của Hội Thánh

Articulus 1

Ecclesiae liturgiam celebrare

I. AI CỬ HÀNH?

QUIS CELEBRAT?

1136. Phụng vụ là “hành động” của Đức Kitô toàn thể (*Christus totus*). Những ai giờ đây cử hành phụng vụ vượt quá các dấu chỉ, là những người đang ở trong phụng vụ thiên quốc, ở đó, việc cử hành hoàn toàn là hiệp thông và lễ hội. 795
1090

2642 Những người cử hành Phụng vụ thiên quốc

1137. Sách Khải Huyền của thánh Gioan, được đọc trong phụng vụ của Hội Thánh, trước tiên cho chúng ta thấy một cái ngai được đặt trên trời; và Đấng ngự trên ngai¹: đó là “Chúa” (Is 6,1)². Rồi đến
662 “Một Con Chiên trông như thể đã bị giết” (Kh 5,6)³: đó là Đức Kitô bị đóng đinh và đã sống lại, là vị Thượng Tế duy nhất của cung thánh đích thực⁴, chính Người “vừa là người dâng vừa là lễ vật được dâng lên, vừa là người tặng vừa là quà được hiến tặng”⁵. Cuối cùng là “con sông có nước trường sinh, ... chảy ra từ ngai của Thiên Chúa và của Con Chiên” (Kh 22,1), đó là một trong những biểu tượng đẹp nhất về Chúa Thánh Thần⁶.

1138. “Những ai được quy tụ” trong Đức Kitô tham dự vào việc
335 phục vụ là ca ngợi Thiên Chúa và việc chu toàn kế hoạch của Ngài là: các Quyền thần trên trời⁷, toàn thể thụ tạo (tượng trưng bằng bốn Con vật), các thừa tác viên thời Cựu và Tân Ước (24 Kỳ mục), dân mới của Thiên Chúa (144 ngàn người)⁸, đặc biệt là các vị tử
1370 đạo “những người đã bị giết vì đã rao giảng lời Thiên Chúa” (Kh 6,9), và Mẹ chí thánh của Thiên Chúa (Người Phụ nữ⁹; Hiền thê của Con Chiên¹⁰), cuối cùng là “một đoàn người thật đông không tài nào đếm nổi, thuộc mọi dân, mọi chi tộc, mọi nước, và mọi ngôn ngữ” (Kh 7,9).

1139. Chúa Thánh Thần và Hội Thánh cho chúng ta được tham dự vào Phụng vụ vĩnh cửu này, khi chúng ta cử hành mầu nhiệm cứu độ trong các bí tích.

Những người cử hành phụng vụ bí tích

752, 1348 **1140.** Toàn thể *Cộng đoàn*, Thân Thể của Đức Kitô kết hợp với Đầu của mình, cử hành phụng vụ. “Các hoạt động phụng vụ không phải là những hoạt động riêng tư, nhưng là những cử hành của Hội Thánh, là ‘bí tích của sự hợp nhất’, nghĩa là dân thánh được quy tụ và điều hành dưới quyền các Giám mục. Vì vậy, các cử hành đó

¹ X. Kh 4,2.

² X. Ed 1,26-28.

³ X. Ga 1,29.

⁴ X. Dt 4,14-15; 10,19-21; etc.

⁵ *Liturgia Byzantina. Anaphora Iohannis Chrysostomi*: F.E. Brightman, *Liturgies Eastern and Western* (Oxford 1896) 378 (PG 63, 913).

⁶ X. Ga 4,10-14; Kh 21,6.

⁷ X. Kh 4-5; Is 6,2-3.

⁸ X. Kh 7,1-8; 14,1.

⁹ X. Kh 12.

¹⁰ X. Kh 21,9.

thuộc về thân thể phổ quát của Hội Thánh, chúng làm tỏ hiện và ảnh hưởng đến toàn thân thể; tuy nhiên các cử hành đó cũng liên quan đến từng chi thể theo những cách khác nhau, tùy theo sự khác biệt về phẩm trật, phận vụ và sự tham dự hiện thực”¹¹. Vì vậy, “mỗi khi các nghi thức, theo bản chất riêng của từng nghi thức, được cử hành chung, với sự tham dự đông đảo và tích cực của các tín hữu, thì phải nhấn mạnh rằng việc cử hành chung như vậy, bao nhiêu có thể, phải được quý chuộng hơn việc cử hành các nghi thức đó một cách đơn độc và có vẻ riêng tư”¹². 1372

1141. Cộng đoàn cử hành phụng vụ là cộng đoàn của những người đã lãnh nhận bí tích Rửa Tội, “nhờ sự tái sinh và sự xúc dầu bằng Chúa Thánh Thần, họ được thánh hiến để trở thành ngôi nhà thiêng liêng và hàng tư tế thánh, để dâng lên những của lễ thiêng liêng qua tất cả các công việc của Kitô hữu”¹³. “Chức tư tế cộng đồng” này là chức tư tế của Đức Kitô, vị Tư Tế duy nhất, mà tất cả các chi thể của Người đều được tham dự vào”¹⁴. 1120

“Mẹ Hội Thánh tha thiết ước mong mọi tín hữu đều được hướng dẫn tham dự các việc cử hành phụng vụ cách đầy đủ, ý thức và tích cực. Việc tham dự như vậy do chính bản chất phụng vụ đòi hỏi, và dân Kitô giáo, ‘là giống nòi được tuyển chọn, là hàng tư tế vương giả, là dân thánh, dân riêng của Thiên Chúa’ (1 Pr 2,9)¹⁵, do bí tích Rửa Tội, có quyền lợi và nhiệm vụ trong việc tham dự như vậy”¹⁶. 1268

1142. “Nhưng mọi chi thể không có cùng một chức năng” (Rm 12,4). Một số chi thể đã được Thiên Chúa kêu gọi, trong và qua Hội Thánh, để đặc biệt phục vụ cộng đoàn. Những thừa tác viên này được tuyển chọn và được thánh hiến nhờ bí tích Truyền Chức Thánh, qua đó, Chúa Thánh Thần làm cho họ có khả năng hành động trong cương vị của Đức Kitô là Đầu (*in persona Christi-Capitis*) để phục vụ mọi chi thể của Hội Thánh”¹⁷. Thừa tác viên có chức thánh là như “họa ảnh” của Đức Kitô Tư Tế. Bởi vì, trong bí tích Thánh Thể, bí tích của Hội Thánh được biểu lộ cách đầy đủ, nên thừa tác vụ giám mục nổi bật nhất trong việc chủ sự Thánh Lễ, và hiệp thông với ngài, là thừa tác vụ linh mục và phó tế. 1549 1561

¹¹ CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 26: AAS 56 (1964) 107.

¹² CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 27: AAS 56 (1964) 107.

¹³ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 10: AAS 57 (1965) 14.

¹⁴ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 10: AAS 57 (1965) 14; *Ibid.*, 34: AAS 57 (1965) 40; *Id.*, Sắc lệnh *Presbyterorum ordinis*, 2: AAS 58 (1966) 991-992.

¹⁵ X. 1 Pr 2,4-5.

¹⁶ CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 14: AAS 56 (1964) 104.

¹⁷ X. CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Presbyterorum ordinis*, 2: AAS 58 (1966) 992; *Ibid.*, 15: AAS 58 (1966) 1014.

1143. Để giúp các phận vụ của chức tư tế cộng đồng của các tín hữu, còn có những *tác vụ đặc biệt* khác, không được thánh hiến nhờ bí tích Truyền Chức Thánh, và nhiệm vụ của những tác vụ này được các Giám mục quy định theo các truyền thống phụng vụ và các nhu cầu mục vụ. “Cả những người giúp lễ, đọc sách, dẫn giải và các ca viên, cũng thật sự đảm nhận một tác vụ phụng vụ”¹⁸.

1144. Như vậy, trong việc cử hành các bí tích, toàn thể cộng đoàn đều là “người cử hành phụng vụ”, mỗi người tùy theo phận vụ của mình, nhưng “trong sự hợp nhất của Chúa Thánh Thần”, Đấng hoạt động trong mọi người. “Trong các cử hành phụng vụ, thừa tác viên hay tín hữu, mỗi người theo phận vụ của mình, *chỉ làm và làm trọn vẹn* những gì thuộc phận vụ của mình theo bản chất của sự việc và các quy tắc phụng vụ”¹⁹.

II. CỬ HÀNH THỂ NÀO?

QUOMODO CELEBRANDUM?

1333-1340 Các dấu chỉ và biểu tượng

1145. Việc cử hành bí tích được dệt bằng các dấu chỉ và các biểu tượng. Theo đường lối sư phạm của Thiên Chúa trong việc cứu độ, ý nghĩa của các dấu chỉ và các biểu tượng được bén rễ trong công trình tạo dựng và trong văn hoá nhân loại, được xác định trong các biến cố của Giao Ước cũ, và được bày tỏ cách đầy đủ trong con người và công trình của Đức Kitô.

1146. *Những dấu chỉ của thế giới loài người.* Trong đời sống con người, các dấu chỉ và các biểu tượng chiếm một vị trí quan trọng. Con người, một hữu thể vừa thể xác vừa tinh thần, diễn tả và cảm nhận các thực tại tinh thần nhờ các dấu chỉ và các biểu tượng vật chất. Với tính cách là một hữu thể có tính xã hội, con người cần các dấu chỉ và các biểu tượng để giao tiếp với tha nhân nhờ ngôn ngữ, các cử chỉ, các hành động. Về tương quan của con người với Thiên Chúa cũng thế.

1147. Thiên Chúa nói với con người qua thụ tạo hữu hình. Vũ trụ vật chất được phô diễn trước trí tuệ con người, để họ đọc được nơi vũ trụ các dấu vết của Đấng Tạo Hoá của họ²⁰. Ánh sáng và đêm tối, gió và lửa, nước và đất, cây cối và hoa trái đều nói về Thiên Chúa; chúng nói lên một cách biểu tượng cả sự cao cả lẫn sự gần gũi của Ngài.

¹⁸ CĐ Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 29: AAS 56 (1964) 107.

¹⁹ CĐ Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 28: AAS 56 (1964) 107.

²⁰ X. Kn 13,1; Rm 1,19-20; Cv 14,17.

1148. Vì được Thiên Chúa tạo dựng, những thực tại khả giác này có thể trở thành phương tiện diễn tả hành động của Thiên Chúa, Đấng thánh hóa loài người, và diễn tả hành động của con người, những kẻ phụng thờ Thiên Chúa. Về các dấu chỉ và biểu tượng trong đời sống xã hội của con người cũng vậy: tắm rửa và xức dầu, bẻ bánh và chia sẻ một chén có thể diễn tả sự hiện diện tác thánh của Thiên Chúa và lòng tri ân của con người đối với Đấng Tạo Hoá của mình.

1149. Các tôn giáo lớn của nhân loại cho thấy rõ, một cách thường rất ấn tượng, ý nghĩa về vũ trụ và về các biểu tượng của các nghi thức tôn giáo. Phụng vụ của Hội Thánh đón nhận, hội nhập và thánh hoá các yếu tố của công trình tạo dựng và của văn hóa nhân loại, khi mang lại cho chúng phẩm tính là trở thành những dấu chỉ của ân sủng, của công cuộc tạo dựng mới trong Chúa Giêsu Kitô. 843

1150. *Những dấu chỉ của Giao Ước.* Dân Chúa chọn lãnh nhận từ Thiên Chúa những dấu chỉ và những biểu tượng đặc biệt phân biệt đời sống phụng vụ của họ: đây không chỉ là những cử hành long trọng các chu kỳ vũ trụ và các cử chỉ xã hội, nhưng còn là những dấu chỉ của Giao Ước, những biểu tượng của các kỳ công của Thiên Chúa đối với dân Ngài. Trong số các dấu chỉ phụng vụ này của Giao Ước cũ, có thể kể việc cắt bì, việc xức dầu và việc thánh hiến các vua và các tư tế, việc đặt tay, các hy lễ, và nhất là lễ Vượt Qua. Hội Thánh coi các dấu chỉ đó như hình ảnh tiên báo các bí tích của Giao Ước mới. 1334

1151. *Những dấu chỉ được Đức Kitô sử dụng.* Khi giảng dạy, Chúa Giêsu thường sử dụng những dấu chỉ của công trình tạo dựng để giúp nhận biết các mầu nhiệm của Nước Thiên Chúa.²¹ Người chữa lành và minh họa lời giảng dạy của Người bằng những dấu chỉ vật chất hay những cử chỉ có tính biểu trưng²². Người ban một ý nghĩa mới cho các sự kiện và các dấu chỉ của Giao Ước cũ, nhất là cho cuộc Xuất Hành và lễ Vượt Qua²³, bởi vì chính Người là ý nghĩa của tất cả các dấu chỉ đó. 1335

1152. *Các dấu chỉ bí tích.* Từ sau Lễ Ngũ Tuần, Chúa Thánh Thần thực hiện việc thánh hóa qua các dấu chỉ bí tích của Hội Thánh của Ngài. Các bí tích của Hội Thánh không xóa bỏ, nhưng thanh luyện, đón nhận tất cả sự phong phú của các dấu chỉ và các biểu tượng của thế giới vật chất và đời sống xã hội. Hơn nữa, các bí tích còn hoàn tất những tiên trưng và hình bóng của Giao Ước cũ, biểu

²¹ X. Lc 8,10.

²² X. Ga 9,6; Mc 7,33-35; 8,22-25.

²³ X. Lc 9,31; 22,7-20.

thị và thực hiện ơn cứu độ do Đức Kitô mang lại, và cho thấy trước cũng như cho nếm trước vinh quang thiên quốc.

Các lời nói và các hành động

53 **1153.** Việc cử hành bí tích là cuộc gặp gỡ của các con cái Thiên Chúa với Cha mình, trong Đức Kitô và Chúa Thánh Thần, và cuộc gặp gỡ này diễn ra như một cuộc đối thoại, qua các hành động và các lời nói. Tuy các hành động biểu tượng chính là một thứ ngôn ngữ, nhưng cần có Lời Chúa và lời đáp lại của đức tin đi kèm theo và làm sống động các hành động ấy, để hạt giống của Nước Chúa mang lại hoa trái nơi thửa đất tốt. Các hành động phụng vụ nói lên điều Lời Chúa diễn tả: đó là sáng kiến nhưng không của Thiên Chúa, đồng thời là lời đáp lại của đức tin của dân Ngài.

1100 **1154.** *Phụng vụ Lời Chúa* là phần không thể thiếu trong các cử hành bí tích. Để nuôi dưỡng đức tin của các tín hữu, các dấu chỉ
103 của Lời Chúa phải được đề cao: Sách Lời Chúa (sách Bài Đọc hay sách Tin Mừng), việc tôn kính Lời Chúa (rước kiệu, xông hương, ánh sáng), vị trí công bố Lời Chúa (giảng đài), việc tuyên đọc Lời Chúa cho dễ nghe dễ hiểu, bài giảng của thừa tác viên làm sáng tỏ Lời Chúa vừa được công bố, những lời đáp lại của cộng đoàn (những lời tung hô, các Thánh vịnh để suy niệm, các kinh cầu, việc tuyên xưng đức tin).

1127 **1155.** Lời phụng vụ và hành động phụng vụ, không thể tách biệt nhau xét như những dấu chỉ và giáo huấn, cũng không thể tách biệt nhau xét như cả hai thực hiện điều chúng biểu thị. Chúa Thánh Thần không những giúp hiểu được Lời Chúa qua việc khơi dậy đức tin, chính Ngài còn thực hiện, qua các bí tích, “những kỳ công” của Thiên Chúa đã được Lời Chúa loan báo: Ngài làm cho hiện diện và truyền thông công trình của Chúa Cha đã được Con yêu dấu thực hiện.

Bài ca và âm nhạc

1156. “Truyền thống âm nhạc của Hội Thánh phổ quát đã tạo nên một kho tàng vô giá, vượt trên các hình thức nghệ thuật khác, nhất là vì thánh ca gắn liền với các lời nói, nên đã trở thành một phần cần thiết hoặc không thể thiếu của phụng vụ trọng thể”²⁴. Việc sáng tác và ca hát các Thánh vịnh được linh hứng, thường có các nhạc cụ phụ họa, đã gắn chặt với các cử hành phụng vụ của Cựu Ước. Hội Thánh tiếp tục và phát huy truyền thống này: “Hãy cùng nhau đối đáp những bài Thánh vịnh, thánh thi và thánh ca

²⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 112: AAS 56 (1964) 128.

do Thần Khí linh hứng; hãy đem cả tâm hồn mà ca hát chúc tụng Chúa” (Ep 5,19)²⁵. “Hát là cầu nguyện hai lần”²⁶.

1157. Bài ca và âm nhạc chu toàn chức năng làm dấu chỉ của mình một cách có ý nghĩa hơn, “khi chúng liên kết chặt chẽ hơn với hành động phụng vụ”²⁷, theo ba tiêu chuẩn chính sau đây: về đẹp
2502
diễn cảm của lời cầu nguyện, sự đồng thanh tham dự của cộng đoàn vào những lúc đã được quy định, và tính cách long trọng của cuộc cử hành. Như vậy, bài ca và âm nhạc dự phần vào mục đích của các lời nói và các hành động phụng vụ: đó là làm vinh danh Thiên Chúa và thánh hóa các tín hữu²⁸:

“Bao lần con đã rơi lệ khi nghe các thánh thi, thánh ca của Chúa, những âm thanh dịu dàng vang lên trong thánh đường của Chúa, con đã xúc động biết bao! Các âm thanh đó rót vào tai con, và chân lý được tinh luyện trong trái tim con, từ đó niềm hưng phấn đạo đức sôi lên và nước mắt tuôn tràn, những điều đó làm cho con hạnh phúc”²⁹.

1158. Sự hòa hợp của các dấu chỉ (ca hát, âm nhạc, lời nói và hành động) sẽ càng có ý nghĩa hơn và mang nhiều hoa trái hơn nếu càng được diễn tả trong *sự phong phú về văn hóa* đặc thù của dân Thiên Chúa đang cử hành³⁰. Vì vậy, “những bài thánh ca mang tính dân
1201
1674
tộc phải được cổ võ cách khéo léo, để giọng các tín hữu có thể vang lên trong những buổi thực hành đạo đức và linh thánh và trong chính các hành động phụng vụ” theo các quy tắc của Hội Thánh³¹. Tuy nhiên “lời ca trong các bài thánh ca phải phù hợp với giáo lý Công giáo và tốt nhất là nên được rút ra từ Thánh Kinh và từ các nguồn mạch phụng vụ”³².

Các ảnh tượng thánh

476-477

2129-2132

1159. Ảnh tượng thánh, ảnh tượng phụng vụ, chủ yếu trình bày *Đức Kitô*. Ảnh tượng không thể trình bày Thiên Chúa vô hình và khôn tả; việc Nhập Thể của Con Thiên Chúa đã mở đầu một “nhiệm vụ” mới của các ảnh tượng:

“Xưa kia Thiên Chúa, Đấng không có thân xác và diện mạo, không bao giờ được trình bày bằng ảnh tượng. Nhưng nay, sau

²⁵ X. Cl 3,16-17.

²⁶ X. Thánh Augustinô, *Enarratio in Psalmum* 72, 1: CCL 39, 986 (PL 36, 914).

²⁷ CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 112: AAS 56 (1964) 128.

²⁸ X. CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 112: AAS 56 (1964) 128.

²⁹ Thánh Augustinô, *Confessiones*, 9, 6, 14: CCL 27, 141 (PL 32, 769-770).

³⁰ X. CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 119: AAS 56 (1964) 129-130.

³¹ CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 118: AAS 56 (1964) 129.

³² CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 121: AAS 56 (1964) 130.

khi Người đã tự trở nên hữu hình trong xác phàm và sống giữa loài người, tôi có thể họa một hình ảnh về điều tôi thấy nơi Thiên Chúa... Vậy sau khi dung nhan được mạc khải, chúng ta chiêm ngắm vinh quang của Chúa”³³.

1160. Nghệ thuật ảnh tượng Kitô giáo dùng hình ảnh để truyền đạt sứ điệp Tin Mừng, sứ điệp mà Sách Thánh lưu truyền bằng lời. Hình ảnh và lời nói làm sáng tỏ lẫn nhau:

“Chúng tôi tuyên bố cách vắn tắt rằng, chúng tôi gìn giữ nguyên vẹn mọi truyền thống hoặc thành văn, hoặc bất thành văn của Hội Thánh, đã được ký thác cho chúng tôi. Một trong những truyền thống này là việc sử dụng ảnh tượng, vốn phù hợp với việc rao giảng lịch sử Tin Mừng. Việc sử dụng ảnh tượng góp phần nói lên sự chắc chắn xác thực, chứ không phải chỉ là dáng vẻ, của việc Ngôi Lời Thiên Chúa nhập thể, và góp phần mang lại lợi ích cho chúng tôi. Những gì soi sáng cho nhau, thì chắc chắn có những ý nghĩa hỗ tương”³⁴.

1161. Tất cả các dấu chỉ của việc cử hành phụng vụ đều quy hướng về Đức Kitô: kể cả các ảnh tượng của Mẹ Thiên Chúa và của các thánh. Thật vậy, các ảnh tượng này nói về Đức Kitô, Đáng được tôn vinh nơi các ngài. Các ảnh tượng này cho thấy “ngàn ấy nhân chứng đức tin như đám mây bao quanh” (Dt 12,1), các ngài đang tiếp tục tham dự vào công trình cứu độ trần gian và chúng ta được liên kết với các ngài, nhất là khi cử hành các bí tích. Qua ảnh tượng của các ngài, điều được mạc khải cho đức tin của chúng ta là, con người, được tạo dựng “theo hình ảnh Thiên Chúa”, cuối cùng được biến hình nên “giống như Thiên Chúa”³⁵, và cả các Thiên thần, là những vị đã được quy tụ lại trong Đức Kitô:

“Theo giáo huấn của các Thánh Giáo phụ được Thiên Chúa linh hứng, và theo truyền thống của Hội Thánh Công giáo (mà chúng ta biết rằng đó là truyền thống của Chúa Thánh Thần, Đáng chắc chắn đang ngự trong Hội Thánh), chúng tôi ấn định với tất cả sự chắc chắn và chính đáng rằng, cũng như hình tượng cây Thánh Giá quý trọng và ban sự sống, các ảnh tượng đáng kính và thánh thiện, hoặc được vẽ và lắp ghép, hoặc bằng những chất liệu thích hợp khác, phải được đặt trong các thánh đường của Thiên Chúa, trên các bình thánh và y phục thánh, trên các bức tường và các bức họa, trong nhà và trên các đường phố: đó là ảnh tượng của Chúa Giêsu Kitô, là Thiên Chúa và là Đáng Cứu

³³ Thánh Gioan Đamascênô, *De sacris imaginibus oratio*, 1, 16: PTS 17, 89 et 92 (PG 94, 1245 et 1248).

³⁴ CĐ Nicêa II (năm 787), *Terminus*: COD 135.

³⁵ X. Rm 8,29; 1 Ga 3,2.

Độ chúng ta, cũng như ảnh tượng của Đức Bà tinh tuyền, là Mẹ thánh của Thiên Chúa, ảnh tượng của các Thiên thần đáng kính, của tất cả các Thánh và những người công chính”³⁶.

1162. “Về đẹp và màu sắc của các ảnh tượng kích thích việc cầu nguyện của tôi. Đó là một bữa tiệc làm no thoả mắt tôi, cũng như quang cảnh đồng quê kích thích trái tim tôi ca tụng Thiên Chúa”³⁷. Việc chiêm ngắm các ảnh tượng thánh, cùng với việc suy niệm Lời Chúa và việc ca hát các thánh thi phụng vụ, sẽ tạo nên một sự hoà hợp các dấu chỉ trong cuộc cử hành, làm cho mầu nhiệm được cử hành in sâu vào tâm khảm các tín hữu, rồi được biểu lộ ra trong đời sống mới của họ.

III. CỬ HÀNH KHI NÀO?

QUANDO CELEBRANDUM?

Thời gian phụng vụ

1163. “Hội Thánh là Mẹ hiền, ý thức mình có bốn phận cử hành công trình cứu độ của Phu Quân thần linh của mình, bằng một sự tưởng niệm thánh thiêng, vào những ngày cố định trong suốt cả năm. Mỗi tuần, vào ngày được gọi là ngày của Chúa (Chúa nhật), Hội Thánh tưởng niệm cuộc phục sinh của Chúa, điều mà mỗi năm một lần Hội Thánh còn cử hành trong đại lễ Vượt Qua, cùng với cuộc khổ hình hồng phúc của Người. Hội Thánh trình bày toàn bộ mầu nhiệm Đức Kitô qua chu kỳ một năm... Khi cử hành các mầu nhiệm cứu chuộc như vậy, Hội Thánh mở ra cho các tín hữu kho tàng quyền năng và công nghiệp của Chúa mình, khiến các mầu nhiệm này một cách nào đó luôn hiện diện trong mọi lúc; các tín hữu tiếp xúc với các mầu nhiệm đó, và được đầy tràn ơn cứu độ”³⁸.

1164. Dân Thiên Chúa, theo luật Môisen, đã có những lễ mừng cố định khởi từ cuộc Vượt Qua để ghi nhớ những hành động kỳ diệu của Thiên Chúa Cứu độ, để tạ ơn Ngài vì những kỳ công đó, để nhớ mãi những kỳ công đó và để dạy cho các thế hệ sau sống xứng đáng với những kỳ công đó. Đến thời Hội Thánh, trong khoảng thời gian từ cuộc Vượt Qua của Đức Kitô, được thực hiện một lần cho mãi mãi, cho đến ngày cuộc Vượt Qua được hoàn tất trong Nước Thiên Chúa, phụng vụ được cử hành vào những ngày đã ấn định, được đóng ấn bằng tính cách mới mẻ của mầu nhiệm Đức Kitô.

³⁶ CĐ Nicêa II, *Definitio de sacris imaginibus*: DS 600.

³⁷ Thánh Gioan Đamascênô, *De sacris imaginibus oratio*, 1, 47: PTS 17, 151 (PG 94, 1268).

³⁸ CĐ Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 102: AAS 56 (1964) 125.

2659, 2836 **1165.** Khi Hội Thánh cử hành mầu nhiệm Đức Kitô, có một từ luôn được nhắc đến trong kinh nguyện của Hội Thánh: đó là từ “*Hôm nay*”, là âm vang Lời Kinh Chúa dạy³⁹, và âm vang tiếng gọi của Chúa Thánh Thần⁴⁰. Ngày “hôm nay” này của Thiên Chúa hằng sống mà con người được mời gọi bước vào, chính là “Giờ” của cuộc Vượt Qua của Chúa Giêsu, Giờ đó xuyên suốt và hướng dẫn toàn bộ lịch sử:

“Sự sống được mở ra cho vạn vật và tất cả được đầy tràn ánh sáng vĩnh cửu, và Đấng là Vàng Đông của các vàng đồng xâm chiếm vũ trụ: Đấng được sinh ra trước Sao Mai, bất tử và cao cả, là Đức Kitô chiếu soi vạn vật hơn cả mặt trời. Vì vậy, ngày bừng sáng, lâu dài, vĩnh cửu và không thể tàn lụi đã xuất hiện cho chúng ta là những kẻ tin vào Người: đó là cuộc Vượt Qua thần bí”⁴¹.

2174-2188 Ngày của Chúa

1343 **1166.** “Theo truyền thống Tông Đồ bắt nguồn từ chính ngày Đức Kitô sống lại, Hội Thánh cử hành mầu nhiệm Vượt Qua vào mỗi ngày thứ tám, ngày thật xứng đáng được gọi là ngày của Chúa hoặc Chúa Nhật”⁴². Ngày phục sinh của Đức Kitô vừa là “ngày thứ nhất trong tuần” gọi lại ngày đầu tiên của công trình tạo dựng, vừa là “ngày thứ tám”, trong ngày đó Đức Kitô, sau khi “an nghỉ” trong ngày sabat vĩ đại của Người, đã khởi đầu ngày “Chúa đã làm ra” (Tv 118,24), “ngày không có chiều tà”⁴³. “Bữa tiệc của Chúa” là trung tâm của ngày này, bởi vì trong đó, toàn thể cộng đoàn các tín hữu được gặp Chúa phục sinh, Đấng mời họ vào bàn tiệc của Người⁴⁴:

“Ngày của Chúa, ngày Phục Sinh, ngày của các Kitô hữu, là ngày của chúng ta. Vì thế ngày này được gọi là ngày của Chúa, bởi vì trong ngày đó Chúa, là Đấng chiến thắng, lên với Chúa Cha. Nếu người ngoại giáo gọi ngày này là ngày của mặt trời, chúng ta cũng sẵn sàng công nhận như vậy: vì hôm nay, ánh sáng của trần gian đã mọc lên, hôm nay mặt trời công chính đã xuất hiện, các tia sáng của mặt trời này mang lại ơn chữa lành”⁴⁵.

³⁹ X. Mt 6,11.

⁴⁰ X. Dt 3,7-4,11; Tv 95,8.

⁴¹ Pseudô-Hippolytô Roma, *In sanctum Pascha*, 1, 1-2: *Studia patristica mediolanensia* 15, 230-232 (PG 59, 755).

⁴² CĐ Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 106: AAS 56 (1964) 126.

⁴³ X. *Matutinum in die Paschatis ritus Byzantini, Oda 9, troparium: Pentekostarion* (Romae 1884) 11.

⁴⁴ X. Ga 21,12; Lc 24,30.

⁴⁵ Thánh Hiêrônômô, *In die Dominica Paschae homilia*: CCL 78, 550 (PL 30, 218-219).

1167. Ngày Chúa Nhật đặc biệt là ngày họp mặt để cử hành phụng vụ, trong đó, các tín hữu quy tụ lại “để, khi nghe Lời Chúa và tham dự bí tích Thánh Thể, họ kính nhớ cuộc khổ nạn, sự sống lại và vinh quang của Chúa Giêsu, đồng thời họ cảm tạ Thiên Chúa, Đấng đã tái sinh họ trong niềm hy vọng sống động, nhờ sự sống lại từ cõi chết của Chúa Giêsu Kitô”⁴⁶.

“Lạy Đức Kitô, khi chúng con suy ngắm những kỳ công vinh quang và những dấu chỉ lạ lùng được thực hiện trong ngày Chúa Nhật của cuộc phục sinh thánh và vinh hiển của Chúa, chúng con thốt lên: Chúc tụng ngày của Chúa, bởi vì trong ngày này công trình tạo dựng đã được khởi đầu, ... trần gian được cứu chuộc, ... nhân loại được canh tân... Trong ngày này, trời đất bừng sáng lên và cả trần gian ngập tràn ánh sáng. Chúc tụng ngày của Chúa, bởi vì trong ngày này các cửa thiên đàng được mở ra để ông Adam và mọi kẻ bị lưu đày tiến vào đó mà không sợ hãi”⁴⁷.

Năm phụng vụ

1168. Khởi từ Tam Nhật Vượt Qua, như từ nguồn ánh sáng của mình, thời đại mới của cuộc phục sinh tuôn đổ sự rực rỡ của nó trên suốt năm phụng vụ. Dần dần, nhờ hết phần này đến phần khác của nguồn mạch này, trọn cả năm được biến hình nhờ phụng vụ. Đó quả thật là “năm hồng ân của Chúa”⁴⁸. Nhiệm vụ cứu độ hoạt động trong khung thời gian, nhưng từ khi nhiệm vụ đó được hoàn tất trong cuộc Vượt Qua của Chúa Giêsu và trong việc tuôn ban Chúa Thánh Thần, thì lúc tận cùng của lịch sử đã được tiên dự như “sự ném trước” và Nước Thiên Chúa bước vào thời gian của chúng ta.

2698

1169. Vì vậy, *Lễ Phục Sinh* không chỉ đơn giản là một ngày lễ giữa bao lễ khác: nó chính là “Ngày Lễ của các ngày lễ”, “Lễ Trọng của các lễ trọng”, cũng như Thánh Thể là bí tích của các bí tích (bí tích trọng đại). Thánh Athanasiô gọi lễ Phục Sinh là “Chúa Nhật vĩ đại”⁴⁹, cũng như Tuần Thánh được Giáo Hội Đông phương gọi là “Tuần Lễ vĩ đại”. Mầu nhiệm Phục Sinh, trong đó Đức Kitô tiêu diệt sự chết, thấm nhập vào thời gian già cỗi của chúng ta bằng sức mạnh đầy quyền năng của Người, cho đến khi mọi sự phải quy phục Người.

1330
560

⁴⁶ CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 106: AAS 56 (1964) 126.

⁴⁷ *Fanqith, Breviarium iuxta ritum Ecclesiae Antiochensae Syrorum*, v. 6 (Mossul 1886) 193b.

⁴⁸ X. Lc 4,19.

⁴⁹ Thánh Athanasiô Alexandria, *Epistula festivalis*, 1 (năm 329), 10: PG 26, 1366.

1170. Tại Công đồng Nicêa (năm 325), tất cả các Giáo Hội đồng ý mừng lễ Phục Sinh Kitô giáo vào Chúa Nhật sau ngày trăng tròn (14 tháng Nisan), sau ngày xuân phân. Vì có những phương pháp khác nhau để tính ngày 14 tháng Nisan, nên ngày mừng lễ Phục sinh trong các Giáo hội Đông phương và Tây phương đã không luôn trùng khớp với nhau. Vì vậy, ngày nay các Giáo Hội này đang tìm cách thỏa thuận để ngày đại lễ Phục sinh của Chúa lại có thể được mừng chung trong cùng một ngày.

524 **1171.** Năm phụng vụ là sự triển khai những khía cạnh khác nhau của mầu nhiệm Vượt Qua duy nhất. Điều này đặc biệt đúng cho chu kỳ các lễ xoay quanh mầu nhiệm Nhập Thể (Truyền Tin, Giáng Sinh, Hiển Linh), để tưởng niệm việc khởi đầu ơn cứu độ của chúng ta và truyền thông cho chúng ta những hoa trái đầu mùa của mầu nhiệm Vượt Qua.

Việc kính các Thánh trong năm Phụng vụ

971 **1172.** “Trong khi cử hành các mầu nhiệm của Đức Kitô theo chu kỳ
2030 hằng năm, Hội Thánh tôn kính với một tình yêu đặc biệt Đức Maria diễm phúc, Mẹ Thiên Chúa, Đáng được nối kết với Con mình trong công trình cứu độ bằng mối dây bất khả phân ly. Nơi Mẹ, Hội Thánh ngưỡng mộ và tán dương hoa trái tuyệt vời nhất của ơn cứu chuộc, và vui mừng chiêm ngắm nơi Mẹ như trong một hình ảnh rất tinh tuyền, mọi điều mà chính Hội Thánh ước mong và hy vọng trở thành”⁵⁰.

957 **1173.** Trong chu kỳ hằng năm, khi kính nhớ các Thánh tử đạo và các vị Thánh khác, Hội Thánh “công bố mầu nhiệm Vượt Qua” nơi các người nam và người nữ đó, là “những vị đã cùng chịu đau khổ và cùng được vinh hiển với Đức Kitô, và Hội Thánh trình bày cho các tín hữu những mầu gương của các ngài, để lôi kéo tất cả đến với Chúa Cha nhờ Đức Kitô, và nhờ công nghiệp của các ngài, Hội Thánh nhận được những ơn lành của Thiên Chúa”⁵¹.

Các Giờ Kinh phụng vụ

2698 **1174.** Mầu nhiệm của Đức Kitô, cuộc Nhập Thể và Vượt Qua của Người, mà chúng ta cử hành trong bí tích Thánh Thể, đặc biệt nơi cộng đoàn quy tụ ngày Chúa nhật, thấm nhập và biến đổi thời gian của từng ngày nhờ việc cử hành các Giờ Kinh phụng vụ, còn gọi là kinh “Thần Vụ”⁵². Trung thành với những lời khuyên của các

⁵⁰ CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 103: AAS 56 (1964) 125.

⁵¹ CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 104: AAS 56 (1964) 126; x. *Ibid.*, 108: AAS 56 (1964) 126; *Ibid.*, 111: AAS 56 (1964) 127.

⁵² X. CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, IV, 83-101: AAS 56 (1964) 121-125.

Tông Đồ là “hãy cầu nguyện không ngừng”⁵³, việc cử hành này “đã được thiết lập để suốt cả ngày đêm được thánh hiến bằng việc ca ngợi Thiên Chúa”⁵⁴. Các Giờ Kinh phụng vụ là “kinh nguyện công khai của Hội Thánh”⁵⁵, trong đó các tín hữu (giáo sĩ, tu sĩ và giáo dân) thực thi chức tư tế vương giả của những người đã lãnh bí tích Rửa Tội. Khi được cử hành “theo hình thức được Hội Thánh phê chuẩn”, các Giờ Kinh phụng vụ “thật sự là tiếng của chính Hiền Thê nói với Phu Quân; thậm chí còn là lời cầu nguyện của Đức Kitô cùng với Thân thể Người dâng lên Chúa Cha”⁵⁶.

1175. Các Giờ Kinh phụng vụ phải trở thành kinh nguyện của toàn thể Dân Chúa. Trong các giờ kinh đó, chính Đức Kitô “tiếp tục thực thi phận vụ tư tế qua Hội Thánh của Người”⁵⁷; mỗi người, theo phận vụ riêng biệt của mình trong Hội Thánh và theo hoàn cảnh sống, đều tham dự vào các giờ kinh này: các linh mục, bởi vì, là những người chuyên lo việc mục vụ, họ được kêu gọi chuyên cần cầu nguyện và phục vụ Lời Chúa⁵⁸; các tu sĩ nam nữ vì đặc sủng của đời sống thánh hiến⁵⁹; mọi tín hữu theo khả năng của mình. “Các mục tử của các linh hồn phải liệu sao để các Giờ Kinh chính yếu, nhất là giờ Kinh Chiều, các ngày Chúa nhật và lễ trọng, được cử hành chung trong nhà thờ. Khuyến các giáo dân hãy đọc Kinh Thần vụ, hoặc cùng với các linh mục, hoặc khi họ họp nhau, và kể cả đọc riêng một mình nữa”⁶⁰.

1176. Việc cử hành các Giờ Kinh phụng vụ đòi hỏi không những phải hòa hợp tiếng nói với tâm hồn cầu nguyện, mà còn “phải lo cho mình có kiến thức dồi dào hơn về phụng vụ và Thánh Kinh, nhất là về các Thánh vịnh”⁶¹. 2700

1177. Các thánh thi và kinh cầu của các Giờ Kinh phụng vụ đã đưa lời cầu nguyện của các Thánh vịnh vào thời gian của Hội Thánh, khi chúng diễn tả tính biểu tượng của thời khắc trong ngày, của thời gian phụng vụ hoặc của ngày lễ được cử hành. Hơn nữa, bài đọc Lời Chúa trong mỗi Giờ Kinh (với các câu Xướng Đáp theo sau) và, trong một số Giờ Kinh, việc đọc các tác phẩm của các Giáo phụ và các tôn sư linh đạo, cho thấy một cách sâu sắc hơn ý nghĩa của mầu nhiệm được cử hành, giúp thấu hiểu các Thánh vịnh và chuẩn 2586

⁵³ X. 1 Tx 5,15; Ep 6,18.

⁵⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 84: AAS 56 (1964) 121.

⁵⁵ CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 98: AAS 56 (1964) 124.

⁵⁶ CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 84: AAS 56 (1964) 121.

⁵⁷ CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 83: AAS 56 (1964) 121.

⁵⁸ X. CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 86: AAS 56 (1964) 121; *Ibid.*, 96: AAS 56 (1964) 123; *Id.*, Sắc lệnh *Presbyterorum ordinis*, 5: AAS 58 (1966) 998.

⁵⁹ X. CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 98: AAS 56 (1964) 124.

⁶⁰ CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 100: AAS 56 (1964) 124.

⁶¹ CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 90: AAS 56 (1964) 122.

bị cho việc cầu nguyện trong tinh lặng. Phương pháp *Lectio divina* (Đọc về Chúa), trong đó Lời Chúa được đọc, được suy niệm để trở thành lời cầu nguyện, như vậy cũng đã có gốc rễ từ việc cử hành phụng vụ.

1378 **1178.** Các Giờ Kinh phụng vụ, được coi như sự nối dài của việc cử hành thánh lễ, không loại trừ, nhưng xét như một bổ sung, kêu gọi các việc đạo đức khác nhau của Dân Chúa, đặc biệt là việc thờ phượng và tôn sùng Thánh Thể.

IV. CỬ HÀNH Ở ĐÂU?

UBI CELEBRANDUM?

586 **1179.** Việc phụng tự của Giao Ước Mới “trong Thần Khí và sự thật” (Ga 4,24) không bị ràng buộc vào một nơi duy nhất. Toàn thể trái đất là thánh và được ủy thác cho con cái loài người. Khi các tín hữu được quy tụ tại một nơi, thì điều quan trọng nhất là, chính họ là “những viên đá sống động”, được gom lại để “xây nên ngôi đền thờ thiêng liêng” (1 Pr 2,5). Thân Thể của Đức Kitô Phục Sinh là ngôi đền thờ thiêng liêng, từ đó mạch nước hằng sống tuôn trào. Được tháp nhập vào Đức Kitô nhờ Chúa Thánh Thần, chính chúng ta là “đền thờ của Thiên Chúa hằng sống” (2 Cr 6,16).

2106 **1180.** Khi việc thực hành tự do tôn giáo không bị ngăn cản⁶², các Kitô hữu xây dựng những tòa nhà dành riêng cho việc phụng thờ Thiên Chúa. Những thánh đường hữu hình này không chỉ đơn giản là những nơi tụ họp, nhưng chúng cho thấy và làm tỏ hiện Hội Thánh sống động ở nơi đó, là nơi lưu ngụ của Thiên Chúa với những người đã được hòa giải và kết hợp trong Đức Kitô.

2691 **1181.** “Nhà cầu nguyện là nơi bí tích Thánh Thể cực thánh được cử hành và cất giữ, nơi các tín hữu được quy tụ, nơi sự hiện diện của Con Thiên Chúa, Đấng Cứu độ chúng ta, được hiến dâng trên bàn thờ hy tế vì chúng ta, được tôn thờ để phù trợ và an ủi các tín hữu, nhà đó phải đẹp, phải thích hợp cho việc cầu nguyện và cho các nghi thức thánh thiêng”⁶³. Trong “ngôi nhà của Thiên Chúa”, sự chân thật và hài hòa của các dấu chỉ tạo nên ngôi nhà này, phải biểu lộ Đức Kitô đang hiện diện và hành động ở chính nơi này⁶⁴.

617, 1383 **1182.** Bàn thờ của Giao Ước Mới là Thập Giá của Chúa⁶⁵, từ đó tuôn trào các bí tích của mầu nhiệm Vượt Qua. Trên bàn thờ, là trung tâm của

⁶² X. CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Dignitatis humanae*, 4: AAS 58 (1966) 932-933.

⁶³ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Presbyterorum ordinis*, 5: AAS 58 (1966) 998; x. Id., Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 122-127: AAS 56 (1964) 130-132.

⁶⁴ X. CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 7: AAS 56 (1964) 100-101.

⁶⁵ X. Dt 13,10.

thánh đường, hy tế thập giá được hiện tại hóa dưới những dấu chỉ bí tích. Bàn thờ cũng là bàn tiệc của Chúa mà dân Thiên Chúa được mời đến tham dự⁶⁶. Trong một số phụng vụ Đông phương, bàn thờ còn là biểu tượng của ngôi mộ (Đức Kitô đã thật sự chết và thật sự sống lại).

1183. Nhà Tạm phải được đặt “ở nơi cao quý nhất và một cách tôn kính nhất trong các nhà thờ”⁶⁷. Sự cao quý, vị trí và sự an toàn⁶⁸ của nhà tạm Thánh Thể phải tạo sự thuận lợi cho việc thờ phượng Chúa đang hiện diện thực sự trong bí tích cực thánh trên bàn thờ. 1379 2120

Dầu Thánh (myron), mà việc xúc dầu này là dấu chỉ bí tích cho ấn tín ơn Chúa Thánh Thần, theo truyền thống được bảo quản và tôn kính tại một nơi an toàn trong cung thánh. Dầu Dự tòng và Dầu Bệnh nhân có thể được đặt chung ở đó. 1241

1184. Ghế ngòi của giám mục (toà) hay của linh mục “phải nói lên phận vụ của vị đó là chủ tọa cộng đoàn và hướng dẫn việc cầu nguyện”⁶⁹.

Giảng đài: “Phẩm giá của Lời Chúa đòi phải có một nơi thích hợp trong nhà thờ, để công bố Lời Chúa và, trong phần phụng vụ Lời Chúa, sự chú ý của các tín hữu tự nhiên hướng về đó”⁷⁰. 103 1348

1185. Việc quy tụ dân Thiên Chúa bắt đầu bằng bí tích Rửa Tội; nên thánh đường phải có nơi để cử hành bí tích Rửa Tội (giếng rửa tội) và giúp người ta nhớ đến các lời hứa trong bí tích Rửa Tội (nước thánh).

Việc canh tân đời sống theo bí tích Rửa Tội đòi hỏi việc *thống hối*. Thánh đường phải là nơi thích hợp để bày tỏ lòng thống hối và lãnh nhận ơn tha thứ, nghĩa là phải có nơi thích hợp để đón tiếp các hối nhân.

Thánh đường cũng phải là một không gian mời gọi người ta hồi tâm và cầu nguyện trong thinh lặng, điều đó kéo dài kinh nguyện cao cả là bí tích Thánh Thể và nội tâm hoá kinh nguyện cao cả đó. 2717

1186. Sau cùng, thánh đường có một ý nghĩa cánh chung. Để tiến vào Nhà Chúa, người ta phải bước qua *ngưỡng cửa*, điều này là biểu tượng của việc vượt qua thế giới đầy thương tích vì tội lỗi để bước vào thế giới của đời sống mới mà mọi người được kêu gọi bước vào. Thánh đường hữu hình là biểu tượng của nhà Cha mà dân Thiên Chúa đang tiến về; nơi đó, Cha “sẽ lau sạch nước mắt họ” 1130

⁶⁶ X. *Quy chế tổng quát Sách Lễ Rôma*, 259: *Sách Lễ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 75.

⁶⁷ ĐGH Phaolô VI, Thông điệp *Mysterium fidei*: AAS 57 (1965) 771.

⁶⁸ X. CĐ Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 128: AAS 56 (1964) 132.

⁶⁹ *Quy chế tổng quát Sách Lễ Rôma*, 271: *Sách Lễ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 77.

⁷⁰ *Quy chế tổng quát Sách Lễ Rôma*, 272: *Sách Lễ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 77.

(Kh 21,4). Vì vậy, thánh đường còn là nhà của *tất cả các con cái Thiên Chúa*, luôn mở rộng và chào đón mọi người.

TÓM LƯỢC

1187. *Phụng vụ là công trình của Đức Kitô toàn thể - gồm Đầu và Thân Thể. Vị Thượng Tế của chúng ta không ngừng cử hành Phụng vụ ấy trong Phụng vụ trên trời, cùng với Mẹ Thiên Chúa, các Tông Đồ, các thánh và đông đảo những người đã được vào Nước Trời.*

1188. *Trong một cử hành Phụng vụ, toàn thể cộng đoàn đều là “người cử hành phụng vụ”, mỗi người theo chức năng của mình. Chức tư tế của bí tích Rửa Tội là chức tư tế của toàn Thân Thể Đức Kitô. Nhưng một số tín hữu được truyền chức do bí tích Truyền Chức Thánh để đại diện Đức Kitô như là Đầu của Thân Thể.*

1189. *Cử hành phụng vụ bao gồm các dấu chỉ và biểu tượng lấy từ công trình tạo dựng (ánh sáng, nước, lửa), từ đời sống con người (tắm giặt, xúc dầu, bẻ bánh), và từ lịch sử cứu độ (các nghi thức Vượt Qua). Được đưa vào lãnh vực đức tin và được quyền năng Chúa Thánh Thần tác động, những yếu tố vũ trụ, những nghi thức của loài người, những cử chỉ gợi nhớ đến Chúa sẽ trở thành phương thế mang các hoạt động cứu độ và thánh hóa của Đức Kitô.*

1190. *Phụng vụ Lời Chúa là phần thiết yếu của phụng vụ. Ý nghĩa của việc cử hành được diễn tả qua Lời Chúa được công bố và qua việc đồng thuận của đức tin trong lời đáp lại. .*

1191. *Bài ca và âm nhạc nối kết chặt chẽ với hoạt động phụng vụ. Để sử dụng tốt phải chú ý đến các điều này: “vẻ đẹp diễn cảm của lời cầu nguyện, việc tham gia cách đồng tâm nhất trí của cộng đoàn và đặc tính thánh thiêng của cuộc cử hành”.*

1192. *Các ảnh tượng thánh, hiện diện trong các thánh đường và trong nhà của chúng ta, có mục đích khơi dậy và nuôi dưỡng đức tin vào mầu nhiệm của Đức Kitô. Qua hình ảnh của Đức Kitô và các công trình cứu độ của Người, chúng ta tôn thờ chính Người. Qua các ảnh tượng thánh của Mẹ Thiên Chúa, của các Thiên thần và của các Thánh, chúng ta tôn kính những vị mà các ảnh tượng này biểu thị.*

1193. *Chúa nhật, “Ngày của Chúa”, là ngày chính yếu để cử hành bí tích Thánh Thể vì là ngày của mầu nhiệm Phục Sinh. Đó là ngày quy tụ cộng đoàn phụng vụ, ngày của gia đình Kitô giáo,*

ngày của niềm vui và ngày nghỉ việc. Ngày Chúa nhật là “nền tảng và cốt lõi của cả năm phụng vụ”⁷¹.

1194. “Hội Thánh triển khai toàn bộ mầu nhiệm Đức Kitô qua chu kỳ một năm, từ mầu nhiệm Nhập Thể và Giáng Sinh đến Thăng Thiên, đến ngày lễ Ngũ Tuần, và cho đến việc mong đợi niềm hy vọng hồng phúc và cuộc Ngự đến của Chúa”⁷².

1195. Khi kính nhớ các Thánh, trước hết là Mẹ Thiên Chúa, kế đến là các Thánh Tông Đồ, các Thánh Tử đạo và các Thánh khác, vào những ngày nhất định trong năm Phụng vụ, Hội Thánh noi trần thế biểu lộ sự hiệp thông với phụng vụ thiên quốc. Hội Thánh tôn vinh Đức Kitô, vì ơn cứu độ Người đã hoàn thành nơi những chi thể đã được tôn vinh của Người. Gương sáng của các ngài khích lệ Hội Thánh trên đường về với Chúa Cha.

1196. Các tín hữu cử hành các Giờ Kinh phụng vụ, được kết hợp với Đức Kitô, vị Thượng Tế của chúng ta, qua lời cầu nguyện các Thánh vịnh, suy niệm Lời Chúa, các bài thánh ca và những lời chúc tụng. Nhờ đó, họ được liên kết với lời nguyện liên li và phổ quát của Đức Kitô mà tôn vinh Chúa Cha và cầu xin ơn Chúa Thánh Thần xuống trên khắp trần gian. .

1197. Đức Kitô là Đền Thờ đích thực của Thiên Chúa, là “nơi vinh quang của Chúa Cha ngự trị”. Nhờ ân sủng của Thiên Chúa, các tín hữu cũng trở nên đền thờ của Chúa Thánh Thần, nên những viên đá sống động xây nên Hội Thánh.

1198. Trong tình trạng tại thế, Hội Thánh cần có những nơi để cộng đoàn tập hợp: các thánh đường hữu hình của chúng ta là những nơi thánh, là hình ảnh của Thành thánh Giêrusalem thiên quốc, nơi chúng ta là những lữ khách đang tiến về.

1199. Chính trong những thánh đường này, Hội Thánh cử hành việc thờ phượng công khai để tôn vinh Thiên Chúa Ba Ngôi, lắng nghe Lời Chúa, ca hát những lời chúc tụng, dâng lên lời cầu nguyện của mình và dâng hy tế của Đức Kitô, Đấng hiện diện cách bí tích giữa cộng đoàn. Những thánh đường này còn là nơi giúp tín hữu hồi tâm và cầu nguyện riêng.

⁷¹ CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 106: AAS 56 (1964) 126.

⁷² CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 102: AAS 56 (1964) 125.

Mục 2

Sự đa dạng của phụng vụ và sự duy nhất của mầu nhiệm

Articulus 2

Diversitas liturgica et unitas mysterii

Các truyền thống phụng vụ và tính công giáo của Hội Thánh

1200. Từ cộng đoàn tiên khởi ở Giêrusalem cho đến ngày Đức Kitô
 2625 ngự đến, các Giáo Hội của Thiên Chúa, trung thành với đức tin
 tông truyền, đều cử hành ở mọi nơi cùng một mầu nhiệm Vượt
 Qua. Mầu nhiệm được cử hành trong phụng vụ, chỉ là một, nhưng
 những hình thức của việc cử hành mầu nhiệm đó thì khác nhau.

1201. Mầu nhiệm Đức Kitô phong phú khôn lường đến nỗi không
 2663 một truyền thống phụng vụ nào có thể diễn tả trọn vẹn được. Lịch
 sử hình thành và phát triển các nghi lễ này cho thấy chúng bổ túc
 cho nhau một cách kỳ diệu. Khi các Giáo Hội sống những truyền
 thống phụng vụ này trong sự hiệp thông đức tin và hiệp thông các
 bí tích của đức tin, các Giáo Hội đó đã làm phong phú cho nhau và
 1158 lớn lên trong sự trung thành với Thánh Truyền và với sứ vụ chung
 của toàn thể Hội Thánh⁷³.

814 1202. Các truyền thống phụng vụ khác nhau đã được khai sinh vì
 chính sứ vụ của Hội Thánh. Các Giáo Hội trong cùng một khu vực
 địa dư và văn hóa đã cử hành mầu nhiệm Đức Kitô bằng những
 1674 cách diễn tả đặc biệt, đặc trưng về văn hoá: trong việc lưu truyền
 “kho tàng Đức Tin”⁷⁴, trong các biểu tượng phụng vụ, trong việc tổ
 chức hiệp thông huynh đệ, trong sự hiểu biết thần học về các mầu
 nhiệm và trong các điển hình của sự thánh thiện. Như vậy, nhờ
 đời sống phụng vụ của từng Giáo Hội, Đức Kitô, Đấng là Ánh Sáng
 và Ổn Cứu Độ cho muôn dân, được biểu lộ cho dân tộc và nền văn
 hóa mà Hội Thánh được sai đến và đã bén rễ vào đó. Hội Thánh
 835 có đặc tính Công giáo: Hội Thánh có thể hội nhập vào sự duy nhất

⁷³ X. ĐGH Phaolô VI, Tông huấn *Evangelii nuntiandi*, 63-64: AAS 68 (1976) 53-55.

⁷⁴ X. 2 Tm 1,14.

của mình tất cả những sự phong phú đích thực của các nền văn hóa, sau khi đã thanh tẩy chúng⁷⁵. 1937

1203. Các truyền thống phụng vụ, hoặc các nghi lễ, ngày nay đang được sử dụng trong Hội Thánh là nghi lễ La tinh (chủ yếu là nghi lễ Rôma, nhưng cũng có các nghi lễ của một số Giáo Hội địa phương như nghi lễ thánh Ambrôsiô, hoặc nghi lễ của một số dòng tu), và các nghi lễ Byzantinô, Alexandrinô hoặc Copticô, Syriacô, Armêniô, Marônita và Chaldêô. “Trung thành vâng theo truyền thống, thánh Công đồng tuyên bố rằng Mẹ Hội Thánh coi tất cả các nghi lễ đã được chính thức công nhận đều bình đẳng trên pháp lý và được tôn trọng như nhau, lại muốn các nghi lễ ấy được duy trì trong tương lai và được cổ võ bằng mọi cách”⁷⁶.

Phụng vụ và các nền văn hóa

1204. Vì vậy việc cử hành phụng vụ phải phù hợp với tinh thần và văn hóa của các dân tộc khác nhau⁷⁷. Để mầu nhiệm của Đức Kitô được loan báo “cho muôn dân biết, để họ tin mà vâng phục Thiên Chúa” (Rm 16,26), thì mầu nhiệm đó phải được loan báo, cử hành và sống trong tất cả các nền văn hóa, sao cho mầu nhiệm Đức Kitô không xoá bỏ, nhưng cứu chuộc và kiện toàn các nền văn hoá đó⁷⁸. Đông đảo các con cái Thiên Chúa cùng với nền văn hoá nhân loại riêng của họ và nhờ nền văn hoá đó, một nền văn hoá đã được Đức Kitô đón nhận và biến đổi, đã đến với Chúa Cha, để tôn vinh Ngài trong một Thần Khí duy nhất. 2684 854, 1232 2527

1205. “Phải lưu ý rằng trong phụng vụ, nhất là trong phụng vụ các bí tích, có *một phần bất biến*, vì do Chúa thiết lập, mà Hội Thánh là người canh giữ, và *những phần có thể thay đổi*, mà Hội Thánh có quyền, và đôi khi có bổn phận thích nghi với các nền văn hóa của các dân tộc mới đón nhận Tin Mừng”⁷⁹. 1125

1206. “Sự đa dạng của phụng vụ có thể là nguồn mạch của sự phong phú, nhưng cũng có thể gây ra những căng thẳng, những hiểu lầm lẫn nhau và thậm chí những vụ ly giáo. Trong lãnh vực này, hiển nhiên là sự đa dạng không được làm tổn thương sự hợp nhất, và sự đa dạng đó chỉ có thể được diễn tả nhờ lòng trung thành đối với đức tin chung, đối với các dấu chỉ bí tích mà Hội Thánh đã nhận từ Đức Kitô, và đối với sự hiệp thông phẩm trật.

⁷⁵ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 23: AAS 57 (1965) 28-29; Id., Sắc lệnh *Unitatis redintegratio*, 4: AAS 57 (1964) 95.

⁷⁶ CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 4: AAS 56 (1964) 98.

⁷⁷ X. CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 37-40: AAS 56 (1964) 110-111.

⁷⁸ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Catechesi tradendae*, 53: AAS 71 (1979) 1319-1321.

⁷⁹ ĐGH Gioan Phaolô II, Tông thư *Vicesimus quintus annus*, 16: AAS 81 (1989) 912-913; x. CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 21: AAS 56 (1964) 105-106.

Sự thích nghi với các nền văn hóa đòi phải hồi cải nội tâm, và nếu cần, phải đoạn tuyệt với những thói quen lâu đời không phù hợp với đức tin công giáo”⁸⁰.

TÓM LƯỢC

1207. Việc cử hành phụng vụ nên được diễn tả trong nền văn hóa của dân mà Hội Thánh đang hiện diện, nhưng không được lệ thuộc vào đó. Mặt khác, phụng vụ cũng có vai trò khai sinh và đào tạo các nền văn hóa.

1208. Các truyền thống phụng vụ khác nhau, hay các nghi lễ, được chính thức công nhận, vì chúng biểu thị và thông hiệp cùng một mâu nhiệm của Đức Kitô, biểu lộ tính công giáo của Hội Thánh.

1209. Tiêu chuẩn bảo đảm cho sự duy nhất giữa sự đa dạng của các truyền thống phụng vụ, là sự trung thành với truyền thống Tông Đồ, nghĩa là: hiệp thông trong đức tin và các bí tích do các Tông Đồ truyền lại, sự hiệp thông này được biểu thị và bảo đảm nhờ việc kế nhiệm Tông Đồ.

⁸⁰ ĐGH Gioan Phaolô II, Tông thư *Vicesimus quintus annus*, 16: AAS 81 (1989) 913.

ĐOẠN THỨ HAI

BẢY BÍ TÍCH CỦA HỘI THÁNH

SECTIO SECUNDA

SEPTEM ECCLESIAE SACRAMENTA

1210. Các bí tích của Luật Mới được thiết lập bởi Đức Kitô; có bảy bí tích: Rửa Tội, Thêm Sức, Thánh Thể, Thống Hối, Xức Dầu Bệnh Nhân, Truyền Chức Thánh và Hôn Phối. Bảy bí tích này liên quan đến tất cả các giai đoạn và thời điểm quan trọng trong đời sống Kitô hữu: chúng làm cho đời sống đức tin của các Kitô hữu được sinh ra và lớn lên, được chữa lành và được trao sứ vụ. Về điều này, có một sự tương tự nào đó giữa những giai đoạn của đời sống tự nhiên và những giai đoạn của đời sống thiêng liêng¹. 1113

1211. Theo sự tương tự đó, trước tiên, chúng ta sẽ trình bày ba bí tích khai tâm Kitô giáo (*Chương một*), tiếp đến là các bí tích chữa lành (*Chương hai*), cuối cùng là các bí tích phục vụ sự hiệp thông và sứ vụ của các tín hữu (*Chương ba*). Thứ tự này dĩ nhiên không phải là cách duy nhất, nhưng cho thấy các bí tích hợp thành một cấu trúc trong đó mỗi bí tích đặc thù có một vị trí sinh động. Trong cấu trúc này, bí tích Thánh Thể giữ một địa vị độc đáo vì là “bí tích của các bí tích”: “Tất cả các bí tích khác đều quy hướng về bí tích Thánh Thể như về cùng đích”². 1374

¹ X. Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, III, q. 65, a. 1, c: Ed. Leon. 12, 56-57.

² Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, III, q. 65, a. 3, c: Ed. Leon. 12, 60.

CHƯƠNG MỘT

CÁC BÍ TÍCH KHAI TÂM KITÔ GIÁO

CAPUT PRIMUM

INITIATIONIS CHRISTIANAE SACRAMENTA

1212. Ba bí tích khai tâm Kitô giáo: Rửa Tội, Thêm Sức và Thánh Thể, *đặt nền tảng* cho toàn bộ đời sống Kitô hữu. “Việc tham dự vào bản tính Thiên Chúa, mà ân sủng của Đức Kitô ban cho con người, có một sự tương tự nào đó với đời sống tự nhiên, là được sinh ra, lớn lên và được nuôi dưỡng. Thật vậy, được tái sinh bằng bí tích Rửa Tội, các tín hữu được củng cố bằng bí tích Thêm Sức, và sau cùng được bồi bổ bằng bánh trường sinh trong bí tích Thánh Thể. Như vậy, nhờ các bí tích khai tâm Kitô giáo, càng ngày họ càng được lãnh nhận những kho tàng của đời sống thần linh và tiến đến sự trọn hảo của đức mến³.”

Mục 1

Bí tích Rửa Tội

Articulus 1

Sacramentum Baptismi

1213. Bí tích Rửa Tội là nền tảng của toàn bộ đời sống Kitô hữu, là *cổng vào đời sống thiêng liêng*, và là cửa mở ra để lãnh nhận các bí tích khác. Nhờ bí tích Rửa Tội, chúng ta được giải thoát khỏi tội lỗi và được tái sinh làm con cái Thiên Chúa, được trở thành chi thể của Đức Kitô, được tháp nhập vào Hội Thánh và được tham dự sứ vụ của Hội Thánh⁴: “Có thể định nghĩa một cách đúng đắn và

³ X. ĐGH Phaolô VI, Tông hiến *Divinae consortium naturae*: AAS 63 (1971) 657; x. *Nghi thức gia nhập Kitô giáo cho người lớn*, Praenotanda 1-2 (Typis Polyglottis Vaticanis 1972) 7.

⁴ X. CE Flôrentinô, *Decretum pro Armenis*: DS 1314; *Bộ Giáo Luật*, các điều 204,1. 849; *Bộ Giáo Luật Đông phương*, điều 675,1.

thích hợp rằng bí tích Rửa Tội là bí tích tái sinh chúng ta bởi nước trong Lời Chúa”⁵.

I. BÍ TÍCH NÀY ĐƯỢC GỌI THẾ NÀO?

QUOMODO HOC SACRAMENTUM APPELLATUR?

1214. Bí tích *Rửa Tội* được gọi theo nghi thức trung tâm mà nó được thực hiện: Rửa (tiếng Hy Lạp là *Baptizein*) có nghĩa là “chìm xuống”, “dìm xuống”. Việc “dìm xuống” nước tượng trưng cho việc mai táng người dự tòng vào sự chết của Đức Kitô, và từ đó họ bước ra nhờ được sống lại với Người⁶, với tư cách là một “thụ tạo mới” (2 Cr 5,17; Gl 6,15). 628

1215. Bí tích này cũng được gọi là “*Phép Rửa ban ơn Thánh Thần, để chúng ta được tái sinh và đổi mới*” (Tt 3,5), bởi vì bí tích này biểu lộ và thực hiện việc sinh ra bởi nước và Thánh Thần, mà nếu không có việc đó thì “không ai có thể vào Nước Thiên Chúa” 1257 (Ga 3,5).

1216. “Phép Rửa này còn được gọi là *ơn soi sáng*, vì những ai học biết điều này (về giáo lý) thì được soi sáng trong tâm trí”⁷. Người được Rửa Tội, vì trong Phép Rửa họ được đón nhận Ngôi Lời là “ánh sáng thật chiếu soi mọi người” (Ga 1,9), nên sau khi “được soi sáng”⁸, họ trở thành “con cái sự sáng”⁹ và chính họ là “ánh sáng” 1243 (Ep 5,8):

Bí tích Rửa Tội “là hồng ân cao đẹp nhất và kỳ diệu nhất trong các hồng ân của Thiên Chúa.... Chúng ta gọi bí tích đó là hồng ân, ân sủng, Rửa Tội, xúc dầu, soi sáng, y phục bất hoại, sự tẩy rửa của ơn tái sinh, ấn tín và tất cả những gì quý giá nhất. Nó được gọi là *hồng ân*, bởi vì được ban cho những người trước đó chẳng có gì; là *ân sủng*, bởi vì được ban cả cho những người tội lỗi; là sự *dìm xuống*, bởi vì tội lỗi bị chôn vùi trong nước; là *xúc dầu*, bởi vì bí tích này là thánh thiêng và vương giả (như những người được xúc dầu); là *ơn soi sáng*, bởi vì nó sáng ngời và chói lọi; là *y phục*, bởi vì nó che phủ sự xấu xa của chúng ta; là *tắm rửa*, bởi vì bí tích này rửa sạch; là *ấn tín*, bởi vì nó là sự bảo toàn và là dấu chỉ của uy quyền”¹⁰.

⁵ *Catechismus Romanus* 2, 2, 5: ed. Rodríguez (Città del Vaticano-Pamplona 1989) 179.

⁶ X. Rm 6,3-4; Cl 2,12.

⁷ Thánh Justinô, *Apologia*, 1, 61: CA 1, 168 (PG 6, 421).

⁸ X. Dt 10,32.

⁹ X. 1 Tx 5,5.

¹⁰ Thánh Grêgôriô Nazianzêno, *Oratio* 40, 3-4: SC 358, 202-204 (PG 36, 361-364).

II. BÍ TÍCH RỬA TỘI TRONG NHIỆM VỤ CỨU ĐỘ BAPTISMUS IN OECONOMIA SALUTIS

Những hình ảnh trong Giao Ước cũ tiên báo bí tích Rửa Tội

1217. Trong phụng vụ Canh thức Vượt Qua, khi *làm phép nước rửa tội*, Hội Thánh long trọng tưởng nhớ những biến cố trọng đại trong lịch sử cứu độ, những biến cố này là hình ảnh tiên báo mẫu nhiệm bí tích Rửa Tội:

“Lạy Chúa, Chúa dùng quyền năng vô hình mà làm cho các bí tích trở nên hữu hiệu lạ lùng. Và qua dòng lịch sử cứu độ, Chúa đã bao lần dùng nước do chính Chúa tạo dựng, để bày tỏ hiệu năng của Phép Rửa”¹¹.

³⁴⁴ **1218.** Từ tạo thiên lập địa, nước, thụ tạo khiêm tốn và lạ lùng này, ⁶⁹⁴ là nguồn mạch sự sống và sự sinh sôi nảy nở. Kinh Thánh xem nước như được “ấp ủ” bởi Thần Khí Thiên Chúa¹².

“Lạy Chúa, ngay từ lúc vũ trụ khởi nguyên, Thánh Thần Chúa đã bay là là trên mặt nước, để từ đó nước hàm chứa năng lực thánh hoá muôn loài”¹³.

^{701, 845} **1219.** Hội Thánh nhìn con tàu của ông Nôê là hình ảnh tiên báo ơn cứu độ nhờ bí tích Rửa Tội: “Trong con tàu ấy, một số ít, cả thủy là tám người, được cứu thoát nhờ nước” (1 Pr 3,20).

“Chúa lại dùng nước hồng thủy làm hình ảnh tiên báo Phép Rửa ban ơn tái sinh, vì nước biểu thị quyền năng Chúa, vừa tiêu diệt tội lỗi lại vừa khai mở một đời sống mới”¹⁴.

¹⁰¹⁰ **1220.** Nếu nước nguồn tượng trưng cho sự sống, thì nước biển là biểu tượng của sự chết. Vì vậy, nước có thể là hình bóng của mẫu nhiệm thập giá. Qua biểu tượng này, bí tích Rửa Tội nói lên sự hiệp thông với sự chết của Đức Kitô.

1221. Đặc biệt cuộc vượt qua Biển Đỏ, việc giải thoát thật sự nhà Israel khỏi kiếp nô lệ ở Ai Cập, loan báo ơn giải thoát nhờ Phép Rửa.

¹¹ *Canh thức Vượt qua, Làm phép nước*, 42: *Sách Lẽ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 283.

¹² X. St 1,2.

¹³ *Canh thức Vượt qua, Làm phép nước*, 42: *Sách Lẽ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 283.

¹⁴ *Canh thức Vượt qua, Làm phép nước*, 42: *Sách Lẽ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 283.

“Chúa đã giải thoát con cháu ông Abraham khỏi vòng nô lệ mà dẫn qua Biển Đỏ ráo chân, để họ tượng trưng cho một dân tộc mới, là những người được lãnh Phép Rửa sau này”¹⁵.

1222. Cuối cùng, bí tích Rửa Tội được tiên báo trong việc vượt qua sông Jordanô, nhờ đó dân Thiên Chúa nhận được hồng ân là Đất đã được hứa ban cho dòng dõi ông Abraham, là hình ảnh của đời sống vĩnh cửu. Lời hứa về gia tài hồng phúc này sẽ được thực hiện trong Giao Ước Mới.

Phép Rửa của Đức Kitô

1223. Tất cả các hình ảnh tiên báo của Giao Ước cũ đã được hoàn tất trong Đức Kitô Giêsu. Người bắt đầu đời sống công khai sau khi để cho thánh Gioan Tẩy Giả làm phép rửa cho mình trong sông Jordanô¹⁶. Sau khi phục sinh, Người trao cho các Tông Đồ sứ vụ này: “Anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm Phép Rửa cho họ nhân danh Cha, và Con, và Thánh Thần, dạy bảo họ tuân giữ mọi điều Thầy đã truyền cho anh em” (Mt 28,19-20)¹⁷.

232

1224. Chúa chúng ta đã tự nguyện chịu phép rửa của thánh Gioan, một phép rửa dành cho những kẻ tội lỗi, để giữ trọn đức công chính¹⁸. Cử chỉ này của Chúa Giêsu biểu lộ “sự hạ mình” của Người¹⁹. Chúa Thánh Thần, Đấng xưa kia bay lượn là là trên mặt nước trong công trình tạo dựng thứ nhất, nay ngự xuống trên Đức Kitô như khúc nhạc dạo đầu của công trình tạo dựng mới, và Chúa Cha tỏ cho thấy Chúa Giêsu là Con chí ái của Ngài²⁰.

536

1225. Trong cuộc Vượt Qua của mình, Đức Kitô đã khai mở các nguồn mạch của bí tích Rửa Tội cho tất cả mọi người. Quả vậy, Người đã nói về cuộc khổ nạn Người sẽ phải chịu tại Giêrusalem như một “Phép Rửa” mà Người phải lãnh nhận²¹. Máu và nước chảy ra từ cạnh sườn bị đâm thấu của Chúa Giêsu chịu đóng đinh²², là những điển hình của bí tích Rửa Tội và Thánh Thể, là

766

¹⁵ *Canh thức Vượt qua, Làm phép nước*, 42: *Sách Lễ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 283.

¹⁶ X. Mt 3,13.

¹⁷ X. Mc 16,15-16.

¹⁸ X. Mt 3,15.

¹⁹ X. Pl 2,7.

²⁰ X. Mt 3,16-17.

²¹ X. Mc 10,38; Lc 12,50

²² X. Ga 19,34.

những bí tích của đời sống mới²³: từ lúc đó, người ta có thể được “sinh ra bởi nước và Thần Khí” để vào Nước Thiên Chúa (Ga 3,5).

“Hãy xem, bạn được rửa tội ở đâu, bí tích Rửa Tội là từ đâu nếu không phải là từ Thánh Giá của Đức Kitô, từ sự chết của Người. Toàn bộ mầu nhiệm là ở đó, bởi vì Người đã chịu khổ hình vì bạn. Trong Người, bạn được cứu chuộc; trong Người, bạn được cứu độ”²⁴.

Bí tích Rửa Tội trong Hội Thánh

849 **1226.** Từ ngày lễ Ngũ Tuần, Hội Thánh đã cử hành và ban bí tích Rửa Tội. Thật vậy, thánh Phêrô tuyên bố với đám đông đang bối rối vì bài giảng của ngài: “Anh em hãy sám hối, và mỗi người hãy chịu Phép Rửa nhân danh Chúa Giêsu Kitô, để được ơn tha tội; và anh em sẽ nhận được hồng ân là Thánh Thần” (Cv 2,38). Các Tông Đồ và những cộng sự viên của các ngài ban bí tích Rửa Tội cho những ai tin vào Chúa Giêsu: những người Do Thái, những người kính sợ Thiên Chúa và những người ngoại giáo²⁵. Bí tích Rửa Tội luôn gắn liền với đức tin. Thánh Phaolô tuyên bố với viên cai ngục canh giữ ông ở Philipphê: “Hãy tin vào Chúa Giêsu, thì ông và cả nhà sẽ được cứu độ”. Trình thuật kế tiếp: “Lập tức, ông ấy được chịu Phép Rửa cùng với tất cả người nhà” (Cv 16,31-33).

790 **1227.** Theo thánh Phaolô Tông Đồ, nhờ bí tích Rửa Tội, tín hữu được hiệp thông vào sự chết của Đức Kitô; họ được mai táng và sống lại với Người:

“Khi chúng ta được chìm vào nước thanh tẩy, để thuộc về Đức Kitô Giêsu, là chúng ta được chìm vào trong cái chết của Người. Vì được chìm vào trong cái chết của Người, chúng ta đã cùng được mai táng với Người. Bởi thế, cũng như Người đã được sống lại từ cõi chết nhờ quyền năng vinh hiển của Chúa Cha, thì chúng ta cũng được sống một đời sống mới” (Rm 6,3-4)²⁶.

Những người chịu Phép Rửa đã “mặc lấy Đức Kitô”²⁷. Nhờ Chúa Thánh Thần, bí tích Rửa Tội là Phép Rửa để thanh tẩy, thánh hóa và công chính hóa²⁸.

1228. Như vậy, bí tích Rửa Tội là Phép Rửa bằng nước nhờ đó “hạt giống bất hoại” của Lời Chúa đem lại hiệu quả của nó là ban sự

²³ X.1 Ga 5,6-8.

²⁴ Thánh Ambrôsiô, *De Sacramentis*, 2,2,6: CSEL 73, 27-28 (PL 16,425-426).

²⁵ X. Cv 2,41; 8,12-13; 10,48; 16,15.

²⁶ X. Cl 2,12.

²⁷ X. Gl 3,27.

²⁸ X. 1 Cr 6,11; 12,13.

sống²⁹. Thánh Augustinô nói về bí tích Rửa Tội: “Lời liên kết với một yếu tố vật chất và nó trở thành một bí tích”³⁰.

III. BÍ TÍCH RỬA TỘI ĐƯỢC CỬ HÀNH THẾ NÀO?

QUOMODO BAPTISMI CELEBRATUR SACRAMENTUM?

Khai tâm Kitô giáo

1229. Ngay từ thời các Tông Đồ, để trở thành Kitô hữu người ta phải trải qua con đường khai tâm gồm nhiều giai đoạn. Hành trình này có thể nhanh hay chậm, nhưng luôn hội đủ những điều cốt yếu như sau: loan báo Lời Chúa, đón nhận Tin Mừng kèm theo là hối cải, tuyên xưng đức tin, Rửa Tội, ban Thánh Thần, lãnh nhận Thánh Thể.

1230. Việc khai tâm này, qua các thời đại và theo những hoàn cảnh khác nhau, đã biến đổi nhiều. Vào các thế kỷ đầu tiên của Hội Thánh, việc khai tâm Kitô giáo được triển khai đáng kể, với một giai đoạn *dự tòng* lâu dài và một chuỗi các nghi thức dọn đường, đánh dấu con đường chuẩn bị của thời kỳ dự tòng bằng những cột mốc phụng vụ và dẫn đến việc cử hành các bí tích khai tâm Kitô giáo.

1248

1231. Ở đâu việc cử hành bí tích Rửa Tội cho các nhi đồng đã thành thói quen phổ biến, thì việc cử hành này trở thành một hành vi duy nhất, gom lại một cách rất tóm tắt các giai đoạn chuẩn bị cho việc khai tâm Kitô giáo. Theo bản chất của nó, việc ban Phép Rửa cho các nhi đồng đòi hỏi *một giai đoạn dự tòng sau Phép Rửa*. Đây không chỉ là cần thiết phải dạy dỗ sau Phép Rửa, nhưng còn cần làm triển nở ân sủng của bí tích Rửa Tội trong sự tăng trưởng của con người. Đây là phận vụ đặc thù của *việc dạy giáo lý*.

13

1232. Từ Công đồng Vaticanô II đối với Giáo Hội La tinh “thời kỳ dự tòng dành cho người thành niên, chia thành nhiều giai đoạn” đã được tái lập³¹. Các nghi thức của thời kỳ này được trình bày trong quyển “*Ordo initiationis christianae adultorum*” (“*Nghi thức gia nhập Kitô giáo dành cho người lớn*”) (1972). Ngoài ra Công đồng còn cho phép, “ngoài những yếu tố đã có trong truyền thống Kitô giáo”, các xứ truyền giáo được chấp nhận “cả những yếu tố vẫn thấy được sử dụng nơi mỗi dân tộc, miễn là các yếu tố đó có thể được thích nghi với nghi thức Kitô giáo”³².

1204

²⁹ X. 1 Pr 1,23; Ep 5,26.

³⁰ Thánh Augustinô, *In Iohannis evangelium tractatus*, 80, 3: CCL 36, 529 (PL 35, 1840).

³¹ CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 64: AAS 56 (1964) 117.

³² CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 65: AAS 56 (1964) 117; x. *Ibid.*, 37-40: AAS 56 (1964) 110-111.

1290 **1233.** Vì vậy, ngày nay trong tất cả các nghi lễ La tinh và Đông phương, việc khai tâm Kitô giáo dành cho người thành niên bắt đầu bằng việc họ bước vào giai đoạn dự tòng, và việc khai tâm đó đạt tới tột đỉnh trong một cuộc cử hành duy nhất gồm cả ba bí tích Rửa Tội, Thêm Sức và Thánh Thể³³. Trong các nghi lễ Đông phương, việc khai tâm Kitô giáo dành cho nhi đồng bắt đầu với bí tích Rửa Tội, liền sau đó là Thêm Sức và Thánh Thể; còn trong nghi lễ La tinh, việc khai tâm kéo dài trong những năm học giáo lý rồi sau đó được kết thúc với bí tích Thêm Sức và bí tích Thánh Thể là tột đỉnh của việc khai tâm Kitô giáo³⁴.

Tính cách “dẫn vào mầu nhiệm” của cuộc cử hành

1234. Ý nghĩa và ân sủng của bí tích Rửa Tội được trình bày rõ ràng trong các nghi thức cử hành. Khi chăm chú theo dõi các cử chỉ và lời nói của cuộc cử hành, các tín hữu được khai tâm về các sự phong phú mà bí tích này biểu lộ và thực hiện nơi mỗi người tân tòng.

617 **1235.** *Dấu Thánh Giá* lúc bắt đầu việc cử hành ghi dấu ấn của Đức
1217 **Kitô** trên kẻ sắp thuộc về Người, và nói lên ân sủng cứu chuộc mà Đức Kitô mang lại cho chúng ta nhờ thập giá của Người.

1236. *Việc công bố Lời Chúa* dọi chiếu chân lý được mạc khải cho các ứng viên và cộng đoàn, và khơi lên lời đáp lại của đức tin, vốn không thể tách rời khỏi bí tích Rửa Tội. Bí tích Rửa Tội, một cách
1122 đặc biệt, là “bí tích của đức tin”, bởi vì nó là cửa ngõ bí tích dẫn vào đời sống đức tin.

1237. Bởi vì bí tích Rửa Tội nói lên sự giải thoát khỏi tội lỗi và kẻ xúi giục tội lỗi là ma quỷ, nên một (hay nhiều) *lời nguyện trừ tà*
1673 được đọc trên ứng viên. Họ được xúc dầu dự tòng hay được vị chủ sự đặt tay, và họ minh nhiên từ bỏ Satan. Được chuẩn bị như vậy xong, họ có thể *tuyên xưng đức tin của Hội Thánh* mà họ sẽ được
189 “trao phó” cho đức tin đó nhờ bí tích Rửa Tội³⁵.

1217 **1238.** *Rồi Nước rửa tội* được thánh hiến bằng Kinh khấn cầu Chúa Thánh Thần (hoặc ngay lúc này hoặc đã làm trong đêm Canh thức Vượt Qua). Hội Thánh cầu xin Thiên Chúa để nhờ Con Ngài, quyền năng của Chúa Thánh Thần ngự xuống trên nước này, để những ai sắp được thanh tẩy trong nước này, thì được “sinh ra bởi nước và Thần khí” (Ga 3,5).

³³ X. CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Ad Gentes*, 14: AAS 58 (1966) 963; *Bộ Giáo Luật*, các điều 851. 865-866.

³⁴ X. *Bộ Giáo Luật*, các điều 851,2. 868.

³⁵ X. Rm 6,17.

1239. Tiếp đến là *nghi thức chính yếu* của bí tích: đó là chính việc rửa tội, nó biểu lộ và thực hiện cái chết đối với tội lỗi và việc bước vào đời sống của Ba Ngôi Chí Thánh nhờ được đồng hình đồng dạng với Đức Kitô trong mầu nhiệm Vượt Qua. Phép Rửa được thực hiện một cách có ý nghĩa nhất, qua ba lần chìm xuống nước rửa tội. Nhưng từ xa xưa, việc này cũng có thể được thực hiện bằng cách đổ nước ba lần trên đầu ứng viên. 1214

1240. Trong Giáo Hội La tinh, việc đổ nước ba lần đó được kèm theo lời nói của thừa tác viên: “T..., cha rửa con, nhân danh Cha và Con và Thánh Thần”. Trong các phụng vụ Đông phương, người dự tòng hướng về phía Đông và linh mục đọc: “Tôi tớ của Thiên Chúa, là T..., được rửa tội nhân danh Cha và Con và Thánh Thần”. Mỗi lần kêu cầu từng Ngôi vị trong Ba Ngôi Chí Thánh, vị chủ sự sẽ chìm người dự tòng xuống nước rồi kéo lên.

1241. Việc xức dầu thánh, dầu được pha hương liệu do Giám mục thánh hiến, có ý nghĩa là hồng ân Chúa Thánh Thần được ban cho người tân tòng. Họ trở nên một Kitô hữu, nghĩa là người “được xức dầu” bằng Chúa Thánh Thần, được tháp nhập vào Đức Kitô, Đấng đã được xức dầu làm Tư tế, Tiên tri và Vương đế³⁶. 1294, 1574
783

1242. Trong phụng vụ của các Giáo Hội Đông phương, việc xức dầu sau Phép Rửa là bí tích Xức Dầu Thánh (bí tích Thêm Sức). Trong phụng vụ Rôma, nghi thức này báo trước việc xức dầu thánh lần thứ hai sẽ do Giám mục trao ban: đó là bí tích Thêm Sức, bí tích này như “củng cố” và kiện toàn việc xức dầu trong bí tích Rửa Tội. 1291

1243. Áo trắng nói lên cách tượng trưng người chịu Phép Rửa đã mặc lấy Đức Kitô³⁷, đã sống lại cùng với Đức Kitô. Cây nến được thắp sáng từ nến phục sinh nói lên rằng Đức Kitô đã chiếu dội ánh sáng cho người tân tòng. Trong Đức Kitô, những người chịu Phép Rửa là “ánh sáng cho trần gian” (Mt 5,14)³⁸. 1216

Người tân tòng lúc đó là con cái Thiên Chúa trong Người Con Duy Nhất. Họ có thể đọc lời kinh của những người con Thiên Chúa: kinh Lạy Cha. 2769

1244. *Rước lễ lần đầu.* Người tân tòng, đã trở nên con Thiên Chúa, và đã mặc áo cưới, được đón nhận vào “tiệc cưới của Con Chiên” và lãnh nhận lương thực của đời sống mới, là Mình và Máu Đức Kitô. Các Giáo hội Đông phương ý thức cách sống động về tính duy nhất của việc khai tâm Kitô giáo, nên ban bí tích Thánh Thể cho tất cả những người vừa được rửa tội và thêm sức, kể cả các nhi đồng, vì 1292

³⁶ X. *Nghi thức Rửa tội cho trẻ em*, 62 (Typis Polyglottis Vaticanis 1969) 32.

³⁷ X. Gl 3,27.

³⁸ X. Pl 2,15.

nhớ lại lời Chúa: “Cứ để trẻ em đến với Thầy, đừng ngăn cấm chúng” (Mc 10,14). Giáo Hội La tinh, dành việc rước lễ lại cho các em đã đến tuổi khôn, nên diễn tả việc mở ngõ của bí tích Rửa Tội hướng đến bí tích Thánh Thể, bằng cách đưa nhi đồng vừa chịu Phép Rửa đến gần bàn thờ để đọc kinh Lạy Cha.

1245. *Phép lành trọng thể* kết thúc cuộc cử hành bí tích Rửa Tội. Khi rửa tội cho trẻ sơ sinh, phép lành ban cho người mẹ có một tầm quan trọng đặc biệt.

IV. AI CÓ THỂ LÃNH NHẬN BÍ TÍCH RỬA TỘI?

QUIS BAPTISMUM RECIPERE POTEST?

1246. “Tất cả và chỉ những người chưa chịu Phép Rửa, mới có khả năng lãnh nhận bí tích Rửa Tội”³⁹.

Rửa tội cho người thành niên

1247. Từ thuở ban đầu của Hội Thánh, việc rửa tội cho người thành niên là hình thức thông thường nhất ở những nơi Tin Mừng mới được rao giảng. Lúc đó thời kỳ dự tòng (chuẩn bị cho bí tích Rửa Tội) là một giai đoạn quan trọng. Vì là việc khai tâm về đức tin và đời sống Kitô giáo, thời kỳ này phải chuẩn bị cho người dự tòng đón nhận hồng ân của Thiên Chúa trong bí tích Rửa Tội, Thêm Sức và Thánh Thể.

1230 **1248.** Thời kỳ dự tòng, hoặc thời gian huấn luyện các dự tòng, có mục đích giúp đương sự, khi đáp lại sáng kiến của Thiên Chúa và hợp nhất với một cộng đoàn Hội Thánh, có thể hối cải và làm cho đức tin của mình được trưởng thành. Đây chính là việc huấn luyện “toàn bộ đời sống Kitô giáo”, nhờ đó, “các môn đệ được kết hợp với Đức Kitô là Thầy của mình. Như vậy các dự tòng phải được khai tâm cách thích đáng về mầu nhiệm cứu độ, và về việc thực hành luân lý của Tin Mừng, và nhờ các nghi thức thánh thiêng được tuân tữ cử hành theo từng giai đoạn, họ được dẫn vào đời sống đức tin, đời sống phụng vụ và đời sống bác ái của dân Thiên Chúa”⁴⁰.

1259 **1249.** Những người dự tòng “đã được kết hợp với Hội Thánh rồi, đã là người nhà của Đức Kitô rồi và thường đã sống một đời đức tin,

³⁹ Bộ Giáo Luật, điều 864; x. Bộ Giáo Luật Đông phương, điều 679.

⁴⁰ CĐ Vaticanô II, Sắc lệnh *Ad Gentes*, 14: AAS 58 (1966) 962-963; x. *Nghi thức gia nhập Kitô giáo cho người lớn*, Praenotanda 19 (Typis Polyglottis Vaticanis 1972) 11; *Ibid.*, De tempore catechumenatus eiusque ritibus 98, 36.

đức cậy và đức mến rồi”⁴¹. Họ được “Mẹ Hội Thánh yêu thương chăm sóc như con cái mình rồi”⁴².

Rửa tội cho nhi đồng

1250. Vì được sinh ra với bản tính con người sa ngã và hoen ố do nguyên tội, các nhi đồng cũng cần được tái sinh trong bí tích Rửa Tội⁴³, để chúng được giải thoát khỏi quyền lực tối tăm và được đưa vào miền tự do của các con cái Thiên Chúa mà tất cả mọi người được mời gọi⁴⁴. Tính cách hoàn toàn nhưng không của ơn cứu độ được biểu lộ cách đặc biệt trong bí tích Rửa Tội cho các nhi đồng. 1996 Vì vậy Hội Thánh và cha mẹ em nhỏ, nếu không cho em được Rửa Tội ít lâu sau khi sinh ra, thì làm em thiệt mất ân sủng vô giá là được trở nên con cái Thiên Chúa⁴⁵.

1251. Các cha mẹ Kitô giáo nhận biết rằng, việc thực hành này cũng đi đôi với nhiệm vụ của họ là những người nuôi dưỡng sự sống mà Thiên Chúa đã uỷ thác cho họ⁴⁶.

1252. Việc Rửa Tội cho các nhi đồng là một truyền thống rất xa xưa của Hội Thánh. Có những bằng chứng rõ ràng về truyền thống này từ thế kỷ thứ hai. Nhưng rất có thể ngay từ lúc các Tông Đồ bắt đầu rao giảng, khi có những gia đình mà “cả nhà” đều chịu Phép Rửa⁴⁷ thì người ta cũng đã Rửa Tội cho cả các nhi đồng⁴⁸.

Đức tin và bí tích Rửa Tội

1253. Bí tích Rửa Tội là bí tích của đức tin⁴⁹. Nhưng đức tin cần đến cộng đoàn các tín hữu. Mỗi Kitô hữu chỉ có thể tin trong đức tin của Hội Thánh. Đức tin cần phải có để được chịu Phép Rửa, chưa phải là đức tin hoàn hảo và trưởng thành, nhưng là một khởi đầu cần được tăng trưởng. Hội Thánh hỏi người dự tòng hoặc người đỡ đầu: “Con xin gì cùng Hội Thánh Chúa?” Và họ trả lời: “Con xin đức tin”. 1123 168

⁴¹ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Ad Gentes*, 14: AAS 58 (1966) 963.

⁴² CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 14: AAS 57 (1965) 19; x. *Bộ Giáo Luật*, các điều 206, 788.

⁴³ X. CD Tridentinô, Sess. 5a, *Decretum de peccato originali*, c. 4: DS 1514.

⁴⁴ X. Cl 1,12-14.

⁴⁵ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 867; *Bộ Giáo Luật Đông phương*, điều 686,1.

⁴⁶ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 11: AAS 57 (1965) 15-16; *Ibid.*, 41: AAS 57 (1965) 47; Id., Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 48: AAS 58 (1966) 1067-1069; *Bộ Giáo Luật*, các điều 774,2, 1136.

⁴⁷ X. Cv 16,15.33; 18,8; 1 Cr 1,16.

⁴⁸ X. Thánh bộ Giáo lý Đức tin, Huấn thị *Pastoralis actio*, 4: AAS 72 (1980) 1139.

⁴⁹ X. Mc 16,16.

2101 **1254.** Đức tin của mọi người đã chịu Phép Rửa, cả nhi đồng cả người thành niên, cần được tăng trưởng *sau bí tích Rửa Tội*. Vì vậy, hằng năm, trong đêm Canh thức Vượt Qua, Hội Thánh cử hành việc lặp lại các lời hứa Phép Rửa. Việc chuẩn bị lãnh nhận bí tích Rửa Tội mới chỉ đưa tới ngưỡng cửa của đời sống mới. Bí tích Rửa Tội là nguồn mạch của đời sống mới trong Đức Kitô, từ đó tuôn trào toàn bộ đời sống Kitô hữu.

1311 **1255.** Để ân sủng của bí tích Rửa Tội có thể được triển nở, sự hỗ trợ của cha mẹ là rất quan trọng. *Cha mẹ đỡ đầu* cũng có nhiệm vụ trong công việc này. Họ phải là những tín hữu kiên vững, có khả năng và sẵn sàng giúp đỡ người mới chịu Phép Rửa, nhi đồng cũng như người thành niên, trên con đường của đời sống Kitô hữu⁵⁰. Nhiệm vụ của cha mẹ đỡ đầu thực sự là một chức vụ chính thức (*officium*) trong Hội Thánh⁵¹. Toàn thể cộng đoàn giáo hội đều dự phần trách nhiệm trong việc làm triển nở và giữ gìn ân sủng đã được lãnh nhận trong bí tích Rửa Tội.

V. AI CÓ THỂ BAN BÍ TÍCH RỬA TỘI?

QUIS BAPTIZARE POTES?

1239-1240 **1256.** Thừa tác viên thông thường của bí tích Rửa Tội là Giám mục, linh mục, và trong Giáo Hội La tinh, cả phó tế nữa⁵². Trong trường hợp khẩn thiết, thì bất cứ người nào, kể cả những người chưa chịu Phép Rửa, mà có ý hướng cần thiết, đều có thể cử hành Phép Rửa⁵³, bằng cách sử dụng công thức Rửa Tội nhân danh Chúa Ba Ngôi. Ý hướng cần thiết là muốn làm điều Hội Thánh làm khi ban Phép Rửa. Lý do của việc người ngoại giáo cũng có thể cử hành Phép Rửa như vậy, là vì Hội Thánh thấy rõ rằng Thiên Chúa muốn cứu độ mọi người⁵⁴ và bí tích Rửa Tội là cần thiết để được cứu độ⁵⁵.

VI. SỰ CẦN THIẾT CỦA BÍ TÍCH RỬA TỘI

NECESSITAS BAPTISMI

1129 **1257.** Chính Chúa khẳng định rằng bí tích Rửa Tội là cần thiết để được cứu độ⁵⁶. Vì vậy, Người đã truyền lệnh cho các môn đệ Người

⁵⁰ X. *Bộ Giáo Luật*, các điều 872-874.

⁵¹ X. CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 67: AAS 56 (1964) 118.

⁵² X. *Bộ Giáo Luật*, điều 861, 1; *Bộ Giáo Luật Đông phương*, điều 677, 1.

⁵³ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 861, 2.

⁵⁴ X. 1 Tm 2,4.

⁵⁵ X. Mc 16,16.

⁵⁶ X. Ga 3,5.

rao giảng Tin Mừng và làm Phép Rửa cho muôn dân⁵⁷. Bí tích Rửa Tội cần thiết cho ơn cứu độ đối với những người đã được loan báo Tin Mừng và có khả năng xin lãnh nhận bí tích này⁵⁸. Ngoài bí tích Rửa Tội, Hội Thánh không biết đến một phương thế nào khác để bảo đảm cho người ta được vào vinh phúc vĩnh cửu; vì vậy, Hội Thánh không xao lãng sứ vụ mình đã lãnh nhận từ nơi Chúa là phải làm cho tất cả những người có thể lãnh bí tích này được sinh ra “bởi nước và Chúa Thánh Thần”. *Thiên Chúa đã ràng buộc ơn cứu độ với bí tích Rửa Tội, nhưng chính Ngài không bị ràng buộc bởi các bí tích của Ngài.*

161, 846

1258. Từ đầu, Hội Thánh luôn xác tín rằng những người chịu chết vì đức tin, mặc dầu chưa lãnh nhận bí tích Rửa Tội, thì họ đã được tẩy rửa bằng cái chết của họ vì Đức Kitô và với Đức Kitô. *Được tẩy rửa bằng máu như vậy, cũng như ước muốn chịu Phép Rửa, vẫn mang lại hiệu quả của bí tích Rửa Tội, tuy đó không phải là bí tích.*

2473

1259. Đối với những người dự tòng chết trước khi lãnh nhận bí tích Rửa Tội, việc họ khao khát tỏ tường muốn lãnh nhận bí tích này, liên kết với việc thống hối các tội lỗi của họ và với đức mến, bảo đảm cho họ ơn cứu độ mà họ đã không thể lãnh nhận qua bí tích.

1249

1260. “Vì Đức Kitô đã chết cho tất cả mọi người, và vì ơn gọi tối hậu của con người thật sự là duy nhất, đó là ơn gọi bởi Thiên Chúa, nên chúng ta phải hiểu rằng, Chúa Thánh Thần ban cho mọi người khả năng được tham dự vào mầu nhiệm Vượt Qua, bằng cách nào đó chỉ có Chúa biết⁵⁹. Bất kỳ ai, dù không biết Tin Mừng của Đức Kitô và không biết Hội Thánh của Người, nhưng tìm kiếm chân lý và thực thi ý muốn của Thiên Chúa theo như họ hiểu biết, thì có thể được cứu độ. Có thể giả thiết rằng, những người như vậy hẳn đã *minh nhiên khao khát lãnh nhận bí tích Rửa Tội*, nếu họ đã biết đến sự cần thiết của bí tích này.

848

1261. Về các trẻ em chết mà chưa được lãnh bí tích Rửa Tội, Hội Thánh chỉ biết phó dâng các em cho lòng thương xót của Thiên Chúa, như Hội Thánh đã làm trong nghi lễ an táng dành cho các em. Thật vậy, lòng thương xót cao cả của Thiên Chúa, “Đấng muốn cho mọi người được cứu độ” (1 Tm 2,4) và lòng thương mến của

⁵⁷ X. Mt 28,20. X. CD Tridentinô, Sess. 7a, *Decretum de sacramentis, Canones de sacramento Baptismi*, canon 5: DS 1618; CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 14: AAS 57 (1965) 18; Id., Sắc lệnh *Ad Gentes*, 5: AAS 58 (1966) 951-952.

⁵⁸ X. Mc 16,16.

⁵⁹ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 22: AAS 58 (1966) 1043; x. Id., Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 16: AAS 57 (1965) 20; Id., Sắc lệnh *Ad Gentes*, 7: AAS 58 (1966) 955.

1257 Chúa Giêsu đối với trẻ em khiến Người đã nói: “Cứ để trẻ em đến
với Thầy, đừng ngăn cấm chúng” (Mc 10,14) cho phép chúng ta hy
vọng rằng, có một con đường cứu độ dành cho những trẻ em chết
1250 mà chưa chịu Phép Rửa. Hội Thánh cũng hết sức khẩn thiết kêu
gọi, đừng ngăn cản các trẻ em không cho chúng đến với Đức Kitô
nhờ hồng ân của bí tích Rửa Tội.

VII. ÂN SÙNG CỦA BÍ TÍCH RỬA TỘI

GRATIA BAPTISMI

1234 **1262.** Những hiệu quả khác nhau của bí tích Rửa Tội được nói lên
qua các yếu tố khả giác của nghi thức bí tích. Việc chìm xuống nước
là biểu tượng của sự chết và việc thanh tẩy, nhưng cũng là biểu
tượng của sự tái sinh và sự canh tân. Vậy hai hiệu quả chính là
việc thanh tẩy tội lỗi và sự tái sinh trong Chúa Thánh Thần⁶⁰.

Để tha tội...

977 **1263.** Nhờ bí tích Rửa Tội, *tất cả mọi tội lỗi* đều được tha: tội tổ
tông và tất cả các tội cá nhân, cũng như tất cả các hình phạt do
1425 tội⁶¹. Thật vậy, nơi những người đã được tái sinh, không còn gì
ngăn cản họ bước vào Nước Thiên Chúa, dù là tội của ông Adam,
dù là tội của bản thân, dù là những hậu quả của tội, mà hậu quả
nghiêm trọng nhất là phải xa lìa Thiên Chúa.

976, 2514 **1264.** Tuy nhiên, một số hậu quả tạm thời của tội vẫn còn tồn tại
1426 nơi người đã chịu Phép Rửa, như đau khổ, bệnh tật, sự chết, hoặc
những mỏng dòn trong cuộc sống như tính tình yếu đuối, v.v..., hoặc
cả sự hướng chiều về tội mà Truyền thống gọi là *dục vọng*
(*concupiscentia*) hay nói cách ẩn dụ là “bùn nhùi nhóm lửa của tội”
(*fomes peccati*): “Dục vọng, được để lại để chúng ta chiến đấu,
không có khả năng làm hại những ai không chiều theo nó mà còn
mạnh mẽ chống lại nó nhờ ân sủng của Đức Kitô Giêsu. Hơn nữa,
405 “không đoạt giải nếu không thi đấu theo luật lệ” (2 Tm 2,5)⁶².

“Thụ tạo mới”

505 **1265.** Bí tích Rửa Tội không những rửa sạch mọi tội lỗi, mà còn
làm cho người tân tòng trở nên “một thụ tạo mới”⁶³, thành nghĩa
tử của Thiên Chúa⁶⁴, “được thông phần bản tính Thiên Chúa”⁶⁵,

⁶⁰ X. Cv 2,38; Ga 3,5.

⁶¹ X. CD Florentinô, *Decretum pro Armenis*: DS 1316.

⁶² X. CD Tridentinô, Sess. 5a, *Decretum de peccato originali*, canon 5: DS 1515.

⁶³ X. 2 Cr 5,17.

⁶⁴ X. Gl 4,5-7.

thành chi thể của Đức Kitô⁶⁶ và đồng thừa tự với Người⁶⁷, và thành đền thờ Chúa Thánh Thần⁶⁸. 460

1266. Chúa Ba Ngôi Chí Thánh ban cho người chịu Phép Rửa ơn thánh hóa, ơn công chính hóa: 1992

– làm cho người đó có khả năng tin vào Thiên Chúa, trông cậy Ngài và yêu mến Ngài nhờ các nhân đức đối thân; 1812

– làm cho người đó có khả năng sống và hành động theo sự tác động của Chúa Thánh Thần nhờ các hồng ân của Chúa Thánh Thần; 1831

– làm cho người đó tăng trưởng trong điều thiện hảo nhờ các nhân đức luân lý. 1810

Như vậy, toàn bộ cơ cấu của đời sống siêu nhiên của Kitô hữu đều bắt nguồn từ bí tích Rửa Tội.

Được tháp nhập vào Hội Thánh là Thân Thể Đức Kitô

1267. Bí tích Rửa Tội làm cho chúng ta thành chi thể của Thân Thể Đức Kitô. “Chúng ta là phần thân thể của nhau” (Ep 4,25). Bí tích Rửa Tội tháp nhập chúng ta vào *Hội Thánh*. Từ giếng rửa tội, dân duy nhất của Thiên Chúa của Giao Ước Mới được sinh ra, dân này vượt lên trên mọi ranh giới tự nhiên hoặc nhân bản về dân tộc, văn hóa, chủng tộc và giới tính: “Tất cả chúng ta đều đã chịu Phép Rửa trong cùng một Thần Khí để trở nên một thân thể” (1 Cr 12,13). 782

1268. Những người đã chịu Phép Rửa trở nên “những viên đá sống động mà xây nên ngôi đền thờ thiêng liêng.. làm hàng tư tế thánh” (1 Pr 2,5). Nhờ bí tích Rửa Tội, họ được tham dự vào chức tư tế của Đức Kitô, vào sứ vụ tiên tri và vương đế của Người, họ là “giống nòi được tuyển chọn, là hàng tư tế vương giả, là dân thánh, dân riêng của Thiên Chúa, để loan truyền những kỳ công của Ngài, Đấng đã gọi ... [họ] ra khỏi miền u tối, vào nơi đầy ánh sáng diệu huyền” (1 Pr 2,9). *Bí tích Rửa Tội cho họ tham dự vào chức tư tế cộng đồng của các tín hữu.* 1141 784

1269. Người đã chịu Phép Rửa đã trở thành phần tử của Hội Thánh, họ không còn thuộc về mình nữa⁶⁹, nhưng thuộc về Đấng đã chết và đã sống lại vì chúng ta⁷⁰. Từ nay, họ được mời gọi để

⁶⁵ X. 2 Pr 1,4.

⁶⁶ X. 1 Cr 6,15; 12,27.

⁶⁷ X. Rm 8,17.

⁶⁸ X. 1 Cr 6,19.

⁶⁹ X. 1 Cr 6,19.

⁷⁰ X. 2 Cr 5,15.

phục tùng lẫn nhau⁷¹ và phục vụ người khác⁷² trong sự hiệp thông của Hội Thánh, được mời gọi “vâng lời và phục tùng” các vị lãnh đạo của Hội Thánh⁷³ với lòng kính trọng và quý mến⁷⁴. Cũng như bí tích Rửa Tội là nguồn mạch của các trách nhiệm và bổn phận, người chịu Phép Rửa cũng được hưởng các quyền lợi trong lòng Hội Thánh: được lãnh nhận các bí tích, được nuôi dưỡng bằng Lời Chúa và được nâng đỡ bằng các trợ giúp thiêng liêng khác của Hội Thánh⁷⁵.

871 1270. Những người đã chịu Phép Rửa, “được tái sinh làm con Thiên Chúa (nhờ bí tích Rửa Tội), có bổn phận tuyên xưng trước mặt mọi người đức tin mà họ đã lãnh nhận từ Thiên Chúa qua Hội Thánh”⁷⁶ và tham dự vào hoạt động tông đồ và truyền giáo của dân Thiên Chúa⁷⁷.

Mối dây bí tích của sự hợp nhất các Kitô hữu

818, 838 1271. Bí tích Rửa Tội đặt nền tảng cho sự hiệp thông giữa tất cả các Kitô hữu, kể cả với những người chưa hoàn toàn hiệp thông với Hội Thánh Công giáo: “Thật vậy, những người tin vào Đức Kitô và đã chịu Phép Rửa đúng nghi thức, vẫn hiệp thông một cách nào đó với Hội Thánh Công giáo, tuy là sự hiệp thông không hoàn hảo... Đã được công chính hóa nhờ đức tin khi chịu Phép Rửa, những người đó đã được tháp nhập vào Đức Kitô, vì vậy họ có quyền mang danh Kitô hữu và xứng đáng được các con cái của Hội Thánh Công giáo nhìn nhận là anh em trong Chúa”⁷⁸. “Vậy bí tích Rửa Tội là mối dây bí tích liên kết cách chặt chẽ sự hợp nhất giữa tất cả những người đã được tái sinh nhờ bí tích đó”⁷⁹.

Ấn tín thiêng liêng không thể tẩy xóa

1121 1272. Người chịu Phép Rửa, được tháp nhập vào Đức Kitô nhờ bí tích Rửa Tội, được nên đồng hình đồng dạng với Đức Kitô⁸⁰. Bí tích này ghi trên Kitô hữu một dấu chỉ thiêng liêng không thể tẩy xóa

⁷¹ X. Ep 5,21; 1 Cr 16,15-16.

⁷² X. Ga 13,12-15.

⁷³ X. Dt 13,17.

⁷⁴ X. 1 Tx 5,12-13.

⁷⁵ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 37: AAS 57 (1965) 42-43; *Bộ Giáo Luật*, các điều 208-223; *Bộ Giáo Luật Đông phương*, điều 675,2.

⁷⁶ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 11: AAS 57 (1965) 16.

⁷⁷ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 17: AAS 57 (1965) 21; Id., *Sắc lệnh Ad Gentes*, 7: AAS 58 (1966) 956; *Ibid.*, 23: AAS 58 (1966) 974-975.

⁷⁸ CD Vaticanô II, *Sắc lệnh Unitatis redintegratio*, 3: AAS 57 (1965) 93.

⁷⁹ CD Vaticanô II, *Sắc lệnh Unitatis redintegratio*, 22: AAS 57 (1965) 105.

⁸⁰ X. Rm 8,29.

(ấn tín), một dấu chỉ cho thấy họ thuộc về Đức Kitô. Không một tội lỗi nào xóa được ấn tín này, mặc dù tội lỗi ngăn cản bí tích Rửa Tội mang lại những hiệu quả của ơn cứu độ⁸¹. Bí tích Rửa Tội chỉ được ban một lần cho mãi mãi, nên không thể được tái ban.

1273. Được tháp nhập vào Hội Thánh nhờ bí tích Rửa Tội, các tín hữu nhận được ấn tín bí tích, ấn tín này thánh hiến họ để lo việc phụng tự Kitô giáo⁸². Ấn tín Phép Rửa làm cho họ có khả năng và đòi buộc họ phải phục vụ Thiên Chúa bằng việc tham dự sống động vào phụng vụ thánh của Hội Thánh và phải thực thi chức tư tế Phép Rửa của họ qua việc làm chứng bằng một đời sống thánh thiện và bằng một đức mến đầy hiệu năng⁸³. 1070

1274. “Ấn tín của Chúa”⁸⁴ là dấu ấn Chúa Thánh Thần ghi trên chúng ta “để chờ ngày cứu chuộc” (Ep 4,30)⁸⁵. “Bí tích Rửa Tội là dấu ấn của đời sống vĩnh cửu”⁸⁶. Tín hữu nào “gìn giữ dấu ấn” cho đến cùng, nghĩa là, trung thành với những đòi buộc của bí tích Rửa Tội của mình, thì có thể chết “với dấu chỉ của đức tin”⁸⁷, với đức tin của bí tích Rửa Tội của mình, trong sự mong đợi được vinh phúc hưởng kiến Thiên Chúa – đó là sự hoàn tất đức tin – và trong niềm hy vọng sống lại. 197 2016

TÓM LƯỢC

1275. Việc khai tâm Kitô giáo được thực hiện bằng ba bí tích: bí tích Rửa Tội khởi đầu cuộc sống mới; bí tích Thêm Sức củng cố đời sống đó; bí tích Thánh Thể nuôi dưỡng tín hữu bằng Mình và Máu Đức Kitô để biến đổi họ trong Người.

1276. “Hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm Phép Rửa cho họ nhân danh Cha, và Con và Thánh Thần, dạy bảo họ tuân giữ mọi điều Thầy đã truyền cho anh em” (Mt 28,19-20).

1277. Bí tích Rửa Tội là việc sinh ra trong đời sống mới trong Đức Kitô. Theo ý muốn của Chúa, bí tích Rửa Tội cần thiết cho ơn cứu độ cũng như chính Hội Thánh mà bí tích Rửa Tội tháp nhập vào.

⁸¹ X. CD Tridentinô, Sess. 7a, *Decretum de sacramentis*, Canones de sacramentis in genere, canon 9: DS 1609 ; *Ibid.*, Canones de sacramento Baptismi, canon 6: DS 1619.

⁸² X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 11: AAS 57 (1965) 16.

⁸³ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 10: AAS 57 (1965) 15-16.

⁸⁴ X. Thánh Augustinô, *Epistula* 98, 5: CSEL 34, 527 (PL 33, 362).

⁸⁵ X. Ep 1,13-14; 2 Cr 1,21-22.

⁸⁶ Thánh Irênê, *Demonstratio praedicationis apostolicae*, 3: SC 62, 32.

⁸⁷ *Kinh nguyện Thánh Thể I* còn gọi là *Lễ Quy Rôma: Sách Lễ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 454.

1278. Nghi thức chính yếu của bí tích Rửa Tội là dìm người dự tòng vào trong nước hay đổ nước trên đầu họ trong khi kêu cầu danh Ba Ngôi Chí Thánh là Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần.

1279. Hiệu quả của bí tích Rửa Tội hay ân sủng của bí tích Rửa Tội là một thực tế phong phú bao gồm: việc tha tội tổ tông và tất cả các tội cá nhân; việc sinh ra vào đời sống mới, nhờ đó con người trở thành nghĩa tử của Chúa Cha, chi thể của Đức Kitô và đền thờ của Chúa Thánh Thần. Người chịu Phép Rửa được tháp nhập vào Hội Thánh là Thân Thể Đức Kitô, và tham dự vào chức tư tế của Đức Kitô.

1280. Bí tích Rửa Tội ghi vào linh hồn một dấu thiêng liêng không thể tẩy xóa, gọi là “ấn tín”. Ấn tín này thánh hiến người được rửa tội cho việc phụng tự Kitô giáo. Vì ấn tín này, nên bí tích Rửa Tội không thể được tái ban⁸⁸.

1281. Những người chịu chết vì đức tin cũng như người dự tòng và tất cả những ai tuy không nhận biết Hội Thánh, nhưng thành tâm tìm kiếm Thiên Chúa dưới tác động của ơn thánh và cố gắng chu toàn thánh ý Ngài, vẫn có thể đạt được ơn cứu độ, dù chết mà chưa lãnh nhận bí tích Rửa Tội.⁸⁹

1282. Từ thời rất xa xưa, bí tích Rửa Tội đã được ban cho trẻ em, vì đây là ân sủng và hồng ân của Thiên Chúa, chứ không do công trạng của con người. Các em được rửa tội trong đức tin của Hội Thánh. Việc bước vào đời sống Kitô hữu dẫn đến sự tự do đích thực.

1283. Về phần các trẻ em chết mà chưa được rửa tội, phụng vụ Hội Thánh mời gọi chúng ta tin tưởng vào lòng nhân từ của Thiên Chúa và cầu nguyện cho các em được ơn cứu độ.

1284. Trong trường hợp khẩn thiết, mọi người đều có thể Rửa Tội, miễn là có ý làm điều Hội Thánh muốn làm và đổ nước lên đầu người lãnh nhận trong khi đọc: “Tôi rửa anh (chị) nhân danh Cha và Con và Thánh Thần”.

⁸⁸ X. CĐ Tridentinô, Sess. 7a, *Decretum de sacramentis*, Canones de sacramentis in genere, canon 9: DS 1609; *Ibid.*, Canones de sacramento Baptismi, canon 11: DS 1624.

⁸⁹ X. CD Vaticanô II, Hiến chế ún lý *Lumen Gentium*, 16: AAS 57 (1965) 20.

Mục 2

Bí tích Thêm Sức

Articulus 2

Sacramentum Confirmationis

1285. Bí tích Thêm Sức cùng với bí tích Rửa Tội và Thánh Thể tạo thành tổng thể “các bí tích khai tâm Kitô giáo”, mà sự thống nhất của nó phải được giữ gìn. Vì thế, phải giải thích cho các tín hữu biết việc lãnh nhận bí tích Thêm Sức là cần thiết để hoàn tất ân sủng của bí tích Rửa Tội⁹⁰. Thật vậy, những người đã chịu Phép Rửa “nhờ bí tích Thêm Sức, được liên kết với Hội Thánh cách hoàn hảo hơn, được dư đầy sức mạnh đặc biệt của Chúa Thánh Thần, và như vậy, với tư cách là những nhân chứng thật của Đức Kitô, họ càng có bổn phận khẩn thiết hơn phải loan truyền và đồng thời bảo vệ đức tin bằng lời nói và việc làm”⁹¹.

I. BÍ TÍCH THÊM SỨC TRONG NHIỆM VỤ CỨU ĐỘ

CONFIRMATIO IN OECONOMIA SALUTIS

1286. Trong *Cựu Ước* các tiên tri đã loan báo rằng Thần Khí Chúa sẽ ngự xuống trên Đấng Messia thiên hạ đợi trông⁹² vì sứ vụ cứu độ của Người⁹³. Việc Chúa Thánh Thần ngự xuống trên Chúa Giêsu, khi Người được ông Gioan làm phép rửa, là dấu chỉ cho thấy chính Người là Đấng phải đến, chính Người là Đấng Messia, là Con Thiên Chúa⁹⁴. Chúa Giêsu đã được thụ thai bởi Chúa Thánh Thần; trọn cuộc đời và sứ vụ của Người đều hiệp thông trọn vẹn với Chúa Thánh Thần, Đấng “Chúa Cha ban cho Người vô ngần vô hạn” (Ga 3,34).

702-716

1287. Tuy nhiên, việc tràn đầy Thần Khí không phải chỉ dành cho Đấng Messia, mà phải được truyền thông cho *toàn thể dân của Đấng Messia*⁹⁵. Nhiều lần, Đức Kitô đã hứa việc tuân ban Thần Khí như vậy⁹⁶, và Người đã thực hiện lời hứa đó trước tiên vào

739

⁹⁰ X. *Nghi thức Bí tích Thêm Sức*, Praenotanda 1 (Typis Polyglottis Vaticanis 1973) 16.

⁹¹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 11: AAS 57 (1965) 15; x. *Nghi thức Bí tích Thêm Sức*, Praenotanda 2 (Typis Polyglottis Vaticanis 1973) 16.

⁹² X. Is 11,2.

⁹³ X. Lc 4,16-22; Is 61,1.

⁹⁴ X. Mt 3,13-17; Ga 1,33-34.

⁹⁵ X. Ed 36,25-27; Ge 3,1-2.

⁹⁶ X. Lc 12,12; Ga 3,5-8; 7,37-39; 16,7-15; Cv 1,8.

ngày lễ Vượt Qua⁹⁷, và sau đó, một cách hoành tráng hơn, vào ngày lễ Ngũ Tuần⁹⁸. Được tràn đầy Chúa Thánh Thần, các Tông Đồ bắt đầu rao giảng “những kỳ công của Thiên Chúa” (Cv 2,11), và thánh Phêrô công bố rằng việc tuôn đổ Thánh Thần này là dấu chỉ thời đại Messia⁹⁹. Lúc đó những ai tin lời rao giảng của các Tông Đồ và chịu Phép Rửa, thì đến lượt họ cũng được lãnh nhận hồng ân Chúa Thánh Thần¹⁰⁰.

699 **1288.** “Từ đó, thực hiện ý muốn của Đức Kitô, các Tông Đồ đã đặt tay ban hồng ân Thần Khí cho các tân tòng để kiện toàn ân sủng của bí tích Rửa Tội¹⁰¹. Chính vì vậy, như trong thư gửi tín hữu Do thái, giáo lý về các phép rửa và về việc đặt tay đã được kể vào số các yếu tố của giáo huấn sơ đẳng của Kitô giáo¹⁰². Việc đặt tay được công nhận cách đúng đắn theo truyền thống công giáo là nguồn gốc của bí tích Thêm Sức, và một cách nào đó, bí tích này làm cho ân sủng ngày lễ Ngũ Tuần luôn tồn tại trong Hội Thánh”¹⁰³.

695 **1289.** Từ rất xa xưa, để biểu thị rõ hơn hồng ân Chúa Thánh Thần, việc xúc dầu thơm (dầu Chrisma) được liên kết với việc đặt tay. Việc xúc dầu này làm sáng tỏ danh xưng “Kitô hữu” (Christianus) có nghĩa là “người được xúc dầu” và bắt nguồn từ danh xưng của chính Đức Kitô (Christus): “Thiên Chúa đã dùng 436 Thánh Thần và quyền năng mà xúc dầu tấn phong Người” (Cv 10,38). Nghi thức Xúc Dầu này tồn tại đến ngày nay trong nghi lễ Đông cũng như Tây phương. Vì vậy, ở Đông phương, bí tích này 1297 được gọi là bí tích *Dầu Chrisma* (*Christmatio* là việc xúc bằng dầu *Myron*, nghĩa là *Dầu thánh*). Ở Tây phương, thuật ngữ *bí tích Thêm Sức* (*Confirmatio*) nói lên rằng bí tích này vừa kiện toàn bí tích Rửa Tội, vừa củng cố ân sủng của bí tích Rửa Tội.

Hai truyền thống: Đông phương và Tây phương

1290. Trong những thế kỷ đầu, bí tích Thêm Sức thường được cử hành chung với bí tích Rửa Tội, thành một “bí tích kép”, theo kiểu nói của thánh Cyprianô¹⁰⁴. Ngoài các lý do khác, còn có sự gia tăng việc ban bí tích Rửa Tội cho các nhi đồng trong suốt năm, và có thêm nhiều giáo xứ

⁹⁷ X. Ga 20,22.

⁹⁸ X. Cv 2,1-4.

⁹⁹ X. Cv 2,17-18.

¹⁰⁰ X. Cv 2,38.

¹⁰¹ X. Cv 8,15-17; 19,5-6.

¹⁰² X. Dt 6,2.

¹⁰³ ĐGH Phaolô VI, Tông hiến *Divinae consortium naturae*: AAS 63 (1971) 659.

¹⁰⁴ X. Thánh Cyprianô, *Epistula* 73,21: CSEL 3/2, 795 (PL 3, 1169).

(ở đồng quê), các giáo phận lớn dần, những điều này khiến Giám mục không thể hiện diện trong tất cả các cử hành rửa tội được nữa. Ở Tây phương, bởi vì người ta muốn dành cho Giám mục việc hoàn tất bí tích Rửa Tội, nên đã tách biệt về thời gian của hai bí tích này. Đông phương vẫn duy trì việc liên kết hai bí tích trên, nên bí tích Thêm Sức được ban do vị linh mục cử hành Phép Rửa. Tuy nhiên, vị này chỉ có thể ban bí tích Thêm Sức với dầu thánh đã được Giám mục thánh hiến¹⁰⁵. 1233

1291. Một thói quen của Giáo Hội Rôma giúp phát triển cách thực hành của Tây phương, đó là việc xúc dầu thánh hai lần sau khi Rửa Tội. Lần đầu do linh mục thực hiện trên người tân tòng vừa bước ra khỏi giếng rửa tội; việc xúc dầu này chỉ được hoàn tất bằng việc xúc dầu lần thứ hai do Giám mục ghi trên trán mỗi người tân tòng¹⁰⁶. Việc xúc dầu thánh lần thứ nhất do linh mục thực hiện, vẫn thuộc về nghi thức rửa tội; nó nói lên sự tham dự của người chịu Phép Rửa vào các chức vụ tiên tri, tư tế và vương đế của Đức Kitô. Nếu bí tích Rửa Tội được ban cho người thành niên, thì chỉ có một lần xúc dầu sau khi rửa tội: đó là việc xúc dầu của bí tích Thêm Sức. 1242

1292. Cách thực hành của các Giáo Hội Đông phương nhấn mạnh hơn đến tính thống nhất của việc khai tâm Kitô giáo. Cách thực hành của Giáo Hội La tinh diễn tả rõ ràng hơn sự hiệp thông của Kitô hữu mới với Giám mục của mình, là người bảo đảm và người phục vụ cho sự hợp nhất của Hội Thánh, cho đặc tính công giáo và tông truyền của Hội Thánh, và nhờ đó là mối dây liên kết với các nguồn gốc Tông Đồ của Hội Thánh Đức Kitô. 1244

II. CÁC DẤU CHỈ VÀ NGHI THỨC CỦA BÍ TÍCH THÊM SỨC CONFIRMATIONIS SIGNA ET RITUS

1293. Trong nghi thức của bí tích này, phải lưu ý đến dấu chỉ *xúc dầu* và điều mà việc xúc dầu nói lên và ghi dấu: đó là *ấn tín thiêng liêng*. 695

Việc xúc dầu, theo ý nghĩa biểu tượng của Kinh Thánh và văn hoá cổ thời, có rất nhiều ý nghĩa: dầu là dấu chỉ sự sung mãn¹⁰⁷ và niềm vui¹⁰⁸, dầu dùng để thanh tẩy (xúc dầu trước và sau khi tắm), dầu làm cho dẻo dai (xúc dầu cho các lực sĩ và các đồ vật); dầu là dấu chỉ chữa lành bởi vì nó làm giảm đau các vết bầm và vết thương¹⁰⁹; dầu làm nổi bật vẻ đẹp, sức khỏe và sức mạnh.

¹⁰⁵ X. Bộ Giáo Luật Đông phương, các điều 695,1. 696,1.

¹⁰⁶ X. Thánh Hippolytô Rôma, *Traditio apostolica*, 21: ed. B. Botte (Münster i.W. 1989) 50. 52.

¹⁰⁷ X. Đnl 11,14; etc.

¹⁰⁸ X. Tv 23,5; 104,15.

¹⁰⁹ X. Is 1,6; Lc 10,34.

- 1152 **1294.** Tất cả các ý nghĩa đó của việc xúc dầu đều được gặp lại trong đời sống bí tích. Việc xúc dầu dự tòng trước bí tích Rửa Tội có ý nghĩa thanh tẩy và tăng sức. Việc xúc dầu bệnh nhân diễn tả sự chữa lành và an ủi. Việc xúc dầu Thánh sau bí tích Rửa Tội, trong bí tích Thêm Sức và Truyền Chức Thánh, là dấu chỉ sự thánh hiến. Nhờ bí tích Thêm Sức, các Kitô hữu, nghĩa là những người đã được xúc dầu, tham dự nhiều hơn vào sứ vụ của Chúa Giêsu Kitô và vào sự tràn đầy Chúa Thánh Thần như Người, để cả cuộc đời của họ tỏa ngát hương thơm của Đức Kitô¹¹⁰.
- 698 **1295.** Nhờ việc xúc dầu này, người lãnh nhận bí tích Thêm Sức nhận được một dấu chỉ, là *ấn tín* của Chúa Thánh Thần. Ấn tín là biểu tượng của một nhân vật¹¹¹, là dấu chỉ uy quyền của người đó¹¹², dấu chỉ quyền sở hữu của người đó trên một đối tượng nào đó¹¹³ – bởi vậy ngày xưa, các binh sĩ được ghi dấu bằng ấn tín của vị chỉ huy họ, các nô lệ cũng được ghi dấu bằng ấn tín của chủ mình –; ấn tín chứng thực một văn kiện pháp lý¹¹⁴ hay một tài liệu¹¹⁵ và có khi ấn tín niêm phong làm cho tài liệu đó trở thành một tài liệu mật¹¹⁶.
- 1121 **1296.** Chính Đức Kitô tuyên bố Người được ghi dấu bằng ấn tín của Cha Người¹¹⁷. Kitô hữu cũng được ghi dấu bằng một ấn tín: “Đấng củng cố chúng tôi cùng với anh em trong Đức Kitô, và đã xúc dầu cho chúng ta, Đấng ấy là Thiên Chúa. Chính Ngài cũng đã đóng ấn tín trên chúng ta và đổ Thần Khí vào lòng chúng ta làm bảo chứng” (2 Cr 1,21-22)¹¹⁸. Ấn tín này của Chúa Thánh Thần xác nhận một người hoàn toàn thuộc về Đức Kitô, để vĩnh viễn phục vụ Người, nhưng ấn tín đó cũng là một lời hứa là được Thiên Chúa che chở trong cuộc thử thách lớn lao thời cánh chung¹¹⁹.

Việc cử hành bí tích Thêm Sức

- 1183 **1297.** Một nghi thức quan trọng đi trước việc cử hành bí tích Thêm sức, nhưng một cách nào đó cũng dự phần trong việc cử hành này, đó là việc *thánh hiến dầu thánh*. Chính Giám mục, trong Thánh lễ Dầu ngày thứ năm Tuần Thánh, thánh hiến dầu thánh để sử dụng

¹¹⁰ X. 2 Cr 2,15.

¹¹¹ X. St 38,18; Dc 8,6.

¹¹² X. St 41,42.

¹¹³ X. Đnl 32,34.

¹¹⁴ X. 1 V 21,8.

¹¹⁵ X. Gr 32,10;

¹¹⁶ X. Is 29,11.

¹¹⁷ X. Ga 6,27.

¹¹⁸ X. Ep 1,13; 4,30.

¹¹⁹ X. Kh 7,2-3; 9,4; Ed 9,4-6.

trong toàn giáo phận của ngài. Trong các Giáo Hội Đông phương, 1241
việc thánh hiến này cũng dành riêng cho vị Thượng phụ.

Trong Phụng vụ Antiôchia, kinh Khấn cầu Chúa Thánh Thần (*Epiclesis*) trong nghi thức thánh hiến dầu thánh (tiếng Hy Lạp là *myron*) là như sau: “Lạy Cha... xin sai Chúa Thánh Thần đến trên chúng con và trên dầu này đang đặt trước mặt chúng con đây và xin Cha thánh hiến dầu này, để đối với mọi người được xúc và được ghi dấu, nó sẽ là dầu thánh, dầu tư tế, dầu vương đế, y phục sáng láng, áo choàng của ơn cứu độ, sự che chở đời sống, hồng ân thiêng liêng, ơn thánh hóa linh hồn và thân xác, sự hoan lạc của tâm hồn, sự ngọt ngào vĩnh cửu, niềm vui vững bền, ấn tín không thể tẩy xóa, khiên thuẫn của đức tin, và mũ chiến gây kinh hoàng chống lại mọi hành động của Kẻ Thù”¹²⁰.

1298. Khi bí tích Thêm Sức được cử hành tách biệt khỏi bí tích Rửa Tội, như trong nghi thức Rôma, thì phụng vụ bí tích bắt đầu bằng việc lặp lại lời hứa Phép Rửa và việc tuyên xưng đức tin của người sắp nhận bí tích Thêm Sức. Điều này cho thấy cách rõ ràng là bí tích Thêm Sức có sự liên tục với bí tích Rửa Tội¹²¹. Khi một người thành niên được rửa tội, thì liền sau đó họ sẽ lãnh nhận bí tích Thêm Sức và tham dự vào bí tích Thánh Thể¹²².

1299. Trong nghi thức Rôma, Giám mục giơ tay trên toàn thể những người lãnh nhận bí tích Thêm Sức. Từ thời các Thánh Tông Đồ, cử chỉ này là dấu chỉ hồng ân của Thần Khí. Và Giám mục cầu khẩn việc tuôn đổ Thần Khí như sau:

“Lạy Thiên Chúa toàn năng, là Cha Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng con, Chúa đã tái sinh các tôi tớ Chúa đây bởi nước và Thánh Thần khi giải thoát họ khỏi tội lỗi, thì lạy Chúa, xin hãy ban Chúa Thánh Thần, Đấng An Ủi đến trong những người này; xin 1831
ban cho họ thần trí khôn ngoan và thông hiểu, thần trí lo liệu và sức mạnh, thần trí suy biết và đạo đức, xin ban cho những người này đầy ơn kính sợ Chúa. Nhờ Đức Kitô, Chúa chúng con”¹²³.

1300. Tiếp theo là *nghi thức chính yếu* của bí tích. Trong nghi lễ Latinh, “bí tích Thêm Sức được trao ban bằng việc xúc dầu thánh trên trán, đồng thời với việc đặt tay và đọc lời này: ‘T..., hãy lãnh nhận ấn tín ơn Chúa Thánh Thần’”¹²⁴. Trong các Giáo hội Đông 699

¹²⁰ *Pontificale iuxta ritum Ecclesiae Syrorum Occidentalium id est Antiochiae*, Pars I, Versio latina (Typis Polyglottis Vaticanis 1941) 36-37.

¹²¹ X. CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 71: AAS 56 (1964) 118.

¹²² X. *Bộ Giáo Luật*, điều 866.

¹²³ *Nghi thức Bí tích Thêm Sức*, 25 (Typis Polyglottis Vaticanis 1973) 26.

¹²⁴ ĐGH Phaolô VI, Tông hiến *Divinae consortium naturae*: AAS 63 (1971) 657.

phương theo nghi lễ Byzantin, việc xúc dầu thánh được thực hiện sau kinh Khấn cầu Chúa Thánh Thần, trên những phần có ý nghĩa hơn của thân thể: trán, mắt, mũi, tai, môi, ngực, lưng, hai tay và hai chân; mỗi lần xúc dầu, chủ sự nói: “Tôi ghi dấu cho anh bằng hồng ân của Chúa Thánh Thần”¹²⁵.

1301. Cái hôn bình an kết thúc nghi thức bí tích, nói lên và biểu lộ sự hiệp thông trong Hội Thánh với Giám mục và với tất cả các tín hữu¹²⁶.

III. NHỮNG HIỆU QUẢ CỦA BÍ TÍCH THÊM SỨC CONFIRMATIONIS EFFECTUS

731 **1302.** Việc cử hành cho thấy rõ hiệu quả của bí tích Thêm Sức là sự tuôn đổ tràn đầy Chúa Thánh Thần, như xưa Ngài đã được tuôn đổ trên các Tông Đồ ngày lễ Ngũ Tuần.

1262-1274 **1303.** Vì vậy, bí tích Thêm Sức mang lại sự gia tăng và thấm nhuần sâu xa hơn ân sủng của bí tích Rửa Tội:

- giúp chúng ta bén rễ sâu hơn vào việc làm con cái Thiên Chúa, trong đó chúng ta kêu lên: “Abba, Cha ơi!” (Rm 8,15);
- kết hợp chúng ta với Đức Kitô cách khăng khít hơn;
- gia tăng trong chúng ta các hồng ân của Chúa Thánh Thần;
- làm cho dây liên kết của chúng ta với Hội Thánh được hoàn hảo hơn¹²⁷;
- ban cho chúng ta sức mạnh đặc biệt của Chúa Thánh Thần, để chúng ta dùng lời nói và việc làm mà truyền bá và bảo vệ đức tin với tư cách là những chứng nhân đích thực của Đức Kitô, để chúng ta can đảm tuyên xưng danh Đức Kitô và không bao giờ hổ thẹn vì Thập Giá¹²⁸:

2044

“Vậy anh em nhớ, anh em đã lãnh nhận ấn tín của Chúa Thánh Thần: Thần Khí khôn ngoan và thông hiểu, Thần Khí lo liệu và sức mạnh, Thần Khí suy biết và đạo đức, Thần Khí của sự kính sợ Thiên Chúa, và hãy gìn giữ những gì anh em đã lãnh nhận. Chúa Cha đã ghi ấn tín cho anh em, Chúa Kitô đã tăng sức cho anh em và đã đặt bảo chứng, là Chúa Thánh Thần, vào trái tim anh em”¹²⁹.

¹²⁵ *Rituale per le Chiese orientali di rito bizantino in lingua greca*, Pars 1 (Libreria Editrice Vaticana 1954) 36.

¹²⁶ X. Thánh Hippolytô Rôma, *Traditio apostolica*, 21: ed. B. Botte (Münster i.W. 1989) 54.

¹²⁷ X. CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 11: AAS 57 (1965).

¹²⁸ X. CĐ Florentinô, *Decretum pro Armenis*: DS 1319; CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 11: AAS 57 (1965) 15; *Ibid.*, 12: AAS 57 (1965) 16.

¹²⁹ Thánh Ambrôsiô, *De mysteriis*, 7, 42: CSEL 73, 106 (PL 16, 402-403).

1304. Bí tích Thêm Sức là sự kiện toàn bí tích Rửa Tội, và cũng như bí tích Rửa Tội, bí tích Thêm Sức chỉ được ban một lần mà thôi. Bí tích Thêm Sức in vào linh hồn *một dấu ấn thiêng liêng không thể tẩy xóa* được, một “ấn tín”¹³⁰, đó là dấu ấn Đức Kitô đã ghi cho Kitô hữu bằng ấn tín của Chúa Thánh Thần, khi ban xuống cho họ sức mạnh từ trên cao để họ trở nên chứng nhân của Người¹³¹. 1121

1305. “Ấn tín” này kiện toàn chức tư tế cộng đồng của các tín hữu mà họ đã lãnh nhận trong bí tích Rửa Tội. “Người lãnh bí tích Thêm Sức nhận được sức mạnh để công khai tuyên xưng đức tin vào Đức Kitô bằng lời nói, như do một chức vụ chính thức (*quasi ex officio*)”¹³². 1268

IV. AI CÓ THỂ LÃNH NHẬN BÍ TÍCH THÊM SỨC?

QUIS HOC SACRAMENTUM RECIPERE POTEST?

1306. Mọi người đã được Rửa Tội mà chưa được Thêm Sức, đều có thể và phải lãnh nhận bí tích Thêm Sức¹³³. Bởi vì các bí tích Rửa Tội, Thêm Sức và Thánh Thể tạo thành một thể thống nhất, nên “các tín hữu buộc phải lãnh nhận bí tích Thêm Sức vào thời gian thích hợp”¹³⁴, bởi vì nếu không có bí tích Thêm Sức và Thánh Thể, thì tuy bí tích Rửa Tội vẫn chắc chắn thành sự và hữu hiệu, nhưng việc khai tâm Kitô giáo vẫn chưa được trọn vẹn. 1212

1307. Thói quen của Giáo Hội La tinh, đã từ nhiều thế kỷ, lấy “tuổi biết phân biệt tốt xấu” như thời điểm phải quy chiếu để lãnh nhận bí tích Thêm Sức. Nhưng trong trường hợp nguy tử, các nhi đồng phải được Thêm Sức, mặc dầu chúng chưa đến tuổi biết phân biệt tốt xấu¹³⁵.

1308. Nếu đôi khi chúng ta gọi bí tích Thêm Sức là “bí tích của sự trưởng thành Kitô giáo”, thì đừng vì vậy mà lẫn lộn tuổi trưởng thành về đức tin với tuổi trưởng thành của sự tăng trưởng tự nhiên; cũng đừng quên rằng ân sủng của bí tích Rửa Tội là một ân sủng của sự tuyển chọn nhưng không (của Thiên Chúa) chứ không do công trạng (của chúng ta), nó không cần một “xác nhận” nào để trở thành có hiệu lực. Thánh Tôma nhắc nhớ điều đó: 1250

“Tuổi tác phân xác không làm hại đến linh hồn. Bởi đó cả trong tuổi thơ, con người cũng có thể đạt sự trọn hảo của tuổi tinh

¹³⁰ X. CD Tridentinô, Sess. 7a, *Decretum de sacramentis*, Canones de sacramentis in genere, canon 9: DS 1609.

¹³¹ X. Lc 24,48-49.

¹³² Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, III, q. 72, a. 5, ad 2 : Ed. Leon. 12, 130.

¹³³ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 889,1.

¹³⁴ *Bộ Giáo Luật*, điều 890.

¹³⁵ X. *Bộ Giáo Luật*, các điều 891. 883,3.

thân: về điều này sách Khôn Ngoan dạy: “Tuổi thọ đáng kính không phải bởi sống lâu, cũng không do số tuổi” (Kn 4,8). Vì vậy, có nhiều trẻ em, nhờ sức mạnh của Chúa Thánh Thần mà chúng đã lãnh nhận, đã anh dũng chiến đấu đến đổ máu vì Đức Kitô”¹³⁶.

2670 **1309.** Việc chuẩn bị cho bí tích Thêm Sức phải nhằm dẫn đưa Kitô hữu đến sự kết hợp thân mật hơn với Đức Kitô, đến sự kết hợp sống động hơn với Chúa Thánh Thần, với hoạt động của Ngài, với các hồng ân của Ngài, với sự thân thiết trước những mời gọi của Ngài, để họ có thể đảm nhận cách tốt hơn những trách nhiệm tông đồ của đời sống Kitô hữu. Do đó, giáo lý Thêm Sức phải cố gắng khơi dậy ý thức mình thuộc về Hội Thánh của Chúa Giêsu Kitô, Hội Thánh phổ quát cũng như cộng đoàn giáo xứ. Cộng đoàn này có trách nhiệm đặc biệt trong việc chuẩn bị cho những người sắp chịu phép Thêm Sức¹³⁷.

1310. Để lãnh nhận bí tích Thêm Sức, phải ở trong tình trạng ân sủng. Phải đến với bí tích Hòa Giải để được thanh tẩy hầu đón nhận hồng ân của Chúa Thánh Thần. Phải cầu nguyện tha thiết hơn để chuẩn bị lãnh nhận sức mạnh và các ân sủng của Chúa Thánh Thần với tâm hồn vâng phục và sẵn sàng¹³⁸.

1255 **1311.** Đối với bí tích Thêm Sức, cũng như đối với bí tích Rửa Tội, các ứng viên phải có *cha hay mẹ đỡ đầu*, để được trợ giúp thiêng liêng. Nên chọn chính người đỡ đầu Rửa Tội để làm rõ nét sự thống nhất của hai bí tích này¹³⁹.

V. THỪA TÁC VIÊN BÍ TÍCH THÊM SỨC

CONFIRMATIONIS MINISTER

1312. Thừa tác viên nguyên thủy của bí tích Thêm Sức là Giám mục¹⁴⁰.

1233 Ở *Đông phương*, thông thường linh mục nào ban bí tích Rửa Tội, sẽ ban luôn bí tích Thêm Sức trong cùng một cử hành. Tuy nhiên, linh mục phải dùng dầu thánh đã được vị Thượng phụ hay Giám mục thánh hiến, để nói lên tính duy nhất tông truyền của Hội Thánh mà các dây liên kết của tính duy nhất đó được củng cố nhờ bí tích Thêm Sức. Trong Giáo Hội La tinh trình tự này cũng được

¹³⁶ Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, III, q. 72, a. 8, ad 2 : Ed. Leon. 12, 133.

¹³⁷ X. *Nghi thức Bí tích Thêm Sức*, Praenotanda, 3 (Typis Polyglottis Vaticanis 1973) 16.

¹³⁸ X. Cv 1,14.

¹³⁹ X. *Nghi thức Bí tích Thêm Sức*, Praenotanda, 5 (Typis Polyglottis Vaticanis 1973) 17; *Ibid.*, 6 (Typis Polyglottis Vaticanis 1973) 17; *Bộ Giáo Luật*, điều 893, 1-2.

¹⁴⁰ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 26: AAS 57 (1965) 32.

áp dụng khi rửa tội cho người thành niên, hay khi đón nhận vào hiệp thông trọn vẹn với Hội Thánh Công giáo, một người đã chịu Phép Rửa trong một cộng đoàn Kitô giáo khác, mà chưa lãnh nhận bí tích Thêm Sức thành sự¹⁴¹.

1313. Trong nghi lễ *La tinh*, thừa tác viên thông thường của bí tích Thêm Sức là Giám mục¹⁴². Khi cần, Giám mục có thể uỷ quyền cho các linh mục ban bí tích Thêm Sức¹⁴³; nhưng ngài không được quên rằng, việc ban bí tích Thêm Sức được dành cho ngài, đó chính là lý do khiến việc cử hành bí tích Thêm Sức đã được tách biệt khỏi bí tích Rửa Tội một khoảng thời gian. Các Giám mục là những người kế nhiệm các Tông Đồ, các ngài đã được lãnh nhận sự viên mãn của bí tích Truyền Chức Thánh. Việc chính các ngài cử hành bí tích Thêm Sức, nói lên cách rõ ràng rằng, bí tích Thêm Sức đem lại hiệu quả là những người lãnh nhận bí tích này được kết hợp một cách chặt chẽ hơn với Hội Thánh, với các nguồn gốc tông truyền của Hội Thánh và với sứ vụ của Hội Thánh là làm chứng cho Đức Kitô. 1290 1285

1314. Nếu một Kitô hữu đang trong tình trạng nguy tử, thì bất cứ linh mục nào cũng có thể ban bí tích Thêm Sức cho họ¹⁴⁴. Thật vậy, Hội Thánh muốn rằng không người con nào của mình, kể cả trẻ nhỏ nhất, phải lia đời mà trước đó chưa được Chúa Thánh Thần kiện toàn bằng hồng ân do sự sung mãn của Đức Kitô. 1307

TÓM LƯỢC

1315. “Các Tông Đồ ở Giêrusalem nghe biết dân miền Samari đã đón nhận Lời Thiên Chúa, thì cử ông Phêrô và ông Gioan đến với họ. Khi đến nơi, hai ông cầu nguyện cho họ, để họ nhận được Thánh Thần. Vì Thánh Thần chưa ngự xuống một ai trong nhóm họ, họ mới chỉ chịu Phép Rửa nhân danh Chúa Giêsu. Bấy giờ hai ông đặt tay trên họ, và họ nhận được Thánh Thần” (Cv 8,14-17).

1316. Bí tích Thêm Sức kiện toàn ân sủng Rửa Tội. Đây là bí tích ban Chúa Thánh Thần để giúp chúng ta tiến sâu hơn vào ơn làm con cái Thiên Chúa, tháp nhập chúng ta cách mật thiết hơn vào Đức Kitô, làm cho dây liên kết với Hội Thánh được chặt chẽ hơn, gắn bó thiết thực hơn với sứ mạng của Hội Thánh và giúp chúng ta làm chứng cho đức tin Kitô giáo bằng lời nói và việc làm.

¹⁴¹ X. Bộ Giáo Luật, điều 883,2.

¹⁴² X. Bộ Giáo Luật, điều 882.

¹⁴³ X. Bộ Giáo Luật, điều 884,2.

¹⁴⁴ X. Bộ Giáo Luật, điều 883,3.

1317. Như bí tích Rửa Tội, bí tích Thêm Sức cũng in vào tâm hồn tín hữu một dấu ấn thiêng liêng, một ấn tín không tẩy xóa được. Vì thế, mỗi người chỉ có thể lãnh nhận bí tích Thêm Sức một lần mà thôi.

1318. Ở Đông phương, bí tích Thêm Sức được trao ban liền sau bí tích Rửa Tội; tiếp đó, là việc tham dự bí tích Thánh Thể – một truyền thống làm nổi bật sự thống nhất của ba bí tích khai tâm Kitô giáo. Giáo Hội La tinh ban bí tích Thêm Sức cho các em đã tới tuổi khôn; và thường dành quyền ban bí tích này cho Giám mục để thấy rõ bí tích này củng cố sự liên kết với Hội Thánh.

1319. Người muốn lãnh bí tích Thêm Sức phải là người đã đạt tới tuổi khôn, phải tuyên xưng đức tin, phải đang trong tình trạng ân sủng, có ý muốn lãnh nhận bí tích và được chuẩn bị để lãnh nhận vai trò môn đệ và chứng nhân của Đức Kitô, trong cộng đoàn giáo hội cũng như trong các lãnh vực trần thế.

1320. Nghi thức chính yếu của bí tích Thêm Sức là việc xúc dầu thánh trên trán người đã lãnh nhận bí tích Rửa Tội (Giáo Hội Đông phương còn xúc dầu trên những phần khác của thân thể), cùng với việc đặt tay của thừa tác viên và đọc: “Hãy lãnh nhận ấn tín ơn Chúa Thánh Thần” (nghi lễ La tinh) hay “Ấn tín ơn Chúa Thánh Thần” (nghi lễ Byzantin).

1321. Khi bí tích Thêm Sức được cử hành tách khỏi bí tích Rửa Tội, đây liền hệ với bí tích Rửa Tội được diễn tả, ngoài các việc khác, bằng việc lặp lại lời hứa trong bí tích Rửa Tội. Việc trao ban bí tích Thêm Sức trong Thánh lễ nhằm nhấn mạnh tính thống nhất của các bí tích khai tâm Kitô giáo.

Mục 3

Bí Tích Thánh Thể

Articulus 3

Sacramentum Eucharistiae

1212 1322. Bí tích Thánh Thể hoàn tất việc khai tâm Kitô giáo. Những người đã được nâng lên hàng tư tế vương giả nhờ bí tích Rửa Tội, và được nên đồng hình đồng dạng với Đức Kitô cách sâu xa hơn nhờ bí tích Thêm Sức, nay nhờ bí tích Thánh Thể được tham dự vào chính hy tế của Chúa cùng với toàn thể cộng đoàn.

1323. “Đang khi ăn bữa Tiệc ly, trong đêm Người bị nộp, Đấng Cứu Độ chúng ta đã thiết lập Hy tế Thánh Thể bằng Mình và Máu Người, để nhờ đó, Hy tế thập giá trường tồn qua các thời đại, cho tới khi Người đến, và cũng để ủy thác cho Hiền Thê yêu quý của Người là Hội Thánh, việc tưởng nhớ sự Chết và Sống lại của Người: Đây là bí tích tình yêu, là dấu chỉ sự hợp nhất, là mối dây bác ái, là bữa tiệc Vượt Qua, nơi chúng ta lãnh nhận Đức Kitô, linh hồn được tràn đầy ân sủng và nhận được bảo đảm cho vinh quang tương lai”¹⁴⁵.

1402

I. THÁNH THỂ, NGUỒN MẠCH VÀ TỘT ĐỈNH CỦA ĐỜI SỐNG HỘI THÁNH

EUCCHARISTIA – FONTS ET CULMEN VITAE ECCLESIALIS

1324. Bí tích Thánh Thể là nguồn mạch và chóp đỉnh của toàn thể đời sống Kitô giáo¹⁴⁶. “Những bí tích khác cũng như mọi thừa tác vụ trong Hội Thánh, và các hoạt động tông đồ, đều gắn liền với bí tích Thánh Thể và quy hướng về bí tích đó. Thật vậy, phép Thánh Thể Chí Thánh chứa đựng toàn bộ của cải thiêng liêng của Hội Thánh, đó là chính Đức Kitô, Chiên Vượt Qua của chúng ta”¹⁴⁷.

864

1325. “Việc hiệp thông vào sự sống của Thiên Chúa và sự hợp nhất của dân Thiên Chúa, nhờ hai điều đó mà Hội Thánh tồn tại, được diễn tả cách xác đáng và thực hiện cách kỳ diệu nhờ bí tích Thánh Thể. Trong bí tích này, hành động Thiên Chúa thánh hoá trần gian trong Đức Kitô và việc phụng tự mà con người dâng lên Đức Kitô và nhờ Người mà dâng lên Chúa Cha trong Chúa Thánh Thần, cả hai đều đạt tới tột đỉnh”¹⁴⁸.

775

1326. Sau cùng, nhờ việc cử hành bí tích Thánh Thể, chúng ta đã được kết hợp với phụng vụ trên trời và tham dự trước vào đời sống vĩnh cửu, trong đó “Thiên Chúa có toàn quyền trên muôn loài” (1 Cr 15,28).

1090

1327. Tóm lại, bí tích Thánh Thể là bản toát yếu và tổng luận của đức tin của chúng ta: “Cách chúng ta suy nghĩ phù hợp với bí tích Thánh Thể, và ngược lại bí tích Thánh Thể xác nhận cách suy nghĩ của chúng ta”¹⁴⁹.

1124

¹⁴⁵ CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 47: AAS 56 (1964) 113.

¹⁴⁶ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 11: AAS 57 (1965) 15.

¹⁴⁷ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Presbyterorum ordinis*, 5: AAS 58 (1966) 997.

¹⁴⁸ Thánh bộ Nghi lễ, Huấn thị *Eucharisticum mysterium*, 6: AAS 59 (1967) 545.

¹⁴⁹ Thánh Irênê, *Adversus haereses*, 4, 18, 5: SC 100 (PG 7, 1028).

II. BÍ TÍCH THÁNH THỂ ĐƯỢC GỌI THỂ NÀO?

QUOMODO HOC APPELLATUR SACRAMENTUM?

1328. Sự phong phú vô tận của bí tích này được diễn tả qua nhiều tên gọi khác nhau mà người ta dành cho bí tích này. Mỗi một trong các tên gọi đó gọi lên một số phương diện. Người ta gọi bí tích Thánh Thể là:

2637 *Lễ Tạ Ơn*, bởi vì đây chính là hành động cảm tạ Thiên Chúa.
1082 Các từ *Eucharistein* (Lc 22,19; 1 Cr 11,24) và *eulogein* (Mt 26,26; Mc 14,22) nhắc lại những lời chúc tụng của dân Do Thái – nhất là trong bữa ăn – để tung hô các kỳ công của Thiên Chúa: tạo dựng, cứu chuộc và thánh hóa.

1382 **1329.** *Bữa ăn tối của Chúa*¹⁵⁰, bởi vì Hội Thánh tưởng niệm *bữa Tiệc Ly* Chúa cùng ăn với các môn đệ Người hôm trước ngày Người chịu nạn, và đây như là việc tham dự trước vào *Tiệc Cưới của Con Chiên*¹⁵¹ trong thành Giêrusalem thiên quốc.

Việc Bẻ Bánh, vì nghi thức này, nét đặc thù của bữa ăn Do Thái, đã được Chúa Giêsu sử dụng khi Người dâng lời chúc tụng và phân phối bánh với tư cách người chủ tiệc¹⁵², đặc biệt trong bữa Tiệc Ly¹⁵³. Nhờ cử chỉ này, các môn đệ nhận ra Người sau khi Người sống lại¹⁵⁴; và các Kitô hữu tiên khởi đã dùng thuật ngữ “Bẻ Bánh” để nói về các buổi cử hành Thánh Thể của họ¹⁵⁵. Như vậy họ muốn nói lên rằng, tất cả những ai cùng ăn một tấm bánh duy nhất được bẻ ra, là Đức Kitô, thì được hiệp thông với Người và làm thành một thân thể trong Người¹⁵⁶.

790 *Cộng đoàn Thánh Thể (Synaxis)*, bởi vì bí tích Thánh Thể được cử hành trong cộng đoàn các tín hữu, đó là cách diễn tả hữu hình về Hội Thánh¹⁵⁷.

1341 **1330.** *Việc Tưởng Niệm* cuộc khổ nạn và phục sinh của Chúa.

2643 *Hy tế thánh*, bởi vì hy tế duy nhất của Đức Kitô Đấng Cứu Độ được hiện tại hoá và bao gồm cả lễ vật của Hội Thánh. Bí tích Thánh Thể còn được gọi là *Hy tế Thánh lễ*, “*lễ tế ngợi khen*”
614 (Dt 13,15)¹⁵⁸, *lễ tế thiêng liêng*,¹⁵⁹ *hy tế tinh tuyền*¹⁶⁰ và *thánh*

¹⁵⁰ X. 1 Cr 11,20.

¹⁵¹ X. Kh 19,9.

¹⁵² X. Mt 14,19; 15,36; Mc 8,6.19.

¹⁵³ X. Mt 26,26; 1 Cr 11,24.

¹⁵⁴ X. Lc 24,13-35.

¹⁵⁵ X. Cv 2,42.46; 20,7.11.

¹⁵⁶ X. 1 Cr 10,16-17.

¹⁵⁷ X. 1 Cr 11,17-34.

¹⁵⁸ X. Tv 116,13.17.

thiện, bởi vì bí tích này hoàn tất và vượt trên mọi hy tế của Giao Ước cũ.

Phụng vụ thánh và thần linh, bởi vì tất cả phụng vụ của Hội Thánh có trung tâm và cách diễn tả cô đọng nhất trong việc cử hành bí tích này; cũng theo nghĩa đó bí tích Thánh Thể còn được gọi là cuộc cử hành *Các mầu nhiệm thánh*. Bí tích này cũng được gọi là *Bí Tích Cực Thánh*, bởi vì là bí tích của các bí tích. Danh xưng này để chỉ các hình dạng Thánh Thể được lưu giữ trong Nhà Tạm. 1169

1331. *Sự hiệp lễ*, bởi vì nhờ bí tích này, chúng ta được kết hợp với Đức Kitô, là Đấng cho chúng ta tham dự vào Mình và Máu Người, để làm thành một thân thể duy nhất¹⁶¹; bí tích này cũng được gọi là *Những sự thánh (ta hagia; sancta)*¹⁶² – đây là ý nghĩa đầu tiên của mầu nhiệm “các Thánh thông công” mà Tín biểu của các Tông Đồ nói đến –, *Bánh các Thiên thân, Bánh bởi trời, Thuốc trường sinh*¹⁶³, *Cửa ăn dâng...* 950 948 1405

1332. *Thánh Lễ (Lễ Misa)*, bởi vì phụng vụ trong đó mầu nhiệm cứu độ được hoàn tất, được kết thúc bằng việc sai các tín hữu ra đi (*missio*), để họ chu toàn thánh ý Thiên Chúa trong đời sống hằng ngày của họ. 849

III. BÍ TÍCH THÁNH THỂ TRONG NHIỆM CỤC CỨU ĐỘ EUCCHARISTIA IN OECONOMIA SALUTIS

Các dấu chỉ là bánh và rượu

1333. Ở trung tâm việc cử hành bí tích Thánh Thể có bánh và rượu, mà nhờ lời của Đức Kitô và việc khấn cầu Chúa Thánh Thần, sẽ trở thành Mình và Máu của Đức Kitô. Trung thành với mệnh lệnh của Chúa, để nhớ đến Người, cho tới khi Người lại đến trong vinh quang, Hội Thánh tiếp tục làm điều Chúa đã làm hôm trước ngày Người chịu khổ hình: “Người cầm lấy bánh...”, “Người cầm lấy chén rượu...”. Các dấu chỉ là bánh và rượu, khi đã trở nên Mình và Máu Đức Kitô cách mầu nhiệm, vẫn tiếp tục nói lên sự thiện hảo của công trình tạo dựng. Vì vậy trong phần Dâng lễ, chúng ta tạ 1147

¹⁵⁹ X. 1 Pr 2,5.

¹⁶⁰ X. Ml 1,11.

¹⁶¹ X. 1 Cr 10,16-17.

¹⁶² X. *Constitutiones apostolicae*, 8, 13. 12: SC 336, 208 (Funk, *Didaschalia et Constitutiones Apostolorum*, 1, 516); *Didaché*, 9, 5: SC 248, 178 (Funk, *Patres apostolici*, 1, 22); *Ibid.*, 10,6: SC 248, 180 (Funk, *Patres apostolici*, 1, 24).

¹⁶³ Thánh Ignatiô Antiôchia, *Epistula ad Ephesios*, 20, 2: SC 10bis, 76 (Funk 1, 230).

- 1148 ơn Đấng Tạo Hoá vì đã ban bánh và rượu¹⁶⁴, là kết quả của “công lao của con người,” nhưng trước hết đó là “hoa mầu ruộng đất” và “sản phẩm từ cây nho”, tức là những hồng ân của Đấng Tạo Hoá. Hội Thánh nhận ra cử chỉ của Melchisedech, là vua và là tư tế, ông “mang bánh và rượu ra” (St 14,18), là hình ảnh tiên báo cho hiến lễ của mình¹⁶⁵.
- 1150 **1334.** Thời Giao Ước cũ, trong số các hoa trái đầu mùa của ruộng đất, bánh và rượu được dâng lên làm lễ vật, với tính cách một dấu chỉ của lòng biết ơn đối với Đấng Tạo Hoá. Nhưng chúng còn mang
1363 một ý nghĩa mới trong bối cảnh cuộc Xuất Hành: Các bánh không men mà người Do Thái hằng năm vẫn ăn trong dịp lễ Vượt Qua, gợi nhớ đến sự vội vã của cuộc ra đi thoát khỏi Ai Cập; kỷ niệm về manna trong sa mạc luôn nhắc nhở dân Israel rằng họ sống bằng bánh là Lời Chúa¹⁶⁶. Cuối cùng, bánh ăn hằng ngày là sản phẩm của Đất hứa, là bảo chứng việc Thiên Chúa trung tín với các lời hứa của Ngài. “Chén chúc tụng” (1 Cr 10,16) vào cuối bữa tiệc Vượt Qua của người Do Thái, đã thêm cho rượu một ý nghĩa cánh chung ngoài niềm vui lễ hội, đó là sự trông chờ Đấng Messia đến tái tạo Giêrusalem. Khi thiết lập bí tích Thánh Thể của Người, Chúa Giêsu đã ban một ý nghĩa mới và dứt khoát cho việc dâng lời chúc tụng trên bánh và chén rượu.
- 1151 **1335.** Các phép lạ hóa bánh ra nhiều, khi Chúa dâng lời chúc tụng, bẻ bánh ra và trao cho các môn đệ Người để nuôi dưỡng đám đông, là hình ảnh tiên báo sự vô cùng phong phú của tấm bánh duy nhất là Thánh Thể của Người¹⁶⁷. Dấu chỉ nước hoá thành rượu ở Cana¹⁶⁸ đã loan báo Giờ vinh quang của Chúa Giêsu. Dấu chỉ này biểu lộ sự hoàn tất của bữa tiệc cưới trong Nước của Chúa Cha, nơi các tín hữu uống rượu mới¹⁶⁹ đã trở thành Máu Đức Kitô.
- 1336.** Lời loan báo đầu tiên về bí tích Thánh Thể đã gây chia rẽ các môn đệ, giống như lời loan báo về cuộc khổ nạn đã làm cho họ vấp phạm: “Lời này chướng tai quá! Ai mà nghe nổi?” (Ga 6,60). Thánh Thể và Thánh Giá là những hòn đá gây vấp ngã. Vẫn là cùng một mầu nhiệm, và mầu nhiệm đó không ngừng là cố gây chia rẽ. “Cả anh em nữa, anh em cũng muốn bỏ đi hay sao?” (Ga 6,67): Câu hỏi này của Chúa vang vọng qua các thời đại, với

¹⁶⁴ X. Tv 104,13-15.

¹⁶⁵ X. *Kinh nguyện Thánh Thể I* còn gọi là *Lễ Quy Rôma*, 95: *Sách Lễ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 453.

¹⁶⁶ X. Đnl 8,3.

¹⁶⁷ X. Mt 14,13-21; 15,32-39.

¹⁶⁸ X. Ga 2,11.

¹⁶⁹ X. Mc 14,25.

tính cách một lời mời gọi của tình yêu của Người để khám phá ra rằng, chỉ một mình Người mới có “những lời đem lại sự sống đời đời” (Ga 6,68), và việc đón nhận hồng ân Thánh Thể của Người trong đức tin là đón nhận chính Người.

1327

Việc thiết lập bí tích Thánh Thể

1337. Khi yêu thương những kẻ thuộc về mình, Chúa đã yêu họ đến cùng. Khi biết đã đến Giờ lìa bỏ thế gian mà về cùng Cha mình, trong một bữa tiệc, Người đã rửa chân cho họ và ban cho họ giới luật yêu thương¹⁷⁰. Để lưu lại cho họ bảo chứng của tình yêu này, để không bao giờ lìa xa những kẻ thuộc về mình, và để họ được tham dự vào cuộc Vượt Qua của Người, Người đã thiết lập bí tích Thánh Thể, với tính cách một việc để nhớ đến cái Chết và sự Sống lại của Người, và Người truyền cho các Tông Đồ Người, “những vị Người đặt làm tư tế của Giao Ước Mới”¹⁷¹ phải cử hành bí tích này cho tới khi Người lại đến.

610

611

1338. Ba Tin Mừng Nhất Lãm và thánh Phaolô lưu truyền cho chúng ta bản tường thuật việc thiết lập bí tích Thánh Thể; về phần mình, thánh Gioan thuật lại những lời của Chúa Giêsu tại hội đường Capharnaum, những lời đó thật sự chuẩn bị cho việc thiết lập bí tích Thánh Thể: chính Đức Kitô tự xưng mình là Bánh Hằng Sống, từ trời xuống¹⁷².

1339. Chúa Giêsu chọn thời gian mừng lễ Vượt Qua để thực hiện điều Người đã báo trước ở Capharnaum: Người ban Mình và Máu Người cho các môn đệ của Người:

1169

“Đã đến ngày lễ Bánh Không Men, ngày phải sát tế chiên Vượt Qua. Chúa Giêsu sai ông Phêrô với ông Gioan đi và dặn: ‘Các anh hãy đi dọn cho chúng ta ăn lễ Vượt Qua’. ... Các ông ra đi ... và dọn tiệc Vượt Qua. Khi giờ đã đến, Chúa Giêsu vào bàn cùng với các Tông Đồ. Người nói với các ông: ‘Thầy những khát khao mong mỗi ăn lễ Vượt Qua này với anh em trước khi chịu khổ hình. Bởi vì, Thầy nói cho anh em hay, Thầy sẽ không bao giờ ăn lễ Vượt Qua này nữa, cho đến khi lễ này được nên trọn vẹn trong Nước Thiên Chúa’.... Rồi Người cầm lấy bánh, dâng lời tạ ơn, bẻ ra, trao cho các ông và nói: ‘Đây là Mình Thầy, hiến tế vì anh em. Anh em hãy làm việc này, mà tưởng nhớ đến Thầy’. Và tới tuần rượu cuối bữa ăn, Người cũng làm như vậy và nói: ‘Chén này là giao ước mới, lập bằng Máu Thầy, máu đổ ra vì anh em’” (Lc 22,7-20)¹⁷³.

¹⁷⁰ X. Ga 13,1-17.

¹⁷¹ X. CĐ Tridentinô, Sess. 22a, *Doctrina de ss. Missae Sacrificio*, c. 1: DS 1740.

¹⁷² X. Ga 6.

¹⁷³ X. Mt 26,17-29; Mc 14,12-25; 1 Cr 11,23-25.

1151 **1340.** Khi cử hành bữa Tiệc Ly với các Tông Đồ của Người trong khung cảnh bữa tiệc Vượt Qua, Chúa Giêsu đã ban cho lễ Vượt Qua của người Do Thái một ý nghĩa dứt khoát. Quả thật, cuộc Vượt Qua của Chúa Giêsu để về cùng Cha Người, qua cái Chết và sự Sống lại, thật sự là cuộc Vượt Qua mới, được tham dự trước trong bữa Tiệc Ly và được cử hành trong bí tích Thánh Thể, cuộc Vượt Qua đó hoàn thành lễ Vượt Qua của người Do Thái và tham dự trước vào lễ Vượt Qua chung cuộc của Hội Thánh trong vinh quang Nước Thiên Chúa.

“Các con hãy làm việc này mà nhớ đến Thầy”

611, 1363 **1341.** Mệnh lệnh Chúa Giêsu truyền phải lặp lại những cử chỉ và lời nói của Người “cho tới khi Chúa đến” (1 Cr 11,26), không chỉ đòi hỏi phải nhớ đến Chúa Giêsu và những gì Người đã làm. Mệnh lệnh này nhắm đến việc cử hành phụng vụ, do các Tông Đồ và những người kế nhiệm các ngài, để *tưởng niệm* Đức Kitô, tưởng niệm cuộc đời của Người, cái Chết và sự Sống lại của Người, và việc chuyển cầu của Người bên Chúa Cha.

2624 **1342.** Ngay từ đầu, Hội Thánh đã trung thành tuân giữ mệnh lệnh này của Chúa. Về Hội Thánh tại Giêrusalem có bài tường thuật như sau:

“Các tín hữu chuyên cần nghe các Tông Đồ giảng dạy, luôn luôn hiệp thông với nhau, siêng năng tham dự lễ bẻ bánh, và cầu nguyện không ngừng.... Họ đồng tâm nhất trí, ngày ngày chuyên cần đến Đền Thờ. Khi làm lễ bẻ bánh tại tư gia, họ dùng bữa với lòng đơn sơ vui vẻ” (Cv 2,42.46).

1166, 2177 **1343.** Đặc biệt vào “ngày thứ nhất trong tuần”, nghĩa là ngày Chúa Nhật, ngày Chúa Giêsu phục sinh, các Kitô hữu tụ họp để “bẻ bánh” (Cv 20,7). Từ đó đến nay, việc cử hành bí tích Thánh Thể tiếp tục tồn tại y như vậy, đến độ ngày nay chúng ta vẫn gặp được việc cử hành đó, ở bất cứ đâu trong Hội Thánh, với cùng một cấu trúc căn bản. Bí tích Thánh Thể vẫn mãi mãi là trung tâm của đời sống Hội Thánh.

1404 **1344.** Như vậy, từ cử hành này sang cử hành khác để loan báo mầu nhiệm Vượt Qua của Chúa Giêsu, “cho tới khi Chúa đến” (1 Cr 11,26), dân Thiên Chúa trên đường lữ hành, “qua đường hẹp của thập giá”¹⁷⁴, đang tiến về bàn tiệc thiên quốc, nơi tất cả mọi người được tuyển chọn sẽ ngồi vào bàn tiệc của Nước Thiên Chúa.

¹⁷⁴ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Ad Gentes*, 1 : AAS 58 (1966) 947.

IV. CỬ HÀNH PHỤNG VỤ THÁNH THỂ CELEBRATIO LITURGICA EUCHARISTIAE

Thánh lễ của mọi thời đại

1345. Từ thế kỷ II, chúng ta có chứng từ của thánh Justinô tử đạo về những nét chính của việc cử hành thánh lễ. Những nét chính đó vẫn được giữ nguyên cho đến ngày nay, trong tất cả các truyền thống phụng vụ lớn. Để giải thích cho hoàng đế ngoại giáo Antônô Piô (138-161) những gì các Kitô hữu đã làm, thánh Justinô viết vào khoảng năm 155 như sau:

“Vào ngày Mặt Trời như người ta thường gọi, mọi người ở thành phố hay ở nông thôn đều họp lại một nơi.

Và người ta đọc ký sự của các Tông Đồ hoặc sách của các Tiên tri, tùy thời gian cho phép.

Khi người đọc kết thúc, vị chủ sự lên tiếng nhấn nhủ và khuyến khích mọi người bắt chước những điều tốt lành đó.

Sau đó, tất cả chúng tôi cùng đứng dậy và dâng lời cầu nguyện¹⁷⁵ cho chính chúng tôi... và cho mọi người khác ở khắp nơi, ... để chúng tôi sống ngay chính trong các việc làm và trong việc tuân giữ các giới răn, hầu chúng tôi đạt được ơn cứu độ vĩnh cửu.

Khi kết thúc việc cầu nguyện, chúng tôi trao hôn bình an cho nhau.

Tiếp đến, người ta mang đến cho vị chủ sự bánh và một chén rượu có pha nước.

Vị chủ sự cầm lấy bánh rượu, dâng lời tán tụng và tôn vinh Cha của vũ trụ, nhân danh Chúa Con và Chúa Thánh Thần và đọc một kinh tạ ơn dài (tiếng Hy Lạp: *eucharistian*) về việc chúng tôi được coi là xứng đáng với các hồng ân này.

Khi vị chủ sự kết thúc các lời nguyện và việc tạ ơn, mọi người hiện diện đồng thanh đáp: Amen.

Sau khi vị chủ sự hoàn tất nghi thức tạ ơn và toàn dân đã đáp lại, thì các vị mà chúng tôi gọi là phó tế, phân phát bánh và rượu có pha nước ‘đã được thánh thể hoá’ (*eucharistizata*) cho mỗi người hiện diện tham dự và đem đến cho những người vắng mặt”¹⁷⁶.

1346. Phụng vụ Thánh lễ diễn tiến theo một cấu trúc căn bản đã được duy trì qua các thế kỷ cho đến thời đại chúng ta. Phụng vụ

¹⁷⁵ Thánh Justinô, *Apologia*, 1, 67 : CA 1, 184-186 (PG 6, 429).

¹⁷⁶ Thánh Justinô, *Apologia*, 1, 65 : CA 1, 176-180 (PG 6, 428).

Thánh lễ được triển khai trong hai phần chính, làm thành một thể thống nhất:

- Tập họp, *Phụng vụ Lời Chúa* với các bài đọc, bài giảng và lời nguyện phổ quát;
- *Phụng vụ Thánh Thể* với việc tiến dâng bánh rượu; kinh tạ ơn thánh hiến [Kinh nguyện Thánh Thể] và hiệp lễ.

103 *Phụng Vụ Lời Chúa* và *Phụng Vụ Thánh Thể* cùng tạo thành “một hành vi phụng tự duy nhất”¹⁷⁷; thật vậy, bàn tiệc được dọn ra cho chúng ta trong Thánh Lễ vừa là bàn tiệc Lời Thiên Chúa, vừa là bàn tiệc Mình Chúa¹⁷⁸.

1347. Đó không phải là diễn tiến bữa tiệc Vượt Qua của Chúa Giêsu phục sinh với các môn đệ Người sao? Khi đi đường, Người giải thích Kinh Thánh cho họ, rồi khi vào bàn ăn với họ, “Người cầm lấy bánh, dâng lời chúc tụng, và bẻ ra trao cho họ” (Lc 24,30)¹⁷⁹.

Diễn tiến việc cử hành

1140 **1348.** *Tất cả mọi người tập họp lại.* Các Kitô hữu tập họp lại một nơi để cử hành Thánh Thể. Trong đó, chính Đức Kitô đứng đầu cộng đoàn, Người là nhân vật hoạt động chính của bí tích Thánh Thể. Người là Thượng tế của Giao Ước Mới. Chính Người chủ trì cách vô hình mọi việc cử hành Thánh Thể. Thay mặt Người, Giám mục hay linh mục (hành động *trong cương vị của Đức Kitô là Đầu*) chủ trì cộng đoàn, lên tiếng sau các bài đọc, đón nhận lễ vật và đọc Kinh nguyện Thánh Thể. *Mọi người* đều có phần chủ động của mình trong cuộc cử hành, mỗi người theo cách của mình: người thì đọc Sách Thánh, người thì mang lễ vật, người thì trao Mình Thánh Chúa và toàn dân biểu lộ sự tham dự của mình bằng lời đáp Amen.

1184 **1349.** *Phụng vụ Lời Chúa* gồm “các tác phẩm của các Tiên tri”, nghĩa là Cựu Ước, và “ký sự của các Tông Đồ”, nghĩa là các thánh thư và các sách Tin Mừng; sau đó là bài giảng để khuyến khích việc đón nhận các lời này xét như đó thật sự là Lời Chúa¹⁸⁰, và đem ra thực hành, tiếp đến là lời chuyển cầu cho mọi người, theo lời thánh Tông Đồ dạy: “Trước hết, tôi khuyên ai nấy dâng lời cầu xin, khẩn nguyện, nài van, tạ ơn cho tất cả mọi người, cho vua chúa và tất cả những người cầm quyền” (1 Tm 2,1-2).

¹⁷⁷ CĐ Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 56: AAS 56 (1964) 115.

¹⁷⁸ X. CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 21: AAS 58 (1966) 827.

¹⁷⁹ X. Lc 24,13-35.

¹⁸⁰ X. 1 Tx 2,13.

1350. *Dâng lễ vật (offertorium).* Người ta mang, hay đôi khi rước cách long trọng, bánh và rượu lên bàn thờ. Bánh rượu này sẽ được chủ tế, nhân danh Đức Kitô, dâng lên trong Hy tế Thánh Thể, để trở thành Mình Máu Đức Kitô. Đây chính là cử chỉ của Đức Kitô, trong bữa Tiệc Ly, “cầm lấy bánh và chén rượu”. “Chỉ có Hội Thánh mới dâng lên Đấng Tạo Hoá lễ vật tinh tuyền này, khi dâng lên Ngài cùng với lời tạ ơn, lễ vật từ các thụ tạo của Ngài”¹⁸¹. Việc dâng lễ vật trên bàn thờ lặp lại cử chỉ của Melchisedech và phó dâng các tặng phẩm của Đấng Tạo Hoá vào tay Đức Kitô. Trong hy tế của Người, chính Đức Kitô kiện toàn mọi cố gắng dâng hy tế của con người. 1359 614

1351. Từ thuở ban đầu, khi mang bánh và rượu đến cử hành thánh lễ, các Kitô hữu cũng mang theo tặng phẩm của mình để chia sẻ với những người túng thiếu. Tục lệ *quyên góp*¹⁸² này, nay vẫn còn, được gọi hứng từ gương mẫu của Đức Kitô, Đấng trở nên nghèo để làm cho chúng ta nên giàu có¹⁸³. 1397 2186

“Những ai sung túc mà muốn thì cho tùy ý mình, và những gì quyên góp được, sẽ được trao cho vị chủ sự, và ngài sẽ giúp đỡ cho các cô nhi quả phụ, những người vì bệnh tật hay vì một lý do nào khác phải thiếu thốn, các tù nhân, các di dân, tất một lời, ngài cứu giúp cho tất cả những ai đang túng thiếu”¹⁸⁴.

1352. *Kinh nguyện Thánh Thể.* Với kinh nguyện Thánh Thể, lời kinh tạ ơn và thánh hiến, chúng ta bước vào trung tâm và tột đỉnh của cuộc cử hành:

Trong *Kinh Tiên Tụng*, Hội Thánh dâng lời tạ ơn Chúa Cha, nhờ Đức Kitô, trong Chúa Thánh Thần, về tất cả các công trình của Ngài, các công trình tạo dựng, cứu chuộc và thánh hóa. Lúc đó toàn thể cộng đoàn kết hợp với lời ca vô tận của Hội Thánh trên trời, các Thiên thần và toàn thể các Thánh, tán tụng Thiên Chúa ba lần thánh. 559

1353. Trong Kinh *Epiclesis*, Hội Thánh khẩn cầu Chúa Cha sai Thần Khí của Ngài (hay quyền năng chúc lành của Ngài¹⁸⁵) xuống trên bánh rượu để nhờ quyền năng của Chúa Thánh Thần, bánh rượu trở nên Mình Máu Chúa Giêsu Kitô, và để những ai tham dự bí tích Thánh Thể được trở thành một thân thể và một tinh thần duy nhất (một số truyền thống phụng vụ đặt lời kinh Khẩn cầu Chúa Thánh Thần sau Kinh Tưởng Niệm). 1105

¹⁸¹ Thánh Irênê, *Adversus haereses*, 4, 18, 4: SC 100, 606 (PG 7, 1027); x. MI 1,11.

¹⁸² X. 1 Cr 16,1.

¹⁸³ X. 2 Cr 8,9.

¹⁸⁴ Thánh Justinô, *Apologia*, 1, 67 : CA 1, 186-188 (PG 6, 429).

¹⁸⁵ X. *Kinh nguyện Thánh Thể I còn gọi là Lễ Quy Rôma*, 90: *Sách Lễ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 451.

1375 Trong phần *tường thuật việc Chúa thiết lập bí tích Thánh Thể*, sức mạnh của lời nói và hành động của Đức Kitô, và quyền năng của Chúa Thánh Thần, làm cho Mình và Máu Đức Kitô, là hy tế Người đã dâng trên thập giá một lần cho mãi mãi, hiện diện cách bí tích dưới hình bánh hình rượu.

1103 **1354.** Trong *Kinh Tưởng Niệm* tiếp theo sau đó, Hội Thánh kính nhớ cuộc khổ nạn, sự phục sinh và sự quang lâm vinh hiển của Đức Kitô Giêsu; Hội Thánh trình lên Chúa Cha hy tế là Con của Ngài, Đấng giao hoà chúng ta với Ngài.

954 Trong các *lời chuyển cầu*, Hội Thánh cho thấy bí tích Thánh Thể được cử hành trong sự hiệp thông với toàn thể Hội Thánh trên trời dưới thế, với kẻ sống và người chết, và trong sự hiệp thông với các vị mục tử của Hội Thánh, Đức Giáo Hoàng, Đức Giám mục giáo phận, hàng linh mục và phó tế của ngài và tất cả các Giám mục toàn cầu cùng với các Giáo Hội của các ngài.

1382 **1355.** Trong phần *Hiệp lễ*, trước đó có kinh Lạy Cha và nghi thức bẻ bánh, các tín hữu lãnh nhận “bánh bởi trời” và “chén cứu độ”, là Mình và Máu Thánh Đức Kitô, Đấng tự hiến “để cho thế gian được sống” (Ga 6,51):

1327 “Bởi vì bánh này và rượu này, theo cách nói xưa là ‘đã được thánh thể hoá’ (*eucharistizata*)¹⁸⁶, nên chúng tôi gọi lương thực này là Thánh Thể, không ai được chia sẻ lương thực này, ngoài kẻ tin rằng giáo lý của chúng tôi là chân thật, và đã được Rửa Tội để được tha thứ tội lỗi và được tái sinh, và sống như Đức Kitô đã dạy”¹⁸⁷.

V. HY TẾ BÍ TÍCH: TẠ ƠN, TƯỞNG NIỆM, HIỆN DIỆN

SACRIFICIUM SACRAMENTALE:

GRATIARUM ACTIO, MEMORIALE, PRAESENTIA

1356. Nếu ngay từ ban đầu, các Kitô hữu đã cử hành thánh lễ với một hình thức về căn bản không thay đổi, dù trải qua nhiều khác biệt lớn về thời đại và các nền phụng vụ, thì chính là bởi vì chúng ta biết mình bị ràng buộc bởi mệnh lệnh Chúa đã ban, hôm trước ngày Người chịu khổ hình: “Anh em hãy làm việc này mà tưởng nhớ đến Thầy” (1 Cr 11,24-25).

1357. Chúng ta chu toàn mệnh lệnh này của Chúa, khi chúng ta cử hành *việc tưởng niệm hy tế của Người*. Khi làm điều này, *chúng ta dâng lên Chúa Cha* những gì mà chính Ngài đã ban cho chúng ta: các tặng phẩm từ cuộc tạo dựng của Ngài, là bánh và rượu, nhờ

¹⁸⁶ X. Thánh Justinô, *Apologia*, 1, 65: CA 1, 180 (PG 6, 428).

¹⁸⁷ Thánh Justinô, *Apologia*, 1, 66: CA 1, 180 (PG 6, 428).

quyền năng của Chúa Thánh Thần và các lời của Đức Kitô, trở nên Minh và Máu Đức Kitô: như thế, Đức Kitô *hiện diện* một cách thật sự và mầu nhiệm.

1358. Vì vậy, chúng ta phải khảo sát bí tích Thánh Thể với tính cách là:

- việc tạ ơn và ca ngợi *Chúa Cha*;
- việc tưởng niệm hy tế của *Đức Kitô* và của thân thể Người;
- sự hiện diện của Đức Kitô, nhờ quyền năng của Lời Người và quyền năng của *Thần Khí Người*.

Việc tạ ơn và ca ngợi Chúa Cha

1359. Thánh Thể, là bí tích của ơn cứu độ được Đức Kitô thực hiện trên thập giá, cũng là hy tế ca ngợi để tạ ơn vì công trình tạo dựng. Trong hy tế Thánh Thể, toàn bộ công trình tạo dựng được Thiên Chúa yêu thương được trình lên Chúa Cha qua cái Chết và sự Sống lại của Đức Kitô. Nhờ Đức Kitô, Hội Thánh có thể dâng hy tế ca ngợi để tạ ơn vì tất cả những gì là tốt, là đẹp, là đúng mà Thiên Chúa đã thực hiện trong công trình tạo dựng và trong nhân loại. 293

1360. Bí tích Thánh Thể là hy tế để tạ ơn Chúa Cha, là lời chúc tụng qua đó Hội Thánh diễn tả lòng tri ân của mình đối với Thiên Chúa vì mọi điều Ngài ban, vì mọi điều Ngài đã thực hiện trong công trình tạo dựng, cứu chuộc và thánh hóa. Bí tích Thánh Thể trước hết có nghĩa là tạ ơn. 1083

1361. Bí tích Thánh Thể cũng là hy tế ca ngợi, qua đó Hội Thánh nhân danh toàn thể thụ tạo ca tụng vinh quang Thiên Chúa. Hy tế ca ngợi này chỉ có thể được thực hiện nhờ Đức Kitô: Người kết hợp các tín hữu vào bản thân Người, vào lời ca ngợi của Người, vào sự chuyển cầu của Người, và như vậy hy tế ca ngợi được dâng lên Chúa Cha nhờ Đức Kitô, với Người, để được chấp nhận trong Người. 294

Việc tưởng niệm hy tế của Đức Kitô và của Thân Thể Người là Hội Thánh

1362. Bí tích Thánh Thể là việc tưởng niệm cuộc Vượt Qua của Đức Kitô, là hiện tại hoá hy tế duy nhất của Người, và dâng hy tế duy nhất đó cách bí tích, trong phụng vụ của Hội Thánh là Thân Thể Người. Trong tất cả các Kinh nguyện Thánh Thể, chúng ta đều thấy, sau các lời tưởng thuật về việc Chúa thiết lập Thánh Thể, một kinh nguyện được gọi là kinh Tưởng Niệm (*anamnesis* hoặc *memoriale*). 1103

1099 **1363.** Theo ý nghĩa của Thánh Kinh, *tưởng niệm* không chỉ là nhớ lại những biến cố của quá khứ, nhưng còn là công bố các kỳ công Thiên Chúa đã thực hiện cho loài người¹⁸⁸. Khi cử hành phụng vụ về các biến cố này, chúng hiện diện và được hiện tại hoá một cách nào đó. Dân Israel hiểu về việc mình được giải thoát khỏi Ai Cập theo cách như vậy: Mỗi lần lễ Vượt Qua được cử hành, các biến cố thời Xuất Hành lại hiện diện trong ký ức của các tín hữu, để họ điều chỉnh cuộc sống của mình cho phù hợp với các biến cố đó.

611 **1364.** Việc tưởng niệm trong Giao Ước mới mang một ý nghĩa mới. Khi cử hành bí tích Thánh Thể, Hội Thánh tưởng niệm cuộc Vượt Qua của Đức Kitô, thì cuộc Vượt Qua này trở nên hiện diện: Hy tế mà Đức Kitô dâng lên một lần cho mãi mãi trên thập giá, luôn luôn được hiện tại hoá¹⁸⁹. “Mỗi lần hy tế thập giá, qua đó ‘Đức Kitô đã chịu hiến tế làm chiên lễ Vượt Qua của chúng ta’ (1 Cr 5,7), được cử hành trên bàn thờ, thì công trình cứu chuộc chúng ta được thực hiện”¹⁹⁰.

2100 **1365.** Bởi vì là việc tưởng niệm cuộc Vượt Qua của Đức Kitô, nên *bí tích Thánh Thể cũng là một hy tế*. Tính chất hy tế của bí tích Thánh Thể được biểu lộ trong chính các lời thiết lập bí tích này: “Đây là Mình Thầy, hiến tế vì anh em”. “Chén này là giao ước mới, lập bằng máu Thầy, máu đổ ra vì anh em” (Lc 22,19-20). Trong bí tích Thánh Thể, Đức Kitô ban chính thân mình đã bị nộp vì chúng ta trên thập giá, ban chính máu mà Người đã đổ ra “cho muôn người được tha tội” (Mt 26,28).

613 **1366.** Vì vậy, bí tích Thánh Thể là một Hy tế bởi vì bí tích này *làm cho Hy tế thập giá hiện diện*, bởi vì bí tích này là *việc tưởng niệm Hy tế đó*, và bởi vì bí tích này *áp dụng* hiệu quả của Hy tế đó:

Đức Kitô “là Thiên Chúa và Chúa chúng ta, ... đã tự hiến cho Chúa Cha bằng cái chết trên bàn thờ thập giá một lần cho mãi mãi, để thực hiện ơn cứu chuộc muôn đời cho loài người. Tuy nhiên, bởi vì cái chết của Người không chấm dứt chức tư tế của Người [Dt 7,24.27], nên trong bữa Tiệc Ly, ‘trong đêm bị nộp’ [1 Cr 11,23], ... Người đã để lại cho Hiền Thê yêu dấu của Người là Hội Thánh một hy tế hữu hình (như bản tính con người đòi hỏi); trong hy tế hữu hình này, hy tế đẫm máu được thực hiện một lần duy nhất trên thập giá được hiện diện, và việc tưởng niệm hy tế đẫm máu đó sẽ còn mãi cho đến ngày tận thế, và sức

¹⁸⁸ X. Xh 13,3.

¹⁸⁹ X. Dt 7, 25-27.

¹⁹⁰ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 3: AAS 57 (1965) 6.

manh cứu độ của hy tế đó sẽ được áp dụng để tha thứ các tội lỗi chúng ta phạm hằng ngày”¹⁹¹.

1367. Hy tế của Đức Kitô và hy tế Thánh Thể là *một hy tế duy nhất*. “Cũng cùng một hiến vật, cũng cùng một Đấng xưa đã tự hiến trên thập giá, nay cũng chính Người dâng lên qua thừa tác vụ tư tế, chỉ khác biệt về cách tiến dâng”¹⁹²: “Vì trong hy tế thần linh được thực hiện trong thánh lễ, cũng chính Đức Kitô Đấng đã tự hiến một lần bằng cách đổ máu trên bàn thờ thập giá, nay được hiến dâng và sát tế một cách không đổ máu, nên hy tế này thật sự có giá trị đền tội”¹⁹³. 1545

1368. *Bí tích Thánh Thể cũng là hy tế của Hội Thánh.* Hội Thánh, là Thân Thể của Đức Kitô, tham dự vào lễ tế của Đấng là Đầu của mình. Cùng với Người, toàn thể Hội Thánh được dâng lên. Hội Thánh kết hợp mình với việc chuyển cầu của Người bên Chúa Cha, để cầu cho tất cả mọi người. Trong bí tích Thánh Thể, hy tế của Đức Kitô cũng trở thành hy tế của các chi thể trong Thân Thể Người. Đời sống của các tín hữu, lời ca ngợi, sự đau khổ, lời cầu nguyện, việc lao động của họ, được kết hợp với cùng những khía cạnh đó trong đời sống của Đức Kitô và với toàn bộ lễ tế của Người, và như vậy chúng có một giá trị mới. Hy tế của Đức Kitô hiện diện trên bàn thờ đem lại cho mọi thể hệ Kitô hữu khả năng được kết hợp với lễ tế của Người. 618, 2031 1109

Trong các hang toại đạo, Hội Thánh thường được diễn tả như một người nữ đang cầu nguyện, hai tay giang ra trong cử chỉ cầu nguyện. Như Đức Kitô giang tay trên thập giá, thì nhờ Người, với Người và trong Người, Hội Thánh dâng chính mình và chuyển cầu cho tất cả mọi người.

1369. *Toàn thể Hội Thánh được kết hợp với lễ tế và lời chuyển cầu của Đức Kitô.* Đảm nhận thừa tác vụ của thánh Phêrô trong Hội Thánh, Đức Giáo Hoàng được liên kết với mọi cử hành Thánh lễ, trong đó, ngài được nhắc đến với tư cách là dấu chỉ và thừa tác viên của sự hợp nhất của Hội Thánh toàn cầu. Giám mục địa phương luôn có trách nhiệm về Thánh lễ, cả khi *một linh mục* cử hành; tên ngài được đọc lên trong Thánh lễ để nói lên rằng ngài đứng đầu Giáo Hội địa phương, giữa hàng linh mục và với sự trợ giúp của các *phó tế*. Cộng đoàn cũng chuyển cầu cho tất cả các thừa tác viên đang dâng lễ cho cộng đoàn và cùng với cộng đoàn: 834, 882 1561 1566

¹⁹¹ CD Tridentinô, Sess. 22a, *Doctrina de ss. Missae sacrificio*, c.1: DS 1740.

¹⁹² CD Tridentinô, Sess. 22a, *Doctrina de ss. Missae sacrificio*, c. 2: DS 1743.

¹⁹³ *Ibid.*

“Bí tích Thánh Thể chỉ được coi là thành sự khi được cử hành dưới sự chủ tọa của Giám mục hay của người được ngài giao trách nhiệm”¹⁹⁴.

“Qua thừa tác vụ của các linh mục, hy tế thiêng liêng của các tín hữu được hoàn tất trong sự kết hợp với hy tế của Đức Kitô, Đấng Trung Gian duy nhất, hy tế này nhờ tay các linh mục, nhân danh toàn thể Hội Thánh, được dâng lên trong thánh lễ một cách bí tích và không đổ máu, cho tới khi Chúa đến”¹⁹⁵.

956 1370. Không những các chi thể của Đức Kitô còn ở trần gian, mà
969 cả những vị đang hưởng vinh quang trên trời cũng được kết hợp với lễ tế của Đức Kitô: Hội Thánh dâng hy tế Thánh Thể trong sự hiệp thông với Đức Trinh Nữ Maria rất thánh, và nhớ đến ngài cũng như đến tất cả các Thánh nam nữ. Trong Thánh lễ, Hội Thánh một cách nào đó đứng dưới Thánh Giá, cùng với Mẹ Maria, kết hợp với lễ tế và lời chuyển cầu của Đức Kitô.

958, 1689 1371. Hy tế Thánh Thể cũng được dâng lên để cầu cho các tín hữu
1032 đã qua đời, “cho những người đã chết trong Đức Kitô mà chưa được thanh luyện trọn vẹn”¹⁹⁶, để họ được vào hưởng ánh sáng và bình an của Đức Kitô:

“Các con hãy chôn xác này ở bất cứ nơi đâu: đừng lo lắng gì về chuyện đó; mẹ chỉ xin các con điều này, là bất cứ các con ở đâu, các con hãy nhớ tới mẹ nơi bàn thờ của Chúa”¹⁹⁷.

“Sau đó [trong Kinh nguyện Thánh Thể] chúng ta cầu cho các Giáo hoàng và các Giám mục đã an nghỉ, và cách chung, cho các tín hữu đã qua đời giữa chúng ta, vì chúng ta tin rằng các linh hồn sẽ được trợ giúp tối đa nhờ lời cầu nguyện cho họ, khi Cửa Lễ hiến tế thánh và đáng kính sợ đang hiện diện... Khi dâng lên Thiên Chúa những lời chuyển cầu của chúng ta cho những người đã an giấc, dù họ là những tội nhân, chúng ta dâng chính Đức Kitô bị sát tế vì tội lỗi chúng ta, để xin ơn giao hoà với Thiên Chúa, Bạ của loài người, cho họ và cho chúng ta”¹⁹⁸.

1140 1372. Thánh Augustinô tóm tắt một cách tuyệt vời giáo lý này, một giáo lý thúc giục chúng ta tham dự ngày càng trọn vẹn hơn vào hy tế của Đấng Cứu Chuộc chúng ta mà chúng ta cử hành trong Thánh lễ:

¹⁹⁴ Thánh Ignatiô Antiôchia, *Epistula ad Smyrnaeos*, 8, 1: SC 10bis, 138 (Funk 1, 282).

¹⁹⁵ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Presbyterorum Ordinis*, 2: AAS 58 (1966) 993.

¹⁹⁶ CD Tridentinô, Sess. 22a, *Doctrina de ss. Missae sacrificio*, c. 2: DS 1743.

¹⁹⁷ Thánh Augustinô, *Confessiones*, 9, 11, 27: CCL 27, 149 (PL 32, 775); lời thánh nữ Mônica, trước khi chết, trời cho anh em thánh Augustinô.

¹⁹⁸ Thánh Cyrillô Giêrusalem, *Catecheses mystagogicae*, 5, 9-10: SC 126, 158-160 (PG 30, 1116-1117).

“Chính toàn thể đồ thành đã được cứu chuộc, tức là cộng đoàn và tập thể các Thánh, là một hy tế phổ quát được dâng lên Thiên Chúa nhờ vị Thượng Tế, Đấng trong hình dạng một kẻ nô lệ, đã tự hiến mình chịu khổ nạn vì chúng ta, để chúng ta trở thành Thân thể của Đấng là Đầu cao cả đường ấy... Đây là hy tế của các Kitô hữu: ‘Chúng ta cũng vậy: tuy nhiều nhưng chỉ là một thân thể trong Đức Kitô’ (Rm 12,5). Hy tế này được Hội Thánh tiếp tục cử hành qua bí tích bàn thờ mà các tín hữu đã biết, trong đó Hội Thánh hiến dâng chính mình trong Hy tế mà Hội Thánh tiến dâng”¹⁹⁹.

Sự hiện diện của Đức Kitô nhờ quyền năng của Lời Người và của Chúa Thánh Thần

1373. “Đức Kitô Giêsu, Đấng đã chết, hơn nữa đã sống lại, và đang ngự bên hữu Thiên Chúa mà chuyển cầu cho chúng ta” (Rm 8,34) đang hiện diện trong Hội Thánh Người dưới nhiều hình thức²⁰⁰: trong Lời của Người, trong kinh nguyện của Hội Thánh Người, “ở đâu có hai ba người họp lại nhân danh Thầy, thì có Thầy ở đấy, giữa họ” (Mt 18,20), trong những người nghèo khổ, những bệnh nhân, những người bị cầm tù²⁰¹, trong các bí tích mà chính Người là tác giả, trong Hy tế Thánh lễ và trong con người thừa tác viên. Nhưng “nhất là Người hiện diện dưới các hình dạng Thánh Thể”²⁰².

1088

1374. Cách thức hiện diện của Đức Kitô dưới các hình dạng Thánh Thể là độc nhất vô nhị. Người nâng bí tích Thánh Thể vượt lên trên các bí tích khác và vì vậy bí tích này là “như sự trọn hảo của đời sống thiêng liêng và cùng đích của mọi bí tích”²⁰³. Trong bí tích Thánh Thể cực thánh, Mình và Máu cùng với linh hồn và thần tính của Chúa chúng ta là Đức Giêsu Kitô, và như vậy là *Đức Kitô toàn thể (totus Christus)*, hiện diện một cách *đích thực, thật sự, và theo bản thể*²⁰⁴. “Sự hiện diện này được gọi là ‘thật sự’, không theo nghĩa loại trừ, nghĩa là không coi các hình thức hiện diện khác như không ‘thật sự’, nhưng theo nghĩa đặc biệt, bởi vì đây là cách *hiện diện theo bản thể*, và qua đó Đức Kitô toàn thể và trọn vẹn (*totus atque integer Christus*), vừa là Thiên Chúa vừa là con người, hiện diện một cách chắc chắn”²⁰⁵.

1211

¹⁹⁹ Thánh Augustinô, *De civitate Dei*, 10,6: CSEL 40/1, 456 (PL 41, 284).

²⁰⁰ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 48: AAS 57 (1965) 53.

²⁰¹ X. Mt 25,31-46.

²⁰² CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 7: AAS 56 (1964) 100-101.

²⁰³ Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, III, q. 73, a. 3, c: Ed. Leon. 12, 140.

²⁰⁴ X. CD Tridentinô, Sess. 13a, *Decretum de ss. Eucharistia*, c. 1: DS 1651.

²⁰⁵ ĐGH Phaolô VI, Thông điệp *Mysterium Fidei*, 39: AAS 57 (1965) 764.

1105 **1375.** Trong bí tích này, Đức Kitô hiện diện nhờ *sự biến đổi* bánh và rượu thành Mình và Máu Đức Kitô. Các Giáo phụ mạnh mẽ khẳng định đức tin của Hội Thánh vào hiệu lực của lời Đức Kitô và nhờ tác động của Chúa Thánh Thần trong việc thực hiện sự biến đổi này. Thánh Gioan Kim Khẩu tuyên bố:

1128 “Không phải người ta, nhưng chính Đức Kitô, Đấng đã chịu đóng đinh vì chúng ta, làm cho các lễ vật trở thành Mình và Máu Đức Kitô. Vị tư tế, hình ảnh của Đức Kitô, đọc các lời này, nhưng hiệu quả và ân sủng là do Thiên Chúa. Ngài đọc *‘Đây là Mình Thầy’*. Lời này biến đổi các lễ vật”²⁰⁶.

Và thánh Ambrôsiô nói về sự biến đổi như sau:

298 Chúng ta hãy tin chắc rằng: “Đây không phải là vấn đề bản chất đã tạo ra, nhưng là điều lời chúc lành đã thánh hiến. Sức mạnh của lời chúc lành vượt trên sức mạnh của bản chất, vì nhờ lời chúc lành mà chính bản chất đã biến đổi”²⁰⁷. “Lời Đức Kitô có khả năng làm ra, từ hư không, cái trước đó chưa từng hiện hữu, chẳng lẽ lời đó lại không thể biến đổi những sự vật đang hiện hữu thành những sự vật trước đó chưa có hay sao? Việc ban bản chất đầu tiên cho sự vật cũng tương đương như biến đổi bản chất của chúng”²⁰⁸.

1376. Công đồng Tridentinô đã tóm tắt đức tin công giáo bằng lời tuyên bố: “Vì Đức Kitô, Đấng Cứu Chuộc chúng ta, đã phán dạy: Điều Người dâng lên dưới hình bánh, đích thực là Thân Mình Người, nên Hội Thánh luôn luôn xác tín như vậy, và thánh Công đồng này một lần nữa tuyên bố: Nhờ lời thánh hiến bánh và rượu đã diễn ra sự biến đổi trọn vẹn bản thể bánh thành bản thể Mình Thánh Đức Kitô, Chúa chúng ta, và biến đổi trọn vẹn bản thể rượu thành bản thể Máu Thánh Người; Hội Thánh công giáo gọi việc biến đổi này một cách thích hợp và chính xác là *sự biến đổi bản thể (transsubstantiatio)*”²⁰⁹.

1377. Sự hiện diện Thánh Thể của Đức Kitô bắt đầu từ lúc thánh hiến [a momento consecrationis, quen gọi là lúc truyền phép] và kéo dài bao lâu các hình dạng Thánh Thể còn tồn tại. Đức Kitô hiện diện trọn vẹn trong mỗi hình bánh và rượu, và trong mỗi phần nhỏ của hình bánh và rượu, như vậy việc bẻ bánh không phân chia Đức Kitô²¹⁰.

²⁰⁶ Thánh Gioan Kim Khẩu, *De proditione Iudae homilia*, 1, 6: PG 49, 380.

²⁰⁷ Thánh Ambrôsiô, *De mysteriis*, 9, 50: CSEL 73, 110 (PL 16, 405).

²⁰⁸ *Ibid.*, 9, 52: CSEL 73, 112 (PL 16, 407).

²⁰⁹ CĐ Tridentinô, Sess. 13a, *Decretum de ss. Eucharistia*, c. 4: DS 1642.

²¹⁰ X. CĐ Tridentinô, Sess. 13a, *Decretum de ss. Eucharistia*, c. 3: DS 1641.

1378. *Việc tôn thờ Thánh Thể.* Trong phụng vụ Thánh lễ, chúng ta bày tỏ đức tin vào sự hiện diện thật sự của Đức Kitô trong các hình bánh và rượu bằng nhiều cách, như bái gối hay cúi mình sâu để tỏ dấu tôn thờ Chúa. “Hội Thánh Công giáo đã và vẫn luôn tôn thờ Thánh Thể, không chỉ trong mà còn ngoài Thánh lễ nữa, bằng cách bảo quản hết sức cẩn thận Bánh đã được thánh hiến (consecratas Hostias), đặt lên cho các tín hữu tôn thờ cách long trọng, và rước kiệu Thánh Thể với đông đảo dân chúng vui mừng tham dự”²¹¹. 1178
103, 2628

1379. Nhà Tạm, trước hết được dùng để lưu giữ Thánh Thể cách xứng đáng để có thể mang đến cho các bệnh nhân và những người vắng mặt rước lễ ngoài thánh lễ. Nhờ đào sâu đức tin vào sự hiện diện thật sự của Đức Kitô trong bí tích Thánh Thể, Hội Thánh ý thức về ý nghĩa của việc thỉnh lạng tôn thờ Đức Kitô hiện diện trong các hình dạng Thánh Thể. Vì vậy, Nhà Tạm phải đặt nơi đặc biệt xứng đáng trong nhà thờ, và phải được thiết kế như thế nào để nêu cao và bày tỏ chân lý về sự hiện diện thật sự của Đức Kitô trong Bí tích Cực thánh này. 1183
2691

1380. Thật rất thích hợp, việc Đức Kitô đã muốn hiện diện với Hội Thánh của Người theo cách thức độc nhất vô nhị này. Bởi vì Đức Kitô dưới hình dạng hữu hình, đã rời bỏ những kẻ thuộc về Người, nên Người muốn ban cho chúng ta sự hiện diện cách bí tích của Người; bởi vì Người đã tự hiến trên thập giá để cứu độ chúng ta, nên Người muốn chúng ta tưởng niệm tình yêu mà Người đã yêu thương ta “đến cùng” (Ga 13,1), đến độ ban cả mạng sống mình. Thật vậy, trong sự hiện diện bí tích của Người, Người vẫn ở giữa chúng ta cách mầu nhiệm với tư cách là Đấng đã yêu mến và nộp mình vì chúng ta²¹², và Người hiện diện dưới những dấu chỉ diễn tả và truyền thông tình yêu này: 478
669

“Quả thật, Hội Thánh và trần gian rất cần sự tôn thờ bí tích Thánh Thể. Chúa Giêsu đang chờ đợi chúng ta trong bí tích tình yêu này. Đừng từ chối thời gian đến gặp Người để tôn thờ, để chiêm ngắm tràn đầy đức tin và sẵn sàng đền tạ những tội lỗi và tội ác nặng nề của trần gian. Chúng ta hãy không ngừng tôn thờ Thánh Thể”²¹³. 2715

1381. Thánh Tôma đã nói: “Không thể nhận biết bằng giác quan Minh thật và Máu thật của Đức Kitô hiện diện trong bí tích này, nhưng chỉ bằng đức tin, một đức tin dựa vào thẩm quyền của Thiên Chúa. Vì thế, khi chú giải câu Luca 22,19: ‘Đây là Minh 156

²¹¹ ĐGH Phaolô VI, Thông điệp *Mysterium Fidei*, 56: AAS 57 (1965) 769.

²¹² X. Gl 2,20.

²¹³ ĐGH Gioan Phaolô II, Thư *Dominicae Cenaе*, 3: AAS 72 (1980) 119; x. *Enchiridion Vaticanum*, 7, 177.

Thầy sẽ bị nộp vì các con', thánh Cyrillô đã nói: 'Bạn đừng hồ nghi điều này có thật hay không, nhưng tốt hơn nên đón nhận bằng đức tin các lời của Đấng Cứu Độ, bởi vì Người là chân lý, Người không lừa dối bao giờ"²¹⁴.

“Con sốt sắng thờ lạy Chúa, ôi Thần tính ẩn mình
đang thật sự hiện diện dưới các hình dạng này;
trọn vẹn tâm hồn con suy phục Chúa,
bởi vì khi chiêm ngắm Chúa, trọn hồn con biến tan.
Thị giác, vị giác và xúc giác
không chạm được đến Chúa,
nhưng chỉ tin vững điều đã được nghe dạy;
con tin tất cả những gì Con Thiên Chúa đã nói,
không gì thật hơn lời chân lý này"²¹⁵.

VI. BÀN TIỆC VƯỢT QUA CONVIVIVM PASCHALE

1382. Thánh lễ, một cách không thể tách biệt, vừa là việc tưởng niệm Hy tế thập giá muôn đời tồn tại, vừa là bàn tiệc thánh thiêng để hiệp thông với Mình và Máu Chúa. Nhưng việc cử hành hy tế Thánh Thể hoàn toàn hướng đến sự kết hợp mật thiết của các tín hữu với Đức Kitô qua việc rước lễ. Rước lễ là lãnh nhận chính Đức Kitô, Đấng đã tự hiến vì chúng ta.

1182 **1383.** Bàn thờ, quanh đó Hội Thánh được quy tụ để cử hành bí tích Thánh Thể, nói lên hai phương diện của cùng một mầu nhiệm: bàn thờ hy tế và bàn tiệc của Chúa; hơn nữa, bàn thờ Kitô giáo là biểu tượng của chính Đức Kitô đang hiện diện giữa cộng đoàn các tín hữu, vừa như lễ vật được dâng lên để chúng ta được giao hoà, vừa như lương thực trên trời trao ban chính mình cho chúng ta. Thánh Ambrôsiô nói: “Bàn thờ của Đức Kitô là gì, nếu không phải là hình ảnh Thân thể của Đức Kitô?”²¹⁶, và trong đoạn văn khác, thánh nhân nói: “Bàn thờ tượng trưng Thân thể của Đức Kitô và Thân thể của Đức Kitô thì ở trên bàn thờ”²¹⁷. Phụng vụ diễn tả tính thống nhất này của hy tế và rước lễ trong nhiều lời nguyện. Giáo Hội Rôma cầu nguyện trong Kinh nguyện Thánh Thể như sau:

“Lạy Chúa toàn năng, chúng con nài xin Chúa sai Sứ thần dâng lễ vật này lên bàn thờ cao sang trước tôn nhan uy linh Chúa, để

²¹⁴ ĐGH Phaolô VI, Thông điệp *Mysterium Fidei*, 18: AAS 57 (1965) 757; x. Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, III, q. 75, a. 1, c: Ed. Leon. 12, 156; Thánh Cyrillô Alexandria, *Commentarius in Lucam*, 22,19: PG 72, 912.

²¹⁵ AHMA 50, 589.

²¹⁶ Thánh Ambrôsiô, *De sacramentis*, 5, 7: CSEL 73, 61 (PL 16, 447).

²¹⁷ Thánh Ambrôsiô, *De sacramentis*, 4, 7: CSEL 73, 49 (PL 16, 437).

hết thấy khi tham dự bàn tiệc này là rước Mình và Máu cực thánh Con Chúa, chúng con được tràn đầy ân phúc bởi trời”²¹⁸.

“Tất cả các con hãy nhận lấy mà ăn”: Rước lễ

1384. Chúa tha thiết mời chúng ta đón rước Người trong bí tích Thánh Thể: “Thật, tôi bảo thật các ông: nếu các ông không ăn thịt và uống Máu Con Người, các ông không có sự sống nơi mình” (Ga 6,53). 2835

1385. Để đáp lại lời mời đó, chúng ta phải *dọn mình* cho giây phút cực trọng cực thánh này. Thánh Phaolô khuyên ta nên tự vấn lương tâm: “Bất cứ ai ăn Bánh hay uống Chén của Chúa cách bất xứng, thì phạm đến Mình và Máu Chúa. Ai nấy phải tự xét mình, rồi hãy ăn Bánh và uống Chén này. Thật vậy, ai ăn và uống mà không phân biệt được Thân Thể Chúa, là ăn và uống án phạt mình” (1 Cr 11,27-29). Ai biết mình đang mắc tội trọng, thì phải lãnh nhận bí tích Hòa Giải trước khi đi lên rước lễ. 1457

1386. Trước sự cao trọng của bí tích này, tín hữu chỉ có thể lặp lại, một cách khiêm tốn và với đức tin sốt sắng, lời viên đại đội trưởng²¹⁹: “Lạy Chúa, con chẳng đáng Chúa ngự vào nhà con, nhưng xin Chúa phán một lời, thì linh hồn con sẽ lành mạnh”²²⁰. Trong phụng vụ thánh của thánh Gioan Kim Khẩu, các tín hữu cầu nguyện cũng trong tinh thần ấy:

“Lạy Con Thiên Chúa, hôm nay xin cho con được hiệp thông vào bàn tiệc huyền nhiệm của Chúa. Bởi vì con không tiết lộ cho các kẻ thù điều kín nhiệm của Chúa, cũng không tặng Chúa cái hôn của Giuđa. Nhưng như người trộm lành, con kêu lên cùng Chúa: Lạy Chúa, xin nhớ đến con trong Nước Chúa”²²¹. 732

1387. Để dọn mình đón nhận bí tích này cách xứng đáng, các tín hữu phải giữ chay theo quy định của Hội Thánh²²². Thái độ bên ngoài (cử chỉ, cách ăn mặc) phải biểu lộ lòng tôn kính, sự trang trọng và niềm vui của giây phút được Chúa là thượng khách của chúng ta. 2043

²¹⁸ Kinh nguyện Thánh Thể I hay Lễ Quy Rôma, 94: Sách Lễ Rôma, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 453.

²¹⁹ X. Mt 8,8.

²²⁰ Nghi thức Hiệp lễ, 133: Sách Lễ Rôma, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 474.

²²¹ Liturgia Byzantina. Anaphora Iohannis Chrysostomi, Prex ante Communionem: F.E. Brightman, Liturgies Eastern and Western (Oxford 1896) 394 (PG 63, 920).

²²² X. Bộ Giáo Luật, điều 919.

1388. Căn cứ vào ý nghĩa của bí tích Thánh Thể, các tín hữu, nếu hội đủ các điều kiện cần thiết²²³, rước lễ khi tham dự Thánh lễ.²²⁴ “Việc tham dự Thánh lễ cách hoàn hảo hơn, được nồng nhiệt khuyến khích, đó là sau khi vị chủ tế rước lễ, các tín hữu rước Mình Chúa bởi cùng một hy tế”²²⁵.

2042 **1389.** Hội Thánh buộc các tín hữu phải tham dự Thánh lễ vào các ngày Chúa nhật và các lễ buộc²²⁶ và rước lễ mỗi năm ít là một lần, nếu có thể được trong mùa Phục Sinh²²⁷, sau khi đã chuẩn bị tâm hồn bằng bí tích Hòa Giải. Nhưng Hội Thánh tha thiết khuyến khích các tín hữu rước lễ vào các ngày Chúa Nhật và các lễ khác
2837 long trọng, hay thường xuyên hơn nữa, kể cả việc rước lễ hàng ngày.

1390. Vì Đức Kitô hiện diện cách bí tích dưới mỗi hình dạng, nên việc rước lễ dưới hình bánh mà thôi vẫn nhận được trọn vẹn hiệu quả ân sủng của bí tích Thánh Thể. Vì các lý do mục vụ, cách rước lễ này đã được quy định cách hợp pháp trong nghi lễ La tinh, như là hình thức thông thường nhất. Nhưng “dấu chỉ của việc rước lễ được đầy đủ hơn khi được trao ban dưới hai hình dạng. Vì theo cách này, dấu chỉ của bàn tiệc Thánh Thể trở nên rõ nét hơn”²²⁸. Đây là cách rước lễ thông thường trong các nghi lễ Đông phương.

Hiệu quả của việc rước lễ

1391. Việc rước lễ làm tăng trưởng sự hiệp thông của chúng ta với Đức Kitô. Lãnh nhận bí tích Thánh Thể khi rước lễ mang lại hiệu
460 quả chính yếu là kết hợp thân mật với Đức Kitô Giêsu. Thật vậy, Chúa nói: “Ai ăn thịt và uống máu tôi, thì ở lại trong tôi, và tôi ở lại trong người ấy” (Ga 6,56). Sự sống trong Đức Kitô có nền tảng nơi bàn tiệc Thánh Thể: “Như Chúa Cha là Đấng hằng sống đã sai tôi, và tôi sống nhờ Chúa Cha thế nào, thì kẻ ăn tôi, cũng sẽ nhờ
521 tôi mà được sống như vậy” (Ga 6,57).

“Trong các ngày lễ của Chúa, khi lãnh nhận Mình của Chúa Con, các tín hữu công bố cho nhau Tin Mừng: bảo chứng của sự sống đã được trao ban, cũng như xưa kia Thiên thần báo cho bà Maria

²²³ X. *Bộ Giáo Luật*, các điều 916-917: AAS 75 (1983 II) 165-166.

²²⁴ Trong cùng một ngày, các tín hữu có thể rước lễ hai lần, và chỉ hai lần mà thôi: Pontificia Commissio Codici Iuris Canonici authentice interpretando, *Responsa ad proposita dubia*, 1 : AAS 76 (1984), 746.

²²⁵ CĐ Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 55: AAS 56 (1964) 115.

²²⁶ CĐ Vaticanô II, Sắc lệnh *Orientalium Ecclesiarum*, 15: AAS 57 (1965) 81.

²²⁷ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 920.

²²⁸ *Quy chế tổng quát Sách Lễ Rôma*, 240: *Sách Lễ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 68.

Madalêna: ‘Đức Kitô đã phục sinh!’ Giờ đây cũng vậy, sự sống và sự phục sinh cũng được trao ban cho ai lãnh nhận Đức Kitô”²²⁹.

1392. Những gì lương thực vật chất mang lại cho sự sống thể xác, thì việc rước lễ thực hiện điều này cách kỳ diệu cho đời sống thiêng liêng của chúng ta. Việc hiệp thông với thân mình Đức Kitô phục sinh, một thân mình “nhờ Chúa Thánh Thần, đã được sống và có sức ban sự sống”²³⁰, bảo toàn, phát triển và canh tân đời sống ân sủng đã nhận được trong bí tích Rửa Tội. Sự tăng trưởng như vậy của đời sống Kitô hữu cần được nuôi dưỡng bằng việc rước Thánh Thể, là Bánh cho cuộc lữ hành của chúng ta, mãi cho đến giờ chết; lúc đó Bánh sẽ được ban cho chúng ta như Cửa ăn đàng. 1212 1524

1393. *Việc rước lễ ngăn cách chúng ta khỏi tội lỗi.* Minh Đức Kitô chúng ta lãnh nhận khi rước lễ, là thân mình “bị nộp vì chúng ta” và Máu chúng ta uống, là máu “đổ ra cho nhiều người được tha tội.” 613 Vì vậy, bí tích Thánh Thể không thể kết hợp chúng ta với Đức Kitô, nếu đồng thời không thanh tẩy chúng ta khỏi các tội đã phạm và gìn giữ chúng ta khỏi các tội trong tương lai:

“Mỗi lần chúng ta rước lễ, chúng ta loan truyền Chúa đã chịu chết²³¹. Nếu chúng ta loan truyền cái chết của Chúa, thì cũng loan truyền ơn tha tội. Nếu mỗi lần Máu Người đổ ra, là đổ ra để tha tội, thì tôi phải luôn lãnh nhận Máu Người, để Người luôn tha tội cho tôi. Tôi là kẻ luôn phạm tội, nên tôi luôn phải có một phương được”²³².

1394. Như lương thực vật chất dùng để phục hồi sức lực bị tiêu hao, thì bí tích Thánh Thể cũng tăng sức mạnh cho đức mến của chúng ta, vốn có xu hướng bị suy yếu trong đời sống hàng ngày; và đức mến sống động này xóa bỏ các tội nhẹ²³³. Khi tự hiến cho chúng ta, Đức Kitô một lần nữa ban sự sống cho tình yêu của chúng ta và ban cho chúng ta khả năng phá hủy những đam mê vô trật tự của chúng ta đối với các thụ tạo và khả năng gắn bó với Người: 1863 1436

“Vì yêu thương, Đức Kitô đã chết cho chúng ta, nên mỗi khi tưởng niệm cuộc tử nạn của Người trong Thánh lễ, chúng ta xin Người ban tình yêu cho chúng ta nhờ Chúa Thánh Thần ngự đến; chúng ta khiêm tốn khẩn nguyện rằng, nhờ tình yêu mà Đức Kitô đã chết vì chúng ta, và nhờ ân sủng Chúa Thánh Thần mà chúng ta đã lãnh nhận, chúng ta có thể coi thế gian như đã

²²⁹ Fanqîth, *Breviarium iuxta ritum Ecclesiae Antiochenae Syrorum*, v. 1 (Mossul 1886) 237a-b.

²³⁰ X. CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Presbyterorum ordinis*, 5: AAS 58 (1966) 997.

²³¹ X. 1 Cr 11,26.

²³² Thánh Ambrôsiô, *De sacramentis*, 4, 28: CSEL 73, 57-58 (PL 16, 446).

²³³ X. CD Tridentinô, Sess. 13a, *Decretum de ss. Eucharistia*, c. 2: DS 1638.

bị đóng đinh, và chúng ta bị đóng đinh cho thế gian; ... khi đã lãnh nhận hồng ân tình yêu, chúng ta hãy chết cho tội lỗi và sống cho Thiên Chúa”²³⁴.

1855 **1395.** Nhờ tình yêu mà bí tích Thánh Thể đã đốt lên trong chúng ta, bí tích này *gìn giữ chúng ta khỏi các tội trọng* trong tương lai. Chúng ta càng tham dự vào sự sống của Đức Kitô, và càng tiến thêm trong tình bằng hữu với Người, thì càng khó phạm tội trọng mà cắt đứt sự liên kết với Người. Bí tích Thánh Thể không được
1446 thiết lập để tha các tội trọng. Đó là chức năng riêng của bí tích Hòa Giải. Bí tích Thánh Thể có chức năng riêng, là bí tích của những người đang sống trong sự hiệp thông đầy đủ với Hội Thánh.

1118 **1396.** *Sự hợp nhất của Nhiệm Thể: Bí tích Thánh Thể làm nên Hội Thánh.* Những ai đã lãnh nhận Thánh Thể, đều được kết hợp cách chặt chẽ hơn với Đức Kitô. Nhờ đó, Đức Kitô kết hợp mọi tín hữu thành một thân thể duy nhất là Hội Thánh. Việc tháp nhập
1267 vào Hội Thánh như vậy, vốn đã được bí tích Rửa Tội thực hiện, nay được việc rước lễ canh tân, củng cố và làm cho thâm sâu hơn. Trong bí tích Rửa Tội, chúng ta đã được kêu gọi để làm thành một thân thể duy nhất²³⁵. Bí tích Thánh Thể thực hiện lời kêu gọi này: “Khi ta nâng chén chúc tụng mà cảm tạ Thiên Chúa, há chẳng phải là dự phần vào Máu Đức Kitô ư? Và khi ta cùng bẻ Bánh Thánh, đó chẳng phải là dự phần vào Thân Thể Người sao? Bởi vì chỉ có một tấm Bánh, và tất cả chúng ta chia sẻ cùng một Bánh
790 ấy, nên tuy nhiều người, chúng ta cũng chỉ là một thân thể” (1 Cr 10,16-17):

1064 “Nếu anh em là Thân Thể và là các chi thể của Đức Kitô, thì mầu nhiệm của anh em đang được đặt trên Bàn của Chúa: anh em lãnh nhận mầu nhiệm của anh em. Anh em đáp Amen (Vâng, đúng như thế) đối với điều anh em là, và anh em xác nhận bằng câu đáp đó. Anh em nghe: ‘Minh Thánh Chúa Kitô’ và anh em đáp: ‘Amen’. Vậy hãy là chi thể của Thân Thể Đức Kitô, để lời đáp *Amen* của anh em là chân thật”²³⁶.

2449 **1397.** *Bí tích Thánh Thể đòi buộc dấn thân cho người nghèo:* Để lãnh nhận trong sự thật Minh và Máu Đức Kitô bị nộp vì chúng ta, chúng ta phải nhận ra Đức Kitô trong những kẻ nghèo nhất, là các anh em của Người.²³⁷

“Bạn ném Máu Thánh Chúa, vậy mà bạn lại không nhận ra người anh em; ... Bạn làm hổ thẹn Bàn tiệc này, khi người được

²³⁴ Thánh Fulgentiô Ruspensê, *Contra gesta Fabiani*, 28, 17: CCL 19A, 813-814 (PL 65, 789).

²³⁵ X. 1 Cr 12,13.

²³⁶ Thánh Augustinô, *Sermo* 272: PL 38, 1247.

²³⁷ X. Mt 25,40.

coi là xứng đáng tham dự Bàn tiệc này, lại bị bạn coi là không xứng đáng được chia phần ăn của bạn. Thiên Chúa đã giải thoát bạn khỏi mọi tội lỗi và cho bạn vào bàn tiệc, vậy mà quả thật bạn đã chẳng nhân hậu hơn chút nào”²³⁸.

1398. *Bí tích Thánh Thể và sự hợp nhất các Kitô hữu.* Trước sự cao cả của mầu nhiệm này, thánh Augustinô đã thốt lên: “*Ôi bí tích tình yêu! Ôi dấu chỉ hợp nhất! Ôi mối dây bác ái!*”²³⁹ Người ta càng đau lòng vì sự chia rẽ trong Hội Thánh vốn làm cho các Kitô hữu không thể tham dự chung với nhau bàn tiệc của Chúa, thì những lời nguyện dâng lên Chúa càng khẩn thiết hơn, để những ngày hợp nhất trọn vẹn, của mọi kẻ tin vào Người, được trở lại.

817

1399. Các Giáo Hội Đông phương, dù không hiệp thông trọn vẹn với Giáo Hội Công giáo, vẫn cử hành bí tích Thánh Thể với một tình yêu cao cả. “Các Giáo Hội ấy, mặc dù ly khai, vẫn có các bí tích đích thực, chủ yếu là chức tư tế và bí tích Thánh Thể, nhờ sự kế nhiệm các Tông Đồ, nên vẫn liên kết rất chặt chẽ với chúng ta”²⁴⁰. Vì vậy, “một hiệp thông nào đó *trong các sự thánh*, trong những trường hợp thuận lợi và với sự chấp thuận của giáo quyền, không những là có thể, mà còn được khuyến khích”²⁴¹.

838

1400. Các Cộng đoàn Giáo hội phát sinh từ cuộc Cải Cách, đã ly khai khỏi Hội Thánh Công Giáo, “đặc biệt là vì thiếu bí tích Truyền Chức Thánh, nên không còn giữ được bản chất đích thực và nguyên vẹn của mầu nhiệm Thánh Thể”²⁴². Vì vậy, đối với Hội Thánh Công Giáo, việc rước lễ chung với những Cộng đoàn này là không thể được. Nhưng khi các cộng đoàn này “tưởng niệm sự chết và sự sống lại của Chúa trong Tiệc Thánh, họ tuyên xưng rằng sự sống chỉ có nghĩa trong sự hiệp thông với Đức Kitô và họ mong đợi ngày trở lại vinh quang của Người”²⁴³.

1536

1401. Khi có nhu cầu khẩn cấp, theo phán đoán của Đấng Bản Quyền địa phương, các thừa tác viên Công giáo được phép ban các bí tích (Thánh Thể, Hòa Giải, Xức Dầu bệnh nhân) cho các Kitô hữu không hiệp thông trọn vẹn với Hội Thánh Công Giáo, nhưng họ phải tự ý xin lãnh nhận các bí tích đó: lúc đó, họ phải tuyên xưng đức tin công giáo về các bí tích này và có sự chuẩn bị đầy đủ”²⁴⁴.

1483

1385

²³⁸ Thánh Gioan Kim Khẩu, *In epistulam I ad Corinthios, homilia 27, 5*: PG 61, 230.

²³⁹ Thánh Augustinô, *In Iohannis evangelium tractatus, 26, 13*: CCL 36, 266 (PL 35, 1613); x. CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium, 47*: AAS 56 (1964) 113.

²⁴⁰ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Unitatis redintegratio, 15*: AAS 57 (1965) 102.

²⁴¹ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Unitatis redintegratio, 15*: AAS 57 (1965) 102; x. *Bộ Giáo Luật, điều 844,3*.

²⁴² CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Unitatis redintegratio, 22*: AAS 57 (1965) 106.

²⁴³ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Unitatis redintegratio, 22*: AAS 57 (1965) 106.

²⁴⁴ X. *Bộ Giáo Luật, điều 844,4*.

VII. BÍ TÍCH THÁNH THỂ

- “BẢO CHỨNG CHO VINH QUANG TƯƠNG LAI”

EUCCHARISTIA – “FUTURAE GLORIAE PIGNUS”

1323 **1402.** Trong một kinh nguyện cổ xưa, Hội Thánh tung hô mẫu nhiệm Thánh Thể như sau: “Ôi Tiệc Thánh, trong đó Đức Kitô được rước lấy làm lương thực, việc tưởng niệm cuộc khổ nạn của Người được nhắc lại, tâm trí được tràn đầy ân sủng, và bảo chứng cho vinh quang mai sau được ban cho chúng ta”²⁴⁵. Nếu bí tích Thánh Thể là việc tưởng niệm cuộc Vượt Qua của Chúa, nếu nhờ việc rước lễ tại bàn thờ mà chúng ta được “tràn đầy ân phúc bởi trời”²⁴⁶, thì bí tích Thánh Thể cũng là sự tham dự trước vào vinh quang thiên quốc.

1130 **1403.** Trong bữa Tiệc ly, chính Chúa hướng các môn đệ Người đến sự hoàn tất lễ Vượt Qua trong Nước Thiên Chúa: “Thầy bảo cho anh em biết: từ nay, Thầy không còn uống thứ sản phẩm này của cây nho, cho đến ngày Thầy cùng anh em uống thứ rượu mới trong Nước của Cha Thầy” (Mt 26,29)²⁴⁷. Mỗi lần cử hành bí tích Thánh Thể, Hội Thánh nhớ lại lời hứa này và hướng trông “Đấng đang đến” (Kh 1,4). Trong kinh nguyện, Hội Thánh kêu cầu Người ngự đến: “*Marana tha*” (1 Cr 16,22), “Lạy Chúa Giêsu, xin ngự đến” (Kh 22,20), “Ước gì ân sủng của Ngài đến và trần gian này qua đi”²⁴⁸.

1041 **1404.** Hội Thánh biết rằng giờ đây Chúa đã đến trong bí tích Thánh Thể của Người, và Người ở đó giữa chúng ta. Tuy nhiên, sự hiện diện này còn bị che phủ. Chính vì vậy, chúng ta cử hành bí tích Thánh Thể “đang khi chúng con mong đợi niềm hy vọng hồng phúc và ngày trở lại của Chúa Giêsu Kitô, Đấng cứu độ chúng con”²⁴⁹, trong khi chúng ta khẩn nguyện được “cùng nhau tận hưởng vinh quang Cha muôn đời, khi Cha lau sạch nước mắt chúng con, vì khi được thấy tường tận Cha là Thiên Chúa chúng con, thì muôn đời chúng con sẽ trở nên giống Cha và sẽ ca ngợi Cha không cùng”²⁵⁰.

²⁴⁵ *Lễ Trọng kính Mình và Máu thánh Chúa Kitô*, Diệp ca kinh “Magnificat” Kinh Chiều II: *Các Giờ Kinh Phụng Vụ*, editio typica, v. 3 (Typis Polyglottis Vaticanis 1973) 502.

²⁴⁶ *Kinh nguyện Thánh Thể I hay Lễ Quy Rôma*, 96: *Sách Lễ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 453.

²⁴⁷ X. Lc 22,18; Mc 14,25.

²⁴⁸ *Didaché*, 10, 6: SC 248, 180 (Funk, *Patres apostolici*, 1, 24).

²⁴⁹ *Nghi thức Hiệp lễ*, 126 [Lời nguyện sau kinh Lạy Cha]: *Sách Lễ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 472; x. Tt 2,13.

²⁵⁰ *Kinh nguyện Thánh Thể III*, 116: *Sách Lễ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 465.

1405. Về niềm hy vọng lớn lao này, niềm hy vọng về trời mới đất mới, nơi công lý lưu ngụ cách chắc chắn²⁵¹, chúng ta không có bảo chứng nào vững chắc hơn và dấu chỉ nào được biểu lộ rõ ràng hơn, là bí tích Thánh Thể. Thật vậy, mỗi khi mầu nhiệm này được cử hành, thì “công trình cứu chuộc chúng ta được thực hiện”²⁵² và “chúng ta bẻ cùng một tấm bánh, là phương dược trường sinh bất tử, và của ăn để chúng ta không chết, nhưng đem lại sự sống muôn đời trong Chúa Giêsu Kitô”²⁵³. 1042 1000

TÓM LƯỢC

1406. *Chúa Giêsu nói: “Tôi là bánh hằng sống từ trời xuống. Ai ăn bánh này, sẽ được sống muôn đời.... Ai ăn thịt và uống máu tôi, thì được sống muôn đời.... Ai ăn thịt và uống máu tôi, thì ở lại trong tôi, và tôi ở lại trong người ấy” (Ga 6,51.54.56).*

1407. *Bí tích Thánh Thể là trung tâm và tột đỉnh của đời sống Hội Thánh, vì trong bí tích này, Đức Kitô liên kết Hội Thánh và tất cả các chi thể của Người vào hy tế chúc tụng và tạ ơn được dâng lên Chúa Cha trên thập giá một lần cho mãi mãi. Qua hy tế này, Người tuôn đổ các ân sủng cứu độ trên Thân Thể của Người là Hội Thánh.*

1408. *Việc cử hành Thánh Lễ luôn bao gồm: việc công bố Lời Chúa; việc tạ ơn Thiên Chúa Cha vì mọi ơn lành, nhất là vì Ngài đã ban Con của Ngài cho chúng ta; việc thánh hiến bánh rượu và việc tham dự vào bàn tiệc phụng vụ nhờ lãnh nhận Mình và Máu Thánh Chúa. Các yếu tố này kết thành một hành vi phụng tự duy nhất.*

1409. *Bí tích Thánh Thể là việc tưởng niệm cuộc Vượt Qua của Đức Kitô: nghĩa là công trình cứu độ được thực hiện qua đời sống, cái Chết và sự Phục sinh của Đức Kitô. Công trình này được hành động phụng vụ làm cho hiện diện.*

1410. *Đức Kitô, vị thượng tế đời đời của Giao Ước Mới, Đấng đang hoạt động nhờ thừa tác vụ của các tư tế, dâng hy tế Thánh Thể. Cũng chính Đức Kitô, Đấng thật sự hiện diện trong hình bánh rượu, là lễ vật của hy tế Thánh Thể.*

²⁵¹ X. 2 Pr 3,13.

²⁵² CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 3: AAS 57 (1965) 6.

²⁵³ Thánh Ignatiô Antiôchia, *Epistula ad Ephesios*, 20, 2: SC 10bis, 76 (Funk 1, 230).

1411. Chỉ các tư tế đã được phong chức thánh thành sự mới có quyền chủ tọa thánh lễ và thánh hiến (truyền phép) để bánh và rượu trở thành Mình và Máu Thánh Chúa.

1412. Dấu chỉ chính yếu của bí tích Thánh Thể là bánh mì và rượu nho. Lời chúc lành của Chúa Thánh Thần được khấn cầu xuống trên bánh và rượu này và vị tư tế đọc lời thánh hiến (truyền phép) được Chúa Giêsu nói trong bữa Tiệc ly: “Đây là Mình Thầy, sẽ bị nộp vì các con... Đây là Chén Máu Thầy...”.

1413. Nhờ lời thánh hiến (truyền phép), đã có sự biến đổi bản thể bánh và rượu thành Mình và Máu Thánh Chúa. Trong hình bánh rượu đã được truyền phép, chính Đức Kitô, hằng sống và vinh hiển, hiện diện cách đích thực, thật sự và theo bản thể, với trọn mình, máu, linh hồn và thân tính của Người²⁵⁴.

1414. Với tính cách là một hy tế, bí tích Thánh Thể được dâng lên để đền tội cho người sống cũng như kẻ chết và để đạt được những ơn lành hồn xác từ Thiên Chúa.

1415. Ai muốn đón nhận Đức Kitô qua việc hiệp lễ, phải ở trong tình trạng ân sủng. Ai biết mình đang mắc tội trọng, không được rước lễ nếu chưa lãnh nhận ơn tha tội trong bí tích Hòa Giải.

1416. Việc rước Mình và Máu Thánh Đức Kitô gia tăng sự kết hợp của người rước lễ với Chúa, tha thứ cho họ các tội nhẹ và gìn giữ họ khỏi các tội trọng. Vì việc rước lễ củng cố mối liên hệ tình yêu giữa người rước lễ với Đức Kitô, nên việc lãnh nhận bí tích này cũng củng cố sự hiệp nhất của Hội Thánh là Thân Thể mẫu nhiệm của Đức Kitô.

1417. Hội Thánh tha thiết khuyến tín hữu nên rước lễ mỗi khi tham dự Thánh lễ. Hội Thánh buộc tín hữu rước lễ mỗi năm ít là một lần.

1418. Vì Đức Kitô hiện diện thật sự trong bí tích bàn thờ, nên chúng ta phải tôn vinh Người bằng một phụng tự tôn thờ. “Việc viếng Thánh Thể là một bằng chứng bày tỏ lòng biết ơn, một dấu chỉ tình yêu và một bổn phận thờ lạy đối với Đức Kitô, Chúa chúng ta”²⁵⁵.

1419. Trước khi lìa bỏ thế gian mà về cùng Cha, Đức Kitô ban cho chúng ta, trong bí tích Thánh Thể, bảo chứng vinh quang nơi Người: việc tham dự Thánh lễ uốn lòng chúng ta nên giống trái tim Chúa, nâng đỡ sức lực chúng ta trên đường lữ thứ trần gian,

²⁵⁴ X. CĐ Tridentinô, Sess. 13a, *Decretum de ss. Eucharistia*, c. 3: DS 1640; *Ibid.*, canon 1: DS 1651.

²⁵⁵ DGH Phaolô VI, Thông điệp *Mysterium fidei*: AAS 57 (1965) 771.

làm cho chúng ta khao khát cuộc sống vĩnh cửu và ngay từ bây giờ kết hợp chúng ta với Hội Thánh trên trời, với Đức Trinh Nữ diễm phúc và với tất cả các Thánh.

CHƯƠNG HAI

CÁC BÍ TÍCH CHỮA LÀNH

CAPUT SECUNDUM

SACRAMENTA SANATIONIS

1420. Nhờ các bí tích khai tâm Kitô giáo, con người lãnh nhận được sự sống mới trong Đức Kitô. Nhưng chúng ta mang sự sống này “trong những bình sành” (2 Cr 4,7). Sự sống này hiện nay còn “đang tiềm tàng với Đức Kitô nơi Thiên Chúa” (Cl 3,3). Chúng ta còn sống trong ngôi nhà ở dưới đất của chúng ta¹, vẫn còn gánh chịu khổ đau, bệnh tật và cái chết. Sự sống mới này của con cái Thiên Chúa có thể bị suy yếu và thậm chí bị mất đi do tội lỗi.

1421. Chúa Giêsu Kitô, vị thầy thuốc chữa lành linh hồn và thân xác chúng ta, Đấng đã tha tội cho người bại liệt và ban ơn cứu độ cho cả thân xác của người ấy², đã muốn Hội Thánh Người, bằng sức mạnh của Chúa Thánh Thần, tiếp tục công cuộc chữa lành và cứu độ của Người, cả cho các chi thể của Người. Đó là mục đích của hai bí tích chữa lành: bí tích Thống Hối và bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân.

Mục 4

Bí tích Thống Hối và Giao Hòa

Articulus 4

Sacramentum Poenitentiae et Reconciliationis

980 **1422.** “Những ai đến với bí tích Thống Hối đều nhận được, do lòng khoan dung của Thiên Chúa, sự tha thứ cho việc họ đã xúc phạm đến Ngài và đồng thời, được giao hoà với Hội Thánh, vốn đã bị tội lỗi làm tổn thương, nhưng vẫn nỗ lực lấy tình yêu, gương mẫu và kinh nguyện mà làm cho họ được hối cải”³.

¹ X. 2 Cr 5,1.

² X. Mc 2,1-12.

³ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 11: AAS 57 (1965) 15.

I. BÍ TÍCH NÀY ĐƯỢC GỌI THẾ NÀO?**QUOMODO HOC SACRAMENTUM APPELLATUR?**

1423. Bí tích này được gọi là *bí tích của sự hối cải*: bởi vì nó thực hiện cách bí tích lời kêu gọi hối cải của Chúa Giêsu⁴, sự trở về với Chúa Cha, Đấng mà người ta đã lìa xa khi phạm tội⁵. 1989

Bí tích này được gọi là *bí tích Thống Hối*, bởi vì nó cống hiến một tiến trình hối cải, có chiều kích cá nhân và giáo hội, cho tội nhân Kitô hữu thống hối và đền tội. 1440

1424. Bí tích này được gọi là *bí tích xưng tội*: bởi vì việc thú nhận, xưng thú các tội lỗi trước một tư tế là yếu tố căn bản của bí tích này. Theo một ý nghĩa thâm sâu hơn, bí tích này cũng là một việc “tuyên xưng”, nhận biết và ca ngợi sự thánh thiện của Thiên Chúa và lòng khoan dung của Ngài đối với con người là tội nhân. 1456

Bí tích này được gọi là *bí tích ban ơn tha thứ*, vì nhờ lời xá giải bí tích của vị tư tế, Thiên Chúa ban cho hối nhân ơn “tha thứ và bình an”⁶. 1449

Bí tích này được gọi là *bí tích Giao Hoà*, vì ban cho tội nhân tình yêu của Thiên Chúa, Đấng giao hoà: “Anh em hãy làm hòa với Thiên Chúa” (2 Cr 5,20). Ai sống bởi tình yêu thương xót của Thiên Chúa, sẽ sẵn sàng đáp lại tiếng Chúa mời gọi: “Hãy đi làm hoà với người anh em ấy đã” (Mt 5,24). 1442

II. TẠI SAO CẦN BÍ TÍCH GIAO HOÀ**SAU KHI ĐÃ LÃNH NHẬN BÍ TÍCH RỬA TỘI?****CUR SACRAMENTUM QUODDAM****RECONCILIATIONIS POST BAPTISMUM?**

1425. “Anh em đã được tẩy rửa, được thánh hóa, được nên công chính nhờ danh Chúa Giêsu Kitô và nhờ Thần Khí của Thiên Chúa chúng ta” (1 Cr 6,11). Phải ý thức sự cao cả của hồng ân Thiên Chúa đã ban cho chúng ta trong các bí tích khai tâm Kitô giáo, thì mới hiểu được rằng tội lỗi là một điều đối nghịch lại với một người đã mặc lấy Đức Kitô⁷. Nhưng thánh Gioan Tông Đồ đã nói: “Nếu chúng ta nói là chúng ta không có tội, chúng ta tự lừa dối mình, và sự thật không ở trong chúng ta” (1 Ga 1,8). Chính Chúa cũng đã dạy chúng ta cầu nguyện: “Xin tha tội cho chúng con” (Lc 11,4), và 2838

⁴ X. Mc 1,15.

⁵ X. Lc 15,18.

⁶ X. *Nghi thức Thống Hối*, 46, 55 (Typis Polyglottis Vaticanis 1974) 27. 37.

⁷ X. Gl 3,27.

Người kết hợp việc chúng ta tha thứ cho nhau những xúc phạm lẫn nhau với ơn Thiên Chúa tha thứ các tội lỗi chúng ta.

1426. Việc *hối cải* trở về với Đức Kitô, việc tái sinh trong bí tích Rửa Tội, hồng ân của Chúa Thánh Thần, Mình và Máu Đức Kitô được lãnh nhận làm lương thực, làm cho chúng ta trở nên “tinh tuyền thánh thiện trước thánh nhan Thiên Chúa” (Ep 1,4), cũng như chính Hội Thánh, là Hiền Thê của Đức Kitô, cũng “thánh thiện và tinh tuyền” trước mặt Người (Ep 5,27). Tuy nhiên, sự sống mới được lãnh nhận trong cuộc khai tâm Kitô giáo không tiêu huỷ sự mỏng giòn và yếu đuối của bản tính con người, cũng như sự hướng chiều theo tội lỗi, mà truyền thống gọi là *dục vọng* (*concupiscentia*), vốn tồn tại nơi những người đã chịu Phép Rửa, để với sự trợ lực của ân sủng của Đức Kitô, họ vượt qua được những thử thách trong cuộc chiến đấu của đời sống Kitô hữu⁸. Đây là cuộc chiến đấu của sự *hối cải* nhằm đạt tới sự thánh thiện và đời sống vĩnh cửu mà Chúa không ngừng mời gọi chúng ta⁹.

405, 978
1264

III. SỰ HỐI CẢI CỦA NHỮNG NGƯỜI ĐÃ CHỊU PHÉP RỬA BAPTIZATORUM CONVERSIO

541 **1427.** Chúa Giêsu kêu gọi hối cải. Lời kêu gọi này là một phần cốt yếu của việc loan báo Nước Thiên Chúa: “Thời kỳ đã mãn, và Triều Đại Thiên Chúa đã đến gần. Anh em hãy sám hối và tin vào Tin Mừng” (Mc 1,15). Trong việc rao giảng của Hội Thánh, lời kêu gọi này trước hết nhằm đến những người chưa biết Đức Kitô và Tin Mừng của Người. Như vậy, bí tích Rửa Tội là vị trí đầu tiên và căn bản của việc hối cải. Chính nhờ tin vào Tin Mừng và nhờ bí tích Rửa Tội¹⁰ mà người ta từ bỏ sự dữ và đạt được ơn cứu độ, nghĩa là được ơn tha thứ mọi tội lỗi và được hưởng hồng ân sự sống mới.

1226

1036 **1428.** Lời kêu gọi hối cải của Đức Kitô vẫn tiếp tục vang vọng trong đời sống các Kitô hữu. *Cuộc hối cải thứ hai* này là một nhiệm vụ liên tục của toàn thể Hội Thánh vì “mang trong lòng mình những tội nhân, vừa thánh thiện vừa luôn cần được thanh luyện, Hội Thánh phải không ngừng thống hối và canh tân”¹¹. Nỗ lực hối cải này không chỉ là công việc của con người. Việc thống hối là hành động của một “tâm hồn tan nát”¹² được ân sủng lôi kéo

853

⁸ X. CD Tridentinô, Sess. 5a, *Decretum de peccato originali*, c. 5: DS 1515.

⁹ X. CD Tridentinô, Sess. 6a, *Decretum de iustificatione*, c. 16: DS 1545; CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 40: AAS 57 (1965) 44-45.

¹⁰ X. Cv 2,38.

¹¹ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 8: AAS 57 (1965) 12.

¹² X. Tv 51,19.

và thúc đẩy¹³, để đáp lại tình yêu thương xót của Thiên Chúa, Đấng đã yêu thương chúng ta trước¹⁴.

1996

1429. Có thể lấy cuộc hối cải của thánh Phêrô, sau khi chối Thầy mình ba lần, làm bằng chứng cho điều đó. Cái nhìn của lòng thương xót vô biên của Chúa Giêsu khiến ông khóc lóc thống hối¹⁵ và, sau khi Chúa sống lại, ông đã ba lần khẳng định tình yêu của ông đối với Người¹⁶. Cuộc hối cải thứ hai cũng mang chiều kích *cộng đoàn*. Điều này được thấy rõ trong lời kêu gọi của Chúa với toàn thể Hội Thánh: “Hãy hối cải!” (Kh 2,5.16).

Thánh Ambrôsiô nói về hai cuộc hối cải: “Hội Thánh có nước và nước mắt, nước của bí tích Rửa Tội, và nước mắt của bí tích Thống Hối”¹⁷.

IV. THỐNG HỐI NỘI TÂM

INTERIOR POENITENTIA

1430. Cũng như các tiên tri thuở trước, lời kêu gọi hối cải và thống hối của Chúa Giêsu không nhằm trước tiên đến những việc bên ngoài, “mặc áo vải thô, rắc tro trên đầu”, giữ chay và khổ chế, nhưng nhằm đến *sự hối cải tâm hồn, sự thống hối nội tâm*. Nếu không có sự hối cải nội tâm, các việc thống hối bên ngoài sẽ vô hiệu và đối trá; ngược lại, sự hối cải nội tâm thúc đẩy diễn tả tâm tình ấy bằng những dấu chỉ hữu hình, bằng những cử chỉ và những việc làm thống hối¹⁸.

1098

1431. Thống hối nội tâm là định hướng mới cách triệt để cho cả cuộc đời, là trở về, là trở lại cùng Thiên Chúa với cả tâm hồn, đoạn tuyệt với tội lỗi, quay lưng với sự dữ, và ghê tởm những hành động xấu xa chúng ta đã phạm. Đồng thời thống hối nội tâm cũng bao gồm ước muốn và quyết tâm thay đổi đời sống, với niềm hy vọng vào lòng thương xót của Thiên Chúa và lòng tin tưởng vào sự trợ giúp của ân sủng của Ngài. Cuộc hối cải nội tâm này được kèm theo bằng sự đau khổ và buồn phiền hữu ích được các Giáo phụ gọi là *nỗi thống khổ của tâm hồn, sự cắn rứt của trái tim*¹⁹.

1451

368

¹³ X. Ga 6,44; 12,32.

¹⁴ X. 1 Ga 4,10.

¹⁵ X. Lc 22,61-62.

¹⁶ X. Ga 21,15-17.

¹⁷ Thánh Ambrôsiô, *Epistula extra collectionem*, 1 [41], 12: CSEL 82/3, 152 (PL 16, 1116).

¹⁸ X. Ge 2,12-13; Is 1,16-17; Mt 6,1-6. 16-18.

¹⁹ X. CD Tridentinô, Sess. 14a, *Doctrina de sacramento Paenitentiae*, c. 4: DS 1676-1678; Id., Sess. 14a, *Canones de Paenitentia*, canon 5: DS 1705; *Catechismus Romanus*, 2, 5, 4: ed. P. Rodríguez (Città del Vaticano-Pamplona 1989) 289.

1989 **1432.** Lòng người nặng nề và cứng cõi. Con người phải được Thiên Chúa ban cho một trái tim mới²⁰. Hối cải trước hết là công trình của ân sủng của Thiên Chúa, Đấng làm cho lòng chúng ta trở lại với Ngài: “Xin đưa chúng con về với Ngài, lạy Chúa, để chúng con trở về” (Ac 5,21). Thiên Chúa ban cho chúng ta sức mạnh để chúng ta bắt đầu lại. Tâm hồn chúng ta, một khi khám phá ra sự cao cả của tình yêu Thiên Chúa, sẽ bị chấn động vì sự khủng khiếp và nặng nề của tội lỗi và bắt đầu sợ không dám phạm tội xúc phạm Thiên Chúa và sợ bị xa lìa Ngài. Lòng người hối cải, khi nhìn lên Đấng đã bị tội lỗi chúng ta đâm thấu²¹.

“Hãy chiêm ngắm Máu Đức Kitô và nhận biết rằng Máu ấy quý giá biết bao đối với Thiên Chúa là Cha Người, Máu ấy, khi đổ ra để cứu độ chúng ta, đã mang lại cho toàn thế giới ơn thống hối”²².

729 **1433.** Khởi từ cuộc Vượt Qua, Chúa Thánh Thần tố cáo thế gian về
692, 1848 tội lỗi, vì thế gian đã không tin vào Đấng²³ Chúa Cha đã sai đến. Nhưng cũng chính Chúa Thánh Thần, Đấng tố cáo tội lỗi, lại là Đấng An Ủi²⁴, Đấng ban cho tâm hồn con người ân sủng để họ thống hối và hối cải²⁵.

V. NHIỀU HÌNH THỨC THỐNG HỐI TRONG ĐỜI SỐNG KITÔ HỮU

MULTIPLICES POENITENTIAE FORMAE IN VITA CHRISTIANA

1969 **1434.** Việc thống hối nội tâm của Kitô hữu có thể được biểu lộ bằng nhiều cách rất khác nhau. Kinh Thánh và các Giáo phụ nhấn mạnh nhất ba hình thức: *giữ chay, cầu nguyện và bố thí*²⁶ là những cách diễn tả sự hối cải đối với bản thân, đối với Thiên Chúa và đối với tha nhân. Bên cạnh sự thanh tẩy triệt để bằng bí tích Rửa Tội hoặc bằng việc tử đạo, các ngài còn nói đến những phương thế để đạt được ơn tha thứ tội lỗi, đó là cố gắng giao hoà với anh em, những giọt lệ thống hối, chăm lo cho ơn cứu độ của tha nhân²⁷, khẩn cầu các thánh và thực hành bác ái, “vì lòng yêu thương che phủ muôn vàn tội lỗi” (1 Pr 4,8).

²⁰ X. Ed 36,26-27.

²¹ X. Ga 19,37; Dcr 12,10.

²² Thánh Clémentê Rôma, *Epistula ad Corinthios*, 7,4: SC 167, 110 (Funk 1, 108).

²³ X. Ga 16,8-9.

²⁴ X. Ga 15,26.

²⁵ X. Cv 2,36-38; ĐGH Gioan Phalô II, Thông điệp *Dominum et vivificantem*, 27-48: AAS 78 (1986) 837-868.

²⁶ X. Tb 12,8; Mt 6,1-18.

²⁷ X. Gc 5,20.

1435. Việc hối cải được thực hiện trong đời sống hằng ngày bằng những hành động giao hoà, quan tâm đến người nghèo, thực thi và bảo vệ công lý và lẽ phải²⁸, bằng việc thú nhận lỗi lầm với anh em, sửa lỗi cho nhau, kiểm điểm đời sống, tự vấn lương tâm, linh hướng, chấp nhận đau khổ, kiên trì khi bị bách hại vì lẽ công chính. Con đường chắc chắn nhất của sự thống hối là vác thập giá mình hằng ngày mà đi theo Chúa Giêsu²⁹.

1436. *Bí tích Thánh Thể và bí tích Thống Hối.* Việc hối cải và thống hối hằng ngày gặp được nguồn mạch và lương thực của mình nơi bí tích Thánh Thể, bởi vì nơi Thánh Thể, hy lễ của Đức Kitô hiện diện, hy lễ này giao hoà chúng ta với Thiên Chúa; nhờ bí tích Thánh Thể, những ai sống bởi sức sống của Đức Kitô sẽ được nuôi dưỡng và được bổ sức; bí tích này là “thuốc giải độc, giải thoát chúng ta khỏi các lỗi phạm hằng ngày và gìn giữ chúng ta khỏi các tội trọng”³⁰.

1394

1437. Việc đọc Kinh Thánh, đọc các Giờ Kinh phụng vụ và kinh Lạy Cha, bất cứ hành vi chân thành nào trong việc phụng tự và đạo đức, đều khơi dậy nơi chúng ta tinh thần hối cải và thống hối và góp phần đem lại ơn tha tội cho chúng ta.

1438. *Những thời gian và những ngày thống hối* trong năm phụng vụ (mùa Chay, mỗi ngày thứ sáu tưởng niệm Chúa chịu chết), là những thời điểm đặc biệt để thực hành việc thống hối trong Hội Thánh³¹. Những thời gian này đặc biệt thích hợp cho các cuộc linh thao, các buổi cử hành phụng vụ thống hối, các cuộc hành hương thống hối, những việc hãm mình tự nguyện như giữ chay và bố thí, chia sẻ huynh đệ (các công tác từ thiện và truyền giáo).

540

2043

1439. Chúa Giêsu đã mô tả *tiến trình hối cải và thống hối* một cách tuyệt vời trong dụ ngôn quen được gọi là dụ ngôn “Đứa con hoang đàng” mà trọng tâm của nó là “Người cha nhân hậu”³²: sự quyến rũ của một thứ tự do sai lạc, việc rời bỏ nhà cha; sự đau khổ cùng cực sau khi phung phí tất cả tài sản; sự nhục nhã sâu xa khi thấy mình phải đi chăn heo, và còn tệ hơn nữa, ước muốn ăn cám heo mà không được; việc suy nghĩ lại về những điều thiện hảo đã bị đánh mất; sự hối hận và quyết định nhận mình có lỗi trước mặt cha; con đường trở về; việc đón nhận bao dung của người cha; niềm vui của người cha: Đó là những nét tiêu biểu của tiến trình hối cải. Áo đẹp, nhẫn và tiệc mừng là những biểu tượng của một đời sống mới, thanh sạch, xứng đáng, tràn ngập niềm vui, đó là đời sống của người trở về cùng Thiên Chúa, giữa lòng gia đình của Ngài, là Hội Thánh.

545

²⁸ X. Am 5,24; Is 1,17,

²⁹ X. Lc 9,23.

³⁰ X. CĐ Tridentinô, Sess. 13a, *Decretum de ss. Eucharistia*, c. 2: DS 1638.

³¹ X. CĐ Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 109-110: AAS 56 (1964) 127; *Bộ Giáo Luật*, các điều 1249-1253; *Bộ Giáo Luật Đông phương*, các điều 880-883.

³² X. Lc 15,11-24.

Chỉ trái tim Đức Kitô, Đấng thấu suốt các tầng sâu thẳm của tình yêu của Cha Người, mới có thể mạc khải cho chúng ta tận đáy lòng thương xót của Thiên Chúa một cách đơn sơ và đầy vẻ đẹp như vậy.

VI. BÍ TÍCH THỐNG HỐI VÀ GIAO HOÀ

SACRAMENTUM POENITENTIAE ET RECONCILIATIONIS

1850 **1440.** Trước hết, tội là sự xúc phạm đến Thiên Chúa, là cắt đứt sự hiệp thông với Ngài. Đồng thời tội làm tổn thương cho sự hiệp thông với Hội Thánh. Vì vậy, việc hối cải vừa mang lại ơn tha thứ của Thiên Chúa và đồng thời, vừa mang lại sự giao hoà với Hội Thánh, đó là điều bí tích Thống Hối và Giao hoà diễn tả và thực hiện trong phụng vụ³³.

Chỉ một mình Thiên Chúa có quyền tha tội

270, 431 **1441.** Chỉ một mình Thiên Chúa mới có quyền tha tội³⁴. Bởi vì Chúa Giêsu là Con Thiên Chúa, nên Người nói về mình: “Ở dưới đất này, Con Người có quyền tha tội” (Mc 2,10), và Người thực thi quyền thần linh này: “Con đã được tha tội rồi” (Mc 2,5)³⁵. Hơn nữa, 589 dựa vào quyền bính thần linh của mình, Đức Kitô còn ban quyền đó cho những con người³⁶ để họ thực thi quyền tha tội nhân danh Người.

1442. Đức Kitô đã muốn toàn thể Hội Thánh của Người, trong kinh nguyện, đời sống và các hoạt động của mình, là dấu chỉ và dụng cụ cho ơn tha thứ và giao hoà mà Người đã thủ đắc cho chúng ta, 983 bằng máu châu báu của Người. Tuy nhiên, Người đã ủy thác việc thực thi quyền tha tội cho thừa tác vụ Tông Đồ. Chính thừa tác vụ này đã lãnh nhận “chức vụ giao hoà” (2 Cr 5,18). Vị Tông Đồ được sai đi nhân danh Đức Kitô; và chính Thiên Chúa, qua vị Tông Đồ, khuyên bảo và nài xin: “Hãy làm hoà với Thiên Chúa” (2 Cr 5,20).

Giao hoà với Hội Thánh

1443. Trong đời sống công khai của Người, Chúa Giêsu không những đã tha tội, mà còn biểu lộ hiệu quả của việc tha tội này: Người đã đưa các tội nhân được tha thứ về lại với cộng đoàn dân Thiên Chúa, cộng đoàn mà tội lỗi đã khiến họ phải xa lìa, hay thậm chí khiến họ bị loại trừ. Một dấu chỉ tỏ tường của việc này 545 là, Chúa Giêsu đã đón nhận các tội nhân vào bàn tiệc của Người,

³³ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 11: AAS 57 (1965) 15.

³⁴ X. Mc 2,7.

³⁵ Lc 7,48.

³⁶ X. Ga 20,21-23.

hơn nữa, chính Người ngồi đồng bàn với họ, cử chỉ này, một cách hùng hồn, vừa diễn tả ơn tha thứ của Thiên Chúa³⁷ và đồng thời, vừa nói lên sự trở về giữa lòng dân Thiên Chúa³⁸.

1444. Khi Chúa ban cho các Tông Đồ được tham dự vào quyền riêng của Người là quyền tha tội, Người cũng ban cho họ quyền giao hoà các tội nhân với Hội Thánh. Chiều kích giáo hội của nhiệm vụ này của các Tông Đồ được diễn tả cách đặc biệt trong những lời long trọng Đức Kitô nói với ông Phêrô: “Thầy sẽ trao cho anh chìa khoá Nước Trời: dưới đất, anh cầm buộc điều gì, trên trời cũng sẽ cầm buộc như vậy; dưới đất, anh tháo cởi điều gì, trên trời cũng sẽ tháo cởi như vậy” (Mt 16,19). “Nhiệm vụ cầm buộc và tháo cởi, đã được ban cho thánh Phêrô, cũng được ban cho tập thể các Tông Đồ, kết hợp với vị thủ lãnh của mình (x. Mt 18,18; 28,16-20)”³⁹. 981

1445. Các thuật ngữ *cầm buộc* và *tháo cởi* có nghĩa là: ai bị anh em loại ra khỏi sự hiệp thông với anh em, thì người ấy cũng bị loại ra khỏi sự hiệp thông với Thiên Chúa; ai được anh em đón nhận lại vào sự hiệp thông với anh em, thì Thiên Chúa cũng đón nhận lại người ấy vào sự hiệp thông với Ngài. *Việc giao hoà với Hội Thánh không thể tách biệt khỏi sự giao hoà với Thiên Chúa.* 553

Bí tích của sự tha thứ

1446. Đức Kitô đã thiết lập bí tích Thống Hối này cho tất cả các chi thể của Hội Thánh Người, là những tội nhân, trước hết cho những kẻ, sau bí tích Rửa Tội, lại rơi vào tội trọng, và như thế đánh mất ân sủng Phép Rửa và làm tổn thương cho sự hiệp thông của Hội Thánh. Bí tích Thống Hối cho những người này cơ hội mới để hối cải và tìm lại được ơn công chính hoá. Các Giáo phụ trình bày bí tích này như “cái phao (cứu độ) thứ hai sau khi đắm tàu, tức là sau khi đánh mất ân sủng”⁴⁰. 979
1856
1990

1447. Qua các thế kỷ, hình thức cụ thể, qua đó Hội Thánh thực thi quyền tha tội đã lãnh nhận từ Chúa, đã có nhiều thay đổi. Trong các thế kỷ đầu, việc giao hoà cho các Kitô hữu nào đã phạm những tội đặc biệt nghiêm trọng sau khi họ đã lãnh Phép Rửa (thí dụ thờ ngẫu tượng, giết người hay ngoại tình), được liên kết với một kỷ luật rất khắt khe; theo kỷ luật này, hối nhân phải làm việc đền tội công khai vì các tội lỗi của họ, thường kéo dài nhiều năm, trước

³⁷ X. Lc 15.

³⁸ X. Lc 19,9.

³⁹ X. CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 22: AAS 57 (1965) 26.

⁴⁰ CĐ Tridentinô, Sess. 6a, *Decretum de iustificatione*, c. 14: DS 1542; x. Tertullianô, *De paenitentia*, 4, 2: CCL 1, 326 (PL 1, 1343).

khi họ được lãnh nhận ơn giao hoà. Thật ra cũng rất ít người bị liệt vào “hàng hối nhân” (chỉ liên quan tới một số tội nặng nề) và trong một số miền, hối nhân chỉ được nhận ơn giao hoà một lần trong đời. Vào thế kỷ thứ 7, các nhà truyền giáo người Ailen, dựa theo truyền thống các đan viện Đông phương, đã mang vào lục địa Châu Âu hình thức “thống hối riêng”, không đòi hỏi những việc thống hối công khai và kéo dài trước khi được giao hoà với Hội Thánh. Từ đó, bí tích được thực hiện cách kín đáo giữa hối nhân và tư tế. Cách thực hành mới này dự liệu người ta có thể được giao hoà nhiều lần và như vậy mở đường cho việc năng lãnh nhận bí tích này. Cách thực hành này cũng cho phép gom vào trong cùng một cử hành bí tích, việc tha thứ các tội trọng và các tội nhẹ. Trong những nét chính, Hội Thánh vẫn còn thực hành hình thức thống hối này cho tới ngày nay.

1448. Mặc dầu có những thay đổi về kỷ luật và việc cử hành qua các thế kỷ, người ta nhận thấy bí tích này *vẫn giữ nguyên một cấu trúc căn bản*. Bí tích này gồm hai yếu tố cốt yếu như nhau: một đàng, là các hành động của con người hối cải dưới sự tác động của Chúa Thánh Thần: thống hối, thú tội và đền tội; đàng khác, là hành động của Thiên Chúa qua sự can thiệp của Hội Thánh. Hội Thánh, qua Giám mục và các linh mục của ngài, nhân danh Chúa Giêsu Kitô, ban ơn tha tội và ấn định việc đền tội, Hội Thánh cũng cầu nguyện cho tội nhân và cùng làm việc thống hối với họ. Như vậy tội nhân được chữa lành và được hiệp thông lại với Hội Thánh.

- 1481 **1449.** Công thức giải tội trong Giáo Hội La tinh diễn tả những yếu tố cốt yếu của bí tích này: Chúa Cha hay thương xót là nguồn mạch của ơn tha thứ. Ngài thực hiện việc giao hoà với các tội nhân nhờ cuộc Vượt Qua của Con Ngài và nhờ hồng ân của Chúa Thánh Thần, qua lời cầu nguyện và thừa tác vụ của Hội Thánh:

“Thiên Chúa là Cha hay thương xót, đã nhờ sự chết và sống lại của Con Chúa, mà giao hoà thế gian với Chúa và ban Thánh Thần để tha tội; xin Chúa dùng tác vụ của Hội Thánh, mà ban cho anh (chị) ơn tha thứ và bình an. Vậy, tôi tha tội cho anh (chị) nhân danh Cha, và Con, và Thánh Thần”⁴¹.

⁴¹ *Nghi thức Thống Hối*, 46. 55 (Typis Polyglottis Vaticanis 1974) 27. 37.

VII. CÁC HÀNH VI CỦA HỐI NHÂN

POENITENTIS ACTUS

1450. “Việc thống hối đòi buộc tội nhân tự nguyện chịu đựng mọi sự; ăn năn tội trong trái tim, xưng tội ra ngoài miệng, khiêm tốn trong việc làm và đền tội một cách có hiệu quả”⁴².

Ăn năn tội

1451. Trong các hành vi của hối nhân, đầu tiên là ăn năn tội. Đó là “đau đớn trong lòng và chê ghét tội đã phạm, dốc lòng chữa từ nay không phạm tội nữa”⁴³. 431

1452. Khi sự ăn năn tội xuất phát từ lòng yêu mến Chúa trên hết mọi sự, thì được gọi là ăn năn tội “cách trọn” (ăn năn do đức mến). Cách ăn năn tội này xoá bỏ các tội nhẹ; và cũng đem lại ơn tha thứ các tội trọng, nếu hối nhân quyết tâm đi xưng tội càng sớm càng tốt⁴⁴. 1822

1453. Ăn năn tội “cách chẳng trọn” (hoặc hối hận) cũng là một hồng ân của Thiên Chúa, một thúc đẩy của Chúa Thánh Thần. Nó phát sinh khi thấy sự xấu xa của tội lỗi hoặc vì sợ bị luận phạt đời đời và sợ các hình phạt khác mà kẻ tội lỗi phải chịu (ăn năn do sợ hãi). Sự khích động lương tâm như vậy có thể là khởi đầu của một tiến trình nội tâm, tiến trình này sẽ được hoàn tất dưới tác động của ân sủng nhờ ơn xá giải bí tích. Việc ăn năn tội cách chẳng trọn tự nó không đem lại ơn tha thứ các tội trọng, nhưng chuẩn bị tâm hồn đón nhận ơn tha tội trong bí tích Thống Hối⁴⁵.

1454. Để lãnh nhận bí tích Giao Hoà, hối nhân cần chuẩn bị bằng việc *xét mình* dưới ánh sáng Lời Chúa. Những bản văn thích hợp nhất cho việc này được tìm thấy trong Mười Điều Răn và trong giáo huấn luân lý của các sách Tin Mừng và các Thư Tông Đồ: trong Bài giảng trên núi, trong những giáo huấn của các Tông Đồ⁴⁶.

Xưng tội

1455. Việc xưng tội (cáo mình), ngay trên bình diện thuần túy nhân loại, giải thoát chúng ta và làm cho chúng ta giao hoà với người khác cách dễ dàng hơn. Qua việc xưng tội, con người nhìn 1424

⁴² *Catechismus Romanus*, 2, 5, 21 : ed. P. Rodríguez (Città del Vaticano-Pamplona 1989) 299; x.

CD Tridentinô, Sess. 14a, *Doctrina de sacramento Paenitentiae*, c. 3: DS 1673.

⁴³ CD Tridentinô, Sess. 14a, *Doctrina de sacramento Paenitentiae*, c. 4: DS 1676.

⁴⁴ CD Tridentinô, Sess. 14a, *Doctrina de sacramento Paenitentiae*, c. 4: DS 1677.

⁴⁵ X. CD Tridentinô, Sess. 14a, *Doctrina de sacramento Paenitentiae*, c. 4: DS 1678 ; Id., Sess.

14a, *Canones de sacramento Paenitentiae*, c. 5: DS 1705.

⁴⁶ X. Rm 12-15; 1 Cr 12-13 ; Gl 5 ; Ep 4-6.

1734 thẳng vào tội lỗi mình đã phạm, nhận lấy trách nhiệm về các tội đó, và từ đó một lần nữa mở lòng cho Thiên Chúa và cho sự hiệp thông với Hội Thánh để có thể có một tương lai mới.

1855 **1456.** Việc xưng tội với một tư tế là phần cốt yếu của bí tích Thống Hối: “Khi xưng tội, các hối nhân phải kể tất cả các tội trọng mà họ ý thức được sau khi xét mình kỹ lưỡng, dù những tội trọng này rất thầm kín và chỉ phạm đến hai điều cuối của Thập Giới⁴⁷, vì những tội này làm tổn thương linh hồn cách trầm trọng hơn, và chúng còn nguy hiểm hơn những tội phạm cách tỏ tường⁴⁸:

1505 “Mỗi khi các Kitô hữu cố gắng xưng thú tất cả các tội lỗi mà họ nhớ được, chắc chắn là họ đã trình bày tất cả cho lòng thương xót Chúa để được tha thứ. Còn những ai làm khác đi và cố tình giấu một số tội, thì họ đã chằng trình bày điều gì cho lòng nhân hậu Chúa để được tha thứ qua vị tư tế. ‘Vì nếu bệnh nhân xấu hổ không cho thầy thuốc coi vết thương, thì thuốc không chữa được điều mà nó không biết’⁴⁹.

2042 **1457.** Theo luật Hội Thánh, “mọi tín hữu, sau khi đến tuổi khôn, buộc phải xưng các tội trọng của mình một cách trung thực, một năm ít là một lần⁵⁰. Ai ý thức mình đã phạm tội trọng, thì không được rước lễ, mặc dầu đã hết sức ăn năn, trước khi lãnh nhận ơn xá giải bí tích⁵¹, trừ khi có lý do hệ trọng để rước lễ và không thể đến với một cha giải tội⁵². Trẻ em phải lãnh nhận bí tích Thống Hối trước khi rước lễ lần đầu⁵³.

1783 **1458.** Việc xưng các lỗi phạm hằng ngày (các tội nhẹ), tuy không thật sự cần thiết, vẫn được Hội Thánh thiết tha khuyến khích⁵⁴. Quả thật, việc năng xưng các tội nhẹ giúp chúng ta rèn luyện lương tâm, để chiến đấu chống lại các khuynh hướng xấu, để cho Đức Kitô chữa lành chúng ta, và để chúng ta tiến tới trong đời sống theo Chúa Thánh Thần. Năng hưởng nhờ hồng ân của lòng thương xót của Chúa Cha qua bí tích này, chúng ta được thúc đẩy để trở nên hay thương xót như Ngài⁵⁵:

⁴⁷ X. Xh 20,17; Mt 5,28.

⁴⁸ CD Tridentinô, Sess. 14a, *Doctrina de sacramento Paenitentiae*, c. 5: DS 1680.

⁴⁹ CD Tridentinô, Sess. 14a, *Doctrina de sacramento Paenitentiae*, c. 5: DS 1680; x. Thánh Hiêrônimô, *Commentarius in Ecclesiasten*, 10,11 : CCL 72, 338 (PL 23, 1096).

⁵⁰ *Bộ Giáo Luật*, điều 989; x. CD Tridentinô, Sess. 14a, *Doctrina de sacramento Paenitentiae*, c. 5: DS 1683 ; Id., Sess. 14a, *Canones de sacramento Paenitentiae*, c. 8: DS 1708.

⁵¹ X. CD Tridentinô, Sess. 13, *Decretum de ss. Eucharistia*, c. 7: DS 1647; *Ibid.*, canon 11: DS 1661.

⁵² X. *Bộ Giáo Luật*, điều 916; *Bộ Giáo Luật Đông phương*, điều 711.

⁵³ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 914.

⁵⁴ X. CD Tridentinô, Sess. 14a, *Doctrina de sacramento Paenitentiae*, c. 5: DS 1680; *Bộ Giáo Luật*, điều 988, 2.

⁵⁵ X. Lc 6,36.

“Ai thú nhận và xưng tội mình là đã cộng tác với Thiên Chúa. Thiên Chúa tố cáo các tội của bạn; nếu chính bạn cũng cáo tội mình, thì bạn được kết hợp với Thiên Chúa. Con người và tội nhân là như hai thực tại: khi nói về con người, thì đó là việc Thiên Chúa làm; khi nói về tội nhân, thì đó là chuyện chính con người làm. Bạn hãy phá đi điều bạn đã làm, để Thiên Chúa cứu độ điều Ngài đã làm... Khi bạn bắt đầu ghét điều bạn đã làm, lúc đó những việc tốt đẹp của bạn khởi sự, bởi vì bạn đã cáo mình về các việc xấu của bạn. Xưng thú các việc xấu là bắt đầu các việc tốt. Bạn đang thực hiện sự thật và bạn đang đến cùng Ánh sáng”⁵⁶.

2468

Việc đền tội

1459. Có nhiều tội gây thiệt hại cho tha nhân. Phải làm hết sức có thể, để sửa sai lại (thí dụ, trả lại đồ vật đã lấy cắp, phục hồi danh dự cho người mình đã vu khống, bồi thường các thương tích). Riêng đức công bằng đã đòi hỏi điều đó. Nhưng hơn nữa, tội lỗi gây thương tổn và làm suy yếu chính tội nhân, và cả mối liên hệ giữa họ với Thiên Chúa và với tha nhân. Việc xá giải xoá bỏ tội lỗi, nhưng không mang lại phương dược cho mọi xáo trộn do tội lỗi gây nên⁵⁷. Được giải thoát khỏi tội lỗi, tội nhân còn phải hồi phục đầy đủ sức khoẻ thiêng liêng. Vì vậy, họ còn phải làm một việc gì đó để sửa lại tội lỗi của họ: phải “đền bù” cách thích hợp hoặc “đền tạ” về các tội lỗi của mình. Việc đền tội này cũng được gọi là “thống hối”.

2412

2487

1473

1460. Việc đền tội, mà vị giải tội ấn định, phải chú ý đến tình trạng riêng của hối nhân và mưu cầu điều thiện hảo thiêng liêng cho họ. Bao nhiêu có thể, việc đền tội phải tương xứng với sự trầm trọng và bản chất của các tội đã phạm. Có thể đền tội bằng cách cầu nguyện, dâng cúng, bằng những việc từ thiện, phục vụ tha nhân, bằng các việc hãm mình, hy sinh, và nhất là kiên trì đón nhận thánh giá chúng ta phải vác. Những việc đền tội như thế giúp chúng ta nên giống Đức Kitô, Đấng duy nhất, đã đền bù tội lỗi chúng ta⁵⁸ một lần cho mãi mãi. Chúng sẽ làm cho chúng ta trở nên đồng thừa tự với Đức Kitô phục sinh, bởi vì “chúng ta cùng chịu đau khổ với Người” (Rm 8,17)⁵⁹:

2447

618

“Chúng ta không thể làm việc đền tội để đền vì tội lỗi chúng ta, nếu không nhờ Chúa Giêsu Kitô: tự sức mình chúng ta không

⁵⁶ Thánh Augustinô, *In Iohannis evangelium tractatus*, 12,13: CCL 36, 128 (PL 35, 1491).

⁵⁷ X. CĐ Tridentinô, Sess. 14a, *Canones de sacramento Paenitentiae*, canon 12: DS 1712.

⁵⁸ X. Rm 3,25; 1 Ga 2,1-2.

⁵⁹ X. CĐ Tridentinô, Sess. 14a, *Doctrina de sacramento Paenitentiae*, c. 8: DS 1690.

2011 thể làm được gì, nhưng cùng với Người là ‘Đấng ban sức mạnh cho chúng ta, chúng ta làm được mọi việc’⁶⁰. Con người không có gì để tự phụ, nhưng tất cả vinh quang của chúng ta là ở nơi Đức Kitô, ... trong Người, chúng ta đền tội, bằng cách ‘làm ra những hoa quả xứng đáng của lòng thống hối’⁶¹, do Người, những hoa quả ấy có sức mạnh; bởi Người, chúng được dâng lên Chúa Cha; và nhờ Người, chúng được Chúa Cha chấp nhận’⁶².

VIII. THỪA TÁC VIÊN CỦA BÍ TÍCH THỐNG HỐI

HUIUS SACRAMENTI MINISTER

981 **1461.** Bởi vì Đức Kitô đã trao cho các Tông Đồ của Người thừa tác vụ giao hoà⁶³, nên các giám mục, những người kế nhiệm các ngài, và các linh mục, là những cộng sự viên của các giám mục, tiếp tục thi hành thừa tác vụ này. Thật vậy, các giám mục và các linh mục, nhờ bí tích Truyền Chức Thánh, có quyền tha tất cả tội lỗi “nhân danh Cha và Con và Thánh Thần”.

886 **1462.** Việc xá giải tội lỗi giao hoà chúng ta với Thiên Chúa và
1567 cũng giao hoà với Hội Thánh. Vì vậy, Giám mục, vị thủ lãnh hữu hình của Giáo Hội địa phương, từ rất xa xưa, vẫn được coi là người có quyền và có thừa tác vụ giao hoà một cách chính yếu: ngài là người điều phối kỷ luật thống hối⁶⁴. Các linh mục, là cộng sự viên của ngài, thi hành thừa tác vụ này trong phạm vi năng quyền mà họ lãnh nhận hoặc do giám mục của mình (hay do bề trên dòng tu) hoặc do Đức Giáo Hoàng, theo luật Hội Thánh⁶⁵.

982 **1463.** Có một số tội nặng đặc biệt, ai phạm sẽ bị phạt tuyệt thông, là hình phạt nặng nhất theo giáo luật, cấm không cho nhận lãnh các bí tích và không được thi hành một số tác vụ trong Hội Thánh⁶⁶, và việc xá giải hình phạt này chỉ có thể được ban, theo giáo luật, do Đức Giáo Hoàng, do Giám mục giáo phận hay do các linh mục được các vị trên ủy quyền⁶⁷. Trong trường hợp nguy tử, bất cứ linh mục nào, dù không có năng quyền giải tội, vẫn có thể tha hết mọi tội và mọi phạt tuyệt thông⁶⁸.

⁶⁰ X. Pl 4,13.

⁶¹ X. Lc 3,8.

⁶² CD Tridentinô, Sess. 14a, *Doctrina de sacramento Paenitentiae*, c. 8: DS 1691.

⁶³ X. Ga 20,23; 2 Cr 5,18.

⁶⁴ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 26: AAS 57 (1965) 32.

⁶⁵ X. *Bộ Giáo Luật*, các điều 844. 967-969. 972; *Bộ Giáo Luật Đông phương*, điều 722, 3-4.

⁶⁶ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 1331; *Bộ Giáo Luật Đông phương*, các điều 1431. 1434.

⁶⁷ X. *Bộ Giáo Luật*, các điều 1354-1357; *Bộ Giáo Luật Đông phương*, điều 1420.

⁶⁸ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 976; pro peccatorum vero absolutione, *Bộ Giáo Luật Đông phương*, điều 725.

1464. Các tư tế phải khuyến khích các tín hữu đến với bí tích Thống Hối, và phải tỏ ra luôn sẵn sàng cử hành bí tích này mỗi khi các Kitô hữu yêu cầu một cách hợp lý⁶⁹.

1465. Khi cử hành bí tích Thống Hối, tư tế chu toàn thừa tác vụ của vị Mục tử nhân lành đi tìm chiên lạc, của người Samaritanô nhân hậu băng bó các vết thương, của người Cha chờ đợi đứa con hoang đàng và đón nhận nó khi nó trở về, của vị thẩm phán công chính không thiên vị ai, và xét xử vừa công bằng vừa hay thương xót. Tất một lời, tư tế là dấu chỉ và là dụng cụ của tình yêu thương xót của Thiên Chúa đối với tội nhân. 983

1466. Vị giải tội không phải là chủ nhân, nhưng là thừa tác viên của ơn tha thứ của Thiên Chúa. Thừa tác viên của bí tích này phải gắn bó mình với ý hướng và tình yêu của Đức Kitô⁷⁰. Ngài phải có một sự hiểu biết đã được kiểm chứng về luân lý Kitô giáo, có kinh nghiệm về các vấn đề nhân bản, biết tôn trọng và dịu dàng đối với người sa ngã; ngài phải yêu mến sự thật, trung thành với Huấn Quyền của Hội Thánh và kiên trì giúp hối nhân được chữa lành và trưởng thành đầy đủ. Ngài phải cầu nguyện và đền tội cho hối nhân, trong khi phó thác họ cho lòng thương xót của Chúa. 1551 2690

1467. Vì sự thánh thiêng và cao cả rất hiển nhiên của thừa tác vụ này và vì sự tôn trọng phải có đối với con người, Hội Thánh tuyên bố rằng mọi tư tế nghe xưng tội, bắt buộc phải giữ bí mật tuyệt đối về các tội mà hối nhân đã xưng với họ, nếu lỗi phạm sẽ bị những hình phạt nghiêm khắc nhất⁷¹. Các linh mục cũng không được sử dụng những hiểu biết do việc xưng tội cung cấp cho họ về đời sống của các hối nhân. Bí mật này, không chấp nhận các luật trừ, được gọi là “ấn tín bí tích”, bởi vì tất cả những gì hối nhân đã bày tỏ với linh mục, đều được “niêm ấn” bởi bí tích. 2490

IX. CÁC HIỆU QUẢ CỦA BÍ TÍCH THỐNG HỐI

EFFECTUS HUIUS SACRAMENTI

1468. “Tất cả hiệu quả của bí tích Thống Hối là đưa chúng ta về lại trong ân sủng của Thiên Chúa và kết hợp chúng ta với Ngài bằng tình thân nghĩa thẩm thiết”⁷². Vì vậy, mục đích và hiệu quả của bí tích này là sự *giao hoà với Thiên Chúa*. Nơi những người lãnh nhận bí tích Thống Hối với lòng ăn năn và sự chuẩn bị đạo đức, 2305

⁶⁹ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 986; *Bộ Giáo Luật Đông phương*, điều 735; CĐ Vaticanô II, Sắc lệnh *Presbyterorum ordinis*, 13: AAS 58 (1966) 1012.

⁷⁰ X. CĐ Vaticanô II, Sắc lệnh *Presbyterorum ordinis*, 13: AAS 58 (1966) 1012.

⁷¹ X. *Bộ Giáo Luật*, các điều 983-984. 1388,1; *Bộ Giáo Luật Đông phương*, điều 1456.

⁷² *Catechismus Romanus*, 2, 5, 18: ed. P. Rodríguez (Città del Vaticano-Pamplona 1989) 297.

“bí tích này sẽ mang lại sự bình an và thư thái trong lương tâm, kèm theo là niềm an ủi dào dạt trong tâm hồn”⁷³. Thật vậy, bí tích Giao Hoà với Thiên Chúa mang lại một “cuộc phục sinh thiêng liêng” thật sự, hoàn trả lại phẩm giá và những điều thiện hảo cho đời sống làm con Thiên Chúa, mà cao quý nhất là tình thân nghĩa với Thiên Chúa⁷⁴.

- 953 **1469.** Bí tích này *giao hoà chúng ta với Hội Thánh*. Tội lỗi làm suy yếu hay cắt đứt sự hiệp thông huynh đệ. Bí tích Thống Hối canh tân hoặc tái tạo sự hiệp thông đó. Theo nghĩa này, bí tích không những chữa lành hối nhân, làm cho họ được hiệp thông lại với Hội Thánh, mà còn có một hiệu quả mang lại sức sống cho đời sống Hội Thánh, vốn đã phải chịu đựng tội lỗi của một trong các chi thể của mình⁷⁵. Tội nhân, một khi đã được phục hồi hay được củng cố trong mầu nhiệm các thánh thông công, thì được tăng cường nhờ sự hiệp thông các gia sản thiêng liêng giữa mọi chi thể sống động của Thân Thể Đức Kitô, hoặc còn đang trên đường lữ hành, hoặc đã ở nơi quê hương thiên quốc⁷⁶:

“Nhưng phải thêm rằng việc giao hoà này với Thiên Chúa như còn dẫn tới những sự giao hoà khác, để hàn gắn nhiều đổ vỡ khác do tội gây ra: khi được tha thứ, hối nhân giao hoà với chính mình nơi phần thâm sâu nhất của hữu thể mình, nơi người đó tìm lại được sự thật nội tại của mình; hối nhân được giao hoà với anh em mà một cách nào đó họ đã xúc phạm và gây thương tổn; hối nhân được giao hoà với Hội Thánh; hối nhân được giao hoà với tất cả các thụ tạo”⁷⁷.

678, 1039

1470. Trong bí tích này, khi phó mình cho sự phán xét đầy thương xót của Thiên Chúa, một cách nào đó, tội nhân *tham dự trước vào sự phán xét* mà họ phải chịu khi cuộc đời ở trần gian của họ kết thúc. Vì bây giờ, trong cuộc đời này, chúng ta còn được chọn lựa giữa cõi sống và cõi chết: nếu không nhờ con đường hối cải, chúng ta không thể vào được Nước Thiên Chúa, nơi mà vì tội trọng chúng ta bị loại trừ ra khỏi đó⁷⁸. Khi ăn năn trở lại với Đức Kitô nhờ Thống Hối và đức tin, tội nhân sẽ từ cõi chết bước vào cõi sống và “khỏi bị xét xử” (Ga 5,24).

⁷³ X. CD Tridentinô, Sess. 14a, *Doctrina de sacramento Paenitentiae*, 3: DS 1674.

⁷⁴ X. Lc 15,32.

⁷⁵ X. 1 Cr 12,26.

⁷⁶ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 48-50: AAS 57 (1965) 53-57.

⁷⁷ ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Reconciliatio et paenitentia*, 31, V: AAS 77 (1985) 265.

⁷⁸ X. 1 Cr 5,11; Gl 5,19-21; Kh 22,15.

X. CÁC ÂN XÁ INDULGENTIAE

1471. Giáo lý và việc thực hành về các ân xá trong Hội Thánh liên hệ mật thiết với các hiệu quả của bí tích Thống Hối.

Ân xá là gì ?

“Ân xá là việc tha thứ trước mặt Thiên Chúa khỏi những hình phạt tạm đáng chịu vì những tội lỗi đã phạm, dù những tội đó đã được tha thứ. Để hưởng nhờ ân xá, Kitô hữu phải hội đủ những điều kiện được thẩm quyền của Hội Thánh quy định, vì với tư cách là thừa tác viên của Ôn cứu chuộc, Hội Thánh có thẩm quyền phân phát và chia sẻ kho tàng công phúc của Đức Kitô và các Thánh”⁷⁹.

“Ân xá có thể là từng phần hay toàn phần, tùy theo mức độ giải thoát từng phần hay trọn vẹn các hình phạt tạm đáng phải chịu vì tội”⁸⁰. “Tín hữu nào cũng có thể hưởng các ân xá ... cho chính mình, hay cho những người đã qua đời”⁸¹.

Những hình phạt do tội

1472. Để hiểu giáo lý và việc thực hành này của Hội Thánh, chúng ta phải biết tội lỗi có *hậu quả kép*. Tội trọng làm cho chúng ta không được hiệp thông với Thiên Chúa, và do đó làm cho chúng ta không còn khả năng hưởng sự sống muôn đời; sự mất mát này được gọi là “hình phạt đời đời” do tội lỗi. Mặt khác, bất cứ tội nào, dù là tội nhẹ, đều kéo theo nó một sự quỵn luyến lệch lạc với các thụ tạo, nên cần được thanh tẩy, hoặc ngay ở đời này, hoặc sau khi chết, trong tình trạng được gọi là luyện ngục. Sự thanh tẩy này giải thoát khỏi điều được gọi là “hình phạt tạm” do tội. Hai hình phạt này không được coi như một cách báo thù nào đó do Thiên Chúa giáng xuống từ bên ngoài, nhưng đúng hơn phải coi như là xuất phát từ chính bản chất của tội. Việc hối cải do đức mến nồng nàn có thể đưa đến một sự thanh tẩy trọn vẹn cho tội nhân, đến độ không còn hình phạt nào tồn tại nữa⁸².

1473. Sự tha thứ tội lỗi và tái lập hiệp thông với Thiên Chúa khiến chúng ta được tha các hình phạt đời đời do tội. Nhưng những hình phạt tạm do tội vẫn còn. Kitô hữu, trong khi nhẫn nại chịu đựng những đau khổ và thử thách đủ loại, và trong việc đón nhận cái chết với tâm hồn thanh thản khi ngày đó đến, phải cố gắng đón nhận những hình phạt

1861

1031

2447

⁷⁹ ĐGH Phaolô VI, Tông hiến *Indulgentiarum doctrina*, Normae 1: AAS 59 (1967) 21.

⁸⁰ ĐGH Phaolô VI, Tông hiến *Indulgentiarum doctrina*, Normae 2: AAS 59 (1967) 21.

⁸¹ Bộ Giáo Luật, điều 994.

⁸² X. CD Tridentinô, Sess. 14a, *Canones de sacramento Paenitentiae*, canones 12-13: DS 1712-1713; Id., Sess. 25a, *Decretum de purgatorio*: DS 1820.

tạm do tội như là một ân sủng; họ phải cố gắng cởi bỏ hoàn toàn “con người cũ” và mặc lấy “con người mới”⁸³, nhờ những công việc đầy tình thương xót và bác ái, cũng như nhờ cầu nguyện và nhiều việc thống hối khác nhau.

Trong mẫu nhiệm “các thánh thông công”

946-959 **1474.** Kitô hữu không đơn độc khi cố gắng thanh tẩy mình khỏi tội lỗi và thánh hóa bản thân với sự trợ giúp của ơn Chúa. “Đời sống của mỗi con cái Thiên Chúa được kết hợp một cách lạ lùng, trong Đức Kitô và nhờ Đức Kitô, với đời sống của tất cả các anh em Kitô hữu trong sự hợp nhất siêu nhiên của Nhiệm Thể Đức Kitô, như trong một con người huyền nhiệm”⁸⁴.

795

1475. Trong mẫu nhiệm “các thánh thông công”, “giữa các tín hữu, cả những vị đã đạt tới quê hương thiên quốc, cả những người còn đền tội nơi luyện ngục, cả những người đang lữ hành trên trần gian, có một dây liên kết vững bền trong tình yêu và một sự trao đổi dồi dào tất cả các điều thiện hảo”⁸⁵. Trong sự trao đổi kỳ diệu này, sự thánh thiện của một người sinh lợi cho những người khác, vượt xa sự thiệt hại mà tội lỗi của một người có thể gây ra cho những người khác. Như vậy, sự trở về với mẫu nhiệm “các thánh thông công” cho phép tội nhân thống hối được thanh tẩy khỏi các hình phạt do tội một cách nhanh chóng và hữu hiệu hơn.

617

1476. Chúng ta gọi những điều thiện hảo thiêng liêng của mẫu nhiệm “các Thánh thông công” là *kho tàng của Hội Thánh*, “thật ra đây không phải là như tổng số các điều thiện hảo giống như tổng số của cải vật chất được tích lũy qua bao thế kỷ, nhưng là giá trị vô cùng vô tận trước nhan Thiên Chúa của những việc đền tội và những công phúc của Chúa Kitô, tất cả được dâng lên để toàn thể nhân loại được giải thoát khỏi tội lỗi và được hiệp thông với Chúa Cha; chính Đức Kitô là Đấng Cứu Chuộc, trong Người có, và có một cách dư dật, những việc đền tội và những công phúc do Ơn cứu chuộc của Người”⁸⁶.

969

1477. “Ngoài ra, kho tàng này còn bao gồm giá trị vô lượng vô biên và luôn luôn mới trước nhan Thiên Chúa của những lời cầu nguyện và những việc lành của Đức Trinh Nữ Maria diễm phúc và của tất cả các Thánh. Là những người bước theo chân Chúa Kitô nhờ ân sủng của Người, các ngài đã thánh hoá bản thân, và chu toàn công việc được Chúa Cha chấp nhận; đến độ, khi hành động để chính mình được cứu độ, các ngài cũng góp

⁸³ X. Ep 4,24.

⁸⁴ ĐGH Phaolô VI, Tông hiến *Indulgentiarum doctrina*, 5: AAS 59 (1967) 11.

⁸⁵ ĐGH Phaolô VI, Tông hiến *Indulgentiarum doctrina*, 5: AAS 59 (1967) 12.

⁸⁶ ĐGH Phaolô VI, Tông hiến *Indulgentiarum doctrina*, 5: AAS 59 (1967) 11.

phần làm cho các anh em mình được cứu độ trong sự hợp nhất của nhiệm thể”⁸⁷.

Nhận được ân xá của Thiên Chúa nhờ Hội Thánh

1478. “Người ta nhận được ân xá nhờ Hội Thánh; Hội Thánh, nhờ quyền cầm buộc và tháo cởi do Chúa Giêsu Kitô ban, can thiệp vì lợi ích của một Kitô hữu nào đó và mở cho họ kho tàng công phúc của Đức Kitô và của các thánh, để họ nhận được nơi Chúa Cha giàu lòng thương xót ơn tha thứ những hình phạt tạm họ đáng phải chịu do tội. Như vậy, Hội Thánh không những muốn giúp đỡ tín hữu đó, mà còn thúc đẩy họ làm những việc đạo đức, thống hối và bác ái”⁸⁸.

981

1479. Bởi vì các tín hữu đã qua đời đang chịu thanh luyện cũng là những thành viên trong mầu nhiệm các thánh thông công, nên chúng ta có thể giúp họ, ngoài các cách khác, bằng cách lãnh nhận các ân xá (để nhường) cho họ, nhờ đó, họ được tha các hình phạt tạm họ đang phải chịu do tội lỗi của họ.

1032

XI. CỬ HÀNH BÍ TÍCH THỐNG HỐI

CELEBRATIO SACRAMENTI POENITENTIAE

1480. Cũng như tất cả các bí tích, bí tích Thống Hối là một hành động phụng vụ. Đây là những yếu tố thông thường của việc cử hành: Lời chào hỏi và chúc lành của tư tế, việc đọc Lời Chúa để soi sáng lương tâm và khơi dậy lòng ăn năn, và việc khuyên nhủ thống hối; việc xưng tội gồm nhìn nhận tội lỗi và xưng ra với tư tế; tư tế ấn định và hối nhân chấp nhận việc đền tội; lời xá giải của tư tế; hối nhân ca ngợi tạ ơn và ra về với phép lành của tư tế.

1481. Phụng vụ Byzantin có nhiều công thức xá giải, mang hình thức cầu khẩn, diễn tả cách tuyệt vời mầu nhiệm tha thứ: “Thiên Chúa đã dùng tiên tri Nathan mà tha thứ cho David khi ông xưng thú tội mình. Ngài đã tha thứ cho ông Phêrô khi ông khóc lóc đau đớn, đã tha thứ cho người kỹ nữ khi cô nhỏ lệ trên chân Chúa, đã tha thứ cho người thu thuế và cho đứa con hoang đàng. Xin chính Thiên Chúa tha thứ cho bạn, qua tôi, là kẻ tội lỗi, ở đời này và đời sau, và không kết án bạn, khi đòi bạn phải ra trước toà phán xét khủng khiếp của Ngài, Ngài là Đấng được chúc tụng muôn đời. Amen”⁸⁹.

1449

1482. Bí tích Thống Hối cũng có thể diễn ra trong khung cảnh một cử hành cộng đoàn, trong đó các hối nhân cùng nhau chuẩn bị xưng tội và

⁸⁷ ĐGH Phaolô VI, Tông hiến *Indulgentiarum doctrina*, 5: AAS 59 (1967) 11-12.

⁸⁸ X. ĐGH Phaolô VI, Tông hiến *Indulgentiarum doctrina*, 8: AAS 59 (1967) 16-17; CB Tridentinô, Sess. 25a, *Decretum de indulgentiis*: DS 1835.

⁸⁹ *Eukologion to mega* (Athens 1992) 222.

cùng nhau cảm tạ sau khi được ơn tha thứ. Ở đây, việc xưng tội cá nhân và việc xá giải từng người được chen vào trong một cử hành phụng vụ Lời Chúa, với các bài đọc và bài giảng, xét mình chung, cùng nhau xin ơn tha thứ, đọc kinh Lạy Cha và cùng nhau tạ ơn. Việc cử hành cộng đoàn này diễn tả rõ nét hơn chiều kích Hội Thánh của việc thống hối. Tuy nhiên, dầu cử hành cách nào, bí tích Thống Hối, tự bản chất của nó, vẫn luôn luôn là một hành động phụng vụ, vì vậy luôn có chiều kích Hội Thánh và có tính công khai⁹⁰.

1140

1401 **1483.** Trong những trường hợp có nhu cầu nghiêm trọng, có thể cử hành bí tích Giao Hoà tập thể tức là xưng tội chung và xá giải chung. Trường hợp có nhu cầu nghiêm trọng như vậy có thể xảy ra, là khi trong cơn nguy tử mà một hay nhiều tư tế không đủ thời giờ nghe từng hối nhân xưng tội. Trường hợp có nhu cầu nghiêm trọng cũng có thể là, khi có đông hối nhân mà không có đủ cha giải tội để nghe từng người xưng tội đúng cách trong một thời gian thích hợp, đến nỗi các hối nhân không được lãnh ơn của bí tích hoặc không được rước lễ trong thời gian lâu dài mà không do lỗi của họ. Trong trường hợp này, để việc xá giải được thành sự, các tín hữu phải quyết tâm là sẽ đi xưng tội riêng những tội trọng của mình vào thời gian thích hợp⁹¹. Giám mục giáo phận có quyền thẩm định những điều kiện cần thiết để giải tội tập thể⁹². Số lượng đông đảo các tín hữu trong những dịp lễ lớn hay các cuộc hành hương, không được coi là trường hợp có nhu cầu nghiêm trọng⁹³.

1484. “Việc xưng tội riêng và xưng tội đầy đủ cùng với việc xá giải tạo thành phương cách thông thường duy nhất, nhờ đó các tín hữu được giao hoà với Thiên Chúa và với Hội Thánh; chỉ có sự bất lực thể lý hay luân lý mới miễn chuẩn việc xưng tội như trên”⁹⁴. Điều này có những lý do sâu xa. Đức Kitô hành động trong mỗi bí tích. Người đích thân nói với từng tội nhân: “Này con, con đã được tha tội rồi” (Mc 2,5); Người là thầy thuốc cúi mình trên từng bệnh nhân đang cần Người chữa lành⁹⁵; Người nâng họ dậy và dẫn họ về hiệp thông lại với anh em. Vì vậy, việc xưng tội riêng là hình thức có ý nghĩa nhất trong việc giao hoà với Thiên Chúa và với Hội Thánh.

878

⁹⁰ X. CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 26-27: AAS 56 (1964) 107.

⁹¹ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 962,1.

⁹² X. *Bộ Giáo Luật*, điều 961,2.

⁹³ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 961,1-2.

⁹⁴ *Nghi thức Thống Hối*, Praenotanda, 31 (Typis Polyglottis Vaticanis 1974) 21.

⁹⁵ X. Mc 2,17.

TÓM LƯỢC

1485. Chiều ngày Phục Sinh, Chúa Giêsu hiện ra với các Tông Đồ và nói: “Anh em hãy nhận lấy Thánh Thần. Anh em tha tội cho ai, thì người ấy được tha; anh em cầm giữ ai, thì người ấy bị cầm giữ” (Ga 20,22-23).

1486. Việc tha thứ tội lỗi đã phạm sau bí tích Rửa Tội được trao ban nhờ một bí tích riêng được gọi là bí tích Hối cải, bí tích Giải tội, bí tích Thống Hối, hoặc bí tích Giao hoà.

1487. Ai phạm tội, đều xúc phạm đến danh dự và tình yêu của Thiên Chúa, xúc phạm đến phẩm giá riêng của mình, là người được mời gọi làm con Thiên Chúa và xúc phạm đến giá trị linh thiêng của Hội Thánh mà mỗi Kitô hữu phải là viên đá sống động.

1488. Trong ánh sáng đức tin, không có gì xấu hơn là tội lỗi; không có hậu quả nào thảm hại hơn cho chính tội nhân, cho Hội Thánh và cho cả thế giới.

1489. Việc trở về hiệp thông với Thiên Chúa, sự hiệp thông đã bị đánh mất do tội, xuất phát từ ân sủng của Thiên Chúa, Đấng đầy lòng nhân từ luôn quan tâm cứu độ con người. Phải van xin hồng ân quý giá này cho bản thân cũng như cho mọi kẻ khác.

1490. Động thái trở về với Thiên Chúa được gọi là hối cải và thống hối, gồm sự đau buồn và ghê tởm các tội đã phạm và quyết tâm không phạm tội nữa. Vì vậy, sự hối cải bao trùm cả quá khứ lẫn tương lai, được nuôi dưỡng bằng sự trông cậy vào lòng thương xót của Thiên Chúa.

1491. Bí tích Thống Hối bao gồm ba hành vi của hối nhân và sự xá giải của tư tế. Ba hành vi của hối nhân là: thống hối; xưng tội với tư tế; quyết tâm làm việc đền tội và các việc đền bù.

1492. Thống hối (hay ăn năn tội) phải do động lực đức tin thúc đẩy. Nếu thống hối phát xuất từ lòng yêu mến Chúa, thì đó là ăn năn tội “cách trọn”; nếu phát xuất từ những động lực khác, thì đó là ăn năn tội “cách chẳng trọn”.

1493. Ai muốn được giao hoà với Thiên Chúa và với Hội Thánh, phải xưng thú cùng tư tế tất cả những tội trọng chưa xưng và nhớ được sau khi đã xét mình kỹ lưỡng. Hội Thánh tha thiết khuyên xưng các tội nhẹ, mặc dù điều này không bắt buộc.

1494. Vị giải tội chỉ định cho hối nhân thi hành một số việc “đền tội” hoặc “thống hối” nào đó, để đền bù những thiệt hại do tội gây ra, và để tái lập những tập quán riêng của người môn đệ Đức Kitô.

1495. *Chỉ các tư tế được Hội Thánh ban năng quyền giải tội, mới có thể tha tội nhân danh Đức Kitô.*

1496. *Những hiệu quả thiêng liêng của bí tích Thống Hối là:*

- *được giao hoà với Thiên Chúa, và như vậy, hối nhân được nhận lại ân sủng;*
- *được giao hoà với Hội Thánh;*
- *được tha thứ hình phạt đời đời đáng phải chịu vì các tội trọng đã phạm;*
- *được tha thứ, ít nhất một phần, các hình phạt tạm là hậu quả của tội;*
- *được bình an thư thái trong lương tâm và được an ủi thiêng liêng;*
- *được gia tăng sức mạnh thiêng liêng để chiến đấu trong cuộc đời Kitô hữu.*

1497. *Việc xưng thú cá nhân và xưng thú tất cả các tội trọng, tiếp theo là việc xá giải, là phương thức thông thường duy nhất để lãnh nhận ơn giao hoà với Thiên Chúa và với Hội Thánh.*

1498. *Nhờ các ân xá, các tín hữu có thể đạt được cho chính mình và cả cho các linh hồn trong luyện ngục, ơn tha thứ các hình phạt tạm, là hậu quả của tội.*

Mục 5

Bí Tích Xức Dầu Bệnh Nhân

Articulus 5

Unctio infirmorum

1499. “Qua việc xức dầu bệnh nhân và lời cầu nguyện của các linh mục, toàn thể Hội Thánh phó thác các bệnh nhân cho Chúa chịu nạn và vinh hiển để Người nâng đỡ và cứu chữa họ; hơn nữa, Hội Thánh còn khuyên bảo họ tự nguyện kết hợp với cuộc khổ nạn và sự chết của Đức Kitô, để mưu ích cho dân Thiên Chúa”⁹⁶.

⁹⁶ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, 11: AAS 57 (1965) 15.

**I. NỀN TẢNG CỦA BÍ TÍCH XỨC DẦU BỆNH NHÂN
TRONG NHIỆM VỤ CỨU ĐỘ
EIUS IN OECONOMIA SALUTIS FUNDAMENTA**

Bệnh tật trong đời sống con người

1500. Bệnh tật và đau khổ luôn luôn là những vấn đề nghiêm trọng nhất ảnh hưởng trên đời sống con người. Trong cơn bệnh, con người cảm nghiệm sự bất lực, các giới hạn và sự hữu hạn của mình. Mọi bệnh tật đều có thể khiến chúng ta nhìn xa đến cái chết.

1006

1501. Bệnh tật có thể đưa đến sự lo lắng, tự khép kín, đôi khi tuyệt vọng và nổi loạn chống lại Thiên Chúa. Nhưng nó cũng có thể làm cho con người chín chắn hơn, giúp họ phân định điều gì không phải là chính yếu trong đời họ, để quay về với điều chính yếu. Bệnh tật rất thường gợi lên sự tìm hiểu về Thiên Chúa, gợi lên sự trở lại với Ngài.

Bệnh nhân trước mặt Thiên Chúa

1502. Con người thời Cựu Ước sống trong bệnh tật trước tôn nhan Thiên Chúa. Họ than thở với Thiên Chúa về bệnh tật của mình⁹⁷ và xin Ngài, là Chúa sự sống và sự chết, chữa lành⁹⁸. Bệnh tật trở thành con đường hối cải⁹⁹, và ơn tha thứ của Thiên Chúa là khởi đầu việc chữa lành¹⁰⁰. Dân Israel cảm nghiệm rằng, bệnh tật có liên hệ cách bí nhiệm với tội lỗi và sự dữ, và sự trung thành với Thiên Chúa, theo Lề Luật của Ngài, sẽ trả lại sự sống: “vì Ta là Chúa, Đấng chữa lành người” (Xh 15,26). Có Tiên tri đã thoáng nhận ra rằng đau khổ có thể có giá trị cứu chuộc đối với tội lỗi của những người khác¹⁰¹. Sau cùng, tiên tri Isaia loan báo rằng Thiên Chúa sẽ đem đến cho Sion một thời đại, lúc đó Ngài sẽ tha thứ mọi tội lỗi và chữa lành mọi bệnh tật¹⁰².

164
376

Đức Kitô – thầy thuốc

1503. Lòng thương cảm của Đức Kitô đối với các bệnh nhân và nhiều việc chữa lành mọi thứ bệnh tật Người đã thực hiện¹⁰³ là

549

⁹⁷ X. Tv 38.

⁹⁸ X. Tv 6,3; Is 38.

⁹⁹ X. Tv 38,5; 39,9.12.

¹⁰⁰ X. Tv 32,5; 107,20; Mc 2,5-12.

¹⁰¹ X. Is 53,11.

¹⁰² X. Is 33,24.

¹⁰³ X. Mt 4,24.

1421 một dấu chỉ hiển nhiên cho thấy rằng Thiên Chúa đã viếng thăm Dân Ngài¹⁰⁴ và Nước Thiên Chúa đã gần kề. Chúa Giêsu không những có quyền chữa lành mà còn có quyền tha tội¹⁰⁵: Người đến để chữa lành con người toàn diện, cả xác cả hồn; Người là thầy thuốc mà các bệnh nhân cần đến¹⁰⁶. Lòng thương cảm của Người đối với tất cả những người chịu đau khổ, đã đi đến chỗ Người tự 695 nên một với họ: “Ta đau yếu, các người đã thăm viếng” (Mt 25,36). Tình yêu đặc biệt của Người đối với những người đau yếu, trải qua 2288 các thế kỷ, đã không ngừng khơi dậy sự quan tâm đặc biệt của các Kitô hữu đối với tất cả những ai chịu đau khổ phần xác hay phần hồn. Tình yêu này làm phát sinh những cố gắng không mệt mỏi để nâng đỡ những người đau khổ đó.

1504. Chúa Giêsu thường đòi buộc các bệnh nhân phải tin¹⁰⁷. Người dùng những dấu chỉ để chữa lành: nước miếng và việc đặt tay¹⁰⁸, bùn đất và việc rửa sạch¹⁰⁹. Các bệnh nhân tìm cách chạm 695 đến Người¹¹⁰ “vì có một năng lực tự nơi Người phát ra, chữa lành 1116 hết mọi người” (Lc 6,19). Vì vậy, trong các bí tích, Đức Kitô tiếp tục “chạm” đến chúng ta để chữa lành chúng ta.

1505. Xúc động trước quá nhiều đau khổ, Đức Kitô không những cho phép các bệnh nhân chạm đến Người, mà còn lấy những đau khổ của chúng ta làm của Người: “Người đã mang lấy các tội 440 nguyên của ta và gánh lấy các bệnh hoạn của ta” (Mt 8,17)¹¹¹. Tuy nhiên, Người đã không chữa lành tất cả các bệnh nhân. Những việc chữa lành của Người là những dấu chỉ rằng Nước Thiên Chúa đang đến. Chúng loan báo một sự chữa lành triệt để hơn: đó là sự chiến thắng tội lỗi và sự chết, nhờ cuộc Vượt Qua của Người. Trên thập giá, Đức Kitô đã mang vào thân thể Người tất cả gánh nặng của sự dữ¹¹² và Người đã xoá “tội trần gian” (Ga 1,29), mà bệnh tật của trần gian chỉ là một hậu quả. Bằng cuộc khổ nạn và cái chết trên thập giá của Người, Đức Kitô đem lại cho đau khổ một ý nghĩa mới: từ nay đau khổ có thể làm cho chúng ta nên đồng hình đồng dạng với Người và kết hợp chúng ta vào cuộc khổ nạn sinh 307 ơn cứu chuộc của Người.

¹⁰⁴ X. Lc 7,16.

¹⁰⁵ X. Mc 2,5-12.

¹⁰⁶ X. Mc 2,17.

¹⁰⁷ X. Mc 5,34.36; 9,23.

¹⁰⁸ Mc 7,32-36; 8,22-25.

¹⁰⁹ X. Ga 9,6-15.

¹¹⁰ X. Mc 3,10; 6,56.

¹¹¹ X. Is 53,4.

¹¹² X. Is 53,4-6.

“Hãy chữa lành các bệnh nhân...”

1506. Đức Kitô mời gọi các môn đệ vắc thánh giá của mình¹¹³ mà theo Người. Khi theo Người, các môn đệ có được một tầm nhìn mới về các bệnh tật và các bệnh nhân. Chúa Giêsu đã cho họ dự phần vào đời sống nghèo khó và phục vụ của Người. Người cho họ tham dự vào thừa tác vụ cảm thương và chữa lành của Người: “Các ông đi rao giảng, kêu gọi người ta ăn năn sám hối. Các ông trừ được nhiều quỷ, xức dầu cho nhiều người đau ốm và chữa họ khỏi bệnh” (Mc 6,12-13).

859

1507. Chúa phục sinh đã lập lại sứ vụ này (“Nhân danh Thầy... họ đặt tay trên những người bệnh, thì những người này sẽ được mạnh khỏe”: Mc 16,17-18) và xác nhận sứ vụ đó qua các dấu chỉ Hội Thánh thực hiện trong khi kêu cầu Danh Người¹¹⁴. Các dấu chỉ này biểu lộ cách đặc biệt Chúa Giêsu thật sự là “Thiên Chúa cứu độ”¹¹⁵.

430

1508. Chúa Thánh Thần ban cách đặc biệt cho một số người đoàn sủng chữa lành¹¹⁶ để biểu lộ sức mạnh của ân sủng của Đấng phục sinh. Tuy nhiên những lời cầu nguyện sốt sắng nhất cũng không luôn luôn chữa lành tất cả mọi bệnh tật. Thánh Phaolô phải học nơi Chúa điều này: “Ơn của Thầy đã đủ cho anh, vì sức mạnh của Thầy được biểu lộ trọn vẹn trong sự yếu đuối” (2 Cr 12,9); và những đau khổ phải chịu có thể có ý nghĩa này: “Những gian nan thử thách Đức Kitô còn phải chịu, tôi xin mang lấy vào thân cho đủ mức, vì lợi ích cho Thân Thể Người là Hội Thánh” (Cl 1,24).

798

618

1509. “Hãy chữa lành người đau yếu!” (Mt 10,8). Hội Thánh đã nhận nơi Chúa mệnh lệnh này và cố gắng thi hành mệnh lệnh đó qua việc chăm sóc các bệnh nhân và việc nguyện cầu để đồng hành với họ. Hội Thánh tin vào sự hiện diện sống động của Đức Kitô, vị thầy thuốc của cả phần hồn phần xác. Sự hiện diện này đặc biệt tác động trong các bí tích, nhất là bí tích Thánh Thể, là bánh ban sự sống đời đời¹¹⁷ và liên hệ của bánh này với sự chữa lành phần xác đã được thánh Phaolô nói đến¹¹⁸.

1405

1510. Hội Thánh từ thời các Tông Đồ đã biết đến một nghi thức riêng dành cho các bệnh nhân. Thánh Giacôbê đã làm chứng về điều này: “Ai trong anh em đau yếu ư? Người ấy hãy mời các kỳ mục của Hội Thánh đến; họ sẽ cầu nguyện cho người ấy, sau khi

¹¹³ X. Mt 10,38.

¹¹⁴ X. Cv 9,34; 14,3.

¹¹⁵ X. Mt 1,21; Cv 4,12.

¹¹⁶ X. 1 Cr 12,9.28.30.

¹¹⁷ X. Ga 6,54.58.

¹¹⁸ X. 1 Cr 11,30.

1117 xức dầu nhân danh Chúa. Lời cầu nguyện do lòng tin sẽ cứu người bệnh; người ấy được Chúa nâng dậy và nếu người ấy đã phạm tội, thì sẽ được Chúa thứ tha” (Gc 5,14-15). Truyền thống đã nhìn nhận nghi thức này là một trong bảy bí tích của Hội Thánh¹¹⁹.

Bí tích của các bệnh nhân

1511. Hội Thánh tin và tuyên xưng, trong bảy bí tích, có một bí tích đặc biệt dành để củng cố những người bị thử thách vì bệnh tật: đó là bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân:

“Việc xức dầu thánh cho các bệnh nhân đã được Đức Kitô Chúa chúng ta thiết lập một cách thật sự và đúng nghĩa như là một bí tích của Giao Ước Mới, được thánh Marcô nhắc đến¹²⁰, và được giới thiệu và công bố cho các tín hữu nhờ thánh Giacôbê, vị Tông Đồ và là người anh em của Chúa”¹²¹.

1512. Trong truyền thống phụng vụ của Đông cũng như Tây phương, từ xa xưa, đã có những bằng chứng về bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân với dầu đã được làm phép. Qua các thế kỷ, bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân, càng ngày càng ít được sử dụng, chỉ được ban cho những người sắp chết. Vì vậy bí tích này có tên gọi là việc “Xức dầu cuối cùng”. Mặc dù có sự chuyển biến này, phụng vụ không bao giờ bỏ qua việc cầu xin Chúa cho bệnh nhân được hồi phục sức khỏe, nếu điều này phù hợp với ơn cứu độ của họ¹²².

1513. Tông Hiến *Sacram unctionem infirmorum* (Việc Xức Dầu Thánh cho bệnh nhân) ban hành ngày 30.11.1972, theo đường hướng Công đồng Vaticanô II¹²³, xác định từ nay, trong nghi lễ Rôma, phải thực hành như sau:

“Bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân được ban cho những ai bệnh tật nguy kịch, bằng việc xức trên trán và trên hai bàn tay với dầu ô liu hoặc, tùy nghi, dầu thực vật khác, đã được làm phép đúng luật, và chỉ đọc một lần: ‘Nhờ việc xức dầu thánh này và nhờ lòng từ bi nhân hậu của Chúa, xin Chúa dùng ơn Chúa Thánh

¹¹⁹ X. Thánh Innôcentiô I, Epistula *Si instituta ecclesiastica*: DS 216; CD Florentinô, *Decretum pro Armenis*: DS 1324-1325; CD Tridentinô, Sess. 14a, *Doctrina de sacramento extremæ Unctionis*, c. 1-2: DS 1695-1696; Id., Sess. 14a, *Canones de extrema Unctione*, canones 1-2: DS 1716-1717.

¹²⁰ X. Mc 6,13.

¹²¹ CD Tridentinô, Sess. 14a, *Doctrina de sacramento extremæ Unctionis*, c. 1: DS 1695; X. Gc 5,14-15.

¹²² CD Tridentinô, Sess. 14a, *Doctrina de sacramento extremæ Unctionis*, c. 2: DS 1696.

¹²³ X. CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 73: AAS 54 (1964) 118-119.

Thần mà giúp đỡ con, để Ngài giải thoát con khỏi mọi tội lỗi, cứu chữa con và thương làm cho con thuyên giảm”¹²⁴.

II. AI LÃNH NHẬN VÀ AI BAN BÍ TÍCH XỨC DẦU BỆNH NHÂN? QUIS RECIPIT ET QUIS HOC CONFERT SACRAMENTUM?

Trong trường hợp bệnh nặng...

1514. Xức Dầu Bệnh Nhân “không phải là bí tích chỉ dành cho những người hấp hối. Do đó, thời gian thích hợp để lãnh nhận bí tích này là khi tín hữu bắt đầu lâm cơn nguy tử vì bệnh tật hay già yếu”¹²⁵.

1515. Nếu bệnh nhân đã lãnh bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân và được hồi phục, rồi sau đó trở bệnh nặng, thì có thể lãnh bí tích này lần nữa. Trong cùng một cơn bệnh kéo dài, bí tích này có thể được tái ban nếu cơn bệnh trở nên trầm trọng hơn. Trước khi chịu một cuộc giải phẫu quan trọng, tín hữu nên lãnh nhận bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân. Cũng vậy, người lớn tuổi cũng nên lãnh nhận khi sức lực họ suy yếu dần.

“... Hãy mời các kỳ mục của Hội Thánh đến”

1516. Chỉ có các tư tế (giám mục và linh mục) là thừa tác viên bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân¹²⁶. Các mục tử có trách nhiệm phải dạy cho các tín hữu về những ơn ích của bí tích này. Các tín hữu phải động viên bệnh nhân để mời tư tế đến ban bí tích. Các bệnh nhân phải chuẩn bị tâm hồn để lãnh nhận bí tích này, với sự trợ giúp của mục tử và toàn thể giáo xứ, những người được mời đến hỗ trợ bệnh nhân, một cách đặc biệt, bằng lời cầu nguyện và sự quan tâm huynh đệ.

¹²⁴ ĐGH Phaolô VI, Tông hiến *Sacram Unctionem infirmorum*: AAS 65 (1973) 8; x. *Bộ Giáo Luật*, điều 847,1.

¹²⁵ CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 73: AAS 56 (1964) 118-119; x. *Bộ Giáo Luật*, các điều 1004,1. 1005. 1007; *Bộ Giáo Luật Đông phương*, điều 738.

¹²⁶ X. CD Tridentinô, Sess. 14a, *Doctrina de sacramento extremae Unctionis*, c. 3: DS 1697; Id., Sess. 14a, *Canones de extrema Unctione*, canon 4: DS 1719; *Bộ Giáo Luật*, điều 1003; *Bộ Giáo Luật Đông phương*, điều 739,1.

III. BÍ TÍCH NÀY ĐƯỢC CỬ HÀNH THẾ NÀO?

QUOMODO HOC CELEBRATUR SACRAMENTUM?

1140 **1517.** Cũng như mọi bí tích khác, bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân là một cử hành phụng vụ có tính cộng đoàn¹²⁷, dù cử hành ở gia đình, ở bệnh viện hay ở nhà thờ, cho một hay một nhóm bệnh nhân. Rất nên cử hành bí tích này trong thánh lễ, là cuộc tưởng niệm cuộc Vượt Qua của Chúa. Nếu hoàn cảnh cho phép, có thể cử hành bí tích Thống Hối trước khi ban bí tích Xức Dầu, và tiếp đó là bí tích Thánh Thể. Bí tích Thánh Thể, là bí tích của cuộc Vượt Qua của Đức Kitô, luôn luôn phải là bí tích cuối cùng của cuộc lễ hành trần thế, là “Của ăn đàng” cho việc “bước qua” đời sống vĩnh cửu.

1524 **1518.** Lời [Chúa] và bí tích làm nên một thể thống nhất bất khả phân ly. Sau nghi thức thống hối, phần phụng vụ Lời Chúa khai mở việc cử hành bí tích. Những lời của Đức Kitô, chứng từ của các Tông Đồ khơi dậy đức tin cho bệnh nhân và cho cộng đoàn, để cầu xin Chúa ban sức mạnh Thần Khí của Người.

1519. Việc cử hành bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân chủ yếu gồm có các phần như sau: “Các kỳ mục của Hội Thánh”¹²⁸ thỉnh lạng đặt tay trên bệnh nhân; các ngài cầu nguyện cho bệnh nhân trong đức tin của Hội Thánh¹²⁹, đó là kinh Khấn cầu Chúa Thánh Thần (Epiclesis) đặc thù của bí tích này; rồi các ngài xức dầu cho bệnh nhân bằng dầu đã được làm phép, nếu có thể được, bởi Giám mục.

Các hành động phụng vụ này cho thấy bí tích này mang lại biết bao ân sủng cho các bệnh nhân.

IV. HIỆU QUẢ CỦA BÍ TÍCH XỨC DẦU BỆNH NHÂN

EFFECTUS CELEBRATIONIS HUIUS SACRAMENTI

733 **1520.** *Hồng ân đặc biệt của Chúa Thánh Thần.* Ân sủng đầu tiên của bí tích này là ơn an ủi, bình an và can đảm cho tâm hồn để thắng vượt những khó khăn do tình trạng của cơn bệnh trầm trọng hay của tuổi già sức yếu. Ân sủng này là hồng ân của Chúa Thánh Thần, để canh tân sự phó thác và tin tưởng vào Thiên Chúa, và ban sức mạnh để chống lại các cám dỗ của Thần dữ, cám dỗ làm cho tâm hồn thất vọng và lo âu trước cái chết¹³⁰. Sự trợ giúp này của Chúa nhờ sức mạnh của Thần Khí Người nhằm chữa lành linh hồn bệnh nhân, nhưng cũng chữa lành cả thân xác, nếu đó là

¹²⁷ CĐ Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 27: AAS 56 (1964) 107.

¹²⁸ X. Gc 5,14.

¹²⁹ X. Gc 5,15.

¹³⁰ X. Dt 2,15.

thánh ý Thiên Chúa¹³¹. Ngoài ra, “nếu người ấy đã phạm tội, thì sẽ được Chúa thứ tha” (Gc 5,15)¹³².

1521. *Kết hợp với cuộc khổ nạn của Đức Kitô.* Nhờ ân sủng của bí tích này, bệnh nhân lãnh nhận sức mạnh và hồng ân để kết hợp chặt chẽ hơn với cuộc khổ nạn của Đức Kitô: một cách nào đó họ *được thánh hiến* để mang lại hoa trái nhờ đồng hình đồng dạng với cuộc khổ nạn sinh ơn cứu chuộc của Đấng cứu độ. Đau khổ, vốn là hậu quả của tội nguyên tổ, nay mang một ý nghĩa mới: đó là dự phần vào công trình cứu độ của Chúa Giêsu. 1535 1499

1522. *Ân sủng có chiều kích Hội Thánh.* Các tín hữu lãnh nhận bí tích này, “nhờ sẵn sàng kết hợp với sự đau khổ và cái chết của Đức Kitô”, góp phần “mưu ích cho dân Thiên Chúa”¹³³. Khi cử hành bí tích này trong mầu nhiệm các Thánh thông công, Hội Thánh cầu nguyện cho bệnh nhân; bệnh nhân, đến lượt mình, nhờ ân sủng của bí tích này, góp phần vào sự thánh hóa Hội Thánh và mưu ích cho mọi người, vì tất cả những người đó mà Hội Thánh chịu đau khổ và tự hiến cho Chúa Cha nhờ Đức Kitô. 953

1523. *Chuẩn bị cho cuộc vượt qua cuối cùng.* Nếu bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân được ban cho những người đang chịu bệnh tật và đau yếu nặng, thì càng thích hợp hơn cho những người “sắp lìa đời”¹³⁴, nên nó cũng được gọi là “bí tích của những người ra đi” (*sacramentum exeuntium*)¹³⁵. Bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân hoàn tất việc làm cho chúng ta nên đồng hình đồng dạng với cái Chết và sự Sống lại của Đức Kitô, cũng như bí tích Rửa Tội đã khởi sự điều đó. Bí tích này hoàn tất các lần xức dầu thánh ghi dấu suốt cuộc đời Kitô hữu; việc xức dầu của bí tích Rửa Tội đã đóng ấn cuộc sống mới trong chúng ta; việc xức dầu của bí tích Thêm Sức tăng sức mạnh cho chúng ta để chiến đấu trong cuộc sống này. Việc xức dầu lần cuối này gìn giữ lúc kết thúc cuộc đời chúng ta bằng sự che chở vững vàng trong những trận chiến cuối cùng trước khi tiến vào Nhà Cha¹³⁶. 1020 1294 1020

¹³¹ X. CD Florentinô, *Decretum pro Armenis*: DS 1325.

¹³² X. CD Tridentinô, Sess. 14a, *Canones de extrema Unctione*, canon 2: DS 1717.

¹³³ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 11: AAS 57 (1965) 15.

¹³⁴ CD Tridentinô, Sess. 14a, *Doctrina de sacramento extremae Unctionis*, c. 3: DS 1698.

¹³⁵ *Ibid.*

¹³⁶ X. CD Tridentinô, Sess. 14a, *Doctrina de sacramento extremae Unctionis*, Prooemium: DS 1694.

V. CỬA ĂN ĐÀNG, BÍ TÍCH CUỐI CÙNG CỦA KITÔ HỮU VIATICUM, ULTIMUM CHRISTIANI SACRAMENTUM

- 1392 **1524.** Đối với những người sắp lìa đời, ngoài bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân, Hội Thánh còn ban bí tích Thánh Thể làm Cửa ăn đàng. Việc lãnh nhận Mình và Máu Đức Kitô, vào lúc sắp về với Chúa Cha, có một ý nghĩa và tầm quan trọng đặc biệt. Đây là hạt giống của đời sống vĩnh cửu và là sức mạnh của sự phục sinh, theo lời Chúa nói: “Ai ăn thịt và uống máu tôi thì được sống muôn đời, và tôi sẽ cho người ấy sống lại vào ngày sau hết” (Ga 6,54). Bí tích Thánh Thể, là bí tích của Đức Kitô đã chết và đã sống lại, giờ đây là bí tích của việc chuyển từ cõi chết đi vào cõi sống, từ trần gian này về với Chúa Cha¹³⁷.
- 1680 **1525.** Cũng như các bí tích Rửa Tội, Thêm Sức và Thánh Thể hợp thành một thể thống nhất được gọi là “các bí tích khai tâm Kitô giáo”, người ta có thể nói các bí tích Thống Hối, Xức Dầu Bệnh Nhân và Thánh Thể như Cửa ăn đàng, vào lúc cuối đời Kitô hữu, 2299 hợp thành “các bí tích chuẩn bị về Quê trời” hay là các bí tích hoàn tất cuộc lữ hành trần thế.

TÓM LƯỢC

1526. *“Ai trong anh em đau yếu ư ? Người ấy hãy mời các kỳ mục của Hội Thánh đến, họ sẽ cầu nguyện cho người ấy, sau khi xức dầu nhân danh Chúa. Lời cầu nguyện do lòng tin sẽ cứu người bệnh; người ấy được Chúa nâng dậy, và nếu người ấy đã phạm tội, thì sẽ được Chúa thứ tha” (Gc 5,14-15).*

1527. *Bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân có mục đích ban ân sủng đặc biệt cho tín hữu đang bị thử thách vì những khó khăn do tình trạng bệnh nặng hay tuổi già sức yếu.*

1528. *Thời gian thích hợp để lãnh nhận bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân là khi tín hữu bắt đầu lâm cơn nguy tử vì bệnh tật hay già yếu.*

1529. *Mỗi khi lâm trọng bệnh, Kitô hữu có thể lãnh nhận bí tích Xức Dầu, và khi bệnh tình trở nên nguy kịch, có thể nhận lại bí tích này.*

1530. *Chỉ các tư tế (linh mục và Giám mục) mới có thể ban bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân. Để trao ban, các ngài sử dụng dầu do Giám*

¹³⁷ X. Ga 13,1.

mục làm phép, hay trong trường hợp khẩn cấp, do chính linh mục đang cử hành làm phép.

1531. Nghi thức chính yếu của bí tích này gồm việc xúc dầu trên trán và hai tay của bệnh nhân (theo nghi lễ Rôma) hoặc trên các phần thân thể khác (theo nghi lễ Đông phương), việc xúc dầu có kèm theo lời cầu nguyện phụng vụ của tư tế cử hành, cầu xin ân sủng đặc biệt của bí tích này.

1532. Ân sủng đặc biệt của bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân có những hiệu quả như sau:

- giúp bệnh nhân được kết hợp với cuộc khổ nạn của Đức Kitô, để mưu ích cho bản thân và cho toàn thể Hội Thánh;
- mang lại cho bệnh nhân sự an ủi, bình an và lòng can đảm, để chịu đựng theo tinh thần Kitô giáo những đau khổ do bệnh tật hay tuổi già;
- ban ơn tha tội, nếu bệnh nhân không thể xưng tội được;
- đem lại sự hồi phục sức khỏe, nếu điều đó hữu ích cho ơn cứu độ thiêng liêng;
- chuẩn bị để bước vào đời sống vĩnh cửu.

CHƯƠNG BA

CÁC BÍ TÍCH PHỤC VỤ SỰ HIỆP THÔNG

CAPUT TERTIUM

SACRAMENTA IN SERVITIUM COMMUNIONIS

1212 **1533.** Các bí tích Rửa Tội, Thêm Sức và Thánh Thể là những bí tích khai tâm Kitô giáo. Ba bí tích này đặt nền tảng cho ơn gọi chung của tất cả các môn đệ Đức Kitô, ơn gọi đến sự thánh thiện và đến sứ vụ rao giảng Tin Mừng cho trần gian. Ba bí tích này mang lại những ân sủng cần thiết cho đời sống theo Chúa Thánh Thần trong cuộc lữ hành đời này tiến về quê hương vĩnh cửu.

1534. Hai bí tích khác, Truyền Chức Thánh và Hôn Phối, hướng về ơn cứu độ của tha nhân. Chúng cũng mang lại ơn cứu độ cho bản thân, nhưng chúng thực hiện điều đó qua việc phục vụ tha nhân. Hai bí tích này trao ban một sứ vụ đặc biệt trong Hội Thánh, và phục vụ cho việc xây dựng dân Thiên Chúa.

784 **1535.** Trong các bí tích này, những ai đã được *thánh hiến* bởi các bí tích Rửa Tội và Thêm Sức¹ để lãnh nhận chức tư tế cộng đồng của tất cả các tín hữu, đều có thể lãnh nhận các việc *thánh hiến* đặc biệt. Những người lãnh nhận bí tích Truyền Chức Thánh được *thánh hiến* để “dẫn dắt Hội Thánh bằng Lời và ân sủng của Thiên Chúa”² nhân danh Đức Kitô. Về phần mình, “các đôi phối ngẫu Kitô hữu, thì được ban sức mạnh và như được *thánh hiến* bằng một bí tích đặc biệt để chu toàn các chức vụ và phẩm giá của bậc sống của mình”³.

¹ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 10: AAS 57 (1965) 14.

² CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 11: AAS 57 (1965) 15.

³ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 48: AAS 58 (1966) 1068.

Mục 6

Bí Tích Truyền Chức Thánh

Articulus 6

Sacramentum Ordinis

1536. Truyền Chức Thánh là bí tích qua đó, sứ vụ Đức Kitô đã ủy thác cho các Tông Đồ của Người được tiếp tục thực thi trong Hội Thánh cho đến tận thế: vì vậy, đây là bí tích của thừa tác vụ Tông Đồ. Bí tích này gồm ba cấp bậc: chức Giám mục, chức linh mục và chức phó tế. 860

(Về việc Đức Kitô thiết lập và trao ban thừa tác vụ Tông Đồ, xem các số 874-896. Ở đây, chỉ bàn về đời sống bí tích qua đó, thừa tác vụ này được lưu truyền).

I. TẠI SAO GỌI LÀ BÍ TÍCH TRUYỀN CHỨC THÁNH? CUR HOC SACRAMENTI ORDINIS NOMEN?

1537. Vào thời cổ Rôma, người ta dùng từ *Ordo* để chỉ những tập thể dân sự, nhất là tập thể của những người lãnh đạo. *Ordinatio* chỉ việc đón nhận vào một tập thể (*ordo*) nào đó. Trong Hội Thánh có những tập thể như vậy mà truyền thống, dựa trên cơ sở Thánh Kinh⁴, ngay từ xưa gọi là *taxeis* (tiếng Hy Lạp) hay *ordines* (tiếng La tinh, nghĩa là *hàng, bậc*). Chẳng hạn, Phụng vụ nói đến *hàng Giám mục (ordo episcoporum)*, *hàng linh mục (ordo presbyterorum)*, *hàng phó tế (ordo diaconorum)*. Nhiều nhóm khác cũng được gọi là *ordo*: các dự tòng, các trinh nữ, các đôi phối ngẫu, các bà goá... 922, 923
1631

1538. Việc đón nhận vào một trong những tập thể đó của Hội Thánh thường được diễn ra bằng một nghi thức, gọi là *ordinatio*, qua một hành vi tôn giáo và phụng vụ: đó có thể là một sự thánh hiến, một sự chúc lành hay một bí tích. Ngày nay, từ *ordinatio* (*truyền chức*) dành riêng cho việc cử hành bí tích để đón nhận một người vào hàng Giám mục, linh mục và phó tế; việc truyền chức này hơn hẳn việc đơn thuần *bầu cử, chỉ định, ủy nhiệm* hay *thiết lập* bởi cộng đoàn, bởi vì việc truyền chức ban hồng ân Chúa Thánh Thần, cho phép thực thi một *quyền thánh chức*⁵, quyền này chỉ có thể xuất phát từ chính Đức Kitô, qua Hội Thánh của Người. Việc truyền chức (*ordinatio*) cũng được gọi là sự *thánh hiến* 875

⁴ X. Dt 5,6; 7,11; Tv 110,4.

⁵ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 10; AAS 57 (1965) 14.

699 (consecratio), bởi vì đây là một sự tách riêng ra và giao nhiệm vụ bởi chính Đức Kitô để phục vụ Hội Thánh Người. Việc *đặt tay* của Giám mục cùng với lời nguyện thánh hiến, làm thành dấu chỉ hữu hình của sự thánh hiến này.

II. BÍ TÍCH TRUYỀN CHỨC THÁNH TRONG NHIỆM VỤ CỨU ĐỘ SACRAMENTUM ORDINIS IN OECONOMIA SALUTIS

Chức tư tế của Giao Ước Cũ

1539. Dân Chúa chọn được Thiên Chúa thiết lập như một “vương quốc tư tế, một dân thánh” (Xh 19,6)⁶. Nhưng giữa dân Israel, Thiên Chúa lại chọn một trong mười hai chi tộc, đó là chi tộc Lêvi, được đặt riêng ra để lo công tác phụng vụ⁷; chính Thiên Chúa là phần gia nghiệp của chi tộc này⁸. Một nghi thức riêng biệt đã thánh hiến các tư tế đầu tiên của Giao Ước Cũ⁹. Họ “được đặt lên vì loài người trong các mối tương quan với Thiên Chúa, để dâng lễ phẩm cũng như tế vật đền tội”¹⁰.

2099 **1540.** Chức tư tế này được thiết lập để rao giảng lời Thiên Chúa¹¹ và tái lập sự hiệp thông với Thiên Chúa bằng các hy lễ và lời cầu nguyện, nhưng nó vẫn không có khả năng thực hiện ơn cứu độ, nên tuy lập lại không ngừng việc dâng các hy lễ, nó vẫn không đạt được sự thánh hoá vĩnh viễn¹²; điều mà chỉ có hy tế của Đức Kitô mới thực hiện được.

1541. Tuy nhiên, phụng vụ của Hội Thánh vẫn nhận ra trong chức tư tế của ông Aaron và việc phục vụ của các thầy Lêvi, cũng như việc thiết lập nhóm bảy mươi “Kỳ mục”¹³, những hình ảnh báo trước cho thừa tác vụ có chức thánh của Giao Ước Mới. Trong nghi lễ La tinh, Hội Thánh cầu xin trong lời nguyện thánh hiến để truyền chức Giám mục như sau:

“Lạy Cha là Thiên Chúa và là Cha Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng con, ... Cha đã dùng lời ân sủng mà ban bố các quy tắc trong Hội Thánh. Từ nguyên thủy, Cha đã tiền định cho dòng dõi những người công chính phát xuất từ tổ phụ Abraham. Cha đã thiết lập

⁶ X. Is 61,6.

⁷ X. Ds 1,48-53.

⁸ X. Gs 13,33.

⁹ X. Xh 29,1-30; Lv.8.

¹⁰ X. Dt 5,1.

¹¹ X. Mt 2,7-9.

¹² X. Dt 5,3; 7,27; 10,1-4.

¹³ X. Ds 11,24-25.

những vị thủ lãnh và tư tế, và không để thánh điện Cha thiếu người phục vụ...”¹⁴.

1542. Khi truyền chức linh mục, Hội Thánh cầu nguyện:

“Lạy Chúa là Cha chí thánh, ... ngay ở thời Cựu Ước xa xưa đã phát sinh những chức vụ được thiết lập qua các nhiệm tích: vì khi Cha đặt ông Môisen và ông Aaron cai trị và thánh hoá dân chúng, Cha đã chọn những người có phẩm hàm và địa vị thấp hơn để giúp đỡ tập thể và công việc của các ông. Vì vậy, trong hoang địa, Cha đã phân phát thần trí của ông Môisen cho bảy mươi người có trí thông minh... Cũng vậy, Cha đã thông ban sự sung mãn của ông Aaron cho con cháu ông”¹⁵.

1543. Và trong lời nguyện thánh hiến để truyền chức Phó Tế, Hội Thánh tuyên xưng:

“Lạy Cha là Thiên Chúa toàn năng, ... Cha ban cho Thân Thể ấy (là Hội Thánh của Cha) tăng trưởng và triển nở thành Đền Thờ mới mẻ rộng lớn. Bằng các nhiệm vụ thánh, Cha thiết lập ba cấp thừa tác viên phục vụ Danh Cha, như Cha đã chọn con cháu ông Lêvi từ thuở đầu, để chu toàn thừa tác vụ nơi đền thánh cũ”¹⁶.

Chức tư tế duy nhất của Đức Kitô

1544. Tất cả hình ảnh của Giao Ước Cựu ước về chức tư tế đã được hoàn tất nơi Đức Kitô Giêsu, “Đấng trung gian duy nhất giữa Thiên Chúa và loài người” (1 Tm 2,5). Ông Melchisedech, “tư tế của Thiên Chúa tối cao” (St 14,18), được truyền thống Kitô giáo xem như hình ảnh báo trước chức tư tế của Đức Kitô, Đấng duy nhất là “Thượng tế theo phẩm trật Melchisedech” (Dt 5,10; 6,20), “thánh thiện, vẹn toàn, vô tội” (Dt 7,26), “Người chỉ dâng hiến lễ một lần, mà vĩnh viễn làm cho những kẻ Người đã thánh hoá được nên hoàn hảo” (Dt 10,14), nghĩa là Người chỉ dâng một hy lễ thập giá.

874

1545. Hy lễ cứu chuộc của Đức Kitô là duy nhất, được thực hiện một lần cho mãi mãi. Tuy nhiên, hy lễ này hiện diện trong hy lễ Thánh Thể của Hội Thánh. Cũng có thể nói y như vậy về chức tư

1367

662

¹⁴ *Pontificale Romanum. De Ordinatione Episcopi, presbyterorum et diaconorum, De Ordinatione Episcopi. Prex ordinationis, 47, editio typica altera (Typis Polyglottis Vaticanis 1990) 24.*

¹⁵ *Pontificale Romanum. De Ordinatione Episcopi, presbyterorum et diaconorum, De Ordinatione presbyterorum. Prex ordinationis, 159, editio typica altera (Typis Polyglottis Vaticanis 1990) 91-92.*

¹⁶ *Pontificale Romanum. De Ordinatione Episcopi, presbyterorum et diaconorum, De Ordinatione diaconorum. Prex ordinationis, 207, editio typica altera (Typis Polyglottis Vaticanis 1990) 121.*

tế duy nhất của Đức Kitô: chức tư tế của Người hiện diện nhờ chức tư tế thừa tác mà tính duy nhất của chức tư tế của Đức Kitô không bị suy giảm: “Thật vậy, Đức Kitô là vị Tư tế đích thực duy nhất, còn những người khác chỉ là thừa tác viên của Người”¹⁷.

Hai cách tham dự vào chức tư tế duy nhất của Đức Kitô

- 1268 **1546.** Đức Kitô, là thượng tế và trung gian duy nhất, đã làm cho Hội Thánh thành vương quốc tư tế để phụng sự Thiên Chúa là Cha của Người¹⁸. Như vậy, toàn thể cộng đoàn các tín hữu là tư tế. Các tín hữu thực thi chức tư tế do Phép Rửa qua việc họ tham dự, mỗi người theo ơn gọi riêng của mình, vào sứ vụ của Đức Kitô là Tư tế, Tiên tri và Vương đế. Nhờ các bí tích Rửa Tội và Thêm Sức, các tín hữu “được thánh hiến để trở nên... một hàng tư tế thánh”¹⁹.
- 1142 **1547.** Chức tư tế thừa tác hay phẩm trật của các Giám mục và linh mục và chức tư tế cộng đồng của tất cả các tín hữu, “mỗi chức theo cách của mình, tham dự vào chức tư tế duy nhất của Đức Kitô”²⁰; tuy khác nhau về bản chất, nhưng “cả hai tùy thuộc lẫn nhau”²¹. Theo nghĩa nào? Chức tư tế cộng đồng của các tín hữu được thực hiện qua việc làm tăng trưởng ân sủng Phép Rửa, đời sống tin cậy mến, đời sống theo Chúa Thánh Thần; còn chức tư tế thừa tác là để phục vụ chức tư tế cộng đồng, giúp làm tăng trưởng ân sủng Phép Rửa của mọi Kitô hữu. Đó là một trong những *phương tiện* Đức Kitô không ngừng sử dụng để xây dựng và dẫn dắt Hội Thánh Người. Vì vậy mà chức tư tế thừa tác được trao ban qua một bí tích riêng, là bí tích Truyền Chức Thánh.
- 1120

Trong cương vị Đức Kitô là Đầu

- 875 **1548.** Chính Đức Kitô hiện diện với Hội Thánh Người trong việc
792 phục vụ của các thừa tác viên có chức thánh; Người hiện diện với tư cách là Đầu của thân thể Người, là Mục Tử của đoàn chiên của Người, là Thượng Tế của hy lễ cứu chuộc, là Thầy dạy chân lý. Đó là điều Hội Thánh muốn diễn tả khi xác quyết rằng vị tư tế, nhờ bí tích Truyền Chức Thánh, hành động trong cương vị Đức Kitô là Đầu (*in persona Christi Capitis*)²²:

¹⁷ Thánh Tôma Aquinô, *Commentarium in epistolam ad Hebraeos*, c. 7, lect. 4: *Opera omnia*, v. 21 (Parisiis 1876) 647.

¹⁸ X. Kh 1,6; 5,9-10; 1 Pr 2,5.9.

¹⁹ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 10: AAS 57 (1965) 14.

²⁰ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 10: AAS 57 (1965) 14.

²¹ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 10: AAS 57 (1965) 14.

²² X. CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 10: AAS 57 (1965) 14; *Ibid.*, 28: AAS 57 (1965) 34; Id., Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 33: AAS 56 (1964) 108; Id., Sắc lệnh

“Cùng một vị Tư Tế là chính Đức Kitô Giêsu, còn thừa tác viên của Người thật ra đảm nhận cương vị thánh thiêng của Người. Bởi vì vị này, nhờ sự thánh hiến linh mục mà ông đã lãnh nhận, ông được đồng hoá với Vị Thượng Tế, và ông được quyền hành động với quyền năng và cương vị của chính Đức Kitô (*virtute ac persona ipsius Christi*)”²³.

“Đức Kitô là nguồn mạch mọi chức tư tế: vì vị tư tế của luật cũ là hình bóng của Người; còn vị tư tế của luật mới hành động trong cương vị của Đức Kitô”²⁴.

1549. Nhờ thừa tác vụ thánh chức, nhất là của các Giám mục và linh mục, sự hiện diện của Đức Kitô với tư cách là Đầu Hội Thánh, trở nên hữu hình giữa cộng đoàn tín hữu²⁵. Theo kiểu nói rất hay của thánh Ignatiô Antiôchia, Giám mục là *typos tou Patros*, như là hình ảnh sống động của Chúa Cha²⁶.

1142

1550. Sự hiện diện như vậy của Đức Kitô trong thừa tác viên không được hiểu là vị này đã được gìn giữ khỏi mọi yếu đuối của con người, khỏi tinh thần thống trị, khỏi sai lầm và khỏi cả tội lỗi. Sức mạnh của Chúa Thánh Thần không bảo đảm cho tất cả các hành vi của thừa tác viên bằng cùng một cách thức. Khi thừa tác viên cử hành các bí tích, thì điều bảo đảm này được trao ban, nên thậm chí tội lỗi của thừa tác viên cũng không thể ngăn cản hiệu quả của ân sủng; còn trong nhiều hành vi khác, dấu ấn con người của thừa tác viên để lại những vết tích, không phải luôn luôn là dấu chỉ của sự trung thành với Tin Mừng và vì vậy những hành vi đó có thể làm phương hại đến sự sinh hoa kết quả trong việc tông đồ của Hội Thánh.

896

1128

1584

1551. Chức tư tế này là chức tư tế *thừa tác*. “Nhiệm vụ đó, được Chúa trao phó cho các mục tử của dân Người, thật sự là một việc *phục vụ*”²⁷. Nó hoàn toàn hướng tới Đức Kitô và hướng tới con người. Chức tư tế thừa tác hoàn toàn lệ thuộc vào Đức Kitô và vào chức tư tế duy nhất của Người, và được thiết lập vì con người và cộng đoàn Hội Thánh. Bí tích Truyền Chức Thánh thông ban “quyền thánh chức”, không là gì khác hơn là quyền năng thánh thiêng của Đức Kitô. Vì vậy, việc thực thi quyền này phải rập theo

876

1538

Christus Dominus, 11: AAS 58 (1966) 677; Id., Sắc lệnh *Presbyterorum ordinis*, 2: AAS 58 (1966) 992; *Ibid.*, 6: AAS 58 (1966) 999.

²³ ĐGH Piô XII, Thông điệp *Mediator Dei*: AAS 14 (1947) 548.

²⁴ Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, III, q. 22, a. 4, c: Ed. Leon. 11, 260.

²⁵ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 21: AAS 57 (1965) 24.

²⁶ X. Thánh Ignatiô Antiôchia, *Epistula ad Trallianos*, 3, 1; SC 10bis, 96 (Funk 1, 244); Id., *Epistula ad Magnesios*, 6,1: SC 10bis, 84 (Funk 1, 234).

²⁷ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 24: AAS 57 (1965) 29.

608 mẫu gương của Đức Kitô, Đấng vì yêu thương đã trở nên người rốt hết và là tô tử của mọi người²⁸. “Chúa đã tuyên bố rõ ràng rằng việc chăm sóc đoàn chiên là bằng chứng tình yêu đối với Người”²⁹.

... “nhân danh toàn thể Hội Thánh”

1552. Chức tư tế thừa tác không những có nhiệm vụ đại diện cho Đức Kitô, Đấng là Đầu Hội Thánh, trước cộng đoàn tín hữu, mà còn hành động nhân danh toàn thể Hội Thánh, khi dâng lên Thiên Chúa lời cầu nguyện của Hội Thánh³⁰, và nhất là khi dâng Hy lễ Thánh Thể³¹.

795 **1553.** “Nhân danh *toàn thể* Hội Thánh” không có nghĩa là các tư tế là những đại biểu của cộng đoàn. Lời cầu nguyện và lễ vật của Hội Thánh không thể tách rời khỏi lời cầu nguyện và lễ vật của Đức Kitô, Đấng là Đầu Hội Thánh. Đây luôn luôn là việc phụng tự của Đức Kitô trong và nhờ Hội Thánh Người. Toàn thể Hội Thánh, là Thân Thể Đức Kitô, cầu nguyện và dâng mình cho Chúa Cha, “chính nhờ Người, với Người và trong Người”, trong sự hợp nhất của Chúa Thánh Thần. Toàn thân thể, gồm *Đầu và các chi thể*, cầu nguyện và dâng mình; vì vậy, những ai ở trong thân thể đó, đặc biệt là các thừa tác viên của thân thể đó, được gọi là thừa tác viên không những của Đức Kitô mà còn của Hội Thánh nữa. Bởi vì chức tư tế thừa tác đại diện cho Đức Kitô, nên nó có thể đại diện cho Hội Thánh.

III. BA CẤP BẬC CỦA BÍ TÍCH TRUYỀN CHỨC THÁNH

TRES SACRAMENTI ORDINIS GRADUS

1536 **1554.** “Thừa tác vụ trong Hội Thánh, do Chúa thiết lập, được thực thi trong những cấp bậc khác nhau do những người, mà từ thời xa xưa, đã được gọi là Giám mục, linh mục và phó tế”³². Giáo lý Công giáo, được diễn tả trong phụng vụ, trong Huấn Quyền và trong cách thực hành không thay đổi của Hội Thánh, thừa nhận có hai cấp bậc tham dự theo thừa tác vụ vào chức tư tế của Đức Kitô: đó là hàng Giám mục và hàng linh mục. Hàng phó tế có nhiệm vụ giúp đỡ và phục vụ các vị trên. Vì thế từ *tư tế* (*sacerdos*), theo cách sử dụng hiện nay, dùng để chỉ các Giám mục và các linh mục, nhưng không chỉ các phó tế. Tuy nhiên, giáo lý Công giáo dạy rằng những cấp bậc tham dự vào chức tư tế (Giám mục và linh mục) và

²⁸ X. Mc 10,43-45; 1 Pr 5,3.

²⁹ Thánh Gioan Kim Khẩu, *De sacerdotio*, 2,4: SC 272, 118 (PG 48, 635); x. Ga 21,15-17.

³⁰ X. CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 33: AAS 56 (1964) 108.

³¹ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 10: AAS 57 (1965) 14.

³² CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 28: AAS 57 (1965) 33-34.

cấp bậc phục vụ (phó tế), cả ba đều được trao ban qua một hành vi bí tích được gọi là “*ordinatio*”, nghĩa là qua bí tích Truyền Chức Thánh: 1538

“Chớ gì mọi người tôn trọng các phó tế như Chúa Giêsu Kitô, tôn trọng Giám mục như hình ảnh của Chúa Cha và tôn trọng các linh mục như nghị viên của Thiên Chúa và như công hội các Tông Đồ: không có những vị này, không thể nói về Hội Thánh”³³.

Truyền chức Giám mục – Sự viên mãn của bí tích Truyền Chức Thánh

1555. “Trong số các thừa tác vụ khác nhau được thực thi trong Hội Thánh từ buổi sơ khai, thì theo chứng từ của Truyền Thống, vị trí chủ yếu thuộc về phận vụ của những người, được thiết đặt trong hàng Giám mục, qua sự kế nhiệm liên tục từ ban đầu, là những người có những mầm mống hạt giống Tông Đồ”³⁴. 861

1556. Để hoàn thành sứ vụ cao cả của mình, “các Tông Đồ được Đức Kitô đổ tràn đầy Chúa Thánh Thần cách đặc biệt, và chính các Tông Đồ trao ban hồng ân thiêng liêng cho các cộng sự viên của mình qua việc đặt tay, điều đó được lưu truyền cho đến chúng ta trong việc thánh hiến Giám mục”³⁵. 862

1557. Công đồng Vaticanô II dạy: “Việc thánh hiến Giám mục mang lại *sự viên mãn của bí tích Truyền Chức Thánh*, mà tập tục phụng vụ của Hội Thánh và các Thánh Giáo phụ gọi là chức tư tế tối cao, là tột đỉnh của thừa tác vụ thánh”³⁶.

1558. “Việc thánh hiến Giám mục, cùng với nhiệm vụ thánh hoá, cũng trao ban nhiệm vụ giảng dạy và cai quản.... Rõ ràng là nhờ việc đặt tay và nhờ các lời thánh hiến, ân sủng của Chúa Thánh Thần được truyền thông và ấn tín thánh thiêng được in ấn, đến độ các Giám mục, một cách trở vượt và có thể thấy được, đảm nhận các vai trò của chính Đức Kitô là Thầy, Mục tử và Thượng tế, và hành động trong cương vị của Người (*in Eius persona agant*)”³⁷. 895
“Nhờ Chúa Thánh Thần, Đáng được ban cho các Giám mục, các ngài trở thành những Thầy dạy đức tin, Thượng tế, và Mục tử thật sự và đích thực”³⁸. 1121

³³ Thánh Ignatiô Antiôchia, *Epistula ad Trallianos*, 3,1: SC 10bis, 96 (Funk 1, 244).

³⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 20: AAS 57 (1965) 23.

³⁵ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 21: AAS 57 (1965) 24.

³⁶ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 21: AAS 57 (1965) 25.

³⁷ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 21: AAS 57 (1965) 25.

³⁸ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Christus Dominus*, 2: AAS 58 (1966) 674.

1559. “Một vị nào đó được thiết đặt làm thành viên của Giám mục đoàn, nhờ việc thánh hiến của bí tích và nhờ sự hiệp thông phẩm trật với vị thủ lãnh và các thành viên của Giám mục đoàn”³⁹. Đặc tính và *bản chất cộng đoàn* của hàng Giám mục được biểu lộ bằng nhiều cách, trong đó có một thực hành từ xa xưa của Hội Thánh, là muốn có nhiều Giám mục tham dự việc thánh hiến một tân Giám mục⁴⁰. Để truyền chức hợp pháp một Giám mục, ngày nay phải có sự can thiệp đặc biệt của Giám mục Rôma, vì ngài là dây liên kết hữu hình tối cao của sự hiệp thông các Giáo Hội địa phương trong một Hội Thánh duy nhất, và là người bảo đảm cho sự tự do của các Giáo Hội đó.
1560. Mỗi Giám mục, với tư cách là vị đại diện của Đức Kitô, có trách nhiệm mục vụ trong Giáo Hội địa phương đã được trao phó cho ngài, nhưng đồng thời, một cách tập đoàn với mọi anh em của ngài trong hàng Giám mục, ngài quan tâm đến *tất cả các Giáo Hội*: “Dù mỗi Giám mục là mục tử thánh thiêng của phần đoàn chiêm được trao phó cho ngài, nhưng vì là người kế nhiệm hợp pháp của các Tông Đồ do Chúa thiết lập và truyền lệnh, nên ngài phải là người bảo đảm cho nhiệm vụ tông đồ của Hội Thánh cùng với các Giám mục khác”⁴¹.
1561. Những điều trên đây giải thích tại sao bí tích Thánh Thể do một Giám mục cử hành lại có một ý nghĩa hết sức đặc biệt, xét như sự diễn tả một Hội Thánh quy tụ quanh bàn thờ, dưới sự chủ tọa của vị đại diện hữu hình của Đức Kitô, là Mục tử nhân lành và là Đầu của Hội Thánh Người⁴².

Truyền chức linh mục - cộng sự viên của Giám mục

1562. “Đức Kitô, Đấng Chúa Cha đã thánh hoá và sai vào trần gian, qua các Tông Đồ của Người, đã làm cho các vị kế nhiệm các ngài, nghĩa là các Giám mục, được tham dự vào việc thánh hiến và vào sứ vụ của Người. Các Giám mục lại giao trách nhiệm thừa tác vụ của mình một cách hợp pháp cho nhiều người dưới quyền trong Hội Thánh, theo cấp bậc khác nhau”⁴³. “Trách nhiệm thừa tác vụ

³⁹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 22: AAS 57 (1965) 26.

⁴⁰ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 22: AAS 57 (1965) 26.

⁴¹ ĐGH Piô XII, Thông điệp *Fidei donum*: AAS 49 (1957) 237; x. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 23: AAS 57 (1965) 27-28; Id., Sắc lệnh *Christus Dominus*, 4: AAS 58 (1966) 674-675; *Ibid.*, 36: AAS 58 (1966) 692; *Ibid.*, 37: AAS 58 (1966) 693; Id., Sắc lệnh *Ad gentes*, 5: AAS 58 (1966) 951-952; *Ibid.*, 6: AAS 58 (1966) 952-953; *Ibid.*, 38: AAS 58 (1966) 984-986.

⁴² X. CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 41: AAS 56 (1964) 111 ; Id., Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 26: AAS 57 (1965) 31-32.

⁴³ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 28: AAS 57 (1965) 33.

của các Giám mục được trao cho các linh mục, ở cấp bậc phụ thuộc, để một khi đã được thiết đặt vào hàng linh mục, các vị này là *những cộng tác viên của hàng Giám mục* hầu chu toàn cách thích đáng sứ vụ tông đồ đã được Đức Kitô trao phó⁴⁴.

1563. “Chức vụ của các linh mục, vì được liên kết với hàng Giám mục, nên được tham dự vào quyền bính mà chính Đức Kitô đã dùng để xây dựng, thánh hóa và cai quản Thân Thể Người. Vì vậy, chức tư tế của các linh mục, tuy đòi phải có các bí tích khai tâm Kitô giáo, nhưng còn được trao ban bằng một bí tích riêng, nhờ đó các linh mục được ghi dấu bằng một ấn tín đặc biệt, qua việc xức dầu bằng Chúa Thánh Thần, và như vậy các vị này nên đồng hình đồng dạng với Đức Kitô Tư Tế, đến nỗi có thể hành động trong cương vị của Đức Kitô là Đầu⁴⁵.” 1121

1564. “Tuy không có quyền cao nhất của chức thượng tế và tùy thuộc các Giám mục trong khi thực thi năng quyền của mình, các linh mục vẫn được liên kết với các Giám mục trong danh dự tư tế, và nhờ bí tích Truyền Chức Thánh, các linh mục được thánh hiến theo hình ảnh Đức Kitô, vị Thượng Tế vĩnh cửu⁴⁶, để rao giảng Tin Mừng, hướng dẫn các tín hữu, và cử hành việc phụng tự thần linh với tư cách là *những tư tế đích thực của Giao Ước Mới*⁴⁷.” 611

1565. Nhờ bí tích Truyền Chức Thánh, các tư tế tham dự vào tính phổ quát của sứ vụ được Đức Kitô trao phó cho các Tông Đồ. Hồng ân thiêng liêng các ngài nhận lãnh trong việc truyền chức, chuẩn bị các ngài, không phải cho một sứ vụ giới hạn và thu hẹp, nhưng cho sứ vụ cứu độ rất rộng lớn có tính phổ quát, “cho đến tận cùng trái đất” (Cv 1,8)⁴⁸, đến độ các ngài “sẵn sàng đi rao giảng Tin Mừng ở bất cứ nơi nào⁴⁹.” 849

1566. “Các ngài thực thi nhiệm vụ thánh thiêng của mình cách tuyệt hảo nhất trong *phụng tự Thánh Thể*, qua đó, khi hành động trong cương vị Đức Kitô và công bố mầu nhiệm của Người, các ngài kết hợp lễ dâng của các tín hữu với hy lễ của Đấng là Đầu của họ, và trong Hy tế Thánh lễ, cho tới khi Chúa đến, các ngài hiện tại hóa và áp dụng hy lễ duy nhất của Giao Ước Mới, là hy lễ của Đức Kitô, Đấng đã tự hiến làm lễ vật tinh tuyền dâng lên Chúa Cha 1369 611

⁴⁴ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Presbyterorum ordinis*, 2: AAS 58 (1966) 992.

⁴⁵ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Presbyterorum ordinis*, 2: AAS 58 (1966) 992.

⁴⁶ X. Dt 5,1-10; 7,24; 9,11-28.

⁴⁷ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 28: AAS 57 (1965) 34.

⁴⁸ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Presbyterorum ordinis*, 10: AAS 58 (1966) 1007.

⁴⁹ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Optatum totius*, 20: AAS 58 (1966) 726.

một lần cho mãi mãi”⁵⁰. Toàn bộ thừa tác vụ tư tế của các ngài lúc được sức mạnh từ hy lễ duy nhất này⁵¹.

- 1462 **1567.** “Là cộng sự viên biết lo xa, là phụ tá và là dụng cụ của hàng Giám mục, được kêu gọi để phục vụ dân Thiên Chúa, các linh mục cùng với Giám mục của mình tạo thành *linh mục đoàn* (presbyterium) duy nhất, tuy đảm nhận những chức vụ khác nhau. Trong mỗi cộng đoàn tín hữu địa phương, một cách nào đó các linh mục là hiện thân của Giám mục, mà các ngài hằng liên kết với lòng tin tưởng và quảng đại, các ngài lãnh nhận một phần các nhiệm vụ và sự quan tâm của Giám mục, và thực thi phần việc ấy bằng sự chăm sóc hằng ngày”⁵². Các linh mục không thể thực thi nhiệm vụ của mình nếu không tùy thuộc vào Giám mục và hiệp thông với ngài. Lời hứa vâng phục Giám mục khi chịu chức và cái hôn bình an của Giám mục vào cuối phụng vụ truyền chức, cho thấy Giám mục nhận các linh mục như cộng sự viên, như con cái, như anh em, như bạn hữu của mình, và phần các linh mục, phải yêu mến và vâng phục Giám mục.
- 1537 **1568.** “Tất cả các linh mục, được thiết đặt vào hàng linh mục nhờ việc truyền chức, liên kết mật thiết với nhau bằng tình huynh đệ do bí tích; nhưng cách đặc biệt trong một giáo phận, nơi các ngài được chỉ định phục vụ dưới quyền một Giám mục riêng, các ngài hợp thành một linh mục đoàn duy nhất”⁵³. Tính duy nhất của linh mục đoàn được biểu lộ qua một tập tục phụng vụ, đó là trong nghi thức truyền chức linh mục, sau Giám mục, chính các linh mục cũng đặt tay [lên đầu vị tiến chức].

Truyền chức Phó tế – “để phục vụ”

1569. “Ở bậc thấp hơn của phẩm trật, có các phó tế, những người được đặt tay, không phải để lãnh nhận chức tư tế, nhưng là để phục vụ”⁵⁴. Khi truyền chức phó tế, chỉ một mình Giám mục đặt tay; điều này cho thấy phó tế được liên kết đặc biệt với Giám mục trong các trách nhiệm “phục vụ”⁵⁵ của ngài.

⁵⁰ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 28: AAS 57 (1965) 34.

⁵¹ X. CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Presbyterorum ordinis*, 2: AAS 58 (1966) 993.

⁵² CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 28: AAS 57 (1965) 35.

⁵³ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Presbyterorum ordinis*, 8: AAS 58 (1966) 1003.

⁵⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 29: AAS 57 (1965) 36; x. Id., Sắc lệnh *Christus Dominus*, 15: AAS 58 (1966) 679.

⁵⁵ X. Thánh Hippolytô Rôma, *Traditio apostolica*, 8: ed. B. Botte (Münster i. W. 1989) 22-24.

1570. Các phó tế tham dự vào sứ vụ và ân sủng của Đức Kitô⁵⁶ một cách đặc biệt. Bí tích Truyền Chức Thánh ghi cho họ một *án tín* 1121 không thể tẩy xóa, và làm cho họ nên đồng hình đồng dạng với Đức Kitô, Đấng trở thành “người phục vụ”, nghĩa là tôi tớ của mọi người⁵⁷. Ngoài các nhiệm vụ khác, phần việc của các phó tế là phụ giúp Giám mục và các linh mục trong việc cử hành các mầu nhiệm thần linh, nhất là mầu nhiệm Thánh Thể, trao Mình Thánh Chúa, chứng kiến và chúc lành cho bí tích Hôn Phối, công bố và giảng Tin Mừng, chủ sự lễ nghi an táng và dấn thân vào các việc phục vụ bác ái⁵⁸.

1571. Sau Công đồng Vaticanô II, Giáo Hội La tinh tái lập chức phó tế “xét như một bậc riêng và vĩnh viễn của phẩm trật”⁵⁹, trong khi các Giáo Hội Đông phương vẫn duy trì chức vụ này từ xưa. Chức *phó tế vĩnh viễn* 1579 này, có thể được ban cho những người nam đã lập gia đình, làm phong phú cho Hội Thánh trong vấn đề sứ vụ. Quả vậy, thật là thích hợp và hữu ích, khi có những người chu toàn thừa tác vụ phó tế trong Hội Thánh cả trong đời sống phụng vụ và mục vụ cả trong các công tác xã hội và bác ái, “nhờ việc đặt tay đã được các Tông Đồ truyền lại, họ được nên vững mạnh và được kết hợp mật thiết hơn với bàn thánh, để chu toàn thừa tác vụ của mình một cách hữu hiệu hơn nhờ ân sủng bí tích của chức phó tế”⁶⁰.

IV. VIỆC CỬ HÀNH BÍ TÍCH TRUYỀN CHỨC THÁNH

HUIUS SACRAMENTI CELEBRATIO

1572. Việc cử hành truyền chức cho Giám mục, linh mục hay phó tế, vì tầm quan trọng của việc đó đối với đời sống Giáo Hội địa phương, nên có các tín hữu tham dự đông đảo bao nhiêu có thể. Tốt nhất là cử hành vào ngày Chúa Nhật và tại nhà thờ Chánh Toà với sự long trọng tùy theo hoàn cảnh. Cả ba lễ truyền chức, Giám mục, linh mục và phó tế, đều theo cùng một diễn tiến. Việc truyền chức được cử hành trong Thánh lễ.

1573. *Nghi thức chính yếu* của bí tích Truyền Chức Thánh, cho cả ba bậc, gồm việc Giám mục đặt tay trên đầu vị thụ phong, cùng với lời nguyện thánh hiến, khẩn cầu Thiên Chúa tuôn đổ Chúa Thánh 699

⁵⁶ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 41: AAS 57 (1965) 46; Id., Sắc lệnh *Ad gentes*, 16: AAS 58 (1966) 967.

⁵⁷ X. Mc 10,45; Lc 22,27; Thánh Pôlycarpô, *Epistula ad Philippenses*, 5, 2: SC 10bis 182 (Funk 1, 300).

⁵⁸ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 29: AAS 57 (1965) 36; Id., Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 35, 4: AAS 56 (1964) 109; Id., Sắc lệnh *Ad gentes*, 16: AAS 58 (1966) 967.

⁵⁹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 29: AAS 57 (1965) 36.

⁶⁰ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Ad gentes*, 16: AAS 58 (1966) 967.

1585 Thần và những hồng ân của Ngài, phù hợp với thừa tác vụ mà ứng viên được truyền chức⁶¹.

1294 **1574.** Cũng như trong các bí tích khác, nghi thức truyền chức có kèm theo một số nghi thức phụ. Tuy rất khác biệt trong những truyền thống phụng vụ khác nhau, nhưng cách chung, các nghi thức phụ này đều diễn tả nhiều khía cạnh của ân sủng bí tích. Trong nghi lễ La tinh, có những nghi thức khởi đầu gồm: việc giới thiệu và tuyển chọn tiến chức, huấn dụ của Giám mục, khảo hạch tiến chức, kinh cầu các Thánh; những nghi thức này xác nhận ứng viên được tuyển chọn đúng theo cách làm của Hội Thánh, và chuẩn bị cho hành vi long trọng là việc thánh hiến. Sau nghi thức truyền chức, còn có những nghi thức kèm theo để diễn tả và thực hiện cách biểu tượng mẫu nhiệm vừa cử hành: đối với tân Giám mục và 796 tân linh mục có việc xúc dầu thánh, là dấu chỉ của việc xúc dầu bằng Chúa Thánh Thần cách đặc biệt làm cho thừa tác vụ của các ngài được sinh hoa kết quả; việc trao cho tân Giám mục sách Tin Mừng, nhẫn, mũ và gậy như dấu chỉ cho sứ vụ tông đồ của ngài là rao giảng Lời Chúa, sự trung thành của ngài đối với Hội Thánh là Hiền Thê của Đức Kitô, và nhiệm vụ của ngài là mục tử của đoàn chiên của Chúa; việc trao cho tân linh mục đĩa và chén thánh, là dấu chỉ của lễ vật của dân thánh⁶² mà tân linh mục được kêu gọi để dâng lên Thiên Chúa; việc trao sách Tin Mừng cho tân phó tế là người đã lãnh nhận sứ vụ rao giảng Tin Mừng của Đức Kitô.

V. AI CÓ THỂ BAN BÍ TÍCH NÀY?

QUIS POTEST HOC SACRAMENTUM CONFERRE?

857 **1575.** Đức Kitô đã tuyển chọn các Tông Đồ và cho họ tham dự vào sứ vụ và quyền bính của Người. Khi lên ngự bên hữu Chúa Cha, Người không bỏ rơi đoàn chiên của Người, nhưng nhờ các Tông Đồ, Người gìn giữ đoàn chiên dưới sự bảo vệ không ngừng của Người, và vẫn đang hướng dẫn đoàn chiên đó nhờ các mục tử, những người ngày nay đang tiếp nối công trình của Người⁶³. Vì vậy, Đức Kitô “ban cho” người này làm Tông Đồ, người khác làm mục tử⁶⁴. Chính Người tiếp tục hành động qua các Giám mục⁶⁵.

⁶¹ X. ĐGH Piô XII, Tông hiến *Sacramentum ordinis*: DS 3858.

⁶² X. *Pontificale Romanum. De Ordinatione Episcopi, presbyterorum et diaconorum, De Ordinatione presbyterorum. Traditio panis et vini*, 163, editio typica altera (Typis Polyglottis Vaticanis 1990) 95.

⁶³ X. Kinh tiền tụng lễ các Tông Đồ I: *Sách Lễ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 426.

⁶⁴ X. Ep 4,11.

⁶⁵ X. CD Vaticanô II, Hiến chế ứn lý *Lumen gentium*, 21: AAS 57 (1965) 24.

1576. Bởi vì bí tích Truyền Chức Thánh là bí tích của thừa tác vụ Tông Đồ, nên việc truyền thông “hồng ân thiêng liêng”⁶⁶ và “hạt giống Tông Đồ”⁶⁷ thuộc về các Giám mục, với tư cách là những vị kế nhiệm các Tông Đồ. Các Giám mục đã được truyền chức cách thành sự, nghĩa là những vị ở trong chuỗi kế nhiệm Tông Đồ, trao ban cách thành sự cả ba cấp bậc của bí tích Truyền Chức Thánh⁶⁸. 1536

VI. AI CÓ THỂ LÃNH NHẬN BÍ TÍCH NÀY?

QUIS POTEST HOC RECIPERE SACRAMENTUM?

1577. “Chỉ người nam (*vir*) đã được Rửa Tội mới lãnh nhận bí tích Truyền Chức Thánh cách thành sự”⁶⁹. Chúa Giêsu đã tuyển chọn những người nam (*virii*) để thành lập nhóm Mười Hai Tông Đồ⁷⁰, và các Tông Đồ cũng làm như vậy khi tuyển chọn các cộng sự viên⁷¹, những người kế nhiệm các ngài trong nhiệm vụ của các ngài⁷². Giám mục đoàn, cùng với các linh mục được liên kết với các ngài trong chức tư tế, làm cho Nhóm Mười Hai hiện diện và tác động trong hiện tại, cho tới khi Chúa lại đến. Hội Thánh biết mình bị ràng buộc với sự chọn lựa này của Chúa. Do đó, không thể có việc truyền chức cho các người nữ⁷³. 551 861 862

1578. Không ai có quyền đòi hỏi để lãnh nhận bí tích Truyền Chức Thánh. Thật vậy, không ai được tự nhận lấy cho mình nhiệm vụ này. Phải được Thiên Chúa kêu gọi lãnh nhiệm vụ đó⁷⁴. Ai nghĩ mình nhận ra những dấu chỉ ơn gọi của Thiên Chúa để lãnh nhận thừa tác vụ thánh, phải khiêm tốn trình bày nguyện vọng của mình lên thẩm quyền của Hội Thánh. Hội Thánh có trách nhiệm và có quyền gọi một người nào đó lãnh nhận các chức thánh. Cũng như mọi ân sủng, bí tích này *chỉ được lãnh nhận* với tính cách là một hồng ân nhưng không. 2121

⁶⁶ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 21: AAS 57 (1965) 24.

⁶⁷ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 20: AAS 57 (1965) 23.

⁶⁸ X. ĐGH Innôcentê III, *Professio fidei Waldensibus praescripta*: DS 794; CĐ Latêranô IV, Cap. 1, *De fide catholica*: DS 802; Bộ Giáo Luật, điều 1012; Bộ Giáo Luật Đông phương, các điều 744, 747.

⁶⁹ Bộ Giáo Luật, điều 1024.

⁷⁰ X. Mc 3,14-19; Lc 6,12-16.

⁷¹ X. 1 Tm 3,1-13; 2 Tm 1,6; Tt 1,5-9.

⁷² X. Thánh Clêmentê Rôma, *Epistula ad Corinthios*, 42,4: SC 167, 168-170 (Funk 1, 152); *Ibid.*, 44,3: SC 167, 172 (Funk 1, 156).

⁷³ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Tông thư *Mulieris dignitatem*, 26-27: AAS 80 (1988) 1715-1720; Id., Tông thư *Ordinatio sacerdotalis*: AAS 86 (1994) 545-548; Thánh bộ Giáo lý Đức tin, Tuyên ngôn *Inter insigniores*: AAS 69 (1977) 98-116; Id., *Responsum ad dubium circa doctrinam in Epist. Ap. "Ordinatio Sacerdotalis" traditam*: AAS 87 (1995) 1114.

⁷⁴ X. Dt 5,4.

1618 **1579.** Tất cả các thừa tác viên được truyền chức của Giáo hội La tinh, trừ các phó tế vĩnh viễn, thường được tuyển chọn từ những nam tín hữu, những người đang sống độc thân và muốn giữ mình *độc thân* “vì Nước Trời” (Mt 19,12). Được kêu gọi tận hiến cho Chúa một cách không chia sẻ, để lo các việc của Ngài⁷⁵, họ dấn thân trọn vẹn cho Thiên Chúa và cho con người. Sự độc thân là dấu chỉ của đời sống mới mà thừa tác viên của Hội Thánh được thánh hiến để phục vụ. Được chấp nhận với tâm hồn vui tươi, sự độc thân loan báo Nước Thiên Chúa một cách rạng rỡ⁷⁶.

2233 **1580.** Trong các Giáo Hội Đông phương, đã từ nhiều thế kỷ, có một tập tục khác: các Giám mục chỉ được tuyển chọn trong số những người độc thân, còn những người đã lập gia đình có thể được truyền chức linh mục và phó tế. Thực hành này, đã từ lâu, vẫn được coi là hợp pháp; các linh mục này thực thi thừa tác vụ hữu hiệu trong các cộng đoàn của họ⁷⁷. Tuy nhiên, sự độc thân của các linh mục rất được trân trọng trong các Giáo Hội Đông phương và nhiều linh mục đã tự nguyện sống độc thân vì Nước Thiên Chúa. Ở Đông phương cũng như Tây phương, ai đã lãnh nhận bí tích Truyền Chức Thánh, không còn được phép kết hôn.

VII. NHỮNG HIỆU QUẢ CỦA BÍ TÍCH TRUYỀN CHỨC THÁNH

EFFECTUS SACRAMENTI ORDINIS

Ấn tín không thể tẩy xóa

1548 **1581.** Bí tích này làm cho người thụ phong nên đồng hình đồng dạng với Đức Kitô nhờ ân sủng đặc biệt của Chúa Thánh Thần, để họ trở thành dụng cụ của Đức Kitô hầu phục vụ Hội Thánh Người. Nhờ việc truyền chức, họ nhận được khả năng hành động với tư cách là người đại diện của Đức Kitô, Đấng là Đầu Hội Thánh, trong ba nhiệm vụ của Người là Tư tế, Tiên tri và Vương đế.

1121 **1582.** Cũng như trường hợp bí tích Rửa Tội và Thêm Sức, việc tham dự này vào nhiệm vụ của Đức Kitô được trao ban chỉ một lần cho mãi mãi. Chính bí tích Truyền Chức Thánh cũng in *một ấn tín thiêng liêng không thể tẩy xóa* nên không thể ban bí tích lại, cũng như không thể ban để thi hành trong một khoảng thời gian giới hạn⁷⁸.

⁷⁵ X. 1 Cr 7,32.

⁷⁶ X. CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Presbyterorum ordinis*, 16: AAS 58 (1966) 1015-1016.

⁷⁷ X. CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Presbyterorum ordinis*, 16: AAS 58 (1966) 1015.

⁷⁸ X. CD Tridentinô, Sess. 23a, *Doctrina de sacramento Ordinis*, c. 4: DS 1767; CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 21: AAS 57 (1965) 25; *Ibid.*, 28: AAS 57 (1965) 34; *Ibid.*, 29: AAS 57 (1965) 36; *Id.*, Sắc lệnh *Presbyterorum ordinis*, 2: AAS 58 (1966) 992.

1583. Người đã lãnh nhận chức thánh cách thành sự, vì những lý do nghiêm trọng, có thể được bãi miễn khỏi những bổn phận và nhiệm vụ gắn liền với việc truyền chức, hay có thể bị cấm thi hành các điều đó⁷⁹, nhưng không thể trở về bậc giáo dân theo nghĩa hẹp, bởi vì ấn tín được ghi do việc truyền chức vẫn còn mãi⁸⁰. Ôn gọi và sứ vụ đã lãnh nhận trong ngày người đó chịu chức thánh ghi dấu trên người đó một cách trường tồn.

1584. Bởi vì xét cho cùng, chính Đức Kitô là Đấng hành động và thực hiện ơn cứu độ qua thừa tác viên có chức thánh, nên sự bất xứng của vị này không ngăn cản được Đức Kitô hành động⁸¹. Thánh Augustinô đã nói cách mạnh mẽ:

“Quả thật, thừa tác viên nào kiêu căng, thì bị liệt vào hàng ma quỷ; nhưng họ không làm ô nhiễm được hồng ân của Đức Kitô, hồng ân đó chảy qua họ vẫn tinh tuyền, hồng ân đó đi qua họ vẫn trong suốt và đi tới đất đai phì nhiêu... Sức mạnh thiêng liêng của bí tích giống như ánh sáng: những ai cần được soi sáng sẽ nhận được ánh sáng tinh tuyền, và nếu ánh sáng có đi ngang qua những gì dơ bẩn, thì ánh sáng cũng không bị dơ bẩn”⁸².

Ân sủng của Chúa Thánh Thần

1585. Ân sủng của Chúa Thánh Thần do bí tích này trao ban là ơn được đồng hình đồng dạng với Đức Kitô là Tư Tế, là Thầy và là Mục Tử, mà người thụ phong được thiết đặt làm thừa tác viên của Người.

1586. Giám mục lãnh nhận trước tiên là ơn can đảm (“Thánh Thần Thủ Lãnh” hoặc Thánh Thần, Đấng thiết đặt các thủ lãnh: lời nguyện tấn phong Giám mục trong nghi lễ La tinh⁸³): ơn này giúp ngài hướng dẫn và bảo vệ Hội Thánh của ngài một cách can đảm hơn và khôn ngoan hơn, như một người cha và một mục tử, với một tình yêu vô vị lợi đối với tất cả mọi người và một tình yêu ưu tiên đối với những người nghèo khổ, bệnh tật, và thiếu thốn⁸⁴. Ôn này thúc đẩy ngài loan báo Tin Mừng cho mọi người, trở nên

⁷⁹ X. *Bộ Giáo Luật*, các điều 290-293. 1336,1, 3 và 5. 1338,2.

⁸⁰ X. CD Tridentinô, Sess. 23a, *Canones de sacramento Ordinis*, canon 4: DS 1774.

⁸¹ X. CD Tridentinô, Sess. 7a, *Canones de sacramentis in genere*, canon 12: DS 1612; CD Constantiensê, *Errores Iohannis Wyclif*, 4: DS 1154.

⁸² Thánh Augustinô, *In Iohannis evangelium tractatus*, 5, 15: CCL 36, 50 (PL 35, 1422).

⁸³ *Pontificale Romanum. De Ordinatione Episcopi, presbyterorum et diaconorum*, De Ordinatione Episcopi. Prex ordinationis, 47, editio typica altera (Typis Polyglottis Vaticanis 1990) 24.

⁸⁴ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Christus Dominus*, 13: AAS 58 (1966) 678-679; *Ibid.*, 16: AAS 58 (1966) 680-681.

mẫu mực cho đoàn chiên của mình, đi tiên phong trên đường thánh thiện khi kết hợp nên một với Đức Kitô, là Tư Tế và là Lễ Vật, trong bí tích Thánh Thể, và không sợ hiến mạng sống vì đoàn chiên của mình:

- 1558 “Lạy Cha, Đấng hằng thấu suốt các tâm hồn, xin ban ơn cho tôi tớ Cha đây, mà Cha đã chọn vào hàng Giám mục, để ngài hướng dẫn đoàn chiên thánh của Cha, và trình lên Cha chức tư tế cao cả một cách không có gì đáng trách, ngày đêm phục vụ Cha, không ngừng làm nguôi lòng Cha, và hiến dâng những lễ vật của Hội Thánh Cha; nhờ chức tư tế cao cả, xin cho ngài có quyền tha thứ tội lỗi theo lệnh truyền của Cha, phân phối các chức vụ theo mệnh lệnh Cha và tháo cởi mọi ràng buộc theo quyền Cha ban cho các Tông Đồ; xin ban cho ngài làm thoả lòng Cha bằng sự dịu dàng và tấm lòng trong sạch, dâng lên Cha hương thơm dịu ngọt, nhờ Chúa Giêsu Kitô, Con Cha...”⁸⁵.
- 1564 **1587.** Hồng ân thiêng liêng, được trao ban qua việc truyền chức linh mục, được diễn tả bằng kinh nguyện sau đây của nghi lễ Byzantin. Khi đặt tay, vị Giám mục cầu nguyện:
- “Lạy Chúa, xin ban tràn đầy hồng ân của Thánh Thần Chúa cho người được Chúa thương nâng lên hàng linh mục, để họ xứng đáng đứng trước bàn thờ Chúa một cách không có gì đáng trách, để họ loan báo Tin Mừng của Nước Chúa, công bố Lời chân lý của Chúa, dâng lên Chúa lễ vật và tế phẩm thiêng liêng, và canh tân dân Chúa nhờ sự tẩy rửa tái sinh; để khi gặp Chúa Giêsu Kitô Con Một Chúa, là Thiên Chúa cao cả và là Đấng cứu độ chúng con khi Người ngự đến lần thứ hai, họ được lãnh nhận phần thưởng vì đã chu toàn các công việc do thánh chức của mình, nhờ lòng nhân hậu vô cùng của Chúa”⁸⁶.
- 1569 **1588.** Các phó tế “được mạnh sức bởi ân sủng bí tích, phục vụ dân Thiên Chúa trong các việc phục vụ phụng vụ, lời Chúa và bác ái, trong sự hiệp thông với Giám mục và hàng linh mục của ngài”⁸⁷.

1589. Trước sự cao cả của ân sủng và của nhiệm vụ tư tế, các Thánh Tiến sĩ đã cảm nghiệm tiếng gọi khẩn thiết phải hối cải để, trọn cả đời mình, đáp trả lại Đấng dùng bí tích thiết đặt các ngài làm thừa tác viên. Thánh Grêgôriô Nazianzêno, khi còn là một linh mục trẻ, đã phát biểu như sau:

“Trước tiên phải thanh luyện mình rồi mới thanh luyện kẻ khác; phải học sự khôn ngoan, rồi mới dạy dỗ sự khôn ngoan cho

⁸⁵ Thánh Hippôlytô Rôma, *Traditio apostolica*, 3: ed. B. Botte (Münster i.W. 1989) 8-10.

⁸⁶ *Liturgia Byzantina. 2 oratio chirotoniae presbyteralis: Eukologion to mega* (Roma 1873) 136.

⁸⁷ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 29: AAS 57 (1965) 36.

người khác; phải trở nên ánh sáng, rồi mới chiếu soi người khác; phải đến gần Chúa rồi mới dẫn người khác đến gần Ngài; phải được thánh hoá, rồi mới thánh hoá (người khác); cầm tay dẫn dắt và khuyên bảo cách khôn ngoan⁸⁸. Tôi biết, chúng ta là thừa tác viên của Đấng nào, chúng ta ở đâu, và chúng ta hướng về đâu. Tôi biết, Thiên Chúa cao cả như thế nào, sự yếu đuối của con người như thế nào và nó lại được ban quyền năng ra sao⁸⁹. [Vậy linh mục là ai ? Là] người bảo vệ chân lý, người sẽ đứng với các Thiên thần, sẽ tôn vinh với các Tổng lãnh Thiên thần, sẽ mang hy lễ lên bàn thờ thiên quốc, sẽ chia sẻ chức tư tế với Đức Kitô, sẽ tái tạo vạn vật, sẽ phục hồi hình ảnh Thiên Chúa nơi thụ tạo, sẽ là công nhân cho thế giới thiên quốc; và, cho tôi nói điều cao cả hơn nữa, linh mục sẽ là *một vị thần và làm cho những người khác nên những vị thần*⁹⁰.

460

Cha sở thánh xứ Ars nói: “Linh mục tiếp nối công trình cứu chuộc ở trần gian này”... “Nếu ai hiểu rõ linh mục trên trần gian này, người ấy sẽ chết không phải vì sợ hãi, mà vì yêu mến”... “Chức linh mục là tình yêu của trái tim Chúa Giêsu”⁹¹.

TÓM LƯỢC

1590. *Thánh Phaolô nói với môn đệ Timôthêô của mình: “Tôi nhắc anh phải khơi dậy đặc sủng của Thiên Chúa, đặc sủng anh đã nhận được khi tôi đặt tay trên anh” (2 Tm 1,6) và “Ai mong được làm giám quản, người ấy ước muốn một nhiệm vụ cao đẹp” (1 Tm 3,1). Ngài nói với ông Titô: “Tôi đã để anh ở lại đảo Kêta, chính là để anh hoàn thành công việc tổ chức, và đặt những kỳ mục trong mỗi thành như tôi đã truyền cho anh” (Tt 1,5).*

1591. *Toàn thể Hội Thánh là một dân tư tế. Nhờ bí tích Rửa Tội, mọi tín hữu tham dự vào chức tư tế của Đức Kitô. Sự tham dự này được gọi là “chức tư tế cộng đồng của các tín hữu”. Trên nền tảng của chức tư tế này và để phục vụ cho chức tư tế này, còn có sự tham dự khác vào sứ vụ của Đức Kitô, đó là chức tư tế thừa tác được trao ban qua bí tích Truyền Chức Thánh; nhiệm vụ của chức tư tế này là phục vụ cộng đoàn, nhân danh và trong cương vị của Đức Kitô là Đầu.*

⁸⁸ Thánh Grêgôriô Nazianzêno, *Oratio 2*, 71: SC 247, 184 (PG 35, 480).

⁸⁹ Thánh Grêgôriô Nazianzêno, *Oratio 2*, 74: SC 247, 186 (PG 35, 481).

⁹⁰ Thánh Grêgôriô Nazianzêno, *Oratio 2*, 73: SC 247, 186 (PG 35, 481).

⁹¹ B. Nodet, *Le Curé d’Ars, Sa pensée – son coeur* (Le Puy 1966) 98.

1592. *Tự bản chất, chức tư tế thừa tác khác với chức tư tế cộng đồng, vì ban một quyền thánh chức để phục vụ các tín hữu. Các thừa tác viên có chức thánh thực thi sự phục vụ của mình đối với dân Thiên Chúa qua việc giảng dạy (munus docendi), cử hành phụng vụ (munus liturgicum) và hướng dẫn mục vụ (munus regendi).*

1593. *Từ ban đầu, thừa tác vụ có chức thánh được trao ban và thể hiện theo ba cấp bậc: Giám mục, linh mục và phó tế. Các thừa tác vụ được trao ban qua bí tích Truyền Chức Thánh là không thể thay thế trong cấu trúc hữu cơ của Hội Thánh: không thể nói về Hội Thánh nếu không có Giám mục, linh mục và phó tế⁹².*

1594. *Giám mục lãnh nhận cách viên mãn bí tích Truyền Chức Thánh: bí tích này đưa ngài vào Giám mục đoàn và trở thành thủ lãnh hữu hình của Giáo Hội địa phương được uỷ thác cho ngài. Với tư cách là người kế nhiệm các Tông Đồ và là thành viên của Giám mục đoàn, các Giám mục tham dự vào trách nhiệm tông đồ và sứ vụ của toàn thể Hội Thánh dưới quyền Đức Giáo Hoàng, Đáng kể nhiệm thánh Phêrô.*

1595. *Các linh mục liên kết với các Giám mục trong phẩm chức tư tế và tùy thuộc các ngài trong công tác mục vụ. Các linh mục được mời gọi để trở thành cộng sự viên khôn ngoan của các Giám mục, họp thành linh mục đoàn (presbyterium) quanh Giám mục của mình, cùng chia sẻ trách nhiệm với ngài về Giáo Hội địa phương. Các linh mục được Giám mục trao trách nhiệm chăm sóc một cộng đồng giáo xứ, hay chỉ định một công việc phục vụ Hội Thánh.*

1596. *Các phó tế là những thừa tác viên được phong chức để đảm nhận những trách nhiệm phục vụ Hội Thánh. Các phó tế không lãnh nhận chức tư tế thừa tác, nhưng việc phong chức trao cho họ những nhiệm vụ quan trọng trong thừa tác vụ rao giảng Lời Chúa, lo việc phụng tự, chăm sóc cộng đoàn và thực thi bác ái. Đó là những nhiệm vụ các vị ấy phải chu toàn dưới quyền mục vụ của Giám mục.*

1597. *Bí tích Truyền Chức Thánh được trao ban qua việc đặt tay của Giám mục tiếp theo là lời nguyện thánh hiến (truyền chức) trọng thể, cầu xin Chúa ban cho tiến chức những ân sủng của Chúa Thánh Thần, cần thiết cho thừa tác vụ. Bí tích Truyền Chức Thánh ghi dấu ấn tín không thể tẩy xóa.*

1598. *Hội Thánh chỉ truyền chức cho người nam đã được Rửa Tội, sau khi kiểm tra chắc chắn họ có khả năng thi hành chức vụ được*

⁹² X. Thánh Ignatiô Antiôchia, *Epistula ad Trallianos*, 3, 1: SC 10bis, 96 (Funk 1, 244).

giao. Chỉ có thẩm quyền của Hội Thánh có trách nhiệm và có quyền gọi một người nào đó lãnh nhận chức thánh.

1599. Trong Giáo Hội La tinh, thường chỉ truyền chức linh mục cho các ứng viên tự nguyện sống độc thân và công khai biểu lộ ý muốn này vì yêu mến Nước Thiên Chúa và phục vụ tha nhân.

1600. Quyền trao ban ba cấp bậc của bí tích Truyền Chức Thánh thuộc về các Giám mục.

Mục 7

Bí Tích Hôn Phối

Articulus 7

Sacramentum Matrimonii

1601. “Do giao ước hôn nhân, một người nam và một người nữ tạo thành một sự hiệp thông trọn cả cuộc sống; tự bản chất, giao ước ấy hướng về lợi ích của đôi bạn, cũng như đến việc sinh sản và giáo dục con cái; Chúa Kitô đã nâng giao ước hôn nhân giữa hai người đã được Rửa Tội lên hàng bí tích”⁹³.

I. HÔN NHÂN TRONG KẾ HOẠCH CỦA THIÊN CHÚA MATRIMONIUM IN CONSILIO DEI

1602. Kinh Thánh mở đầu bằng việc tạo dựng người nam và người nữ theo hình ảnh và giống như Thiên Chúa⁹⁴ và kết thúc bằng viễn ảnh về “tiệc cưới Con Chiên” (Kh 19,9)⁹⁵. Từ đầu đến cuối, Kinh Thánh nói về hôn nhân và mầu nhiệm hôn nhân, về việc thiết lập và ý nghĩa mà Thiên Chúa đã ban cho hôn nhân, về nguồn gốc và mục đích của hôn nhân, về những việc thực hiện khác nhau của hôn nhân qua dòng lịch sử cứu độ, về những khó khăn của hôn nhân phát sinh do tội lỗi, và việc canh tân hôn nhân “trong Chúa” (1 Cr 7,39), trong Giao Ước Mới của Đức Kitô và của Hội Thánh⁹⁶.

369
796

⁹³ Bộ Giáo Luật, điều 1055,1.

⁹⁴ X. St 1,26-27.

⁹⁵ X. Kh 19,7.

⁹⁶ X. Ep 5,31-32.

Hôn nhân trong trật tự của công trình tạo dựng

371 **1603.** “Cộng đồng thân mật của đời sống và tình yêu hôn nhân, đã
 được Đấng Tạo Hoá thiết lập và quy định những luật lệ cho nó.
 Chính Thiên Chúa là tác giả của hôn nhân”⁹⁷. Ông gọi hôn nhân đã
 2331 được khắc ghi trong chính bản tính của người nam và người nữ,
 như chính họ phát xuất từ bàn tay Đấng Tạo Hoá. Hôn nhân
 không phải chỉ là một định chế của phạm nhân, mặc dù đã có
 không ít những biến đổi mà hôn nhân đã trải qua suốt các thế kỷ,
 trong các nền văn hoá, cơ cấu xã hội và thái độ tinh thần khác
 nhau. Những sự khác biệt này không được làm quên đi những nét
 chung và trường tồn. Dù phẩm giá của định chế này không phải ở
 đâu cũng sáng tỏ như nhau⁹⁸, nhưng trong tất cả các nền văn hoá,
 vẫn có một ý thức nào đó về sự cao cả của việc kết hợp trong hôn
 2210 nhân. “Ông cứu độ của cá nhân và của xã hội nhân loại và xã hội
 Kitô giáo, liên kết chặt chẽ với tình trạng lành mạnh của cộng
 đồng hôn nhân và gia đình”⁹⁹.

355 **1604.** Thiên Chúa, Đấng đã tạo dựng con người vì tình yêu, cũng
 đã kêu gọi họ đến tình yêu, đó là ơn gọi nền tảng và bẩm sinh của
 mọi nhân vị. Thật vậy, con người được tạo dựng theo hình ảnh và
 giống như Thiên Chúa¹⁰⁰, Đấng chính “là Tình Yêu” (1 Ga 4,8.16).
 Vì Thiên Chúa đã dựng họ có nam có nữ, nên tình yêu hỗ tương
 của họ là một hình ảnh của tình yêu tuyệt đối và bất diệt Thiên
 Chúa dành để yêu con người. Dưới mắt Đấng Tạo Hóa, tình yêu
 này là tốt, là rất tốt¹⁰¹. Và tình yêu này, được Thiên Chúa chúc
 phúc, nhắm đến việc sinh sôi nảy nở và trong công trình
 chung, nhắm đến việc bảo tồn công trình tạo dựng: “Thiên Chúa
 ban phúc lành cho họ, và Thiên Chúa phán với họ: ‘Hãy sinh sôi
 nảy nở thật nhiều, cho đầy mặt đất, và thống trị mặt đất’”
 (St 1,28).

372 **1605.** Kinh Thánh đã khẳng định rằng, người nam và người nữ
 được tạo dựng cho nhau: “Con người ở một mình thì không tốt”
 (St 2,18). Người nữ là “thịt bởi thịt” của người nam¹⁰², nghĩa là
 bình đẳng với người nam, rất gần gũi với người nam, mà Thiên
 Chúa đã ban cho người nam với tư cách là một “trợ tá”¹⁰³, như vậy

⁹⁷ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 48: AAS 58 (1966) 1067.

⁹⁸ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 47: AAS 58 (1966) 1067.

⁹⁹ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 47: AAS 58 (1966) 1067.

¹⁰⁰ X. St 1,27.

¹⁰¹ X. St 1,31.

¹⁰² X. St 2,23.

¹⁰³ X. St 2,18.

là người thay mặt Thiên Chúa để trợ giúp chúng ta¹⁰⁴. “Bởi thế, người đàn ông lìa cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và cả hai thành một xương một thịt” (St 2,24). Chính Chúa cho thấy câu này nói lên sự hợp nhất cuộc đời hai người cách bất diệt, khi Người nhắc lại ý định “lúc khởi đầu” của Đấng Tạo Hoá¹⁰⁵: “Như vậy, họ không còn là hai, nhưng chỉ là một xương một thịt” (Mt 19,6). 1614

Hôn nhân dưới sự kiểm soát của tội lỗi

1606. Mọi người đều có kinh nghiệm về sự dữ chung quanh mình và nơi chính mình. Kinh nghiệm này cũng được cảm nghiệm trong các mối tương quan giữa người nam và người nữ. Sự hợp nhất của họ lúc nào cũng bị đe dọa bởi sự bất hoà, óc thống trị, sự bất trung, lòng ghen tương và sự xung đột, những điều đó có thể đưa đến hận thù và đoạn tuyệt. Sự xáo trộn này có thể được biểu lộ một cách nhiều hay ít gay gắt, và có thể được khắc phục nhiều hay ít tùy theo các nền văn hoá, các thời đại và các cá nhân, nhưng hình như sự xáo trộn đó có tính phổ quát.

1607. Theo đức tin, sự xáo trộn này, mà chúng ta cảm nghiệm một cách đau lòng, không xuất phát từ bản tính của người nam và người nữ, cũng không do *bản chất* của các mối tương quan giữa họ, nhưng do *tội lỗi*. Nguyên tội, một sự chia lìa khỏi Thiên Chúa, đưa đến hậu quả đầu tiên là chia lìa sự hiệp thông nguyên thủy giữa người nam và người nữ. Tương quan của họ bị xáo trộn do việc đổ lỗi cho nhau¹⁰⁶; sự hấp dẫn lẫn nhau, là hồng ân riêng của Đấng Tạo Hoá¹⁰⁷, bị đổi thành những tương quan thống trị và ham muốn¹⁰⁸; ơn gọi đẹp đẽ của người nam và người nữ là sinh sôi nảy nở để tăng số và thống trị mặt đất¹⁰⁹ đã trở nên nặng nề vì những hình phạt [là đau đớn] khi sinh con và [cực nhọc] khi lao động làm ra cơm bánh¹¹⁰. 400

1608. Dù vậy, trật tự của công trình tạo dựng vẫn tồn tại, tuy bị xáo trộn nặng nề. Để chữa lành những vết thương do tội lỗi, người nam và người nữ cần đến sự trợ giúp của ân sủng mà Thiên Chúa, vì lòng thương xót vô biên của Ngài, không bao giờ từ chối ban cho họ¹¹¹. Không có sự trợ giúp này, người nam và người nữ không thể 55

¹⁰⁴ X. Tv 121,2.

¹⁰⁵ X. Mt 19,4.

¹⁰⁶ X. St 3,12.

¹⁰⁷ X. St 2,22.

¹⁰⁸ X. St 3,16.

¹⁰⁹ X. St 1,28.

¹¹⁰ X. St 3,16-19.

¹¹¹ St 3,21.

thực hiện được sự kết hợp cả cuộc đời của họ, điều mà “lúc khởi đầu” Thiên Chúa đã nhắm đến khi Ngài tạo dựng nên họ.

Hôn nhân dưới giáo huấn của Lê Luật

- 410 **1609.** Vì lòng thương xót của Ngài, Thiên Chúa không bỏ rơi con người tội lỗi. Những hình phạt theo sau tội lỗi, như đau đớn khi sinh con¹¹², lao động “đổ mồ hôi trán” (St 3,19) cũng là những phương thuốc ngăn bớt những tác hại của tội. Sau khi con người sa ngã, hôn nhân giúp vượt thắng tình trạng co cụm vào bản thân, “chủ nghĩa ích kỷ”, chỉ yêu mình, tìm khoái lạc riêng, và giúp con người mở ra cho tha nhân, trợ giúp lẫn nhau, và ban tặng chính mình.
- 1963, 2387 **1610.** Ý thức luân lý về sự duy nhất và sự bất khả phân ly của hôn nhân được phát triển dần dưới giáo huấn của Luật cũ. Tục đa thê của các tổ phụ và các vua chưa bị đẩy lui cách rõ ràng. Nhưng Luật được ban cho ông Môisen đã nhắm đến việc bảo vệ người nữ chống lại sự độc đoán thống trị của người nam, mặc dù luật này cũng kèm theo, như lời Chúa nói, những dấu vết của “sự cứng lòng” của người nam, do đó ông Môisen đã cho phép rẫy vợ¹¹³.
- 219, 2380 **1611.** Nhìn giao ước của Thiên Chúa với dân Israel dưới hình ảnh của một tình yêu hôn nhân duy nhất và chung thủy¹¹⁴, các Tiên tri đã chuẩn bị ý thức của Dân Chúa chọn để họ hiểu biết sâu xa hơn về tính duy nhất và tính bất khả phân ly của hôn nhân¹¹⁵. Các sách Rút và Tôbia đã nêu lên những chứng từ cảm động về ý nghĩa cao quý của hôn nhân, của lòng chung thủy và sự âu yếm phụ phụ. Truyền thống luôn nhận thấy trong sách Diễm Ca sự diễn tả độc đáo về tình yêu của con người, như là tiếng vọng của tình yêu Thiên Chúa, một tình yêu “mãnh liệt như tử thần” và “nước lũ không dập tắt nổi” (Dc 8,6-7).
- 2361

Hôn nhân trong Chúa

- 521 **1612.** Giao ước hôn nhân giữa Thiên Chúa và dân Israel của Ngài đã chuẩn bị cho Giao ước mới và vĩnh cửu. Trong giao ước mới này, Con Thiên Chúa, Đấng nhập thể và hiến dâng mạng sống, một cách nào đó đã liên kết Người với toàn thể nhân loại được Người cứu độ¹¹⁶, như vậy Người chuẩn bị cho “tiệc cưới của Con Chiên”¹¹⁷.

¹¹² X. St 3,16.

¹¹³ X. Mt 19,8; Đnl 24,1.

¹¹⁴ X. Os 1-3; Is 54; 62; Gr 2-3; 31, Ed 16; 23.

¹¹⁵ X. Ml 2,13-17.

¹¹⁶ X. CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 22: AAS 58 (1966) 1042.

¹¹⁷ X. Kh 19,7,9.

1613. Khởi đầu đời sống công khai, Chúa Giêsu đã thực hiện dấu lạ đầu tiên của Người¹¹⁸ – theo lời yêu cầu của Mẹ Người – trong một tiệc cưới. Hội Thánh coi việc Chúa Giêsu hiện diện trong tiệc cưới Cana có một tầm quan trọng đặc biệt. Hội Thánh coi đó là sự xác nhận tính thiện hảo của hôn nhân và là lời loan báo rằng hôn nhân từ đây về sau là dấu chỉ hữu hiệu về sự hiện diện của Đức Kitô.

1614. Trong khi Người rao giảng, Chúa Giêsu đã dạy một cách rõ ràng về ý nghĩa nguyên thủy của sự kết hợp giữa người nam và người nữ, đúng như Đấng Tạo Hoá đã muốn ngay từ lúc khởi đầu. Việc ông Môisen cho phép rẫy vợ là một nhượng bộ trước lòng chai dạ đá¹¹⁹. Sự kết hợp hôn nhân giữa người nam và người nữ là bất khả phân ly: chính Thiên Chúa đã thực hiện sự kết hợp đó: “Sự gì Thiên Chúa đã phối hợp, loài người không được phân ly” (Mt 19,6). 2336 2382

1615. Lời nhấn mạnh rõ ràng về tính bất khả phân ly của dây hôn nhân làm cho nhiều người ngỡ ngàng và coi đó là một đòi hỏi không thể thực hiện được¹²⁰. Tuy nhiên, Chúa Giêsu đã không đặt cho các đôi phối ngẫu một gánh không thể mang nổi và quá nặng nề¹²¹, nặng nề hơn luật Môisen. Khi đến để tái lập trật tự ban đầu của công trình tạo dựng, đã bị xáo trộn vì tội lỗi, chính Người ban sức mạnh và ân sủng để con người sống đời hôn nhân theo chiều kích mới của Nước Thiên Chúa. Khi bước theo Đức Kitô bằng cách từ bỏ mình và vác thập giá mình¹²², các đôi phối ngẫu có thể “hiểu được”¹²³ ý nghĩa nguyên thủy của hôn nhân và sống với ý nghĩa đó nhờ sự trợ giúp của Đức Kitô. Ân sủng này của hôn nhân Kitô giáo là hoa trái của Thập Giá Đức Kitô, nguồn mạch của toàn bộ đời sống Kitô hữu. 2364 1642

1616. Tông Đồ Phaolô làm sáng tỏ điều đó khi nói: “Người làm chồng hãy yêu thương vợ, như chính Đức Kitô yêu thương Hội Thánh và hiến mình vì Hội Thánh; như vậy, Người thánh hoá và thanh tẩy Hội Thánh” (Ep 5,25-26). Thánh nhân còn nói thêm: “Chính vì thế, người đàn ông sẽ lia cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và cả hai sẽ thành một xương một thịt. Mầu nhiệm này thật là cao cả. Tôi muốn nói về Đức Kitô và Hội Thánh” (Ep 5,31-32).

1617. Toàn bộ đời sống Kitô hữu mang dấu chỉ của tình yêu phu thê giữa Đức Kitô và Hội Thánh. Bí tích Rửa Tội, cửa dẫn vào dân 796

¹¹⁸ X. Ga 2,1-11.

¹¹⁹ X. Mt 19,8.

¹²⁰ X. Mt 19,10.

¹²¹ X. Mt 11,29-30.

¹²² X. Mc 8,34.

¹²³ X. Mt 19,11.

Thiên Chúa, đã là một mẫu nhiệm hôn ước; bí tích đó có thể nói được là như một thanh tẩy chuẩn bị hôn lễ¹²⁴ diễn ra trước bữa tiệc cưới, là bí tích Thánh Thể. Hôn nhân Kitô giáo, đến lượt mình, trở thành dấu chỉ hữu hiệu, trở thành bí tích của giao ước giữa Đức Kitô và Hội Thánh. Bởi vì nó nói lên và truyền thông ân sủng của giao ước đó, nên hôn nhân giữa hai người đã được Rửa Tội là một bí tích thật sự của Giao Ước Mới¹²⁵.

Trình khiết vì Nước [Trời]

- 2232 **1618.** Đức Kitô là trọng tâm của toàn bộ đời sống Kitô giáo. Dây liên kết với Người chiếm vị trí hàng đầu so với mọi dây liên kết khác về gia đình hay xã hội¹²⁶. Ngay thuở ban đầu của Hội Thánh, đã có những người nam và người nữ từ bỏ lợi ích lớn lao của hôn nhân để theo Con Chiên đi bất cứ nơi nào Người đi¹²⁷, để chuyên lo việc của Chúa, để tìm cách làm đẹp lòng Người¹²⁸, và để đi đón Tân Lang đang đến¹²⁹. Chính Đức Kitô đã mời gọi một số người đi theo Người trong cách sống này, cách sống mà Người luôn là mẫu mực:
- “Có những người không kết hôn vì từ khi lọt lòng mẹ, họ đã không có khả năng; có những người không thể kết hôn vì bị người ta hoạn; lại có những người tự ý không kết hôn vì Nước Trời. Ai hiểu được thì hiểu” (Mt 19,12).
- 922-924 **1619.** Trình khiết vì Nước Trời là sự triển khai ân sủng bí tích Rửa Tội, là dấu chỉ nổi bật cho sự ưu tiên tuyệt đối của mối liên kết với Đức Kitô và cho sự sốt sắng mong chờ Người lại đến, và cũng là một dấu chỉ nhắc nhở rằng hôn nhân là một thực tại của thế giới hiện tại đang qua đi¹³⁰.
- 1620.** Cả hai, bí tích Hôn nhân và đời sống trinh khiết vì Nước Thiên Chúa, đều phát xuất từ chính Chúa. Chính Ngài ban cho cả hai, ý nghĩa và ân sủng cần thiết để sống theo thánh ý Ngài¹³¹.
- 2349

¹²⁴ X. Ep 5,26-27.

¹²⁵ X. CD Tridentinô, Sess. 24a, *Doctrina de sacramento Matrimonii*: DS 1800; Bộ Giáo Luật, điều 1055,1.

¹²⁶ X. Lc 14,26; Mc 10,28-31.

¹²⁷ X. Kh 14,4.

¹²⁸ X. 1 Cr 7,32.

¹²⁹ X. Mt 25,6.

¹³⁰ X. Mc 12,25; 1 Cr 7,31.

¹³¹ X. Mt 19,3-12.

Việc đánh giá sự trinh khiết vì Nước Trời¹³² và ý nghĩa Kitô giáo của Hôn nhân là không thể tách rời nhau và hỗ trợ cho nhau:

“Ai hạ giá hôn nhân, thì người đó cũng hạ giá sự vinh quang của đức trinh khiết; ai ca ngợi hôn nhân, thì người đó càng khâm phục đức trinh khiết. Bởi vì điều gì còn phải so sánh với một điều xấu hơn mới thấy là tốt, thì đó chưa phải là hoàn toàn tốt; còn điều gì tốt hơn những cái mọi người cho là tốt, thì đó mới là điều tốt tuyệt hảo”¹³³.

II. CỬ HÀNH BÍ TÍCH HÔN PHỐI MATRIMONII CELEBRATIO

1621. Trong nghi lễ La tinh, bí tích Hôn Phối giữa hai tín hữu công giáo thường được cử hành trong thánh lễ, vì tất cả các bí tích đều liên kết với mẫu nhiệm Vượt Qua của Đức Kitô¹³⁴. Trong thánh lễ, việc tưởng niệm Giao Ước Mới được thực hiện, trong đó Đức Kitô đã kết hợp Người cách vĩnh viễn với Hiền Thê yêu dấu của Người là Hội Thánh, vì Hội Thánh đó mà Người đã nộp mình¹³⁵. Vì vậy, đôi phối ngẫu phải đóng ấn sự ưng thuận trao tặng chính mình cho nhau bằng lễ dâng cuộc đời họ, khi họ kết hợp sự ưng thuận đó với lễ dâng hiện tại của Đức Kitô vì Hội Thánh Người, được hiện thực trong Hy lễ Thánh Thể, và khi họ rước lễ, để nhờ hiệp thông với chính Mình và Máu Đức Kitô, họ làm nên “một thân thể” trong Đức Kitô¹³⁶. 1323

1622. “Nghi lễ hôn phối là một hành vi bí tích để thánh hóa, nên phải được cử hành một cách thành sự, xứng đáng và sinh hiệu quả”¹³⁷. Vì vậy, để dọn mình cử hành bí tích Hôn Phối, hai người phải lãnh nhận bí tích Giao Hoà. 1368 1422

1623. Theo truyền thống La tinh, chính đôi tân hôn, với tư cách là các thừa tác viên của ân sủng của Đức Kitô, tự trao ban bí tích Hôn Phối cho nhau, khi bày tỏ sự ưng thuận kết hôn trước mặt Hội Thánh. Trong truyền thống các Giáo Hội Đông phương, các tư tế, Giám mục hay linh mục, là những nhân chứng cho sự ưng thuận hỗ

¹³² X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 42: AAS 57 (1965) 48; Id., Sắc lệnh *Perfectae caritatis*, 12: AAS 58 (1966) 707; Id., Sắc lệnh *Optatum totius*, 10: AAS 58 (1966) 720-721.

¹³³ Thánh Gioan Kim Khẩu, *De virginitate*, 10,1: SC 125, 122 (PG 48, 540); x. ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Familiaris consortio*, 16: AAS 74 (1982) 98.

¹³⁴ X. CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 61: AAS 56 (1964) 116-117.

¹³⁵ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 6: AAS 57 (1965) 9.

¹³⁶ X. 1 Cr 10,17.

¹³⁷ ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Familiaris consortio*, 67: AAS 74 (1982) 162.

tương được trao đổi giữa các người phối ngẫu¹³⁸, nhưng lời chúc lành của các ngài cũng cần thiết để bí tích nên thành sự¹³⁹.

736 **1624.** Các nền phụng vụ khác nhau có nhiều lời nguyện chúc lành và lời nguyện khẩn cầu Chúa Thánh Thần, xin Thiên Chúa ban tràn đầy ân sủng và phúc lành của Ngài cho đôi tân hôn, đặc biệt cho người vợ. Trong lời nguyện khẩn cầu Chúa Thánh Thần của bí tích này, đôi tân hôn lãnh nhận Chúa Thánh Thần xét như sự
hiệp thông tình yêu giữa Đức Kitô và Hội Thánh¹⁴⁰. Chính Chúa Thánh Thần là dấu ấn hôn ước của họ, Ngài luôn luôn là nguồn mạch cho tình yêu dâng hiến của họ, và là sức mạnh giúp họ chung thủy với nhau.

III. SỰ ỨNG THUẬN KẾT HÔN CONSENSUS MATRIMONIALIS

1734 **1625.** Hôn ước được ký kết giữa người nam và người nữ, cả hai đã được rửa tội và tự do để kết hôn, và họ tự nguyện bày tỏ sự ưng thuận của mình. “Tự do” nghĩa là:

- không bị ép buộc;
- không bị ngăn trở theo luật tự nhiên hay giáo luật.

2201 **1626.** Hội Thánh coi việc trao đổi sự ưng thuận giữa hai người phối ngẫu như là yếu tố cần thiết “làm nên hôn nhân”¹⁴¹. Nếu thiếu sự ưng thuận, thì không có hôn nhân.

1627. Sự ưng thuận là một “hành vi nhân linh, qua đó hai người phối ngẫu trao thân cho nhau và đón nhận nhau”¹⁴²; “Anh nhận em làm vợ anh...”; “Em nhận anh làm chồng em...”¹⁴³. Sự ưng thuận này kết hợp hai người phối ngẫu với nhau, đạt đến sự hoàn hợp (consummationem) khi hai người “trở nên một xác thịt”¹⁴⁴.

1735 **1628.** Sự ưng thuận phải là một hành vi ý chí của mỗi người phối ngẫu, tự do không bị tác động vì bạo lực hay vì sợ hãi nghiêm trọng từ bên ngoài¹⁴⁵. Không có thể lực nhân loại nào có thể thay

¹³⁸ X. *Bộ Giáo Luật Đông phương*, điều 817.

¹³⁹ X. *Bộ Giáo Luật Đông phương*, điều 828.

¹⁴⁰ X. Ep 5,32.

¹⁴¹ *Bộ Giáo Luật*, điều 1057,1.

¹⁴² X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 48: AAS 58 (1966) 1067; *Bộ Giáo Luật*, điều 1057,2.

¹⁴³ *Nghi thức cử hành Hôn Nhân*, 62, Editio typica altera (Typis Polyglottis Vaticanis 1991) 17.

¹⁴⁴ X. St 2,24; Mc 10,8; Ep 5,31.

¹⁴⁵ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 1103.

thể sự ưng thuận đó¹⁴⁶. Nếu thiếu sự tự do này, thì hôn nhân không thành sự.

1629. Vì lý do này (hay vì những lý do khác làm cho hôn nhân trở nên vô hiệu và tiêu hôn)¹⁴⁷ Hội Thánh, sau khi xét duyệt các điều kiện qua toà án hôn phối có thẩm quyền, có thể tuyên bố “sự vô hiệu của hôn nhân”, nghĩa là hôn nhân đó đã không hề thành sự. Trong trường hợp này, hai người được tự do kết hôn, nhưng họ vẫn phải giữ những nghĩa vụ tự nhiên do sự kết hợp trước¹⁴⁸.

1630. Tư tế (hay phó tế), chứng kiến việc cử hành Hôn Phối, nhân danh Hội Thánh nhận lời ưng thuận của đôi tân hôn và ban cho họ lời chúc lành của Hội Thánh. Sự hiện diện của thừa tác viên Hội Thánh (và của cả những nhân chứng) diễn tả cách rõ ràng rằng, hôn nhân là một thực tại có chiều kích Hội Thánh.

1631. Vì lý do này, Hội Thánh thường đòi buộc các tín hữu của mình phải kết hôn theo *thể thức của Hội Thánh*¹⁴⁹. Có nhiều lý do để giải thích quy định này:

- Hôn nhân mang tính bí tích là một hành vi *phụng vụ*. Bởi vậy nên được cử hành trong phụng vụ công khai của Hội Thánh; 1069
- Hôn nhân đưa người ta vào một *bậc sống* trong Hội Thánh, mang lại những quyền lợi và nghĩa vụ trong Hội Thánh giữa đôi phối ngẫu và đối với con cái; 1537
- Bởi vì hôn nhân là một bậc sống trong Hội Thánh, nên cần thiết phải có sự chắc chắn về hôn nhân (vì vậy bắt buộc phải có các nhân chứng);
- Tính chất công khai của sự ưng thuận bảo vệ sự ưng thuận đó sau khi nó đã được thực hiện, và trợ giúp người ta chung thủy với lời ưng thuận đó. 2365

1632. Để sự ưng thuận của hai người phối ngẫu là một hành vi tự do và có trách nhiệm, và để cho hôn ước có được những nền tảng nhân bản và Kitô giáo một cách vững chắc và lâu bền, *việc chuẩn bị hôn nhân* là hết sức quan trọng:

- gương sáng và sự giáo dục do cha mẹ và gia đình luôn là con đường đặc biệt cho việc chuẩn bị này. 2206
- Nhiệm vụ của các mục tử và của cộng đoàn Kitô hữu, như là “của gia đình Thiên Chúa”, là cần thiết để trao ban những giá trị nhân bản

¹⁴⁶ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 1057,1.

¹⁴⁷ X. *Bộ Giáo Luật*, các điều 1083-1108.

¹⁴⁸ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 1071,1.3.

¹⁴⁹ X. CD Tridentinô, Sess. 24a, *Decretum “Tametsi”*: DS 1813-1816; *Bộ Giáo Luật*, điều 1108.

và Kitô giáo về hôn nhân và gia đình¹⁵⁰, nhất là trong thời đại chúng ta, nhiều bạn trẻ đã cảm nghiệm những cảnh gia đình tan vỡ, các gia đình này không còn mang lại đầy đủ được sự khai tâm như vậy:

“Những người trẻ phải được giáo dục cách thích hợp và đúng lúc, tốt nhất là trong khung cảnh gia đình mình, về phẩm giá, nhiệm vụ và công việc của tình yêu phu phụ, để sau khi đã được dạy dỗ bảo toàn đức khiết tịnh, lúc đến tuổi thích hợp, họ có thể từ thời kỳ đính hôn trong trắng bước vào đời sống hôn nhân”¹⁵¹.

2350

Hôn nhân hỗn hợp và khác đạo

1633. Trong nhiều miền, rất thường có những *hôn nhân hỗn hợp* (giữa người công giáo và người được rửa tội ngoài công giáo). Tình trạng này đòi hỏi phải có sự lưu tâm đặc biệt của những người phối ngẫu cũng như của các mục tử. Trường hợp *hôn nhân khác đạo* (giữa người công giáo và người không được rửa tội) lại càng phải cẩn thận quan tâm hơn nữa.

1634. Việc những người phối ngẫu thuộc những Giáo Hội Kitô khác nhau không tạo nên một ngăn trở không thể vượt qua đối với hôn nhân, khi hai người đóng góp cho nhau những gì mỗi người đã lãnh nhận nơi cộng đoàn của mình, và học hỏi lẫn nhau cách sống trung thành với Đức Kitô. Nhưng không được coi thường những khó khăn trong các cuộc hôn nhân hỗn hợp. Những khó khăn này xuất phát từ sự chia rẽ giữa các Kitô hữu, đến nay vẫn chưa được giải quyết. Đôi phối ngẫu có nguy cơ phải cảm nghiệm cách bi thảm sự chia rẽ của các Kitô hữu ngay trong gia đình của mình. Việc khác đạo càng có thể khiến cho các khó khăn nói trên trở nên trầm trọng hơn. Những khác biệt về đức tin, chính quan niệm về hôn nhân, và cả những nẻo trạng tôn giáo khác nhau, có thể tạo thành cội nguồn cho những căng thẳng trong hôn nhân, nhất là đối với vấn đề giáo dục con cái. Từ đó có thể đưa đến một nguy cơ là sự đứng đưng về tôn giáo.

817

1635. Theo luật hiện hành của Giáo Hội La tinh, hôn nhân hỗn hợp chỉ hợp pháp khi có *phép minh nhiên* của giáo quyền¹⁵². Còn trường hợp khác đạo, thì phải có *phép chuẩn minh nhiên* để miễn chuẩn khỏi ngăn trở, thì hôn nhân khác đạo mới thành sự¹⁵³. Muốn được phép hay được chuẩn, phải giả thiết rằng cả hai đương sự biết rõ và không loại trừ những mục đích và đặc tính chính yếu của hôn nhân; riêng bên công giáo cam kết thi hành những đòi buộc, là giữ đức tin của mình, và bảo đảm cho con cái

¹⁵⁰ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 1063.

¹⁵¹ CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 49: AAS 58 (1966) 1070.

¹⁵² X. *Bộ Giáo Luật*, điều 1124.

¹⁵³ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 1086.

được rửa tội và giáo dục trong Hội Thánh Công giáo, và phải thông báo cho bên không công giáo biết rõ những điều ấy¹⁵⁴.

1636. Trong nhiều miền, nhờ cuộc đối thoại đại kết, một số cộng đoàn Kitô hữu đã tổ chức *sinh hoạt mục vụ chung cho các đôi hôn nhân hỗn hợp*. Nhiệm vụ của sinh hoạt này là giúp cho các đôi phối ngẫu biết sống hoàn cảnh đặc biệt của họ dưới ánh sáng đức tin. Sinh hoạt đó cũng phải giúp họ vượt thắng những căng thẳng giữa các bên phận của họ đối với nhau và đối với các cộng đoàn Giáo Hội của họ. Sinh hoạt mục vụ chung phải khuyến khích làm tăng trưởng những gì đối với họ là chung trong đức tin, và tôn trọng những gì còn làm họ chia rẽ.

1637. Trong các hôn nhân khác đạo, người phối ngẫu công giáo có một nhiệm vụ đặc biệt: “Chồng ngoại đạo được thánh hoá nhờ vợ và vợ ngoại đạo được thánh hoá nhờ người chồng có đạo” (1 Cr 7,14). Thật là một niềm vui lớn cho người phối ngẫu Kitô hữu và cho Hội Thánh nếu “việc thánh hoá” này đưa người phối ngẫu kia tự nguyện trở lại với đức tin Kitô giáo¹⁵⁵. Tình yêu phu phụ chân thành, việc thực hành cách khiêm tốn và nhẫn nại những đức tính thuộc gia đình và việc kiên trì cầu nguyện có thể chuẩn bị cho người phối ngẫu không có đức tin đón nhận được ơn hối cải.

IV. NHỮNG HIỆU QUẢ CỦA BÍ TÍCH HÔN PHỐI EFFECTUS SACRAMENTI MATRIMONII

1638. “Từ cuộc hôn nhân thành sự giữa những người phối ngẫu nảy sinh một *mối dây* liên kết vĩnh viễn và độc hữu tự bản chất; ngoài ra, trong hôn nhân Kitô giáo, những người phối ngẫu được củng cố và như được thánh hiến *do một bí tích đặc biệt* để chu toàn nghĩa vụ và nâng cao phẩm giá bậc sống của mình”¹⁵⁶.

Dây Hôn Phối

1639. Sự ưng thuận, qua đó hai người phối ngẫu tự hiến cho nhau và đón nhận nhau, được chính Thiên Chúa đóng ấn¹⁵⁷. Từ hôn ước của họ “phát sinh một định chế vững chắc theo ý định của Thiên Chúa và có giá trị trước mặt xã hội”¹⁵⁸. Hôn ước của đôi phối ngẫu được lồng vào trong giao ước giữa Thiên Chúa với nhân loại: “Tình yêu phu phụ đích thực được đón nhận vào trong tình yêu Thiên Chúa”¹⁵⁹.

¹⁵⁴ X. Bộ Giáo Luật, điều 1125.

¹⁵⁵ X. 1 Cr 7,16.

¹⁵⁶ Bộ Giáo Luật, điều 1134.

¹⁵⁷ X. Mc 10,9.

¹⁵⁸ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 48: AAS 58 (1966) 1067.

¹⁵⁹ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 48: AAS 58 (1966) 1068.

2365 **1640.** *Dây hôn phối* được chính Thiên Chúa thiết đặt, đến độ hôn nhân thành nhận và hoàn hợp (*ratum et consummatum*) giữa hai người đã được rửa tội, không bao giờ có thể được tháo gỡ. Dây liên kết này, là do một hành vi nhân linh tự do của đôi phối ngẫu và do sự hoàn hợp hôn phối, là một thực tại từ nay không thể rút lại, và là nguồn gốc của một giao ước đã được bảo đảm bởi sự trung tín của Thiên Chúa. Hội Thánh không có quyền tuyên bố trái ngược với sự an bài khôn ngoan này của Thiên Chúa¹⁶⁰.

Ân sủng của bí tích Hôn Phối

1641. “Các đôi phối ngẫu Kitô hữu có hồng ân riêng cho bậc sống của mình trong dân Thiên Chúa”¹⁶¹. Ân sủng riêng biệt này của bí tích Hôn Phối là để kiện toàn tình yêu phu phụ, củng cố sự hợp nhất bất khả phân ly của họ. Nhờ ân sủng này, “họ giúp nhau nên thánh trong đời sống hôn nhân và trong việc đón nhận và giáo dục con cái”¹⁶².

1615 **1642.** *Đức Kitô là nguồn mạch của ân sủng này.* “Cũng như xưa kia, Thiên Chúa đến gặp dân Ngài bằng một giao ước tình yêu và 796 trung thành, thì ngày nay, Đấng Cứu Độ loài người và là Phu Quân của Hội Thánh, cũng đến gặp các đôi phối ngẫu Kitô hữu qua bí tích Hôn Phối”¹⁶³. Người ở lại với họ, ban sức mạnh cho họ để họ nhận lấy thập giá của mình mà bước theo Người, để họ chỗi dậy sau khi sa ngã, để họ tha thứ cho nhau, để họ vác lấy gánh nặng của nhau¹⁶⁴, để họ “tùng phục lẫn nhau vì lòng kính sợ Đức Kitô” (Ep 5,21), và yêu thương nhau bằng một tình yêu siêu nhiên, tế nhị và sinh sôi nảy nở. Thiên Chúa ban cho họ, ngay từ đời này, trong những niềm vui của tình yêu và của đời sống gia đình họ, được nếm trước tiệc cưới Con Chiên:

“Làm sao chúng ta có thể mô tả được niềm hạnh phúc của cuộc hôn nhân được Hội Thánh nối kết, được hy lễ củng cố, được lời chúc lành đóng ấn, được các Thiên thần công bố và được Cha trên trời chuẩn nhận? Có đôi bạn nào bằng đôi bạn tín hữu, được kết hợp do cùng một niềm hy vọng, cùng một ước nguyện, cùng một kỷ luật, cùng một công việc phục vụ. Cả hai là anh em (con một Cha), là đồng phục vụ (cho một Chủ); không bị phân rẽ

¹⁶⁰ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 1141.

¹⁶¹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 11: AAS 57 (1965) 16.

¹⁶² CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 11: AAS 57 (1965) 15-16; x. *Ibid.*, 41: AAS 57 (1965) 47.

¹⁶³ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 48: AAS 58 (1966) 1068.

¹⁶⁴ X. Gl 6,2.

trong tinh thần và trong xác thịt, thật sự là hai trong một xác thịt. Ở đâu xác thịt nên một, thì tinh thần cũng nên một”¹⁶⁵.

V. NHỮNG ĐIỀU THIÊN HẢO VÀ NHỮNG ĐÒI HỎI CỦA TÌNH YÊU PHU PHỤ AMORIS CONIUGALIS BONA ET EXIGENTIAE

1643. “Tình yêu phu phụ là một tổng thể bao gồm mọi yếu tố của con người: những đòi hỏi của thân xác và bản năng, những sức mạnh của giác quan và tình cảm, những khát khao của tinh thần và ý chí; tình yêu đó nhắm đến sự hợp nhất bản thân sâu xa, một sự hợp nhất rõ ràng là vượt quá việc chỉ nên một về thể xác, để trở thành một trái tim và một tâm hồn; tình yêu ấy thật sự đòi hỏi *sự bất khả phân ly và lòng chung thủy* khi trao hiến cho nhau một cách dứt khoát, và mở ngõ cho *việc sinh sản*. Nói tóm lại, đây là những đặc điểm thông thường của bất cứ tình yêu phu phụ tự nhiên nào, nhưng mang một ý nghĩa mới mẻ, một ý nghĩa không những thanh luyện và củng cố những đặc điểm đó, mà còn nâng cao chúng lên đến độ chúng được coi là biểu hiện của những điều thiện hảo riêng biệt của Kitô giáo”¹⁶⁶.

Tính duy nhất và tính bất khả phân ly của hôn nhân

1644. Tự bản chất của nó, tình yêu phu phụ đòi hỏi sự duy nhất và sự bất khả phân ly của cộng đồng nhân vị của họ trong suốt cuộc đời họ: “Họ không còn là hai, nhưng chỉ là một xương một thịt. Vậy, sự gì Thiên Chúa đã phối hợp, loài người không được phân ly” (Mt 19,6)¹⁶⁷. “Họ được mời gọi không ngừng lớn lên trong tình hiệp thông với nhau qua việc trung thành mỗi ngày với lời cam kết hôn nhân là trao hiến trọn vẹn cho nhau”¹⁶⁸. Sự hiệp thông phạm nhân này được củng cố, thanh luyện và hoàn thiện nhờ sự hiệp thông trong Đức Kitô, được ban tặng nhờ bí tích Hôn Phối. Sự hiệp thông đó càng thâm sâu hơn nhờ cùng sống đức tin chung với nhau và cùng lãnh nhận bí tích Thánh Thể chung với nhau.

1645. “Tính duy nhất của hôn nhân mà Chúa đã xác nhận, được biểu lộ cách rõ ràng qua việc phẩm giá cá nhân bình đẳng giữa người nam và người nữ được nhìn nhận trong sự yêu thương lẫn nhau cách trọn vẹn”¹⁶⁹. *Tục đa thê* là trái ngược với phẩm giá bình

¹⁶⁵ Tertullianô, *Ad uxorem*, 2, 8, 6-7: CCL 1, 393 (PL 1, 1415-1416); x. ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Familiaris Consortio*, 13: AAS 74 (1982) 94.

¹⁶⁶ ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Familiaris consortio*, 13: AAS 74 (1982) 96.

¹⁶⁷ X. St 2,24.

¹⁶⁸ ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Familiaris consortio*, 19: AAS 74 (1982) 101.

¹⁶⁹ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 49: AAS 58 (1966) 1070.

đăng này và với tình yêu phu phụ, vì tình yêu này là duy nhất và độc chiếm (*unicus et exclusivus*)¹⁷⁰.

2364-2365

Sự chung thủy trong tình yêu phu phụ

1646. Tự bản chất của nó, tình yêu phu phụ đòi hỏi đôi phối ngẫu phải chung thủy một cách bất khả xâm phạm. Đây là hệ quả của việc chính đôi phối ngẫu đã tự hiến cho nhau. Tình yêu phải là vĩnh viễn; tình yêu không thể có tính cách “cho tới khi có một quyết định mới”. “Sự nên một thân mật, nghĩa là việc hai người trao hiến cho nhau, cũng như lợi ích của con cái, đòi hỏi đôi phối ngẫu phải hoàn toàn chung thủy và đòi buộc nơi họ sự duy nhất bất khả phân ly”¹⁷¹.

1647. Động lực sâu xa nhất của sự chung thủy căn cứ trên sự trung tín của Thiên Chúa với giao ước của Ngài, sự trung tín của Đức Kitô với Hội Thánh. Nhờ bí tích Hôn Phối, đôi phối ngẫu được ban ơn để thể hiện và làm chứng cho sự chung thủy đó. Do bí tích, tính bất khả phân ly của hôn nhân đón nhận một ý nghĩa mới mẻ và sâu xa hơn.

1648. Ràng buộc suốt đời mình với một người khác có thể được coi là rất khó, thậm chí là điều không thể thực hiện được. Do đó, điều hết sức quan trọng là phải loan báo Tin Mừng này: Thiên Chúa yêu thương chúng ta bằng một tình yêu vĩnh viễn và không rút lại, đôi phối ngẫu được dự phần vào tình yêu đó của Thiên Chúa, một tình yêu hướng dẫn và nâng đỡ họ, và nhờ sự chung thủy với nhau, họ có thể là chứng nhân cho tình yêu trung tín của Thiên Chúa. Những đôi phối ngẫu nào, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, làm chứng được như vậy, thường là trong những hoàn cảnh hết sức khó khăn, đáng được cộng đoàn Hội Thánh biết ơn và hỗ trợ¹⁷².

2383

1649. Tuy nhiên, có những hoàn cảnh thực tế đôi phối ngẫu không thể tiếp tục sống chung được, vì rất nhiều lý do khác nhau. Trong những trường hợp này, Hội Thánh chấp nhận sự *ly thân* và chấm dứt việc sống chung của đôi phối ngẫu. Họ vẫn là chồng, là vợ của nhau trước mặt Thiên Chúa; họ không được tự do để ký kết một hôn ước mới. Trong hoàn cảnh khó khăn như vậy, giải pháp tốt nhất, nếu có thể, là hòa giải với nhau. Cộng đoàn Kitô hữu được mời gọi trợ giúp những người đó sống đời Kitô hữu trong hoàn cảnh của họ, luôn chung thủy với dây hôn phối vẫn bất khả phân ly của họ¹⁷³.

¹⁷⁰ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Familiaris consortio*, 19: AAS 74 (1982) 102.

¹⁷¹ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 48: AAS 58 (1966) 1068.

¹⁷² X. ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Familiaris consortio*, 20: AAS 74 (1982) 104.

¹⁷³ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Familiaris Consortio*, 83: AAS 74 (1982) 184; *Bộ Giáo Luật*, các điều 1151-1155.

2384

1650. Nhiều người Công giáo, ở một số nơi, đã ly dị và tái hôn theo luật đời. Hội Thánh, vì trung thành với lời của Chúa Giêsu Kitô (“Ai rẫy vợ mà cưới vợ khác là phạm tội ngoại tình đối với vợ mình; và ai bỏ chồng để lấy chồng khác, thì cũng phạm tội ngoại tình”: Mc 10,11-12), nên không thể công nhận việc tái hôn như vậy là thành sự, nếu hôn nhân lần đầu đã thành sự. Nếu những người đã ly dị lại tái hôn theo luật đời, thì họ ở trong tình trạng vi phạm luật Thiên Chúa một cách khách quan. Kể từ lúc đó, họ không được rước lễ, bao lâu còn sống trong tình trạng này. Cũng vì vậy, họ không thể đảm nhận một số trách nhiệm trong Hội Thánh. Sự giao hoà qua bí tích Thống Hối chỉ có thể được ban cho những ai thống hối vì mình đã vi phạm dấu chỉ của giao ước và của sự trung thành với Đức Kitô, và tự buộc mình sống tiết dục trọn vẹn.

1651. Đối với những Kitô hữu đang sống trong tình trạng như vậy mà vẫn giữ đức tin và ao ước giáo dục con cái họ theo Kitô giáo, các tư tế và toàn thể cộng đoàn phải tỏ ra ân cần quan tâm, để họ đừng tự coi như bị tách lìa khỏi Hội Thánh: họ có thể và phải tham gia vào đời sống của Hội Thánh với tư cách là những người đã được rửa tội:

“Họ được khuyến khích nghe Lời Chúa, tham dự Hy tế Thánh lễ, kiên trì cầu nguyện, góp phần vào các việc bác ái và các việc phục vụ đức công bằng của cộng đoàn, giáo dục con cái trong đức tin Kitô giáo, sống tinh thần thống hối và làm các việc đền tội, để như vậy, hằng ngày họ nài xin Thiên Chúa ban ân sủng”¹⁷⁴.

Sẵn sàng đón nhận con cái

2366-2367

1652. “Tự bản chất, chính định chế hôn nhân và tình yêu phu phụ hướng tới việc truyền sinh và giáo dục con cái và qua những việc đó, chúng như đạt tới tột đỉnh vinh quang của mình”¹⁷⁵.

372

“Con cái là hồng ân cao quý nhất của hôn nhân và mang lại tối đa niềm hạnh phúc cho chính các cha mẹ. Chính Thiên Chúa đã phán: ‘Con người ở một mình thì không tốt’ (St 2,18); Ngài là Đấng ‘thuở ban đầu... đã làm ra con người có nam có nữ’ (Mt 19,4); chính Ngài muốn ban cho con người được tham gia đặc biệt vào công trình tạo dựng của Ngài, nên Ngài đã chúc lành cho người nam và người nữ và phán: ‘Hãy sinh sôi nảy nở’ (St 1,28). Từ đó, vinh dự đích thực của tình yêu phu phụ và toàn bộ kế hoạch của đời sống gia đình phát sinh từ tình yêu đó, tuy không hạ giá những mục đích khác của hôn nhân, đều hướng đến việc đôi phối ngẫu phải can đảm sẵn sàng cộng tác với tình

¹⁷⁴ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Familiaris consortio*, 84: AAS 74 (1982) 185.

¹⁷⁵ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 48: AAS 58 (1966) 1068.

yêu của Đấng Tạo Hoá và Cứu Độ, Đấng nhờ họ làm cho gia đình của Ngài ngày càng phát triển và phong phú”¹⁷⁶.

2231 **1653.** Sự phong phú của tình yêu phụ phụ còn trải rộng đến các kết quả của đời sống luân lý, tinh thần và siêu nhiên, được cha mẹ truyền cho con cái họ qua việc giáo dục. Cha mẹ là những nhà giáo dục đầu tiên và quan trọng nhất của con cái họ¹⁷⁷. Theo nghĩa này, nhiệm vụ căn bản của hôn nhân và gia đình là phục vụ cho sự sống¹⁷⁸.

1654. Những đôi phối ngẫu không được Thiên Chúa ban cho có con cái, vẫn có thể có đời sống hôn nhân đầy ý nghĩa trên bình diện nhân bản, cũng như bình diện Kitô giáo. Hôn nhân của họ có thể toả sáng bằng sự sinh sôi nảy nở lòng bác ái, sự đón nhận và hy sinh.

VI. HỘI THÁNH TẠI GIA

ECCLESIA DOMESTICA

759 **1655.** Đức Kitô đã muốn được sinh ra và lớn lên trong gia đình thánh của thánh Giuse và Mẹ Maria. Hội Thánh không là gì khác hơn là “gia đình của Thiên Chúa”. Ngay từ những buổi đầu, hạt nhân của Hội Thánh thường gồm những người trở thành tín hữu “cùng với cả nhà”¹⁷⁹. Khi trở lại, họ ao ước cho “cả nhà mình” cũng được cứu độ¹⁸⁰. Những gia đình trở thành tín hữu này, là những tiểu đảo của đời sống Kitô giáo giữa một thế giới ngoại giáo.

2204 **1656.** Ngày nay, giữa một thế giới thường xa lạ và thậm chí thù nghịch với đức tin, gia đình các tín hữu là hết sức quan trọng, với tính cách là những lò lửa đức tin sống động và chiếu sáng. Vì vậy, Công đồng Vaticanô II dùng một thuật ngữ cổ xưa, gọi gia đình là *Hội Thánh tại gia (Ecclesia domestica)*¹⁸¹. Trong tổ ấm gia đình, cha mẹ phải là “những người đầu tiên truyền dạy đức tin cho con cái mình, bằng lời nói và gương sáng, cũng như cổ võ ơn gọi riêng của từng đứa con, đặc biệt quan tâm đến ơn gọi thánh thiêng”¹⁸².

1268 **1657.** Nơi đây, một cách đặc biệt, người cha, người mẹ, con cái, mọi phần tử trong gia đình, thực thi *chức vụ tế do Phép Rửa* “trong

¹⁷⁶ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 50: AAS 58 (1966) 1070-1071.

¹⁷⁷ X. CD Vaticanô II, Tuyên ngôn *Gravissimum educationis*, 3: AAS 58 (1966) 731.

¹⁷⁸ ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Familiaris consortio*, 28: AAS 74 (1982) 114.

¹⁷⁹ X. Cv 18,8.

¹⁸⁰ X. Cv 16,31; 11,14.

¹⁸¹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 11: AAS 57 (1965) 16; x. ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Familiaris consortio*, 21: AAS 74 (1982) 105.

¹⁸² CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 11: AAS 57 (1965) 16.

việc lãnh nhận các bí tích, trong kinh nguyện và tạ ơn, qua chứng từ của một đời sống thánh thiện, qua sự từ bỏ, và qua lòng bác ái sống động”¹⁸³. Bằng cách đó, gia đình là trường học đầu tiên về đời sống Kitô hữu và là “một trường học làm người cách phong phú hơn”¹⁸⁴. Ở đó, người ta học được sự kiên nhẫn và niềm vui của lao động, tình yêu thương huynh đệ, sự tha thứ quảng đại, thậm chí tha thứ nhiều lần, và nhất là việc phụng thờ Thiên Chúa qua kinh nguyện và qua sự hiến dâng cuộc đời mình.

2214-2231

1658. Cũng phải nhắc đến một số người, phải sống trong những hoàn cảnh cụ thể – và thường là ngoài ý muốn – đặc biệt gần gũi với trái tim Chúa Giêsu, họ đáng được Hội Thánh, nhất là các mục tử, yêu thương và quan tâm chăm sóc: đó là đông đảo *những người sống độc thân*. Nhiều người trong số này *không lập gia đình được*, thường vì điều kiện nghèo khổ. Trong hoàn cảnh của mình, có những người sống theo tinh thần các mối phúc, phục vụ Thiên Chúa và tha nhân một cách gương mẫu. Phải mở ra cho tất cả những người này, cánh cửa của các gia đình là “Hội Thánh tại gia” và cánh cửa của gia đình lớn là Hội Thánh. “Trên đời này, không ai phải thiếu gia đình: vì Hội Thánh là nhà và là gia đình cho tất cả mọi người, nhất là cho những ai ‘đang vất vả mang gánh nặng nề’ (Mt 11,28)”¹⁸⁵.

2231

2233

TÓM LƯỢC

1659. *Thánh Phaolô nói: “Người làm chồng hãy yêu thương vợ như chính Đức Kitô yêu thương Hội Thánh.... Mầu nhiệm này thật cao cả, Tôi muốn nói về Đức Kitô và Hội Thánh” (Ep 5,25.32).*

1660. *Hôn ước mà nhờ đó người nam và người nữ tạo nên một cộng đồng sống chung và yêu nhau thân mật, đã được Đấng Tạo Hoá thiết lập và sắp xếp theo những quy luật riêng. Tự bản chất, hôn nhân hướng tới thiện ích của đôi phối ngẫu, cũng như việc sinh sản và giáo dục con cái. Hôn nhân giữa những người đã chịu Phép Rửa được Đức Kitô nâng lên hàng bí tích*¹⁸⁶.

1661. *Bí tích Hôn Phối biểu thị sự kết hợp giữa Đức Kitô và Hội Thánh. Bí tích này ban ơn giúp các đôi phối ngẫu yêu thương nhau như Đức Kitô đã yêu thương Hội Thánh. Ân sủng của bí tích kiện*

¹⁸³ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 10: AAS 57 (1965) 15.

¹⁸⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 52: AAS 58 (1966) 1073.

¹⁸⁵ ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Familiaris consortio*, 85: AAS 74 (1982) 187.

¹⁸⁶ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 48: AAS 58 (1966) 1067-1068; *Bộ Giáo Luật*, điều 1055,1.

toàn tình yêu tự nhiên của các đôi phối ngẫu, củng cố sự hợp nhất bất khả phân ly của họ và thánh hóa họ trên đường tiến về đời sống vĩnh cửu¹⁸⁷.

1662. Hôn nhân đặt nền tảng trên sự ưng thuận của cả hai bên ký kết hôn ước, nghĩa là trên ý muốn vĩnh viễn hiến thân cho nhau để sống giao ước tình yêu chung thủy và sinh sôi nảy nở.

1663. Hôn nhân làm cho các người phối ngẫu sống một bậc sống công khai trong Hội Thánh, nên phải cử hành hôn nhân cách công khai trong khung cảnh một cử hành phụng vụ, trước sự chứng kiến của vị tư tế (hay của người chứng hôn được Hội Thánh cho phép), các nhân chứng và cộng đoàn tín hữu.

1664. Các đặc tính chính yếu của hôn nhân là duy nhất, bất khả phân ly và đón nhận con cái. Tục đa thê đi ngược lại tính duy nhất của hôn nhân. Ly dị phân ly điều Thiên Chúa đã phối hợp. Từ chối sinh sản, đời sống hôn nhân mất đi "hồng ân cao quý nhất" là con cái¹⁸⁸.

1665. Việc tái hôn của những người đã ly dị khi người phối ngẫu còn sống, nghịch lại ý định và lề luật của Thiên Chúa mà Đức Kitô đã dạy. Những người này không bị tách ra khỏi Hội Thánh, nhưng không được rước lễ; họ vẫn sống đời Kitô hữu, nhất là giáo dục con cái trong đức tin.

1666. Gia đình Kitô giáo là nơi con cái tiếp nhận lời rao giảng đầu tiên về đức tin. Vì vậy, thật là hợp lý khi gọi gia đình là "Hội Thánh tại gia", cộng đồng ân sủng và cầu nguyện, trường dạy các nhân đức nhân bản và đức mến Kitô giáo.

¹⁸⁷ X. CĐ Tridentinô, Sess. 24a, *Doctrina de sacramento Matrimonii*: DS 1799.

¹⁸⁸ X. CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 50: AAS 58 (1966) 1070.

CHƯƠNG BỐN

NHỮNG CỬ HÀNH PHỤNG VỤ KHÁC

CAPUT QUARTUM

CETERAE LITURGICAE CELEBRATIONES

Mục 1

Các Á Bí Tích

Articulus 1

Sacramentalia

1667. “Mẹ Hội Thánh đã thiết lập các á bí tích. Đó là những dấu chỉ thánh thiêng, nhờ đó, phần nào phỏng theo các bí tích, những hiệu quả, đặc biệt là những hiệu quả thiêng liêng, được biểu thị và được thông ban nhờ lời khẩn cầu của Hội Thánh. Nhờ các á bí tích, con người được chuẩn bị lãnh nhận hiệu quả chính yếu của các bí tích và những hoàn cảnh khác nhau của cuộc đời được thánh hoá”¹.

Những nét đặc trưng của các á bí tích

1668. Hội Thánh thiết lập các á bí tích để thánh hoá một số thừa tác vụ của Hội Thánh, một số bậc sống, những hoàn cảnh rất đa dạng của đời sống Kitô hữu, và cả việc sử dụng những sự vật hữu ích cho con người. Theo những quyết định mục vụ của các Giám mục, các á bí tích có thể đáp ứng những nhu cầu riêng biệt về văn hóa và lịch sử của dân Kitô giáo trong một miền hay trong một thời đại. Các á bí tích luôn gồm một lời cầu nguyện, thường kèm theo một dấu chỉ cụ thể, như đặt tay, dấu thánh giá, rảy nước thánh (để nhớ đến bí tích Rửa Tội).

699, 2157

1669. Các á bí tích bắt nguồn từ chức tư tế do Phép Rửa: Mọi người đã chịu Phép Rửa đều được mời gọi để trở nên một lời chúc lành²

784

¹ CĐ Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 60: AAS 56 (1964) 116; *Bộ Giáo Luật*, điều 1166; *Bộ Giáo Luật Đông phương*, điều 867.

² X. St 12,2.

2626 và để chúc lành³. Vì vậy, người giáo dân có thể chủ sự một số việc chúc lành⁴; còn việc chúc lành nào càng liên quan đến đời sống Hội Thánh và bí tích, thì càng dành riêng cho các thừa tác viên có chức thánh (Giám mục, linh mục và phó tế) chủ sự⁵.

1128 **1670.** Các á bí tích không ban ân sủng của Chúa Thánh Thần theo
2001 kiểu các bí tích, nhưng nhờ lời cầu nguyện của Hội Thánh, chúng chuẩn bị cho việc đón nhận ân sủng và tạo điều kiện cho việc cộng tác với ân sủng. “Đối với các tín hữu đã được chuẩn bị chu đáo, hầu như mọi biến cố trong cuộc đời đều được thánh hóa bằng ân sủng của Thiên Chúa, tuôn trào từ mầu nhiệm Vượt Qua, là cuộc khổ nạn, cái chết và sự sống lại của Đức Kitô, chính Người ban sức mạnh cho tất cả các bí tích và á bí tích; và hầu như không có việc sử dụng chính đáng của cải vật chất nào, lại không thể đưa tới mục đích thánh hóa con người và ca ngợi Thiên Chúa”⁶.

Những hình thức khác nhau của các á bí tích

1078 **1671.** Trong số các á bí tích, trước hết phải kể đến các *phép lành* (cho người, cho bàn ăn, cho các sự vật, cho các nơi chốn). Mọi phép lành đều là lời ca ngợi Thiên Chúa và lời cầu nguyện để đạt được các hồng ân của Ngài. Trong Đức Kitô, các Kitô hữu được Chúa Cha chúc lành bằng “muôn vàn ơn phúc của Thánh Thần” (Ep 1,3). Vì vậy, Hội Thánh ban phép lành bằng việc kêu cầu danh Chúa Giêsu và thường làm dấu thánh giá của Đức Kitô.

923 **1672.** Một số phép lành (benedictiones) có giá trị lâu dài: để *thánh hiến*
925, 903 cho Thiên Chúa những con người, hoặc những sự vật và nơi chốn dành riêng để sử dụng trong phụng vụ. Trong số các phép lành cho con người – không được lẫn lộn các phép lành này với bí tích Truyền Chức Thánh – có phép lành cho Viện phụ hoặc Viện mẫu các đan viện, việc thánh hiến các trinh nữ và góa phụ, nghi thức khấn hứa sống bậc tu trì, và phép lành cho một số thừa tác viên của Hội Thánh (những người đọc sách, giúp lễ, giáo lý viên, v.v...). Vài thí dụ về việc làm phép các sự vật, có thể kể việc cung hiến hoặc làm phép nhà thờ hay bàn thờ, làm phép dầu thánh, các bình và các phẩm phục thánh, làm phép chuông, v.v....

395 **1673.** Khi Hội Thánh, một cách công khai và với thẩm quyền, nhân danh
550 Chúa Giêsu Kitô, cầu xin để một người hay một đồ vật được Thiên Chúa bảo vệ khỏi ảnh hưởng của Ác thần và giải thoát khỏi ách thống trị của

³ X. Lc 6,28; Rm 12,14; 1 Pr 3,9.

⁴ X. CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 79: AAS 56 (1964) 120; x. *Bộ Giáo Luật*, điều 1168.

⁵ X. *De Benedictionibus*, Praenotanda generalia, 16 et 18, Editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1984) 13.14-15.

⁶ CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 61: AAS 56 (1964) 116-117.

nó, thì người ta gọi đó là *Trừ tà* (*exorcismus*). Chúa Giêsu đã thực hiện điều đó⁷, và chính bởi Người, Hội Thánh có quyền và có nhiệm vụ trừ tà⁸. Với hình thức đơn giản, việc trừ tà đã có trong nghi thức cử hành bí tích Rửa Tội. Còn việc trừ tà long trọng, gọi là “trừ tà đại thể”, chỉ được thực hiện bởi một linh mục, với sự cho phép của Giám mục. Trong việc này, phải tiến hành cách khôn ngoan, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Hội Thánh⁹. Việc trừ tà nhằm trục xuất ma quỷ hoặc giải thoát khỏi ảnh hưởng của nó, nhờ quyền bính thiêng liêng liêng Chúa Giêsu đã ủy thác cho Hội Thánh của Người. Trường hợp bệnh tật, nhất là các bệnh tâm thần, thì khác hẳn, việc chữa trị các bệnh này là công việc của y khoa. Vì vậy, điều hết sức quan trọng là, trước khi cử hành nghi thức trừ tà, phải rất chắc chắn rằng đây là trường hợp quỷ ám chứ không phải là một bệnh tật nào đó.

1237

Lòng đạo đức bình dân

1674. Ngoài phụng vụ bí tích và các á bí tích, việc dạy giáo lý còn phải kể đến những hình thức đạo đức của các tín hữu và những hình thức của lòng đạo đức bình dân. Cảm thức tôn giáo của dân Kitô giáo luôn luôn được diễn đạt bằng những hình thức đa dạng của lòng đạo đức, kèm theo đời sống bí tích của Hội Thánh, như việc tôn kính các di tích thánh, kính viếng các đền thánh, những cuộc hành hương, những cuộc rước kiệu, chặng đàng thánh giá, các vũ điệu tôn giáo, kính Mân Côi, đeo ảnh thánh, v.v...¹⁰.

2688

2669-2678

1675. Những hình thức đạo đức này tiếp nối chứ không thay thế đời sống phụng vụ của Hội Thánh: “Quả vậy, phải sắp xếp việc thực hành những hình thức đạo đức đó theo các mùa phụng vụ, sao cho chúng hoà nhịp với phụng vụ thánh, một cách nào đó phát xuất từ phụng vụ, dẫn đưa dân tới phụng vụ, vì tự bản chất của nó, phụng vụ ưu việt hơn hẳn những hình thức đạo đức đó”¹¹.

1676. Các mục tử cần phải phân định để nâng đỡ và ủng hộ lòng đạo đức bình dân, và nếu cần, để thanh luyện và điều chỉnh cảm thức tôn giáo tiềm ẩn dưới những việc sùng kính này, để liệu sao cho người ta tiến triển trong việc nhận biết mầu nhiệm của Đức Kitô. Việc thực hành

426

⁷ X. Mc 1,25-26.

⁸ X. Mc 3,15; 6,7.13; 16,17.

⁹ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 1172.

¹⁰ X. CĐ Nicêa II, *Definitio de sacris imaginibus*: DS 601; *Ibid.*: DS 603; CĐ Tridentinô, Sess. 25a, *Decretum de invocatione, veneratione et reliquiis sanctorum, et sacris imaginibus*: DS 1822.

¹¹ CĐ Vaticanô II, *Hiến chế Sacrosanctum Concilium*, 13: AAS 56 (1964) 103.

những hình thức đạo đức này là theo sự chăm sóc và xét đoán của các Giám mục, và theo những quy định chung của Hội Thánh¹².

“Lòng đạo đức bình dân, trong cốt lõi của nó, là một tập hợp những giá trị mà, với sự khôn ngoan Kitô giáo, đáp trả lại những vấn nạn lớn của cuộc sống. Sự khôn ngoan công giáo bình dân có khả năng tổng hợp sống động; như vậy, một cách đầy sáng tạo, họ có thể nói đến cùng một trật những gì thuộc về Thiên Chúa và những gì thuộc về phạm nhân; Đức Kitô và Mẹ Maria, tinh thần và thể xác; hiệp thông và định chế; cá nhân và cộng đoàn; đức tin và quê hương, lý trí và tình cảm. Sự khôn ngoan này là một thuyết nhân bản Kitô giáo, khẳng định cách triệt để phẩm giá của mọi nhân vị với tư cách là con Thiên Chúa, xây dựng tình huynh đệ căn bản, dạy chúng ta gặp gỡ thiên nhiên và hiểu biết lao động, đem lại cho ta những lý do để sống vui tươi và thoải mái, cả trong cuộc sống hết sức cam go. Đối với dân, sự khôn ngoan này còn là một nguyên lý để phân định, một bản năng theo Tin Mừng, nhờ đó họ nhận biết tức khắc, khi nào sự phục vụ trong Hội Thánh là dành cho Tin Mừng, và khi nào sự phục vụ đó trở nên trống rỗng và bị bóp nghẹt vì những lợi lộc khác”¹³.

TÓM LƯỢC

1677. *Á bí tích là những dấu chỉ thánh thiêng do Hội Thánh thiết lập để chuẩn bị cho con người đón nhận hiệu quả của các bí tích và để thánh hóa một số hoàn cảnh trong cuộc sống.*

1678. *Trong các á bí tích, các phép lành có một vị trí đặc biệt. Chúng vừa là lời ca ngợi Thiên Chúa vì những kỳ công và hồng ân của Ngài, vừa là lời Hội Thánh chuyển cầu để con người có thể sử dụng những hồng ân của Thiên Chúa theo tinh thần Tin Mừng.*

1679. *Ngoài phụng vụ, đời sống Kitô hữu còn được nuôi dưỡng bằng những việc đạo đức đa dạng, bắt nguồn từ những nền văn hóa khác nhau. Khi dùng ánh sáng đức tin soi sáng những việc đạo đức này, Hội Thánh cổ vũ những việc đạo đức bình dân thể hiện những nét thích hợp với Tin Mừng và sự khôn ngoan nhân bản, góp phần làm phong phú đời sống Kitô hữu.*

¹² X. ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Catechesi tradendae*, 54 : AAS 71 (1979) 1321-1322.

¹³ III Conferencia General del Episcopado Latinoamericano, *Puebla. La Evangelización en el presente y en el futuro de América Latina*, 448 (Bogota 1979) 131; x. ĐGH Phaolô VI, Tông huấn *Evangelii nuntiandi*, 48: AAS 68 (1976) 37-38.

Mục 2

Lễ nghi an táng theo Kitô giáo

Articulus 2

Exsequiae christianae

1680. Tất cả các bí tích, nhất là các bí tích khai tâm Kitô giáo, đều hướng tới mục tiêu là cuộc Vượt Qua cuối cùng của con cái Thiên Chúa; cuộc Vượt Qua này, nhờ cái chết, dẫn đưa họ vào cuộc sống trong Nước Trời. Lúc đó sẽ hoàn tất điều họ tuyên xưng trong đức tin và niềm hy vọng: “Tôi trông đợi kẻ chết sống lại, và sự sống đời sau”¹⁴. 1525

I. CUỘC VƯỢT QUA CUỐI CÙNG CỦA KITÔ HỮU CHRISTIANI ULTIMUM PASCHA

1681. Ý nghĩa cái chết trong Kitô giáo được mạc khải dưới ánh sáng của *mầu nhiệm Vượt Qua* là sự Chết và sự Sống lại của Đức Kitô, niềm hy vọng duy nhất của chúng ta. Kitô hữu chết trong Đức Kitô Giêsu, là lìa bỏ thân xác này để được ở bên Chúa¹⁵. 1010-1014

1682. Đối với Kitô hữu, ngày chết, lúc *kết thúc đời sống bí tích* của họ, là lúc bắt đầu hoàn tất cuộc tái sinh vốn đã khởi sự trong bí tích Rửa Tội, là lúc bắt đầu vĩnh viễn nên “giống hình ảnh Chúa Con” vốn đã được ban cho họ nhờ việc xúc dầu bằng Chúa Thánh Thần, và là lúc bắt đầu được tham dự bàn tiệc Nước Trời, vốn đã được tham dự trước trong bí tích Thánh Thể, mặc dù họ còn cần đến những thanh luyện cuối cùng để được mặc áo cưới.

1683. Hội Thánh, như một người Mẹ, đã mang Kitô hữu trong lòng mình một cách bí tích trong suốt cuộc lữ thứ trần gian của họ, nay đồng hành với họ đến cuối đường để trao họ “vào tay Chúa Cha”. Trong Đức Kitô, Hội Thánh dâng lên Chúa Cha đứa con của ân sủng của Ngài, và trong niềm hy vọng, gửi vào lòng đất hạt giống thân xác sẽ sống lại trong vinh quang¹⁶. Sự hiến dâng này được cử hành đầy đủ trong Hy lễ Thánh Thể; những lời chúc lành trước hoặc sau Thánh lễ là những á bí tích. 1020 627

¹⁴ *Tín biểu Nicêa-Constantinôpôli*: DS 150.

¹⁵ X. 2 Cr 5,8.

¹⁶ X. 1 Cr 15,42-44.

II. CỬ HÀNH LỄ NGHI AN TÁNG

EXSEQUIARUM CELEBRATIO

1684. Lễ nghi an táng theo Kitô giáo là một cử hành phụng vụ của Hội Thánh. Qua đó, thừa tác vụ Hội Thánh vừa muốn diễn tả sự hiệp thông hữu hiệu với người đã qua đời, vừa giúp cộng đoàn có mặt trong lễ an táng tham dự sự hiệp thông này và loan báo cho họ về đời sống vĩnh cửu.

1685. Các nghi thức khác nhau của lễ an táng diễn tả đặc tính Vượt Qua của cái chết theo Kitô giáo và đáp ứng những hoàn cảnh và truyền thống của từng miền, cả trong vấn đề màu sắc phụng vụ¹⁷.

1686. Sách Nghi Thức An Táng (*Ordo exsequiarum*) của phụng vụ Rôma trình bày ba mẫu cử hành, tương ứng với ba nơi diễn ra các nghi thức (tại nhà tang, tại nhà thờ và tại nghĩa trang), và theo tầm quan trọng mà gia đình, các phong tục địa phương, văn hóa và lòng đạo đức bình dân, dành cho các nơi đó. Tuy nhiên, thứ tự việc cử hành là chung cho mọi truyền thống phụng vụ, và gồm bốn giai đoạn chính:

1687. *Đón tiếp cộng đoàn.* Một lời chào trong đức tin mở đầu cuộc cử hành. Các thân nhân người quá cố được đón nhận bằng một lời “an ủi” (theo nghĩa của Tân Ước: Sức mạnh của Chúa Thánh Thần trong niềm hy vọng¹⁸). Cộng đoàn cầu nguyện được quy tụ, cũng đang mong đợi “những lời đem lại sự sống đời đời”. Cái chết của một thành viên trong cộng đoàn (hay ngày giáp năm, giỗ bảy ngày, giỗ ba mươi ngày) phải là một dịp khiến người ta vượt quá những viễn cảnh của “thế gian này” và các tín hữu được lôi cuốn đến những viễn cảnh chân thật của đức tin vào Đức Kitô Phục Sinh.

1688. *Phụng vụ Lời Chúa* trong nghi thức an táng cần được chuẩn bị chu đáo, vì cộng đoàn hiện diện có thể gồm những tín hữu ít khi tham dự phụng vụ, và những thân hữu của người quá cố không phải là Kitô hữu. Đặc biệt, bài giảng không được theo hình thức điệu văn¹⁹ và phải làm sáng tỏ mầu nhiệm cái chết theo Kitô giáo bằng ánh sáng của Đức Kitô phục sinh.

1371 **1689.** *Hy lễ Thánh Thể.* Khi nghi thức an táng cử hành trong nhà thờ, bí tích Thánh Thể là tâm điểm của thực tại Vượt Qua của cái chết theo Kitô giáo²⁰. Lúc đó, Hội Thánh bày tỏ sự hiệp thông hữu hiệu của mình với người quá cố: khi dâng lên Chúa Cha, trong Chúa Thánh Thần, hy lễ là cái Chết và sự Sống lại của Đức Kitô, Hội Thánh khẩn cầu cho người con của mình được thanh luyện khỏi mọi tội lỗi và các hậu quả của tội, và

¹⁷ X. CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 81: AAS 56 (1964) 120.

¹⁸ X. I Tx 4,18.

¹⁹ X. *Nghi thức an táng*, De primo typo exsequiarum, 41, Editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1969) 21.

²⁰ X. *Nghi thức an táng*, Praenotanda, 1, Editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1969) 7.

được đón nhận vào sự viên mãn của cuộc Vượt Qua nơi bàn tiệc Nước Trời²¹. Nhờ bí tích Thánh Thể được cử hành như vậy, cộng đoàn tín hữu, đặc biệt là gia đình người quá cố, học sống hiệp thông với người “đã an nghỉ trong Chúa”, bằng việc hiệp thông với thân thể của Đức Kitô mà người quá cố là một chi thể sống động, rồi bằng việc cầu nguyện cho người ấy và với người ấy.

958

1690. *Nghi thức từ biệt* người quá cố lần cuối cùng (trong một số ngôn ngữ gốc la tinh, “adieu”, “addio”, “adiis” = ad Deum, nghĩa là “đến với Thiên Chúa”) là lời Hội Thánh “phó dâng người này cho Chúa”. “Cộng đoàn Kitô hữu chào từ biệt lần cuối cùng một chi thể của mình, trước khi xác người đó được mai táng”²². Truyền thống Byzantin diễn tả ý nghĩa này bằng cái hôn từ biệt người quá cố:

2300

“Với lời chào cuối cùng này, chúng ta hát tiễn người ra đi khỏi cuộc đời này và lìa xa chúng ta, nhưng đây cũng là cuộc hiệp thông và đoàn tụ, vì dầu phải chết, chúng ta cũng không bao giờ phải chia lìa nhau; quả thật, tất cả chúng ta đang đi cùng một đường và sẽ gặp lại nhau ở cùng một nơi. Chúng ta sẽ không bao giờ bị chia lìa, vì chúng ta đang sống cho Đức Kitô và giờ đây chúng ta đang được kết hợp với Người, đang đi đến với Người... Tất cả các tín hữu chúng ta sẽ được cùng nhau ở với Đức Kitô”²³.

²¹ X. *Nghi thức an táng*, De primo typo exsequiarum, 56, Editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1969) 26.

²² X. *Nghi thức an táng*, Praenotanda, 10, Editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1969) 9.

²³ Thánh Simêon Thessalônica, *De ordine sepulturae*, 367: PG 155, 685.

PHẦN THỨ BA

ĐỜI SỐNG TRONG ĐỨC KITÔ

PARS TERTIA

VITA IN CHRISTO

1691. “Hỡi Kitô hữu, hãy ý thức phẩm giá của bạn, và đã được thông phần bản tính thần linh, bạn đừng quay trở lại với sự thấp hèn trước kia. Bạn hãy nhớ bạn thuộc về Đấng nào và là chi thể của ai. Bạn hãy nhớ rằng bạn đã được giải thoát khỏi quyền lực tối tăm và được đưa vào ánh sáng và Nước của Thiên Chúa”¹.

790

1692. Tín biểu tuyên xưng sự cao cả của các hồng ân Thiên Chúa đã rộng ban cho loài người trong công trình tạo dựng của Ngài và hơn nữa nhờ ơn cứu chuộc và thánh hoá. Điều đức tin tuyên xưng, được các bí tích truyền thông: nhờ các bí tích tái sinh, các Kitô hữu trở nên “con Thiên Chúa” (1 Ga 3,1)², “được thông phần bản tính Thiên Chúa” (2 Pr 1,4). Khi nhận biết phẩm giá mới của mình nhờ đức tin, các Kitô hữu được kêu gọi để từ nay ăn ở cho xứng với Tin Mừng của Đức Kitô³. Nhờ các bí tích và kinh nguyện, họ nhận được ân sủng của Đức Kitô và các hồng ân của Thần Khí của Người, làm cho họ có khả năng thực hiện điều đó.

1693. Đức Kitô Giêsu luôn làm điều đẹp lòng Chúa Cha⁴. Người luôn sống trong sự hiệp thông trọn vẹn với Chúa Cha. Cũng một cách đó, các môn đệ của Người được mời gọi sống trước tôn nhan Chúa Cha, “Đấng thấu suốt những gì kín đáo” (Mt 6,6), để trở nên “hoàn thiện như Cha trên trời là Đấng hoàn thiện” (Mt 5,48).

1694. Được tháp nhập vào Đức Kitô⁵ nhờ Phép Rửa, các Kitô hữu đã chết cho tội lỗi và sống cho Thiên Chúa trong Đức Kitô Giêsu⁶, và như vậy họ được tham dự vào sự sống của Đấng Phục Sinh⁷. Khi bước theo Đức Kitô và kết hợp với Người⁸, các Kitô hữu có thể cố gắng bắt chước Thiên Chúa, như những người con rất yêu dấu và bước đi trong tình yêu⁹, bằng việc uốn nắn các ý nghĩ, lời nói và hành động của mình, sao cho họ có nơi mình tâm tư như đã có trong Đức Kitô Giêsu¹⁰ và sống theo gương Người¹¹.

1267

1695. Các Kitô hữu, “được nên công chính nhờ danh Chúa Giêsu Kitô và nhờ Thần Khí của Thiên Chúa chúng ta” (1 Cr 6,11), được thánh hoá và được gọi là thánh¹², họ trở thành “đền thờ của Chúa

¹ Thánh Lêô Cả, *Sermo* 21, 3: CCL 138, 88 (PL 54, 192-193).

² X. Ga 1,12.

³ X. Pl 1,27.

⁴ X. Ga 8,29.

⁵ X. Rm 6,5.

⁶ X. Rm 6,11.

⁷ X. Cl 2,12.

⁸ X. Ga 15,5.

⁹ X. Ep 5,1-2.

¹⁰ X. Pl 2,5.

¹¹ X. Ga 13,12-16.

¹² X. 1 Cr 1,2.

Thánh Thần” (1 Cr 6,19). Chính “Thần Khí của Chúa Con” dạy họ cầu nguyện với Chúa Cha¹³, và khi đã trở nên sự sống của họ, Ngài thúc đẩy họ hành động¹⁴, để mang lại hoa trái của Thần Khí¹⁵, nhờ thực hiện đức mến. Khi chữa lành các vết thương của tội lỗi, Chúa Thánh Thần canh tân nội tâm chúng ta bằng sự biến đổi thiêng liêng¹⁶, Ngài soi sáng chúng ta và củng cố để với tư cách là “con cái ánh sáng” (Ep 5,8), chúng ta sống “luong thiện, công chính và chân thật” (Ep 5,9).

1970 **1696.** Con đường của Đức Kitô “đưa đến sự sống” (Mt 7,14), còn con đường đối nghịch “đưa đến diệt vong” (Mt 7,13)¹⁷. Dù ngôn Tin Mừng về *hai con đường* luôn hiện diện trong việc dạy giáo lý của Hội Thánh. Nó cho thấy tầm quan trọng của các quyết định luân lý đối với ơn cứu độ của chúng ta. “Có hai con đường, một dẫn đến sự sống, một dẫn đến sự chết: hai bên khác nhau một trời một vực”¹⁸.

1697. Trong việc dạy giáo lý, phải trình bày hết sức rõ ràng niềm vui và những đòi hỏi của con đường của Đức Kitô¹⁹. Việc dạy giáo lý về “đời sống mới” (Rm 6,4) trong Người sẽ là:

- 737tt – *Dạy giáo lý về Chúa Thánh Thần*, vị Thầy nội tâm của đời sống theo Đức Kitô, người khách trọ ngụ hiền và người bạn linh hứng, hướng dẫn, sửa chữa và củng cố đời sống này;
- 1938tt – *Dạy giáo lý về ân sủng*, bởi vì nhờ ân sủng mà chúng ta được cứu độ, và cũng nhờ ân sủng mà các công việc của chúng ta có thể mang lại hoa trái cho sự sống muôn đời;
- 1716tt – *Dạy giáo lý về các mối phúc*, bởi vì con đường của Đức Kitô được tóm kết trong các mối phúc, là con đường duy nhất dẫn đến vinh phúc muôn đời mà trái tim con người hằng khao khát;
- 1846tt – *Dạy giáo lý về tội lỗi và ơn tha thứ*, bởi vì con người, nếu không nhận biết mình là tội nhân, thì không thể nhận ra chân lý về bản thân mình, chân lý này là điều kiện để hành động đúng đắn, và, nếu ơn tha thứ không được ban cho họ, họ không thể chịu đựng nổi chân lý này;
- 1803tt – *Dạy giáo lý về các nhân đức nhân bản*, giúp chúng ta nhận ra vẻ đẹp và sự lôi cuốn của những thái độ chân chính hướng về điều thiện;

¹³ X. Gl 4,6.

¹⁴ X. Gl 5,25.

¹⁵ X. Gl 5,22.

¹⁶ X. Ep 4,23.,

¹⁷ X. Đnl 30,15-20 .

¹⁸ *Didakê*, 1,1: SC 248, 140 (Funk 1, 2).

¹⁹ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Catechesi tradendae*, 29: AAS 71 (1979) 1301.

- *Dạy giáo lý về các nhân đức Kitô giáo*: tin, cậy, mến, được gọi 1812tt
hứng rất nhiều từ mẫu gương của các Thánh;
- *Dạy giáo lý về giới răn mến Chúa yêu người* được triển khai 2067
trong Mười Điều Răn;
- *Dạy giáo lý về Hội Thánh*, bởi vì đời sống Kitô hữu chỉ có thể 946tt
tăng trưởng, được quảng bá và được lưu truyền nhờ sự trao đổi
đa dạng “các lợi ích thiêng liêng” trong mẫu nhiệm “các
Thánh thông công”.

1698. Điểm quy chiếu đầu tiên và tối thượng của việc dạy giáo lý 426
như vậy sẽ luôn luôn là chính Chúa Giêsu Kitô, Đấng là “con
đường, là sự thật, và là sự sống” (Ga 14,6). Khi nhìn ngắm Người
bằng đức tin, các Kitô hữu có thể hy vọng chính Người sẽ thực
hiện nơi họ những điều Người đã hứa, và khi yêu mến Người bằng
tình yêu mà Người đã yêu mến họ, họ có thể thực hiện được những
việc phù hợp với phẩm giá của mình:

“Tôi xin bạn hãy coi Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, là Đầu thật
của bạn và bạn là một trong các chi thể của Người... Người đối
với bạn cũng như đầu đối với các chi thể; mọi sự của Người, là
của bạn: tinh thần, trái tim, thân thể, linh hồn và mọi khả năng
của Người, ... bạn phải sử dụng tất cả như của riêng bạn để phục
vụ, ca ngợi, yêu mến và tôn vinh Thiên Chúa. Nhưng bạn thuộc
về Người, như chi thể thuộc về đầu, vì vậy Người hết sức khao
khát sử dụng tất cả các tài năng của bạn, như là của Người, để
phục vụ và tôn vinh Cha Người”²⁰.

“Đối với tôi, sống là Đức Kitô” (Pl 1,21).

²⁰ Thánh Gioan Eudes, *Le Coeur admirable de la Très Sacrée Mère de Dieu*, 1, 5: *Oeuvres complètes*, v. 6 (Paris 1908) 113-114.

ĐOẠN THỨ NHẤT

ƠN GỌI CỦA CON NGƯỜI: SỐNG TRONG THẦN KHÍ

SECTIO PRIMA

VOCATIO HOMINIS: VITA IN SPIRITU

1699. Đời sống trong Thần Khí hoàn thành ơn gọi của con người (*Chương Một*). Đời sống này cốt tạc tại đức mến thần linh và sự liên đới nhân loại (*Chương Hai*). Đời sống này được trao ban cách nhưng không như ơn cứu độ (*Chương Ba*).

CHƯƠNG MỘT

PHẨM GIÁ CỦA NHÂN VỊ

CAPUT PRIMUM

PERSONAE HUMANAЕ DIGNITAS

³⁵⁶ **1700.** Phẩm giá của nhân vị bắt nguồn từ việc con người được tạo dựng theo hình ảnh và giống như Thiên Chúa (*Mục 1*); phẩm giá này được hoàn thành trong ơn gọi đến hưởng vinh phúc thần linh (*Mục 2*). Trách nhiệm của con người là tự nguyện hướng tới sự hoàn thành đó (*Mục 3*). Bằng những hành vi có ý thức của mình (*Mục 4*), nhân vị sống phù hợp hay không phù hợp với điều thiện hảo mà Thiên Chúa đã hứa và lương tâm chứng nhận (*Mục 5*). Người ta tự xây dựng bản thân mình và tăng trưởng nội tâm: họ sử dụng toàn bộ đời sống cảm giác và tinh thần của họ làm chất liệu cho sự tăng trưởng của mình (*Mục 6*). Nhờ ân sủng trợ giúp, họ tăng trưởng về nhân đức (*Mục 7*), xa lánh tội lỗi, và nếu đã phạm ¹⁴³⁹ tội, họ sẽ như đứa con hoang đàng¹, phớt lờ cho lòng thương xót của Cha chúng ta trên trời (*Mục 8*). Như vậy, con người đạt tới sự trọn hảo của đức mến.

¹ X. Lc 15,11-31.

Mục 1

Con người là hình ảnh của Thiên Chúa

Articulus 1

Homo imago Dei

- 1701.** “Đức Kitô, ... chính khi mạc khải về mầu nhiệm của Chúa Cha và về tình yêu của Ngài, đã biểu lộ cho con người cách rất đầy đủ về chính họ và cho họ thấy ơn gọi rất cao cả của họ”². Trong Đức Kitô, “Thánh Tử là hình ảnh Thiên Chúa vô hình” (Cl 1,15)³, con người được tạo dựng “theo hình ảnh và giống như” Đấng Tạo Hoá. Trong Đức Kitô, Đấng Cứu chuộc và Cứu độ, hình ảnh thần linh, đã bị biến dạng nơi con người vì nguyên tội, nay được phục hồi trong vẻ đẹp nguyên thủy của nó và còn được nên cao trọng nhờ ân sủng của Thiên Chúa⁴. 359
- 1702.** Hình ảnh thần linh hiện diện trong từng con người. Hình ảnh đó rực sáng trong sự hiệp thông của các nhân vị, giống như sự duy nhất giữa các Ngôi Vị thần linh với nhau (x. *Chương Hai*). 1878
- 1703.** Được phú ban một linh hồn thiêng liêng và bất tử⁵, nhân vị là “thụ tạo duy nhất nơi trần thế mà Thiên Chúa đã muốn vì chính nó”⁶. Ngay từ lúc tượng thai của mình, nhân vị được định hướng tới vinh phúc vĩnh cửu. 363 2258
- 1704.** Nhân vị được tham dự vào ánh sáng và sức mạnh của Thần Khí Thiên Chúa. Nhờ lý trí, nó có khả năng để hiểu biết trật tự muôn loài do Đấng Tạo Hoá thiết lập. Nhờ ý chí, nó có khả năng để hướng mình tới điều thiện hảo thật của mình. Nó theo đuổi sự trọn hảo của mình bằng cách tìm kiếm và yêu mến những điều thiện hảo đích thực⁷. 339 30
- 1705.** Vì có linh hồn và các tài năng tinh thần là lý trí và ý chí, con người được phú ban sự tự do, là “đấu chỉ tuyệt hảo của hình ảnh thần linh”⁸. 1730

² X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 22: AAS 58 (1966) 1042.

³ X. 2 Cr 4,4.

⁴ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 22: AAS 58 (1966) 1042.

⁵ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 14: AAS 58 (1966) 1036.

⁶ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 24: AAS 58 (1966) 1045.

⁷ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 15: AAS 58 (1966) 1036.

⁸ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 17: AAS 58 (1966) 1037.

- 1776 **1706.** Nhờ lý trí, con người nhận ra tiếng Thiên Chúa thúc đẩy mình “làm điều tốt và tránh điều xấu”⁹. Mỗi người phải vâng theo lề luật này, một lề luật đang vang vọng trong lương tâm, một lề luật được chu toàn trong sự mến Chúa yêu người. Việc thực thi đời sống luân lý chứng tỏ phẩm giá của nhân vị.
- 397 **1707.** “Tuy nhiên, ngay từ lúc khởi đầu lịch sử, con người bị thần Dữ cám dỗ, nên đã lạm dụng tự do của mình”¹⁰. Họ sa chước cám dỗ và làm điều xấu. Con người vẫn còn khát khao điều tốt, nhưng bản tính con người đã mang vết thương của nguyên tội. Con người trở thành bị nghiêng chiều về điều xấu và dễ bị sai lầm:
- “Con người đã bị chia rẽ trong chính bản thân mình. Vì vậy, toàn bộ đời sống con người, cả cá nhân cả tập thể, đều biểu hiện như một cuộc chiến bi thảm, giữa điều tốt và điều xấu, giữa ánh sáng và tối tăm”¹¹.
- 617 **1708.** Bằng cuộc khổ nạn của Người, Đức Kitô đã giải thoát chúng ta khỏi Satan và tội lỗi. Người lập công cho chúng ta có sự sống mới trong Chúa Thánh Thần. Ân sủng của Người phục hồi những gì tội lỗi đã làm hư hỏng nơi chúng ta.
- 1265 **1709.** Ai tin vào Đức Kitô thì trở nên con cái Thiên Chúa. Ông được làm nghĩa tử này biến đổi người ấy, giúp họ sống theo mẫu gương Đức Kitô. Ông này ban cho họ khả năng hành động đúng đắn và thực thi điều tốt. Được kết hợp với Đấng Cứu độ của mình, người môn đệ đạt tới sự trọn hảo của đức mến, là sự thánh thiện. Được hoàn thiện trong ân sủng, đời sống luân lý sẽ được triển nở thành
- 1050 sự sống vĩnh cửu trong vinh quang trên trời.

TÓM LƯỢC

1710. “Đức Kitô... đã biểu lộ cho con người cách rất đầy đủ về chính họ và cho họ thấy ơn gọi rất cao cả của họ”¹².

1711. Được phú ban một linh hồn thiêng liêng, lý trí và ý chí, ngay từ lúc tượng thai, nhân vị đã được quy hướng về Thiên Chúa và được tiền định hướng tới vinh phúc muôn đời. Nó theo đuổi sự trọn hảo của mình bằng cách tìm kiếm và yêu mến những điều thiện hảo đích thực¹³.

⁹ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 16: AAS 58 (1966) 1037.

¹⁰ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 13: AAS 58 (1966) 1034.

¹¹ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 13: AAS 58 (1966) 1035.

¹² CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 22: AAS 58 (1966) 1042.

¹³ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 15: AAS 58 (1966) 1036.

1712. “Sự tự do đích thực là dấu chỉ tuyệt hảo của hình ảnh thần linh nơi con người”¹⁴.

1713. Con người phải vâng theo luật luân lý thúc đẩy họ “làm điều tốt và tránh điều xấu”¹⁵. Luật này vang vọng trong lương tâm của họ.

1714. Con người, vì nguyên tội, đã bị tổn thương trong bản tính của mình, nên dễ bị sai lầm và nghiêng chiều về sự dữ khi sử dụng tự do của mình.

1715. Ai tin vào Đức Kitô thì có sự sống mới trong Chúa Thánh Thần. Đời sống luân lý, được tăng trưởng và hoàn thiện trong ân sủng, sẽ được hoàn tất trong vinh quang trên trời.

Mục 2

Ôn gọi của chúng ta là đến hưởng vinh phúc

Articulus 2

Nostra ad beatitudinem vocatio

I. CÁC MỐI PHÚC BEATITUDINES

1716. Các mối phúc là trung tâm lời rao giảng của Chúa Giêsu. 2546
Việc công bố các mối phúc là lặp lại các lời hứa đã được ban cho dân Chúa chọn khởi từ tổ phụ Abraham. Các mối phúc kiện toàn các lời hứa này, bằng cách không còn chỉ hướng đến việc thừa hưởng một mảnh đất nữa, nhưng là hướng đến Nước Trời:

“Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó,
vì Nước Trời là của họ.

Phúc thay ai hiền lành,
vì họ sẽ được Đất Hứa làm gia nghiệp.

Phúc thay ai sầu khổ,
vì họ sẽ được Thiên Chúa ủi an.

Phúc thay ai khát khao nên người công chính,
vì họ sẽ được Thiên Chúa cho thỏa lòng.

Phúc thay ai xót thương người,
vì họ sẽ được Thiên Chúa xót thương.

Phúc thay ai có tâm hồn trong sạch,
vì họ sẽ được nhìn thấy Thiên Chúa.

¹⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 17: AAS 58 (1966) 1037.

¹⁵ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 16: AAS 58 (1966) 1037.

Phúc thay ai xây dựng hoà bình,
 vì họ sẽ được gọi là con Thiên Chúa.
 Phúc thay ai bị bách hại vì sống công chính,
 vì Nước Trời là của họ.
 Phúc thay anh em khi vì Thầy mà bị người ta sỉ vả,
 bách hại và vu khống đủ điều xấu xa.
 Anh em hãy vui mừng hơn hở,
 vì phần thưởng dành cho anh em ở trên trời thật lớn lao”
 (Mt 5,3-12).

- 459 **1717.** Các mối phúc phác hoạ dung mạo của Chúa Giêsu Kitô và mô tả tình yêu của Người; chúng diễn tả ơn gọi của các tín hữu, những người được đồng phần trong vinh quang của cuộc khổ nạn và sự phục sinh của Người; chúng minh hoạ những hành động và thái độ đặc trưng của đời sống Kitô giáo; chúng là những lời hứa
- 1820 nghịch lý, nâng đỡ niềm hy vọng trong những lúc gian truân; chúng loan báo cho các môn đệ những phúc lành và ân thưởng đã được quyết định tuy còn ẩn khuất; chúng đã được khởi đầu trong đời sống của Đức Trinh Nữ Maria và của tất cả các Thánh.

II. KHAO KHÁT HẠNH PHÚC

FELICITATIS DESIDERIUM

- 27 **1718.** Các mối phúc đáp ứng khao khát tự nhiên là được hạnh
- 1024 phúc. Khao khát này có nguồn gốc thần linh; Thiên Chúa đã đặt niềm khao khát đó trong trái tim con người để lôi kéo họ đến với Ngài, Đấng duy nhất có thể làm thỏa mãn sự khao khát này:
- “Chắc chắn mọi người chúng ta đều muốn sống hạnh phúc; và trong dòng giống loài người, không ai không đồng ý với điều này, cả trước khi nó được phát biểu cách rõ ràng”¹⁶.
- 2541 “Lạy Chúa, con phải tìm Chúa thế nào? Quả thật, khi con tìm Chúa là Thiên Chúa của con, là con tìm đời sống hạnh phúc. Con muốn tìm Chúa, để linh hồn con được sống. Vì thân xác con sống nhờ linh hồn con và linh hồn con sống nhờ Chúa”¹⁷.
- “Chỉ có Thiên Chúa mới làm no thỏa”¹⁸.
- 1950 **1719.** Các mối phúc cho thấy mục tiêu của sự hiện hữu nhân linh, mục đích tối hậu của các hành vi nhân linh: Thiên Chúa kêu gọi chúng ta đến hưởng vinh phúc riêng của Ngài. Ơn gọi này được gửi cho từng người một cách cá vị, nhưng cũng cho toàn thể Hội

¹⁶ Thánh Augustinô, *De moribus Ecclesiae catholicae*, 1, 3, 4: CSEL 90, 6 (PL 32, 1312).

¹⁷ Thánh Augustinô, *Confessiones*, 10, 20, 29: CCL 27, 170 (PL 32, 791).

¹⁸ Thánh Tôma Aquinô, *In Symbolum Apostolorum scilicet “Credo in Deum” expositio*, c. 15: *Opera omnia*, v. 27 (Parisiis 1875) 228.

Thánh, là dân mới của những người đón nhận lời hứa và sống trong lòng tin vào lời hứa đó.

III. VINH PHÚC KITÔ GIÁO

BEATITUDO CHRISTIANA

1720. Tân Ước dùng nhiều kiểu nói để diễn tả vinh phúc mà Thiên Chúa kêu gọi con người đến hưởng: sự ngự đến của Nước Thiên Chúa¹⁹; sự nhìn thấy Thiên Chúa: “Phúc thay ai có tâm hồn trong sạch, vì họ sẽ được nhìn thấy Thiên Chúa” (Mt 5,8)²⁰; vào hưởng niềm vui của Chúa²¹; vào chốn yên nghỉ của Thiên Chúa²²: 1027

“Ở đó chúng ta sẽ yên nghỉ và chiêm ngắm, chúng ta sẽ chiêm ngắm và yêu mến, chúng ta sẽ yêu mến và ca ngợi. Đó sẽ là cùng đích vô tận. Vậy chúng ta còn có cùng đích nào khác, nếu không phải là đạt tới Nước vô cùng vô tận?”²³

1721. Thiên Chúa đã đặt chúng ta ở trần gian để chúng ta nhận biết Ngài, phục vụ Ngài và yêu mến Ngài để như vậy chúng ta đạt tới thiên đàng. Vinh phúc làm cho chúng ta “được thông phần bản tính Thiên Chúa” (2 Pr 1,4) và sự sống muôn đời²⁴. Với vinh phúc này, con người bước vào vinh quang của Đức Kitô²⁵ và vào vui hưởng sự sống của Chúa Ba Ngôi. 260

1722. Vinh phúc như vậy vượt quá sự hiểu biết và sức lực riêng của con người. Vinh phúc đó được ban do hồng ân nhưng không của Thiên Chúa. Vì vậy, nó được gọi là siêu nhiên, cũng như ân sủng chuẩn bị con người vào vui hưởng Thiên Chúa. 1028

“Phúc thay những người có trái tim trong sạch, vì họ sẽ được nhìn thấy Thiên Chúa’. Nhưng vì sự cao cả và vinh quang khôn tả của Ngài, nên ‘không ai trông thấy Ngài mà còn sống được’, tuy nhiên, Chúa Cha, Đấng không thể đạt thấu, do tình yêu và lòng nhân hậu của Ngài, và bởi vì Ngài có thể làm được mọi sự, cũng đã ban cho những ai yêu mến Ngài điều này, là được nhìn thấy Ngài: vì ‘những gì đối với loài người là không thể được, thì đối với Thiên Chúa lại là có thể’²⁶. 294

1723. Vinh phúc được hứa ban đặt chúng ta trước những lựa chọn luân lý có tính quyết định. Vinh phúc đó mời gọi chúng ta thanh 2519

¹⁹ X. Mt 4,17

²⁰ X. 1 Ga 3,2; 1 Cr 13,12.

²¹ X. Mt 25,21.23.

²² X. Dt 4,7-11.

²³ Thánh Augustinô, *De civitate Dei*, 22, 30: CSEL 40/2, 670 (PL 41, 804).

²⁴ X. Ga 17,3.

²⁵ X. Rm 8,18.

²⁶ Thánh Irênê, *Adversus haereses*, 4, 20, 5: SC 100, 638.

luyện trái tim khỏi những bản năng xấu và tìm kiếm tình yêu của Thiên Chúa trên hết mọi sự. Nó dạy chúng ta biết rằng hạnh phúc thật không cốt tại của cải trần thế hoặc tiện nghi, cũng không phải trong vinh quang nhân loại hay quyền lực, cũng không phải trong công trình nhân loại nào, cho dù là hữu ích, như khoa học, kỹ thuật và nghệ thuật, cũng không ở trong bất cứ tạo vật nào, nhưng duy chỉ ở nơi Thiên Chúa, là nguồn mạch mọi điều thiện hảo và mọi tình yêu:

“Ngày nay, giàu sang là vị thần vĩ đại; nhiều người, hàng lớp người tự nguyện sùng bái vị thần này. Họ đo lường hạnh phúc bằng tài sản; họ đo lường cả sự đáng kính cũng bằng tài sản.... Điều đó phát sinh do sự xác tín của chúng ta ... theo đó thì có tiền thì mọi sự đều có thể. Vì vậy giàu sang là một trong những ngẫu tượng của thời đại ngày nay, và danh tiếng là một ngẫu tượng khác.... Danh tiếng, được người ta biết đến, có tiếng tăm ở trần gian, đưa đến chỗ chính danh tiếng được coi là điều thiện hảo, là điều thiện hảo cao cả, là đối tượng cho người ta kính trọng... Đó có thể được gọi là sự nổi tiếng trên báo chí”²⁷.

1724. Mười Điều Răn, Bài giảng trên núi và giáo lý của các Tông Đồ mô tả cho chúng ta những con đường dẫn đến Nước Trời. Chúng ta tiến từng bước trên những con đường này qua những hành vi hằng ngày, được nâng đỡ bởi ân sủng của Chúa Thánh Thần. Được sinh sôi nảy nở bằng lời Đức Kitô, chúng ta từ từ mang lại hoa trái trong Hội Thánh để tôn vinh Thiên Chúa²⁸.

TÓM LƯỢC

1725. Các mối phúc lặp lại và kiện toàn các lời hứa của Thiên Chúa khởi từ tổ phụ Abraham bằng việc quy hướng các lời hứa đó đến Nước Trời. Chúng đáp ứng niềm khao khát hạnh phúc mà Thiên Chúa đã đặt trong trái tim con người.

1726. Các mối phúc dạy chúng ta biết cùng đích tối hậu mà Thiên Chúa kêu gọi chúng ta đạt tới: Nước Thiên Chúa, nhìn thấy Thiên Chúa, thông phần bản tính thần linh, sự sống muôn đời, làm con Thiên Chúa và yên nghỉ trong Thiên Chúa.

1727. Vinh phúc được sống muôn đời là hồng ân nhưng không của Thiên Chúa; vinh phúc này, cũng như ân sủng dẫn đưa chúng ta đến đó, đều là hồng ân siêu nhiên.

²⁷ Gioan Henri Newman, *Discourses addressed to Mixed Congregations*, 5 [*Saintliness the Standard of Christian Principle*] (Westminster 1966) 89-91.

²⁸ X. dụ ngôn Người gieo giống, Mt 13,3-23.

1728. Các mối phúc đặt chúng ta trước những lựa chọn luân lý có tính quyết định về của cải trần thế; chúng thanh luyện trái tim chúng ta để dạy chúng ta yêu mến Thiên Chúa trên hết mọi sự.

1729. Vinh phúc trên trời ấn định những tiêu chuẩn để phân định việc sử dụng của cải trần thế theo Lê luật của Thiên Chúa.

Mục 3

Sự tự do của con người

Articulus 3

Hominis libertas

1730. Thiên Chúa đã tạo dựng con người có lý trí, khi ban cho họ phẩm giá của một ngôi vị, có khả năng khởi xướng và điều khiển các hành vi của mình. “Thiên Chúa đã muốn con người ‘tự quyết định lấy’ (Hc 15,14), để chính họ tự nguyện tìm kiếm Đấng Tạo Hoá của mình và tự do đạt tới sự hoàn hảo sung mãn và hạnh phúc bằng việc kết hợp với Ngài”²⁹. 30

“Con người có lý trí, và do đó giống như Thiên Chúa; con người được dựng nên có tự do trong sự quyết định và có quyền trên chính mình”³⁰.

I. TỰ DO VÀ TRÁCH NHIỆM

LIBERTAS ET RESPONSABILITAS

1731. Tự do là khả năng, bắt nguồn từ lý trí và ý chí, có thể hành động hay không hành động, có thể làm việc này hoặc việc khác, và như vậy, tự mình làm những hành động có ý thức. Nhờ có ý chí tự do, mỗi người tự quyết định về chính bản thân mình. Trong con người, sự tự do là một sức mạnh để tăng trưởng và trưởng thành trong chân lý và điều thiện. Sự tự do đạt tới mức hoàn hảo, khi nó được quy hướng về Thiên Chúa, là vinh phúc của chúng ta. 1721

1732. Bao lâu sự tự do chưa được xác định cách vĩnh viễn nơi sự thiện tối thượng, là Thiên Chúa, thì nó vẫn còn có khả năng *lựa chọn giữa điều tốt và điều xấu*, nghĩa là có thể tiến tới sự trọn hảo hoặc có thể sai lỗi và phạm tội. Tự do là nét đặc trưng của các 396 1849

²⁹ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 17: AAS 58 (1966) 1037.

³⁰ Thánh Irêne, *Adversus haereses*, 4, 4, 3: SC 100, 424 (PG 7, 983).

hành vi nhân linh. Tự do là nguồn mạch để được ca tụng hoặc bị
2006 khiển trách, nguồn mạch của công trạng hoặc tội trạng.

1803 **1733.** Ai càng làm điều tốt, người đó càng trở nên tự do. Không có
tự do đích thực nếu không phục vụ điều thiện và chân lý. Chọn sự
bất tuân và điều xấu, là lạm dụng tự do và sự lựa chọn này đưa
chúng ta vào vòng nô lệ tội lỗi³¹.

1036 **1734.** Vì có tự do, con người phải chịu *trách nhiệm* về các hành vi
1804 của mình theo mức độ các hành vi này do chính họ muốn. Sự tiến
tối về nhân đức, sự nhận biết điều thiện và sự khổ chế làm gia
tăng việc làm chủ của ý chí đối với các hành vi của mình.

597 **1735.** Việc quy tội và trách nhiệm của một hành động nào đó có
thể được giảm thiểu và thậm chí được loại bỏ vì lý do không biết,
không chú ý, do áp lực, do sợ hãi, do thói quen, do quá gấn bó, và
do các nguyên nhân khác về tâm thần hoặc xã hội.

2568 **1736.** Mọi hành vi được muốn cách trực tiếp đều quy trách nhiệm
về tác giả hành vi đó:

Chẳng hạn, Chúa hỏi ông Adam sau khi ông phạm tội trong vườn địa
đàng: “Người đã làm gì thế?” (St 3,13). Cũng một cách đó, Chúa hỏi ông
Cain³². Tiên tri Nathan cũng hỏi như vậy với vua David sau khi vua phạm
tội ngoại tình với vợ ông Uria và ra lệnh giết ông này³³.

Một hành vi có thể là chủ ý cách gián tiếp, khi nó là hậu quả của sự
chênh mảng đối với điều phải biết hay phải làm, thí dụ gây ra một tai
nạn vì không biết luật giao thông.

2263 **1737.** Một hậu quả, do tác giả không chủ ý gây nên, có thể được dung
thứ; thí dụ người mẹ bị kiệt sức vì chăm sóc đứa con đau yếu. Một hậu
quả xấu sẽ không bị quy tội, nếu nó không phải là mục đích hay phương
tiện của một hành động cố ý, thí dụ một người bị thiệt mạng vì cứu người
đang gặp nguy hiểm. Để một hậu quả xấu bị quy tội, hậu quả này phải có
thể được thấy trước, và tác giả có khả năng tránh được hậu quả đó, thí dụ
trường hợp làm chết người do lái xe trong tình trạng say rượu.

1738. Sự tự do được thực thi trong các tương quan giữa người với
người. Mỗi nhân vị, được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa, có
quyền tự nhiên được công nhận như một hữu thể tự do và có trách
nhiệm. Mọi người có bổn phận tôn trọng quyền đó của mỗi người.
Quyền sử dụng sự tự do là một đòi hỏi không thể tách biệt khỏi
phẩm giá của nhân vị, đặc biệt trong lãnh vực luân lý và tôn

³¹ X. Rm 6,17.

³² X. St 4,10.

³³ X. 2 Sm 12,7-15.

giáo³⁴. Quyền này phải được luật dân sự công nhận và bảo vệ trong các giới hạn của công ích và trật tự công cộng chính đáng³⁵. 2106
210

II. SỰ TỰ DO CỦA CON NGƯỜI TRONG NHIỆM VỤ CỨU ĐỘ LIBERTAS HUMANA IN OECONOMIA SALUTIS

1739. *Sự tự do và tội lỗi.* Sự tự do của con người thì có giới hạn và có thể lầm lạc. Quả thật, con người đã sa ngã. Con người đã phạm tội cách tự do. Khi từ chối kế hoạch yêu thương của Thiên Chúa, con người đã tự lừa dối mình; và trở thành nô lệ của tội lỗi. Sự tha hoá đầu tiên này đã sinh ra nhiều sự tha hoá khác. Lịch sử nhân loại, ngay từ những lúc khởi đầu, làm chứng rằng những tai họa và áp bức đã phát sinh từ trái tim con người, như hậu quả của việc sử dụng sai sự tự do. 387
401

1740. *Những nguy hiểm đe dọa sự tự do.* Việc thực thi sự tự do không bao hàm quyền được nói mọi sự và làm mọi sự. Thật là sai lầm khi cho rằng “con người, một chủ thể của tự do, là một cá nhân tự đủ cho mình, và mục tiêu tối hậu của cá nhân đó, là thoả mãn các sở thích của mình bằng cách hưởng thụ các của cải trần thế”³⁶. Ngoài ra, những điều kiện về trật tự kinh tế và xã hội, chính trị và văn hóa phải có để thực thi tự do cách chính đáng, rất thường không được biết tới và bị vi phạm. Những tình trạng đen tối và bất công này làm băng hoại đời sống luân lý và cảm dỗ kẻ mạnh cũng như người yếu phạm tội nghịch đức bác ái. Con người, khi tách biệt mình khỏi luật luân lý, làm tổn thương sự tự do riêng của mình, tự trói buộc mình, cắt đứt tình huynh đệ với đồng loại và nổi loạn chống lại chân lý thần linh. 2108
1887

1741. *Sự giải thoát và cứu độ.* Đức Kitô, nhờ thập giá vinh quang của Người, đã mang lại ơn cứu độ cho tất cả mọi người. Người cứu chuộc họ khỏi tội lỗi đang cầm giữ họ làm nô lệ. “Chính để chúng ta được tự do mà Đức Kitô đã giải thoát chúng ta” (Gl 5,1). Trong Người, chúng ta được hiệp thông với chân lý giải thoát chúng ta³⁷. Chúa Thánh Thần đã được ban cho chúng ta và như thánh Tông Đồ dạy: “Ở đâu có Thần Khí của Chúa thì ở đó có tự do” (2 Cr 3,17). Ngay bây giờ, chúng ta được vinh dự về sự tự do của con cái Thiên Chúa³⁸. 782

1742. *Sự tự do và ân sủng.* Ân sủng của Đức Kitô không hề đối nghịch với sự tự do của chúng ta, khi sự tự do này phù hợp với ý 2002

³⁴ X. CD Vaticanô II, Tuyên ngôn *Dignitatis humanae*, 2: AAS 58 (1966) 930-931.

³⁵ X. CD Vaticanô II, Tuyên ngôn *Dignitatis humanae*, 7: AAS 58 (1966) 934-935.

³⁶ Thánh bộ Giáo lý Đức Tin, Huấn thị *Libertatis conscientia*, 13: AAS 79 (1987) 559.

³⁷ X. Ga 8,32.

³⁸ X. Rm 8,21.

1784 nghĩa của chân lý và điều thiện mà Thiên Chúa đã đặt trong trái tim con người. Trái lại, như kinh nghiệm Kitô giáo chứng tỏ nhất là trong việc cầu nguyện, chúng ta càng ngoan ngoãn đối với những thúc đẩy của ân sủng, thì càng được gia tăng sự tự do nội tâm của chúng ta và sự vững vàng của chúng ta trong các thử thách, cũng như trước những áp lực và cưỡng bách của thế giới bên ngoài. Bằng tác động của ân sủng, Chúa Thánh Thần giáo dục chúng ta về sự tự do thiêng liêng, để làm cho chúng ta trở thành những cộng sự viên tự nguyện cho công trình của Ngài trong Hội Thánh và trong trần gian:

“Lạy Thiên Chúa toàn năng và nhân hậu, xin đẩy xa những gì cản bước tiến của chúng con trên đường về với Chúa, để một khi xác hồn thanh thản, chúng con được hoàn toàn tự do thực hiện ý Chúa”³⁹.

TÓM LƯỢC

1743. *“Thiên Chúa đã muốn con người tự quyết định lấy” (Hc 15,14) để họ có thể tự nguyện gắn bó với Đấng Tạo Hoá của mình và như vậy có thể đạt tới vinh phúc hoàn hảo*⁴⁰.

1744. *Sự tự do là khả năng để hành động hay không hành động và như vậy tự mình làm những hành động có ý thức. Sự tự do đạt tới mức hoàn hảo khi nó được quy hướng về Thiên Chúa là sự thiện tối thượng.*

1745. *Tự do là nét đặc trưng của các hành vi nhân linh. Vì có tự do, con người phải chịu trách nhiệm về các hành vi mình chủ ý làm. Hành động chủ ý thuộc về chính tác giả.*

1746. *Việc quy tội và trách nhiệm của một hành động nào đó có thể được giảm thiểu hay được loại bỏ vì lý do không biết, do áp lực, do sợ hãi, và do các nguyên nhân khác về tâm thần hoặc xã hội.*

1747. *Quyền sử dụng sự tự do là một đòi hỏi không thể tách biệt khỏi phẩm giá của nhân vị, đặc biệt trong lãnh vực tôn giáo và luân lý. Nhưng việc thực thi sự tự do không bao hàm quyền tiên quyết được làm mọi sự hoặc nói mọi sự.*

1748. *“Chính để chúng ta được tự do mà Đức Kitô đã giải thoát chúng ta” (Gl 5,1).*

³⁹ Chúa Nhật XXXII Mùa thường niên, Lời nguyện nhập lễ : Sách Lễ Rôma, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 371.

⁴⁰ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 17: AAS 58 (1966) 1037.

Mục 4

Tính luân lý của các hành vi nhân linh

Articulus 4

Actuum humanorum moralitas

1749. Sự tự do làm cho con người thành một chủ thể luân lý. Con người, khi hành động một cách có chủ ý, có thể nói được là *cha đẻ các hành vi của mình*. Các hành vi nhân linh, nghĩa là, các hành vi đã được lựa chọn cách tự do theo phán đoán của lương tâm, đều có tính luân lý: chúng là những hành vi tốt hoặc xấu. 1732

I. CÁC NGUỒN MẠCH CỦA TÍNH LUÂN LÝ FONTES MORALITATIS

1750. Tính luân lý của các hành vi nhân linh tùy thuộc vào:

- đối tượng được lựa chọn;
- mục đích nhắm tới hoặc ý hướng;
- các hoàn cảnh của hành động.

Đối tượng, ý hướng và các hoàn cảnh tạo nên các “nguồn mạch”, còn gọi là các yếu tố cấu thành, của tính luân lý của các hành vi nhân linh.

1751. *Đối tượng* được lựa chọn là điều thiện được ý chí chủ ý nhắm tới. Đó là chất liệu của hành vi nhân linh. *Đối tượng* được lựa chọn xếp loại hành vi của ý chí về mặt luân lý, theo như lý trí nhận biết và phán đoán đối tượng ấy phù hợp hay không phù hợp với điều thiện đích thực. Những quy tắc khách quan của tính luân lý vạch cho thấy trật tự hợp lý về điều tốt và điều xấu, một trật tự được lương tâm xác nhận. 1794

1752. Đối diện với đối tượng, *ý hướng* ở về phía chủ thể hành động. Vì ý hướng là từ nguồn mạch chủ ý của một hành động và xác định hành động đó nhờ mục đích, nên nó là yếu tố căn bản trong việc đánh giá tính luân lý của hành động. Mục đích là điểm đầu tiên của ý hướng và đưa ra mục tiêu mà hành động theo đuổi. Ý hướng là động thái của ý chí hướng tới mục đích; nhắm đến đích điểm của hành động. Ý hướng là việc nhắm tới điều thiện được mong đợi khi bắt đầu hành động. Ý hướng không bị thu hẹp vào việc định hướng cho từng hành động riêng lẻ, nhưng có thể quy hướng nhiều hành động nhắm đến cùng một mục tiêu; ý hướng có thể định hướng cả 2520

1731 cuộc đời nhắm đến mục đích tối hậu. Chẳng hạn, một việc phục vụ được thực hiện có mục đích là giúp đỡ người lân cận, nhưng đồng thời nó có thể được linh hứng bởi tình yêu Thiên Chúa, xét như mục đích tối hậu của mọi hành động của chúng ta. Cùng một hành động cũng có thể được gọi hứng do nhiều ý hướng, như phục vụ để nhận được một đặc ân hoặc để khoe khoang.

2479 **1753.** Một ý hướng tốt (thí dụ: giúp đỡ người lân cận) không thể làm cho một hành động tự nó là sai trái (như nói dối, nói xấu), trở thành tốt hay đúng. Mục đích không biện minh cho các phương tiện. Như vậy việc kết án người vô tội không thể được biện minh như một phương tiện hợp pháp để cứu dân. Trái lại, một ý hướng xấu được thêm vào (như tìm hư danh) có thể làm cho một hành vi tự nó có thể là tốt (như việc bố thí⁴¹) trở thành xấu.

596 **1754.** Các hoàn cảnh, gồm cả những hậu quả, là những yếu tố phụ thuộc của một hành vi luân lý. Chúng góp phần làm gia tăng hay giảm thiểu tính chất tốt hay xấu về mặt luân lý của các hành vi nhân linh (thí dụ số lượng của một vụ ăn cắp nào đó). Chúng cũng có thể làm giảm thiểu hay gia tăng trách nhiệm của tác giả (như hành động vì sợ chết). Tự chúng, các hoàn cảnh không thể thay đổi phẩm chất luân lý của chính các hành vi; chúng không thể làm cho một hành vi tự nó là xấu, có thể trở nên tốt hay đúng.

1735

II. HÀNH VI TỐT VÀ HÀNH VI XẤU

ACTUS BONI ET ACTUS MALI

1755. Một hành vi tốt về mặt luân lý đồng thời giả thiết đối tượng, mục đích và các hoàn cảnh đều phải tốt. Mục đích xấu làm hư hoại hành động, mặc dù đối tượng của hành động tự nó là tốt (như cầu nguyện và ăn chay để được người ta trông thấy).

Đối tượng được lựa chọn có thể một mình nó làm cho toàn bộ hành động trở nên xấu. Có những hành động cụ thể – như tội tà dâm – mà việc lựa chọn chúng là luôn luôn sai lầm, bởi vì việc lựa chọn chúng đã bao hàm một sự lệch lạc của ý chí, nghĩa là, một điều xấu luân lý.

1789

1756. Vì vậy, là sai lầm, nếu thẩm định tính luân lý của các hành vi nhân linh, mà chỉ quan tâm đến ý hướng gợi hứng cho các hành vi đó, hoặc các hoàn cảnh như là “sân khấu” của các hành vi đó (môi trường, áp lực xã hội, sự cưỡng bách hoặc nhu cầu phải hành động...). Có những hành vi, tự nó và trong nó, hoàn toàn độc lập khỏi các hoàn cảnh và các ý hướng, luôn là bất hợp pháp một cách nghiêm trọng do đối tượng của chúng; chẳng hạn lộng ngôn và thề

⁴¹ X. Mt 6,2-4.

gian, sát nhân và ngoại tình. Không được phép làm điều xấu, để từ đó đạt tới điều tốt.

TÓM LƯỢC

1757. *Đối tượng, ý hướng và các hoàn cảnh tạo nên ba “nguồn mạch” của tính luân lý của các hành vi nhân linh.*

1758. *Đối tượng được lựa chọn xếp loại hành vi của ý chí về mặt luân lý, theo như lý trí nhận biết và phán đoán đối tượng ấy là tốt hay xấu.*

1759. *“Không việc xấu nào được biện minh bằng ý hướng tốt”⁴². Mục đích không biện minh cho các phương tiện.*

1760. *Một hành vi tốt về mặt luân lý đồng thời giả thiết phải có đối tượng, mục đích và các hoàn cảnh đều tốt.*

1761. *Có những hành động cụ thể mà việc lựa chọn chúng là luôn luôn sai lầm, bởi vì việc lựa chọn chúng đã bao hàm một sự lệch lạc của ý chí, nghĩa là, một điều xấu luân lý. Không được phép làm điều xấu để từ đó đạt tới điều tốt.*

Mục 5

Tính luân lý của các đam mê

Articulus 5

Passionum moralitas

1762. Nhân vị được quy hướng tới vinh phúc nhờ những hành vi chủ ý của mình: các đam mê hoặc tình cảm mà nó cảm nghiệm, có thể chuẩn bị hoặc góp phần giúp nó đạt tới vinh phúc đó.

I. CÁC ĐAM MÊ

PASSIONES

1763. Thuật ngữ “các đam mê” thuộc về gia sản Kitô giáo. Các tình cảm hoặc các đam mê là những cảm xúc, những chuyển biến hay những rung động của sự nhạy cảm, chúng thúc đẩy con người hành

⁴² Thánh Tôma Aquinô, *In duo praecepta caritatis et in decem Legis praecepta expositio*, c. 6: *Opera omnia*, v. 27 (Parisiis 1875) 149.

động hay không hành động, theo điều được cảm nhận hoặc tưởng tượng là tốt hoặc xấu.

368 **1764.** Các đam mê là những yếu tố tự nhiên của tâm lý con người. Chúng tạo thành nơi chuyển tiếp và bảo đảm mối liên kết giữa đời sống cảm giác và đời sống tinh thần. Chúa chúng ta coi trái tim con người như là nguồn mạch từ đó phát xuất các chuyển biến của đam mê⁴³.

1765. Có nhiều thứ đam mê. Đam mê căn bản nhất là tình yêu, được gọi lên do sự hấp dẫn của điều thiện. Tình yêu gây nên sự khao khát điều thiện mình chưa có và niềm hy vọng đạt được điều thiện đó. Động thái này được hoàn thành trong việc thưởng thức điều thiện đã sở hữu và trong sự vui mừng về điều đó. Sự hiểu biết điều ác gây nên lòng thù ghét, ghê tởm và sợ hãi điều ác sắp đến. Động thái này được hoàn thành trong sự buồn sầu khi điều ác hiện diện, và trong sự phẫn nộ chống lại điều ác đó.

1704 **1766.** “Yêu là muốn điều tốt cho một ai đó”⁴⁴. Tất cả những tình cảm khác đều bắt nguồn từ động thái gốc này của trái tim con người về điều tốt. Không gì khác được yêu mến trừ điều tốt⁴⁵. “Vì vậy các tình cảm là xấu, nếu là tình yêu xấu, các tình cảm là tốt, nếu là tình yêu tốt”⁴⁶.

II. CÁC ĐAM MÊ VÀ ĐỜI SỐNG LUÂN LÝ

PASSIONES ET VITA MORALIS

1860 **1767.** Các đam mê, tự chúng, thì không tốt cũng không xấu. Chúng được đánh giá về mặt luân lý tùy theo mức độ chúng lệ thuộc thật sự vào lý trí hoặc ý chí. Các đam mê được gọi là có chủ ý “hoặc khi chúng được điều khiển bởi ý chí, hoặc khi chúng không bị ngăn cản bởi ý chí”⁴⁷. Muốn đạt tới sự hoàn hảo của điều thiện về mặt luân lý hay nhân linh, các đam mê phải được điều khiển bởi lý trí⁴⁸.

1768. Những cảm giác mạnh mẽ của tâm hồn không quyết định tính luân lý hay sự thánh thiện của các nhân vị; chúng chỉ là kho chứa vô tận những hình ảnh và tình cảm trong đó đời sống luân lý được diễn tả. Về mặt luân lý, các đam mê là tốt khi đưa đến một hành động tốt, và là xấu trong trường hợp ngược lại. Ý chí ngay

⁴³ X. Mc 7,21.

⁴⁴ Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, I-II, q. 26, a. 4, c: Ed. Leon. 6, 190.

⁴⁵ X. Thánh Augustinô, *De Trinitate*, 8, 3, 4: CCL 50, 271-272 (PL 42, 949).

⁴⁶ Thánh Augustinô, *De civitate Dei*, 14, 7: CSEL 40/2, 13 (PL 41, 410).

⁴⁷ Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, I-II, q. 24, a. 1, c: Ed. Leon. 6, 179.

⁴⁸ X. Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, I-II, q. 24, a. 3, c: Ed. Leon. 6, 181.

thăng quy hướng các động thái giác quan, mà nó đảm nhận, về điều tốt và về vinh phúc; còn ý chí xấu thì ngã theo các đam mê hỗn loạn và làm cho chúng thêm tồi tệ. Các cảm xúc và cảm giác có thể được thăng hoa thành các nhân đức, hoặc bị thoái hoá thành các thói xấu.

1803
1865

1769. Trong đời sống Kitô hữu, chính Chúa Thánh Thần kiện toàn công trình của Ngài, khi động viên toàn bộ nhân vị, kể cả những đau khổ, sợ hãi và buồn phiền của họ, như ta thấy trong cơn hấp hối và cuộc khổ nạn của Chúa. Trong Đức Kitô, những tình cảm nhân loại có thể được hoàn tất trong đức mến và vinh phúc thần linh.

1770. Sự trọn hảo về mặt luân lý là con người được động viên hướng tới điều thiện không những bằng ý chí của mình, mà còn bằng sự thích thú giác quan nữa, theo như lời thánh vịnh: “Cả tấm thân con cùng là tác dạ những hướng lên Chúa Trời hằng sống mà hớn hở reo mừng” (Tv 84,3).

30

TÓM LƯỢC

1771. Thuật ngữ “đam mê” chỉ những tình cảm hay cảm giác. Nhờ những cảm xúc của mình, con người linh cảm điều tốt hoặc nghi ngờ điều xấu.

1772. Những đam mê chính là yêu và ghét, ước muốn và sợ hãi, vui, buồn và phẫn nộ.

1773. Trong các đam mê, xét như những động thái của cảm giác, không có điều tốt hoặc điều xấu về mặt luân lý. Nhưng nơi chúng có điều tốt hoặc điều xấu về mặt luân lý là do chúng lệ thuộc hay không lệ thuộc vào lý trí và ý chí.

1774. Những cảm xúc và tình cảm có thể được thăng hoa thành các nhân đức, hoặc bị thoái hoá thành các thói xấu.

1775. Sự trọn hảo của điều tốt về mặt luân lý là con người được động viên hướng tới điều thiện không những bằng ý chí, mà còn bằng cả “trái tim” của họ nữa.

Mục 6

Lương tâm

Articulus 6

Conscientia moralis

1954 **1776.** “Con người khám phá ra tận đáy lương tâm một lề luật, mà chính con người không tự đặt ra cho mình, nhưng con người phải tuân theo lề luật đó, và tiếng nói của lề luật đó, luôn luôn kêu gọi con người yêu mến và làm điều tốt cũng như tránh điều xấu, vào lúc cần thiết, tiếng nói ấy vang lên trong trái tim con người... Quả thật, con người có một lề luật được Thiên Chúa khắc ghi trong trái tim họ... Lương tâm là hạt nhân bí ẩn nhất và là cung thánh của con người, nơi con người ở một mình với Thiên Chúa, và tiếng nói của Ngài vang dội trong thẳm sâu lòng họ”⁴⁹.

I. PHÁN ĐOÁN CỦA LƯƠNG TÂM

IUDICIUM CONSCIENTIAE

766, 2071 **1777.** Lương tâm⁵⁰, hiện diện trong trái tim của nhân vị, ra lệnh cho nó, vào đúng lúc, phải làm lành lánh dữ. Lương tâm cũng phán đoán các lựa chọn cụ thể, là chuẩn y những lựa chọn tốt, phản đối những lựa chọn xấu⁵¹. Lương tâm chứng nhận thẩm quyền về chân lý liên quan đến Đấng là sự thiện tối thượng, mà nhân vị cảm nghiệm được sự lôi kéo của Ngài và đón nhận các lệnh truyền của Ngài. Người khôn ngoan, khi lắng nghe lương tâm, có thể nghe Thiên Chúa nói.

1749 **1778.** Lương tâm là sự phán đoán của lý trí, nhờ đó, nhân vị nhận thức được phẩm chất luân lý của một hành vi cụ thể mình sắp làm, đang làm hay đã làm. Con người, trong mọi điều mình nói hoặc làm, buộc phải trung thành theo điều mình biết là chính đáng và trung thực. Con người, nhờ phán đoán của lương tâm của mình, cảm thấy và nhận biết những quy định của Lề luật thần linh:

“Lương tâm là một lề luật của tinh thần chúng ta, nhưng lại vượt quá tinh thần chúng ta, nó đưa ra cho chúng ta những quy định, nó nói lên trách nhiệm và bổn phận, sự sợ hãi và niềm hy

⁴⁹ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 16: AAS 58 (1966) 1037.

⁵⁰ X. Rm 2,14-16.

⁵¹ X. Rm 1,32.

vọng... Lương tâm là sứ giả của Đấng, trong trật tự tự nhiên cũng như trong trật tự ân sủng, nói với chúng ta sau một bức màn, dạy dỗ và hướng dẫn chúng ta. Lương tâm là vị đại diện thứ nhất trong tất cả các đại diện của Đức Kitô⁵².

1779. Điều quan trọng là mỗi người phải hiện diện với chính mình, để lắng nghe và tuân theo tiếng lương tâm của mình. Sự đòi hỏi *sống nội tâm* là rất cần thiết, vì đời sống thường dẫn chúng ta đến nguy cơ là chúng ta bị lôi kéo khỏi mọi suy tư, kiểm điểm hay hồi tâm: 1886

“Bạn hãy quay về với lương tâm của bạn, hãy tự vấn lương tâm.... Thưa anh em, hãy quay về với nội tâm và trong mọi sự anh em làm, hãy nhìn lên chứng nhân là Thiên Chúa”⁵³.

1780. Phẩm giá của nhân vị bao hàm và đòi hỏi *sự ngay chính của lương tâm*. Lương tâm gồm có việc nhận thức các nguyên tắc luân lý (*synderesim*), việc áp dụng những nguyên tắc đó vào các hoàn cảnh cụ thể nhờ phân định thực tiễn các lý lẽ và các lợi ích, và cuối cùng, việc phán đoán về các hành vi cụ thể phải làm hay đã làm. Chân lý về điều thiện luân lý, đã được lý trí nêu lên, được nhận biết cách thực tiễn và cụ thể nhờ *phán đoán khôn ngoan* của lương tâm. Người chọn theo phán đoán này được gọi là kẻ khôn ngoan. 1806

1781. Lương tâm cho phép đảm nhận *trách nhiệm* về những hành vi đã thực hiện. Nếu con người làm điều xấu, phán đoán ngay chính của lương tâm nơi người đó có thể là chứng nhân cho chân lý phổ quát của điều tốt, đồng thời cũng là chứng nhân cho sự xấu xa của việc lựa chọn riêng của người đó. Án lệnh do phán đoán của lương tâm cũng là bảo chứng cho niềm hy vọng và lòng thương xót. Khi xác nhận lỗi lầm đã phạm, lương tâm nhắc nhở chúng ta phải cầu xin ơn tha thứ, phải làm điều tốt và phải không ngừng vun trồng nhân đức nhờ ân sủng của Thiên Chúa: 1731

“Chúng ta sẽ được an lòng trước mặt Thiên Chúa. Vì nếu lòng chúng ta có cáo tội chúng ta, Thiên Chúa còn cao cả hơn lòng chúng ta, và Ngài biết hết mọi sự” (1 Ga 3,19-20).

1782. Con người có quyền hành động cách tự do theo lương tâm, để có thể đảm nhận những quyết định luân lý một cách cá vị. “Không được cưỡng bức ai hành động trái với lương tâm của họ. Cũng

⁵² Gioan Henri Newman, *A Letter to the Duke of Norfolk*, 5: *Certain Difficulties felt by Anglicans in Catholic Teaching*, v.2 (Westminster 1969) 248.

⁵³ Thánh Augustinô, *In epistulam Ioannis ad Parthos tractatus*, 8, 9: PL 35, 2041.

2106 không được ngăn cản họ hành động theo lương tâm của họ, nhất là trong vấn đề tôn giáo”⁵⁴.

II. VIỆC HUẤN LUYỆN LƯƠNG TÂM

CONSCIENTIAE EFFORMATIO

1783. Lương tâm phải được trở nên vững chắc hơn và sự phán đoán luân lý phải được soi sáng. Một lương tâm được huấn luyện tốt thì ngay chính và chân thật. Nó sẽ đưa ra những phán đoán theo lý trí, phù hợp với điều thiện đích thực mà Đấng Tạo Hoá khôn ngoan muốn. Việc giáo dục lương tâm là cần thiết cho con người, vì họ đang bị chi phối bởi các ảnh hưởng tiêu cực và bị cám dỗ bởi tội lỗi, nên thích làm theo ý riêng hơn và khước từ những đạo lý được đưa ra một cách có thẩm quyền.

1784. Việc giáo dục lương tâm là nhiệm vụ của cả cuộc đời. Ngay từ những năm đầu tiên, việc giáo dục gợi lên cho trẻ em sự nhận biết và thực hành luật nội tâm được lương tâm công nhận. Một nền giáo dục khôn ngoan dạy nhân đức; đề phòng và chữa lành con người khỏi sợ hãi, khỏi yêu mình cách mù quáng (“tính ích kỷ”) và khỏi kiêu căng, khỏi những mặc cảm tội lỗi và thái độ tự mãn, phát sinh từ sự yếu đuối và những lỗi lầm của con người. Việc giáo dục lương tâm bảo đảm cho sự tự do và tạo nên sự bình an trong trái tim.

1785. Trong việc huấn luyện lương tâm, Lời Chúa là ánh sáng soi đường cho chúng ta. Chúng ta phải thấm nhuần Lời Chúa vào trong đức tin và kinh nguyện, và phải đem ra thực hành. Chúng ta cũng phải kiểm điểm lương tâm bằng cách nhìn lên thập giá của Chúa. Các hồng ân của Chúa Thánh Thần trợ giúp chúng ta, chúng ta còn được giúp đỡ bởi lời chứng và lời khuyên nhủ của những người khác và được hướng dẫn bởi đạo lý của Hội Thánh được đưa ra một cách có thẩm quyền⁵⁵.

III. LỰA CHỌN THEO LƯƠNG TÂM

SECUNDUM CONSCIENTIAM ELIGERE

1786. Lương tâm, đứng trước một lựa chọn luân lý, có thể đưa ra, hoặc một phán đoán ngay chính phù hợp với lý trí và Lễ luật thần linh, hoặc trái lại, một phán đoán sai lầm, xa rời lý trí và Lễ luật thần linh.

1787. Con người đôi khi gặp những hoàn cảnh làm cho phán đoán luân lý không được chắc chắn và khó quyết định. Tuy nhiên, họ phải

⁵⁴ CD Vaticanô II, Tuyên ngôn *Dignitatis humanae*, 3: AAS 58 (1966) 932.

⁵⁵ X. CD Vaticanô II, Tuyên ngôn *Dignitatis humanae*, 14: AAS 58 (1966) 940.

luôn tìm kiếm điều đúng và tốt, và phân định ra thánh ý của Thiên Chúa được diễn tả trong Lê luật thần linh. 1955

1788. Để đạt được điều này, con người phải cố gắng giải thích các dữ kiện của kinh nghiệm và các dấu chỉ thời đại, nhờ đức khôn ngoan, nhờ những lời khuyên bảo của những người khôn ngoan và nhờ sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần và của các hồng ân của Ngài. 1806

1789. Một số quy tắc được áp dụng trong mọi trường hợp:

- Không bao giờ được làm điều xấu để đạt tới điều tốt. 1756
- “Khuôn vàng thước ngọc”: “Tất cả những gì anh em muốn người ta làm cho mình, thì chính anh em cũng hãy làm cho người ta” (Mt 7,12)⁵⁶. 1970
- Đức mến luôn đòi hỏi tôn trọng người lân cận và lương tâm của họ. “Như vậy, phạm đến anh em và làm thương tổn lương tâm yếu đuối của họ là phạm đến Đức Kitô” (1 Cr 8,12). “Tốt nhất là ... tránh những gì có thể gây cơ cho anh em mình vấp ngã” (Rm 14,21). 1827
1971

IV. PHÁN ĐOÁN SAI LẦM

IUDICIUM ERRONEUM

1790. Con người phải luôn tuân theo phán đoán chắc chắn của lương tâm mình. Nếu chủ ý hành động nghịch với phán đoán đó, con người tự kết án chính mình. Nhưng có thể lương tâm ở trong tình trạng thiếu hiểu biết, và đưa ra những phán đoán sai lầm về các hành vi phải làm hoặc đã làm.

1791. Sự thiếu hiểu biết này thường có thể được quy cho trách nhiệm cá vị. Điều đó xảy ra, “khi con người ít lo tìm kiếm điều thật và điều tốt, cũng như khi vì thói quen phạm tội mà lương tâm dần dần hầu như bị mù quáng”⁵⁷. Trong các trường hợp đó, nhân vị bị quy tội vì điều xấu nó đã làm. 1704

1792. Sự thiếu hiểu biết Đức Kitô và Tin Mừng của Người, các gương xấu của kẻ khác, sự nô lệ các đam mê, việc đòi hỏi một sự tự lập hiểu theo nghĩa xấu về lương tâm, việc khước từ thẩm quyền và đạo lý của Hội Thánh, sự thiếu hối cải và bác ái... có thể là nguồn gốc của những lệch lạc của phán đoán trong thái độ luân lý. 133

1793. Trái lại, nếu sự thiếu hiểu biết là không thể vượt thắng được, hoặc nếu phán đoán sai lầm không do trách nhiệm của chủ thể luân lý, thì nhân vị không thể bị quy tội về điều xấu nó đã 1860

⁵⁶ X. Lc 6,31; Tb 4,15.

⁵⁷ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 16: AAS 58 (1966) 1037.

làm. Tuy nhiên, điều xấu ấy vẫn là một điều xấu, một khiếm khuyết, một sự vô trật tự. Vậy cần thiết là phải làm sao để lương tâm được sửa chữa khỏi những sai lầm của nó.

1794. Lương tâm tốt và trong sạch được soi sáng bởi đức tin chân thật. Vì đức mến xuất phát đồng thời từ “tâm hồn trong sạch, lương tâm ngay thẳng và đức tin không giả hình” (1 Tm 1,5)⁵⁸.

1751

“Lương tâm ngay thẳng càng chiếm ưu thế thì các nhân vị và các tập thể càng tránh được sự quyết định mù quáng và càng nỗ lực sống phù hợp với những quy định khách quan của luân lý”⁵⁹.

TÓM LƯỢC

1795. *“Lương tâm là hạt nhân bí ẩn nhất và là cung thánh của con người, nơi con người ở một mình với Thiên Chúa, và tiếng nói của Ngài vang dội trong thẳm sâu lòng họ”⁶⁰.*

1796. *Lương tâm là sự phán đoán của lý trí, nhờ đó, nhân vị nhận thức được phẩm chất luân lý của một hành vi cụ thể.*

1797. *Đối với kẻ làm điều xấu, phán đoán của lương tâm còn là bảo chứng cho sự hối cải và niềm hy vọng.*

1798. *Một lương tâm được huấn luyện tốt thì ngay chính và chân thật. Nó sẽ đưa ra những phán đoán theo lý trí, phù hợp với điều thiện đích thực mà Đấng Tạo Hoá khôn ngoan muốn. Mỗi người phải đảm nhận các phương tiện để huấn luyện lương tâm mình.*

1799. *Lương tâm, trước một sự lựa chọn luân lý, có thể đưa ra, hoặc một phán đoán ngay thẳng phù hợp với lý trí và Lê luật thân linh, hoặc trái lại, một phán đoán sai lầm, xa rời lý trí và Lê luật thân linh.*

1800. *Con người luôn phải tuân theo phán đoán chắc chắn của lương tâm mình.*

1801. *Lương tâm có thể ở trong tình trạng thiếu hiểu biết hoặc đưa ra những phán đoán sai lầm. Sự thiếu hiểu biết này và những sai lầm đó không phải luôn tránh được sự quy tội.*

1802. *Lời Chúa là ánh sáng soi đường cho chúng ta. Phải thấm nhuần Lời Chúa vào đức tin và kinh nguyện, và đem ra thực hành. Như vậy, lương tâm được huấn luyện.*

⁵⁸ X. 1 Tm 3,9; 2 Tm 1,3; 1 Pr 3,21; Cv 24,16.

⁵⁹ CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 16: AAS 58 (1966) 1037.

⁶⁰ CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 16: AAS 58 (1966) 1037.

Mục 7

Các nhân đức

Articulus 7

Virtutes

1803. “Những gì là chân thật, cao quý, những gì là chính trực tinh tuyền, những gì là đáng mến và đem lại danh thơm tiếng tốt, những gì là đức hạnh, đáng khen, thì xin anh em hãy để ý” (Pl 4,8).

Nhân đức là một xu hướng thường xuyên và kiên trì để làm điều thiện. Nó khiến nhân vị không những thực hiện những hành vi tốt, mà còn cố gắng hiện những điều tốt nhất của bản thân mình. Người nhân đức hướng về điều thiện với tất cả sức mạnh giác quan và tinh thần của mình; họ theo đuổi và lựa chọn điều thiện bằng những hành động cụ thể của mình: 1733

“Mục đích của một đời sống nhân đức là trở nên giống Thiên Chúa”⁶¹. 1768

I. CÁC NHÂN ĐỨC NHÂN BẢN

VIRTUTES HUMANAЕ

1804. Các nhân đức nhân bản là những thái độ vững chắc, những xu hướng kiên trì, những trọn hảo thường xuyên của lý trí và ý chí, nhằm điều khiển các hành vi của chúng ta, điều tiết các đam mê của chúng ta, và hướng dẫn nếp sống chúng ta cho phù hợp với lý trí và đức tin. Các nhân đức này đem lại cho con người sự thoải mái, sự tự chủ và niềm vui, để sống một cuộc đời tốt lành về mặt luân lý. Người nhân đức là người thực thi điều thiện cách tự nguyện. 2500

Các nhân đức luân lý được thủ đắc theo cách thức nhân loại. Chúng là hoa trái và mầm mống của những hành vi tốt về mặt luân lý; chúng chuẩn bị mọi năng lực của con người cho việc hiệp thông với tình yêu của Thiên Chúa. 1827

⁶¹ Thánh Grêgôriô Nyssênô, *De beatitudinibus*, oratio 1: *Gregorii Nysseni opera*, ed. W. Jaeger, v. 7/2 (Leiden 1992) 82 (PG 44, 1200).

Nét đặc biệt của các nhân đức trụ

1805. Có bốn nhân đức giữ nhiệm vụ “cột trụ”. Vì vậy, chúng được gọi là các nhân đức “trụ”; mọi nhân đức khác đều quy tụ quanh bốn nhân đức này. Đó là khôn ngoan, công bằng, can đảm và tiết độ. “Con người mền chuộng đức công bằng ư ? Thì chính Đức Khôn Ngoan sản sinh các nhân đức: Quả vậy, Đức Khôn Ngoan dạy cho biết sống tiết độ, can trọng, công bằng và dũng mãnh” (Kn 8,7). Các nhân đức này còn được ca ngợi trong nhiều đoạn văn của Thánh Kinh bằng những danh xưng khác.

1788 **1806.** *Khôn ngoan* là nhân đức giúp lý trí sẵn sàng trong mọi hoàn cảnh phân định được điều thiện đích thực và lựa chọn những phương tiện thích hợp để đạt tới điều thiện đó. Người “khôn ngoan thì dẫn đo từng bước” (Cn 14,15). “Anh em hãy sống chừng mực và tiết độ để có thể cầu nguyện được” (1 Pr 4,7). Sau ông Aristote, thánh Tôma đã viết: “Khôn ngoan là quy tắc đúng đắn để hành động”⁶². Không được lẫn lộn đức khôn ngoan với tính nhút nhát hay sợ sệt, tráo trở hay lừa đảo. Đức khôn ngoan được gọi là *người hướng dẫn các nhân đức (auriga virtutum)*: thật vậy, nó hướng dẫn các nhân đức khác bằng cách chỉ ra quy tắc và mức độ của chúng.

1780 Đức khôn ngoan trực tiếp hướng dẫn sự phán đoán của lương tâm. Người khôn ngoan quyết định và sắp đặt cách hành động của mình theo sự phán đoán này. Nhờ nhân đức này, chúng ta áp dụng các nguyên tắc luân lý vào những trường hợp cụ thể mà không bị sai lầm, và chúng ta vượt qua được những hồ nghi về điều tốt phải làm và điều xấu phải tránh.

2095 **1807.** *Công bằng* là nhân đức luân lý cốt tủy tại một ý chí liên lý và vững chắc, quyết tâm trả lại những gì mình mắc nợ với Thiên Chúa và với người lân cận. Công bằng đối với Thiên Chúa được gọi là “nhân đức thờ phượng”. Đối với người ta, công bằng là tôn trọng quyền lợi của mỗi người và thiết lập sự hài hòa trong các tương quan nhân loại, sự hài hòa này đưa tới việc không thiên vị đối với các nhân vị và đối với công ích. Người công bằng, thường được nhắc đến trong Thánh Kinh, có nét đặc biệt là sự ngay thẳng thường xuyên trong các ý nghĩ của mình và ngay thẳng trong cách hành động đối với người lân cận. “Người không được thiên vị người yếu thế, cũng không được nể mặt người quyền quý, nhưng hãy xét xử công minh cho người đồng bào” (Lv 19,15). “Người làm chủ hãy đối xử công bằng và đồng đều với các nô lệ, vì biết rằng cả anh em nữa cũng có một Chủ ở trên trời” (Cl 4,1).

⁶² X. Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, II-II, q. 47, a. 2, sed contra: Ed. Leon. 8, 349.

1808. *Can đảm* là nhân đức luân lý giúp chúng ta kiên trì và quyết tâm theo đuổi điều thiện giữa những khó khăn trong đời. Nó củng cố sự quyết tâm chống lại các cám dỗ và vượt qua các chướng ngại trong đời sống luân lý. Đức can đảm giúp chúng ta có khả năng chiến thắng sự sợ hãi, thậm chí cả sự chết, đương đầu với sự thử thách và các cuộc bách hại. Nó giúp chúng ta đi đến chỗ từ bỏ và hy sinh mạng sống mình để bảo vệ lẽ phải. “Chúa là sức mạnh tôi, là Đấng tôi ca ngợi” (Tv 118,14). “Trong thế gian, anh em sẽ phải gian nan khốn khó. Nhưng can đảm lên! Thầy đã thắng thế gian” (Ga 16,33). 2848 2473

1809. *Tiết độ* là nhân đức luân lý giúp chúng ta điều tiết sức lôi cuốn của những thú vui và giữ sự chừng mực trong việc sử dụng các của cải trần thế. Nó giúp ý chí làm chủ các bản năng và kiềm chế các ham muốn trong những giới hạn của sự lương thiện. Người tiết độ quy hướng các thèm muốn giác quan của mình về điều thiện, giữ được sự cẩn trọng lành mạnh, và không chiều theo sức mạnh của mình mà bước theo các dự vọng của trái tim mình⁶³. Đức tiết độ thường được ca tụng trong Cựu Ước: “Con đừng buông theo các tham vọng của con, nhưng hãy kiềm chế các dự vọng” (Hc 18,30). Trong Tân Ước, nhân đức này được gọi là “sự chừng mực” hay “sự điều độ”. Chúng ta phải sống “chừng mực, công chính và đạo đức ở thế gian này” (Tt 2,12). 2341 2517

“Sống tốt lành không là gì khác hơn là yêu mến Thiên Chúa hết trái tim, hết linh hồn và hết tâm trí mình, ... tình yêu này phải được gìn giữ trọn vẹn và không hư hoại, đó là phần của đức tiết độ, không bị suy yếu bởi một rối loạn nào, đó là phần của đức can đảm, không phục vụ một ai khác, đó là phần của đức công bằng, tỉnh thức khi phân định các sự việc kéo dần dần sự lừa đảo hoặc phản bội lên vào, đó là phần của đức khôn ngoan”⁶⁴.

Các nhân đức và ân sủng

1810. Các nhân đức nhân bản có được là nhờ sự giáo dục, nhờ các hành vi chủ ý và nhờ luôn cố gắng kiên trì, các nhân đức này được thanh luyện và nâng cao nhờ ân sủng thần linh. Nhờ sự trợ giúp của Thiên Chúa, các nhân đức này tôi luyện tính tình và đem lại sự thoải mái trong việc thực thi điều thiện. Người nhân đức hạnh phúc khi thực thi các nhân đức đó. 1266

1811. Con người bị tổn thương bởi tội lỗi, không dễ mà giữ được sự quân bình luân lý. Ôn cứu độ của Đức Kitô đem lại cho chúng ta ân sủng cần thiết để kiên trì trong việc tìm kiếm các nhân đức. Mỗi 2015

⁶³ X. Hc 5,2; 37,27-31.

⁶⁴ Thánh Augustinô, *De moribus Ecclesiae catholicae*, 1, 25, 46: CSEL 90, 51 (PL 32, 1330-1331).

người phải luôn cầu xin ơn soi sáng và ơn sức mạnh, luôn chạy đến với các bí tích, luôn cộng tác với Chúa Thánh Thần, nghe theo lời kêu gọi của Ngài để yêu mến điều tốt và giữ mình khỏi điều xấu.

2086-2094

II. CÁC NHÂN ĐỨC ĐỐI THẦN

2656-2658

VIRTUTES THEOLOGALES

1266 **1812.** Các nhân đức nhân bản được bén rễ trong các nhân đức đối thần, là những nhân đức thích ứng các tài năng của con người để dự phần vào bản tính thần linh⁶⁵. Quả vậy, các nhân đức đối thần trực tiếp quy chiếu về Thiên Chúa. Chúng giúp các Kitô hữu sống trong tương quan với Ba Ngôi Chí Thánh. Các nhân đức đối thần có Thiên Chúa Nhất Thể Tam Vị là nguồn gốc, động lực và đối tượng.

2008 **1813.** Các nhân đức đối thần tạo nền móng, làm sinh động, và là nét đặc thù của các hành vi luân lý của Kitô hữu. Chúng định hình và mang lại sự sống cho tất cả các nhân đức luân lý. Các nhân đức này được Thiên Chúa phú bẩm trong linh hồn của các tín hữu, giúp họ có khả năng hành động như con cái của Ngài và đáng hưởng sự sống vĩnh cửu. Các nhân đức đối thần là bảo chứng cho sự hiện diện và hành động của Chúa Thánh Thần trong các năng lực của con người. Có ba nhân đức đối thần là: đức tin, đức cậy và đức mến⁶⁶.

142-175

Đức tin

506 **1814.** Đức tin là nhân đức đối thần, nhờ đó chúng ta tin vào Thiên Chúa và tất cả những gì Ngài đã nói và đã mạc khải cho chúng ta, và những gì Hội Thánh dạy chúng ta tin, bởi vì Thiên Chúa chính là Chân lý. Nhờ đức tin, “con người tự nguyện phó thác toàn thân cho Thiên Chúa”⁶⁷. Vì vậy ai tin, người đó cố gắng nhận biết và thi hành ý muốn của Thiên Chúa. “Người công chính nhờ đức tin sẽ được sống” (Rm 1,17). Đức tin sống động “hành động nhờ đức mến” (Gl 5,6).

1815. Hồng ân đức tin tồn tại trong người không phạm tội nghịch với đức tin⁶⁸. Nhưng “đức tin không có hành động là đức tin chết” (Gc 2,26). Nếu thiếu đức cậy và đức mến, đức tin sẽ không kết hợp đầy đủ tín hữu với Đức Kitô và không làm cho họ trở nên chi thể sống động của Thân Thể Người.

⁶⁵ X. 2 Pr 1,4.

⁶⁶ X. 1 Cr 13,13.

⁶⁷ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 5: AAS 58 (1966) 819.

⁶⁸ X. CĐ Tridentinô, Sess. 6a, *Decretum de iustificatione*, c. 15: DS 1544.

1816. Người môn đệ Đức Kitô không những phải gìn giữ đức tin và sống bởi đức tin, mà còn phải tuyên xưng, can đảm làm chứng và truyền bá đức tin: “Mọi tín hữu ... phải sẵn sàng tuyên xưng Đức Kitô trước mặt người ta, và bước theo Người trên đường thập giá, giữa những cuộc bách hại mà Hội Thánh luôn luôn gặp phải”⁶⁹. Việc phục vụ và làm chứng cho đức tin là những điều phải có để được cứu độ. “Phàm ai tuyên bố nhận Thầy trước mặt thiên hạ, thì Thầy cũng sẽ tuyên bố nhận người ấy trước mặt Cha Thầy, Đấng ngự trên trời. Còn ai chối Thầy trước mặt thiên hạ, thì Thầy cũng sẽ chối người ấy trước mặt Cha Thầy, Đấng ngự trên trời” (Mt 10,32-33).

2471

Đức cậy

1817. Đức cậy là nhân đức đối thần, nhờ đó chúng ta khao khát Nước Trời và đời sống vĩnh cửu là vinh phúc của chúng ta, khi đặt lòng tin tưởng của chúng ta vào các lời hứa của Đức Kitô và cậy dựa vào sự trợ giúp của ân sủng của Chúa Thánh Thần, chứ không vào sức mạnh của chúng ta. “Chúng ta hãy tiếp tục tuyên xưng niềm hy vọng của chúng ta cách vững vàng, vì Đấng đã hứa là Đấng trung tín” (Dt 10,23). Thiên Chúa “đã tuôn đổ đầy tràn ơn Thánh Thần xuống trên chúng ta, nhờ Đức Giêsu Kitô, Đấng Cứu Độ chúng ta. Như vậy, một khi nên công chính nhờ ân sủng của Đức Kitô, chúng ta được thừa hưởng sự sống đời đời như chúng ta vẫn hy vọng” (Tt 3,6-7).

1024

1818. Đức cậy đáp ứng khát vọng hưởng vinh phúc mà Thiên Chúa đã đặt trong trái tim mỗi người; đảm nhận những sự mong đợi đang gọi hứng cho các hoạt động của con người; thanh luyện những mong đợi đó để quy hướng chúng về Nước trời; bảo vệ khỏi sự nản chí của tâm hồn; nâng đỡ khi bị bỏ rơi; mở rộng trái tim bằng sự mong đợi vinh phúc vĩnh cửu. Sự thúc đẩy của đức cậy gìn giữ chúng ta khỏi tính ích kỷ và đưa chúng ta đến với vinh phúc của đức mến.

27

1819. Đức cậy Kitô giáo đảm nhận và kiện toàn lòng trông cậy của dân Chúa chọn; nguồn gốc và mẫu gương của lòng trông cậy đó là *lòng trông cậy của tổ phụ Abraham*, người đã mãn nguyện với các lời hứa của Thiên Chúa nơi Isaac, và đã được thanh luyện nhờ sự thử thách là cuộc hy tế⁷⁰. “Ông vẫn trông cậy và vững tin, do đó ông đã trở thành tổ phụ nhiều dân tộc” (Rm 4,18).

146

⁶⁹ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 42: AAS 57 (1965) 48; x. Id., Tuyên ngôn *Dignitatis humanae*, 14: AAS 58 (1966) 940.

⁷⁰ X. St 17,4-8; 22,1-18.

1716 **1820.** Từ lúc khởi đầu việc giảng dạy của Chúa Giêsu, đức cậy Kitô giáo được khai triển trong lời loan báo các mối phúc. Các mối phúc nâng niềm hy vọng của chúng ta hướng lên trời, như lên miền Đất hứa mới; vạch đường tới đó qua những thử thách đang chờ đợi các môn đệ của Chúa Giêsu. Nhưng nhờ công nghiệp của Chúa Giêsu Kitô và của cuộc khổ nạn của Người, Thiên Chúa gìn giữ chúng ta trong niềm hy vọng “không phải thất vọng” (Rm 5,5). Chúng ta có niềm hy vọng “như cái neo chắc chắn và bền vững của tâm hồn”, thả sâu vào “nơi Chúa Giêsu đã vào như người tiên phong mở đường cho chúng ta” (Dt 6,19-20). Đức cậy cũng là vũ khí bảo vệ chúng ta trong cuộc chiến đấu để được cứu độ: “Hãy mặc áo giáp là đức tin và đức mến, đội mũ chiến là niềm hy vọng ơn cứu độ” (1 Tx 5,8). Đức cậy mang lại cho chúng ta niềm vui ngay cả trong thử thách: “Hãy vui mừng vì có niềm hy vọng, cứ kiên nhẫn lúc gặp gian truân” (Rm 12,12). Đức cậy được diễn tả và nuôi dưỡng trong kinh nguyện, nhất là trong Lời Kinh của Chúa, là bản toát yếu của
2772 tất cả những gì mà đức cậy khiến chúng ta ước ao.

1821. Vì vậy, chúng ta có thể trông cậy được hưởng vinh quang thiên quốc đã được Thiên Chúa hứa ban cho những ai yêu mến Ngài⁷¹ và thi hành ý muốn của Ngài⁷². Trong bất cứ hoàn cảnh
2016 nào, mỗi người phải trông cậy, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, sẽ kiên trì đến cùng⁷³, và đạt được niềm vui thiên quốc như phần
1037 thưởng vĩnh cửu Thiên Chúa ban vì các việc tốt lành đã được thực hiện nhờ ân sủng Đức Kitô. Với đức cậy, Hội Thánh cầu nguyện cho “mọi người được cứu độ” (1 Tm 2,4). Hội Thánh mong được kết hợp với Đức Kitô, Phu Quân của mình, trong vinh quang thiên quốc:

“Trông cậy đi, hồn tôi hỡi, hãy trông cậy! Người không biết ngày nào và giờ nào. Hãy chuyên cần tỉnh thức, vì mọi sự qua đi nhanh chóng, mặc dầu vì quá nóng lòng nên người hoài nghi điều chắc chắn và cảm thấy khoảng thời gian vẫn vỏi lại quá dài. Hãy nhớ rằng, người càng chiến đấu, càng chứng tỏ tình yêu của người đối với Thiên Chúa, và một ngày kia, người sẽ càng vui sướng hơn với Đấng lòng người yêu mến, trong niềm hạnh phúc và say mê bất tận”⁷⁴.

⁷¹ X. Rm 8,28-30.

⁷² X. Mt 7,21.

⁷³ X. Mt 10,22; CĐ Tridentinô, Sess. 6a, *Decretum de iustificatione*, c. 13: DS 1541.

⁷⁴ Thánh Têrêsa Avila, *Exclamaciones del alma a Dios*, 15, 3: *Biblioteca Mística Carmelitana*, v. 4 (Burgos 1917) 290.

Đức mến

1822. Đức mến là nhân đức đối thân, nhờ đó chúng ta yêu mến 1723
Thiên Chúa trên hết mọi sự vì chính Ngài, và vì yêu mến Thiên
Chúa, chúng ta yêu mến người lân cận như chính mình.

1823. Chúa Giêsu lấy đức mến làm *điều răn mới*⁷⁵. Khi yêu thương 1970
những kẻ thuộc về Người “đến cùng” (Ga 13,1), Người biểu lộ tình yêu
của Chúa Cha mà Người đã đón nhận. Khi yêu mến nhau, các môn đệ
bất chước tình yêu của Chúa Giêsu mà họ cũng đã đón nhận. Vì vậy,
Chúa Giêsu nói: “Chúa Cha đã yêu mến Thầy thế nào, Thầy cũng yêu
mến anh em như vậy. Anh em hãy ở lại trong tình thương của Thầy”
(Ga 15,9). Và Người còn nói: “Đây là điều răn của Thầy: Anh em hãy
yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em” (Ga 15,12).

1824. Là hoa trái của Thần Khí và là sự viên mãn của Lễ luật, đức 735
mến giữ *các điều răn* của Thiên Chúa và của Đức Kitô của Ngài:
“Hãy ở lại trong tình thương của Thầy. Nếu anh em giữ các điều
răn của Thầy, anh em sẽ ở lại trong tình thương của Thầy”
(Ga 15,9-10)⁷⁶.

1825. Đức Kitô đã chịu chết vì yêu mến chúng ta, khi chúng ta còn 604
là “thù nghịch” (Rm 5,10). Chúa đòi chúng ta rằng, cũng như
Người, chúng ta phải yêu mến cả *kẻ thù* của chúng ta⁷⁷, rằng chúng
ta phải trở thành người lân cận cho những kẻ ở xa nhất⁷⁸, rằng
chúng ta phải yêu thương trẻ em⁷⁹ và người nghèo như chính
Người⁸⁰.

Thánh Tông Đồ Phaolô đã mô tả một cách tuyệt vời về đức mến:
“Đức mến thì nhẫn nhục, hiền hậu, không ghen tương, không
vênh vang, không tự đắc, không làm điều bất chính, không tìm
tư lợi, không nóng giận, không nuôi hận thù, không mừng khi
thấy sự gian ác, nhưng vui khi thấy điều chân thật. Đức mến tha
thứ tất cả, tin tưởng tất cả, hy vọng tất cả, chịu đựng tất cả”
(1 Cr 13,4-7).

1826. Thánh Tông Đồ còn nói: không có đức mến, “tôi chẳng là gì”.
Và bất cứ điều gì là đặc ân, công việc phục vụ, thậm chí nhân đức...
nếu tôi không có đức mến, thì cũng “chẳng ích gì cho tôi”⁸¹. Đức
mến cao trọng hơn mọi nhân đức. Đức mến đứng đầu các nhân đức

⁷⁵ X. Ga 13,34.

⁷⁶ X. Mt 22,40; Rm 13,8-10.

⁷⁷ X. Mt 5,44.

⁷⁸ X. Lc 10,27-37.

⁷⁹ X. Mc 9,37.

⁸⁰ X. Mt 25,40.45.

⁸¹ X. 1 Cr 13,1-3.

đối thần: “Hiện nay đức tin, đức cậy, đức mến, cả ba đều tồn tại, nhưng cao trọng hơn cả là đức mến” (1 Cr 13,13).

815 **1827.** Việc thực thi tất cả các nhân đức được nên sinh động và
826 được gọi hứng bởi đức mến. Nhân đức này là “mối dây liên kết
tuyệt hảo” (Cl 3,14); là *mô thể của các nhân đức*; liên kết và phối
hợp các nhân đức; là nguồn mạch và cùng đích của việc thực hành
các nhân đức Kitô giáo. Đức mến củng cố và thanh luyện khả năng
yêu thương của con người. Đức mến nâng khả năng này lên mức
trọn hảo siêu nhiên của tình yêu của Thiên Chúa.

1972 **1828.** Việc thực hành đời sống luân lý, được sinh động nhờ đức
mến, đem lại cho Kitô hữu sự tự do thiêng liêng của con cái Thiên
Chúa. Người đó đứng trước Thiên Chúa, không còn như một kẻ nô
lệ, trong sự sợ hãi tội đời, hay như người làm công ăn lương, nhưng
như là người con đáp lại tình yêu của “Thiên Chúa đã yêu thương
chúng ta trước” (1 Ga 4,19):

“Nếu chúng ta xa lánh điều xấu vì sợ hình phạt, chúng ta sẽ
sống trong tâm trạng của người nô lệ; nếu chạy theo sự cảm dỗ
của phần thưởng, ... chúng ta sẽ giống như người làm thuê; nhưng
nếu vì chính sự đáng kính và vì tình yêu của Đấng ban hành lề
luật..., chúng ta mới thật sự sống trong tâm tình của con cái”⁸².

2540 **1829.** Niềm vui, sự bình an và lòng thương xót là như *hoa trái* của
đức mến. Đức mến đòi hỏi phải làm điều tốt và sửa lỗi cho nhau
trong tình huynh đệ; đức mến thì nhân hậu; nó khơi dậy sự tương
thân tương ái, không tìm tư lợi, và quảng đại; đức mến là tình
bằng hữu và sự hiệp thông:

“Yêu thương là sự hoàn tất của mọi công việc của chúng ta. Đó là
mục đích: chúng ta chạy vì đó, chúng ta chạy đến đó; và khi tới
đó, chúng ta sẽ yên nghỉ”⁸³.

III. CÁC HỒNG ÂN VÀ HOA TRÁI CỦA CHÚA THÁNH THẦN SPIRITUS SANCTI DONA ET FRUCTUS

1830. Đời sống luân lý của các Kitô hữu được nâng đỡ bởi các hồng
ân của Chúa Thánh Thần. Đó là những xu hướng thường xuyên
giúp cho con người dễ dàng tuân theo sự thúc đẩy của Chúa Thánh
Thần.

1299 **1831.** *Bảy hồng ân* của Chúa Thánh Thần là: ơn khôn ngoan, ơn
thông minh, ơn biết lo liệu, ơn can đảm, ơn hiểu biết, ơn đạo đức
và ơn kính sợ Thiên Chúa. Các ơn này đạt tới sự sung mãn của

⁸² Thánh Basiliô Cả, *Regulae fusius tractatae*, prol. 3: PG 31, 896.

⁸³ Thánh Augustinô, *In epistulam Ioannis ad Parthos tractatus*, 10, 4: PL 35, 2056-2057.

chúng nơi Đức Kitô, Con Vua David⁸⁴. Các ơn này hoàn thành các nhân đức của những người lãnh nhận chúng, và đưa các nhân đức đó tới mức trọn hảo. Các ơn này giúp các tín hữu dễ dàng vâng phục cách mau mắn những linh hứng của Thiên Chúa.

1266

“Xin Thần Khí tốt lành của Chúa,
dẫn con đi trên miền đất phẳng phiu” (Tv 143,10).

“Phàm ai được Thần Khí Thiên Chúa hướng dẫn, đều là con cái Thiên Chúa... Vậy đã là con, thì cũng là thừa kế, mà được Thiên Chúa cho thừa kế, thì tức là đồng thừa kế với Đức Kitô” (Rm 8,14.17).

1832. Các hoa trái của Thần Khí là những điều trọn hảo mà Chúa Thánh Thần ban cho chúng ta, như hoa quả đầu mùa của vinh quang vĩnh cửu. Truyền thống Hội Thánh kể ra mười hai hoa trái: “Bác ái, hoan lạc, bình an, kiên nhẫn, quảng đại, nhân từ, từ tâm, khoan dung, trung tín, khiêm nhu, tiết độ, khiết tịnh” (Gl 5,22-23 vulg.).

736

TÓM LƯỢC

1833. Nhân đức là một xu hướng thường xuyên và kiên trì để làm điều thiện.

1834. Các nhân đức nhân bản là những xu hướng thường xuyên và kiên trì của lý trí và ý chí nhằm điều khiển các hành vi của chúng ta, điều tiết các đam mê và hướng dẫn nếp sống chúng ta cho phù hợp với lý trí và đức tin. Các nhân đức đó có thể được quy tụ quanh bốn nhân đức trụ: khôn ngoan, công bằng, can đảm và tiết độ.

1835. Đức khôn ngoan giúp lý trí sẵn sàng trong mọi hoàn cảnh phân định điều thiện đích thực và lựa chọn những phương tiện thích hợp để đạt tới điều thiện đó.

1836. Đức công bằng cốt tại một ý chí liên li và vững chắc, quyết tâm trả lại những gì mình mắc nợ với Thiên Chúa và với người lân cận.

1837. Đức can đảm giúp chúng ta kiên trì và quyết tâm theo đuổi điều thiện giữa những khó khăn trong đời.

1838. Đức tiết độ giúp chúng ta điều tiết sức lôi cuốn của những thú vui và giữ sự chừng mực trong việc sử dụng các của cải trần thế.

⁸⁴ X. Is 11,1-2.

1839. Các nhân đức luân lý tăng trưởng nhờ giáo dục, nhờ các hành vi chủ ý và nhờ luôn cố gắng kiên trì. Ân sủng của Thiên Chúa thanh luyện và nâng cao các nhân đức đó.

1840. Các nhân đức đối thân giúp các Kitô hữu sống trong tương quan với Ba Ngôi Chí Thánh. Các nhân đức đối thân có Thiên Chúa là nguồn gốc, động lực và đối tượng; Ngài là Thiên Chúa được nhận biết nhờ đức tin, được trông cậy và được yêu mến vì chính Ngài.

1841. Có ba nhân đức đối thân là: đức tin, đức cậy và đức mến⁸⁵. Ba nhân đức này định hình và mang lại sự sống cho tất cả các nhân đức luân lý.

1842. Nhờ đức tin, chúng ta tin vào Thiên Chúa và chúng ta tin tất cả những gì Ngài đã mạc khải cho chúng ta, và những gì Hội Thánh dạy chúng ta tin.

1843. Nhờ đức cậy, chúng ta khao khát và chờ mong với lòng tin tưởng vững chắc, Thiên Chúa sẽ ban cho chúng ta sự sống vĩnh cửu và các ân sủng để xứng đáng hưởng sự sống đó.

1844. Nhờ đức mến, chúng ta yêu mến Thiên Chúa trên hết mọi sự và vì yêu mến Thiên Chúa, chúng ta yêu mến người lân cận như chính mình. Đức mến là “mối dây liên kết tuyệt hảo” (Cl 3,14) và là mô thể của mọi nhân đức.

1845. Bầy hồng ân của Chúa Thánh Thần được ban cho các Kitô hữu là ơn khôn ngoan, ơn thông minh, ơn biết lo liệu, ơn can đảm, ơn hiểu biết, ơn đạo đức và ơn kính sợ Thiên Chúa.

Mục 8

Tội lỗi

Articulus 8

Peccatum

I. LÒNG THƯƠNG XÓT VÀ TỘI LỖI

MISERICORDIA ET PECCATUM

1846. Tin Mừng là sự mạc khải, trong Chúa Giêsu Kitô, lòng thương xót của Thiên Chúa đối với các tội nhân⁸⁶. Thiên thần loan

⁸⁵ X. 1 Cr 13,13.

báo điều này cho ông Giuse: “Ông phải đặt tên con trẻ là Giêsu, vì chính Người sẽ cứu dân Người khỏi tội lỗi của họ” (Mt 1,21). Cũng chính điều đó được nói đến trong Thánh Thể, bí tích của Ôn cứu chuộc: “Đây là máu Thầy, máu Giao Ước, đổ ra cho muôn người được tha tội” (Mt 26,28). 430 1365

1847. Thiên Chúa, “Đấng ... đã tạo dựng bạn không cần có bạn, không công chính hoá bạn nếu không có bạn”⁸⁷. Việc đón nhận lòng thương xót của Ngài đòi hỏi chúng ta phải thú nhận tội lỗi của chúng ta: “Nếu chúng ta nói là chúng ta không có tội, chúng ta tự lừa dối mình, và sự thật không ở trong chúng ta. Nếu chúng ta thú nhận tội lỗi, Thiên Chúa là Đấng trung thành và công chính, sẽ tha tội cho chúng ta và sẽ thanh tẩy chúng ta sạch mọi điều bất chính” (1 Ga 1,8-9). 387, 1455

1848. Cũng như Thánh Phaolô quả quyết: “Ở đâu tội lỗi đã lan tràn, ở đó ân sủng càng chứa chan gấp bội” (Rm 5,20). Nhưng để thực hiện công trình của mình, ân sủng phải vạch trần tội lỗi nhằm hối cải trái tim chúng ta và làm cho chúng ta “nên công chính để được sống đời đời, nhờ Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta” (Rm 5,21). Cũng như thầy thuốc xem xét vết thương trước khi chữa lành nó, Thiên Chúa, nhờ Ngôi Lời của Ngài và Thần Khí của Ngài, chiếu ánh sáng sống động vào tội lỗi: 385

“Sự hối cải đòi buộc phải xác tín về tội lỗi; nó bao hàm một phán đoán từ bên trong của lương tâm, và điều này là bằng chứng về sự hành động của Thần chân lý trong hữu thể thâm sâu của con người, và đồng thời cũng là khởi điểm của việc ban tặng mới của ân sủng và tình yêu: “Hãy lãnh nhận Chúa Thánh Thần”. Như vậy, trong việc xác tín về tội lỗi, chúng ta nhận ra một hồng ân kép: hồng ân về chân lý của lương tâm và hồng ân về sự chắc chắn của ơn cứu chuộc. Thần chân lý là Đấng an ủi”⁸⁸. 1433

II. ĐỊNH NGHĨA TỘI LỖI PECCATI DEFINITIO

1849. Tội là một lỗi phạm đối nghịch với lý trí, chân lý, lương tâm ngay thẳng; tội là sự thiếu vắng tình yêu đích thực đối với Thiên Chúa và đối với người lân cận, vì sự quyến luyến lệch lạc với một số điều tốt đẹp nào đó. Tội làm tổn thương bản tính con người và vi 311

⁸⁶ X. Lc 15.

⁸⁷ Thánh Augustinô, *Sermo* 169, 11, 13: PL 38, 923.

⁸⁸ ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Dominum et vivificantem*, 31: AAS 78 (1986) 843.

1952 phạm đến tình liên đới nhân loại. Tội được định nghĩa là “một hành vi, lời nói, hoặc ước muốn trái nghịch với Lê luật vĩnh cửu”⁸⁹.

1440 **1850.** Tội là một sự xúc phạm đến Thiên Chúa: “Con đắc tội với Chúa, với một mình Chúa, dám làm điều dữ trái mắt Ngài” (Tv 51,6). Tội chống lại tình yêu của Thiên Chúa đối với chúng ta và đưa trái tim chúng ta lìa xa khỏi tình yêu đó. Cũng như tội đầu tiên, tội là một sự bất tuân, một sự nổi loạn chống Thiên Chúa vì
397 ao ước muốn “sẽ nên như những vị thần biết điều thiện, điều ác” (St 3,5) để nhận biết và quyết định điều tốt và điều xấu. Như vậy, tội là “yêu mình đến mức khinh chê Thiên Chúa”⁹⁰. Vì sự tự tôn
615 kiêu căng này, nên tội đối nghịch hẳn với sự tuân phục của Chúa Giêsu, sự tuân phục đó đã hoàn thành ơn cứu độ⁹¹.

1851. Chính trong cuộc khổ nạn, trong đó lòng thương xót của Đức
Kitô sẽ chiến thắng tội lỗi, mà tội lỗi biểu lộ cách rõ nhất tính
hung bạo và sự đa dạng của nó: sự cứng lòng tin, sự căm thù đến
598 mức giết người, sự chối bỏ và nhạo báng của các thủ lãnh và của dân chúng, sự hèn nhát của quan Philatô, sự tàn bạo của binh lính, sự phản bội của ông Giuđa quá cay đắng cho Chúa Giêsu, việc chối
bỏ của ông Phêrô và sự bỏ rơi của các môn đệ. Tuy nhiên, chính
2746, 616 vào giờ của bóng tối và của Thủ lãnh thế gian này⁹², cuộc hy tế của Đức Kitô đã âm thầm trở nên nguồn mạch, từ đó tuôn tràn cách không bao giờ cạn ơn tha thứ tội lỗi chúng ta.

III. CÁC TỘI LỖI KHÁC NHAU

PECCATORUM DIVERSITAS

1852. Tội lỗi rất đa dạng. Thánh Kinh đưa ra nhiều danh sách các tội lỗi. Thư gửi tín hữu Galata đối chiếu các công việc của xác thịt với hoa trái của Thần Khí: “Những việc do tính xác thịt gây ra thì ai cũng rõ, đó là: dâm bôn, ô uế, phóng dăng, thờ quấy, phù phép, hận thù, bất hoà, ghen tuông, nóng giận, tranh chấp, chia rẽ, bè phái, ganh tị, say sưa, chè chén và những điều khác giống như vậy. Tôi bảo trước cho mà biết, như tôi đã từng bảo: những kẻ làm các điều đó sẽ không được thừa hưởng Nước Thiên Chúa” (Gl 5,19-21)⁹³.

1751 **1853.** Tội lỗi có thể được phân biệt theo đối tượng của chúng, cũng như đối với mọi hành vi nhân linh, hoặc theo các nhân đức mà chúng đối

⁸⁹ Thánh Augustinô, *Contra Faustum manichaeum*, 22, 27: CSEL 25, 621 (PL 42, 418); x. Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, I-II, q. 71, a. 6: Ed. Leon. 7,8-9.

⁹⁰ Thánh Augustinô, *De civitate Dei*, 14, 28: CSEL 40/2, 56 (PL 41, 436).

⁹¹ X. Pl 2,6-9.

⁹² X. Ga 14,30.

⁹³ X. Rm 1,28-32; 1 Cr 6,9-10; Ep 5,3-5; Cl 3,5-9; 1 Tm 1,9-10; 2 Tm 3,2-5.

ngịch do thái quá hay do bất cập, hoặc theo các điều răn mà chúng vi phạm. Tội lỗi cũng có thể được phân loại theo tương quan của chúng với Thiên Chúa, với người lân cận hoặc với chính bản thân; chúng có thể được phân chia thành các tội về tinh thần và các tội về thể xác, hoặc tội trong tư tưởng, lời nói, việc làm và bỏ sót không làm. Cội rễ của tội là ở trong trái tim con người, trong ý chí tự do của họ, theo lời Chúa dạy: “Tự lòng phát xuất những ý định gian tà, những tội giết người, ngoại tình, tà dâm, trộm cắp, làm chứng gian và vu khống. Đó mới là những cái làm cho con người ra ô uế” (Mt 15,19-20). Đức mến cũng cư ngụ trong trái tim con người, đó là nguyên lý của các công việc tốt lành và thanh sạch, nên tội cũng làm tổn thương đức mến. 2067 368

IV. MỨC ĐỘ NGHIÊM TRỌNG CỦA TỘI:

TỘI TRỌNG VÀ TỘI NHẸ

GRAVITAS PECCATI: PECCATUM MORTALE ET VENIALE

1854. Phải đánh giá các tội theo mức độ nghiêm trọng của chúng. Sự phân biệt giữa tội trọng và tội nhẹ, như đã thấy trong Thánh Kinh, là khá phổ biến trong Truyền thống Hội Thánh⁹⁴. Kinh nghiệm của con người xác nhận điều này.

1855. *Tội trọng* phá hủy đức mến trong trái tim con người, do vi phạm nghiêm trọng Lễ luật của Thiên Chúa; tội trọng làm cho con người quay lưng lại với Thiên Chúa là mục đích tối hậu của mình và vinh phúc của mình, khi dành ưu tiên cho một điều tốt thấp kém hơn Ngài. 1395

Tội nhẹ vẫn còn để đức mến tồn tại, mặc dù có xúc phạm và gây tổn thương cho đức mến.

1856. Tội trọng đánh vào nguyên lý sống còn trong chúng ta, là đức mến, nên cần phải có một khởi đầu mới của lòng thương xót của Thiên Chúa và sự hối cải của trái tim, điều này được thực hiện một cách thông thường trong bí tích Giao Hoà: 1446

“Khi ... ý chí chiều theo một điều tự nó nghịch lại với đức mến, là nhân đức nhờ đó con người được quy hướng về mục đích tối hậu, thì do đối tượng của nó, tội này là tội trọng... hoặc nghịch với lòng mến Chúa, như lộng ngôn, bội thề, v.v... hoặc nghịch với lòng yêu người, như sát nhân, ngoại tình, v.v.... Còn khi ý chí của tội nhân chiều theo một điều tự nó là một sự vô trật tự nào đó, nhưng không nghịch với tình yêu đối với Thiên Chúa và người lân cận, như nói năng bừa bãi, cười cợt lối lẳng, v.v..., thì đó là những tội nhẹ”⁹⁵.

⁹⁴ X. 1 Ga 5,16-17.

⁹⁵ Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, I-II, q. 88, a. 2, c: Ed. Leon. 7, 135.

1857. Để một tội là *tội trọng*, đòi phải có đồng thời ba điều kiện: Tội trọng là tội mà “đối tượng của nó là một chất liệu nghiêm trọng, và ngoài ra, tội đó được chấp nhận với đầy đủ ý thức, và với sự ưng thuận chủ ý”⁹⁶.

- 2072 **1858.** *Chất liệu nghiêm trọng* được xác định trong Mười Điều Răn, theo câu trả lời của Chúa Giêsu với người thanh niên giàu có: “Chớ giết người, chớ ngoại tình, chớ trộm cắp, chớ làm chứng gian, chớ làm hại ai, hãy thờ cha kính mẹ” (Mc 10,19). Tính nghiêm trọng của tội có thể là nhiều hơn hay ít hơn: tội giết người thì nghiêm trọng hơn tội trộm cắp. Cũng phải xét đến cả phẩm chất của những người bị xúc phạm: tội hành hung người thân thì tự nó nặng hơn tội hành hung người lạ.
- 1734 **1859.** Tội trọng đòi phải có *sự nhận thức đầy đủ và sự ưng thuận hoàn toàn*. Điều này giả thiết phải có sự hiểu biết đặc tính tội lỗi của hành vi, hiểu biết sự đối nghịch của hành vi đối với Lễ luật của Thiên Chúa. Tội trọng cũng bao hàm một sự ưng thuận chủ ý, đủ để là một lựa chọn cá vị. Sự làm bộ không biết và sự chai đá của trái tim⁹⁷ không giảm thiểu, nhưng gia tăng tính cách cố ý của tội.
- 1735 **1860.** *Sự không hiểu biết ngoài ý muốn* có thể giảm thiểu, và thậm chí xoá bỏ, tính cách quy tội của một lỗi phạm nặng. Nhưng không ai được coi là không biết những nguyên tắc của luật luân lý đã
- 1767 được ghi khắc trong lương tâm mỗi người. Những thúc đẩy của cảm giác, các đam mê, và cả các áp lực bên ngoài, hoặc những rối loạn do bệnh tật, cũng có thể giảm thiểu tính cách cố ý và tự do của lỗi phạm. Tội do ác tâm, do sự chủ ý lựa chọn điều xấu, là nghiêm trọng nhất.
- 1742 **1861.** Tội trọng là một khả năng căn bản của sự tự do nhân loại, cũng như chính tình yêu. Tội trọng phá huỷ đức mến, làm mất ơn thánh hóa, nghĩa là mất tình trạng ân sủng. Nếu tội trọng không được chuộc lại bằng việc thống hối và ơn tha thứ của Thiên Chúa,
- 1033 nó sẽ đưa tới việc bị loại ra khỏi Nước Thiên Chúa và cái chết muôn đời trong hỏa ngục, vì sự tự do của chúng ta có khả năng thực hiện những lựa chọn vĩnh viễn, không thể hồi lại được. Tuy nhiên, mặc dầu chúng ta có thể phán đoán một hành vi nào đó tự nó là một lỗi phạm nặng, chúng ta vẫn phải phó thác việc phán xét các nhân vị cho sự công bằng và lòng thương xót của Thiên Chúa.

⁹⁶ ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Reconciliatio et paenitentia*, 17: AAS 77 (1985) 221.

⁹⁷ X. Mc 3,5-6; Lc 16,19-31.

1862. Người ta phạm *tội nhẹ* khi không tuân giữ những tiêu chuẩn được quy định bởi luật luân lý trong điều nhẹ, hay cả khi không tuân theo luật luân lý trong điều nặng, nhưng không có sự nhận thức đầy đủ hay không có sự ưng thuận hoàn toàn.

1863. Tội nhẹ làm suy yếu đức mến; nó diễn tả sự quyến luyến vô trật tự đối với của cải trần thế; nó ngăn cản sự tiến triển của linh hồn trong việc thực hành nhân đức và trong việc thực thi điều thiện luân lý; tội nhẹ đáng chịu những hình phạt tạm thời. Tội nhẹ có chủ ý và nhất định không thống hối khiến chúng ta dần dần đi đến chỗ phạm tội trọng. Tuy nhiên, tội nhẹ không phá vỡ giao ước với Thiên Chúa. Với ân sủng của Thiên Chúa, tội nhẹ có thể được con người sửa chữa lại. “Tội nhẹ không làm mất ơn thánh hóa, sự thân nghĩa với Thiên Chúa, đức mến và vinh phúc vĩnh cửu”⁹⁸. 1394 1472

“Bao lâu còn mang thân xác, con người không thể không có ít là các tội nhẹ. Nhưng các tội mà chúng ta gọi là nhẹ, bạn chớ coi thường: nếu bạn coi là nhẹ khi bạn cân chúng, thì bạn hãy run sợ khi bạn đếm chúng. Nhiều vật nhỏ làm thành một khối lớn, nhiều giọt nước làm đầy một con sông, nhiều hạt lúa làm thành một đồng lúa. Vậy thì còn hy vọng gì? Trước hết, hãy đi xưng tội...”⁹⁹.

1864. “Mọi tội, kể cả tội nói phạm thượng, cũng sẽ được tha cho loài người, chứ tội nói phạm đến Thần Khí sẽ chẳng được tha”¹⁰⁰ (Mt 12,31). Lòng thương xót của Thiên Chúa không có giới hạn, nhưng ai cố tình từ chối đón nhận lòng thương xót của Thiên Chúa qua việc thống hối, thì người đó cũng khước từ ơn tha thứ tội lỗi cho mình và ơn cứu độ do Chúa Thánh Thần ban tặng¹⁰¹. Sự cứng lòng như vậy có thể đưa tới chỗ không thống hối trong giờ sau hết và bị án phạt muôn đời. 2091 1037

V. TỘI LỖI SINH SÔI NẢY NỞ

PECCATI MULTIPLICATIO

1865. Tội tạo nên xu hướng về tội; và do việc lặp đi lặp lại cùng một hành vi, sẽ sinh ra thói xấu. Từ đó phát xuất những nghiêng chiều lệch lạc làm mờ tối lương tâm và làm hư hỏng sự đánh giá cụ thể về điều tốt và điều xấu. Như vậy tội lỗi có khuynh hướng sinh sôi nảy nở và mạnh thêm lên, nhưng nó không thể phá hủy tận căn cảm thức luân lý. 401 1768

⁹⁸ ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Reconciliatio et poenitentia*, 17: AAS 77 (1985) 221.

⁹⁹ Thánh Augustinô, *In epistulam Ioannis ad Parthos tractatus*, 1, 6: PL 35, 1982.

¹⁰⁰ X. Mc 3,29; Lc 12,10.

¹⁰¹ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Dominum et vivificantem*, 46: AAS 78 (1986) 864-865.

1866. Các thói xấu có thể được xếp loại dựa theo các nhân đức mà chúng đối nghịch, hay được quy vào *các mối tội đầu* như kinh nghiệm Kitô giáo đã phân biệt, dựa theo thánh Gioan Casianô¹⁰² và thánh Grêgôriô Cả¹⁰³. Chúng được gọi là các mối tội đầu bởi vì chúng sinh ra những tội khác, những thói xấu khác. Các mối tội đầu là: kiêu ngạo, hà tiện, ganh tị, nóng giận, dâm dục, mê ăn uống, làm biếng.

1867. Truyền thống dạy giáo lý cũng nhắc đến “*các tội kêu thấu đến trời*”. Kêu thấu đến trời là: máu của Abel¹⁰⁴; tội của dân Sôdôma¹⁰⁵; tiếng than của dân bị áp bức ở Ai cập¹⁰⁶; tiếng rên siết của người ngoại kiều, của các cô nhi và quả phụ¹⁰⁷; sự bất công về lương bổng¹⁰⁸.

1868. Tội là một hành vi cá vị. Ngoài ra, chúng ta có trách nhiệm trong các tội do những người khác phạm, khi *chúng ta cộng tác vào các tội đó*, bằng cách:

- 1736 – tham gia một cách trực tiếp và tự nguyện vào các tội đó;
- ra lệnh, xúi giục, khen ngợi hoặc tán thành những tội đó;
- không tố cáo hoặc không ngăn cản các tội đó, khi có bổn phận phải can ngăn;
- che chở những người làm điều xấu.

1869. Như vậy, tội làm cho người ta trở thành đồng phạm với nhau, và làm cho dục vọng, bạo lực và bất công thống trị nơi họ. Tội tạo nên những hoàn cảnh xã hội và những cơ chế nghịch lại lòng nhân hậu của Thiên Chúa. Các “*cơ cấu tội ác*” vừa là sự diễn tả vừa là hậu quả của các tội cá vị. Chúng xúi giục các nạn nhân của chúng đến lượt mình cũng làm điều xấu. Hiểu nghĩa loại suy, chúng làm thành “*tội xã hội*”¹⁰⁹.

TÓM LƯỢC

1870. “*Thiên Chúa đã giam hãm mọi người trong tội không vâng phục, để thương xót mọi người*” (Rm 11,32).

¹⁰² X. Thánh Gioan Cassianô, *Conlatio*, 5, 2: CSEL 13, 121 (PL 49, 611).

¹⁰³ X. Thánh Grêgôriô Cả, *Moralia in Iob*, 31, 45, 87: CCL 143B, 1610 (PL 76, 621).

¹⁰⁴ X. St 4,10.

¹⁰⁵ X. St 18,20; 19,13.

¹⁰⁶ X. Xh 3,7-10.

¹⁰⁷ X. Xh 22,20-22.

¹⁰⁸ X. Đnl 24,14-15; Gc 5,4.

¹⁰⁹ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Reconciliatio et paenitentia*, 16: AAS 77 (1985) 216.

1871. Tội là “một hành vi, lời nói, hoặc ước muốn trái nghịch với Lê luật vĩnh cửu”¹¹⁰. Tội là một sự xúc phạm đến Thiên Chúa. Tội chống lại Thiên Chúa bằng sự bất tuân, đối nghịch với sự tuân phục của Chúa Giêsu.

1872. Tội là một hành vi đối nghịch với lý trí. Nó làm tổn thương bản tính con người và vi phạm đến tình liên đới nhân loại.

1873. Cội rễ của mọi tội lỗi là ở trong trái tim con người. Các loại tội và mức độ nghiêm trọng của chúng được xem xét chủ yếu theo đối tượng của chúng.

1874. Lựa chọn một cách có chủ ý, nghĩa là, biết rõ và tự nguyện, một sự việc đối nghịch với Lê luật thần linh và với mục đích tối hậu của con người một cách nghiêm trọng, đó là phạm tội trọng. Tội trọng phá hủy đức mến trong chúng ta, mà nếu không có đức mến, thì không thể được hưởng vinh phúc vĩnh cửu. Nếu không có sự thống hối, tội trọng kéo theo nó sự chết muôn đời.

1875. Tội nhẹ gây nên một xáo trộn luân lý, có thể sửa chữa lại được nhờ đức mến vẫn còn tồn tại trong chúng ta.

1876. Phạm đi phạm lại các tội, dù là các tội nhẹ, sẽ sinh ra những thói xấu, trong đó đặc biệt có các mối tội đầu.

¹¹⁰ Thánh Augustinô, *Contra Faustum manichaeum*, 22, 27: CSEL 25, 621 (PL 42, 418).

CHƯƠNG HAI

CỘNG ĐỒNG NHÂN LOẠI

CAPUT SECUNDUM

COMMUNITAS HUMANA

355 **1877.** Ơn gọi của nhân loại là biểu lộ hình ảnh của Thiên Chúa và được biến đổi thành hình ảnh Con Một của Chúa Cha. Ơn gọi này mang một hình thức cá vị, bởi vì mỗi người đều được kêu gọi tiến vào vinh phúc thần linh; ơn gọi này cũng liên quan đến tổng thể cộng đồng nhân loại.

Mục 1

Cá vị và xã hội

ARTICULUS 1

PERSONA ET SOCIETAS

I. TÍNH CÁCH CỘNG ĐỒNG CỦA ƠN GỌI NHÂN LINH

INDOLES COMMUNITARIA VOCATIONIS HUMANAЕ

1702 **1878.** Mọi người đều được kêu gọi đến một cùng đích chung, là chính Thiên Chúa. Có một sự tương tự nào đó giữa sự hiệp thông các Ngôi Vị Thiên Chúa với tình huynh đệ mà con người phải thiết lập với nhau trong chân lý và tình yêu¹. Tình yêu đối với người lân cận không thể tách rời khỏi tình yêu đối với Thiên Chúa.

1936 **1879.** Nhân vị cần đời sống xã hội. Đời sống này không phải là một điều gì từ bên ngoài được thêm vào cho nhân vị, nhưng là một đòi hỏi của bản tính của nhân vị. Con người, nhờ sự trao đổi với những người khác, nhờ sự phục vụ lẫn nhau và nhờ đối thoại với anh em, phát triển mọi tài năng của mình; như vậy, họ đáp lại ơn gọi của mình².

¹ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 24: AAS 58 (1966) 1045.

² X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 25: AAS 58 (1966) 1045.

1880. Xã hội là một tổng thể những cá vị được liên kết với nhau một cách hữu cơ theo một nguyên lý hợp nhất nào đó, vượt quá mỗi cá vị. Là một cộng đồng vừa hữu hình, vừa tinh thần, xã hội tồn tại trong thời gian: nó tiếp nhận quá khứ và chuẩn bị tương lai. Nhờ xã hội, mỗi người trở thành “người thừa tự”, lãnh nhận “các nén bạc” làm phong phú căn tính của mình và họ phải làm cho chúng tăng thêm hoa trái³. Theo lẽ phải, mỗi người phải tận tâm với các cộng đồng mà mình là thành viên, và phải tôn trọng các người cầm quyền có nhiệm vụ mưu cầu công ích.

771

1881. Mỗi cộng đồng được định nghĩa bằng mục tiêu của mình và do đó, tuân theo những quy tắc đặc thù, nhưng “nguyên lý, chủ thể và mục đích của tất cả các định chế xã hội là, và phải là, *nhân vị*”⁴.

1929

1882. Một số xã hội, như gia đình và cộng đồng dân sự, phù hợp một cách trực tiếp hơn với bản tính con người. Chúng là cần thiết cho con người. Để khuyến khích nhiều người tham gia vào đời sống xã hội, phải ủng hộ việc thành lập các hiệp hội và các tổ chức, được tự do lựa chọn, “về các vấn đề kinh tế, xã hội, về văn hoá và giải trí, về các sinh hoạt thể thao, về nghề nghiệp của các nghệ thuật khác nhau, về các vấn đề chính trị; trên bình diện quốc gia cũng như trên bình diện quốc tế”⁵. “Việc xã hội hóa” này đồng thời diễn tả một xu hướng tự nhiên thúc đẩy con người hợp tác với nhau, để theo đuổi những mục tiêu vượt quá những khả năng cá nhân. Công cuộc này làm tăng thêm các phẩm chất của con người, nhất là óc sáng kiến và tinh thần trách nhiệm. Nó cũng giúp bảo đảm các quyền của con người⁶.

1913

1883. Việc xã hội hóa cũng cho thấy những nguy cơ. Sự can thiệp quá đáng của Nhà Nước có thể đe dọa sự tự do và các sáng kiến cá vị. Giáo huấn của Hội Thánh đề ra một nguyên tắc được gọi *nguyên tắc bổ trợ (subsidiariorum principium)*: theo đó, “một tổ chức ở cấp cao hơn không được can thiệp vào sinh hoạt nội bộ của một tổ chức ở cấp dưới, và tước mất những nhiệm vụ riêng của cấp dưới, mà tốt hơn phải nâng đỡ tổ chức cấp dưới những khi cần, và trợ giúp để hành động của họ được phối hợp với các thành phần liên hệ khác, nhằm phục vụ công ích”⁷.

2431

³ X. Lc 19,13.15.

⁴ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 25: AAS 58 (1966) 1045.

⁵ ĐGH Gioan XXIII, Thông điệp *Mater et Magistra*, 60: AAS 53 (1961) 416.

⁶ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 25: AAS 58 (1966) 1045-1046; ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus*, 16: AAS 83 (1991) 813.

⁷ ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus*, 48: AAS 83 (1991) 854; x. ĐGH Piô XI, Thông điệp *Quadragesimo anno*: AAS 23 (1931) 184-186.

307 **1884.** Thiên Chúa không muốn giữ cho riêng mình việc thực thi mọi quyền hành. Ngài trao lại cho mỗi thụ tạo những nhiệm vụ mà nó có khả năng thực thi, theo những khả năng của bản tính riêng của mình. Cách cai quản này phải được bắt chước trong đời sống xã hội. Cách Thiên Chúa hành động trong việc cai quản trần gian chứng tỏ Ngài rất quan tâm đến sự tự do nhân loại, điều này phải gợi hứng khôn ngoan cho những người cai quản các cộng đồng nhân loại. Họ phải xử sự như những thừa tác viên của sự quan phòng của Thiên Chúa.

302 **1885.** Nguyên tắc bổ trợ đối nghịch với mọi hình thức duy tập thể. Nó vạch ra những giới hạn cho việc can thiệp của Nhà Nước. Nó tìm cách hòa hợp các tương quan giữa các cá nhân với các xã hội. Nó hướng tới việc thiết lập một trật tự quốc tế đích thực.

II. SỰ HỐI CẢI VÀ XÃ HỘI

CONVERSIO ET SOCIETAS

1779 **1886.** Xã hội là cần thiết để ơn gọi nhân linh được thực hiện. Để đạt tới mục tiêu này, phải tôn trọng bậc thang đúng đắn của các giá trị, là “những gì thuộc vật chất và tự nhiên được đặt ở dưới những gì thuộc nội tâm và tinh thần”⁸.

2500 “Vì vậy, xã hội của con người ... trước hết phải được coi như một thực tại đặc biệt liên quan tới tâm hồn; nhờ xã hội, người ta thông chuyển cho nhau các kiến thức, trong ánh sáng của chân lý; người ta có thể khẳng định các quyền lợi và chu toàn các bổn phận; người ta khích lệ nhau tìm kiếm những điều thiện hảo cho tâm hồn; người ta chia sẻ cho nhau sự thưởng thức mọi vui thú lành mạnh; người ta luôn cố gắng trao cho người khác những gì tốt đẹp nhất của mình; người ta chăm chú học hỏi để những phong phú tinh thần của người khác trở thành của mình. Những điều tốt lành này vừa có ảnh hưởng, vừa hướng dẫn, tất cả những gì liên quan đến các học thuyết, các vấn đề kinh tế, các tổ chức xã hội, các trào lưu và thể chế chính trị, pháp chế, và sau cùng, các tổ chức khác, tất cả những gì thiết lập nên và không ngừng làm phát triển cộng đồng nhân loại từ bên ngoài”⁹.

909 **1887.** Việc đảo lộn các phương tiện với các mục đích¹⁰ dẫn tới việc coi phương tiện như mục đích tối hậu, hay xem những cá vị chỉ là những phương tiện để đạt mục đích, điều này sinh ra những cơ cấu bất công “làm cho cách sống Kitô giáo, phù hợp với các giới răn

⁸ ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus*, 36: AAS 83 (1991) 838.

⁹ ĐGH Gioan XXIII, Thông điệp *Pacem in terris*, 36: AAS 55 (1963) 266.

¹⁰ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus*, 41: AAS 83 (1991) 844.

của Đấng Làm Luật tối thượng, trở nên khó khăn, hoặc hầu như là không thể”¹¹.

1869

1888. Vì vậy, để đạt được những cải tổ xã hội thật sự giúp phục vụ con người, phải chạy đến với các khả năng tinh thần và luân lý của cá vị, và với sự đòi hỏi thường xuyên là *sự hồi cải nội tâm* của cá vị. Việc ưu tiên cho sự hồi cải trái tim không hề loại trừ, nhưng trái lại, còn bắt buộc đem lại những lành mạnh hoá thích hợp cho các cơ chế và điều kiện sống, khi các cơ chế và điều kiện sống đó đưa đến tội lỗi, để chúng trở thành phù hợp với các quy tắc của đức công bằng, không chống đối nhưng củng cố điều thiện hảo¹².

407

1430

1889. Không có sự trợ giúp của ân sủng, con người không biết “khám phá ra con đường, thường là nhỏ hẹp, giữa một bên là sự hèn nhát muốn nhượng bộ điều xấu và một bên là sức mạnh, tự lừa dối mình rằng mình có thể chiến thắng điều xấu, nhưng thật sự lại làm cho điều xấu nhân rộng thêm”¹³. Con đường đó là con đường của đức mến, nghĩa là của lòng mến Chúa và yêu người. Đức mến là điều răn mang tính xã hội cao nhất. Đức mến tôn trọng người khác và các quyền lợi của họ. Đức mến đòi hỏi sự thực thi đức công bằng và chỉ có đức mến mới làm cho chúng ta có khả năng thực hiện điều đó. Đức mến gợi hứng cho một cuộc đời tự hiến: “Ai tìm cách giữ mạng sống mình, thì sẽ mất; còn ai liều mất mạng sống mình, thì sẽ bảo tồn được mạng sống” (Lc 17,33).

1825

TÓM LƯỢC

1890. Có một sự tương tự nào đó giữa sự hiệp thông các Ngôi Vị Thiên Chúa với tình huynh đệ mà con người phải thiết lập với nhau.

1891. Nhân vị, để tự phát triển theo bản tính của mình, cần đời sống xã hội. Một số xã hội, như gia đình và cộng đồng dân sự, phù hợp một cách trực tiếp hơn với bản tính con người.

1892. “Nguyên lý, chủ thể và mục đích của tất cả các định chế xã hội là, và phải là, nhân vị”¹⁴.

1893. Phải khuyến khích việc tham gia rộng rãi vào các hiệp hội và các tổ chức mà người ta được tự do lựa chọn.

¹¹ ĐGH Piô XII, Nuntius radiophonicus (1 iunii 1941): AAS 33 (1941) 197.

¹² X. CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 36: AAS 57 (1965) 42.

¹³ ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus*, 25: AAS 83 (1991) 823.

¹⁴ X. CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 25: AAS 58 (1966) 1045.

1894. Theo nguyên tắc bổ trợ, Nhà Nước hay một tổ chức lớn hơn, không được thay thế sáng kiến và trách nhiệm của những cá vị và các tổ chức trung gian.

1895. Xã hội phải cổ võ việc thực thi các nhân đức, chứ không được cản trở. Bậc thang đúng đắn về các giá trị phải gọi hứng cho xã hội.

1896. Ở đâu tội lỗi phá huỷ bầu khí xã hội, thì phải chạy đến với sự hối cải của các trái tim và với ân sủng của Thiên Chúa. Đức mến thúc đẩy những cuộc cải tổ chính đáng. Không có giải pháp nào cho vấn đề xã hội ngoài Tin Mừng¹⁵.

Mục 2

Sự tham gia vào đời sống xã hội

Articulus 2

In vita sociali participatio

I. QUYỀN BÌNH AUCTORITAS

2234 **1897.** “Xã hội loài người sẽ không thể được tổ chức tốt, cũng không thể thịnh vượng, nếu không có những người, được trao quyền bình hợp pháp, để gìn giữ các cơ chế, và làm mọi điều cần thiết để tích cực bảo trợ cho lợi ích của mọi phần tử”¹⁶. Được gọi là “quyền bình”, là tư cách nhờ đó những cá vị hay những cơ chế đưa ra những luật lệ và lệnh truyền cho người ta, và mong đợi người ta tuân phục.

1898. Mọi cộng đồng nhân loại đều cần có một quyền bình để quản trị nó¹⁷. Quyền bình này đặt nền tảng trên bản tính nhân loại. Quyền bình là cần thiết cho sự thống nhất của cộng đồng dân sự. Nhiệm vụ của nó cốt tọng tại việc bảo đảm tối đa cho công ích của xã hội.

2235 **1899.** Quyền bình, theo trật tự luân lý đòi hỏi, phát xuất từ Thiên Chúa: “Mỗi người phải phục tùng chính quyền, vì không có quyền bình nào mà không bởi Thiên Chúa, và những quyền bình hiện

¹⁵ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus*, 5: AAS 83 (1991) 800.

¹⁶ ĐGH Gioan XXIII, Thông điệp *Pacem in terris*, 46: AAS 55 (1963) 269.

¹⁷ X. ĐGH Lêô XIII, Thông điệp *Diuturnum illud*: Leonis XIII Acta 2, 271; Id., Thông điệp *Immortale Dei*: Leonis XIII Acta 5, 120.

hữu là do Thiên Chúa thiết lập. Như vậy, ai chống đối quyền bính là chống lại trật tự Thiên Chúa đặt ra, và kẻ nào chống lại Ngài, sẽ chuốc lấy án phạt ” (Rm 13,1-2)¹⁸.

1900. Bốn phận vâng phục đòi buộc mọi người phải tôn trọng quyền bính cho xứng hợp; và đối với những người đang thực thi nhiệm vụ, phải tôn trọng và tùy công trạng của họ mà tỏ lòng biết ơn và quý mến. 2238

Trong tác phẩm của thánh Giáo Hoàng Clémentê thành Rôma, có một lời kinh cổ xưa nhất cầu cho chính quyền¹⁹: 2240

“Lạy Chúa, xin ban cho họ sức khỏe, bình an, hòa thuận và bền vững, để họ thực thi đúng đắn quyền hành Chúa đã trao cho họ. Lạy Chúa là Chủ tể, là Vua trời vĩnh cửu, chính Chúa ban cho con cái loài người vinh quang, danh dự và quyền bính trên mọi vật trần thế. Lạy Chúa, xin hướng dẫn kế hoạch của họ theo điều gì là tốt, là đẹp trước mặt Chúa, để khi thi hành một cách đạo đức nhiệm vụ mà Chúa đã trao cho, trong an bình và quảng đại, họ nhận được ơn Chúa phù hộ”²⁰.

1901. Một khi quyền bính thuộc về trật tự do Thiên Chúa ấn định, thì “việc xác định thể chế và việc chỉ định những người điều hành, phải được dành cho ý muốn tự do của các công dân”²¹.

Sự khác nhau của các thể chế chính trị có thể được chấp nhận về mặt luân lý, miễn là các thể chế này phục vụ lợi ích chính đáng của cộng đồng đã thừa nhận chúng. Các thể chế có bản chất trái ngược với luật tự nhiên, với trật tự công cộng và với các quyền căn bản của con người, thì không thể đem lại công ích cho những quốc gia đang bị áp đặt phải theo những thể chế đó. 2242

1902. Quyền bính không rút ra tính hợp pháp luân lý tự chính mình. Họ không được xử sự cách chuyên chế, nhưng phải hành động vì công ích với tư cách là “một sức mạnh luân lý đặt nền tảng trên sự tự do và ý thức trách nhiệm”²². 1930

“Luật pháp nhân loại chỉ có tính cách là luật khi phù hợp với lẽ phải: và theo đó, rõ ràng là nó xuất phát từ Lẽ luật vĩnh cửu; khi xa lìa lẽ phải, nó được gọi là một luật bất công: nó không còn có tính cách là luật, nhưng đúng hơn, nó mang tính cách bạo lực”²³. 1951

¹⁸ X. 1 Pr 2,13-17.

¹⁹ X. 1 Tm 2,1-2.

²⁰ Thánh Clémentê Rôma, *Epistula ad Corinthios*, 61, 1-2: SC 167, 198-200 (Funk 1, 178-180).

²¹ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 74: AAS 58 (1966) 1096.

²² CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 74: AAS 58 (1966) 1096.

²³ Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, I-II, q. 93, a. 3, ad. 2: Ed. Leon. 7, 164.

2242 **1903.** Quyền bính chỉ được thực thi một cách hợp pháp khi nó mưu cầu công ích của tập thể liên hệ, và dùng những phương tiện được phép về mặt luân lý để đạt được công ích đó. Nếu các nhà lãnh đạo đưa ra những luật bất công hay sử dụng những biện pháp trái luân lý, thì những mệnh lệnh đó không thể bắt buộc lương tâm. “Trong trường hợp này, quyền bính không còn hiệu lực, và trở thành một lạm dụng đáng xấu hổ”²⁴.

1904. “Vì vậy, tốt hơn là, mọi quyền hành phải được quân bình với những quyền hành khác và những thẩm quyền khác, để gìn giữ những giới hạn của nó. Đó là nguyên tắc ‘Nhà Nước pháp chế’, trong đó luật pháp là tối thượng, chứ không phải ý muốn độc đoán của một số người”²⁵.

II. CÔNG ÍCH

BONUM COMMUNE

801 1881 **1905.** Theo bản tính xã hội của con người, lợi ích cá nhân tất nhiên được liên kết với công ích. Công ích chỉ có thể được định nghĩa trong tương quan với nhân vị:

“Các bạn đừng sống cô lập hay khép kín nơi mình, như thể các bạn đã được công chính hóa rồi, nhưng hãy hợp lại nên một để cùng tìm kiếm điều hữu ích cho mọi người”²⁶.

1906. Phải hiểu công ích là “toàn thể những điều kiện của đời sống xã hội giúp cả những tập thể, cả những phần tử riêng rẽ, đạt tới sự hoàn hảo riêng của mình một cách đầy đủ và dễ dàng hơn”²⁷. Công ích liên quan đến đời sống của mọi người. Nó đòi hỏi mỗi người phải khôn ngoan, nhất là những ai đang cầm quyền. Công ích gồm ba yếu tố căn bản:

1929 **1907.** Trước hết, công ích giả thiết phải *tôn trọng cá vị* theo đúng nghĩa. Vì công ích, các nhà cầm quyền phải tôn trọng các quyền căn bản và bất khả nhượng của nhân vị. Xã hội phải để cho mỗi thành viên thực hiện ơn gọi của mình. Đặc biệt, công ích nằm trong những điều kiện để thực thi các sự tự do tự nhiên, các sự tự do đó là cần thiết để ơn gọi nhân linh được phát triển: như quyền “hành động theo quy tắc ngay thẳng của lương tâm mình, quyền bảo vệ đời tư và quyền tự do chính đáng, cả trong vấn đề tôn giáo”²⁸.

²⁴ ĐGH Gioan XXIII, Thông điệp *Pacem in terris*, 51: AAS 55 (1963) 271.

²⁵ ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus*, 44: AAS 83 (1991) 848.

²⁶ *Epistula Pseudo Barnabae*, 4. 10: SC 172, 100-102 (Funk 1, 48).

²⁷ CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 26: AAS 58 (1966) 1046; x. *Ibid.*, 74: AAS 58 (1966) 1096.

²⁸ CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 26: AAS 58 (1966) 1046.

1908. Thứ hai, công ích đòi hỏi *sự thịnh vượng xã hội và sự phát triển* của chính tập thể. Sự phát triển là tóm kết của tất cả mọi trách nhiệm xã hội. Vì công ích, quyền bính có nhiệm vụ phân xử giữa các quyền lợi riêng tư khác nhau. Nhưng quyền bính phải giúp mỗi người có được những gì cần thiết để có được một cuộc sống thật sự nhân bản: lương thực, áo quần, sức khỏe, việc làm, giáo dục và văn hóa, được thông tin đầy đủ, quyền xây dựng gia đình²⁹, v.v.... 2441

1909. Cuối cùng, công ích bao hàm *hòa bình*, nghĩa là, sự bền vững và sự an ninh của một trật tự chính đáng. Vì vậy, công ích giả thiết rằng quyền bính, bằng những phương tiện trung thực, phải bảo đảm *an ninh* cho xã hội và cho các thành viên của xã hội. Công ích thiết lập quyền tự vệ chính đáng của cá vị và tập thể. 2304 2310

1910. Nếu mỗi cộng đồng nhân loại đều có một công ích cho phép mình nhận biết mình theo đúng nghĩa, thì người ta thấy sự hoàn thành đầy đủ nhất của một công ích như vậy trong *cộng đồng chính trị*. Nhà Nước có nhiệm vụ bảo vệ và thăng tiến công ích của xã hội dân sự, của các công dân và các tổ chức trung gian. 2244

1911. Những lệ thuộc giữa con người với nhau trở nên chặt chẽ hơn. Những lệ thuộc đó dần dần được mở rộng khắp thế giới. Sự hợp nhất của gia đình nhân loại, khi quy tụ những thành viên có cùng một phẩm giá theo bản tính, đòi hỏi có *một công ích phổ quát*. Công ích này đòi sự tổ chức của cộng đồng các quốc gia, “có khả năng đáp ứng những nhu cầu khác nhau của con người trong các lãnh vực của đời sống xã hội như thực phẩm, sức khỏe, giáo dục..., cũng như trong một số hoàn cảnh đặc biệt có thể xảy ra nơi này nơi khác, ... như làm nhẹ bớt những khốn khổ của những người tị nạn rải rác khắp thế giới, hoặc giúp đỡ cho những người di cư và gia đình họ”³⁰. 2438

1912. Công ích luôn hướng tới việc thăng tiến con người: “Trật tự của các sự việc phải lệ thuộc trật tự của các cá vị chứ không ngược lại”³¹. Trật tự này được đặt nền trong chân lý, được xây dựng trên công bằng, được có sự sống bởi tình yêu. 1881

III. TRÁCH NHIỆM VÀ SỰ THAM GIA RESPONSABILITAS ET PARTICIPATIO

1913. Tham gia là sự dẫn thân tự nguyện và quảng đại của cá vị vào những giao dịch xã hội. Cần thiết là, tất cả mọi người phải

²⁹ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 26: AAS 58 (1966) 1046.

³⁰ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 84: AAS 58 (1966) 1107.

³¹ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 26: AAS 58 (1966) 1047.

tham gia vào việc mưu cầu công ích, mỗi người theo địa vị và vai trò mình đảm nhận. Bốn phạm này gắn liền với phẩm giá của nhân vị.

1734 **1914.** Trước hết, sự tham gia được thể hiện bằng việc đảm nhận nhiệm vụ trong các phần việc thuộc *trách nhiệm cá vị*: khi quan tâm chăm sóc gia đình mình, khi làm việc của mình một cách có lương tâm, là con người tham gia vào công ích của những người khác và của xã hội³².

2239 **1915.** Các công dân phải tích cực tham gia càng nhiều càng tốt vào *đời sống cộng đồng*. Cách tham gia có thể khác nhau từ nước này đến nước khác, hoặc từ nền văn hoá này đến nền văn hoá khác. “Phải khen ngợi đường lối hành động của những quốc gia đang để cho các công dân được tham gia tối đa vào việc nước trong sự tự do đích thực”³³.

1888 **1916.** Cũng như mọi bốn phạm đạo đức, sự tham gia của mọi người trong việc hoạt động cho công ích, bao hàm sự hối cải không ngừng được canh tân của các thành viên của xã hội. Phải kết án nghiêm khắc sự gian lận và những mảnh lối khác mà một số người dùng để trốn tránh các đòi buộc của luật pháp và các quy định của bốn phạm xã hội, vì chúng không thể đi đôi với những đòi hỏi của đức công bằng. Phải quan tâm phát triển những cơ chế giúp cải thiện các điều kiện của đời sống con người³⁴.

2409 **1917.** Những người đang thực thi nhiệm vụ của quyền bính có bốn phạm khẳng định những giá trị đem lại sự tín nhiệm nơi các thành viên của tập thể, và khuyến khích họ tham gia phục vụ đồng loại của mình. Sự tham gia bắt đầu từ việc giáo dục và văn hóa. “Chúng ta có lý do chính đáng để nghĩ rằng: tương lai nhân loại nằm trong tay những người có khả năng trao cho các thế hệ đến sau những lý do để sống và để hy vọng”³⁵.

TÓM LƯỢC

1918. “*Không có quyền bính nào mà không bởi Thiên Chúa, và những quyền bính hiện hữu là do Thiên Chúa thiết lập*” (Rm 13,1).

1919. *Mọi cộng đồng nhân loại đều cần có quyền bính để cộng đoàn được duy trì và phát triển.*

³² X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus*, 43: AAS 83 (1991) 847.

³³ CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 31: AAS 58 (1966) 1050.

³⁴ X. CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 30: AAS 58 (1966) 1049.

³⁵ CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 31: AAS 58 (1966) 1050.

1920. “Cộng đồng chính trị và công quyền đặt nền tảng trên bản tính con người, cho nên cũng nằm trong một trật tự do Thiên Chúa ấn định”³⁶.

1921. Quyền bính được thực thi một cách hợp pháp khi nó được áp dụng để theo đuổi công ích của xã hội. Để đạt được điều đó, quyền bính phải dùng những phương thế có thể chấp nhận được về mặt luân lý.

1922. Sự khác biệt về các thể chế chính trị là điều hợp pháp, miễn là chúng phục vụ công ích của cộng đồng.

1923. Quyền bính chính trị phải được khai triển trong những giới hạn của trật tự luân lý và phải bảo đảm những điều kiện để thực thi quyền tự do.

1924. Công ích là “toàn thể những điều kiện của đời sống xã hội giúp cả những tập thể, cả những phân tử riêng rẽ, đạt tới sự hoàn hảo riêng của mình một cách đầy đủ và dễ dàng hơn”³⁷.

1925. Công ích gồm ba yếu tố căn bản: tôn trọng và phát huy các quyền lợi căn bản của con người; sự thịnh vượng hay sự phát triển các lợi ích tinh thần và vật chất của xã hội; hòa bình và an ninh cho tập thể và cho các thành viên của tập thể.

1926. Phẩm giá của nhân vị bao hàm việc mưu cầu công ích. Mỗi người phải quan tâm cố võ và nâng đỡ những tổ chức nhằm cải thiện các điều kiện của đời sống con người.

1927. Nhà nước có bổn phận bảo vệ và phát huy công ích của xã hội dân sự. Công ích của toàn thể gia đình nhân loại đòi phải có một tổ chức xã hội nào đó có tầm vóc quốc tế.

Mục 3

Công bằng xã hội

Articulus 3

Iustitia socialis

1928. Xã hội bảo đảm công bằng xã hội, khi tạo điều kiện để các đoàn thể và mỗi cá nhân có được những gì họ có quyền hưởng theo

2832

³⁶ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 74: AAS 58 (1966) 1096.

³⁷ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 26: AAS 58 (1966) 1046.

bản tính và ơn gọi của họ. Công bằng xã hội được liên kết với công ích và với việc thực thi quyền bính.

I. TÔN TRỌNG NHÂN VỊ

PERSONAE HUMANAЕ OBSERVANTIA

1881 **1929.** Không thể có công bằng xã hội, nếu không có sự tôn trọng phẩm giá siêu việt của con người. Nhân vị là mục đích tối hậu của xã hội, vì xã hội được quy hướng về nhân vị:

“Việc bảo vệ và thăng tiến phẩm giá của nhân vị được Đấng Tạo Hóa uỷ thác cho chúng ta, và bất cứ ở thời đại nào trong lịch sử, các người nam và người nữ đều mắc nợ về điều đó, vì nhiệm vụ đã lãnh nhận”³⁸.

1700 **1930.** Sự tôn trọng nhân vị bao hàm việc tôn trọng các quyền phát
1802 xuất từ phẩm giá của nhân vị, xét như một thụ tạo. Các quyền đó có trước xã hội và được ấn định cho xã hội. Các quyền đó đặt nền cho tính hợp pháp về mặt luân lý của mọi quyền bính: khi khinh miệt hay phủ nhận các quyền đó trong luật thiết định của mình, là xã hội phá huỷ tính hợp pháp về mặt luân lý của chính mình³⁹. Không có sự tôn trọng như vậy, quyền bính chỉ có thể dựa trên sức mạnh hay bạo lực, để bắt buộc những người dưới quyền mình phải tuân phục. Hội Thánh có bổn phận nhắc nhở những người thiệm chí về những quyền này và phân biệt chúng với những yêu sách thái quá hoặc sai lầm.

2212 **1931.** Để tôn trọng nhân vị, phải tôn trọng nguyên tắc này: “Mỗi người phải coi người lân cận, không trừ một ai, như ‘cái tôi thứ hai của mình’, nên trước hết phải quan tâm đến sự sống của họ và những phương tiện cần thiết giúp họ sống xứng với nhân phẩm”⁴⁰. Không một luật pháp nào tự mình có thể xóa bỏ được các nỗi sợ hãi, những thành kiến, những thái độ kiêu căng và ích kỷ, vẫn ngăn trở việc xây dựng những xã hội thật sự huynh đệ. Những thái độ đó chỉ chấm dứt nhờ đức mến là nhân đức nhận ra mỗi người đều là “người lân cận”, là anh em.

1825 **1932.** Bổn phận “trở nên người lân cận” của người khác và tích cực phục vụ họ lại càng khẩn thiết hơn, khi họ nghèo khổ hơn về bất cứ phương diện nào. “Mỗi lần các người làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các người đã làm cho chính Ta vậy” (Mt 25,40).

³⁸ ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo rei socialis*, 47: AAS 80 (1988) 581.

³⁹ X. ĐGH Gioan XXIII, Thông điệp *Pacem in terris*, 61: AAS 55 (1963) 274.

⁴⁰ CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 27: AAS 58 (1966) 1047.

1933. Bốn phận này được mở rộng tới những người suy nghĩ hay hành động khác với chúng ta. Giáo huấn của Đức Kitô đòi buộc phải đi đến chỗ tha thứ mọi xúc phạm. Giáo huấn đó còn mở rộng giới răn yêu thương, là nét độc đáo của Lễ luật mới, đến tất cả các kẻ thù⁴¹. Sự giải phóng theo tinh thần Tin Mừng không thể đi đôi với sự oán ghét kẻ thù, xét như một cá vị, nhưng phải oán ghét điều xấu mà người, xét như kẻ thù, đã làm. 2303

II. SỰ BÌNH ĐẲNG VÀ NHỮNG KHÁC BIỆT GIỮA CON NGƯỜI AEQUALITAS ET DIFFERENTIAE INTER HOMINES

1934. Tất cả mọi người, được tạo dựng theo hình ảnh của Thiên Chúa duy nhất, được phú ban một linh hồn có lý trí như nhau, nên có cùng một bản tính và cùng một nguồn gốc. Được cứu chuộc nhờ hy lễ của Đức Kitô, mọi người đều được mời gọi tham dự cùng một vinh phúc thần linh: vì vậy mọi người đều được hưởng cùng một phẩm giá. 225

1935. Sự bình đẳng giữa con người với nhau chủ yếu dựa trên phẩm giá cá vị và các quyền phát xuất từ phẩm giá đó: 357

“Trong những quyền căn bản của cá vị, phải vượt lên trên và loại bỏ mọi cách thức kỳ thị hoặc xã hội hoặc văn hóa, phái tính, chủng tộc, màu da, địa vị xã hội, ngôn ngữ hoặc tôn giáo, vì như vậy là trái với ý định của Thiên Chúa”⁴².

1936. Khi chào đời, con người không có tất cả những gì cần thiết để phát triển đời sống thể xác và tinh thần của mình. Con người cần đến những người khác. Những khác biệt đã xuất hiện về tuổi tác, về những khả năng thể lý, về những khả năng trí tuệ và luân lý, về những trao đổi mà mỗi người đã có thể có được, về sự phân phối của cải⁴³. “Những nén bạc” không được phân phối một cách bằng nhau⁴⁴. 1879

1937. Những khác biệt này nằm trong chương trình của Thiên Chúa, Đấng muốn người này đón nhận những gì mình cần từ người khác, và muốn những ai lãnh được “những nén bạc” đặc biệt, phải biết truyền thông chúng cho những người cần đến chúng. Các khác biệt khuyến khích và nhiều khi đòi buộc các cá vị sống quảng đại, nhân hậu và chia sẻ; chúng cũng thúc đẩy các nền văn hóa làm phong phú lẫn nhau. 791 1202

⁴¹ X. Mt 5,43-44.

⁴² CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 29: AAS 58 (1966) 1048-1049.

⁴³ X. CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 29: AAS 58 (1966) 1048.

⁴⁴ X. Mt 25,14-30; Lc 19,11-27.

“Tại sao Cha lại ban những nhân đức khác nhau như vậy, mà không ban mọi nhân đức cho một người, nhưng ban nhân đức này cho người này, nhân đức kia cho kẻ khác? ... Cha đặc biệt sẽ ban cho người này đức mến; người khác đức công bằng; kẻ này đức khiêm nhường; kẻ kia đức tin sống động.... Và như vậy Cha đã ban nhiều hồng ân và ân sủng, cả thiêng liêng cả trần thế ... Cha đã ban mọi sự một cách rất không đồng đều, Cha không ban mọi sự cho một người, để các con nhất thiết có cơ hội thực thi bác ái, người này đối với người kia; ... Cha đã muốn người này cần đến người khác và là thừa tác viên của Cha để phân phát các ân sủng và hồng ân mà họ đã lãnh nhận từ nơi Cha”⁴⁵.

2437 **1938.** Nhưng cũng có những sự bất bình đẳng bất công mà hàng triệu người nam và người nữ phải gánh chịu. Những bất bình đẳng đó rõ ràng nghịch lại với Tin Mừng:

2317 “Phẩm giá bình đẳng của các cá vị đòi hỏi rằng điều kiện của đời sống phải trở nên nhân bản hơn và bình đẳng. Thật vậy, những bất bình đẳng thái quá về kinh tế và xã hội giữa những thành phần hay giữa những dân tộc của một gia đình nhân loại duy nhất là một cố vấp phạm, và đi ngược với sự công bằng xã hội, công lý, phẩm giá của nhân vị và nên hòa bình xã hội và quốc tế”⁴⁶.

III. TÌNH LIÊN ĐỐI NHÂN LOẠI

HUMANA SOLIDARIETAS

2213 **1939.** Nguyên tắc liên đới, còn được gọi là nguyên tắc của “tình thân nghĩa” hay “bác ái xã hội”, là một đòi hỏi trực tiếp của tình huynh đệ nhân bản và Kitô giáo⁴⁷.

360 “Điều sai lầm đầu tiên, mà ngày nay đang phổ biến một cách rộng rãi và nguy hiểm, là người ta quên mất quy luật của tình liên đới nhân loại và của đức mến, quy luật này được thiết đặt và bắt buộc vừa do nguồn gốc chung của chúng ta và do sự bình đẳng của bản tính có lý trí của mọi người, dù thuộc bất cứ dân tộc nào, vừa do hy tế cứu chuộc Chúa Giêsu dâng lên Chúa Cha vĩnh cửu, nơi bàn thờ thập giá, vì nhân loại tội lỗi”⁴⁸.

2402 **1940.** Tình liên đới trước hết được biểu lộ trong việc phân phối của cải và việc trả lương lao động. Tình liên đới cũng bao hàm sự nỗ

⁴⁵ Thánh Catarina Siêna, *Il dialogo della Divina provvidenza*, 7: ed. G. Cavallini (Roma 1995) 23-24.

⁴⁶ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 29: AAS 58 (1966) 1049.

⁴⁷ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo rei socialis*, 38-40: AAS 80 (1988) 564-569; Id., Thông điệp *Centesimus annus*, 10: AAS 83 (1991) 805-806.

⁴⁸ ĐGH Piô XII, Thông điệp *Summi Pontificatus*: AAS 31 (1939) 426.

lực cho một trật tự xã hội công bằng hơn, trong đó những căng thẳng có thể được giải quyết tốt hơn và chúng có thể gặp được giải pháp liên kết dễ dàng hơn.

1941. Những vấn đề xã hội và kinh tế không thể được giải quyết nếu không có sự trợ giúp của mọi hình thức liên đới: liên đới giữa những người nghèo với nhau, giữa người giàu với người nghèo, giữa những người lao động với nhau, giữa chủ và thợ trong xí nghiệp, liên đới giữa các quốc gia và giữa các dân tộc. Tình liên đới quốc tế là một đòi hỏi của trật tự luân lý. Hòa bình thế giới cũng một phần tùy thuộc tình liên đới này. 2317

1942. Nhân đức liên đới vượt quá phạm vi các của cải vật chất. Khi phân phát các của cải tinh thần của đức tin, Hội Thánh đã giúp phát triển những của cải trần thế nhiều hơn nữa, Hội Thánh đã thường mở ra những con đường mới cho cuộc phát triển này. Như vậy, qua dòng thời gian, Lời Chúa đã được thực hiện: “Trước hết hãy tìm kiếm Nước Thiên Chúa và đức công chính của Ngài, còn tất cả những thứ kia, Ngài sẽ thêm cho” (Mt 6,33): 1887 2632

“Hai ngàn năm qua, trong linh hồn Hội Thánh, vẫn có một tâm tình sống động đã và đang thúc đẩy nhiều người sống đời bác ái đến mức anh hùng - các đan sĩ cày sâu cuốc bẫm, những nhà giải phóng nô lệ, những người chữa trị bệnh nhân, các sứ giả mang đức tin, văn minh và khoa học đến với mọi thế hệ và dân tộc, nhằm tạo ra những điều kiện xã hội có khả năng giúp mọi người có được một đời sống xứng đáng với phẩm giá con người và phẩm giá Kitô hữu”⁴⁹.

TÓM LƯỢC

1943. Xã hội bảo đảm công bằng xã hội, khi tạo điều kiện để các đoàn thể và mỗi cá nhân có được những gì họ có quyền hưởng.

1944. Tôn trọng nhân vị của những người khác là coi họ như “cái tôi thứ hai”. Sự tôn trọng nhân vị giả thiết việc tôn trọng các quyền căn bản phát xuất từ phẩm giá nội tại của nhân vị.

1945. Sự bình đẳng giữa con người với nhau dựa trên phẩm giá cá vị và các quyền phát xuất từ phẩm giá đó.

1946. Những khác biệt giữa các nhân vị nằm trong kế hoạch của Thiên Chúa, Đáng muốn chúng ta và người khác cần đến nhau. Những khác biệt ấy phải khơi dậy đức mến.

⁴⁹ DGH Piô XII, Nuntius radiophonicus (1/6/1941): AAS 33 (1941) 204.

1947. *Phẩm giá bình đẳng của các nhân vị đòi hỏi phải cố gắng giảm thiểu những bất bình đẳng thái quá về kinh tế và xã hội. Phẩm giá đó thúc đẩy việc huỷ bỏ những bất bình đẳng bất công.*

1948. *Nhân đức liên đới là một nhân đức mang tính Kitô giáo rất cao. Nó thực thi việc chia sẻ các của cải tinh thần hơn là chia sẻ các của cải vật chất.*

CHƯƠNG BA

ƠN CỨU ĐỘ CỦA THIÊN CHÚA: LỀ LUẬT VÀ ÂN SỦNG

CAPUT TERTIUM

SALUS DEI: LEX ET GRATIA

1949. Con người, được kêu gọi hưởng vinh phúc, nhưng bị tổn thương bởi tội lỗi, nên cần ơn cứu độ của Thiên Chúa. Sự trợ giúp thần linh đến với con người trong Đức Kitô, nhờ Lề luật để hướng dẫn họ, và trong ân sủng để nâng đỡ họ:

“Anh em hãy biết run sợ mà gắng sức lo sao cho mình được cứu độ. Vì chính Thiên Chúa tác động đến ý chí cũng như hành động của anh em do lòng yêu thương của Ngài” (Pl 2,12-13).

Mục 1

Luật luân lý

Articulus 1

Lex moralis

1950. Luật luân lý là công trình của đức Khôn Ngoan của Thiên Chúa. Theo nghĩa Thánh Kinh, luật này có thể được định nghĩa như việc dạy dỗ của một người cha, như một khoa sư phạm của Thiên Chúa. Luật luân lý quy định cho con người những con đường, những quy tắc hành động dẫn đưa họ tới vinh phúc Thiên Chúa đã hứa; và ngăn cấm những con đường dẫn đến sự dữ khiến con người xa lìa Thiên Chúa và tình yêu của Ngài. Luật luân lý đồng thời vừa kiên định trong các mệnh lệnh của nó, vừa đáng mến trong các lời hứa của nó.

1951. Luật là một quy tắc hành động được quyền bính có thẩm quyền công bố vì công ích. Luật luân lý giả thiết một trật tự hữu lý được thiết lập giữa các thụ tạo, vì lợi ích của chúng và nhằm vào mục đích của chúng, do quyền năng, sự khôn ngoan và sự tốt lành của Đấng Tạo Hoá. Mọi luật đều gặp được chân lý đầu tiên và tối

53
1719

295

hậu của mình trong Lễ Luật vĩnh cửu. Luật được công bố và thiết lập bởi lý trí, xét như việc tham gia vào sự quan phòng của Thiên Chúa hằng sống, là Đấng Tạo Hoá và Đấng Cứu Chuộc mọi người. “Luật được mệnh danh là *chỉ thị của lý trí*”¹.

“Trong tất cả các sinh linh, chỉ con người được vinh dự, là chỉ con người xứng đáng đón nhận Lễ luật từ Thiên Chúa, và như một sinh vật có lý trí, có khả năng để hiểu biết và nhận định, con người phải dùng chính sự tự do có lý trí mà suy phục Đấng đã bắt mọi sự suy phục mình”².

1952. Có những cách diễn tả khác nhau của Luật luân lý, và thật sự, tất cả đều liên kết với nhau: Lễ luật vĩnh cửu, là nguồn mạch của mọi luật trong Thiên Chúa; luật tự nhiên; Luật được mạc khải gồm Luật cũ và Luật mới hoặc Luật Tin Mừng; sau cùng là các dân luật và giáo luật.

1953. Luật luân lý gặp được sự viên mãn và sự thống nhất của mình trong Đức Kitô. Chúa Giêsu Kitô là con đường của sự trọn hảo. Chính Người là mục đích của Lễ luật, bởi vì chỉ có Người dạy dỗ và ban sự công chính của Thiên Chúa. “Cứu cánh của Lễ luật là Đức Kitô, khiến bất cứ ai tin đều được nên công chính” (Rm 10,4).

I. LUẬT LUÂN LÝ TỰ NHIÊN LEX MORALIS NATURALIS

1954. Con người tham dự vào sự khôn ngoan và sự tốt lành của Đấng Tạo Hoá, Đấng đã cho họ quyền làm chủ mọi hành vi của họ và khả năng tự hướng đến chân lý và điều thiện. Luật tự nhiên diễn tả cảm thức luân lý nguyên thủy, nhờ đó con người dùng lý trí mà phân định điều gì là tốt và điều gì là xấu, điều gì là chân lý và điều gì là dối trá:

“Luật tự nhiên đã được viết và được ghi khắc trong tâm hồn mỗi người, bởi vì chính lý trí con người ra lệnh hành động một cách ngay thẳng và tránh phạm tội. Nhưng quy định này của lý trí con người không thể có giá trị là luật, nếu nó không phải tiếng nói và thông dịch viên của một lý trí cao hơn, mà tâm trí và sự tự do của chúng ta đều phải suy phục”³.

1955. Luật thần linh và tự nhiên⁴ vạch cho con người thấy con đường phải theo để thực thi điều tốt và đạt tới mục đích của mình.

¹ ĐGH Lêô XIII, Thông điệp *Libertas praestantissimum*: Leonis XIII Acta 8, 218; x. Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, I-II, q. 90, a. 1: Ed. Leon. 7, 149-150.

² Tertullianô, *Adversus Marcionem*, 2, 4, 5: CCL 1, 479 (PL 2, 315).

³ ĐGH Lêô XIII, Thông điệp *Libertas praestantissimum*: Leonis XIII Acta 8, 219.

⁴ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 89: AAS 58 (1966) 1111-1112.

Luật tự nhiên nêu ra những mệnh lệnh đầu tiên và căn bản điều khiển đời sống luân lý. Luật tự nhiên có nền tảng là tâm tình khao khát và quy phục Thiên Chúa, Đấng là nguồn mạch và thẩm phán của mọi điều thiện hảo, và cũng có nền tảng là cảm thức về tha nhân như người bình đẳng với mình. Luật này được trình bày thành những điều răn chính trong Mười Điều Răn. Luật này được gọi là tự nhiên (*naturalis*), không phải vì liên quan đến những hữu thể không có lý trí, nhưng bởi vì lý trí công bố luật đó thuộc riêng về bản tính nhân linh (*ad naturam humanam proprie pertinet*):

“Các quy luật này được ghi chép ở đâu nếu không phải là trong quyển sách của thứ ánh sáng được gọi là chân lý? Đó là nơi mọi lẽ luật chính đáng được viết ra; từ đó được chuyển vào trái tim con người để họ thực thi sự công chính; luật này không phải di cư vào trái tim con người, nhưng như được in vào đó, cũng như một hình ảnh từ một chiếc nhấn ấn trên sáp mà không rời bỏ chiếc nhấn”⁵.

“Luật tự nhiên không gì khác là ánh sáng trí tuệ do Thiên Chúa đặt trong ta; nhờ đó, chúng ta nhận biết điều phải làm và điều phải tránh. Thiên Chúa đã ban ánh sáng này và luật này cho con người trong công trình tạo dựng”⁶.

1956. Hiện diện trong trái tim mỗi người và được thiết lập bởi lý trí, luật tự nhiên có giá trị *phổ quát* trong các mệnh lệnh của nó, và quyền bính của nó trải rộng đến tất cả mọi người. Luật này diễn tả phẩm giá của nhân vị và đặt nền tảng cho các quyền lợi và nghĩa vụ căn bản của nhân vị:

“Thật sự có một luật chân thật là lẽ phải, phù hợp với bản tính, được tuân ở trong mọi người, bền vững, vĩnh cửu, nó kêu gọi bốn phận phải thi hành, nó ngăn cản sự gian lận phải xa lánh... Thay luật này bằng một luật nghịch lại là phạm thánh, không được phép rút bỏ điều gì khỏi luật này, và cũng không thể hoàn toàn huỷ bỏ luật này”⁷.

1957. Việc áp dụng luật tự nhiên rất đa dạng; có thể suy nghĩ để thích ứng với những điều kiện đa dạng của đời sống, tùy theo nơi chốn, thời đại và hoàn cảnh. Tuy nhiên, trong sự khác biệt của các nền văn hóa, luật tự nhiên vẫn là một quy tắc nối kết con người với nhau, ấn định những nguyên tắc chung, trừ những khác biệt không thể tránh khỏi.

⁵ Thánh Augustinô, *De Trinitate*, 14, 15, 21: CCL 50A, 451 (PL 42, 1052).

⁶ Thánh Tôma Aquinô, *In duo praecepta caritatis et in decem Legis praecepta expositio*, c. 1: *Opera omnia*, v. 27 (Parisiis 1875) 144.

⁷ Marcô Tullio Cicêrô, *De re publica*, 3, 22, 33: *Scripta quae manserunt omnia*, Bibliotheca Teubneriana fasc. 39, ed. K. Ziegler, (Leipzig 1969) 96.

2072 **1958.** Luật tự nhiên là *bất biến*⁸ và trường tồn qua mọi thay đổi của lịch sử. Nó tồn tại qua những trào lưu tư tưởng và tập tục, và nâng đỡ sự phát triển của chúng. Những quy tắc diễn tả luật tự nhiên, về bản chất vẫn luôn có hiệu lực. Mặc dầu những nguyên lý của luật tự nhiên có bị chối bỏ, thì chính nó cũng không thể bị huỷ diệt và không thể bị gạt ra khỏi trái tim con người. Luật tự nhiên luôn trôi dạt trong đời sống của các cá nhân và các xã hội:

“Lạy Chúa, chắc chắn tội trộm cắp bị trừng phạt bởi Lề luật của Chúa, và bởi luật đã được ghi trong trái tim con người, luật mà chính sự gian ác cũng không xóa bỏ được”⁹.

1879 **1959.** Luật tự nhiên, là công trình tốt nhất của Đấng Tạo Hoá, mang lại những nền tảng vững chắc, trên đó con người có thể xây dựng toà nhà là các quy luật luân lý để hướng dẫn những chọn lựa của họ. Luật tự nhiên cũng đặt nền móng luân lý hết sức cần thiết để xây dựng cộng đồng nhân loại. Và sau cùng, nó cung cấp nền móng cần thiết cho luật dân sự, luật này được quy chiếu về luật tự nhiên, hoặc bằng cách suy nghĩ để rút ra những kết luận từ các nguyên tắc của luật tự nhiên, hoặc bằng những bổ sung mang tính chất thiết định và pháp lý.

2071 **1960.** Những mệnh lệnh của luật tự nhiên không được mọi người nhận thức một cách rõ ràng và trực tiếp. Trong điều kiện hiện tại, ân sủng và Mạc khải là cần thiết cho con người tội lỗi, để các chân lý tôn giáo và luân lý “có thể được nhận biết bởi mọi người một cách không chút trở ngại, một cách chắc chắn vững vàng, và không pha trộn một sai lầm nào”¹⁰. Luật tự nhiên mang lại cho Lề luật được mạc khải và cho ân sủng một nền tảng, đã được Thiên Chúa chuẩn bị sẵn và phù hợp với công cuộc của Thần Khí.

II. LUẬT CŨ

LEX VETUS

62 **1961.** Thiên Chúa, Đấng Tạo Hoá và Đấng Cứu Độ của chúng ta, đã chọn Israel như dân riêng của Ngài, và đã mạc khải cho họ Lề Luật của Ngài và như vậy chuẩn bị cho cuộc Ngự đến của Đức Kitô. Luật Môisen diễn tả nhiều chân lý mà lý trí có thể đạt tới một cách tự nhiên. Người ta gặp được các chân lý này được công bố và được chứng thực trong Giao ước cứu độ.

⁸ X. CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 10: AAS 58 (1966) 1033.

⁹ Thánh Augustinô, *Confessiones* 2, 4, 9: CCL 27, 21 (PL 32, 678).

¹⁰ CĐ Vaticanô I, Hiến chế tín lý *Dei Filius*, c. 2: DS 3005; ĐGH Piô XII, Thông điệp *Humani generis*: DS 3876.

1962. Luật cũ là cấp độ đầu tiên của Lễ Luật được mạc khải. Các quy định luân lý của luật cũ được tóm lại trong Mười Điều Răn. Các mệnh lệnh của Mười Điều Răn đặt nền tảng cho ơn gọi của con người, vốn được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa. Các điều răn đó ngăn cấm những gì nghịch lại tình yêu đối với Thiên Chúa và đối với người lân cận, và quy định những đòi hỏi căn bản của tình yêu đó. Mười Điều Răn là ánh sáng được ban tặng cho lương tâm của mỗi người, giúp họ nhận ra lời kêu gọi của Thiên Chúa, và những con đường Ngài biểu lộ cho họ, và bảo vệ họ khỏi điều xấu:

2058

“Thiên Chúa đã viết trên các bảng Luật, tất cả những gì mà con người không đọc nổi trong trái tim họ”¹¹.

1963. Theo truyền thống Kitô giáo, Lễ Luật thì thánh thiện¹², thiêng liêng¹³, và tốt lành¹⁴, nhưng vẫn chưa trọn hảo. Như một nhà sư phạm¹⁵, luật đó cho thấy điều phải làm, nhưng tự nó không ban sức mạnh, ân sủng của Thần Khí để người ta chu toàn nó. Vì không xóa được tội lỗi, nên luật cũ vẫn còn là luật của tình trạng nô lệ. Theo thánh Phaolô, luật cũ có nhiệm vụ tố cáo và vạch trần tội lỗi, vì tội lỗi tạo ra thứ “luật của dục vọng”¹⁶ trong trái tim con người. Tuy nhiên, Lễ Luật vẫn là chặng đầu tiên trên con đường dẫn đến Nước Trời. Nó chuẩn bị và giúp dân Chúa chọn và mỗi Kitô hữu sẵn sàng để hối cải và tin vào Thiên Chúa Cứu Độ. Với tính cách là lời của Thiên Chúa, Luật cũ đem lại đạo lý tồn tại đến muôn đời.

1610

2542

2515

1964. Luật cũ là một sự chuẩn bị nào đó cho Tin Mừng. “Lễ Luật là môn sư phạm và lời tiên báo về các điều sẽ đến”¹⁷. Luật cũ nói tiên tri và báo trước công trình giải phóng khỏi tội lỗi sẽ được hoàn thành với Đức Kitô, cung cấp cho Tân Ước những hình ảnh, “những tiên trưng”, những biểu tượng, để diễn tả đời sống theo Thần Khí. Cuối cùng, luật được kiện toàn bởi đạo lý của các sách khôn ngoan và các Tiên Tri, các vị này quy hướng luật cũ tới Giao ước Mới và Nước Trời.

122

“Dưới chế độ của Giao Ước Cũ, nhiều người đã có được đức mến và ân sủng của Chúa Thánh Thần và mong chờ những lời hứa thiêng liêng và vĩnh cửu. Và nhờ đó, họ đã được liên kết với Luật mới. Ngược lại, trong thời Giao Ước Mới, lại có những con người vẫn sống theo xác thịt, chưa đạt tới sự trọn hảo của Luật

¹¹ Thánh Augustinô, *Enarratio in Psalmum* 57, 1: CCL 39, 708 (PL 36, 673).

¹² X. Rm 7,12.

¹³ X. Rm 7,14.

¹⁴ X. Rm 7,16.

¹⁵ X. Gl 3,24.

¹⁶ X. Rm 7.

¹⁷ Thánh Irênê, *Adversus haereses*, 4, 15, 1: SC 100, 548 (PG 7, 1012).

1828 mới, vậy những người trong thời Giao Ước Mới này phải được dẫn tới các công việc nhân đức bằng sự sợ hãi các hình phạt, và bằng những lời hứa trần thế nào đó. Dù Luật cũ có dạy các điều răn của đức mến, nhưng Chúa Thánh Thần không được ban xuống nhờ luật đó, mà nhờ Chúa Thánh Thần, “Thiên Chúa đã đổ tình yêu của Ngài vào lòng chúng ta” (Rm 5,5)¹⁸.

III. LUẬT MỚI HAY LUẬT TIN MỪNG

LEX NOVA SEU LEX EVANGELICA

1965. Luật mới hay Luật Tin Mừng là sự trọn hảo nơi trần thế của
 459 Luật thần linh, tự nhiên và được mạc khải. Đây là công trình của
 581 Đức Kitô, được trình bày cách đặc biệt trong Bài giảng trên núi. Đây cũng là công trình của Chúa Thánh Thần, và nhờ Ngài, nó trở thành luật nội tâm của đức mến: “Ta hoàn thành một Giao Ước Mới với nhà Israel và nhà Giuđa.... Ta sẽ ghi vào lòng trí chúng, sẽ khắc vào tâm khảm chúng lề luật của Ta; Ta sẽ là Thiên Chúa của chúng còn chúng sẽ là Dân của Ta” (Dt 8,8.10)¹⁹.

1999 **1966.** Luật mới là *ân sủng của Chúa Thánh Thần* được ban cho các tín hữu nhờ tin vào Đức Kitô. Luật này hoạt động nhờ đức mến, và dùng Bài giảng trên núi của Chúa để dạy chúng ta điều phải làm, và dùng các bí tích để truyền thông ân sủng giúp chúng ta thực hiện điều đó:

“Nếu ai sốt sắng và bình tâm suy niệm bài giảng được Chúa chúng ta là Chúa Giêsu Kitô công bố trên núi, như chúng ta đọc trong sách Tin Mừng theo thánh Matthêu, tôi nghĩ rằng người đó sẽ gặp được ở đó, vì là những lời răn dạy tốt nhất, một quy luật trọn hảo của đời sống Kitô hữu. Bài giảng này chứa đựng tất cả những mệnh lệnh mà nhờ đó đời sống Kitô hữu được nặn đức nên”²⁰.

577 **1967.** Luật Tin Mừng hoàn thành²¹, tinh luyện, vượt qua và kiện toàn Luật cũ. Trong các mối phúc, Luật mới *hoàn thành các lời hứa* thần linh khi nâng cao chúng lên và quy hướng chúng về “Nước Trời”. Luật Tin Mừng dành cho những ai sẵn sàng đón nhận niềm hy vọng mới này với lòng tin: những người nghèo, người khiêm tốn, người đau khổ, người có trái tim trong sạch, người bị bách hại vì Đức Kitô, như vậy Luật Tin Mừng phác họa những con đường chưa từng thấy của Nước Trời.

¹⁸ Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, I-II, q. 107, a. 1, ad 2: Ed. Leon. 7, 279.

¹⁹ X. Gr 31,31-34.

²⁰ Thánh Augustinô, *De sermone Domini in monte*, 1, 1, 1: CCL 35, 1-2 (PL 34, 1229-1231).

²¹ X. Mt 5,17-19.

1968. Luật Tin Mừng hoàn thành các mệnh lệnh của Lê Luật. Bài giảng của Chúa không hủy bỏ hay làm giảm giá trị các quy định luân lý của Luật cũ, nhưng rút ra những sức mạnh còn ẩn kín của chúng, và làm cho từ nơi chúng phát sinh ra những đòi hỏi mới: 129
 Luật Tin Mừng mạc khải toàn bộ chân lý thần linh và nhân linh của Luật cũ. Luật mới không thêm những mệnh lệnh mới từ bên ngoài, nhưng đi đến chỗ biến đổi gốc rễ của các hành vi, là trái tim, nơi con người chọn lựa giữa thanh sạch và ô uế²², nơi hình thành đức tin, đức cậy, đức mến, và cùng với chúng, các nhân đức khác. Như vậy, Tin Mừng đưa Lê Luật tới sự viên mãn của nó nhờ bất chước sự trọn hảo của Cha trên trời²³, nhờ việc tha thứ cho kẻ thù và cầu nguyện cho những người bách hại, giống như lòng quảng đại của Thiên Chúa²⁴. 582

1969. Luật mới thực thi các hành vi tôn giáo: bổ thí, cầu nguyện và chay tịnh, khi quy hướng các việc đó về “Chúa Cha, Đấng thấu suốt những gì kín đáo”, khác với những người muốn “được người ta thấy”.²⁵ 1434
 Lời cầu nguyện của Luật mới là kinh “Lạy Cha”²⁶.

1970. Luật Tin Mừng bao hàm sự chọn lựa dứt khoát giữa “hai con đường”²⁷, và thực hiện các lời dạy của Chúa²⁸; Luật Tin Mừng được tóm lược trong *khôn vàng thước ngọc*: “Tất cả những gì anh em muốn người ta làm cho mình, thì chính anh em cũng hãy làm cho người ta, vì Luật Môisen và lời các ngôn sứ là thế đó” (Mt 7,12)²⁹. 1696
 1789

Toàn bộ Luật Tin Mừng được chứa đựng trong *điều răn mới* của Chúa Giêsu³⁰, là chúng ta hãy yêu thương nhau như Người đã yêu thương chúng ta³¹. 1823

1971. Phải thêm vào bài giảng của Chúa *giáo lý luân lý trong giáo huấn của các Tông Đồ*, như các đoạn Rm 12-15; 1 Cr 12-13; Cl 3-4; Ep 4-5; v.v.... Giáo huấn này lưu truyền đạo lý của Chúa với quyền bính của các Tông Đồ, đặc biệt trong việc trình bày các nhân đức xuất phát từ đức tin vào Đức Kitô và là các nhân đức được đức mến, hồng ân chủ yếu của Chúa Thánh Thần, làm cho sinh động. “Lòng bác ái không được giả hình giả bộ.... thương mến nhau với tình huynh đệ... Hãy vui mừng vì có niềm hy vọng, cứ kiên nhẫn

²² X. Mt 15,18-19.

²³ X. Mt 5,48.

²⁴ X. Mt 5,44.

²⁵ X. Mt 6,1-6.16-18.

²⁶ X. Mt 6,9-13.

²⁷ X. Mt 7,13-14.

²⁸ X. Mt 7,21-27.

²⁹ X. Lc 6,31.

³⁰ X. Ga 13,34.

³¹ X. Ga 15,12.

1789 lúc gặp gian truân, và chuyên cần cầu nguyện. Hãy chia sẻ với những người trong dân thánh đang lâm cảnh thiếu thốn, và ân cần tiếp đãi khách đến nhà” (Rm 12,9-13). Giáo lý này cũng dạy chúng ta giải quyết những vấn đề lương tâm dưới ánh sáng của mối tương quan giữa chúng ta với Đức Kitô và với Hội Thánh³².

782 1972. Luật mới được gọi là *luật của tình yêu*, bởi vì dạy chúng ta hành động vì tình yêu mà Chúa Thánh Thần tuôn đổ, hơn là vì sợ hãi; Luật mới được gọi là *luật của ân sủng*, bởi vì mang lại sức mạnh của ân sủng để hành động nhờ đức tin và các bí tích; Luật mới được gọi là *luật của sự tự do*³³, bởi vì giải thoát chúng ta khỏi những ràng buộc về nghi thức và pháp lý của luật cũ, khiến chúng ta sẵn sàng tự nguyện hành động theo sự thúc đẩy của đức mến, và sau hết làm cho chúng ta chuyển từ thân phận của một tội tở
1828 “không biết việc chủ làm”, sang tình trạng là bạn hữu của Đức Kitô “vì tất cả những gì Thầy nghe được nơi Cha Thầy, Thầy đã cho anh em biết” (Ga 15,15), hoặc còn tới địa vị là một người con thừa tự nữa³⁴.

2053 1973. Luật mới, ngoài các điều răn của mình, cũng bao gồm *những lời khuyên Phúc Âm*. Sự phân biệt của truyền thống giữa các điều răn của Thiên Chúa với các lời khuyên Phúc Âm được thiết lập
915 liên quan đến đức mến, là sự trọn hảo của đời sống Kitô hữu. Các điều răn nhằm giúp tránh những gì không phù hợp với đức mến. Các lời khuyên có mục tiêu giúp tránh những gì, mặc dầu không đối nghịch, nhưng có thể ngăn cản sự phát triển của đức mến³⁵.

1974. Các lời khuyên Phúc Âm biểu lộ sự sung mãn sống động của một đức mến không bao giờ hài lòng, vì đã không cho đi nhiều hơn nữa. Các lời khuyên chứng tỏ sự thúc đẩy của đức mến và khích
2013 động sự sẵn sàng thiêng liêng của chúng ta. Luật mới chủ yếu cốt tại các điều răn là mến Chúa yêu người. Các lời khuyên chỉ ra những con đường trực tiếp hơn, những phương tiện dễ dàng hơn và phải được thực thi tùy theo ơn gọi của mỗi người:

“Thiên Chúa không muốn mỗi người đều phải giữ tất cả các lời khuyên, nhưng chỉ những lời khuyên nào thích hợp với sự khác biệt của các nhân vị, các thời đại, các hoàn cảnh và các sức lực, như đức mến đòi hỏi; thật vậy, chính đức mến, như là nữ hoàng của mọi nhân đức, mọi giới răn, mọi lời khuyên, và cuối cùng, mọi lề luật và mọi hành động Kitô giáo, nên đức mến ban cho

³² X. Rm 14; 1 Cr 5-10.

³³ X. Gc 1,25; 2,12.

³⁴ X. Gl 4,1-7.21-31; Rm 8,15-17.

³⁵ X. Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, II-II, q. 184, a. 3: Ed. Leon. 10, 453-454.

tất cả những điều đó chỗ đứng, trật tự, thời gian và giá trị của chúng”³⁶.

TÓM LƯỢC

1975. Theo Thánh Kinh, luật là lời dạy dỗ của người cha là Thiên Chúa, quy định cho con người những con đường dẫn tới vinh phúc Thiên Chúa đã hứa và ngăn cấm những con đường của sự dữ.

1976. Luật là “một quy định nào đó của lý trí hướng về công ích, được công bố bởi người có trách nhiệm của cộng đồng”³⁷.

1977. Đức Kitô là mục đích của Lê Luật³⁸. Chỉ có Người dạy dỗ và ban sự công chính của Thiên Chúa.

1978. Luật tự nhiên là sự tham dự của con người vào sự khôn ngoan và sự tốt lành của Thiên Chúa, vì con người đã được tạo dựng theo hình ảnh của Đấng Tạo Hoá của mình. Luật tự nhiên diễn tả phẩm giá của nhân vị và đặt nền tảng cho các quyền lợi và nghĩa vụ căn bản của nhân vị.

1979. Luật tự nhiên là bất biến và trường tồn qua dòng lịch sử. Những quy tắc diễn tả luật tự nhiên, về bản chất vẫn luôn có hiệu lực. Luật tự nhiên là nền tảng cần thiết cho việc xây dựng các quy luật luân lý và cho luật dân sự.

1980. Luật cũ là cấp độ đầu tiên của Lê Luật được mạc khải. Những mệnh lệnh luân lý của Luật cũ được tóm lại trong Mười Điều Răn.

1981. Luật Môisen chứa đựng nhiều chân lý mà lý trí có thể đạt tới một cách tự nhiên. Thiên Chúa đã mạc khải các chân lý ấy bởi vì người ta đã không đọc nổi chúng trong trái tim của mình.

1982. Luật cũ là một sự chuẩn bị nào đó cho Tin Mừng.

1983. Luật mới là ân sủng của Chúa Thánh Thần được lãnh nhận nhờ đức tin vào Đức Kitô và hoạt động nhờ đức mến. Luật mới được diễn tả cách đặc biệt trong Bài giảng trên núi của Chúa và dùng các bí tích để truyền thông ân sủng cho chúng ta.

1984. Luật Tin Mừng hoàn thành, vượt qua và đưa Luật cũ đến sự trọn hảo của nó: kiện toàn các lời hứa của Luật cũ bằng các mối

³⁶ Thánh Phanxicô Salêsiô, *Traité de l'amour de Dieu*, 8, 6: *Oeuvres*, v. 5 (Annecy 1894) 75.

³⁷ Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, I-II, q. 90, a. 4, c: Ed. Leon. 7, 152.

³⁸ X. Rm 10,4.

phúc của Nước Trời, kiện toàn các mệnh lệnh của Luật cũ bằng sự biến đổi gốc rễ của các hành vi, là trái tim.

1985. Luật mới là luật của tình yêu, luật của ân sủng, luật của sự tự do.

1986. Ngoài các điều răn, Luật mới còn chứa đựng những lời khuyên Phúc Âm. “Sự thánh thiện của Hội Thánh còn được khích lệ một cách đặc biệt bởi nhiều lời khuyên, mà trong Tin Mừng Chúa đã đề ra để các môn đệ của Người phải tuân giữ”³⁹.

Mục 2

Ân sủng và sự công chính hóa

Articulus 2

Gratia et iustificatio

I. SỰ CÔNG CHÍNH HÓA

IUSTIFICATIO

734 **1987.** Ân sủng của Chúa Thánh Thần có sức mạnh công chính hóa chúng ta, nghĩa là, rửa chúng ta sạch tội lỗi, và truyền thông cho chúng ta sự công chính của Thiên Chúa nhờ đức tin vào Chúa Giêsu Kitô⁴⁰ và nhờ bí tích Rửa Tội⁴¹:

“Nếu chúng ta đã cùng chết với Đức Kitô, chúng ta sẽ cùng sống với Người: đó là niềm tin của chúng ta. Thật vậy, chúng ta biết rằng: một khi Đức Kitô đã sống lại từ cõi chết, thì không bao giờ Người chết nữa, cái chết chẳng còn quyền chi đối với Người. Người đã chết là chết đối với tội lỗi, và một lần là đủ. Nay Người sống, là sống cho Thiên Chúa. Anh em cũng vậy, hãy coi mình như đã chết đối với tội lỗi, nhưng nay lại sống cho Thiên Chúa trong Đức Kitô Giêsu” (Rm 6, 8-11).

654 **1988.** Nhờ quyền năng của Chúa Thánh Thần, chúng ta được tham dự vào cuộc khổ nạn của Đức Kitô khi chết cho tội lỗi, và được tham dự vào sự phục sinh của Người khi được sinh vào đời sống mới; chúng ta

³⁹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 42: AAS 57 (1965) 48.

⁴⁰ X. Rm 3,22.

⁴¹ X. Rm 6,3-4.

là những chi thể của Thân Thể Người là Hội Thánh⁴², là những ngành nho được ghép vào Cây nho là chính Đức Kitô⁴³:

“Nhờ Thần Khí chúng ta được dự phần vào Thiên Chúa. Nhờ sự truyền thông Thần Khí, chúng ta được trở nên những người đồng phạm với bản tính thần linh... Vì thế, những ai có Thần Khí ngự nơi mình, đều được thần linh hóa”⁴⁴. 460

1989. Công trình đầu tiên của ân sủng của Chúa Thánh Thần là sự hối cải, việc này thực hiện sự công chính hoá theo lời rao giảng của Chúa Giêsu lúc khởi đầu Tin Mừng: “Anh em hãy sám hối, vì Nước Trời đã đến gần” (Mt 4,17). Dưới tác động của ân sủng, con người quay về với Thiên Chúa và quay lưng lại với tội lỗi, và như vậy đón nhận ơn tha thứ và sự công chính từ trên cao. “Sự công chính hóa ... không chỉ là sự tha tội, nhưng còn là sự thánh hoá và canh tân con người nội tâm”⁴⁵. 1427

1990. Sự công chính hóa giải thoát con người khỏi tội lỗi là điều đối nghịch lại tình yêu của Thiên Chúa, và thanh tẩy trái tim họ khỏi tội lỗi. Sự công chính hoá là do sáng kiến của lòng thương xót của Thiên Chúa, Đấng ban ơn tha thứ. Nó giao hoà con người với Thiên Chúa. Nó giải thoát khỏi sự nô lệ tội lỗi và nó chữa lành. 1446

1991. Sự công chính hoá đồng thời là việc đón nhận sự công chính của Thiên Chúa nhờ đức tin vào Chúa Giêsu Kitô. Ở đây, sự công chính cho thấy sự ngay thẳng của tình yêu của Thiên Chúa. Cùng với sự công chính hóa, đức tin, đức cậy và đức mến được đổ tràn vào trái tim chúng ta và sự vâng phục thánh ý Thiên Chúa được ban cho chúng ta. 1733

1992. Sự công chính hóa là công trạng nhờ cuộc khổ nạn của Đức Kitô cho chúng ta, Người là Đấng đã tự hiến trên thập giá như của lễ sống động, thánh thiện và đẹp lòng Thiên Chúa, và Máu Người trở nên dụng cụ đền tội vì tội lỗi của mọi người. Sự công chính hóa được ban nhờ Phép Rửa, là bí tích của đức tin. Nó làm cho chúng ta nên phù hợp với sự công chính của Thiên Chúa, Đấng nhờ quyền năng của lòng thương xót của Ngài làm cho chúng ta nên công chính tự bên trong. Sự công chính hoá có mục tiêu là vinh quang của Thiên Chúa và của Đức Kitô, và hồng ân của đời sống vĩnh cửu⁴⁶. 1812

“Nhưng ngày nay, sự công chính của Thiên Chúa đã được thể hiện mà không cần đến Luật Môisen. Điều này, sách Luật và các 294

⁴² X. 1 Cr 12.

⁴³ X. Ga 15,1-4.

⁴⁴ Thánh Athanasiô Alexandria, *Epistula ad Serapionem*, 1, 24: PG 26, 585-588.

⁴⁵ CD Tridentinô, Sess. 6a, *Decretum de iustificatione*, c. 7: DS 1528.

⁴⁶ X. CD Tridentinô, Sess. 6a, *Decretum de iustificatione*, c. 7: DS 1529.

ngôn sứ làm chứng. Quả thế, người ta được Thiên Chúa làm cho nên công chính nhờ lòng tin vào Đức Giêsu Kitô. Tất cả những ai tin đều được như thế, bất luận là ai. Thật vậy, mọi người đã phạm tội và bị tước mất vinh quang Thiên Chúa, nhưng họ được trở nên công chính do hồng ân Thiên Chúa ban không, nhờ công trình cứu chuộc thực hiện trong Đức Kitô Giêsu. Thiên Chúa đã đặt Người làm nơi xá tội nhờ máu của Người cho những ai có lòng tin. Như vậy, Thiên Chúa cho thấy Ngài là Đấng Công Chính. Trước kia, trong thời Thiên Chúa nhẫn nại, Ngài đã bỏ qua các tội lỗi người ta phạm. Nhưng bây giờ, Ngài muốn cho thấy rằng Ngài vừa là Đấng Công Chính, vừa làm cho kẻ tin vào Đức Giêsu được nên công chính” (Rm 3,21-26).

2008 **1993.** Sự công chính hoá thiết lập *sự cộng tác giữa ân sủng của Thiên Chúa và sự tự do của con người*. Về phía con người, sự công chính hóa được diễn tả trong sự ưng thuận của đức tin đối với lời Thiên Chúa, Đấng mời gọi con người hối cải, và trong sự cộng tác của đức mến với sự thúc đẩy của Chúa Thánh Thần, Đấng khởi xướng và gìn giữ sự ưng thuận đó:

2068 “Khi Thiên Chúa đánh động trái tim con người nhờ sự soi sáng của Chúa Thánh Thần, con người không phải là không làm gì khi đón nhận sự linh hứng này, vì họ có thể khước từ sự linh hứng đó; tuy nhiên, nếu không có ân sủng của Thiên Chúa, họ không thể đạt tới sự công chính trước mặt Ngài bằng ý chí tự do của mình”⁴⁷.

312 **1994.** Sự công chính hóa là *công trình vô cùng tuyệt hảo của tình yêu Thiên Chúa* được biểu lộ trong Đức Kitô Giêsu và được Chúa Thánh Thần ban tặng. Thánh Augustinô cho rằng “việc công chính hóa kẻ vô đạo là một công trình còn lớn lao hơn cả trời đất... Quả vậy, trời đất sẽ qua đi; còn ơn cứu độ và công chính hóa những người được tiền định sẽ tồn tại”⁴⁸. Thánh nhân còn cho rằng sự công chính hóa các kẻ tội lỗi vượt trên công trình tạo dựng các Thiên thần trong sự công chính, vì điều này làm chứng lòng thương xót lớn lao hơn của Thiên Chúa.

741 **1995.** Chúa Thánh Thần là vị thầy nội tâm. Sự công chính hoá, khi làm cho “con người nội tâm” được sinh ra⁴⁹, bao hàm *sự thánh hoá* toàn thể con người:

“Trước đây anh em đã dùng chi thể của mình mà làm những điều ô uế và sự vô luân, để trở thành vô luân, thì nay anh em cũng hãy dùng chi thể làm nô lệ sự công chính để trở nên thánh

⁴⁷ X. CD Tridentinô, Sess. 6a, *Decretum de iustificatione*, c. 5: DS 1525.

⁴⁸ Thánh Augustinô, *In Iohannis evangelium tractatus*, 72,3: CCL 36, 508 (PL 35, 1823).

⁴⁹ X. Rm 7,22; Ep 3,16.

thiện.... Nhưng giờ đây, anh em đã được giải thoát khỏi ách tội lỗi, mà trở thành nô lệ của Thiên Chúa; anh em thu được kết quả là được trở nên thánh thiện, và rốt cuộc được sống đời đời” (Rm 6,19.22).

II. ÂN SỦNG

GRATIA

- 1996.** Sự công chính hoá của chúng ta là do ân sủng của Thiên Chúa. Ân sủng là một *hồng ân*, một *sự trợ giúp nhưng không* mà Thiên Chúa ban cho chúng ta để chúng ta đáp lại lời kêu gọi của Ngài: trở thành con cái Thiên Chúa⁵⁰, làm nghĩa tử⁵¹, tham dự vào bản tính Thiên Chúa⁵², và vào sự sống muôn đời⁵³. 153
- 1997.** Ân sủng là *sự tham dự vào sự sống Thiên Chúa*, đưa chúng ta vào sự thân mật của sự sống Chúa Ba Ngôi: nhờ bí tích Rửa Tội, Kitô hữu tham dự vào ân sủng của Đức Kitô, Đầu của Thân Thể Người. Với tư cách là “nghĩa tử”, họ có thể gọi Thiên Chúa là “Cha”, trong sự kết hợp với Người Con Một. Họ lãnh nhận sự sống của Thần Khí, Đấng thổi hơi đức mến trên họ và là Đấng hình thành Hội Thánh. 375, 260
- 1998.** Ôn gọi vào sự sống vĩnh cửu này là một *ơn siêu nhiên*. Nó hoàn toàn tùy thuộc vào sáng kiến nhưng không của Thiên Chúa, bởi vì chỉ mình Ngài có thể tự mạc khải và tự ban tặng chính mình. Ôn gọi đó vượt trên mọi tài năng của trí tuệ và sức mạnh của ý chí nhân linh, cũng như của mọi thụ tạo⁵⁴. 1719
- 1999.** Ân sủng của Đức Kitô là một hồng ân nhưng không, Thiên Chúa ban cho chúng ta từ sự sống của Ngài, nhờ Chúa Thánh Thần tuôn đổ vào linh hồn chúng ta để chữa trị nó khỏi tội lỗi và thánh hóa nó: Đó là *ơn thánh hóa* hay *ơn thân linh hóa*, được lãnh nhận trong bí tích Rửa Tội. Ân sủng này là nguồn mạch của công trình thánh hóa trong chúng ta⁵⁵: 1966
- “Phàm ai ở trong Đức Kitô đều là thụ tạo mới. Cái cũ đã qua và cái mới đã có đây rồi. Mọi sự ấy đều do bởi Thiên Chúa là Đấng đã nhờ Đức Kitô mà cho chúng ta được giao hoà với Ngài” (2 Cr 5,17-18).

⁵⁰ X. Ga 1,12-18.

⁵¹ X. Rm 8,14-17.

⁵² X. 2 Pr 1,3-4.

⁵³ X. Ga 17,3.

⁵⁴ X. 1 Cr 2,7-9.

⁵⁵ X. Ga 4,14; 7,38-39.

2000. Ôn thánh hóa là một hồng ân thường xuyên, một trạng thái bền vững và siêu nhiên, kiện toàn chính linh hồn để nó có khả năng sống với Thiên Chúa và hành động vì tình yêu của Ngài. Chúng ta phân biệt *ôn thường sung* (*gratia habitualis*) là trạng thái trường tồn để sống và hành động theo lời kêu gọi của Thiên Chúa, và *các ơn hiện sung* (*gratiae actuales*) là những can thiệp của Thiên Chúa, hoặc vào lúc khởi đầu cuộc hối cải, hoặc trong tiến trình của công cuộc thánh hóa.

490 **2001.** *Sự chuẩn bị của con người* để đón nhận ân sung đã là một công trình của ân sung. Điều này là cần thiết để khơi dậy và nâng đỡ sự cộng tác của chúng ta vào việc công chính hóa nhờ đức tin, và vào việc thánh hóa nhờ đức mến. Thiên Chúa kiện toàn nơi chúng ta điều Ngài đã khởi sự, “vì Ngài khởi sự bằng cách tác động để chúng ta ước muốn, Ngài kiện toàn bằng cách cộng tác với những người đã muốn”⁵⁶:

“Thật ra, khi chúng ta làm việc, là chúng ta cộng tác với Đấng đang làm việc, bởi vì lòng thương xót của Ngài đi bước trước đến với chúng ta. Ngài đi bước trước, để chúng ta được chữa lành, và Ngài dõi theo sau để sau khi được chữa lành, chúng ta nên cường tráng; Ngài đi bước trước, để chúng ta được kêu gọi, Ngài dõi theo sau để chúng ta được vinh quang; Ngài đi bước trước, để chúng ta sống một cách đạo đức, Ngài dõi theo sau để chúng ta được luôn luôn sống với Ngài, bởi vì không có Ngài, chúng ta không thể làm được gì”⁵⁷.

1742 **2002.** Sáng kiến tự do của Thiên Chúa đòi hỏi *sự đáp trả tự do của con người*, bởi vì Thiên Chúa đã tạo dựng con người theo hình ảnh Ngài, khi ban cho họ, cùng với sự tự do, khả năng nhận biết và yêu mến Ngài. Linh hồn chỉ tự nguyện mới có thể tiến vào sự hiệp thông của tình yêu. Thiên Chúa trực tiếp đụng chạm và đánh động trái tim con người. Ngài đặt trong con người sự khát vọng chân lý và điều thiện mà chỉ mình Ngài có thể làm thỏa mãn. Các lời hứa ban “sự sống đời đời” đáp lại khát vọng này, vượt quá mọi hy vọng:

“Lạy Chúa, sau những công trình rất tốt đẹp của Chúa, mặc dầu Chúa đã thanh thản làm nên chúng, Chúa đã nghỉ ngơi ngày thứ bảy, chính là để nói trước với chúng con qua tiếng nói trong Sách của Chúa rằng, sau những công trình rất tốt đẹp của chúng con mà chính Chúa đã ban cho chúng con, thì chúng con sẽ nghỉ ngơi trong ngày sabbat của đời sống vĩnh cửu trong Chúa”⁵⁸.

2550

⁵⁶ Thánh Augustinô, *De gratia et libero arbitrio*, 17, 33: PL 44, 901.

⁵⁷ Thánh Augustinô, *De natura et gratia*, 31, 35: CSEL 49, 258-259 (PL 44, 264).

⁵⁸ Thánh Augustinô, *Confessiones*, 13, 36, 51: CCL 27, 272 (PL 32, 868).

2003. Ân sủng, trước hết và đặc biệt, là hồng ân của Thần Khí, Đấng công chính hóa và thánh hóa chúng ta. Nhưng ân sủng cũng gồm các hồng ân Thần Khí rộng ban cho chúng ta để liên kết chúng ta vào công trình của Ngài, để làm cho chúng ta có khả năng cộng tác vào công trình cứu độ những người khác và làm phát triển Thân Thể Đức Kitô là Hội Thánh. Đó là *các ân sủng bí tích (gratiae sacramentales)*, là những hồng ân riêng cho những bí tích khác nhau. Ngoài ra, còn có *các ân sủng đặc biệt (gratiae speciales)* gọi là *các đặc sủng (charismata)* theo từ Hi Lạp, mà thánh Phaolô sử dụng, có nghĩa là đặc ân, hồng ân nhưng không, phúc lợi⁵⁹. Dù có đặc tính nào đi nữa, đôi khi là ngoại thường, như ơn làm phép lạ hay ơn nói tiếng lạ, các đặc sủng đều quy hướng về ơn thánh hóa và có mục tiêu là công ích của Hội Thánh. Các đặc sủng đều phục vụ đức mến là nhân đức xây dựng Hội Thánh⁶⁰. 1108 1127 799-801

2004. Trong các ân sủng đặc biệt, phải kể đến các *ơn chức phận (gratiae status)* là những ơn được ban để thực thi các trách nhiệm của đời sống Kitô hữu và các thừa tác vụ trong Hội Thánh:

“Chúng ta có những đặc sủng khác nhau tùy theo ân sủng Thiên Chúa ban cho mỗi người. Được ơn làm ngôn sứ, thì phải nói sao cho phù hợp với đức tin. Được ơn phục vụ, thì phải phục vụ. Ai dạy bảo, thì cứ dạy bảo. Ai khuyên răn, thì cứ khuyên răn. Ai phân phát, thì phải chân thành. Ai chủ tọa, thì phải có nhiệt tâm. Ai làm việc bác ái, thì vui vẻ mà làm” (Rm 12,6-8).

2005. Ân sủng, vì là siêu nhiên, nên *vượt tầm kinh nghiệm* của chúng ta, và chỉ có thể được nhận biết bằng đức tin. Vì vậy, chúng ta không thể dựa trên tình cảm hay các việc làm của chúng ta để từ đó suy ra rằng chúng ta đã được công chính hóa hay được cứu độ⁶¹. Tuy nhiên, theo lời Chúa phán: “Cứ xem họ sinh hoa quả nào, thì biết họ là ai” (Mt 7,20), việc nhìn xem các hồng ân của Thiên Chúa, trong đời sống chúng ta và trong đời sống các Thánh, mang lại cho chúng ta một bảo chứng là ân sủng đang hoạt động trong chúng ta và khơi dậy nơi chúng ta một đức tin luôn vững mạnh hơn, và một thái độ nghèo khó đầy tín thác.

Một trong những minh họa đẹp nhất của thái độ này là câu trả lời của thánh nữ Jeanne d’Arc trước một câu hỏi gài bẫy của các quan tòa của Giáo Hội: “Khi bị hỏi: cô có biết mình đang sống trong ân sủng của Thiên Chúa hay không, cô trả lời: ‘Nếu tôi

⁵⁹ X. CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 12: AAS 57 (1965) 16-17.

⁶⁰ X. 1 Cr 12.

⁶¹ X. CĐ Tridentinô, Sess. 6a, *Decretum de iustificatione*, c. 9: DS 1533-15324.

chưa có, xin Chúa ban cho tôi; nếu tôi có rồi, xin Chúa thương gìn giữ tôi trong ân sủng Ngài”⁶².

III. CÔNG TRẠNG

MERITUM

“Chúa được tôn vinh trong cộng đoàn các Thánh,
và khi tuyên dương công trạng của các ngài,
Chúa tuyên dương chính hồng ân của Chúa”⁶³.

- 1723 **2006.** Từ “công trạng” thường được dùng để chỉ *sự trả công* mà cộng đồng hay xã hội đánh giá hành động của một thành viên của mình, xét như điều đó tốt hay xấu, đáng được thưởng hay bị phạt.
- 1807 Công trạng thuộc về nhân đức công bằng theo nguyên tắc về sự bình đẳng, là nguyên tắc chi phối nhân đức đó.

42 **2007.** Trước mặt Thiên Chúa, theo nghĩa hẹp về quyền lợi, con người không có công trạng gì. Giữa Thiên Chúa và chúng ta có sự bất bình đẳng không thể đo lường, bởi vì chúng ta đón nhận mọi sự từ nơi Ngài, là Đấng Tạo Hoá của chúng ta.

- 306 **2008.** Công trạng của con người trước mặt Thiên Chúa trong đời sống Kitô hữu là do *Thiên Chúa đã tự ý muốn liên kết con người với công trình của ân sủng của Ngài*. Hành động đầy tình phụ tử của Thiên Chúa, bằng sự thúc đẩy của ân sủng, là trước hết, thứ đến mới là hành động tự do của con người trong sự cộng tác của họ, cho nên các công trạng của các việc tốt lành trước hết phải được quy về ân sủng của Thiên Chúa, rồi mới quy về tín hữu. Ngoài ra chính công trạng của con người phải quy về Thiên Chúa, bởi vì các việc tốt lành của họ đều diễn ra trong Đức Kitô, nhờ những khởi xướng và trợ giúp của Chúa Thánh Thần.
- 155, 970

2009. Nhờ ân sủng, ơn được làm nghĩa tử cho chúng ta được tham dự vào bản tính Thiên Chúa, có thể đem lại cho chúng ta một *công trạng đích thực* theo đức công chính nhưng không của Thiên Chúa. Đây là một quyền có được nhờ ân sủng, quyền sung mãn của tình yêu, làm cho chúng ta nên những người “đồng thừa tự” với Đức Kitô và xứng đáng được hưởng phần gia tài đã được hứa ban là đời sống vĩnh cửu⁶⁴. Công trạng do các việc tốt lành của chúng ta là những hồng ân của lòng nhân hậu của Thiên Chúa⁶⁵. “Ân sủng đã

⁶² Thánh Gioana Arc [Jeanne d’Arc], *Dictum: Procès de condamnation*, ed. P. Tisset (Paris 1960) 62.

⁶³ *Kinh tiền tụng lễ Các Thánh I: Sách Lễ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 428; x. Thánh Augustinô, “Tiến sĩ về ân sủng”, *Enarratio in Psalmum* 102, 7: CCL 40, 1457 (PL 37, 1321).

⁶⁴ X. CD Tridentinô, Sess. 6a, *Decretum de iustificatione*, c. 16: DS 1546.

⁶⁵ X. CD Tridentinô, Sess. 6a, *Decretum de iustificatione*, c. 16: DS 1548.

được ban trước, giờ đây nợ được trả.... Các hồng ân của Thiên Chúa là những công trạng của bạn”⁶⁶. 604

2010. Vì sự khởi xướng trong lãnh vực ân sủng thuộc về Thiên Chúa, nên *không ai có thể có công trạng gì để lãnh nhận ân sủng đầu tiên* nơi cội nguồn việc hối cải, ơn tha thứ và sự công chính hóa. Dưới tác động của Chúa Thánh Thần và của đức mến, *chúng ta mới có thể lập công* cho bản thân và cho tha nhân để được những ân sủng hữu ích cho việc thánh hoá, cho việc gia tăng ân sủng và đức mến của chúng ta, cũng như để đạt tới sự sống vĩnh cửu. Theo sự khôn ngoan của Thiên Chúa, chúng ta cũng có thể lập công để đáng lãnh nhận những lợi ích trần thế, như sức khoẻ, tình bằng hữu. Những ân sủng và hồng ân này là đối tượng của kinh nguyện Kitô giáo. Việc cầu nguyện đem lại ân sủng cần thiết cho chúng ta để các hành động có được công trạng. 1998

2011. *Tình yêu Đức Kitô trong chúng ta là nguồn mạch mọi công trạng của chúng ta* trước mặt Thiên Chúa. Ân sủng, khi kết hợp chúng ta với Đức Kitô bằng một tình yêu năng động, bảo đảm phẩm tính siêu nhiên của các hành vi của chúng ta và do đó, bảo đảm công trạng của các việc đó trước mặt Thiên Chúa cũng như trước mặt người ta. Các Thánh luôn ý thức mãnh liệt rằng các công trạng của các ngài hoàn toàn là ân sủng: 492

“Sau cuộc lưu đày trần thế, con hy vọng sẽ được về vui hưởng Chúa nơi Quê hương, nhưng con không muốn thu thập công trạng để được lên trời, con muốn làm việc *chỉ vì tình yêu Chúa* mà thôi.... Lúc cuộc đời xế bóng, con sẽ đến trước mặt Chúa với đôi bàn tay trắng, vì, lạy Chúa, con không xin Chúa đếm các việc con làm. Mọi sự công chính của chúng con đều mang tì vết trước mặt Chúa. Vì vậy, con muốn được mặc lấy *sự công chính* của chính Chúa và đón nhận từ *tình yêu* Chúa phần sở hữu muôn đời là *chính Chúa*...”⁶⁷. 1460

IV. SỰ THÁNH THIỆN KITÔ GIÁO SANCTITAS CHRISTIANA

2012. “Thiên Chúa làm cho mọi sự đều sinh lợi ích cho những ai yêu mến Ngài... Vì những ai Ngài đã biết từ trước, thì Ngài đã tiên định cho họ nên đồng hình đồng dạng với Con của Ngài, để Con của Ngài làm trưởng tử giữa một đàn em đồng dục. Những ai Thiên Chúa đã tiên định, thì Ngài cũng kêu gọi; những ai Ngài đã kêu gọi, thì Ngài 459

⁶⁶ Thánh Augustinô, *Sermo* 298, 4-5: SPM 1, 98-99 (PL 38, 1367).

⁶⁷ Thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu, *Acte d'offrande à l'Amour miséricordieux: Récréations pieuses – Prières* (Paris 1992) 514-515.

cũng làm cho nên công chính; những ai Ngài đã làm cho nên công chính, thì Ngài cũng cho hưởng phúc vinh quang” (Rm 8,28-30).

915, 2545 **2013.** “Tất cả các Kitô hữu, bất cứ theo bậc sống hay địa vị nào, đều được kêu gọi tiến đến sự viên mãn của đời sống Kitô hữu và đến sự trọn hảo của đức mến”⁶⁸. Mọi người đều được kêu gọi nên thánh: “Vậy anh em hãy nên hoàn thiện, như Cha anh em trên trời là Đấng hoàn thiện” (Mt 5,48):

“Để đạt được sự trọn hảo đó, các tín hữu phải sử dụng những sức mạnh mình đã lãnh nhận tùy theo mức độ Kitô đã ban, để ... khi thực hành thánh ý Chúa Cha trong mọi sự, họ sẽ hiến thân với hết tâm hồn cho vinh quang Thiên Chúa và cho việc phục vụ người lân cận. Như vậy, sự thánh thiện của dân Thiên Chúa sẽ trở sinh hoa trái dồi dào, như đã thấy một cách rõ ràng trong lịch sử Hội Thánh qua đời sống của bao vị thánh”⁶⁹.

774 **2014.** Sự tiến bộ về đời sống thiêng liêng hướng đến sự kết hợp ngày càng mật thiết hơn với Đức Kitô. Sự kết hợp này được gọi là “thần bí” (“*mystica*”), bởi vì tham dự vào mầu nhiệm Đức Kitô nhờ các bí tích – “các mầu nhiệm thánh” (“*sancta mysteria*”) –, và trong Người, tham dự vào mầu nhiệm của Ba Ngôi Chí Thánh. Thiên Chúa kêu gọi tất cả chúng ta đến sự kết hợp mật thiết này với Ngài, mặc dù những ân sủng đặc biệt và những dấu chỉ ngoại thường của đời sống thần bí này chỉ được ban cho một số người, để biểu lộ hồng ân nhưng không được ban cho mọi người.

407, 2725 **2015.** Con đường của sự trọn hảo phải đi qua thập giá. Không thể có sự thánh thiện, nếu không có sự từ bỏ và cuộc chiến đấu thiêng liêng.⁷⁰ Sự tiến bộ về đời sống thiêng liêng bao hàm sự khổ chế và hy sinh hãm mình, là những điều từng bước dẫn tới việc sống trong bình an và hoan lạc của các mối phúc:

“Ai trèo lên, người đó không bao giờ ngừng từ bắt đầu này tiếp sau bắt đầu kia, qua những bắt đầu không chấm dứt. Người đó không bao giờ ngừng ao ước điều người đó đã biết rồi”⁷¹.

162, 1821 **2016.** Các con cái của Mẹ thánh chúng ta là Hội Thánh, hy vọng một cách chính đáng được Thiên Chúa là Cha ban *on bèn đở đến cùng và sự trả công* vì những công việc tốt lành đã được thực hiện nhờ ân sủng của Ngài trong sự hiệp thông với Chúa Giêsu⁷². Các tín hữu, tuân giữ cùng một quy luật sống, được tham dự vào “niềm

⁶⁸ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 40: AAS 57 (1965) 45.

⁶⁹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 40: AAS 57 (1965) 45.

⁷⁰ X. 2 Tm 4.

⁷¹ Thánh Grêgôriô Nyssênô, *In Canticum homilia* 8: *Gregorii Nysseni opera*, ed. W. Jaeger-H. Langerbeck, v. 6 (Leiden 1960) 247 (PG 44, 941).

⁷² X. CD Tridentinô, Sess. 6a, *Decretum de iustificatione*, canon 26: DS 1576.

hy vọng hồng phúc” của những người mà lòng thương xót của Thiên Chúa đã quy tụ trong “Thành thánh là Giêrusalem mới, từ trời, từ nơi Thiên Chúa mà xuống, sẵn sàng như tân nương trang điểm để đón tân lang” (Kh 21,2).

TÓM LƯỢC

2017. *Ân sủng của Chúa Thánh Thần đem lại cho chúng ta sự công chính của Thiên Chúa. Khi kết hợp chúng ta, nhờ đức tin và Phép Rửa, vào cuộc khổ nạn và sự phục sinh của Đức Kitô, Thần Khí làm cho chúng ta được tham dự vào sự sống của Người.*

2018. *Cũng như sự hối cải, sự công chính hoá có hai phương diện. Dưới tác động của ân sủng, con người quay về với Thiên Chúa và quay lưng lại với tội lỗi, và như vậy, đón nhận ơn tha thứ và sự công chính từ trên cao.*

2019. *Sự công chính hóa bao hàm sự tha thứ tội lỗi, sự thánh hóa và sự canh tân con người nội tâm.*

2020. *Sự công chính hoá là công trạng nhờ cuộc khổ nạn của Đức Kitô cho chúng ta. Nó được ban cho chúng ta nhờ Phép Rửa. Nó làm cho chúng ta nên phù hợp với sự công chính của Thiên Chúa, Đáng làm cho chúng ta nên công chính. Sự công chính hoá có mục tiêu là vinh quang của Thiên Chúa và của Đức Kitô, và hồng ân của đời sống vĩnh cửu. Nó là công trình hết sức tuyệt vời của lòng thương xót của Thiên Chúa*

2021. *Ân sủng là sự trợ giúp Thiên Chúa ban cho chúng ta, để chúng ta đáp lại lời kêu gọi là trở thành nghĩa tử của Ngài. Ân sủng đưa chúng ta vào sự thân mật của sự sống Chúa Ba Ngôi.*

2022. *Trong công trình của ân sủng, sáng kiến của Thiên Chúa đi bước trước, chuẩn bị và khơi dậy lời đáp trả tự do của con người. Ân sủng đáp ứng những khát vọng sâu xa của sự tự do của con người; ân sủng kêu gọi sự tự do đó cộng tác với mình, và kiện toàn sự tự do đó.*

2023. *Ơn thánh hóa là một hồng ân nhưng không, Thiên Chúa ban cho chúng ta từ sự sống của Ngài, nhờ Chúa Thánh Thần tuôn đổ vào linh hồn chúng ta, để chữa trị nó khỏi tội lỗi và thánh hóa nó.*

2024. *Ơn thánh hóa làm cho chúng ta nên “đẹp lòng Thiên Chúa”. Còn các đặc sủng, là những ân sủng đặc biệt của Chúa Thánh Thần, quy về ơn thánh hóa, và có mục tiêu là công ích của Hội Thánh. Thiên Chúa cũng hành động qua nhiều ơn hiện sủng, được phân biệt với ơn thường sủng trường tồn trong chúng ta.*

2025. Trước mặt Thiên Chúa chúng ta không có công trạng gì, nếu Thiên Chúa đã không có một kế hoạch tự do, muốn liên kết con người với công trình của ân sủng của Ngài. Công trạng trước hết thuộc về ân sủng của Thiên Chúa, thứ đến mới thuộc về sự cộng tác của con người. Công trạng của con người quy về Thiên Chúa.

2026. Vì chúng ta được làm nghĩa tử, ân sủng của Chúa Thánh Thần có thể đem lại cho chúng ta một công trạng đích thực theo đức công chính nhưng không của Thiên Chúa. Tình yêu trong chúng ta là nguồn mạch chủ yếu của mọi công trạng trước mặt Thiên Chúa.

2027. Không ai có thể có công trạng gì để lãnh nhận ân sủng đầu tiên là cội nguồn của việc hối cải. Dưới tác động của Chúa Thánh Thần, chúng ta có thể lập công cho bản thân và cho tha nhân để được mọi ân sủng hữu ích nhằm đạt tới sự sống vĩnh cửu, cũng như những lợi ích trần thế cần thiết.

2028. “Tất cả các Kitô hữu, bất cứ theo bậc sống hay địa vị nào, đều được kêu gọi tiến đến sự viên mãn của đời sống Kitô hữu và đến sự trọn hảo của đức mến”⁷³. “Sự trọn hảo Kitô giáo chỉ có một giới hạn, đó là không có giới hạn nào cả”⁷⁴.

2029. “Ai muốn theo Thầy, phải từ bỏ chính mình, vác thập giá mình mà theo ” (Mt 16,24).

Mục 3

Hội Thánh, Mẹ và Thầy

Articulus 3

Ecclesia, mater et magistra

2030. Chính trong Hội Thánh, trong sự hiệp thông với tất cả những người đã lãnh nhận bí tích Rửa Tội mà Kitô hữu chu toàn ơn gọi của mình. Từ Hội Thánh, họ đón nhận Lời Thiên Chúa chứa đựng các đạo lý của “Luật Đức Kitô”⁷⁵. Từ Hội Thánh, họ lãnh nhận ân sủng của các bí tích nâng đỡ họ trên “đường”. Từ Hội Thánh, họ học mẫu gương của sự thánh thiện; họ nhận ra hình

⁷³ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium* 40: AAS 57 (1965).

⁷⁴ Thánh Grêgôriô Nyssêno, *De vita Moysis*, 1, 5: ed. M. Simonetti (Vicenza 1984) 10 (PG 44, 300).

⁷⁵ X. GI 6,2.

ảnh và nguồn mạch của sự thánh thiện này nơi Đức Trinh Nữ Maria rất thánh, phân định ra sự thánh thiện này qua chứng từ chân chính của những người đang sống theo sự thánh thiện; họ khám phá sự thánh thiện này trong truyền thống linh đạo và trong lịch sử lâu dài của các Thánh, những vị đã đi trước họ và phụng vụ đang mừng kính các ngài theo chu kỳ các Thánh. 1172

2031. *Đời sống luân lý là một việc phượng tự thiêng liêng.* “Chúng ta dâng hiến thân xác mình làm của lễ sống động, thánh thiện, đẹp lòng Thiên Chúa”⁷⁶, trong Thân Thể Đức Kitô mà chúng ta hợp thành, và trong sự hiệp thông với hiến lễ Thánh Thể của Người. Trong phụng vụ và trong việc cử hành các bí tích, lời cầu nguyện và đạo lý được kết hợp với ân sủng của Đức Kitô, để soi sáng và nuôi dưỡng cách hành động của Kitô hữu. Cũng như toàn bộ đời sống Kitô hữu, đời sống luân lý gặp được nguồn mạch và tột đỉnh của mình trong Hy lễ Thánh Thể. 1368

I. ĐỜI SỐNG LUÂN LÝ VÀ HUẤN QUYỀN CỦA HỘI THÁNH VITA MORALIS ET MAGISTERIUM ECCLESIAE

85-87
888-892

2032. Hội Thánh, là “cột trụ và điểm tựa của chân lý” (1 Tm 3,15), “đã lãnh nhận từ các Tông Đồ mệnh lệnh long trọng của Đức Kitô là phải loan báo chân lý cứu độ”⁷⁷. “Hội Thánh phải loan báo các nguyên tắc luân lý trong mọi thời và ở mọi nơi, kể cả những nguyên tắc về trật tự xã hội, cũng như phải phán đoán về tất cả các thực tại nhân sinh, trong mức độ mà các quyền căn bản của con người hay việc cứu độ của các linh hồn đòi hỏi”⁷⁸. 2246
2420

2033. *Huấn quyền của các mục tử Hội Thánh* về vấn đề luân lý thường được thực thi trong việc dạy giáo lý và giảng dạy, với sự trợ giúp của các công trình của các nhà thần học và các tác giả linh đạo. Như vậy, từ đời nọ đến đời kia, dưới sự hướng dẫn và cảnh giác của các mục tử, “kho tàng” luân lý Kitô giáo được lưu truyền, kho tàng đó là một tổng hợp đặc trưng các quy luật, các mệnh lệnh và các nhân đức phát xuất từ đức tin vào Đức Kitô và được ban sự sống bởi đức mến. Một cách theo truyền thống, việc dạy giáo lý này lấy Mười Điều Răn, cùng với Tín biểu và kinh Lạy Cha, làm nền tảng, vì Mười Điều Răn loan báo những nguyên tắc của đời sống luân lý, hữu hiệu cho tất cả mọi người. 84

2034. Đức Giáo Hoàng và các Giám mục, với tư cách là “những thầy dạy đích thực, nghĩa là những người giảng dạy bằng quyền

⁷⁶ X. Rm 12,1.

⁷⁷ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 17: AAS 57 (1965) 21.

⁷⁸ Bộ Giáo Luật, điều 747, 2.

bính của Đức Kitô, rao giảng cho dân được trao phó cho các ngài, những điều phải tin và phải áp dụng vào cách ăn nết ở”⁷⁹. *Huấn quyền thông thường* và phổ quát của Đức Giáo Hoàng và các Giám mục hiệp thông với ngài, dạy các tín hữu chân lý phải tin, đức mến phải thực thi, vinh phúc phải trông cậy.

2035. Cấp độ tối thượng của việc tham dự vào quyền bính của Đức Kitô được bảo đảm bởi đặc sủng là ơn *bất khả ngộ*. “Kho tàng mạc khải thần linh trải rộng bao nhiêu, thì ơn này trải rộng bấy nhiêu”⁸⁰; ơn này cũng trải rộng tới tất cả các yếu tố của đạo lý, trong đó có đạo lý về luân lý, nếu không có những yếu tố này, các chân lý cứu độ của đức tin sẽ không thể được bảo toàn, trình bày hay tuân giữ⁸¹.

1960 **2036.** Quyền bính của Huấn quyền cũng trải rộng đến các mệnh lệnh đặc thù của *luật tự nhiên*, bởi vì việc tuân giữ các mệnh lệnh đó, do Đấng Tạo Hoá đòi hỏi, là cần thiết để được cứu độ. Khi nhắc lại các quy định của luật tự nhiên, Huấn quyền của Hội Thánh thực thi phần chính yếu của nhiệm vụ tiên tri của mình, là loan báo cho mọi người họ thật sự là gì, và nhắc nhở họ phải là gì trước mặt Thiên Chúa⁸².

2037. Luật của Thiên Chúa, được ký thác cho Hội Thánh, với tính cách là con đường của sự sống và của chân lý, được trao cho các tín hữu. Vì vậy, các tín hữu có *quyền*⁸³ được giáo huấn về các mệnh lệnh cứu độ của Thiên Chúa, chúng thanh luyện trí phán đoán và nhờ ân sủng, chữa lành lý trí con người đã bị tổn thương. Các tín hữu có *nghĩa vụ* tuân giữ các hiến chế và sắc lệnh do quyền bính hợp pháp của Hội Thánh công bố. Những quyết định này, mặc dầu mang tính kỷ luật, vẫn đòi sự mau mắn vâng phục trong đức mến.

2442 **2038.** Trong việc giảng dạy và áp dụng luân lý Kitô giáo, Hội Thánh cần đến sự tận tâm của các mục tử, kiến thức của các nhà thần học và sự đóng góp của mọi Kitô hữu và mọi người thiện chí. Đức tin và việc thực hành Tin Mừng đem lại cho mỗi người một kinh nghiệm về đời sống “trong Đức Kitô”, kinh nghiệm này soi sáng cho họ và giúp họ có khả năng đánh giá những thực tại thần linh và nhân linh theo Thần Khí của Thiên Chúa⁸⁴. Như vậy, Chúa Thánh Thần có thể dùng những kẻ thấp hèn nhất, để soi sáng cho những người thông thái và những người có chức phận cao trọng hơn.

⁷⁹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 25: AAS 57 (1965) 29.

⁸⁰ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 25: AAS 57 (1965) 30.

⁸¹ X. Thánh bộ Giáo lý Đức Tin, Tuyên ngôn *Mysterium Ecclesiae*, 3: AAS 65 (1973) 401.

⁸² X. CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Dignitatis humanae*, 14: AAS 58 (1966) 940.

⁸³ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 213.

⁸⁴ X.1 Cr 2,10-15.

2039. Các thừa tác vụ phải được thực thi trong tinh thần phục vụ huynh đệ và tận tụy đối với Hội Thánh, nhân danh Chúa⁸⁵. Đồng thời khi đưa ra phán đoán luân lý về các hành vi cá vị của mình, lương tâm của mỗi người phải tránh đừng khép kín trong sự quan tâm cá nhân. Hết sức có thể, phải cố gắng tự mở rộng để quan tâm đến lợi ích của mọi người, như được trình bày trong luật luân lý tự nhiên và được mạc khải, và tiếp đó trong luật Hội Thánh và trong đạo lý đích thực của Huấn quyền về các vấn đề luân lý. Không được đối nghịch lương tâm cá vị và lý trí với luật luân lý hay với Huấn quyền của Hội Thánh.

1783

2040. Như vậy, giữa các Kitô hữu, *một tinh thần con thảo đích thực đối với Hội Thánh* có thể tăng trưởng. Tinh thần đó là sự triển nở bình thường của ân sủng Phép Rửa, ân sủng này đã sinh chúng ta vào trong lòng Hội Thánh và làm cho chúng ta trở nên những chi thể của Thân Thể Đức Kitô. Hội Thánh, với sự quan tâm từ mẫu của mình, ban cho chúng ta lòng thương xót của Thiên Chúa, lòng thương xót này vượt trên mọi tội lỗi của chúng ta, và hành động một cách đặc biệt trong bí tích Hòa Giải. Hội Thánh, như một người mẹ ân cần, cũng rộng ban cho chúng ta mỗi ngày, trong phụng vụ của mình, lương thực là Lời và Thánh Thể của Chúa.

167

II. CÁC ĐIỀU RĂN CỦA HỘI THÁNH

PRAECEPTA ECCLESIAE

2041. Các điều răn của Hội Thánh được đặt trong đường hướng một đời sống luân lý gắn liền với đời sống phụng vụ và được đời sống phụng vụ nuôi dưỡng. Tính cách bắt buộc của các luật thiết định này được công bố bởi các quyền bính mục vụ, có mục đích cung cấp cho các tín hữu mức tối thiểu rất cần thiết về tinh thần cầu nguyện và về nỗ lực luân lý, để gia tăng lòng mến Chúa yêu người.

2042. Điều răn thứ nhất (“Vào các Chúa nhật và các ngày lễ buộc, các tín hữu phải tham dự Thánh Lễ và tránh những công việc nô dịch”) đòi các tín hữu thánh hóa ngày tưởng niệm cuộc phục sinh của Chúa, cũng như những lễ phụng vụ chính để tôn kính các mầu nhiệm của Chúa, của Đức Trinh Nữ Maria diễm phúc và của các Thánh, trước hết bằng việc tham dự cuộc cử hành bí tích Thánh Thể, trong đó cộng đoàn Kitô hữu được quy tụ, và tránh không làm những việc lao động và những việc tự bản chất có thể cản trở việc thánh hóa những ngày đó⁸⁶.

1389

2180

2177

⁸⁵ X. Rm 12,8.11.

⁸⁶ X. *Bộ Giáo Luật*, các điều 1246-1248; *Bộ Giáo Luật Đông phương*, các điều 880,3. 881,1.2.4.

- 1457 Điều răn thứ hai (“Xưng tội trong một năm ít là một lần”) bảo đảm việc chuẩn bị rước Thánh Thể bằng việc lãnh nhận bí tích Hòa Giải, nối tiếp công việc hối cải và tha thứ của bí tích Rửa Tội⁸⁷.
- 1389 Điều răn thứ ba (“Rước Mình Thánh Chúa ít là một lần trong mùa Phục Sinh”) bảo đảm mức tối thiểu trong việc rước Mình và Máu Thánh Chúa, được liên kết với các lễ trong mùa Phục Sinh, vì Phục Sinh là nguồn gốc và là trung tâm của phụng vụ Kitô giáo⁸⁸.
- 1387 **2043.** Điều răn thứ tư (“Kiêng thịt và giữ chay trong những ngày thống hối do Hội Thánh quy định) bảo đảm thời gian khổ chế và thống hối để chuẩn bị cho chúng ta mừng các lễ phụng vụ, và giúp chúng ta làm chủ được các bản năng và đạt tới sự tự do của trái tim⁸⁹.
- 1438
- 1351 Điều răn thứ năm (“Đóng góp cho các nhu cầu của Hội Thánh”) dạy các tín hữu có bốn phận đóng góp cho các nhu cầu vật chất của Hội Thánh, mỗi người tùy theo khả năng của mình⁹⁰.

III. ĐỜI SỐNG LUÂN LÝ VÀ CHỨNG TỪ TRUYỀN GIÁO

VITA MORALIS ET TESTIMONIUM MISSIONARIUM

- 852, 905 **2044.** Lòng trung thành của những người đã lãnh Phép Rửa là điều kiện tiên quyết đối với việc loan báo Tin Mừng và đối với *sứ vụ của Hội Thánh trong trần gian*. Để tỏ cho mọi người thấy sức mạnh của nó về chân lý và sự rạng ngời, sứ điệp cứu độ phải được chứng thực bằng chứng từ của đời sống các Kitô hữu. “Chính chứng từ của đời sống Kitô hữu và các việc tốt lành được thực thi với tinh thần siêu nhiên, có sức mạnh lôi kéo người ta đến với đức tin và đến với Thiên Chúa”⁹¹.
- 753 **2045.** Bởi vì là các chi thể của Thân Thể mà Đức Kitô là Đầu⁹², các Kitô hữu góp phần vào việc *xây dựng Hội Thánh* bằng sự kiên trì trong xác tín của mình và trong đời sống luân lý của mình. Hội Thánh được tăng số, lớn lên và triển nở bằng sự thánh thiện của các tín hữu của mình⁹³, cho tới khi chính họ làm thành “con người trưởng thành, tới tâm vóc viên mãn của Đức Kitô” (Ep 4,13).
- 828
- 671, 2819 **2046.** Bằng đời sống theo Đức Kitô của mình, các Kitô hữu *làm cho Nước Thiên Chúa mau đến*, đó là “Nước của công bằng, của tình

⁸⁷ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 989; *Bộ Giáo Luật Đông phương*, điều 719.

⁸⁸ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 920; *Bộ Giáo Luật Đông phương*, các điều 708, 881,3.

⁸⁹ X. *Bộ Giáo Luật*, các điều 1249-1251; *Bộ Giáo Luật Đông phương*, điều 882.

⁹⁰ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 222; *Bộ Giáo Luật Đông phương*, điều 25; x. *Bộ Giáo Luật*, điều 455.

⁹¹ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Apostolicam actuositatem*, 6: AAS 58 (1966) 842.

⁹² X. Ep 1,22.

⁹³ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 39: AAS 57 (1095) 44.

yêu và của bình an”⁹⁴. Nhưng không vì thế mà họ xao lãng nhiệm vụ trần thế của mình; chính họ, trung thành với Thầy mình, chu toàn nhiệm vụ đó với sự ngay thẳng, với sự nhẫn nại và với tình yêu.

TÓM LƯỢC

2047. *Đời sống luân lý là một việc phượng tự thiêng liêng. Cách hành động của Kitô hữu được nuôi dưỡng trong phụng vụ và trong việc cử hành các bí tích.*

2048. *Các điều răn của Hội Thánh liên quan đến đời sống luân lý và Kitô giáo, gắn liền với đời sống phụng vụ, và được đời sống phụng vụ nuôi dưỡng.*

2049. *Huấn quyền của các mục tử Hội Thánh về vấn đề luân lý thường được thực thi trong việc dạy giáo lý và giảng dạy, dựa trên nền tảng Mười Điều Răn, vì Mười Điều Răn loan báo những nguyên tắc của đời sống luân lý, hữu hiệu cho tất cả mọi người.*

2050. *Đức Giáo Hoàng và các Giám mục, với tư cách là những thầy dạy đích thực, rao giảng cho dân Thiên Chúa những điều phải tin và phải áp dụng vào cách ăn nết ở. Các ngài cũng có quyền phán đoán về các vấn đề luân lý trong lãnh vực của luật tự nhiên và của lý trí.*

2051. *Ơn bất khả ngộ của Huấn quyền của các mục tử trải rộng tới tất cả các yếu tố của đạo lý, trong đó có đạo lý về luân lý, nếu không có những yếu tố này, các chân lý cứu độ của đức tin sẽ không thể được bảo toàn, trình bày hay tuân giữ.*

MƯỜI ĐIỀU RĂN

DECEM PRAECEPTA

Xuất hành 20,2-17	Đệ nhị luật 5,6-21	Công thức giáo lý⁹⁵
2. “Ta là Chúa, Thiên Chúa của người, đã	6. “Ta là Chúa, Thiên Chúa của người, đã	“ Thứ nhất: Thờ phượng một Đức Chúa

⁹⁴ *Lễ trọng Chúa Giêsu Kitô Vua vũ trụ, Kinh Tiền tụng: Sách Lễ Rôma, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 381.*

⁹⁵ *Catechismus Catholicus, cura et studio P. Card. Gasparri concinnatus (Typis Polyglottis Vaticanis 1933) 23-24. Chú thích riêng của bản dịch tiếng Việt: Mục Lục, Đạo Đức Chúa Trời có Mười Điều Răn (Saigon: Imprimerie de la Mission Tân Định, 1951), 35.*

<p>đưa người ra khỏi đất Ai cập, khỏi cảnh nô lệ.</p> <p>3. Người không được có thần nào khác đối nghịch với Ta.</p> <p>4. Người không được tạc tượng, vẽ hình bất cứ vật gì ở trên trời cao, cũng như dưới đất thấp, hoặc ở trong nước phía dưới mặt đất, để mà thờ.</p> <p>5. Người không được phủ phục trước những thứ đó mà phụng thờ: vì Ta, Chúa, Thiên Chúa của người, là một vị thần ghen tương. Đối với những kẻ ghét Ta, Ta phạt con cháu đến ba bốn đời vì tội lỗi của cha ông.</p> <p>6. Còn với những ai yêu mến Ta và giữ các mệnh lệnh của Ta, thì Ta trọn niềm nhân nghĩa đến ngàn đời.</p> <p>7. Người không được dùng danh Chúa, Thiên Chúa của người, một cách bất xứng, vì Chúa không dung tha kẻ dùng danh Ngài một cách bất xứng.</p> <p>8. Người hãy nhớ ngày sabat, mà coi đó là ngày thánh.</p> <p>9. Trong sáu ngày, người sẽ lao động và làm mọi công việc của người.</p>	<p>đưa người ra khỏi Ai cập, khỏi cảnh nô lệ.</p> <p>7. Người không được có thần nào khác đối nghịch với Ta.</p> <p>11. Người không được dùng danh Chúa, Thiên Chúa của người, một cách bất xứng, vì Thiên Chúa không dung tha kẻ dùng danh Ngài một cách bất xứng.</p> <p>12. Người hãy giữ ngày sabat, mà coi đó là ngày thánh.</p>	<p>Trời và kính mến Người trên hết mọi sự.</p> <p>Thứ hai: Chớ kêu tên Đức Chúa Trời vô cớ.</p> <p>Thứ ba: Giữ ngày Chúa nhật.</p>
--	---	--

<p>10. Còn ngày thứ bảy là ngày sabat kính Chúa, Thiên Chúa của người. Ngày đó, người không được làm công việc nào, cả người cũng như con trai con gái, tôi tớ nam nữ, gia súc và ngoại kiều ở trong thành của người.</p> <p>11. Vì trong sáu ngày, Chúa đã dựng nên trời đất, biển khơi và muôn loài trong đó, nhưng Ngài đã nghỉ ngày thứ bảy. Bởi vậy, Chúa đã chúc phúc cho ngày sabat và coi đó là ngày thánh.</p> <p>12. Người hãy thờ cha kính mẹ, để được sống lâu trên đất mà Chúa, Thiên Chúa của người, ban cho người.</p> <p>13. Người không được giết người.</p> <p>14. Người không được ngoại tình.</p> <p>15. Người không được trộm cắp.</p> <p>16. Người không được làm chứng gian hại người.</p> <p>17. Người không được ham muốn nhà người ta.</p> <p>– Người không được ham muốn vợ người ta, tôi tớ nam nữ, con bò con lừa hay bất cứ vật gì của người ta”.</p>	<p>16. Người hãy thờ cha kính mẹ.</p> <p>17. Người không được giết người.</p> <p>18. Người không được ngoại tình.</p> <p>19. Người không được trộm cắp.</p> <p>20. Người không được làm chứng dối hại người.</p> <p>21. Người không được ham muốn vợ người ta.</p> <p>– Người không được thêm muốn... bất cứ vật gì của người ta”.</p>	<p>Thứ bốn: Thờ kính cha mẹ.</p> <p>Thứ năm: Chớ giết người.</p> <p>Thứ sáu: Chớ làm sự dâm dục.</p> <p>Thứ bảy: Chớ lấy của người.</p> <p>Thứ tám: Chớ làm chứng dối.</p> <p>Thứ chín: Chớ muốn vợ chồng người.</p> <p>Thứ mười: Chớ tham của người”.</p>
---	--	---

ĐOẠN THỨ HAI MƯỜI ĐIỀU RĂN

SECTIO SECUNDA DECEM PRAECEPTA

“Thưa Thầy, tôi phải làm gì...?”

1858 **2052.** “Thưa Thầy, tôi phải làm điều gì tốt để được hưởng sự sống đời đời ?” Để trả lời cho người thanh niên đặt câu hỏi, Chúa Giêsu nêu lên trước tiên sự cần thiết phải nhận biết Thiên Chúa như “Đấng tốt lành mà thôi”, như Điều Thiện tuyệt hảo và như nguồn mạch của mọi điều tốt lành. Rồi Chúa Giêsu tuyên bố với người đó: “Nếu anh muốn vào cõi sống, thì hãy giữ các điều răn”. Và Người liệt kê các điều răn về tình yêu đối với người lân cận: “Người không được giết người, người không được ngoại tình, người không được trộm cắp, người không được làm chứng gian, người phải thờ cha kính mẹ”. Sau cùng, Chúa Giêsu tóm tắt các điều răn kể trên một cách tích cực rằng: “Người phải yêu đồng loại như yêu chính mình” (Mt 19,16-19).

1968 **2053.** Chúa Giêsu còn thêm vào câu trả lời đầu tiên: “Nếu anh muốn nên hoàn thiện, thì hãy đi bán tài sản của anh và đem cho người nghèo, anh sẽ được một kho tàng trên trời; rồi hãy đến theo tôi” (Mt 19,21). Câu trả lời này không hủy bỏ câu trả lời trước. Muốn đi theo Đức Kitô, phải tuân giữ các điều răn. Luật cũ không bị bãi bỏ¹, nhưng con người được mời gọi tìm thấy lại Lễ luật nơi con người của Thầy mình, Đấng chu toàn Lễ luật cách trọn hảo. Trong ba Tin Mừng Nhất Lãm, lời kêu gọi của Chúa Giêsu ngỏ với anh thanh niên giàu có, để đi theo Người với lòng vâng phục của người môn đệ và tuân giữ các điều răn, còn được kết hợp với lời kêu gọi sống nghèo khó và khiết tịnh². Các lời khuyên Phúc Âm không thể bị tách biệt khỏi các điều răn.

581 **2054.** Chúa Giêsu đã lấy lại mười điều răn, nhưng Người đã biểu lộ sức mạnh của Thần Khí đang tác động nơi các mặt chữ ấy; Người đã rao giảng sự công chính “vượt trên sự công chính của các kinh sư và những người Pharisêu”³, cũng như sự công chính của các dân

¹ X. Mt 5,17.

² X. Mt 19,6-12.21.23-29.

³ X. Mt 5,20.

ngoại⁴. Người cho thấy tất cả những đòi hỏi của các điều răn. “Anh em đã nghe luật dạy người xưa rằng: chớ giết người... Còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết: Ai giận anh em mình, thì đáng bị đưa ra tòa” (Mt 5,21-22).

2055. Khi người ta đặt cho Người câu hỏi: “Điều răn nào là điều răn trọng nhất?” (Mt 22,36), Chúa Giêsu đáp: “Người phải yêu mến Chúa, Thiên Chúa của người, hết lòng, hết linh hồn và hết trí khôn người: đó là điều răn quan trọng nhất và điều răn thứ nhất. Còn điều răn thứ hai, cũng giống điều răn ấy, là: Người phải yêu người thân cận như chính mình. Tất cả Lễ Luật và các sách ngôn sứ đều tùy thuộc vào hai điều răn ấy” (Mt 22,37-40)⁵. Mười Điều Răn phải được giải thích dưới ánh sáng của điều răn, tuy hai nhưng là một, là đức mến, đó là sự viên mãn của Lễ Luật:

129

“Các điều răn như: Người không được ngoại tình, không được giết người, không được trộm cắp, không được ham muốn, cũng như các điều răn khác, đều tóm lại trong lời này: Người phải yêu người thân cận như chính mình. Đã yêu thương thì không làm hại người đồng loại, yêu thương là chu toàn Lễ Luật vậy” (Rm 13, 9-10).

Mười Điều Răn trong Thánh Kinh

2056. Từ “Decalogus” theo sát mặt chữ có nghĩa là “Mười lời” (Xh 34,28; Đnl 4,13; 10,4). “Mười lời” này Thiên Chúa đã mạc khải cho dân Ngài trên núi thánh. Ngài đã viết “Mười lời” này “tự ngón tay Ngài”⁶, khác với các mệnh lệnh khác do ông Môisen viết⁷. Mười lời này, theo một nghĩa rất đặc biệt, làm thành những lời của Thiên Chúa. Những lời đó được lưu truyền cho chúng ta trong sách Xuất Hành⁸ và sách Đệ Nhị Luật⁹. Từ thời Cựu Ước, các Sách Thánh luôn quy chiếu về “Mười lời”¹⁰, nhưng trong Tân Ước ý nghĩa đầy đủ của những lời đó sẽ được mạc khải nơi Chúa Giêsu Kitô.

700

62

2057. Trước hết, Mười Điều Răn phải được hiểu trong bối cảnh của cuộc Xuất Hành, là biến cố giải phóng vĩ đại của Thiên Chúa, ở trung tâm của Giao Ước cũ. Dù được viết với tính cách những mệnh lệnh tiêu cực, những cấm đoán, hay với tính cách những mệnh lệnh tích cực (như “người hãy tôn kính cha người và mẹ

2084

⁴ X. Mt 5,46-47.

⁵ X. Đnl 6,5; Lv 19,18.

⁶ X. Xh 31,18; Đnl 5,22.

⁷ X. Đnl 31,9-24.

⁸ X. Xh 20,1-17.

⁹ X. Đnl 5,6-22.

¹⁰ X. chẳng hạn, Os 4,2; Gr 7,9; Ed 18,5-9.

người”), “Mười lời” chỉ ra những điều kiện cho một đời sống đã được giải thoát khỏi ách nô lệ tội lỗi. Mười Điều Răn là con đường của sự sống:

“Anh (em) phải yêu mến Chúa, Thiên Chúa của anh (em), đi theo đường lối của Ngài, và tuân giữ các mệnh lệnh, thánh chỉ, quyết định của Ngài, để anh (em) được sống, được thêm đông đúc” (Đnl 30,16).

2170 Sức mạnh giải thoát này của Mười Điều Răn xuất hiện, thí dụ trong điều răn nghỉ ngày sabat, áp dụng cho cả các ngoại kiều và các nô lệ:

“Người hãy nhớ, người đã làm nô lệ tại đất Ai cập, và Chúa, Thiên Chúa của người, đã dang cánh tay mạnh mẽ, uy quyền đưa người ra khỏi đó” (Đnl 5,15).

1962 **2058.** “Mười lời” tóm tắt và công bố Lễ Luật của Thiên Chúa: “Những lời ấy, Chúa đã phán với toàn thể đại hội anh em, trên núi, từ trong đám lửa, giữa mây đen mù mịt, Ngài nói lớn tiếng và không thêm gì cả. Ngài đã viết những lời ấy trên hai bia đá, và ban cho tôi” (Đnl 5,22). Vì vậy, hai bia này được gọi là “Chứng Ước” (Xh 25,16). Những bia đó chứa đựng các điều khoản của Giao Ước đã được ký kết giữa Thiên Chúa và dân Ngài. Các “Bia Chứng Ước” (Xh 31,18; 32,15; 34,29) này phải được đặt vào “Hòm Bia” (Xh 25,16; 40,1-2).

707 **2059.** “Mười lời” được Thiên Chúa công bố trong một cuộc thần hiện (“Chúa đã phán với anh em, mặt đối mặt, trên núi, từ trong đám lửa”: Đnl 5,4). Mười lời này thuộc về mạc khải, Thiên Chúa tỏ cho biết về chính Ngài và về vinh quang của Ngài. Khi ban các điều răn, Thiên Chúa ban tặng chính mình Ngài và thánh ý của Ngài. Khi tỏ cho biết các thánh ý Ngài, Thiên Chúa mạc khải chính mình cho dân Ngài.

2823 **2060.** Việc ban tặng các điều răn và Lễ Luật là thành phần của Giao Ước được ký kết bởi Thiên Chúa với dân Ngài. Theo sách Xuất Hành, việc mạc khải “Mười lời” được ban giữa việc chuẩn bị lập giao ước¹¹ và việc kết thúc giao ước¹² – sau khi dân đã cam kết “thi hành” điều Chúa phán và “tuân phục” điều đó¹³. Mười Điều Răn chỉ được lưu truyền sau khi nhắc nhớ đến Giao Ước. (“Chúa, Thiên Chúa chúng ta, đã lập một Giao Ước với chúng ta tại núi Horeb”: Đnl 5,2).

¹¹ X. Xh 19.

¹² X. Xh 24.

¹³ X. Xh 24,7.

2061. Các điều răn nhận được ý nghĩa đầy đủ của nó trong Giao Ước. Theo Thánh Kinh, cách hành động theo luân lý của con người có được đầy đủ ý nghĩa của nó trong và nhờ Giao Ước. Điều thứ nhất của “Mười lời” nhắc lại rằng chính Thiên Chúa đã yêu thương dân Ngài trước:

“Chính vì hình phạt tội lỗi là sự kiện chuyển từ địa đàng của sự tự do sang tình trạng nô lệ của trần gian này, mà câu đầu tiên của Mười Điều Răn, lời thứ nhất của các lệnh truyền của Thiên Chúa, nói đến tự do: ‘Ta là Chúa, Thiên Chúa của người, đã đưa người ra khỏi Ai cập, khỏi cảnh nô lệ’ (Xh 20,2; Đnl 5,6)”¹⁴.

2086

2062. Các điều răn theo nghĩa hẹp chỉ giữ vai trò thứ yếu; chúng diễn tả những hệ luận của việc con người thuộc về Thiên Chúa như Giao Ước quy định. Đời sống luân lý là *lời đáp* cho khởi xướng đầy yêu thương của Chúa. Đó là sự nhận biết, sự suy phục Thiên Chúa và thờ phượng tạ ơn. Đó là sự cộng tác vào dự định mà Thiên Chúa đang theo đuổi trong lịch sử.

142

2002

2063. Giao Ước và cuộc đối thoại giữa Thiên Chúa với con người cũng được xác nhận qua sự kiện là tất cả các bốn phạm đều được phát biểu ở ngôi thứ nhất (“Ta là Chúa...”) và nói với một chủ thể khác (“Người...”). Trong tất cả các điều răn của Thiên Chúa, đại từ nhân xưng ở số ít để chỉ người đón nhận. Khi bày tỏ thánh ý cho toàn dân, Thiên Chúa cũng đồng thời bày tỏ thánh ý của Ngài cho riêng từng cá nhân một:

878

“Chúa truyền dạy phải yêu mến Thiên Chúa và dạy giữ sự công bằng đối với người lân cận, để con người khỏi bất chính và bất xứng trước mặt Thiên Chúa. Như vậy, nhờ Mười Điều Răn, Thiên Chúa huấn luyện để con người sống trong tình bằng hữu với Ngài và hoà thuận với người lân cận... Và vì vậy, những lời của Mười Điều Răn vẫn trường tồn đối với chúng ta (các Kitô hữu), những lời đó không bị hủy bỏ, nhưng được mở rộng và triển nở nhờ cuộc Ngự đến của Chúa trong xác phàm”¹⁵.

Mười Điều Răn trong Truyền thống Hội Thánh

2064. Trung thành với Sách Thánh và theo gương Chúa Giêsu, Truyền thống Hội Thánh nhìn nhận Mười Điều Răn có tầm quan trọng và ý nghĩa hàng đầu.

2065. Từ thời thánh Augustinô, “Mười Điều Răn” đã có một vị trí quan trọng trong việc dạy giáo lý cho dự tòng và tín hữu. Vào thế kỷ XV, Mười Điều Răn quen được diễn tả bằng những công thức tích cực, theo văn vần,

¹⁴ Ôrigiê-nê, *In Exodum homilia* 8,1: SC 321, 242 (PG 12, 350).

¹⁵ Thánh Irê-nê, *Adversus haereses*, 4, 16, 3-4: SC 100, 566-570 (PG 7, 1017-1018).

để nhớ, vẫn còn thông dụng ở nhiều nơi tới ngày nay. Các sách giáo lý của Hội Thánh thường trình bày luân lý Kitô giáo theo thứ tự của “Mười Điều Răn”.

2066. Việc phân chia và đánh số các điều răn có thay đổi theo dòng thời gian. Sách Giáo Lý này dựa theo cách phân chia của thánh Augustinô đã trở thành truyền thống trong Hội Thánh Công giáo. Các hệ phái Luther cũng theo cách phân chia này. Các Giáo phụ Hi Lạp phân chia hơi khác; cách phân chia đó còn gặp thấy trong các Giáo Hội Chính thống và các cộng đoàn Cải cách.

1853 **2067.** Mười Điều Răn nêu ra các đòi hỏi của lòng mến Chúa yêu người. Ba điều răn đầu đề cập đến tình yêu đối với Thiên Chúa, và bảy điều răn sau, đến tình yêu đối với người lân cận.

“Cũng như Chúa đã đúc kết tất cả Lề Luật và các Tiên tri vào trong hai điều răn của lòng yêu mến..., thì cũng vậy, Mười Điều Răn được ban trong hai bảng. Ba điều được khắc trên một bảng, và bảy điều trên bảng kia”¹⁶.

1993 **2068.** Công đồng Tridentinô dạy rằng: các Kitô hữu buộc phải giữ Mười Điều Răn, và người đã được công chính hóa cũng có bổn phận phải tuân giữ các điều răn ấy¹⁷. Công đồng Vaticanô II cũng khẳng định: “Các Giám mục vì là những vị kế nhiệm các Tông Đồ, nhận từ nơi Chúa... sứ vụ dạy dỗ muôn dân và rao giảng Tin Mừng cho mọi thụ tạo, để mọi người được cứu độ nhờ đức tin, Phép Rửa và việc chu toàn các Điều Răn”¹⁸.

Tính thống nhất của Mười Điều Răn

2534 **2069.** Mười Điều Răn tạo thành một tổng thể thống nhất không thể tách biệt. Mỗi “lời” quy chiếu về từng lời và về tất cả các lời khác; các lời tương thuộc lẫn nhau. Hai Bảng Luật soi sáng cho nhau, hợp thành một tổng thể thống nhất hữu cơ. Vi phạm một điều răn là vi phạm tất cả các điều răn khác¹⁹. Không thể tôn trọng người khác mà không chúc tụng Thiên Chúa, Đấng Tạo Hoá của họ. Không thể tôn thờ Thiên Chúa mà không yêu thương tất cả mọi người là thụ tạo của Ngài. Mười Điều Răn thống nhất đời sống đối thần với đời sống xã hội của con người.

¹⁶ Thánh Augustinô, *Sermo* 33, 2: CCL 41, 414 (PL 38, 208).

¹⁷ X. CD Tridentinô, Sess. 6a, *Decretum de iustificatione*, canones 19-20: DS 1569-1570.

¹⁸ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 24: AAS 57 (1965).

¹⁹ X. Gc 2,10-11.

Mười Điều Răn và luật tự nhiên

2070. Mười Điều Răn thuộc về mạc khải của Thiên Chúa; đồng thời dạy chúng ta biết nhân tính đích thực của con người. Mười Điều Răn làm sáng tỏ những bổn phận thiết yếu, do đó, một cách gián tiếp, cho thấy những quyền căn bản gắn liền với bản tính của nhân vị. Mười Điều Răn là một cách trình bày đặc sắc của “luật tự nhiên”: 1955

“Từ nguyên thủy, Thiên Chúa đã ghi sâu trong lòng người các lệnh truyền của luật tự nhiên – mà nếu không thi hành thì không được cứu độ –. Sau đó Ngài chỉ cần nhắc lại các điều luật ấy cho họ. Đó chính là Mười Điều Răn”²⁰.

2071. Mười Điều Răn là mạc khải của Thiên Chúa, dù với lý trí con người có thể tự biết được, nhưng để hiểu biết đầy đủ và chắc chắn về các đòi hỏi của luật tự nhiên, loài người tội lỗi cần đến mạc khải này: 1960

“Trong tình trạng tội lỗi, ánh sáng lý trí bị lu mờ và ý chí bị sai lệch, con người cần đến một trình bày đầy đủ về các điều khoản của Mười Điều Răn”²¹.

Chúng ta biết được các điều răn của Thiên Chúa nhờ mạc khải thần linh được trình bày trong Hội Thánh và nhờ tiếng nói của lương tâm. 1777

Tính bắt buộc của Mười Điều Răn

2072. Vì nêu lên những bổn phận căn bản của con người đối với Thiên Chúa và đối với người lân cận, Mười Điều Răn, trong nội dung chính yếu của nó, mạc khải những nghĩa vụ *quan trọng*. Mười Điều Răn, một cách căn bản, là bất biến và có giá trị bắt buộc mọi lúc và mọi nơi. Không ai có thể miễn chuẩn Mười Điều Răn, đã được Thiên Chúa ghi khắc trong trái tim con người. 1858 1958

2073. Việc tuân phục các điều răn cũng bao hàm những bắt buộc mà theo chất liệu tự nó là nhẹ. Chẳng hạn điều răn thứ năm cấm nhục mạ kẻ khác bằng lời nói; điều này không thể là một lỗi phạm nghiêm trọng nếu không do các hoàn cảnh hoặc ý hướng của người nói lời nhục mạ đó.

²⁰ Thánh Irênê, *Adversus haereses*, 4, 15, 1: SC 100, 548 (PG 7, 1012).

²¹ Thánh Bonaventura, *In quattuor libros Sententiarum*, 3, 37, 1, 3: *Opera omnia*, v. 3 (Ad Claras Aquas 1887) 819-820.

“Không có Thầy, anh em không làm gì được”

2732 2074. Chúa Giêsu nói: “Thầy là cây nho, anh em là cành. Ai ở lại trong Thầy và Thầy ở lại trong người ấy, thì người ấy sinh nhiều hoa trái, vì không có Thầy, anh em chẳng làm gì được” (Ga 15,5).
 521 Hoa trái được nói đến trong lời này là sự thánh thiện của một đời sống được sinh sôi nảy nở nhờ kết hợp với Đức Kitô. Khi chúng ta tin vào Chúa Giêsu Kitô, chúng ta truyền thông các mầu nhiệm của Người và tuân giữ các điều răn của Người, thì chính Người là Đấng Cứu Độ đến trong chúng ta để yêu thương Cha Người và các anh em Người, cũng là Cha chúng ta và các anh em chúng ta. Nhờ Thần Khí, bản thân Chúa Giêsu trở thành quy luật sống động và nội tâm cho cách hành động của chúng ta. “Đây là điều răn của Thầy: anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em” (Ga 15,12).

TÓM LƯỢC

2075. *“Tôi phải làm điều gì tốt để được hưởng sự sống đời đời?” – “Nếu anh ... muốn vào cõi sống, thì hãy giữ các điều răn” (Mt 19,16-17).*

2076. *Qua cách hành động và lời giảng dạy của Người, Chúa Giêsu đã xác nhận giá trị trường tồn của Mười Điều Răn.*

2077. *Việc ban Mười Điều Răn được thực hiện giữa Giao Ước được Thiên Chúa ký kết với dân Ngài. Các Điều Răn của Thiên Chúa nhận được ý nghĩa đích thực của chúng trong Giao Ước và nhờ Giao Ước.*

2078. *Trung thành với Thánh Kinh và theo gương Chúa Giêsu, Truyền thống Hội Thánh nhìn nhận Mười Điều Răn có tầm quan trọng và ý nghĩa hàng đầu.*

2079. *Mười Điều Răn tạo thành một tổng thể thống nhất hữu cơ, trong đó mỗi “lời” hay “điều răn” đều quy chiếu về toàn thể. Vi phạm một điều răn là vi phạm toàn bộ lề luật²².*

2080. *Mười Điều Răn là một cách diễn đạt đặc sắc của luật tự nhiên. Chúng ta biết được Mười Điều Răn nhờ mạc khải của Thiên Chúa và nhờ lý trí của con người.*

2081. *Trong nội dung căn bản của chúng, Mười Điều Răn đưa ra những bắt buộc quan trọng. Tuy nhiên, việc tuân giữ các điều răn này cũng bao hàm những bắt buộc mà theo chất liệu tự nó là nhẹ.*

²² X. Gc 2, 10-11.

2082. *Điều gì Thiên Chúa truyền dạy, Ngài đều ban ân sủng để chúng ta có thể thực hiện.*

CHƯƠNG MỘT

“NGƯỜI PHẢI YÊU MẾN ĐỨC CHÚA, THIÊN CHÚA CỦA NGƯỜI, HẾT LÒNG, HẾT LINH HỒN VÀ HẾT TRÍ KHÔN NGƯỜI”

CAPUT PRIMUM

“DILIGES DOMINUM DEUM TUUM IN TOTO CORDE TUO ET IN TOTA ANIMA TUA ET IN TOTA MENTE TUA”

2083. Chúa Giêsu tóm tắt các bổn phận của con người đối với Thiên Chúa bằng giới răn này: “Người phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của người, hết lòng, hết linh hồn và hết trí khôn người” (Mt 22,37)¹. Đây là âm vang trực tiếp của lời hiệu triệu long trọng: “Nghe đây, hỡi Israel! Đức Chúa, Thiên Chúa chúng ta, là Đức Chúa duy nhất” (Đnl 6,4).

199. Thiên Chúa đã yêu thương chúng ta trước. Tình yêu của Thiên Chúa duy nhất được nhắc đến trong lời thứ nhất của “Mười lời”. Các điều răn sau đó giải thích câu trả lời của tình yêu mà con người được kêu gọi để đáp lại Thiên Chúa.

Mục 1

Điều Răn Thứ Nhất

Articulus 1

Primum praeceptum

“Ta là Đức Chúa, Thiên Chúa của người, đã đưa người ra khỏi đất Ai cập, khỏi cảnh nô lệ. Người không được có thần nào khác đối nghịch với Ta. Người không được tạc tượng, vẽ hình bất cứ vật gì ở trên trời cao cũng như dưới đất thấp, hoặc ở trong nước

¹ X. Lc 10,27: “... hết sức lực người”.

phía dưới mặt đất, để mà thờ. Người không được phủ phục trước những thứ đó mà phụng thờ” (Xh 20,2-5)².

“Đã có lời chép rằng: ‘Người phải bái lạy Đức Chúa là Thiên Chúa của người và phải thờ phượng một mình Ngài mà thôi’” (Mt 4,10).

**I. “CHÍNH ĐỨC CHÚA, THIÊN CHÚA CỦA NGƯỜI,
LÀ ĐÁNG NGƯỜI PHẢI PHỤNG THỜ;
CHÍNH NGÀI LÀ ĐÁNG NGƯỜI PHẢI PHỤNG SỰ”
“DOMINUM DEUM TUUM ADORABIS ET IPSI SERVIES”**

2084. Thiên Chúa tự mạc khải bằng cách nhắc lại hành động đầy quyền năng, nhân hậu và giải phóng của Ngài trong lịch sử : “Ta đã đưa người ra khỏi Ai cập, khỏi cảnh nô lệ” (Đnl 5,6). Lời đầu tiên chúa dựng giới răn thứ nhất của Lê luật: “Chính Đức Chúa, Thiên Chúa của anh (em) là Đấng anh (em) phải kính sợ, chính Ngài là Đấng anh (em) phải phụng thờ... Anh em không được theo những thần khác” (Đnl 6,13-14). Lời hiệu triệu đầu tiên và đòi hỏi chính đáng của Thiên Chúa là con người phải đón nhận và tôn thờ Ngài. 2057 398

2085. Thiên Chúa duy nhất và chân thật trước hết mạc khải vinh quang của Ngài cho Israel³. Mạc khải về ơn gọi và chân lý về con người được gắn liền với mạc khải về Thiên Chúa. Con người có ơn gọi phải biểu lộ Thiên Chúa qua cách hành động của mình, phù hợp với việc mình được tạo dựng “theo hình ảnh và giống như” Thiên Chúa (St 1,26): 200 1701

“Thưa ông Triphon, chưa bao giờ có Thiên Chúa nào khác và từ muôn đời, cũng không hề có Thiên Chúa nào khác (...) ngoài Đấng đã tạo dựng và xếp đặt vũ trụ. Chúng tôi không nghĩ rằng Thiên Chúa của chúng tôi khác với Thiên Chúa của ông. Chính Ngài là Đấng đã đưa tổ tiên ông ra khỏi đất Ai cập ‘bằng bàn tay hùng mạnh và cánh tay giương cao’. Chúng tôi không đặt hy vọng vào bất cứ vị nào khác, vì không có, nhưng vào cùng một Đấng là Thiên Chúa của ông, Thiên Chúa của các tổ phụ Abraham, Isaac và Giacôb”⁴.

2086. “Điều răn thứ nhất bao gồm đức tin, đức cậy và đức mến. Vì khi chúng ta nói đến Thiên Chúa, là chúng ta tuyên xưng một cách đúng đắn không sai sót, Ngài là Đấng thường hằng, bất biến, mãi mãi vẫn là chính Ngài, trung tín; do đó, khi chúng ta đón nhận các 212

² X. Đnl 5, 6-9.

³ X. Xh 19,16-25; 24,15-18.

⁴ Thánh Justinô, *Dialogus cum Tryphone Iudaeo*, 11,1. CA 2, 40 (PG 6, 497).

sấm ngôn của Ngài, thì cần thiết là chúng ta phải hoàn toàn tin vào Ngài và nhận biết quyền bính của Ngài. Thật vậy, ai chiêm ngắm quyền năng, lòng nhân hậu và việc thi ân giáng phúc của Ngài, mà lại có thể không đặt trọn tất cả hy vọng nơi Ngài? Và ai chiêm ngưỡng kho tàng của sự tốt lành và lòng yêu thương của Ngài, đã được tuôn đổ trên chúng ta, mà lại có thể không yếu mến Ngài? Vì vậy, cả khi khởi đầu, cả khi kết thúc các điều Ngài truyền dạy trong Thánh Kinh, Thiên Chúa dùng lời này: *Ta là Chúa*⁵.

2061

1814-1816 **Đức tin**

143 **2087.** Đời sống luân lý của chúng ta bắt nguồn từ đức tin vào Thiên Chúa, Đấng mạc khải tình yêu của Ngài cho chúng ta. Thánh Phaolô nói đến sự vâng phục của đức tin⁶ như là nghĩa vụ hàng đầu. Thánh nhân cho thấy rằng chính sự “không nhận biết Thiên Chúa” là nguyên nhân và lời giải thích cho mọi lệch lạc luân lý⁷. Bản phận của chúng ta đối với Thiên Chúa là tin vào Ngài và làm chứng về Ngài.

2088. Điều răn thứ nhất đòi hỏi chúng ta, một cách khôn ngoan và tỉnh thức, phải nuôi dưỡng và giữ gìn đức tin của chúng ta, và phải loại bỏ tất cả những gì nghịch với đức tin. Có nhiều cách phạm tội nghịch với đức tin:

157 *Cố tình nghi ngờ* trong lãnh vực đức tin là tội thờ ơ hay không nhìn nhận những điều Thiên Chúa đã mạc khải và Hội Thánh dạy phải tin, là chân thật. *Vô tình nghi ngờ* là sự do dự khi tin, là sự khó khăn khi vượt qua những vấn nạn về đức tin hay thậm chí sự lo lắng do bóng tối của đức tin gợi lên. Sự nghi ngờ, nếu được cổ vũ cách có chủ ý, có thể dẫn tới sự mù quáng của tâm trí.

162 **2089.** *Sự vô tín* là thờ ơ với chân lý mạc khải hay cố tình từ chối
817 chấp nhận chân lý đó. “*Lạc giáo* là ngoan cố chối bỏ một chân lý phải tin với đức tin đối thần và Công giáo hoặc ngoan cố hồ nghi về chân lý ấy sau khi đã lãnh nhận bí tích Rửa Tội; *bội giáo* là chối bỏ toàn bộ đức tin Kitô giáo; *ly giáo* là từ chối vâng phục Đức Giáo Hoàng hoặc từ chối hiệp thông với các chi thể của Hội Thánh thuộc quyền ngài”⁸.

⁵ *Catechismus Romanus*, 3, 2, 4: ed. P. Rodríguez (Città del Vaticano-Pamplona 1989) 408-409.

⁶ X. Rm 1,5; 16,26.

⁷ X. Rm 1,18-32.

⁸ *Bộ Giáo Luật*, điều 751.

Đức cậy

817-821

2090. Khi Thiên Chúa tự mạc khải và kêu gọi con người, con người không thể đáp lại trọn vẹn tình yêu thần linh bằng sức riêng mình. Họ phải trông cậy, Thiên Chúa sẽ ban cho họ khả năng để yêu lại Ngài và khả năng để hành động theo các giới răn của đức mến. Đức cậy là sự mong đợi đầy tin tưởng sự chúc lành của Thiên Chúa và sự vinh phúc hưởng kiến Thiên Chúa; đức cậy cũng là việc sợ xúc phạm đến tình yêu của Thiên Chúa và sợ bị trừng phạt.

1996

2091. Điều răn thứ nhất cũng nhắm đến các tội nghịch với đức cậy, là sự ngã lòng và sự tự phụ:

Bằng *sự ngã lòng*, con người không còn hy vọng Thiên Chúa sẽ ban ơn cứu độ cho mình, không còn hy vọng những sự trợ giúp để mình đạt tới ơn cứu độ, hay không còn hy vọng ơn tha thứ các tội lỗi của mình. Điều này nghịch với sự tốt lành của Thiên Chúa, nghịch với sự công chính của Ngài – bởi vì Thiên Chúa luôn trung tín với các lời hứa của Ngài –, và nghịch với lòng thương xót của Ngài.

1864

2092. Có hai loại *tự phụ*. Hoặc con người quá cậy dựa vào các khả năng của mình (hy vọng mình có thể được cứu độ mà không cần sự trợ giúp của ơn trên), hoặc ỷ lại vào sự toàn năng và lòng thương xót của Thiên Chúa (hy vọng sẽ đạt được ơn tha thứ của Ngài mà không cần hối cải và đạt tới vinh quang của Ngài mà không cần lập công).

2732

Đức mến

1822-1829

2093. Đức tin vào tình yêu Thiên Chúa bao hàm ơn gọi và sự bắt buộc phải đáp lại tình yêu của Thiên Chúa bằng một đức mến chân thành. Điều răn thứ nhất dạy chúng ta phải yêu mến Thiên Chúa trên hết mọi sự, và yêu mến mọi thụ tạo nhờ Ngài và vì Ngài⁹.

2094. Người ta có thể phạm tội nghịch với tình yêu Thiên Chúa bằng nhiều cách: *sự lãnh đạm* là tội thờ ơ hay từ chối không quan tâm đến tình yêu của Thiên Chúa, không công nhận tình yêu đó luôn đi trước và phủ nhận sức mạnh của tình yêu đó. *Sự vô ơn* là tội quên lãng hay từ chối nhận biết tình yêu của Thiên Chúa và quên lãng hay từ chối đáp lại tình yêu này bằng tình yêu của mình. *Sự nguội lạnh* là tội do dự hay thờ ơ trong việc đáp lại tình yêu của Thiên Chúa, cũng có thể bao hàm sự từ chối dần thân theo đức mến. *Sự lười biếng* hay ỷ oải về mặt thiêng liêng có thể đưa tới sự từ khước niềm vui xuất phát từ Thiên Chúa và khinh chê sự

2733

⁹ X. Dnl 6,4-5.

2303 thiện hảo của Thiên Chúa. *Sự căm ghét Thiên Chúa* là do kiêu ngạo, chống lại tình yêu của Ngài, phủ nhận sự tốt lành của Ngài và cố ý nguyên rủa Thiên Chúa, Đấng cấm các tội lỗi và đặt ra các hình phạt.

II. “NGƯỜI PHẢI THỜ PHƯỢNG MỘT MÌNH NGÀI MÀ THÔI” “ILLI SOLI SERVIES”

2095. Các nhân đức đối thần “tin, cậy, mến” định hình và đem lại sức sống cho các nhân đức luân lý. Như vậy, đức mến đưa dẫn chúng ta đến chỗ trả lại cho Thiên Chúa điều mà, vì là các thụ tạo, chúng ta mắc nợ Ngài theo đức công bằng. *Nhân đức thờ phượng* giúp chúng ta sống tâm tình này.

2628 Thờ lạy

2096. Hành vi đầu tiên của nhân đức thờ phượng là thờ lạy. Thờ lạy Thiên Chúa, nghĩa là nhận biết Ngài là Thiên Chúa, là Đấng Tạo Hoá và Cứu Độ, là Chúa và Chúa tể của mọi loài đang hiện hữu, là Tình Yêu vô biên và hay thương xót. Dựa vào sách Đệ Nhị Luật (Đnl 6,13), Chúa Giêsu nói: “Người phải bái lạy Đức Chúa, là Thiên Chúa của người, và phải thờ phượng một mình Ngài mà thôi” (Lc 4,8).

2807 2097. Thờ lạy Thiên Chúa là tôn kính và tuyệt đối quy phục Ngài vì nhận biết “tính hư vô của thụ tạo”, nghĩa là thụ tạo không thể hiện hữu nếu không bởi Thiên Chúa. Thờ lạy Thiên Chúa là ca ngợi Ngài, như Đức Maria trong kinh “Magnificat” (“*Linh hồn tôi ngợi khen Đức Chúa*”), là chúc tụng Ngài, hạ mình khiêm tốn tuyên xưng với lòng biết ơn rằng Thiên Chúa đã làm những việc trọng đại và Danh Ngài chí thánh¹⁰. Việc thờ lạy Thiên Chúa duy nhất giải thoát con người khỏi thái độ tự khép kín, khỏi ách nô lệ tội lỗi và khỏi thờ ngẫu tượng là trần gian.

2558 Cầu nguyện

2098. Các hành vi tin, cậy, mến, mà điều răn thứ nhất truyền dạy, được chu toàn trong kinh nguyện. Nâng tâm hồn lên tới Thiên Chúa là cách diễn tả việc chúng ta thờ lạy Ngài: lời kinh ca ngợi và tạ ơn, lời kinh chuyển cầu và cầu xin. Cầu nguyện là điều kiện hết sức cần thiết để có thể tuân giữ các điều răn của Thiên Chúa: “Phải cầu nguyện luôn, không được nản chí” (Lc 18,1).

¹⁰ X. Lc 1,46-49.

Hy lễ

2099. Là điều chính đáng, việc dâng lên Thiên Chúa những hy lễ với tính cách là dấu chỉ của việc thờ lạy và tạ ơn, khẩn cầu và hiệp thông: “Mọi công việc được thực hiện để được gắn bó với Thiên Chúa trong sự hiệp thông thánh thiện và như vậy chúng ta có thể được hạnh phúc, đều là hy lễ đích thực”¹¹. 613

2100. Hy lễ bên ngoài, để có thể là hy lễ thật, phải là sự diễn tả của hy lễ tinh thần: “Tế phẩm dâng Ngài là tâm thần tan nát...” 2711 (Tv 51,19). Các tiên tri thời Giao Ước cũ thường tố cáo các hy lễ được thực hiện mà không có sự tham dự nội tâm¹² hay không được liên kết với tình yêu đối với người lân cận¹³. Chúa Giêsu nhắc lại lời của tiên tri Ôsê: “Ta muốn lòng nhân chứ đâu cần lễ tế” 614 (Mt 9,13; 12,7)¹⁴. Chỉ có một hy lễ trọn hảo duy nhất là hy lễ Đức Kitô đã dâng trên thập giá, bằng sự tận hiến cho tình yêu của Chúa Cha và để cứu độ chúng ta¹⁵. Khi chúng ta kết hợp mình với hy lễ của Người, chúng ta có thể biến cuộc đời mình thành hy lễ dâng lên Thiên Chúa. 618

Các lời hứa và lời khấn

2101. Trong nhiều hoàn cảnh, Kitô hữu được kêu gọi để tuyên các lời hứa với Thiên Chúa. Các bí tích Rửa Tội, Thêm Sức, Hôn Phối và Truyền Chức Thánh luôn kèm theo những lời hứa. Do lòng đạo đức cá nhân, Kitô hữu cũng có thể hứa với Thiên Chúa để thực hiện một hành vi, một kinh nguyện, việc bố thí, việc hành hương, v.v.... Việc trung thành tuân giữ các lời đã hứa với Thiên Chúa chứng tỏ sự tôn trọng đối với uy linh Thiên Chúa và đối với tình yêu dâng lên Thiên Chúa hằng trung tín. 1064

2102. “Lời khấn tức là lời hứa, có suy nghĩ và tự do, với Thiên Chúa về một điều thiện khả thi và tốt hơn; vì thuộc về nhân đức thờ phượng, lời khấn phải được thực hiện”¹⁶. Lời khấn là một hành vi đạo đức, nhờ đó Kitô hữu tự hiến cho Thiên Chúa hay hứa thực hiện một điều thiện dâng kính Ngài. Vì vậy, bằng việc chu toàn các lời khấn của mình, họ dâng lên Thiên Chúa điều họ đã hứa và đã được thánh hiến cho Ngài. Sách Công Vụ Tông Đồ cho chúng ta thấy thánh Phaolô lo lắng chu toàn những điều ngài đã khấn¹⁷.

¹¹ Thánh Augustinô, *De civitate Dei*, 10, 6: CSEL 401, 454-455 (PL 41, 283).

¹² X. Am 5,21-25.

¹³ X. Is 1,10-20.

¹⁴ X. Hs 6,6.

¹⁵ X. Dt 9,13-14.

¹⁶ *Bộ Giáo Luật*, điều 1191,1.

¹⁷ X. Cv 18,18; 21,23-24.

1973 **2103.** Hội Thánh công nhận giá trị gương mẫu của những lời khẩn
sống theo các lời khuyên Phúc âm¹⁸:

914 “Hội Thánh là Mẹ chúng ta, vui mừng khi thấy trong lòng mình
có nhiều con cái nam nữ muốn theo sát hơn và tỏ lộ cách rõ ràng
sự tự hủy của Đấng Cứu Độ, khi chấp nhận sự nghèo khó trong
sự tự do của con cái Thiên Chúa và từ bỏ ý riêng: họ tự nguyện
tùng phục một con người vì Thiên Chúa trong vấn đề nên trọn
lành, hơn cả mức đòi buộc của giới răn, hầu nên giống cách trọn
vẹn hơn với Đức Kitô, Đấng vàng phục”¹⁹.

Trong một số trường hợp, Hội Thánh có thể miễn chuẩn những
lời khẩn và lời hứa, vì những lý do tương xứng²⁰.

Bổn phận xã hội về tôn giáo và quyền tự do tôn giáo

2467 **2104.** “Mọi người đều buộc phải đi tìm chân lý, đặc biệt là những
gì liên quan tới Thiên Chúa và Hội Thánh của Ngài. Khi đã nhận
ra chân lý, họ phải tiếp nhận và trung thành tuân giữ”²¹. Bổn
phận này xuất phát từ “chính bản tính của con người”²². Bổn
phận này không mâu thuẫn với sự chân thành tôn trọng các tôn giáo
khác “thường cũng mang lại những tia sáng của chân lý đang chiếu
851 soi cho mọi người”²³ và cũng không mâu thuẫn với đức mến đang
thúc bách các Kitô hữu “phải xử sự cách yêu thương, khôn ngoan,
kiên nhẫn đối với những ai còn lầm lạc hay thiếu hiểu biết về vấn
đề đức tin”²⁴.

2105. Bổn phận phải dành cho Thiên Chúa sự tôn thờ đích thực
liên quan đến con người xét theo cá nhân cũng như xã hội. Đây là
“đạo lý truyền thống công giáo về bổn phận luân lý của con người
854 và của xã hội đối với tôn giáo thật và Hội Thánh duy nhất của Đức
Kitô”²⁵. Khi không ngừng loan báo Tin Mừng cho con người, Hội
Thánh cố gắng làm sao để con người “có thể làm cho tinh thần
898 Kitô giáo thấm nhuần vào các tâm trí, phong tục, luật lệ và cơ cấu
của cộng đoàn nơi họ sống”²⁶. Bổn phận xã hội của các Kitô hữu là
tôn trọng và khơi dậy nơi mỗi người tình yêu đối với chân lý và
điều thiện hảo. Bổn phận này buộc họ phải truyền bá nền phượng
tự của tôn giáo duy nhất và chân thật, đang tồn tại trong Hội

¹⁸ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 654.

¹⁹ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 42: AAS 57 (1965) 48-49.

²⁰ X. *Bộ Giáo Luật*, các điều 692. 1196-1197.

²¹ CD Vaticanô II, Tuyên ngôn *Dignitatis humanae*, 1: AAS 58 (1966) 930.

²² X. CD Vaticanô II, Tuyên ngôn *Dignitatis humanae*, 2: AAS 58 (1966) 931.

²³ CD Vaticanô II, Tuyên ngôn *Nostra aetate*, 2: AAS 58 (1966) 741.

²⁴ CD Vaticanô II, Tuyên ngôn *Dignitatis humanae*, 14: AAS 58 (1966) 940.

²⁵ CD Vaticanô II, Tuyên ngôn *Dignitatis humanae*, 1: AAS 58 (1966) 930.

²⁶ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Apostolicam actuositatem*, 13: AAS 58 (1966) 849.

Thánh công giáo và tông truyền²⁷. Kitô hữu được mời gọi trở thành ánh sáng thế gian²⁸. Nhờ đó, Hội Thánh bày tỏ vương quyền của Đức Kitô trên vạn vật, đặc biệt là trên các xã hội loài người²⁹.

2106. “Trong vấn đề tôn giáo, không ai bị ép buộc phải hành động trái với lương tâm mình, cũng như không bị ngăn trở, để hành động theo lương tâm cách riêng tư hay công khai, hoặc một mình hoặc chung với những người khác, trong những giới hạn họ được phép³⁰. Quyền này đặt nền trên chính bản tính của nhân vị, mà phẩm giá của họ cho họ được tự do để gắn bó với chân lý thần linh, một chân lý siêu việt trên trật tự trần thế. Do đó, quyền này “vẫn tồn tại cả nơi những người không thực hiện nghĩa vụ tìm kiếm và gắn bó với chân lý”³¹. 160
1782
1738

2107. “Nếu vì những hoàn cảnh đặc biệt, như trong một số dân tộc hiện nay, một tôn giáo nào đó được luật pháp nhà nước nhìn nhận cách đặc biệt, thì cần thiết là, đồng thời, mọi người vẫn phải công nhận và tôn trọng quyền tự do tôn giáo của mọi công dân cũng như của những cộng đồng tôn giáo khác”³².

2108. Quyền tự do tôn giáo không phải là sự cho phép về mặt luân lý để gắn bó với điều sai lạc³³ cũng không là quyền được sai lạc³⁴, nhưng đây là quyền tự nhiên của nhân vị, quyền được tự do theo dân luật, nghĩa là, được chính quyền bảo vệ khỏi những áp lực bên ngoài, trong vấn đề tôn giáo, trong những giới hạn chính đáng. Quyền tự nhiên này phải được luật pháp xã hội công nhận, phải là một quyền công dân³⁵. 1740

2109. Quyền tự do tôn giáo, tự bản chất của nó, không thể là vô giới hạn³⁶, cũng không thể bị giới hạn chỉ vì lý do “trật tự công cộng” được quan niệm theo cách “duy thực nghiệm” hay “duy tự nhiên”³⁷. “Những giới hạn chính đáng” gắn liền với quyền tự do tôn giáo cho mỗi hoàn cảnh xã hội, phải được xác định bởi sự khôn ngoan chính trị, theo những đòi hỏi 2244

²⁷ X. CĐ Vaticanô II, Tuyên ngôn *Dignitatis humanae*, 1: AAS 58 (1966) 930.

²⁸ X. CĐ Vaticanô II, Sắc lệnh *Apostolicam actuositatem*, 13: AAS 58 (1966) 850.

²⁹ X. ĐGH Lêô XIII, Thông điệp *Immortale Dei*: Leonis XIII Acta, 5, 118-150; ĐGH Piô XI, Thông điệp *Quas primas*: AAS 17 (1925) 593-610.

³⁰ CĐ Vaticanô II, Tuyên ngôn *Dignitatis humanae*, 2: AAS 58 (1966) 930; x. Id., Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 26: AAS 58 (1966) 1046.

³¹ CĐ Vaticanô II, Tuyên ngôn *Dignitatis humanae*, 2: AAS 58 (1966) 931.

³² CĐ Vaticanô II, Tuyên ngôn *Dignitatis humanae*, 6: AAS 58 (1966) 934.

³³ X. ĐGH Lêô XIII, Thông điệp *Libertas praestantissimum*: Leonis XIII Acta 8, 229-230.

³⁴ X. ĐGH Piô XII, *Allocutio iis qui interfuerunt Conventui quinto nationali Italico Unionis Iurisconsultorum catholicorum* (6/12/1953): AAS 45 (1953) 799.

³⁵ X. CĐ Vaticanô II, Tuyên ngôn *Dignitatis humanae*, 2: AAS 58 (1966) 930-931.

³⁶ X. ĐGH Piô VI, Breve *Quod aliquantum* (10/3/1791): *Collectio Brevium atque Instructionum SS. D. N. Pii Papae VI...* (Romae 1800) 54-55.

³⁷ X. ĐGH Piô IX, Thông điệp *Quanta cura*: DS 2890.

1906 của công ích và được quyền bình dân sự xác nhận “theo những quy tắc pháp lý, phù hợp với trật tự luân lý khách quan”³⁸.

III. “NGƯỜI KHÔNG ĐƯỢC CÓ THẦN NÀO KHÁC ĐỐI NGHỊCH VỚI TA”

“NON HABEBIS DEOS ALIENOS CORAM ME”

2110. Điều răn thứ nhất cấm tôn kính những thần khác ngoài Chúa duy nhất, Đấng đã tự mạc khải cho dân Ngài. Điều răn này cấm sự mê tín và thái độ vô đạo. Sự mê tín, một cách nào đó, là sự thái quá một cách lệch lạc về tôn giáo. Vô đạo là một thiếu sót nghịch với nhân đức thờ phượng.

Mê tín

2111. Mê tín là sự lệch lạc trong cảm thức tôn giáo và trong cách thể hiện cảm thức này. Mê tín cũng có thể xảy ra ngay trong việc thờ phượng Thiên Chúa chân thật, chẳng hạn như gán một ý nghĩa ma thuật cho một số thực hành vốn chính đáng hay cần thiết. Nếu cho rằng chỉ cần đọc các lời kinh hay làm các dấu chỉ bí tích là có hiệu quả, bất chấp những tâm tình phải có bên trong, là người ta rơi vào mê tín³⁹.

Thờ ngẫu tượng

210 **2112.** Điều răn thứ nhất lên án sự *đa thần*. Điều răn này đòi hỏi con người không được tin vào thần nào khác ngoài Thiên Chúa, không được tôn kính các thần linh nào khác ngoài Đấng duy nhất. Thánh Kinh luôn nhắc nhở phải từ bỏ các ngẫu tượng “chỉ là vàng bạc, chỉ do tay người thế tạo thành”, “có mắt có miệng, không nhìn không nói”.... Các ngẫu tượng là hão huyền nên ai thờ ngẫu tượng sẽ trở thành hão huyền: “Kẻ làm ra hoặc tin ở tượng thần, cũng giống như chúng vậy” (Tv 115,4-5.8)⁴⁰. Trái lại, Thiên Chúa là “Thiên Chúa Hằng Sống” (Gs 3,10)⁴¹, Đấng làm cho sống và can thiệp vào lịch sử.

398 2534 **2113.** Thờ ngẫu tượng không phải chỉ là những việc thờ phượng sai lạc của dân ngoại. Nó còn là cảm dỗ thường xuyên đối với đức tin. Thờ ngẫu tượng cốt tại việc thần thánh hoá những gì không phải là Thiên Chúa. Thờ ngẫu tượng là khi con người tôn thờ và kính bái một thụ tạo thay vì Thiên Chúa, cho dù đó là thần linh hay ma

³⁸ CD Vaticanô II, Tuyên ngôn *Dignitatis humanae*, 7: AAS 58 (1966) 935.

³⁹ X. Mt 23,16-22.

⁴⁰ X. Is 44,; Gr 10,1-16; Đn 14,1-30; Br 6; Kn 13,1 - 15,19.

⁴¹ X. Tv 42,3.

quỷ (chẳng hạn đạo thờ Satan), quyền lực, khoái lạc, chủng tộc, tổ tiên, Nhà Nước, tiền bạc, v.v... Chúa Giêsu dạy: “Anh em không thể vừa làm tôi Thiên Chúa, vừa làm tôi tiền của được” (Mt 6,24). Rất nhiều vị tử đạo đã chết vì không chịu thờ lạy “Con Thú”⁴², dù chỉ giả vờ thôi. Thờ ngẫu tượng là khước từ quyền chủ tể duy nhất của Thiên Chúa; vì vậy, nó không thể đi đôi với sự hiệp thông với Thiên Chúa⁴³.

2289
2473

2114. Đời sống con người được thống nhất trong việc tôn thờ Đấng duy nhất. Điều răn dạy tôn thờ Chúa duy nhất đơn giản hoá con người và cứu họ khỏi sự phân tán vô hạn. Thờ ngẫu tượng là sự lệch lạc của cảm thức tôn giáo, một cảm thức vốn bẩm sinh nơi con người. Người thờ ngẫu tượng là người “gán ý niệm bất diệt về Thiên Chúa cho bất cứ thứ gì không phải là Thiên Chúa”⁴⁴.

Bói toán và ma thuật

2115. Thiên Chúa có thể mạc khải tương lai cho các Tiên tri hay các Thánh khác của Ngài. Tuy vậy, thái độ đúng đắn của Kitô hữu cốt tại việc phó thác mình một cách đầy tin tưởng trong tay Chúa Quan Phòng về những gì liên quan đến tương lai, và từ bỏ mọi thứ tò mò không lành mạnh về vấn đề này. Tuy nhiên, không biết tiên liệu lại có thể là một sự thiếu trách nhiệm.

305

2116. Phải loại bỏ mọi hình thức *bói toán*: cậy nhờ Satan hay ma quỷ, gọi hồn người chết hay những thực hành khác, là những việc người ta nghĩ cách sai lầm rằng sẽ “vén mở” được tương lai⁴⁵. Coi tử vi, chiêm tinh, xem chỉ tay, giải mộng, xin xăm, bói toán quá khứ vị lai, đồng bóng, là những hình thức biểu lộ ý muốn thống trị thời gian, lịch sử và cuối cùng là con người, và đồng thời, biểu lộ ước muốn liên minh với các thế lực bí ẩn. Những điều này là nghịch lại với sự cung kính và tôn trọng, được kết hợp với sự kính sợ đầy yêu mến, mà chúng ta phải dành cho một mình Thiên Chúa mà thôi.

2117. Các thực hành *ma thuật* hay *pháp thuật* mà người ta muốn dùng để chế ngự các sức mạnh bí ẩn, bắt chúng phục vụ mình và nắm được quyền lực siêu phàm trên người khác – dù là để chữa bệnh – đều nghịch lại nhân đức thờ phượng cách nghiêm trọng. Các việc này càng đáng lên án hơn, khi có dụng ý làm hại người khác, hay cậy nhờ đến sự can thiệp của ma quỷ. Mang bùa cũng là điều đáng trách. *Chiêu hồn* thường gồm các thực hành bói toán

⁴² X. Kh 13-14.

⁴³ X. Gl 5,20; Ep 5,5.

⁴⁴ Origiênê, *Contra Celsum*, 2, 40: SC 132, 378 (PG 11, 861).

⁴⁵ X. Đnl 18,10; Gr 29,8.

hay ma thuật. Hội Thánh cũng khuyên các tín hữu phải xa lánh việc đó. Khi dùng các phương thuốc, gọi là gia truyền, không được kêu cầu các quyền lực sự dữ, cũng không được lợi dụng sự cả tin của những người khác.

Vô tôn giáo

2118. Điều răn thứ nhất của Thiên Chúa kết án những tội chính yếu của sự vô tôn giáo: hành động thử thách Thiên Chúa bằng lời nói hay việc làm, sự phạm thánh và sự mai thánh.

2119. *Hành động thử thách Thiên Chúa* là dùng lời nói hay việc làm để thử sự tốt lành và sự toàn năng của Thiên Chúa. Đây là điều Satan muốn thấy nơi Chúa Giêsu, khi xúi giục Người gieo mình từ trên nóc Đền Thờ xuống, và qua cử chỉ đó, ép buộc Thiên Chúa phải hành động⁴⁶. Chúa Giêsu dùng Lời Thiên Chúa đối lại nó: “Anh em đừng thách thức Đức Chúa, Thiên Chúa của anh em” (Đnl 6,16). Thách đó, hàm chứa một sự thử thách như vậy, làm tổn thương lòng tôn kính và tin tưởng mà chúng ta phải dành cho Đấng Tạo Hoá và là Chúa của chúng ta. Thử thách Thiên Chúa luôn hàm chứa thái độ hoài nghi về tình yêu của Ngài, sự quan phòng và quyền năng của Ngài⁴⁷.

2120. *Sự phạm thánh* là sự xúc phạm hay có thái độ bất xứng đối với các bí tích và các hành động phụng vụ khác, và cả đối với các người, các đồ vật và các nơi đã thánh hiến cho Thiên Chúa. Sự phạm thánh là một tội nghiêm trọng, đặc biệt khi phạm đến bí tích Thánh Thể, bởi vì trong bí tích này, chính Mình Thánh Đức Kitô hiện diện một cách theo bản thể với chúng ta⁴⁸.

2121. *Sự mai thánh*⁴⁹ được định nghĩa là mua hay bán những thực tại thiêng liêng. Khi phù thủy Simon muốn mua quyền năng thiêng liêng mà ông thấy đang hoạt động nơi các Tông Đồ, thánh Phêrô đã trả lời: “Tiền bạc của anh tiêu tan luôn với anh cho rồi, vì anh tưởng có thể lấy tiền mà mua ân huệ của Thiên Chúa” (Cv 8,20). Như thế, vị Tông Đồ đã hành động phù hợp với lời Chúa Giêsu: “Anh em đã được cho không, thì cũng phải cho không như vậy”⁵⁰ (Mt 10,8). Không thể chiếm lấy những của cải thiêng liêng cho mình và tùy ý sử dụng chúng như sở hữu chủ hay ông chủ của chúng, bởi vì những điều đó xuất phát từ nguồn mạch là Thiên

⁴⁶ X. Lc 4,9.

⁴⁷ X. 1 Cr 10,9; Xh 17,2-7; Tv 95,9.

⁴⁸ X. *Bộ Giáo Luật*, các điều 1367. 1376.

⁴⁹ X. Cv 8,9-24.

⁵⁰ X. Is 55,1.

Chúa. Con người chỉ có thể đón nhận cách nhưng không từ Thiên Chúa.

2122. “Ngoài những cửa dâng cúng do nhà chức trách có thẩm quyền ấn định, thừa tác viên không được xin gì để ban các bí tích, và luôn luôn phải liệu sao đừng để những người nghèo không được hưởng nhờ ơn các bí tích vì sự túng thiếu của mình”⁵¹. Thẩm quyền Hội Thánh ấn định “những cửa dâng cúng” này theo nguyên tắc dân Kitô giáo phải cấp dưỡng cho các thừa tác viên của Hội Thánh. “Thợ thì đáng được nuôi ăn”⁵² (Mt 10,10).

Vô thần

2123. “Có nhiều người đương thời với chúng ta không hề nhận ra hoặc khước từ cách minh nhiên tương quan mật thiết và sống động kết hợp con người với Thiên Chúa, cho nên vô thần phải được kể là một trong những vấn đề hệ trọng nhất trong thời đại này”⁵³. 29

2124. Từ “vô thần” chỉ nhiều hiện tượng rất khác nhau. Hình thức thông thường là chủ nghĩa duy vật thực tiễn; chủ nghĩa này giới hạn những nhu cầu và tham vọng của mình vào không gian và thời gian. Chủ nghĩa nhân bản vô thần, một cách sai lầm, coi con người “là mục đích cho chính mình, là người duy nhất làm nên và điều khiển lịch sử riêng của mình”⁵⁴. Một hình thức khác của chủ nghĩa vô thần hiện nay muốn giải phóng con người bằng cuộc giải phóng kinh tế và xã hội; “hình thức vô thần này cho rằng tự bản chất tôn giáo ngăn cản sự giải phóng đó, vì khi nêu lên cho con người niềm hy vọng vào cuộc sống hảo huyền mai hậu, tôn giáo đã làm cho họ xao lãng việc xây dựng thành đô trần thế”⁵⁵.

2125. Vô thần tự nó đối nghịch với nhân đức thờ phượng, vì từ chối hay phủ nhận sự hiện hữu của Thiên Chúa⁵⁶. Trách nhiệm về điều này có thể được giảm thiểu nhiều ít, vì các ý hướng và hoàn cảnh. Trong việc khai sinh và phổ biến sự vô thần, “các tín hữu có thể có một phần trách nhiệm không nhỏ, tùy mức độ, hoặc bởi xao lãng việc giáo dục đức tin, hoặc bởi trình bày sai lạc về giáo lý, hoặc do những thiếu sót trong đời sống tôn giáo, luân lý và xã hội. Phải nói rằng họ đã che giấu hơn là bày tỏ dung mạo đích thực của Thiên Chúa và của tôn giáo”⁵⁷. 1535

⁵¹ Bộ Giáo Luật, điều 848.

⁵² X. Lc 10,7; 1 Cr 9,4-18; 1 Tm 5,17-18.

⁵³ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 19: AAS 58 (1966) 1039.

⁵⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 20: AAS 58 (1966) 1040.

⁵⁵ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 20: AAS 58 (1966) 1040.

⁵⁶ X. Rm 1,18.

⁵⁷ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 19: AAS 58 (1966) 1039.

- 396 **2126.** Vô thần thường được đặt nền trên một quan niệm không đúng về quyền tự lập của con người, đến độ phủ nhận mọi lệ thuộc vào Thiên Chúa⁵⁸. Tuy nhiên, việc nhìn nhận Thiên Chúa không hề nghịch với phẩm giá con người, “vì phẩm giá đó được đặt nền và được kiện toàn nơi chính Thiên Chúa”⁵⁹. Hội Thánh biết rõ “sứ điệp của mình phù hợp với những ước muốn thầm kín nhất của trái tim con người”⁶⁰.

Chủ thuyết bất khả tri

- 2127.** Chủ thuyết bất khả tri có nhiều hình thức. Trong một số trường hợp, người theo chủ thuyết này không phủ nhận Thiên Chúa, mà trái lại, còn cho là có sự hiện hữu của một hữu thể siêu việt không thể tự mạc khải và không ai có thể nói được gì về hữu thể đó. Trong những trường hợp khác, người theo chủ thuyết này không đề cập đến sự hiện hữu của Thiên Chúa, vì cho rằng không thể chứng minh, xác nhận hay phủ nhận về sự hiện hữu đó.
- 36 **2128.** Đôi khi chủ thuyết bất khả tri có thể hàm chứa một cố gắng tìm kiếm nào đó về Thiên Chúa, nhưng cũng có thể biểu hiện một sự lãnh đạm thờ ơ, chạy trốn trước vấn đề tối hậu về sự hiện hữu, và một sự lười biếng của lương tâm luân lý. Chủ thuyết bất khả tri rất thường tương đương với sự vô thần thực hành.

1159-1162

IV. “NGƯỜI KHÔNG ĐƯỢC LÀM CHO MÌNH BẤT CỬ HÌNH TƯỢNG NÀO VỀ THIÊN CHÚA...” “NON FACIES TIBI SCULPTILE...”

- 2129.** Mệnh lệnh thần linh bao hàm việc cấm mọi hình thức trình bày Thiên Chúa bằng bàn tay con người. Sách Đệ Nhị Luật giải thích: “Anh em đã không thấy hình bóng nào, ngày Chúa phán với anh em tại núi Hôreb từ trong đám lửa; vì thế đừng có ra hư hỏng mà làm cho mình một tượng mang hình ảnh bất cứ cái gì...” (Đnl 4,15-16). Chính Thiên Chúa, Đấng tuyệt đối siêu việt, đã tự mạc khải cho Israel. “Ngài là tất cả”, nhưng đồng thời, Ngài “vượt trên mọi công trình Ngài thực hiện” (Hc 43,29-30). Ngài là “tác giả của muôn vẻ đẹp” (Kn 13,3).

- 2130.** Tuy nhiên, trong Cựu Ước, Thiên Chúa đã truyền lệnh hay cho phép làm những hình ảnh, một cách biểu tượng sẽ đưa tới ơn

⁵⁸ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 20: AAS 58 (1966) 1040.

⁵⁹ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 21: AAS 58 (1966) 1040.

⁶⁰ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 21: AAS 58 (1966) 1042.

cứu độ nhờ Ngôi Lời nhập thể: ví dụ con rắn đồng⁶¹, Hòm Bia Giao Ước và các chêrubim⁶².

2131. Công đồng chung thứ bảy, ở Nicêa (năm 787), dựa vào mẫu 476 nhiệm Ngôi Lời nhập thể, đã biện minh cho việc sùng kính ảnh tượng thánh, như ảnh tượng Đức Kitô, và cả ảnh tượng Mẹ Thiên Chúa, các Thiên thần và tất cả các Thánh, chống lại những người bài ảnh tượng. Nhờ cuộc Nhập thể của mình, Con Thiên Chúa đã khai mở một “nhiệm cục” về các ảnh tượng.

2132. Việc sùng kính của Kitô giáo đối với các ảnh tượng, không nghịch lại điều răn thứ nhất cấm thờ ngẫu tượng. Thật vậy, “khi tôn kính một ảnh tượng, chúng ta hướng tâm hồn lên đến nguyên ảnh”⁶³, và “tôn kính một ảnh tượng là tôn kính chính vị được phác họa trong ảnh tượng”⁶⁴. Đối với các ảnh tượng thánh, chúng ta chỉ tôn kính (*veneratio*), chứ không tôn thờ (*adoratio*) là việc chỉ dành cho một mình Thiên Chúa:

“Sự sùng kính tôn giáo không nhắm tới các ảnh tượng vì chính chúng, như một thực tại nào đó, nhưng nhắm tới việc chúng là những hình ảnh đưa dẫn chúng ta đến cùng Thiên Chúa nhập thể. Việc tôn kính không dừng lại ở chính ảnh tượng, nhưng vươn tới điều mà ảnh tượng biểu thị”⁶⁵.

TÓM LƯỢC

2133. *“Hãy yêu mến Chúa, Thiên Chúa của anh em hết lòng, hết dạ, hết sức anh em” (Đnl 6,5).*

2134. *Điều răn thứ nhất kêu gọi con người tin vào Thiên Chúa, trông cậy nơi Ngài và yêu mến Ngài trên hết mọi sự.*

2135. *“Ngươi phải thờ lạy Chúa là Thiên Chúa của ngươi” (Mt 4,10). Thờ lạy Thiên Chúa, kêu cầu Ngài, dâng lên Ngài việc phụng thờ xứng hợp, chu toàn các lời khấn hứa với Ngài, là những hành vi thuộc nhân đức thờ phượng, phát xuất từ sự vâng phục điều răn thứ nhất.*

⁶¹ X. Ds 21,4-9; Kn 16,5-14; Ga 3,14-15.

⁶² X. Xh 25,10-22; 1 V 6,23-28; 7,23-26.

⁶³ Thánh Basiliô Cả, *Liber de Spiritu Sancto*, 18, 45: SC 17bis, 406 (PG 32, 149).

⁶⁴ CĐ Nicêa II, *Definitio de sacris imaginibus*: DS 601; x. CĐ Tridentinô, Sess. 25a, *Decretum de invocatione, veneratione et reliquiis sanctorum, et sacris imaginibus*: DS 1821-1825; CĐ Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 125: AAS 56 (1964) 132; Id., Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 67: AAS 57 (1965) 65-66.

⁶⁵ Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, II-II, q. 81, a. 3, ad 3: Ed. Leon. 9, 180.

2136. Phải dành cho Thiên Chúa việc phụng tự đích thực, là bổn phận của con người, xét theo cá nhân cũng như xã hội.

2137. Con người phải có quyền tự do tuyên xưng tôn giáo cách riêng tư và cách công khai⁶⁶.

2138. Mê tín là sự lệch lạc trong việc thờ phượng phải dành cho Thiên Chúa thật. Mê tín được biểu lộ trong việc thờ ngẫu tượng, cũng như trong các hình thức bói toán và ma thuật.

2139. Điều răn thứ nhất cấm các tội của sự vô tôn giáo là: hành động thử thách Thiên Chúa bằng lời nói hay việc làm, sự phạm thánh và sự mai thánh.

2140. Sự vô thần, vì từ chối hay phủ nhận sự hiện hữu của Thiên Chúa, là một tội nghịch với điều răn thứ nhất.

2141. Việc sùng kính các ảnh tượng thánh đặt nền trên mâu nhiệm Nhập Thể của Ngôi Lời Thiên Chúa. Việc đó không nghịch với điều răn thứ nhất.

Mục 2

Điều Răn Thứ Hai

Articulus 2

Secundum praeceptum

“Người không được dùng danh Chúa, Thiên Chúa của người một cách bất xứng”⁶⁷ (Xh 20,7).

“Anh em còn nghe luật dạy người xưa rằng: Chớ bội thề... còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết: đừng thề chi cả” (Mt 5,33-34).

2807-2815

I. DANH CHÚA LÀ THÁNH SANCTUM EST NOMEN DOMINI

2142. Điều răn thứ hai dạy phải tôn kính Danh Chúa. Cũng như điều răn thứ nhất, điều răn này thuộc về nhân đức thờ phượng và, một cách đặc biệt hơn, quy định việc sử dụng ngôn từ của chúng ta trong các vấn đề thánh.

⁶⁶ X. CD Vaticanô II, Tuyên ngôn *Dignitatis humanae*, 15: AAS 58 (1966) 940.

⁶⁷ X. Đnl 5,11.

2143. Trong tất cả các lời mặc khải, có một lời độc đáo, đó là lời mặc khải về Danh của Chúa. Thiên Chúa trao phó Danh Ngài cho những kẻ tin vào Ngài; Ngài tự mặc khải cho họ trong mầu nhiệm bản thân Ngài. Việc ban tặng Danh Thánh thuộc lãnh vực tín nhiệm và thân thiết. “Danh Chúa là thánh”. Vì vậy, con người không thể lạm dụng Danh đó. Họ phải ghi nhớ Danh đó trong sự thánh lặng tôn thờ đầy yêu mến⁶⁸. Chỉ được nhắc đến Danh Chúa trong lời nói của mình để chúc tụng, ca ngợi và tôn vinh Danh Chúa⁶⁹.

2144. Sự tôn kính Danh Chúa diễn tả lòng tôn kính cần phải có đối với mầu nhiệm của chính Thiên Chúa và đối với mọi thực tại thánh thiêng mà mầu nhiệm này gợi lên. *Cảm thức về sự thánh thiêng* thuộc nhân đức thờ phượng:

“Cảm thức kính sợ và cảm thức về sự thánh thiêng có phải là những cảm thức Kitô giáo không? Không ai có thể hoài nghi cách hữu lý về vấn đề này. Đó là những cảm thức mà chúng ta có, và có một cách mãnh liệt, nếu chúng ta được chiêm ngắm Thiên Chúa uy linh. Đó là những cảm thức mà chúng ta có, nếu chúng ta ý thức sự hiện diện của Ngài. Chúng ta phải có những cảm thức đó, tùy theo mức độ chúng ta tin Ngài đang hiện diện. Không có những cảm thức đó, tức là không ý thức vấn đề này, không tin Ngài đang hiện diện”⁷⁰.

2145. Tín hữu phải làm chứng cho Danh Chúa, bằng cách tuyên xưng đức tin của mình mà không sợ sệt⁷¹. Việc rao giảng và dạy giáo lý phải được thấm nhuần bằng sự tôn thờ và kính trọng đối với Danh Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta.

2146. Điều răn thứ hai *cấm lạm dụng Danh Thiên Chúa*, nghĩa là mọi cách sử dụng bất xứng đối với Danh của Thiên Chúa, của Chúa Giêsu Kitô, Đức Trinh Nữ Maria và toàn thể các Thánh.

2147. Những lời hứa với tha nhân nhân danh Thiên Chúa đều liên hệ đến danh dự, sự trung tín, sự chân thật và quyền bính thần linh. Những lời hứa đó phải được tuân giữ bởi đức công bằng. Không giữ các lời hứa đó là lạm dụng Danh Thiên Chúa, và một cách nào đó, làm cho Thiên Chúa thành kẻ nói dối⁷².

⁶⁸ X. Gcr 2,17.

⁶⁹ X. Tv 29,2; 96,2; 113,1-2.

⁷⁰ John Henri Newman, *Parochial and Plain Sermons*, v. 5, Sermon 2 [Reverence, a Belief in God's Presence] (Westminster 1967) 21-22.

⁷¹ X. Mt 10,32; 1 Tm 6,12.

⁷² X. 1 Ga 1,10.

2148. *Nói phạm thượng* vì phạm trực tiếp điều răn thứ hai. Tội này cốt tại việc nói những lời căm ghét, than trách, thách đố - trong lòng hay ngoài miệng - nghịch với Thiên Chúa, việc nói xấu Thiên Chúa, việc bất kính đối với Ngài trong lời nói, và việc lạm dụng Danh Thiên Chúa. Thánh Giacôbê khiển trách: “Chẳng phải họ nói xúc phạm đến Danh Thánh cao đẹp (của Chúa Giêsu) mà anh em được mang đó sao?” (Gc 2,7). Luật cấm nói phạm thượng, cũng cấm nói những lời nghịch với Hội Thánh của Đức Kitô, các Thánh và những sự thánh. Cũng là tội nói phạm thượng khi nại đến Danh Thiên Chúa để che đậy những hành vi tội ác, để bắt các dân tộc làm nô lệ, để tra tấn hoặc giết người. Lạm dụng Danh Thiên Chúa để phạm tội ác là gây cơ cho người ta khước từ tôn giáo.

1756 Nói phạm thượng là nghịch với sự tôn trọng phải có đối với Thiên Chúa và Danh thánh của Ngài. Nói phạm thượng tự bản chất là một tội nghiêm trọng⁷³.

2149. *Kêu tên Chúa vô cơ*, dù không có ý phạm thượng cũng là thiếu tôn kính đối với Chúa. Điều răn thứ hai cũng cấm sử dụng Danh Thiên Chúa vào *việc ma thuật*.

“Danh Thiên Chúa thật cao cả, khi được kêu cầu cách tôn kính, xứng với sự vĩ đại và uy nghi của Ngài. Danh Thiên Chúa là thánh, khi được kêu cầu với lòng tôn kính và sợ xúc phạm tới Ngài”⁷⁴.

II. KÊU DANH CHÚA CÁCH GIAN DỐI

NOMEN DOMINI FALSO PRONUNTIATUM

2150. Điều răn thứ hai *cấm thề gian*. Thề là lấy Thiên Chúa làm chứng cho điều mình xác quyết, là kêu cầu sự chân thật thần linh làm bảo chứng cho sự chân thật của mình. Lời thề ràng buộc Danh Chúa. “Thiên Chúa của anh em, là Đấng anh em phải kính sợ; chính Ngài là Đấng anh em phải phụng thờ; anh em sẽ nhân danh Ngài mà thề” (Đnl 6,13).

2151 Việc loại trừ thói thề gian là một bổn phận đối với Thiên Chúa. Thiên Chúa, với tư cách là Đấng Tạo Hoá và là Chúa, là quy luật của mọi chân lý. Lời nói của con người có thể phù hợp hay trái nghịch với Thiên Chúa, Đấng là chân lý. Lời thề, khi là chân thật và chính đáng, làm sáng tỏ mối tương quan giữa lời nói của con người với chân lý của Thiên Chúa. Lời thề gian là kêu cầu Thiên Chúa làm chứng cho sự dối trá.

⁷³ X. Bộ Giáo Luật, điều 1369.

⁷⁴ Thánh Augustinô, *De sermone Domini in monte*, 2, 5, 19: CCL 35, 109 (PL 34, 1278).

2152. *Người bội thề* là người dùng lời thề để hứa một điều gì, nhưng không có ý chu toàn lời đã hứa, hay sau khi đã dùng lời thề để hứa, lại không giữ lời hứa. Sự bội thề là lỗi phạm nghiêm trọng về lòng tôn kính đối với Chúa của mọi lời nói. Buộc mình bằng việc thề làm điều xấu là nghịch với sự thánh thiện của Danh Chúa.

2153. Trong bài giảng trên núi, Chúa Giêsu đã trình bày điều răn thứ hai: “Anh em còn nghe luật dạy người xưa rằng: Chớ bội thề nhưng hãy trọn lời thề với Chúa. Còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết, đừng thề chi cả... Nhưng hễ ‘có’ thì phải nói ‘có’; ‘không’ thì phải nói ‘không’. Thêm thắt điều gì là do ác quỷ” (Mt 5,33-34,37)⁷⁵. Chúa Giêsu dạy mọi lời thề đều bao hàm mối tương quan với Thiên Chúa, và trong mọi lời nói, phải tôn trọng sự hiện diện của Thiên Chúa và chân lý của Ngài. Cần trọng khi nại đến Thiên Chúa trong lời ăn tiếng nói, phải đi đôi với sự chú ý đầy tôn kính đối với sự hiện diện của Ngài: trong mỗi lời xác quyết của chúng ta, chúng ta làm chứng hoặc khinh thường sự hiện diện đó.

2154. Theo gương thánh Phaolô⁷⁶ truyền thống Hội Thánh vẫn hiểu lời của Chúa Giêsu là không cấm thề nếu có lý do nghiêm trọng và chính đáng (chẳng hạn, trước tòa án). “Lời thề tức là lời kêu cầu Danh Chúa làm chứng cho chân lý, chỉ có thể được tuyên thệ trong sự thật, trong sự suy xét và trong công lý”⁷⁷.

2155. Sự thánh thiện của Danh thánh đòi buộc không được nại đến Danh đó mà làm những việc phù phiếm, và không được thề trong những hoàn cảnh có thể bị giải thích như là đồng tình với quyền lực đòi buộc thề cách bất công. Khi bị chính quyền bất hợp pháp đòi buộc phải thề, có thể từ chối. Phải từ chối thề, khi được yêu cầu thề vì những mục đích nghịch với nhân phẩm hay nghịch với sự hiệp thông trong Hội Thánh.

III. DANH HIỆU KITÔ HỮU [TÊN THÁNH]

NOMEN CHRISTIANUM

2156. Bí tích Rửa Tội được ban “nhân danh Cha, Con và Thánh Thần” (Mt 28,19). Trong Phép Rửa, Danh Chúa thánh hóa con người, và Kitô hữu nhận được một tên riêng trong Hội Thánh. Tên này có thể là tên của một vị Thánh nào đó, nghĩa là, của một môn đệ đã sống đời trung thành mẫu mực với Chúa. Vị thánh bổn mạng nêu gương sống đức mến và luôn chuyển cầu cho ta. “Tên thánh” cũng có thể diễn tả một mẫu nhiệm hay một nhân đức Kitô giáo

⁷⁵ X. Gc 5,12.

⁷⁶ X. 2 Cr 1,23; Gl 1,20.

⁷⁷ Bộ Giáo Luật, điều 1199,1.

nào đó. “Cha mẹ, những người đỡ đầu và cha sở phải liệu sao để đừng đặt tên xa lạ với ý nghĩa Kitô giáo”⁷⁸.

1235 **2157.** Kitô hữu bắt đầu một ngày của mình, các kinh nguyện và hoạt động của mình bằng dấu thánh giá “nhân danh Cha và Con và Thánh Thần. Amen”. Người đã chịu Phép Rửa dâng trọn vẹn ngày mình sống để tôn vinh Thiên Chúa và kêu cầu Đấng Cứu Độ
1668 ban ân sủng giúp họ hành động trong Thần Khí như một người con của Chúa Cha. Dấu thánh giá làm cho chúng ta nên mạnh mẽ trong các cơn cám dỗ và trong những khó khăn.

2158. Thiên Chúa gọi từng người bằng tên của họ⁷⁹. Tên của mỗi người là thánh thiêng. Tên là hình ảnh của nhân vị. Nó đòi hỏi được tôn trọng, như dấu chỉ phẩm giá của người mang tên đó.

2159. Mỗi người sẽ mang tên của mình mãi mãi. Trong Vương quốc, phẩm chất huyền nhiệm và độc đáo của mỗi nhân vị, đã được ghi dấu bằng Danh Thiên Chúa, sẽ toả sáng trọn vẹn. “Ai thắng ... Ta cũng sẽ ban cho nó một viên sỏi trắng, trên sỏi đó có khắc một tên mới; chẳng ai biết được tên ấy, ngoài kẻ lãnh nhận” (Kh 2,17). “Kìa Con Chiên đứng trên núi Sion, cùng với Con Chiên, có một trăm bốn mươi bốn ngàn người mang danh của Con Chiên và của Cha Con Chiên ghi trên trán” (Kh 14,1).

TÓM LƯỢC

2160. *“Lạy Chúa, là Chúa chúng con, lấy lòng thay danh Chúa trên khắp cả địa cầu” (Tv 8,2).*

2161. *Điều răn thứ hai dạy phải tôn kính Danh Chúa. Danh Chúa là thánh.*

2162. *Điều răn thứ hai cấm mọi lạm dụng bất xứng đối với Danh Thiên Chúa. Nói phạm thượng là tội sử dụng Danh của Thiên Chúa, của Chúa Giêsu Kitô, Đức Trinh Nữ Maria và các Thánh một cách xúc phạm.*

2163. *Thề gian là kêu cầu Thiên Chúa làm chứng cho một điều dối trá. Bội thề là một lỗi phạm nghiêm trọng đối với Chúa, Đấng luôn trung tín với các lời Ngài đã hứa.*

2164. *“Đừng thề nhân danh Đấng Tạo Hoá, cũng đừng thề nhân danh thụ tạo, trừ khi hội đủ ba điều này: ta nói lên sự thật, vì nhu cầu, và với lòng kính trọng”⁸⁰.*

⁷⁸ Bộ Giáo Luật, điều 855.

⁷⁹ X. Is 43,1; Ga 10,3.

2165. Qua bí tích Rửa Tội, Kitô hữu nhận được một tên riêng trong Hội Thánh. Cha mẹ, người đỡ đầu và cha sở cần lưu tâm để đặt cho họ một tên Kitô giáo. Vị thánh bốn mạng nêu gương sống đức mến và luôn chuyển cầu cho ta.

2166. Kitô hữu bắt đầu các kinh nguyện và hoạt động của mình bằng dấu thánh giá “nhân danh Cha và Con và Thánh Thần. Amen”.

2167. Thiên Chúa gọi từng người bằng tên của họ⁸¹.

Mục 3 Điều Răn Thứ Ba

Articulus 3 Tertium praeceptum

“Người hãy nhớ ngày sabat, mà coi đó là ngày thánh. Trong sáu ngày, người sẽ lao động và làm mọi công việc của người. Còn ngày thứ bảy là ngày sabat kính Đức Chúa, Thiên Chúa của người. Ngày đó, người không được làm công việc nào” (Xh 20,8-10)⁸².

“Ngày sabat được tạo nên cho con người, chứ không phải con người cho ngày sabat. Bởi đó, Con Người làm chủ luôn cả ngày sabat” (Mc 2,27-28).

I. NGÀY SABAT DIES SABBATI

346-348

2168. Điều răn thứ ba của Mười Điều Răn nhắc nhớ sự thánh thiện của ngày sabat. “Ngày thứ bảy là một ngày sabat; một ngày nghỉ hoàn toàn, dâng Chúa ” (Xh 31,15).

2169. Khi nói về ngày sabat, Sách Thánh nhắc nhớ công trình tạo dựng. “Vì trong sáu ngày, Đức Chúa đã dựng nên trời đất, biển khơi và muôn loài trong đó, nhưng Ngài đã nghỉ ngày thứ bảy. Bởi vậy, Đức Chúa đã chúc phúc cho ngày sabat và coi đó là ngày thánh” (Xh 20,11).

2057

⁸⁰ Thánh Ignatiô Loyola, *Exercitia spiritualia*, 38: MHSI 100, 174.

⁸¹ X. Is 43,1.

⁸² X. Đnl 5,12-15.

2170. Trong ngày của Chúa, Sách Thánh cũng nhắc lại cuộc *tưởng niệm biến cố giải phóng Israel* khỏi ách nô lệ Ai cập. “Người hãy nhớ người đã làm nô lệ tại đất Ai cập và Đức Chúa, Thiên Chúa của người, đã dang cánh tay mạnh mẽ uy quyền đưa người ra khỏi đó. Bởi vậy, Đức Chúa, Thiên Chúa của người đã truyền cho người cử hành ngày sabat” (Đnl 5,15).

2171. Thiên Chúa ban cho Israel ngày sabat, để họ giữ *làm một dấu chỉ giao ước* không thể bị phá vỡ⁸³. Ngày sabat được hiến dâng cho Chúa, là ngày được dành cách thánh thiện để ca ngợi Thiên Chúa, ca ngợi công trình tạo dựng của Ngài và những hành động cứu độ của Ngài dành cho Israel.

2172. Cách hành động của Thiên Chúa là mẫu mực cho cách hành động của con người. Nếu Thiên Chúa “nghỉ xả hơi” ngày thứ bảy (Xh 31,17), thì con người cũng phải “ngưng” lao động, và cho phép để những người khác, nhất là những người nghèo, “lấy lại sức”⁸⁴. Ngày sabat làm cho các công việc hằng ngày ngưng lại và cho tạm nghỉ ngơi. Đây là ngày phản kháng lại khía cạnh nô lệ của việc lao động và sự sùng kính tiền bạc⁸⁵.

2173. Tin Mừng thuật lại nhiều lần Chúa Giêsu bị tố cáo đã vi phạm luật ngày sabat. Nhưng Chúa Giêsu không bao giờ xúc phạm sự thánh thiện của ngày này⁸⁶. Người dùng uy quyền giải thích ý nghĩa đích thực của ngày này: “Ngày sabat được tạo nên cho con người, chứ không phải con người cho ngày sabat” (Mc 2,27). Với lòng nhân từ, Đức Kitô cho mình thẩm quyền “làm điều lành chứ không phải điều dữ, cứu sống chứ không giết chết” trong ngày sabat⁸⁷. Ngày sabat là ngày của lòng thương xót của Thiên Chúa và là ngày tôn vinh Thiên Chúa⁸⁸. “Con Người làm chủ luôn cả ngày sabat” (Mc 2,28).

II. NGÀY CỦA CHÚA

DIES DOMINI

“Đây là ngày Chúa đã làm ra, nào ta hãy vui mừng hoan hỷ”
(Tv 118,24).

⁸³ X. Xh 31,16.

⁸⁴ X. Xh 23,12.

⁸⁵ X. Nh 13,15-22; 2 Sbn 36,21.

⁸⁶ X. Mc 1,21; Ga 9,16.

⁸⁷ X. Mc 3,4.

⁸⁸ X. Mt 12,5; Ga 7,23.

Ngày Phục sinh: Công trình tạo dựng mới

2174. Chúa Giêsu đã sống lại từ cõi chết vào “ngày thứ nhất trong tuần” (Mc 16,2)⁸⁹. Vì là “ngày thứ nhất”, nên ngày Phục sinh của Đức Kitô nhắc nhớ công trình tạo dựng lần thứ nhất. Vì là “ngày thứ tám” liền sau ngày sabat⁹⁰, nên mang ý nghĩa một công trình tạo dựng mới đã được khai mở với sự Phục sinh của Đức Kitô. Đối với các Kitô hữu, ngày này trở thành ngày thứ nhất của mọi ngày, ngày lễ thứ nhất của mọi ngày lễ, ngày của Chúa (*Hè kuriakè hèmèra, dies dominica*), ngày “Chúa nhật”:

“Vào ngày của mặt trời, tất cả chúng tôi tụ họp nhau, bởi vì đó là ngày thứ nhất [liền sau ngày sabat Do thái, nhưng cũng là ngày thứ nhất], ngày mà Thiên Chúa đưa vật chất ra khỏi tối tăm để tạo dựng trần gian, và bởi vì Chúa Giêsu Kitô Đấng Cứu Độ chúng tôi, cũng cùng ngày đó, đã sống lại từ cõi chết”⁹¹.

Ngày Chúa nhật - sự hoàn thành ngày sabat

2175. Ngày Chúa nhật khác biệt rõ ràng với ngày sabat. Đối với các Kitô hữu, các lễ luật phụng vụ của ngày sabat được áp dụng vào ngày Chúa nhật là ngày tiếp nối ngày sabat mỗi tuần, xét về mặt thời gian. Trong cuộc Vượt Qua của Đức Kitô, ngày Chúa nhật hoàn thành ý nghĩa thiêng liêng của ngày sabat Do thái, và loan báo sự an nghỉ muôn đời của con người trong Thiên Chúa. Thật vậy, phụng tự của Lễ luật đã chuẩn bị cho mẫu nhiệm của Đức Kitô, và điều gì đã được thực hiện trong phụng tự đó đều phác họa một nét nào đó quy hướng về Đức Kitô⁹²:

“Những ai sống theo luật cũ, nay đạt tới niềm hy vọng mới, họ không còn giữ ngày sabat nữa, nhưng sống theo ngày của Chúa, vì trong ngày đó đời sống chúng ta được khởi đầu nhờ Người và nhờ cái chết của Người”⁹³.

2176. Việc cử hành ngày Chúa nhật tuân theo quy định luân lý tự nhiên đã được ghi khắc trong trái tim con người, qua đó “quy định việc phụng tự bên ngoài dâng lên Thiên Chúa như dấu chỉ của một lợi ích chung liên quan đến mọi người”⁹⁴. Việc phụng tự ngày Chúa nhật hoàn thành mệnh lệnh luân lý của Giao Ước cũ, lấy lại chu kỳ và tinh thần của luật đó, bằng cách hàng tuần tôn vinh Đấng Tạo Hoá và Đấng Cứu Chuộc của dân Ngài.

⁸⁹ X. Mt 28,1; Lc 24,1; Ga 20,1.

⁹⁰ X. Mc 16,1; Mt 28,1.

⁹¹ Thánh Justinô, *Apologia*, 1, 67: CA 1, 188 (PG 6, 429-432).

⁹² X. 1 Cr 10,11.

⁹³ Thánh Ignatiô Antiôchia, *Epistula ad Magnesios*, 9, 1: SC 10bis, 88 (Funk 1, 236-238).

⁹⁴ Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, II-II, q. 122, a. 4, c: Ed. Leon. 9, 478.

Thánh lễ ngày Chúa nhật

1167 **2177.** Việc giữ ngày Chúa nhật và cử hành bí tích Thánh Thể của Chúa là trung tâm của đời sống Hội Thánh. “Theo truyền thống tông đồ, mầu nhiệm Vượt Qua được cử hành trong ngày Chúa nhật, ngày đó phải được giữ như là ngày lễ buộc chính yếu trong Hội Thánh toàn cầu”⁹⁵.

2043 “Và cũng phải giữ như là ngày lễ buộc chính yếu những ngày lễ Sinh Nhật Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta, lễ Hiển Linh, lễ Thăng Thiên, lễ Minh và Máu Rất Thánh Đức Kitô, lễ thánh Maria Mẹ Thiên Chúa, lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm và lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, lễ thánh Giuse, lễ hai thánh Tông Đồ Phêrô và Phaolô, và sau cùng là lễ các Thánh”⁹⁶.

1343 **2178.** Từ thời các Tông Đồ, các Kitô hữu đã có thói quen tập họp nhau ngày Chúa nhật⁹⁷. Thư gửi tín hữu Do thái nhắc nhở rằng: “Chúng ta đừng bỏ các buổi hội họp như vài người quen làm, trái lại phải khuyến khích nhau” (Dt 10,25).

“Truyền thống còn giữ được một bài huấn đức vẫn luôn hợp thời: “Hãy tới nhà thờ sớm, lại gần Chúa và xưng thú tội lỗi, hãy thống hối bằng kinh nguyện... Tham dự vào phụng vụ thánh đến hết lời nguyện hiệp lễ và đừng ra về trước khi có lời giải tán... Như chúng tôi thường nói: ngày này được ban cho anh em để cầu nguyện và nghỉ ngơi. Đây là ngày Chúa đã tạo nên, ta hãy phấn khởi và mừng vui trong ngày đó”⁹⁸.

1567 **2179.** “*Giáo xứ* là một cộng đoàn Kitô hữu nhất định được thiết lập cách bền vững trong Giáo Hội địa phương, và trách nhiệm mục vụ được ủy thác cho cha sở như là chủ chăn riêng của giáo xứ ấy, dưới quyền Giám mục giáo phận”⁹⁹. Giáo xứ là nơi mọi tín hữu có thể tập họp để cử hành bí tích Thánh Thể mỗi Chúa nhật. Giáo xứ đưa dân Kitô hữu vào sinh hoạt thông thường của đời sống phụng vụ, và tập họp họ để cử hành phụng vụ, giảng dạy cho họ giáo lý cứu độ của Đức Kitô; thực thi đức mến của Chúa trong các công việc từ thiện và huynh đệ¹⁰⁰:

“Bạn cũng có thể cầu nguyện ở nhà; nhưng quả thật, bạn không thể cầu nguyện như ở nhà thờ được, vì ở nhà thờ có đồng người, đồng thanh kêu lên Thiên Chúa... Ở nhà thờ còn có điều hơn

⁹⁵ Bộ Giáo Luật, điều 1246,1.

⁹⁶ Bộ Giáo Luật, điều 1246,1.

⁹⁷ X. Cv 2,42-46; 1 Cr 11,17.

⁹⁸ Pseudô-Êusêbiô Alexandria, *Sermo de die Dominica*: PG 861, 416 và 421.

⁹⁹ Bộ Giáo Luật, điều 515,1.

¹⁰⁰ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Christifideles laici*, 26: AAS 81 (1989) 437-440.

nữa, đó là sự đồng tâm nhất trí, có dây liên kết của đức mến và kinh nguyện của các linh mục”¹⁰¹.

Nghĩa vụ giữ ngày Chúa nhật

2180. Một điều răn của Hội Thánh xác định Luật của Chúa và quy định một cách cụ thể: “Các tín hữu buộc phải tham dự Thánh lễ ngày Chúa nhật và các ngày lễ buộc khác”¹⁰². “Người nào tham dự Thánh lễ theo nghi thức Công giáo trong chính ngày lễ hoặc chiều ngày áp lễ ở bất cứ nơi nào, thì đã giữ trọn luật buộc phải tham dự Thánh Lễ”¹⁰³. 2042
1389

2181. Bí tích Thánh Thể ngày Chúa nhật đặt nền tảng và củng cố toàn bộ cuộc sống Kitô hữu. Vì vậy, các tín hữu bắt buộc phải tham dự thánh lễ vào các ngày lễ buộc, trừ khi được biện minh bằng một lý do quan trọng (chẳng hạn, bị bệnh, phải chăm sóc trẻ sơ sinh), hay được mục tử riêng của mình miễn chuẩn¹⁰⁴. Ai cố tình vi phạm nghĩa vụ này, là phạm tội cách nghiêm trọng.

2182. Việc tham dự cuộc cử hành chung bí tích Thánh Thể Chúa nhật là bằng chứng sự liên kết và trung thành với Đức Kitô và với Hội Thánh của Người. Như vậy các tín hữu chứng tỏ sự hiệp thông của mình trong đức tin và đức mến. Họ cùng nhau làm chứng cho sự thánh thiện của Thiên Chúa và cho niềm hy vọng của mình vào ơn cứu độ. Họ làm cho nhau nên vững mạnh dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần. 815

2183. “Nếu không thể tham dự việc cử hành Thánh Thể vì thiếu thừa tác viên có chức thánh hay vì bất cứ một lý do nghiêm trọng nào khác, tha thiết khuyên nhủ các tín hữu nên tham dự phụng vụ Lời Chúa được cử hành theo những quy định của Giám mục giáo phận, trong nhà thờ giáo xứ, nếu có, hoặc tại một nơi thánh nào khác, hoặc nên cầu nguyện trong một thời gian thích hợp, cách riêng tư hoặc với gia đình, hoặc với các nhóm gia đình, tùy dịp”¹⁰⁵.

Ngày của ân sủng – ngày ngưng lao động

2184. Cũng như Thiên Chúa “khi làm xong mọi công việc của Ngài, ngày thứ bảy, Thiên Chúa nghỉ ngơi” (St 2,2), đời sống con người cũng được ghi dấu bằng nhịp luân chuyển giữa lao động và nghỉ 2172

¹⁰¹ Thánh Gioan Kim Khẩu, *De incomprehensibili Dei natura seu contra Anomoeos*, 3, 6: SC 28bis, 218 (PL 48, 725).

¹⁰² Bộ Giáo Luật, điều 1247.

¹⁰³ Bộ Giáo Luật, điều 1248,1.

¹⁰⁴ X. Bộ Giáo Luật, điều 1245.

¹⁰⁵ Bộ Giáo Luật, điều 1248,2.

ngôi. Thể chế về ngày Chúa nhật góp phần khiến mọi người được hưởng một thời gian đầy đủ để nghỉ ngơi và nhàn rỗi, điều đó cho phép họ vun trồng đời sống gia đình, văn hóa, xã hội và tôn giáo của mình¹⁰⁶.

2428 **2185.** Ngày Chúa nhật và các ngày lễ buộc, các tín hữu phải tránh dừng dấn thân vào các việc lao động hay các hoạt động nào ngăn cản việc phụng tự phải dành cho Thiên Chúa, ngăn cản niềm vui riêng trong ngày của Chúa, ngăn cản việc thực thi các công việc từ thiện và ngăn cản sự thư giãn thích hợp về tinh thần cũng như về thể xác¹⁰⁷. Luật nghỉ ngơi ngày Chúa nhật có thể được miễn chuẩn, khi có những nhu cầu của gia đình hay lợi ích lớn lao của xã hội. Nhưng tín hữu cũng phải coi chừng, đừng để những miễn chuẩn hợp pháp này dẫn đến những thói quen gây thiệt hại cho tôn giáo, cho cuộc sống gia đình hay cho sức khỏe.

“Lòng yêu mến chân lý tìm kiếm sự nhàn rỗi thánh thiện; nhu cầu cấp thiết của lòng yêu mến sẵn sàng đón nhận khó nhọc chính đáng”¹⁰⁸.

2447 **2186.** Khi hưởng những giờ nhàn rỗi, các Kitô hữu nên nhớ đến anh chị em của mình, những người cũng có nhu cầu và quyền lợi như mình, nhưng không thể nghỉ ngơi vì nghèo khó và túng cực. Theo truyền thống đạo đức Kitô giáo, ngày Chúa nhật được dành để làm các việc lành và khiêm tốn phục vụ các bệnh nhân, các người tàn tật và các người già yếu. Các Kitô hữu cũng phải thánh hoá ngày Chúa nhật bằng cách dành thời giờ và sự chăm sóc cho gia đình mình và cho các người lân cận, là những điều khó có thể làm trong những ngày trong tuần. Ngày Chúa nhật cũng là thời gian để suy tư, thính lặng, trau dồi văn hoá và suy niệm, những điều đó giúp cho sự tăng trưởng của đời sống nội tâm Kitô hữu.

2289 **2187.** Việc thánh hoá các ngày Chúa nhật và lễ trọng đòi hỏi một nỗ lực chung. Mỗi Kitô hữu phải tránh bắt những người khác, nếu không cần thiết, làm điều gì khiến họ không thể giữ ngày của Chúa. Khi các tập tục (thể thao, nhà hàng, v.v...) và các nhu cầu xã hội (các dịch vụ công cộng, v.v...) đòi buộc một số người phải lao động ngày Chúa nhật, thì mỗi người vẫn có trách nhiệm phải tìm đủ thời gian để nghỉ ngơi. Với đức tiết độ và đức mến, các tín hữu phải tránh những sự thái quá và bạo lực đôi khi nảy sinh do các cuộc giải trí tập thể. Dù có những nhu cầu cấp bách về kinh tế, công quyền vẫn phải lo cho các công dân có thời gian để nghỉ ngơi và để lo việc phụng tự thần linh. Chủ nhân cũng có bổn phận tương tự đối với các công nhân của mình.

¹⁰⁶ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 67: AAS 58 (1966) 1089.

¹⁰⁷ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 1247.

¹⁰⁸ Thánh Augustinô, *De civitate Dei*, 19, 19: CSEL 402, 407 (PL 41, 647).

2188. Khi tôn trọng sự tự do tôn giáo và công ích của mọi người, các Kitô hữu phải cố gắng làm cho các ngày Chúa nhật và các ngày lễ của Hội Thánh được luật pháp công nhận. Họ phải nêu gương công khai cho mọi người về việc cầu nguyện, sự tôn trọng và sự vui tươi, và phải bảo vệ các truyền thống của mình như một đóng góp quý báu cho đời sống tinh thần của xã hội nhân loại. Nếu luật pháp của một nước hay những lý do khác bắt buộc phải lao động ngày Chúa nhật, thì trong ngày này, vẫn phải sống như là ngày của sự giải thoát của chúng ta, sự giải thoát khiến chúng ta được tham dự vào “hội vui, dự đại hội giữa các con đầu lòng của Thiên Chúa, là những kẻ đã được ghi tên trên trời” (Dt 12,22-23).

TÓM LƯỢC

2189. “Người hãy giữ ngày sabat mà coi đó là ngày thánh” (Đnl 5,12). “Ngày thứ bảy là một ngày sabat, một ngày nghỉ hoàn toàn dâng cho Đức Chúa” (Xh 31,15).

2190. Ngày sabat, vốn là ngày tưởng nhớ việc hoàn thành công trình tạo dựng lần thứ nhất, được thay thế bằng ngày Chúa nhật, là ngày tưởng nhớ công trình tạo dựng mới, được khai mở bằng sự Phục sinh của Đức Kitô.

2191. Hội Thánh cử hành ngày Phục sinh của Đức Kitô vào ngày thứ tám, được gọi một cách xác đáng là ngày của Chúa hay ngày Chúa nhật¹⁰⁹.

2192. “Theo truyền thống tông đồ, mầu nhiệm Vượt Qua được cử hành trong ngày Chúa nhật, ngày đó phải được giữ như là ngày lễ buộc chính yếu trong Hội Thánh toàn cầu”¹¹⁰. “Các tín hữu buộc phải tham dự Thánh lễ ngày Chúa nhật và các ngày lễ buộc khác”¹¹¹.

2193. “Ngày Chúa nhật và các ngày lễ buộc khác, các tín hữu ... còn phải kiêng làm việc xác và những công việc gây trở ngại cho việc thờ phượng Thiên Chúa, cho niềm vui riêng trong ngày của Chúa, hoặc cho việc nghỉ ngơi cần thiết của tinh thần và thể xác”¹¹².

¹⁰⁹ X. CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 106: AAS 56 (1964) 126.

¹¹⁰ Bộ Giáo Luật, điều 1246,1.

¹¹¹ Bộ Giáo Luật, điều 1247.

¹¹² Bộ Giáo Luật, điều 1247.

2194. *Thế chế về ngày Chúa nhật góp phần làm cho “mọi người có đủ thời gian nghỉ ngơi và nhàn rỗi để vun trồng đời sống gia đình, văn hóa, xã hội và tôn giáo”¹¹³.*

2195. *Mỗi Kitô hữu phải tránh bắt người khác, nếu không cần thiết, làm điều gì khiến họ không thể giữ ngày Chúa nhật.*

¹¹³ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 67: AAS 58 (1966) 1089.

CHƯƠNG HAI

“NGƯỜI PHẢI YÊU THƯƠNG NGƯỜI LÂN CẬN NHƯ CHÍNH MÌNH”

CAPUT SECUNDUM

“DILIGES PROXIMUM TUUM TAMQUAM TEIPSUM”

Chúa Giêsu nói với các môn đệ: “Anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em” (Ga 13,34).

2196. Để trả lời câu hỏi về điều răn trọng nhất, Chúa Giêsu nói: “Điều răn đứng đầu là: ‘Nghe đây, hỡi Israel, Đức Chúa, Thiên Chúa chúng ta là Đức Chúa duy nhất; người phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của người hết lòng, hết linh hồn, hết trí khôn và hết sức lực người’; điều răn thứ hai là: ‘Người phải yêu người lân cận như chính mình’. Chẳng có điều răn nào khác lớn hơn các điều răn đó” (Mc 12,29-31).

Thánh Phaolô Tông Đồ cũng nhắc điều này: “Ai yêu người thì đã chu toàn Lễ Luật. Thật thế, các điều răn như: Người không được ngoại tình, không được giết người, không được trộm cắp, không được ham muốn, cũng như các điều răn khác đều tóm lại trong lời này: ‘Người phải yêu người lân cận như chính mình’. Đã yêu thương, thì không làm hại người đồng loại; yêu thương là chu toàn Lễ Luật vậy” (Rm 13,8-10).

2822

Mục 4

Điều Răn Thứ Tư

Articulus 4

Quartum praeceptum

“Người hãy thờ cha kính mẹ để được sống lâu trên đất mà Đức Chúa, Thiên Chúa của người, ban cho người” (Xh 20,12).

“Người hãy vâng phục các ngài” (Lc 2,51).

Chính Chúa Giêsu cũng nhấn mạnh về “điều răn này của Thiên Chúa”¹. Thánh Tông Đồ Phaolô dạy: “Kẻ làm con, hãy vâng lời cha mẹ, theo tinh thần của Chúa, vì đó là điều phải đạo. Hãy tôn kính cha mẹ. Đó là điều răn thứ nhất có kèm theo lời hứa: để người được hạnh phúc và hưởng thọ trên mặt đất này” (Ep 6,1-3)².

1897 **2197.** Điều răn thứ tư mở đầu bằng hai của Mười Điều Răn. Điều răn này nêu lên trật tự của đức mến. Thiên Chúa muốn rằng, sau Ngài, chúng ta phải tôn kính cha mẹ, là những vị chúng ta phải chịu ơn về sự sống, và là những vị đã lưu truyền cho chúng ta sự nhận biết Thiên Chúa. Chúng ta cũng buộc phải tôn kính tất cả những người được Thiên Chúa trao ban quyền bính của Ngài để mưu ích cho chúng ta.

2419 **2198.** Điều răn này được diễn tả bằng hình thức tích cực về những bổn phận phải chu toàn. Điều răn này loan báo những điều răn tiếp theo, liên quan đến việc phải tôn trọng cách đặc biệt sự sống, hôn nhân, của cải trần thế và lời nói. Điều răn này thiết lập một trong những nền tảng cho giáo huấn xã hội của Hội Thánh.

2199. Điều răn thứ tư rõ rệt nhắm đến con cái, trong tương quan của họ với cha và mẹ họ, bởi vì đây là tương quan phổ quát nhất. Điều răn này cũng liên quan tới các quan hệ họ hàng giữa các thành viên trong gia tộc, đòi chúng ta phải tôn kính, mến yêu và biết ơn ông bà tổ tiên. Cuối cùng, điều răn này còn mở rộng tới các bổn phận của học trò đối với thầy cô, thợ với chủ, kẻ thuộc cấp đối với người chỉ huy, công dân đối với tổ quốc, và với tất cả những người điều hành, cai trị đất nước.

Điều răn này bao hàm và hiểu ngầm những bổn phận của cha mẹ, người giám hộ, thầy cô, người lãnh đạo, các nguyên thủ, các nhà cầm quyền, nghĩa là tất cả những ai đang thực thi quyền bính trên người khác hay trên một cộng đồng các nhân vị.

2304 **2200.** Sự tuân phục điều răn thứ tư có kèm theo phần thưởng: “Người hãy thờ cha kính mẹ để được sống lâu trên đất mà Chúa, Thiên Chúa của người, ban cho người” (Xh 20,12)³. Việc tuân giữ điều răn này đem lại, cùng với những hoa trái thiêng liêng, những lợi ích trần thế là sự an bình và thịnh vượng. Ngược lại, việc không tuân giữ điều răn này sẽ gây nhiều thiệt hại lớn lao cho các cộng đồng và các nhân vị.

¹ X. Mc 7, 8-13.

² X. Đnl 5,16.

³ X. Đnl 5,16.

I. GIA ĐÌNH TRONG KẾ HOẠCH CỦA THIÊN CHÚA FAMILIA IN DEI CONSILIO

Bản chất của gia đình

2201. Cộng đồng phu phụ được thiết lập do sự ưng thuận của đôi phối ngẫu. Hôn nhân và gia đình được sắp xếp hướng về thiện ích của đôi phối ngẫu, về việc sinh sản và giáo dục con cái. Tình yêu của đôi phối ngẫu và việc sinh sản con cái tạo ra những tương quan cá vị và những trách nhiệm hàng đầu, giữa các phần tử trong gia đình. 1625

2202. Người nam và người nữ kết hợp với nhau trong hôn nhân, cùng với con cái họ, tạo thành một gia đình. Thể chế này đi trước mọi công nhận của công quyền; hơn nữa công quyền phải nhìn nhận thể chế này. Gia đình sẽ được coi như điểm quy chiếu thông thường căn cứ theo đó mà đánh giá các hình thức khác của liên hệ gia tộc. 1882

2203. Khi tạo dựng người nam và người nữ, Thiên Chúa đã thiết lập gia đình con người và đặt nền tảng căn bản cho gia đình. Các phần tử trong gia đình là những nhân vị bình đẳng về phẩm giá. Vì công ích của các phần tử trong gia đình và của xã hội, gia đình có những trách nhiệm, quyền lợi và bổn phận đa dạng. 369

Gia đình Kitô giáo

1655-1658

2204. “Gia đình Kitô giáo bày tỏ và thể hiện một cách đặc biệt sự hiệp thông trong Hội Thánh, vì lẽ đó... phải được gọi là một ‘*Hội Thánh tại gia*’⁴. Gia đình Kitô giáo là một cộng đoàn đức tin, đức cậy và đức mến; gia đình có một tầm quan trọng đặc biệt trong Hội Thánh, như thấy rõ trong Tân Ước⁵. 533

2205. Gia đình Kitô giáo là sự hiệp thông giữa các nhân vị, là dấu vết và hình ảnh của sự hiệp thông giữa Chúa Cha và Chúa Con trong Chúa Thánh Thần. Hoạt động sinh sản và giáo dục của gia đình là phản ánh công trình tạo dựng của Chúa Cha. Gia đình được kêu gọi tham dự vào việc cầu nguyện và hy lễ của Đức Kitô. Việc cầu nguyện hằng ngày và việc đọc Lời Chúa củng cố gia đình trong đức mến. Gia đình Kitô giáo có sứ vụ loan báo Tin Mừng và truyền giáo. 1702

⁴ ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Familiaris consortio*, 21: AAS 74 (1982) 105; x. CB Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 11: AAS 57 (1965) 16.

⁵ X. Ep 5,21 - 6,4; Cl 3,18-21; 1 Pr 3,1-7.

2206. Các tương quan trong gia đình mang lại sự đồng cảm về cảm xúc, tình cảm, và tình nghĩa, chủ yếu phát xuất từ sự tôn trọng lẫn nhau giữa các nhân vị. Gia đình là một *cộng đồng ưu việt* được kêu gọi để thực hiện một kế hoạch chung của đôi phối ngẫu và sự cộng tác chu đáo của cha mẹ trong việc giáo dục con cái⁶.

II. GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI

FAMILIA ET SOCIETAS

1880 **2207.** Gia đình là *tế bào nguyên thủy của đời sống xã hội*. Gia đình
372 là một xã hội tự nhiên, trong đó, người nam và người nữ được kêu gọi trao tặng bản thân mình trong tình yêu và trong việc trao tặng sự sống. Quyền bính, sự bền vững và sự sống của các tương quan
1603 trong gia đình làm nên các nền tảng cho sự tự do, sự an toàn và tình huynh đệ trong xã hội. Gia đình là một cộng đồng, trong đó, từ thời thơ ấu, con người có thể học được những giá trị luân lý, bắt đầu tôn thờ Thiên Chúa và sử dụng sự tự do một cách đúng đắn. Đời sống gia đình là khởi điểm của đời sống xã hội.

2208. Gia đình phải sống thế nào để các thành viên của gia đình học biết quan tâm và biết đảm nhận việc chăm sóc những người trẻ và những người già, người đau yếu, người khuyết tật và người nghèo khổ. Nhiều gia đình nhiều khi không có khả năng mang lại sự trợ giúp này. Lúc đó, việc cung cấp những nhu cầu này thuộc về những người khác, những gia đình khác và, theo nguyên tắc bổ trợ, thuộc về xã hội: “Có lòng đạo đức tinh tuyền và không tỳ ố trước mặt Thiên Chúa Cha, là thăm viếng cô nhi quả phụ lâm cảnh gian truân, và giữ mình cho khỏi mọi vết nhơ của thế gian” (Gc 1,27).

2209. Gia đình phải được giúp đỡ và bảo vệ bằng những biện pháp xã hội thích hợp. Nơi nào các gia đình không đủ khả năng chu toàn các nhiệm vụ của mình, thì các tổ chức xã hội khác có bổn phận trợ giúp các gia đình đó và nâng đỡ thể chế gia đình. Theo nguyên tắc bổ trợ, những cộng đồng lớn hơn phải lưu ý để không
1883 tiếm quyền các gia đình đó, cũng không xen vào đời sống của họ.

2210. Tầm quan trọng của gia đình đối với đời sống và sự an sinh của xã hội⁷ bao hàm trách nhiệm đặc biệt của xã hội trong việc nâng đỡ và củng cố hôn nhân và gia đình. Chính quyền dân sự phải coi đây là một bổn phận quan trọng, là “nhận biết, bảo vệ và củng cố phẩm chất đích thực của hôn nhân và gia đình, là bảo vệ nền luân lý công cộng, và cổ võ sự thịnh vượng của gia đình”⁸.

⁶ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 52: AAS 58 (1966) 1073.

⁷ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 47: AAS 58 (1966) 1067.

⁸ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 52: AAS 58 (1966) 1073.

2211. Cộng đồng chính trị có bốn phận tôn trọng, trợ giúp và nhất là bảo đảm cho gia đình có được các quyền sau đây:

- Quyền tự do lập gia đình, quyền sinh con cái và giáo dục chúng theo những xác tín luân lý và tôn giáo của mình;
- Quyền bảo toàn sự vững bền của dây liên kết phu phụ và thể chế gia đình;
- Quyền tự do tuyên xưng đức tin, lưu truyền và giáo dục đức tin cho con cái bằng những phương tiện và thể chế cần thiết;
- Quyền tư hữu, tự do kinh doanh, có việc làm, có nhà ở, quyền di cư;
- Quyền được chăm sóc y tế, trợ cấp tuổi già, phụ cấp gia đình, theo thể chế của quốc gia;
- Quyền được bảo vệ về an ninh và cuộc sống lành mạnh, nhất là tránh các nguy cơ như xì ke ma túy, sự khiêu dâm, thói nghiện rượu, v.v....
- Quyền tự do liên kết với các gia đình khác để lập các hiệp hội và như thế, được có đại diện trước các quyền bính dân sự⁹.

2212. Điều răn thứ tư *làm sáng tỏ các tương quan khác trong xã hội*: Anh chị em ruột, là con cái của cha mẹ chúng ta; anh chị em họ, là con cháu của tổ tiên chúng ta; đồng bào là con cái của tổ quốc chúng ta; những người đã chịu Phép Rửa là con cái của Mẹ chúng ta là Hội Thánh; mỗi nhân vị là con trai hoặc con gái của Đấng muốn chúng ta gọi Ngài là “Cha chúng con”. Vì vậy, các tương quan của chúng ta với tha nhân được nhận biết như là những tương quan nhân vị. Người lân cận không phải là một “cá thể” nào đó giữa tập thể nhân loại, nhưng là “một ai đó”, có nguồn gốc rõ ràng, đáng được mọi người quan tâm và tôn trọng.

225

1931

2213. Các cộng đồng nhân loại *do các cá vị hợp lại mà thành*. Việc quản trị tốt các cộng đồng này không chỉ giới hạn trong việc bảo đảm các quyền, và việc chu toàn các bổn phận, mà cả sự trung tín với các khế ước. Những tương quan công bằng giữa chủ với thợ, giữa nhà cầm quyền với các công dân, giả thiết phải có lòng nhân hậu tự nhiên xứng hợp với phẩm giá của các nhân vị, là những người quan tâm đến sự công bằng và tình huynh đệ.

1939

⁹ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Familiaris consortio*, 46: AAS 74 (1982) 137-138.

III. BỐN PHẬN CỦA CÁC PHẬN TỬ TRONG GIA ĐÌNH OFFICIA MEMBRORUM FAMILIAE

Bốn phận của con cái

1858 **2214.** Tình phụ tử thần linh là nguồn mạch của tình phụ tử nhân loại¹⁰; chính tình phụ tử đó đặt nền tảng cho việc tôn kính cha mẹ. Lòng tôn kính của con cái, còn nhỏ hay đã trưởng thành, đối với cha và mẹ mình¹¹ được nuôi dưỡng bằng tình cảm tự nhiên xuất phát từ mối dây kết hợp họ. Lòng tôn kính đó được đòi buộc bởi một điều răn của Thiên Chúa¹².

2215. Lòng tôn kính cha mẹ (*lòng hiếu thảo*) dựa trên *sự biết ơn* đối với những người, bằng việc trao ban sự sống, bằng tình yêu và công lao của mình, đã sinh ra các con cái mình, giúp chúng có khả năng lớn lên về tuổi tác, về sự khôn ngoan và ân sủng. “Cha con, con hãy hết lòng tôn kính, và đừng quên ơn mẹ đã mang nặng đẻ đau. Hãy luôn nhớ công ơn dưỡng dục sinh thành, công ơn ấy, con sẽ lấy chi đáp đền cho cân xứng?” (Hc 7,27-28).

532 **2216.** Lòng hiếu thảo được bày tỏ qua sự ngoan ngoãn và *vâng phục* chân thành. “Hỡi con, lệnh cha con truyền, hãy lo tuân giữ; lời mẹ con dạy, chớ bỏ ngoài tai... Những lời đó sẽ hướng dẫn con lúc con tới lui, sẽ giữ gìn con khi con nằm xuống, sẽ cùng con chuyện trò khi con thức dậy” (Cn 6,20-22). “Con khôn giữ lời cha nghiêm huấn, kẻ nhạo báng chẳng nghe lời sửa dạy” (Cn 13,1).

2217. Bao lâu còn chung sống với cha mẹ, con cái phải tuân giữ mọi điều cha mẹ dạy liên quan đến lợi ích bản thân hoặc của gia đình. “Kẻ làm con hãy vâng lời cha mẹ trong mọi sự, vì đó là điều đẹp lòng Chúa” (Cl 3,20)¹³. Con cái cũng phải vâng theo những lời dạy bảo hữu lý của những người giáo dục chúng, và của những người cha mẹ đã giao phó chúng cho họ chăm sóc. Nhưng nếu người con theo lương tâm, thấy vâng theo một lệnh truyền nào đó là làm điều xấu về mặt luân lý, thì không được vâng lời.

Khi trưởng thành, con cái vẫn phải tôn kính cha mẹ. Con cái phải biết đón trước những điều cha mẹ mong muốn, sẵn sàng hỏi ý kiến và đón nhận những lời khuyên bảo chính đáng của cha mẹ. Sự vâng lời của con cái đối với cha mẹ ngưng khi con cái không còn sống chung với cha mẹ nữa, nhưng lòng tôn kính thì không như thế, mà phải tồn tại luôn mãi.

¹⁰ X. Ep 3,14.

¹¹ X. Cn 1,8; Tb 4,3-4.

¹² X. Xh 20,12.

¹³ X. Ep 6,1.

Thật ra, lòng tôn kính này có gốc rễ từ lòng kính sợ Thiên Chúa, là một trong các hồng ân của Chúa Thánh Thần.

1831

2218. Điều răn thứ tư còn nhắc cho những người con, khi đã trưởng thành, nhớ *các trách nhiệm của họ đối với cha mẹ*. Con cái phải trợ giúp cho cha mẹ về vật chất và tinh thần, bao nhiêu có thể, trong những năm tháng của tuổi già, hoặc suốt thời gian bệnh tật, cô đơn hoặc túng thiếu. Chúa Giêsu nhắc lại bốn phận biết ơn này¹⁴.

“Chúa làm cho người cha được vẻ vang vì con cái, cho người mẹ thêm uy quyền đối với các con. Ai thờ cha thì bù đắp lỗi lầm, ai kính mẹ thì tích trữ kho báu. Ai thờ cha sẽ được vui mừng vì con cái, khi cầu nguyện, họ sẽ được lắng nghe. Ai tôn vinh cha sẽ được trường thọ, ai vâng lệnh Chúa sẽ làm cho mẹ an lòng” (Hc 3,2-6).

“Con ơi, hãy săn sóc cha con, khi người đến tuổi già, bao lâu người còn sống, chớ làm người buồn tủi. Người có lú lẫn, con cũng phải cảm thông, chớ cậy mình sung sức mà khinh để người... Ai bỏ rơi cha mình thì khác nào kẻ lộng ngôn, ai chọc giận mẹ mình, sẽ bị Chúa nguyên rửa” (Hc 3, 12-13.16).

2219. Lòng hiếu thảo củng cố sự hài hoà trong toàn bộ đời sống gia đình, ảnh hưởng cả đến *các tương quan giữa anh chị em*. Lòng hiếu thảo đối với cha mẹ làm rạng rỡ bầu khí gia đình. “Triều thiên của người già là đàn con cháu, vinh dự của con cái là chính người cha” (Cn 17,6). “Anh em hãy ăn ở thật khiêm tốn, hiền từ và nhẫn nại; hãy lấy tình bác ái mà chịu đựng lẫn nhau” (Ep 4,2).

2220. Các Kitô hữu còn phải biết ơn đặc biệt những ai đã giúp mình lãnh nhận hồng ân đức tin, ân sủng bí tích Rửa Tội và sự sống trong Hội Thánh. Những người này có thể là cha mẹ, những phần tử khác của gia đình, ông bà, các vị mục tử, các giáo lý viên, thầy cô giáo hay bạn bè. “Tôi hồi tưởng lại lòng tin không giả hình của anh, lòng tin đã có nơi cụ Lôít, bà ngoại anh, nơi bà Êunikê, mẹ anh, cũng như chính nơi anh, tôi xác tín như vậy” (2 Tm 1,5).

Bốn phận của cha mẹ

2221. Sự phong phú của tình yêu phụ phụ không chỉ giới hạn ở việc sinh sản con cái, mà còn phải mở rộng đến cả việc giáo dục luân lý và đào tạo thiêng liêng cho con cái. “*Nhiệm vụ của cha mẹ trong việc giáo dục* hết sức quan trọng đến nỗi, nếu thiếu, chắc chắn là không gì thay thế được”¹⁵. Quyền và bốn phận giáo dục con

1653

¹⁴ X. Mc 7,10-12.

¹⁵ CD Vaticanô II, Tuyên ngôn *Gravissimum educationis*, 3: AAS 58 (1966) 731.

cái là quyền và bổn phận hàng đầu và bất khả nhượng của cha mẹ¹⁶.

2222. Cha mẹ phải xem con cái của mình như *những người con của Thiên Chúa* và tôn trọng chúng như *những nhân vị*. Họ phải dạy cho con cái biết chu toàn Luật Thiên Chúa, bằng cách cho con cái thấy chính họ cũng vâng phục thánh ý Cha trên trời.

2223. Cha mẹ là những người đầu tiên có trách nhiệm giáo dục con cái. Họ thể hiện trách nhiệm này trước hết trong việc *xây dựng gia đình*, trong đó, tình âu yếm, lòng tha thứ, sự tôn trọng lẫn nhau, lòng chung thủy và sự phục vụ vô vị lợi phải là những chuẩn mực. Gia đình là nơi thích hợp cho việc *giáo dục các nhân đức*. Việc giáo dục này đòi phải tập bỏ mình, tập phán đoán lành mạnh, tập tự chủ, là những điều kiện để có sự tự do đích thực. Cha mẹ phải dạy cho con cái biết “đặt những gì là vật chất và tự nhiên phụ thuộc những gì thuộc nội tâm và tinh thần”¹⁷. Cha mẹ có trách nhiệm quan trọng là phải nêu gương tốt cho con cái. Khi biết nhìn nhận những thiếu sót của mình trước mặt con cái, cha mẹ có uy tín hơn để hướng dẫn và sửa dạy con cái:

“Thương con thì cho roi cho vọt... Ai biết giáo dục con sẽ được thỏa lòng về con” (Hc 30,1-2).

“Những bậc làm cha mẹ đừng làm cho con cái tức giận, nhưng hãy thay mặt Chúa giáo dục chúng bằng cách khuyên răn và sửa dạy” (Ep 6,4).

2224. Gia đình là môi trường tự nhiên để khai tâm cho nhân vị về tình liên đới và về các trách nhiệm trong cộng đồng. Cha mẹ phải dạy cho con cái biết giữ mình khỏi những nguy hiểm và những sa đọa đang đe dọa xã hội loài người.

2225. Nhờ ân sủng của bí tích Hôn Phối, cha mẹ nhận trách nhiệm và đặc ân *loan báo Tin Mừng cho con cái*. Cha mẹ khai tâm cho con cái về các mầu nhiệm đức tin ngay từ lúc đầu đời, chính họ là “những sứ giả đầu tiên”¹⁸ của đức tin đối với con cái mình. Lúc chúng còn thơ ấu, cha mẹ phải cho con cái hoà nhập vào đời sống của Hội Thánh. Cách sống của gia đình có thể nuôi dưỡng những tâm tình tốt đẹp, những tâm tình đó vẫn luôn là sự chuẩn bị và sự nâng đỡ đích thực cho đức tin sống động trong suốt cuộc đời.

2226. Việc *giáo dục đức tin* cho con cái phải được cha mẹ bắt đầu ngay từ tuổi ấu thơ của chúng. Việc giáo dục này đã khởi đầu, khi

¹⁶ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Familiaris consortio*, 36: AAS 74 (1982) 126.

¹⁷ ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus*, 36: AAS 83 (1991) 838.

¹⁸ CĐ Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 11: AAS 57 (1965) 16; x. *Bộ Giáo Luật*, điều 1136.

các phần tử trong gia đình giúp nhau lớn lên trong đức tin, nhờ chứng từ của một đời sống Kitô hữu theo Tin Mừng. Việc dạy giáo lý trong gia đình đi trước, đồng hành và làm phong phú các hình thức khác của việc giáo dục đức tin. Cha mẹ có sứ vụ dạy con cái cầu nguyện và khám phá ra ơn gọi làm con Thiên Chúa¹⁹. Giáo xứ là cộng đồng Thánh Thể và là trung tâm đời sống phụng vụ của các gia đình Kitô giáo; đó là nơi tốt nhất để dạy giáo lý cho con cái và cho cha mẹ chúng. 2179

2227. Về phần mình, con cái cũng làm cho cha mẹ chúng *tăng trưởng trong sự thánh thiện*²⁰. Mọi người và mỗi người phải biết quảng đại và luôn sẵn sàng tha thứ cho nhau khi gặp những xúc phạm, gây gỗ, bất công và bỏ rơi. Tình yêu thương lẫn nhau gọi lên điều đó. Tình yêu đối với Đức Kitô đòi buộc điều đó²¹. 2013

2228. Khi con cái còn nhỏ, sự tôn trọng và yêu thương của cha mẹ được biểu lộ trước hết qua việc chăm sóc và lưu tâm nhằm dạy dỗ con cái mình, để *đáp ứng những nhu cầu vật chất và tinh thần* của chúng. Khi chúng lớn lên, cũng vẫn sự tôn trọng và tận tụy đó thúc đẩy cha mẹ giáo dục con cái để chúng biết sử dụng lý trí và sự tự do của mình một cách đúng đắn.

2229. Cha mẹ là những người đầu tiên có trách nhiệm giáo dục con cái, nên có quyền *lựa chọn cho con cái một trường học* đáp ứng được những xác tín riêng của mình. Quyền này là một quyền căn bản. Cha mẹ có bổn phận, bao nhiêu có thể, lựa chọn những trường học nào giúp mình cách tốt nhất, để chu toàn nhiệm vụ của mình là nhà giáo dục Kitô giáo²². Công quyền có bổn phận bảo đảm quyền này của các bậc cha mẹ và tạo những điều kiện thực tế để cha mẹ thực thi quyền đó.

2230. Khi đến tuổi trưởng thành, con cái có bổn phận và có *quyền lựa chọn nghề nghiệp và bậc sống* của mình. Con cái đảm nhận những trách nhiệm mới trong tương quan đầy tin tưởng đối với cha mẹ, sẵn sàng bàn hỏi và đón nhận các ý kiến và lời khuyên của cha mẹ. Cha mẹ phải lưu ý để không ép buộc con cái trong việc chọn nghề nghiệp hoặc chọn bạn trăm năm. Bổn phận giữ sự chừng mực này không ngăn cản họ – mà trái lại – trong việc trợ giúp con cái bằng những lời khuyên khôn ngoan, nhất là khi con cái có ý định lập gia đình. 1625

¹⁹ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 11: AAS 57 (1965) 16.

²⁰ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 48: AAS 58 (1966) 1069.

²¹ X. Mt 18,21-22; Lc 17,4.

²² X. CD Vaticanô II, Tuyên ngôn *Gravissimum educationis*, 6: AAS 58 (1966) 733.

2231. Có những người không lập gia đình, để đảm nhận việc chăm sóc cha mẹ hoặc anh chị em mình, hoặc để dồn hết tâm trí vào một nghề nghiệp hay vì những động lực cao đẹp khác. Họ có thể góp phần lớn lao vào lợi ích của gia đình nhân loại.

IV. GIA ĐÌNH VÀ NƯỚC TRỜI

FAMILIA ET REGNUM

2232. Các mối liên hệ trong gia đình dù quan trọng, nhưng không phải tuyệt đối. Cũng như đứa trẻ tăng trưởng trong sự trưởng thành và sự tự lập về mặt nhân bản và thiêng liêng, thì cũng vậy, ơn gọi riêng của nó, ơn gọi đến từ Thiên Chúa, cũng được khẳng định một cách rõ ràng hơn và mạnh mẽ hơn. Cha mẹ phải tôn trọng ơn gọi này và khuyến khích con cái đáp trả bằng việc đi theo ơn gọi đó. Phải xác tín rằng ơn gọi thứ nhất của Kitô hữu là *đi theo Chúa Giêsu*²³. “Ai yêu cha mẹ hơn Thầy thì không xứng với Thầy. Ai yêu con trai, con gái hơn Thầy thì không xứng với Thầy” (Mt 10,37).

2233. Trở thành môn đệ Chúa Giêsu là chấp nhận lời mời gọi thuộc về *gia đình Thiên Chúa*, sống theo cách sống của Người: “Ai thi hành ý muốn của Cha tôi, Đấng ngự trên trời, người ấy là anh chị em tôi, là mẹ tôi” (Mt 12,50).

Cha mẹ phải đón nhận và tôn trọng, với tâm tình vui mừng và tạ ơn, ơn gọi mà Chúa dành cho một người nào đó trong số con cái mình để đi theo Người trong sự trinh khiết vì Nước Trời, trong đời sống thánh hiến hay trong thừa tác vụ tu tế.

V. QUYỀN BÌNH TRỌNG XÃ HỘI DÂN SỰ

AUCTORITATES IN SOCIETATE CIVILI

2234. Điều răn thứ tư cũng truyền dạy chúng ta phải tôn trọng tất cả những ai đã đón nhận từ Thiên Chúa một quyền bính trong xã hội để mưu ích cho chúng ta. Điều răn này soi sáng các bổn phận của những người thực thi quyền bính cũng như của cả những người được hưởng phúc lợi của quyền bính.

Bổn phận của quyền bính dân sự

2235. Những ai thực thi một quyền bính nào đó, phải thực thi như một việc phục vụ: “Ai muốn làm lớn giữa anh em thì phải làm người phục vụ anh em” (Mt 20,26). Việc thực thi quyền bính được quy định về mặt luân lý bởi nguồn gốc thần linh, bản chất hợp lý

²³ X. Mt 16,25.

và đối tượng đặc trưng của nó. Không ai có thể truyền lệnh hay thiết lập điều gì trái với nhân phẩm và luật tự nhiên.

2236. Việc thực thi quyền bính nhằm biểu lộ trật tự chính đáng của các giá trị giúp mọi người dễ dàng thực thi quyền tự do và trách nhiệm. Cấp trên phải khôn ngoan thực thi sự công bằng phân phối, bằng cách quan tâm đến những nhu cầu và phần đóng góp của mỗi người, và nhằm mưu cầu sự hòa thuận và bình an. Họ phải cảnh giác không để các chuẩn mực và quy định họ thiết lập, đưa đến cơn cám dỗ, là lợi ích cá vị đối nghịch với lợi ích của cộng đồng²⁴. 2411

2237. Công quyền buộc phải tôn trọng các quyền lợi căn bản của nhân vị. Họ phải thực thi công bằng với lòng nhân đạo, trong khi tôn trọng quyền lợi của từng người, nhất là của các gia đình và của những người cùng khổ. 357

Các quyền lợi chính trị gắn liền với tư cách công dân, có thể và phải được công nhận theo các đòi hỏi của công ích. Các quyền ấy không thể bị công quyền đình chỉ khi không có lý do hợp pháp và tương xứng. Việc thực thi các quyền lợi chính trị được sắp xếp hướng tới công ích của quốc gia và của cộng đồng nhân loại.

Bổn phận của công dân

2238. Những người phục tùng quyền bính phải coi cấp trên của mình như những người đại diện Thiên Chúa, Đấng đã đặt họ làm thừa tác viên phân phát các hồng ân của Ngài²⁵: “Vì Chúa, anh em hãy tuân phục mọi thể chế do loài người đặt ra... Hãy hành động như những người tự do, không phải như những người lấy sự tự do làm màn che sự gian ác, nhưng như những tôi tớ của Thiên Chúa” (1 Pr 2,13.16). Sự cộng tác trung thành của những người phục tùng quyền bính bao hàm quyền, đôi khi là bổn phận, phải lên tiếng phê phán cách công bằng những gì họ coi là có hại cho phẩm giá của các nhân vị và cho công ích. 1900

2239. Bổn phận của các công dân là cộng tác với chính quyền dân sự để mưu ích cho xã hội trong tinh thần tôn trọng chân lý, công bằng, tình liên đới và sự tự do. Lòng yêu mến và sự phục vụ Tổ quốc phát xuất từ bổn phận của sự biết ơn và theo trật tự của đức mến. Việc tùng phục quyền bính hợp pháp và sự phục vụ công ích đòi hỏi các công dân thực thi nhiệm vụ của mình trong đời sống của cộng đồng chính trị. 1915 2310

²⁴ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus*, 25: AAS 83 (1991) 823.

²⁵ X. Rm 13,1-2.

2265 **2240.** Việc tòng phục quyền bính và tinh thần đồng trách nhiệm đối với công ích đòi hỏi các công dân, về mặt luân lý, phải đóng thuế, thực thi quyền bầu cử và bảo vệ quê hương:

“Anh em nợ ai cái gì, hãy trả cho người ta cái đó: nộp sưu cho người đòi sưu, trả thuế cho người đòi thuế, sợ người phải sợ, kính người phải kính” (Rm 13,7).

Các Kitô hữu “cư ngụ trên quê hương riêng của mình, nhưng như những ngoại kiều; họ có chung mọi sự với những người khác, như các công dân, và chịu đựng mọi sự như những lữ khách.... Họ tuân theo luật pháp thiết định nhưng cách sống của họ vượt trên luật pháp.... Thiên Chúa đã dành cho họ một địa vị cao quý đến độ họ không bỏ đi được”²⁶.

1900 Thánh Tông Đồ cũng khuyến dụ chúng ta phải cầu nguyện và tạ ơn Chúa cho các vua và tất cả những người thực thi quyền bính, “để chúng ta được an cư lạc nghiệp mà sống thật đạo đức và nghiêm chỉnh” (1 Tm 2,2).

2241. Những quốc gia giàu hơn buộc phải đón nhận, bao nhiêu có thể, *những người nước ngoài* đến tìm kiếm an ninh và sinh kế mà họ không có được nơi chính quê hương họ. Công quyền phải quan tâm tôn trọng quyền tự nhiên là luật đặt người khách dưới sự che chở của những ai đón nhận họ.

Vì công ích, chính quyền có thể quy định một số điều kiện pháp lý cho quyền nhập cư, nhất là đòi hỏi các người di cư phải tôn trọng các bổn phận đối với quốc gia đón nhận họ. Người nhập cư buộc phải tôn trọng, với lòng biết ơn, di sản vật chất và tinh thần của đất nước đón nhận họ, tuân thủ luật pháp và chia sẻ các nhiệm vụ trong nước đó.

1903 **2242.** Người công dân bị buộc theo lương tâm, không được tuân theo những chỉ thị của chính quyền dân sự, khi những mệnh lệnh đó đi ngược lại các đòi hỏi trong lãnh vực luân lý, các quyền lợi căn bản của con người hoặc các giáo huấn của Tin Mừng. *Sự khước từ vâng phục* chính quyền dân sự, khi những đòi hỏi của chính quyền dân sự đi ngược lại những đòi hỏi của lương tâm ngay thẳng, được biện minh bằng việc phải phân biệt giữa việc phục vụ Thiên Chúa và việc phục vụ cộng đồng chính trị. “Của Cêsar, trả về Cêsar; của Thiên Chúa, trả về Thiên Chúa” (Mt 22,21). “Phải vâng lời Thiên Chúa hơn vâng lời người phàm” (Cv 5,29):

1901 “Khi công quyền vượt quá quyền hạn của mình mà đàn áp các công dân, thì chính các công dân đừng từ chối những gì công ích đòi hỏi cách khách quan. Họ được phép bảo vệ các quyền lợi của mình và của đồng bào mình, chống lại sự lạm dụng của quyền

²⁶ *Epistula ad Diognetum*, 5, 5; 5, 10; 6, 10: SC 33 62-66 (Funk 1, 398-400).

bính này, với sự tôn trọng các giới hạn, mà Luật tự nhiên và Luật Tin Mừng đã vạch ra”²⁷.

2243. *Hành động dùng vũ khí chống lại* sự áp bức của chính quyền là không hợp pháp, trừ khi đồng thời hội đủ các điều kiện sau đây: 2309

- 1) Trong trường hợp chắc chắn các quyền lợi căn bản bị vi phạm một cách nghiêm trọng và kéo dài;
- 2) Sau khi đã dùng hết mọi phương cách khác;
- 3) Không gây ra những xáo trộn tệ hại hơn;
- 4) Có đủ cơ sở để hy vọng thành công tốt đẹp.
- 5) Không thể tiên liệu hợp lý được những giải pháp tốt hơn.

Cộng đồng chính trị và Hội Thánh

2244. Mọi thể chế đều, ít là cách mặc nhiên, được cảm hứng bởi một tâm nhìn (*visio*) nào đó về con người và về vận mệnh của con người, từ đó, thể chế rút ra điểm quy chiếu cho các phán đoán của mình, bậc thang các giá trị và quy tắc hành động của mình. Đa số các xã hội xây dựng thể chế của mình dựa trên một sự ưu việt nào đó của con người trên các sự vật. Chỉ có tôn giáo được Thiên Chúa mạc khải, mới nhận biết cách rõ ràng rằng nguồn gốc và vận mệnh của con người ở nơi Thiên Chúa, Đấng Tạo Hoá và Cứu Chuộc. Hội Thánh mời gọi các chính quyền quy chiếu các phán đoán và quyết định của mình theo sự linh hứng của chân lý về Thiên Chúa và về con người. 1910 1881 2109

Các xã hội không biết đến hay khước từ sự linh hứng này, nhân danh sự độc lập của mình đối với Thiên Chúa, đều đi tới chỗ tìm nơi chính mình hay vay mượn ở một ý thức hệ nào đó những điểm quy chiếu và vận mệnh của mình và, vì không chấp nhận cho người ta bảo vệ một tiêu chuẩn khách quan về điều tốt điều xấu, các xã hội ấy tự cho mình một quyền lực độc tài, một cách công khai hoặc ngấm ngầm, đối với con người và vận mệnh con người, như lịch sử đã cho thấy²⁸.

2245. “Do nhiệm vụ và thẩm quyền của mình, Hội Thánh không hề bị lẫn lộn với một cộng đồng chính trị... Hội Thánh vừa là dấu chỉ, vừa là người bảo vệ tính cách siêu việt của nhân vị”²⁹. Hội Thánh “tôn trọng và cổ võ sự tự do chính trị và trách nhiệm của các công dân”³⁰. 912

²⁷ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 74: AAS 58 (1966) 1096.

²⁸ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus*, 45-46: AAS 83 (1991) 849-851.

²⁹ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 76: AAS 58 (1966) 1099.

³⁰ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 76: AAS 58 (1966) 1099.

- 2032 **2246.** Hội Thánh có sứ vụ “đưa ra phán đoán luân lý, cả trong những vấn đề liên quan tới lãnh vực chính trị, khi các quyền lợi căn bản của con người hay ơn cứu độ các linh hồn đòi hỏi, bằng cách sử dụng mọi phương tiện và chỉ những phương tiện nào phù hợp với Tin Mừng và hoà hợp với lợi ích của mọi người, tùy theo các thời đại và các hoàn cảnh khác nhau”³¹.
- 2420

TÓM LƯỢC

2247. “Hãy thờ cha kính mẹ” (Đnl 5,16; Mc 7,10).

2248. Theo điều răn thứ tư, Thiên Chúa muốn rằng, sau Ngài, chúng ta phải tôn kính cha mẹ và những người được Ngài trao ban quyền bính để mưu ích cho chúng ta.

2249. Cộng đồng phụ phụ được thiết lập trên giao ước và sự ưng thuận của đôi phối ngẫu. Hôn nhân và gia đình được sắp xếp hướng về lợi ích của đôi phối ngẫu, về việc sinh sản và giáo dục con cái.

2250. “Sự an sinh của nhân vị, của xã hội nhân loại và Kitô giáo liên kết chặt chẽ với tình trạng tốt đẹp của cộng đồng hôn nhân và gia đình”³².

2251. Con cái phải tôn kính, biết ơn, vâng lời chính đáng và trợ giúp cha mẹ. Lòng hiếu thảo của con cái củng cố sự hài hoà của toàn bộ đời sống gia đình.

2252. Cha mẹ là những người đầu tiên có trách nhiệm giáo dục con cái về đức tin, về việc cầu nguyện và về mọi nhân đức. Bao nhiêu có thể, cha mẹ có bổn phận đáp ứng những nhu cầu vật chất và tinh thần của con cái mình.

2253. Cha mẹ phải tôn trọng và khuyến khích ơn gọi của con cái mình. Họ phải ý thức và dạy cho con cái biết rằng, đi theo Chúa Giêsu, là ơn gọi thứ nhất của Kitô hữu.

2254. Công quyền buộc phải tôn trọng các quyền lợi căn bản của nhân vị và các điều kiện để thực thi sự tự do của nhân vị.

2255. Các công dân có bổn phận phải cộng tác với quyền bính dân sự để xây dựng xã hội trong tinh thần tôn trọng chân lý, sự công bằng, tình liên đới và sự tự do.

³¹ CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 76: AAS 58 (1966) 1100.

³² CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 47: AAS 58 (1966) 1067.

2256. Theo lương tâm, công dân bắt buộc không được tuân theo các chỉ thị của quyền binh dân sự, khi những mệnh lệnh này đi ngược lại những đòi hỏi thuộc lãnh vực luân lý. “Phải vâng lời Thiên Chúa hơn vâng lời người phàm” (Cv 5,29).

2257. Mọi xã hội đều quy chiếu các phán đoán và cách hành động của mình dựa trên một tâm nhìn (*visio*) nào đó về con người và vận mệnh của con người. Ngoài ánh sáng của Tin Mừng về Thiên Chúa và về con người, các xã hội sẽ dễ trở thành “độc tài”.

Mục 5

Điều Răn Thứ Năm

Articulus 5

Quintum praeceptum

“Người không được giết người” (Xh 20,13).

“Anh em đã nghe Luật dạy người xưa rằng: ‘Chớ giết người’. Ai giết người thì đáng bị đưa ra tòa. Còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết: ai giận anh em mình, thì đáng bị đưa ra tòa” (Mt 5,21-22).

2258. “Sự sống con người phải được coi là điều linh thánh, vì từ lúc khởi đầu của mình, sự sống đó ‘đòi phải có hành động của Đấng Tạo Hoá’ và mãi mãi được liên kết một cách đặc biệt với Đấng Tạo Hoá, là cùng đích duy nhất của mình. Chỉ có Thiên Chúa là Chúa của sự sống từ khi sự sống khởi đầu cho tới khi kết thúc: không ai, trong bất cứ hoàn cảnh nào, có thể dành cho mình quyền trực tiếp đem cái chết đến cho một thụ tạo nhân linh vô tội”³³. 356

I. TÔN TRỌNG SỰ SỐNG CON NGƯỜI VITAE HUMANAЕ OBSERVANTIA

Bằng chứng trong lịch sử thánh

2259. Trong trình thuật người anh là Cain giết em là Abel³⁴, Sách Thánh cho thấy, ngay từ những buổi đầu của lịch sử nhân loại, đã có sự giận dữ và ham muốn nơi con người, đó là những hậu quả của nguyên tội. Con người trở thành kẻ thù của đồng loại mình. Thiên 401

³³ Thánh bộ Giáo lý Đức Tin, Huấn thị *Donum Vitae*, Introductio, 5: AAS 80 (1988) 76-77.

³⁴ X. St 4,8-12.

Chúa vạch rõ tính hiểm ác của tội huynh đệ tương tàn: “Người đã làm gì vậy? Từ dưới đất, tiếng máu của em người đang kêu lên Ta. Giờ đây, người bị nguyên rửa bởi chính đất đã từng há miệng hút lấy máu em người, do tay người đổ ra” (St 4,10-11).

2260. Giao ước giữa Thiên Chúa và loài người được dệt bằng những lời nhắc nhớ về hồng ân của Thiên Chúa là sự sống con người, và về bạo lực sát nhân của con người:

“Ta sẽ đòi mỗi người phải đền mạng sống của người anh em mình... Ai đổ máu con người, thì máu nó sẽ bị con người đổ ra, vì Thiên Chúa đã làm ra con người theo hình ảnh Thiên Chúa” (St 9,5-6).

Cựu Ước luôn coi máu như dấu chỉ linh thánh của sự sống³⁵. Giáo lý này vẫn luôn là điều cần thiết cho mọi thời đại.

2261. Thánh Kinh xác định luật cấm của điều răn thứ năm: “Người không được giết kẻ vô tội và công chính” (Xh 23,7). Có ý giết một kẻ vô tội là một trọng tội chống lại phẩm giá của thụ tạo nhân linh, chống lại “khuôn vàng thước ngọc” (*regula aurea*) và sự thánh thiện của Đấng Tạo Hoá. Luật cấm giết người có giá trị phổ quát: bắt buộc mọi người và mỗi người, mọi lúc và mọi nơi.

2262. Trong Bài giảng trên núi, Chúa nhắc lại điều răn này: “Chớ giết người” (Mt 5,21), Người còn thêm vào đó lệnh cấm giận dữ, căm ghét và báo thù. Thậm chí Đức Kitô còn đòi hỏi môn đệ của Người phải đưa cả má bên kia³⁶, phải yêu kẻ thù của mình³⁷. Chính Người đã không tự vệ và bảo ông Phêrô xỏ gươm vào bao³⁸.

Sự tự vệ hợp pháp

2263. Sự tự vệ hợp pháp của các cá vị và các tập thể không phải là một luật trừ đối với luật cấm giết người vô tội tức là việc giết người có chủ ý. “Hành vi của người tự vệ nguyên nó có thể có hậu quả kép: một đằng là để bảo tồn sự sống của chính mình; nhưng đằng khác lại có việc giết kẻ tấn công”³⁹. “Không gì cấm một hành vi có hai hậu quả, chỉ có một hậu quả là do chủ ý, còn hậu quả kia không do chủ ý”⁴⁰.

2264. Tình yêu đối với chính mình vẫn luôn là nguyên tắc căn bản của luân lý. Vì vậy, làm thế nào để quyền được sống của chính

³⁵ X. Lv 17,14.

³⁶ X. Mt 5,22-26.38-39.

³⁷ X. Mt 5,44.

³⁸ X. Mt 26,52.

³⁹ Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, II-II, q. 64, a. 7, c: Ed. Leon. 9, 74.

⁴⁰ Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, II-II, q. 64, a. 7, c: Ed. Leon. 9, 74.

mình được tôn trọng là điều hợp pháp. Ai bảo vệ mạng sống mình, thì không mắc tội giết người, mặc dầu có giáng một ngọn đòn chí tử vào kẻ tấn công.

“Nếu ai bảo vệ mạng sống mình mà sử dụng bạo lực quá mức cần thiết, thì hành vi này sẽ là bất hợp pháp. Còn nếu người đó đẩy lui bạo lực một cách chừng mực, thì đó sẽ là tự vệ hợp pháp... Cũng không nhất thiết là để được cứu, thì người ta phải từ khước hành vi tự vệ chừng mực, hầu tránh giết chết người khác: bởi vì người ta buộc phải lo cho sự sống của mình hơn là cho sự sống của người khác”⁴¹.

2265. Sự bảo vệ hợp pháp không những là một quyền, mà còn là một bổn phận quan trọng của người có trách nhiệm về sự sống của những người khác. Việc bảo vệ công ích đòi phải đặt kẻ xâm phạm bất chính ra ngoài khả năng tác hại. Vì vậy, những ai nắm quyền bính hợp pháp có quyền sử dụng cả đến vũ khí để ngăn chặn những kẻ xâm phạm đến cộng đồng dân sự đã được ủy thác cho trách nhiệm của họ. 2240 2308

2266. Nỗ lực của Nhà Nước, nhằm giới hạn sự lan tràn những cách hành động làm tổn thương các quyền con người và những chuẩn mực nền tảng của sinh hoạt dân sự, đáp ứng với đòi hỏi bảo vệ công ích. Công quyền hợp pháp có quyền và có bổn phận đề ra những hình phạt tương xứng với tính nghiêm trọng của tội phạm. Hình phạt có mục tiêu đầu tiên là đền bù sự vô trật tự do lỗi lầm gây ra. Nếu phạm nhân tự nguyện chấp nhận, thì hình phạt có giá trị đền tội. Từ đó, ngoài việc bảo vệ trật tự công cộng và an ninh cho các nhân vị, hình phạt còn có mục tiêu chữa trị: hình phạt, trong mức độ bao nhiêu có thể, phải góp phần cải hóa phạm nhân. 1897-1899 1449

2267. Giáo huấn truyền thống của Hội Thánh, sau khi đã xác minh đầy đủ căn tính và trách nhiệm của phạm nhân, không loại trừ việc kết án tử hình, nếu đây là con đường khả thi duy nhất để bảo vệ hữu hiệu mạng sống con người khỏi bị xâm phạm cách bất công.

Tuy nhiên, nếu các phương tiện không đổ máu đã đủ để bảo vệ và che chở sự an toàn của các nhân vị khỏi kẻ xâm phạm, thì nhà cầm quyền chỉ nên dùng những phương tiện này, vì chúng đáp ứng tốt hơn cho những hoàn cảnh cụ thể của công ích và phù hợp hơn với phẩm giá của nhân vị. 2306

Thật ra, trong thời đại chúng ta, vì Nhà Nước có nhiều khả năng để chế ngự tội ác cách hữu hiệu, làm cho kẻ đã phạm tội không còn khả năng tác hại, mà không tước đoạt cách vĩnh viễn khả năng chuộc tội của họ, nên những trường hợp tuyệt đối cần

⁴¹ Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, II-II, q. 64, a. 7, c: Ed. Leon. 9, 74.

thiết phải khử trừ phạm nhân, “từ nay sẽ rất hiếm, nếu không muốn nói là trong thực tế không còn nữa”⁴².

Tội giết người có chủ ý

1867 **2268.** Điều răn thứ năm coi việc *giết người cách trực tiếp và có chủ ý* là một trọng tội. Kẻ sát nhân và những người cộng tác một cách có chủ ý phạm tội kêu thấu tới trời đòi báo thù⁴³.

Tội giết trẻ thơ⁴⁴, giết anh em, giết cha mẹ, giết người phối ngẫu là những tội ác đặc biệt nghiêm trọng, vì các dây liên kết tự nhiên bị phá huỷ. Sự quan tâm tới nòi giống hoặc tới sự chăm sóc sức khoẻ công cộng không thể biện minh cho bất cứ việc giết người nào, dù do công quyền ra lệnh.

2269. Điều răn thứ năm cũng cấm làm một điều gì với ý hướng gây chết người *cách gián tiếp*. Luật luân lý cấm đặt một người nào đó vào chỗ nguy tử nếu không có lý do nghiêm trọng, cũng như cấm từ chối giúp đỡ một người đang lâm nguy.

Xã hội nhân loại để người ta chết đói mà không nỗ lực trợ giúp, là một bất công đáng ghê tởm và là trọng tội. Các con buôn nào do sự ham lợi của mình mà gây ra đói kém và chết chóc cho anh em đồng loại, cũng phạm tội giết người cách gián tiếp. Họ bị quy tội về điều này⁴⁵.

2290 Giết người không có chủ ý không bị quy tội về mặt luân lý. Nhưng nếu ai, không có lý do tương xứng, mà hành động gây chết người, thì mặc dù không cố ý gây ra cái chết đó, vẫn không được tha thứ khỏi trọng tội.

Tội phá thai

1703 **2270.** Sự sống con người, ngay từ lúc tượng thai, phải được tôn trọng và bảo vệ cách tuyệt đối. Ngay từ giây phút bắt đầu hiện
357 hữu, các thụ tạo nhân linh phải được nhìn nhận có các quyền lợi của một nhân vị, trong đó có quyền được sống là quyền bất khả xâm phạm của mọi thụ tạo vô tội⁴⁶.

“Trước khi cho người thành hình trong dạ mẹ, Ta đã biết người; trước khi người lọt lòng mẹ, Ta đã thánh hóa người” (Gr 1,5).

“Xương cốt con, Ngài không lạ lẫm gì, khi con được thành hình trong nơi bí ẩn, được thêu dệt trong lòng đất thẳm sâu” (Tv 139,15).

⁴² ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Evangelium vitae*, 56: AAS 87 (1995) 464.

⁴³ X. St 4,10.

⁴⁴ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 51: AAS 58 (1966) 1072.

⁴⁵ X. Am 8,4-10.

⁴⁶ X. Thánh bộ Giáo lý Đức Tin, Huấn thị *Donum Vitae*, 1, 1: AAS 80 (1988) 79.

2271. Ngay từ thế kỷ thứ nhất, Hội Thánh đã khẳng định mọi vụ phá thai đều là tội ác luân lý. Giáo huấn đó không thay đổi. Giáo huấn đó vẫn luôn luôn không thể thay đổi. Việc phá thai trực tiếp, nghĩa là, hoặc được muốn như mục đích hoặc được muốn như phương tiện, đều trái ngược một cách nghiêm trọng với luật luân lý.

“Không được phá thai cũng như không được giết trẻ sơ sinh”⁴⁷.

“Thiên Chúa là Chúa của sự sống, đã giao phó cho con người nhiệm vụ cao cả là bảo tồn sự sống, và họ phải chu toàn nhiệm vụ đó cách xứng đáng với con người. Vì vậy, sự sống ngay từ lúc tượng thai, phải được bảo vệ hết sức cẩn thận: việc phá thai và giết trẻ sơ sinh là những tội ác ghê tởm”⁴⁸.

2272. Cộng tác chính thức vào việc phá thai là một trọng tội. Theo giáo luật, Hội Thánh phạt vạ tuyệt thông cho tội ác chống lại sự sống con người này. “Người nào thi hành việc phá thai, và nếu việc phá thai có hiệu quả, thì bị vạ tuyệt thông *latae sententiae*”⁴⁹, “tức khắc do chính sự kiện phạm tội”⁵⁰, theo những điều kiện đã được giáo luật dự liệu⁵¹. Làm như vậy, Hội Thánh không có ý đặt giới hạn cho lòng thương xót. Hội Thánh muốn cho thấy tính cách nghiêm trọng của tội ác đã phạm, sự thiệt hại không thể sửa chữa được đã gây ra cho người vô tội bị giết chết, cho cha mẹ của em và cho toàn xã hội. 1463

2273. Quyền được sống là quyền bất khả nhượng của mỗi người vô tội. Đây là một *yếu tố cấu thành của xã hội dân sự và của luật pháp của xã hội đó*: 1930

“Những quyền bất khả nhượng của nhân vị phải được xã hội dân sự và công quyền nhìn nhận và tôn trọng. Những quyền này không tùy thuộc vào các cá nhân, không tùy thuộc vào các cha mẹ, cũng không phải là một nhân nhượng do xã hội và Nhà Nước làm ra, nhưng những quyền này thuộc về bản tính con người và gắn liền với nhân vị do chính hành động tạo dựng, là nguồn gốc của con người. Trong những quyền căn bản đó, phải kể đến quyền được sống và được toàn vẹn thân thể mà mỗi thụ tạo nhân linh được hưởng, từ lúc tượng thai cho đến khi chết”⁵².

⁴⁷ *Didakê* 2,2: SC 248, 148 (Funk 1, 8); x. *Epistula Pseudo Barnabae* 19, 5: SC 172, 202 (Funk 1, 90); *Epistula ad Diognetum* 5, 6: SC 33, 62 (Funk 1, 398); Tertullianô, *Apologeticum*, 9, 8: CCL 1, 103 (PL 1, 371-372).

⁴⁸ CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 51: AAS 58 (1966) 1072.

⁴⁹ *Bộ Giáo Luật*, điều 1398.

⁵⁰ *Bộ Giáo Luật*, điều 1314.

⁵¹ X. *Bộ Giáo Luật*, các điều 1323-1324.

⁵² Thánh bộ Giáo lý Đức Tin, Huấn thị *Donum Vitae*, 3: AAS 80 (1988) 98-99.

“Khi luật dân sự tước của một hạng người quyền được hưởng sự bảo vệ mà luật pháp phải mang lại, thì Nhà Nước đã phủ nhận sự bình đẳng của mọi công dân trước luật pháp. Khi Nhà Nước không đem sức mạnh của mình bảo vệ quyền của mỗi người, đặc biệt những người yếu kém, thì chính các nền tảng của một Nhà Nước pháp quyền bị lung lay... Do việc tôn trọng và bảo vệ trẻ em sẽ chào đời, ngay từ lúc tượng thai, luật pháp phải dự liệu những hình phạt tương xứng chống lại bất cứ sự cố ý vi phạm nào đến các quyền của trẻ em”⁵³.

2274. Vì phải được đối xử như một nhân vị từ lúc tượng thai, nên phôi thai phải được bảo vệ, chăm sóc và chữa trị trong sự toàn vẹn của nó, bao nhiêu có thể, cũng như bất cứ thụ tạo nhân linh nào khác.

Việc khám thai trước khi sinh là điều hợp pháp về mặt luân lý, “nếu việc đó tôn trọng sự sống và sự toàn vẹn của phôi thai và của thai nhi, và nếu nhắm đến việc bảo tồn hay chữa trị phôi thai... Nhưng việc khám thai sẽ trái ngược cách nghiêm trọng với luật luân lý, nếu có ý khám thai để căn cứ vào kết quả, có thể dẫn đến phá thai: Khám thai ... không được trở thành tương đương với việc tuyên án tử hình”⁵⁴.

2275. “Những can thiệp trên phôi người phải được coi là hợp pháp, với điều kiện là, phải tôn trọng sự sống và sự toàn vẹn của phôi thai, và không kèm theo những nguy cơ không tương xứng cho phôi thai, nhưng phải nhắm tới việc chữa trị, cải thiện tình trạng sức khỏe, hoặc để cứu sống chính phôi thai”⁵⁵.

“Sản xuất những phôi người để lạm dụng, nghĩa là để sử dụng như ‘một vật liệu sinh học’, là vô luân”⁵⁶.

“Một số thử nghiệm *can thiệp trên bộ nhiễm sắc thể hoặc gien di truyền* không phải để trị liệu, nhưng nhằm sản xuất ra những con người được tuyển lựa theo phái tính hoặc theo những đặc điểm khác được định sẵn. Những việc làm nhân tạo đó nghịch lại với phẩm giá của nhân vị, sự toàn vẹn và căn tính ‘duy nhất, không trùng lặp’ của con người”⁵⁷.

Cái chết êm dịu (Euthanasia)

1503 **2276.** Phải đặc biệt tôn trọng sự sống của những người tàn tạ, yếu ớt. Những người bệnh hoạn hoặc khuyết tật (*handicap*) phải được nâng đỡ để sống một cuộc sống bình thường, bao nhiêu có thể.

⁵³ Thánh bộ Giáo lý Đức Tin, Huấn thị *Donum Vitae*, 3: AAS 80 (1988) 99.

⁵⁴ Thánh bộ Giáo lý Đức Tin, Huấn thị *Donum Vitae*, 1, 2: AAS 80 (1988) 79-80.

⁵⁵ Thánh bộ Giáo lý Đức Tin, Huấn thị *Donum Vitae*, 1, 3: AAS 80 (1988) 80-81.

⁵⁶ Thánh bộ Giáo lý Đức Tin, Huấn thị *Donum Vitae*, 1, 5: AAS 80 (1988) 83.

⁵⁷ Thánh bộ Giáo lý Đức Tin, Huấn thị *Donum Vitae*, 1, 6: AAS 80 (1988) 85.

2277. Cái chết êm dịu trực tiếp, với bất cứ lý do nào hoặc dùng phương tiện nào, cốt tại việc chấm dứt sự sống của những người tật nguyền, bệnh hoạn hoặc hấp hối. Về phương diện luân lý, việc này không thể chấp nhận được.

Như vậy, một hành động hoặc một thiếu sót, tự nó hoặc với ý hướng, gây ra cái chết để chấm dứt sự đau đớn, là một tội giết người, nghịch lại một cách nghiêm trọng với phẩm giá của nhân vị và với sự tôn trọng Thiên Chúa hằng sống, Đấng Tạo Hoá của con người. Một phán đoán sai lầm mắc phải cách ngay tình, không thay đổi bản chất của hành vi sát nhân này, một hành vi luôn phải cấm chỉ và loại trừ⁵⁸.

2278. Việc ngưng các phương tiện y khoa, quá tốn kém, mạo hiểm, ngoại thường hoặc không tương xứng với những kết quả mong muốn, có thể là hợp pháp. Đây là sự từ chối “việc trị liệu khắc nghiệt”. Theo cách này, ta không muốn đưa đến cái chết, nhưng chấp nhận vì không thể ngăn cản được cái chết. Chính bệnh nhân phải quyết định, nếu họ có thẩm quyền và khả năng, nếu không, việc quyết định phải do những người có quyền theo luật pháp, nhưng luôn phải tôn trọng ý muốn hợp lý và quyền lợi hợp pháp của người bệnh.

1007

2279. Dù cái chết xem ra gần kề, vẫn phải chăm sóc bình thường cho bệnh nhân, chứ không thể ngưng một cách hợp pháp. Việc sử dụng các loại thuốc giảm đau, để làm dịu bớt sự đau đớn của người hấp hối, cả khi có nguy cơ rút ngắn những ngày sống của họ, về mặt luân lý có thể được coi là phù hợp với nhân phẩm, miễn là không nhắm đến cái chết như mục đích hay như phương tiện, nhưng chỉ tiên đoán và phải chấp nhận cái chết như điều không thể tránh. Việc chăm sóc để giảm đau là một hình thức tuyệt vời của đức mến vô vị lợi. Vì thế, công việc này cần được khuyến khích.

Tội tự sát

2280. Mỗi người chịu trách nhiệm về sự sống của mình trước mặt Thiên Chúa là Đấng đã ban sự sống cho mình. Chính Ngài vẫn là Chủ tể tối thượng của sự sống. Chúng ta buộc phải đón nhận sự sống với lòng biết ơn và gìn giữ sự sống để tôn vinh Ngài và để cứu độ linh hồn chúng ta. Chúng ta là những người quản lý chứ không phải những ông chủ của sự sống mà Thiên Chúa đã trao phó cho chúng ta. Chúng ta không có quyền đoạt về sự sống.

2258

2281. Tự sát nghịch với khuyh hướng tự nhiên của thụ tạo nhân linh là muốn bảo tồn và kéo dài sự sống của mình. Tự sát nghịch lại một cách nghiêm trọng với tình yêu chính đáng đối với bản thân. Tự sát còn xúc phạm đến tình yêu đối với người lân cận, bởi

⁵⁸ X. Thánh bộ Giáo lý Đức Tin, Tuyên ngôn *Jura et bona*: AAS 72 (1980) 542-552.

2212 vì nó cắt đứt một cách bất công những mối dây liên đới với gia đình, quốc gia và nhân loại mà chúng ta vẫn còn có trách nhiệm đối với các cộng đồng đó. Tự sát đối nghịch với tình yêu của Thiên Chúa hằng sống.

2282. Nếu tự sát với ý định nêu gương, nhất là đối với giới trẻ, thì tội này còn mang thêm tính nghiêm trọng là làm gương xấu. Cộng tác có chủ ý vào việc tự sát là trái nghịch với luật luân lý.

1735 Những rối loạn tâm thần trầm trọng, lo âu hay quá sợ hãi trước một thử thách, trước đau khổ hoặc cực hình, có thể làm giảm thiểu trách nhiệm của người tự sát.

2283. Không được tuyệt vọng về ơn cứu độ vĩnh cửu của những người tự mình tìm đến cái chết. Thiên Chúa có thể ban cho họ những cơ hội thống hối để được ơn cứu độ, bằng những đường lối mà chỉ một mình Ngài biết. Hội Thánh cầu nguyện cho những người tự hủy hoại mạng sống mình.

1037

II. TÔN TRỌNG PHẨM GIÁ CON NGƯỜI

OBSERVANTIA DIGNITATIS PERSONARUM

Tôn trọng linh hồn tha nhân: gương xấu

2847 **2284.** Gương xấu là thái độ hoặc cách hành động dẫn người khác đến chỗ làm điều xấu. Ai làm gương xấu, người đó trở thành tên cám dỗ người lân cận. Người đó làm hại đến nhân đức và sự chính trực; người đó có thể đưa anh em mình đến cái chết về phần thiêng liêng. Gương xấu trở thành một trọng tội, nếu bằng hành động hay bằng sự thiếu sót, gương xấu chủ ý lôi kéo tha nhân đến chỗ phạm trọng tội.

1903 **2285.** Gương xấu trở thành đặc biệt nghiêm trọng do thế giá của những người làm gương xấu hoặc do sự yếu đuối của những người phải chịu gương xấu. Điều ấy đã khiến Chúa chúng ta chúc dữ: “Ai làm có cho một trong những kẻ bé mọn... sa ngã, thì thà treo cối đá lớn vào cổ nó mà xô cho chìm xuống đáy biển còn hơn”⁵⁹ (Mt 18,6). Gương xấu là nghiêm trọng, khi do những người, theo bản chất hoặc nhiệm vụ, có bổn phận dạy dỗ và giáo dục kẻ khác gây ra. Chúa Giêsu đã quả trách các kinh sư và các Phariseu về điều đó: Người đã so sánh họ như sói đội lốt chiên⁶⁰.

1887 **2286.** Gương xấu có thể phát sinh do luật pháp hoặc những thể chế, do thời trang hoặc dư luận.

⁵⁹ X. 1 Cr 8,10-13.

⁶⁰ X. Mt 7,15.

Như vậy, mắc tội làm gương xấu, là những ai thiết lập những luật lệ hoặc những cơ cấu xã hội dẫn đến việc phong hóa bị suy đồi và đời sống đạo hạnh bị hư hỏng, hoặc đến việc “những hoàn cảnh xã hội, dù cố ý hay không, làm cho người ta khó, hoặc hầu như không thể, thực hiện được một đời sống Kitô giáo phù hợp với các điều răn của Nhà Làm Luật tối thượng”⁶¹. Cũng mắc tội làm gương xấu, là các chủ nhân đặt ra những luật lệ khuyến khích gian lận, các bậc phụ huynh làm cho con cái “tức giận”⁶², hoặc những kẻ khích động dư luận một cách gian manh, khiến dư luận quay lưng lại với những giá trị luân lý.

2498

2287. Ai sử dụng các quyền lực mình đang có vào những hoàn cảnh dẫn người khác đến việc làm điều xấu, thì mang tội gây gương xấu và chịu trách nhiệm về điều xấu mình đã trực tiếp hoặc gián tiếp khuyến khích. “Không thể không có những cố làm cho người ta vấp ngã, nhưng khôn cho kẻ làm cố cho người ta vấp ngã” (Lc 17,1).

Tôn trọng sức khỏe

2288. Sự sống và sức khỏe thể lý là những ơn rất quý giá Thiên Chúa giao phó cho chúng ta. Chúng ta phải chăm sóc chúng cách hợp lý, dù vẫn phải lưu tâm đến những nhu cầu của tha nhân và của công ích.

1503

Việc *chăm sóc sức khỏe* của các công dân phải được sự trợ giúp của xã hội để có những điều kiện sống giúp họ lớn lên và đạt tới mức trưởng thành: cơm ăn, áo mặc, nhà ở, chăm sóc sức khỏe, giáo dục căn bản, việc làm và trợ cấp xã hội.

1509

2289. Mặc dù luân lý đòi phải tôn trọng sự sống thể xác, nhưng luân lý không dành cho nó một giá trị tuyệt đối. Luân lý chống lại não trạng tâm ngoại giáo, có ý muốn cổ võ sự *tôn thờ thân xác*, hy sinh tất cả cho thân xác, thờ ngẫu tượng là sự trợn hảo thể lý và sự chiến thắng trong các hoạt động thể dục thể thao. Một não trạng như vậy, vì chọn lọc người khỏe và loại bỏ người yếu, có thể đi tới chỗ làm băng hoại các tương quan giữa con người.

364

2113

2290. Đức tiết độ giúp *tránh mọi thái quá* như: ăn uống quá độ, lạm dụng rượu, thuốc hút và y dược. Những người ở trong trạng thái say rượu hoặc say mê tốc độ không chừng mực, gây nguy hiểm cho sự an toàn của tha nhân hoặc của chính mình trên đường, trên biển hoặc trên không, đều có tội cách nghiêm trọng.

1809

2291. Việc *sử dụng ma túy* gây ra những tàn phá hết sức nghiêm trọng cho sức khỏe và mạng sống con người. Ngoài những chỉ dẫn để trị liệu một cách tử tế, sử dụng ma túy là một tội nghiêm trọng.

⁶¹ ĐGH Piô XII, Nuntius radiophonicus (1/6/1941): AAS 33 (1941) 197.

⁶² X. Ep 6,4 ; Cl 3,21.

Việc bí mật sản xuất và buôn bán ma tuý là đáng ghê tởm; đó là sự cộng tác trực tiếp, vì các hoạt động đó xúi giục những việc sử dụng chống lại luật luân lý cách nghiêm trọng.

Tôn trọng con người và nghiên cứu khoa học

2292. Những thí nghiệm khoa học, về y khoa hoặc về tâm lý, trên các cá vị hoặc các nhóm người, có thể góp phần vào việc chữa bệnh và sự tiến bộ của sức khoẻ cộng đồng.

159 **2293.** Việc nghiên cứu khoa học cơ bản và cả nghiên cứu áp dụng, là một biểu lộ đầy ý nghĩa quyền bá chủ của con người trên công trình tạo dựng. Khoa học và kỹ thuật là những sự trợ giúp rất quý giá khi được đưa vào phục vụ con người, và giúp phát triển toàn diện con người để mưu ích chung; nhưng khoa học và kỹ thuật tự chúng không thể đem lại ý nghĩa cho cuộc đời và cho sự tiến bộ của con người. Khoa học và kỹ thuật quy hướng về con người, xuất phát từ con người và tiến bộ nhờ con người; vì thế chính nơi con người và các giá trị luân lý của con người, khoa học và kỹ thuật mới tìm được sự chỉ dẫn cho mục đích của chúng và ý thức được những giới hạn của chúng.

1703

2294. Thật là ảo tưởng, khi đòi cho việc nghiên cứu khoa học và những áp dụng khoa học tính trung lập về luân lý. Đàng khác, những tiêu chuẩn định hướng không thể rút ra chỉ từ hiệu quả kỹ thuật, hoặc từ sự hữu ích cho những người này nhưng lại tổn hại cho những người khác, hoặc tệ hơn nữa, từ những ý thức hệ đang chiếm ưu thế. Khoa học và kỹ thuật, do bản chất của nó, đòi hỏi phải tuyệt đối tôn trọng các tiêu chuẩn căn bản của luân lý; phải nhằm phục vụ nhân vị, phục vụ các quyền bất khả nhượng của nhân vị, lợi ích đích thực và toàn vẹn của nhân vị, theo dự định và ý muốn của Thiên Chúa.

2375

2295. Những nghiên cứu hoặc thí nghiệm trên con người không thể hợp pháp hoá những hành vi tự chúng là nghịch với phẩm giá của các nhân vị và với luật luân lý. Sự ưng thuận của các đương sự, nếu có, cũng không biện minh được cho những hành vi như vậy. Thí nghiệm trên con người là không hợp pháp về mặt luân lý, nếu sự thí nghiệm đó làm cho mạng sống hoặc sự toàn vẹn tâm sinh lý của đương sự rơi vào những nguy cơ không tương xứng hoặc không thể tránh khỏi. Ngoài ra, thí nghiệm trên con người là không phù hợp với phẩm giá của nhân vị, nếu nó được tiến hành mà không có sự ưng thuận có ý thức của đương sự hoặc của những người có quyền đối với đương sự.

1753

2296. Việc *ghép các bộ phận cơ thể* là phù hợp với luật luân lý, nếu các nguy hiểm và rủi ro về thể lý và tâm lý nơi người cho, tương xứng với lợi ích được tìm kiếm nơi người nhận. Việc hiến các bộ phận sau khi chết là một hành vi cao quý đáng khen thưởng, và phải được khuyến khích như

2301

sự biểu lộ tình liên đới quảng đại. Không thể chấp nhận về mặt luân lý, nếu người cho, hoặc những thân nhân có quyền trên đương sự, không ứng thuận cách minh nhiên. Ngoài ra, không thể chấp nhận về mặt luân lý, việc trực tiếp cướp đoạt tài sản, hoặc trực tiếp gây cái chết, dù nhằm làm cho cái chết của những người khác chậm lại.

Tôn trọng sự toàn vẹn của thân thể

2297. *Nạn bắt cóc và giữ làm con tin* gieo kinh hoàng và, bằng những đe dọa, tạo áp lực không thể chịu nổi cho các nạn nhân. Những việc này là bất hợp pháp về mặt luân lý. *Khủng bố* đe dọa, gây thương tích và giết người cách bừa bãi; việc này đi ngược lại sự công bằng và bác ái cách nghiêm trọng. *Tra tấn*, tức là dùng bạo lực về thể lý hay luân lý để điều tra, để trừng phạt tội phạm, để đe dọa đối phương, để thoả mãn lòng thù ghét, là nghịch với sự tôn trọng con người và phẩm giá con người. Ngoài những trường hợp được thực hiện thật sự vì lý do trị liệu, việc *cắt bỏ, hủy hoại hoặc triệt sản* có chủ ý một cách trực tiếp trên những người vô tội đều nghịch với luật luân lý⁶³.

2298. Trong quá khứ các chính phủ hợp pháp thường sử dụng những biện pháp tàn bạo để duy trì lẽ luật và trật tự, mà thường các mục tử của Hội Thánh đã không phản kháng việc đó; chính những vị này còn áp dụng các quy định của bộ luật Rôma về tra tấn trong tòa án riêng của mình. Không kể những sự kiện đáng tiếc đó, Hội Thánh luôn luôn dạy bốn phận phải nhân từ và thương xót; Hội Thánh đã cấm các giáo sĩ không được gây đổ máu. Thời gian gần đây, người ta thấy rõ là các biện pháp tàn bạo đó không cần thiết cho trật tự công cộng, cũng chẳng phù hợp với những quyền hợp pháp của con người. Trái lại, những biện pháp đó còn đưa đến những suy thoái tồi tệ nhất. Phải đấu tranh để hủy bỏ những biện pháp tàn bạo đó. Phải cầu nguyện cho các nạn nhân và các lý hình.

2267

Tôn trọng người chết

2299. Phải lưu tâm và chăm sóc những người hấp hối để giúp họ sống những giây phút cuối đời của mình cách xứng đáng và bình an. Họ phải được thân nhân giúp đỡ bằng lời cầu nguyện. Những người này phải liệu sao cho bệnh nhân kịp thời lãnh nhận các bí tích để chuẩn bị gặp gỡ Thiên Chúa hằng sống.

1525

2300. Thi hài của những người đã qua đời phải được cư xử với lòng tôn trọng và với đức mến, trong đức tin và đức cậy vào sự phục sinh. Mai táng người chết là công việc của lòng thương xót đối với

1681-1690

⁶³ X. ĐGH Piô XI, Thông điệp *Casti connubi*: DS 3722-3723.

thân thể con người⁶⁴; việc đó tỏ lòng quý trọng con cái Thiên Chúa, là đền thờ của Chúa Thánh Thần.

2296 **2301.** Việc mổ và khám nghiệm tử thi có thể được chấp nhận về mặt luân lý, với lý do để điều tra pháp lý hoặc nghiên cứu khoa học. Việc hiến tặng nhưng không các bộ phận cơ thể sau khi chết là hợp pháp và có thể là có công phúc.

Hội Thánh cho phép hỏa táng nếu việc này không biểu lộ sự hoài nghi về đức tin vào sự phục sinh của thân xác⁶⁵.

III. BẢO VỆ HÒA BÌNH

PACIS TUTELA

Hòa bình

1765 **2302.** Khi nhắc lại điều răn: “Chớ giết người” (Mt 5,21), Chúa chúng ta đòi chúng ta giữ trái tim bình an và Người tố cáo tính vô luân của việc giận dữ và sự căm ghét.

Giận dữ là một ước muốn trả thù. “Ước muốn báo thù vì điều xấu của kẻ đáng bị phạt, là không hợp pháp”: nhưng bắt phải đền bù “nhằm sửa chữa lại các thói xấu và duy trì điều tốt của đức công bằng” là điều đáng khen ngợi⁶⁶. Nếu giận dữ đến độ chủ ý muốn giết chết hay làm bị thương nặng người lân cận, là xúc phạm đến đức mến một cách nghiêm trọng; đó là tội trọng. Chúa nói: “Ai giận anh em mình, thì đáng bị đưa ra tòa” (Mt 5,22).

2094 **2303.** *Căm ghét* có chủ ý là điều nghịch với đức mến. Căm ghét người lân cận là có tội, khi một người chủ ý muốn điều xấu cho người khác. Căm ghét người lân cận là có tội nặng, khi một người chủ ý muốn cho người khác bị thiệt hại nghiêm trọng. “Còn Thầy, Thầy bảo anh em: hãy yêu kẻ thù và cầu nguyện cho những kẻ ngược đãi anh em. Như vậy, anh em mới được trở nên con cái của Cha anh em, Đấng ngự trên trời” (Mt 5,44-45).

1909 **2304.** Sự tôn trọng và sự phát triển đời sống con người đòi phải có *hoà bình*. Hoà bình không phải chỉ là vắng bóng chiến tranh, và không thể giản lược vào việc giữ được thế quân bình giữa các lực lượng đối nghịch nhau. Hoà bình không thể có được trên trái đất, nếu không có sự bảo vệ của cải của các nhân vị, không có sự truyền thông tự do giữa con người, không có sự tôn trọng phẩm giá của con người và của các dân tộc, không có sự chuyên chăm thực

⁶⁴ X. Tb 1,16-18.

⁶⁵ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 1176,3.

⁶⁶ Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, II-II, q. 158, a. 1, ad 3: Ed. Leon. 10, 273.

thi tình huynh đệ. Hoà bình là “sự ổn định của trật tự”⁶⁷. Hoà bình là “sự nghiệp của đức công minh” (Is 32,17) và là hiệu quả của đức mến⁶⁸. 1807

2305. Hoà bình trên trần thế là hình ảnh và hoa trái của *bình an của Đức Kitô*, “Thủ lãnh Hoà Bình” thời Messia (Is 9,5). Nhờ máu đổ ra “trên thập giá, Người đã tiêu diệt sự thù hận” ngay trong thân xác Người⁶⁹, Người đã giao hoà loài người với Thiên Chúa và làm cho Hội Thánh trở thành bí tích hợp nhất nhân loại và kết hợp nhân loại với Thiên Chúa⁷⁰. “Chính Người là bình an của chúng ta” (Ep 2,14). Người tuyên bố: “Phúc thay ai xây dựng hòa bình” (Mt 5,9). 1468

2306. Những ai khước từ hành động bạo lực và đổ máu, sử dụng những phương tiện tự vệ vừa tầm những kẻ khá yếu đuối, để bảo vệ quyền lợi của con người, là những người làm chứng cho đức mến của Tin Mừng, miễn là điều này không phương hại đến các quyền lợi và bổn phận của những người khác và các tập thể khác. Họ làm chứng cách hợp pháp cho tính nghiêm trọng của những nguy cơ về thể lý và luân lý, khi sử dụng bạo lực, với những tàn phá và chết chóc của bạo lực⁷¹. 2267

Tránh chiến tranh

2307. Điều răn thứ năm cấm chủ ý hủy hoại mạng sống con người. Vì mọi cuộc chiến đều kéo theo những tai hoạ và những bất công, nên Hội Thánh khẩn thiết thúc giục mỗi người cầu nguyện và hành động, để lòng nhân lành của Thiên Chúa giải thoát chúng ta khỏi ách nô lệ ngàn đời của chiến tranh⁷².

2308. Mỗi công dân và mỗi người lãnh đạo đều buộc phải hành động để tránh chiến tranh.

Tuy nhiên, “bao lâu nguy cơ chiến tranh tồn tại, bao lâu chưa có quyền bình quốc tế nào có thẩm quyền và có đủ sức mạnh, thì một khi đã tận dụng mọi phương thế dàn xếp ôn hòa, các chính phủ có thể được phép sử dụng quyền bảo vệ hợp pháp”⁷³. 2266

2309. Phải xem xét cẩn thận các điều kiện tử mỉ để *bảo vệ hợp pháp bằng sức mạnh quân sự*. Một quyết định như thế rất nghiêm 2243

⁶⁷ Thánh Augustinô, *De civitate Dei*, 19,13: CSEL 402, 395 (PL 41, 640).

⁶⁸ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 78: AAS 58 (1966) 1101.

⁶⁹ X. Ep 2,16 ; Cl 1,20-22.

⁷⁰ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 1: AAS 57 (1965) 5.

⁷¹ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 78: AAS 58 (1966) 1101-1102.

⁷² X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 81: AAS 58 (1966) 1105.

⁷³ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 79: AAS 58 (1966) 1103.

trọng, nên phải hội đủ các điều kiện nghiêm ngặt của tính hợp pháp về luân lý. Cùng một trật, đòi phải có:

- Thiệt hại do kẻ xâm lược gây ra cho quốc gia hoặc cho cộng đồng các quốc gia có tính lâu dài, nghiêm trọng và chắc chắn;
- Tất cả các phương thế khác để chấm dứt tình trạng này rõ ràng là bất khả hoặc vô hiệu;
- Phải hội đủ các điều kiện quan trọng để thành công;
- Việc sử dụng vũ khí không kéo theo những tai hại và hỗn loạn nghiêm trọng hơn tai hại ta đang cố loại trừ. Khả năng tàn phá của các phương tiện chiến tranh hiện đại là sức ép nghiêm trọng nhất phải được thẩm định trong điều kiện này.

Trên đây là những yếu tố truyền thống được liệt kê trong học thuyết “chiến tranh chính đáng”.

Việc thẩm định các điều kiện đó để có tính hợp pháp về luân lý, thuộc về sự phán đoán khôn ngoan của những người có bổn phận về công ích.

1897

2310. Trong trường hợp này, công quyền có quyền và bổn phận đề ra cho các công dân *những nghĩa vụ cần thiết để bảo vệ tổ quốc.*

2239, 1909

Những ai phục vụ tổ quốc trong quân đội, là những người phụng sự cho an ninh và tự do của các dân tộc. Khi chu toàn đúng đắn nhiệm vụ của mình, họ thật sự góp phần vào công ích và vào việc gìn giữ hòa bình⁷⁴.

1782, 1790

2311. Công quyền phải dự liệu một cách công bằng cho trường hợp những người, vì lý do lương tâm, từ chối sử dụng vũ khí, trong khi họ vẫn buộc phải phục vụ cộng đồng nhân loại bằng một hình thức khác⁷⁵.

2312. Hội Thánh và lý trí con người đều tuyên bố hiệu lực trường tồn của *luật luân lý, trong thời gian xảy ra các cuộc xung đột có vũ trang.* “Không phải vì chiến tranh đã chẳng may khai diễn, mà do đó các phía đối nghịch nhau được phép muốn làm gì thì làm”⁷⁶.

2313. Phải tôn trọng và đối xử cách nhân đạo với thường dân, thương binh và tù binh.

Những hành động chủ ý nghịch với quyền của các dân tộc và với các nguyên tắc phổ quát của quyền đó, và cả các mệnh lệnh buộc thi hành những hành động đó, đều là tội ác. Sự tuân phục mù quáng không đủ để những ai tuân hành các mệnh lệnh đó được tha thứ. Như vậy, việc tiêu diệt một dân tộc, một quốc gia hoặc một nhóm dân thiểu số phải bị kết

⁷⁴ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 79: AAS 58 (1966) 1103.

⁷⁵ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 79: AAS 58 (1966) 1103.

⁷⁶ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 79: AAS 58 (1966) 1103.

án như một tội trọng. Bốn phạm luân lý đòi buộc phải chống lại các lệnh truyền “diệt chủng”.

2242

2314. “Mọi hành động hiếu chiến nhằm tiêu diệt một cách không phân biệt toàn thể những thành phố hoặc những vùng rộng lớn cùng với dân cư ở đó, đều là tội ác chống lại Thiên Chúa và chính con người, phải bị kết án cách mạnh mẽ và không do dự”⁷⁷. Nguy cơ của chiến tranh hiện đại là tạo dịp cho những người sở hữu các vũ khí khoa học, đặc biệt là vũ khí nguyên tử, sinh học hoặc hóa học, phạm những thứ tội ác như thế.

2315. Thật là nghịch lý, nhiều người xem việc *tích lũy vũ khí* như một phương thế để can ngăn đối phương khởi gây chiến. Họ coi đó là phương thế hữu hiệu nhất, khả dĩ bảo đảm hòa bình giữa các quốc gia. Về mặt luân lý, phải rất dè dặt đối với phương thức can ngăn này. *Việc chạy đua vũ trang* không bảo đảm được hòa bình. Việc đó không những không loại bỏ các nguyên nhân gây chiến, mà còn có nguy cơ làm cho các nguyên nhân đó trở thành trầm trọng hơn. Việc chi tiêu những khoản tiền khổng lồ để chuẩn bị vũ khí ngày càng tối tân, ngăn cản việc trợ giúp các dân tộc nghèo đói⁷⁸; việc chi tiêu đó cản trở sự phát triển của các dân tộc. Tự trang bị vũ khí cách thái quá làm gia tăng những nguyên nhân xung đột và tạo thêm nguy cơ lây lan các xung đột.

2316. Việc *sản xuất và buôn bán vũ khí* ảnh hưởng đến công ích của các quốc gia và của cộng đồng quốc tế. Vì vậy, các nhà cầm quyền có quyền và bốn phạm quy định về vấn đề này. Những lợi nhuận ngắn hạn tư nhân hay công cộng không thể biện minh hợp pháp cho các tổ chức kinh doanh thúc đẩy bạo lực và xung đột giữa các quốc gia, và gây nguy hại cho lãnh vực luật pháp quốc tế.

1906

2317. Những bất công và bất bình đẳng thái quá trong lãnh vực kinh tế và xã hội, lòng tham lam, sự ngờ vực và tính kiêu căng đang sinh sôi nảy nở giữa người ta và các quốc gia, không ngừng đe dọa nền hòa bình và gây ra chiến tranh. Bất cứ điều gì được thực hiện nhằm khắc phục những xáo trộn này, đều góp phần vào việc xây dựng hoà bình và tránh chiến tranh:

1938

2538

1941

“Bởi vì con người là những kẻ tội lỗi, nên nguy cơ chiến tranh còn đe dọa họ, và sẽ còn đe dọa cho tới cuộc Ngự đến của Đức Kitô. Tuy nhiên, bởi vì là những người được liên kết bằng đức mến, con người thắng vượt được tội lỗi, nên bạo lực sẽ bị thắng vượt, cho tới khi lời sau đây được hoàn thành: ‘Họ sẽ đúc gươm đao thành cuốc thành cày, rèn giáo mác nên liềm nên hái. Dân

⁷⁷ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 80: AAS 58 (1966) 1104.

⁷⁸ X. ĐGH Phaolô VI, Thông điệp *Populorum progressio*, 53: AAS 59 (1967) 283.

này nước nọ sẽ không còn vung kiếm đánh nhau và thiên hạ thôi học nghề chinh chiến' (Is 2,4)⁷⁹.

TÓM LƯỢC

2318. *“Chính Thiên Chúa nắm trong tay hồn của mọi sinh vật cũng như hơi thở của tất cả người phàm” (G 12,10).*

2319. *Toàn bộ đời sống con người, từ lúc tượng thai cho đến khi chết, là điều linh thánh, bởi vì Thiên Chúa muốn dựng nên con người vì chính họ, theo hình ảnh và giống như Thiên Chúa hằng sống và thánh thiện.*

2320. *Giết một thụ tạo nhân linh là chống lại một cách nghiêm trọng phẩm giá con người và sự thánh thiện của Đấng Tạo Hoá.*

2321. *Luật cấm giết người không huỷ bỏ quyền làm cho kẻ xâm phạm bất chính mất khả năng tác hại. Sự bảo vệ hợp pháp là một bổn phận quan trọng của những người có trách nhiệm về mạng sống người khác hay công ích.*

2322. *Ngay từ lúc tượng thai, đứa bé đã có quyền được sống. Việc phá thai trực tiếp, nghĩa là, hoặc được muốn như mục đích hoặc được muốn như phương tiện, đều là một hành vi “ô nhục”⁸⁰, nghịch lại luật luân lý một cách nghiêm trọng. Theo giáo luật, Hội Thánh phạt vạ tuyệt thông cho tội ác chống lại sự sống con người này.*

2323. *Vì phải được đối xử như một nhân vị từ lúc tượng thai, nên phôi thai phải được bảo vệ, chăm sóc và chữa trị trong sự toàn vẹn của nó, cũng như bất cứ thụ tạo nhân linh nào khác.*

2324. *Cái chết êm dịu (euthanasia) có chủ ý, với bất cứ hình thức và lý do nào, đều là tội giết người. Tội này nghịch lại cách nghiêm trọng với phẩm giá của nhân vị, và với sự tôn trọng Thiên Chúa hằng sống, Đấng Tạo Hoá của con người.*

2325. *Tự sát là nghịch lại cách nghiêm trọng với đức công bằng, đức cậy và đức mến. Điều răn thứ năm cấm tự sát.*

2326. *Gương xấu là một trọng tội, nếu bằng hành động hay bằng sự thiếu sót, nó chủ ý lôi kéo tha nhân đến chỗ phạm trọng tội.*

2327. *Vì mọi cuộc chiến đều kéo theo những tai họa và những bất công, nên chúng ta phải làm bất cứ điều gì có thể một cách hữu lý,*

⁷⁹ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 78: AAS 58 (1966) 1102.

⁸⁰ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 27: AAS 58 (1966) 1048.

để tránh chiến tranh. Hội Thánh cầu nguyện: “Lạy Chúa, xin cứu chúng con khỏi ôn dịch, nạn đói và chiến tranh”.

2328. Hội Thánh và lý trí con người đều tuyên bố hiệu lực trường tồn của luật luân lý, trong thời gian xảy ra các cuộc xung đột có vũ trang. Những hành động chủ ý nghịch với quyền của các dân tộc và với các nguyên tắc phổ quát của quyền đó, đều là tội ác.

2329. Việc chạy đua vũ trang là một tai họa hết sức nghiêm trọng cho nhân loại và xúc phạm đến người nghèo một cách không thể tha thứ được⁸¹.

2330. “Phúc thay ai xây dựng hòa bình, vì họ sẽ được gọi là con Thiên Chúa” (Mt 5,9).

Mục 6 Điều Răn Thứ Sáu

Articulus 6 Sextum praeceptum

“Người không được ngoại tình” (Xh 20,14)⁸².

“Anh em đã nghe luật dạy rằng: Chớ ngoại tình. Còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết: Ai nhìn người phụ nữ mà thèm muốn, thì trong lòng đã ngoại tình với người ấy rồi (Mt 5,27-28).

I. “THIÊN CHÚA TẠO DỰNG CON NGƯỜI, CÓ NAM CÓ NỮ...” 369-373 “MASCULUM ET FEMINAM CREAVIT EOS...”

2331. “Thiên Chúa là tình yêu và nơi Ngài, Ngài sống mẫu nhiệm của sự hiệp thông ngôi vị trong tình yêu. Khi tạo dựng bản tính con người theo hình ảnh mình, có nam có nữ, Thiên Chúa khắc ghi vào bản tính ấy *ơn gọi*, cùng với khả năng và trách nhiệm sống trong tình yêu và sự hiệp thông”⁸³.

1604

“Thiên Chúa tạo dựng con người theo hình ảnh mình... Thiên Chúa tạo dựng con người có nam có nữ” (St 1,27). “Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều” (St 1,28). “Ngày Thiên Chúa tạo dựng con người, Thiên Chúa làm ra con người giống như Thiên Chúa. Chúa

⁸¹ X. CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 81: AAS 58 (1966) 1105.

⁸² X. Đnl 5,18.

⁸³ DGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Familiaris consortio*, 11: AAS 74 (1982) 91-92.

tạo dựng con người có nam có nữ, Chúa ban phúc lành cho họ và đặt tên cho họ là ‘người’, ngày họ được tạo dựng” (St 5,1-2).

362 **2332.** *Tính dục* ảnh hưởng trên mọi phương diện của nhân vị, trong sự hợp nhất của linh hồn và thân xác của nó. Tính dục đặc biệt liên quan đến sức mạnh tình cảm, khả năng yêu thương và sinh sản, và một cách tổng quát hơn, khả năng kết nối các mối dây hiệp thông với người khác.

1603 **2333.** Mỗi người, nam cũng như nữ, phải nhận biết và chấp nhận *căn tính* tính dục của mình. *Sự khác biệt và sự bổ sung* về thể lý, luân lý và tinh thần hướng đến lợi ích của hôn nhân và sự phát triển đời sống gia đình. Sự hài hòa của đôi phối ngẫu và của xã hội tùy thuộc phần nào vào cách thực hiện trong đời sống: sự bổ sung giữa các phái tính, sự cần đến nhau và sự trợ giúp lẫn nhau.

357 **2334.** “Khi tạo dựng con người ‘có nam có nữ’, Thiên Chúa đã ban cho người nam và người nữ sự bình đẳng về nhân phẩm”⁸⁴. “Con người là một nhân vị, người nam và người nữ bình đẳng với nhau: cả hai được tạo dựng theo hình ảnh và giống Thiên Chúa hữu ngã (personalis)”⁸⁵.

2205 **2335.** Mỗi một trong hai phái tính, bình đẳng về phẩm giá, dù theo cách thức khác nhau, đều là hình ảnh của quyền năng và lòng yêu thương của Thiên Chúa. *Sự kết hợp giữa người nam và người nữ* trong hôn nhân là một cách nào đó, nơi thân xác, mô phỏng lòng quảng đại và sự phong phú của Đấng Tạo Hoá: “Người đàn ông lia cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và cả hai thành một xương một thịt” (St 2,24). Chính từ sự kết hợp này xuất phát mọi thế hệ con người”⁸⁶.

1614 **2336.** Chúa Giêsu đã đến phục hồi cho thụ tạo tình trạng tinh tuyền nguyên thủy của nó. Trong Bài giảng trên núi, Người đã giải thích cách chính xác ý định của Thiên Chúa: “Anh em đã nghe luật dạy rằng: Chớ ngoại tình. Còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết: Ai nhìn người phụ nữ mà thèm muốn, thì trong lòng đã ngoại tình với người ấy rồi” (Mt 5,27-28). “Sự gì Thiên Chúa đã kết hợp loài người không được phân ly”⁸⁷.

Truyền thống của Hội Thánh đã hiểu: điều răn thứ sáu đề cập đến mọi lãnh vực về tính dục của con người.

⁸⁴ ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Familiaris consortio*, 22: AAS 74 (1982) 107; x. CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 49: AAS 58 (1966) 1070.

⁸⁵ ĐGH Gioan Phaolô II, Tông thư *Mulieris dignitatem*, 6: AAS 80 (1988) 1663.

⁸⁶ X. St 4,1-2.25-26; 5,1.

⁸⁷ X. Mt 19,6.

II. ƠN GỌI SỐNG KHIẾT TỊNH

VOCATIO AD CASTITATEM

2337. Sự khiết tịnh là việc hoà nhập thành công tính dục trong nhân vị, và qua đó, là sự thống nhất nội tâm của con người là thực tại vừa thể xác, vừa tinh thần. Tính dục là nơi biểu lộ sự tùy thuộc của con người vào thế giới vật chất và sinh học; nó trở thành cá vị (*personalis*) và thật sự nhân bản (*humana*) khi gắn với tương quan giữa người với người, trong việc hiến thân cho nhau trọn vẹn và vĩnh viễn giữa người nam và người nữ.

2520, 2349

Như vậy, nhân đức khiết tịnh bao gồm toàn bộ nhân vị và sự trọn vẹn của việc hiến thân.

Toàn bộ nhân vị

2338. Người khiết tịnh giữ được toàn bộ sức mạnh của sự sống và tình yêu, đã được đặt nơi con người mình. Sự toàn vẹn này bảo đảm sự thống nhất của nhân vị, chống lại mọi thái độ làm tổn thương đến sự thống nhất đó. Nó không chấp nhận cuộc sống hai mặt, lời nói hai ý⁸⁸.

2339. Đức khiết tịnh bao hàm việc *tập luyện sự tự chủ*, tức là một cách tập luyện để sống sự tự do của con người. Lựa chọn là điều rõ ràng: con người hoặc chế ngự các đam mê của mình và được bình an; hoặc để chúng bắt mình làm nô lệ và trở nên bất hạnh⁸⁹. “Phẩm giá con người đòi họ phải hành động theo một sự lựa chọn có ý thức và tự do, một cách cá vị, nghĩa là được thúc đẩy và được hướng dẫn từ bên trong, chứ không phải dưới sự thôi thúc mù quáng bên trong hoặc chỉ dưới sự cưỡng chế bên ngoài. Con người đạt đến phẩm giá đó khi, nhờ tự giải thoát khỏi mọi nô dịch cho các đam mê, nhờ tự do lựa chọn điều thiện, con người theo đuổi mục đích của mình và một cách hữu hiệu, tìm được cho mình sự trợ giúp thích hợp và sự chuyên cần thành thạo”⁹⁰.

1767

2340. Ai muốn trung thành với những lời hứa khi lãnh Phép Rửa và chống lại các cơn cám dỗ, phải dùng *những phương thế* tương ứng: phải biết mình, thực tập việc khổ chế thích hợp với hoàn cảnh mình đang sống, tuân giữ các điều răn của Thiên Chúa, thực hành các nhân đức luân lý và trung thành với việc cầu nguyện. “Nhờ sự tiết dục, chúng ta được quy tụ lại và tìm lại được sự thống

2015

⁸⁸ X. Mt 5,37.

⁸⁹ X. Hc 1,22.

⁹⁰ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 17: AAS 58 (1966) 1037-1038.

nhất bản thân, mà từ đó chúng ta đã bị phân tán thành nhiều mảnh”⁹¹.

1809 **2341.** Đức khiết tịnh phụ thuộc nhân đức trụ là *đức tiết độ*, là nhân đức dùng lý trí để hướng dẫn các đam mê và các ước muốn của giác quan con người.

407 **2342.** Sự tự chủ là *một công việc bền bỉ lâu dài*, không bao giờ được coi như đã đạt tới một lần là xong. Sự tự chủ bao hàm sự cố gắng đi cố gắng lại trong mọi độ tuổi của cuộc đời⁹². Có thể ở một số giai đoạn nào đó đòi phải cố gắng nhiều hơn, như khi nhân cách được hình thành, trong tuổi thiếu niên và thanh niên (x. Tt 2,1-6).

2223 **2343.** Đức khiết tịnh cũng có *những quy luật tăng trưởng*, phải trải qua những bất toàn và rất thường là tội lỗi nữa. Con người khiết tịnh và say mê nhân đức “ngày qua ngày, như được hình thành bằng nhiều lựa chọn tự do: nhờ đó họ nhận biết, yêu mến và chu toàn điều thiện luân lý qua những giai đoạn tăng trưởng của họ”⁹³.

2525 **2344.** Đức khiết tịnh là một công việc hết sức cá vị, nhưng cũng bao hàm một *nỗ lực về văn hóa*, bởi vì quả thật “sự thăng tiến của nhân vị và sự phát triển của chính xã hội lệ thuộc lẫn nhau”⁹⁴. Đức khiết tịnh giả thiết sự tôn trọng đối với các quyền con người, đặc biệt quyền được đón nhận thông tin và sự giáo dục, để biết tôn trọng các giá trị luân lý và tinh thần của đời sống con người.

1810 **2345.** Khiết tịnh là một nhân đức luân lý. Nhưng đó cũng là hồng ân của Thiên Chúa, là *ân sủng*, là hoa trái của Thần Khí⁹⁵. Chúa Thánh Thần ban cho người đã được tái sinh nhờ nước Rửa Tội, có khả năng mô phỏng⁹⁶ sự trong sạch của Đức Kitô.

Sự trọn vẹn của việc hiến thân

1827 **2346.** Đức mến là mô thể của mọi nhân đức. Dưới ảnh hưởng của đức mến, đức khiết tịnh như là trường dạy việc hiến thân. Sự tự chủ được quy hướng tới sự tự hiến. Đức khiết tịnh hướng dẫn người thực thi nhân đức đó, để họ trở thành chứng nhân về lòng trung tín và yêu thương của Thiên Chúa trước mặt người lân cận.

374 **2347.** Đức khiết tịnh nảy nở trong *tình bằng hữu*. Nhân đức này chỉ cho người môn đệ biết làm thế nào để bước theo và bắt chước

⁹¹ Thánh Augustinô, *Confessiones*, 10, 29, 40: CCL 27, 176 (PL 32, 796).

⁹² X. Tt 2,1-6.

⁹³ ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Familiaris consortio*, 34: AAS 74 (1982) 123.

⁹⁴ CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 25: AAS 58 (1966) 1045.

⁹⁵ X. Gl 5,22-23.

⁹⁶ X. 1 Ga 3,3.

Đấng đã chọn chúng ta như bạn hữu riêng của Người⁹⁷, đã tự hiến trọn vẹn cho chúng ta và cho chúng ta tham dự vào thần tính của Người. Đức khiết tịnh là lời hứa của sự bất tử.

Đức khiết tịnh được biểu lộ cách đặc biệt *trong tình bằng hữu đối với người lân cận*. Tình bằng hữu, được triển nở giữa những người cùng phái hoặc khác phái, là điều thiện hảo lớn lao cho mọi người. Tình bằng hữu dẫn đến sự hiệp thông tinh thần.

Những cách sống khiết tịnh

2348. Mọi người đã được rửa tội đều được kêu gọi sống khiết tịnh. Kitô hữu đã mặc lấy Đức Kitô⁹⁸, khuôn mẫu của mọi đời sống khiết tịnh. Tất cả các Kitô hữu đều được kêu gọi sống đời khiết tịnh tùy theo bậc sống riêng của mình. Khi lãnh nhận Phép Rửa, Kitô hữu đã cam kết điều khiển sức mạnh tình cảm của mình trong đức khiết tịnh.

2349. “Người ta phải được tô điểm bằng đức khiết tịnh tùy theo bậc sống khác nhau: có người thì tuyên giữ trinh khiết hay độc thân thánh hiến cho Thiên Chúa, nhờ cách thức trở vượt này, họ có thể kết hợp với Thiên Chúa cách dễ dàng hơn nhờ một trái tim không chia sẻ; có người lại sống theo hình thức đã được luật luân lý đặt ra cho mọi người, hoặc được kết hợp bằng hôn nhân hoặc sống độc thân”⁹⁹. Những người đã được liên kết bằng hôn nhân được kêu gọi sống đức khiết tịnh phụ; còn những người khác thì vun trồng đức khiết tịnh trong sự tiết dục.

1620

“Có ba hình thức sống đức khiết tịnh: một là của bậc phụ phụ, thứ đến của người góa bụa và thứ ba là của kẻ đồng trinh. Chúng ta không ca tụng hình thức này mà loại bỏ hình thức khác... Chính ở điểm này, kỷ luật của Hội Thánh rất phong phú”¹⁰⁰.

2350. *Những người đã đính hôn* được kêu gọi vun trồng đức khiết tịnh trong sự tiết dục. Trong thời gian thử thách này, họ sẽ học biết tôn trọng lẫn nhau, tập chung thủy và hy vọng được đón nhận nhau từ Thiên Chúa. Họ phải dành những cách biểu lộ lòng âu yếm, là đặc trưng của tình yêu phụ phụ, cho đến lúc đã thành hôn. Họ phải giúp nhau lớn lên trong sự khiết tịnh.

1632

⁹⁷ X. Ga 15,15.

⁹⁸ X. Gl 3,27.

⁹⁹ Thánh bộ Giáo lý Đức Tin, Tuyên ngôn *Persona humana*, 11: AAS 68 (1976) 90-91.

¹⁰⁰ Thánh Ambrôsiô, *De viduis*, 23: *Sancti Ambrosii Episcopi Mediolanensis opera*, v. 141 (Milano-Roma 1989) 266 (PL 16, 241-242).

Những xúc phạm nghịch đức khiết tịnh

2528 **2351.** *Mê dâm dục* là sự ham muốn vô trật tự hay hưởng thụ vô độ khoái lạc tình dục. Khoái lạc tình dục là vô trật tự về mặt luân lý, khi chỉ tìm khoái lạc để hưởng thụ, chứ không nhằm mục đích sinh sản và kết hợp trong tình yêu.

2352. *Thủ dâm* hiểu là việc chủ ý kích thích cơ quan sinh dục để đạt được khoái lạc tình dục. “Dựa theo truyền thống bền vững, cả Huấn quyền cả cảm thức luân lý của các Kitô hữu, không hoài nghi khẳng định rằng, thủ dâm là một hành vi tự bản chất là vô trật tự cách nghiêm trọng”. “Với bất cứ lý do nào, việc chủ ý sử dụng khả năng tình dục ngoài quan hệ phụ phụ đúng đắn cũng là sai mục đích của nó”. Ở đây là tìm khoái lạc tình dục bên ngoài quan hệ tình dục, “theo luật luân lý đòi hỏi, là quan hệ thực hiện việc hiến thân trọn vẹn cho nhau và việc sinh sản con người trong khuôn khổ của tình yêu đích thực”¹⁰¹.

1735 Để có phán đoán đúng đắn về trách nhiệm luân lý của đương sự, cũng như đưa ra một đường hướng mục vụ, cần lưu ý đến tình trạng thiếu trưởng thành tình cảm, áp lực của các thói quen đã có, tâm trạng lo âu cũng như những yếu tố khác về tâm lý và xã hội. Các nhân tố trên có thể làm cho sự quy tội luân lý được giảm nhẹ, thậm chí đến mức tối thiểu.

2353. *Gian dâm* là quan hệ xác thịt ngoài hôn nhân giữa một người nam và một người nữ còn tự do. Tội này trái nghịch cách nghiêm trọng với nhân phẩm và tính dục của con người, vốn tự nhiên quy hướng tới lợi ích của đôi phối ngẫu cũng như tới việc sinh sản và giáo dục con cái. Ngoài ra, gian dâm còn là một gương xấu nghiêm trọng, khi làm băng hoại giới trẻ.

2523 **2354.** *Hình ảnh khiêu dâm* cốt tại việc đem những hành vi tính dục, có thật hay giả vờ, ra khỏi vòng thân mật của những người trong cuộc, chủ ý phơi bày cho những người khác. Hình ảnh khiêu dâm xúc phạm đến đức khiết tịnh, bởi vì làm biến chất hành vi phụ phụ, sự tự hiến thân mật cho nhau của đôi phối ngẫu. Chúng xúc phạm cách nghiêm trọng đến phẩm giá của những người tham gia vào đó (diễn viên, kẻ kinh doanh, khán giả), bởi vì người này trở thành đối tượng mua vui thô lỗ và là nguồn lợi nhuận bất chính cho người khác. Hình ảnh khiêu dâm đim hết người này đến người khác vào sự ảo tưởng của thế giới giả trá. Đó là một trọng tội. Chính quyền phải ngăn cấm việc sản xuất và phổ biến những hình ảnh khiêu dâm này.

¹⁰¹ Thánh bộ Giáo lý Đức Tin, Tuyên ngôn *Persona humana*, 9: AAS 68 (1976) 86.

2355. *Mại dâm* làm tổn thương phẩm giá của người làm nghề này, biến phẩm giá đó thành dụng cụ cho khoái lạc xác thịt. Người trả tiền [mua dâm] phạm tội cách nghiêm trọng nghịch với chính bản thân: họ phá huỷ đức khiết tịnh mà bí tích Rửa Tội đòi buộc, và làm ô ố thân xác của mình là đền thờ Chúa Thánh Thần¹⁰². Mại dâm là một tai hoạ cho xã hội. Thường thì liên quan đến người nữ, nhưng cũng có người nam, thiếu nhi hoặc thiếu niên (trong hai trường hợp sau, lại có thêm tội gây gương xấu). Mặc dù hành nghề mại dâm luôn là trọng tội, nhưng sự khốn cùng, những hăm dọa và sự thúc đẩy của xã hội có thể làm giảm thiểu tính quy tội của tội lỗi.

1735

2356. *Hiếp dâm* là dùng sức mạnh, với bạo lực, bất kể khác quan hệ tính dục với mình. Tội này làm tổn thương đức công bằng và đức mến. Hiếp dâm xúc phạm sâu xa đến quyền của mỗi người là quyền được tôn trọng, quyền tự do và quyền được toàn vẹn về thể lý và luân lý. Tội này gây thương tổn nghiêm trọng, có thể ảnh hưởng đến suốt cuộc đời của nạn nhân. Hành vi này luôn là một điều xấu từ bản chất. Hiếp dâm lại càng nghiêm trọng hơn, khi cha mẹ (x. tội loạn luân) hay những người giáo dục hiếp dâm các trẻ em được ủy thác cho họ.

2297

1756

2388

Đức khiết tịnh và sự đồng tính luyến ái

2357. Đồng tính luyến ái là những liên hệ giữa những người nam hay những người nữ, cảm thấy sự hấp dẫn tính dục, độc chiếm (exclusive) hoặc vượt trội (praevalenter) đối với những người cùng phái tính. Đồng tính luyến ái mang những hình thức rất khác nhau qua các thế kỷ và các nền văn hóa. Nguồn gốc tâm thần của hiện tượng này phần lớn vẫn chưa giải thích được. Dựa trên Thánh Kinh, vốn xem chúng như những suy đồi nghiêm trọng¹⁰³, truyền thống Hội Thánh luôn tuyên bố: “Các hành vi đồng tính luyến ái tự bản chất là vô trật tự”¹⁰⁴. Chúng nghịch với luật tự nhiên. Chúng khép kín hành vi tính dục khỏi việc ban tặng sự sống. Chúng không phát xuất từ tính bổ sung thật sự về tình cảm và tính dục. Những hành vi này không thể chấp nhận được trong bất cứ trường hợp nào.

2333

2358. Một số không nhỏ những người nam và người nữ có khuynh hướng đồng tính luyến ái thâm căn. Đối với đa số những người này, sự nghiêng chiều vô trật tự một cách khách quan đó, là một thử thách. Họ phải được đón nhận với sự tôn trọng, thông cảm và

¹⁰² X. 1 Cr 6,15-20.

¹⁰³ X. St 19,1-29; Rm 1,24-27; 1 Cr 6,9-10; 1 Tm 1,10.

¹⁰⁴ Thánh bộ Giáo lý Đức Tin, Tuyên ngôn *Persona humana*, 8: AAS 68 (1976) 85.

tế nhị. Phải tránh bất cứ dấu hiệu phân biệt đối xử bất công nào đối với họ. Những người này được kêu gọi thực hiện ý Thiên Chúa trong cuộc sống của mình, và, nếu là Kitô hữu, họ được kêu gọi kết hợp các khó khăn họ có thể gặp phải do hoàn cảnh của mình, với hy lễ thập giá của Chúa.

2347 **2359.** Những người đồng tính luyến ái được kêu gọi sống khiết tịnh. Nhờ các nhân đức giúp tự chủ dạy cho biết sự tự do nội tâm, và có khi nhờ sự nâng đỡ của tình bằng hữu vô vị lợi, nhờ việc cầu nguyện và ân sủng bí tích, chính họ có thể và phải dần dần và cương quyết tiến đến sự trọn hảo Kitô giáo.

III. TÌNH YÊU CỦA ĐÔI PHỐI NGẪU CONIUGUM AMOR

1601 **2360.** Tính dục quy hướng tới tình yêu phụ phụ giữa người nam và người nữ. Trong hôn nhân, sự ái ân thể xác của đôi phối ngẫu trở thành dấu chỉ và bảo chứng của sự hiệp thông tinh thần. Giữa những người đã chịu Phép Rửa, dây liên kết hôn nhân được thánh hóa bằng một bí tích.

1643, 2332 **2361.** “Tính dục..., qua đó người nam và người nữ hiến thân cho nhau bằng những hành vi riêng và đặc trưng của đôi phối ngẫu, không chỉ là một cái gì đó thuần túy sinh học, nhưng nó đụng chạm đến phần thâm sâu nhất của nhân vị. Tính dục chỉ được thực hiện một cách nhân bản đích thực, nếu nó là một phần để hoàn thành tình yêu, qua đó người nam và người nữ cam kết hiến thân trọn vẹn cho nhau cho đến chết”¹⁰⁵:

1611 “Tôbia ngồi dậy, ra khỏi giường và nói với Sara: ‘Đứng lên, em! Chúng ta hãy cầu nguyện nài xin Chúa để Ngài xót thương và ban ơn cứu độ cho chúng ta’. Cô đứng lên, rồi cả hai bắt đầu cầu nguyện và nài xin cho mình được cứu độ. Tôbia bắt đầu như sau: ‘Lạy Thiên Chúa của tổ tiên chúng con, xin chúc tụng Chúa.... Chính Chúa đã dựng nên ông Adam, dựng nên cho ông một người trợ giúp và nâng đỡ là bà Evà, vợ ông. Và dòng dõi loài người đã sinh ra từ hai ông bà. Chính Chúa đã nói: Con người ở một mình thì không tốt, Ta sẽ làm cho nó một người trợ giúp giống như nó. Giờ đây, không phải vì lòng dục mà con lấy em con đây, nhưng vì lòng chân thành. Xin Chúa đoái thương con và em con, cho chúng con được chung sống bên nhau đến tuổi già’. Rồi họ đồng thanh nói: ‘Amen, Amen!’. Sau đó, họ ngủ luôn cho đến sáng” (Tb 8,4-9).

¹⁰⁵ DGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Familiaris consortio*, 11: AAS 74 (1982) 92.

2362. “Những hành vi..., qua đó đôi phối ngẫu kết hợp với nhau cách thân mật và khiết tịnh, đều ngay chính và xứng đáng, và khi được thực hiện cách thật sự nhân bản, những hành vi ấy biểu thị và khích lệ sự hiến thân cho nhau, nhờ đó hai người làm cho nhau thêm phong phú trong tâm tình vui mừng và biết ơn”¹⁰⁶. Tính dục là nguồn mạch của sự hoan lạc và thú vui.

“Chính Đấng Tạo Hoá ... cũng đã sắp đặt để, trong nhiệm vụ sinh sản, đôi phối ngẫu gặp được thú vui và hạnh phúc cả thân xác cả tinh thần. Vì vậy, đôi phối ngẫu chẳng làm điều gì xấu, khi tìm kiếm và tận hưởng thú vui đó. Họ đón nhận những gì Đấng Tạo Hoá đã nhắm ban cho họ. Tuy nhiên, đôi phối ngẫu cũng phải biết giữ mình trong những giới hạn của sự tiết độ chính đáng”¹⁰⁷.

2363. Nhờ sự kết hợp của đôi phối ngẫu, mục đích kép của hôn nhân được thể hiện: lợi ích của chính đôi phối ngẫu và sự lưu truyền sự sống. Không thể tách biệt hai ý nghĩa hoặc hai giá trị này của hôn nhân, mà không làm biến chất đời sống tinh thần của đôi phối ngẫu cũng như phương hại đến những lợi ích của hôn nhân và tương lai của gia đình.

Như vậy tình yêu phu phụ của người nam và người nữ được đặt dưới một đòi hỏi kép là sự chung thủy và sự sinh sản con cái.

Sự chung thủy phu phụ

1646-1648

2364. Đôi phối ngẫu làm nên “cộng đồng thân mật của sự sống và tình yêu phu phụ, đã được Đấng Tạo Hoá thiết lập và ban cho những luật lệ riêng. Cộng đồng đó được thiết lập bằng giao ước của đôi phối ngẫu, nghĩa là bằng sự ưng thuận cá vị không thể thu hồi”¹⁰⁸. Cả hai hiến thân cho nhau cách vĩnh viễn và trọn vẹn. Họ không còn là hai, nhưng đã trở thành một thân xác duy nhất. Giao ước đã được đôi phối ngẫu ký kết cách tự do, buộc họ có bổn phận phải bảo tồn sự duy nhất và bất khả phân ly của giao ước đó¹⁰⁹. “Sự gì Thiên Chúa đã phối hợp, loài người không được phân ly” (Mc 10,9)¹¹⁰.

1603

1615

2365. Lòng chung thủy diễn tả sự kiên trì tuân giữ lời đã cam kết. Thiên Chúa là Đấng trung tín. Bí tích Hôn Phối dẫn đưa người nam và người nữ vào sự trung tín của Đức Kitô đối với Hội Thánh

1640

¹⁰⁶ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 49: AAS 58 (1966) 1070.

¹⁰⁷ ĐGH Piô XII, *Allocutio iis quae interfuerunt Conventui Unionis Catholicae Italicae inter Ostrices*, (29/10/1951): AAS 43 (1951) 851.

¹⁰⁸ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 48: AAS 58 (1966) 1067.

¹⁰⁹ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 1056.

¹¹⁰ X. Mt 19,1-12; 1 Cr 7,10-11.

Người. Nhờ sự khiết tịnh phu phụ, họ làm chứng về mẫu nhiệm đó trước mặt trần gian.

Thánh Gioan Kim Khẩu gợi ý cho các bạn trẻ lập gia đình nói những lời sau đây với vợ họ: “Anh ôm em và anh yêu em, anh quý em hơn cả linh hồn mình. Vì cuộc sống hiện tại chẳng là gì hết, nên anh cầu nguyện, anh nài xin, và anh làm mọi sự, sao cho chúng ta được coi là xứng đáng khi sống cuộc sống hiện tại, hầu chúng ta cũng có thể được như vậy trong cuộc sống đời sau, để được kết hợp với nhau trong sự an toàn trọn hảo... Anh đặt tình yêu của em lên trên tất cả; và sẽ chẳng có gì làm cho anh khổ tâm hơn là anh phải lìa xa em”¹¹¹.

1652-1653 **Sự sinh sản trong hôn nhân**

2366. Sự sinh sản là một hồng ân, một *mục đích của hôn nhân*, bởi vì tình yêu phu phụ tự nhiên hướng về việc sinh sản. Đứa con không phải là cái gì từ bên ngoài được thêm vào tình yêu hỗ tương của đôi phối ngẫu; nó xuất hiện ngay ở trọng tâm của việc hai người hiến thân cho nhau; nó là hoa trái và là sự hoàn thành của việc hiến thân cho nhau đó. Như vậy Hội Thánh, vốn “đứng về phe sự sống”¹¹², dạy rằng “bất cứ hành vi hôn nhân nào, tự nó, vẫn luôn được nhắm đến việc sinh sản sự sống con người”¹¹³. “Đạo lý này, thường được Huấn quyền trình bày, dựa trên sự liên kết bất khả phân ly, do Thiên Chúa ấn định, điều mà con người không được phép tự ý cắt đứt, giữa ý nghĩa kết hợp và ý nghĩa sinh sản, cả hai đều thuộc về một hành vi phu phụ”¹¹⁴.

2205 **2367.** Là những người được kêu gọi trao tặng sự sống, đôi phối ngẫu tham dự vào quyền năng tạo dựng và tình phụ tử của Thiên Chúa¹¹⁵. “Trong bốn phận lưu truyền sự sống con người và giáo dục, điều phải được coi như sứ vụ riêng của mình, đôi phối ngẫu biết rằng mình là những cộng tác viên của tình yêu Thiên Chúa và như những người diễn đạt tình yêu của Ngài. Vì vậy, họ sẽ chu toàn nhiệm vụ của mình bằng trách nhiệm của một con người và của một Kitô hữu”¹¹⁶.

2368. Một khía cạnh đặc biệt của trách nhiệm liên quan đến *việc điều hòa sinh sản*. Khi có lý do chính đáng¹¹⁷, đôi phối ngẫu có thể

¹¹¹ Thánh Gioan Kim Khẩu, *In epistulam ad Ephesios*, homilia 20,8: PG 62, 146-147.

¹¹² ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Familiaris consortio*, 30: AAS 74 (1982) 116.

¹¹³ ĐGH Phaolô VI, Thông điệp *Humanae vitae*, 11: AAS 60 (1968) 488.

¹¹⁴ ĐGH Phaolô VI, Thông điệp *Humanae vitae*, 12: AAS 60 (1968) 488; x. ĐGH Piô XI, Thông điệp *Casti connubii*: DS 3717.

¹¹⁵ X. Ep 3,14-15; Mt 23,9.

¹¹⁶ CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 50: AAS 58 (1966) 1071.

¹¹⁷ X. CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 50: AAS 58 (1966) 1071.

muốn tách rời khoảng cách các lần sinh con. Chính họ có bốn phận phải chứng thực rằng lựa chọn đó của họ không do sự ích kỷ mù quáng, nhưng là một lựa chọn phù hợp với lòng quảng đại chính đáng của tình phụ tử có trách nhiệm. Ngoài ra, họ phải hành động theo những tiêu chuẩn khách quan của luân lý:

“Khi cần hòa hợp tình yêu phụ phụ với việc sinh sản con cái có trách nhiệm, phải ý thức rằng giá trị luân lý của hành động không chỉ lệ thuộc vào ý muốn thành thực và việc cân nhắc các lý do, nhưng phải được thẩm định theo những tiêu chuẩn khách quan, rút ra từ bản tính của nhân vị và bản chất của các hành vi nơi nhân vị: những tiêu chuẩn đó tôn trọng ý nghĩa trọn vẹn của sự hiến thân cho nhau và của việc sinh sản con cái, trong bối cảnh tình yêu đích thực. Đó là điều không thể thực hiện được nếu không thực tâm vun trồng đức khiết tịnh phụ phụ”¹¹⁸.

2369. “Khi duy trì hai khía cạnh căn bản là kết hợp và sinh sản, hành vi phụ phụ giữ được toàn vẹn ý nghĩa của tình yêu hỗ tương và chân thực, và sự quy hướng của tình yêu đó về nhiệm vụ hết sức cao cả là làm cha làm mẹ”¹¹⁹.

2370. Sự tiết dục từng thời kỳ, những phương pháp điều hòa sinh sản dựa trên việc tự quan sát và chu kỳ những thời gian không thể thụ thai¹²⁰, là phù hợp với các tiêu chuẩn khách quan của luân lý. Những phương pháp này tôn trọng thân thể của đôi phối ngẫu, khuyến khích họ âu yếm nhau và cổ võ cho việc giáo dục về tự do đích thực. Trái lại, tự bản chất đều là xấu, “bất cứ hành vi nào trước, trong, hoặc sau cuộc trao đổi phụ phụ, nhằm mục đích hay tạo phương thế ngăn cản sự sinh sản”¹²¹.

“Như thế, thay vì là một ngôn ngữ tự nhiên diễn tả sự hiến thân hỗ tương và trọn vẹn giữa đôi phối ngẫu, việc ngăn cản sự thụ thai đưa ra một ngôn ngữ biểu lộ sự mâu thuẫn khách quan, rõ ràng không còn phải là sự hiến thân cho nhau cách trọn vẹn nữa: từ đó, không những có sự khước từ tích cực không mở ngõ cho sự sống, mà còn có sự giả tạo về chân lý nội tại của chính tình yêu phụ phụ, một tình yêu hướng tới sự hiến thân cho nhau bằng toàn bộ nhân vị... Sự khác biệt về nhân học đồng thời về luân lý giữa việc ngăn cản sự thụ thai với việc tôn trọng những khoảng cách thời gian... bao hàm hai loại quan niệm về nhân vị và về tính dục, không thể kết hợp hai quan niệm đó với nhau”¹²².

¹¹⁸ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 51: AAS 58 (1966) 1072.

¹¹⁹ ĐGH Phaolô VI, Thông điệp *Humanae vitae*, 12: AAS 60 (1968) 489.

¹²⁰ X. ĐGH Phaolô VI, Thông điệp *Humanae vitae*, 16: AAS 60 (1968) 491-492.

¹²¹ ĐGH Phaolô VI, Thông điệp *Humanae vitae*, 14: AAS 60 (1968) 490.

¹²² ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Familiaris consortio*, 32: AAS 74 (1982) 119-120.

1703 **2371.** “Ngoài ra, mọi người đều phải ý thức rằng sự sống con người và nhiệm vụ lưu truyền sự sống không chỉ bị giới hạn ở đời này: việc đánh giá chân thật và ý nghĩa đầy đủ của chúng chỉ có thể hiểu được khi quy chiếu về *vận mệnh vĩnh cửu của con người*”¹²³.

2209 **2372.** Nhà Nước có trách nhiệm về sự thịnh vượng của các công dân. Trên danh nghĩa này, Nhà Nước can thiệp để định hướng sự gia tăng dân số là điều hợp pháp. Nhà Nước có thể làm điều đó qua việc thông tin khách quan và tôn trọng tự do, nhưng không được dùng biện pháp độc tài và cưỡng bách. Nhà Nước không thể thay thế cách hợp pháp sáng kiến của đôi phối ngẫu, là những người đầu tiên có trách nhiệm về việc sinh sản và giáo dục con cái của họ¹²⁴. Trong lãnh vực này, quyền bính không được can thiệp bằng những phương thế trái với luật luân lý.

Con cái là tặng phẩm của Thiên Chúa

2373. Sách Thánh và thực hành truyền thống của Hội Thánh thấy trong *những gia đình đông con* một dấu chỉ của sự chúc lành thần linh và lòng quảng đại của cha mẹ¹²⁵.

1654 **2374.** Nỗi đau khổ của những đôi phối ngẫu kết hôn mà không thể sinh con thật là to lớn. “Ông Abraham thưa: Lạy Chúa là Chúa Thượng, Chúa sẽ ban cho con cái gì? Con ra đi mà không con cái” (St 15,2). Bà Rakhel nói với chồng mình là Giacob: “Cho tôi có con đi, không thì tôi chết mất!” (St 30,1).

2293 **2375.** Những nghiên cứu nhằm giảm thiểu các trường hợp vô sinh của con người phải được khuyến khích, nếu chúng phục vụ “con người, các quyền bất khả nhượng cũng như lợi ích đích thực và toàn vẹn của con người, đúng theo kế hoạch và ý muốn của Thiên Chúa”¹²⁶.

2376. Những kỹ thuật phá vỡ liên hệ phụ mẫu qua sự can thiệp của một người ngoài cuộc hôn nhân (cho tinh dịch hoặc noãn bào, cho mượn tử cung) là những hành vi đáng hổ thẹn cách nghiêm trọng. Những kỹ thuật này (thụ tinh nhân tạo và thụ thai nhân tạo khác nguồn) vi phạm quyền của đứa con, là phải được sinh ra do cha và mẹ được biết là đã chính thức kết hôn. Những kỹ thuật này phản lại “quyền độc hữu [của đôi phối ngẫu], là chỉ nhờ nhau mà cả hai mới được làm cha, làm mẹ”¹²⁷.

¹²³ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 51: AAS 58 (1966) 1073.

¹²⁴ X. ĐGH Phaolô VI, Thông điệp *Populorum progressio*, 37: AAS 59 (1967) 275-276; Id., Thông điệp *Humanae vitae*, 23: AAS 60 (1968) 497-498.

¹²⁵ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 50: AAS 58 (1966) 1071.

¹²⁶ Thánh bộ Giáo lý Đức Tin, Huấn thị *Donum vitae*, Introductio, 2: AAS 80 (1988) 73.

¹²⁷ Thánh bộ Giáo lý Đức Tin, Huấn thị *Donum vitae*, 2, 1: AAS 80 (1988) 87.

2377. Nếu được thực hiện bên trong hôn nhân (thụ tinh nhân tạo và thụ thai nhân tạo cùng nguồn), những kỹ thuật này có lẽ sẽ ít tổn hại hơn; nhưng về mặt luân lý, chúng vẫn không thể được chấp nhận. Chúng tách rời hành vi tính dục khỏi hành vi sinh sản. Hành vi đặt nền cho sự hiện hữu của đứa con không còn là hành vi hiến thân cho nhau của hai nhân vị nữa, nhưng lại là hành vi “trao sự sống và căn tính của phôi thai con người cho quyền lực của các bác sĩ và các nhà sinh học, và như vậy thiết lập một sự thống trị nào đó của kỹ thuật trên nguồn gốc và số phận của nhân vị. Sự thống trị như vậy, tự bản chất, đi ngược với phẩm giá và sự bình đẳng, những điều đó phải là chung cho cả cha mẹ lẫn con cái”¹²⁸. “Về phương diện luân lý, việc sinh sản này mất đi sự hoàn hảo riêng của nó, khi nó không được nhắm tới như là kết quả của hành vi phu phụ, hoặc hành vi kết hợp riêng của đôi phối ngẫu... Ngoài ra, chỉ có sự tôn trọng mối dây liên kết giữa những ý nghĩa của hành vi phu phụ và sự tôn trọng tính thống nhất của hữu thể nhân linh mới làm cho sự sinh sản xứng hợp với phẩm giá con người”¹²⁹.

2378. Đứa con không phải là một *của nợ* (*debitum*), nhưng là một *tặng phẩm* (*donum*). “Tặng phẩm tuyệt hảo của hôn nhân” là một nhân vị. Đứa con không thể được coi như một vật sở hữu, như người ta thường nghĩ là mình có “quyền có con”. Trong lãnh vực này, chỉ đứa con mới thật sự có những quyền: “quyền được hiện hữu với tư cách là hoa trái phát xuất từ hành vi riêng của tình yêu phu phụ của cha mẹ nó, chính nó có quyền được tôn trọng như một nhân vị ngay từ lúc mới tượng thai”¹³⁰.

2379. Tin Mừng cho thấy sự vô sinh thể lý không phải là một điều xấu tuyệt đối. Đôi phối ngẫu nào, sau khi đã tận dụng mọi trợ giúp chính đáng của y khoa, vẫn phải chịu nỗi đau khổ vô sinh, hãy kết hợp với thập giá của Chúa, là nguồn mạch mọi sự sinh sôi nảy nở thiêng liêng. Họ có thể nói lên lòng quảng đại của mình, bằng cách nhận làm nghĩa tử những đứa trẻ bị bỏ rơi và bằng cách tham gia việc phục vụ tha nhân.

IV. NHỮNG XÚC PHẠM ĐẾN PHẨM GIÁ HÔN NHÂN OFFENSAE CONTRA MATRIMONII DIGNITATEM

Ngoại tình

2380. *Ngoại tình.* Từ này chỉ sự không chung thủy phu phụ. Khi hai người, mà ít là một trong hai đã có dây hôn phối, có quan hệ tính dục với nhau, kể cả nhất thời, thì phạm tội ngoại tình. Đức

¹²⁸ Thánh bộ Giáo lý Đức Tin, Huấn thị *Donum vitae*, 2, 5: AAS 80 (1988) 93.

¹²⁹ Thánh bộ Giáo lý Đức Tin, Huấn thị *Donum vitae*, 2, 4: AAS 80 (1988) 91.

¹³⁰ Thánh bộ Giáo lý Đức Tin, Huấn thị *Donum vitae*, 2, 8: AAS 80 (1988) 97.

1611 Kitô lên án tội ngoại tình, ngay cả khi chỉ là ngoại tình trong ước muốn đơn giản¹³¹. Điều răn thứ sáu và Tân Ước tuyệt đối cấm ngoại tình¹³². Các Tiên tri tố giác tính nghiêm trọng của tội ngoại tình. Các ngài thấy tội ngoại tình là hình ảnh của tội thờ ngẫu tượng¹³³.

1640 **2381.** Ngoại tình là một sự bất công. Người phạm tội đó bỏ không thực hiện những cam kết của mình. Người đó làm tổn thương dấu chỉ của giao ước là dây liên kết hôn nhân, vi phạm quyền của người phối ngẫu kia, và xâm phạm thể chế hôn nhân khi vi phạm hôn ước, là nền tảng của thể chế đó. Người đó làm phương hại đến điều thiện hảo của việc sinh sản và của con cái, vốn cần đến sự kết hợp bền vững của cha mẹ.

Ly dị

1614 **2382.** Chúa Giêsu nhấn mạnh đến ý định nguyên thủy của Đấng Tạo Hoá, Ngài đã muốn rằng hôn nhân là bất khả phân ly¹³⁴. Người bãi bỏ những nhân nhượng đã được xen vào trong Luật cũ¹³⁵.

Giữa những người đã chịu Phép Rửa, “hôn nhân thành nhận và hoàn hợp (*ratum et consummatum*) không thể được tháo gỡ do bất cứ quyền bính nhân loại nào, và vì bất cứ lý do nào, trừ lý do tử vong”¹³⁶.

1649 **2383.** Việc *ly thân* (*separatio*) của đôi phối ngẫu, nhưng vẫn duy trì dây liên kết hôn nhân, có thể là hợp pháp trong một số trường hợp đã được Giáo Luật dự liệu¹³⁷.

Nếu việc ly dị dân sự vẫn còn là phương cách duy nhất để bảo đảm một số quyền lợi hợp pháp, như việc chăm sóc con cái hoặc bảo vệ gia sản, thì có thể chịu đựng mà không lỗi phạm về luân lý.

1650 **2384.** *Ly dị* là một xúc phạm nghiêm trọng đối với luật tự nhiên. Ly dị cố ý phá vỡ khế ước đã được đôi phối ngẫu tự do ưng thuận, để sống với nhau cho đến chết. Ly dị làm tổn thương Giao ước cứu độ mà bí tích Hôn Phối là dấu chỉ. Sự tái hôn, mặc dầu được luật dân sự công nhận, càng làm cho tình trạng đổ vỡ thêm nghiêm trọng: người tái hôn, sau khi ly dị, sống trong tình trạng ngoại tình công khai và thường xuyên:

¹³¹ X. Mt 5,27-28.

¹³² X. Mt 5,32; 19,6; Mc 10,11-12; 1 Cr 6,9-10.

¹³³ X. Os 2,7; Gr 5,7; 13,27.

¹³⁴ X. Mt 5,31-32; 19,3-9; Mc 10,9; Lc 16,18; 1 Cr 7,10-11.

¹³⁵ X. Mt 19,7-9.

¹³⁶ *Bộ Giáo Luật*, điều 1141.

¹³⁷ X. *Bộ Giáo Luật*, các điều 1151-1155.

“Người nam, sau khi bỏ vợ, không được lấy người khác. Người nữ bị chồng bỏ, cũng không được làm vợ người khác”¹³⁸.

2385. Ly dị cũng mang tính vô luân do sự xáo trộn nó đưa vào tế bào gia đình và vào xã hội. Sự xáo trộn này kéo theo những tổn hại nghiêm trọng: cho người phối ngẫu bị ruồng bỏ; cho con cái, bị tổn thương sâu xa bởi sự phân ly của cha mẹ, và thường bị dằn co giữa cha và mẹ; vì hậu quả lây lan của nó, ly dị thật sự là một tai ương cho xã hội.

2386. Có thể xảy ra là một người trong đôi phối ngẫu là nạn nhân vô tội của việc ly dị do tòa án dân sự công bố; lúc đó người này không vi phạm mệnh lệnh luân lý. Có sự khác biệt đáng lưu ý giữa người phối ngẫu thành thật cố gắng trung thành với bí tích Hôn Phối và bị ruồng bỏ cách bất công, với người phối ngẫu, do trọng tội về phía mình, phá hủy hôn nhân đã thành sự theo Giáo Luật¹³⁹.

1640

Những xúc phạm khác đến phẩm giá hôn nhân

2387. Chúng ta hiểu được bi kịch của một người, vì muốn hồi cải để theo Tin Mừng, bắt buộc phải từ bỏ một hoặc nhiều người vợ đã chung sống nhiều năm. Tuy nhiên, *tục đa thê* không phù hợp với luật luân lý. “Tục đa thê tuyệt đối nghịch lại với sự hiệp thông phu phụ: quả vậy, tục đa thê trực tiếp khước từ ý định của Thiên Chúa, như đã được mạc khải ngay từ những buổi đầu, bởi vì nó không phù hợp với phẩm giá bình đẳng và cá vị của người nam và người nữ, những người tự hiến cho nhau bằng một tình yêu trọn vẹn, và vì vậy, tự bản chất là một tình yêu duy nhất và độc hữu”¹⁴⁰. Kitô hữu nào, trước kia là người đa thê, bị buộc nặng theo đức công bằng, phải tôn trọng những bốn phạm đã ký kết liên quan đến các bà vợ ngày trước và con cái của mình.

1610

2388. *Loạn luân* chỉ những quan hệ tính dục giữa những người họ hàng cùng huyết tộc hoặc họ hàng gần, ở một cấp bậc cấm kết hôn với nhau¹⁴¹. Thánh Phaolô lên án tội lỗi đặc biệt nghiêm trọng này: “Đi đâu cũng chỉ nghe nói đến chuyện dâm ô xảy ra giữa anh em... có kẻ ăn ở với vợ kế của cha mình!... Nhân danh Chúa Giêsu Kitô... chúng ta phải nộp con người đó cho Satan để phần xác nó bị hủy diệt” (1 Cr 5,1.4-5)... Loạn luân phá vỡ những tương quan gia đình và cho thấy một sự thoái hóa trở về thú tính.

2356

2207

¹³⁸ Thánh Basiliô Cả, *Moralia*, regula 73: PG 31, 852.

¹³⁹ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Familiaris consortio*, 84: AAS 74 (1982) 185.

¹⁴⁰ ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Familiaris consortio*, 19: AAS 74 (1982) 102; x. CB Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 47: AAS 58 (1966) 1067.

¹⁴¹ X. Lv 18,7-20.

2285 **2389.** Có thể kể là loạn luân, những lạm dụng tính dục do những người trưởng thành thực hiện đối với trẻ con hoặc thiếu niên đã được ủy thác cho họ trông coi. Lỗi phạm này tăng gấp đôi: một mặt vì gây gương xấu xâm phạm đến sự toàn vẹn thể lý và luân lý của các người trẻ, và còn để lại dấu ấn suốt cuộc đời chúng, mặt khác vì họ xâm phạm trách nhiệm giáo dục của mình.

1631 **2390.** *Tự do sống chung (libera iunctio)* là khi một người nam và một người nữ từ chối thực hiện một hình thức pháp lý và công khai cho mối liên hệ bao hàm sự thân mật về tính dục.

Kiểu nói “Tự do sống chung” là đối trá, vì có nghĩa gì một sự sống chung không hôn nhân, trong đó những nhân vị không bị ràng buộc với nhau và như vậy chứng tỏ rằng họ không tin tưởng vào người kia, vào chính mình, hoặc vào tương lai?

2353 Kiểu nói này chỉ nhiều trường hợp khác nhau: ăn ở với nhau không cưới xin, từ chối kết hôn theo đúng tính chất của hôn nhân, không thể ràng buộc nhau bằng những cam kết dài lâu¹⁴². Tất cả những trường hợp này đều xúc phạm đến phẩm giá của hôn nhân; chúng phá hủy chính ý niệm về gia đình; chúng làm suy giảm ý nghĩa của lòng chung thủy. Chúng nghịch với luật luân lý: hành vi tính dục chỉ được chấp nhận trong hôn nhân; ngoài hôn nhân, hành vi này luôn luôn là một tội trọng và người vi phạm bị loại ra khỏi sự hiệp thông bí tích.

1385

2364 **2391.** Ngày nay, nhiều người đòi hỏi “*quyền thử nghiệm*”, khi có ý định kết hôn. Nhưng dù quyết tâm của những người có quan hệ tính dục tiền hôn nhân có chắc chắn đến đâu đi nữa, thì “những quan hệ đó cũng không cho phép bảo đảm cách an toàn nhu cầu hỗ tương giữa các nhân vị, là người nam và người nữ, là sự chân thành và sự chung thủy, nhất là chẳng giúp nhu cầu đó được bảo vệ khỏi sự thay đổi những ham muốn và lựa chọn”¹⁴³. Về phương diện luân lý, sự kết hợp thể xác chỉ hợp pháp khi một cộng đồng sống vĩnh viễn giữa người nam và người nữ đã được thiết lập. Tình yêu của con người không chấp nhận “thử nghiệm”. Tình yêu đó đòi hỏi sự hiến thân cho nhau trọn vẹn và vĩnh viễn của cả hai người¹⁴⁴.

¹⁴² X. ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Familiaris consortio*, 81: AAS 74 (1982) 181-182.

¹⁴³ Thánh bộ Giáo lý Đức Tin, Tuyên ngôn *Persona humana*, 7: AAS 68 (1976) 82.

¹⁴⁴ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Familiaris consortio*, 80: AAS 74 (1982) 180-181.

TÓM LƯỢC

2392. “Tình yêu là ơn gọi căn bản và thuộc bản tính của mỗi con người”¹⁴⁵.

2393. Khi tạo dựng con người có nam có nữ, Thiên Chúa đã ban cho người nam và người nữ sự bình đẳng về nhân phẩm. Mỗi người, nam cũng như nữ, phải nhận biết và chấp nhận căn tính tính dục của mình.

2394. Đức Kitô là khuôn mẫu của đức khiết tịnh. Mọi người đã chịu Phép Rửa đều được kêu gọi sống đời khiết tịnh tùy theo bậc sống riêng của mình.

2395. Sự khiết tịnh là việc hoà nhập thành công tính dục trong nhân vị. Nó đòi hỏi việc tập luyện sự tự chủ cá vị.

2396. Trong số các tội nghịch với đức khiết tịnh cách nghiêm trọng, phải kể: thủ dâm, gian dâm, hình ảnh khiêu dâm, và các hành động đồng tính luyến ái.

2397. Giao ước, đã được đôi phối ngẫu ký kết cách tự do, bao hàm tình yêu chung thuỷ. Giao ước đó đòi buộc đôi phối ngẫu gìn giữ hôn nhân của mình bất khả phân ly.

2398. Sự sinh sản là một điều thiện hảo, một hồng ân, một mục đích của hôn nhân. Khi ban tặng sự sống, đôi phối ngẫu tham dự vào quyền phụ tử của Thiên Chúa.

2399. Việc điều hòa sinh sản là một trong những phương diện thể hiện tư cách làm cha làm mẹ có trách nhiệm. Nhưng ý hướng hợp pháp của đôi phối ngẫu không biện minh cho việc sử dụng các phương thể không thể chấp nhận về mặt luân lý (thí dụ trực tiếp triệt sản hoặc chống thụ thai).

2400. Ngoại tình và ly dị, đa thê và tự do sống chung, là những xúc phạm nghiêm trọng đến phẩm giá của hôn nhân.

¹⁴⁵ ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Familiaris consortio*, 11: AAS 74 (1982) 92.

Mục 7

Điều Răn Thứ Bảy

Articulus 7

Septimum praeceptum

“Người không được trộm cắp” (Xh 20,15)¹⁴⁶.

“Người không được trộm cắp” (Mt 19,18).

1807 **2401.** Điều răn thứ bảy cấm lấy hoặc giữ của cải của người khác
cách bất công, hay làm thiệt hại của cải của họ bất cứ bằng cách
nào. Điều răn này dạy phải giữ đức công bằng và bác ái về những
của cải trần thế và thành quả lao động của con người. Vì công ích,
điều răn này đòi phải tôn trọng quyền chung hưởng (destinationem
952 universalem) các của cải, và quyền tư hữu. Kitô hữu cố gắng trong
đời sống mình biết dùng của cải trần thế để phục vụ Thiên Chúa
và tình bác ái huynh đệ.

I. QUYỀN CHUNG HƯỞNG VÀ QUYỀN TƯ HỮU CỦA CẢI

DESTINATIO UNIVERSALIS ET PROPRIETAS PRIVATA BONORUM

226 **2402.** Từ ban đầu, Thiên Chúa đã trao trái đất và các tài nguyên
của nó cho nhân loại chung sức quản lý, để con người chăm sóc,
chế ngự chúng bằng lao động và hưởng dùng hoa trái của trái
đất¹⁴⁷. Của cải của công trình tạo dựng được dành cho toàn thể
nhân loại. Tuy nhiên, trái đất được phân chia ra giữa người ta với
nhau để bảo đảm an toàn cho cuộc sống của họ, vốn bị sự túng
thiếu và bạo lực đe dọa. Sự tư hữu của cải là hợp pháp, để bảo đảm
sự tự do và phẩm giá con người, để giúp mỗi người đáp ứng được
1939 các nhu cầu căn bản của mình và nhu cầu của những ai họ có bổn
phận chăm lo. Sự tư hữu đó phải giúp biểu lộ tình liên đới tự nhiên
giữa người với người.

2403. *Quyền tư hữu của cải*, do mình làm ra hay nhận được một
cách chính đáng, không hủy bỏ việc ban tặng trái đất cho toàn thể
nhân loại ngay từ nguyên thủy. *Quyền chung hưởng của cải* vẫn
đứng hàng đầu, mặc dầu sự thăng tiến của công ích đòi hỏi phải
tôn trọng sự tư hữu, quyền tư hữu và việc thực thi quyền này.

¹⁴⁶ X. Đnl 5,19.

¹⁴⁷ X. St 1,26-29.

2404. “Khi sử dụng của cải, con người phải coi những của cải bên ngoài mà mình sở hữu cách hợp pháp, không chỉ như của riêng mình, nhưng còn như của chung, theo nghĩa là chúng có thể mang lại lợi ích không những cho mình, mà còn cho những người khác nữa”¹⁴⁸. Việc sở hữu của cải làm cho chủ sở hữu thành một người quản trị của Chúa quan phòng, để làm cho của cải này sinh hoa lợi và truyền thông các phúc lợi của nó cho người khác, trước hết là cho những người lân cận của mình.

307

2405. Những tư liệu sản xuất - vật chất hoặc phi vật chất - như đất đai hoặc cơ xưởng, những khả năng hay kỹ thuật, đòi hỏi những người sở hữu chúng phải biết chăm sóc để lợi tức của chúng đem lại ích lợi cho nhiều người nhất. Những người sở hữu các của cải để tiêu dùng, phải sử dụng chúng cách điều độ, dành phần tốt nhất cho khách, cho người bệnh hoặc cho người nghèo.

2406. Vì công ích, *chính quyền* có quyền và bổn phận điều tiết việc thực thi hợp pháp quyền sở hữu¹⁴⁹.

1903

II. TÔN TRỌNG CÁC NHÂN VỊ VÀ CỦA CẢI CỦA HỌ

PERSONARUM ET EARUM BONORUM OBSERVANTIA

2407. Trong lãnh vực kinh tế, việc tôn trọng nhân phẩm đòi phải thực thi *đức tiết độ*, để điều tiết sự say mê của cái trần thế; *đức công bằng*, để bảo vệ các quyền của người lân cận và trả lại cho họ những gì thuộc về họ; và *tình liên đới*, theo khuôn vàng thước ngọc (regula aurea) và theo lòng quảng đại của Chúa, là Đấng vốn giàu sang, đã trở nên nghèo khó vì chúng ta, để lấy cái nghèo của Ngài mà làm cho chúng ta trở nên giàu có¹⁵⁰.

1809

1807

1839

Tôn trọng của cải của tha nhân

2408. Điều răn thứ bảy cấm *trộm cắp*, nghĩa là, cấm chiếm đoạt của cải của tha nhân trái với ý muốn hợp lý của sở hữu chủ. Không bị coi là trộm cắp, nếu có thể phỏng đoán được sự ưng thuận của chủ nhân hoặc sự khước từ của họ nghịch với lý trí và với quyền chung hưởng của cái trần thế. Đó là trường hợp có nhu cầu rõ ràng và khẩn cấp, mà phương thế duy nhất để đáp ứng cho các nhu cầu cấp thời và thiết yếu (thức ăn, chỗ ở, áo quần...) là lấy và sử dụng của cải của tha nhân¹⁵¹.

¹⁴⁸ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 69: AAS 58 (1966) 1090.

¹⁴⁹ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 71: AAS 58 (1966) 1093; ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo rei socialis*, 42: AAS 80 (1988) 572-574; Id., Thông điệp *Centesimus annus*, 40: AAS 83 (1991) 843; *Ibid.*, 48: AAS 83 (1991) 852-854.

¹⁵⁰ X. 2 Cr 8,9.

¹⁵¹ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 69: AAS 58 (1966) 1090-1091.

1867 **2409.** Mọi cách lấy hoặc giữ cách bất công của cải của tha nhân, mặc dầu không nghịch với những quy định của dân luật, vẫn nghịch với điều răn thứ bảy. Chẳng hạn cố tình giữ lại của cải đã mượn hoặc của rơi; gian lận trong việc buôn bán¹⁵²; trả lương bất công¹⁵³; lợi dụng sự không biết hoặc nhu cầu của tha nhân để tăng giá kiếm lời¹⁵⁴.

Về phương diện luân lý, những việc sau đây cũng bất hợp pháp: đầu cơ, nghĩa là làm biến động giá cả cách giả tạo để trục lợi nhưng làm thiệt hại cho tha nhân; hối lộ, là làm sai lệch phán đoán của những người phải quyết định theo luật pháp; chiếm đoạt và sử dụng riêng của cải chung của xí nghiệp; làm việc cách cầu thả, gian lận thuế, giả mạo các chi phiếu và hóa đơn, chi tiêu quá mức, lãng phí. Chủ ý gây thiệt hại cho các tài sản tư nhân hoặc công cộng là nghịch với luật luân lý và phải bồi thường.

2101 **2410.** Các lời hứa phải được giữ và các hợp đồng phải được tuân thủ nghiêm túc, tùy theo mức độ những cam kết trong hợp đồng, là công bằng về mặt luân lý. Phần lớn đời sống kinh tế và xã hội tùy thuộc vào giá trị của các hợp đồng giữa các thể nhân và pháp nhân. Chẳng hạn như các hợp đồng thương mại mua bán, hợp đồng thuê mượn và hợp đồng lao động. Mọi hợp đồng đều phải được ký kết và phải được thực hiện với thiện ý.

1807 **2411.** Các hợp đồng phải tuân theo sự công bằng giao hoán, quy định những trao đổi giữa các cá vị và giữa các tổ chức trong sự tôn trọng chính xác các quyền lợi của nhau. Sự công bằng giao hoán đòi buộc cách nghiêm ngặt; nó đòi hỏi sự bảo toàn các quyền tự hữu, việc trả nợ và việc chu toàn các nghĩa vụ đã cam kết cách tự do. Không có sự công bằng giao hoán, thì không thể có một hình thức công bằng nào khác.

Người ta phân biệt công bằng giao hoán (*iustitia commutativa*) với công bằng pháp lý (*iustitia legalis*), liên quan đến điều người công dân có bốn phận, theo lẽ công bằng, đối với cộng đồng, và với công bằng phân phối (*iustitia distributiva*) quy định những gì cộng đồng phải thực hiện cho các công dân, tương xứng với những đóng góp và với những nhu cầu của họ.

1459 **2412.** Vì công bằng giao hoán, việc đền bù sự bất công đã phạm đòi phải trả lại của cải đã bị lấy cắp cho sở hữu chủ của nó:

2487 Chúa Giêsu khen ông Giakêu vì quyết định của ông: “Nếu tôi đã chiếm đoạt của ai cái gì, tôi xin đền gấp bốn” (Lc 19,8). Những ai đã trực tiếp hoặc gián tiếp chiếm đoạt của cải của tha nhân, buộc phải trả lại, hoặc

¹⁵² X. Đnl 25,13-16.

¹⁵³ X. Đnl 24,14-15; Gc 5,4.

¹⁵⁴ X. Am 8,4-6.

nếu đồ vật đó không còn nữa, phải trả lại bằng cái tương đương về bản chất hoặc tiền mặt, kèm theo tiền lời và các lợi nhuận khác mà sở hữu chủ của nó lẽ ra, nhờ nó, đã được hưởng cách hợp pháp. Cũng vậy, tất cả những người đã tham gia bất cứ cách nào vào việc trộm cắp, hoặc đã chủ ý hưởng lợi từ việc trộm cắp đó, đều buộc phải trả lại, một cách tương xứng theo trách nhiệm của mình và theo lợi lộc của mình; chẳng hạn những người đã ra lệnh hoặc giúp đỡ, hoặc che đậy việc trộm cắp đó.

2413. Các trò chơi may rủi (cờ bạc v.v...) hoặc cá cược, tự chúng không nghịch với đức công bằng. Nhưng các trò này trở thành không thể chấp nhận được về mặt luân lý, khi chúng cướp đi cái cần thiết để đáp ứng những nhu cầu của bản thân và của tha nhân. Đam mê cờ bạc là sống trong nguy cơ trở thành nô lệ nghiêm trọng. Cờ gian bạc lận là một lỗi nặng, trừ khi gây thiệt hại rất nhẹ đến độ người bị thiệt không thể, một cách hữu lý, coi đó như chuyện quan trọng.

2414. Điều răn thứ bảy cấm các hành vi và các sáng kiến – với bất cứ lý do nào, vì ích kỷ mù quáng hoặc vì ý thức hệ, vì lợi nhuận hoặc do độc tài – dẫn tới việc *nô lệ hóa con người*, không nhìn nhận nhân phẩm của họ, mua bán hoặc trao đổi họ như hàng hóa. Đây là tội nghịch với nhân phẩm và những quyền căn bản của con người vì dùng bạo lực biến họ thành một vật dụng hoặc nguồn lợi. Thánh Phaolô đã ra lệnh cho một chủ nhân Kitô hữu phải đối xử với người nô lệ Kitô hữu của mình “thay vì một người nô lệ, thì được một người anh em rất thân mến,... cả về tình người cũng như về tình anh em trong Chúa” (Plm 16).

2297

Tôn trọng sự toàn vẹn của công trình tạo dựng

2415. Điều răn thứ bảy dạy phải tôn trọng sự toàn vẹn của công trình tạo dựng. Thú vật cũng như thực vật và những vật vô tri nhằm phục vụ công ích của nhân loại trong quá khứ, hiện tại và tương lai¹⁵⁵. Việc sử dụng các nguồn tài nguyên khoáng chất, thực vật và động vật trong vũ trụ, không thể được tách biệt khỏi việc phải tôn trọng những đòi hỏi của luân lý. Quyền thống trị Đấng Tạo Hoá đã ban cho con người trên các vật vô tri và những sinh vật khác không phải là tuyệt đối. Quyền đó phải để ý đến việc chăm sóc phẩm chất đời sống của tha nhân, kể cả của những thế hệ tương lai; quyền này đòi phải có sự tôn trọng đạo hạnh đối với sự toàn vẹn của công trình tạo dựng¹⁵⁶.

226, 358

373

378

2416. *Thú vật* là những thụ tạo của Thiên Chúa. Ngài ân cần quan phòng chăm sóc chúng¹⁵⁷. Chỉ bằng sự hiện hữu của mình, chúng

¹⁵⁵ X. St 1,28-31.

¹⁵⁶ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus*, 37-38: AAS 83 (1991) 840-841.

¹⁵⁷ X. Mt 6,26.

344 đã ca tụng và tôn vinh Ngài¹⁵⁸. Con người cũng phải đối xử tử tế với chúng. Phải nhắc lại rằng các thánh như Phanxicô Assisi hoặc Philipphê Nêri đã đối xử dịu hiền với thú vật như thế nào.

2417. Thiên Chúa đã trao phó các thú vật cho con người quản lý, con người mà Ngài đã dựng nên theo hình ảnh Ngài¹⁵⁹. Vì vậy việc sử dụng thú vật làm lương thực và y phục là hợp pháp. Con người có thể thuần hóa chúng để chúng trợ lực con người trong lao động hoặc giải trí. Những thí nghiệm y học và khoa học trên thú vật có thể chấp nhận được về mặt luân lý, miễn là ở trong những giới hạn hợp lý và góp phần vào việc chữa bệnh hoặc cứu lấy mạng sống con người.

2418. Hành hạ thú vật và phung phí mạng sống của chúng cách vô ích là nghịch với phẩm giá con người. Cũng vậy, chi phí những số tiền quá đáng cho thú vật, mà lẽ ra phải ưu tiên làm giảm bớt sự khốn cùng của con người, là một việc bất xứng. Được phép ưa thích thú vật, nhưng không được dành cho chúng tình yêu, chỉ dành cho con người.

III. GIÁO HUẤN XÃ HỘI CỦA HỘI THÁNH SOCIALIS DOCTRINA ECCLESIAE

1960 2419. “Mạc khải Kitô giáo... đưa chúng ta đến sự hiểu biết sâu xa hơn về những luật lệ của đời sống xã hội”¹⁶⁰. Hội Thánh đón nhận
359 từ Tin Mừng mạc khải trọn vẹn chân lý về con người. Khi chu toàn sứ vụ loan báo Tin Mừng, Hội Thánh nhân danh Đức Kitô, chúng tỏ cho con người biết phẩm giá riêng của họ và ơn gọi của họ đến sự hiệp thông các nhân vị; Hội Thánh dạy cho con người biết các đòi hỏi của công lý và hòa bình, theo sự khôn ngoan của Thiên Chúa.

2032 2420. Hội Thánh đưa ra phán đoán luân lý trong lãnh vực kinh tế và xã hội, “khi các quyền căn bản của con người hoặc ơn cứu độ các linh hồn đòi hỏi việc đó”¹⁶¹. Trên bình diện luân lý, Hội Thánh hành động do sứ vụ khác với sứ vụ của chính quyền: Hội Thánh
2246 quan tâm đến các khía cạnh trần thế của công ích vì lý do chúng quy hướng về Sự Thiện tối thượng, là mục đích tối hậu của chúng ta. Hội Thánh cố gắng thúc đẩy những thái độ đúng đắn liên quan đến của cải trần thế và trong các tương quan kinh tế xã hội.

¹⁵⁸ X. Đn 3,79-81.

¹⁵⁹ X. St 2,19-20; 9,1-4.

¹⁶⁰ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 23: AAS 58 (1966) 1044.

¹⁶¹ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 76: AAS 58 (1966) 1100.

2421. Giáo huấn xã hội của Hội Thánh được triển khai vào thế kỷ thứ XIX khi Tin Mừng tiếp xúc với xã hội kỹ nghệ cơ khí hiện đại, với những cơ cấu mới của nó để sản xuất các sản phẩm tiêu thụ, với quan niệm mới của nó về xã hội, về quốc gia và quyền bính, với các hình thức mới của nó về lao động và quyền sở hữu. Sự triển khai giáo huấn của Hội Thánh về vấn đề kinh tế và xã hội, chứng tỏ giá trị trường tồn của giáo huấn Hội Thánh, đồng thời cho thấy ý nghĩa đích thực của Truyền thống luôn sống động và tích cực của Hội Thánh¹⁶².

2422. Giáo huấn xã hội của Hội Thánh là tập hợp các giáo huấn được nối kết với nhau, theo như đã được Hội Thánh giải thích về các biến cố xảy ra trong dòng lịch sử, dưới ánh sáng của toàn thể lời đã được Chúa Giêsu Kitô mạc khải, với sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần. Giáo huấn này sẽ được những người thành tâm thiện chí đón nhận hơn, khi nó gây cảm hứng nhiều hơn cho cách hành động của các tín hữu¹⁶³.

2044

2423. Giáo huấn xã hội của Hội Thánh đề ra những nguyên tắc để suy tư, quy định những tiêu chuẩn để phán đoán, và trình bày những kế hoạch để hành động:

Mọi hệ thống, theo đó các tương quan xã hội hoàn toàn được xác định bằng các yếu tố kinh tế, thì đều nghịch với bản tính của nhân vị và với bản chất của các hành vi nhân linh¹⁶⁴.

2424. Lý thuyết nào lấy lợi nhuận làm quy luật độc hữu và mục đích tối hậu của hoạt động kinh tế, thì không thể chấp nhận được về mặt luân lý. Lòng ham muốn vô trật tự về tiền bạc không ngừng gây ra những hậu quả lệch lạc. Đây là một trong những nguyên nhân của nhiều cuộc xung đột làm xáo trộn trật tự xã hội¹⁶⁵.

2317

Hệ thống nào hy sinh “những quyền căn bản của các cá nhân và đoàn thể cho tổ chức sản xuất tập thể”, thì nghịch với phẩm giá con người¹⁶⁶. Mọi hành động giản lược các nhân vị thành những phương tiện thuần túy để trục lợi, đều nô lệ hóa con người, đưa tới việc thờ ngẫu tượng là tiền bạc, và góp phần truyền bá chủ thuyết vô thần. “Anh em không thể vừa làm tôi Thiên Chúa, vừa làm tôi tiền của được” (Mt 6,24; Lc 16,13).

2425. Hội Thánh chấp nhận các ý thức hệ chuyên chế và vô thần, trong thời đại ngày nay, được nối kết với mọi hình thái chuyên chế

676

¹⁶² X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus*, 3: AAS 83 (1991) 794-796.

¹⁶³ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo rei socialis*, 1: AAS 80 (1988) 513-514; *Ibid.*, 41: AAS 80 (1988) 570-572.

¹⁶⁴ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus*, 24: AAS 83 (1991) 821-822.

¹⁶⁵ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 63: AAS 58 (1966) 1085; ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Laborem exercens*, 7: AAS 73 (1981) 592-594; Id., Thông điệp *Centesimus annus*, 35: AAS 83 (1991) 836-838.

¹⁶⁶ CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 65: AAS 58 (1966) 1087.

độc tài. Đảng khác, Hội Thánh cũng phi bác chủ nghĩa cá nhân trong việc thực hành của “Chủ nghĩa tư bản” và việc cho luật thị trường là tối thượng trên lao động của con người¹⁶⁷. Việc điều hành kinh tế chỉ dựa trên kế hoạch tập trung làm bằng hoại tận nền tảng các mối dây liên kết xã hội; việc điều hành kinh tế chỉ theo luật thị trường xúc phạm đến sự công bằng xã hội, “bởi vì có những đòi hỏi của con người không thể thoả mãn được nhờ thị trường”¹⁶⁸. Phải ủng hộ sự điều hành hợp lý đối với thị trường và các sáng kiến kinh tế, theo một bậc thang giá trị đúng đắn và nhằm vào công ích.

IV. HOẠT ĐỘNG KINH TẾ VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI ACTIVITAS OECONOMICA ET IUSTITIA SOCIALIS

1928 **2426.** Việc phát triển các hoạt động kinh tế và sự gia tăng sản xuất nhằm phục vụ các nhu cầu của con người. Đời sống kinh tế không chỉ nhằm để làm ra nhiều sản phẩm, gia tăng lợi nhuận hoặc quyền lực; nhưng trước tiên nó nhắm tới việc phục vụ các nhân vị, con người toàn diện và toàn thể cộng đồng nhân loại. Hoạt động kinh tế phải được hướng dẫn theo những phương pháp và luật lệ riêng, phải được thực thi trong các giới hạn của trật tự luân lý, theo sự công bằng xã hội, để phù hợp với kế hoạch của Thiên Chúa về con người¹⁶⁹.

307 **2427.** Lao động của con người xuất phát trực tiếp từ những nhân vị, đã được tạo dựng theo hình ảnh của Thiên Chúa, và được kêu gọi để tiếp nối công trình tạo dựng, cùng với nhau và cho nhau, bằng việc làm chủ trái đất¹⁷⁰. Vì vậy, lao động là một bổn phận: 378 “Ai không chịu làm việc thì cũng đừng ăn” (2 Tx 3,10)¹⁷¹. Lao động biểu dương các hồng ân của Đấng Tạo Hoá và những tài năng đã lãnh nhận. Lao động cũng có giá trị cứu chuộc. Khi chịu đựng 531 những vất vả¹⁷² của lao động trong sự kết hợp với Chúa Giêsu, người thợ làng Nazareth và đã chịu đóng đinh vào thập giá trên đồi Calvariô, con người cộng tác một cách nào đó với Con Thiên Chúa trong công trình cứu chuộc của Người. Họ biểu lộ mình là môn đệ của Đức Kitô, khi vác thập giá hằng ngày trong hoạt động

¹⁶⁷ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus*, 10: AAS 83 (1991) 804-806; *Ibid.*, 13: AAS 83 (1991) 809-810; *Ibid.*, 44: AAS 83 (1991) 848-849.

¹⁶⁸ ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus*, 34: AAS 83 (1991) 836.

¹⁶⁹ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 64: AAS 58 (1966) 1086.

¹⁷⁰ X. St 1,28; CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 34: AAS 58 (1966) 1052-1053; ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus*, 31: AAS 83 (1991) 831-832.

¹⁷¹ X. 1 Tx 4,11.

¹⁷² X. St 3,14-19.

họ được kêu gọi chu toàn¹⁷³. Lao động có thể là một phương thế thánh hóa và làm sinh động các thực tại trần thế trong Thần Khí của Đức Kitô.

2428. Trong lao động, con người thực thi và kiện toàn một phần các tài năng đã được ghi khắc trong bản tính của mình. Giá trị hàng đầu của lao động thuộc về con người, là tác giả và là mục tiêu của lao động. Lao động cho con người, chứ không phải con người cho lao động¹⁷⁴. 2834
2185

Mỗi người phải có thể rút từ lao động các phương tiện để nuôi sống mình và những người thuộc về mình, và để phục vụ cộng đồng nhân loại.

2429. Mỗi người có quyền có *sáng kiến về kinh tế*, mỗi người nên sử dụng cách hợp pháp các tài năng của mình, để góp phần làm ra nhiều của cải cho mọi người được hưởng, và để thu lượm những hoa trái chính đáng do các nỗ lực của mình. Họ phải quan tâm để tuân theo những quy định do các quyền bình hợp pháp đề ra vì công ích¹⁷⁵.

2430. *Đời sống kinh tế* liên quan đến nhiều quyền lợi khác nhau, thường đối nghịch nhau. Từ đó thường sinh ra các xung đột, là đặc điểm của đời sống kinh tế¹⁷⁶. Phải cố gắng giải quyết các xung đột bằng thương lượng, dựa trên sự tôn trọng các quyền lợi và bổn phận của mỗi thành phần xã hội: ban điều hành các xí nghiệp, đại diện công nhân, chẳng hạn các tổ chức nghiệp đoàn, và đôi khi, công quyền.

2431. *Trách nhiệm của Nhà Nước.* “Hoạt động kinh tế, nhất là kinh tế thị trường, không thể triển khai trong một môi trường không có thể chế pháp lý và chính trị. Trái lại, hoạt động kinh tế giả thiết rằng các quyền tự do cá nhân và quyền tư hữu phải được bảo đảm, cũng như một hệ thống tiền tệ ổn định và các dịch vụ công cộng hữu hiệu. Như vậy, nhiệm vụ chủ yếu của Nhà Nước là bảo đảm những vấn đề trên, để những người lao động và sản xuất có thể hưởng kết quả do sức lao động của họ, và nhờ đó họ cảm thấy được khích lệ để làm việc một cách có hiệu quả và lương thiện... Một nhiệm vụ khác của Nhà Nước là phải giám sát và hướng dẫn việc thực thi các quyền con người trong lãnh vực kinh tế; tuy nhiên, trong lãnh vực này, trách nhiệm hàng đầu không 1908
1883

¹⁷³ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Laborem exercens*, 27: AAS 73 (1981) 644-647.

¹⁷⁴ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Laborem exercens*, 6: AAS 73 (1981) 589-592.

¹⁷⁵ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus*, 32: AAS 83 (1991) 832-833; *Ibid.*, 34: AAS 83 (1991) 835-836.

¹⁷⁶ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Laborem exercens*, 11: AAS 73 (1981) 602-605.

thuộc về Nhà Nước, nhưng thuộc về các cá nhân, các nhóm, và các tập thể khác nhau tạo nên xã hội”¹⁷⁷.

2415 **2432.** Những người *lãnh đạo xí nghiệp* chịu trách nhiệm trước xã hội về mặt kinh tế và sinh thái của công việc làm ăn của mình¹⁷⁸. Họ buộc phải quan tâm đến lợi ích của con người chứ không chỉ lo gia tăng *lợi nhuận*. Tuy nhiên, lợi nhuận là cần thiết. Chúng cho phép thực hiện những đầu tư để bảo đảm tương lai của các xí nghiệp. Chúng bảo đảm công ăn việc làm.

2433. *Quyền có việc làm* và chọn nghề phải được mở ngõ cho mọi người, không được kỳ thị cách bất công, cho người nam và người nữ, cho người khỏe mạnh và đau yếu, cho người địa phương và người di cư¹⁷⁹. Về phần mình, tùy hoàn cảnh, xã hội phải giúp đỡ để các công dân tìm được công ăn việc làm¹⁸⁰.

1867 **2434.** *Tiền lương công bằng* là kết quả hợp pháp của lao động. Không trả hoặc giữ tiền lương lại, có thể là một bất công nghiêm trọng¹⁸¹. Để định giá việc trả lương cách công bằng, phải đồng thời lưu ý đến các nhu cầu và các đóng góp của mỗi người. “Căn cứ vào nhiệm vụ và năng suất của mỗi người, vào tình trạng của xí nghiệp và công ích, việc trả lương cho lao động phải bảo đảm cho con người khả năng xây dựng một cách xứng đáng cho mình và cho những người thuộc về mình một đời sống vật chất, xã hội, văn hóa và tinh thần”¹⁸². Sự thỏa thuận giữa chủ và thợ không đủ để biện minh về mặt luân lý cho số tiền trả lương.

2435. *Sự đình công* là hợp pháp về mặt luân lý, khi đó là một phương thế không thể tránh được, hoặc thậm chí là cần thiết, để đạt được lợi ích tương xứng. Sự đình công là không thể chấp nhận được về mặt luân lý, khi kèm theo bạo động, hoặc hơn thế nữa, nếu được dùng để nhằm những mục tiêu không trực tiếp liên hệ đến các điều kiện làm việc hoặc những mục tiêu nghịch với công ích.

2436. Không *đóng góp lệ phí* cho những tổ chức an sinh xã hội do quyền bính hợp pháp quy định, là điều bất công.

Nạn thất nghiệp vì thiếu việc làm hầu như luôn luôn làm tổn thương phẩm giá của nạn nhân và đe dọa sự quân bình của đời sống.

¹⁷⁷ ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus*, 48: AAS 83 (1991) 852-853.

¹⁷⁸ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus*, 37: AAS 83 (1991) 840.

¹⁷⁹ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Laborem exercens*, 19: AAS 73 (1981) 625-629; *Ibid.*, 22-23: AAS 73 (1981) 634-637.

¹⁸⁰ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus*, 48: AAS 83 (1991) 852-854.

¹⁸¹ X. Lv 19,13; Đnl 24,14-15; Gc 5,4.

¹⁸² CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 67: AAS 58 (1966) 1088-1089.

Ngoài sự thiệt hại mà cá nhân người đó phải gánh chịu, nạn thất nghiệp còn đem lại nhiều nguy cơ cho gia đình họ¹⁸³.

V. SỰ CÔNG BẰNG VÀ TÌNH LIÊN ĐỐI GIỮA CÁC QUỐC GIA

IUSTITIA ET SOLIDARIETAS INTER POPULOS

2437. Trên bình diện quốc tế, sự bất bình đẳng về các nguồn tài nguyên và các phương tiện kinh tế là hết sức lớn lao, đến nỗi nó gây nên một “hố sâu” thật sự giữa các quốc gia¹⁸⁴. Một bên là những quốc gia nắm giữ và gia tăng các phương tiện phát triển, bên kia là những quốc gia nợ nần chồng chất. 1938

2438. Nhiều nguyên do khác nhau về tôn giáo, chính trị, kinh tế và tài chính, khiến cho “vấn đề xã hội ngày nay mang một chiều kích quốc tế”¹⁸⁵. Tình liên đới là cần thiết giữa các quốc gia vốn có liên hệ chính trị phụ thuộc lẫn nhau. Tình liên đới còn hết sức cần thiết khi vấn đề là phải loại trừ những “cơ chế máy móc bất nhân” gây chướng ngại cho sự phát triển của các quốc gia chậm tiến¹⁸⁶. Thay vào các hệ thống kinh tài đầy lạm dụng hoặc thậm chí bóc lột¹⁸⁷, những tương quan thương mại bất công giữa các quốc gia, việc chạy đua vũ trang, cần phải có một nỗ lực chung để huy động các nguồn tài nguyên vào những mục tiêu phát triển luân lý, văn hóa và kinh tế “trước hết bằng việc làm sáng tỏ những vấn đề quan trọng nhất và các bậc thang các lợi ích, dựa theo đó ... mà đề ra những kế hoạch”¹⁸⁸. 1911 2315

2439. Các nước giàu có trách nhiệm luân lý nghiêm trọng đối với các nước không thể tự bảo đảm cho mình sự phát triển hoặc bị ngăn cản không phát triển được vì những biến cố lịch sử bi thảm. Đây là một bổn phận của tình liên đới và bác ái; đây cũng là sự bắt buộc của đức công bằng, nếu sự sung túc của các nước giàu là do những tài nguyên đã không được trả tiền cách công bằng.

2440. Việc viện trợ trực tiếp là giải pháp thích hợp đáp ứng những nhu cầu trước mắt và đột xuất, chẳng hạn do thiên tai, nạn dịch, v.v... Nhưng việc viện trợ này không đủ để bù đắp những thiệt hại nghiêm trọng do hoàn cảnh túng thiếu, cũng không thể trường kỳ đáp ứng các nhu cầu được. Phải cải tổ các thể chế kinh tế và tài

¹⁸³ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Laborem exercens*, 18: AAS 73 (1981) 622-625.

¹⁸⁴ ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo rei socialis*, 14: AAS 80 (1988) 526-528.

¹⁸⁵ ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo rei socialis*, 9: AAS 80 (1988) 520-521.

¹⁸⁶ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo rei socialis*, 17: AAS 80 (1988) 532-533; *Ibid.*, 45: AAS 80 (1988) 577-578.

¹⁸⁷ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus*, 35: AAS 83 (1991) 836-838.

¹⁸⁸ ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus*, 28: AAS 83 (1991) 828.

chánh quốc tế, để chúng cố võ cách tốt hơn những tương quan công bằng với các nước kém phát triển¹⁸⁹. Phải nâng đỡ nỗ lực của các nước nghèo đang phấn đấu để tự phát triển và tự giải phóng mình¹⁹⁰. Điều này phải được áp dụng cách hết sức đặc biệt trong lãnh vực lao động nông nghiệp. Các nông dân, nhất là ở thế giới thứ ba, là thành phần hết sức đông đảo trong số những người nghèo.

1908 **2441.** Gia tăng cảm thức về Thiên Chúa và sự hiểu biết chính mình là nền tảng của mọi *phát triển trọn vẹn xã hội loài người*. Sự phát triển này làm sinh sôi nảy nở các cửa của cải vật chất và dùng chúng vào việc phục vụ con người và sự tự do của con người. Sự phát triển này làm giảm bớt nỗi khốn cùng và sự lạm dụng kinh tế. Nó làm gia tăng sự tôn trọng đối với các bản sắc văn hóa và đối với việc mở ngõ hướng tới chiều kích siêu việt¹⁹¹.

899 **2442.** Sự can thiệp trực tiếp vào cơ cấu chính trị và vào việc tổ chức đời sống xã hội không thuộc về các mục tử của Hội Thánh. Nhiệm vụ này là một phần ơn gọi của *các tín hữu giáo dân*, là những người hành động bằng sáng kiến riêng cùng với đồng bào của mình. Hành động xã hội có thể bao hàm nhiều đường lối cụ thể. Hành động đó phải luôn nhắm tới công ích và phù hợp với sứ điệp Tin Mừng và với giáo huấn của Hội Thánh. Các tín hữu giáo dân có bổn phận “đem nhiệt tình Kitô giáo làm sinh động các thực tại trần thế, và trong đó tỏ ra mình là những chứng nhân và những người xây dựng công lý và hoà bình”¹⁹².

2544-2547

VI. YÊU THƯƠNG NGƯỜI NGHÈO

AMOR PAUPERUM

786, 525 **2443.** Thiên Chúa chúc phúc cho những ai giúp đỡ người nghèo, và 544, 853 kết án những ai quay lưng lại với họ. “Ai xin thì hãy cho; ai muốn vay mượn, thì đừng ngoảnh mặt đi” (Mt 5,42). “Anh em đã được cho không, thì cũng phải cho không như vậy” (Mt 10,8). Chúa Giêsu Kitô nhận biết những kẻ được tuyển chọn của Người căn cứ vào những gì họ đã làm cho những người nghèo¹⁹³. Khi “kẻ nghèo được nghe Tin Mừng” (Mt 11,5)¹⁹⁴, thì đó là dấu chỉ sự hiện diện của Đức Kitô.

¹⁸⁹ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo rei socialis*, 16: AAS 80 (1988) 531.

¹⁹⁰ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus*, 26: AAS 83 (1991) 824-826.

¹⁹¹ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo rei socialis*, 32: AAS 80 (1988) 556-557; Id., Thông điệp *Centesimus annus*, 51: AAS 83 (1991) 856-857.

¹⁹² ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo rei socialis*, 47: AAS 80 (1988) 582; x. *Ibid.*, 42: AAS 80 (1988) 572-574.

¹⁹³ X. Mt 25,31-36.

¹⁹⁴ X. Lc 4,18.

2444. “Lòng yêu mến của Hội Thánh đối với người nghèo... được tiếp nối liên tục trong kinh nghiệm truyền thống của Hội Thánh”¹⁹⁵. Tình yêu đó được linh hứng bởi Tin Mừng của các mối phúc¹⁹⁶, bởi sự khó nghèo của Chúa Giêsu¹⁹⁷ và sự quan tâm của Người đối với kẻ nghèo.¹⁹⁸ Tình yêu đối với người nghèo cũng là một trong những động lực thúc đẩy bốn phạm làm việc để “có gì chia sẻ với người túng thiếu”¹⁹⁹. Điều này không chỉ giới hạn ở sự nghèo khó về vật chất, nhưng còn hướng tới nhiều hình thức nghèo đói về văn hóa và tôn giáo²⁰⁰.

2445. Tình yêu đối với người nghèo không thể đi đôi với tình yêu vô độ đối với của cải hoặc việc sử dụng của cải cách ích kỷ: 2536

“Giờ đây, hỡi những kẻ giàu có, các người hãy than van rên rỉ về những tai họa sắp đổ xuống trên đầu các người. Tài sản của các người đã hư nát, quần áo của các người đã bị mối ăn. Vàng bạc của các người đã bị rỉ sét; và chính rỉ sét ấy là bằng chứng buộc tội các người; nó sẽ như lửa thiêu hủy xác thịt các người. Các người đã lo tích trữ trong những ngày sau hết này. Các người đã gian lận mà giữ lại tiền lương của những thợ đi cắt lúa trong ruộng của các người. Kia, tiền lương ấy đang kêu lên oán trách các người, và tiếng kêu của những thợ gặt ấy đã thấu đến tai Chúa các đạo binh. Trên cõi đất này, các người đã sống xa hoa, đã buông theo khoái lạc, lòng các người đã được no đầy thỏa mãn trong ngày sát hại. Các người đã kết án, đã giết hại người công chính, và họ đã chẳng cưỡng lại các người” (Gc 5,1-6). 2547

2446. Thánh Gioan Kim Khẩu nhắc lại điều này một cách mạnh mẽ: “Không cho kẻ nghèo được chia sẻ của cải thuộc về mình, là ăn cắp của họ và cướp lấy mạng sống của họ; ... của cải chúng ta đang nắm giữ, không phải là của chúng ta, nhưng là của họ”²⁰¹. “Phải thỏa mãn những đòi hỏi của đức công bằng trước đã, kéo những tặng phẩm đem cho, tưởng là vì bác ái, mà thật ra là phải đền trả vì đức công bằng”²⁰². 2402

“Khi tặng bất cứ thứ gì cần thiết cho người nghèo, thì không phải chúng ta tặng những gì của chúng ta, nhưng là chúng ta trả

¹⁹⁵ ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus*, 57: AAS 83 (1991) 862-863.

¹⁹⁶ X. Lc 6,20-22.

¹⁹⁷ X. Mt 8,20.

¹⁹⁸ X. Mc 12,41-44.

¹⁹⁹ X. Ep 4,28.

²⁰⁰ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus*, 57: AAS 83 (1991) 863.

²⁰¹ Thánh Gioan Kim Khẩu, *In Lazarum*, concio 2, 6: PG 48, 992.

²⁰² CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Apostolicam actuositatem*, 8: AAS 58 (1966) 845.

lại cho họ những gì là của họ; chúng ta trả nợ theo đức công bằng, hơn là chúng ta làm những việc từ thiện”²⁰³.

1460 **2447.** *Các việc từ thiện* là những hành vi bác ái, qua đó chúng ta giúp đỡ tha nhân những gì cần thiết cho thể xác và tinh thần của họ²⁰⁴. Dạy dỗ, khuyên nhủ, an ủi, khích lệ là những việc từ thiện về mặt tinh thần, cũng như tha thứ và nhẫn nhục chịu đựng. Các việc từ thiện về mặt vật chất gồm có: cho kẻ đói ăn, cho kẻ vô gia cư tạm trú, cho kẻ rách rưới ăn mặc, thăm viếng bệnh nhân và kẻ tù đầy, chôn xác kẻ chết²⁰⁵. Trong các công việc đó, bố thí cho người nghèo²⁰⁶ là một trong những bằng chứng chủ yếu của tình bác ái huynh đệ; đó cũng là việc thực thi đức công bằng làm đẹp lòng Thiên Chúa²⁰⁷:

1038, 1969

“Ai có hai áo, thì chia cho người không có; ai có gì ăn, thì cũng làm như vậy” (Lc 3,11). “Tốt hơn, hãy bố thí những gì ở bên trong, thì bấy giờ mọi sự sẽ trở nên trong sạch cho các người” (Lc 11,41). “Giả như có người anh em hay chị em không có áo che thân và không đủ của ăn hằng ngày, mà có ai trong anh em lại nói với họ: ‘Hãy đi bình an, mặc cho ấm và ăn cho no’, nhưng lại không cho họ những thứ thân xác họ đang cần, thì nào có ích lợi gì?” (Gc 2,15-16)²⁰⁸.

1004

386 **2448.** *Sự khốn cùng của con người* xuất hiện dưới nhiều hình thức khác nhau: cùng cực về của cải vật chất, sự đàn áp bất công, các bệnh tật thể lý và tâm thần, sau cùng là cái chết; tất cả những *sự khốn cùng của con người* này là dấu chỉ cho thấy tình trạng yếu đuối nguyên thủy, mà sau tội đầu tiên của ông Adam, con người sống trong đó, và đó cũng là dấu chỉ cho thấy sự cần thiết của ơn cứu độ; những nỗi khốn cùng đó đã lôi kéo lòng thương xót của Đức Kitô, Đấng Cứu độ, Đấng đã muốn mang lấy những nỗi khốn cùng đó khi Người đồng hóa mình với ‘những người anh em bé nhỏ nhất của Ta đây’ (Mt 25,40.45). Vì vậy, những người gặp cảnh khốn cùng được Hội Thánh dành cho *nhều ưu ái hơn*; ngay từ đầu, không bị cản trở vì tội lỗi của các phần tử của mình, do bổn phận của mình, Hội Thánh đã không bao giờ ngưng an ủi, bảo vệ và giải thoát những người đó. Thật vậy, Hội Thánh làm điều đó bằng vô số công việc từ thiện, những việc này là cần thiết ở mọi lúc và mọi nơi”²⁰⁹.

1586

²⁰³ Thánh Grêgôriô Cả, *Regula pastoralis*, 3, 21, 45: SC 382, 394 (PL 77, 87).

²⁰⁴ X. Is 58,6-7; Đnl 13,3.

²⁰⁵ X. Mt 25,31-46.

²⁰⁶ X. Tb 4,5-11; Gv 17,18.

²⁰⁷ X. Mt 6,2-4.

²⁰⁸ X. 1 Ga 3,17.

²⁰⁹ Thánh bộ Giáo lý Đức Tin, Huấn thị *Libertatis Conscientia*, 68: AAS 79 (1987) 583.

2449. Ngay từ Cựu Ước đã có những chỉ thị pháp lý đủ mọi loại (nằm tha nợ, cấm cho vay lấy lãi và cầm cố, nghĩa vụ đóng thuế thập phân, trả lương mỗi ngày, quyền được mót ở ruộng lúa và vườn nho) đáp ứng lời khuyên của sách Đệ Nhị Luật: “Vì trong đất của anh (em) sẽ không thiếu người nghèo. Nên tôi truyền cho anh (em): hãy mở rộng tay giúp người anh em khốn khổ, nghèo khó của anh (em) trong miền đất của anh (em)” (Đnl 15,11). Chúa Giêsu làm cho lời này thành lời của Người: “Thật vậy, người nghèo thì bên cạnh anh em lúc nào cũng có; còn Thầy, anh em không có mãi đâu” (Ga 12,8). Nói vậy, Chúa Giêsu không muốn giảm nhẹ sự mãnh liệt của những lời tiên tri xưa kia: “Ta sẽ lấy tiền bạc mua đũa cơ bản, đem đổi dép đổi lấy tên cùng khổ” (Am 8,6), nhưng Người mời gọi chúng ta nhận biết sự hiện diện của Người nơi những người nghèo là anh em của Người²¹⁰.

1397

“Ngày kia, khi thánh Rôsa Lima bị mẹ bà trách vì đã đón nhận những người nghèo, người bệnh vào nhà, bà trả lời mẹ: ‘Khi chúng ta phục vụ những người đau yếu, chúng ta là hương thơm tốt lành của Đức Kitô’²¹¹.

786

TÓM LƯỢC

2450. “Người không được trộm cắp” (Đnl 5,19). “Những kẻ trộm cướp, tham lam... sẽ không được Nước Thiên Chúa làm cơ nghiệp” (1 Cr 6,10).

2451. Điều răn thứ bảy dạy phải giữ đức công bằng và bác ái về những của cải trần thế và thành quả lao động của con người.

2452. Của cải của công trình tạo dựng được dành cho toàn thể nhân loại. Quyền tư hữu của cải không hủy bỏ quyền chung hưởng những của cải này.

2453. Điều răn thứ bảy cấm trộm cắp. Trộm cắp là chiếm đoạt của cải của tha nhân, trái với ý muốn hợp lý của sở hữu chủ.

2454. Mọi cách lấy hoặc giữ cách bất công của cải của tha nhân, đều nghịch với điều răn thứ bảy. Bất công đã lỗi phạm đòi hỏi phải được đền bù. Công bằng giao hoán đòi phải trả lại của cải đã bị lấy cắp.

²¹⁰ X. Mt 25,40.

²¹¹ P. Hansen, *Vita mirabilis [...] venerabilis sororis Rosae de sancta Maria Limensis (Romae 1664)* 200.

2455. Luật luân lý cấm các hành vi, vì lợi nhuận hoặc do độc tài, dẫn tới việc nô lệ hoá con người, mua bán hoặc trao đổi họ như hàng hoá.

2456. Quyền thống trị các tài nguyên khoáng chất, thực vật và động vật trong vũ trụ Đấng Tạo Hoá đã ban cho con người, không thể được tách biệt khỏi việc phải tôn trọng những nghĩa vụ luân lý, kể cả những nghĩa vụ đối với các thế hệ tương lai.

2457. Thú vật được trao phó cho con người chăm sóc; con người phải đối xử tử tế với chúng. Chúng có thể được dùng để đáp ứng những nhu cầu chính đáng của con người.

2458. Hội Thánh đưa ra phán đoán trong lãnh vực kinh tế và xã hội, khi các quyền căn bản của con người hoặc ơn cứu độ các linh hồn đòi hỏi việc đó. Hội Thánh quan tâm đến các khía cạnh trần thế của công ích vì lý do chúng quy hướng về Sự Thiện tối thượng, là mục đích tối hậu của chúng ta.

2459. Chính con người là chủ thể, trung tâm và cùng đích của toàn bộ đời sống kinh tế và xã hội. Điều quan trọng nhất của vấn đề xã hội là làm thế nào để của cải đã được Thiên Chúa tạo dựng cho mọi người, thật sự đến được với mọi người, theo đức công bằng và với sự trợ giúp của đức bác ái.

2460. Giá trị hàng đầu của lao động thuộc về con người, là tác giả và là mục tiêu của lao động. Nhờ lao động của mình, con người tham dự vào công trình tạo dựng. Khi được kết hợp với Đức Kitô, lao động có thể có giá trị cứu chuộc.

2461. Sự phát triển đích thực là sự phát triển con người toàn diện. Vấn đề là khả năng của mỗi nhân vị phải được gia tăng để đáp lại ơn gọi của mình, nghĩa là đáp lời Thiên Chúa, Đấng kêu gọi mình²¹².

2462. Việc bố thí cho người nghèo là một chứng từ của đức mến Kitô giáo: đó cũng là việc thực thi đức công bằng làm đẹp lòng Thiên Chúa.

2463. Giữa biết bao người không cơm bánh, không nhà cửa, không chốn nương thân, chúng ta lại không nhận ra anh Ladarô, người hành khất đói khổ trong dụ ngôn sao²¹³? Làm thế nào lại không nghe Chúa Giêsu nói: “Các người đã không làm cho chính Ta” (Mt 25,45)?

²¹² X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus annus*, 29: AAS 83 (1991) 828-830.

²¹³ X. Lc 16,19-31.

Mục 8

Điều Răn Thứ Tám

Articulus 8

Octavum praeceptum

“Người không được làm chứng gian hại người” (Xh 20,16).

“Anh em còn nghe luật dạy người xưa rằng: ‘Chớ bội thề, nhưng hãy trọn lời thề với Chúa’” (Mt 5,33).

2464. Điều răn thứ tám cấm xuyên tạc chân lý trong những tương quan với tha nhân. Chỉ thị luân lý này xuất phát từ ơn gọi của dân thánh, là làm chứng nhân cho Thiên Chúa của mình, Đấng là chân lý và muốn chân lý. Những sự xúc phạm đến chân lý, bằng lời nói hay bằng hành vi, đều là từ chối dẫn thân theo sự ngay thẳng về luân lý. Những sự xúc phạm đó là những bất trung căn bản đối với Thiên Chúa và, theo nghĩa này, chúng huỷ hoại các nền tảng của Giao Ước.

I. SỐNG TRONG CHÂN LÝ

VIVERE IN VERITATE

2465. Cựu Ước chứng tỏ: *Thiên Chúa là nguồn mạch mọi chân lý.* 215 Lời Ngài là chân lý²¹⁴. Luật của Ngài là chân lý²¹⁵. “Lòng thành tín Chúa trải bao thế hệ” (Tv 119,90)²¹⁶. Bởi vì Thiên Chúa là “Đấng Chân Thật” (Rm 3,4), nên các phần tử của dân Ngài được kêu gọi sống trong chân lý²¹⁷.

2466. Chân lý của Thiên Chúa được tỏ hiện cách trọn vẹn nơi Chúa Giêsu Kitô. Chính Người, Đấng tràn đầy ân sủng và chân lý²¹⁸, là “ánh sáng thế gian” (Ga 8,12). Chính Người là *chân lý*²¹⁹. Mọi kẻ tin vào Người, thì không còn ở trong bóng tối²²⁰. Môn đệ của Chúa Giêsu ở trong lời Người, để nhận biết chân lý có sức giải thoát²²¹ và thánh hóa²²². Bước theo Chúa Giêsu là sống bởi Thánh

²¹⁴ X. Cn 8,7; 2 Sm 7,28.

²¹⁵ X. Tv 119,142.

²¹⁶ X. Lc 1,50.

²¹⁷ X. Tv 119,30.

²¹⁸ X. Ga 1,14.

²¹⁹ X. Ga 14,6.

²²⁰ X. Ga 12,46.

²²¹ X. Ga 8,31-32.

²²² X. Ga 17,17.

2153 Thần chân lý²²³, Đấng Chúa Cha sai đến nhân danh Người²²⁴, và là Đấng sẽ dẫn đưa đến “sự thật toàn vẹn” (Ga 16,13). Chúa Giêsu dạy các môn đệ phải tuyệt đối yêu mến chân lý: “Trong lời nói của anh em, hễ ‘có’ thì phải nói ‘có’, ‘không’ thì phải nói ‘không’” (Mt 5,37).

2104 **2467.** Con người tự bản tính hướng đến chân lý. Con người buộc phải tôn trọng và làm chứng cho chân lý. “Theo phẩm giá của mình, mọi người, bởi vì là những nhân vị, ... được thôi thúc do bản tính của mình, và do nghĩa vụ luân lý, buộc phải tìm kiếm chân lý, trước hết là chân lý về tôn giáo. Họ cũng buộc phải gắn bó với chân lý đã được nhận biết, và xếp đặt toàn bộ đời sống mình theo các đòi hỏi của chân lý”²²⁵.

1458 **2468.** Chân lý, xét như là sự ngay thẳng trong cách hành động và trong lời nói của con người, có tên gọi là *sự chân thật*, sự thành thật hoặc tâm hồn cởi mở. Chân lý hoặc sự chân thật là một nhân đức, cốt tủy việc con người tỏ ra mình thành thật trong các hành vi của mình và thành thật trong các lời nói của mình, tránh xa lối sống hai mặt, dối trá và đạo đức giả.

1807 **2469.** “Con người không thể... chung sống với nhau nếu không *tin nhau*, xét như những người biểu lộ chân lý cho nhau”²²⁶. Nhân đức chân thật trả lại cho người khác cách công bằng điều ta mắc nợ họ. Chân lý giữ sự trung dung chính đáng giữa điều phải được nói ra với điều bí mật phải giữ kín: chân lý bao hàm sự thành thật và sự kín đáo. Theo đức công bằng, “con người phải thành thật biểu lộ chân lý cho người khác”²²⁷.

2470. Người môn đệ Đức Kitô chấp nhận “sống trong chân lý”, nghĩa là, trong đời sống đơn sơ phù hợp với mẫu gương của Chúa và ở lại trong chân lý của Người. “Nếu chúng ta nói là chúng ta hiệp thông với Người, mà lại đi trong bóng tối, thì chúng ta nói dối, và không hành động theo sự thật” (1 Ga 1,6).

II. “LÀM CHỨNG CHO CHÂN LÝ”

“TESTIMONIUM PERHIBERE VERITATI”

2471. Trước mặt quan Philatô, Đức Kitô tuyên bố Người đã đến thế gian là để làm chứng cho chân lý²²⁸. Kitô hữu không được “hỗ thẹn

²²³ X. Ga 14,17.

²²⁴ X. Ga 14,26.

²²⁵ CD Vaticanô II, Tuyên ngôn *Dignitatis humanae*, 2: AAS 58 (1966) 931.

²²⁶ Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, II-II, q. 109, a. 3, ad 1: Ed. Leon. 9, 418.

²²⁷ Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, II-II, q. 109, a. 3, c: Ed. Leon. 9, 418.

²²⁸ X. Ga 18,37.

vì phải làm chứng cho Chúa” (2 Tm 1,8). Trong những trường hợp 1816
đòi phải làm chứng cho đức tin, Kitô hữu phải tuyên xưng đức tin
một cách không úp mở, theo gương thánh Phaolô trước mặt các
thẩm phán. Họ phải giữ “lương tâm không có gì đáng chê trách
trước mặt Thiên Chúa và người ta” (Cv 24,16).

2472. Bốn phận của các Kitô hữu là tham gia vào đời sống Hội 863, 905
Thánh, thúc đẩy họ hành động như những *chứng nhân của Tin Mừng*
và chu toàn những nghĩa vụ phát xuất từ bốn phận đó. Làm
chứng là lưu truyền đức tin bằng lời nói và việc làm. Làm chứng là
một hành vi của đức công bằng nhằm thiết lập chân lý hoặc làm 1807
cho chân lý được nhận biết²²⁹:

Mọi Kitô hữu, dù sống ở đâu, đều phải lấy gương mẫu đời sống
và chứng từ lời nói để biểu lộ con người mới, mà họ đã mặc lấy
qua bí tích Rửa Tội, và biểu lộ sức mạnh của Chúa Thánh Thần,
Đấng đã củng cố họ qua bí tích Thêm Sức²³⁰.

2473. *Sự tử đạo* là việc làm chứng cao cả nhất cho chân lý đức tin; 852
đó là sự làm chứng cho đến nỗi phải chết. Vị tử đạo làm chứng cho
Đức Kitô, Đấng đã chết và đã sống lại, mà họ được liên kết với
Người bằng đức mến. Vị tử đạo làm chứng cho chân lý đức tin và
đạo lý Kitô giáo. Vị tử đạo chịu chết bằng hành vi của đức can
đảm. “Hãy để tôi trở nên mồi ngon cho ác thú, nhờ chứng mà tôi
được đến với Thiên Chúa”²³¹. 1808
1258

2474. Hội Thánh hết sức quan tâm thu thập các kỷ niệm về những
vị đã làm chứng cho đức tin của mình cho đến cùng. Đó là Hạnh
các vị Tử Đạo. Các hạnh này là những văn thư lưu trữ về Chân Lý
được viết bằng máu:

“Những lãnh địa trần gian và các vương quốc đời này không ích 1011
gì cho tôi. Đối với tôi, thà chết trong Đức Kitô Giêsu, còn hơn
được thống trị các lãnh địa của trái đất này. Tôi tìm kiếm Người,
Đấng đã chết cho chúng ta; tôi khao khát Người, Đấng đã sống
lại vì chúng ta. Tôi sắp được sinh ra...”²³².

“Con chúc tụng Chúa, vì Chúa đã xét con xứng đáng với ngày
này và giờ này, để con được dự phần vào số các vị tử đạo... Chúa
đã thực hiện lời Chúa hứa, lạy Thiên Chúa, Đấng trung tín và
không biết nói dối. Vì hồng ân này và vì tất cả mọi sự, con ngợi
khen Chúa, con chúc tụng Chúa, con tôn vinh Chúa nhờ vị
Thượng Tế vĩnh hằng trên trời là Chúa Giêsu Kitô, Con yêu dấu

²²⁹ X. Mt 18,16.

²³⁰ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Ad gentes*, 11: AAS 58 (1966) 959.

²³¹ Thánh Ignatiô Antiôchia, *Epistula ad Romanos*, 4, 1: SC 10bis, 110 (Funk 1, 256).

²³² Thánh Ignatiô Antiôchia, *Epistula ad Romanos*, 6, 1: SC 10bis, 114 (Funk 1, 258-260).

của Chúa. Nhờ Người, con tôn vinh Chúa cùng với Người trong Chúa Thánh Thần, bây giờ và cho đến muôn đời. Amen”²³³.

III. NHỮNG XÚC PHẠM ĐẾN CHÂN LÝ

CONTRA VERITATEM OFFENSÆ

2475. Các môn đệ của Đức Kitô đã “mặc lấy con người mới, là con người đã được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa để thật sự sống công chính và thánh thiện” (Ep 4,24). “Một khi đã cởi bỏ sự gian dối” (Ep 4,25), họ phải “từ bỏ mọi thứ gian ác, mọi điều xảo trá, giả hình và ghen tương cùng mọi lời nói xấu gièm pha” (1 Pr 2,1).

2152 **2476.** *Làm chứng dối và thề gian.* Khi được phát biểu công khai, một khẳng định nghịch với chân lý mang tính nghiêm trọng đặc biệt. Trước tòa án, lời nói như thế trở thành việc làm chứng dối²³⁴. Khi quả quyết như thế mà còn thề, thì đó là thề gian. Những cách hành động này góp phần vào việc hoặc kết án người vô tội, hoặc gỡ tội cho phạm nhân, hoặc gia tăng hình phạt cho bị cáo²³⁵. Những cách hành động này làm phương hại cách nghiêm trọng đến việc thực thi công lý và sự công bằng của bản án do các thẩm phán tuyên ra.

2477. *Sự tôn trọng thanh danh của các nhân vị* cấm mọi thái độ và mọi lời nói có thể gây thiệt hại cách bất công cho họ²³⁶. Sẽ có lỗi khi:

- *Phán đoán hồ đồ*, nghĩa là khi không có đủ cơ sở mà, ngay cả một cách thâm lặng, cho một khiếm khuyết về luân lý nơi người lân cận, là có thật.
- *Nói xấu*, nghĩa là khi không có lý do chính đáng cách khách quan, mà lại tiết lộ những khiếm khuyết hoặc lỗi phạm của kẻ khác cho những người chưa biết²³⁷;
- *Vu khống*, nghĩa là khi dùng những khẳng định nghịch với chân lý mà làm hại thanh danh kẻ khác và tạo cơ hội cho người ta phán đoán sai lầm về người đó.

2478. Để tránh phán đoán hồ đồ, mỗi người, bao nhiêu có thể, phải cố gắng giải thích theo nghĩa tốt, những tư tưởng, lời nói và việc làm của người lân cận:

“Mỗi Kitô hữu đạo đức phải mau mắn hiểu lời nói hay ý định tối nghĩa của người khác theo nghĩa tốt, hơn là lên án. Nếu không

²³³ *Martyrium Polycarpi*, 14, 2-3: SC 10bis, 228 (Funk 1, 330-332).

²³⁴ X. Cn 19,9.

²³⁵ X. Cn 18,5.

²³⁶ X. *Bộ Giáo Luật*, điều 220.

²³⁷ X. Hc 21,28.

có lý do nào để có thể bào chữa, thì phải hỏi người đó có ý nói gì; nếu người đó nghĩ hay hiểu cách không đúng lắm, thì hãy sửa chữa cách dịu dàng; nếu như vậy chưa đủ, thì phải tìm mọi phương thế thích hợp giúp người đó hiểu đúng và thoát được sai lầm”²³⁸.

2479. Nói xấu và vu khống huỷ hoại *thanh danh và danh dự của người lân cận*. Mà danh dự là bằng chứng của xã hội đối với nhân phẩm, và mỗi người có quyền tự nhiên được hưởng danh dự, thanh danh và sự tôn trọng. Vì vậy, nói xấu và vu khống là phạm đến các nhân đức công bằng và bác ái.

1753

2480. Mọi lời nói và mọi thái độ sau đây đều phải bị cấm: *nịnh hót, bợ đỡ hoặc tâng bốc* để thúc đẩy và khuyến khích kẻ khác làm điều xấu và hành động cách sai lầm. Bợ đỡ là một lỗi phạm nghiêm trọng, nếu là đồng lõa với các thói xấu hoặc các tội nghiêm trọng. Ý muốn giúp đỡ hoặc tình bằng hữu không biện minh được cho lời nói hai lòng. Bợ đỡ là một tội nhẹ khi chỉ có ý để lấy lòng người khác, để tránh một điều xấu, thoát khỏi một tình thế khó khăn hay để đạt được những lợi ích chính đáng.

2481. *Khoe khoang* hoặc khoác lác là một lỗi phạm nghịch với chân lý. Cũng phải nói như vậy về *châm biếm*, khi có ý làm mất uy tín một ai đó, bằng cách điều cợt, với ý xấu, một điều gì trong cách hành động của người đó.

2482. “*Nói dối* là nói điều sai, với ý định đánh lừa kẻ khác”²³⁹. Chúa tổ giác sự nói dối là công việc của ma quỷ: “Cha các người là ma quỷ Sự thật không ở trong nó. Khi nó nói dối là nó nói theo bản tính của nó, bởi vì nó là kẻ nói dối và là cha sự gian dối”

392

2483. Nói dối là sự xúc phạm trực tiếp nhất đến chân lý. Nói dối là nói hay hành động nghịch với chân lý để dẫn đến sự sai lầm. Nói dối, vì làm hại cho tương quan của con người với chân lý và với người lân cận, nên xúc phạm đến tương quan nền tảng giữa con người và lời nói của con người với Chúa.

2484. *Tính nghiêm trọng của tội nói dối* được đo lường tùy theo bản chất của chân lý mà tội đó đã làm sai lạc, tùy theo các hoàn cảnh và các ý hướng của kẻ nói dối, và những thiệt hại mà các nạn nhân của nó phải hứng chịu. Nếu sự nói dối tự nó chỉ là tội nhẹ, thì cũng trở thành tội trọng, khi nó xúc phạm cách nghiêm trọng đến các nhân đức công bằng và bác ái.

1750

²³⁸ Thánh Ignatiô Loyola, *Exercitia spiritualia*, 22: MHSI 100, 164.

²³⁹ Thánh Augustinô, *De mendacio*, 4, 5: CSEL 41, 419 (PL 40, 491).

1756 **2485.** Sự nói dối tự bản chất là đáng lên án. Nó làm mất giá trị của lời nói, vốn có mục tiêu là truyền thông cho kẻ khác chân lý mình đã biết. Chủ ý đưa người khác vào sai lầm, bằng những khẳng định nghịch với chân lý, là lỗi phạm đến công bằng và bác ái. Tính quy tội càng lớn hơn, khi ý hướng đánh lừa có nguy cơ gây ra những hậu quả tai hại cho những ai bị lừa xa điều chân thật.

2486. Sự nói dối (bởi vì xúc phạm đến nhân đức chân thật), thật sự là một bạo lực đối với tha nhân. Nó làm tổn thương người đó về khả năng nhận thức, là điều kiện của mọi phán đoán và mọi quyết định. Nó là mầm mống sự chia rẽ giữa các tâm trí và mầm mống mọi điều xấu do chia rẽ gây ra. Nói dối là tai họa cho mọi xã hội; 1607 nó phá hủy sự tin tưởng giữa con người và cắt đứt các tương quan đệt nên xã hội.

2487. Bất cứ lỗi phạm nào nghịch với sự công bằng và chân lý đều 1459 đòi phải có *bốn phận đền bù*, mặc dù tác giả của nó đã được tha thứ. Khi không thể đền bù lỗi phạm cách công khai, thì phải làm cách kín đáo; nếu không thể đền bù cách trực tiếp cho người bị 2412 hại, thì phải đền bù cho người ấy một cách luân lý, vì lý do bác ái. Bốn phận đền bù này cũng liên quan tới những lỗi phạm nghịch với thanh danh của người khác. Việc đền bù này – đền bù luân lý (*moralis reparatio*) và có khi là đền bù vật chất (*materialis reparatio*), – phải được thẩm định theo mức độ sự thiệt hại đã gây ra. Sự đền bù bắt buộc theo lương tâm.

IV. TÔN TRỌNG CHÂN LÝ

VERITATIS OBSERVANTIA

1740 **2488.** *Quyền truyền thông chân lý* không phải là tuyệt đối. Mỗi người phải sống phù hợp với giới luật yêu thương huynh đệ của Tin Mừng. Trong những trường hợp cụ thể, giới luật này đòi hỏi phải cân nhắc cẩn thận xem có phải tỏ bày sự thật, hay không tỏ bày, cho người yêu cầu.

2489. Đức mến và sự tôn trọng chân lý phải quyết định câu trả lời cho mọi *yêu cầu thông tin hay truyền thông*. Lợi ích và sự an toàn của tha nhân, sự tôn trọng đời tư, công ích, là những lý do đủ để 2284 làm thình không nói điều người khác không được biết, hay để dùng lời lẽ khôn ngoan. Bốn phận tránh gây gương xấu thường đòi buộc phải im lặng nghiêm ngặt. Không ai bị buộc phải tỏ bày một sự thật cho người không có quyền được biết²⁴⁰.

1467 **2490.** *Bí mật của bí tích Giao Hoà* là thánh thiêng và không được tiết lộ bất cứ vì lý do nào. “*Ấn tín bí tích là điều bất khả xâm*

²⁴⁰ X. Hc 27,17; Cn 25,9-10.

phạm; vì thế, tuyệt đối cấm cha giải tội không được tiết lộ hối nhân bằng lời nói hay bằng cách nào khác, và vì bất cứ lý do gì”²⁴¹.

2491. *Những bí mật nghề nghiệp* – chẳng hạn, của các nhà chính trị, quân nhân, y sĩ, luật gia - hoặc chuyện tâm sự có lời thề giữ kín, phải được giữ bí mật, trừ những trường hợp ngoại lệ, là khi việc giữ bí mật sẽ gây ra cho người nói, người nghe, hoặc một đệ tam nhân, những thiệt hại rất nghiêm trọng, và chỉ có thể tránh được những điều đó bằng việc nói ra sự thật. Những chuyện riêng tư, mặc dầu không có lời thề giữ kín, cũng không được tiết lộ nếu có hại cho tha nhân, trừ khi có lý do nghiêm trọng và tương xứng.

2492. Mỗi người buộc phải giữ sự thận trọng chính đáng đối với đời tư của các nhân vị. Những người có trách nhiệm về truyền thông phải giữ sự quân bình chính đáng giữa các đòi hỏi của công ích với sự tôn trọng các quyền cá nhân. Sự xâm phạm của thông tin vào đời tư của những người hoạt động chính trị hoặc hoạt động công cộng là đáng lên án, tùy theo mức độ nó phạm đến sự riêng tư và sự tự do của họ. 2522

V. SỬ DỤNG CÁC PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG XÃ HỘI USUS MEDIORUM COMMUNICATIONIS SOCIALIS

2493. Trong xã hội hiện đại, các phương tiện truyền thông xã hội có một vai trò khá quan trọng trong việc thông tin, việc thăng tiến văn hóa và việc đào tạo. Vai trò này gia tăng vì các tiến bộ kỹ thuật, vì lượng thông tin phong phú và đa dạng, vì ảnh hưởng của nó trên dư luận.

2494. Việc thông tin nhờ các phương tiện truyền thông nhằm phục vụ công ích²⁴². Xã hội có quyền được biết những thông tin dựa trên sự thật, sự tự do, đức công bằng và tình liên đới. 1906

“Việc thực thi đúng đắn quyền này đòi hỏi nội dung của việc truyền thông phải luôn xác thực và, vẫn giữ đức công bằng và bác ái, phải luôn đầy đủ; ngoài ra, về cách thức, truyền thông phải lương thiện và thích hợp, nghĩa là, phải tuyệt đối tuân giữ các luật luân lý, các quyền hợp pháp và phẩm giá của con người, cả trong việc săn tin lẫn việc loan tin”²⁴³.

2495. “Điều cần thiết là mọi thành phần của xã hội cũng phải chu toàn các bổn phận công bằng và bác ái của mình trong lãnh vực này; vì vậy, họ cũng phải sử dụng các phương tiện truyền thông xã 906

²⁴¹ Bộ Giáo Luật, điều 983,1.

²⁴² X. CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Inter mirifica*, 11: AAS 56 (1964) 148-149.

²⁴³ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Inter mirifica*, 5: AAS 56 (1964) 147.

hội để góp phần làm nên và truyền bá những dư luận lành mạnh²⁴⁴. Tình liên đới xuất hiện như hiệu quả của sự truyền thông chân thật và công bằng, và của việc tự do lưu hành các ý tưởng, là những điều cổ vũ sự hiểu biết và tôn trọng tha nhân.

2525 **2496.** Những phương tiện truyền thông xã hội (đặc biệt những phương tiện thông tin đại chúng) có thể làm phát sinh một tâm hồn thụ động nào đó nơi những người tiếp nhận, khiến họ trở thành những người tiêu thụ thiếu cảnh giác đối với những thông tin và hình ảnh được phổ biến. Bởi vậy, những người tiếp nhận phải giữ điều độ và kỷ luật đối với các phương tiện thông tin đại chúng. Họ phải tạo cho mình một lương tâm sáng suốt và ngay thẳng, nhờ đó họ có thể chống lại những ảnh hưởng thiếu lương thiện một cách dễ dàng hơn.

2497. Chính vì nhiệm vụ của mình, những người có trách nhiệm về việc thông tin, khi phổ biến thông tin, có nghĩa vụ phục vụ chân lý và không được xúc phạm tới đức bác ái. Họ cũng phải cố gắng để vừa tôn trọng bản chất các sự kiện, vừa tôn trọng những giới hạn của việc phê phán các nhân vị. Họ phải tránh phỉ báng.

2237 **2498.** “*Quyền bình dân sự* có những bổn phận đặc biệt trong vấn đề này vì công ích... Vì nhiệm vụ của mình, họ phải bảo vệ và bênh vực sự tự do đích thực và chính đáng trong việc thông tin²⁴⁵. Bằng cách ban hành các luật lệ và xem xét việc áp dụng các luật lệ đó, công quyền phải bảo đảm “kéo việc sử dụng sai các phương tiện truyền thông khiến gây ra những thiệt hại nghiêm trọng cho phong hoá và cho những tiến bộ của xã hội”²⁴⁶. Họ phải trừng phạt việc vi phạm quyền giữ thanh danh và bí mật đời tư của mỗi người. Chính quyền phải thông báo kịp thời và đúng đắn những thông tin liên hệ đến lợi ích của đại chúng hoặc giải đáp những bận tâm chính đáng của dân chúng. Không gì có thể biện minh cho việc dùng những phương tiện truyền thông để đưa ra những thông tin sai lạc nhằm lèo lái dư luận. Những can thiệp của chính quyền không được làm tổn thương sự tự do của các cá nhân và các nhóm.

1903 **2499.** Ý thức luân lý tố giác tai họa của các Nhà Nước độc tài, xuyên tạc chân lý một cách có hệ thống, dùng các phương tiện truyền thông để thống trị dư luận về chính trị, “giật dây” các bị cáo và chứng nhân trong các vụ án công khai và cho rằng họ cũng cố được ách chuyên chế của họ bằng cách ngăn chặn và đàn áp những gì họ coi như “trọng tội về tư tưởng”.

²⁴⁴ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Inter mirifica*, 8: AAS 56 (1964) 148.

²⁴⁵ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Inter mirifica*, 12: AAS 56 (1964) 149.

²⁴⁶ CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Inter mirifica*, 12: AAS 56 (1964) 149.

VI. CHÂN LÝ, VẺ ĐẸP VÀ NGHỆ THUẬT THÁNH

VERITAS, PULCHRITUDO ET ARS SACRA

2500. Niềm vui tinh thần và vẻ đẹp luân lý, đi đôi với việc thực thi điều thiện. Cũng vậy, chân lý mang lại niềm vui và ánh huy hoàng của vẻ đẹp tinh thần. Chân lý, tự nó, là đẹp. Chân lý được diễn tả bằng lời nói, sự diễn tả hữu lý của nhận thức về thực tại được tạo dựng và không được tạo dựng, là cần thiết cho con người đã được phú ban trí tuệ, nhưng chân lý cũng có thể được con người diễn tả bằng những hình thức khác nhau, để bổ túc cho nhau, nhất là khi vấn đề phải gọi lên lại bao hàm điều khôn tả, những điều sâu thẳm của trái tim con người, những điều cao vời của linh hồn và mầu nhiệm của Thiên Chúa. Ngay trước khi Ngài tự mạc khải cho con người bằng những lời chân lý, Thiên Chúa đã được mạc khải cho họ qua ngôn ngữ phổ quát là công trình tạo dựng, tác phẩm của Ngôi Lời của Ngài, của Đức Khôn Ngoan của Ngài: qua trật tự và sự hài hoà của vũ trụ – cả trẻ thơ lẫn nhà khoa học đều khám phá được –, “vì các thợ tạo càng lớn lao đẹp đẽ, thì càng giúp nhận ra Đấng tạo thành” (Kn 13,5), “vì chính Đấng Tạo Hoá mọi loài là tác giả của muôn vẻ đẹp” (Kn 13,3). 1804

Thật vậy, Đức Khôn Ngoan “tỏa ra từ quyền năng Thiên Chúa và rực lên trong ngần từ vinh hiển Đấng Toàn Năng, nên không thể vương một tí ố; Đức Khôn Ngoan phản chiếu ánh sáng vĩnh cửu, là tấm gương trong phản ánh hoạt động của Thiên Chúa, là hình ảnh lòng nhân hậu của Ngài” (Kn 7,25-26). “Đức Khôn Ngoan rực rỡ hơn mặt trời, trỗi vượt muôn tinh tú; so với Đức Khôn Ngoan, ánh sáng còn kém xa. Bởi trước màn đêm, ánh sáng đành phải lui bước. Còn Đức Khôn Ngoan, chẳng gian tà nào thắng nổi” (Kn 7,29-30). “Vẻ đẹp của Đức Khôn Ngoan làm tôi say đắm” (Kn 8,2). 341

2501. “Được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa”²⁴⁷, con người cũng diễn tả chân lý về tương quan của mình với Thiên Chúa Sáng Tạo bằng vẻ đẹp của các tác phẩm nghệ thuật của mình. Thật vậy, *nghệ thuật* là một hình thức diễn tả chỉ riêng con người mới có; vượt lên trên việc cố gắng thoả mãn những nhu cầu sinh tồn, là điều chung của mọi sinh vật, nghệ thuật là sự đầy tràn chan chứa, được ban tặng cách nhưng không, sự giàu sang nội tâm của con người. Xuất phát từ tài năng do Đấng Tạo Hoá ban, và từ nỗ lực của chính con người, nghệ thuật là một hình thức của sự khôn ngoan thực tiễn, kết hợp kiến thức với tài khéo léo²⁴⁸, để tạo hình thể cho chân lý của một thực tại, bằng thứ ngôn ngữ có thể cảm 2129

²⁴⁷ X. St 1,26.

²⁴⁸ X. Kn 7,17.

339 nhận được bằng mắt thấy và bằng tai nghe. Như vậy nghệ thuật bao hàm một sự tương tự nào đó với hoạt động của Thiên Chúa trong công trình tạo dựng, theo mức độ nghệ thuật được gợi hứng bởi chân lý về vạn vật và lòng yêu mến vạn vật. Cũng như bất cứ hoạt động nào khác của con người, nghệ thuật không có mục đích tuyệt đối nơi chính nó, nhưng được quy hướng về con người, và trở nên cao quý nhờ mục đích tối hậu là con người²⁴⁹.

1156-1162 **2502.** *Nghệ thuật thánh* sẽ thật và đẹp, khi nhờ hình thức thích hợp, nó đáp ứng với ơn gọi riêng của nó: trong đức tin và trong sự tôn thờ, nghệ thuật thánh gọi lên và tôn vinh mầu nhiệm siêu việt của Thiên Chúa, vẻ đẹp siêu phàm vô hình của chân lý và của tình yêu, đã xuất hiện nơi Đức Kitô, Đấng “là phản ánh vẻ huy hoàng, là hình ảnh trung thực của bản thể Thiên Chúa” (Dt 1,3), “nơi Người, tất cả sự viên mãn của thần tính hiện diện cách cụ thể” (Cl 2,9), Người là vẻ đẹp thiêng liêng đang toả chiếu nơi Đức Trinh Nữ rất thánh Mẹ Thiên Chúa, nơi các Thiên thần và các Thánh. Nghệ thuật thánh đích thực đưa con người đến việc tôn thờ, việc cầu nguyện và việc yêu mến Thiên Chúa là Đấng Tạo Hoá và Cứu Độ, Đấng Thánh Thiện và Thánh Hóa.

2503. Vì vậy, các Giám mục, hoặc chính các ngài hoặc qua các vị đại diện, phải lưu tâm cổ võ nghệ thuật thánh, cổ truyền cũng như hiện đại, trong mọi hình thức của nó, và, cũng với sự lưu tâm đạo hạnh đó, loại trừ khỏi phụng vụ và những nơi thờ phượng mọi điều không phù hợp với chân lý đức tin và với vẻ đẹp đích thực của nghệ thuật *thánh*²⁵⁰.

TÓM LƯỢC

2504. “Người không được làm chứng gian hại người” (Xh 20,16). Các môn đệ của Đức Kitô đã “mặc lấy con người mới là con người đã được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa để thật sự sống công chính và thánh thiện” (Ep 4,24).

2505. *Chân lý hoặc sự chân thật là một nhân đức, cốt tại việc con người tỏ ra mình thành thật trong các hành vi của mình, và thành thật trong các lời nói của mình, tránh xa lối sống hai mặt, dối trá và đạo đức giả.*

²⁴⁹ X. ĐGH Piô XII, *Nuntius radiophonicus* (25/12/1955): AAS 48 (1956) 26-41; Id., *Nuntius radiophonicus sociis sodalitatibus iuvenum operariorum christianorum* (J.O.C.) (3/9/1950): AAS 42 (1950) 639-642.

²⁵⁰ X. CĐ Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 122-127: AAS 56 (1964) 130-132.

2506. *Kitô hữu không được “hổ thẹn vì phải làm chứng cho Chúa” (2 Tm 1,8) bằng việc làm cũng như bằng lời nói. Sự tử đạo là việc làm chứng cao cả nhất cho chân lý đức tin.*

2507. *Sự tôn trọng thanh danh và danh dự của các nhân vị cấm mọi thái độ và mọi lời nói nhằm nói xấu hay vu khống.*

2508. *Nói dối là nói điều sai sự thật, với ý định đánh lừa người lân cận.*

2509. *Ai lỗi phạm nghịch với chân lý thì buộc phải đền bù.*

2510. *“Khuôn vàng thước ngọc” (“Regula aurea”), trong những trường hợp cụ thể, giúp chúng ta phân định xem có phải tỏ bày sự thật, hay không tỏ bày, cho người yêu cầu.*

2511. *“Ẩn tín bí tích là điều bất khả xâm phạm”²⁵¹. Các bí mật nghề nghiệp phải được giữ kín. Không được tiết lộ những chuyện tâm sự có thể làm hại cho những người khác.*

2512. *Xã hội có quyền được biết những thông tin dựa trên sự thật, sự tự do, đức công bằng. Phải giữ điều độ và kỷ luật khi sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội.*

2513. *Mỹ thuật, nhưng chủ yếu là nghệ thuật thánh, “tự bản chất, nhằm diễn tả vẻ đẹp vô biên của Thiên Chúa, được cảm nghiệm một cách nào đó qua những tác phẩm của con người; nghệ thuật này càng làm cho Thiên Chúa được ca tụng và tôn vinh hơn, một khi những tác phẩm đó không nhằm chủ đích nào khác, ngoài sự góp phần tối đa để quy hướng tâm trí con người sốt sắng về cùng Thiên Chúa”²⁵².*

Mục 9

Điều Răn Thứ Chín

Articulus 9

Nonum praeceptum

“Người không được ham muốn nhà người ta. Người không được ham muốn vợ người ta, tôi nam tó nữ, con bò, con lừa hay bất cứ vật gì của người ta” (Xh 20,17).

²⁵¹ Bộ Giáo Luật, điều 983,1.

²⁵² CD Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 122: AAS 56 (1964) 130-131.

“Ai nhìn người phụ nữ mà thèm muốn thì trong lòng đã ngoại tình với người ấy rồi” (Mt 5,28).

- 377, 400 **2514.** Thánh Gioan phân biệt ba loại ham muốn hoặc dục vọng: dục vọng của xác thịt, dục vọng của đôi mắt, và lối sống kiêu kỳ²⁵³. Theo truyền thống dạy giáo lý Công giáo, điều răn thứ chín cấm dục vọng của xác thịt, điều răn thứ mười cấm thèm muốn của cải của tha nhân.
- 405 **2515.** Theo ngữ nguyên, “dục vọng” có thể chỉ mọi hình thức ước muốn của con người. Thần học Kitô giáo dùng từ này với ý nghĩa đặc biệt chỉ ham muốn của giác quan đi ngược với hoạt động của lý trí con người. Thánh Phaolô so sánh nó với sự nổi loạn của “xác thịt” chống lại “tinh thần”²⁵⁴. Dục vọng xuất phát từ sự bất tuân của tội đầu tiên²⁵⁵. Nó làm hỗn loạn các năng lực luân lý con người và, dù tự nó không phải là tội, nhưng nó hướng con người đến chỗ phạm tội²⁵⁶.
- 362 **2516.** Bởi vì con người là một *hữu thể phức hợp, tinh thần và thể xác*, nên trong con người đã sẵn có một sự căng thẳng nào đó, một cuộc chiến đấu nào đó giữa các khuynh hướng của “tinh thần” và của “xác thịt”. Nhưng thật ra, cuộc chiến đó là di sản của tội lỗi, vừa là hậu quả, vừa là một bằng chứng của tội. Đây là kinh nghiệm hằng ngày về cuộc chiến thiêng liêng:
- 407

“Đối với thánh Tông Đồ, vấn đề không phải là khinh thường hay kết án thân xác, vì cùng với linh hồn thiêng liêng, thân xác tạo nên bản tính của con người và nhân cách chủ quan của mỗi người. Trái lại thánh Tông Đồ nói đến những công việc, hay nói đúng hơn, đến những thói quen bền vững *tốt hoặc xấu* về mặt luân lý – các nhân đức và các thói xấu -, là *kết quả của sự vâng phục* (trong trường hợp thứ nhất) hoặc *của sự chống đối* (trong trường hợp thứ hai) *đối với hành động cứu độ của Chúa Thánh Thần*. Vì vậy ngài viết: ‘Nếu chúng ta sống nhờ Thần Khí, thì cũng hãy nhờ Thần Khí mà tiến bước’ (Gl 5,25)”²⁵⁷.

I. THANH TẮY TRÁI TIM

PURIFICATIO CORDIS

- 368 **2517.** Trái tim là nơi của nhân cách luân lý: “Tự lòng phát xuất những ý định gian tà, những tội giết người, ngoại tình, tà dâm”

²⁵³ X. 1 Ga 2,16.

²⁵⁴ X. Gl 5,16.17.24; Ep 2,3.

²⁵⁵ X. St 3,11.

²⁵⁶ X. CĐ Tridentinô, Sess. 5a, *Decretum de peccato originali*, canon 5: DS 1515.

²⁵⁷ ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Dominum et vivificantem*, 55: AAS 78 (1986) 877-878.

(Mt 15,19). Cuộc chiến đấu chống lại dục vọng xác thịt phải cần đến việc thanh tẩy trái tim và thực thi đức tiết độ:

1809

“Hãy sống đơn sơ, trong trắng, thì bạn sẽ nên như trẻ thơ, không biết đến điều ác đang hủy hoại đời sống con người”²⁵⁸.

2518. Mỗi phúc thứ sáu công bố: “Phúc thay ai có trái tim trong sạch, vì họ sẽ được nhìn thấy Thiên Chúa” (Mt 5,8). Những người có “trái tim trong sạch” là những người biết làm cho trí tuệ và ý chí của mình phù hợp với những đòi hỏi của sự thánh thiện của Thiên Chúa, chủ yếu trong ba lãnh vực: trong đức mến²⁵⁹, trong sự khiết tịnh hoặc sự ngay thẳng về tính dục²⁶⁰, trong sự yêu mến chân lý và đức tin chính thống²⁶¹. Có mối dây liên kết giữa sự trong sạch của trái tim, của thân thể và của đức tin:

94

Các tín hữu phải tin các điều trong Tín biểu, “để nhờ tin, họ vâng phục Thiên Chúa, nhờ vâng phục, họ sống ngay thẳng, nhờ sống ngay thẳng, họ thanh luyện trái tim, và nhờ thanh luyện trái tim, họ có thể hiểu điều họ tin”²⁶².

158

2519. Những người có “trái tim trong sạch” được hứa là sẽ được nhìn thấy Thiên Chúa mặt giáp mặt và trở nên giống như Ngài²⁶³. Sự trong sạch của trái tim là điều kiện tiên quyết để được thấy Thiên Chúa. Ngay từ bây giờ, trái tim trong sạch giúp chúng ta biết nhìn mọi sự *theo cái nhìn của Thiên Chúa*, biết đón nhận tha nhân như “người lân cận”; trái tim trong sạch khiến chúng ta biết nhận ra thân thể con người, của mình và của người lân cận, như đền thờ của Chúa Thánh Thần, như sự biểu lộ vẻ đẹp thân linh.

2548

2819

2501

II. CHIẾN ĐẤU ĐỂ SỐNG TRONG SẠCH

PRO PURITATE DIMICATIO

2520. Bí tích Rửa Tội đem đến cho người lãnh nhận ơn thanh tẩy khỏi mọi tội lỗi. Nhưng người đã chịu Phép Rửa còn phải tiếp tục chiến đấu chống lại dục vọng xác thịt và những ham muốn vô trật tự. Với ân sủng của Thiên Chúa, họ sẽ đạt được điều đó:

1264

– *Nhờ nhân đức và ơn khiết tịnh*, bởi vì đức khiết tịnh cho phép yêu thương bằng trái tim ngay thẳng và không phân chia;

2337

– *Nhờ ý hướng trong sạch*, cốt tại việc nhắm đến mục đích thật của con người: với cái nhìn đơn sơ, người đã chịu Phép Rửa cố

1752

²⁵⁸ Hermas, *Pastor*, 27, 1 (mandatum 2, 1): SC 53, 146 (Funk 1, 70).

²⁵⁹ X. 1 Tx 4,3-9; 2 Tm 2,22.

²⁶⁰ X. 1 Tx 4,7; Cl 3,5; Ep 4,19.

²⁶¹ X. Tt 1,15; 1 Tm 1,3-4; 2 Tm 2,23-26.

²⁶² Thánh Augustinô, *De fide et Symbolo*, 10, 25: CSEL 25, 32 (PL 40, 196).

²⁶³ X. 1 Cr 13,12; 1 Ga 3,2.

gắng tìm kiếm và chu toàn thánh ý Thiên Chúa trong mọi sự²⁶⁴.

1762 – Nhờ cái nhìn trong sạch, bên ngoài và trong lòng; nhờ kiểm soát được các giác quan và trí tưởng tượng; nhờ khước từ mọi vui thú trong những tư tưởng không trong sạch, lôi kéo ta lìa xa con đường các giới răn của Thiên Chúa: “Thấy điều xấu, kể ngu si động lòng ham muốn” (Kn 15,5):

2846 – Nhờ cầu nguyện:

“Con cứ tưởng tiết dục được là do tự sức của riêng mình (...) nhưng thực ra con đâu có biết. Con quá khờ dại nên không biết rằng, nếu Chúa không ban ơn, thì không ai có thể sống tiết dục được. Con chắc chắn Chúa sẽ ban ơn, nếu con tha thiết kêu cầu và vững tin phó thác nơi Chúa”²⁶⁵.

2521. Sự trong sạch đòi phải có *sự nết na*. Đây là một phần không thể thiếu của đức tiết độ. Sự nết na giữ gìn sự thân mật của con người. Nó từ chối phô bày những gì phải giữ kín. Nó hướng về đức khiết tịnh và cũng chứng tỏ sự dè dặt của đức khiết tịnh. Sự nết na hướng dẫn cái nhìn và cử chỉ cho phù hợp với phẩm giá của con người và phẩm giá của sự kết hợp của họ.

2492 **2522.** Sự nết na bảo vệ mầu nhiệm của con người và mầu nhiệm của tình yêu của họ. Nó mời gọi nhần nại và điều độ trong quan hệ yêu đương; nó đòi hỏi tuân giữ các điều kiện của sự dâng hiến và của nghĩa vụ vĩnh viễn giữa người nam và người nữ. Sự nết na chính là sự đoan trang. Nó gợi hứng cho việc lựa chọn y phục. Nó giữ thình lạng hay dè dặt, khi có nguy cơ tò mò thiếu lành mạnh. Sự nết na chính là sự thận trọng.

2354 **2523.** Có sự nết na của tình cảm cũng như của thân xác. Chẳng hạn, nết na chống lại việc phơi bày thân xác con người để thỏa mãn thị dục trong quảng cáo, hoặc chống lại việc các phương tiện truyền thông đi quá xa trong việc khai thác những điều thầm kín thân mật. Sự nết na gợi hứng cho một cách sống, giúp chống lại những quyến rũ của thời trang và áp lực của các trào lưu tư tưởng thời thượng.

2524. Cách thức giữ sự nết na khác nhau theo từng nền văn hóa. Tuy nhiên bất cứ ở đâu, nó vẫn là một trực cảm về phẩm giá thiêng liêng đặc thù của con người. Sự nết na phát sinh do sự ý thức rằng mình là một chủ thể. Dạy cho trẻ em và thiếu niên nam nữ biết giữ nết na là khơi dậy sự tôn trọng nhân vị.

²⁶⁴ X. Rm 12,2; Cl 1,10.

²⁶⁵ Thánh Augustinô, *Confessiones*, 6, 11, 20: CCL 27, 87 (PL 32, 729-730).

- 2525.** Đức trong sạch Kitô giáo đòi hỏi sự *thanh tẩy bầu khí xã hội*. Điều này đòi hỏi các phương tiện truyền thông xã hội phải quan tâm đến sự tôn trọng và sự thận trọng trong việc thông tin. Sự trong sạch của trái tim giải thoát khỏi nạn khiêu dâm đang lan tràn và đẩy xa những màn trình diễn nhằm khuyến khích sự tò mò không trong sạch và những hình ảnh không đứng đắn. 2344
- 2526.** Chủ trương *sống phóng túng* phát xuất từ quan niệm sai lạc về sự tự do của con người. Muốn có tự do đích thực, điều tiên quyết là con người phải được giáo dục về luật luân lý. Phải đòi hỏi những người có trách nhiệm giáo dục dạy cho người trẻ biết tôn trọng sự thật, các phẩm chất của trái tim và phẩm giá luân lý và thiêng liêng của con người. 1740
- 2527.** “Tin Mừng của Đức Kitô không ngừng đổi mới đời sống và văn hóa của con người đã sa ngã, chống lại và loại bỏ những sai lầm và điều xấu, xuất phát do sức quyến rũ thường xuyên của tội lỗi. Tin Mừng không ngừng thanh tẩy và nâng cao các phong hóa của các dân tộc. Nhờ những nguồn phong phú từ trên cao, Tin Mừng làm trở sinh hoa trái, như từ bên trong, các phẩm chất tinh thần và các truyền thống của mỗi dân tộc và mỗi thời đại. Tin Mừng củng cố, kiện toàn và phục hồi những điều đó trong Đức Kitô”²⁶⁶. 1204

TÓM LƯỢC

- 2528.** “Ai nhìn người phụ nữ mà thèm muốn thì trong lòng đã ngoại tình với người ấy rồi” (Mt 5,28).
- 2529.** Điều răn thứ chín khơi dậy sự tỉnh thức chống lại sự ham muốn hoặc dục vọng xác thịt.
- 2530.** Cuộc chiến đấu chống lại dục vọng xác thịt phải cần đến việc thanh tẩy trái tim và thực thi đức tiết độ.
- 2531.** Sự trong sạch của trái tim sẽ làm cho chúng ta được nhìn thấy Thiên Chúa: ngay từ bây giờ, trái tim trong sạch giúp chúng ta biết nhìn mọi sự theo cái nhìn của Thiên Chúa.
- 2532.** Sự thanh tẩy trái tim đòi hỏi việc cầu nguyện, thực thi đức khiết tịnh, sự trong sạch của ý hướng và của cái nhìn.
- 2533.** Sự trong sạch của trái tim đòi hỏi sự nết na, nghĩa là nhẫn nại, đoan trang và thận trọng. Sự nết na gìn giữ sự thân mật của con người.

²⁶⁶ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 58: AAS 58 (1966) 1079.

Mục 10

Điều Răn Thứ Mười

Articulus 10

Decimum praeceptum

“Người không được ham muốn ... bất cứ vật gì của người ta”
(Xh 20,17).

“Người không được thềm muốn nhà của người ta, đồng ruộng, tôi tớ nam nữ, con bò, con lừa, hay bất cứ vật gì của người ta”
(Đnl 5,21).

“Kho tàng của anh ở đâu, thì lòng anh ở đó” (Mt 6,21).

2534. Điều răn thứ mười giải thích và bổ túc điều răn thứ chín, là điều răn về dục vọng xác thịt. Điều răn thứ mười cấm sự ham muốn của cái của người khác, là cội rễ của tội trộm cắp, cướp đoạt và gian lận, mà điều răn thứ bảy đã cấm. “Dục vọng của đôi mắt” (1 Ga 2,16) đưa đến bạo lực và sự bất công, mà điều răn thứ năm đã cấm²⁶⁷. Sự ham muốn, cũng như sự gian dâm, bắt nguồn từ việc thờ ngẫu tượng mà ba điều răn đầu của Lề Luật đã cấm²⁶⁸. Điều răn thứ mười nhắm đến ý hướng của trái tim; và cùng với điều răn thứ chín, điều răn thứ mười tóm kết tất cả các điều răn của Lề Luật.

I. SỰ VÔ TRẬT TỰ CỦA CÁC HAM MUỐN

CUPIDITATUM INORDINATIO

2535. Sự ham muốn giác quan khiến chúng ta ước muốn những điều thích thú mà chúng ta không có. Chẳng hạn muốn ăn khi đói, hay mong được sưởi ấm khi lạnh. Những ước muốn này tự chúng là tốt; nhưng chúng thường không giữ sự điều độ của lý trí và thúc đẩy chúng ta ham muốn cách bất chính điều không phải của chúng ta và điều thuộc về tha nhân hay mắc nợ họ.

2536. Điều răn thứ mười cấm *sự tham lam* và ước muốn sở hữu của cái trần thế cách vô chừng mực; cấm *sự ham muốn* phát sinh do đam mê vô độ của cái và quyền lực do của cái đem lại. Điều răn này cũng cấm ước muốn làm điều bất công gây thiệt hại cho người lân cận về của cái trần thế của họ.

²⁶⁷ X. Mk 2,22.

²⁶⁸ X. Kn 14,12.

“Khi Lê luật dạy: ‘Chớ tham của người’, thì có nghĩa là chúng ta đừng ham muốn những gì của người khác. Thật vậy, sự khao khát ham muốn của cải của người khác thì bao la, vô tận và chẳng bao giờ được thoả mãn, như đã chép rằng: *‘Người thích tiền bạc có bao nhiêu cũng không lấy làm đủ’* (Gv 5,9)²⁶⁹.

2537. Không vi phạm điều răn này khi ước muốn những điều thuộc về người lân cận, miễn là bằng những phương thế chính đáng. Việc dạy giáo lý truyền thống nêu ra một cách thực tế, “những người phải vất vả hơn những người khác về thói xấu ham muốn này” và vì vậy phải “được nhắc nhở cách chuyên cần hơn để tuân giữ điều răn này”:

“Đó là... những nhà buôn ước muốn hàng hóa khan hiếm và nâng cao giá cả, những người chỉ muốn độc quyền mua bán, để có thể bán với giá cao hơn và mua với giá rẻ hơn; những người muốn kẻ khác gặp hoạn nạn để trục lợi, hoặc bằng cách bán cho họ hoặc bằng cách mua của họ...; những thầy thuốc muốn cho bệnh tật lây lan; những luật sư mong cho có nhiều vụ kiện cáo quan trọng”²⁷⁰.

2538. Điều răn thứ mười đòi hỏi phải loại trừ *sự ganh tị* khỏi trái tim con người. Khi muốn khuyến giục vua David thống hối, tiên tri Nathan đã kể cho vua câu chuyện của một người nghèo, chỉ có một con chiên và thương yêu nó như con mình, và một người giàu, tuy có vô số chiên cừ, nhưng lại ganh tị với người kia và cuối cùng ăn cắp con chiên của người nghèo²⁷¹. Sự ganh tị có thể đưa tới việc làm tội tệ nhất²⁷². “Chính vì quỷ dữ ganh tị mà cái chết đã xâm nhập thế gian” (Kn 2,24):

2317

391

“Chúng ta đâm đá nhau, đó là vì sự ganh tị võ trang cho chúng ta chống lại nhau... Nếu mọi người đều cố phá rối Thân Thể của Đức Kitô, thì rồi chúng ta sẽ đi tới đâu? Chúng ta đang làm cho Thân Thể của Đức Kitô thành một xác chết... Chúng ta xưng mình là những chi thể của cùng một thân thể, vậy mà chúng ta lại cấu xé nhau như những thú rừng”²⁷³.

2539. Ganh tị là một trong bảy mối tội đầu. Ganh tị chỉ sự buồn bực khi thấy kẻ khác có của cải, và sự ước ao vô độ muốn lấy của cải đó làm của mình, thậm chí bằng cách bất chính. Khi ganh tị lại kèm theo ước muốn cho người khác gặp hoạn nạn nặng nề, thì đó là một tội trọng:

1866

²⁶⁹ *Catechismus Romanus*, 3, 10, 13: ed. P. Rodríguez (Città del Vaticano-Pamplona 1989) 518.

²⁷⁰ *Catechismus Romanus*, 3, 10, 23: ed. P. Rodríguez (Città del Vaticano-Pamplona 1989) 523.

²⁷¹ X. 2 Sm 12,1-4.

²⁷² X. St 4,3-8; 1 V 21,1-29.

²⁷³ Thánh Gioan Kim Khẩu, *In epistulam II ad Corinthios*, homilia 27, 3-4: PG 61, 588.

Thánh Augustinô coi ganh tị là “thói xấu của ma quỷ”²⁷⁴.

“Ganh tị sinh ra thù ghét, nói xấu, vu khống, vui khi thấy kẻ khác gặp hoạn nạn, buồn khi thấy kẻ khác được may lành”²⁷⁵.

1829 **2540.** Ganh tị là một hình thức của sự buồn bực và vì vậy là sự khước từ đức mến; người đã chịu Phép Rửa phải chiến đấu chống lại nó bằng sự nhân hậu. Ganh tị thường do kiêu ngạo; người đã chịu Phép Rửa phải tập sống khiêm nhường:

“Phần tôi, tôi muốn Thiên Chúa được tôn vinh. Còn bạn, bạn hãy vui mừng vì người anh em được thành công, và Thiên Chúa sẽ được tôn vinh nhờ bạn, và mọi người sẽ nói ‘Chúc tụng Thiên Chúa’, Đấng đã có những người tôi tớ như thế, những người đã được tự do không còn ganh tị, những người vui mừng về điều tốt của tha nhân”²⁷⁶.

II. NHỮNG ƯỚC MUỐN CỦA THẦN KHÍ SPIRITUS DESIDERIA

1718, 2764 **2541.** Nhiệm vụ lề luật và ân sủng làm cho trái tim con người thoát khỏi sự ham muốn và sự ganh tị; nhiệm vụ đó khai tâm cho lòng ước muốn Sự Thiện trên trời; dạy con người biết những ước muốn của Chúa Thánh Thần, Đấng làm cho trái tim con người no thỏa.

397 Thiên Chúa của các lời hứa luôn cảnh giác con người chống lại sự quyến rũ của điều, từ nguyên thủy, xem ra “ăn thì phải ngon, trông thì đẹp mắt và đáng quý vì làm cho mình được tinh khôn” (St 3,6).

1963 **2542.** Luật được giao phó cho Israel không bao giờ đủ để công chính hóa những người tuân phục luật đó; Luật đó còn trở thành công cụ cho “dục vọng”²⁷⁷. Sự thiếu quân bình giữa muốn và làm²⁷⁸ cho thấy sự xung đột giữa một bên là Luật của Thiên Chúa, tức là luật của tâm trí, với bên kia là một luật khác, “giam hãm tôi trong luật của tội là luật vẫn nằm sẵn trong các chi thể tôi” (Rm 7,23).

1992 **2543.** “Ngày nay, sự công chính của Thiên Chúa đã được thể hiện mà không cần đến luật Môisen. Điều này, sách Luật và các Tiên tri làm chứng. Quả thế, người ta được Thiên Chúa làm cho nên công chính nhờ lòng tin vào Chúa Giêsu Kitô. Tất cả những ai tin

²⁷⁴ Thánh Augustinô, *De disciplina christiana*, 7, 7: CCL 46, 214 (PL 40, 673); Id., *Epistula* 108, 3, 8: CSEL 34, 620 (PL 33, 410).

²⁷⁵ Thánh Grêgôriô Cả, *Moralia in Iob*, 31, 45, 88: CCL 143b, 1610 (PL 76, 621).

²⁷⁶ Thánh Gioan Kim Khẩu, *In epistulam ad Romanos*, homilia 7, 5: PG 60, 448.

²⁷⁷ X. Rm 7,7.

²⁷⁸ X. Rm 7,15.

đều được như thế” (Rm 3,21-22). Từ đó, các Kitô hữu “đã đóng đinh tính xác thịt vào thập giá, cùng với các dục vọng và đam mê” (Gl 5,24); họ được Thần Khí hướng dẫn²⁷⁹ và đi theo những ước muốn của Thần Khí²⁸⁰.

III. SỰ NGHÈO KHÓ CỦA TRÁI TIM CORDIS PAUPERTAS

2443-2449

2544. Chúa Giêsu truyền cho các môn đệ yêu mến Người trên tất cả mọi sự và mọi người, và mời gọi họ từ bỏ “mọi sự họ có”²⁸¹ vì Người và vì Tin Mừng²⁸². Trước cuộc khổ nạn của Người ít lâu, Người đã cho họ gương bà góa nghèo ở Giêrusalem, bà này, trong cảnh túng cực của mình, đã cho đi tất cả những gì bà có để sống²⁸³. Lệnh truyền giữ trái tim tự do đối với của cải là bắt buộc để vào được Nước Trời.

544

2545. Mọi Kitô hữu phải “điều khiển các tình cảm của mình cách đúng đắn, kéo việc sử dụng của cải trần gian và sự gắn bó với sự giàu sang nghịch với tinh thần khó nghèo của Tin Mừng, cản trở họ theo đuổi sự trọn hảo của đức mến”²⁸⁴.

2013

2546. “Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó” (Mt 5,3). Các mối phúc cho chúng ta thấy trật tự của hạnh phúc và ân sủng, của vẻ đẹp và sự bình an. Chúa Giêsu tán dương niềm vui của những người nghèo, Nước Trời đã là của họ²⁸⁵:

1716

“Tôi thấy Ngôi Lời gọi sự khiêm tốn tự nguyện của tâm hồn là ‘sự nghèo khó trong tinh thần’, và thánh Tông Đồ nêu lên cho chúng ta tấm gương nghèo khó của Thiên Chúa, khi ngài nói: ‘Người đã tự ý trở nên nghèo khó vì anh em’ (2 Cr 8,9)”²⁸⁶.

2547. Chúa khốc thương những người giàu có, bởi vì họ đã được an ủi²⁸⁷ trong của cải dư dật. “Kẻ kiêu căng tìm kiếm và yêu thích các nước trần gian, còn: Phúc thay ai có tinh thần nghèo khó, vì Nước Trời là của họ”²⁸⁸. Việc phó thác cho sự quan phòng của Cha trên trời giải thoát khỏi những âu lo về ngày mai. Sự tín thác vào

305

²⁷⁹ X. Rm 8,14.

²⁸⁰ X. Rm 8,27.

²⁸¹ X. Lc 14,33.

²⁸² X. Mc 8,35.

²⁸³ X. Lc 21,4.

²⁸⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 42: AAS 57 (a965) 49.

²⁸⁵ X. Lc 6,20.

²⁸⁶ Thánh Grêgôriô Nyssênô, *De beatitudinibus*, oratio 1: *Gregorii Nysseni opera*, ed. W. Jaeger, v. 72 (Leiden 1992) 83 (PG 44, 1200).

²⁸⁷ X. Lc 6,24.

²⁸⁸ Thánh Augustinô, *De sermone Domini in monte*, 1, 1. 3: CCL 35, 4 (PL 34, 1232).

Thiên Chúa chuẩn bị cho việc hưởng vinh phúc của những người nghèo²⁸⁹. Họ sẽ nhìn thấy Thiên Chúa.

IV. “TÔI MUỐN NHÌN THẤY THIÊN CHÚA”

“DEUM VIDERE CUIPIO”

2519 2548. Sự ước muốn vinh phúc đích thực giúp con người thoát khỏi tình cảm vô độ đối với của cải của trần gian, để ước muốn đó được hoàn thành trong sự chiêm ngắm và vinh phúc của Thiên Chúa. “Quả thật, lời hứa [được nhìn thấy Thiên Chúa] là quá đổi lớn lao, đến nỗi vượt quá giới hạn cuối cùng của vinh phúc... Vì, theo kiểu nói của Thánh Kinh, nhìn thấy cũng đồng nghĩa với sở hữu... Cho nên ai nhìn thấy Thiên Chúa, thì đã đạt được mọi phúc lộc mà người ta có thể nghĩ tưởng ra được”²⁹⁰.

2015 2549. Dân Thánh còn phải chiến đấu để, nhờ ân sủng từ trên cao, đạt được những phúc lợi Thiên Chúa hứa ban. Để sở hữu và chiêm ngắm Thiên Chúa, các Kitô hữu phải chế ngự các ham muốn của mình, và nhờ ân sủng Thiên Chúa, vượt thắng được các quyến rũ của thú vui và quyền lực.

2550. Trên con đường trọn hảo này, Thần Khí và Tân Nương kêu gọi những ai biết lắng nghe²⁹¹ tới sự hiệp thông trọn vẹn với Thiên Chúa:

314 “Ở đó sẽ có vinh quang thật, vì ở đó không ai được ca ngợi do bởi lầm lẫn hay nịnh bợ; danh dự thật sẽ không bị khước từ với người xứng đáng, mà cũng không được ban cho kẻ bất xứng; nhưng cũng chẳng có kẻ bất xứng nào sẽ tự cho là mình xứng đáng đến nơi mà không ai được phép đến, trừ ra người xứng đáng. Ở đó sẽ có bình an thật, vì không ai sẽ còn phải chịu đựng điều gì đối nghịch, hoặc do chính mình hoặc do người khác. Chính Thiên Chúa sẽ là phần thưởng của nhân đức, chính Ngài là Đấng đã ban nhân đức và đã hứa ban chính Ngài làm phần thưởng cho nhân đức, mà không có phần thưởng nào tốt hơn và lớn hơn được... ‘Ta sẽ là Thiên Chúa của các ngươi, còn các ngươi sẽ là dân của Ta’ (Lv 26,12)... Đây cũng đúng là điều thánh Tông Đồ đã nói: ‘Thiên Chúa có toàn quyền trên muôn loài’ (1 Cr 15,28). Chính Ngài sẽ là mục đích của những ước muốn của chúng ta, Ngài sẽ được chiêm ngưỡng không cùng, được yêu mến không chán, được ca ngợi không mỗi mết. Và hồng ân này, tình

²⁸⁹ X. Mt 6,25-34.

²⁹⁰ Thánh Grêgôriô Nyssêno, *De beatitudinibus*, oratio 6: *Gregorii Nysseni opera*, ed. W. Jaeger, v. 72 (Leiden 1992) 138 (PG 44, 1265).

²⁹¹ X. Kh 22,17.

cảm này, hành vi này chắc chắn sẽ là chung cho tất cả mọi người, cũng như sự sống vĩnh cửu chung²⁹².

TÓM LƯỢC

2551. *“Kho tàng của anh ở đâu, thì lòng anh ở đó” (Mt 6,21).*

2552. *Điều răn thứ mười cấm sự ham muốn vô trật tự, phát sinh do đam mê vô độ của cải và quyền lực do của cải đem lại.*

2553. *Ganh tị là buồn bực khi thấy kẻ khác có của cải, và ước ao vô độ muốn lấy của cải đó làm của mình. Ganh tị là một trong bảy mối tội đầu.*

2554. *Người đã chịu Phép Rửa phải chiến đấu chống lại tính ganh tị bằng sự nhân hậu, khiêm nhường và phó mình cho sự quan phòng của Thiên Chúa.*

2555. *Các Kitô hữu “đã đóng đinh tính xác thịt vào thập giá cùng với các dục vọng và đam mê” (Gl 5,24); họ được Thần Khí hướng dẫn và đi theo các ước muốn của Ngài.*

2556. *Sự thắng vượt lòng quyến luyến của cải là cần thiết để vào Nước Trời. “Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó” (Mt 5,3).*

2557. *Người có lòng ước muốn nói: “Tôi muốn nhìn thấy Thiên Chúa”. Con khát Thiên Chúa được thỏa mãn bằng nước là đời sống vĩnh cửu²⁹³.*

²⁹² Thánh Augustinô, *De civitate Dei*, 22, 30: CSEL 402, 665-666 (PL 41, 801-802).

²⁹³ X. Ga 4,14.

PHẦN THỨ TƯ
KINH NGUYỆN KITÔ GIÁO

PARS QUARTA
ORATIO CHRISTIANA

ĐOẠN THỨ NHẤT KINH NGUYỆN TRONG ĐỜI SỐNG KITÔ HỮU

SECTIO PRIMA ORATIO IN VITA CHRISTIANA

2558. “Mâu nhiệm đức tin thật là cao cả”. Hội Thánh tuyên xưng mâu nhiệm ấy trong Tín biểu các Tông Đồ (*Phần I*) và cử hành trong phụng vụ bí tích (*Phần II*) để đời sống của các tín hữu nên đồng hình đồng dạng với Đức Kitô trong Chúa Thánh Thần hầu tôn vinh Thiên Chúa Cha (*Phần III*). Vậy mâu nhiệm này đòi buộc các tín hữu phải tin, phải cử hành và phải sống mâu nhiệm ấy trong tương quan sống động và cá vị với Thiên Chúa hằng sống và chân thật. Tương quan này là cầu nguyện.

CẦU NGUYỆN LÀ GÌ ?

QUID EST ORATIO ?

“Đối với tôi, cầu nguyện là sự hướng lòng lên, là cái nhìn đơn sơ hướng về trời, là tiếng kêu tri ân và yêu mến cả trong cơn thử thách lẫn trong lúc vui mừng”¹.

Cầu nguyện xét như hồng ân của Thiên Chúa

2559. “Cầu nguyện là nâng tâm hồn lên cùng Thiên Chúa hay là cầu xin Thiên Chúa ban cho những điều xứng hợp”². Chúng ta cầu nguyện từ vị trí nào? Từ chỗ cao của tính kiêu căng và ý riêng của chúng ta, hay “từ vực thẳm” (Tv 130,1) của một trái tim khiêm

¹ Thánh Têrêxa Hải đồng Giêsu, *Manuscrit C*, 25r: *Manuscrits autobiographiques* (Paris 1992) 389-390.

² Thánh Gioan Đamascênô, *Expositio fidei*, 68 [*De fide orthodoxa* 3, 24]: PTS 12, 167 (PG 94, 1089).

2613, 2736

nhường và thông hối? Ai hạ mình xuống sẽ được tôn lên³. *Khiêm nhường* là nền tảng của cầu nguyện. “Chúng ta không biết cầu nguyện thế nào cho phải” (Rm 8,26). Khiêm nhường là thái độ đón nhận cách nhưng không hồng ân cầu nguyện: trước mặt Thiên Chúa, con người là kẻ ăn xin⁴.

2560. “Nếu chị nhận ra ân huệ Thiên Chúa ban!” (Ga 4,10). Sự kỳ diệu của việc cầu nguyện được mạc khải ngay bên bờ giếng, nơi chúng ta đến tìm nước cho mình. Nơi đó, Đức Kitô đến gặp mọi người; Người đi bước trước trong việc tìm chúng ta và xin nước uống. Chúa Giêsu khát; lời xin của Người xuất phát từ cõi sâu thẳm của Thiên Chúa, Đấng khát mong chúng ta. Cầu nguyện, dù chúng ta có biết điều này hay không, là cuộc gặp gỡ giữa sự khao khát của Thiên Chúa với sự khao khát của chúng ta. Thiên Chúa khát khao chúng ta khao khát Ngài⁵.

2561. “Hắn chị đã xin, và người ấy đã ban cho chị nước hằng sống” (Ga 4,10). Lời cầu xin của chúng ta, một cách nghịch lý, lại là một lời đáp. Là lời đáp lại tiếng than trách của Thiên Chúa hằng sống: “Chúng đã bỏ Ta là mạch nước trường sinh để làm những hồ nứt rạn, không giữ được nước” (Gr 2,13); là lời đáp của đức tin trước Lời hứa ban ơn cứu độ cách nhưng không⁶; là lời đáp của tình yêu trước nỗi khát khao của Người Con duy nhất⁷.

Cầu nguyện xét như Giao Ước

2562. Lời cầu nguyện của con người xuất phát từ đâu? Cho dù cầu nguyện được diễn tả cách nào (qua cử chỉ và lời nói), cũng là trọn cả con người cầu nguyện. Nhưng để chỉ nơi xuất phát việc cầu nguyện, Sách Thánh đôi khi nói đến linh hồn hoặc tinh thần, nhưng thường nhất – hơn một nghìn lần – nói đến trái tim. Chính *trái tim* cầu nguyện. Nếu trái tim vẫn còn xa Thiên Chúa, thì lời cầu nguyện là vô ích.

368 2563. Trái tim là nơi ta ở, nơi ta cư ngụ (theo cách nói của người Sêmit hay của Thánh Kinh: nơi ta “bước xuống”). Trái tim là nơi thâm kín của chúng ta mà lý trí của chúng ta cũng như của kẻ khác không thể thấu hiểu được; chỉ có Thần Khí Thiên Chúa có thể thăm dò và biết được nó. Trái tim là nơi diễn ra quyết định,

³ X. Lc 18,9-14.

⁴ X. Thánh Augustinô, *Sermo* 56, 6, 9: ed. P. Verbraken: *Revue Bénédictine* 68 (1958) 31 (PL 38, 381).

⁵ X. Thánh Augustinô, *De diversis quaestionibus octoginta tribus*, 64, 4: CCL 44A, 140 (PL 40, 56).

⁶ X. Ga 7,37-39; Is 12,3; 51,1.

⁷ X. Ga 19,28; Dcr 12,10; 13,1.

trong cõi sâu thẳm nhất của các xu hướng tâm thần của chúng ta. Đó là nơi của chân lý, nơi chúng ta chọn lựa giữa sự sống và sự chết. Đó cũng chính là nơi để gặp gỡ, bởi vì chúng ta được dựng nên theo hình ảnh Thiên Chúa, nên chúng ta sống (là sống) trong tương quan: trái tim là nơi của giao ước.

2699, 1696

2564. Cầu nguyện Kitô giáo là một tương quan giao ước giữa Thiên Chúa và con người trong Đức Kitô. Đó là hành động của Thiên Chúa và hành động của con người. Lời cầu nguyện xuất phát từ Chúa Thánh Thần và từ chúng ta, hoàn toàn hướng về Chúa Cha, trong sự kết hợp với ý chí nhân loại của Con Thiên Chúa làm người.

Cầu nguyện xét như hiệp thông

2565. Trong Giao Ước Mới, cầu nguyện là mối tương quan sống động của con cái Thiên Chúa với Cha vô cùng nhân hậu của mình, với Con của Ngài là Chúa Giêsu Kitô và với Chúa Thánh Thần. Ân sủng của Nước Trời là “sự kết hợp của toàn thể Ba Ngôi Chí Thánh ... với toàn thể tâm trí con người”⁸. Như vậy, sống cầu nguyện là luôn sống trong sự hiện diện của Thiên Chúa Chí Thánh và trong sự hiệp thông với Ngài. Việc hiệp thông sự sống này lúc nào cũng có thể thực hiện được, vì nhờ bí tích Rửa Tội, chúng ta đã nên một với Đức Kitô⁹. Sự cầu nguyện mang đặc tính Kitô giáo khi đó là sự hiệp thông với Đức Kitô và được triển nở trong Hội Thánh là Thân Thể Người. Các chiều kích của cầu nguyện cũng chính là những chiều kích của tình yêu Đức Kitô¹⁰.

260

792

⁸ Thánh Grêgôriô Nazianzêno, *Oratio* 16, 9: PG 35, 945.

⁹ X. Rm 6,5.

¹⁰ X. Ep 3,18-21.

CHƯƠNG MỘT

MẠC KHẢI VỀ CẦU NGUYỆN

CAPUT PRIMUM ORATIONIS REVELATIO

MỌI NGƯỜI ĐƯỢC KÊU GỌI CẦU NGUYỆN

VOCATIO UNIVERSALIS AD ORATIONEM

296 **2566.** *Con người đi tìm Thiên Chúa.* Khi tạo dựng, Thiên Chúa kêu
gọi mọi hữu thể từ hư vô bước vào hiện hữu. “Vì được ban vinh
quang và danh dự làm mũ triều thiên”¹, con người, sau các Thiên
thần, có khả năng nhận biết “Danh Chúa lẫy lừng trên khắp địa
cầu”². Thậm chí sau khi đã đánh mất vẻ giống như Thiên Chúa vì
phạm tội, con người vẫn còn mang hình ảnh của Đấng Tạo Hoá.
355 Con người vẫn duy trì sự khao khát Thiên Chúa, Đấng đã làm cho
28 họ hiện hữu. Mọi tôn giáo đều làm chứng cho sự tìm kiếm căn bản
này của con người³.

2567. *Thiên Chúa kêu gọi con người trước.* Dù con người quên lãng
Đấng Tạo Hoá của mình hay trốn xa nhan Ngài, dù họ chạy theo
các ngẫu tượng của mình hay than trách Thiên Chúa đã bỏ rơi họ,
Thiên Chúa hằng sống và chân thật vẫn không ngừng kêu gọi từng
người đến gặp Ngài cách huyền nhiệm trong việc cầu nguyện.
30 Trong việc cầu nguyện, bước tình yêu của Thiên Chúa trung tín
luôn là bước đầu tiên, còn bước của con người luôn là lời đáp lại.
142 Cũng như Thiên Chúa tự mạc khải và mạc khải cho con người biết
về chính họ, thì việc cầu nguyện cũng xuất hiện như một lời kêu
gọi hỗ tương, như một thăm trạng của Giao Ước. Qua lời nói và
hành động, thăm trạng này thúc giục trái tim. Thăm trạng đó
được tỏ cho thấy trong suốt lịch sử cứu độ.

¹ X. Tv 8,6.

² X. Tv 8,2.

³ X. Cv 17,27.

Mục 1

Trong Cựu Ước

Articulus 1

In Vetere Testamento

2568. Mạc khải về cầu nguyện trong Cựu Ước diễn ra giữa việc con người sa ngã và được nâng dậy, giữa tiếng đau thương của Thiên Chúa gọi những đứa con đầu tiên của Ngài: “Người ở đâu?... Người đã làm gì?” (St 3,9.13), và lời đáp lại của Người Con độc nhất lúc Người bước vào trần gian: “Lạy Thiên Chúa, này con đây, con đến để thực thi ý Ngài” (Dt 10,7)⁴. Như vậy, việc cầu nguyện gắn liền với lịch sử loài người; cầu nguyện là tương quan với Thiên Chúa trong những biến cố của lịch sử. 410 1736 2738

Công trình tạo dựng – nguồn mạch của cầu nguyện

2569. Trước hết, đã có việc cầu nguyện ngay từ những thực tại của công trình *tạo dựng*. Chín chương đầu sách Sáng Thế mô tả mối tương quan này với Thiên Chúa như việc ông Abel dâng cho Chúa những con đầu lòng của bầy chiên⁵, ông Ênóc kêu cầu Danh Chúa⁶ và “bước đi với Thiên Chúa”⁷. Lễ dâng của ông Nôê đẹp lòng Thiên Chúa, Ngài chúc phúc cho ông, và qua ông, chúc phúc cho toàn thể công trình tạo dựng⁸, vì lòng ông ngay chính và vẹn toàn; cả ông nữa cũng “đi với Thiên Chúa” (St 6,9). Biết bao người công chính trong mọi tôn giáo đã cầu nguyện theo cách thức như thế. 288 58

Trong giao ước bất diệt với mọi sinh linh⁹, Thiên Chúa luôn kêu gọi con người cầu khẩn Ngài. Nhưng nhất là từ tổ phụ Abraham, việc cầu nguyện mới thật sự được mạc khải trong Cựu Ước. 59

Lời hứa và lời cầu nguyện của đức tin

2570. Ngay khi Thiên Chúa kêu gọi, “ông Abraham ra đi, như Chúa đã phán với ông” (St 12,4): trái tim ông hoàn toàn “suy phục Lời Chúa”; ông vâng lời. Sự lắng nghe của trái tim quyết định tuân 145

⁴ X. Dt 10,5-7.

⁵ X. St 4,4.

⁶ X. St 4,26.

⁷ X. St 5,24.

⁸ X. St 8,20 - 9,17.

⁹ X. St 9,8-16.

theo Thiên Chúa là điều cốt yếu của việc cầu nguyện, các lời nói chỉ quy về đó. Nhưng việc cầu nguyện của ông Abraham được diễn tả trước tiên bằng hành động: là con người thỉnh lạng, ông đã dựng một bàn thờ để kính Chúa ở mỗi chặng dừng chân. Chỉ mãi sau này, lần đầu tiên ông mới cầu nguyện bằng lời: đó là một lời than thở kín đáo, nhắc Thiên Chúa nhớ đến các lời hứa của Ngài, mà xem ra như không được thực hiện¹⁰. Như vậy, ngay từ đầu đã xuất hiện một trong những khía cạnh của tấn bi kịch cầu nguyện: đó là thử thách đức tin vào sự trung tín của Thiên Chúa.

494 **2571.** Vì tin vào Thiên Chúa¹¹, đi trước nhan Ngài và trong giao ước với Ngài,¹² tổ phụ Abraham đã sẵn sàng đón tiếp Vị khách huyền bí vào lều trại của mình. Lòng hiếu khách đặc biệt của tổ phụ tại Mambrê mở đường cho Thiên Chúa loan báo về Người Con đích thực của lời hứa¹³. Từ lúc đó, khi được Thiên Chúa bộc lộ cho biết ý định của Ngài, trái tim của tổ phụ Abraham đã hòa theo lòng trắc ẩn của Chúa mình đối với loài người và dám chuyển cầu 2635 cho họ với một niềm tin tưởng bạo dạn¹⁴.

2572. Trong cuộc thanh luyện cuối cùng về đức tin, Thiên Chúa đã đòi ông Abraham, người “đã nhận được lời hứa” (Dt 11,17), phải sát tế đứa con mà Thiên Chúa đã ban cho ông. Ông Abraham vẫn vững tin: “Lẽ toàn thiêu, chính Thiên Chúa sẽ liệu” (St 22,8), vì nghĩ rằng “Thiên Chúa có quyền năng cho người chết trở dậy” (Dt 11,19). Như vậy, vị tổ phụ của những người tin đã nên giống Chúa 603 Cha, Đấng chẳng tha chính Con Một của Ngài, nhưng đã trao nộp Người vì hết thảy chúng ta¹⁵. Nhờ cầu nguyện con người được phục hồi tình trạng “giống như Thiên Chúa” và được tham dự vào quyền năng của tình yêu Thiên Chúa, là quyền năng cứu độ muôn người¹⁶.

2573. Thiên Chúa đã nhắc lại lời hứa của Ngài với ông Giacob, tổ phụ của mười hai chi tộc Israel¹⁷. Trước khi chạm trán với anh mình là ông Êsau, ông Giacob đã vật lộn suốt đêm với một nhân vật huyền bí. Vị này không chịu nói tên, nhưng đã chúc phúc cho ông Giacob trước khi bỏ đi lúc bình minh. Truyền thống linh đạo của Hội Thánh đã xem trình thuật này là biểu tượng của việc cầu

¹⁰ X. St 15,2-3.

¹¹ X. St 15,6.

¹² X. St 17,1-2.

¹³ X. St 18,1-15; Lc 1,26-38.

¹⁴ X. St 18,16-33.

¹⁵ X. Rm 8,32.

¹⁶ X. Rm 4,16-21.

¹⁷ X. St 28,10-22.

nguyện, xét như cuộc chiến đấu của đức tin và sự chiến thắng của lòng kiên trì¹⁸.

162

Ông Môisen và lời cầu nguyện của vị trung gian

2574. Khi lời hứa bắt đầu được thực hiện (Vượt qua, Xuất hành, ban Lê luật và ký Giao ước) thì lời cầu nguyện của ông Môisen là hình ảnh nổi bật của lời kinh chuyển cầu sẽ được hoàn thành nơi “Đấng Trung Gian duy nhất giữa Thiên Chúa và loài người, là Chúa Giêsu Kitô” (1 Tm 2,5).

62

2575. Ở đây cũng vậy, Thiên Chúa đã đến trước. Ngài gọi ông Môisen từ giữa bụi cây đang cháy¹⁹. Biến cố này trong truyền thống linh đạo Do Thái và Kitô giáo sẽ tồn tại như một trong những hình ảnh hàng đầu về cầu nguyện. Thật vậy, nếu “Thiên Chúa của Abraham, Thiên Chúa của Isaac và Thiên Chúa của Giacob” kêu gọi tôi tớ Ngài là ông Môisen, đó là vì chính Ngài là Thiên Chúa hằng sống, Đấng muốn cho con người được sống. Ngài tỏ mình ra để cứu họ, nhưng Ngài không hành động đơn phương hoặc không đếm xỉa đến họ. Vì thế, Ngài gọi ông Môisen để sai ông đi, để ông cộng tác vào lòng trắc ẩn và công trình cứu độ của Ngài. Để sai ông đi, hầu như Thiên Chúa phải năn nỉ, và sau một tranh luận lâu dài, ông Môisen mới thuận theo ý muốn của Thiên Chúa Cứu Độ. Nhưng trong cuộc đối thoại này, Thiên Chúa đã tín nhiệm ông Môisen, còn ông Môisen thì học cho biết cầu nguyện: ông thoái thác, ông thắc mắc, và nhất là ông yêu cầu; và chính để đáp lại lời yêu cầu của ông mà Thiên Chúa đã bộc lộ cho ông Thánh Danh khôn tả của Ngài, Danh sẽ được mạc khải qua những kỳ công của Ngài.

205

2576. “Thiên Chúa đàm đạo với ông Môisen, mặt giáp mặt, như hai người bạn với nhau” (Xh 33,11). Cách cầu nguyện của ông Môisen là khuôn mẫu của việc cầu nguyện chiêm niệm, nhờ đó người tôi tớ của Thiên Chúa mới trung thành với sứ mạng của mình. Ông Môisen “nói chuyện” thường xuyên và lâu giờ với Chúa, khi ông lên núi để lắng nghe và cầu khẩn Ngài, khi ông xuống gặp dân để nói lại cho họ những lời của Thiên Chúa và để hướng dẫn họ. “Trong toàn thể nhà của Ta, Môisen là người trung thành nhất! Thật vậy, Ta nói với nó trực diện, nhãn tiền” (Ds 12,7-8), vì “ông Môisen là người hiền lành nhất đời” (Ds 12,3).

555

2577. Nhờ sống thân mật với Thiên Chúa thành tín, chậm giận và giàu lòng thương xót²⁰, ông Môisen đã kín múc được sức mạnh và

210

¹⁸ X. St 32,25-31; Lc 18,1-8.

¹⁹ X. Xh 3,1-10.

²⁰ X. Xh 34,6.

sự kiên trì để chuyển cầu cho dân. Ông không cầu xin cho bản thân, nhưng cho dân mà Thiên Chúa đã thủ đắc làm dân riêng của Ngài. Ông Môisen đã chuyển cầu trong cuộc chiến với người Amalec²¹, và đã chuyển cầu cho cô Myriam được chữa lành²². Nhưng nhất là sau khi dân bội giáo, ông đã “đem thân cản lối” trước nhan Thiên Chúa (Tv 106,23) để cứu dân²³. Các lý lẽ trong lời cầu nguyện của ông Môisen (lời chuyển cầu cũng là một cuộc chiến nhiệm mầu) sẽ gợi hứng cho sự bạo dạn của những người cầu nguyện thời danh trong dân Do Thái cũng như trong Hội Thánh: Thiên Chúa là tình yêu, nên Ngài cũng công bằng và thành tín. Ngài không thể mâu thuẫn với chính mình, nên Ngài phải nhớ lại các kỳ công của Ngài; vì vinh quang của Ngài, Ngài không thể bỏ rơi dân tộc mang Danh của Ngài.

Vua David và lời cầu nguyện của vị vua

2578. Việc cầu nguyện của Dân Thiên Chúa sẽ được triển nở dưới bóng nhà Chúa, hòm bia Giao ước và sau này là Đền thờ. Trước hết, chính những người lãnh đạo dân – các mục tử và tiên tri – dạy cho dân cầu nguyện. Cậu bé Samuel cũng phải học nơi mẹ mình cách “đứng trước nhan Chúa”²⁴ và học nơi tư tế Êli để biết cách lắng nghe Lời Chúa: “Lạy Chúa, xin Ngài phán, vì tôi tớ Ngài đang lắng nghe” (1 Sm 3,9-10). Sau này, chính Samuel cũng biết đến giá trị và tầm quan trọng của lời chuyển cầu: “Phần tôi, không đời nào tôi phạm tội nghịch cùng Chúa là thối cầu nguyện cho anh em. Tôi sẽ cho anh em biết đường ngay nẻo chính” (1 Sm 12,23).

2579. David đặc biệt là vị vua “đẹp lòng Thiên Chúa”, là mục tử cầu nguyện cho toàn dân và nhân danh toàn dân, là con người mà sự tuân phục thánh ý Thiên Chúa, việc ngợi khen Thiên Chúa và lòng ăn năn thống hối của ông sẽ là mẫu mực cho việc cầu nguyện của dân. Là người được Thiên Chúa xúc dầu, lời cầu nguyện của vua David là sự gắn bó trung thành với lời hứa của Thiên Chúa²⁵, là lòng tín thác đầy yêu mến và hân hoan vào Đấng là Vua và là Chúa duy nhất. Trong các Thánh vịnh, vua David, được Chúa Thánh Thần linh hứng, là vị tiên tri hàng đầu của truyền thống cầu nguyện Do Thái và Kitô giáo. Lời cầu nguyện của Đức Kitô, Đấng Mêssia đích thực và là con vua David, sẽ mạc khải và hoàn tất ý nghĩa của việc cầu nguyện đó.

²¹ X. Xh 17,8-13.

²² X. Ds 12,13-14.

²³ X. Xh 32,1-34,9.

²⁴ 1 Sm 1,9-18.

²⁵ X. 2 Sm 7,18-29.

2580. Đền thờ Giêrusalem, ngôi nhà cầu nguyện mà vua David muốn xây dựng, sẽ là công trình của con ông, là vua Salômon. Lời nguyện Cung hiến Đền thờ²⁶ dựa vào Lời hứa của Thiên Chúa và Giao ước của Ngài, vào sự hiện diện tác động của Danh Ngài giữa dân Ngài và vào sự tưởng niệm những kỳ công thời Xuất hành. Lúc đó nhà vua giơ tay lên trời và cầu khẩn Chúa cho chính mình, cho toàn dân, cho các thế hệ tương lai, xin Thiên Chúa tha tội cho họ và ban cho những gì cần thiết hằng ngày, để muôn dân nhận biết Ngài là Thiên Chúa duy nhất và dân Chúa hết lòng kính mến Ngài. 583

Êlia, các tiên tri và việc hối cải tâm hồn

2581. Đối với dân Thiên Chúa, Đền thờ là nơi dạy cho họ biết cầu nguyện: các cuộc hành hương, các lễ hội, hy tế, lễ dâng ban chiều, dâng hương, bánh “trung hiến”, tất cả những dấu chỉ này về sự thánh thiện và vinh quang của Thiên Chúa Tối Cao nhưng rất gần gũi, đều là những lời mời gọi và là những nẻo đường đưa đến việc cầu nguyện. Nhưng thái độ quá chuộng nghi lễ thường lôi kéo dân đến một cách thờ phượng quá bề ngoài. Việc giáo dục đức tin và hối cải tâm hồn là cần thiết. Đó là sứ vụ của các tiên tri trước và sau thời lưu đày. 1150

2582. Êlia là tổ phụ của các tiên tri, thuộc dòng dõi những kẻ tìm kiếm Ngài, những kẻ tìm kiếm tôn nhan Ngài²⁷. Tên của ông, có nghĩa “Chúa là Thiên Chúa của tôi”, tiên báo tiếng hô của dân đáp lại lời cầu nguyện của ông trên núi Carmel²⁸. Thánh Giacôbê nhắc đến gương ông Êlia để khích lệ chúng ta cầu nguyện: “Vì lời cầu xin tha thiết của người công chính rất có hiệu lực” (Gc 5,16)²⁹.

2583. Sau khi học biết thương xót lúc ẩn mình tại suối Charith, ông Êlia dạy cho bà góa ở Sarepta tin vào lời Thiên Chúa và củng cố đức tin của bà bằng lời cầu nguyện tha thiết của ông: Thiên Chúa đã làm cho con trai bà goá sống lại³⁰.

Khi ông Êlia dâng hy lễ trên núi Carmel, đó là lúc thử thách quyết liệt đối với đức tin của dân Thiên Chúa, thì lửa của Chúa đã thiêu hủy của lễ toàn thiêu “vào giờ người ta hiến dâng của lễ ban chiều” nhờ lời khẩn cầu của ông Êlia: “Xin đáp lời con, lạy Chúa, xin đáp lời con” (1 V 18,37). Các phụng vụ Đông phương đã dùng 696

²⁶ X. 1 V 8,10-61.

²⁷ X. Tv 24,6.

²⁸ X. 1 V 18,39.

²⁹ X. Gc 5,16-18.

³⁰ X. 1 V 17,7-24.

lại lời khẩn cầu này của ông Êlia trong kinh Khẩn nguyện xin ban Chúa Thánh Thần (*Epiclesis*) trong thánh lễ³¹.

555 Sau cùng, trở lại hoang địa, đến nơi Thiên Chúa hằng sống và chân thật đã tỏ mình ra cho dân Ngài, ông Êlia ẩn mình, như ông Môisen, “trong một hang đá” cho tới khi sự hiện diện nhiệm mầu của Thiên Chúa “đi qua”³². Nhưng chỉ trên núi Hiên Dung, Đấng mà ông Môisen và ông Êlia đã tìm kiếm tôn nhan, mới được tỏ lộ³³: các ông nhận ra vinh quang của Thiên Chúa nơi tôn nhan Đức Kitô chịu đóng đinh và phục sinh³⁴.

2709 **2584.** Trong những lúc “riêng một mình với Thiên Chúa”, các tiên tri mức được ánh sáng và sức mạnh cho sứ vụ của mình. Việc cầu nguyện của các ông không phải là chạy trốn thế giới bất trung, nhưng là lắng nghe Lời Thiên Chúa, đôi khi tranh luận hoặc than thở với Chúa, luôn luôn chuyển cầu cho dân để chờ đợi và chuẩn bị cho sự can thiệp của Thiên Chúa Cứu Độ, là Chúa của lịch sử³⁵.

Các Thánh vịnh, lời cầu nguyện của cộng đoàn

1093 **2585.** Từ thời vua David cho tới khi Đấng Messia đến, những bản văn cầu nguyện trong Sách Thánh chứng tỏ lời cầu nguyện cho mình cũng như cho tha nhân ngày càng sâu sắc hơn³⁶. Dần dần các Thánh vịnh được thu tập thành một bộ gồm năm cuốn: đó là sách Thánh vịnh (hay “Những lời ca ngợi”), là tuyệt tác về cầu nguyện trong Cựu Ước.

2586. Các Thánh vịnh nuôi dưỡng và diễn tả việc cầu nguyện của dân Thiên Chúa với tư cách là cộng đoàn, vào những ngày lễ lớn tại Giêrusalem và mỗi ngày sabat trong các hội đường. Kinh nguyện này vừa có tính cá nhân vừa có tính cộng đoàn, liên quan đến những người đang cầu nguyện và tất cả mọi người; vang lên từ Thánh địa và từ các cộng đoàn Do Thái tản mác khắp nơi, nhưng bao trùm toàn thể công trình tạo dựng. Các Thánh vịnh gợi nhớ các biến cố cứu độ trong quá khứ và hướng đến ngày hoàn tất lịch sử; giúp nhớ lại những lời hứa của Thiên Chúa đã được thực hiện, và chờ đợi Đấng Messia, Đấng sẽ hoàn tất trọn vẹn các lời hứa ấy. Các Thánh vịnh, đã được Đức Kitô sử dụng để cầu nguyện và đã

³¹ X. 1 V 18,20-39.

³² X. 1 V 19,1-14; Xh 33,19-23.

³³ X. Lc 9,30-35.

³⁴ X. 2 Cr 4,6.

³⁵ X. Am 7,2,5; Is 6,5.8.11; Gr 1,6; 15,15-18; 20,7-18.

³⁶ X. Er 9,6-15; Nhm 1,4-11; Gn 2,3-10; Tb 3,11-16; Gdt 9,2-14.

được hoàn tất nơi Người, vẫn luôn chiếm vị trí thiết yếu trong kinh nguyện của Hội Thánh Người³⁷.

1177

2587. Tập Thánh vịnh là cuốn sách, trong đó Lời của Thiên Chúa trở thành lời cầu nguyện của con người. Trong các cuốn sách khác của Cựu Ước, thì “các lời nói.. loan báo những công trình [Thiên Chúa đã thực hiện cho con người] và làm sáng tỏ mầu nhiệm chứa đựng trong đó”³⁸. Còn trong tập Thánh vịnh, lời của các tác giả Thánh vịnh vừa diễn tả những công trình cứu độ của Thiên Chúa, vừa ca mừng Ngài vì những công trình đó. Cùng một Thần Khí linh hứng cả công trình của Thiên Chúa, cả lời đáp lại của con người. Đức Kitô sẽ kết hợp cả hai lại với nhau. Trong Người, các Thánh vịnh không ngừng dạy ta cầu nguyện.

2641

2588. Những cách diễn tả đa dạng của lời cầu nguyện trong Thánh vịnh được hình thành từ phụng tự Đền thờ, cũng như từ trái tim con người. Dù là thánh thi, lời kêu cầu trong cơn nguy khốn hay bài ca tạ ơn, lời khẩn cầu cá nhân hay cộng đoàn, bài ca cung đình hoặc khúc hát hành hương, bài suy niệm giáo huấn, các Thánh vịnh đều phản chiếu những kỳ công của Thiên Chúa trong lịch sử dân Ngài và những tình huống mà tác giả Thánh vịnh đã sống. Dù Thánh vịnh có thể phản ánh một biến cố trong quá khứ, nó vẫn bình dị đến nỗi con người thuộc bất cứ hoàn cảnh và thời đại nào cũng có thể sử dụng để cầu nguyện.

2589. Một số nét chung thường nổi bật trong các Thánh vịnh: sự đơn sơ và bộc phát của lời cầu nguyện, lòng khao khát chính Thiên Chúa qua và với tất cả những gì là tốt lành trong công trình tạo dựng của Ngài, hoàn cảnh khó khăn của tín hữu muốn yêu mến Thiên Chúa trên hết mọi sự nhưng phải đối diện với bao kẻ thù và cám dỗ, trong khi chờ đợi Thiên Chúa trung tín ra tay hành động, vẫn xác tín vào tình yêu của Thiên Chúa và phó thác theo thánh ý Ngài. Lời cầu nguyện của các Thánh vịnh luôn có tâm tình ca ngợi, nên tập sách này có một tên gọi rất phù hợp với điều nó mang đến cho chúng ta: “Những lời ca ngợi”. Vì được sưu tập để dùng trong phụng tự của cộng đoàn, nên cuốn Thánh vịnh vang lên lời mời gọi cầu nguyện đồng thời hát lên lời đáp: *Hallelu-Yah!* (“Alleluia”): “Hãy ca ngợi Chúa!”

304

“Còn gì tốt hơn một Thánh vịnh? Vì thế vua David đã nói rất đúng rằng: ‘Hãy ca ngợi Chúa vì Thánh vịnh thật là tốt đẹp; hãy dâng lời ca ngợi hân hoan và êm dịu lên Thiên Chúa chúng ta’. Quả vậy, Thánh vịnh là lời chúc tụng của dân, lời ca tụng Thiên

³⁷ X. Văn kiện trình bày và quy định Các Giờ Kinh phụng vụ, 100-109: *Các Giờ Kinh Phụng Vụ*, editio typica, v. 1 (Typis Polyglottis Vaticanis 1973) 52-56.

³⁸ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 2: AAS 58 (1966) 818.

Chúa, lời ca ngợi của cộng đoàn, tiếng hoan hô của mọi người, lời nói của vũ trụ, tiếng nói của Hội Thánh, lời tuyên xưng đức tin đầy giai điệu³⁹.

TÓM LƯỢC

2590. Cầu nguyện là nâng tâm hồn lên cùng Thiên Chúa hay là cầu xin Thiên Chúa ban cho những điều xứng hợp⁴⁰.

2591. Thiên Chúa không ngừng kêu gọi mỗi người đến gặp gỡ Ngài cách huyền nhiệm trong việc cầu nguyện. Suốt dòng lịch sử cứu độ, cầu nguyện mang tính cách một lời mời gọi hỗ tương giữa Thiên Chúa và con người.

2592. Việc cầu nguyện của ông Abraham và ông Giacôb được trình bày như một cuộc chiến đấu của đức tin để giữ lòng tin thác vào Thiên Chúa trung tín và xác tin rằng Ngài sẽ ban chiến thắng cho kẻ kiên trì.

2593. Lời cầu nguyện của ông Môisen đáp lại sáng kiến của Thiên Chúa hằng sống muốn cứu độ dân Ngài. Đây là hình ảnh báo trước lời chuyển cầu của Đấng Trung Gian duy nhất là Đức Kitô Giêsu.

2594. Lời cầu nguyện của dân Thiên Chúa được triển nở dưới bóng Nhà Chúa, Hòm Bia giao ước và Đền Thờ, dưới sự hướng dẫn của các mục tử, đặc biệt là vua David và của các tiên tri.

2595. Các tiên tri kêu gọi dân hối cải tâm hồn và, trong khi nhiệt thành tìm kiếm tôn nhan Thiên Chúa, như tiên tri Êlia, các ngài chuyển cầu cho dân.

2596. Các Thánh vịnh là tuyệt tác về cầu nguyện trong Cựu Ước, gồm hai yếu tố không thể tách rời: vừa có tính cá nhân vừa có tính cộng đoàn. Các Thánh vịnh bao trùm mọi chiều kích của lịch sử, giúp nhớ lại những lời hứa của Thiên Chúa đã được thực hiện và chờ đợi Đấng Messia ngự đến.

2597. Các Thánh vịnh, đã được Đức Kitô sử dụng để cầu nguyện và đã được hoàn tất nơi Người, vẫn luôn chiếm vị trí thiết yếu trong kinh nguyện của Hội Thánh Người. Các Thánh vịnh luôn thích hợp với mọi người thuộc bất cứ hoàn cảnh và thời đại nào.

³⁹ Thánh Ambrôsiô, *Enarrationes in Psalmos*, 1, 9: CSEL 64, 7 (PL 14, 968).

⁴⁰ Thánh Gioan Đamascônô, *Expositio fidei*, 68 [De fide orthodoxa 3, 24]: PTS 12, 167 (PG 94, 1089).

Mục 2

Khi thời gian viên mãn

Articulus 2

In plenitudine temporis

2598. Vấn đề cầu nguyện được mạc khải cho chúng ta cách trọn vẹn trong Ngôi Lời đã làm người và ở giữa chúng ta. Khi tìm hiểu việc cầu nguyện của Người qua những gì các chứng nhân kể lại trong Tin Mừng, chúng ta được đến gần Đấng thánh là Chúa Giêsu, như đến gần Bụi cây đang cháy: trước tiên chiêm ngưỡng chính Người cầu nguyện, rồi lắng nghe Người dạy chúng ta cầu nguyện, để sau cùng nhận biết Người nhận lời cầu nguyện của chúng ta như thế nào.

Chúa Giêsu cầu nguyện

2599. Con Thiên Chúa, khi trở thành Con Đức Trinh Nữ, cũng đã học cầu nguyện theo trái tim nhân loại của Người. Chúa Giêsu đã học những công thức cầu nguyện nơi thân mẫu Người là đấng hằng ghi nhớ và luôn suy niệm trong lòng về mọi điều “cao cả” của Đấng Toàn Năng⁴¹. Người cầu nguyện bằng những lời kinh và âm điệu của dân Người, trong Hội đường Nazareth và trong Đền Thờ. Nhưng kinh nguyện của Người còn phát xuất từ một nguồn mạch sâu kín hơn, như chính Người đã hé mở cho thấy lúc Người lên mười hai tuổi: “Con có bốn phận ở nhà của Cha con” (Lc 2,49). Ở đây, tính cách mới mẻ của việc cầu nguyện trong thời viên mãn bắt đầu được mạc khải: đó là *lời cầu nguyện của Người Con*, mà Chúa Cha vẫn chờ mong nơi các con cái của Ngài, cuối cùng đã được chính Người Con Một thực hiện trong nhân tính của Người cùng với con người và vì con người. 470-473
584
534

2600. Tin Mừng theo thánh Luca nhấn mạnh đến tác động của Chúa Thánh Thần và ý nghĩa của việc cầu nguyện trong thừa tác vụ của Đức Kitô. Chúa Giêsu cầu nguyện *trước* những thời điểm quyết định trong sứ vụ của Người: trước khi Chúa Cha làm chứng về Người lúc Người chịu phép rửa⁴², lúc Người Hiển Dung⁴³, và trước khi Người hoàn thành ý định yêu thương của Chúa Cha bằng 535, 554
612

⁴¹ X. Lc 1,49; 2,19.51.

⁴² X. Lc 3,21.

⁴³ X. Lc 9,28.

858, 443 cuộc thương khó của Người⁴⁴. Người cũng cầu nguyện trước những thời điểm quyết định liên quan đến sứ vụ của các Tông Đồ của Người: trước khi gọi và chọn nhóm Mười Hai⁴⁵, trước khi ông Phêrô tuyên xưng Người là “Đấng Kitô của Thiên Chúa”⁴⁶, và để lòng tin của vị thủ lãnh các Tông Đồ khỏi bị suy yếu trong cơn thử thách⁴⁷. Lời cầu nguyện của Chúa Giêsu trước các biến cố cứu độ, mà Chúa Cha đòi Người phải thể hiện, là sự phó thác khiêm nhường và đầy tin tưởng của ý chí nhân loại của Người cho ý muốn đầy yêu thương của Chúa Cha.

2675 **2601.** “Có một lần Chúa Giêsu cầu nguyện ở nơi kia. Người cầu nguyện xong, thì có một người trong nhóm môn đệ nói với Người: “Thưa Thầy, xin dạy chúng con cầu nguyện” (Lc 11,1). Chẳng phải là người môn đệ của Đức Kitô, vì chiêm ngưỡng Thầy mình cầu nguyện trước, rồi khao khát cầu nguyện đó sao? Lúc đó, người này có thể học cầu nguyện từ bậc Thầy của việc cầu nguyện. Khi *chiêm ngưỡng* và lắng nghe Người Con, các con cái học biết cầu nguyện với Chúa Cha.

616 **2602.** Chúa Giêsu thường lui vào *nơi thanh vắng*, lên núi, nhất là lúc đêm khuya, để cầu nguyện⁴⁸. Vì trong cuộc Nhập Thể, Người đã thông phần nhân tính, nên Người *mong lấy mọi người* trong kinh nguyện của Người, và Người dâng họ lên Chúa Cha bằng việc tự hiến chính mình Người. Chính Người, Ngôi Lời “đã mặc lấy xác phàm”, trong lời cầu nguyện nhân loại của mình, thông phần vào những gì “các anh em” của Người đang sống⁴⁹; Người cảm thông những yếu đuối của họ để giải thoát họ khỏi những yếu đuối ấy⁵⁰. Chính vì mục đích này mà Chúa Cha đã sai Người đến. Những lời nói cũng như việc làm của Người là biểu hiện rõ ràng về những gì Người cầu nguyện “trong thầm kín”.

2637 **2603.** Các tác giả sách Tin Mừng giữ lại hai lời cầu nguyện minh nhiên của Đức Kitô trong thời gian Người thi hành tác vụ. Cả hai đều khởi đầu bằng lời tạ ơn. Trong lời nguyện thứ nhất⁵¹, Chúa Giêsu tuyên xưng, nhận biết và chúc tụng Chúa Cha vì Chúa Cha đã giao các mầu nhiệm Nước Trời đối với những người tưởng mình
2546 không ngoan, nhưng lại mặc khải cho “những người bé mọn” (những người nghèo của các mối phúc). Sự rung cảm của Người, “Vâng, lạy

⁴⁴ X. Lc 22,41-44.

⁴⁵ X. Lc 6,12.

⁴⁶ X. Lc 9,18-20.

⁴⁷ X. Lc 22,32.

⁴⁸ X. Mc 1,35; 6,46; Lc 5,16.

⁴⁹ X. Dt 2,12.

⁵⁰ X. Dt 2,15; 4,15.

⁵¹ X. Mt 11,25-27; Lc 10,21-22.

Cha!” nói lên những gì tận đáy lòng Người, sự gắn bó của Người với “điều đẹp ý” Chúa Cha, như vọng lại lời “Xin vâng” của Mẹ Người lúc thụ thai Người, và như khúc dạo đầu cho lời Người sẽ thưa với Chúa Cha trong cơn hấp hối. Toàn bộ kinh nguyện của Chúa Giêsu đều chất chứa tâm tình gắn bó yêu thương của trái tim nhân loại của Người đối với “mầu nhiệm thánh ý” của Chúa Cha⁵².

494

2604. Lời cầu nguyện thứ hai được thánh Gioan⁵³ ghi lại vào lúc trước khi Ladarô được cho sống lại. Lời tạ ơn đi trước biến cố: “Lạy Cha, con cảm tạ Cha, vì Cha đã nhận lời con” hàm ý là Chúa Cha luôn nhận lời Người cầu xin; và Chúa Giêsu thêm ngay: “Con vẫn biết Cha luôn nghe lời Con” hàm ý Chúa Giêsu luôn nài xin Chúa Cha. Như vậy, lời cầu nguyện của Chúa Giêsu, được khởi đầu bằng tâm tình tạ ơn, mạc khải cho chúng ta biết phải cầu xin như thế nào: trước khi nhận được hồng ân, Chúa Giêsu đã gắn bó với Đấng ban ơn, cũng là Đấng tự ban mình trong các hồng ân của Ngài. Đấng ban ơn thì quý trọng hơn hồng ân bội phần, chính Ngài là “Kho tàng” và tâm hồn của Con Ngài quy hướng về chính Ngài; hồng ân chỉ là điều được “ban thêm”⁵⁴.

478

Lời nguyện “tư tế” của Chúa Giêsu⁵⁵ có một vị trí độc nhất vô nhị trong nhiệm cục cứu độ (lời nguyện này sẽ được suy niệm ở cuối *Đoạn thứ nhất*). Thật vậy, lời cầu nguyện này cho thấy kinh nguyện của Đức Kitô Thượng Tế luôn là lời cầu nguyện của ngày hôm nay, và đồng thời cũng dạy chúng ta cách cầu nguyện cùng Chúa Cha (vấn đề sẽ được bàn đến trong *Đoạn thứ hai*).

2746

2605. Khi đến Giờ hoàn tất ý định yêu thương của Chúa Cha, Chúa Giêsu cho thoáng thấy chiều sâu khôn dò của lời cầu nguyện của Người Con, không những trước khi Người tự nguyện trao nộp chính mình (“Lạy Cha, ... xin đừng cho ý Con thể hiện, mà là ý Cha”: Lc 22,42), mà cả đến những lời cuối cùng của Người trên thập giá, lúc mà cầu nguyện và tự hiến trở nên một. “Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết việc họ làm” (Lc 23,34); “Tôi bảo thật anh, hôm nay, anh sẽ được ở với tôi trên thiên đàng” (Lc 23,43); “Thưa Bà, đây là con của Bà... Đây là Mẹ của anh” (Ga 19, 26-27); “Tôi khát” (Ga 19,28); “Lạy Thiên Chúa, Thiên Chúa của con, sao Ngài bỏ rơi con?” (Mc 15,34)⁵⁶; “Thế là đã hoàn tất” (Ga 19,30); “Lạy Cha, con xin phó thác hồn con trong tay Cha” (Lc 23,46) cho đến cả “tiếng kêu lớn” khi Người trao hơi thở⁵⁷.

614

⁵² X. Ep 1,9.

⁵³ X. Ga 11,41-42.

⁵⁴ X. Mc 6,21.33.

⁵⁵ X. Ga 17.

⁵⁶ X. Tv 22,2.

⁵⁷ X. Mc 15,37; Ga 19,30.

403 **2606.** Tất cả những đau khổ của nhân loại trong mọi thời, dưới ách nô lệ tội lỗi và sự chết, tất cả mọi lời van xin và chuyển cầu suốt lịch sử cứu độ, đều được thu tóm vào Tiếng kêu lớn của Ngôi Lời Nhập Thể. Chúa Cha đón nhận tất cả và, vượt quá mọi mong đợi, 653 Ngài nhận lời tất cả khi cho Con Ngài sống lại. Như vậy, toàn thể 2587 kinh nguyện trong nhiệm cục tạo dựng và cứu độ được thực hiện và hoàn tất. Tập Thánh vịnh trao cho chúng ta chìa khoá của việc cầu nguyện trong Đức Kitô. Chính trong “Ngày hôm nay” của biến cố Phục sinh, Chúa Cha phán: “Con là Con của Cha, ngày hôm nay Cha đã sinh ra Con. Con cứ xin, rồi Cha ban tặng, muôn dân nước làm sản nghiệp riêng, toàn cõi đất làm phần lãnh địa” (Tv 2,7-8)⁵⁸.

Thu Do thái dùng những lời lẽ bi thảm để diễn tả lời cầu nguyện của Chúa Giêsu đã đem lại chiến thắng cứu độ như thế nào: “Khi còn sống kiếp phàm nhân, Chúa Giêsu đã lớn tiếng kêu van khóc lóc mà dâng lời khẩn nguyện nài xin lên Đấng có quyền năng cứu Người khỏi chết. Người đã được nhậm lời, vì có lòng tôn kính. Dầu là Con Thiên Chúa, Người đã phải trải qua nhiều đau khổ mới học được thế nào là vâng phục; và khi chính bản thân đã tới mức thập toàn, Người trở nên nguồn ơn cứu độ vĩnh cửu cho tất cả những ai từng phục Người” (Dt 5,7-9).

Chúa Giêsu dạy chúng ta cầu nguyện

520 **2607.** Khi Chúa Giêsu cầu nguyện, là Người đã dạy chúng ta cầu nguyện. Con đường *đối thần* của lời cầu nguyện của chúng ta là lời cầu nguyện của Chúa Giêsu dâng lên Cha Người. Nhưng Tin Mừng còn lưu lại cho chúng ta giáo huấn minh nhiên của Chúa Giêsu về việc cầu nguyện. Là nhà sư phạm, Người bắt đầu từ hiện trạng của chúng ta, và từng bước một dẫn dắt chúng ta đến với Chúa Cha. Khi nói với đám đông dân chúng đang đi theo Người, Chúa Giêsu khởi đi từ những gì họ đã biết về cầu nguyện theo như Giao ước cũ và mở cho họ thấy nét mới mẻ của Nước Trời đang đến. Người mạc khải cho họ nét mới mẻ này qua các dụ ngôn. Sau cùng, với các môn đệ là những người sẽ phải làm thầy dạy cầu nguyện trong Hội Thánh, thì Người nói rõ về Chúa Cha và Chúa Thánh Thần.

541, 1430 **2608.** Ngay từ *Bài giảng trên núi*, Chúa Giêsu đã nhấn mạnh đến việc *hối cải tâm hồn*: phải hòa giải với người anh em trước khi đến dâng lễ phẩm trên bàn thờ⁵⁹, phải yêu thương kẻ thù và cầu nguyện cho kẻ bách hại mình⁶⁰, phải cầu nguyện cùng Chúa Cha,

⁵⁸ X. Cv 13,33.

⁵⁹ X. Mt 5,23-24.

⁶⁰ X. Mt 5,44-45.

Đấng hiện diện “nơi kín đáo” (Mt 6,6), không lái nhái nhiều lời⁶¹, thật lòng tha thứ trong cầu nguyện⁶², có tâm hồn thanh khiết và lo tìm kiếm Nước Trời⁶³. Cuộc hối cải này hoàn toàn hướng về Chúa Cha, và đượm tình con thảo.

2609. Tâm hồn, một khi đã sẵn sàng hối cải như vậy, sẽ học biết cầu nguyện trong *đức tin*. Tin là gắn bó đầy tình con thảo với Thiên Chúa, vượt quá những gì chúng ta cảm thấy và hiểu biết. Sự gắn bó này có thể thực hiện được vì Người Con yêu dấu đã mở lối cho chúng ta đến với Chúa Cha. Người có thể yêu cầu chúng ta “tìm kiếm” và “gõ”, vì chính Người là cửa và là con đường⁶⁴. 153 1814

2610. Chúa Giêsu đã cầu nguyện với Chúa Cha và tạ ơn trước khi nhận được các hồng ân của Chúa Cha thế nào, thì Người cũng dạy chúng ta *bạo dạn như những người con* như vậy: “Tất cả những gì anh em cầu xin, anh em cứ tin là mình đã được rồi” (Mc 11,24). Sức mạnh của cầu nguyện là như thế: “mọi sự đều có thể, đối với người tin” (Mc 9,23) bằng một đức tin không nghi nan⁶⁵. Chúa Giêsu rất buồn phiền “vì sự cứng tin” của đám bà con thân thuộc của Người (Mc 6,6), và vì lòng tin yếu kém của các môn đệ Người⁶⁶, trái lại Người thán phục trước lòng tin mạnh mẽ của viên sĩ quan Rôma⁶⁷ và người phụ nữ xứ Canaan⁶⁸. 165

2611. Lời cầu nguyện của đức tin không hệ tại ở chỗ thưa: “Lạy Chúa, Lạy Chúa”, nhưng là sẵn lòng thi hành *thánh ý của Chúa Cha*⁶⁹. Chúa Giêsu mời gọi các môn đệ Người đem vào lời cầu nguyện⁷⁰ sự quan tâm cộng tác vào kế hoạch của Thiên Chúa. 2827

2612. Nơi Chúa Giêsu, “triều đại Thiên Chúa đã đến gần” (Mc 1,15), Người kêu gọi con người hối cải, tin tưởng và *tỉnh thức* nữa. Khi cầu nguyện, người môn đệ chăm chú hướng về Đấng hiện có và đang đến, vừa tưởng nhớ việc Người đến lần thứ nhất trong xác phàm khiêm hạ, vừa hy vọng Người đến lần thứ hai trong vinh quang⁷¹. Đối với các môn đệ, cầu nguyện là một cuộc chiến đấu 672 2725

⁶¹ X. Mt 6,7.

⁶² X. Mt 6,14-15.

⁶³ X. Mt 6,21.25.33.

⁶⁴ X. Mt 7,7-11.13-14.

⁶⁵ X. Mt 21,21.

⁶⁶ X. Mt 8,26.

⁶⁷ X. Mt 8,10.

⁶⁸ X. Mt 15,28.

⁶⁹ X. Mt 7,21.

⁷⁰ X. Mt 9,38; Lc 10,2; Ga 4,34.

⁷¹ X. Mc 13; Lc 21,34-36.

trong sự hiệp thông với Thầy mình, và chính nhờ tỉnh thức trong cầu nguyện mà ta không sa chước cám dỗ⁷².

2613. Có ba dụ ngôn chính về cầu nguyện được thánh Luca lưu lại cho chúng ta:

- 546 – Dụ ngôn thứ nhất, “Người bạn quấy rầy”⁷³, mời gọi cầu nguyện cách khẩn khoản: “Anh em cứ gõ cửa thì cửa sẽ mở cho anh em”. Chúa Cha trên trời sẽ ban cho người cầu nguyện bất cứ điều gì người ấy cần và nhất là ban Chúa Thánh Thần, Đấng chứa đựng mọi hồng ân.
- Dụ ngôn thứ hai, “Bà góa quấy rầy”⁷⁴, tập trung vào một trong các phẩm tính của việc cầu nguyện: “Phải cầu nguyện luôn, không được nản chí”, với sự kiên trì của lòng tin. “Nhưng khi Con Người ngự đến, liệu Người còn thấy lòng tin trên mặt đất nữa chăng?”
- 2559 – Dụ ngôn thứ ba, “Người Pharisêu và người thu thuế”⁷⁵, liên quan đến sự khiêm tốn trong lòng của người cầu nguyện. “Lạy Thiên Chúa, xin thương con là kẻ tội lỗi”. Hội Thánh không ngừng lấy lời cầu nguyện ấy làm lời cầu nguyện của mình: *Kyrie eleison!* (*Xin Chúa thương xót chúng con!*)

2614. Khi Chúa Giêsu ký thác cách công khai cho các môn đệ Người mầu nhiệm cầu nguyện với Chúa Cha, thì Người tỏ cho các ông kinh nguyện của các ông - và cũng là của chúng ta - phải thế nào, một khi Người sẽ trở về với Chúa Cha trong nhân tính đã được tôn vinh của Người. Vào lúc đó điều mới mẻ là “cầu xin *nhân danh Người*”⁷⁶. Lòng tin vào Người đưa các môn đệ đến chỗ biết Chúa Cha, vì Chúa Giêsu là “Con Đường, là Sự Thật và là Sự Sống” (Ga 14,6). Lòng tin mang lại hoa trái trong lòng mến: đó là tuân giữ lời Người, các giới răn của Người, đó là cùng với Người ở lại trong Chúa Cha, Đấng yêu mến chúng ta trong Người, đến độ ở lại trong chúng ta. Trong Giao ước mới này, chúng ta xác tín rằng những lời cầu xin của chúng ta được đoái nhận, niềm xác tín đó dựa trên nền tảng là lời cầu nguyện của Chúa Giêsu⁷⁷.

- 728 **2615.** Hơn nữa, khi lời cầu nguyện của chúng ta được kết hợp với lời cầu nguyện của Chúa Giêsu, Chúa Cha “sẽ ban cho anh em một Đấng Bảo Trợ khác, đến ở với anh em luôn mãi. Đó là Thần Khí sự thật” (Ga 14,16-17). Nét mới mẻ này của lời cầu nguyện và của

⁷² X. Lc 22,40-46.

⁷³ X. Lc 11,5-13.

⁷⁴ X. Lc 18,1-8.

⁷⁵ X. Lc 18,9-14.

⁷⁶ X. Ga 14,13.

⁷⁷ X. Ga 14,13-14.

các điều kiện [để cầu nguyện] xuất hiện suốt diễn từ cáo biệt⁷⁸. Trong Chúa Thánh Thần, kinh nguyện Kitô giáo là sự hiệp thông tình yêu với Chúa Cha, không phải chỉ nhờ Đức Kitô mà còn trong Người nữa: “Cho đến nay, anh em đã chẳng xin gì nhân danh Thầy. Cứ xin đi, anh em sẽ được, để niềm vui của anh em nên trọn vẹn” (Ga 16,24).

Chúa Giêsu nhận lời cầu nguyện

2616. Lúc Người còn đang thi hành tác vụ, lời cầu nguyện với Chúa Giêsu đã được chính Người nhận lời, qua các dấu lạ, những dấu lạ này tiền dự vào sức mạnh của sự chết và sự sống lại của Người. Chúa Giêsu nhận lời cầu nguyện của đức tin, được diễn tả bằng lời nói (của người bệnh phong⁷⁹, của ông Giairô⁸⁰, của người phụ nữ Canaan⁸¹, của người trộm lành⁸²), hay trong thinh lặng (của những kẻ khiêng người bất toại⁸³, của người đàn bà bị bệnh loạn huyết đụng chạm vào áo Người⁸⁴, nước mắt và dầu thơm của người phụ nữ tội lỗi⁸⁵). Lời nài xin tha thiết của những người mù: “Lạy Con Vua David, xin thương xót chúng tôi” (Mt 9,27) hay “Lạy Ông Giêsu, Con Vua David, xin rủ lòng thương tôi” (Mc 10,48) được sử dụng lại trong truyền thống *Khẩn nguyện Chúa Giêsu (Oratio ad Iesum)*: “Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, là Chúa, xin thương xót con là kẻ tội lỗi”. Chúa Giêsu luôn đáp lại lời cầu xin Người với đức tin, bằng cách chữa lành bệnh tật hoặc thứ tha tội lỗi: “Cứ về bình an, lòng tin của anh đã cứu chữa anh”.

548

2667

Thánh Augustinô đã khéo léo tóm tắt ba chiều kích của lời cầu nguyện của Chúa Giêsu: “Người cầu nguyện cho chúng ta, vì Người là vị Tư Tế của chúng ta; Người cầu nguyện trong chúng ta vì Người là Đầu của chúng ta; Người được chúng ta cầu nguyện, vì Người là Thiên Chúa của chúng ta. Vậy chúng ta phải nhận biết tiếng nói của chúng ta trong Người, lẫn tiếng nói của Người trong chúng ta”⁸⁶.

⁷⁸ X. Ga 14,23-26 ; 15,7.16 ; 16,13-15.23-27.

⁷⁹ X. Mc 1,40-41.

⁸⁰ X. Mc 5,36.

⁸¹ X. Mc 7,29.

⁸² X. Lc 23,39-43.

⁸³ X. Mc 2,5.

⁸⁴ X. Mc 5,28.

⁸⁵ X. Lc 7,37-38.

⁸⁶ Thánh Augustinô, *Enarratio in Psalmum 85*, 1: CCL 39, 1176 (PL 36, 1081); x. *Văn kiện trình bày và quy định Các Giờ Kinh phụng vụ*, 7: *Các Giờ Kinh Phụng Vụ*, editio typica, v. 1 (Typis Polyglottis Vaticanis 1973) 24.

Lời cầu nguyện của Đức Trinh Nữ Maria

- 148 **2617.** Lời cầu nguyện của Đức Maria được mạc khải cho chúng ta
vào buổi bình minh của lúc thời gian viên mãn. Trước cuộc Nhập
Thể của Con Thiên Chúa và trước việc đổ trần Thánh Thần xuống,
494 lời cầu nguyện của Mẹ cộng tác cách độc đáo vào kế hoạch ưu ái
của Chúa Cha: vào lúc Truyền tin để Đức Kitô được thụ thai⁸⁷, vào
lúc Hiện Xuống để Hội Thánh, Thân thể của Đức Kitô, được hình
thành⁸⁸. Hồng ân của Thiên Chúa được đón nhận nơi lòng tin của
người nữ tì khiêm tốn của Ngài, sự đón nhận mà Ngài đã đợi chờ
490 từ lúc khởi sự thời gian. Người nữ ấy, đã được Đấng Toàn Năng
làm cho “đầy ân sủng”, đã đáp lại bằng việc tiến dâng trọn bản
thân mình: “Này tôi là nữ tỳ của Chúa, xin thực hiện cho tôi như
lời của Ngài”. Lời thưa *Fiat (Xin vâng)* chính là lời cầu nguyện của
Kitô giáo: tất cả là của Chúa bởi vì chính Chúa là tất cả của chúng
ta.
- 2674 **2618.** Tin Mừng mạc khải cho chúng ta Đức Maria cầu nguyện và
chuyển cầu trong lòng tin như thế nào: tại Cana⁸⁹, Thân mẫu Chúa
Giêsu cầu xin Con mình lo đến nhu cầu của bữa tiệc cưới. Bữa tiệc
này là dấu chỉ của một Bữa tiệc khác, là tiệc cưới Chiên Con, Đấng
ban tặng Mình Máu Người theo lời nài xin của Hội Thánh, Hiền
726 Thê của Người. Vào giờ của Giao ước mới, gần bên thánh giá⁹⁰, Đức
Maria đã được nhận lời, với tư cách là Người Nữ, tức là bà Evà
mới, đích thực là “Mẹ của chúng sinh”.
- 2619.** Do đó, bài ca của Đức Maria⁹¹ (tiếng Latinh là *Magnificat* và
tiếng Byzantin là *Megalináron*) là bài ca vừa của Mẹ Thiên Chúa
vừa của Hội Thánh, bài ca vừa của Thiếu nữ Sion, vừa của dân mới
của Thiên Chúa, bài ca tạ ơn vì sự viên mãn của các ân sủng được
724 ban tràn đầy trong Nhiệm vụ cứu độ, bài ca của “những người
nghèo” thấy niềm hy vọng của mình được thực hiện nhờ việc hoàn
thành các lời hứa dành cho cha ông chúng ta, “cho tổ phụ Abraham
và cho con cháu đến muôn đời”.

TÓM LƯỢC

2620. Trong Tân Ước, khuôn mẫu tuyệt hảo của cầu nguyện là lời cầu nguyện đầy tình con thảo của Chúa Giêsu. Lời cầu nguyện của

⁸⁷ X. Lc 1,38.

⁸⁸ X. Cv 1,14.

⁸⁹ X. Ga 2,1-12.

⁹⁰ X. Ga 19,25-27.

⁹¹ X. Lc 1,46-55.

Chúa Giêsu – thường được thực hiện trong nơi vắng vẻ và kín đáo – bao hàm sự gắn bó đầy tình yêu với thánh ý Chúa Cha cho đến tận thập giá, và sự tin tưởng tuyệt đối là được nhận lời.

2621. *Chúa Giêsu dạy các môn đệ cầu nguyện với tâm hồn trong sạch, với đức tin sống động, luôn kiên nhẫn và sự bạo dạn của người con. Người đòi buộc họ phải tỉnh thức và mời gọi họ dâng lên Thiên Chúa những lời cầu xin nhân danh Người. Chính Chúa Giêsu Kitô nhận những lời cầu nguyện dâng lên Người.*

2622. *Kinh nguyện của Đức Maria, trong lời “Xin vâng” và trong bài ca “Magnificat” của Mẹ, có nét đặc thù là sự quảng đại hiến dâng trọn bản thân Mẹ trong đức tin.*

Mục 3

Trong thời của Hội Thánh

Articulus 3

In tempore Ecclesiae

2623. Ngày lễ Ngũ Tuần, Thần Khí của Lời hứa được đổ tràn xuống các môn đệ “đang tề tựu ở một nơi” (Cv 2,1), “tất cả... đồng tâm nhất trí, chuyên cần cầu nguyện” để chờ đón Ngài (Cv 1,14). Thần Khí, Đấng dạy dỗ Hội Thánh và nhắc cho Hội Thánh nhớ mọi điều Chúa Giêsu đã nói⁹², cũng sẽ huấn luyện Hội Thánh về đời sống cầu nguyện. 731

2624. Trong cộng đoàn tiên khởi tại Giêrusalem, các tín hữu “chuyên cần nghe các Tông Đồ giảng dạy, luôn luôn hiệp thông với nhau, siêng năng tham dự lễ bẻ bánh, và cầu nguyện không ngừng” (Cv 2,42). Chuỗi thứ tự ấy là nét đặc thù của việc cầu nguyện của Hội Thánh: việc cầu nguyện đặt nền tảng trên đức tin tông truyền, được chứng thực bằng tình bác ái, được nuôi dưỡng bằng Thánh Thể. 1342

2625. Những lời cầu nguyện này trước hết là những lời các tín hữu nghe và đọc trong Sách Thánh, nhưng họ làm cho những lời ấy trở thành hiện tại, đặc biệt là những lời Thánh vịnh, do chúng được nên trọn trong Đức Kitô⁹³. Chúa Thánh Thần, Đấng nhắc cho Hội Thánh đang cầu nguyện nhớ đến Đức Kitô như vậy, cũng dẫn đưa 1092

⁹² X. Ga 14,26.

⁹³ X. Lc 24,27.44.

Hội Thánh đến chân lý trọn vẹn và khơi dậy những mẫu kinh mới để diễn tả mâu nhiệm khôn dò của Đức Kitô, mâu nhiệm ấy đang hoạt động trong đời sống, trong các bí tích và trong sứ vụ của Hội Thánh Người. Những mẫu kinh này sẽ được khai triển trong các truyền thống phụng vụ và linh đạo quan trọng. Các *hình thức cầu nguyện*, như được mạc khải trong các tác phẩm của các Tông Đồ thuộc Tân Ước, sẽ mãi mãi là mẫu mực cho kinh nguyện Kitô giáo.

I. CHÚC TỤNG VÀ THỜ LẠY

BENEDICTIO ET ADORATIO

1078 **2626.** *Chúc tụng* diễn tả động thái sâu xa nhất của việc cầu nguyện Kitô giáo. Đó là sự gặp gỡ giữa Thiên Chúa và con người; trong đó Thiên Chúa ban ơn và con người tiếp nhận, hai bên mời gọi nhau và nối kết với nhau. Lời kinh chúc tụng là lời đáp của con người đối với những hồng ân của Thiên Chúa: vì Thiên Chúa chúc lành, tâm hồn con người có thể chúc tụng để đáp lại Đấng là nguồn mạch mọi phúc lành.

1083 **2627.** Có hai dạng căn bản diễn tả động thái này: có khi là dạng *đi lên*, tức là lời *chúc tụng* được hướng dẫn bởi Chúa Thánh Thần nhờ Đức Kitô dâng lên Chúa Cha (chúng ta chúc tụng Ngài vì Ngài đã chúc lành cho chúng ta⁹⁴); có khi là dạng *đi xuống*, tức là khẩn cầu ân sủng của Chúa Thánh Thần, Đấng nhờ Đức Kitô, từ Chúa Cha mà *xuống*, (chính Ngài chúc lành cho chúng ta)⁹⁵.

2096-2097 **2628.** *Thờ lạy* là thái độ đầu tiên của con người nhìn nhận mình là thụ tạo trước Đấng Tạo Hoá của mình. Thờ lạy là tán dương sự cao cả của Chúa, Đấng đã dựng nên chúng ta⁹⁶ và sự toàn năng của Đấng cứu độ, Đấng giải thoát chúng ta khỏi sự dữ. Thờ lạy là phủ phục tinh thần trước “Đức Vua vinh quang”⁹⁷, và là lặng thinh kính cẩn trước Thiên Chúa, Đấng “luôn luôn cao cả hơn”⁹⁸. Việc thờ lạy Thiên Chúa muôn trùng chí thánh và đáng mến vô cùng làm cho lòng ta khiêm tốn và đem lại sự bảo đảm cho những lời cầu khẩn của chúng ta.

II. LỜI KINH CẦU XIN

ORATIO PETITIONIS

2629. Từ vựng diễn tả việc khẩn cầu trong Tân Ước có sắc thái phong phú đa dạng: xin, nài xin, nài nỉ, kêu cầu, kêu xin, kêu cứu

⁹⁴ X. Ep 1,3-14; 2 Cr 1,3-7; 1 Pr 1,3-9.

⁹⁵ X. 2 Cr 13,13; Rm 15,5-6.13; Ep 6,23-24.

⁹⁶ X. Tv 95,1-6.

⁹⁷ X. Tv 24,9-10.

⁹⁸ Thánh Augustinô, *Enarratio in Psalmum* 62, 16: CCL 39, 804 (PL 36, 758).

và thậm chí “chiến đấu trong cầu nguyện”⁹⁹. Nhưng hình thức thông thường nhất, vì là tự phát nhất, là cầu xin. Qua lời kinh cầu xin, chúng ta bộc lộ ý thức về mối tương quan của chúng ta với Thiên Chúa: là những thụ tạo, chúng ta không phải tự mình mà có, không làm chủ được những nghịch cảnh, cũng chẳng phải là cùng đích của đời mình. Hơn nữa, vì là Kitô hữu, chúng ta biết mình là những tội nhân đã quay lưng lại với Cha chúng ta. Cầu xin, một cách nào đó, đã là trở về với Ngài. 396

2630. Tân Ước hầu như không có những lời cầu nguyện than van thường thấy trong Cựu Ước. Từ nay trở đi, trong Đức Kitô phục sinh, lời cầu nguyện của Hội Thánh mang niềm hy vọng, cho dù hiện nay chúng ta vẫn đang trông chờ và mỗi ngày vẫn còn cần hối cải. Lời kinh cầu xin của Kitô giáo còn xuất phát từ một chiều sâu khác, từ chiều sâu được thánh Phaolô gọi là *lời rên siết*: tức là lời rên siết của thụ tạo “quần quai như sắp sinh nở” (Rm 8,22); cũng là tiếng rên siết của chúng ta “còn trông đợi Thiên Chúa... cứu chuộc thân xác chúng ta nữa. Quả thế, chúng ta đã được cứu độ, nhưng vẫn còn phải trông mong” (Rm 8,23-24); sau cùng là những “tiếng rên siết khôn tả” của chính Chúa Thánh Thần, Đấng “giúp đỡ chúng ta là những kẻ yếu hèn, vì chúng ta không biết cầu nguyện thế nào cho phải” (Rm 8,26). 2090

2631. *Cầu xin ơn tha thứ* là động thái đầu tiên của lời kinh cầu xin, (như lời người thu thuế: “Xin thương xót con là kẻ tội lỗi”, Lc 18,13). Đó là bước đi đầu tiên để có thể cầu nguyện đúng đắn và tinh tuyền. Lòng khiêm tốn đầy tin tưởng phó thác đặt chúng ta vào trong ánh sáng của sự hiệp thông với Chúa Cha và Con Ngài là Chúa Giêsu Kitô, và hiệp thông với nhau¹⁰⁰: khi đó “bất cứ điều gì chúng ta xin, chúng ta được Ngài ban cho” (1 Ga 3,22). Chúng ta phải cầu xin ơn tha thứ trước khi cử hành Thánh lễ, cũng như trước khi cầu nguyện riêng. 2838

2632. Theo giáo huấn của Chúa Giêsu¹⁰¹, trọng tâm lời kinh cầu xin của Kitô giáo là sự khao khát và *tìm kiếm Nước Chúa* đang đến. Vì thế cần phải có một trật tự trong lời cầu xin: trước tiên là Nước Chúa, rồi đến những gì cần thiết cho chúng ta để đón nhận và cộng tác cho Nước Chúa trị đến. Việc cộng tác như vậy vào sứ vụ của Đức Kitô và của Chúa Thánh Thần, nay là sứ vụ của Hội Thánh, là đối tượng cầu xin của cộng đoàn thời các Tông Đồ¹⁰². Kinh nguyện của thánh Phaolô, vị Tông Đồ ngoại hạng, mạc khải cho ta thấy sự quan tâm thánh thiện đến tất cả các giáo đoàn, 2816 1942

⁹⁹ X. Rm 15,30; Cl 4,12.

¹⁰⁰ X. 1 Ga 1,7-2,2.

¹⁰¹ X. Mt 6,10.33; Lc 11,2.13.

¹⁰² X. Cv 6,6; 13,3.

2854 phải gởi hứng cho kinh nguyện Kitô giáo như thế nào¹⁰³. Bằng cầu nguyện, mọi người đã chịu Phép Rửa đều hoạt động cho Nước Chúa trị đến.

2830 **2633.** Khi tham dự vào tình yêu cứu độ của Thiên Chúa như thế, chúng ta cần hiểu rằng mọi nhu cầu đều có thể trở thành đối tượng của lời kinh cầu xin. Đức Kitô, Đấng đã đón nhận tất cả để cứu chuộc tất cả, được tôn vinh nhờ những lời cầu xin mà chúng ta nhân danh Người dâng lên Chúa Cha¹⁰⁴. Được bảo đảm nhờ điều đó nên thánh Giacôbê¹⁰⁵ và thánh Phaolô khuyến khích chúng ta cầu nguyện trong mọi hoàn cảnh¹⁰⁶.

III. LỜI KINH CHUYỂN CẦU

ORATIO INTERCESSIONIS

432 **2634.** Chuyển cầu là lời kinh cầu xin làm cho chúng ta đến gần với kinh nguyện của Chúa Giêsu. Người là Đấng chuyển cầu duy nhất nơi Chúa Cha cho tất cả mọi người, đặc biệt là cho kẻ tội lỗi¹⁰⁷. “Người có thể đem ơn cứu độ vĩnh viễn cho những ai nhờ Người mà tiến lại gần Thiên Chúa. Thật vậy, Người hằng sống để chuyển cầu cho họ” (Dt 7,25). Chính Chúa Thánh Thần “cầu thay nguyện giúp..., bởi vì Ngài cầu thay nguyện giúp cho dân thánh theo đúng ý Thiên Chúa” (Rm 8,26-27).

2571 **2635.** Chuyển cầu, nghĩa là cầu xin cho những người khác, ngay từ tổ phụ Abraham, là đặc điểm của một tâm hồn hòa nhịp với lòng từ bi nhân hậu của Thiên Chúa. Trong thời của Hội Thánh, lời chuyển cầu của Kitô hữu tham dự vào lời chuyển cầu của Đức Kitô: 2577 đây là cách diễn tả mẫu nhiệm các Thánh thông công. Trong lời chuyển cầu, người cầu nguyện “đừng tìm lợi ích cho riêng mình, nhưng hãy tìm lợi ích cho người khác” (Pl 2,4), thậm chí họ cầu nguyện cả cho những người làm hại họ¹⁰⁸.

2636. Các cộng đoàn Kitô hữu tiên khởi đã nhiệt thành sống hình thức chia sẻ này¹⁰⁹. Thánh Tông Đồ Phaolô đã cho các cộng đoàn đó tham gia vào thừa tác vụ Tin Mừng của ngài bằng cách này¹¹⁰ nhưng ngài cũng chuyển cầu cho họ nữa¹¹¹. Lời chuyển cầu của các

¹⁰³ X. Rm 10,1; Ep 1,16-23; Pl 1,9-11; Cl 1,3-6; 4,3-4.12.

¹⁰⁴ X. Ga 14,13.

¹⁰⁵ X. Gc 1,5-8.

¹⁰⁶ X. Ep 5,20; Pl 4,6-7; Cl 3,16-17; 1 Tx 5,17-18.

¹⁰⁷ X. Rm 8,34; 1 Ga 2,1; 1 Tm 2,5-8.

¹⁰⁸ Thánh Stêphanô, theo gương Chúa Giêsu, đã cầu nguyện cho các lý hình của mình: x. Cv 7,60; Lc 23,28.34.

¹⁰⁹ X. Cv 12,5; 20,36; 21,5; 2 Cr 9,14.

¹¹⁰ X. Ep 6,18-20; Cl 4,3-4; 1 Tx 5,25.

¹¹¹ X. 2 Tx 1,11; Cl 1,3; Pl 1,3-4.

Kitô hữu không có ranh giới: “cho tất cả mọi người, cho vua chúa và tất cả những người cầm quyền” (1 Tm 2,1), cho những người bách hại¹¹², cho ơn cứu độ của những người từ khước Tin Mừng¹¹³. 1900 1037

IV. LỜI KINH TẠ ƠN

ORATIO ACTIONIS GRATIARUM

2637. Tạ ơn là nét đặc trưng của kinh nguyện của Hội Thánh; Hội Thánh, khi cử hành Thánh Lễ, biểu lộ và trở thành phù hợp hơn với bản chất của mình. Thật vậy, trong công trình cứu độ, Đức Kitô giải thoát thụ tạo khỏi tội lỗi và sự chết, để thánh hiến chúng một lần nữa và quy hướng chúng về Chúa Cha để tôn vinh Ngài. Lời kinh tạ ơn của các chi thể trong Thân Thể được tham dự vào 224, 1328 2603
lời tạ ơn của Đức Kitô là Đầu.

2638. Cũng như trong lời kinh cầu xin, mọi biến cố và nhu cầu đều có thể trở thành lễ phẩm tạ ơn. Các thư của thánh Phaolô thường khởi đầu và kết thúc bằng một lời tạ ơn, và Chúa Giêsu luôn hiện diện trong việc tạ ơn đó. “Hãy tạ ơn trong mọi hoàn cảnh. Anh em hãy làm như vậy, đó là điều Thiên Chúa muốn trong Đức Kitô Giêsu” (1 Tx 5,18). “Anh em hãy siêng năng cầu nguyện; hãy tỉnh thức mà cầu nguyện và tạ ơn” (Cl 4,2).

V. LỜI KINH CA NGỢI

LAUDIS ORATIO

2639. Ca ngợi là hình thức cầu nguyện nhìn nhận Thiên Chúa là Thiên Chúa một cách trực tiếp nhất. Lời kinh ca ngợi tán dương Thiên Chúa vì chính Ngài, tôn vinh Ngài không phải vì các công trình của Ngài, nhưng bởi vì NGÀI HIỆN HỮU. Khi ca ngợi Thiên Chúa, chúng ta được thông phần hạnh phúc của những tâm hồn 213
trong sạch, những kẻ yêu mến Ngài trong đức tin trước khi được nhìn thấy Ngài trong vinh quang. Nhờ lời kinh ca ngợi, Thần Khí kết hợp với thần trí chúng ta để chứng nhận chúng ta là con cái Thiên Chúa¹¹⁴. Ngài làm chứng cho Người Con Một, trong Người, chúng ta được nhận làm nghĩa tử và nhờ Người, chúng ta tôn vinh Chúa Cha. Lời kinh ca ngợi gồm tóm các hình thức cầu nguyện khác và dâng tất cả lên Đấng là nguồn mạch và cùng đích của chúng: đó là “chỉ có một Thiên Chúa là Cha, Đấng tạo thành vạn vật và là cùng đích của chúng ta” (1 Cr 8,6).

¹¹² X. Rm 12,14.

¹¹³ X. Rm 10,1.

¹¹⁴ X. Rm 8,16.

2640. Thánh Luca, trong sách Tin Mừng của mình, thường nhắc đến thái độ thán phục và ca ngợi trước những phép lạ của Đức Kitô. Trong sách Công vụ Tông Đồ, ngài cũng nhấn mạnh các thái độ này trước những hoạt động của Chúa Thánh Thần: lời ca ngợi của cộng đoàn Giêrusalem¹¹⁵, của người bất toại được các ông Phêrô và Gioan chữa lành¹¹⁶, của dân chúng tôn vinh Thiên Chúa vì việc chữa lành đó¹¹⁷, của dân ngoại ở Pixidia “vui mừng tôn vinh Lời Chúa” (Cv 13,48).

2641. “Hãy cùng nhau đối đáp những bài Thánh vịnh, thánh thi và thánh ca do Thần Khí linh hứng; hãy đem cả tâm hồn mà ca hát chúc tụng Chúa” (Ep 5,19)¹¹⁸. Như các tác giả được linh hứng của Tân Ước, các cộng đoàn Kitô hữu tiên khởi đọc lại sách Thánh vịnh một cách mới mẻ: họ dùng các Thánh vịnh để hát mừng mầu nhiệm Đức Kitô. Dưới tác động mới mẻ của Thần Khí, họ cũng sáng tác những thánh thi và thánh ca, khởi đi từ biến cố độc đáo Thiên Chúa đã thực hiện nơi Con của Ngài: cuộc Nhập thể, cái Chết toàn thắng sự chết, sự Phục sinh và việc Lên trời ngự bên hữu Ngài¹¹⁹. Chính từ “những kỳ công này” của toàn thể nhiệm cục cứu độ mà các tín hữu dâng lên lời vinh tụng ca (doxologia), ca ngợi Thiên Chúa¹²⁰.

2642. Sách *Khải Huyền*, lời mạc khải “về những điều sắp phải xảy đến”, có những bài thánh ca của phụng vụ thiên quốc¹²¹, nhưng cũng có lời chuyển cầu của “các chứng nhân” (các vị tử đạo)¹²². Các Tiên tri và các Thánh, tất cả những người đã bị sát hại dưới trần gian để làm chứng cho Chúa Giêsu¹²³, đoàn người đông đảo “đã trải qua cơn thử thách lớn lao”, và đi trước chúng ta vào Nước Trời, đang hát lên lời ca ngợi vinh quang của “Đấng đang ngự trên ngai và Con Chiên”¹²⁴. Hiệp thông với các ngài, Hội Thánh trần gian cũng hát lên những bài thánh ca, trong đức tin và giữa cơn thử thách. Khi cầu xin và chuyển cầu, đức tin hy vọng, dù không còn gì để hy vọng, và tạ ơn “Chúa Cha là nguồn ánh sáng”, Đấng ban xuống “mọi hồng ân tốt lành”¹²⁵. Như thế, đức tin là một lời ca ngợi tinh tuyền.

2643. Thánh lễ chứa đựng và diễn tả mọi hình thức cầu nguyện: đó chính là “lễ phẩm tinh tuyền” của toàn Thân thể Chúa Kitô để tôn

¹¹⁵ X. Cv 2,47.

¹¹⁶ X. Cv 3,9.

¹¹⁷ X. Cv 4,21.

¹¹⁸ X. Cl 3,16.

¹¹⁹ X. Pl 2,6-11; Cl 1,15-20; Ep 5,14; 1Tm 3,16; 6,15-16; 2 Tm 2,11-13.

¹²⁰ X. Ep 1,3-14; 3,20-21; Rm 16,25-27; Gđ 24-25.

¹²¹ X. Kh 4,8-11; 5,9-14; 7,10-12.

¹²² X. Kh 6,10.

¹²³ X. Kh 18,24.

¹²⁴ X. Kh 19,1-8.

¹²⁵ X. Gc 1,17.

vinh Danh Người¹²⁶. Truyền thống Đông và Tây phương đều gọi Thánh lễ là “hy lễ ca ngợi” (“sacrificium laudis”).

1330

TÓM LƯỢC

2644. *Chúa Thánh Thần, Đấng dạy dỗ và nhắc cho Hội Thánh nhớ những gì Chúa Giêsu đã nói, cũng dạy Hội Thánh về đời sống cầu nguyện, bằng cách gọi lên những lối diễn tả mới trong những hình thức vẫn có: chúc tụng, cầu xin, chuyển cầu, tạ ơn và ca ngợi.*

2645. *Vì Thiên Chúa chúc lành cho con người, nên tâm hồn con người có thể chúc tụng để đền đáp Đấng là nguồn mạch mọi phúc lành.*

2646. *Lời cầu xin nhằm vào các việc xin ơn tha thứ, tìm kiếm Nước Chúa, cũng như cầu xin những ơn cần thiết.*

2647. *Chuyển cầu là một lời cầu xin cho những người khác. Lời chuyển cầu không có biên giới và bao trùm cả kẻ thù.*

2648. *Mọi vui buồn, mọi biến cố và nhu cầu đều có thể là chất liệu để tạ ơn; lời tạ ơn của chúng ta được tham dự vào lời tạ ơn của Đức Kitô và lấp đầy cuộc sống của chúng ta: “Hãy tạ ơn Thiên Chúa trong mọi hoàn cảnh” (1 Tx 5,18).*

2649. *Lời kinh ca ngợi, hoàn toàn vô vị lợi, hướng về Thiên Chúa; lời kinh này hát mừng Thiên Chúa vì chính Ngài, tôn vinh Ngài không phải vì các công trình Ngài thực hiện, nhưng bởi vì NGÀI HIỆN HỮU.*

¹²⁶ X. Mt 1,11.

CHƯƠNG HAI

TRUYỀN THỐNG CẦU NGUYỆN

CAPUT SECUNDUM

ORATIONIS TRADITIO

- 75 **2650.** Việc cầu nguyện không chỉ là sự bộc phát do một thúc đẩy nội tâm: để cầu nguyện, phải muốn cầu nguyện. Nếu chỉ biết Thánh Kinh mạc khải những gì về cầu nguyện thì chưa đủ: còn phải học cầu nguyện nữa. Thật vậy, Chúa Thánh Thần, nhờ sự lưu truyền sống động (Thánh Truyền) dạy con cái Thiên Chúa biết cầu nguyện trong Hội Thánh đang tin và đang cầu nguyện¹.
- 94 **2651.** Truyền thống cầu nguyện Kitô giáo là một trong các hình thái triển nở của Truyền thống đức tin, đặc biệt nhờ việc chiêm niệm và học hỏi của các tín hữu, những người luôn ghi nhớ trong lòng những biến cố và lời dạy về Nhiệm vụ cứu độ, và nhờ sự thấu triệt sâu xa những thực tại thiêng liêng mà họ cảm nghiệm².

Mục 1

Những nguồn mạch của kinh nguyện

Articulus 1

Ad orationis fontes

- 694 **2652.** Chúa Thánh Thần là “nước trường sinh”, “tuôn ban sự sống muôn đời”³ vào tâm hồn người cầu nguyện. Chính Ngài dạy chúng ta biết đón nhận nước đó tận nguồn mạch: nơi Đức Kitô. Trong đời sống Kitô hữu, có những mạch dẫn đến nguồn, nơi Đức Kitô đang mong đợi chúng ta để cho chúng ta uống thỏa thuê Chúa Thánh Thần:

¹ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 8: AAS 58 (1966) 821.

² X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 8: AAS 58 (1966) 821.

³ X. Ga 4,14.

Lời Chúa

2653. Hội Thánh “nhiệt liệt và đặc biệt khuyến khích mọi Kitô hữu ... học được ‘sự hiểu biết tuyệt vời về Chúa Giêsu Kitô’ (Pl 3,8) nhờ năng đọc Sách Thánh... Nhưng họ nên nhớ rằng kinh nguyện phải có kèm theo việc đọc Thánh Kinh, để trở thành cuộc đối thoại giữa Thiên Chúa và con người, vì ‘chúng ta ngỏ lời với Ngài khi cầu nguyện, và chúng ta nghe Ngài nói lúc chúng ta đọc các sấm ngôn thần linh’⁴. 133 1100

2654. Các linh phụ đã dùng câu Tin Mừng Mt 7,7 để tóm lược tiến trình tâm hồn được Lời Chúa nuôi dưỡng khi cầu nguyện, như sau: “Anh em cứ tìm *nhờ đọc*, thì sẽ thấy *nhờ suy niệm*; cứ gõ cửa *nhờ cầu nguyện*, thì sẽ mở ra cho anh em *nhờ chiêm niệm*”⁵.

Phụng vụ của Hội Thánh

2655. Sứ vụ của Đức Kitô và của Chúa Thánh Thần, trong phụng vụ bí tích của Hội Thánh, là công bố, hiện tại hóa và truyền thông mầu nhiệm cứu độ, sứ vụ ấy được tiếp nối trong tâm hồn người đang cầu nguyện. Các linh phụ đôi khi so sánh tâm hồn với bàn thờ. Việc cầu nguyện làm cho phụng vụ được nội tâm hóa và trở thành riêng của bản thân, cả trong lúc cử hành lẫn sau khi cử hành. Việc cầu nguyện, dù ở “nơi kín đáo” (Mt 6,6), vẫn luôn là lời cầu nguyện của Hội Thánh và là sự hiệp thông với Ba Ngôi Chí Thánh⁶. 1073 368

Các nhân đức đối thần

1812-1829

2656. Chúng ta phải qua cửa hẹp của *đức tin* để đi vào cầu nguyện cũng như đi vào phụng vụ. Qua các dấu chỉ sự hiện diện của Chúa, chúng ta tìm kiếm và khao khát tôn nhan Ngài, chúng ta muốn lắng nghe và tuân giữ lời Ngài.

2657. Chúa Thánh Thần, Đấng dạy chúng ta cử hành phụng vụ đang khi mong đợi ngày trở lại của Đức Kitô, giáo dục chúng ta biết cầu nguyện trong *đức cậy*. Ngược lại, việc cầu nguyện của Hội Thánh và của cá nhân nuôi dưỡng đức cậy trong lòng chúng ta. Đặc biệt các Thánh vịnh, với ngôn từ cụ thể và đa dạng của chúng, dạy chúng ta đặt lòng trông cậy nơi Thiên Chúa: “Tôi đã hết lòng trông đợi Chúa, Ngài nghiêng mình xuống và nghe tiếng tôi kêu”

⁴ CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 25; AAS 58 (1966) 829; x. Thánh Ambrôsiô, *De officiis ministrorum*, 1, 88; ed. N. Testard (Paris 1984) 138 (PL 16, 50).

⁵ Guigô II Cartusienis, *Scala claustralium*, 2, 2: PL 184, 476.

⁶ X. Văn kiện trình bày và quy định Các Giờ Kinh phụng vụ, 9: *Các Giờ Kinh Phụng Vụ*, editio typica, v. 1 (Typis Polyglottis Vaticanus 1973) 25.

(Tv 40,2). “Xin Thiên Chúa là nguồn hy vọng ban cho anh em được chan chứa niềm vui và bình an nhờ đức tin, để nhờ quyền năng của Thánh Thần, anh em được tràn trề hy vọng” (Rm 15,13).

2658. “Trông cậy như thế, chúng ta sẽ không phải thất vọng, vì Thiên Chúa đã đổ *tình yêu* của Ngài vào lòng chúng ta, nhờ Thánh Thần mà Ngài ban cho chúng ta” (Rm 5,5). Một khi được đào tạo nhờ đời sống phụng vụ, việc cầu nguyện sẽ kín múc được mọi sự trong tình yêu mà Thiên Chúa đã yêu mến chúng ta trong Đức Kitô. Tình yêu này giúp chúng ta đáp lại Ngài bằng cách yêu thương như chính Ngài đã yêu thương chúng ta. Tình yêu là nguồn mạch duy nhất của cầu nguyện; ai kín múc nơi nguồn mạch này, người đó đạt tới chóp đỉnh của việc cầu nguyện:

“Lạy Thiên Chúa của con, con yêu mến Chúa, và niềm ao ước duy nhất của con là yêu mến Chúa cho đến hơi thở cuối cùng của đời con. Lạy Thiên Chúa vô cùng khả ái, con yêu mến Chúa. Con thà chết vì yêu mến Chúa, còn hơn là sống mà không yêu mến Chúa. Lạy Chúa, con yêu mến Chúa, và ân sủng duy nhất mà con cầu xin là cho con được yêu mến Chúa muôn đời... Lạy Thiên Chúa của con, nếu miệng lưỡi con không thể lúc nào cũng lặp lại rằng con yêu mến Chúa, con muốn rằng tim con luôn lặp lại lời đó với Chúa theo từng nhịp thở của con”⁷.

“Ngày hôm nay”

1165 **2659.** Có những lúc chúng ta học cầu nguyện bằng cách lắng nghe
Lời Chúa và tham dự mầu nhiệm Vượt Qua của Người; nhưng mọi
2837 lúc, trong các biến cố *hằng ngày*, Người ban Thần Khí của Người
305 để giúp ta cầu nguyện. Giáo huấn của Chúa Giêsu về việc cầu
nguyện với Chúa Cha cũng giống như giáo huấn về Chúa quan
phòng⁸: thời gian ở trong tay Chúa Cha; chúng ta gặp gỡ Ngài
trong hiện tại, không phải hôm qua hay ngày mai, nhưng chính
hôm nay: “Ngày hôm nay, ước gì anh em nghe tiếng Chúa: các
người chớ cứng lòng!” (Tv 95,8).

2546 **2660.** Cầu nguyện trong các biến cố mỗi ngày và mỗi lúc, là một
2632 trong những điều bí ẩn của Nước Trời, được mạc khải cho “những
người bé mọn”, những tôi tớ Đức Kitô, những người nghèo theo các
mối phúc. Thật là chính đáng và tốt lành khi cầu nguyện để công
lý và hoà bình của “Nước Chúa trị đến” có ảnh hưởng trên tiến
trình lịch sử; nhưng cũng quan trọng là phải dùng cầu nguyện mà
nhào nặn khối bột là những hoàn cảnh tầm thường hằng ngày.

⁷ Thánh Gioan Maria Vianney, *Oratio*, apud B. Nodet, *Le Curé d'Ars, Sa pensée-son coeur* (Le Puy 1966) 45.

⁸ X. Mt 6,11.34.

Mọi hình thức cầu nguyện đều có thể là thứ men mà Chúa đã sánh ví với Nước Chúa⁹.

TÓM LƯỢC

2661. Nhờ việc lưu truyền sống động là Thánh Truyền, Chúa Thánh Thần dạy con cái Thiên Chúa, trong Hội Thánh, biết cầu nguyện.

2662. Lời Chúa, Phụng vụ của Hội Thánh, các nhân đức Tin Cậy Mến, là những nguồn mạch của việc cầu nguyện.

Mục 2

Con đường cầu nguyện

Articulus 2

Orationis via

2663. Trong truyền thống sống động của việc cầu nguyện, mỗi Giáo Hội đề ra cho các tín hữu của mình, theo bối cảnh lịch sử, xã hội và văn hóa, một ngôn ngữ cầu nguyện của họ: những lời lẽ, giai điệu, cử chỉ và hình ảnh. Huấn quyền¹⁰ có trách nhiệm phân định xem những con đường cầu nguyện ấy có trung thành với truyền thống đức tin tông truyền không; các mục tử và giáo lý viên có trách nhiệm giải thích ý nghĩa, luôn quy chiếu vào Chúa Giêsu Kitô, của những con đường cầu nguyện này. 1201

Kinh nguyện dâng lên Chúa Cha

2664. Kinh nguyện Kitô giáo không có con đường nào khác ngoài Đức Kitô. Việc cầu nguyện của chúng ta, dù của cộng đoàn hoặc của cá nhân, dù là khẩu nguyện hay tâm nguyện, không thể dâng lên tới Chúa Cha nếu chúng ta không cầu nguyện “nhân danh Chúa Giêsu”. Quả vậy, nhân tính thánh thiện của Chúa Giêsu là con đường, qua đó Chúa Thánh Thần dạy chúng ta cầu nguyện với Thiên Chúa là Cha chúng ta. 2780

⁹ X. Lc 13,20-21.

¹⁰ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Dei Verbum*, 10: AAS 58 (1966) 822.

Kinh nguyện dâng lên Chúa Giêsu

451 **2665.** Kinh nguyện của Hội Thánh, được nuôi dưỡng bằng Lời Chúa và việc cử hành phụng vụ, dạy chúng ta cầu nguyện với Chúa Giêsu. Mặc dù kinh nguyện đó chủ yếu dâng lên Chúa Cha, nhưng trong tất cả các truyền thống phụng vụ, vẫn hàm chứa những hình thức cầu nguyện dâng lên Đức Kitô. Một số Thánh vịnh, như hiện được thích ứng trong kinh nguyện của Hội Thánh, và Tân Ước, đặt vào môi miệng và khắc ghi trong tâm hồn chúng ta những lời khẩn nguyện dâng lên Đức Kitô: Lạy Con Thiên Chúa, Ngôi Lời của Thiên Chúa, Chúa, Đấng Cứu độ, Chiên Thiên Chúa, Đức Vua, Con chí ái của Thiên Chúa, Con Đức Trinh Nữ, Vị Mục tử nhân lành, Sự Sống của chúng con, Ánh sáng của chúng con, Hy vọng của chúng con, Sự Phục sinh của chúng con, Bạn của loài người.

432 **2666.** Nhưng Danh thánh hàm chứa tất cả các tước hiệu trên là Danh thánh mà Con Thiên Chúa đã tiếp nhận trong cuộc Nhập Thể: đó là Danh thánh GIÊSU. Danh Thiên Chúa là siêu phàm, môi miệng loài của chúng ta không được đọc lên¹¹, nhưng Ngôi Lời Thiên Chúa, khi nhận lấy bản tính nhân loại của chúng ta, đã trao
435 Danh ấy cho chúng ta, và chúng ta có thể kêu cầu Danh ấy: “Giêsu”, nghĩa là “Thiên Chúa cứu độ”¹². Danh thánh Giêsu bao hàm mọi sự: Thiên Chúa và con người cùng với toàn thể Nhiệm vụ tạo dựng và cứu độ. Cầu nguyện danh “Giêsu”, là khẩn cầu Người, là kêu gọi Người. Danh của Người là Danh duy nhất hàm chứa sự hiện diện mà Danh ấy biểu thị. Chúa Giêsu là Đấng phục sinh, và bất cứ ai kêu cầu Danh Người thì đón nhận Con Thiên Chúa, Đấng đã yêu thương họ và tự nộp mình vì họ¹³.

2616 **2667.** Lời khẩn nguyện này của đức tin, tuy đơn sơ, đã được khai triển dưới nhiều hình thức trong truyền thống kinh nguyện Đông và Tây phương. Công thức thông dụng nhất, được các đan sĩ ở núi Sinai, Syria và núi Athos truyền lại, là lời khẩn nguyện: “Lạy Đức Giêsu Kitô, là Con Thiên Chúa, và là Chúa chúng con, xin thương xót chúng con là những kẻ tội lỗi”. Công thức này phối hợp thánh thi ca ngợi Đức Kitô trong Thư gửi giáo đoàn Philipphê (2,6-11) với lời van xin của người thu thuế và những người xin được sáng mắt¹⁴. Nhờ lời khẩn nguyện này, tâm hồn được hòa nhịp với sự khốn cùng của con người và lòng thương xót của Đấng Cứu Độ họ.

435 **2668.** Lời khẩn nguyện Danh thánh Chúa Giêsu là con đường đơn giản nhất của việc cầu nguyện liên li. Được thường xuyên lặp đi lặp lại bởi một

¹¹ X. Xh 3,14; 33,19-23.

¹² X. Mt 1,21.

¹³ X. Rm 10,13; Cv 2,21; 3,15-16; Gl 2,20.

¹⁴ X. Lc 18,13; Mc 10,46-52..

tâm hồn chăm chú cách khiêm tốn, lời khấn nguyện này không bị phân tán thành những lời “lải nhải” (Mt 6,7), nhưng “nắm giữ Lời Chúa và nhờ kiên trì mà sinh hoa kết quả”¹⁵. Lời khấn nguyện này có thể thực hiện “luôn luôn”, vì đây không phải là một công việc bên cạnh một công việc khác, nhưng chỉ là công việc duy nhất, đó là việc yêu mến Thiên Chúa, công việc này làm sinh động và biến đổi mọi hoạt động trong Đức Kitô Giêsu.

2669. Cũng như việc khấn nguyện Danh cực thánh của Chúa Giêsu, kinh nguyện của Hội Thánh còn tôn sùng *Thánh Tâm* Người. Việc tôn sùng này tôn thờ Ngôi Lời Nhập Thể và Thánh Tâm của Người, Thánh Tâm vì yêu thương loài người, đã để cho bị đâm thấu vì tội lỗi chúng ta. Kinh nguyện Kitô giáo cũng mộ mến đi *Đàng Thánh Giá*, theo chân Đấng cứu độ. Các chặng từ dinh Tổng trấn đến đồi Gôlgôtha và Mộ Thánh làm thành con đường của Chúa Giêsu, Đấng đã cứu chuộc trần gian bằng thánh giá của Người. 478 1674

“Lạy Chúa Thánh Thần, xin ngự đến”

2670. “Không ai có thể nói rằng: ‘Đức Giêsu là Chúa’, nếu người ấy không ở trong Thần Khí” (1 Cr 12,3). Mỗi khi chúng ta bắt đầu cầu nguyện với Chúa Giêsu, thì chính Chúa Thánh Thần dùng ân sủng dự phòng của Ngài, đưa chúng ta vào con đường cầu nguyện. Ngài dạy chúng ta cầu nguyện khi nhắc chúng ta nhớ đến Đức Kitô, thì lẽ nào chúng ta lại không cầu nguyện với chính Ngài? Vì vậy, Hội Thánh mời gọi chúng ta cầu khấn Chúa Thánh Thần mỗi ngày, nhất là khi khởi sự và kết thúc mọi hoạt động quan trọng. 683 2001 1310

“Nếu như Chúa Thánh Thần không đáng được tôn thờ, thì làm sao Ngài thần hóa tôi bằng bí tích Rửa Tội được? Còn nếu Ngài đáng được tôn thờ, thì lẽ nào Ngài lại không được tôn thờ cách đặc biệt?”¹⁶

2671. Công thức truyền thống để xin Chúa Thánh Thần là kêu cầu Chúa Cha, nhờ Đức Kitô, Chúa chúng ta, để Chúa Cha ban cho chúng ta Thần Khí An ủi¹⁷. Chúa Giêsu nhấn mạnh đến lời cầu xin này nhân danh Người, khi Người hứa ban hồng ân là Thần Khí sự thật¹⁸. Nhưng lời cầu nguyện đơn giản và trực tiếp nhất theo truyền thống là: “Lạy Chúa Thánh Thần, xin ngự đến”. Mọi truyền thống phụng vụ đã khai triển lời nguyện ấy trong các điệp ca và thánh thi:

¹⁵ X. Lc 8,15.

¹⁶ Thánh Grêgôriô Nazianzêno, *Oratio* 31 (*theologica* 5), 28: SC 250, 332 (PG 36, 165).

¹⁷ X. Lc 11,13.

¹⁸ X. Ga 14,17; 15,26; 16,13.

“Lạy Chúa Thánh Thần, xin ngự đến, xin tràn ngập tâm hồn các tín hữu của Chúa, và xin nhóm lửa tình yêu Chúa trong họ”¹⁹.

“Lạy Đức Vua thiên quốc, Đấng An ủi, Thần Khí sự thật, Đấng hiện diện khắp nơi và tràn ngập vạn sự, là kho tàng mọi điều thiện hảo và là nguồn mạch sự sống, xin ngự đến, xin cư ngụ trong chúng con, xin thanh tẩy chúng con sạch mọi vết nhơ và xin cứu độ linh hồn chúng con, lạy Chúa là Đấng nhân lành”²⁰.

- 695 **2672.** Chúa Thánh Thần, mà dầu của Ngài thấm nhập toàn thể con người chúng ta, là Vị Thầy nội tâm của việc cầu nguyện Kitô giáo. Chính Ngài là Đấng kiến tạo truyền thống sống động của việc cầu nguyện. Quả thật, có bao nhiêu người cầu nguyện thì có bấy nhiêu đường lối cầu nguyện, nhưng cùng một Thần Khí hoạt động trong mọi người và cùng với mọi người. Trong sự hiệp thông của Chúa Thánh Thần, kinh nguyện Kitô giáo là kinh nguyện trong Hội Thánh.

Hiệp thông với Thánh Mẫu của Thiên Chúa

- 689 **2673.** Trong việc cầu nguyện, Chúa Thánh Thần liên kết chúng ta với Ngôi Vị của Người Con Một trong nhân tính đã được tôn vinh của Người. Nhờ và trong nhân tính ấy, lời cầu nguyện con thảo của chúng ta hiệp thông với Thân Mẫu Chúa Giêsu trong Hội Thánh²¹.
- 494 **2674.** Từ khi Đức Maria ưng thuận trong đức tin lúc Truyền Tin và không ngần ngại giữ vững sự ưng thuận đó dưới chân thập giá, tình mẫu tử của Mẹ từ đó lan rộng tới những người anh em và chị em của Con Mẹ “còn trên đường lữ hành và đang gặp nhiều hiểm nguy gian khó”²². Chúa Giêsu, Đấng trung gian duy nhất, là con đường cầu nguyện của chúng ta. Đức Maria, Mẹ Người và cũng là Mẹ chúng ta, trở thành hình ảnh hoàn toàn trong suốt của Người. Theo cách trình bày bích họa của truyền thống Giáo Hội Đông và Tây phương: Mẹ “chỉ đường”, Mẹ là “Dấu chỉ” của Con đường là Chúa Giêsu.
- 970 **2675.** Chính từ sự cộng tác đặc biệt này của Đức Maria với hoạt động của Chúa Thánh Thần, mà các Giáo Hội đã triển khai kinh nguyện dâng lên Thánh Mẫu của Thiên Chúa, quy hướng kinh

¹⁹ *Lễ trọng Chúa Thánh Thần hiện xuống*, Diệp ca kinh “Magnificat” Kinh Chiều I: *Các Giờ Kinh Phụng Vụ*, editio typica, v. 2 (Typis Polyglottis Vaticanis 1973) 798; x. *Lễ trọng Chúa Thánh Thần hiện xuống*, Thánh lễ chính ngày, Ca tiếp liền: *Lectionarium*, v. 1, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 855-856.

²⁰ *Officium Horarum Byzantinum, Vespertinum in die Pentecostes, Sticherum 4 : Pentekostarion* (Romae 1884) 394.

²¹ X. Cv 1,14.

²² X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 62: AAS 57 (1965) 63.

nguyện ấy về trung tâm là Ngôi Vị Đức Kitô, được biểu lộ trong các
mâu nhiệm của Người. Trong vô số thánh thi và điệp ca diễn tả 512
kinh nguyện này, có hai động thái thường thay đổi nhau: một là
“ngợi khen” Chúa vì “những điều cao cả” Ngài đã làm cho Mẹ, 2619
người nữ tỳ khiêm hạ của Ngài, và qua Mẹ, cho tất cả mọi người²³;
hai là dâng lên Mẹ Chúa Giêsu những lời cầu khẩn và ca ngợi của
con cái Thiên Chúa, vì giờ đây Mẹ biết rõ nhân loại, mà trong Mẹ,
nhân loại ấy đã được Con Thiên Chúa kết hợp như hiền thê của
Người.

2676. Hai động thái nói trên của kinh nguyện dâng lên Đức Maria được
diễn tả cách độc đáo trong kinh Kính Mừng:

“*Kính mừng Maria*” (*Ave, Maria – Laetare, Maria*): lời chào của thiên 722
sứ Gabriel mở đầu kinh Kính mừng. Chính Thiên Chúa, qua vị thiên sứ
của Ngài, chào Đức Maria. Lời kinh của chúng ta dăm lặp lại lời chào Đức
Maria với tâm tình của Thiên Chúa khi Ngài đoái thương nhìn đến người
nữ tỳ hèn mọn của Ngài²⁴ và hân hoan vì niềm vui mà Thiên Chúa gặp
được nơi Đức Maria²⁵.

“*Bà đầy ân phúc, Đức Chúa Trời ở cùng bà*”: hai phần lời chào của vị 490
thiên sứ soi sáng cho nhau. Đức Maria đầy ân sủng vì Chúa ở cùng Mẹ.
Ân sủng, mà Mẹ được ban tràn đầy, chính là sự hiện diện của Đấng là
nguồn mạch mọi ân sủng. “Reo vui lên... hỡi thiếu nữ Giêrusalem... Đức
Chúa, Thiên Chúa của người đang ngự giữa người” (Sp 3,14.17a). Đức
Maria, vì được chính Chúa đến và ngự nơi Mẹ, nên Mẹ chính là thiếu nữ
Sion, là Hòm bia Giao Ước, nơi vinh quang Chúa ngự trị: chính Mẹ là
“nhà tạm Thiên Chúa ở cùng nhân loại” (Kh 21,3). Được “đầy ơn phúc”,
Mẹ đã tận hiến cho Đấng đến ngự nơi Mẹ và là Đấng Mẹ sắp trao ban
cho thế gian.

“*Bà có phúc lạ hơn mọi người nữ và Giêsu con lòng bà gồm phúc lạ*”. 435
Sau lời chào của thiên sứ, chúng ta lấy lời chào của bà Êlisabeth làm lời
chào của chúng ta. “Được tràn đầy Thánh Thần” (Lc 1,41), bà Êlisabeth là
người đầu tiên trong chuỗi dài những thế hệ tung hô Đức Maria là người
có phúc²⁶: “Em thật có phúc vì đã tin...” (Lc 1,45). Đức Maria “có phúc lạ
hơn mọi người nữ” vì Mẹ đã tin rằng lời Chúa sẽ được hoàn thành. Nhờ
đức tin, ông Abraham đã trở thành phúc lành cho “mọi gia tộc trên mặt 146
đất” (St 12,3). Nhờ đức tin, Đức Maria đã trở thành Mẹ của các kẻ tin;
nhờ Mẹ, mọi dân tộc trên mặt đất được đón nhận Đấng là chính phúc
lành của Thiên Chúa: “Giêsu, con lòng bà gồm phúc lạ”.

²³ X. Lc 1,46-55.

²⁴ X. Lc 1,48.

²⁵ X. Sp 3,17.

²⁶ X. Lc 1,48.

495 **2677.** “*Thánh Maria Đức Mẹ Chúa Trời cầu cho chúng con...*”. Cùng với bà Êlisabeth chúng ta sùng sốt: “Bởi đâu tôi được thân mẫu Chúa tôi đến với tôi thế này?” (Lc 1,43). Đức Maria, vì đã tặng ban cho chúng ta Chúa Giêsu là Con của Mẹ, nên Mẹ là Thân mẫu của Thiên Chúa và là Thân mẫu của chúng ta: chúng ta có thể phó thác cho Mẹ mọi nỗi âu lo và những lời cầu xin của chúng ta. Mẹ cầu nguyện cho chúng ta như Mẹ đã cầu nguyện cho bản thân Mẹ: “Xin Chúa cứ làm cho tôi như lời sứ thần nói” (Lc 1,38). Khi phó thác để Mẹ cầu nguyện cho chúng ta, chúng ta cùng với Mẹ phó dâng bản thân chúng ta cho thánh ý Thiên Chúa: “Nguyện cho ý Cha thể hiện”.

1020 “*Cầu cho chúng con là kẻ có tội, khi nay và trong giờ lâm tử*”. Khi xin Đức Mẹ cầu nguyện cho chúng ta, chúng ta nhìn nhận mình là những người tội lỗi khốn cùng và kêu cầu đến “Mẹ của lòng thương xót”, Mẹ hoàn toàn thánh thiện. Chúng ta trao phó bản thân cho Mẹ “khi nay”, là ngày hôm nay của cuộc đời chúng ta. Lòng tín thác của chúng ta được mở rộng để ngay từ bây giờ chúng ta đã trao phó “giờ lâm tử” của chúng ta cho Mẹ. Xin Mẹ hiện diện trong giờ phút đó như Mẹ đã hiện diện lúc Con Mẹ chết trên thập giá. Vào giờ chúng ta qua đời, với tư cách là Mẹ chúng ta²⁷, xin Mẹ đón nhận và dẫn chúng ta đến với Con của Mẹ, trên thiên đàng.

971, 1674 **2678.** Lòng đạo đức ở Tây phương thời Trung Cổ đã quảng bá việc cầu nguyện bằng kinh Mân Côi, như một thứ thay thế bình dân cho Các Giờ Kinh phụng vụ. Ở Đông phương, hình thức kinh cầu, như Akathistos và Paraklisis, gần gũi hơn với kinh nguyện cộng đoàn trong các Giáo hội Byzantin; trong khi đó các truyền thống của Armeni, Copte và Syri lại chuộng các thánh thi và thánh ca bình dân kính Mẹ Thiên Chúa. Nhưng kinh Kính Mừng, các thánh thi kính Mẹ Thiên Chúa của thánh Êphrem hoặc của thánh Grêgôriô Narek, về cơ bản vẫn lưu giữ cùng một truyền thống cầu nguyện.

967 **2679.** Đức Maria là Người phụ nữ cầu nguyện trọn hảo, là hình ảnh của Hội Thánh. Khi cầu nguyện với Mẹ, chúng ta cùng với Mẹ gắn bó với ý định của Chúa Cha, Đấng sai Con Một Ngài đến để cứu độ tất cả mọi người. Như người môn đệ yêu dấu, chúng ta đón nhận về nhà chúng ta²⁸ Mẹ Chúa Giêsu, đã trở thành Mẹ của mọi sinh linh. Chúng ta có thể cầu nguyện cùng với Mẹ và kêu cầu Mẹ. Kinh nguyện của Hội Thánh như được nâng đỡ bởi kinh nguyện của Đức Maria. Kinh nguyện này được kết hợp với Mẹ trong niềm hy vọng²⁹.

²⁷ X. Ga 19,27.

²⁸ X. Ga 19,27.

²⁹ X. CD Vaticanô II, Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, 68-69: AAS 57 (1965) 66-67.

TÓM LƯỢC

2680. Việc cầu nguyện chủ yếu dâng lên Chúa Cha, cũng được dâng lên Chúa Giêsu, nhất là qua việc kêu cầu Thánh Danh Người: “Lạy Đức Giêsu Kitô, là Con Thiên Chúa và là Chúa chúng con, xin thương xót chúng con là những kẻ tội lỗi”.

2681. “Không ai có thể nói rằng: ‘Đức Giêsu là Chúa’, nếu người ấy không ở trong Thần Khí” (1 Cr 12,3). Hội Thánh mời gọi chúng ta kêu cầu Chúa Thánh Thần như Vị Thầy nội tâm của việc cầu nguyện Kitô giáo.

2682. Vì Đức Trinh Nữ Maria đã cộng tác cách độc đáo với hoạt động của Chúa Thánh Thần, nên Hội Thánh ưa thích cầu nguyện trong sự hiệp thông với Mẹ, để cùng Mẹ tán dương những việc cao cả Thiên Chúa đã thực hiện nơi Mẹ và để phó thác cho Mẹ những lời khẩn cầu và ca ngợi.

Mục 3

Những người hướng dẫn cầu nguyện

Articulus 3

Duces ad orationem

Đông đảo các chứng nhân

2683. Những chứng nhân đã đi trước chúng ta vào Nước Thiên Chúa³⁰, nhất là những vị được Hội Thánh nhìn nhận là “các Thánh”, hiệp thông vào truyền thống sống động của việc cầu nguyện, bằng gương sáng đời sống, bằng việc lưu truyền các văn phẩm và bằng lời cầu nguyện hiện nay của các ngài. Các ngài đang chiêm ngưỡng Thiên Chúa, ca tụng Ngài và không ngừng chăm sóc những người còn ở trần gian. Các ngài, những vị đã đi vào “hưởng niềm vui” của Chúa mình, đã được đặt lên trông coi “nhiều việc”³¹. Sự chuyển cầu của các ngài là việc các ngài phục vụ kế hoạch của Thiên Chúa cách cao cả nhất. Chúng ta có thể và phải cầu nguyện để các ngài chuyển cầu cho chúng ta và cho toàn thế giới.

956

³⁰ X. Dt 12,1.

³¹ X. Mt 25,21.

917 **2684.** Trong mầu nhiệm các Thánh thông công, đã có nhiều đường
 hướng *linh đạo* phát sinh suốt dòng lịch sử Hội Thánh. Đặc sủng
 riêng của từng chứng nhân cho tình yêu Thiên Chúa đối với con
 người, có thể được truyền lại, như “thần trí” của ông Êlia được
 919 truyền lại cho ông Êlisê³² và cho ông Gioan Tẩy Giả³³, để các môn
 1202 đệ có thể tham dự vào thần trí ấy³⁴. Một linh đạo nào đó cũng là
 kết tinh của những trào lưu phụng vụ và thần học khác nhau, và
 làm chứng cho sự hội nhập đức tin vào một môi trường nhân văn
 trong lịch sử. Các linh đạo Kitô giáo tham dự vào truyền thống
 sống động của việc cầu nguyện và là những hướng dẫn cần thiết
 cho các tín hữu. Các linh đạo này, tuy rất đa dạng, đều toả chiếu
 ánh sáng tinh tuyền và duy nhất của Chúa Thánh Thần.

“Thần Khí thật sự là nơi lưu ngụ của các Thánh. Thánh nhân
 cũng là nơi lưu ngụ riêng của Thần Khí, vì thánh nhân đã tự
 hiến để ở cùng Thiên Chúa và được gọi là đền thờ của Ngài”³⁵.

Thừa tác viên của việc cầu nguyện

1657 **2685.** *Gia đình Kitô hữu* là nơi đầu tiên để dạy cầu nguyện. Được
 xây dựng trên nền tảng bí tích Hôn phối, gia đình là “Hội Thánh
 tại gia”, nơi đó các con cái Thiên Chúa học cầu nguyện “với tính
 cách là Hội Thánh” và kiên trì trong việc cầu nguyện. Đặc biệt với
 các trẻ nhỏ, kinh nguyện hằng ngày trong gia đình là chứng từ đầu
 tiên về ký ức sống động của Hội Thánh luôn được Chúa Thánh
 Thần khơi dậy.

1547 **2686.** *Các thừa tác viên có chức thánh* cũng là những người có
 trách nhiệm trong việc đào tạo cho anh chị em mình trong Đức
 Kitô biết cầu nguyện. Những người này, là các tông đồ của vị Mục tử
 nhân lành, được truyền chức thánh để dẫn dắt dân Thiên Chúa
 đến các nguồn mạch sống động của việc cầu nguyện: đến Lời Chúa,
 phụng vụ, đời sống đối thần, đến “Ngày hôm nay” của Thiên Chúa
 trong những hoàn cảnh cụ thể³⁶.

916 **2687.** Nhiều *tu sĩ* đã dâng hiến trọn đời để cầu nguyện. Từ sa mạc
 Ai cập, các ẩn sĩ, các đan sĩ nam nữ đã dành thời giờ để ca ngợi
 Thiên Chúa và chuyển cầu cho dân Ngài. Đời sống thánh hiến
 không thể tồn tại và triển nở nếu không có kinh nguyện. Đời sống
 này là một trong những nguồn mạch sống động của việc chiêm
 niệm và đời sống thiêng liêng trong Hội Thánh.

³² X. 2 V 2,9.

³³ X. Lc 1,17.

³⁴ X. CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Perfectae caritatis*, 2: AAS 58 (1966) 703.

³⁵ Thánh Basiliô Cả, *Liber de Spiritu Sancto*, 26, 62: SC 17bis, 472 (PG 32, 184).

³⁶ X. CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Presbyterorum ordinis*, 4-6: AAS 58 (1966) 995-1001.

2688. Việc dạy giáo lý cho thiếu nhi, thiếu niên và người trưởng thành đều hướng tới việc suy gẫm Lời Chúa trong kinh nguyện cá nhân, được hiện tại hóa trong kinh nguyện phụng vụ, và được nội tâm hóa trong mọi lúc, để sinh hoa kết quả trong một đời sống mới. Việc dạy giáo lý cũng là lúc để có thể phân định và giáo dục lòng đạo đức bình dân³⁷. Việc học thuộc lòng các kinh căn bản rất cần cho đời sống cầu nguyện; nhưng điều quan trọng là phải giúp người ta cảm nhận được ý nghĩa của những kinh nguyện này³⁸.

1674

2689. Các nhóm cầu nguyện hoặc các “trường cầu nguyện” ngày nay là những dấu chỉ và phương tiện để canh tân việc cầu nguyện trong Hội Thánh, nếu được kín múc từ những nguồn mạch đích thực của việc cầu nguyện Kitô giáo. Mọi quan tâm đến sự hiệp thông là dấu chỉ của việc cầu nguyện đích thực trong Hội Thánh.

2690. Chúa Thánh Thần ban cho một số tín hữu các ơn khôn ngoan, đức tin và khả năng phân định nhằm phục vụ lợi ích chung là việc cầu nguyện (việc linh hướng). Những người nam cũng như nữ được phúc nhận các ơn này là những thừa tác viên đích thực trong truyền thống sống động của việc cầu nguyện:

Vì vậy, linh hồn nào muốn tiến lên trong sự hoàn thiện, theo lời khuyên của thánh Gioan Thánh Giá, “phải xem xét kỹ khi chọn vị linh hướng, vì thầy nào trò nấy, cha nào con nấy”. Ngài còn nói: “Vị linh hướng không phải chỉ thông thái và khôn ngoan, nhưng còn phải có kinh nghiệm... Nếu vị linh hướng không có kinh nghiệm về một tinh thần trong sạch và chân thật, thì không biết dẫn dắt linh hồn về tinh thần đó, khi Thiên Chúa ban điều đó cho người này, và vị linh hướng cũng không hiểu được điều đó”³⁹.

Những nơi thuận tiện cho việc cầu nguyện

2691. Nhà Thờ, nhà của Thiên Chúa, là nơi thích hợp cho kinh nguyện phụng vụ của cộng đoàn giáo xứ. Đây còn là nơi đặc biệt để thờ lạy Đức Kitô đang hiện diện thật sự trong Bí tích cực thánh. Chọn một nơi thích hợp để cầu nguyện là điều phải quan tâm:

1181

2097

1379

- Để cầu nguyện riêng, nơi này có thể là một “góc cầu nguyện” với Sách Thánh và các ảnh tượng, để chúng ta có thể hiện diện “nơi kín đáo” trước mặt Cha chúng ta⁴⁰. Trong gia đình Kitô giáo, một loại nguyện đường nhỏ cũng rất thuận tiện cho việc cầu nguyện chung.

³⁷ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Catechesi tradendae*, 54: AAS 71 (1979) 1321-1322.

³⁸ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Catechesi tradendae*, 55: AAS 71 (1979) 1322-1323.

³⁹ Thánh Gioan Thánh Giá, *Llama de amor viva*, redactio secunda, stropho 3, declaratio, 30: Biblioteca Mística Carmelitana, v. 13 (Burgos 1931) 171.

⁴⁰ X. Mt 6,6.

- 1175 – Những nơi có các đan viện, những cộng đoàn này nên tạo điều kiện để các tín hữu được tham dự các Giờ Kinh phụng vụ, và giúp họ có được sự cô tịch cần thiết để cầu nguyện riêng sốt sắng hơn⁴¹.
- 1674 – Những cuộc hành hương nhắc nhở chúng ta ở trần gian nhưng đang tiến bước về trời. Theo truyền thống đây là những thời gian rất thích hợp để canh tân việc cầu nguyện. Đối với các khách hành hương đang tìm kiếm cho mình những nguồn mạch sống động, các đền thánh là những nơi đặc biệt để họ, “với tính cách là Hội Thánh”, sống những thể thức cầu nguyện của Kitô giáo.

TÓM LƯỢC

2692. *Hội Thánh lữ hành liên kết lời cầu nguyện của mình với lời cầu nguyện của các Thánh, tha thiết nài xin các ngài chuyển cầu cho mình.*

2693. *Các linh đạo khác nhau của Kitô giáo tham gia vào truyền thống sống động của việc cầu nguyện và là những hướng dẫn rất quý giá cho đời sống thiêng liêng.*

2694. *Gia đình Kitô giáo là nơi đầu tiên để dạy cầu nguyện.*

2695. *Các thừa tác viên có chức thánh, đời sống thánh hiến, việc dạy giáo lý, các nhóm cầu nguyện, việc “linh hướng”, là những trợ lực hữu ích cho việc cầu nguyện trong Hội Thánh.*

2696. *Những nơi thuận tiện nhất để cầu nguyện là những góc cầu nguyện cho cá nhân hay cả gia đình; các đan viện, các đền thánh để hành hương và, nhất là nhà thờ, đối với cộng đoàn giáo xứ, là nơi thích hợp để cầu nguyện phụng vụ và là nơi đặc biệt để tôn thờ Thánh Thể.*

⁴¹ X. CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Perfectae caritatis*, 7: AAS 58 (1966) 705.

CHƯƠNG BA

ĐỜI SỐNG CẦU NGUYỆN

CAPUT TERTIUM

ORATIONIS VITA

2697. Cầu nguyện là sự sống của một trái tim mới. Cầu nguyện phải làm cho chúng ta được sống động mọi lúc. Tuy nhiên, chúng ta lại quên Đấng là Sự Sống và là Tất Cả của chúng ta. Vì thế, các bậc thầy linh đạo, theo truyền thống của Đệ Nhị Luật và của các tiên tri, đều nhấn mạnh đến việc cầu nguyện như là “nhớ đến Thiên Chúa”, là thường xuyên đánh thức “ký ức của trái tim”. “Chúng ta phải nhớ đến Thiên Chúa thường xuyên hơn là chúng ta hít thở”¹. Nhưng chúng ta không thể cầu nguyện “trong mọi lúc”, nếu không có những thời điểm chủ ý dành để cầu nguyện: đây là những nhịp mạnh của kinh nguyện Kitô giáo, chuyên chú hơn và kéo dài hơn. 1099

2698. Truyền thống của Hội Thánh đề ra cho các tín hữu những chu kỳ cầu nguyện để nuôi dưỡng việc cầu nguyện liên tục. Chu kỳ hằng ngày là: kinh sáng và kinh chiều, trước và sau các bữa ăn, các Giờ Kinh phụng vụ. Ngày Chúa Nhật, mà trọng tâm là Thánh lễ, được thánh hóa chủ yếu bằng kinh nguyện. Chu kỳ năm phụng vụ và những ngày lễ lớn là những nhịp căn bản cho đời sống cầu nguyện của các Kitô hữu. 1168 1174 2177

2699. Chúa dẫn dắt mỗi người bằng những đường lối và cách thức đẹp ý Ngài. Mỗi tín hữu cũng đáp lời Ngài theo quyết định của lòng mình và những cách diễn đạt cá vị kinh nguyện của mình. Tuy nhiên, truyền thống Kitô giáo đã lưu giữ ba cách diễn đạt quan trọng của đời sống cầu nguyện: khẩu nguyện, suy niệm và cầu nguyện chiêm niệm. Đặc điểm chung của cả ba cách diễn đạt này là sự tập trung tâm hồn. Thái độ tỉnh thức để tuân giữ Lời Chúa và luôn ở trong sự hiện diện của Thiên Chúa làm cho ba cách diễn đạt này thành những nhịp mạnh của đời sống cầu nguyện. 2563

¹ Thánh Grêgôriô Nazianzêno, *Oratio 27 (theologica 1)*, 4: SC 250, 78 (PG 36, 16).

Mục 1

Những cách diễn đạt việc cầu nguyện

Articulus 1

Expressiones orationis

I. KHẨU NGUYỆN

ORATIO VOCALIS

1176 **2700.** Thiên Chúa nói với con người bằng Lời của Ngài. Chính nhờ các lời, trong tâm trí hay đọc ra miệng, mà việc cầu nguyện của chúng ta hình thành. Nhưng điều tối quan trọng là sự hiện diện của trái tim hướng về Đấng chúng ta ngỏ lời khi cầu nguyện. “Lời cầu nguyện của chúng ta có được đoái nhận hay không, không hệ tại ở nhiều lời, nhưng ở sự tỉnh thức của tâm trí”².

2603 **2701.** Khẩu nguyện là yếu tố rất cần thiết cho đời sống Kitô hữu. Các môn đệ bị lôi cuốn bởi việc cầu nguyện thâm lặng của Thầy mình, đã được Đức Kitô dạy cho một kinh khẩu nguyện: đó là Kinh Lạy Cha. Chúa Giêsu không những cầu nguyện theo phụng vụ của Hội đường, nhưng các sách Tin Mừng còn cho ta thấy Người lớn tiếng bày tỏ lời cầu nguyện riêng của Người nữa, từ việc hân hoan 612 chúc tụng Chúa Cha³ cho đến lúc ngất nghèo ở Giếtxêmani⁴.

1146 **2702.** Nhu cầu liên kết các giác quan với việc cầu nguyện nội tâm đáp ứng đòi hỏi của bản tính loài người chúng ta. Chúng ta là thân xác và tinh thần, và chúng ta nghiệm thấy nhu cầu phải diễn đạt những tâm tình của chúng ta ra bên ngoài. Cầu cầu nguyện với trót cả con người chúng ta, để mang lại sức lực tối đa cho lời khẩn cầu của chúng ta.

2097 **2703.** Nhu cầu này cũng đáp ứng đòi hỏi của Thiên Chúa. Thiên Chúa tìm kiếm những kẻ thờ phượng Ngài trong Thần Khí và Sự Thật, và do đó tìm kiếm lời cầu nguyện dâng lên từ cõi sâu thẳm của linh hồn. Ngài cũng muốn cách diễn đạt bên ngoài kết hợp thân xác với lời cầu nguyện nội tâm, bởi vì việc cầu nguyện như thế sẽ dâng lên Thiên Chúa sự tôn kính trọn vẹn, là điều Ngài có quyền đòi hỏi.

² Thánh Gioan Kim Khẩu, *De Anna*, sermo 2, 2: PG 54, 646.

³ X. Mt 11,25-26.

⁴ X. Mc 14,36.

2704. Vì khẩu nguyện phát biểu ra bên ngoài và hợp với bản tính nhân loại, nên rất thích hợp với việc cầu nguyện của đám đông. Ngay cả lời cầu nguyện thầm kín nhất cũng không thể không cần đến khẩu nguyện. Việc cầu nguyện trở thành nội tâm tùy mức độ chúng ta ý thức về Đấng mà chúng ta thưa chuyện⁵. Khi đó, khẩu nguyện của Hội Thánh trở thành hình thức đầu tiên của việc cầu nguyện chiêm niệm.

II. SUY NIỆM

MEDITATIO

2705. Suy niệm trước tiên là một sự tìm kiếm. Tâm trí tìm hiểu lý do và cách diễn đạt đời sống Kitô hữu như thế nào, để gắn bó và đáp lại điều Chúa đòi hỏi. Điều khó trong suy niệm là phải chăm trí. Thông thường, người ta dùng một cuốn sách nào đó để hỗ trợ; và các Kitô hữu không thiếu những sách như vậy: Sách Thánh, đặc biệt là các sách Tin Mừng, các ảnh tượng thánh, các bản văn phụng vụ theo ngày hoặc theo mùa, tác phẩm của các Linh phụ, các sách linh đạo, cuốn sách vĩ đại là công trình tạo dựng và cuốn sách vĩ đại là lịch sử, trang sách về “Ngày hôm nay” của Thiên Chúa. 158 127

2706. Việc suy niệm điều đã đọc đưa đến chỗ áp dụng cho riêng mình qua việc đối chiếu với đời mình. Đến đây một cuốn sách khác lại được mở ra: đó là cuốn sách cuộc đời mình. Từ tư tưởng bước sang thực tại. Tùy theo mức độ khiêm tốn và đức tin, ta có thể khám phá ra những giao động trong trái tim và có thể phân định chúng. Đó là thực hành chân lý hầu đạt tới ánh sáng: “Lạy Chúa, Chúa muốn con làm gì?”

2707. Có bao nhiêu bậc thầy tu đức thì có bấy nhiêu phương pháp suy niệm. Kitô hữu phải suy niệm đều đặn, để khỏi trở nên giống như ba loại đất đầu tiên trong dụ ngôn người gieo giống⁶. Nhưng phương pháp chỉ là người hướng dẫn mà thôi: điều quan trọng là chúng ta phải tiến bước, cùng với Chúa Thánh Thần, trên con đường duy nhất của cầu nguyện là Chúa Kitô Giêsu. 2690 2664

2708. Việc suy niệm vận dụng tư tưởng, trí tưởng tượng, cảm xúc và ước muốn. Sự huy động này là cần thiết để đào sâu các xác tín đức tin, để khơi dậy sự hối cải tâm hồn và củng cố ý chí muốn bước theo Đức Kitô. Việc cầu nguyện của Kitô giáo ưu tiên chăm chú vào việc suy niệm “các mâu nhiệm của Đức Kitô”, như trong 516

⁵ X. Thánh Têrêsa Giêsu, *Camino de perfección*, 26: Biblioteca Mística Carmelitana, v. 3 (Burgos 1916) 122.

⁶ X. Mc 4,4-7.15-19.

2678 *lectio divina* (đọc và suy gẫm lời Chúa) và kinh Mân Côi. Hình thức suy nghĩ và cầu nguyện này rất có giá trị, nhưng việc cầu nguyện Kitô giáo còn phải tiến xa hơn nữa: nhằm hiểu biết tình yêu của Chúa Giêsu, nhằm kết hợp với Người.

III. CẦU NGUYỆN CHIÊM NIỆM

ORATIO CONTEMPLATIVA

2562-2564 **2709.** Cầu nguyện chiêm niệm là gì? Thánh nữ Têrêsa trả lời: “Theo tôi, tâm nguyện không gì khác hơn là cuộc trao đổi thân tình giữa bạn hữu, trong đó chúng ta năng dành thời gian để một mình ở bên Thiên Chúa, Đấng mà chúng ta biết là Ngài yêu thương chúng ta”⁷.

Việc cầu nguyện chiêm niệm tìm kiếm “Đấng lòng ta yêu mến” (Dc 1,7)⁸. Chúng ta tìm kiếm Chúa Giêsu, và Chúa Cha hiện diện trong Người, bởi vì khao khát Người luôn là khởi đầu cho sự yêu mến Người. Và chúng ta tìm kiếm Người trong đức tin tinh tuyền, một đức tin khiến chúng ta được sinh ra bởi Người và được sống trong Người. Chúng ta cũng có thể suy niệm khi cầu nguyện chiêm niệm, nhưng cái nhìn luôn hướng về Chúa.

2726 **2710.** Việc chọn *lúc* nào và *bao lâu* để cầu nguyện chiêm niệm tùy thuộc một ý chí mạnh mẽ, bộc lộ những điều kín nhiệm trong lòng. Không phải chỉ chiêm niệm khi nào có thời giờ, nhưng chúng ta phải dành thời giờ để ở với Chúa, với quyết tâm không rút lại thời gian, dù việc gặp gỡ có cực khổ và khô khan. Không thể suy niệm bất cứ lúc nào, nhưng luôn luôn có thể cầu nguyện chiêm niệm bởi vì nó không lệ thuộc vào điều kiện sức khỏe, công tác hay cảm xúc. Trái tim là nơi tìm kiếm và gặp gỡ, trong khó nghèo và tin tưởng.

1348 **2711.** *Khởi sự cầu nguyện chiêm niệm* cũng tương tự như khởi đầu Thánh lễ: dưới tác động của Chúa Thánh Thần, chúng ta phải hồi tâm và cả hữu thể của chúng ta, sống trong nhà của Chúa, là chính chúng ta, dục lòng tin để tiến vào sự hiện diện của Đấng đang chờ đón chúng ta, chúng ta phải bỏ rơi mặt nạ và hướng tâm hồn về Chúa là Đấng yêu thương chúng ta, để phó dâng bản thân chúng ta cho Ngài như lễ phẩm cần được thanh luyện và biến đổi.

2100 **2712.** Việc cầu nguyện chiêm niệm là kinh nguyện của con cái Thiên Chúa, của tội nhân đã được tha thứ, sẵn sàng đón nhận tình yêu đã yêu thương họ, và muốn đáp lại tình yêu đó bằng yêu mến

⁷ X. Thánh Têrêsa Giêsu, *Libro de la vida*, 8: Biblioteca Mística Carmelitana, v. 1 (Burgos 1915) 57.

⁸ X. Dc 3,1-4.

nhiều hơn⁹. Nhưng người đó biết rõ tình yêu báo đáp của họ là tình yêu Chúa Thánh Thần đã tuôn đổ vào lòng họ, bởi vì tất cả mọi ân sủng đều đến từ Thiên Chúa. Cầu nguyện chiêm niệm là phó thác cách khiêm tốn và khó nghèo cho thánh ý yêu thương của Chúa Cha trong sự hợp nhất ngày càng sâu xa hơn với Con yêu dấu của Ngài. 2822

2713. Như thế, việc cầu nguyện chiêm niệm là hình thức đơn sơ nhất của mẫu nhiệm cầu nguyện. Việc cầu nguyện chiêm niệm là một *hồng ân*, một ân sủng, chỉ có thể đón nhận trong sự khiêm tốn và khó nghèo. Cầu nguyện chiêm niệm là một *tương quan của Giao ước* được Thiên Chúa thiết lập nơi đáy lòng chúng ta¹⁰. Cầu nguyện chiêm niệm là *hiệp thông*: Thiên Chúa Ba Ngôi Chí Thánh, trong sự hiệp thông này, làm cho con người, là hình ảnh Thiên Chúa, trở nên “giống như Thiên Chúa”. 2559

2714. Cầu nguyện chiêm niệm cũng là *nhịp mạnh* cách đặc biệt của việc cầu nguyện. Trong cầu nguyện chiêm niệm, Chúa Cha củng cố chúng ta nên mạnh mẽ nhờ Thần Khí của Ngài trong con người nội tâm, để Đức Kitô cư ngụ trong lòng chúng ta nhờ đức tin và để chúng ta được bén rễ sâu và được xây dựng vững chắc trong đức mến¹¹.

2715. Cầu nguyện chiêm niệm là cái nhìn đầy lòng tin, chiêm ngắm Chúa Giêsu. Người dân quê làng Ars xưa đã cầu nguyện trước Nhà Tạm rồi nói với cha sở thánh của ông: “Tôi nhìn Chúa và Chúa nhìn tôi”¹². Sự chăm chú nhìn Chúa như vậy là sự từ bỏ “cái tôi”. Cái nhìn của Chúa thanh luyện tâm hồn chúng ta. Ánh sáng trong cái nhìn của Chúa Giêsu chiếu sáng con mắt tâm hồn chúng ta; ánh sáng ấy dạy chúng ta biết nhìn mọi sự dưới ánh sáng chân lý và lòng thương xót của Người đối với tất cả mọi người. Việc cầu nguyện chiêm niệm cũng hướng cái nhìn vào các mẫu nhiệm của cuộc đời Đức Kitô. Như thế, việc cầu nguyện này dạy “sự hiểu biết nội tâm về Chúa” để yêu mến và bước theo Người nhiều hơn nữa¹³. 1380 521

2716. Cầu nguyện chiêm niệm là *lắng nghe* Lời Chúa. Đây không phải là một thái độ thụ động, mà là sự tuân phục của đức tin, là sự chấp nhận tuyệt đối của người tôi tớ và là sự gắn bó yêu thương của người con. Sự lắng nghe này tham dự vào tiếng “Amen” của 494

⁹ X. Lc 7,36-50; 19,1-10.

¹⁰ X. Gr 31,33.

¹¹ X. Ep 3,16-17.

¹² X. F. Trochu, *Le Curé d'Ars Saint Jean-Marie Vianney* (Lyon-Paris 1927) 223-224.

¹³ X. Thánh Ignatiô Loyola, *Exercitia spiritualia*, 104: MHSI 100, 224.

Người Con đã hạ mình làm Tôi tớ và tiếng “Fiat” của người nữ tì khiêm tốn của Chúa.

533 **2717.** Cầu nguyện chiêm niệm là *thình lặng*, “biểu tượng của thế giới đang tới”¹⁴, hay “lời thâm lặng của tình yêu”¹⁵. Các lời nói trong việc cầu nguyện chiêm niệm không phải là những diễn từ, nhưng là những cọng rơm nuôi ngọn lửa tình yêu. Trong sự thình lặng này, là điều con người “bên ngoài” không thể chịu đựng nổi, Chúa Cha nói cho chúng ta biết Ngôi Lời của Ngài nhập thể, chịu 498 đau khổ, chịu chết và sống lại; Thần Khí nghĩa tử giúp cho chúng ta tham dự vào lời cầu nguyện của Chúa Giêsu.

2718. Cầu nguyện chiêm niệm là sự kết hợp với lời cầu nguyện của Đức Kitô vì cho chúng ta tham dự vào mầu nhiệm của Người. Mầu nhiệm Đức Kitô được Hội Thánh cử hành trong Thánh Lễ và được Chúa Thánh Thần làm cho sống động trong chiêm niệm, để mầu nhiệm đó được bày tỏ qua các hành vi yêu mến.

165 **2719.** Cầu nguyện chiêm niệm là sự hiệp thông tình yêu mang lại sự sống cho nhiều người, nếu chúng ta chấp nhận bước đi trong đêm tối đức tin. Đêm Vượt Qua của cuộc Phục sinh phải xuyên qua đêm hấp hối và đêm huyết mộ. Đó là ba thời trong Giờ của Chúa Giêsu mà Thần Khí của Người (chứ không phải “xác thịt yếu đuối”) đã để cho Người phải trải qua; trong chiêm niệm, chúng ta đưa ba 2730 thời trong Giờ của Người vào đời sống. Chúng ta phải chấp nhận “canh thức một giờ với Người”¹⁶.

TÓM LƯỢC

2720. *Hội Thánh mời gọi các tín hữu cầu nguyện đều đặn: qua các kinh nguyện hằng ngày, các Giờ Kinh phụng vụ, Thánh lễ Chúa nhật và các lễ trọng của năm phụng vụ.*

2721. *Truyền thống Kitô giáo có ba cách diễn đạt quan trọng của đời sống cầu nguyện: khẩu nguyện, suy niệm và cầu nguyện chiêm niệm. Đặc điểm chung của cả ba hình thức này là tập trung tâm hồn.*

2722. *Khẩu nguyện, dựa trên sự kết hợp của thân thể với tinh thần trong bản tính con người, nối kết thân thể với việc cầu nguyện nội*

¹⁴ Thánh Isaac Ninivê, *Tractatus mystici*, 66: ed. A.J. Wensinck (Amsterdam 1923) 315; ed. P. Bedjan (Parisii-Lipsiae 1909) 470.

¹⁵ Thánh Gioan Thánh Giá, *Carta*, 6: Biblioteca Mística Carmelitana, v. 13 (Burgos 1931) 262.

¹⁶ X. Mt 26,40-41.

tâm của tâm hồn, theo gương Đức Kitô, Đấng cầu nguyện với Cha của Người và dạy các môn đệ kinh “Lạy Cha”.

2723. *Suy niệm là tìm kiếm trong tinh thần cầu nguyện, vận dụng tư tưởng, trí tưởng tượng, cảm xúc và ước muốn. Mục tiêu của việc suy niệm là để cho điều đã suy tư trong đức tin trở nên của riêng mình, qua việc đối chiếu với thực trạng cuộc đời của mình.*

2724. *Cầu nguyện chiêm niệm là hình thức đơn sơ của mầu nhiệm cầu nguyện. Đó là cái nhìn của đức tin chiêm ngắm Chúa Giêsu, lắng nghe Lời Chúa, mến yêu thâm lặng. Cầu nguyện chiêm niệm là sự kết hợp với lời cầu nguyện của Đức Kitô, vì cho chúng ta tham dự vào mầu nhiệm của Người.*

Mục 2

Cuộc chiến đấu của việc cầu nguyện

Articulus 2

Orationis dimicatio

2725. Việc cầu nguyện là một quà tặng của ân sủng và là lời đáp lại kiên vững từ phía chúng ta. Nó luôn đòi phải cố gắng. Những vị cầu nguyện nổi tiếng trong Cựu Ước trước Đức Kitô, cũng như Mẹ Thiên Chúa và các Thánh cùng với Chúa Giêsu đều dạy chúng ta: cầu nguyện là một cuộc chiến đấu. Chiến đấu chống lại ai? Chống lại chính chúng ta và chống lại những mưu mô của Tên cám dỗ, là kẻ muốn làm tất cả để con người bỏ cầu nguyện, bỏ kết hợp với Thiên Chúa của mình. Chúng ta cầu nguyện như chúng ta sống, bởi vì chúng ta sống như chúng ta cầu nguyện. Nếu ai không muốn thường xuyên hoạt động theo Thần Khí của Đức Kitô, thì không thể nào thường xuyên cầu nguyện nhân danh Người. “Cuộc chiến đấu thiêng liêng” của cuộc đời mới của Kitô hữu không thể tách rời khỏi cuộc chiến đấu của việc cầu nguyện.

2612
409

2015

I. NHỮNG TRỞ NGẠI CHO VIỆC CẦU NGUYỆN OBJECTIONES AD ORATIONEM

2726. Trong cuộc chiến đấu của việc cầu nguyện, chúng ta phải đương đầu với *những quan niệm sai lầm về cầu nguyện* nơi chính bản thân và chung quanh chúng ta. Một số người coi việc cầu nguyện chỉ đơn giản là một hoạt động có tính cách tâm lý; một số khác lại coi là một cố gắng tập trung tinh thần để đạt tới tình

trạng tâm trí trống rỗng. Một số khác giản lược việc cầu nguyện vào những thái độ và lời nói mang tính nghi thức. Trong vô thức của nhiều Kitô hữu, cầu nguyện là một công việc không thể đi đôi với tất cả những gì họ phải làm: họ không có thời giờ. Những người tìm kiếm Thiên Chúa bằng cầu nguyện lại mau nản chí, bởi vì họ không biết rằng việc cầu nguyện còn xuất phát từ Chúa Thánh Thần chứ không phải chỉ do mình mà thôi.

2727. Chúng ta còn phải đương đầu với những *cách suy nghĩ* của “trần gian này”; chúng sẽ xâm nhập vào chúng ta, nếu chúng ta không cảnh giác, chẳng hạn:

- 37 – Có người cho rằng chỉ những gì lý trí và khoa học chứng minh được mới là chân lý (còn cầu nguyện là một mầu nhiệm vượt quá ý thức và vô thức của chúng ta);
- Có người đề cao giá trị của sản xuất và lợi nhuận (còn việc cầu nguyện là vô ích vì phi sản xuất);
- 2500 – Có người lấy khoái lạc và tiện nghi làm thước đo chân thiện mỹ (trong khi cầu nguyện chính là “yêu mến Vẻ đẹp” được lôi cuốn bởi vinh quang của Thiên Chúa hằng sống và chân thật).
- Có người coi cầu nguyện là chạy trốn khỏi trần gian, để chống lại chủ nghĩa duy hoạt động (trong khi cầu nguyện Kitô giáo không hề trốn khỏi dòng đời, hoặc cắt đứt với cuộc sống).

2728. Cuối cùng, cuộc chiến đấu mà chúng ta phải đương đầu là cảm giác về những *thất bại trong việc cầu nguyện*: nản chí vì khô khan, buồn phiền vì mình không hiến dâng tất cả cho Chúa, bởi vì chúng ta “có nhiều cửa cải”¹⁷, thất vọng vì Chúa không theo ý mình, tính kiêu ngạo bị tổn thương và trở nên chai lì khi buộc nhìn nhận thân phận tội nhân bất xứng, dị ứng với việc cầu nguyện tinh ròng (*gratuitatem orationis*), v.v.... Những điều này luôn luôn dẫn đến cùng một kết luận: cầu nguyện để làm gì? Để thắng vượt những chướng ngại này, chúng ta phải chiến đấu một cách khiêm nhường, tin tưởng và kiên trì.

II. TÂM HỒN KHIÊM TỐN VÀ TỈNH THỨC

HUMILIS VIGILANTIA CORDIS

Trước những khó khăn của việc cầu nguyện

2729. Khó khăn thường xuyên khi chúng ta cầu nguyện là *sự chia trí*. Có thể chia trí về các lời đọc và ý nghĩa của chúng, trong khẩu nguyện; sâu xa hơn, về Đấng chúng ta đang thưa chuyện, trong khẩu nguyện (cầu nguyện trong phụng vụ hay riêng tư), trong suy

¹⁷ X. Mc 10,22.

niệm và cầu nguyện chiêm niệm. Bạn tâm với việc xua đuổi những sự chia trí này là đã mắc bẫy của chúng, trong khi chúng ta chỉ cần trở về với trái tim mình là đủ: sự chia trí bộc lộ cho thấy điều mình đang quyến luyến; khiêm tốn ý thức được điều đó trước mặt Chúa, sẽ nhắc nhở chúng ta phải ưu tiên yêu mến Ngài, kiên quyết dâng tâm hồn cho Ngài để xin Ngài thanh tẩy. Cuộc chiến đấu là ở chỗ đó: chúng ta chọn Chúa để phục vụ Ngài¹⁸. 2711

2730. Về mặt tích cực, cuộc chiến đấu chống lại “cái tôi” thích chiếm hữu và thống trị của chúng ta chính là *sự tỉnh thức*, tức là sự tiết độ của tâm hồn. Khi kêu gọi sự tỉnh thức, Chúa Giêsu luôn quy chiếu về việc Người đến vào ngày cuối cùng và từng ngày, vào “Hôm nay”. Chàng Rê đến vào nửa đêm, nên ta không được để cho ánh sáng đức tin tàn lụi: “Nghĩ về Ngài lòng con tự nhủ: hãy tìm kiếm Thánh Nhan” (Tv 27,8). 2659

2731. Một khó khăn khác, đặc biệt đối với những người thành tâm muốn cầu nguyện, là *sự khô khan*. Nó là một phần của việc cầu nguyện, khi tâm hồn bị tước đoạt, không còn hứng thú đối với những ý tưởng, những hoài niệm và những tâm tình, kể cả về mặt thiêng liêng. Đây chính là lúc phải có đức tin tinh tuyền, một đức tin trung thành ở lại với Chúa Giêsu “trong hấp hối và trong huyết mệ”. “Hạt lúa gieo vào lòng đất, ... nếu chết đi nó mới sinh được nhiều hạt khác” (Ga 12,24). Nếu sự khô khan là do thiếu gốc rễ, bởi vì lời rơi trên sỏi đá, thì cuộc chiến đấu liên quan đến việc hồi cải¹⁹. 1426

Trước những cám dỗ trong việc cầu nguyện

2732. Con cám dỗ thường gặp nhất, kín đáo nhất, là chúng ta *thiếu đức tin*. Đây không phải là việc tuyên bố rõ ràng không tin Chúa, cho bằng một chọn lựa ưu tiên trong thực tế. Khi chúng ta khởi sự cầu nguyện, hàng ngàn công việc và lo toan, được coi là cấp bách, xuất hiện như những điều đòi được ưu tiên: một lần nữa, đây là lúc chúng ta thấy rõ lòng mình và tình cảm ưu tiên của nó. Có khi chúng ta quay về với Chúa như chỗ dựa cuối cùng, nhưng liệu chúng ta có thật sự tin điều đó không? Có khi chúng ta nhận Chúa làm đồng minh, nhưng lòng vẫn còn tự cao tự đại. Trong mọi trường hợp, sự thiếu đức tin của chúng ta cho thấy rằng chúng ta chưa có một tâm hồn khiêm tốn: “Không có Thầy, anh em chẳng làm gì được” (Ga 15,5). 2092 2074

¹⁸ X. Mt 6,21.24.

¹⁹ X. Lc 8,6.13.

- 2094 **2733.** Một cảm dỗ khác do sự tự cao tự đại mở lối, là *sự nguội lạnh*. Các linh phụ coi đây là một hình thức suy nhược tinh thần vì nới lỏng khổ chế, giảm thiểu canh thức, chênh mảng tâm hồn. “Tinh thần thì hăng say, nhưng thể xác lại yếu hèn” (Mt 26,41).
 2559 Càng trèo cao càng té nặng. Sự nản chí, phiền muộn, là mặt trái của sự tự cao tự đại. Còn người khiêm tốn không lạ gì về sự khốn khổ của mình, chính điều đó khiến họ càng phó thác hơn, và kiên trì đứng vững.

III. LÒNG TIN TƯỜNG CỦA NGƯỜI CON HIẾU THẢO

FILIALIS FIDUCIA

- 2629 **2734.** Lòng tin tưởng của người con hiếu thảo bị thử thách - và được chứng thực - khi gặp gian truân²⁰. Khó khăn lớn nhất liên quan đến *việc cầu xin*, cho bản thân hay cho kẻ khác. Có người thôi không cầu nguyện nữa, vì nghĩ rằng lời xin của mình không được nhậm lời. Ở đây, có hai vấn nạn được đặt ra: Tại sao chúng ta nghĩ rằng lời cầu xin của chúng ta không được nhậm lời? Làm thế nào để lời cầu xin của chúng ta được nhậm lời, “mang lại hiệu quả”?

Tại sao chúng ta phàn nàn vì không được nhậm lời?

- 2779 **2735.** Trước hết, có một nhận xét này đáng làm chúng ta ngạc nhiên. Khi ngợi khen Thiên Chúa hay tạ ơn Ngài vì các ơn lành Ngài ban, chúng ta ít lo tìm hiểu xem lời cầu nguyện của chúng ta có đẹp lòng Chúa hay không. Trái lại, khi cầu nguyện xin ơn, chúng ta đòi thấy hiệu quả của lời cầu xin đó. Vậy hình ảnh nào về Thiên Chúa thúc đẩy chúng ta cầu nguyện? Một phương tiện để chúng ta sử dụng, hoặc Đấng là Cha của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta?
- 2559 **2736.** Chúng ta có xác tín điều này không: “Chúng ta không biết cầu nguyện thế nào cho phải” (Rm 8,26)? Chúng ta có xin Thiên Chúa “những điều thích hợp” không? Cha trên trời biết rõ điều chúng ta cần, trước khi chúng ta xin Ngài²¹; nhưng Ngài chờ đợi
 1730 lời cầu xin của chúng ta bởi vì phẩm giá của con cái Ngài là ở nơi sự tự do của họ. Vì vậy phải cầu nguyện, với Thần Khí tự do của Ngài, để chúng ta có thể thật sự biết được ước muốn của Ngài²².

2737. “Anh em không có là vì anh em không xin. Anh em xin mà không được là vì anh em xin với tà ý, để lãng phí trong việc hưởng

²⁰ X. Rm 5,3-5.

²¹ X. Mt 6,8.

²² X. Rm 8,27.

lạc” (Gc 4,2-3)²³. Nếu chúng ta cầu xin với một trái tim bị chia sẻ, “ngoại tình”²⁴, thì Thiên Chúa không thể nhậm lời chúng ta, bởi vì Ngài muốn điều tốt lành cho chúng ta, muốn chúng ta được sống. “Hay anh em nghĩ rằng lời Kinh Thánh sau đây là vô nghĩa: Thần khí mà Thiên Chúa đã đặt trong chúng ta ước muốn đến phát ghen lên?” (Gc 4,5). Thiên Chúa “phát ghen” vì chúng ta, đó là dấu chỉ cho thấy Ngài thật lòng yêu thương chúng ta. Chúng ta hãy ước muốn theo Thần Khí của Ngài và chúng ta sẽ được nhậm lời:

“Bạn đừng buồn nếu bạn không được Thiên Chúa ban ngay điều bạn xin; vì Ngài muốn cho bạn được nhiều ích lợi hơn nữa, nhờ bạn kiên trì trong cầu nguyện”²⁵.

“Ngài muốn tôi luyện những ước muốn của chúng ta trong cầu nguyện, để chúng ta có khả năng đón nhận những gì Ngài sẵn lòng ban”²⁶.

Lời cầu nguyện của chúng ta đạt được hiệu quả như thế nào?

2738. Mạc Khải về cầu nguyện trong nhiệm vụ cứu độ dạy chúng ta rằng đức tin dựa trên hành động của Thiên Chúa trong lịch sử. Lòng tin tưởng của người con hiếu thảo được khơi dậy cách tuyệt vời bằng hành động của Ngài: bằng cuộc khổ nạn và sự phục sinh của Con Ngài. Việc cầu nguyện Kitô giáo là sự cộng tác với sự quan phòng của Ngài, với ý định yêu thương của Ngài đối với nhân loại. 2568 307

2739. Theo thánh Phaolô, lòng tin tưởng này là bạo dạn²⁷, vì đặt nền tảng trên lời cầu nguyện của Thần Khí trong chúng ta và trên tình yêu trung tín của Chúa Cha, Đấng đã ban cho chúng ta Con Một Ngài²⁸. Sự biến đổi tâm hồn của người cầu nguyện là lời đáp đầu tiên cho lời cầu xin của chúng ta. 2778

2740. Lời cầu nguyện của Chúa Giêsu làm cho lời cầu nguyện Kitô giáo trở thành lời cầu xin hữu hiệu. Người là mẫu gương cho chúng ta; Người cầu nguyện trong chúng ta và cùng với chúng ta. Bởi vì tâm hồn của Chúa Con không tìm điều gì khác ngoài điều làm đẹp lòng Chúa Cha, thì làm sao tâm hồn các nghĩa tử lại chỉ gắn bó với các hồng ân hơn là với Đấng ban hồng ân? 2604

²³ X. tất cả văn mạch Gc 1,5-8; 4,1-10; 5,16.

²⁴ X. Gc 4,4.

²⁵ Êvagriô Ponticô, *De oratione*, 34: PG 79, 1173.

²⁶ Thánh Augustinô, *Epistula* 130, 8, 17: CSEL 44, 59 (PL 33, 500).

²⁷ X. Rm 10,12-13.

²⁸ X. Rm 8,26-39.

2606 **2741.** Chúa Giêsu còn đứng vào vị trí của chúng ta để cầu nguyện cho chúng ta. Mọi lời cầu xin của chúng ta đều được thấu tóm lại, một lần cho mãi mãi, trong tiếng kêu lớn của Người trên Thập Giá và đã được Chúa Cha nhậm lời trong cuộc Phục sinh của Người; và do đó, Người không ngừng chuyển cầu cho chúng ta bên Chúa Cha²⁹. Nếu lời cầu nguyện của chúng ta được nối kết chặt chẽ với lời cầu nguyện của Chúa Giêsu trong lòng tín thác và sự bao dạn của người con hiếu thảo, thì chúng ta sẽ nhận được tất cả những gì chúng ta cầu xin nhân danh Người, nhiều hơn hẳn ơn nọ ơn kia: đó là chính Chúa Thánh Thần, Đấng gồm tóm mọi hồng ân.

IV. KIÊN TRÌ TRONG TÌNH YÊU

IN AMORE PERSEVERARE

2098 **2742.** “Hãy cầu nguyện không ngừng” (1 Tx 5,17). “Trong mọi hoàn cảnh và mọi sự, hãy nhân danh Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, mà cảm tạ Thiên Chúa là Cha” (Ep 5,20). “Theo Thần Khí hướng dẫn, anh em hãy dùng mọi lời kinh và mọi tiếng van nài mà cầu nguyện luôn mãi... Anh em hãy chuyên cần tỉnh thức và cầu xin cho toàn thể dân thánh” (Ep 6,18). “Chúng ta không được truyền dạy là phải luôn lao động, canh thức, giữ chay; nhưng chúng ta có luật là phải cầu nguyện không ngừng”³⁰. Nhiệt tình cầu nguyện liên li chỉ có thể phát xuất từ tình yêu. Chống lại sự nặng nề và tính ương lười của chúng ta, cuộc chiến đấu của việc cầu nguyện là cuộc chiến đấu của tình yêu khiêm nhường, tin tưởng và kiên trì. Tình yêu này mở tâm hồn chúng ta ra trước ba điều hiển nhiên, 162 sáng tỏ và có sức sống của đức tin:

2743. *Lúc nào chúng ta cũng có thể cầu nguyện:* thời gian của Kitô hữu là thời gian của Đức Kitô phục sinh, Đấng đang ở với chúng ta “mọi ngày” (Mt 28,20), cho dù có phong ba bão tố³¹. Thời giờ của chúng ta ở trong tay Thiên Chúa:

“Một người ngay khi đang ở giữa chợ hay đi đường, vẫn có thể chăm chú cầu nguyện; tương tự như thế, người khác đang làm việc trong xưởng thợ hay đang thuộc da vẫn có thể hướng tâm hồn lên Thiên Chúa; một người giúp việc đang đi mua sắm, hoặc tất tả ngược xuôi hoặc làm việc trong nhà bếp ... vẫn có thể thốt lên lời cầu nguyện sốt sáng tự đáy lòng”³².

2744. Cầu nguyện là *một nhu cầu sống còn*. Kiểu nói đối nghịch không kém phần thuyết phục là: nếu không để Thần Khí hướng

²⁹ X. Dt 5,7; 7,25; 9,24.

³⁰ Êvagriô Ponticô, *Capita practica ad Anatolium*, 49: SC 171, 610 (PG 40, 1245).

³¹ X. Lc 8,24.

³² Thánh Gioan Kim Khẩu, *De Anna*, sermo 4, 6: PG 54, 668.

dẫn, chúng ta sẽ lại rơi vào ách nô lệ của tội lỗi³³. Làm thế nào Thần Khí có thể trở thành “sự sống của chúng ta”, nếu lòng chúng ta xa cách Ngài?

“Không có gì sánh được với cầu nguyện: rõ ràng cầu nguyện là điều làm cho những cái không thể thành cái có thể, những điều khó thành điều dễ... Không thể nào... người cầu nguyện... lại phải sa vào tội lỗi bao giờ³⁴. “Ai cầu nguyện chắc chắn sẽ được cứu độ; ai không cầu nguyện, chắc chắn sẽ bị án phạt³⁵.”

2745. Cầu nguyện và đời sống Kitô hữu không thể tách biệt nhau bởi vì do cùng một tình yêu và cùng một sự từ bỏ vì tình yêu. Do cùng một sự hòa hợp đầy yêu mến của người con hiếu thảo với kế hoạch của Chúa Cha. Do cùng một sự hợp nhất có sức biến đổi trong Chúa Thánh Thần, Đấng làm chúng ta nên giống Đức Kitô Giêsu mỗi ngày một hơn. Do cùng một tình yêu đối với mọi người, là chính tình yêu Chúa Giêsu đã yêu mến chúng ta. “Tất cả những gì anh em xin cùng Chúa Cha nhân danh Thầy thì Ngài ban cho anh em. Điều Thầy truyền dạy anh em là hãy yêu thương nhau” (Ga 15,16-17).

2660

“Ai cầu nguyện không ngừng, là người biết liên kết việc cầu nguyện với những công việc phải làm, và liên kết những hành động thích hợp với việc cầu nguyện; vì chung, chỉ có cách đó, chúng ta mới có thể đón nhận và thực hiện được mệnh lệnh ‘hãy cầu nguyện không ngừng’³⁶.”

Lời cầu nguyện trong Giờ của Chúa Giêsu

Oratio horae Iesu

2746. Khi đến Giờ của Người, Chúa Giêsu cầu nguyện cùng Chúa Cha³⁷. Lời cầu nguyện của Người, lời dài nhất được sách Tin Mừng lưu truyền, bao gồm toàn bộ Nhiệm cục tạo dựng và cứu độ, cũng như cả cái Chết và sự Phục sinh của Người. Lời cầu nguyện trong Giờ của Chúa Giêsu vẫn luôn còn là lời cầu nguyện của Người, cũng như cuộc Vượt Qua của Người, đã diễn ra “một lần cho mãi mãi”, vẫn luôn hiện diện trong phụng vụ của Hội Thánh Người.

1085

³³ X. Gl 5,16-25.

³⁴ Thánh Gioan Kim Khẩu, *De Anna*, sermo 4, 5: PG 54, 666.

³⁵ Thánh Anphongsô Maria Liguori, *Del gran mezzo della preghiera*, pars 1, c. 1, ed. G. Cacciatore (Roma 1962) 32.

³⁶ Ôrigiêne, *De oratione*, 12, 2: GCS 3, 324-325 (PG 11, 452).

³⁷ X. Ga 17.

2747. Truyền thống Kitô giáo gọi lời nguyện này một cách xác đáng là “lời nguyện tư tế” của Chúa Giêsu. Đây chính là lời cầu nguyện của Vị Thượng Tế của chúng ta, lời cầu nguyện này không thể tách rời khỏi cuộc hiến tế của Người, khỏi cuộc Vượt Qua của Người để về cùng Chúa Cha, trong đó chính Người “được thánh hiến”³⁸ trọn vẹn cho Chúa Cha.

518 **2748.** Trong lời cầu nguyện của cuộc Vượt Qua, của cuộc hiến tế này, mọi sự “được quy tụ”³⁹ trong Người: Thiên Chúa và thế gian, Ngôi Lời và xác phàm, sự sống vĩnh cửu và thời gian, tình yêu tự trao nộ và tội phản bội lại tình yêu, các môn đệ đang có mặt và những người sẽ tin vào Người nhờ lời của các ông, sự hạ mình và
820 vinh quang. Đó là lời cầu nguyện của sự Hợp nhất.

2749. Chúa Giêsu đã hoàn thành toàn bộ công trình của Chúa Cha và lời cầu nguyện cũng như hy lễ của Người trải rộng tới lúc hoàn tất thời gian. Lời cầu nguyện trong Giờ của Người hoàn thành những thời buổi cuối cùng và dẫn đưa chúng đến chỗ hoàn tất. Chúa Giêsu, Người Con đã được Chúa Cha trao cho mọi sự, đã trao hiến trọn vẹn cho Chúa Cha và đồng thời Người tỏ ra mình hoàn toàn tự do⁴⁰, nhờ quyền năng Chúa Cha ban cho Người trên mọi xác phàm. Người Con, Đấng đã trở thành Người Tội Tớ, là Chúa, là Đấng Toàn Năng (*Pantocrator*). Vị Thượng Tế cao cả của chúng ta, Đấng cầu nguyện cho chúng ta, cũng là Đấng cầu nguyện trong chúng ta, và là Thiên Chúa, Đấng nhận lời chúng ta cầu nguyện.
2616

2750. Khi đã thuộc về Danh thánh của Chúa Giêsu, chúng ta có thể đón nhận, từ bên trong, lời cầu nguyện chính Người dạy chúng ta: “Lạy Cha chúng con”. Lời cầu nguyện tư tế của Người, từ bên trong, gọi hứng cho những lời cầu xin quan trọng của kinh Lạy Cha: quan tâm đến Danh Cha⁴¹, nhiệt tình với Nước Cha (vinh quang⁴²), chu toàn Ý Cha, kế hoạch cứu độ của Ngài⁴³ và sự giải thoát khỏi sự dữ⁴⁴.
2815

2751. Cuối cùng, trong lời cầu nguyện này, Chúa Giêsu mạc khải và dạy chúng ta sự “hiểu biết” bất khả phân ly về Chúa Cha và Chúa Con⁴⁵. Sự hiểu biết ấy chính là mầu nhiệm của đời sống cầu nguyện.
240

³⁸ X. Ga 17,11.13.19.

³⁹ X. Ep 1,10.

⁴⁰ X. Ga 17,11.13.19.24.

⁴¹ X. Ga 17,6.11.12.26.

⁴² X. Ga 17,1.5.10.22.23-26.

⁴³ X. Ga 17,2.4.6.9.11.12.24.

⁴⁴ X. Ga 17,15.

⁴⁵ X. Ga 17,3.6-10.25.

TÓM LƯỢC

2752. Cầu nguyện đòi phải cố gắng và chiến đấu chống lại chính chúng ta và chống lại những mưu mô của Tên cám dỗ. Cuộc chiến đấu của việc cầu nguyện không thể tách rời khỏi cuộc “chiến đấu thiêng liêng” vốn cần thiết để Kitô hữu thường xuyên hoạt động theo Thần Khí của Đức Kitô: Chúng ta cầu nguyện như chúng ta sống, bởi vì chúng ta sống như chúng ta cầu nguyện.

2753. Trong cuộc chiến đấu của việc cầu nguyện, chúng ta phải đương đầu với những quan niệm sai lầm về cầu nguyện, với những nỗi trạng khác, với kinh nghiệm về những thất bại của chúng ta. Đối với những cám dỗ này, vốn gợi lên sự nghi ngờ về lợi ích hoặc thậm chí về sự khả dĩ của việc cầu nguyện, cần phải đáp lại bằng sự khiêm nhường, tin tưởng và kiên trì.

2754. Những khó khăn chính trong việc cầu nguyện là sự chia trí và sự khô khan. Phương thuốc chữa trị hệ tại ở đức tin, sự hối cải và sự tỉnh thức của tâm hồn.

2755. Hai cám dỗ thường xuyên đe dọa việc cầu nguyện: sự thiếu lòng tin và sự nguội lạnh; sự nguội lạnh là một hình thức suy nhược tinh thần, do nói lỏng việc khổ chế và dẫn tới sự nản lòng.

2756. Lòng tin tưởng phó thác của con cái Thiên Chúa bị thử thách khi cảm thấy mình không luôn được nhậm lời. Tin Mừng mời gọi chúng ta tự vấn xem lời cầu nguyện của chúng ta có phù hợp với ý muốn của Thần Khí hay không.

2757. “Hãy cầu nguyện không ngừng” (1 Tx 5,17). Lúc nào chúng ta cũng có thể cầu nguyện. Cầu nguyện là một nhu cầu sống còn. Cầu nguyện và đời sống Kitô hữu không thể tách rời nhau.

2758. Lời cầu nguyện của Chúa Giêsu trong Giờ của Người được gọi cách xác đáng là “lời nguyện tư tế”⁴⁶, bao gồm toàn bộ nhiệm vụ tạo dựng và cứu độ. Lời cầu nguyện này gợi hứng cho những lời cầu xin quan trọng của kinh Lạy Cha.

⁴⁶ X. Ga 17.

ĐOẠN THỨ HAI

LỜI KINH CHÚA DẠY: KINH LẠY CHA

SECTIO SECUNDA

ORATIO DOMINICA: “PATER NOSTER”

2759. “Có một lần Chúa Giêsu cầu nguyện ở nơi kia. Người cầu nguyện xong, thì có một người trong nhóm môn đệ nói với Người: “Thưa Thầy, xin dạy chúng con cầu nguyện, cũng như ông Gioan đã dạy môn đệ của ông” (Lc 11,1). Đáp lại lời xin ấy, Chúa Giêsu trao cho các môn đệ của Người và cho Hội Thánh của Người lời kinh căn bản của Kitô giáo. Thánh Luca đưa ra bản văn ngắn của lời kinh này (có năm lời cầu xin¹), còn thánh Matthêu thì đưa ra bản giải thích nhiều hơn (có bảy lời cầu xin²). Truyền thống phụng vụ của Hội Thánh đã giữ bản văn của thánh Matthêu (Mt 6, 9-13)*:

“Lạy Cha chúng con ở trên trời,
chúng con nguyện danh Cha cả sáng,
nước Cha trị đến,
ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời.
Xin Cha cho chúng con hôm nay lương thực hằng ngày
và tha nợ chúng con như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con,
xin chớ để chúng con sa chước cám dỗ,
nhưng cứu chúng con cho khỏi sự dữ”.

2855 **2760.** Ngay từ buổi đầu, cách sử dụng của phụng vụ đã kết thúc kinh Lạy Cha bằng một vinh tụng ca. Theo sách Đidakê, vinh tụng ca này là : “Vì uy lực và vinh quang là của Cha đến muôn đời”³. Sách Quy chế Tông Đồ còn thêm vào đầu câu: “Vương quyền”⁴; biểu thức này còn được giữ đến ngày nay trong lời cầu nguyện đại kết. Truyền thống Byzantin sau thuật ngữ “vinh quang” lại thêm “của Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần”. Sách Lễ Rôma khai triển lời xin cuối cùng⁵ thành viên ảnh rõ ràng về sự mong đợi

¹ X. Lc 11,2-4.

² X. Mt 6,9-13.

* Chú thích riêng của bản dịch tiếng Việt: Ủy ban Phụng tự trực thuộc Hội đồng Giám mục Việt Nam, *Nghi Thức Thánh Lễ (Bản dịch được Toà Thánh phê chuẩn ngày 10.05.2005)* (Hà Nội: Nhà Xuất bản Tôn Giáo 2005), 98.

³ *Đidakê*, 8, 2: SC 248, 174 (Funk, *Patres apostolici* 1, 20).

⁴ *Constitutiones apostolicae*, 7, 24, 1: SC 336, 174 (Funk, *Didascalia et Constitutiones Apostolorum* 1, 410).

⁵ X. Nghi thức hiệp lễ: *Sách Lễ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 472.

niềm hy vọng hồng phúc⁶ và ngày trở lại của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta; sau đó là lời tung hô của cộng đoàn, lấy lại vinh tụng ca của sách Quy chế Tông Đồ.

Mục 1

“Bản tóm lược toàn bộ Tin Mừng”

Articulus 1

“Breviarium totius Evangelii”

2761. “Lời Kinh Chúa dạy quả thật là bản tóm lược toàn bộ Tin Mừng”⁷. “Sau khi dạy mẫu kinh này, Chúa Giêsu thêm: ‘Cứ xin đi, anh em sẽ được’ (Ga 16,24). Vậy mỗi người có thể dâng lên Chúa những lời kinh khác nhau tùy nhu cầu, nhưng luôn phải bắt đầu bằng kinh nguyện căn bản là Lời Kinh Chúa dạy như là lời kinh nền tảng”⁸.

I. Ở TÂM ĐIỂM CỦA SÁCH THÁNH

IN SCRIPTURARUM CENTRO

2762. Sau khi cho thấy các Thánh vịnh là chất liệu nuôi dưỡng chính yếu của kinh nguyện Kitô giáo và được quy tụ lại nơi các lời cầu xin trong kinh Lạy Cha như thế nào, thánh Augustinô kết luận:

“Bạn hãy rảo qua mọi lời cầu nguyện có trong các Sách Thánh, như tôi thiết nghĩ, bạn sẽ thấy không có điều gì mà Lời Kinh Chúa dạy lại không chứa đựng và bao gồm”⁹.

2763. Tất cả sách Cựu Ước (Lề luật, các Tiên tri và các Thánh vịnh) đều được ứng nghiệm nơi Đức Kitô¹⁰. Tin Mừng chính là “Tin vui mừng” đó. Thánh Matthêu đã tóm lược việc loan báo đầu tiên của Tin vui mừng đó trong Bài giảng trên núi¹¹. Mà lời kinh dâng lên Cha chúng ta nằm ở trung tâm của lời loan báo này. Chính trong bối cảnh đó mà mỗi lời cầu xin trong Lời Kinh Chúa dạy được sáng tỏ:

⁶ X. Tt 2,13.

⁷ Tertullianô, *De oratione*, 1, 6: CCL 1, 258 (PL 1, 1255).

⁸ Tertullianô, *De oratione*, 10: CCL 1, 263 (PL 1, 1268-1269).

⁹ Thánh Augustinô, *Epistula* 130, 12, 22: CSEL 44, 66 (PL 33, 502).

¹⁰ X. Lc 24,44.

¹¹ X. Mt 5-7.

2541 “Lời Kinh Chúa dạy là lời cầu nguyện tuyệt hảo... Nhưng trong Lời kinh đó, không những chúng ta cầu xin những điều chúng ta có thể ước ao cách chính đáng, mà còn theo một trật tự những điều đáng ước ao nữa: như vậy, lời kinh này không những dạy chúng ta cầu xin, mà còn huấn luyện toàn thể tâm tình của chúng ta”¹².

1965 **2764.** Bài giảng trên núi là giáo huấn để sống, kinh Lạy Cha là lời cầu nguyện, nhưng trong cả hai, Thần Khí của Chúa đem lại thể thức mới cho những ao ước của chúng ta, cho những biến chuyển nội tâm làm sinh động cuộc đời chúng ta. Chúa Giêsu dùng lời Người dạy chúng ta về cuộc đời mới và dạy chúng ta nài xin cuộc đời mới này bằng cầu nguyện. Sự trung thực của cuộc đời chúng ta trong Người sẽ tùy thuộc vào sự trung thực của lời cầu nguyện của chúng ta.

II. “LỜI KINH CHÚA DẠY”

“ORATIO DOMINI”

2701 **2765.** Cách gọi truyền thống “Lời Kinh Chúa dạy” muốn nói rằng kinh nguyện chúng ta dâng lên Cha chúng ta là do Chúa Giêsu chỉ dạy và ban tặng. Lời kinh này, từ Chúa Giêsu đến với chúng ta, quả là độc nhất vô nhị: đó là Lời Kinh “của Chúa”. Một đàng, qua những lời trong kinh này, Con Một Thiên Chúa quả thật ban cho chúng ta những lời mà Chúa Cha đã ban cho Người¹³: Người là Thầy dạy chúng ta cầu nguyện. Đàng khác, là Ngôi Lời nhập thể, nên trong trái tim nhân loại của Người, Người biết rõ nhu cầu của những anh chị em loài người của Người, và Người bày tỏ những nhu cầu đó cho chúng ta: Người là mẫu mực của việc cầu nguyện của chúng ta.

2766. Nhưng Chúa Giêsu không để lại cho chúng ta một công thức được lặp đi lặp lại cách máy móc¹⁴. Cũng như trong bất cứ lời khấn nguyện nào, chính nhờ Ngôi Lời Thiên Chúa, Chúa Thánh Thần dạy cho con cái Thiên Chúa biết cầu nguyện với Cha họ. Chúa Giêsu không những ban cho chúng ta những lời cầu nguyện của người con hiếu thảo, mà đồng thời Người còn ban tặng chúng ta Thần Khí để những lời ấy trở thành “thần khí và là sự sống” (Ga 6,63) trong chúng ta. Hơn nữa, chúng ta có lý do và có khả năng dâng lời cầu nguyện con thảo là vì Chúa Cha “đã sai Thần Khí của Con Ngài đến ngự trong lòng chúng ta mà kêu lên: ‘Abba, Cha ơi’” (Gl 4,6). Bởi vì lời cầu nguyện của chúng ta nói lên những ước

¹² Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, II-II, q. 83, a. 9, c: Ed. Leon. 9, 201.

¹³ X. Ga 17,7.

¹⁴ X. Mt 6,7; 1V 18,26-29.

muốn của chúng ta trước mặt Chúa Cha, nên Đấng “thấu suốt tâm can”, tức là Chúa Cha, “biết Thần Khí muốn nói gì, vì Thần Khí cầu thay nguyện giúp cho dân thánh theo đúng ý Thiên Chúa” (Rm 8,27). Việc cầu nguyện dâng lên Cha chúng ta được đưa vào trong sứ vụ huyền diệu của Chúa Con và của Thần Khí.

690

III. LỜI KINH CỦA HỘI THÁNH

ORATIO ECCLESIAE

2767. Ngay từ đầu, Hội Thánh đã đón nhận và sống hồng ân không thể tách rời gồm các lời của Chúa, và Chúa Thánh Thần, Đấng ban sự sống cho các lời đó trong lòng các tín hữu. Các cộng đoàn tiên khởi cầu nguyện bằng Lời Kinh Chúa dạy “ba lần trong ngày”¹⁵ thay thế cho “mười tám lời chúc tụng” vẫn được sử dụng trong việc đạo đức của Do Thái giáo.

2768. Theo Truyền thống các Tông Đồ, Lời Kinh Chúa dạy được bén rễ sâu chủ yếu trong kinh nguyện phụng vụ.

“Chúa dạy chúng ta cầu nguyện chung cho các anh chị em. Vì Người không nói ‘Lạy Cha của con, ngự trên trời’, nhưng là ‘Lạy Cha chúng con’, để khẩn cầu cho toàn thân thể Hội Thánh”¹⁶.

Trong mọi truyền thống phụng vụ, Lời Kinh Chúa dạy là thành phần không thể thiếu của các giờ kinh phụng vụ chính. Nhưng nhất là trong ba bí tích khai tâm Kitô giáo, đặc tính Hội Thánh của lời kinh này nổi bật:

2769. Trong bí tích *Rửa Tội* và *Thêm Sức*, nghi thức trao Kinh Lạy Cha nói lên ý nghĩa việc sinh hạ mới vào sự sống thần linh. Vì việc cầu nguyện của Kitô giáo là ngỏ lời với Thiên Chúa bằng chính lời của Thiên Chúa, nên những người “đã được tái sinh... nhờ Lời Thiên Chúa hằng sống” (1 Pr 1,23) học kêu cầu Cha của mình, bằng Lời duy nhất mà Cha luôn đoái nhận. Và từ nay trở đi, họ có thể làm như thế, bởi vì ấn tín của việc xức dầu bằng Chúa Thánh Thần đã ghi dấu không thể xóa nhòa trong lòng họ, trên tai họ, trên môi họ, trên trọn vẹn thực tại làm con của họ. Chính vì lẽ đó, phần lớn các bài giải thích của các Giáo phụ về kinh Lạy Cha đều nhắm đến các dự tòng và tân tòng. Khi Hội Thánh cầu nguyện bằng Lời Kinh Chúa dạy, thì luôn luôn là đoàn dân “như những trẻ sơ sinh” đang cầu nguyện và nhận được lòng thương xót¹⁷.

1243

2770. Trong *Phụng vụ Thánh Thể*, Lời Kinh Chúa dạy rõ ràng mang tính cách là lời kinh của toàn thể Hội Thánh, với đầy đủ ý

1350

¹⁵ *Didakê*, 8, 3: SC 248, 174 (Funk, *Patres apostolici*, 1, 20).

¹⁶ Thánh Gioan Kim Khẩu, *In Matthaëum*, homilia 19, 4: PG 57, 278.

¹⁷ X. 1 Pr 2,1-10.

nghĩa và hiệu năng. Được đặt giữa Kinh nguyện Thánh Thể (Anaphora) và phụng vụ hiệp lễ, kinh Lạy Cha một đàng gồm tóm mọi lời cầu xin và chuyển cầu đã được diễn tả sau kinh Khấn cầu Chúa Thánh Thần (Epiclesis), và đàng khác, lời kinh này gỡ cửa Bàn tiệc Nước Trời mà việc Hiệp lễ là tiền dự.

- 1403 **2771.** Trong Thánh Lễ, Kinh Lạy Cha còn biểu lộ đặc tính *cánh chung* của các lời cầu xin trong kinh này. Đây là lời kinh riêng “của thời cuối cùng”, của thời cứu độ đã bắt đầu bằng việc tuôn đổ Chúa Thánh Thần và sẽ kết thúc bằng cuộc trở lại của Chúa. Các lời cầu xin dâng lên Cha chúng ta, khác với các lời kinh trong Cựt Ước, dựa trên mẫu nhiệm cứu độ đã được thực hiện, một lần cho mãi mãi, trong Đức Kitô chịu đóng đinh và đã phục sinh.
- 1820 **2772.** Từ niềm tin không lay chuyển ấy, phát xuất niềm hy vọng khơi dậy mỗi một trong bảy lời cầu xin. Những lời cầu xin này diễn tả tiếng rên siết của thời hiện tại, của thời kiên nhẫn và mong đợi này, lúc mà “chúng ta sẽ như thế nào, điều ấy chưa được bày tỏ” (1 Ga 3,2)¹⁸. Thánh Lễ và kinh Lạy Cha đều hướng về ngày Chúa quang lâm, “cho tới khi Chúa đến” (1 Cr 11,26).

TÓM LƯỢC

2773. *Đáp lại lời xin của các môn đệ (“Thưa Thầy, xin dạy chúng con cầu nguyện”: Lc 11,1), Chúa Giêsu đã trao cho các ông lời kinh căn bản của Kitô giáo là kinh Lạy Cha.*

2774. *“Lời Kinh Chúa dạy quả thật là bản tóm lược toàn bộ Tin Mừng”¹⁹, là “lời kinh tuyệt hảo”²⁰. Lời kinh này nằm ở tâm điểm của Sách Thánh.*

2775. *Lời kinh này được gọi là “Lời Kinh Chúa dạy” vì lời kinh này đến với chúng ta từ Chúa Giêsu, là Thầy và là mẫu mực cho việc cầu nguyện của chúng ta.*

2776. *Lời Kinh Chúa dạy cũng là lời kinh của Hội Thánh. Lời kinh này là thành phần không thể thiếu của các Giờ Kinh phụng vụ chính và của các bí tích khai tâm Kitô giáo: Rửa Tội, Thêm Sức và Thánh Thể. Được đưa vào trong Thánh Lễ, lời kinh này biểu lộ tính “cánh chung” của những lời cầu xin, trong khi mong đợi Chúa, “cho tới khi Chúa đến” (1 Cr 11,26).*

¹⁸ X. Cl 3,4.

¹⁹ Tertullianô, *De oratione*, 1, 6: CCL 1, 258 (PL 1, 1255).

²⁰ Thánh Tôma Aquinô, *Summa theologiae*, II-II, 83, 9, c: Ed. Leon. 9, 201.

Mục 2

“Lạy Cha chúng con ở trên trời”

Articulus 2

“Pater noster qui es in caelis”

I. “CHÚNG TA DÁM NGUYỆN RẰNG”

“AUDEMUS IN OMNI FIDUCIA ACCEDERE”

2777. Trong phụng vụ Rôma, cộng đoàn tham dự thánh lễ được mời đọc kinh Lạy Cha với sự bạo dạn của người con hiếu thảo; các phụng vụ Đông Phương cũng dùng những cách diễn tả tương tự và triển khai thêm: “Chúng con dám tin tưởng nguyện rằng”, “xin làm cho chúng con xứng đáng”. Trước bụi gai rực cháy, có tiếng phán bảo ông Môisen: “Chớ lại gần! Cởi dép ở chân ra!” (Xh 3,5). Duy một mình Chúa Giêsu có thể bước qua ngưỡng cửa của sự thánh thiện của Thiên Chúa, vì Người là Đấng “đã tẩy trừ tội lỗi” (Dt 1,3), dẫn chúng ta đến trước tôn nhan Chúa Cha: “Này Con đây, cùng với những con cái mà Cha đã ban cho Con” (Dt 2,13).

“Ý thức về tình trạng nô lệ của mình sẽ chìm chúng ta xuống đất, thân phận phạm trần sẽ tiêu tan thành bụi tro, trừ phi quyền bính của chính Chúa Cha, Thần Khí của Con Ngài thúc đẩy chúng ta kêu lên lời này. *Thiên Chúa đã sai Thần Khí của Con Ngài kêu lên trong lòng chúng ta: ‘Abba, Cha ơi!’* (Rm 8,15). Có khi nào một phạm nhân đáng chết dám gọi Thiên Chúa là Cha, nếu quyền năng của thượng giới không tác động vào nội tâm con người?”²¹

270

2778. Quyền năng này của Thần Khí, Đấng dẫn đưa chúng ta vào Lời Kinh Chúa dạy, được diễn tả trong các phụng vụ Đông và Tây phương, bằng kiểu nói đẹp đẽ, mang nét đặc trưng Kitô giáo, là “*parrhesia*”, có nghĩa là sự đơn sơ thẳng thắn, lòng tin tưởng của người con thảo, sự an tâm phấn khởi, sự bạo dạn khiêm tốn, sự xác tín rằng chúng ta được yêu thương²².

2828

²¹ Thánh Phêrô Kim ngôn, *Sermo* 71, 3: CCL 24A, 425 (PL 52, 401).

²² X. Ep 3,12; Dt 3,6; 4,16; 10,19; 1 Ga 2,28; 3,21; 5,14.

II. “LẠY CHA!”

“PATER!”

239 **2779.** Trước khi đọc lời đầu tiên của Lời Kinh Chúa dạy, cần phải khiêm tốn thanh tẩy tâm hồn chúng ta khỏi một số hình ảnh sai lạc của “thế gian này”. Lòng *khiêm tốn* giúp chúng ta nhận biết điều này: “Không ai biết rõ Chúa Cha, trừ người Con và kẻ mà người Con muốn mạc khải cho” (Mt 11,27), nghĩa là “cho những người bé mọn” (Mt 11,25). Sự *thanh tẩy* tâm hồn liên quan đến những hình ảnh về người cha hoặc người mẹ, phát sinh do kinh nghiệm bản thân hoặc văn hóa, làm ảnh hưởng đến tương quan giữa chúng ta với Thiên Chúa. Thiên Chúa, Cha chúng ta, siêu việt trên mọi phạm trù của thế giới thụ tạo. Đem những ý niệm của chúng ta trong vấn đề này để gán cho Thiên Chúa hoặc để chống lại Ngài, là tạo ra các ngẫu tượng để tôn thờ hoặc để hạ bệ. Cầu nguyện cùng Chúa Cha là đi vào mầu nhiệm của Ngài, như Ngài hiện hữu và như Chúa Con đã mạc khải Ngài cho chúng ta:

“Danh hiệu Thiên Chúa là Cha, chưa từng được bày tỏ cho một người nào. Cả khi ông Môisen hỏi Thiên Chúa là ai, ông chỉ được nghe một danh khác. Danh hiệu này được mạc khải cho chúng ta trong Chúa Con. Vì trước khi ‘Con’ đến, chưa có danh hiệu ‘Cha’”²³.

240 **2780.** Chúng ta có thể kêu cầu Thiên Chúa là “Cha”, bởi vì Con của Ngài nhập thể *mạc khải* cho chúng ta và vì Thần Khí của Ngài làm cho chúng ta nhận biết Ngài. Điều con người không thể nhận biết và các cơ binh Thiên thần không thể nhìn ra, về tương quan ngôi vị của Chúa Con với Chúa Cha²⁴, thì Thần Khí của Chúa Con đã làm cho chúng ta, những người tin Chúa Giêsu là Đức Kitô và là những người được sinh ra bởi Thiên Chúa²⁵, được tham dự vào tương quan đó.

2665 **2781.** Khi cầu nguyện cùng Chúa Cha, chúng ta ở trong sự *hiệp thông* với Ngài và với Con của Ngài là Chúa Giêsu Kitô²⁶. Lúc đó chúng ta nhận biết và công nhận Ngài trong sự thán phục luôn luôn mới mẻ. Lời đầu tiên của Lời Kinh Chúa dạy, là một lời chúc tụng tôn thờ, trước khi là một lời cầu khẩn. Quả thật, đây là vinh quang của Thiên Chúa: chúng ta nhận biết Thiên Chúa thật với tư cách là “Cha”. Chúng ta tạ ơn Ngài vì Ngài đã mạc khải Danh Ngài cho chúng ta, vì Ngài đã cho chúng ta tin Ngài và được sống dưới sự hiện diện của Ngài.

²³ Tertullianô, *De oratione*, 3, 1: CCL 1, 258-259 (PL 1, 1257)

²⁴ X. 1 Ga 1,1.

²⁵ X. 1 Ga 5,1.

²⁶ X. 1 Ga 1,3.

2782. Chúng ta có thể thờ lạy Chúa Cha bởi vì Ngài đã cho chúng ta được tái sinh vào sự sống của Ngài, khi nhận chúng ta làm nghĩa tử trong người Con Một của Ngài: nhờ bí tích Rửa Tội, Ngài thắp nhập chúng ta vào thân thể Đức Kitô (Đấng được xúc dầu), và nhờ việc Xúc Dầu bằng Thần Khí của Ngài, Đấng tuôn tràn từ Đầu đến các chi thể, Ngài làm cho chúng ta nên “những Kitô” (“những người được xúc dầu”). 1267

“Vì chung, Thiên Chúa, Đấng đã tiền định cho chúng ta được ơn làm nghĩa tử, đã làm cho chúng ta được đồng hình đồng dạng với thân thể vinh quang của Đức Kitô. Vì vậy, là những người được thông dự vào Đức Kitô, anh em được gọi, một cách không phải là không chính đáng, là ‘những Kitô’²⁷.”

“Con người mới, khi đã được tái sinh và được phục hồi cho Thiên Chúa nhờ ân sủng của Ngài, thì trước hết sẽ thưa ‘Lạy Cha’, bởi vì người đó đã bắt đầu là con của Ngài”²⁸.

2783. Như vậy, nhờ Lời Kinh Chúa dạy, chúng ta được mạc khải cho biết về chính mình, đồng thời với việc Chúa Cha được mạc khải cho chúng ta²⁹: 1701

“Hỡi con người, bạn không dám ngược mặt lên trời, bạn đưa mắt nhìn xuống đất, rồi bỗng nhiên, bạn nhận được ân sủng của Đức Kitô, mọi tội lỗi của bạn được tha thứ. Từ một người đầy tớ xấu, bạn được trở thành người con ngoan... Vậy, bạn hãy đưa mắt nhìn lên Chúa Cha, Đấng đã sinh ra bạn nhờ Phép Rửa, Đấng đã cứu chuộc bạn nhờ Con của Ngài, và hãy thưa: ‘Lạy Cha chúng con...’. Nhưng bạn đừng đòi hỏi điều gì riêng biệt. Thiên Chúa là Cha riêng biệt đối với Đức Kitô mà thôi, và là Cha chung của tất cả chúng ta, bởi vì Ngài đã sinh ra một mình Chúa Con, còn chúng ta thì được Ngài tạo dựng. Vì thế, nhờ ân sủng bạn hãy thưa: ‘Lạy Cha chúng con’, ngõ hầu bạn xứng đáng là con của Ngài”³⁰.

2784. Hồng ân nhưng không, là được nhận làm nghĩa tử, đòi buộc chúng ta phải hối cải không ngừng và phải có một đời sống mới. Cầu nguyện với Cha chúng ta phải phát triển nơi chúng ta hai tâm tình căn bản này: 1428

[*Một là*] Ước ao và quyết chí muốn nên giống Ngài. Vì được tạo dựng theo hình ảnh Ngài, nhờ ân sủng, chúng ta được phục hồi việc nên giống Ngài, và chúng ta phải cư xử cách tương xứng: 1997

²⁷ Thánh Cyrillô Giêrusalem, *Catecheses mystagogicae*, 3, 1: SC 126, 120 (PG 33, 1088).

²⁸ Thánh Cyprianô, *De dominica Oratione*, 9: CCL 3A, 94 (PL 4, 541).

²⁹ X. CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 22: AAS 58 (1966) 1042.

³⁰ Thánh Ambrôsiô, *De Sacramentis*, 5, 19: CSEL 73, 66 (PL 16, 450).

“Khi gọi Thiên Chúa là Cha, chúng ta phải hành động như những người con của Thiên Chúa”³¹.

“Anh em không thể gọi Thiên Chúa là Cha nhân lành nếu vẫn còn lòng độc ác và bất nhân; bởi vì anh em không còn giữ được trong mình chứng tích về sự nhân lành của Cha trên trời nữa”³².

“Hãy luôn chiêm ngưỡng vẻ đẹp của Cha trên trời, và phải tô điểm tâm hồn mình theo vẻ đẹp đó”³³.

2562 **2785.** [*Hai là*] *Lòng khiêm nhường và tin tưởng*, nhờ đó chúng ta hối cải và trở nên “như trẻ nhỏ” (Mt 18,3): vì Chúa Cha mạc khải mình cho “những người bé mọn” (Mt 11,25):

“(Khi đọc kinh Lạy Cha,) chúng ta phải chiêm ngắm duy mình Thiên Chúa và bùng cháy lửa mến yêu, nhờ đó, tâm trí được tan chảy và đắm chìm trong tình yêu của Ngài, sẽ thưa chuyện với Ngài một cách hết sức thân mật như với người Cha riêng của mình, với lòng hiếu thảo đặc biệt”³⁴.

“Lạy Cha chúng con: Cách xưng hô này vừa gọi lên lòng yêu mến – vì đối với con cái còn gì yêu quý hơn người cha? – và tâm tình khẩn nguyện, vừa khiến chúng ta biết chắc sẽ nhận được những điều chúng ta sắp cầu xin. Lẽ nào Thiên Chúa từ chối lời cầu xin của con cái, trong khi trước đó Ngài đã ban cho họ được làm con cái của Ngài?”³⁵

III. LẠY CHA “CHÚNG CON”

PATER “NOSTER”

443 **2786.** Lạy Cha “chúng con” nhắm đến Thiên Chúa. Tĩnh từ “(của) chúng con” không nói lên sự sở hữu, nhưng nói lên tương quan hoàn toàn mới mẻ giữa chúng ta với Thiên Chúa.

782 **2787.** Khi thưa “Lạy Cha chúng con”, trước hết chúng ta nhìn nhận rằng mọi lời hứa yêu thương của Ngài, mà các tiên tri đã loan báo, nay đã được thực hiện nhờ *Giao ước mới và vĩnh cửu* trong Đức Kitô của Ngài: Chúng ta đã trở thành dân “của Ngài” và từ nay Ngài là Thiên Chúa “của chúng ta”. Tương quan mới này là sự thuộc về nhau, do Chúa ban cách nhưng không cho chúng ta. Chúng ta phải lấy tình yêu và lòng trung thành³⁶ mà đáp lại “ân

³¹ Thánh Cyprianô, *De dominica Oratione*, 11: CCL 3A, 96 (PL 4, 543).

³² Thánh Gioan Kim Khẩu, *De angusta porta et in Oracionem dominicam*, 3: PG 51, 44.

³³ Thánh Grêgôriô Nyssênô, *Homiliae in Oracionem dominicam*, 2: *Gregorii Nysseni opera*, ed. W. Jaeger-H. Langerbeck, v. 7/2 (Leiden 1992) 30 (PG 44, 1148).

³⁴ Thánh Gioan Cassianô, *Conlatio* 9, 18, 1: CSEL 13, 265-266 (PL 49, 788).

³⁵ Thánh Augustinô, *De sermone Domini in monte*, 2, 4, 16: CCL 35, 106 (PL 34, 1276).

³⁶ X. Os 2,21-22; 6,1-6.

sủng và sự thật”³⁷ mà Ngài đã ban cho chúng ta trong Chúa Giêsu Kitô.

2788. Vì Kinh Lạy Cha là lời kinh của dân Ngài trong “thời sau hết”, cho nên thuật ngữ “(của) chúng con” cũng diễn tả niềm hy vọng vững vàng của chúng ta vào lời hứa tối hậu của Thiên Chúa: trong thành Giêrusalem mới, Ngài sẽ nói với kẻ chiến thắng: “Ta sẽ là Thiên Chúa của người ấy và người ấy sẽ là con của Ta” (Kh 21,7).

2789. Khi cầu nguyện với Cha “của chúng ta”, chúng ta đích thân hưởng về Cha của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta. Chúng ta không phân chia thần tính, vì Chúa Cha là “nguồn mạch và cội nguồn” của thần tính đó, nhưng qua đó chúng ta tuyên xưng rằng từ đời đời Chúa Con được sinh ra bởi Ngài, và Chúa Thánh Thần phát xuất từ Ngài. Chúng ta cũng không lẫn lộn các Ngôi Vị, vì chúng ta tuyên xưng sự hiệp thông của chúng ta là với Chúa Cha và Con của Ngài là Chúa Giêsu Kitô, trong Chúa Thánh Thần độc nhất của hai Ngôi Vị đó. *Ba Ngôi Chí Thánh* là đồng bản thể và không thể phân chia. Khi chúng ta cầu nguyện với Chúa Cha, chúng ta thờ lạy và tôn vinh Ngài cùng với Chúa Con và Chúa Thánh Thần. 245 253

2790. Theo ngữ pháp, “của chúng con” nói lên một thực tại chung cho nhiều người. Chỉ có một Thiên Chúa, Ngài được nhận biết là Cha bởi những kẻ, nhờ tin vào Con độc nhất của Ngài, đã được Ngài tái sinh nhờ nước và Chúa Thánh Thần³⁸. *Hội Thánh* chính là sự hiệp thông mới này giữa Thiên Chúa với con người: vì được kết hợp với Người Con độc nhất, Đấng đã trở nên “trưởng tử giữa một đàn em đông đúc” (Rm 8,29), Hội Thánh được hiệp thông với cùng một Chúa Cha, trong cùng một Chúa Thánh Thần³⁹. Khi cầu nguyện với Cha “(của) chúng con”, mỗi người đã được rửa tội đều cầu nguyện trong sự hiệp thông đó: “Các tín hữu... tuy đông đảo, mà chỉ có một lòng một ý” (Cv 4,32). 787

2791. Do đó, dù còn có sự chia rẽ giữa các Kitô hữu, lời kinh “Lạy Cha chúng con” vẫn là gia sản chung và là lời mời gọi khẩn thiết đối với mọi người đã được rửa tội. Vì hiệp thông nhờ đức tin vào Chúa Kitô và nhờ bí tích Rửa Tội, họ phải dự phần vào lời nguyện của Chúa Giêsu, để cầu cho sự hợp nhất giữa các môn đệ Người⁴⁰. 821

³⁷ X. Ga 1,17.

³⁸ X. 1 Ga 5,1; Ga 3,5.

³⁹ X. Ep 4,4-6.

⁴⁰ X. CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Unitatis redintegration*, 8: AAS 57 (1965) 98; *Ibid.*, 22: AAS 57 (1965) 105-106.

2792. Sau cùng, nếu thật lòng cầu nguyện “Lạy Cha chúng con”, chúng ta thoát được chủ nghĩa cá nhân, bởi vì tình yêu, mà chúng ta đón nhận, giải thoát chúng ta khỏi điều đó. Thuật ngữ “chúng con” ở đầu kinh Lạy Cha, cũng như thuật ngữ “chúng con” trong bốn lời xin cuối cùng, không loại trừ một ai. Để thật lòng đọc kinh Lạy Cha⁴¹, chúng ta phải vượt qua mọi chia rẽ và đối nghịch.

604 **2793.** Những người đã chịu Phép Rửa không thể thừa “Lạy Cha chúng con”, nếu không dâng lên Chúa Cha tất cả mọi người, vì Ngài đã trao ban Con yêu dấu của Ngài cho mọi người. Tình yêu của Thiên Chúa không có biên giới, nên lời cầu nguyện của chúng ta cũng phải như vậy⁴². Khi đọc “Lạy Cha chúng con”, lòng chúng ta được mở rộng theo mức độ tình yêu của Chúa Cha được biểu lộ trong Đức Kitô: cầu nguyện với mọi người và cho mọi người chưa nhận biết Cha, để họ được quy tụ về một mối⁴³. Sự quan tâm đúng theo ý Chúa đối với mọi người và toàn thể tạo vật đã thúc đẩy tất cả những người cầu nguyện “vĩ đại”: sự quan tâm đó phải đưa lời cầu nguyện của chúng ta đến một tình yêu rộng mở, khi chúng ta dám nguyện rằng: “Lạy Cha chúng con”.

IV. “Ở TRÊN TRỜI”

“QUI ES IN CAELIS”

326 **2794.** Thuật ngữ Thánh Kinh này không muốn ám chỉ một vị trí nào đó (“không gian”), nhưng muốn nói lên một cách thức hiện hữu; không nói lên sự xa rời của Thiên Chúa, nhưng diễn tả sự uy nghi cao cả của Ngài. Cha chúng ta không “ở chỗ khác”, nhưng Ngài “vượt xa tất cả” những gì mà chúng ta có thể tưởng nghĩ về sự thánh thiện của Ngài. Bởi vì Thiên Chúa là Đấng chí thánh, nên Ngài rất gần gũi những tâm hồn thống hối, khiêm cung:

“Vì vậy, thật chí lý khi lời kinh ‘Lạy Cha chúng con ở trên trời’ được hiểu về trái tim của những người công chính, bởi vì Thiên Chúa ngự nơi họ như là trong đền thánh của Ngài. Vì vậy ai cầu nguyện thì ước ao cho Đấng mình kêu cầu sẽ đến ngự trong mình”⁴⁴.

“‘Trời’ có thể được hiểu về những ai mang hình ảnh của trời, nơi đó Thiên Chúa ngự trị và di động”⁴⁵.

2795. Thuật ngữ “ở trên trời” hướng chúng ta đến mầu nhiệm Giao ước mà chúng ta đang sống, khi chúng ta cầu nguyện với Cha

⁴¹ X. Mt 5,23-24; 6,14-15.

⁴² X. CD Vaticanô II, Tuyên ngôn *Nostra aetate*, 5: AAS 58 (1966) 743-744.

⁴³ X. Ga 11,52.

⁴⁴ Thánh Augustinô, *De sermone Domini in monte*, 2, 5, 18: CCL 35, 108-109 (PL 34, 1277).

⁴⁵ Thánh Cyrillô Giêrusalem, *Catecheses mystagogicae*, 5, 11: SC 126, 160 (PG 33, 1117).

chúng ta. Ngài “ở trên trời”, đó là nơi Ngài ngự, là nhà của Cha, nên cũng là “quê hương” của ta. Tội lỗi đã khiến chúng ta bị lưu đày xa miền đất Giao ước⁴⁶, còn hối cải tâm hồn sẽ dẫn đưa chúng ta trở về cùng Cha “ở trên trời”⁴⁷. Quả vậy, trời đất được giao hòa trong Đức Kitô⁴⁸, bởi vì chỉ có Chúa Con đã “từ trời xuống”, và chính Người đã dẫn đưa chúng ta lên trời với Người, nhờ thập giá, sự Phục sinh và Thăng thiên của Người⁴⁹.

1024

2796. Khi đọc kinh “Lạy Cha chúng con ở trên trời”, Hội Thánh tuyên xưng chúng ta là dân Thiên Chúa, đã được cùng ngự trị với Đức Kitô Giêsu trên cõi trời⁵⁰, tuy còn đang tiềm tàng với Đức Kitô nơi Thiên Chúa⁵¹, và đồng thời, đang “rên siết là vì những ước mong được thấy ngôi nhà thiên quốc của chúng ta phủ lên chiếc lều ở dưới đất này” (2 Cr 5,2)⁵²:

1003

Các Kitô hữu “ở trong xác phàm, nhưng không sống theo xác phàm. Họ sống nơi dương thế, nhưng có quyền công dân trên trời”⁵³.

TÓM LƯỢC

2797. Lòng tin tưởng đơn sơ và trung tín, sự phó thác khiêm tốn và hân hoan là những thái độ mà người cầu nguyện bằng kinh Lạy Cha phải có.

2798. Chúng ta có thể kêu cầu Thiên Chúa là “Cha”, bởi vì Con Thiên Chúa đã mạc khải cho chúng ta. Nhờ bí tích Rửa Tội, chúng ta được tháp nhập vào Con Thiên Chúa và được thừa nhận làm con cái Thiên Chúa.

2799. Lời Kinh Chúa dạy cho chúng ta được hiệp thông với Chúa Cha và với Con của Ngài là Chúa Giêsu Kitô. Lời kinh này đồng thời mạc khải cho chúng ta biết về chính mình⁵⁴.

2800. Lời cầu nguyện dâng lên Cha chúng ta phải khơi dậy trong chúng ta ước muốn được nên giống như Ngài, cũng như giúp chúng ta có lòng khiêm tốn và phó thác.

⁴⁶ X. St 3.

⁴⁷ X. Gr 3,19-4,1a; Lc 15,18,21.

⁴⁸ X. Is 45,8; Tv 85,12.

⁴⁹ X. Ga 12,32; 14,2-3; 16,28; 20,17; Ep 4,9-10; Dt 1,3; 2,13.

⁵⁰ X. Ep 2,6.

⁵¹ X. Cl 3,3.

⁵² X. Pl 3,20; Dt 13,14.

⁵³ *Epistula ad Diognetum*, 5, 8-9: SC 33, 62-64 (Funk 1, 398).

⁵⁴ X. CD Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 22: AAS 58 (1966) 1042.

2801. Khi gọi Thiên Chúa là “Cha chúng con”, chúng ta kêu cầu đến Giao Ước Mới trong Chúa Giêsu Kitô, sự hiệp thông với Ba Ngôi Chí Thánh và tình yêu Thiên Chúa, một tình yêu, nhờ Hội Thánh, trải rộng tới các chiều kích của trần gian.

2802. Thuật ngữ “ở trên trời” không muốn ám chỉ một vị trí nào đó, nhưng diễn tả sự uy nghi cao cả của Thiên Chúa và sự hiện diện của Ngài trong trái tim những người công chính. “Trời” là Nhà Cha, nên là quê hương thật sự mà chúng ta hướng tới, và hiện chúng ta đã thuộc về quê hương đó.

Mục 3

Bảy lời cầu xin

Articulus 3

Septem petitiones

2803. Sau khi chúng ta đến trước Thiên Chúa là Cha để thờ lạy, yêu mến và chúc tụng Ngài, Thần Khí nghĩa tử khơi lên trong lòng chúng ta bảy lời cầu xin, bảy lời chúc tụng. Ba lời đầu tiên, mang tính đối thân, hướng chúng ta lên vinh quang của Chúa Cha. Bốn lời sau, như những con đường đến với Thiên Chúa, phó dâng sự khốn cùng của chúng ta cho ân sủng của Ngài. “Kìa vực thẳm kêu gào vực thẳm” (Tv 42,8-10).

2804. Ba lời nguyện đầu tiên hướng chúng ta lên Thiên Chúa, cầu xin những điều thuộc về Ngài: Danh Cha, Nước Cha, Ý Cha. Đặc tính của tình yêu là trước tiên nghĩ đến người mình yêu. Trong mỗi lời cầu xin của ba lời nguyện này, chúng ta không nói gì đến “chúng con”, nhưng để cho mình bị lôi cuốn bởi “lòng khao khát nồng nhiệt”, bởi “sự lo lắng” của Người Con yêu dấu đối với vinh quang của Cha Người⁵⁵. “Danh Cha cả sáng, Nước Cha trị đến, Ý Cha thể hiện ...”: Ba lời khẩn nguyện này đã được nhậm lời trong hy tế của Đức Kitô, Đấng cứu độ; nhưng sau đó, những lời nguyện này hướng đến hy vọng vào thành tựu chung cuộc, bao lâu Thiên Chúa chưa có toàn quyền trên muôn loài⁵⁶.

2805. Các lời cầu xin sau theo tiến trình của một số kinh Khấn cầu Chúa Thánh Thần (Epiclesis) trong thánh lễ: dâng lên những mong đợi của chúng ta và xin Cha nhân hậu đoái nhìn. Các lời

⁵⁵ X. Lc 22,15; 12,50.

⁵⁶ X. 1 Cr 15,28.

nguyện này phát xuất từ chúng ta và liên quan đến chúng ta, hiện nay trong cõi đời này: “Xin Cha cho chúng con..., và tha nợ chúng con..., xin chớ để chúng con..., nhưng cứu chúng con...”. Lời cầu xin thứ tư và thứ năm liên quan đến cuộc sống chúng ta, hoặc là cần được nuôi dưỡng, hoặc là cần được chữa lành khỏi tội lỗi. Hai lời cầu xin cuối cùng liên quan đến cuộc chiến đấu nhằm sự sống được vinh thắng, tức là cuộc chiến đấu của chính việc cầu nguyện.

2806. Nhờ ba lời cầu xin đầu tiên, chúng ta được củng cố trong đức tin, tràn đầy đức cậy và sốt sắng nhờ đức mến. Là thụ tạo và còn là tội nhân, chúng ta phải cầu xin cho chúng ta, từ ngữ “chúng ta” này mang chiều kích cả trần gian và lịch sử, chúng ta dâng cái “chúng ta” đó cho tình yêu vô biên của Thiên Chúa. Vì nhờ Danh Đức Kitô của Ngài và Vương quốc của Thần Khí Ngài, mà Cha chúng ta hoàn thành kế hoạch cứu độ của Ngài, cho chúng ta và cho cả trần gian. 2656-2658

I. “CHÚNG CON NGUYỆN DANH CHA CẢ SÁNG” “SANCTIFICETUR NOMEN TUUM”

2142-2159

2807. Thuật ngữ “thánh hoá” ở đây không mang ý nghĩa nguyên nhân (chỉ có Thiên Chúa thánh hoá, làm cho nên thánh), nhưng chủ yếu có ý nghĩa trân trọng: nhận biết như thánh thiện, hay xử sự một cách thánh thiện. Vì thế trong tâm tình thờ lạy, lời kêu cầu này đôi khi được hiểu như một lời ca ngợi và tạ ơn⁵⁷. Nhưng Chúa Giêsu đã dạy chúng ta lời cầu xin này dưới hình thức ước nguyện: cầu xin, ước muốn và mong đợi, liên hệ đến cả Thiên Chúa cả con người. Ngay từ lời cầu xin đầu tiên của kinh Lạy Cha, chúng ta đã được lôi cuốn vào mầu nhiệm nội tại của Thiên Chúa và thảm trạng của công trình cứu độ nhân loại. Nguyện cho “Danh Cha cả sáng” đưa chúng ta vào “kế hoạch yêu thương Ngài đã định từ trước” (Ep 1,9), “để trước thánh nhan Ngài, ta trở nên tinh tuyền thánh thiện, nhờ tình thương của Ngài” (Ep 1,4). 2097

2808. Thiên Chúa mạc khải Danh Ngài trong những thời điểm quyết định của nhiệm cục cứu độ, nhưng Ngài mạc khải Danh đó bằng cách thực hiện công trình của Ngài. Mà công trình này chỉ được thành tựu cho chúng ta và trong chúng ta, nếu Danh Ngài được thánh hoá nơi chúng ta và trong chúng ta. 203, 432

2809. Sự thánh thiện của Thiên Chúa là trung tâm siêu phàm của mầu nhiệm vĩnh cửu của Ngài. Những gì về Ngài được tỏ hiện trong công trình tạo dựng và trong lịch sử, được Sách Thánh gọi là 293

⁵⁷ X. Tv 111,9; Lc 1,49.

705 *vinh quang*, là vẻ rạng ngời của uy linh Ngài⁵⁸. Khi tạo dựng nhân loại “theo hình ảnh Ngài và giống như Ngài” (St 1,26), Thiên Chúa trao triều thiên vinh quang cho con người⁵⁹, nhưng khi họ phạm tội, họ “bị tước mất vinh quang Thiên Chúa”⁶⁰. Từ đó, Thiên Chúa tỏ hiện sự thánh thiện của Ngài bằng cách mặc khải và ban tặng Danh Ngài cho con người, để phục hồi họ “theo hình ảnh của Ngài, Đấng đã tạo dựng nên họ” (Cl 3,10).

63 **2810.** Trong lời hứa với tổ phụ Abraham và lời thề kèm theo⁶¹, chính Thiên Chúa nhập cuộc, nhưng không bộc lộ Danh Ngài. Ngài bắt đầu mặc khải Danh Ngài cho ông Môisen⁶² và biểu lộ Danh Ngài trước mắt toàn dân, khi Ngài cứu họ khỏi Ai Cập: “Chúa là Đấng cao cả uy hùng” (Xh 15,1). Kể từ Giao ước Sinai, dân này là “của Ngài” và họ phải là một “dân thánh” (tiếng Do thái còn có nghĩa là “dân được hiến thánh”)⁶³, bởi vì Danh Thiên Chúa cư ngụ nơi họ.

2143 **2811.** Tuy vậy, bất chấp Lễ Luật thánh mà Thiên Chúa chí thánh⁶⁴ ban và tái ban cho dân, và mặc dù Chúa, “vì Danh thánh của Ngài”, luôn kiên nhẫn, nhưng dân vẫn quay lưng lại với Đấng Thánh của Israel và “tục hóa Danh thánh Ngài giữa chư dân”⁶⁵. Chính vì vậy, những người công chính trong Cựu Ước, những người nghèo, trở về từ cuộc lưu đày, và các tiên tri luôn cháy lửa nhiệt thành với Danh Ngài.

434 **2812.** Sau cùng, Danh của Thiên Chúa chí thánh được mặc khải và được ban tặng cho chúng ta trong Chúa Giêsu, trong xác thể, với tư cách là Đấng Cứu Độ⁶⁶: Danh Thiên Chúa được mặc khải bằng điều “Người Là”, bằng lời Người và bằng hy lễ của Người⁶⁷. Đó là trung tâm của lời nguyện tư tế của Người: Lạy Cha chí thánh, “vì họ, con xin thánh hiến chính mình con, để nhờ sự thật, họ cũng được thánh hiến” (Ga 17,19). Bởi vì Chúa Giêsu đã “thánh hiến” Danh của Người⁶⁸, nên Người “biểu lộ” cho chúng ta Danh của Chúa Cha⁶⁹. Lúc Người hoàn tất cuộc Vượt Qua, Chúa Cha ban cho Người

⁵⁸ X. Tv 8; Is 6,3.

⁵⁹ X. Tv 8,6.

⁶⁰ X. Rm 3,23.

⁶¹ X. Dt 6,13.

⁶² X. Xh 3,14.

⁶³ X. Xh 19,5-6.

⁶⁴ X. Lv 19,2: “Các người phải thánh thiện, vì Ta, Đức Chúa, Thiên Chúa của các người, Ta là Đấng Thánh”.

⁶⁵ X. Ed 20; 36.

⁶⁶ X. Mt 1,21; Lc 1,31.

⁶⁷ X. Ga 8,28; 17,8; 17,17-19.

⁶⁸ X. Ed 20,39; 36,20-21.

⁶⁹ X. Ga 17,6.

một Danh vượt trên mọi danh: Đức Giêsu là Chúa để tôn vinh Thiên Chúa Cha⁷⁰.

2813. Trong nước Rửa Tội, chúng ta đã “được tẩy rửa, được thánh hoá, được nên công chính nhờ danh Chúa Giêsu Kitô và nhờ Thần Khí của Thiên Chúa chúng ta” (1 Cr 6,11). Chúa Cha gọi chúng ta trong suốt cuộc đời để “sống thánh thiện” (1 Tx 4,7), và bởi vì nhờ Thiên Chúa mà chúng ta được hiện hữu trong Đức Kitô Giêsu, “Đấng đã thánh hóa chúng ta” (1 Cr 1,30), nên vinh quang của Ngài và cuộc đời chúng ta đều tùy thuộc vào điều này, là Danh Ngài được thánh hoá trong chúng ta và bởi chúng ta. Lời cầu xin đầu tiên của chúng ta thúc bách như vậy.

2013

“Thiên Chúa là Đấng Thánh Hóa, thì ai có thể thánh hóa Thiên Chúa? Nhưng bởi vì Ngài dạy: ‘Các người phải thánh thiện, vì Ta là Đấng Thánh’ (Lv 11,44), nên chúng ta cầu xin, để một khi đã được thánh hóa nhờ bí tích Rửa Tội, chúng ta được kiên trì trong tình trạng chúng ta đã khởi đầu. Hằng ngày chúng ta phải cầu xin điều đó. Quả thật, ơn thánh hoá hằng ngày là cần thiết cho chúng ta, vì ngày nào chúng ta cũng phạm lỗi nên phải thanh tẩy không ngừng nhờ ơn thánh hóa.... Chúng ta phải cầu nguyện để ơn thánh hoá này luôn tồn tại trong chúng ta”⁷¹.

2814. Có một liên hệ không thể tách rời giữa *đời sống* và *kinh nguyện của chúng ta*, để Danh Ngài được thánh hoá giữa chư dân:

2045

“Chúng ta cầu xin Thiên Chúa thánh hoá Danh Ngài, nghĩa là Ngài cứu độ và thánh hoá toàn thể tạo vật bằng sự thánh thiện của Ngài. Danh đó là Danh ban ơn cứu độ cho trần gian đã hư mất. Nhưng chúng ta cầu xin để Danh Thiên Chúa được thánh hoá trong chúng ta *bằng hành động của chúng ta*. Bởi vì nếu chúng ta sống tốt lành, thì Danh Thiên Chúa được chúc tụng; nếu chúng ta sống tệ hại, thì Danh Ngài bị phỉ báng. Hãy nghe lời thánh Tông Đồ: ‘Chính vì các người mà danh Thiên Chúa bị phỉ báng giữa chư dân’ (Rm 2,24)⁷². Vì vậy, chúng ta cầu xin để Danh Thiên Chúa là thánh bao nhiêu, thì chúng ta sống xứng đáng với sự thánh thiện của Ngài bấy nhiêu”⁷³.

“Khi chúng ta nguyện rằng: ‘Chúng con nguyện Danh Cha cả sáng’, chúng ta cầu xin cho Danh Ngài được thánh hoá trong chúng ta, là những kẻ thuộc về Ngài, cũng như trong mọi kẻ khác, là những người mà ơn thánh Chúa còn đang chờ đợi; do đó chúng ta sẵn sàng tuân mệnh lệnh *hãy cầu nguyện cho tất cả*

⁷⁰ X. Pl 2,9-11.

⁷¹ Thánh Cyprianô, *De dominica Oratione*, 12: CCL 3A, 96-97 (PL 4, 544).

⁷² X. Ed 36,20-22.

⁷³ Thánh Phêrô Kim Ngôn, *Sermo* 71, 4: CCL 24A, 425 (PL 52, 402).

mọi người, kể cả kẻ thù nữa. Đó là lý do chúng ta không minh nhiên đọc: xin cho Danh Cha được thánh hoá ‘ở nơi chúng con’, bởi vì chúng ta muốn cho Danh Cha được thánh hoá ‘ở nơi tất cả mọi người’⁷⁴.

2750 **2815.** Lời nguyện đầu tiên này bao gồm tất cả các lời cầu xin khác, được đóai nhận nhờ lời cầu nguyện của Chúa Kitô, cũng như sáu lời cầu xin tiếp theo. Lời kinh dâng lên Chúa Cha là lời cầu nguyện của chúng ta, nếu được cầu nguyện nhân danh Chúa Giêsu⁷⁵. Chúa Giêsu đã cầu xin trong lời nguyện tư tế của Người: “Lạy Cha chí thánh, xin gìn giữ trong Danh Cha những người mà Cha đã ban cho con” (Ga 17,11).

II. “NƯỚC CHA TRỊ ĐẾN”

“ADVENIAT REGNUM TUUM”

541 **2816.** Trong Tân Ước, cùng một từ *Basileia* có thể dịch là “vương
quyền” (danh từ trừu tượng), “nước” (danh từ cụ thể) hay “vương
2632 triều” (danh từ chỉ việc cai trị). Nước Thiên Chúa đang ở trước
560 chúng ta. Nước đó đã gần đến trong Ngôi Lời nhập thể, đã được
1107 loan báo trong toàn bộ Tin Mừng, và đã đến trong sự chết và sống
lại của Đức Kitô. Nước Thiên Chúa đến từ bữa Tiệc Ly và trong bí
tích Thánh Thể, Nước đó đang ở giữa chúng ta. Nước đó sẽ đến
trong vinh quang, khi Đức Kitô trao nó lại cho Cha Người:

“Có thể nói, Nước Thiên Chúa là chính Đức Kitô, Đấng chúng ta hằng ngày khát khao Người đến, và chúng ta mong mỗi việc Người ngự đến mau mau được tỏ hiện cho chúng ta. Đàng khác, cũng như Người là sự phục sinh bởi vì chúng ta được sống lại trong Người, thì cũng vậy, Người có thể được hiểu là Nước Thiên Chúa bởi vì chúng ta sẽ được hiển trị trong Người”⁷⁶.

451, 2632 **2817.** Lời cầu xin này là lời “*Marana tha*”, là tiếng kêu cầu của
671 Thần Khí và Hiền Thê: “Lạy Chúa Giêsu, xin ngự đến”:

“Giả như lời cầu xin này không đòi buộc phải van xin Nước Chúa mau đến đi nữa, thì chúng ta cũng bị thúc giục kêu gào điều đó vì muốn ôm lấy niềm hy vọng của chúng ta. Linh hồn các vị tử đạo nằm dưới bàn thờ lớn tiếng kêu lên Chúa: ‘Lạy Chúa, cho đến bao giờ Ngài còn trì hoãn, không xét xử và không bắt những người sống trên mặt đất phải đền nợ máu chúng con?’ (Kh 6,10). Chắc chắn các ngài sẽ được xét xử công bằng vào ngày tận thế. Lạy Chúa, nguyện Nước Chúa mau đến”⁷⁷.

⁷⁴ Tertullianô, *De oratione*, 3, 4: CCL 1, 259 (PL 1, 1259).

⁷⁵ X. Ga 14,13; 15,16; 16,24,26.

⁷⁶ Thánh Cyprianô, *De dominica Oratione*, 13: CCL 3A, 97 (PL 4, 545).

⁷⁷ Tertullianô, *De oratione*, 5, 2-4: CCL 1, 260 (PL 1, 1261-1262).

- 2818.** Trong Kinh Lạy Cha, vấn đề chủ yếu là việc Nước Thiên Chúa đến cách chung cuộc lúc Đức Kitô trở lại⁷⁸. Nhưng ước muốn này không làm cho Hội Thánh xao lãng sứ mạng của mình ở trần gian, trái lại càng thúc giục Hội Thánh dấn thân hơn nữa. Vì từ ngày lễ Ngũ Tuần, cuộc Ngự đến của Nước Thiên Chúa là công trình của Thần Khí Chúa, Đấng kiện toàn công trình của Đức Kitô nơi trần gian và hoàn tất công việc thánh hóa⁷⁹. 769
- 2819.** “Nước Thiên Chúa là sự công chính, bình an và hoan lạc trong Chúa Thánh Thần” (Rm 14,17). Thời cuối cùng, mà chúng ta đang sống, là thời kỳ tuôn đổ Chúa Thánh Thần. Kể từ đó, cuộc chiến đấu quyết định giữa “xác thịt” và Thần Khí đã khởi đầu⁸⁰: 2046
2516
- “Chỉ tâm hồn thanh sạch mới có thể tin tưởng nói lên: ‘Nguyện Nước Cha trị đến’. Quả thật, ai nghe lời thánh Phaolô dạy: ‘Vậy tội lỗi đừng có thống trị thân xác phải chết của anh em nữa’ (Rm 6,12), và biết giữ hành động, tư tưởng và lời nói của mình trong sạch, người đó mới có thể thưa với Thiên Chúa: ‘Nguyện Nước Cha trị đến’”⁸¹. 2519
- 2820.** Trong sự phân định theo Thần Khí, các Kitô hữu phải biết phân biệt giữa sự thăng tiến của Nước Thiên Chúa với sự tiến bộ của văn hóa và xã hội họ đang sống. Sự phân biệt này không phải là tách biệt. Ôn gọi của con người vào sự sống muôn đời không bãi bỏ nhưng củng cố nhiệm vụ của họ là phải sử dụng các năng lực và phương tiện do Đấng Tạo Hóa ban, để phục vụ công lý và hòa bình trên trần gian⁸². 1049
- 2821.** Lời cầu xin này được nâng đỡ và đoái nhận trong lời cầu nguyện của Chúa Giêsu⁸³, vốn hiện diện và hữu hiệu trong bí tích Thánh Thể; lời cầu nguyện này mang lại hoa trái trong đời sống mới theo các mối phúc⁸⁴. 2746

⁷⁸ X. Tt 2,13.

⁷⁹ X. *Kinh Nguyện Thánh Thể IV*, 118: *Sách Lễ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 468.

⁸⁰ X. Ga 5,16-25.

⁸¹ Thánh Cyrillô Giêrusalem, *Catecheses mystagogicae*, 5, 13: SC 126, 162 (PG 33, 1120).

⁸² X. CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et spes*, 22: AAS 58 (1966) 1042-1044; *Ibid.*, 32: AAS 58 (1966) 1051; *Ibid.*, 39: AAS 58 (1966) 1057; *Ibid.*, 45: AAS 58 (1966) 1065-1066; ĐGH Phaolô VI, Tông huấn *Evangelii nuntiandi*, 31: AAS 68 (1976) 26-27.

⁸³ X. Ga 17,17-20.

⁸⁴ X. Mt 5,13-16; 6,24; 7,12-13.

III. “Ý CHA THỂ HIỆN DƯỚI ĐẤT CŨNG NHƯ TRÊN TRỜI”

“FIAT VOLUNTAS TUA, SICUT IN CAELO, ET IN TERRA”

851 **2822.** Ý muốn của Cha chúng ta là “mọi người được cứu độ và nhận
2196 biết chân lý” (1 Tm 2,3-4). Ngài “kiên nhẫn... vì Ngài không muốn
cho ai phải diệt vong” (2 Pr 3,9)⁸⁵. Mệnh lệnh của Ngài, gồm tóm
mọi mệnh lệnh khác, và diễn tả tất cả ý muốn của Ngài, là chúng
ta hãy yêu thương nhau như Ngài đã yêu thương chúng ta⁸⁶.

59 **2823.** Thiên Chúa “cho ta được biết thiên ý nhiệm mầu: thiên ý
này là kế hoạch yêu thương Ngài đã định từ trước ... là quy tụ
muôn loài trong trời đất dưới quyền một thủ lãnh là Đức Kitô.
Cũng trong Đức Kitô, Thiên Chúa là Đấng làm nên mọi sự theo
quyết định và ý muốn của Ngài, đã tiền định cho chúng ta đây làm
cơ nghiệp riêng theo kế hoạch của Ngài” (Ep 1,9-11). Vì thế chúng
ta tha thiết cầu xin để kế hoạch lân tuất này được thực hiện trọn
vẹn dưới đất, như đã được thực hiện trên trời.

475 **2824.** Ý Cha được thực hiện một cách tuyệt hảo và một lần cho
mãi mãi, trong Đức Kitô, và qua ý chí nhân loại của Người. Khi
vào trần gian, Chúa Giêsu đã nói: “Lạy Thiên Chúa, này con đây,
con đến để thực thi ý Ngài” (Dt 10,7)⁸⁷. Chỉ mình Chúa Giêsu mới
612 có thể nói: “Tôi hằng làm những điều đẹp ý Ngài” (Ga 8,29). Khi
cầu nguyện trong cơn hấp hối, Người hoàn toàn vâng phục ý Cha:
“Xin đừng cho ý con thể hiện, mà là ý Cha” (Lc 22,42)⁸⁸. Vì vậy,
Chúa Giêsu “đã tự hiến vì tội lỗi chúng ta, theo ý muốn của Thiên
Chúa” (Gl 1,4). “Theo ý đó, chúng ta được thánh hóa nhờ Chúa
Giêsu Kitô đã hiến dâng thân mình làm lễ tế” (Dt 10,10).

2825. Chúa Giêsu, “dầu là Con Thiên Chúa, đã phải trải qua nhiều
đau khổ mới học được thế nào là vâng phục” (Dt 5,8), phương chi
chúng ta, là những thụ tạo và là tội nhân, đã được nhận làm nghĩa
615 tử trong Người. Chúng ta cầu xin Chúa Cha cho ý muốn của chúng
ta được kết hợp với ý muốn của Con Ngài, để chu toàn thánh ý của
Cha, là kế hoạch cứu độ hầu cho trần gian được sống. Trong công
việc này, chúng ta hoàn toàn bất lực, nhưng nhờ kết hợp với Chúa
Giêsu và nhờ quyền năng Thánh Thần của Ngài, chúng ta có thể
phó dâng cho Chúa Cha ý muốn của chúng ta và quyết định chọn
điều Con Ngài luôn luôn chọn: đó là làm điều đẹp lòng Cha⁸⁹.

⁸⁵ X. Mt 18,14.

⁸⁶ X. Ga 13,34; 1 Ga 3; 4; Lc 10, 25-37.

⁸⁷ X. Tv 40,8-9.

⁸⁸ X. Ga 4,34; 5,30; 6,38.

⁸⁹ X. Ga 8,29.

“Khi gắn bó với Đức Kitô, chúng ta có thể nên một lòng trí với Người, và nhờ đó thực thi ý muốn của Người để, ý Chúa đã nên trọn trên trời thế nào, thì cũng được thể hiện dưới đất như vậy”⁹⁰.

“Hãy xem Chúa Giêsu Kitô dạy chúng ta sống khiêm tốn như thế nào, khi Người cho chúng ta thấy rằng nhân đức của chúng ta không chỉ tùy thuộc công sức của mình nhưng còn nhờ ân sủng từ trên cao. Ngoài ra, Người ra lệnh cho mỗi người chúng ta khi cầu nguyện, phải quan tâm đến toàn thế giới. Vì Người không dạy: ‘Xin cho ý Cha thể hiện’ nơi tôi hay nơi anh em, nhưng nói chung là ở mọi nơi ‘dưới đất’, để sai lầm bị loại bỏ và chân lý được gieo trồng, để thói xấu bị hủy diệt, nhân đức được nảy nở, và như vậy ‘dưới đất’ không còn gì khác với ‘trên trời’ nữa”⁹¹.

2826. Nhờ cầu nguyện, chúng ta có thể nhận ra đâu là ý Thiên Chúa⁹², và kiên nhẫn để thi hành ý Ngài⁹³. Chúa Giêsu dạy chúng ta vào Nước Trời, không phải bằng lời lẽ, nhưng bằng việc thi hành “ý muốn của Cha Thầy là Đấng ngự trên trời” (Mt 7,21).

2827. “Ai làm theo ý Thiên Chúa, thì Ngài nhậm lời kẻ ấy” 2611 (Ga 9,31)⁹⁴. Lời cầu nguyện của Hội Thánh đạt được quyền năng như thế là vì được thực hiện trong Danh Thánh của Chúa Giêsu, nhất là trong Thánh Lễ, và nhờ lời chuyển cầu hiệp thông với Mẹ Thiên Chúa⁹⁵, và với toàn thể các Thánh, là những vị “làm đẹp lòng” Chúa, bởi vì các vị đó đã không muốn điều gì khác ngoài thánh ý Ngài:

“Ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời, chúng ta có thể diễn tả mà không sợ sai như sau: Ý Cha thể hiện trong Đức Giêsu Kitô Chúa chúng con thế nào, thì trong Hội Thánh cũng như vậy; như trong Phu Quân đã chu toàn thánh ý của Cha thế nào, thì trong Hiền Thê đã kết ước với Người cũng như vậy”⁹⁶.

796

IV. “XIN CHA CHO CHÚNG CON HÔM NAY LƯƠNG THỰC HẰNG NGÀY” “PANEM NOSTRUM COTIDIANUM DA NOBIS HODIE”

2828. “*Xin Cha cho chúng con*”: đẹp thay lòng tin tưởng của con cái 2778
trông chờ Cha ban cho mọi sự: “Ngài cho mặt trời của Ngài mọc

⁹⁰ Ôrigiê-nê, *De oratione*, 26, 3: GCS 3, 361 (PG 11, 501).

⁹¹ Thánh Gioan Kim Khẩu, *In Matthaëum homilia* 19, 5: PG 57, 280.

⁹² X. Rm 12,2; Ep 5,17.

⁹³ X. Dt 10,36.

⁹⁴ X. 1 Ga 5,14.

⁹⁵ X. Lc 1,38.49.

⁹⁶ Thánh Augustinô, *De sermone Domini in monte*, 2, 6, 24: CCL 35, 113 (PL 34, 1279).

lên soi sáng kẻ xấu cũng như người tốt, và cho mưa xuống trên người công chính cũng như kẻ bất chính” (Mt 5,45), Ngài cho tất cả mọi sinh vật “đến bữa cho ăn” (Tv 104,27). Chúa Giêsu dạy chúng ta lời cầu xin này: đây là lời tôn vinh Cha chúng ta, bởi vì lời cầu xin này nhận biết Cha là Đấng quá tốt lành, vượt xa mọi lòng tốt.

1939 **2829.** “*Xin Cha cho chúng con*” cũng là lời cầu xin trong tinh thần Giao Ước: chúng ta thuộc về Ngài và Ngài thuộc về chúng ta, lo cho chúng ta. Nhưng từ “chúng con” nhận biết Ngài là Cha của mọi người nên chúng ta cầu xin Cha cho mọi người, trong tình liên đới với các nhu cầu và đau khổ của họ.

2633 **2830.** “*Lương thực*”: Chúa Cha, Đấng ban sự sống cho chúng ta, không lẽ lại không ban những gì cần thiết cho sự sống, tất cả những điều thiện hảo “thích hợp”, vật chất cũng như tinh thần. Trong Bài giảng trên núi, Chúa Giêsu nhấn mạnh đến lòng tin thác con thảo, cùng cộng tác với sự quan phòng của Cha chúng ta⁹⁷. Ngài không muốn chúng ta làm biếng⁹⁸, nhưng muốn giải phóng chúng ta khỏi mọi lo âu và bận tâm. Đó là sự phó thác hiểu thảo của con cái Thiên Chúa:

227 “Đối với những ai tìm kiếm Nước Thiên Chúa và sự công chính của Ngài, Ngài hứa ban cho họ mọi điều khác. Bởi vì mọi sự đều thuộc về Thiên Chúa, nên ai có Thiên Chúa thì sẽ không thiếu thốn sự gì, nếu họ không thiếu vắng Thiên Chúa”⁹⁹.

1038 **2831.** Nhưng sự tồn tại của những người đang đói cơm bánh cho thấy một chiều sâu khác của lời cầu xin này. Thảm kịch đói khát trên thế giới mời gọi các Kitô hữu đang cầu nguyện trong chân lý, phải có trách nhiệm hữu hiệu đối với các anh em, trong cách hành động cá nhân của họ cũng như trong sự liên đới của họ với gia đình nhân loại. Lời cầu xin này trong kinh Lạy Cha không được tách biệt với các dụ ngôn Anh Lazarô nghèo khó¹⁰⁰ và Cuộc Phán Xét Chung¹⁰¹.

1928 **2832.** Như men trong bột, sự mới mẻ của Nước Chúa phải làm “dậy men” trái đất bằng Thần Khí của Đức Kitô¹⁰². Điều này phải được tỏ hiện bằng việc thiết lập công bằng trong các tương quan cá nhân và xã hội, kinh tế và quốc tế, mà đừng bao giờ quên rằng không thể có cơ cấu xã hội công bằng nếu không có những con người muốn sống công bằng.

⁹⁷ X. Mt 6,25-34.

⁹⁸ X. 2 Tx 3,6-13.

⁹⁹ Thánh Cyprianô, *De dominica Oratione*, 21: CCL 3A, 103 (PL 4, 551).

¹⁰⁰ X. Lc 16,19-31.

¹⁰¹ X. Mt 25,31-46.

¹⁰² X. CD Vaticanô II, Sắc lệnh *Apostolicam actuositatem*, 5: AAS 58 (1966) 842.

2833. Đối tượng cầu xin là lương thực của “chúng con”: “một” điều cho “tất cả”. Tinh thần khó nghèo theo các mối phúc là nhân đức chia sẻ: nó thúc đẩy thông chia và phân phát những của cải vật chất cũng như tinh thần, không vì cưỡng bách nhưng do tình yêu, ngõ hầu sự dư thừa của người này bù đắp sự túng thiếu của những người khác¹⁰³. 2448

2834. “Cầu nguyện và làm việc”¹⁰⁴. “Anh em hãy cầu nguyện như thể tất cả tùy thuộc vào Thiên Chúa, và hãy làm việc như thể tất cả tùy thuộc vào anh em”¹⁰⁵. Cả khi chúng ta đã hoàn tất công việc của mình, lương thực vẫn là một hồng ân của Cha chúng ta; đẹp thay việc cầu xin Ngài và tạ ơn Ngài về lương thực đó. Đó là ý nghĩa của kinh chúc lành bữa ăn trong gia đình Kitô giáo. 2428

2835. Lời cầu xin này và trách nhiệm kèm theo, cũng có giá trị đối với một nạn đói khác khiến cho con người phải diệt vong: “Người ta sống không chỉ nhờ cơm bánh, nhưng còn sống nhờ mọi lời miêng Thiên Chúa phán ra” (Mt 4,4)¹⁰⁶, nghĩa là nhờ Lời và Thần Khí của Thiên Chúa. Các Kitô hữu phải vận dụng mọi nỗ lực của mình để “những người nghèo khó được loan báo Tin Mừng”. Trên trái đất còn những người đói khát, “không phải đói bánh ăn, cũng không phải khát nước uống, mà là đói khát được nghe Lời Chúa” (Am 8,11). Vì thế, ý nghĩa đặc thù Kitô giáo của lời cầu xin thứ tư này liên quan đến Bánh trường sinh: đó là Lời Chúa được đón nhận trong đức tin, là Mình Thánh Chúa Kitô được lãnh nhận trong bí tích Thánh Thể¹⁰⁷. 2443 1384

2836. “*Hôm nay*” cũng là kiểu nói biểu lộ sự phó thác. Chúa dạy chúng ta điều này¹⁰⁸; chứ chúng ta không thể sáng chế ra. Đặc biệt khi nói đến Lời Chúa và Mình Thánh của Con Ngài, từ “*hôm nay*” không chỉ nói đến hiện tại của thời gian chóng qua, mà còn là ngày “*Hôm nay*” của Thiên Chúa: 1165

“Nếu mỗi ngày bạn lãnh nhận lương thực, thì mỗi ngày đều là ngày *hôm nay* cho bạn. Nếu Đức Kitô *hôm nay* là của bạn, thì mỗi ngày Người sống lại cho bạn. Làm sao lại như thế được? ‘Con là con của Cha, ngày *hôm nay* Cha đã sinh ra con’ (Tv 2,7). Vì vậy, Ngày *Hôm Nay* là khi Đức Kitô sống lại”¹⁰⁹.

¹⁰³ X. 2 Cr 8,1-15.

¹⁰⁴ E traditione benedictina. X. Thánh Bê-nê-đi-ctô, *Regula*, 20: CSEL 75, 75-76 (PL 66, 479-480); *Ibid.*, 48: CSEL 75, 114-119 (PL 66, 703-704).

¹⁰⁵ Câu nói được coi là của thánh Inhaxiô Loyola; x. Petrus de Ribadeneyra, *Tractus de modo gubernandi sancti Ignatii*, c. 6, 14: MHSI 85, 631.

¹⁰⁶ X. Đnl 8,3.

¹⁰⁷ X. Ga 6,26-58.

¹⁰⁸ X. Mt 6,34; Xh 16,19.

¹⁰⁹ Thánh Ambrôsiô, *De sacramentis*, 5, 26: CSEL 73, 70 (PL 16, 453).

2659 **2837.** “*Hàng ngày*”. Tân Ước không sử dụng từ “*hàng ngày*”
 (epiousios) ở chỗ nào khác. Theo nghĩa thời gian, từ này là sự lặp
 2633 lại từ “*hôm nay*” theo kiểu sự phạm¹¹⁰, để dạy chúng ta phó thác
 cách triệt để. Theo nghĩa phẩm chất, từ này có nghĩa là điều cần
 1405 thiết cho sự sống và, hiểu rộng hơn, mọi điều thiện hảo đủ để tồn
 tại¹¹¹. Theo nghĩa văn tự (epi-ousios: “super-substantiale”, vượt trên
 điều cốt thiết), từ này trực tiếp nói đến Bánh trường sinh, là Minh
 Thánh Chúa Kitô, “phương được trường sinh”¹¹², mà nếu không có
 lương thực này, chúng ta sẽ không có sự sống nơi mình¹¹³. Sau
 1166 cùng, kết hợp với điều đã nói trên, ý nghĩa thiên quốc là rõ ràng:
 “*ngày*” là ngày của Chúa, ngày của Bàn tiệc Nước Trời, mà bí tích
 Thánh Thể là một sự tham dự trước, như ném trước Nước Trời
 đang đến. Chính vì vậy, phụng vụ Thánh Thể phải được cử hành
 “*hàng ngày*”.

1389 “Vây Thánh Thể là lương thực hàng ngày của chúng ta... Đặc
 tính của lương thực thân thiêng này là sự hợp nhất, để một khi
 được kết hợp trong Minh Thánh Người, trở nên các chi thể của
 Người, chúng ta trở thành điều chúng ta lãnh nhận... Và lương
 thực hàng ngày là khi anh em nghe các bài đọc mỗi ngày ở nhà
 thờ; lương thực hàng ngày là khi anh em nghe và hát các thánh
 thi. Bởi vì những điều đó là cần thiết cho cuộc lữ hành của
 chúng ta”¹¹⁴.

“Cha trên trời thúc dục chúng ta là, với tư cách là con cái bởi
 trời, chúng ta hãy cầu xin Bánh bởi trời¹¹⁵. Đức Kitô ‘chính
 Người là tấm bánh được gieo trồng trong lòng Đức Trinh Nữ, dậy
 men trong xác phàm, làm thành bánh trong cuộc khổ nạn, nấu
 nướng trong lò huyết mộ, lưu giữ trong các nhà thờ, được dâng
 lên trên các bàn thờ, hàng ngày cung cấp lương thực bởi trời cho
 các tín hữu”¹¹⁶.

V. “VÀ THA NỢ CHÚNG CON NHƯ CHÚNG CON CŨNG THA KẸ CÓ NỢ CHÚNG CON” “DIMITTE NOBIS DEBITA NOSTRA, SICUT ET NOS DIMITTIMUS DEBITORIBUS NOSTRIS”

1425 **2838.** Lời cầu xin này thật lạ lùng. Nếu chỉ có phần đầu - “xin tha
 nợ chúng con” -, lời xin này có thể đã tiềm ẩn trong ba lời nguyện

¹¹⁰ X. Xh 16,19-21.

¹¹¹ X. 1 Tm 6,8.

¹¹² Thánh Ignatiô Antiôchia, *Epistula ad Ephesios*, 20, 2: SC 10bis, 76 (Funk 1, 230).

¹¹³ X. Ga 6,53-56.

¹¹⁴ Thánh Augustinô, *Sermo* 57, 7, 7: PL 38, 389-390.

¹¹⁵ X. Ga 6,51.

¹¹⁶ Thánh Phêrô Kim Ngôn, *Sermo* 67, 7: CCL 24A, 404-405 (PL 52, 402).

đầu của Lời Kinh Chúa dạy, bởi vì hy lễ của Đức Kitô là “để tha thứ tội lỗi”. Tuy nhiên, theo phần hai của câu, lời cầu xin của chúng ta sẽ không được nhậm lời nếu trước đó chúng ta không đáp ứng một đòi buộc của nó. Lời cầu xin của chúng ta hướng đến tương lai; lời đáp ứng của chúng ta phải đi trước; nối kết hai phần của lời cầu xin là từ “như”.

“và tha nợ chúng con...”

2839. Với lòng phó thác bạo dạn, chúng ta đã bắt đầu cầu nguyện với Cha chúng ta. Khi nguyện xin Ngài cho Danh Ngài cả sáng, chúng ta đã xin Ngài luôn thánh hoá chúng ta hơn nữa. Nhưng, dù đã mặc chiếc áo Rửa Tội, chúng ta vẫn không ngừng phạm tội, và quay lưng lại với Thiên Chúa. Giờ đây, trong lời cầu xin mới này, chúng ta trở lại với Ngài, như đứa con hoang đàng¹¹⁷, và thú nhận mình là tội nhân trước mặt Ngài, như người thu thuế¹¹⁸. Lời cầu xin của chúng ta bắt đầu bằng “việc xưng thú”, qua đó chúng ta vừa thú nhận sự khốn cùng của chúng ta, và đồng thời, vừa tuyên xưng lòng thương xót của Ngài. Niềm hy vọng của chúng ta thật vững chắc, bởi vì, trong Con của Ngài, “chúng ta được ơn cứu chuộc, được thứ tha tội lỗi” (Cl 1,14)¹¹⁹. Chúng ta gặp được dấu chỉ hữu hiệu và chắc chắn về ơn tha thứ của Ngài trong các bí tích của Hội Thánh Ngài¹²⁰.

2840. Tuy nhiên, có điều thật đáng sợ, là nguồn ơn thương xót này của Thiên Chúa không thể thấm nhập vào trái tim chúng ta, một khi chúng ta không tha thứ cho những người xúc phạm đến chúng ta. Tình yêu, cũng như Thân Thể Đức Kitô, không thể phân chia được: chúng ta không thể yêu mến Thiên Chúa mà chúng ta không thấy, nếu chúng ta không yêu mến anh em, chị em mà chúng ta đang thấy¹²¹. Khi từ chối tha thứ cho anh chị em mình, lòng chúng ta đóng lại và sự chai đá của cõi lòng khiến tình yêu tha thứ của Cha không thể thấm nhập vào được; trong việc xưng thú tội lỗi của mình, lòng chúng ta mới mở ra cho ân sủng của Ngài.

2841. Lời cầu xin này hết sức quan trọng, đến nỗi đây là lời cầu xin duy nhất mà Chúa phải nhắc lại và triển khai thêm trong Bài giảng trên núi¹²². Con người bất lực trước đòi hỏi quan trọng này của mẫu nhiệm giao ước. “Nhưng đối với Thiên Chúa, thì mọi sự đều có thể được” (Mt 19,26).

¹¹⁷ X. Lc 15,11-32.

¹¹⁸ X. Lc 18,13.

¹¹⁹ X. Ep 1,7.

¹²⁰ X. Mt 26,28; Ga 20,23.

¹²¹ X. 1 Ga 4,20.

¹²² X. Mt 5,23-34; 6,14-15; Mc 11,25.

“... như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con”

2842. Từ “như” ở đây không phải là trường hợp duy nhất trong giáo huấn của Chúa Giêsu: “Anh em hãy nên hoàn thiện *như* Cha anh em trên trời là Đấng hoàn thiện” (Mt 5,48); “Anh em hãy có lòng nhân từ *như* Cha anh em là Đấng nhân từ” (Lc 6,36); “Thầy ban cho anh em một điều răn mới là anh em hãy yêu thương nhau; anh em hãy yêu thương nhau *như* Thầy đã yêu thương anh em” (Ga 13,34). Chúng ta không thể tuân giữ điều răn của Chúa, nếu chỉ bắt chước mẫu gương của Chúa theo dáng vẻ bên ngoài. Vấn đề ở đây là phải tham dự một cách sống động và “tận đáy lòng” vào sự thánh thiện, vào lòng thương xót, vào tình yêu của Thiên Chúa chúng ta. Chỉ có Thần Khí, “nhờ Ngài mà chúng ta sống” (Gl 5,25), mới có thể làm cho chúng ta có được những tâm tình như Đức Kitô Giêsu đã có¹²³. Lúc đó hai việc tha thứ có thể trở nên một, nghĩa là, “biết tha thứ cho nhau *như* Thiên Chúa đã tha thứ cho anh em trong Đức Kitô” (Ep 4,32).

2843. Như thế, những lời Chúa dạy về tha thứ, nghĩa là về thứ tình yêu “yêu đến tận cùng của tình yêu”¹²⁴ là một thực tại sống động. Dụ ngôn về người đầy tớ không biết thương xót, kết thúc giáo huấn của Chúa về cộng đoàn giáo hội¹²⁵, được kết thúc bằng lời này: “Ấy vậy, Cha của Thầy ở trên trời cũng sẽ đối xử với anh em như thế, nếu mỗi người trong anh em không hết lòng tha thứ cho anh em mình”. Thật vậy, ở đó, ở “tận đáy lòng”, mà mọi sự bị cầm buộc hay được tháo cởi. Việc không cảm thấy hay quên đi sự xúc phạm không tùy thuộc khả năng chúng ta; nhưng một khi trái tim biết tự hiến cho Chúa Thánh Thần sẽ biết biến đổi thương đau thành lòng thương xót, và thanh luyện ký ức bằng cách biến đổi sự xúc phạm thành lời chuyển cầu.

2844. Kinh nguyện Kitô giáo đi đến chỗ *tha thứ cho kẻ thù*¹²⁶. Lời cầu nguyện biến đổi người môn đệ bằng cách làm cho họ nên đồng hình đồng dạng với Thầy của mình. Tha thứ là một tội đỉnh của kinh nguyện Kitô giáo; chỉ trái tim nào hoà điệu với lòng trắc ẩn của Chúa mới có thể đón nhận hồng ân cầu nguyện. Tha thứ còn minh chứng rằng, trong thế giới này, tình yêu mạnh hơn tội lỗi. Các vị tử đạo, trong quá khứ cũng như hiện tại, đều làm chứng cho Chúa Giêsu về điều này. Tha thứ là điều kiện căn bản cho sự hòa

¹²³ X. Pl 2,1.5.

¹²⁴ X. Ga 13,1.

¹²⁵ X. Mt 18,23-35.

¹²⁶ X. Mt 5,43-44.

giải giữa con cái Thiên Chúa với Cha của họ¹²⁷ và giữa con người với nhau¹²⁸.

2845. Việc tha thứ tự bản chất mang tính thần linh này không có giới hạn cũng như mức độ¹²⁹. Nếu đề cập đến “những xúc phạm” (là “tội” theo Lc 11,4 hoặc “nợ” theo Mt 6,12), thì thật sự mọi người chúng ta luôn luôn là những kẻ mắc nợ: “Anh em đừng mắc nợ gì ai, ngoài món nợ tương thân tương ái” (Rm 13,8). Sự hiệp thông của Ba Ngôi Chí Thánh là nguồn mạch và quy luật chân lý của bất cứ tương quan nào¹³⁰. Chúng ta phải sống sự hiệp thông đó trong cầu nguyện, đặc biệt là trong bí tích Thánh Thể¹³¹. 1441

“Thiên Chúa không nhận tể phẩm của những kẻ gây bất hoà, và Ngài truyền họ hãy rời bỏ bàn thờ, và đi làm hoà với anh em trước đã, ngõ hầu có thể giao hoà với Thiên Chúa bằng những lời nài xin an bình. Hy lễ đẹp lòng Chúa hơn cả là sự bình an của chúng ta, sự hoà thuận, tình đoàn kết của đoàn dân trong sự hợp nhất của Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần”¹³².

VI. “XIN CHỖ ĐỂ CHÚNG CON SA CHƯỚC CÁM DỖ”

“NE NOS INDUCAS IN TENTATIONEM”

2846. Lời cầu xin này xuất phát từ điều trước, vì tội lỗi của chúng ta là kết quả của sự ưng theo cám dỗ. Chúng ta xin Cha chúng ta đừng “dẫn” chúng ta vào cơn cám dỗ. Khó mà dịch kiểu nói Hy Lạp bằng một từ: Nó có nghĩa là “đừng cho phép bước vào”¹³³, “đừng để chúng con sa chước cám dỗ”. “Thiên Chúa không thể bị cám dỗ làm điều xấu, và chính Ngài cũng không cám dỗ ai” (Gc 1,13), trái lại, Ngài muốn giải thoát chúng ta khỏi cơn cám dỗ. Chúng ta cầu xin Ngài đừng để ta đi vào con đường dẫn đến tội lỗi. Chúng ta đang ở trong cuộc chiến đấu “giữa xác thịt và Thần Khí”. Lời cầu xin này khẩn cầu Thần Khí cho chúng ta biết phân định và có sức mạnh. 164 2516

2847. Chúa Thánh Thần giúp chúng ta biết *phân định* đâu là thử thách, vốn cần thiết để con người nội tâm tăng trưởng¹³⁴ và nhằm “thử thách nhân đức”¹³⁵, và đâu là cám dỗ dẫn đến tội lỗi và sự chết¹³⁶. Chúng ta còn phải biết phân định giữa “bị cám dỗ” và 2284

¹²⁷ X. 2 Cr 5,18-21.

¹²⁸ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Dives in misericordia*, 14: AAS 72 (1980) 1221-1228.

¹²⁹ X. Mt 18,21-22; Lc 17,3-4.

¹³⁰ X. 1 Ga 3,19-24.

¹³¹ X. Mt 5,23-24.

¹³² Thánh Cyprianô, *De dominica Oratione*, 23: CCL 3A, 105 (PL 4, 535-536).

¹³³ X. Mt 26,41.

¹³⁴ X. Lc 8,13-15; Cv 14,22; 2 Tm 3,12.

¹³⁵ X. Rm 5,3-5.

¹³⁶ X. Gc 1,14-15.

“thuận theo” cơn cám dỗ. Cuối cùng, phân định vạch trần sự dối trá của chức cám dỗ: bề ngoài, đối tượng có vẻ “ngon, trông đẹp mắt và đáng quý” (St 3,6), nhưng thật sự, kết quả của nó là sự chết.

“Thiên Chúa không muốn áp đặt điều tốt cho ai, nhưng muốn họ tự nguyện... Hơn nữa, cám dỗ cũng có cái lợi. Ngoại trừ Thiên Chúa, không ai biết được những gì tâm hồn chúng ta đã lãnh nhận, kể cả chính chúng ta, những điều đó được bộc lộ ra nhờ các cơn cám dỗ, kéo chúng ta vẫn không biết mình cách đúng nghĩa, nhưng khi đã biết mình, chúng ta sẽ nhận ra tình trạng tệ hại của mình, và chúng ta phải tạ ơn Chúa vì những ơn lành, được bộc lộ ra cho chúng ta nhờ các cơn cám dỗ”¹³⁷.

1808 **2848.** Để khỏi sa chước cám dỗ, cần phải có một *sự cương quyết của trái tim*. “Kho tàng của anh ở đâu thì lòng anh ở đó... Không ai có thể làm tôi hai chủ” (Mt 6,21.24). “Nếu chúng ta sống nhờ Thần Khí, thì cũng hãy nhờ Thần Khí mà tiến bước” (Gl 5,25). Trong việc “thuận theo” Chúa Thánh Thần như vậy, Chúa Cha sẽ ban cho chúng ta sức mạnh. “Không một cám dỗ nào đã xảy ra cho anh em mà lại vượt quá sức loài người. Thiên Chúa là Đấng trung tín: Ngài sẽ không để anh em bị cám dỗ quá sức; nhưng khi để anh em bị cám dỗ, Ngài sẽ cho kết thúc tốt đẹp, để anh em có sức chịu đựng” (1 Cr 10,13).

540, 612 **2849.** Cần phải cầu nguyện thì mới có thể chiến đấu và chiến thắng được. Chính nhờ việc cầu nguyện mà Chúa Giêsu chiến thắng tên Cám dỗ ngay từ buổi đầu¹³⁸, và trong cuộc chiến cuối cùng khi hấp hối¹³⁹. Trong lời cầu xin này dâng lên Chúa Cha, Đức
2612 Kitô kết hợp chúng ta vào cuộc chiến đấu và cơn hấp hối của Người. Tâm hồn phải *tĩnh thức*, hiệp thông với sự tỉnh thức của Người, là điều không ngừng được nhắc đi nhắc lại¹⁴⁰. Sự tỉnh thức là “kẻ canh giữ trái tim” và Chúa Giêsu xin Cha Người gìn giữ chúng ta trong Danh Cha¹⁴¹. Chúa Thánh Thần không ngừng hành động, để giúp chúng ta tỉnh thức¹⁴². Lời cầu xin này mang đầy ý nghĩa bi thảm khi nghĩ đến cơn cám dỗ cuối cùng của cuộc giao
162 tranh trên đời này; lời cầu xin này xin *ơn bền đỗ đến cùng*. “Đây, Ta đến như kẻ trộm. Phúc thay kẻ đang canh thức” (Kh 16,15).

¹³⁷ Ôrigiêne, *De oratione*, 29, 15 et 17: GCS 3, 390-391 (PG 11, 541-544).

¹³⁸ X. Mt 4,1-11.

¹³⁹ X. Mt 26,36-44.

¹⁴⁰ X. Mc 13,9.23.33-37; 14,38; Lc 12,35-40.

¹⁴¹ X. Ga 17,11.

¹⁴² X. 1 Cr 16,13; Cl 4,2; 1 Tx 5,6; 1 Pr 5,8.

VII. “NHỮNG CỨU CHÚNG CON CHO KHỎI SỰ DỮ”

“SED LIBERA NOS A MALO”

2850. Lời cầu xin cuối cùng dâng lên Chúa Cha cũng được bao hàm trong lời cầu nguyện của Chúa Giêsu: “Con không xin Cha cất họ khỏi thế gian, nhưng xin Cha gìn giữ họ khỏi ác thần” (Ga 17,15). Lời cầu xin này liên hệ đến chúng ta, cách riêng đến từng người, nhưng bao giờ cũng là “chúng con” đang cầu nguyện, trong sự hiệp thông với toàn Hội Thánh, để cầu cho toàn thể gia đình nhân loại được giải thoát. Lời Kinh Chúa dạy không ngừng mở ra cho chúng ta các chiều kích của nhiệm cục cứu độ. Việc liên kết của chúng ta với nhau trong thảm trạng tội lỗi và sự chết được biến đổi thành sự liên đới trong Thân Thể Đức Kitô, trong mầu nhiệm “các Thánh thông công”¹⁴³.

309

2851. Trong lời cầu xin này, Sự Dữ không phải là một điều trừu tượng nào đó, nhưng là một cá vị, là Satan, là Ác thần, là thiên thần đã chống lại Thiên Chúa. Ma quỷ (tiếng Hy Lạp là *Dia-bolos*) là “kẻ phá ngang” kế hoạch của Thiên Chúa và “công trình cứu độ” của Ngài được thực hiện trong Đức Kitô.

391

2852. Ma quỷ “ngay từ đầu đã là tên sát nhân... là kẻ nói dối và là cha sự gian dối” (Ga 8,44), “là Satan, tên chuyên mê hoặc toàn thể thiên hạ” (Kh 12,9). Vì nó mà tội lỗi và sự chết đã xâm nhập trần gian và nhờ nó vĩnh viễn bị đánh bại, mà toàn thể thụ tạo đã “được giải thoát khỏi cảnh hư nát vì tội lỗi và sự chết”¹⁴⁴. “Chúng ta biết rằng phàm ai đã được Thiên Chúa sinh ra, người đó không phạm tội; nhưng có Đấng Thiên Chúa đã sinh ra gìn giữ người ấy, và Ác thần không đụng đến người ấy được. Chúng ta biết rằng chúng ta thuộc về Thiên Chúa, còn tất cả thế gian đều nằm dưới ách thống trị của Ác thần” (1 Ga 5,18-19):

“Chúa quyền năng, Đấng tẩy sạch tội lỗi và tha thứ các lỗi lầm của bạn, Ngài che chở và gìn giữ bạn chống lại các mưu mô của kẻ thù là ma quỷ, để kẻ thù, vốn có thói quen gây nên lầm lỗi, không làm bạn ngạc nhiên. Nhưng ai phó mình cho Thiên Chúa thì không sợ ma quỷ, bởi vì ‘có Thiên Chúa bên đỡ chúng ta, ai còn chống lại được chúng ta?’ (Rm 8,31)”¹⁴⁵.

2853. Cuộc chiến thắng trên “thủ lãnh thế gian này”¹⁴⁶ đã hoàn tất, một lần cho mãi mãi, vào Giờ Chúa Giêsu tự nguyện nộp mình

677

¹⁴³ X. ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn *Reconciliatio et paenitentia*, 16: AAS 77 (1985) 214-215..

¹⁴⁴ *Kinh nguyện Thánh Thể IV*, 123: *Sách Lễ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 471.

¹⁴⁵ Thánh Ambrôsiô, *De sacramentis*, 5, 30: CSEL 73, 71-72 (PL 16, 454).

¹⁴⁶ X. Ga 14,30.

chịu chết để ban cho chúng ta sự sống của Người. Đó là lúc phán xét thế gian này và thủ lãnh thế gian này “bị tống ra ngoài”¹⁴⁷.
 490 Hấn “đuổi bắt người Phụ Nữ” (Kh 12,13)¹⁴⁸, nhưng không bắt được Bà; Bà là Evà mới, “đầy ân sủng” của Chúa Thánh Thần, được gìn giữ khỏi tội lỗi và sự hư nát của cái chết (Sự Vô nhiễm nguyên tội và Lên trời của Mẹ rất thánh của Thiên Chúa, Đức Maria trọn đời đồng trinh). “Con Mãng Xà nổi giận với người Phụ Nữ và đi giao chiến với những người còn lại trong dòng dõi bà” (Kh 12,17). Vì thế, Thần Khí và Hội Thánh cầu nguyện: “Lạy Chúa Giêsu, xin ngự đến” (Kh 22,17.20), bởi vì khi Người ngự đến, Người sẽ giải thoát chúng ta khỏi Ác thần.

2854. Khi xin được giải thoát khỏi Ác thần, chúng ta cũng xin được cứu khỏi mọi sự dữ trong hiện tại, quá khứ, và tương lai, do ma quỷ là thủ phạm hay kẻ chủ mưu. Trong lời cầu xin cuối cùng này, Hội Thánh mang đến trước Chúa Cha mọi nỗi khốn cùng của trần gian. Cùng với ơn được giải thoát khỏi mọi sự dữ đang đè nén nhân loại, Hội Thánh nài xin hồng ân quý giá là sự bình an và ơn bền đỗ
 2632 mong đợi ngày trở lại của Đức Kitô. Khi cầu nguyện như thế, Hội Thánh, trong sự khiêm tốn của đức tin, tiền dự sự quy tụ mọi người và mọi sự trong Đấng nắm “chìa khóa của Tử thần và Âm phủ” (Kh 1,18), “Đấng hiện có, đã có và đang đến, là Đấng Toàn Năng” (Kh 1,8)¹⁴⁹.

“Lạy Chúa, xin cứu chúng con khỏi mọi sự dữ, xin đoái thương cho những ngày chúng con đang sống được bình an. Nhờ Chúa rộng lòng thương cứu giúp, chúng con sẽ luôn luôn thoát khỏi tội lỗi, và được an toàn khỏi mọi biến loạn, đang khi chúng con mong đợi niềm hy vọng hồng phúc, và ngày trở lại của Chúa Giêsu Kitô, Đấng Cứu Độ chúng con”¹⁵⁰.

1041

VINH TỤNG CA KẾT THÚC

DOXOLOGIA FINALIS

2760 **2855.** Vinh tụng ca “Vì vương quyền, uy lực và vinh quang là của Chúa đến muôn đời” để kết thúc, lấy lại ba lời cầu xin đầu tiên dâng lên Cha chúng ta: vinh quang của Danh Ngài, vương quyền của Nước Ngài, và uy lực của Ý định cứu độ của Ngài. Nhưng việc lặp lại này mang hình thức thờ lạy và tạ ơn, như trong phụng vụ trên trời¹⁵¹. Thủ lãnh thế gian này đã tự gán cho mình một cách

¹⁴⁷ X. Ga 12,31; Kh 12,10.

¹⁴⁸ X. Kh 12,13-16.

¹⁴⁹ X. Kh 1,4.

¹⁵⁰ Nghi thức hiệp lễ: *Sách Lễ Rôma*, editio typica (Typis Polyglottis Vaticanis 1970) 472.

¹⁵¹ X. Kh 1,6; 4,11; 5,13.

đối trá ba tước hiệu đó về vương quyền, uy lực và vinh quang¹⁵². Đức Kitô, là Chúa, đã hoàn trả các tước hiệu đó lại cho Cha Người cũng là Cha chúng ta, cho đến khi Người giao trả Nước Người cho Cha, lúc mầu nhiệm cứu độ sẽ được hoàn tất vĩnh viễn, và “Thiên Chúa có toàn quyền trên muôn loài”¹⁵³.

2856. “Vào cuối kinh, bạn thưa ‘Amen’, có nghĩa là ‘Mong được như vậy’¹⁵⁴, với từ Amen đó, bạn đóng ấn mọi điều chứa đựng trong lời kinh này mà Thiên Chúa đã truyền dạy”¹⁵⁵.

1061-1065

TÓM LƯỢC

2857. Trong kinh Lạy Cha, ba lời cầu xin đầu hướng về Vinh Quang của Chúa Cha: Danh Cha cả sáng, Nước Cha trị đến, Ý Cha thể hiện. Bốn lời cầu xin sau trình lên Ngài những ước vọng của chúng ta: các lời cầu xin này xoay quanh sự sống của chúng ta: Xin Ngài ban cho chúng ta lương thực để nuôi sống, chữa lành các tội lỗi và đứng cạnh kẻ chúng ta trong cuộc chiến đấu cho sự chiến thắng của Điều Lành trên Sự Dữ.

2858. Khi cầu xin “Danh Cha cả sáng”, chúng ta bước vào kế hoạch của Thiên Chúa. Danh Ngài – được mạc khải cho ông Môisen, rồi trong Chúa Giêsu – được thánh hoá qua chúng ta và trong chúng ta, cũng như nơi mọi dân tộc và nơi từng con người.

2859. Với lời cầu xin thứ hai, Hội Thánh chủ yếu nhắm tới việc lại đến của Đức Kitô và cuộc Ngự đến của Nước Thiên Chúa. Hội Thánh cũng cầu xin cho Nước Thiên Chúa lớn lên trong ngày “hôm nay” của đời sống chúng ta.

2860. Trong lời nguyện thứ ba, chúng ta van xin Cha chúng ta, xin Ngài cho ý muốn của chúng ta được kết hợp với ý muốn của Con Ngài, để kế hoạch cứu độ được hoàn thành trong cuộc sống trần gian.

2861. Trong lời xin thứ tư, khi đọc “Xin Cha cho chúng con”, chúng ta, trong sự hiệp thông với anh em, nói lên lòng tín thác con thảo đối với Cha chúng ta trên trời. Từ “lương thực” chỉ thực phẩm vật chất, cần thiết để nuôi sống thân xác; nhưng cũng có nghĩa là Bánh sự sống, đó là Lời Chúa và Minh Thánh Chúa Kitô. Bánh này được lãnh nhận trong “ngày Hôm nay” của Thiên Chúa như

¹⁵² X. Lc 4,5-6.

¹⁵³ X. 1 Cr 15,24-28.

¹⁵⁴ X. Lc 1,38.

¹⁵⁵ Thánh Cyrillô Giêrusalem, *Catecheses mystagogicae*, 5, 18: SC 126, 168 (PG 33, 1124).

của nuôi dưỡng hết sức cần thiết và cốt yếu của Bàn Tiệc Nước Trời mà bí tích Thánh Thể là một sự tham dự trước.

2862. *Lời xin thứ năm khẩn cầu lòng Chúa thương xót đến những sự xúc phạm của chúng ta. Lòng thương xót của Thiên Chúa chỉ thấm thấu vào trái tim chúng ta nếu chúng ta biết tha thứ cho kẻ thù, theo gương mẫu và với sự trợ giúp của Đức Kitô.*

2863. *Khi đọc “Xin chớ để chúng con sa chước cám dỗ”, chúng ta cầu xin Thiên Chúa đừng để chúng ta đi theo con đường dẫn đến tội lỗi. Lời cầu xin này van xin Thần Khí ban ơn phân định và sức mạnh; cũng cầu xin ơn tỉnh thức và bền đỗ đến cùng.*

2864. *Trong lời cầu xin cuối cùng “Nhưng cứu chúng con cho khỏi sự dữ”, Kitô hữu cùng với Hội Thánh cầu nguyện lên Thiên Chúa, xin Ngài biểu lộ chiến thắng Đức Kitô đã đạt được, trên “thủ lãnh thế gian”, trên Satan, là thiên thần, một cách cá vị, đã chống đối Thiên Chúa và kế hoạch cứu độ của Ngài.*

2865. *Với từ Amen cuối cùng, chúng ta nói lên lời “Fiat” của chúng ta đối với bảy lời cầu xin: “Mong được như vậy”.*

MỤC LỤC CÁC CHỖ TRÍCH DẪN

THÁNH KINH			
Cựu Ước			
Sáng Thế			
1, 1	268*, 279, 280, 290	3, 1-5	391*
1, 1-2, 4	337*	3, 1-11	397*
1, 2	243*, 703*, 1218*	3, 3	1008*
1, 2-3	292*	3, 5	392, 398*, 399*, 1850
1, 3	298*	3, 6	2541, 2847
1, 4	299	3, 7	400*
1, 10	299	3, 8-10	29*
1, 12	299	3, 9	410*, 2568
1, 14	347*	3, 9-10	399*
1, 18	299	3, 11	2515*
1, 21	299	3, 11-13	400*
1, 26	225, 299*, 343*, 2085, 2501*, 2809	3, 12	1607*
1, 26-27	1602*	3, 13	1736, 2568
1, 26-28	307*	3, 14-19	2427*
1, 26-29	2402*	3, 15	70*, 410*, 489*
1, 27	36*, 355, 383, 1604*, 2331	3, 16	376*, 400*, 1609
1, 28	372, 373*, 1604, 1607*, 1652, 2331, 2427*	3, 16b	1607*
1, 28-31	2415*	3, 16-19	1607*
1, 31	299, 1604*	3, 17	400*
2, 1-3	345	3, 17-19	378*
2, 2	314*, 2184	3, 19	376*, 400*, 400*, 1008*, 1609
2, 7	362, 369*, 703*	3, 20	489*
2, 8	378*	3, 21	1608*
2, 15	378	3, 24	332*
2, 17	376*, 396, 396, 400*, 1006*, 1008*	4, 1-2	2335*
2, 18	371*, 1605*, 1652	4, 3-8	2538*
2, 19-20	371, 2417*	4, 3-15	401*
2, 22	369*, 1607*	4, 4	2569*
2, 23	371, 1605*	4, 8-12	2259*
2, 24	372, 1605, 1627*, 1644*, 2335	4, 10	1736*, 1867*, 2268*
2, 25	376*	4, 10-11	2259
3	390*, 2795*	4, 26	2569*
		5, 1	2335*
		5, 1-2	2331
		5, 24	2569*
		6, 3	990*
		6, 5	401*
		6, 9	2569
		6, 12	401*

8, 8-12	701*	41, 42	1295*
8, 20-9, 17	2569*	45, 8	312
9, 1-4	2417*	49, 24	269
9, 5-6	2260	50, 20	312
9, 8-16	2569*		
9, 9	56*	Xuất hành	
9, 16	71*	3, 1-10	2575*
10, 5	56	3, 5	2777
10, 20-31	56*	3, 5-6	208*
11, 4-6	57*	3, 6	205, 207
12, 1	59	3, 7-10	1867*
12, 1-4	145*	3, 13-15	205
12, 2	762*, 1669*	3, 14	446*, 2666*, 2810*
12, 3	59, 706*, 2676	4, 22	238, 441*
12, 4	2570	12, 3-14	608*
13, 8	500*	13, 3	1363*
14, 16	500*	13, 12-13	529*
14, 18	58*, 1333, 1544	13, 22	659*
15, 2	2374	15, 1	2810
15, 2-3	2570*	15, 26	1502
15, 5	146*, 288*	16, 19	2836*
15, 5-6	762*	16, 19-21	2837*
15, 6	146*, 2571*	17, 1-6	694*
17, 1-2	2571*	17, 2-7	2119*
17, 4-8	1819*	17, 8-13	2577*
17, 5	59	19	751*, 2060*
18, 1-15	706*, 2571*	19, 5-6	709*, 762*, 2810*
18, 10-14	489*	19, 6	63*, 1539
18, 14	148*, 276*	19, 16-25	2085*
18, 16-33	2571*	19-20	708*
18, 20	1867*	20, 1-17	2056*
19	332*	20, 2	2061
19, 1-29	2357*	20, 2-5	2083
19, 13	1867*	20, 7	2141
21, 1-2	489*	20, 8-10	2167
21, 17	332*	20, 11	2169
22, 1-18	1819*	20, 12	2196, 2200, 2214*
22, 8	2572	20, 13	2257
22, 11	332*	20, 14	2330
22, 17-18	706*	20, 15	2400
23, 4	145*	20, 16	2463, 2504
28, 10-22	2573*	20, 17	1456*, 2513, 2533
29, 15	500*	22, 20-22	1867*
30, 1	2374	23, 7	2261
32, 25-31	2573*	23, 12	2172*
38, 18	1295*	23, 20-23	332*

24	2060*	11, 24-25	1541*
24, 7	2060*	12, 3	2576
24, 8	613*	12, 7-8	2576
24, 15-18	697*, 2085*	12, 13-14	2577*
25, 10-22	2130*	21, 4-9	2130*
25, 16	2058, 2058	24, 17	528*
25, 22	433*	24, 17-19	528*
29, 1-30	1539*	28, 9	582*
29, 7	436*		
30, 22-32	695*	Đệ nhị luật	
31, 15	2168, 2189	1-11	708*
31, 16	2171*	4, 13	2056
31, 17	2172	4, 15-16	2129
31, 18	700, 2056*, 2058	4, 19	57*
32	210*	4, 37	218*
32, 1-34, 9	2577*	5, 2	2060
32, 15	2058	5, 4	2059
33, 9-10	697*	5, 6	431, 2061, 2084, 2133
33, 11	2576	5, 6-9	2083*
33, 12-17	210*	5, 6-22	2056*
33, 18-19	210	5, 11	2141*
33, 19-23	2583, 2666*	5, 12	2189
34, 6	210, 214, 231, 2577*	5, 12-15	2167*
34, 7	211	5, 15	2057, 2170
34, 9	210*	5, 16	2196*, 2200*, 2247
34, 28	2056	5, 18	2330*
34, 29	2058	5, 19	2400*, 2450
40, 1-3	2058	5, 21	2533
40, 36-38	697*	5, 22	2056*, 2058
		6, 4	228, 2083
Lêvi		6, 4-5	201, 459*, 2093*
8	1539*	6, 5	368*, 2055*, 2133
8, 12	436*	6, 13	2096, 2150
11, 44	2813	6, 13-14	2084
16, 2	433*	6, 16	2119
16, 15-16	433*, 613*	7, 6	762*
17, 14	2260*	7, 8	218*
18, 7-20	2388*	7, 9	215*
19, 2	2811	8, 3	1334*, 2835*
19, 13	2434*	10, 4	2056
19, 15	1807	10, 15	218*
19, 18	2055*	11, 14	1293*
26, 12	2550	14, 1	441*
		15, 11	2449
Dân số		18, 10	2116*
1, 48-53	1539*	24, 1	1610*
7, 89	433*		

24, 14-15	1867*, 2409*, 2434*	8, 10-12	697*
25, 13-16	2409*	8, 10-61	2580*
28, 10	63	17, 7-24	2583*
29, 3	368*	18, 20-39	2583*
29-30	708*	18, 26-29	2766*
30, 15-20	1696*	18, 38-39	696*
30, 16	2057	18, 39	2582*
31, 9	2056*	19, 1-14	2583*
31, 24	2056*	19, 5	332*
32, 6	238*	19, 16	436*
32, 8	57*, 441*	21, 1-29	2538*
32, 34	1295*	21, 8	1295*
32, 39	304*		
Giôsùê		Các Vua quyển 2	
3, 10	2112	2, 9	2684*
13, 33	1539*	Sử biên niên quyển 1	
Thủ lãnh		17, 13	441*
6, 11-24	332*	Sử biên niên quyển 2	
13	332*	36, 21	2172*
13, 18	206*	Étra	
Samuen quyển 1		9, 6-15	2585*
1	489*	Nokhemia	
1, 9-18	2578*	1, 4-11	2585*
3, 9-10	2578	13, 15-22	2172*
9, 16	436*	Tôbia	
10, 1	436*	1, 16-18	2300*
12, 23	2578	2, 12-18 vulg.	312*
16, 1	436*	3, 11-16	2585*
16, 12-13	436*	4, 3-4	2214*
16, 13	695*	4, 5-11	2447*
28, 19	633*	4, 15	1789*
Samuen quyển 2		8, 4-9	2361
7	709*	8, 6	360*
7, 14	238*, 441*	12, 8	1434*
7, 18-29	2579*	12, 12	336*
7, 28	215, 2465*	13, 2	269*
12, 1-4	2538*	Giuditha	
12, 7-15	1736*	9, 2-14	2585*
Các Vua quyển 1		Étte	
1, 39	436*	4, 17c	269*
6, 23-28	2130*		
7, 23-26	2130*		

Macabê quyển 2

6, 30	363*
7, 9	992
7, 14	992
7, 22-23	297
7, 28	297
7, 29	992*
10, 29-30	333*
11, 8	333*
12, 46	958, 1032

Gióp

1, 5	1032*
1, 6	441*
10, 8-12	2270*
12, 10	2318
33, 23-24	336*
36, 26	223
38, 7	332*
42, 2	275
42, 3	299*

Thánh vịnh

2, 1-2	600*
2, 2	436*
2, 6-7	745*
2, 7	441*, 653*, 2836
2, 7-8	2606
6, 3	1502*
6, 6	633*
8	2809*
8, 2	300, 2160, 2566*
8, 3	559*
8, 6	2566*, 2809*
16, 9-10	627*
19, 2	326*
19, 2-5	299*
22	304*
22, 1	603*
22, 2	2605*
22, 10-11	2270*
22, 15	112*
22, 27	716*
23, 5	1293*
24, 6	2582*
24, 7-10	559

24, 8-10	269
24, 9-10	2628
27, 8	2730
27, 10	239*
29, 2	2143*
32	304*
32, 5	1502*
33, 6	292*, 703*
34, 3	716*
34, 8	336*
35	304*
38	1502*
38, 5	1502*
39, 9	1502*
39, 12	1502*
40, 2	2657
40, 5	150*
40, 7-9 LXX	462
40, 8-9	2824*
42, 3	2112*
42, 8	2803
50, 3	1039
51, 6	431*, 1850
51, 11	431
51, 12	298*
51, 19	1428, 2100
55, 23	322*
56, 5	990*
68, 6	238*
69, 10	584
79, 9	431*
82, 6	441*
84, 3	1770
85, 11	214*
85, 12	2795*
88, 11-13	633*
89	709*
89, 49	633*
91, 10-13	336*
95, 1-6	2628*
95, 8	1165*, 2659
95, 9	2119*
95, 10	539*
96, 2	2143*
102, 27-28	212
103	304*

103, 20	329	146, 3-4	150*
104	288*	Châm ngôn	
104, 13-15	1333*	1, 8	2214*
104, 15	1293*	6, 20-22	2216
104, 24	295	8, 1-9, 6	721*
104, 27	2828	8, 7	2465*
104, 30	292*, 703*	8, 22-31	288*
105, 3	30	13, 1	2216
106, 23	2577	14, 15	1806
107, 20	1502*	17, 6	2219
110	447	18, 5	2476*
110, 1	659*	19, 9	2476*
110, 4	1537*	19, 21	303
111, 9	2807*	21, 1	269*
113, 1-2	2143*	25, 9-10	2489*
115, 3	268, 303	Giảng viên	
115, 4-5	2112	3, 20-21	703*
115, 8	2112	12, 1	1007
115, 15	216*, 287	12, 7	1007
115, 16	326*, 326*	Diễm ca	
116, 12	224	1, 7	2709
116, 13	1330*	3, 1-4	2709*
116, 17	1330*	8, 6	1040*, 1295*
117, 24	2173	8, 6-7	1611
118, 14	1808	Khôn ngoan	
118, 22	587*, 756*	1, 13	413, 1008*
118, 24	2173	2, 23-24	1008*
118, 26	559	2, 24	391*, 413, 2538*
119, 30	2465*	4, 8	1308
119, 90	2465	7, 17	2501*
119, 105	141	7, 17-21	216*, 283
119, 142	2465*	7, 25-26	2500
119, 160	215	7, 29-30	2500
121, 2	1605*	8, 1	302
124, 8	287	8, 2	2500
130, 1	2559	8, 7	1805
131, 2	239*	9, 9	295*
131, 2-3	370*	10, 5	57*
134, 3	287	11, 20	299
135, 6	269	11, 21	269
138	304*	11, 23	269
138, 2	214	11, 24-26	301
139, 15	2270	11, 24	373
143, 10	1831		
145, 3	300		
145, 9	295, 342*		

13, 1	1147*	6, 5	208, 2584*
13, 1-9	32*, 216*	6, 6	332*
13, 1-15, 19	2112*	6, 8	2584*
13, 3	2129, 2500	6, 11	2584*
13, 5	41, 2500	6-12	712*
14, 12	2534*	7, 14	497
15, 5	2520	9, 5	2305
16, 5-14	2130*	10, 5-15	304*
18, 13	441*	11, 1-2	712, 1831*
Huân ca		11, 1-9	672*
1, 22	2339*	11, 2	436*, 536*, 1286*
3, 2-6	2218	12, 3	2561*
3, 12-13	2218	29, 11	1295*
3, 16	2218	29, 13	368*
5, 2	1809*	32, 17	2304*
5, 9	2536	33, 24	1502*
7, 27-28	2215	38	1502*
11, 14	304*	40, 1-3	719*
15, 14	1730, 1743	40, 6	990*
17, 18	2447*	40, 11	754*
18, 30	1809	41, 1-9	713*
21, 28	2477*	42, 1	536*, 555*
24	721*	42, 3	580
27, 17	2489*	42, 6	580
30, 1-2	2223	43, 1	287*, 2158*, 2167*
36, 14	441*	43, 1-7	218*
37, 27-31	1809*	43, 19	711
43, 27-28	2129	44, 6	198, 212*
43, 30	300*	44, 9-20	2112*
48, 1	696	44, 24	288*
50, 22	433*	45, 5-7	304*
Isaia		45, 8	2795*
1, 2-4	762*	45, 15	206
1, 6	1293*	45, 22-24	201
1, 10-20	2100*	49, 1-6	713*
1, 16-17	1430*	49, 5-6	64*
1, 17	1435*	49, 13	716*
1, 24	269	49, 14-15	219*, 370*
2, 2-4	64*	49, 15	239*
2, 2-5	762*	50, 4	141*
2, 4	2317	50, 4-10	713*
5, 1-7	755*	51, 1	2561*
6, 1	1137	52, 13-15	713*
6, 2-3	1138*	53, 1	591*
6, 3	2809*	53, 4	517*, 1505*
		53, 4-6	1505*

53, 7	608*	31, 33	368, 580, 2713*
53, 7-8	601*	31, 35-37	346*
53, 8	627	32, 10	1295*
53, 10	623*	32, 17	269*
53, 10-12	400*, 615*	33, 19-26	288*, 346*
53, 11	64*, 579*, 601*, 623*, 1502*	Ai ca	
53, 11-12	601*	5, 21	1432
53, 12	536*, 608*, 713	Barúc	
54	1611*	6	2112*
54, 8	220	Êdêkien	
54, 10	220	1, 26-28	1137*
55, 1	694*, 2121*	9, 4-6	1296*
55, 3	762*	11, 19	715*
58, 6-7	2447*	14, 14	58
61, 1	436*, 695*, 716*, 1286*	16	219*
61, 1-2	714*	16	1611*
61, 6	1539*	18, 5-9	2056*
62	1611*	20	2811*
62, 4-5	219*	20, 39	2812*
65, 16	1063	23	1611*
66, 13	239*, 370*	32, 17-32	633*
Giêrêmia		34, 11-31	754*
1, 5	2270	36	64*, 2811*
1, 6	2584*	36, 20-21	2812*
2	762*	36, 20-22	2814*
2-3	1611*	36, 25-27	1287*
2, 13	2561	36, 25-28	715*
3, 4-19	370*	36, 26	368*
3, 19	441*	36, 26-27	1432*
3, 19-4, la	2795*	37, 1-14	715*
5, 7	2380*	37, 10	703*
7, 9	2056*	Danien	
10, 1-16	2112*	3, 57-58	2416*
11, 19	608*	7, 10	678*
13, 27	2380*	7, 13	440*
15, 15-18	2584*	7, 14	664
17, 5-6	150*	10, 9-12	330*
20, 7-18	2584*	12, 2	998*
27, 5	269*	12, 1-13	992*
29, 8	2116*	14, 1-30	2112*
31	1611*	Hô-sê	
31, 3	220	1	762*
31, 31-34	64*, 715*, 762*, 1965*		

1-3	1611*	2, 17	2143*
2	218*	4, 14	436*
2, 1	441*	6, 13	436*
2, 7	2380*	9, 9	559
2, 21-22	2787*	12, 10	1432*, 2561*
4, 2	2056*	13, 1	2561*
6, 1-6	2787*	14, 8	694*
6, 2	627*		
6, 6	589*, 2100*	Malakhi	
11	219*	1, 11	1330*, 1350*, 2643*
11, 1	219*, 441*, 530*	2, 6	217
11, 1-4	370*	2, 7-9	1540*
11, 9	208	2, 10	238*
		2, 13-17	1611*
Giôen		3, 19	678*
2, 12-13	1430*		
3, 1-2	1287*		
3, 1-5	715*		
3-4	678*		
		Tân Ước	
Amốt		Tin Mừng theo thánh Mátthêu	
5, 21-25	2100*	1, 16	437
5, 24	1435*	1, 18-25	497*
7, 2	2584*	1, 20	333*, 437, 486*, 497
7, 5	2584*	1, 21	430, 452, 1507*, 1846, 2666*, 2812*
8, 4-6	2409*	1, 23	497, 744
8, 4-10	2269*	2, 1	528*
8, 6	2449	2, 1-12	486*
8, 11	2835	2, 2	439*, 528*
		2, 4-6	528*
Giôna		2, 11	724*
1, 3	29*	2, 13	333*
2, 1	627*	2, 13-18	530*
2, 3-10	2585*	2, 15	530*
		2, 19	333*
Mikha		3, 3	523*
2, 2	2534*	3, 7	535*
4, 1-4	762*	3, 7-12	678*
		3, 13	1223*
Xôphônia		3, 13-17	535, 1286*
2, 3	64*, 711*, 716*	3, 14-15	608*
3, 14	722*, 2676	3, 15	536, 1224*
3, 17	2676*	3, 16	536, 701*
3, 17a	2676	3, 16-17	1224*
		3, 17	444*, 713*
Dacaria		4, 1-11	394*, 2849*
1, 12	336*	4, 4	2835
2, 14	722*	4, 10	2083, 2135

4, 11	333*	6, 2	1063*
4, 17	1720*, 1989	6, 2-4	1753*, 2447*
4, 19	878*	6, 2-18	575*
4, 21	878*	6, 5	1063*
4, 24	1503*	6, 6	1693*, 2608, 2655, 2691*
5-6	764*	6, 7	2608*, 2668, 2766*
5-7	2763*	6, 8	443*, 2736*
5, 1	581*	6, 9	268*, 443
5, 3	544, 2546	6, 9-13	1969, 2759, 2759*
5, 3-12	1716	6, 10	2632*
5, 8	1720, 2518	6, 11	1165*, 2659*
5, 9	2305, 2330	6, 12	2845
5, 11-12	520*	6, 14-15	2608*, 2792*, 2841*
5, 13-16	782*, 2821*	6, 16	1063*
5, 14	1243	6, 16-18	1430*
5, 16	326	6, 21	368*, 2533, 2551, 2604*, 2608*, 2729*, 2848
5, 17	2053*	6, 24	2113, 2424, 2729*, 2821*, 2848
5, 17-19	577, 592*, 1967*	6, 25	2608*
5, 20	2054*	6, 25-34	2547*, 2830*
5, 21	2262, 2302	6, 26-34	322*
5, 21-22	2054, 2257	6, 26	2416*
5, 22	678*, 1034*, 2302	6, 31-33	305
5, 22-26	2262*	6, 32	270*
5, 23-24	2608*, 2792*, 2841*, 2845*	6, 33	1942, 2604*, 2608*, 2632*
5, 24	1424	6, 34	2659*, 2836*
5, 27-28	2330, 2336, 2380*	7, 1-5	678*
5, 28	1456*, 2513, 2528	7, 7-11	2609*
5, 29	1034*	7, 12	1789, 1970
5, 29-30	226*	7, 12-13	2821*
5, 31-32	2382*	7, 13-14	1036, 1970*, 2609*
5, 32	2380*	7, 13	1696
5, 33	592*, 2463	7, 14	1696
5, 33-34	581, 2141, 2153	7, 15	2285*
5, 37	2153, 2338*, 2466	7, 20	2005
5, 38-39	2262*	7, 21	443*, 1821*, 2611*, 2826
5, 42	2443	7, 21-27	1970*
5, 43-44	1933*, 2844*	7, 28-29	581
5, 44	1825*, 1968*, 2262*	8, 2	448*
5, 44-45	2303, 2608*	8, 4	586*
5, 45	2828	8, 8	1386*
5, 46-47	2054*	8, 10	2610*
5, 47	1693	8, 11	543*
5, 48	443*, 1968*, 2013, 2842	8, 17	517, 1505
6, 1-6	1430*, 1969*	8, 20	2444*
6, 1-18	1434*		

8, 26	2610*	12, 41-42	590, 678*
9, 12	581*	12, 49	764*
9, 13	589*, 2100	12, 50	2233
9, 27	439*, 2616	13, 3-9	546*
9, 38	2611*	13, 3-23	1724*
10, 5-7	543*	13, 10-15	546*
10, 8	1509, 2121, 2443	13, 10-17	787*
10, 10	2122	13, 11	546
10, 16	764*	13, 22	29*
10, 19-20	728*	13, 24-30	827*
10, 22	161, 1821*	13, 41	333*
10, 25	765*	13, 41-42	1034
10, 28	363*, 1034*	13, 42	1034*
10, 29-31	305*	13, 44-45	546*
10, 32	14*, 2145*	13, 50	1034*
10, 32-33	1816	13, 52	1117*
10, 37	2232	13, 55	495*, 500
10, 38	1506*	14, 13-21	1335*
10, 40	858	14, 19	1329*
11, 5	549*, 2443	14, 30	448*
11, 6	548*	15, 3-7	579*
11, 13	523*	15, 18-19	1968*
11, 13-14	719*	15, 19	2517
11, 20-24	678*	15, 19-20	1853
11, 25	153*, 544*, 2779, 2785	15, 22	439*, 448*
11, 25-26	2701*	15, 28	2610*
11, 25-27	2603*	15, 32-39	1335*
11, 27	151*, 240, 443*, 473*, 2779	15, 36	1329*
11, 28	1658	16-18	1969*
11, 29	459	16, 16-23	440*
11, 29-30	1615*	16, 16	424, 442*, 552*
12, 5	581*, 582*, 2173*	16, 17	153, 442
12, 6	586*, 590*	16, 18-19	881*
12, 7	2100	16, 18	424*, 442*, 586*, 869*
12, 12	342	16, 19	553, 1444
12, 18-21	713*	16, 21	554
12, 23	439*	16, 21-23	540*, 607*
12, 24	574*	16, 22-23	554*
12, 26	550*	16, 24	226*, 618*, 2029
12, 28	550	16, 24-26	736*
12, 30	590	16, 25	2232*
12, 31	1864	16, 25-26	363*
12, 32	679*, 1031*	16, 26	1021*
12, 39	994	17, 1-8	554*
12, 40	627*, 635*	17, 5	444*
		17, 10-13	718*

17, 23	554*	21, 34-36	443*
17, 24-27	586*	21, 37-38	443*
18, 3	2785	21, 42	756*
18, 3-4	526*	22, 1-14	546*, 796*
18, 6	2285	22, 21	2242
18, 10	329, 336*	22, 23-24	581*
18, 14	605, 2822*	22, 23-34	575*
18, 16	2472*	22, 34-36	581*
18, 18	553*, 1444*	22, 36	2055
18, 20	1088, 1373	22, 37	2083
18, 21-22	982*, 2227*, 2845*	22, 37-40	2055
18, 23-35	2843*	22, 40	1824*
19, 1-12	2364*	22, 41-46	439*, 447*
19, 3-9	2382*	23, 9	2367*
19, 3-12	1620*	23, 12	526*
19, 4	1652	23, 16-22	2111*
19, 6	796, 1605, 1614, 1644, 2336*, 2380*	23, 21	586*
19, 6-12	2053*	23, 37a	558*
19, 7-9	2382*	23, 37b	558
19, 8	1610*, 1614*	23, 39	674*
19, 10	1615*	24, 1-2	585*
19, 11	1615*	24, 3	585*
19, 12	922, 1579, 1618	24, 12	675*
19, 16-17	2075	24, 13	161
19, 16-19	2052	24, 36	443*
19, 18	2400	24, 44	673*
19, 21	2053, 2053*	25, 1-3	672*, 796*
19, 23-24	226*	25, 6	1618*
19, 23-29	2053*	25, 14-30	546*, 1936*
19, 26	276, 308*, 1058, 2841	25, 21	1029*, 1720*, 2683*
19, 28	765*	25, 23	1029*, 1720*
20, 19	572	25, 31	331, 333*, 671*, 679*
20, 26	2235	25, 31-33	1038
20, 28	440, 601*, 605, 622, 786	25, 31-36	2443*
20, 30	439*	25, 31-46	544*, 1033*, 1373, 2447*, 2831*
21, 1-11	559*	25, 36	1503
21, 9	439*	25, 40	678, 1397*, 1825*, 1932, 2449*
21, 13	584*	25, 41	1034
21, 15	439*	25, 45	598*, 1825*, 2463
21, 15-16	559*	25, 46	1038
21, 18	544*	26, 17-29	1339*
21, 21	2610*	26, 20	610*
21, 28-32	546*	26, 26	1328, 1329*
21, 32	535*		
21, 33-43	755*		

26, 28	545, 610, 613, 1365, 1846, 2839*	1, 21	2173*
		1, 24	438
26, 29	1403	1, 25-26	1673*
26, 31	764*	1, 35	2602*
26, 36-44	2849*	1, 40-41	2616*
26, 38	363*	1, 41	1504*
26, 39	536*, 612	2, 1-12	1421*
26, 40-41	2719*	2, 5-12	1502*, 1503*
26, 41	2733, 2846*	2, 5	1441, 1484, 2616*
26, 42	612*, 612*	2, 7	430, 574*, 574*, 589, 1441*
26, 52	2262*	2, 8	473*
26, 53	333*, 609*	2, 10	1441
26, 54	600*	2, 14-17	574*
26, 64-66	591*	2, 17	545, 1484*, 1503*
26, 64	443*	2, 19	796
26, 66	596*	2, 23-27	581*
27, 25	597	2, 23-26	544*
27, 39-40	585*	2, 25-27	582*
27, 48	515*	2, 27	2173
27, 51	586*	2, 27-28	2167
27, 52-53	633*	2, 28	2173
27, 54	441*	3, 1-6	574*
27, 56	500*	3, 4	2173*
28, 1	500, 2174, 2174*	3, 5-6	1859*
28, 6	652*	3, 5	591*
28, 9	645*	3, 6	574*, 591*
28, 9-10	641*	3, 10	1504*
28, 10	654	3, 13-19	551*, 787*
28, 11-15	640*	3, 13-14	858
28, 16-17	645*	3, 14-19	1577*
28, 16-20	857*, 1444*	3, 14-15	765*
28, 17	644	3, 15	1673*
28, 18-20	1120*	3, 16	552*
28, 19	189, 232, 265, 543*, 691*, 730*, 831*, 1122, 2156	3, 22	548*, 574*
28, 19-20	2, 767*, 849, 1223, 1257*, 1276	3, 27	539*
28, 20	80, 788*, 860*, 2743	3, 29	1864*
		3, 31-35	500*
		4, 4-7	2707*
		4, 11	546
		4, 15-19	2707*
		4, 33-34	546*
		5, 21-43	994*
		5, 25-34	548*
		5, 28	2616*
		5, 34	1504*
		5, 36	1504*, 2616*
Tin Mừng theo thánh Máccô			
1, 1	422*, 515*		
1, 11	151, 422*		
1, 13	333*, 538*		
1, 14-15	541		
1, 15	1423*, 1427, 2612		
1, 16-20	787*		

6, 3	500*	10, 28-31	1618*
6, 5	699*	10, 32-34	557*
6, 6	2610	10, 33-34	474*
6, 7	765*, 1673*	10, 34	649*, 994*
6, 12-13	1506	10, 38	536*, 1225*
6, 13	1511*, 1673*	10, 39	618*
6, 17-29	523*	10, 43-45	1551*
6, 38	472*	10, 45	608*, 1570*
6, 46	2602*	10, 46-52	2667*
6, 56	1504*	10, 47	2616
7, 8-13	2196*	10, 52	548*
7, 8	581*	11, 24	2610
7, 10-12	2218*	11, 25	2841*
7, 10	2247	12, 17	450*
7, 13	581*	12, 24	993
7, 14-23	574*	12, 25	1619*
7, 18-21	582	12, 27	993
7, 21	1764*	12, 28-34	575*
7, 29	2616*	12, 29-31	129*, 2196
7, 32-36	1504*	12, 29-30	202*
7, 33-35	1151*	12, 29	228
8, 6	1329*	12, 35-37	202*
8, 19	1329*	12, 36-37	590
8, 22-25	1151*, 1504*	12, 38-40	678*
8, 23	699*	12, 41-44	2444*
8, 27	472*	13	2612*
8, 31-33	557*	13, 9	2849*
8, 31	474*, 572, 649*	13, 23	2849*
8, 34	459*, 1615*	13, 32	474*, 673*
8, 35	2544*	13, 33-37	672*, 2849*
9, 2	552*	14, 12-25	1339*
9, 7	151*, 459	14, 18-20	474*
9, 9	649*	14, 22	1328
9, 23	1504*, 2610	14, 25	1335*, 1403*
9, 24	162*	14, 26-30	474*
9, 31	474*, 649	14, 33-34	1009*
9, 31-32	557*	14, 36	473*, 2701*
9, 37	1825*	14, 38	2849*
9, 43-48	1034*	14, 57-58	585*
10, 8	1627*	14, 62	443*
10, 9	1639*, 2364, 2382*	15, 11	597*
10, 11-12	1650, 2380*	15, 34	603, 2605
10, 14	1244, 1261	15, 37	2605*
10, 16	699*	15, 39	444
10, 19	1858	16, 1	641*, 2174*
10, 22	2728*	16, 2	2174

16, 5-7	333*	1, 55	422*
16, 7	652*	1, 68	422*, 717*
16, 11	643*	1, 73	706*
16, 12	645, 659*	1, 76	523
16, 13	643*	2, 6-7	525*
16, 14	643	2, 7	515*
16, 15-16	977, 1223*	2, 8-14	333*
16, 15	888*	2, 8-20	486*, 525*
16, 16	161*, 183, 1253*, 1256*, 1257*	2, 10	333*
16, 17	434*, 1673*	2, 11	437, 448*, 695*
16, 17-18	670*, 1507	2, 14	333, 559*, 725*
16, 18	699*	2, 15-19	724*
16, 19	659, 659*	2, 19	2599*
16, 20	2, 156*, 670*	2, 21	527*
		2, 22-39	529*, 583*
		2, 25	711*
		2, 26-27	695*
		2, 32	713*
		2, 34	575*, 587*
		2, 35	149*, 618*
		2, 38	711*
		2, 41	583*
		2, 41-52	534*
		2, 46-49	583*
		2, 48-49	503*
		2, 49	2599
		2, 51	517*, 531*, 2196, 2599*
		2, 52	472, 531
		3, 3	535
		3, 8	1460
		3, 10-14	535*
		3, 11	2447
		3, 16	696
		3, 21	608*, 2600*
		3, 22	536*
		3, 23	535*
		4, 1	695*
		4, 5-6	2855*
		4, 8	2096
		4, 9	2119*
		4, 13	538
		4, 16- 21	436*
		4, 16-22	1286*
		4, 18	544, 2443*
		4, 18-19	695*, 714
		4, 19	1168*
Tin Mừng theo thánh Luca			
1, 11	332*		
1, 15	717		
1, 17	523, 696, 716*, 718, 1098*, 2684*		
1, 23	1070*		
1, 26-38	497*, 706*, 723*, 2571*		
1, 26-27	488		
1, 26	332*		
1, 28-37	494*		
1, 28	490, 491*		
1, 31	430*, 2812*		
1, 32-33	709*		
1, 32	559		
1, 34	484, 497*, 505		
1, 35	437*, 484, 486*, 697*		
1, 37	148, 269*, 273, 276		
1, 37-38	494		
1, 38	64*, 148, 510, 2617*, 2677, 2827*, 2856*		
1, 41	523*, 717*, 2676		
1, 43	448*, 495, 2677		
1, 45	148, 2676		
1, 46-55	722*, 2619*, 2675*		
1, 46-49	2097*		
1, 48	148*, 971, 2676*, 2676*		
1, 49	273, 2599*, 2807*, 2827*		
1, 50	2465*		
1, 54-55	706*		

5, 8	208	10, 2	2611*
5, 16	2602*	10, 7	2122*
5, 17	1116*	10, 16	87, 858*
5, 30	588*	10, 17-20	787*
5, 32	588	10, 21	1083*
6, 6-9	581*	10, 21-22	2603*
6, 12	2600*	10, 25-37	2822*
6, 12-16	1577*	10, 27	2083*
6, 19	695*, 1116*, 1504	10, 27-37	1825*
6, 20	2546*	10, 34	1293*
6, 20-22	2444*	11, 1	520*, 2601, 2759, 2773
6, 24	2547	11, 2	2632*
6, 28	1669*	11, 2-4	2759*
6, 31	1789*, 1970*	11, 4	1425, 2845
6, 36	1458*, 2842	11, 5-13	2613*
7, 11-17	994*	11, 13	443*, 728*, 2632*, 2671*
7, 16	1503	11, 20	700*
7, 18-23	547*	11, 21-22	385*
7, 19	453	11, 37	588*
7, 22	544*	11, 39-54	579*
7, 26	523*, 719*	11, 41	2447
7, 36	575*, 588*	12, 1-3	678*
7, 36-50	2712*	12, 7	342
7, 37-38	2616*	12, 8-9	333*
7, 48	1441*	12, 10	1864*
8, 6	2731*	12, 12	1287*
8, 10	1151*	12, 13	549*
8, 13	2731*	12, 14	549*
8, 13-15	2847*	12, 32	764
8, 15	368*, 2668*	12, 35-40	2849*
8, 24	2743*	12, 49	696
8, 26-39	550*	12, 50	536*, 607*, 1225*, 2804*
8, 46	695*, 1116*	13, 15-16	582*
9, 2	551	13, 20-21	2660*
9, 18-20	2600*	13, 31	575*
9, 23	1435*	13, 33	557
9, 28	2600*	13, 35	585*
9, 30-35	2583*	14, 1	575*, 588*
9, 31	554, 1151*	14, 3-4	582*
9, 33	556*	14, 26	1618*
9, 34-35	659*, 697	14, 33	2544*
9, 35	516, 554	15	1443*, 1846*
9, 45	554*	15, 1-2	589*
9, 51	557	15, 7	545
9, 58	544*	15, 11-24	1439
10, 1-2	765*	15, 11-31	1700*

15, 11-32	545*, 2839*	22, 19	610, 611*, 621,
18, 18	1423*, 2795*		1328, 1381
15, 21	2795*	22, 19-20	1365
15, 23-32	589*	22, 20	612*
15, 32	1468	22, 26-27	894*
16, 1	952*	22, 27	1570*
16, 3	952*	22, 28-30	787*
16, 13	2424	22, 29-30	551
16, 16	523*	22, 30	765*
16, 18	2382*	22, 31-32	641*, 643*
16, 19-31	1859*, 2463*, 2831*	22, 32	162*, 552*, 2600*
16, 22	336*, 1021*	22, 40	2612*
16, 22-26	633*	22, 41-44	2600*
17, 1	2287	22, 42	532, 2605, 2824
17, 3-4	2845*	22, 43	333*
17, 4	2227*	22, 46	2612*
17, 5	162*	22, 61-62	1429*
17, 14	586*	22, 70	443
17, 33	1889	23, 2	596*
18, 1	2098	23, 19	596
18, 1-8	2573*, 2613*	23, 28	2635*
18, 8	675*	23, 34	591*, 597*, 2605, 2635*
18, 9	588	23, 39-43	440*, 2616*
18, 9-14	2559*, 2613*	23, 40-43	2266*
18, 13	2631, 2667*, 2839*	23, 43	1021*, 2605
19, 1-10	2712*	23, 46	730*, 1011*, 2605
19, 8	549*, 2412	23, 47	441*
19, 9	1443*	24, 1	641*, 2174
19, 11-27	1936*	24, 3	640*
19, 13	1880*	24, 5-6	626*, 640
19, 15	1880*	24, 6-7	652*
19, 38	559*	24, 9-10	641*
19, 41	558*	24, 11	643
19, 42	558	24, 12	640*
20, 17-18	587*	24, 13-35	1329*, 1347*
20, 36	330*	24, 13-49	1094*
20, 39	575*	24, 15	645*, 659*
21, 4	2544*	24, 17	643
21, 12	675*	24, 21	439*
21, 24	58*, 674*	24, 22-33	640*
21, 27	671, 697*	24, 25-27	112*, 601*
21, 34-36	2612*	24, 26	555, 572, 710*
22, 7-20	1151*, 1339	24, 26-27	572, 652*
22, 15	167*, 2804*	24, 27	555*, 572, 2625*
22, 15-16	1130	24, 30	645*, 1166*
22, 18	1403*	24, 31	659*

24, 34	552*, 641	1, 36	608*
24, 36	641, 645*	1, 43	878*
24, 38	644*	2, 1	495
24, 39	644*, 645*, 645*, 999	2, 1-11	1613*
24, 40	645*	2, 1-12	2618*
24, 41	644	2, 11	486*, 1335*
24, 41-43	645*	2, 13-14	583*
24, 44	702*, 2625*, 2763*	2, 16-17	584
24, 44-45	572, 601*	2, 18	575*
24, 44-46	112*	2, 18-22	586*
24, 44-48	652*	2, 19-22	994*
24, 45	108*	2, 21	586*
24, 46	627	2, 25	473*
24, 47	981, 1120*, 1122	3, 2	581*
24, 47-48	730*	3, 3-5	782
24, 48-49	1304*	3, 5	720*, 1215, 1225, 1238, 1257*, 1262*, 2790*
24, 51	659*	3, 5-8	691*, 728*, 1287*
Tin Mừng theo thánh Gioan		3, 7	526, 591*
1, 1	241, 454*, 2780*	3, 9	505*
1, 1-3	291	3, 13	423, 440, 661
1, 3	268*	3, 14-15	2130*
1, 4	612*	3, 16	219, 444, 454*, 458, 706*
1, 6	717	3, 17	679*
1, 7	719	3, 18	432*, 444, 454*, 679*
1, 9	1216	3, 20-21	678*
1, 11	530	3, 29	523, 796*
1, 12	526*, 1692*	3, 30	524
1, 12-13	706*	3, 34	504, 690*, 1286
1, 12-18	1996*	3, 36	161*
1, 13	496*, 505, 526*	4, 6-7	544*
1, 14	423, 445, 454*, 461, 594*, 705*, 2466*	4, 10	728*, 2560, 2561
1, 16	423, 504	4, 10-14	694*, 1137*
1, 17	2787*	4, 14	728*, 1999*, 2557*, 2652
1, 18	151, 454*, 473*	4, 21	586
1, 19	575*	4, 22	528*, 586*
1, 23	719*	4, 23-24	586*, 728*
1, 29	408, 523, 536, 608, 613*, 1137*, 1505	4, 24	1179
1, 31	438	4, 25-26	439*
1, 31-34	486*	4, 34	606, 2611*, 2824*
1, 32-33	536*	5, 1	583*
1, 32-34	713*	5, 10	575*
1, 33-34	1286*	5, 14	583*
1, 33-36	719	5, 16-18	594*
		5, 18	574*, 589*
		5, 19	859, 1063*

5, 22	679	7, 16	427
5, 24	1470	7, 19	578*
5, 24-25	994*	7, 22-23	581*
5, 25	635	7, 22-24	582*
5, 26	612*, 679*	7, 23	2173*
5, 27	679*	7, 37-39	728*, 1287*, 2561*
5, 28-29	1038	7, 38	694*
5, 29	998	7, 38-39	1999*
5, 30	859, 2824*	7, 39	244*, 690*
5, 33	719*	7, 45	574*
5, 36	548*, 582	7, 48-49	575*
5, 39	702*	7, 49	588*
5, 46	702*	7, 50	595*
6	1338*	8, 2	583*
6, 5-15	549*	8, 12	2466
6, 15	439*, 559*	8, 28	211, 653, 2812*
6, 26-58	2835*	8, 29	603*, 1693*, 2824, 2825*
6, 27	698, 728*, 1296*	8, 31-32	89*, 2466*
6, 32	1094	8, 32	1741*
6, 33	423	8, 33-36	588*
6, 38	606*, 2824*	8, 34-36	549*, 601*, 613*
6, 39-40	989*, 1001	8, 44	391*, 392, 394, 2482, 2852
6, 40	161*, 994*	8, 46	578*, 592*, 603*
6, 44	259*, 591*, 1001, 1428*	8, 48	574*
6, 46	151	8, 55	473*
6, 51	728*, 1355, 1406, 2837*	8, 58	590
6, 53	1384	8, 59	574*
6, 53-56	2837*	9, 6	1151*, 1564*
6, 54	994*, 1001, 1406, 1509*, 1524	9, 6-15	1504*
6, 56	787, 1391, 1406	9, 7	1504*
6, 57	1391	9, 16	596*, 2173*
6, 58	1509*	9, 16-17	595*
6, 60	1336	9, 22	575*, 596*
6, 61	473*	9, 31	2827
6, 62	440*	9, 34	588*
6, 62-63	728*	9, 40-41	588*
6, 63	2766	10, 1-21	764*
6, 67	1336	10, 1-10	754*
6, 68	1336	10, 3	2158*
6, 69	438	10, 11	553, 754*
7, 1	583*	10, 11-15	754*
7, 10	583*	10, 16	60*
7, 12	574*	10, 17	606
7, 13	575*	10, 17-18	614*, 649
7, 14	583*	10, 18	609

10, 19	596*	13, 15	520*
10, 19-21	595*	13, 20	858*
10, 20	574*	13, 34	782*, 1823*, 1970*, 2195, 2822*, 2842
10, 22-23	583*	14, 1	151
10, 25	548*, 582*	14, 2	661
10, 30	590	14, 2-3	2795*
10, 31	574*	14, 3	1025*
10, 31-38	548*	14, 6	74*, 459, 1698, 2466*, 2614
10, 33	574*, 589*, 594*	14, 9	516
10, 36	437, 444*	14, 9-10	470*
10, 36-38	591*	14, 13	2614, 2633*, 2815*
10, 37-38	582*	14, 13-14	2614*
10, 38	548*	14, 16-17	729*, 2615
11	994*	14, 16	692
11, 24	993*, 1001	14, 17	243*, 687, 2466*, 2671*
11, 25	994	14, 18	788*
11, 27	439*	14, 22	647*
11, 28	581*	14, 23	260
11, 34	472*	14, 23-26	2615*
11, 39	627*	14, 26	243*, 244*, 263*, 692, 729*, 1099*, 2466*, 2623*
11, 41-42	2604*	14, 30	1851*, 2853
11, 44	640*	14, 31	606
11, 47-48	548*	15, 1-4	1988*
11, 48	596	15, 1-5	755*
11, 50	596	15, 1-17	1108*
11, 52	58, 60*, 706*, 2793*	15, 3	517*
12, 8	2449	15, 4-5	787
12, 24	2731	15, 5	308*, 737*, 859*, 864*, 1694*, 2074, 2732
12, 27	363*, 607	15, 7	2615*
12, 28	434*	15, 8	737*
12, 31	550*, 2853*	15, 9	1823
12, 32	542, 662, 786*, 1428*, 2795*	15, 9-10	1824
12, 37	582*	15, 12	459, 1823, 1970*, 2074
12, 41	712	15, 13	363*, 609, 614*
12, 42	595	15, 15	1972, 2347*
12, 46	2466*	15, 16	434, 737*, 2615*, 2815*
12, 48	679*, 1039*	15, 16-17	2745
13, 1	557*, 609, 616*, 622, 730*, 1085*, 1380, 1524*, 1823, 2843*	15, 19-20	675*
13, 1-17	1337*	15, 20	530*, 765*
13, 3	423	15, 26	244*, 248, 263, 692, 719*, 729*, 1433*, 2671*
13, 12-15	1269*	16, 7	692
13, 12-16	1694*		
13, 13	447*		

16, 7-15	729*, 1287*	18, 12	575*
16, 8	388	18, 20	586*
16, 8-9	1433	18, 31	596*
16, 11	385*	18, 36	549*, 600*
16, 13	91*, 243, 687*, 692*, 1117, 2466, 2671*	18, 37	217, 559*, 2471*
16, 13-15	2615*	19, 11	600*
16, 14	244*, 690*	19, 12	596*
16, 14-15	485*	19, 15	596*
16, 23-27	2615*	19, 19-22	440*
16, 24	2615, 2761, 2815*	19, 21	596*
16, 26	2815*	19, 25	495
16, 28	661*, 2795*	19, 25-27	726*, 2618*
16, 33	1808	19, 26-27	501*, 964, 2605
17	2604*, 2746*, 2758*	19, 27	2677*, 2679*
17, 1	730*, 1085*, 2750*	19, 28	544*, 607, 2561*, 2605
17, 2	2750*	19, 30	607, 624*, 730*, 2605, 2605*
17, 3	217*, 684*, 1721*, 1996*, 2751*	19, 31	641*
17, 4	1069*, 2750*	19, 34	478*, 694*, 1225*
17, 5	2750*	19, 36	608*
17, 6	589*, 2750*, 2750*, 2812*	19, 37	1432*
17, 6-10	2751*	19, 38	575*
17, 7	2765*	19, 38-39	595*
17, 8	2812*	19, 42	624*, 641*
17, 9	2750*	20, 1	2174
17, 10	2750*	20, 2	640
17, 11	2747*, 2749*, 2750*, 2750*, 2815, 2849*	20, 5-7	640*
17, 12	2750*, 2750*	20, 6	640
17, 13	2747*, 2749*	20, 7	515*
17, 15	2750*, 2850	20, 8	640*
17, 17	2466*	20, 11-18	641*
17, 17-19	2812*	20, 13	640*
17, 17-20	2821*	20, 14	645*, 645*
17, 18	858*	20, 14-15	645*, 659*
17, 19	611, 2747*, 2749*, 2812	20, 16	645*
17, 21	820	20, 17	443, 645*, 654*, 660, 2795*
17, 21-23	260*, 877*	20, 19	575*, 643*, 645*, 659*
17, 22	690*, 2750*	20, 20	645*
17, 23-26	2750*	20, 21	730, 858
17, 24	2749*, 2750*	20, 21-23	1087*, 1120*, 1441*
17, 25	2751*	20, 22	730*, 788*, 1287*
17, 26	589*, 729*, 2750*	20, 22-23	976, 1485
18, 4-6	609*	20, 23	1461*, 2839*
18, 11	607	20, 24-27	644*
		20, 26	645*, 659*

20, 27	645*, 645*	2, 42	3*, 857*, 949, 1329*, 1342, 2624
20, 28	448		
20, 30	514*	2, 42-46	2178*
20, 31	442*, 514	2, 46	584*, 1329*, 1342
21, 4	645*, 645*, 659*	2, 47	2640*
21, 7	448, 645*	3, 1	584*
21, 9	645*	3, 9	2640*
21, 12	1166*	3, 13	599*
21, 13-15	645*	3, 13-14	597*
21, 15-17	553, 881*, 1429*, 1551*	3, 14	438, 601*
21, 18-19	618*	3, 15	612*, 626*, 632, 635*
21, 22	878	3, 15-16	2666*
21, 24	515*	3, 17	597*
		3, 17-18	591*, 600*
Công vụ tông đồ		3, 18	601*
1, 1-2	512	3, 19-21	674
1, 3	659*	4, 10	597*
1, 6-7	672*	4, 11	756*
1, 7	474*, 673	4, 12	432, 452, 1507*
1, 8	672*, 730*, 735, 857*, 1287*	4, 20	425
1, 9	659*, 697*	4, 21	2640*
1, 10-11	333*	4, 26-27	436*
1, 11	665*	4, 27-28	600
1, 14	726, 1310*, 2617*, 2623, 2673*	4, 32	952, 2790
1, 22	523*, 535*, 642*, 995	4, 33	995*
2, 1	2623	5, 12	699*
2, 1-4	1287*	5, 18-20	334*
2, 3-4	696*	5, 20	584*
2, 11	1287	5, 21	584*
2, 17-18	1287*	5, 28	597*
2, 17-21	715*	5, 29	450*, 2242, 2256
2, 21	432*, 2666*	5, 30	597*
2, 22	547	5, 41	432*
2, 23	597*, 599	6, 6	2632*
2, 24	627, 633*, 648*	6, 7	595
2, 26-27	627	7, 52	597*, 601*
2, 33	659*, 788*	7, 53	332*
2, 33-36	731	7, 56	659*
2, 34-36	447*, 449*	7, 60	2635*
2, 36	440, 597*, 695*, 731*, 746	8, 9-24	2121*
2, 36-38	1433*	8, 12-13	1226*
2, 38	1226, 1262*, 1287*, 1427*	8, 14-17	1315
2, 41	363*, 1226*	8, 15-17	1288*
		8, 17-19	699*
		8, 20	2121
		8, 26-29	334*

8, 32-35	601*	17, 28	300
8, 37	454*	17, 31	679*
9, 3-18	639*	17, 32	996*
9, 4-5	598*	18, 6	597*
9, 13	823*	18, 8	1252*, 1655*
9, 14	432*	18, 18	2102*
9, 20	442	19, 5-6	1288*
9, 34	1507*	19, 6	699*
10, 3-8	334*	19, 13-16	434*
10, 35	761	19, 39	751*
10, 38	438, 453, 486, 1289	20, 7	1329*, 1343
10, 39	597*	20, 11	1329*
10, 41	659*, 995	20, 32	798
10, 42	679*	20, 36	2636*
10, 48	1226*	21, 5	2636*
11, 14	1655*	21, 20	595
12, 5	2636*	21, 23-24	2102*
12, 6-11	334*	23, 6	993*
13, 2	1070*	24, 15	1038
13, 3	699*, 2632*	24, 16	1794*, 2471
13, 24	523*	26, 22-23	601*
13, 27-28	597*	27, 23-25	334*
13, 29	601*	28, 20	453*
13, 31	647		
13, 32-33	638, 653	Rôma	
13, 33	445*, 2606*	1, 1	876*
13, 37	630	1, 3	437*, 496*
13, 38-41	578*	1, 4	445, 648, 695*
13, 48	2640	1, 5	143*, 494*, 2087*
14, 3	699*, 1507*	1, 17	1814
14, 15	32*	1, 18	2125*
14, 17	32*, 1147*	1, 18-25	57*
14, 22	556, 2847*	1, 18-32	401*, 2087*
15, 5	595	1, 19-20	32, 287*, 1147*
15, 10	578*	1, 24-27	2357*
16, 15	1226*, 1252*	1, 28-32	1852*
16, 16-18	434*	1, 32	1777*
16, 31	1655*	2, 14-16	1777*
16, 31-33	1226	2, 16	678*
16, 33	1252*	2, 24	2814
17, 24-29	287*	3, 4	2465
17, 26	360	3, 20	708*
17, 26-27	57*	3, 21-22	2543
17, 26-28	28	3, 21-26	1992
17, 27	2566*	3, 22	1987*
17, 27-28	32*	3, 23	399*, 705*, 2809*

3, 25	433, 1460*	7, 22	1995*
4, 3	146	8, 2	782*
4, 11	146	8, 3	602*
4, 16-21	706*, 2572*	8, 9	693
4, 17	298	8, 11	632, 658*, 693, 695*, 989, 990
4, 18	146, 165, 1819	8, 14	259*, 693, 1831, 2543*
4, 18-21	723*	8, 14-17	1996*
4, 20	146	8, 15	257, 693, 1303, 2777
4, 25	517*, 519, 654*, 977*	8, 15-17	1972*
5, 3-5	2734*, 2847*	8, 16	2639*
5, 5	368*, 733, 1820, 1964, 2658	8, 17	1265*, 1460, 1831
5, 8	604	8, 18	1721*
5, 10	603, 1825	8, 18-23	280*
5, 12	400*, 402, 602*, 612*, 1008*	8, 19-23	1046
5, 12-21	388*	8, 20	400*
5, 18	402	8, 21	1741*
5, 18-19	605*	8, 22	2630
5, 19	397*, 402, 532*, 615, 623*	8, 23	735*
5, 19-20	411*	8, 23-24	2630
5, 19-21	1009*	8, 26	741, 2559, 2630, 2736
5, 20	312*, 385*, 412, 420, 1848	8, 26-27	2634
5, 21	1848	8, 26-39	2739*
6, 3-4	1214*, 1227, 1987*	8, 27	2543*, 2736*, 2766
6, 3-9	1006*	8, 28	313, 395
6, 4	537, 628, 648*, 654, 658*, 730, 977, 1697	8, 28-30	1821*, 2012
6, 4-5	790*	8, 29	257, 381*, 501, 1161*, 1272*, 2790
6, 5	1694*, 2565*	8, 31	2852
6, 8-11	1987	8, 32	603, 706*, 2572*
6, 10	1085	8, 34	1373, 2634*
6, 11	1694*	9, 4-5	839
6, 12	2819	9, 5	449
6, 17	197, 1237*, 1733*	10, 1	2632*, 2636*
6, 19	1995	10, 2	579*
6, 22	1995	10, 4	1953, 1977*
6, 23	1006, 1008*	10, 6-13	432*
7	1963*	10, 7	635*
7, 7	2542*	10, 9	14*, 186*, 449*
7, 10	2542*	10, 12-13	2739*
7, 12	1963*	10, 13	2666*
7, 14	1963*	10, 14-15	875
7, 15	2542*	10, 17	875
7, 16	1963*	11, 12	674*
		11, 13-26	755*
		11, 15	674

11, 17-18	60*	1, 25	272
11, 20	591*, 674	1, 27	489*
11, 24	60*	1, 30	2813
11, 25	591, 674*, 674*	1-6	401*
11, 26	674*	2, 7-9	1998*
11, 28	60*	2, 7-16	221*
11, 29	839	2, 8	446*, 498*, 598
11, 31	674*	2, 9	1027
11, 32	1870	2, 10-11	152
12, 1	2031	2, 10-15	2038*
12, 2	2520*, 2826	2, 11	687
12, 4	1142	2, 16	389*
12, 5	1372	3, 9	307, 755, 756*
12, 6	114*	3, 11	756*
12, 6-8	2004	3, 12-15	679*
12, 8	2039*	3, 15	1031*
12, 9-13	1971	3, 16-17	797*
12, 11	2039*	4, 1	859, 1117*
12, 12	1820	4, 5	678*
12, 14	1669*, 2636*	4, 7	224
12-15	1454*, 1971*	5, 1	2388
13, 1-2	1899, 2238*	5, 4-5	2388
13, 1	1918	5, 6-8	129*
13, 7	2240	5, 7	608*, 610*, 613*
13, 8	2845	5-10	1971*
13, 8-10	1824*, 2196	5, 11	1470*
19, 9-10	2055	6, 1	823*
14	1971*	6, 9-10	1852*, 2380*, 2357*
14, 7	953	6, 10	2450
14, 9	668	6, 11	693, 1227*, 1425, 1695, 2813
14, 17	2819	6, 13-15	1004
14, 21	1789	6, 14	989*
15, 5	520*	6, 15	1265*
15, 5-6	2627*	6, 15-16	796*
15, 13	162*, 2627*, 2657	6, 15-20	2355*
15, 16	1070*	6, 19	1265*, 1269*, 1695*
15, 19	693	6, 19-20	364*, 1004
15, 27	1070*	7, 10-11	2364*, 2382*
15, 30	2629*	7, 14	1637
16, 25-27	2641*	7, 16	1637*
16, 26	143*, 1204, 2087*	7, 26	672*
1 Côrintô		7, 31	1619*
1, 2	752*, 1695*	7, 32	1579*, 1618*
1, 16	1252*	7, 34-35	506*
1, 18	268*	7, 34-36	922*

7, 39	1602	12, 26	1469*
7, 40	693	12, 27	1265*
8, 6	258*, 2639	12, 28	1508*
8, 10-13	2285*	12, 30	1508*
8, 12	1789	12-13	1454*, 1971*
9, 1	659*, 857*	13	735*, 800*
9, 4-18	2122*	13, 1-3	1826*
9, 5	500*	13, 4-7	1825
9, 19	876*	13, 5	953
9, 22	24	13, 8	773
10, 1-2	697*	13, 12	163, 164, 314, 1023*, 1720*, 2519*
10, 1-6	1094*	13, 13	1813*, 1826, 1841
10, 1-11	129*	14, 19	752*
10, 2	117*	14, 28	752*
10, 4	694*	14, 34	752*
10, 6	128*	14, 35	752*
10, 9	2119*	15, 3-5	186*
10, 11	117, 128*, 2175*	15, 3-4	639, 652*
10, 13	2848	15, 3	519, 601, 601, 619, 624
10, 16-17	1329*, 1331*, 1396	15, 4-8	642*
10, 16	1334	15, 4	627
10, 17	1621*	15, 5	552*, 641*
10, 24	953*	15, 7-8	857*
11, 17	2178*	15, 8	659
11, 17-34	1329*	15, 9	752*
11, 18	752*	15, 12-13	996*
11, 20	1329*	15, 12-14	991
11, 23-25	1339*	15, 14	651
11, 23	610, 1366	15, 20	632, 991
11, 24	1328, 1329*	15, 20-22	655
11, 24-25	1356	15, 21-22	411*
11, 25	611*, 613*	15, 24-28	2855*
11, 26	671*, 1076, 1130, 1344, 1393, 2772, 2776	15, 24	668*-
11, 27-29	1385	15, 26	1008*
11, 30	1509*	15, 27-28	668*
12	1988*, 2003*	15, 28	130, 294, 671*, 674, 1050, 1060, 1130, 1326*, 2550, 2804*
12, 3	152, 449*, 455, 683, 2670, 2681	15, 35-37	999
12, 4-6	249*	15, 35-50	646*
12, 6	308*	15, 42	999, 1017*
12, 7	801, 951	15, 42-44	1683*
12, 9	1508*	15, 44-45	364*
12, 13	694, 790*, 798*, 1227*, 1267, 1396*	15, 44	999, 1017
12, 26-27	953	15, 45	411*, 504*

15, 47	504	9, 12	1070*
15, 52-53	999	9, 14	2636*
15, 56	602*	9, 15	1083
16, 1	752*, 823*, 1351*	11, 2	505*, 796*
16, 13	2849*	12, 9	268, 273*, 1508
16, 15-16	1269*	13, 4	648*
16, 22	451, 671*, 1130, 1403	13, 13	249, 734, 1109, 2627*

2 Côrintô

1	2627*
1, 3-7	2627*
1, 20	1065
1, 21	695*
1, 21-22	1274*, 1296
1, 22	698*, 735*, 1107*
1, 23	2154*
2, 15	1294*
3, 3	700
3, 6	859
3, 14-16	1094*
3, 14	702*
3, 17	693, 1741
4, 4	1701*
4, 6	298*, 2583*
4, 7	1420
4, 14	989*
5, 1	1420
5, 2	2796
5, 6	769*
5, 7	164
5, 8	1005, 1021*, 1681*
5, 14	616, 851
5, 15	605*, 655, 1269*
5, 17	1214, 1265*
5, 17-18	1999
5, 18	981, 1442, 1461*
5, 18-21	2844*
5, 19	433, 620
5, 20	859, 1424, 1442
5, 21	602
6, 2	1041
6, 4	859
6, 16	797, 1179
6, 18	270
8, 1-15	2833*
8, 9	517*, 1351*, 2407*, 2546

Galát

1, 1	857*
1, 4	2824
1, 13	752*
1, 15-16	153*, 442
1, 16	659*
1, 19	500*
1, 20	2154*
2, 10	886*
2, 20	478, 616*, 1380*, 2666*
3, 1	476*
3, 8	59*
3, 10	578*, 580*
3, 13	580*
3, 14	693, 706*
3, 16	706*
3, 24	582*, 708*, 1963*
3, 27	1227*, 1243*, 1425, 2348*
3, 27-28	791
4, 1-7	1972*
4, 4	484, 488, 527*, 531*, 580*, 702*
4, 4-5	422
4, 5-7	1265*
4, 6	683, 689*, 693, 742, 1695*, 2766
4, 19	526*, 562*, 793
4, 21-31	1972*
4, 26	757
4, 26-28	723*
5	1454*
5, 1	1741, 1748
5, 3	578*
5, 6	162, 1814
5, 16	2515*
5, 16-25	2744*, 2819*
5, 17	2515*
5, 19-21	1470*, 1852

5, 20	2113*	3, 9-12	221*
5, 22	1108*, 1695*	3, 12	2778*
5, 22-23	736, 2345*	3, 14-15	239*, 2367*
5, 22-23 (vulg.)	1832	3, 15	2214*
5, 24	2515*, 2543, 2555	3, 16	1995*
5, 25	736*, 782*, 1695*, 2516, 2842, 2848	3, 16-17	1073*, 2714
6, 2	1642*, 2030*	3, 18-21	2565*
6, 15	1214	3, 20-21	2641*
Êphêxô		4-6	1454*, 1971*
1, 3	492, 1671	4, 2	2219
1, 3-6	381*, 1077	4, 3	814
1, 3-14	2627*, 2641*	4, 3-5	866*
1, 4	492, 796*, 865*, 1426, 2807*	4, 4-6	172*, 249*, 2790*
1, 4-5	52*, 257*	4, 7	913
1, 5	257	4, 8-10	661*
1, 5-6	294	4, 9	633*, 635*
1, 6	1083	4, 9-10	631, 2795*
1, 7	517*, 2839*	4, 10	668*
1, 9	1066, 2603, 2807*	4, 11	1575*
1, 9-11	2823	4, 11-13	669*
1, 10	668*, 772, 1043, 2748*	4, 11-16	794*
1, 13	693, 698*, 1296*	4, 13	674, 695, 2045
1, 13-14	706*, 1274*	4, 16	798*
1, 14	1107*	4, 19	2518*
1, 16-23	2632*	4, 23	1695*
1, 18	158	4, 24	1473*, 2475, 2504
1, 19-22	272, 648*	4, 25	1267, 2475
1, 20-22	668	4, 28	2444*
1, 22	669*, 753*, 2045*	4, 30	698, 1274, 1296*
1, 22-23	830*	4, 32	2842
2, 3	2515*	5, 1-2	1694*
2, 4	211, 1073	5, 2	616*
2, 4-5	654*	5, 3-5	1852*
2, 6	1003, 2796*	5, 4	2204*
2, 14	2305	5, 5	2113*
2, 16	2305	5, 8	1216, 1695
2, 19-22	756*	5, 9	1695
2, 20	857	5, 14	2641*
2, 21	797*	5, 16	672*
3, 4	1066*	5, 17	2826*
3, 8	424	5, 19	1156, 2641
3, 9	1066	5, 20	2633*, 2742
3, 9-11	772*	5, 21	1269*, 1642
		5, 21-6, 4	2204*
		5, 25	616*, 1659
		5, 25-26	757, 1616

5, 25-27	772*	3, 10-11	989*, 1006*
5, 26	628*, 796, 1228*	3, 20	1003*, 2796*
5, 26-27	1617*	3, 21	556, 999
5, 27	773, 796*, 1426	4, 6-7	2633*
5, 29	757, 796*	4, 8	1803
5, 31-32	796, 1602*, 1616	4, 13	273*, 308*, 1460
5, 31	1627*	Côlôxê	
5, 32	772, 1624*, 1659	1, 3-6	2632*
6, 1-3	2196	1, 3	2636*
6, 1	2217*	1, 10	2520*
6, 4	2223, 2286*	1, 12-14	1250*
6, 18	1073, 1174*, 2742	1, 13-14 (vulg.)	517*
6, 18-20	2636*	1, 14	2839
6, 23-24	2627*	1, 15	241, 299, 381, 1701
Philippê		1, 15-20	2641*
1, 3-4	2636*	1, 16	331
1, 9-11	2632*	1, 16-17	291
1, 21	1010, 1698	1, 18	504*, 658, 753*, 792, 792
1, 23	1005*, 1011, 1021*, 1025*	1, 18-20	624*
1, 27	1692*	1, 20-22	2305*
2, 1	2842*	1, 24	307*, 618*, 1508
2, 4	2635	1, 27	568, 772
2, 5	520*, 1694*, 2842*	2, 9	484, 515, 722, 2502
2, 5-8	461	2, 11-13	527
2, 6-11	2641*, 2667*	2, 12	628*, 1002, 1214*, 1227*, 1694*
2, 6-9	1850*	2, 19	794*
2, 6	449	3-4	1971*
2, 7	472*, 602*, 705*, 713, 876, 1224*	3, 1-3	655*
2, 8	411, 612, 623	3, 1	1002
2, 8-9	908*	3, 3	665*, 1003, 1420, 2796*
2, 9-10	434	3, 4	1003, 2772*
2, 9-11	449*, 2812*	3, 5-9	1852*
2, 10	633*, 635	3, 5	2518*
2, 10-11	201*	3, 10	2809
2, 12-13	1949	3, 14	815, 1827, 1844
2, 13	308	3, 16-17	1156*, 2633*
2, 14-17	1070*	3, 16	2641*
2, 15	1243*	3, 18-21	2204*
2, 25	1070*	3, 20	2217
2, 30	1070*	3, 21	2286*
3, 6	752*	4, 1	1807
3, 8	133	4, 2	2638, 2849*
3, 8-11	428	4, 3-4	2632*, 2636*
3, 10	648*	4, 11	307*

4, 12	2629*, 2632*	2, 2	2240
1 Thêxalônica		2, 3-4	2822
1, 10	442*	2, 4	74, 851, 1058, 1256*, 1261, 1821
2, 13	104*, 1349*	2, 5	618*, 1544, 2574
2, 14-15	597*	2, 5-8	2634*
3, 2	307*	3, 1	1590
4, 3-9	2518*	3, 1-13	1577*
4, 7	2518*, 2813	3, 9	1794*
4, 11	2427*	3, 15	171, 756*, 2032
4, 13-14	1012*	3, 16	385*, 463, 2641*
4, 14	649, 989*	4, 1	672*
4, 16	1001	5, 17-18	2122*
4, 17	1025*	6, 8	2837*
4, 18	1687*	6, 12	2145*
5, 2	673*	6, 15-16	2641*
5, 2-3	675*	6, 16	52
5, 5	1216*	6, 20	84*
5, 6	2849*	2 Timôthê	
5, 8	1820	1, 3	1794*
5, 12-13	1269*	1, 5	2220
5, 15	1174*	1, 6	1577*, 1590
5, 17	2742, 2757	1, 8	2471, 2506
5, 17-18	2633*	1, 9	257
5, 18	2638, 2648	1, 9-10	1021*
5, 19	696	1, 12	149
5, 23	367	1, 12-14	84*
5, 25	2636*	1, 13-14	857*
2 Thêxalônica		1, 14	1202*
1, 10	1041	2, 5	1264
1, 11	2636*	2, 8	437*
2, 3-12	673*	2, 11-13	2641*
2, 4-12	675*	2, 11	1010
2, 7	385, 671*	2, 22	2518*
3, 6-13	2830*	2, 23-26	2518*
3, 10	2427	3, 2-5	1852*
1 Timôthê		3, 12	2847*
1, 3-4	2518*	4	2015*
1, 5	1794	4, 1	679*
1, 9-10	1852*	Titô	
1, 10	2357*	1, 5	1590
1, 15	545*	1, 5-9	1577*
1, 18-19	162	1, 15	2518*
2, 1	2636	2, 1-6	2342*
2, 1-2	1349, 1900*	2, 12	1809

2, 13	449*, 1041, 1130, 1404*, 2760*, 2818*	5, 10	1544
2, 14	802	6, 2	699*, 1288*
3, 5	1215	6, 4-6	679*
3, 6-7	1817	6, 5	655
Philêmôn		6, 6	598
16	2414	6, 13	2810*
Do thái		6, 19-20	1820
1, 1-2	65, 65*	6, 20	1544
1, 1-3	102*	7, 3	58*
1, 3	241, 320, 2502, 2777, 2795*	7, 11	1537*
1, 6	333	7, 16	648*
1, 13	447*	7, 23-25	1476*
1, 14	331	7, 24	1366, 1564*
2, 4	156*	7, 25	519, 662, 2634, 2741*
2, 9	624, 629*	7, 25-27	1364*
2, 10	609*	7, 26	1544
2, 12	2602*	7, 27	1085, 1366, 1540*
2, 13	2777, 2795*	8, 2	1070*
2, 14-15	635	8, 6	1070*
2, 14	407*, 636	8, 8-10	1965
2, 15	1520*, 2602*	9, 5	433*
2, 17-18	609*	9, 7	433*
3-4, 11	117*	9, 11	586*, 662
3, 6	2778*	9, 11-28	1476*, 1564*
3, 7-4, 11	1165*	9, 12	1085
4, 3-4	346*	9, 13-14	2100*
4, 4-9	624*	9, 14	614*
4, 7-11	1720*	9, 15	522*, 579*, 580, 592*
4, 13	302	9, 24	519, 662, 2741*
4, 14-15	1137*	9, 25	662
4, 15	467, 540, 609*, 612*, 2602*	9, 26	571
4, 16	2778*	9, 27	1013, 1021*
5, 1	1539*	10, 1	128*
5, 1-10	1564*	10, 1-4	1540*
5, 3	1540*	10, 5	488*
5, 4	1578*	10, 5-7	462, 516*, 2568
5, 6	1537*	10, 5-10	606
5, 7	2741*	10, 7	2824
5, 7-8	612*, 1009*	10, 10	614*, 2824
5, 7-9	609*, 2606	10, 14	1544
5, 8	2825	10, 16	64*
5, 9	617*	10, 19	2778*
		10, 19-21	1137*
		10, 23	1817
		10, 25	2178
		10, 26-31	679*

10, 32	1216*	5, 14-15	1510, 1511*, 1526
10, 36	2826*	5, 15	1519*, 1520
11, 1	146	5, 16	2737*
11, 2	147	5, 16b	2582
11, 3	286	5, 16-18	2582*
11, 6	161, 848*	5, 20	1434*
11, 8	145		
11, 17	145*, 2572	1 Phêrô	
11, 19	2572	1	2627*
11, 39	147	1, 3-9	2627*
11, 40	147	1, 3	654*
12, 1	1161, 2683*	1, 7	1031*
12, 1-2	165	1, 10-12	719
12, 2	147	1, 18	622*
12, 3	569*, 598*	1, 18-20	602
12, 22-23	2188	1, 18-19	517*
12, 23	1021*	1, 19	613*
13, 3	2447*	1, 23	1228*, 2769
13, 10	1182*	2, 1	2475
13, 14	2796*	2, 1-10	2769*
13, 15	1330	2, 4-5	1179
13, 17	1269*	2, 4	552*
13, 20	632*	2, 5	756*, 901, 1141, 1268, 1330*, 1546*
Giacôbê		2, 7	756*
1, 5-8	2633*, 2737*	2, 9	709*, 782, 803, 1141, 1268, 1546*
1, 13	2846	2, 13	2238
1, 14-15	2847*	2, 13-17	1899*
1, 17	212, 2642	2, 16	2238
1, 25	1972*	2, 21	618*
1, 27	2208	2, 24	612
2, 7	432*, 2148	3, 1-7	2204*
2, 10	578	3, 9	1669*
2, 10-11	2069*, 2079*	3, 18-19	632*
2, 12	1972*	3, 20	1219
2, 14-26	162*	3, 20-21	845*
2, 15-16	2447	3, 21	128*, 1094*, 1794*
2, 26	1815	4, 6	634
4, 1-10	2737*	4, 7	670*, 1806
4, 2-3	2737	4, 8	1434
4, 4	2737	4, 14	693
4, 5	2737	4, 17	672*
5, 1-6	2445	5, 3	893, 1551*
5, 4	1867*, 2409*, 2434*	5, 4	754*
5, 12	2153*	5, 7	322
5, 14	1519		

5, 8	409*, 2849*	4	2822*
2 Phêrô		4, 2-3	465*
1, 3-4	1996*	4, 2	423, 463
1, 4	460, 1129*, 1265*, 1692, 1721, 1812*	4, 3	672*
1, 16-18	554*	4, 8	214, 221, 733, 1604*
2, 4	392*	4, 9	458, 516*
3, 9	1037, 2822	4, 10	457, 604, 614*, 620, 1428*
3, 11-12	671*	4, 11-12	735*
3, 12-13	677*	4, 14	457
3, 13	1043, 1405*	4, 16	221, 733, 1604*
1 Gioan		4, 19	604*, 1828
1, 1-4	425	4, 20	2840*
1, 3	2781*	5, 1	2780*, 2790*
1, 3-7	1108*	5, 6-8	1225*
1, 5	214	5, 8	694*
1, 6	2470	5, 14	2778*, 2827*
1, 7-2, 2	2631*	5, 16-17	1854*
1, 8	1425	5, 18-19	2852
1, 8-9	1847	5, 19	409
1, 8-10	827*	5, 20	217
1, 10	2147*	2 Gioan	
2, 1-2	1460*	7	465*, 675*
2, 1	519, 692*, 2634*	3 Gioan	
2, 2	605*, 606	7	432*
2, 16	377*, 2514*, 2534*	Giuda	
2, 18	670, 672*, 675*	3	171*
2, 20	91*, 695*	24-25	2641*
2, 22	675*	Khải huyền	
2, 23	454*	1, 4	1403, 2854*
2, 27	91*, 695*	1, 6	1546, 2855*
2, 28	2778*	1, 8	2854
3	2822*	1, 18	612*, 625, 633*, 635, 2854
3, 1	1692	2- 3	401*
3, 2	163, 1023, 1161*, 1720*, 2519*, 2772	2, 5	1429
3, 3	2345*	2, 16	1429
3, 5	457	2, 17	1025*, 2159
3, 8	385*, 392, 394	3, 7	303
3, 14-15	1033	3, 14	1065
3, 17	2447*	4, 2	1137*
3, 19-20	208, 1781	4- 5	1138*
3, 19-24	2845*	4, 6-11	662*
3, 21	2778*	4, 8-11	2642*
3, 22	2631	4, 11	295, 2855*

CD Êphêxô

250	466
251	466, 495*
255	468*

CD Chalcêdônia

301-302	467
---------	-----

CD Constantinôpôli II

421	253, 258, 258*
423	468*
424	468
427	499*
432	468

CD Constantinôpôli III

556	475
556- 559	475*

CD Nicêa II

600	1161
600-603	476
601	477, 1674*, 2132
603	1674*
COD 135	1160

CD Constantinôpôli IV

657	367
-----	-----

CD Latêranô IV

800	202, 296, 299*, 327, 391
800-802	192*
801	999, 1035*
802	1576*
804	253, 254
806	43

CD Lyon II

850	248
851-861	192*
854	1017
856	1022, 1032*
857	1022
858	1022, 1035*
859	1059
860	1113*

CD Vienna

902	365*
-----	------

CD Constance

1154	1584*
------	-------

CD Florence

1300-1301	246
1302	248
1304	1022*, 1031*
1305	1022
1306	1022
1310	1113*
1314	1213*
1315	1256*
1316	1263*
1319	1303*
1324-1325	1510*
1325	1520*
1330	255
1331	248, 255, 258
1333	299*
1334-1336	120*
1351	1035*

CD Latêranô V

1440	366*
------	------

CD Tridentinô

1501-1504	120*
1510-1516	406*
1511	375, 407, 1008*
1511-1512	404*
1512	403*
1513	390*, 405*
1514	403*, 1250*
1515	1264, 1426*, 2515*
1525	1993
1528	1989
1529	615*, 617, 1992*
1532	161*
1533-1534	2005*
1541	1821*
1542	1446*
1544	1815*
1545	1426*
1546	2009

1548	2009*	1712	1459*
1549	1059*	1712-1713	1472*
1567	1037*	1716-1717	1510*
1569-1570	2068*	1717	1520*
1573	411*	1719	1516*
1575	1035*	1740	1337, 1366
1576	2016*	1743	1367, 1371
1580	1031*	1752	611*
1600	1114	1764	611*
1601	1113*, 1114	1767	1582*
1604	1129*	1774	1583*
1605	1127*	1799	1661*
1606	1127*	1800	1617*
1608	1128*	1813-1816	1631*
1609	1121, 1272*, 1280*, 1304*	1820	1022*, 1031*, 1472*
1609-1619	1272*	1821-1825	2132*
1612	1584*	1822	1674*
1618	1257*	1835	1478*
1619	1272*		
1624	1280	CĐ Vaticanô I	
1638	1394*, 1436	3002	293, 296, 299*, 327*
1640	1413*	3003	302
1641	1377*	3004	36
1642	1376	3005	38*, 367, 1960
1647	1457*	3008	154, 156
1651	1374, 1413*	3009	156
1661	1457*	3010	155*, 156
1672	980	3012	161
1673	1450*	3013	812
1674	1468	3015	50*, 237
1676	1451	3016	90*, 498
1677	1452*	3017	159
1677-1678	1431*	3023-3024	296*
1678	1453*	3025	293, 296
1680	1456, 1456, 1458*	3026	36*, 47*, 286*
1683	1457*	3057	834
1690	1460*	3074	891*
1691	1460		
1694	1523	CĐ Vaticanô II	
1695	1511	<i>Sacrosanctum Concilium</i>	
1695-1696	1510*	IV	1174*
1696	1512*	2	771, 1068
1697	1516*	3-4	1075*
1698	1523	4	1203
1705	1431*, 1453*	5	766, 1067
1708	1457*	6	1076*, 1086, 1113*
		7	1070, 1088, 1089, 1181*, 1373

8	1090	119	1158*
9	1072	121	1158
10	824, 1074	122	2513
11	1071	122-127	1181*, 2503*
13	1675	125	2132*
14	1141	128	1183
21	1205*	<i>Inter mirifica</i>	
24	1100	5	2494
26	1140	8	2495
26-27	1482*	11	2494*
27	1140, 1517*	12	2498, 2498
28	1144	<i>Lumen gentium</i>	
29	1143	1	748, 775, 1045, 2305*
33	1548*, 1552*	2	375, 541, 759, 769, 1050*, 1076*, 1093
35, 4	1570*	3	541, 542*, 669, 763, 763*, 766, 960, 1364, 1405
37-40	1204*, 1232*	4	767, 768, 810
41	1561*	5	541, 543, 567, 669, 763, 764, 764, 768, 769
47	1323, 1398*	6	753, 754, 755, 756, 757, 769*, 1621*
55	1388	7	562, 788, 790, 790, 791, 793, 798
56	1346	8	769*, 771, 786, 811, 816, 819, 819, 827, 853, 853, 870, 1428
59	1123	9	753*, 761*, 762, 776, 781, 782
60	1667	10	784, 901*, 1120, 1141, 1141*, 1273*, 1535*, 1538*, 1546, 1547, 1547, 1548*, 1552*, 1657
61	1621*, 1670	11	825, 1119, 1119, 1251*, 1270, 1273*, 1285, 1303*, 1303*, 1324, 1422, 1440*, 1499, 1522, 1535, 1641, 1641, 1656, 1656, 2204*, 2225, 2226*
64	1232	12	92, 93, 785, 798, 801, 823, 889*, 951, 1303*, 2003*
65	1232	13	761*, 804, 814, 831, 836
67	1255*	14	815*, 837, 846, 1249, 1257*
71	1298*	15	819*, 838, 853*
73	1513*, 1514	16	761*, 839, 841, 843, 844, 847, 1260*, 1281*
79	1669*	17	776*, 1270*, 2032
81	1685*		
83	1175		
84	1174, 1174		
86	1175*		
90	1176		
96	1175*		
98	1174, 1175*		
100	1175		
102	1163, 1194		
103	508, 971*, 1172		
104	1173		
106	1166, 1167, 1193, 2191*		
108	1173*		
109-110	1438*		
111	1173*		
112	1156, 1157, 1157*		
118	1158		

18	874	52	499*
19	880	53	492, 963, 967
20	87*, 860, 861, 862, 1555, 1576	55	489
21	1549*, 1556, 1557, 1558, 1575*, 1576, 1582*	56	488, 490, 492, 493, 494, 494*, 511
22	880, 881, 882, 883, 884, 885, 1444, 1559, 1559*	57	499, 748, 964
23	833, 835, 882, 886, 886, 886, 887, 938, 1202*, 1560*	58	165, 964
24	1551, 2068	59	965, 966
25	90, 888, 891, 891, 891*, 892, 2034, 2035*	60	970
26	832, 893, 893, 1312, 1462, 1561*	61	488*, 968
27	894, 895, 896	62	969, 970, 2674
28	1548*, 1554, 1562, 1564, 1566, 1567, 1582*	63	501, 506, 507*, 967
29	1569, 1570*, 1571, 1582*, 1588	64	507
30	801*	65	829
31	871*, 897, 898, 932	66	971
32	872*	67	2132*
33	900*, 913	68-69	2679*
34	901, 1141*	68	972
35	904, 905	69	965, 972
36	337, 786, 908, 909, 912, 943*, 1888*	<i>Orientalium Ecclesiarum</i>	
37	1269*	15	1389
39	823, 2045*	<i>Unitatis redintegratio</i>	
40	828*, 1426*, 2013, 2013, 2028	1	820*
41	1251*, 1570*, 1641*	2	812, 813, 813, 815*, 1126*
42	826, 1620*, 1816, 1986, 2103, 2545	3	816, 817, 818, 819, 819*, 824, 827*, 838, 1271
42-43	915*	4	94*, 820, 821*, 855, 1202*
43	917	5	822, 1126*
44	914, 933	6	821*, 827*
48	670, 671, 769, 773*, 776, 824, 825, 1001, 1013, 1036, 1042, 1373*	7	821*
48-50	1469*	8	821, 2791*
48-51	828*	9	821*, 821*
49	954, 954, 955, 956, 1023*	10	821*
50	957, 958, 1090*	11	90, 821*
51	959	12	821*
		13-18	838*
		15	925*, 1399, 1399
		22	1271, 1400, 1400, 2791*
		24	822
		<i>Christus Dominus</i>	
		2	882*, 937, 1558
		3	886*
		4	1560*
		9	882*
		11	833*, 1548*

13	1586*	14	121*
15	1569*	15	122
16	1586*	16	129*
33-35	927*	17	124
36	1560*	18	125
37	1560*	19	126, 573*
<i>Perfectae caritatis</i>		20	124*
1	915*, 918	21	103*, 104, 131, 141, 1346*
2	2684*	22	131
5	916*	23	94*
7	2691*	24	94*, 104*, 132, 135
11	929	25	133, 2653
12	1620*	<i>Apostolicam actuositatem</i>	
<i>Optatam totius</i>		2	863, 873, 940
10	1620*	3	798*, 864
20	1565	4	864*
<i>Gravissimum educationis</i>		5	2832*
3	1653*, 2221	6	851*, 905, 2044
6	2229*	8	2446
<i>Nostra aetate</i>		13	2105, 2105*
1	360*, 842	16	1570*
2	843*, 2104	<i>Dignitatis humanae</i>	
3	841*	1	2104, 2105, 2105*
4	597, 839*	2	1738*, 2104, 2106, 2106,
5	2793*		2108*, 2467
<i>Dei Verbum</i>		3	1782
2	51, 53, 64, 142, 1103, 2587	4	1180*
3	54, 55, 62*	6	2107
4	66	7	1738*, 2109
5	143*, 153, 158, 1814	10	160
6	36*, 38*	11	160, 160
7	74, 75, 76, 76, 77	14	1785*, 1816*, 2036*, 2104
8	77, 78, 78, 79, 94, 94, 94,	15	2137
	98, 1124*, 2650, 2651*	<i>Ad gentes</i>	
8, 3	120*	1	804, 849, 853, 1344
9	80, 81, 82	2	248*, 294, 767*, 850, 868
10	84, 85, 86, 97, 889*,	2-9	257*
	891, 2663*	3	763*
10, 3	95	4	767, 830*
11	105, 106, 107, 136*, 337*	5	852, 857, 877, 1257*, 1560*
12, 1	109*	5-6	767*
12, 2	110	6	830, 854, 1560*
12, 3	111, 111*, 119	7	776, 848, 1260*
13	101	7, 23	1270*
14-16	1094*	9	856, 856

11	2472	22	1260, 1612*, 2820*
14	1233*, 1248, 1249	22, 1	359, 1701, 1710, 2783*, 2799*
15	854, 905*	22, 2	470, 470, 521, 618, 1701*
16	1570*, 1571	22, 5	367*, 618
18	927*	23, 1	2419
38	1560*	24, 3	356, 358*, 1703, 1878*
40	927*	25	1882*
<i>Presbyterorum ordinis</i>		25, 1	1879*, 1881, 1892, 2344
2	1141*, 1142*, 1369, 1548*, 1562, 1563, 1566*, 1582*	26	2106
4	888, 1102, 1122	26, 1	1906, 1924
4-6	2686*	26, 3	1912, 1907, 1908*
5	1175*, 1181, 1324, 1392	27, 1	1931
6	1548*	27, 3	2322
8	1568	29, 2	1935, 1936*
10	1565	29, 3	1938
13	1464*, 1466*	30, 1	1916*
15	1142*	31, 3	1915, 1917
16	1579*, 1580*	32	2820*
<i>Gaudium et spes</i>		34	2427*
2, 2	421	36	49
10	1958*	36, 2	159, 339
10, 2	450	36, 3	308
12, 1	358*	37, 2	409
12, 3	356	38	520
12, 4	383	39	2820*
13, 1	390*, 401, 415, 1707	39, 1	358*, 1048
13, 2	1707	39, 2	1049
14	1703	39, 3	1050
14, 1	364, 382	40, 2	854
14, 2	33*	43, 4	942
15, 2	1704, 1711	43, 6	853
16	1706, 1713, 1776, 1791, 1794, 1795	44, 2	94*
17	1705, 1712, 1730, 2339	45	2820*
17, 1	1743*	45, 1	776
18	1006, 1008, 1018	45, 2	450*
18, 1	33	47, 1	1603, 2210*, 2250
19-21	29*	47, 2	1603*, 2387*
19, 1	27, 29, 2123	48	1251*
19, 3	2125	48, 1	1603, 1627, 1639, 1646, 1652, 1660*, 2364
20-21	676*	48, 2	1535, 1639, 1642
20, 1	2124, 2126*	48, 4	2227*
20, 2	2124	49, 2	1645, 2334*, 2362
21, 3	2126	49, 3	1632
21, 7	2126	50	2368*

50, 1	372*, 1652, 1664	Concilium Arausicanum II	
50, 2	2367, 2373*	371-372	406*
51, 3	2268, 2271, 2368	397	1037*
51, 4	2371		
52, 1	1657, 2206	Synodus Constantinopolitana	
52, 2	2210	409	1035*
58, 4	2527	411	1035*
62, 7	94		
63, 3	2424*	Concilium Bracarense I	
64	2426*	455-463	299*
65	2424	Concilium Toletanum IV	
67, 2	2434	485	633*
67, 3	2184*, 2194		
69, 1	2404, 2408*	Concilium Toletanum VI	
71, 4	2406*	490	245
74, 1	1906*	Concilium Lateranense	
74, 2	1902	503	496, 499*
74, 3	1901, 1920	504	476*
74, 5	2242		
76	2245	Concilium Toletanum XI	
76, 3	2245	525-541	192*
76, 5	2246, 2420	527	245
78, 1-2	2304*	528	255
78, 3	813	530	253, 254
78, 5	2306*	539	650*
78, 6	2317		
79, 3	2311*	Concilium Toletanum XVI	
79, 4	2308, 2312	571	499*
79, 5	2310*		
80, 4	2314	Concilium Romanum	
81, 3	2329	587	633*
81, 4	2307*	Concilium Foroiuliense	
84, 2	1911	619	503
89, 1	1955	Concilium Carisiacum	
		624	605
Các Công Đồng và Công Nghị		Các Văn Kiện Giáo Hoàng	
<i>(trích dẫn theo DS)</i>		Damasô I (thánh)	
Concilium Romanum		<i>Epistula ad Episcopos orientales</i>	
<i>Decretum Damasi</i>		149	471*
179-180	120*		
Concilium Carthaginiense			
<i>Statuta Ecclesiae Antiqua</i>			
325	650*		

Innocentiô I (thánh)

Epistula "Si instituta ecclesiastica",
(19 Martii 416)
216 1510*

Lêô Cả (thánh)

Epistula "Quam laudabiliter",
(21 Iulii 447)
284 247*
286 299*

Epistula "Lectis dilectionis tuae",
(13 Iunii 449)
291 499*
294 499*

Anastasiô II

Epistula "In prolixitate epistulae",
(497)
359 650*

Hormisdas (thánh)

Epistula "Inter ea quae",
(26 Martii 521)
369 650*

Vigiliô

Professio fidei (552)
415 233*

Pêlagiô I

Epistula "Humani generis",
(3 Februarii 557)
442 499*

Grêgôriô Cả (thánh)

Epistula "Sicut aqua", (600)
475 473*

Innôcentiê III

*Epistula "Eius exemplo", Professio
fidei Waldensibus praescripta*
(18 Decembris 1208)
794 1576*

Gioan XXII

Bulla "Ne super his",
(3 Decembris 1334)
991 1022*

Bênêdictô XII

Const. "Benedictus Deus",
(29 Ianuarii 1336)
1000 1023
1000-1001 1022*
1002 1022*, 1035*
Libellus "Cum dudum", (1341)
1011 633*

Clêmentê VI

Epistula "Super quibusdam",
(29 Septembris 1351)
1077 633*

Phaolô IV

Const. "Cum quorundam hominum",
(7 Augusti 1555)
1880 499*

Piô IV

*Bulla "Iniunctum nobis",
Professio fidei Tridentina (13
Novembris 1564)*
1862-1870 192*

Piô VI

Breve "Quod aliquantum",
(10 Martii 1791)
2109*

Piô IX

Bulla "Ineffabilis Deus",
(8 Decembris 1854)
DS 2803 411*, 491
Litt. enc. "Quanta cura",
(8 Decembris 1864)
2109*

Lêô XIII

Litt. enc. "Diuturnum illud",
(29 Iunii 1881)
1898*
Litt. enc. "Immortale Dei",
(1 Novembris 1885)
1898*, 2105*

<i>Litt. enc. "Libertas praestantissimum",</i> (20 Iunii 1888)		<i>Const. ap. "Munificentissimus</i> <i>Deus", (1 Novembris 1950)</i>	
	1951, 1954, 2108*	DS 3903	966*
Piô XI		<i>Litt. enc. "Haurietis aquas",</i> (15 Maii 1956)	
<i>Litt. enc. "Quas primas",</i> (11 Decembris 1925)	2105*	DS 3924	478
<i>Litt. enc. "Casti connubii",</i> (31 Decembris 1930)	2366*	<i>Litt. enc. "Fidei donum",</i> (21 Aprilis 1957)	1560
DS 3722-3723	2297*	<i>Allocutiones</i>	
<i>Litt. enc. "Quadragesimo anno",</i> (15 Maii 1931)	1883*	1 Iuni 1941	1887, 1942, 2286
<i>Litt. enc. "Divini Redemptoris",</i> (19 Martii 1937)	676*	20 Februarii 1946	899
		3 Septembris 1950	2501
		29 Octobris 1951	2362
		6 Decembris 1953	2108*
		24 Decembris 1955	2501*
Piô XII		Gioan XXIII	
<i>Litt. enc. "Summi pontificatus",</i> (20 Octobris 1939)	360, 361, 1939	<i>Litt. enc. "Mater et Magistra",</i> (15 Maii 1961)	
<i>Litt. enc. "Mystici Corporis",</i> (29 Iunii 1943)	1119	60	1882
DS 3808	797, 798	<i>Litt. enc. "Pacem in terris",</i> (11 Aprilis 1963)	
DS 3812	478*	36	1886
<i>Const. ap. "Provida Mater",</i> (2 Februarii 1947)	929	46	1897
<i>Litt. enc. "Mediator Dei",</i> (20 Novembris 1947)	1548	51	1903
<i>Const. ap. "Sacramentum Ordinis",</i> (30 Novembris 1947)	1573*	61	1930*
DS 3858		Phaolô VI	
<i>Litt. enc. "Humani generis",</i> (12 Augusti 1950)	37	<i>Litt. enc. "Mysterium fidei",</i> (3 Septembris 1965)	
DS 3875	38, 1960		1183, 1418
DS 3891	330*, 367*	18	1381
DS 3896	366*	39	1374
DS 3897	390*	56	1378
		<i>Const. ap. "Indulgentiarum</i> <i>doctrina", (1 Ianuarii 1967)</i>	
		1	1471
		2	1471
		5	1474, 1475, 1476, 1477
		8	1478*
		<i>Litt. enc. "Populorum progressio",</i> (26 Martii 1967)	
		37	2372*
		53	2315*

<i>Credo populi Dei: sollemnis</i>	
<i>Professio fidei, (30 Iunii 1968)</i>	
	192*
8	327*, 366*
9	251, 265*
12	1035*
15	975
16	419
19	827
20	182
28	1005*, 1052
29	1053
30	962
<i>Litt. enc. "Humanae vitae",</i>	
<i>(25 Iulii 1968)</i>	
11	2366
12	2366, 2369
14	2370
16	2370*
23	2372*
<i>Const. ap. "Divinae consortium</i>	
<i>naturae", (15 Augusti 1971)</i>	
	1212, 1288, 1300
<i>Const. ap. "Sacram Unctionem</i>	
<i>infirmorum", (30 Novembris</i>	
<i>1972)</i>	
	1513
<i>Adh. ap. "Marialis cultus",</i>	
<i>(2 Februarii 1974)</i>	
42	971*
56	971
<i>Adh. ap. "Evangelii nuntiandi",</i>	
<i>(8 Decembris 1975)</i>	
31	2820*
48	1676*
53	843*
62	835
63-64	1201*
73	910
<i>Allocutiones</i>	
5 Ianuarii 1964 in Nazareth	533
21 Novembris 1964	963
11 Iulii 1966	390*
22 Iunii 1973	776
14 Decembris 1975	838

Gioan Phaolô II

<i>Litt. enc. "Redemptor hominis",</i>	
<i>(4 Martii 1979)</i>	
11	519
18-21	783*
<i>Adh. ap. "Catechesi tradendae",</i>	
<i>(16 Octobris 1979)</i>	
1	4*
2	4*
5	426, 426
6	427
9	561
13	7
18	5, 6*
20-22	23*
23	1074
25	23*
29	1697*
53	1204*
54	1676*, 1676*, 2688*
55	2688*
<i>Epistula "Dominicae cenae" de</i>	
<i>mysterio et cultu Eucharistiae,</i>	
<i>(14 Februarii 1980)</i>	
3	1380
<i>Litt. enc. "Dives in misericordia",</i>	
<i>(30 Novembris 1980)</i>	
14	2844*
<i>Litt. enc. "Laborem exercens",</i>	
<i>(14 Septembris 1981)</i>	
6	2428*
7	2424*
11	2430*
18	2436*
19	2433*
22-23	2433*
27	2427*
<i>Adh. ap. "Familiaris consortio",</i>	
<i>(22 Novembris 1981)</i>	
11	2331, 2361, 2392
13	1642*, 1643
16	1620*
19	1644, 1645*, 2387
20	1648*
21	1656*, 2204

22	2334	7	372*
28	1653*	26-27	1577*
30	2366	27	773, 773
32	2370	<i>Litt. ap. "Vicesimus quintus annus", (4 Decembris 1988)</i>	
34	2343	16	1205, 1206
36	2221*	<i>Adh. ap. "Christifideles laici", (30 Decembris 1988)</i>	
46	2211*	9	899
67	1622	16, 3	828
80	2391*	17, 3	828
81	2390*	24	801*
83	1649*	26	2179*
84	1651, 2386*	<i>Litt. enc. "Redemptoris missio", (7 Decembris 1990)</i>	
85	1658	11	851*
<i>Adh. ap. "Reconciliatio et paenitentia", (2 Decembris 1984)</i>		12-20	853*
16	408*, 1869*, 2850*	21	852*
17	1857, 1863	23	850*
31	1469	42-47	854*
<i>Litt. enc. "Dominum et vivificantem", (18 Maii 1986)</i>		48-49	854*
27-48	1433*	50	855*
31	1848	52-54	854*
46	1864*	55	856*
55	2516	69	927, 931*
<i>Litt. enc. "Redemptoris Mater", (25 Martii 1987)</i>		<i>Litt. enc. "Centesimus annus", (1 Maii 1991)</i>	
17	165	3	2421*
18	165	5	1896*
<i>Litt. enc. "Sollicitudo rei socialis", (30 Decembris 1987)</i>		10	1939*, 2425*
1	2422*	13	2425*
9	2438	16	1882*
14	2437	24	2423*
16	2440*	25	407*, 1889, 2236*
17	2438*	26	2440*
32	2441*	28	2438
38-40	1939*	29	2461*
41	2422*	31	2427*
42	2406*, 2442*	32	2429*
45	2438*	34	2425, 2429*
47	1929, 2442	35	2424*, 2438*
<i>Ep. ap. "Mulieris dignitatem", (15 Augustii 1988)</i>		36	1886, 2223
6	2334	37	2432*
		37-38	2415*
		40	2406*

41	1887*		
43	1914*		
44	1904, 2425*		
45	2244*		
46	2244*		
48	1883, 2406*, 2431, 2433*		
51	2441*		
57	2444, 2444*		
<i>Litt. enc. "Evangelium vitae",</i> (25 Martii 1995)			
56	2267		
<i>Adh. ap. "Vita consecrata",</i> (25 Martii 1996)			
7	922		
<i>Allocutiones</i>			
7 Decembris 1985	10		
13 Aprilis 1986	63		
Các Văn Kiện Hội Thánh			
Catechismus Romanus			
Praefatio 10	25		
Praefatio 11	24		
1, 1, 4	190, 191		
1, 2, 6	199		
1, 2, 8	200		
1, 2, 13	274		
1, 5, 11	598, 598		
1, 6, 3	633		
1, 10, 1	749		
1, 10, 20	770		
1, 10, 22	750*		
1, 10, 24	947, 950		
1, 10, 27	952		
1, 11, 3	978		
1, 11, 4	979		
1, 11, 5	982		
1, 11, 6	987		
2, 2, 5	1213		
2, 5, 4	1431*		
2, 5, 18	1468		
2, 5, 21	1450		
3, 2, 4	2086		
3, 10, 13	2536		
3, 10, 23	2537		
			Các Thánh Bộ
			Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin (Bộ Thánh Vụ)
			<i>Epistula ad Episcopos Angliae</i> (14 Septembris 1864)
		DS 2888	811*
			<i>Decretum de millenarismo</i> (19 Iulii 1944)
		DS 3839	676*
			<i>Epistula ad Archiepiscopum</i> <i>Bostonien-sem</i> (8 Augusti 1949)
		DS 3866-3872	847*
			<i>Decl. "Mysterium Ecclesiae",</i> (24 Iunii 1973)
		3	2035
			<i>Decl. "Persona humana",</i> (29 Decembris 1975)
		7	2391
		8	2357
		9	2352, 2352, 2352
		11	2349
			<i>Decl. "Inter insigniores",</i> (15 Octobris 1976)
			1577*
			<i>Instr. "Pastoralis actio",</i> (20 Octobris 1980)
			1252*
			<i>Decl. "Iura et bona",</i> (5 Maii 1980)
			2277
			<i>Instr. "Libertatis conscientia",</i> (22 Martii 1986)
		13	1740
		68	2448
			<i>Instr. "Donum vitae",</i> (22 Februarii 1987)
		Intr. 2	2375
		Intr. 5	2258
		1, 1	2270*
		1, 2	2274
		1, 3	2275
		1, 5	2275
		1, 6	2275

2, 1	2376	213	2037*
2, 4	2377	220	2477*
2, 5	2377*	222	2043*
2, 8	2378	229	906*
3	2273, 2273	230, 1	903*
Thánh Bộ Giáo Sĩ		230, 3	903
<i>Directorium Catechisticum</i>		290-293	1583*
<i>Generale</i>		330	880*
43	234	331	936
47	234	336	883*
51	280	337, 1	884
69	1056	368-369	833*
Thánh Bộ Nghi Lễ		443, 4	911
<i>Instr. "Eucharisticum mysterium",</i>		445	2043*
<i>(25 Maii 1967)</i>		463, 1	911
6	1325	463, 2	911
Thánh Bộ Giáo Dục		492, 1	911
<i>Decretum (27 Iulii 1914): theses</i>		511	911
<i>thomi-sticae</i>		515, 1	2179
DS 3624	318*	517, 2	911
Thượng Hội Đồng Giám Mục		536	911, 911
<i>Relatio finalis "Exeunte coetu</i>		573	916*, 925*
<i>secundo", (7 Decembris 1985)</i>		591	927*
II B a 4	10, 11	603, 1	920
Các Hội Đồng Giám Mục		604, 1	923, 924
<i>Document de Puebla 1979</i>		604, 2	924*
	1676	605	919*
Giáo Luật		607	925*
Quy chế các Tông Đồ		654	2103*
34	887*	692	2103*
Bộ Giáo Luật		710	928
129, 2	911	713	929
204, 1	871, 1213*	731, 1	930
205	815*	731, 2	930
206	1249*	747, 2	2032
207, 1	934	748, 2	160*
207, 2	873, 934	751	817*, 2089
208-223	1269*	774	906*
208	872	774, 2	1251
212, 3	907	776	906*
		780	906*
		783	931
		788	1249*
		822, 3	906*
		835, 4	902
		844	1462*

844, 3	1399*	1007	1514*
844, 4	1401*	1012	1576*
847, 1	1513*	1024	1577
848	2122	1055, 1	1601, 1617*, 1660*
849	1213*	1056	2364*
851	1233*	1057, 1	1626, 1628
851, 2	1233*	1057, 2	1627*
855	2156	1063	1632*
861, 1	1256*	1071, 1, 3	1629*
861, 2	1256*	1083-1108	1629*
864	1246	1086	1635*
865	1233*	1103	1628*
866	1233*, 1298*	1108	1631*
867	1250*	1124	1635*
868	1233*	1125	1635*
872-874	1255*	1134	1638
882	1313*	1136	1251, 2225
883, 2	1312*	1141	1640*, 2382
883, 3	1307*, 1314*	1151-1155	1649*, 2383*
884, 2	1313	1166	1667*
889, 1	1306*	1168	1669*
890	1306	1172	1673*
891	1307*	1176, 3	2301*
893, 1	1311*	1191, 1	2102
893, 2	1311*	1196-1197	2103*
914	1457*	1199, 1	2154
916	1457*	1245	2181*
916-917	1388*	1246-1248	2042*
919	1387*	1246	2043*
920	1389*, 2042*	1246, 1	2177, 2177, 2192
961, 1	1483*	1247	2180, 2185*, 2192, 2193
961, 2	1483*	1248, 1	2180
962, 1	1483*	1248, 2	2183
967-969	1462*	1249-1253	1438*
972	1462*	1249-1251	2043*
976	1463*	1314	2272
982	2490	1323-1324	2272*
983, 1	2511	1331	1463*
983-984	1467*	1336, 1, 3 ⁰ . 5 ⁰	1583*
986	1464*	1338, 2	1583*
988, 2	1458*	1354-1357	1463*
989	1457*, 2042*	1367	2120*
994	1471	1369	2148*
1003	1516*	1376	2120*
1004, 1	1514*	1388, 1	1467
1005	1514*	1398	2272

1421, 2 911

**Bộ Giáo Luật
các Giáo hội Đông phương**

25	2043*
177, 1	833
178	833
311, 1	833
312	833
675, 1	1213*
675, 2	1269*
677, 1	1256*
679	1246
681	1250*
686, 1	1250*
695, 1	1290*
696, 1	1290*
708	2042*
711	1457*
719	2042*
722, 3-4	1462*
725	1463*
735	1464*
738	1514*
739, 1	1516*
744	1576*
747	1576*
817	1623*
828	1623*
867	1667*
880-883	1438*
880, 3	2042*, 2043*
881, 1	2042*, 2043*
881, 2	2042*
881, 3	2042*
881, 4	2042*, 2043*
882	2043*
1420	1463*
1431	1463*
1434	1463*
1456	1467

**Phụng vụ
NGHI LỄ LA TINH****Sách Lễ Rôma**

<i>Quy chế tổng quát</i>	
240	1390
271	1182*, 1184
272	1184
<i>Dâng lễ vật</i>	
	1333
<i>Kinh Tiên Tụng</i>	
Lễ Giáng sinh	477
Lễ Thăng thiên	661
Lễ Chúa Kitô Vua	2046
Lễ các Tông Đồ	857, 1575*
Lễ các Thánh	2005
Lễ cầu hôn	1012
<i>“Thánh, Thánh, Thánh”</i>	
	335
<i>Kinh Nguyện Thánh Thể I hoặc Lễ Quy Rôma</i>	
88	1037
90	1353*
95	1333*
96	1383, 1402
97	1274
<i>Kinh Nguyện Thánh Thể</i>	
III, 116	1404
IV	2818
IV, 118	55, 380, 2818*
123	2852*
<i>Lời nguyện trước Hiệp Lễ</i>	
132	1058
<i>Vinh tụng ca (sau Kinh nguyện Thánh Thể)</i>	
	1065
<i>Sau Kinh Lạy Cha</i>	
	1404, 2760*
	2854
133	1386
<i>Lời nguyện Nhập lễ Chúa Nhật XXVI thường niên</i>	
	277

Chúa Nhật XXXII thường niên	1742	46, 55	1449
<i>Thứ Sáu Tuần Thánh</i>		<i>Nghi thức cử hành Hôn Phối</i>	
13 Cầu nguyện cho mọi người VI	63, 839	62	1627
<i>Canh thức Vượt Qua</i>		<i>Sách Các Phép</i>	
18 Exsultet	412, 631, 647	Thánh hiến Dầu Thánh	1299
24 Lời nguyện sau Bài đọc 1	349*	16	1669*
26 Lời nguyện sau Bài đọc 3	528	18	1669*
42 Làm phép nước	1217, 1218, 1219, 1221	<i>Nghi thức Thánh hiến Trinh nữ</i>	
<i>Ca tiếp liên</i>		praenotanda 1	923
Lễ Chúa Thánh Thần HX.	2671*	praenotanda 2	924
Pontificale Romanum		<i>Nghi thức An táng</i>	
<i>Lễ phong chức Giám mục, linh mục và phó tế</i>			1686*
Lời nguyện		“Commendatio animae”	1020
phong chức Giám mục	1541	“In Paradisum deducant te angeli”	335*
Lời nguyện		1 (praenotanda)	1689*
phong chức linh mục	1542	10 (praenotanda)	1690
Lời nguyện		41	1688
phong chức phó tế	1543	56	1689*
Sách Nghi thức Rôma		Các Giờ Kinh Phụng vụ	
<i>Nghi thức khai tâm Kitô giáo cho người lớn</i>		<i>Quy chế tổng quát</i>	
	1232*	7	2616*
praenotanda 1-2	1212*	9	2655*
19	1248*	100-1099	2586*
98	1248*	<i>Thánh Thi</i>	
<i>Nghi thức Rửa Tội trẻ em</i>		“O lux beata Trinitas”	257
62	1241*	“Te Deum”	168
<i>Nghi thức Rửa Tội người lớn</i>		“Veni, Creator Spiritus”	291, 700
	168	“Vexilla Regis”	550, 617
<i>Nghi thức Thêm Sức</i>		<i>Điệp ca</i>	
praenotanda 1	1285*	Kinh Chiều I và II Lễ trọng	
praenotanda 2	1285*	Đức Maria	
praenotanda 3	1309*	Mẹ Thiên Chúa	526
praenotanda 5	1311*	Điệp ca kinh Benedictus lễ trọng	
praenotanda 6	1311*	Đức Maria	
25	1299	Mẹ Thiên Chúa	469
<i>Nghi thức Thống Hối</i>		Điệp ca kinh Magnificat	
Công thức xá giải	1424, 1449	Kinh Chiều II	
31	1484	Lễ Hiển Linh	528*
		Điệp ca kinh Magnificat Kinh Chiều II Lễ Mình Máu Thánh Chúa	1402

<i>Thánh ca</i>	
Kinh Chiều I Chúa Nhật	461*
Các ca nguyện	
<i>Ca nguyện</i>	
“Ave Maria”	1014, 2676, 2677
“O sacrum convivium”	1402
“Veni, Sancte Spiritus”	2671
<i>Kinh cầu Các Thánh</i>	
	1014
CÁC PHỤNG VỤ ĐÔNG PHƯƠNG	
Phụng vụ Byzantin của thánh Gioan Kim Khẩu	
Hymnus cherubinatorum	335*
Anaphora	42, 1137
Prex ante Communionem	1386
Phụng vụ Byzantin	
	1166
<i>Troparium</i>	
“Ho monogenês”	469
In die Dormitionis (15 Aug)	966
In die Paschatis	638
Matutinum pro die Dominica modi secundi	703
Vespertium in die Pentecostes	291, 732, 2671
<i>Kontakia</i>	
In die Transfigurationis	555
Romani Melodi	525
<i>Eukologion</i>	
Formula absolutionis	1481
Prex ordinationis	1587
<i>Rituale</i>	
	1300
Phụng vụ Syria	
Antiochiae, Epiclesis consecrationis sancti chrismatis	1297

Fanqith

Breviarium iuxta ritum Ecclesiae Antiochenae Syrorum, Vol. 6, p. 193b	1167
Breviarium iuxta ritum Ecclesiae Antiochenae Syrorum, Vol. 1, 237a-b	1391

Các Văn sĩ Giáo hội**A.A.**

<i>Antiqua homilia in sancto et magno Sabbato</i>	
PG 43, 440. 452. 461.	635
<i>Constitutiones apostolicae</i>	
7, 24, 1: SC 336, 174	2760
8, 13, 12: SC 336, 208	1331
<i>De imitatione Christi</i>	
11, 23, 5-8	1014
<i>Didaché</i>	
1, 1: SC 248, 140	1696
2, 2: SC 248, 148	2271
8, 2: SC 248, 174	2760
8, 3: SC 248, 174	2767
9, 5: SC 248, 178	1331*
10, 6: SC 248, 180	1331*, 1403
<i>Epistula ad Diognetum</i>	
5, 5: SC 33, 62-66	2240
5, 6: SC 33, 62	2271*
5, 8-9: SC 33, 62-64	2796
5, 10: SC 33, 62-66	2240
6, 10: SC 33, 62-66	2240
<i>Sermo de die Dominica</i>	
PG 86/1, 416 et 421	2178
Alfonsô Maria de Liguori (thánh)	
<i>Del gran mezzo della preghiera</i>	
pars 1, c. 1	2744
Ambrôsiô (thánh)	
<i>De mysteriis</i>	
7, 42: CSEL 73, 106 (PL 16, 402-403)	1303

9, 50: CSEL 73, 110 (PL 16, 405)	1375	10, 121: CCL 14, 379 (PL 15, 1927)	1025
<i>De officiis ministrorum</i>		<i>Expositio psalami CXVIII</i>	
1, 88	2653	14, 30: CSEL 62, 318 (PL 15, 1476)	908
<i>De Paenitentia</i>		Anselmô (thánh)	
1, 8, 34: CSEL 73, 135-136 (PL 16, 476-477)	983	<i>Proslogion</i>	
<i>De sacramentis</i>		Prooemium	158
2, 2, 6: CSEL 73, 27-28 (PL 16, 425-426)	1225	Aristides	
4, 7: CSEL 73, 49 (PL 16, 437)	1383	<i>Apologia</i>	
4, 28: CSEL 73, 57-58 (PL 16, 446)	1393	16, 7: BP 11, 125	760*
5, 7: CSEL 73, 61 (PL 16, 447)	1383	Athanasîô Alexandria (thánh)	
5, 19: CSEL 73, 66 (PL 16, 450)	2783	<i>De Incarnatione</i>	
5, 26: CSEL 73, 70 (PL 16, 453)	2836	54, 3: SC 199, 458 (PG 25, 192)	460
5, 30: CSEL 73, 71-72 (PL 16, 454)	2852	<i>Epistula festivalis</i>	
<i>De viduis</i>		1, 10: PG 26, 1366	1169
23: PL 16, 241-242	2349	<i>Epistula ad Serapionem</i>	
<i>De virginitate</i>		1, 24: PG 26, 585-588	1988
18, 119: PL 16, 297	845	Augustinô (thánh)	
<i>Enarrationes in Psalmos</i>		<i>Confessiones</i>	
1, 9: CSEL 64, 7 (PL 14, 968)	2589	1, 1, 1: CCL 27, 1	30
<i>Epistula extra collectionem</i>		2, 4, 9: CCL 27, 21	1958
1. 41, 12: CSEL 82/3, 152 (PL 16, 1116)	1429	3, 6, 11: CCL 27, 33	300
<i>Explanatio Symboli</i>		6, 11, 20: CCL 27, 87	2520
1: CSEL 73, 3 (PL 17, 1193)	197	7, 7, 11: CCL 27, 99	385
7: CSEL 73, 10 (PL 17, 1196)	194	9, 6, 14: CCL 27, 141	1157
8: CSEL 73, 10-11 (PL 17, 1196)	191*	9, 11, 27: CCL 27, 149	1371
<i>Expositio evangelii secundum Lucam</i>		10, 20, 29: CCL 27, 170	1718
2, 85-89: CCL 14, 69-72 (PL 15, 1666-1668)	766*	10, 28, 39: CCL 27, 175	45
		10, 29, 40: CCL 27, 176	2340
		13, 36, 51: CCL 27, 272	2002
		<i>Contra epistulam Manichaei quam vocant fundamenti</i>	
		5, 6: CSEL 25, 197 (PL 42, 176)	119
		<i>Contra Faustum manichaeum</i>	
		22, 27: CSEL 25, 621 (PL 42, 418)	1849, 1871
		<i>De catechizandis rudibus</i>	
		3, 5: CCL 46, 124 (PL 40, 313)	281*

De civitate Dei

10, 6: CSEL 40/1, 454-455 (PL 41, 283)	1372, 2099
14, 7: CSEL 40/2, 13 (PL 41, 410)	1766
14, 28: CSEL 40/2, 56 (PL 41, 436)	1850
18, 51: CSEL 40/2, 354 (PL 41, 614)	769
19, 13: CSEL 40/2, 395 (PL 41, 640)	2304
19, 19: CSEL 40/2, 407 (PL 41, 647)	2185
22, 17: CSEL 40/2, 625 (PL 41, 779)	1118
22, 30: CSEL 40/2, 665-666 (PL 41, 801-802)	1720, 2550
<i>De diversis quaestionibus octoginta tribus</i>	
64, 4: CCL 44A, 140 (PL 40, 56)	2560
<i>De disciplina christiana</i>	
7, 7: CCL 46, 214 (PL 40, 673)	2539
<i>De fide et Symbolo</i>	
10, 25: CSEL 25, 32 (PL 40, 196)	2518
<i>De Genesi contra Manichaeos</i>	
1, 2, 4: PL 36, 175	338
<i>De gratia et libero arbitrio</i>	
17, 33: PL 44, 901	2001
<i>De libero arbitrio</i>	
1, 1, 1: CCL 29, 211 (PL 32, 1221-1223)	311
<i>De mendacio</i>	
4, 5: CSEL 41, 419 (PL 40, 491)	2482
<i>De moribus Ecclesiae catholicae</i>	
3, 4: CSEL 90, 6 (PL 32, 1312)	1718
1, 25, 46: CSEL 90, 51 (PL 32, 1330-1331)	1809

De natura et gratia

31, 35: CSEL 49, 258-259 (PL 44, 264)	2001
<i>De sancta virginitate</i>	
3, 3: CSEL 41, 237 (PL 40, 398)	506
6, 6: CSEL 41, 240 (PL 40, 399)	963
<i>De sermone Domini in monte</i>	
1, 1, 1: CCL 35, 1-2 (PL 34, 1229-1231)	1966
1, 1, 3: CCL 35, 4 (PL 34, 1232)	2547
2, 4, 16: CCL 35, 106 (PL 34, 1276)	2785
2, 5, 18: CCL 35, 108-109 (PL 34, 1277)	2794
2, 5, 19: CCL 35, 109 (PL 34, 1278)	2149
2, 6, 24: CCL 35, 113 (PL 34, 1279)	2827
<i>De Trinitate</i>	
8, 3, 4: CCL 50, 271-272 (PL 42, 949)	1766*
14, 15, 21: CCL 50A, 451 (PL 42, 1052)	1955
15, 26, 47: CCL 50A, 529 (PL 42, 1095)	264
<i>Enarratio in Psalmum</i>	
57, 1: CCL 39, 708 (PL 36, 673)	1962
62, 16: CCL 39, 804 (PL 36, 758)	2628
72, 1: CCL 39, 986 (PL 36, 914)	1156*
74, 4: CCL 39, 1027 (PL 37, 948-949)	796
85, 1: CCL 39, 1176 (PL 36, 1081)	2616
88, 2, 5: CCL 39, 1237 (PL 37, 1134)	996
102, 7: CCL 40, 1457 (PL 37, 1321)	2005
103, 1, 15: CCL 40, 1488 (PL 37, 1348-1349)	329

103, 4, 1: CCL 40, 1521 (PL 37, 1378)	102	52, 6, 16: PL 38, 360	230
<i>Enchiridion de fide, spe et caritate</i>		56, 6, 9: PL 38, 381	2559*
3, 11: CCL 46, 53 (PL 40, 236)	311	57, 7, 7: PL 38, 389-390	2837
<i>Epistulae</i>		58, 11, 13: PL 38, 399	1064
98, 5: CSEL 34, 527 (PL 33, 362)	1274	78, 6: PL 38, 492-493	556
108, 3, 8: CSEL 34, 620 (PL 33, 410)	2539	96, 7, 9: PL 38, 588	845*
130, 8, 17: CSEL 44, 59 (PL 33, 500)	2737	169, 11, 13: PL 38, 923	1847
130, 12, 22: CSEL 44, 66 (PL 33, 502)	2762	186, 1: PL 38, 999	510
187, 11, 34: CSEL 57, 113 (PL 33, 845)	774	213, 8, 8: PL 38, 1064	983
<i>In epistulam Iohannis ad Parthos tractatus</i>		214, 11: PL 38, 1071-1072	981
1, 6: PL 35, 1982	1863	241, 2: PL 38, 1134	32
8, 9: PL 35, 2041	1779	268, 2: PL 38, 1232	797
10, 4: PL 35, 2056-2057	1829	272: PL 38, 1247	1396
<i>In Iohannis evangelium tractatus</i>		298, 4-5: SPM 1, 98-99 (PL 38, 1367)	2009
5, 15: CCL 36, 50 (PL 35, 1422)	1584	341, 1, 1: PL 39, 1493	695
12, 13: CCL 36, 128 (PL 35, 1491)	1458	341, 9, 11: PL 39, 1499	695
21, 8: CCL 36, 216-217 (PL 35, 1568)	795	Augustinô de Dacia	
26, 13: CCL 36, 266 (PL 35, 1613)	1398	<i>Rotulus pugillaris</i>	
72, 3: CCL 36, 508 (PL 35, 1823)	1994	I	118
80, 3: CCL 36, 529 (PL 35, 1840)	1228	Barnaba	
<i>Quaestiones in Heptateucum</i>		<i>Epistula Pseudo-Barnabae</i>	
2, 73: CCL 33, 106 (PL 34, 623)	129	4, 10: SC 172, 100-102	1905
<i>Sermones</i>		19, 5: SC 172, 202	2271
18, 4, 4: CCL 41, 247-249 (PL 38, 130-131)	1039	Basiliô Cả (thánh)	
33, 2, 2: CCL 41, 414 (PL 38, 208)	2067	<i>Adversus Eunomium</i>	
43, 7, 9: CCL 41, 512 (PL 38, 258)	158	3, 1: SC 305, 148 (PG 29, 656)	336
		<i>Liber de Spiritu Sancto</i>	
		15, 36: SC 17 bis, 370 (PG 32, 132)	163, 736
		18, 45: SC 17 bis, 406 (PG 32, 149)	2132
		26, 62: SC 17 bis, 472 (PG 32, 184)	2684
		<i>Moralia</i>	
		Regula 73: PG 31, 852	2384
		<i>Regulae fusius tractatae</i>	
		prol. 3: PG 31, 896	1828

Bênêdictô (thánh)*Regula*

20: CSEL 75, 75-76 (PL 66, 479-480)	2834*
43, 3: CSEL 75, 106 (PL 66, 675)	347
48: CSEL 75, 114-119 (PL 66, 703-704)	2834*

Bernardô Clairvaux (thánh)*Homilia super "Missus est"*

4, 11	108
-------	-----

In Canticum sermones

27, 7, 14	771
-----------	-----

Bonaventura (thánh)*In secundum librum Sententiarum*

dist. 1, p. 2, a. 2, q. 1	293
---------------------------	-----

In quattuor libros Sententiarum

3, 37, 1, 3	2071
-------------	------

Cêsaria Juniô (thánh)*Epistula ad Richildam et**Radegundem*

SC 345, 480	127
-------------	-----

Cêsariô Arêlatensê (thánh)*Expositio vel traditio Symboli**(sermo 9)*

CCL 103, 47	232
-------------	-----

Catarina Siêna (thánh)*Il dialogo della Divina**provvidenza*

7	1937
---	------

13	356
----	-----

138	313
-----	-----

Clêmentê Alexandria*Paedagogus*

1, 6, 27, 2: GCS 12, 106 (PG 8, 281)	760
---	-----

1, 6, 42: GCS 12, 115 (PG 8, 300)	813
--------------------------------------	-----

Clêmentê Rôma (thánh)*Epistula ad Corinthios*

7, 4: SC 167, 110	1432
-------------------	------

42, 4: SC 167, 168-170	861*, 1577
------------------------	---------------

44, 2: SC 167, 172	861*
--------------------	------

44, 3: SC 167, 172	1577
--------------------	------

61, 1-2: SC 167, 198-200	1900
--------------------------	------

Cyprianô Carthage (thánh)*De Ecclesiae catholicae unitate*

6: CCL 3, 253 (PL 4, 519)	181
------------------------------	-----

De dominica Oratione

9: CCL 3A, 94 (PL 4, 541)	2782
------------------------------	------

11: CCL 3A, 96 (PL 4, 543)	2784
-------------------------------	------

12: CCL 3A, 96-97 (PL 4, 544)	2813
----------------------------------	------

13: CCL 3A, 97 (PL 4, 545)	2816
-------------------------------	------

21: CCL 3A, 103 (PL 4, 551)	2830
--------------------------------	------

23: CCL 3A, 105 (PL 4, 535-536)	810*, 2845
------------------------------------	------------

Epistulae

58, 10: CSEL 3/2, 665 (56, 10: PL 4, 367-368)	1028
--	------

Cyrrillô Alexandria (thánh)*Commentarius in Iohannem*

11, 11: PG 74, 561	738
--------------------	-----

Commentarius in Lucam

22, 19: PG 72, 912	1381
--------------------	------

Cyrrillô Giêrusalem (thánh)*Catecheses illuminandorum*

5, 12: PG 33, 521-524	186
-----------------------	-----

18, 29: PG 33, 1049	1050
---------------------	------

Catecheses mystagogicae

3, 1: SC 126, 120 (PG 33, 1088)	2782
------------------------------------	------

5, 11: SC 126, 160 (PG 33, 1117)	2794
-------------------------------------	------

5, 13: SC 126, 162 (PG 33, 1120)	2819	Phanxicô Salêsiô (thánh)	
5, 18: SC 126, 168 (PG 33, 1124)	2856	<i>Traité de l'amour de Dieu</i>	
5, 9-10: SC 126, 158-160 (PG 30, 1116-1117)	1371	8, 6	1974
Đôminicô (thánh)		Fulgentiô Ruspensê (thánh)	
<i>Relatio iuridica (Radulphus de Faventia)</i>		<i>Contra gesta Fabiani</i>	
4, 42	956*	28, 17: CCL 91A, 813-814 (PL 65, 789)	1394
<i>Vita (Iordanus de Saxonia)</i>		Grêgôriô Cả (thánh)	
4, 69	956*	<i>Dialogi</i>	
Êgiêria		4, 41, 3: SC 265, 148 (4, 39: PL 77, 396)	1031
<i>Peregrinatio ad loca sancta</i>		<i>Homilia in Ezechielem</i>	
46, 2: SC 296, 308; PLS 1, 1089-1090	281*	1, 7, 8: CCL 142, 87 (PL 76, 843)	94
Êlisabeth Chúa Ba Ngôi (chân phước)		<i>Moralia in Iob</i>	
<i>Ecrits spirituels</i>		6, 14: CCL 143, 19 (PL 75, 525)	795
50	260	31, 45, 87: CCL 143B, 1610 (PL 76, 621)	1866
Êpiphaniô (thánh)		31, 45, 88: CCL 143B, 1610 (PL 76, 621)	2539
<i>Panarion</i>		<i>Regula pastoralis</i>	
1, 1, 5: GCS 25, 174 (PG 41, 181)	760*	3, 21, 45: CS 382, 394 (PL 77, 87)	2446
Êvagriô Ponticô		Grêgôriô Nazianzênô (thánh)	
<i>Capita practica ad Anatolium</i>		<i>Oratio</i>	
49: SC 171, 610 (PL 40, 245)	2742	2, 71: SC 247, 184 (PG 35, 480)	1589
<i>De oratione</i>		2, 73: SC 247, 186 (PG 35, 481)	1589
34: PG 79, 1173	2737	2, 74: SC 247, 186 (PG 35, 481)	1589
Faustus Reiensis		16, 9: PG 35, 945	2565
<i>De Spiritu Sancto</i>		27 (theologica 1), 4: SC	
1, 2: CSEL 21, 104 (1, 1: PL 62, 11)	169	250, 78 (PG 36, 16)	2697
Phanxicô Assisi (thánh)		31 (theologica 5), 26: SC	
<i>Admonitio</i>		250, 326 (PG 36, 161-164)	684
5, 3	598	31 (theologica 5), 28: SC	
<i>Canticum Fratris Solis</i>		250, 332 (PG 36, 165)	2670
	344, 1014	39, 17: SC 358, 188 (PG 36, 356)	980
		40, 3-4: SC 358, 202-204 (PG 36, 361-364)	1216

40, 9: SC 358, 216 (PG 36, 369)	537	<i>In die Dominica Paschae homilia</i> CCL 78, 550 (PL 30, 218-219)	1166
40, 41: SC 358, 292-294 (PG 36, 417)	256	Hilariô Pictaviensê (thánh) <i>In evangelium Matthaei</i> 2, 6: SC 254, 110 (PL 9, 927)	537
Grêgôriô Nyssênô (thánh) <i>De beatitudinibus oratio</i> 1: PG 44, 1200	1803, 2546	Hippôlytô Rôma (thánh) <i>Traditio apostolica</i> 3	1586
6: PG 44, 1265	2548	8	1569*
<i>De Spiritu Sancto</i> 16: PG 45, 1321	690	21	1291*
<i>De vita Moysis</i> 1, 5: PG 44, 300	2028	35	1301*
<i>Homiliae in Orationem dominicam</i> 2: PG 44, 1148	2784	Hugo de Santo Victore <i>De Arca Noe</i> 2, 8: PL 176, 642	134
<i>In Canticum homilia</i> 8: PG 44, 941	2015	Ignatiô Antiôchia (thánh) <i>Epistula ad Ephesios</i> 19, 1: SC 10bis, 74	498
<i>In Christi resurrectionem</i> 1: PG 46, 417	650	20, 2: SC 10bis, 76	1331, 1405, 2837
<i>Oratio catechetica</i> 15, 3 TD 7, 78 (PG 45, 48)	457	<i>Epistula ad Magnesios</i> 6, 1: SC 10bis, 84	1549*
16, 9 TD 7, 90 (PG 45, 52)	625	9, 1: SC 10bis, 88	2175
Guigô II Cartusiensê <i>Scala claustralium</i> 2, 2: PL 184, 476	2654	<i>Epistula ad Romanos</i> Inser.: SC 10bis, 106	834
Hermas <i>Mandata pastoris</i> 27, 1 (2, 1): SC 53, 146	2517	4, 1: SC 10bis, 110	2473
<i>Visiones pastoris</i> 2, 4, 1: SC 53, 96	760	6, 1-2: SC 10bis, 114	1010, 2474
Hiêrônimô (thánh) <i>Commentarius in Ecclesiasten</i> 10, 11: CCL 72, 338 (PL 23, 1096)	1456	7, 2: SC 10bis, 116	1011
<i>Commentarii in Isaiam</i> Prologus: CCL 73, 1 (PL 24, 17)	133	<i>Epistula ad Smyrnaeos</i> 1-2: SC 10bis	496
		8, 1: SC 10bis	896, 1369
		8, 2: SC 10bis	830
		<i>Epistula ad Trallianos</i> 3, 1: SC 10bis	1549, 1554, 1593*
		Ignatiô Loyola (thánh) <i>Exercitia spiritualia</i> 22	2478
		38	2164

104	2715	<i>In Matthaem homilia</i>	
Jeanne d'Arc (thánh)		19, 4: PG 57, 278	2768
<i>Dictum: Procès de condamnation</i>		19, 5: PG 57, 280	2825
223, 435, 795, 2005		<i>In epistulam I ad Corinthios</i>	
Gioan Thánh Giá (thánh)		<i>homilia</i>	
<i>Avisos y sentencias</i>		41, 5: PG 61, 361	1032
57	1022	27, 5: PG 61, 230	1397
<i>Carta</i>		<i>In epistula II ad Corinthios</i>	
6	2717	<i>homilia</i>	
<i>Llama de amor viva</i>		27, 3-4: PG 61, 588	2538
696*, 2690		<i>In Lazarum concio</i>	
<i>Subida del monte Carmelo</i>		2, 6: PG 48, 992	2446
2, 22, 3-5	65	<i>Sermones in Genesim</i>	
		2, 1: PG 54, 587-588	358
Gioan Cassianô (thánh)		Gioan Damascênô (thánh)	
<i>Conlatio</i>		<i>De sacris imaginibus oratio</i>	
9, 18, 1: CSEL 13, 265-266	2785	1, 16: PTS 17, 89 et 92	
		(PG 94, 1245 et 1248)	1159
Gioan Kim Khẩu (thánh)		1, 47: PTS 17, 151	
<i>De incomprehensibili Dei natura</i>		(PG 94, 1268)	1162
<i>seu contra Anomoeos</i>		<i>Expositio fidei</i>	
3, 6: SC 28bis, 218	2179	18	393
<i>De prodicione Iudae homilia</i>		68	2590, 2559
1, 6: PG 49, 380	1375	71	626
<i>De sacerdotio</i>		75	663
2, 4: SC 272, 118		86	1106
(PG 48, 635)	1551	Jean Eudes (thánh)	
3, 5: SC 272, 148		<i>Le Coeur admirable de la Très</i>	
(PG 48, 643)	983	<i>Sacrée Mère de Dieu</i>	
<i>De virginitate</i>		1, 5	1698
10, 1: SC 125, 122		<i>Le royaume de Jésus</i>	
(PG 48, 540)	1620	3, 4	521
<i>De angusta porta et in Orationem</i>		Gioan Maria Vianney (Cha sở	
<i>dominicam</i>		Ars) (thánh)	
3: PG 51, 44	2784	<i>(theo B. Nodet, Le Curé d'Ars)</i>	1589
<i>De Anna sermo</i>		<i>Oratio</i>	2658
2, 2: PG 54, 646	2700	Irênê (thánh)	
4, 6: PG 54, 668	2743	<i>Adversus haereses</i>	
4, 5: PG 54, 666	2744	1, 10, 1-2: SC 264, 154-158	
<i>In epistulam ad Ephesios homilia</i>		(PG 7, 550-551)	173
20, 8: PG 62, 146-147	2365		
<i>In epistulam ad Romanos homilia</i>			
7, 5: PG 60, 448	2540		

1, 10, 2: SC 264, 158-160 (PG 7, 531-534)	174	4, 21, 3: SC 100, 648 (PG 7, 1046)	53
3, 18, 7: SC 211, 366 (PG 7, 937)	518	5, 20, 1: SC 153, 254-256 (PG 7, 1177)	174
2, 22, 4: SC 294, 220-222 (PG 7, 784)	518*	5, 32, 1: SC 153, 398 (PG 7, 1210)	1047
2, 30, 9: SC 294, 318-320 (PG 7, 822)	292	<i>Demonstratio praedicationis apostolicae</i>	
3, 3, 2: SC 211, 32 (PG 7, 849)	834	3: SC 62, 32	1274
3, 17, 1: SC 211, 392 (PG 7, 944)	53*	7: SC 62, 41-42	683
3, 18, 1: SC 211, 342-344 (PG 7, 932)	518	11: SC 62, 48-49	704
3, 18, 3: SC 211, 350 (PG 7, 934)	438	100	190
3, 19, 1: SC 211, 374 (PG 7, 939)	460	Isaac Ninivê (thánh)	
3, 20, 2: SC 211, 392 (PG 7, 939)	53	<i>Tractatus mystici</i>	
3, 20, 2: SC 211, 392 (PG 7, 944)	53	66	2717
3, 22, 4: SC 211, 440 (PG 7, 959)	494	Iuliana de Norwich	
3, 24, 1: SC 211, 472 (PG 7, 966)	175	<i>Revelatio</i>	
4, 4, 3: SC 100, 424 (PG 7, 983)	1730	13, 32	313
4, 12, 4: SC 100, 518 (PG 7, 1006)	53*	Iustinô (thánh)	
4, 15, 1: SC 100, 548 (PG 7, 1012)	1964, 2070	<i>Apologia</i>	
4, 16, 3-4: SC 100, 566-570 (PG 7, 1017-1018)	2063	1, 61: CA 1, 168 (PG 6, 421)	1216
4, 18, 4: SC 100, 606 (PG 7, 1027)	1350	1, 65: CA 1, 176-180 (PG 6, 428)	1345
4, 18, 5: SC 100, 610-612 (PG 7, 1028-1029)	1000	1, 66: CA 1, 180 (PG 6, 428)	1355
4, 18, 5: SC 100, 610 (PG 7, 1028)	1327	1, 67: CA 1, 184-186 (PG 6, 429)	1345
4, 20, 1: SC 100, 626 (PG 7, 1032)	292	1, 67: CA 1, 188 (PG 6, 429-432)	2174
4, 20, 5: SC 100, 638	1722	1, 67: CA 1, 186-188 (PG 6, 429)	1351
4, 20, 7: SC 100, 648 (PG 7, 1037)	294	2, 7: CA 1, 216-218 (PG 6, 456)	760*
		<i>Dialogus cum Tryphone Iudaeo</i>	
		66-67: CA 2, 234-236 (PG 6, 628-629)	498*
		11, 1: CA 2, 40 (PG 6, 497)	2085
		Lêô Cả (thánh)	
		<i>Sermones</i>	
		4, 1: CCL 138, 16-17 (PL 54, 149)	786

4, 3: CCL 88, 19-20 (PL 54, 151)	424*	Nicôla a Flüe (sanctus) <i>Bruder-Klausen-Gebet</i>	226	
21, 2: CCL 138, 87 (PL 54, 192)	469*			
21, 3: CCL 138, 88 (PL 54, 192-193)	1691			
33, 3: CCL 138, 173 (PL 54, 242)	528			
51, 1: CCL 88A, 296-297 (PL 54, 309)	424*			
51, 3: CCL 138A, 298- 299 (PL 54, 310)	568*			
62, 2: CCL 88A, 377-378 (PL 54, 350-351)	424*			
73, 4: CCL 88A, 453 (PL 54, 151)	412			
74, 2: CCL 138A, 457 (PL 54, 398)	1115			
83, 3: CCL 88A, 521-522 (PL 54, 432)	424*			
Maximô Hiên tu (thánh)				Ôrigiê-nê <i>Contra Celsum</i> 1, 32: SC 132, 162-164 (PG 8, 720-724) 498* 1, 69: SC 132, 270 (PG 8, 788-789) 498* 2, 40: SC 132, 378 (PG 11, 861) 2114 <i>De oratione</i> 12, 2: GCS 3, 324-325 (PG 11, 452) 2745 26, 3: GCS 3, 361 (PG 11, 501) 2825 29, 15 et 17: GCS 3, 390-391 (PG 11, 541-544) 2847 <i>In Ezechielem homiliae</i> 9, 1: SC 352, 296 (PG 13, 732) 817 <i>In Exodum homiliae</i> 4, 5: SC 321, 128 (PG 12, 320) 137 8, 1: SC 321, 242 (PG 12, 350) 2061 <i>Homiliae in Leviticum</i> 5, 5: SC 286, 228 (PG 12, 454) 113
<i>Ambiguorum liber</i> PG 91, 1156	398			
<i>Opuscula theologica et polemica</i> PG 91, 137-140	834			
<i>Quaestiones et dubia</i> Q. I, 67: CCG 10, 155 (66: PG 90, 840)	473			
Newman John Henri				
<i>Apologia pro vita sua</i> c.5	157			
<i>Discourses addressed to Mixed Congregations</i> 5	1723			
<i>A Letter to the Duke of Norfolk</i> 5	1778			
<i>Parochial and Plain Sermons</i> v. 5	2144			
Nicetas Remesianaë (thánh)				
<i>Instructio ad competentes</i> 5, 3, 23	946			
Phêrô Kim Ngôn (thánh)				
<i>Sermones</i> 117, 1-2: CCL 24A, 709 (PL 52, 520) 359 71, 3: CCL 24A, 425 (PL 52, 401) 2777 71, 4: CCL 24A, 425 (PL 52, 402) 2814 67, 7: CCL 24A, 404-405 (PL 52, 402) 2837	Polycarpô Smyrne (thánh) <i>Epistula ad Philippenses</i> 5, 2: SC 10bis 182 1570*			

<i>Martyrium sancti Polycarpi</i>			<i>De paenitentia</i>		
14, 2-3: SC 10bis	2474		4, 2: CCL 1, 326		
17, 3: SC 10bis	957		(PL 1, 1343)	1446	
Prospêrô Aquitanô			<i>De resurrectione mortuorum</i>		
<i>Indiculus</i>			1, 1: CCL 2, 921		
c8: DS 246 (PL 51, 209)	1124		(PL 2, 841)	991	
Pseudô-Hippôlytô Rôma			8, 2: CCL 2, 931		
<i>In sanctum Pascha</i>			(PL 2, 852)	1015	
1, 1-2: (PG 59, 755)	1165		Thêophilô Antiôchia (thánh)		
Rôsa Lima (thánh)			<i>Ad Autolyicum</i>		
<i>Vita mirabilis (P. Hansen)</i>	618, 2449		2, 4: SC 20, 102		
			(PL 6, 1052)	296	
Simêon Thessalonica (thánh)			Têrêsa Giêsu (thánh)		
<i>De ordine sepulturae</i>			<i>Camino de perfeccìon</i>		
367: PG 155, 685	1690		26	2704	
Tertullianô			<i>Exclamaciones del alma a Dios</i>		
<i>Ad uxorem</i>			15, 3	1821	
2, 8, 6-7: CCL 1, 393			<i>Libro de la vida</i>		
(PL 1, 1415-1416)	1642		8	2709	
<i>Adversus Marcionem</i>			<i>Poesia</i>		
1, 3, 5: CCL 1, 444			7	1011	
(PL 2, 274)	228		9	227	
2, 4, 5: CCL 1, 479			Têrêsa Hài Đổng Giêsu (thánh)		
(PL 2, 315)	1951		<i>Acte d'offrande à l'Amour</i>		
<i>Apologeticum</i>			<i>miséricordieux</i>	2011	
9, 8: CCL 1, 103			<i>Manuscrit</i>		
(PL 1, 371-372)	2271*		A83v	127	
50, 13: CCL 1, 171			B3v	826	
(PL 1, 603)	852		C25r	2559	
<i>De oratione</i>			Verba	956, 1011	
1, 6: CCL 1, 258			Tôma Aquinô (thánh)		
(PL 1, 1255)	2761, 2774		<i>Commentum in secundum librum</i>		
3, 1: CCL 1, 258-259			<i>Sententiarum</i>		
(PL 1, 1257)	2779			293	
3, 4: CCL 1, 259			<i>Commentarium in epistolam ad</i>		
(PL 1, 1259)	2814		<i>Hebraeos</i>		
5, 2-4: CCL 1, 260			c.7	1545	
(PL 1, 1261-1262)	2817		<i>Compendium theologiae</i>		
10: CCL 1, 263			1, 2	184	
(PL 1, 1268-1269)	2761				

<i>Expositio in Psalmos</i>		2-2, q. 2, a. 9, c	37, 155
21, 11	112	2-2, q. 4, a. 1, c	163*
<i>In duo praecepta caritatis et in decem Legis praecepta expositio</i>		2-2, q. 47, a. 2	1806
c.6	1759	2-2, q. 64, a. 7, c	2263, 2264
c.1	1955	2-2, q. 81, a. 3, ad 3	2132
<i>In Symbolum Apostolorum scilicet "Credo in Deum" expositio</i>		2-2, q. 83, a. 9, c	2763, 2774
13	947	2-2, q. 109, a. 3, c	2469
c. 15	1718	2-2, q. 109, a. 3, ad 1	par. 2469
<i>Officium de festo corporis Christi</i>		2-2, q. 122, a. 4, c	2176
	460	2-2, q. 158, a. 1, ad 3	2302
<i>Quaestiones disputatae de malo</i>		2-2, q. 171, a. 5, ad 3	157
4, 1, c.	404	2-2, q. 184, a. 3	1973*
<i>Summa contra gentiles</i>		3, q. 1, a. 3, ad 3	412
1, 30	43	3, q. 22, a. 4, c	1548
3, 71	310*	3, q. 30, a. 1, c	511
<i>Summa theologiae</i>		3, q. 45, a. 4, ad 2	555, 556
1, q. 1, a. 1, c	38*	3, q. 48, a. 2, ad 1	795
1, q. 1, a. 10, ad 1	116	3, 51, 3, ad 2	627
1, q. 2, a. 3, c.	34	3, q. 60, a. 3, c	1130
1, q. 25, a. 5, ad 1	271	3, q. 64, a. 2, ad 3	1118*
1, q. 25, a. 6	310	3, q. 65, a. 1, c	1210*
1, 114, 3, ad 3	350	3, q. 65, a. 3, c	1211
1-2, q. 24, a. 1, c	1767	3, q. 68, a. 8, c	1128
1-2, q. 24, a. 3, c	1767*	3, q. 71, a. 4, ad 3	904
1-2, q. 26, a. 4, c	1766	3, q. 72, a. 5, ad 2	1305
1-2, q. 71, a. 6	1849	3, q. 72, a. 8, ad 2	1308
1-2, q. 79, a. 1	311*	3, q. 73, a. 3, c	1374
1-2, q. 88, a. 2, c	1856	3, q. 75, a. 1, c	1381
1-2, q. 90, a. 1	1951		
1-2, q. 90, a. 4, c	1976		
1-2, q. 93, a. 3, ad 2	1902		
1-2, q. 107, a. 1, ad 2	1964		
2-2, q. 1, a. 2, ad 2	170		
		Tôma More (thánh)	
		<i>(Theo: Margarita Roper, Epistula ad Aliciam Alington)</i>	313
		Văn sĩ ngoài Giáo hội	
		Cicêrô Marcô Tulliô	
		<i>De re publica</i>	
		3, 22, 33	1956

MỤC LỤC PHÂN TÍCH

A, Ă, Â

ABBA

Thần Khí của Con Thiên Chúa kêu lên trong tâm hồn chúng ta:
“Abba, Cha ơi!”, 683, 742, 1303, 2766, 2777.

ABEL, ÔNG (ABEL)

Ông Abel được kính trọng như người công chính, 58;
Tội giết em là ông Abel, 401, 2559.

ABRAHAM, ÔNG (ABRAHAM)

Các lời hứa với ông Abraham, 422, 705, 706, 1222, 1716, 1725, 571, 2619;
Chúa Giêsu, hậu duệ của ông Abraham, 527;
Dân tộc sinh bởi cha Abraham, 63, 709, 762, 1541;
Đức tin của người Hồi giáo và của ông Abraham, 841;
Giao Ước của Thiên Chúa với ông Abraham, 72, 992, 2571;
Lời cầu nguyện của ông Abraham, 2569, 2570, 2592;
Ông Abraham, mẫu gương về lòng trông cậy, 165, 1819;
Ông Abraham, mẫu gương vâng phục trong đức tin vào Thiên Chúa, 144-46, 165, 2570, 2572, 2676;
Ôn gọi của ông Abraham, 59, 72, 762;
Sự chúc lành của Thiên Chúa và ông Abraham, 59, 1080.

ADAM, ÔNG (ADAM),

Ân sủng thánh thiện nguyên thủy và ông Adam, 375, 399;
Chúa Giêsu Kitô và ông Adam, 359, 388, 402, 504, 505, 518, 532, 538, 539, 635;
Tội của ông Adam và các hậu quả, 402-05, 416-17, 1736.

AMEN

“Amen” trong phụng vụ Thánh Thể, 1345;
“Amen”, từ cuối cùng của kinh Tin Kính và của Thánh Kinh, 1061;
Đức Kitô, “Amen” chung cuộc của tình yêu của Chúa Cha, 1065;
Ý nghĩa của từ “Amen”, 1062-64, 1348, 1396, 2856, 2865.

AN SINH THỂ LÝ, SỰ (SALUS PHYSICA)

Bảo vệ sự an sinh thể lý, 2211;
Cầu nguyện cho sự an sinh thể lý, 1512;

“Hãy chữa lành những người bệnh” như nhiệm vụ của Hội Thánh, 1509;
 Phục hồi sức khoẻ như hiệu quả của bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân, 1532;
 Tình trạng an sinh thể lý khi can thiệp để cải thiện sức khoẻ cho phôi thai, 2275;
 Tôn trọng sự an sinh thể lý, 2288-91.

AN TÁNG, VIỆC (EXSEQUIAE), x. *Những người đã qua đời*;

Việc an táng theo Kitô giáo, 1680-90;
 Việc an táng các nhi đồng chết mà chưa lãnh bí tích Rửa Tội, 1261.

ANH EM, CÁC (FRATER/RES)

Các anh em trong Chúa, 818, 1271, 2074, 2790;
 Các anh em và chị em của Chúa Giêsu, 500;
 Chúa Giêsu như anh em của chúng ta, 469;
 Đức mến đối với “các anh em bé mọn”, 678, 952, 1033, 1397, 1932, 2447, 2449;
 Đức Kitô, trưởng tử giữa đàn em đông đảo, 381, 501, 2012, 2448;
 Hội Thánh như sự kết hợp các anh em của Đức Kitô, 788;
 Israel, dân tộc “của những người anh cả”, 63;
 Là anh em của Đức Kitô nghĩa là gì, 2233;
 Làm gương xấu cho anh em, 2284;
 Lời chứng cho các anh em, 932;
 Mọi người là anh em, 361, 1931;
 Sự giao hoà với các anh em, 1424, 1469, 2608, 2840, 2843, 2845;
 Sự tôn trọng các anh em chị em riêng, 2212, 2219, 2231;
 Sự tôn trọng các anh em nhân loại, 1789, 2054, 2269, 2302;
 Trách nhiệm đối với các anh em, 2831;
 Việc cầu nguyện cho các anh em, 2768.

ÁNH SÁNG (LUX)

Ánh sáng của lý trí, 37, 47, 156-57, 1955;
 Ánh sáng của trần gian, 1243, 2105, 2466;
 Ánh sáng đức tin, 26, 89, 286, 298, 2730;
 Ánh sáng như biểu tượng, 697, 1027, 1147, 1189;
 Ánh sáng và bóng tối, 285, 1707;
 Bí tích Rửa Tội như ánh sáng, 1216;
 “Con cái của ánh sáng”, 736, 1216, 1695;
 Đức Kitô như ánh sáng, 280, 529, 748, 1202, 2715, 2466, 2665;
 Lời Chúa như ánh sáng, 141, 1785;
 Mười Điều Răn như ánh sáng, 1962;
 Thiên Chúa như ánh sáng, 157, 214, 234, 242, 257.

ÁP BỨC, SỰ (OPPRESSIO), 1739, 2243, 2448.

ĂN CHAY, VIỆC (IEIUNIUM)

Việc ăn chay như một hình thức thống hối, 1434, 1438, 2043;

Việc ăn chay như một luật Tin Mừng, 1969;

Việc ăn chay như sự chuẩn bị để rước lễ, 1387.

ĂN CHAY KIÊNG THỊT, SỰ (ABSTINENTIA) để chuẩn bị cho những lễ theo phụng vụ, 2043.

ĂN NẶN, SỰ (CONTRITIO), 1451-54, *x. Bí tích Thống Hối và Giao Hoà: Hành vi của hối nhân.*

ÂN SỦNG (GRATIA), *x. Sự sống thần linh.*

Ân sủng của bí tích Hôn Phối, 1615, 1641-42;

Ân sủng của bí tích Rửa Tội, 1262-74, 1308;

Ân sủng của bí tích Truyền Chức Thánh, 1585-89;

Ân sủng nguyên thủy, 375-76, 399;

Ân sủng như hồng ân của Đức Kitô, 388, 957;

Ân sủng như hồng ân của Thiên Chúa, 35, 54, 1999, 2008;

Các ân sủng đặc biệt, 1527, 2014;

Các đặc sủng như ân sủng, 799, 951, 2003, 2024;

Các ơn chức phận, 2004;

Chết trong ân sủng của Thiên Chúa, 1023, 1030;

Công trạng và ân sủng, 1708, 2008-09, 2011, 2025-27;

Định nghĩa và ý nghĩa của ân sủng, 1996-2000, 2003, 2005, 2017;

Đức Maria “đầy ân sủng”, 411, 490-91, 493, 722;

Luật mới được gọi là luật của ân sủng, 1972;

Nhân đức và ân sủng, 1810-11, 2825;

Ổn bền để đến cùng, 2016;

Ổn hiện sủng, 2000, 2024;

Ổn thánh hoá, 824, 1266, 1999, 2000, 2023-24;

Ổn thường sủng, 2000;

Sự chết của Đức Kitô như nguồn mạch của ân sủng, 1407;

Sự từ chối và sự mất ân sủng, 412, 679, 1861;

Sự tự do và ân sủng, 1742, 2022;

Tình trạng ân sủng, 1310, 1319, 1415, 1861;

Việc cầu nguyện như hồng ân của ân sủng, 2713, 2725.

Các hiệu quả của ân sủng

Hồng ân là các nhân đức đối thần, các hồng ân của Chúa Thánh Thần, và việc lập công, 1266;

Đời sống tốt lành và thánh thiện, 409, 1889, 2082, 2541.

Đức tin, 153-55, 158, 424, 684, 1098, 1102;

Ổn cứu độ và đời sống vĩnh cửu, 265, 836, 1697;

Phẩm giá mới, 1701;

Sự ăn năn, 1453,
 Sự công chính hoá, 1987, 1989, 1992, 2018-20;
 Sự hối cải, 1432, 1989;
 Sự kết hợp với Đức Kitô, 737;
 Sự khiết tịnh, 2345;
 Sự nhận biết chân lý, 1960;
 Sự nhận làm nghĩa tử, 654, 1212, 2009;
 Sự tha tội, 277, 1263, 1708, 1987, 1989, 2023;
 Sự thánh thiện, 824, 2023;
 Sự xây dựng Hội Thánh, 798.

Đón nhận ân sủng

Các bí tích và ân sủng, x. *(Các) bí tích*;
 Sự chuẩn bị để đón nhận ân sủng, 2001, 2022;
 Sự sẵn sàng để đón nhận ân sủng, 1446, 1848.

ẤN TÍN BÍ TÍCH (CHARACTER SACRAMENTALIS), x. *Dấu ấn*;

Ấn tín bí tích của Phép Rửa, 698, 1121, 1272, 1273, 1280;
 Ấn tín bí tích của Phép Thêm Sức, 698, 1121, 1304-05, 1317;
 Ấn tín bí tích của việc tấn phong Giám mục, 1558;
 Ấn tín bí tích của việc truyền chức, 698, 1121, 1563, 1570, 1581, 1583.

ẤN TU, SỰ (EREMITA), x. *Đời sống thánh hiến*.

ÂU YẾM, SỰ (TENERITUDO)

Sự âu yếm của đôi phối ngẫu, 1611, 2350;
 Sự âu yếm của Thiên Chúa, 239, 295, 2335.

B

BABEL, 57

BÁCH HẠI, SỰ (PERSECUTIO)

Sự bách hại Đức Kitô, 530;
 Sự bách hại Hội Thánh, 675, 769, 1816.

BÀI CA (CANTICUM)

Bài ca ca ngợi của các Thiên thần trong cuộc Giáng sinh của Đức Kitô, 333;
 Thánh ca và âm nhạc, 1156-58, 1162, 1191;
 Bài ca của Người Tôi Trung, 713.

BÀI CA CỦA ĐỨC MARIA (CANTICUM MARIAE), 722, 2629.

BÀI GIẢNG (HOMILIA)

Bài giảng lễ an táng, 1688;

Bài giảng trong phụng vụ Lời [Chúa], 1346;
Tâm quan trọng của bài giảng, 132, 1154.

BÀI GIẢNG TRÊN NÚI (SERMO MONTANUS)

Giáo huấn và các mệnh lệnh trong Bài giảng trên núi, 2153, 2262, 2336, 2608, 2830;
Luật thần linh trong Bài giảng trên núi, 577, 1965-66, 1968;
Bài giảng trên núi như sự hướng dẫn thiêng liêng và như bản văn để suy niệm, 1454, 1724, 1966.

BÀI THÁNH CA (HYMNUS)

Bài thánh ca ca ngợi, 32, 2589;
Các bài thánh ca trong phụng vụ, 1100;
Các bài thánh ca trong truyền thống, 1156.

BÀN ĂN (MENSA)

Bàn thờ như bàn ăn của Chúa, 1182, 1383;
Chúa Giêsu ngồi vào bàn ăn của các tội nhân, 1443;
Ý nghĩa của việc chúc lành bữa ăn, 2834.

BÀN THỜ (ALTARE)

Bàn thờ của Chúa do ông Abraham thiết lập, 2570;
Bàn thờ trên trời, 1383, 1589;
Giao Ước mới và bàn thờ, 1182;
Hy lễ thập giá và bàn thờ, 1182, 1364, 1366-68, 1939;
Sự chúc lành bàn thờ, 1672;
Thánh Thể, bí tích của bàn thờ, 1372;
Trái tim như bàn thờ, 786, 2655;
Việc cử hành Thánh Thể và các ý nghĩa của bàn thờ, 1383.

BÀN TIỆC (CONVIVIUM)

Bàn tiệc của Nước [Thiên Chúa], 1642, 1682, 2618, 2770, 2837, 2861;
Bàn tiệc cưới Con Chiên, 546, 1244, 1335;
Bàn tiệc Thánh Thể, 1390, 1391, 1397, 1408, 1617;
Bàn tiệc thiên quốc, 1036, 1344;
Bàn tiệc Vượt Qua, 1340, 1382-1401;
Các tội nhân và bàn tiệc của Đấng Messia, 589;
Ngày Chúa Nhật và lời mời đến bàn tiệc của Chúa, 1166;
Sự hiệp thông với Thiên Chúa và hình ảnh bàn tiệc cưới, 1027;
Sự hối cải và tiệc mừng, 1439.

BẢN TIỆC VƯỢT QUA (CONVIVIVM PASCHALE), 1323.

BẢN XÁ TỘI (PROPITIATORIUS), 433.

**BẢN NĂNG THEO TIN MỪNG (INSTINCTUS EVANGELICUS),
1676, 1679.**

BẢN THỂ (SUBSTANTIA)

Bản thể (hoặc bản tính, hoặc yếu tính) chỉ rõ Hữu Thể thần linh,
252;

Chúa Con, một bản thể với Chúa Cha, 465;

Thiên Chúa, Ba Ngôi Vị, một bản thể, 200, 202, 255;

Ý nghĩa của ý niệm bản thể, 252.

BẢN TÍNH / THIÊN NHIÊN (NATURA)

Thiên nhiên được tạo dựng

Các định luật của thiên nhiên, 341;

Nguồn gốc thiên nhiên, 338;

Thiên nhiên trong kế hoạch của Thiên Chúa, 310;

Trong sự hài hoà với thiên nhiên, 1676.

Bản tính thần linh

Ba Ngôi Vị của một bản tính duy nhất, 245;

Bản tính thần linh của Chúa Giêsu, 449, 465, 503;

Con người được tham dự vào bản tính thần linh, 460, 1212, 1265,
1692, 1721, 1812, 1988, 1996;

Sự duy nhất của bản tính thần linh, 252, 650;

Thiên Chúa duy nhất về bản tính, 200, 202, 253.

Bản tính nhân loại

Bản tính nhân loại của Chúa Giêsu, 467-68, 470, 473, 503, 612;

Bản tính nhân loại như nền tảng của quyền bính, 1898;

Bản tính phải chết của nhân loại, 1008;

Các hiệp hội phù hợp với bản tính nhân loại, 1882;

Cùng một bản tính duy nhất của tất cả mọi người, 1934;

Đức Kitô đảm nhận bản tính nhân loại, 461;

Luật tự nhiên và bản tính nhân loại, 1955-56;

Những đòi hỏi của bản tính nhân loại, 1879, 1891;

Những quyền và bổn phận thuộc về bản tính nhân loại, 2104, 2106,
2273, 2467;

Những vết thương của bản tính nhân loại, 1849;

Ơn gọi đến Hôn nhân được ghi khắc trong chính bản tính nhân
loại, 1603;

Sự cấu thành bản tính nhân loại, 365;

Tội và bản tính nhân loại hưởng chiều về sự dữ, 404-05, 407, 419,
978, 1250, 1426, 1707;

Vận mệnh của bản tính nhân loại, 412.

BẠN (AMICUS)

Đức Kitô, bạn của con người, 1972;

Hiến mạng vì bạn, 609;

Thiên Chúa, bạn của con người, 142, 2063, 2576.

BÁNG BỐ (PROFANARE), 2120.

BÁNH (PANIS)

Sự rước lễ chỉ dưới hình dạng bánh, 1390;

Sự biến đổi bánh thành Mình Thánh Đức Kitô, 1106, 1353, 1375-76;

Sự bẻ bánh, 1329, 1377;

Chúa Giêsu như bánh hằng sống, 1406;

Manna trong sa mạc như bánh thật bởi trời, 1904;

Sự hoá bánh ra nhiều, 1335, 2828-37;

Bánh không men, 1334;

Bánh hằng ngày, 1334, 2828-37, 2861;

Bánh ban sự sống, 103, 1338, 1405, 2835;

Các dấu chỉ bánh và rượu trong bí tích Thánh Thể, 1333-36.

BÁNH KHÔNG MEN (AZYMI), 1334, 1339.

BẢO VỆ, SỰ (DEFENSIO)

Sự bảo vệ gia đình, 2209, 2211;

Sự bảo vệ hoà bình, 2302-17;

Sự bảo vệ phẩm giá nhân linh, 1929;

Sự bảo vệ tổ quốc, 2240.

BẠO LỰC (VIOLENTIA)

Bạo lực như hậu quả do tội, 1869, 2534;

Bạo lực tình dục, 2356;

Bạo lực trong cuộc khổ nạn của Đức Kitô, 1851;

Những lợi nhuận khơi dậy bạo lực, 2316;

Nói dối như một hình thức bạo lực, 2486;

Sự tôn trọng sự sống con người và bạo lực, 2260, 2297;

Tính nghiêm trọng của bạo lực, 1858;

Từ chối bạo lực trong việc bảo vệ hoà bình, 3206.

NGHĨA VỤ / SỰ BẮT BUỘC (OBLIGATIO), x. Bốn phận;

Nghĩa vụ của giáo dân là phải làm việc tông đồ, 900;

Nghĩa vụ của những người được thánh hiến, 931;

Nghĩa vụ phải bảo vệ tổ quốc, 2310;

Nghĩa vụ phải đáp lại tình yêu của Thiên Chúa, 2093;

Nghĩa vụ phải gìn giữ tính duy nhất và tính bất khả phân ly của Hôn nhân, 2364;

Nghĩa vụ phải hỗ trợ các nhu cầu vật chất của Hội Thánh, 2043;
 Nghĩa vụ phải mang lại sự lành mạnh hoá cho các cơ chế và đời sống, 1888;
 Nghĩa vụ phải tham dự phụng vụ ngày Chúa Nhật và các ngày lễ, 1389, 2180-83;
 Nghĩa vụ phải thánh hoá các ngày Chúa Nhật và các ngày lễ, 2187;
 Nghĩa vụ phải tìm kiếm và gắn bó với chân lý, 2467, 2497;
 Nghĩa vụ phải tuân giữ các lời khuyên Phúc Âm, 915;
 Nghĩa vụ phải vâng phục đức tin, 2086-87;
 Nghĩa vụ phải xưng các tội, 1457;
 Những nghĩa vụ do các điều răn, 2072;
 Sự bãi miễn khỏi những nghĩa vụ gắn liền với việc truyền chức, 1583;
 Sự bắt buộc của đức công bằng, 2412, 2439, 2446;
 Sự tôn trọng trần gian được tạo dựng và những nghĩa vụ đối với các thế hệ tương lai, 2456.

BẤT BÌNH ĐẲNG, SỰ (INAEQUALITAS)

Những bất bình đẳng về kinh tế và xã hội và những lý lẽ phải giảm thiểu những bất bình đẳng đó, 1947;
 Sự bất bình đẳng trong việc phân phối các tài nguyên và các phương tiện kinh tế, 1938, 2317, 2437.

BẤT CÔNG, SỰ (INIUSTITIA), x. Quyền, Sự công chính (công bằng);

Những hậu quả do sự bất công, 2317;
 Những lý do của sự bất công, 1869, 2534;
 Sự bất công xã hội, 1867;
 Sự công chính thần linh và sự bất công nhân loại, 1040;
 Việc sửa chữa lại sự bất công, 2412.

BẤT KHẢ NGỘ, SỰ (INFALLIBILITAS)

Đặc sủng bất khả ngộ phải được trải rộng, 2035;
 Sự bất khả ngộ của Đức Giáo Hoàng, 891;
 Sự bất khả ngộ của Hội Thánh, 889-91;
 Sự bất khả ngộ của Huấn quyền của các Mục tử, 2051.

BẤT TRUNG, SỰ (INFIDELITAS)

Những xúc phạm chống chân lý như những sự bất trung đối với Thiên Chúa, 2464;
 Sự bất trung đối với Thiên Chúa và các hậu quả của sự bất trung đó, 710, 821;
 Sự bất trung phụ phụ, 2380-81;
 Sự thanh tẩy dân Thiên Chúa khỏi những sự bất trung, 64, 218;
 Tội như sự bất trung đối với Thiên Chúa, 401.

BẤT TỬ, SỰ (IMMORTALITAS)

Bí tích Thánh Thể như “phương dược bất tử”, 1405, 2837;
Sự bất tử của linh hồn, 366, 382.

BẺ BÁNH, SỰ (FRACTIO PANIS)

Sự bẻ bánh như danh xưng của bí tích Thánh Thể, 1329;
Sự bẻ bánh và sự toàn vẹn của Đức Kitô, 1377;
Sự chuyên cần trong việc bẻ bánh, 84, 949, 1342, 2624.

BÍ MẬT CỦA BÍ TÍCH GIAO HOÀ (SECRETUM SACRAMENTI RECONCILIATIONIS), 1467, 2490.**BÍ TÍCH HÔN PHỐI (MATRIMONIUM), x. (Các) bí tích và Sự ly dị;**

Dây liên kết vĩnh viễn và độc hữu của Hôn nhân, 1638;
Hôn nhân dưới khoa sư phạm của Lễ Luật, 1609-11;
Hôn nhân dưới sự kiểm soát của tội lỗi, 1606-08;
Hôn nhân như dấu chỉ của Giao Ước giữa Đức Kitô và Hội Thánh, 1617;
Hôn nhân trong kế hoạch của Thiên Chúa, 1601;
Hôn nhân trong lời giảng dạy của Chúa Giêsu, 1612-15;
Hôn nhân trong lời giảng dạy của tông đồ Phaolô, 1616;
Hôn nhân trong Thánh Kinh, 1602;
Hôn nhân trong trật tự của công trình tạo dựng, 1603-05;
Những đặc điểm của tình yêu phu phụ, 1643;
Những hiệu quả của bí tích Hôn Phối, 1638-42;
Những Hôn Phối hỗn hợp và khác đạo, 1633-37;
Sự cao cả của Hôn nhân, 1603;
Sự chung thủy phu phụ, 1646, 1648-49, 2364;
Sự hoàn hợp của bí tích Hôn Phối, 1640;
Sự khiết tịnh trong hôn nhân, 2349;
Sự ly dị rồi lại tái hôn theo luật đời, 1650;
Sự từ bỏ Hôn nhân, 1618;
Sự tự do để kết hôn, 1625, 1628-29;
Sự vô hiệu của Hôn nhân, 1629;
Tính dục trong Hôn nhân và ý nghĩa của nó, 2360-62, x. *Tính dục*.

Sự sinh sản, 2366-72, 2373-79;

Con cái như hồng ân của sự sinh sản, 2378;
Sự mở ngõ cho sự sinh sản, 1652-54;
Sự sinh sản như sự cộng tác với tình yêu của Thiên Chúa, Đấng Tạo Hoá, 2367;
Sự sinh sản và việc điều hoà sinh sản, 2368;
Sự sinh sản và việc nhận nuôi trẻ em, 2379;
Sự tiết dục định kỳ và sự ngăn cản việc thụ thai, 2370;

Sự vô sinh như nỗi đau khổ to lớn, 2374;
 Sự vô sinh và các kỹ thuật, 2375-77;
 Sự vô sinh và ý nghĩa của đời sống phụ phụ, 1654.

Các mục đích của Hôn nhân

Lợi ích của đôi phối ngẫu, 1660;
 Sự cộng tác với công trình của Đấng Tạo Hoá, 372;
 Hôn nhân được quy hướng tới ơn cứu độ của tha nhân, 1534;
 Hôn nhân như ơn gọi của con người, 372, 1604-05;
 Sự sinh sản và việc giáo dục con cái, 1652-53, 2366;
 Sự lưu truyền sự sống, 372, 2363.

Tính bất khả phân ly của Hôn nhân, 1644-45;

Dây liên kết hôn nhân, 1639-40;
 Sự chung thủy của tình yêu phụ phụ, 1646-48;
 Sự đơn nhất và Hôn nhân trong Luật cũ, 1610-11;
 Sự lưu truyền đức tin trong Hội Thánh tại gia, 1656;
 Sự ưng thuận kết hôn như nền tảng của tính bất khả phân ly của Hôn nhân, 1601, 1627, 2367;
 Sự ưng thuận kết hôn như yếu tố căn bản, 1626;
 Sự ưng thuận kết hôn, 1625;
 Sự vô hiệu của Hôn nhân, 1629;
 Tính bất khả phân ly của Hôn nhân như đòi hỏi của tình yêu phụ phụ, 1644;
 Tính bất khả phân ly của Hôn nhân trong những lời của Chúa Giêsu, 1614-15;
 Ý nghĩa và bản chất của sự ưng thuận kết hôn, 1627-28;

Hôn nhân như một bí tích, 1601-58;

Ân sủng của bí tích Hôn Phối, 1641-42;
 Bí tích Hôn Phối như sự thánh hiến, 1535;
 Các hiệu quả chủ yếu của bí tích Hôn Phối, 1638-40, 2365;
 Hôn nhân được nâng lên tới phẩm giá của một bí tích, 1601;
 Hôn Phối hỗn hợp và sự khác đạo, 1633-37;
 Sự chuẩn bị cho bí tích Hôn Phối, 1632;
 Thể thức của Hội Thánh để cử hành bí tích Hôn Phối, 1630-31;
 Việc cử hành bí tích Hôn Phối, 1621-24, 1627.

Những xúc phạm đến phẩm giá Hôn nhân, 2380-91;

Những quan hệ tình dục trước khi ký kết Hôn nhân, 2391;
 Sự đa thê, 1645, 2387;
 Sự kết hợp tự do và sự chung sống, 2390;
 Sự ly dị, 2382-86;
 Tội loạn luân, 2388;
 Tội ngoại tình, 2380-81.

BÍ TÍCH RỬA TỘI (BAPTISMUS), x. (Các) Bí tích;

- Ai có thể lãnh bí tích Rửa Tội, 1246-47;
 Ân sủng của bí tích Rửa Tội, 1262-66, 1308;
 Ân sủng của Đức Kitô và bí tích Rửa Tội, 1255, 1262-74, 1279, 1997, 1999;
 Bí tích Rửa Tội của các nhi đồng, 403, 1231, 1233, 1250-52, 1282, 1290;
 Bí tích Rửa Tội của những người thành niên, 1247-49;
 Các dự tòng, việc dạy dỗ và bí tích Rửa Tội của họ, 281;
 Các nhi đồng chết mà chưa được Rửa Tội, 1261, 1283;
 Các Tông Đồ và sứ vụ phải làm Phép Rửa, 1223, 1276;
 Chúa Thánh Thần và bí tích Rửa Tội, 691, 694, 698, 701, 798, 1274, 2017, 2670;
 Cuộc khổ nạn của Đức Kitô và bí tích Rửa Tội, 565, 1225;
 Cuộc khổ nạn và thập giá của Đức Kitô như nguồn mạch của bí tích Rửa Tội, 1225;
 Danh hiệu Kitô hữu và bí tích Rửa Tội, 2156, 2165;
 Đời sống Kitô hữu bắt rễ từ bí tích Rửa Tội, 1266;
 Đức khiết tịnh và bí tích Rửa Tội, 2345, 2348, 2355;
 Đức tin và bí tích Rửa Tội, 172, 1226, 1236, 1253-55;
 Hội Thánh và bí tích Rửa Tội, 846, 866, 1226-28, 1267;
 Những danh xưng của bí tích Rửa Tội, 1214-16;
 Những hình ảnh báo trước bí tích Rửa Tội, 117, 527, 1094, 1217-22;
 Những lời hứa trong bí tích Rửa Tội, 1185, 1254, 2101, 2340;
 Ôn cứu độ của người dự tòng chết mà chưa được Rửa Tội, 1259, 1281;
 Phép Rửa bằng máu, 1258;
 Phép Rửa của Chúa Giêsu, 535-37, 556, 565, 608, 701, 1223-25, 1286;
 Phép Rửa của ông Gioan Tẩy Giả, 523, 720;
 Phép Rửa như bí tích của đức tin, 1236, 1253;
 Sự cần thiết của bí tích Rửa Tội, 846, 1257-61, 1277;
 Sự hối cải và bí tích Rửa Tội, 1427-29;
 Sự hợp nhất của các Kitô hữu và bí tích Rửa Tội, 855, 1271;
 Sự thánh hiến trong đời tu dòng và bí tích Rửa Tội, 916, 931, 945;
 Ước muốn bí tích Rửa Tội, 1258-60, 1280;
 Việc tuyên xưng đức tin và bí tích Rửa Tội, 14, 167, 189, 1064;
 Ý nghĩa của bí tích Rửa Tội, 628, 950, 1213-14, 1220, 1227-28, 1234-45, 1262, 1617.

Việc điều hành và các nghi thức của bí tích Rửa Tội

- Các giáo dân có thể ban bí tích Rửa Tội, 903;
 Các thừa tác viên của bí tích Rửa Tội, 1256, 1284;
 Cha mẹ đỡ đầu, cha mẹ, và bí tích Rửa Tội, 1255, 1311;

Nghi thức Rửa Tội, 1185, 1278, 1229-45, 2769;
 Nghi thức trừ tà trong cuộc cử hành bí tích Rửa Tội, 1673;
 Nước và sức mạnh biểu tượng của nó trong bí tích Rửa Tội, 694, 1214, 1217;
 Truyền thống đọc kinh Lạy Cha trong bí tích Rửa Tội, 2769;
 Việc xúc dầu và bí tích Rửa Tội, 1294.

Bí tích Rửa Tội và các bí tích, 1113, 1210, 1535;

Bí tích Thánh Thể và bí tích Rửa Tội, 1244, 1392, 1396;
 Bí tích Thêm Sức và bí tích Rửa Tội, 1288-91, 1298, 1304-06, 1312-13;
 Bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân và bí tích Rửa Tội, 1523;
 Sự khai tâm Kitô giáo và bí tích Rửa Tội, 1212, 1229-33, 1275, 1285, 1306, 1318, 1321, 1525, 1533;
 Sự thống hối và bí tích Rửa Tội, 980, 1425, 1446-47, 2042.

Các hiệu quả của bí tích Rửa Tội, 1262;

Hồng ân đức tin và hồng ân đời sống mới, 168, 1236, 1253-55;
 Hồng ân là các nhân đức đối thần, các ơn Chúa Thánh Thần, và các nhân đức luân lý, 1266;
 Ấn tín, dấu ấn thiêng liêng không thể tẩy xoá, 1272-74, 1280;
 Bí tích Rửa Tội làm cho chúng ta nên các chi thể của Thân Thể Đức Kitô, 537, 818, 871, 950, 985, 1003, 1267-70, 1279, 1694, 2565, 2782, 2791, 2798;
 Các quyền và các bổn phận do bí tích Rửa Tội, 1269-70;
 Hiệu quả ban sự sống của Lời Chúa, 1228;
 Ôn cứu độ chung cuộc và bí tích Rửa Tội, 1023, 2068;
 Sinh làm thụ tạo mới trong Thần Khí, 168, 507, 683, 1010, 1227, 1262, 1265-66, 1277, 1279;
 Sự công chính hoá và bí tích Rửa Tội, 1987, 1992, 2020, 2813;
 Sự gia nhập vào Hội Thánh, vào dân Thiên Chúa, 782, 784, 804, 846, 950, 1185, 1277;
 Sự hiệp thông với Hội Thánh, 838, 846, 1267-70, 1273, 1277, 1279;
 Sự kết hợp với Đức Kitô chịu chết, trong bí tích Rửa Tội, 790, 1002, 1010, 1227;
 Sự tha thứ tội lỗi, 404, 405, 628, 977-80, 981, 985, 1213, 1216, 1262-66, 1279, 1434, 1694, 2520;
 Sự tham dự vào sự sống của Chúa Ba Ngôi, 265;
 Sự thánh hiến vào hàng tư tế thánh, 1119, 1141, 1305, 1546, 1591;
 Sự thánh hoá và bí tích Rửa Tội, 2813;
 Việc tông đồ, nhiệm vụ do bí tích Rửa Tội, 871, 900, 1268.

BÍ TÍCH THÁNH THỂ (EUCCHARISTIA), 1322-1419, x. (Các) bí tích, Sự thánh hiến và Sự biến đổi bản thể;

Bí tích Thánh Thể như Hy lễ, 1362-72;

Bí tích Thánh Thể như nguồn mạch và tột đỉnh của đời sống Hội Thánh, 1324;

Bí tích Thánh Thể như sự hiện diện, 1373-75;

Bí tích Thánh Thể như sự tạ ơn, 1359;

Bí tích Thánh Thể như sự tưởng niệm, 1357, 1362.

Các danh hiệu của bí tích Thánh Thể

Bánh hằng ngày, 2837;

Bí tích của các bí tích, 1169, 1211;

Bí tích cực thánh, 1330;

Bữa tiệc của Chúa, 1329;

Cộng đoàn Thánh Thể, 1329;

Hy lễ ca ngợi, 2643;

Hy lễ thánh, 1330;

Hy tế Thánh Lễ, 1330;

Phụng vụ thánh và thần linh, 1330;

Sự bẻ bánh, 1329;

Sự hiệp thông, 1331;

Sự tưởng niệm cuộc khổ nạn và sự phục sinh của Chúa, 1330;

Thánh Lễ, 1332;

Thánh Thể, 1328.

Việc cử hành Thánh Thể

Những nơi dành cho việc cử hành Thánh Thể, 1181, 1379;

Nơi cử hành Thánh Thể, 1180-81;

Phụng vụ Lời Chúa khi không thể cử hành Thánh Thể, 2183;

Sự cần thiết phải cử hành và lãnh nhận Sự hiệp thông Thánh Thể (rước lễ), 1384;

Sự tham dự việc cử hành Thánh Thể, 2042, 2181-82;

Việc cử hành Thánh Thể ngày Chúa Nhật, 2177, 2181;

Việc cử hành Thánh Thể theo lệnh Chúa Giêsu, 1341-44, 1356;

Việc cử hành Thánh Thể và sự hợp nhất các Kitô hữu, 838, 1398-1401.

CÁC YẾU TỐ CỦA VIỆC CỬ HÀNH THÁNH THỂ (= THÁNH LỄ)

Các yếu tố chủ yếu, 1346;

Dâng lễ vật, 1350;

Kinh khấn cầu Chúa Thánh Thần, 1105, 1353;

Kinh nguyện Thánh Thể, 1352-54;

Phụng vụ Lời Chúa, 1349;

Sự hiệp lễ, 1355, 1382, 1570;

Sự quyên góp, 1351;

Sự tập họp các Kitô hữu, 1348.

SỰ HIỆP THÔNG THÁNH THỂ (Sự Rước Lễ)

- Không được lên Rước Lễ, 1650;
- Rước Lễ dưới hai hình dạng, 1390;
- Sự thường xuyên của việc Rước Lễ, 1388-89;
- Thừa tác viên của sự hiệp thông Thánh Thể, 1411;
- Sự cần thiết phải Rước Lễ, 1355, 1415;
- Sự chuẩn bị cần thiết để Rước Lễ, 1385-87;
- Sự Rước Lễ lần đầu, 1244;
- Tội phạm thánh chống lại sự hiệp thông Thánh Thể, 2120.

CÁC DẤU CHỈ CỦA BÍ TÍCH THÁNH THỂ

- Bàn thờ, 1383;
- Bánh và rượu, 1333-35.

Các hiệu quả của bí tích Thánh Thể

- Biến đổi con người nhờ Đức Kitô, 1074;
- Đòi buộc dân thân cho người nghèo, 1397;
- Kết hợp các Kitô hữu, 1398;
- Kết hợp với Đức Kitô, 790, 1003, 1391;
- Kết hợp với phụng vụ thiên quốc, 1370;
- Tham dự vào hy lễ của Đức Kitô, 1322;
- Thanh luyện và tách biệt khỏi tội lỗi, 1393-95, 1436, 1846;
- Thánh Thể như bảo chứng của đời sống tương lai, 1000, 1326, 1402-05, 1419;
- Thánh Thể như của ăn thiêng liêng, 1212, 1275, 1436, 2837;
- Thánh Thể như nguồn mạch của sự hối cải và sự thống hối, 1436;
- Thánh Thể như sự gia tăng ân sủng đã lãnh nhận trong bí tích Rửa Tội, 1392;
- Thánh Thể như sự tăng trưởng của đời sống Kitô hữu, 1392, 1397, 1644;
- Thiết lập cộng đoàn những người tin, 805, 1396, 2637;
- Truyền thông mầu nhiệm hiệp thông của Chúa Ba Ngôi, 950, 2845.

Lịch sử của bí tích Thánh Thể

- Thánh Lễ của mọi thời đại, 1345;
- Những nguồn gốc của việc cử hành Thánh Thể, 2176;
- Những hình ảnh báo trước bí tích Thánh Thể, 1094, 1335;
- Việc cử hành ngày Chúa Nhật từ thời cổ xưa, 1342-43, 2178;
- Cơ cấu của việc cử hành Thánh Thể được bảo tồn qua các thế kỷ, 1346.

Căn tính của bí tích Thánh Thể

- Bí tích của các bí tích, 1169, 1211;
- Bí tích của Ôn Cứu Chuộc, 1846;
- Bí tích của sự hiệp thông, 1382, 1395;

Bí tích khai tâm Kitô giáo, 1212, 1533;
 Mẫu nhiệm hành động của Đức Kitô, 2718;
 Nguồn mạch đức mến, 864, 1395;
 Nguồn mạch và tột đỉnh của đời sống Kitô hữu, 1324-27;
 Sự hiện diện của Đức Kitô, 1357-58;
 Sự hiện diện của Nước tương lai, 1405, 2861;
 Sự hiệp thông Mình và Máu Chúa, 1097, 1382;
 Sự tưởng niệm Giao Ước Mới, 1621;
 Sự tưởng niệm hy lễ của Đức Kitô, 611, 1337, 1357-58, 1362-72, 1382;
 Tạ ơn và ca ngợi Chúa Cha, 1358-61.

Việc thiết lập bí tích Thánh Thể

Các mục đích của việc thiết lập bí tích Thánh Thể, 610, 1341;
 Chúa Giêsu và việc thiết lập bí tích Thánh Thể, 1337-40;
 “Hãy làm việc này mà nhớ đến Thầy”, 1341-44.

Thừa tác viên để cử hành bí tích Thánh Thể, x. *Linh mục* và *Giám mục*.

Sự hiện diện của Đức Kitô trong bí tích Thánh Thể

Đức Kitô hiện diện trong cộng đoàn Thánh Thể, 1348;
 Đức Kitô hiện diện trong phụng vụ Lời Chúa, 1088, 1349;
 Đức Kitô hiện diện trong vị tư tế, 1348;
 Đức tin vào Đức Kitô hiện diện trong bí tích Thánh Thể, 1381;
 Sự biến đổi bản thể của Đức Kitô được công bố bởi Công đồng Tridentinô, 1376;
 Sự hiện diện còn bị che phủ của Đức Kitô trong bí tích Thánh Thể, 1404;
 Sự hiện diện dưới các hình dạng Thánh Thể, 1373;
 Sự hiện diện lâu dài của Đức Kitô trong bí tích Thánh Thể, 1377;
 Sự hiện diện thật và mẫu nhiệm của Đức Kitô trong bí tích Thánh Thể, 1357, 1373-77;
 Sự hiện diện thật, đích thực và theo bản thể của trọn vẹn Đức Kitô, 1374;
 Sự sùng kính và tôn thờ Đức Kitô hiện diện trong bí tích Thánh Thể, 1378-79;
 Ý nghĩa sự hiện diện của Đức Kitô trong bí tích Thánh Thể, 1380.

BÍ TÍCH THÊM SỨC (CONFIRMATIO SEU CHRISMA),

1285-1321, x. *(Các) bí tích*;

Ai có thể lãnh nhận bí tích Thêm Sức, 1306-11;
 Ấn tín của bí tích Thêm Sức 698, 1121, 1304-05, 1317;
 Chức tư tế của các Kitô hữu và bí tích Thêm Sức, 1546;
 Luật mới và bí tích Thêm Sức, 1210;
 Ôn cứu độ và bí tích Thêm Sức, 1286-92;

Sự chuẩn bị cho bí tích Thêm Sức và các mục đích, 1309;
 Tình trạng cần thiết để lãnh nhận bí tích Thêm Sức, 1310, 1318-19;
 Tuổi lãnh nhận bí tích Thêm Sức, 1307-08;
 Việc làm chứng và bí tích Thêm Sức, 2472;
 Việc tông đồng giáo dân và bí tích Thêm Sức, 900, 941;
 Ý nghĩa của bí tích Thêm Sức, 1289;

Bí tích Thêm Sức và các bí tích

Sự khai tâm Kitô giáo và bí tích Thêm Sức, 695, 1212, 1275, 1285, 1533;

Hiệu quả của bí tích Thêm Sức

Ấn tín không thể tẩy xóa của bí tích Thêm Sức, 1304-05, 1317;
 Dấu ấn và bí tích Thêm Sức, 698, 1121;
 Sự gia tăng ân sủng của bí tích Rửa Tội, 1303, 1316;
 Sự tuân ban Thần Khí, 1302;

Nghi thức bí tích Thêm Sức, 1297-1301;

Bí tích Thêm Sức chỉ được ban một lần, 1304;
 Các dấu chỉ và nghi thức của bí tích Thêm Sức, 1293-1301, 1320;
 Cha mẹ đỡ đầu, 1311;
 Dầu Thánh (sanctum chrisma), 1297;
 Sự xúc dầu, 695, 1242, 1291, 1294, 1300, 1523;
 Thừa tác viên của bí tích Thêm Sức, 1312-14, 1318;
 Truyền thống đọc kinh Lạy Cha, 2769;
 Việc cử hành tách biệt với bí tích Rửa Tội, 1233, 1290, 1321;
 Việc đặt tay, 1288.

BÍ TÍCH THỐNG HỐI VÀ GIAO HOÀ

(POENITENTIA ET RECONCILIATIO), *x. (Các) bí tích;*

Ân xá, 1471;
 Bí tích Rửa Tội và sự tha tội, 535, 977-78;
 Bí tích Thánh Thể và sự tha tội, 1393, 1395, 1436, 1846;
 Bí tích Thống Hối và Giao Hoà do Đức Kitô thiết lập, 1446;
 Bí tích Thống Hối và Giao Hoà được thiết lập cho tất cả mọi người, 827, 1446;
 Bí tích Thống Hối và Giao Hoà trong những trường hợp hết sức nghiêm trọng, 1463;
 Bí tích Thống Hối và Giao Hoà và bí tích Rửa Tội, 1425-26;
 Bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân và sự tha tội, 1532;
 Các mục đích của bí tích Thống Hối và Giao Hoà, 1421, 1468;
 Dấu ấn bí tích của việc xưng tội, 1467, 2490;
 Hy lễ của Đức Kitô như nguồn mạch của sự tha tội cho con người, 1851;

- Lãnh nhận bí tích Thống Hối và Giao Hoà trước khi cử hành bí tích Hôn Phối, 1622;
- Lãnh nhận sự xá giải trong bí tích Thống Hối trước khi rước lễ, 1415;
- Lệnh truyền phải lãnh nhận bí tích Thống Hối và Giao Hoà, 1457, 2042;
- Quyền ban bí tích Thống Hối và Giao Hoà cho các Kitô hữu không Công giáo, 1401;
- Thống Hối và Giao Hoà như một bí tích, 1210;
- Tuổi để được tha tội, 1457;
- Ý nghĩa cánh chung của bí tích Thống Hối và Giao Hoà, 1470.

Các hành vi của hối nhân, 1491;

- Sự xét mình, 1454, 1456;

SỰ ẪN NẪN TỘI, 1451-54;

- Ẫn năn tội cách trọn và ăn năn tội cách chẳng trọn, 1492;
- Chúa Thánh Thần ban ơn ăn năn tội, 1433;
- Không thể thống hối sau khi chết, 393;
- Sự ăn năn tội cần thiết để được tha thứ, 982, 1259, 1861, 1864;
- Sự ăn năn tội như sự đau buồn trong tâm hồn, 1451;
- Sự ăn năn tội và sự xưng tội trong bí tích, 1452.

SỰ XÚNG TỘI, 1455-58;

- Sự cần thiết phải xưng tội, 1448;
- Sự xưng các tội nhẹ, 1493, 1863;
- Sự xưng các tội trọng là cần thiết để được giao hoà, 1493;
- Sự xưng tội cá nhân và cuộc cử hành cộng đoàn, 1482;
- Sự xưng tội cá vị, hình thức giao hoà có ý nghĩa nhất, 1484;
- Sự xưng tội và sự hối cải, 1435.

SỰ XÁ GIẢI, 1480-84;

- Các công thức xá giải, 1449, 1481;
- Các tội trọng và sự xá giải, 1415, 1457, 1497;
- Phụng vụ Byzantin và các công thức xá giải, 1481;
- Quyền tha tội, 553, 976, 1441-42, 1444-45, 1461;
- Sự tuyệt thông và sự xá giải, 1463;
- Sự xá giải cho người hấp hối, 1020;
- Sự xá giải chung, 1483;
- Việc cử hành cộng đoàn và sự xá giải cá nhân, 1482.

SỰ THA THỨ VÀ SỰ GIAO HOÀ, x. *Sự tha tội*;

- Hội Thánh như nơi của sự giao hoà, 755;
- Những con đường của sự giao hoà, 981, 1449, 1455;
- Sự giao hoà mọi Kitô hữu trong sự hợp nhất của Hội Thánh Đức Kitô, 822;

Sự giao hoà với Hội Thánh, 1443-45;
 Sự tha thứ như điều kiện nền tảng của sự giao hoà, 2844;
 Thiên Chúa giao hoà trần gian với Ngài trong Đức Kitô, 433.

VIỆC ĐỀN TỘI

Các hình thức thống hối và các mục đích của chúng, 1460;
 Các mục đích của việc đền tội, 1494;
 Do vị giải tội ấn định, 1460;
 Việc đền tội như một hành vi của hối nhân, 1491.

Các danh hiệu của bí tích Thống Hối và Giao Hoà

Bí tích của ân xá, 1424, 1446;
 Bí tích giao hoà, 1385, 1424, 1440;
 Bí tích hối cải, 1423;
 Bí tích tha thứ, 1395;
 Bí tích tha tội, 1422;
 Bí tích thống hối, 1423;
 Bí tích xưng tội, 1424, 1455-58.

Việc cử hành phụng vụ hoặc nghi thức của bí tích Thống Hối

Các hành vi của hối nhân, x. *Các hành vi của hối nhân*;
 Cơ cấu nền tảng, 1448, 1480;
 Hành vi của tư tế, 1491;
 Những thay đổi của việc cử hành bí tích Thống Hối qua các thế kỷ, 1447-48;
 Thừa tác viên của việc cử hành, 1461-62, 1466;
 Việc cử hành cộng đoàn, 1482-83.

Các hiệu quả của bí tích Thống Hối

Ban ơn tha thứ cho sự xúc phạm đến Thiên Chúa, 1442;
 Giao hoà với Hội Thánh, 980, 1422, 1469;
 Giao hoà với Thiên Chúa, 980, 1468;
 Mang lại “sự phục sinh thiêng liêng”, 1468;
 Nhận lại ân sủng, 1446, 1468;
 Tham dự trước cuộc phán xét sau cùng, 1470.

Sự cần thiết của bí tích Thống Hối

Sự cần thiết của bí tích Thống Hối để được giao hoà với Thiên Chúa và với Hội Thánh, 1484;
 Sự cần thiết của bí tích Thống Hối để được ơn tha thứ các tội trọng, 1395;
 Sự cần thiết của bí tích Thống Hối để lãnh nhận các bí tích khác, 1385;
 Sự cần thiết của bí tích Thống Hối để nhận lại ơn công chính hoá, 1446.

BÍ TÍCH TRUYỀN CHỨC THÁNH (ORDO), 1536, x. (Các) bí tích,
Thừa tác vụ;

- Bí tích Truyền Chức Thánh như con đường để lưu truyền sự kế nhiệm tông truyền, 1087;
- Bí tích Truyền Chức Thánh và sự thánh hiến, 1538;
- Bí tích Truyền Chức Thánh, một trong bảy bí tích, 1113, 1210;
- Các bậc của bí tích Truyền Chức Thánh, 1142;
- Các mục đích và ý nghĩa của bí tích Truyền Chức Thánh, 1120, 1534, 2686;
- Đức Kitô như Thừa tác viên của bí tích Truyền Chức Thánh, 1575;
- Hình ảnh báo trước bí tích Truyền Chức Thánh, 1541;
- Sự hiện diện của Đức Kitô trong bí tích Truyền Chức Thánh, 1548-50;
- Thiên Chúa ban ơn gọi đến bí tích Truyền Chức Thánh, 1578;
- Ý nghĩa của từ Ordo, 1537-38.

Việc cử hành bí tích Truyền Chức Thánh

- Giám mục như thừa tác viên của việc cử hành, 1576;
- Nghi thức cử hành của ba bậc, 1573-74;
- Những dấu chỉ của sự thánh hiến, 1538;
- Nơi và thời gian của việc cử hành, 1572.

Những hiệu quả của bí tích Truyền Chức Thánh

- Ấn tín không thể tẩy xóa của bí tích Truyền Chức Thánh, 1121, 1582-83;
- Các phó tế được mạnh sức bởi ân sủng bí tích để phục vụ dân Thiên Chúa, 1588;
- Hành động trong cương vị Đức Kitô là Đầu, 1142, 1548;
- Khả năng hành động với tư cách là người đại diện của Đức Kitô, 1581;
- Ơn sức mạnh cho Giám mục, 1586;
- Ơn sức mạnh cho linh mục, 1587;
- Quyền tha tội, 1461;
- Sự bất xứng của vị thụ phong không hề ngăn cản Đức Kitô hành động, 1584;
- Sự đồng hình đồng dạng với Đức Kitô Tư Tế, 1585.

Ai có thể lãnh nhận bí tích Truyền Chức Thánh?

- Các phó tế lập gia đình, là phó tế vĩnh viễn, 1579;
- Khả năng lãnh nhận bí tích Truyền Chức Thánh của người đã được Rửa Tội mà sống độc thân (trong Giáo Hội la tinh) 1579;
- Khả năng lãnh nhận bí tích Truyền Chức Thánh của người được Thiên Chúa kêu gọi, 1578;
- Khả năng lãnh nhận bí tích Truyền Chức Thánh của người nam đã được Rửa Tội, 1577;

Không ai có quyền [đòi hỏi] lãnh nhận bí tích Truyền Chức Thánh, 1578;

Kỷ luật nghiêm khắc trong các Giáo Hội Đông phương, 1580.

Ba bậc của bí tích Truyền Chức Thánh, 1536, 1554;

CHỨC GIÁM MỤC, *x. Giám mục;*

Sự can thiệp của Giám mục Rôma là cần thiết để việc truyền chức Giám mục được hợp pháp, 1559;

Sự thánh hiến mang lại các nhiệm vụ thánh hoá, giảng dạy và cai quản, 1558;

Sự trao ban sứ vụ của các Tông Đồ, 1556;

Sự viên mãn của bí tích Truyền Chức Thánh, 1557.

CHỨC LINH MỤC, *x. Linh mục và Tư tế;*

Ấn tín không thể tẩy xoá, 1563;

Các tư tế tham dự sứ vụ phổ quát của Đức Kitô, 1565;

Chức tư tế của các linh mục giả thiết phải có các bí tích khai tâm Kitô giáo, 1563;

Sự thụ phong vào hàng linh mục, 1568;

Sự trao ban thừa tác vụ nhờ các Giám mục, 1562;

Việc xúc dầu, 1563;

Ý nghĩa của lời hứa vâng phục Giám mục, 1567.

CHỨC PHÓ TẾ, *x. Phó tế;*

Ấn tín không thể tẩy xoá, 1570;

Phó tế được quy hướng về thừa tác vụ của Giám mục, 1569;

Việc đặt tay chỉ dành cho Giám mục, 1569.

BÍ TÍCH XỨC DẦU BỆNH NHÂN (UNCTIO INFIRMORUM),

1499-1525, *x. (Các) bí tích;*

Bí tích Xức Dầu được dành cho ai, 1514,-15, 1528-29;

Bí tích Xức Dầu qua các thế kỷ, 1512;

Các hiệu quả của bí tích Xức Dầu, 1520-23, 1532;

Các mục đích của bí tích Xức Dầu, 1511, 1527;

Sự chuẩn bị cho các tín hữu lãnh nhận bí tích Xức Dầu, 1516;

Thừa tác viên của bí tích Xức Dầu, 1530;

Việc cử hành bí tích Xức Dầu theo nghi thức Rôma, 1513, 1517-19, 1531.

BIẾN CỐ (EVENTUS), *x. Lịch sử;*

Cuộc Ngự đến của Đức Kitô, 122, *x. Cuộc Ngự đến, Sự mong đợi, Sự hoàn tất;*

Cuộc Ngự đến của Nước [Thiên Chúa], 560, 570, 1720, 2632, 2660, 2817, 2857;

Cuộc trở lại lần thứ hai, 2612;

Lịch sử cứu độ và biến cố được đọc lại, 1095;

Việc cử hành phụng vụ Mùa Vọng, 524.

BIẾN ĐỔI BẢN THỂ, SỰ (TRANSSUBSTANTIATIO),
1373-77, 1413, x. *Bí tích Thánh Thể*.

BIẾN HÌNH, CUỘC (TRANSFIGURATIO), 554-56, 568.

BIẾT ƠN, SỰ (GRATITUDO)

Sự biết ơn của con người đối với Đức Kitô, 1418;

Sự biết ơn của con người đối với người lân cận, 1648, 1900, 2199,
2215, 2218, 2220;

Sự biết ơn của con người đối với Thiên Chúa, 1148, 1334, 1360,
1418, 2062, 2097, 2099.

BÌNH ĐẲNG, SỰ (AEQUALITAS)

Sự bình đẳng giữa các Kitô hữu, 872;

Sự bình đẳng giữa người ta, 1934-35;

Sự bình đẳng và sự khác biệt giữa người nam và người nữ, 369.

BỎ RƠI / PHÓ THÁC TRỌN VỆN, SỰ (RELICTIO)

Sự bỏ rơi [Thầy] của các môn đệ, 1851;

Sự phó thác trọn vẹn cho sự quan phòng, 305, 322, 2115;

Sự phó thác trọn vẹn cho ý Thiên Chúa, 2677.

Sự phó thác trọn vẹn của Đức Maria nơi Thiên Chúa, 506;

Thiên Chúa không bao giờ bỏ rơi dân Ngài, 2577.

BÓI TOÁN, VIỆC (DIVINATIO) như hành động chống lại Thiên Chúa,
2115-17, 2138.

BÓNG TỐI (TENEBRAE)

Ánh sáng và bóng tối trong thuyết nhị nguyên và thuyết của
Manichê, 285;

Cuộc chiến đấu của con người chống lại các quyền lực của bóng tối,
409;

Đức tin dẫn ra khỏi bóng tối, 2466.

BỐ THÍ, VIỆC (ELEEMOSYNA)

Việc bố thí như công việc của đức mến và của lòng thương xót,
2447, 2462;

Việc bố thí như một hình thức thống hối, 1434, 1438;

Việc bố thí trong Luật mới, 1969.

BỔ TRỢ, NGUYÊN TẮC (SUBSIDIARITAS), 1883, 1885, 1894, 2209

BỘI GIÁO, SỰ (APOSTASIA)

Ông Môisen và sự bội giáo của dân ông, 2577;

Cuộc thử thách cuối cùng của Hội Thánh và sự bội giáo, 675;

Ý nghĩa của sự bội giáo, 2089;

Những vết thương cho sự hợp nhất của Hội Thánh và sự bội giáo, 817.

BỔN PHẬN (OFFICIUM)

Bổn phận bảo vệ hợp pháp, 2265-66, 2321;

Bổn phận bảo vệ tổ quốc, 2310;

Bổn phận cải thiện các điều kiện của đời sống con người, 1926;

Bổn phận cho phép các công dân thực hiện ơn gọi của họ, 1907;

Bổn phận của tình liên đới giữa các dân tộc, 2439;

Bổn phận điều tiết quyền sở hữu, 2406;

Bổn phận làm việc, 2427;

Bổn phận phê phán những vấn đề có hại cho nhân phẩm và công ích, 2238;

Bổn phận phục vụ chân lý bằng thông tin, 2497;

Bổn phận quy định việc sản xuất và buôn bán vũ khí, 2316;

Bổn phận tham gia đời sống xã hội, 1913, 1916;

Bổn phận tôn trọng cá vị, 1907, 2432;

Bổn phận tôn trọng sự tự do của người khác, 1738;

Bổn phận vâng phục quyền bính, 1900;

Các bổn phận của các quyền bính dân sự, 2235-37, 2498;

Các bổn phận của cha mẹ, 2221-2231;

Các bổn phận của con cái, 2214-2220;

Các bổn phận của công dân, 2223-43;

Các bổn phận đối với gia đình, 2211;

Luật tự nhiên như nền tảng của các bổn phận, 1956, 1978;

Mười Điều Răn như ánh sáng mạc khải các bổn phận căn bản, 2070, 2072;

Sự phân biệt các quyền và các bổn phận của công dân và của Kitô hữu, 912;

Sự phát triển như bản tóm kết tất cả các bổn phận xã hội, 1908.

BUÔN BÁN, VIỆC (COMMERCIUM)

Việc buôn bán vũ khí, 2316;

Những gian lận và việc buôn bán, 2269, 2409.

BUỒN, SỰ (TRISTITIA)

Sự buồn là hữu ích trong việc trái tim hối cải, 1431;

Sự buồn như một đam mê chủ yếu, 1772;

Sự buồn như một trở ngại trong việc cầu nguyện, 2728;

Sự buồn trong việc ganh tị, 2539-40, 2553.

BỮA TIỆC CỦA CHÚA (DOMINICA CENA)

Bánh, rượu và Bữa tiệc của Chúa, 1412;

Bí tích Thánh Thể và Bữa tiệc của Chúa, 1337, 1366;

Chén của Giao Ước mới và Bữa tiệc của Chúa, 612;

- Lễ Vượt Qua của Nước Thiên Chúa và Bữa tiệc của Chúa, 1166, 1403, 2816;
 Những Cộng đoàn giáo hội phát sinh từ cuộc Cải cách, và Bữa tiệc của Chúa, 1400;
 Sự bẻ bánh và Bữa tiệc của Chúa, 1329;
 Sự thiết lập Hy lễ Thánh Thể và Bữa tiệc của Chúa, 1323;
 Việc dâng lễ vật và Bữa tiệc của Chúa, 1350;
 Ý nghĩa của Bữa tiệc của Chúa, 1329.

C

CA NGỢI, (NHỮNG) SỰ (LAUS/DES), *x. Phụng vụ.*

- Bí tích Thánh Thể như việc ca ngợi và tạ ơn Chúa Cha, 1358-61;
 Các chúc lành [đều có phần] ca ngợi, 1081, 1671;
 Các thánh vịnh như sự ca ngợi, 2585, 2589;
 Các việc trần thế và sự ca ngợi Đấng Tạo Hoá, 898, 1670;
 Đời sống thánh hiến để ca ngợi Thiên Chúa, 920, 2687;
 Lời kinh ca ngợi, 2098, 2639-43;
 Sự ca ngợi Thiên Chúa, 1138, 2171, 2513;
 Về đẹp của công trình tạo dựng như bài thánh ca ca ngợi, 32;
 Ý nghĩa của sự ca ngợi, 2639.

CÁ VỊ (PERSONA), *x. Con người và Xã hội;*

- Cá vị có khả năng, 1704;
 Cá vị như đền thờ Chúa Thánh Thần, 364;
 Cá vị như hình ảnh của Thiên Chúa, 1730;
 Cá vị và công ích, 1738, 1905, 1912-13;
 Cá vị và xã hội, 1878-89, 1929;
 Các phương tiện truyền thông và cá vị, 2492, 2494;
 Các quyền và các bổn phận của các cá vị, 1738, 2070, 2108, 2270, 2273;
 Căn tính của cá vị, 203, 2158;
 Lao động và cá vị, 2428;
 Nhà Nước và cá vị, 2237;
 Nhân vị được nhắm cho hưởng vinh phúc vĩnh cửu, 1703;
 Phẩm chất siêu việt của nhân vị, 1295, 2245;
 Sự khác nhau giữa các cá vị, 1946;
 Sự tạo dựng cá vị, 362;
 Sự toàn vẹn của cá vị, 2338-45;
 Sự tôn trọng cá vị và việc nghiên cứu khoa học, 2292-96;
 Sự tôn trọng cá vị, 1907, 1929-33, 2212, 2297-98, 2477, 2479, 2524;
 Sự tôn trọng các cá vị và của cải của họ, 2407-18;
 Tính dục và cá vị, 2332, 2337;

Phẩm giá của cá vị

Các thí nghiệm trên con người và phẩm giá của cá vị, 2295;
 Hình ảnh khiêu dâm, mại dâm, hiếp dâm và phẩm giá của cá vị,
 2354-56;
 Nền tảng của phẩm giá cá vị, 225, 357, 1700, 1730, 1934, 2126;
 Những đòi hỏi của phẩm giá nhân vị, 1780, 1930, 1938, 1944, 2339,
 2467;
 Phẩm giá của cá vị và sự công bằng xã hội, 1911, 1913, 1926, 1929,
 1938, 2213, 2238, 2402;
 Phẩm giá của cá vị và sự tự do tôn giáo, 1738, 1747, 2106;
 Phẩm giá của nhân vị, 1700-1876;
 Sự can thiệp trên gen di truyền và phẩm giá của cá vị, 2275;
 Sự chết êm dịu và phẩm giá của nhân vị, 2277, 2324;
 Sự thụ tinh nhân tạo và phẩm giá của cá vị, 2377;
 Sự tôn trọng phẩm giá của cá vị, 1935, 2158, 2235, 2267, 2297,
 2304;
 Tội và phẩm giá của cá vị, 1487, 2261, 2320, 2353, 2414.

CÁC Á BÍ TÍCH (SACRAMENTALIA), 1667-76;

Định nghĩa và ý nghĩa các á bí tích, 1667, 1677;
 Giáo dân chủ sự các á bí tích, 1669;
 Những hình thức của các á bí tích, 1671-73, 1678;
 Những sức mạnh của các á bí tích, 1668, 1670.

(CÁC) ẢNH THÁNH (ICON/ES), x. Các ảnh tượng thánh;

Sự chiêm ngắm ảnh thánh, 1162;
 Sự sùng kính ảnh thánh, 1159, 1192, 2131;
 Ý nghĩa của ảnh thánh, 1161;
 Sự hữu ích của các ảnh thánh, 2705.

CÁC ẢNH TƯỢNG (IMAGINES) thánh, 1159-62, x. (Các) ảnh thánh.**CÁC ÂN XÁ (INDULGENTIAE), 1471-79;**

Các ân xá dành cho những người đã qua đời, 1032, 1479;
 Định nghĩa và ý nghĩa các ân xá, 1471;
 Được hưởng ân xá của Thiên Chúa nhờ Hội Thánh, 1478,-79;
 Hiệu quả của các ân xá, 1498.

CÁC BỆNH NHÂN, (AEGROTI), x. Bí tích Xức Dầu Bệnh nhân;

Bí tích Xức Dầu Bệnh nhân, 1511, 1516, 1519;
 Các bệnh nhân như dấu chỉ sự hiện diện của Chúa Giêsu, 1373;
 Các bệnh nhân trong Cựu Ước, 1502;
 Chúa Giêsu và sự chữa lành các bệnh nhân, 699, 1503-06;
 “Hãy chữa lành các bệnh nhân” như mệnh lệnh của Chúa Giêsu,
 1506-10;
 Sự chăm sóc và tôn trọng các bệnh nhân, 2405, 2186.

(CÁC) BÍ TÍCH (SACRAMENTUM/A), *x. mỗi bí tích.*

- Các bí tích cần thiết để được cứu độ, 1129;
- Các bí tích được thiết lập bởi Đức Kitô, 1114;
- Các bí tích được tiên báo trong các dấu chỉ của Giao Ước Cũ, 1150;
- Các bí tích hữu hiệu, 1127;
- Các bí tích không thể được tái ban, 698;
- Các bí tích liên quan đến các giai đoạn của đời sống tự nhiên, 1210;
- Các bí tích như “những kỳ công” của Thiên Chúa trong Giao Ước mới, 1116;
- Các bí tích như “những năng lực phát ra” từ thân thể Đức Kitô, 1116;
- Các bí tích như những hành động của Chúa Thánh Thần, Đấng hoạt động, 1116;
- Các nền tảng của các bí tích trong đời sống của Đức Kitô, 1115;
- Định nghĩa, ý nghĩa và các mục đích của các bí tích, 774, 1084, 1131;
- Hội Thánh như bí tích, 747, 774-76, 780, 1045, 1108, 1140;
- Lời Chúa cần thiết cho các bí tích, 1122, 1133;
- Mục đích của các bí tích, 1123, 1680;
- Nhiệm vụ bí tích, 1076;
- Những người đã lãnh Phép Rửa có quyền lãnh nhận các bí tích, 1269;
- Số các bí tích, 1113, 1117;
- Sự hiện diện của Đức Kitô trong các bí tích, 1088, 1127, 1509;
- Thánh Thể như “bí tích của các bí tích”, 1211, 1324, 1374.

Chiều kích giáo hội của các bí tích

- Các bí tích ban sự tăng trưởng và sự chữa lành cho các chi thể của Đức Kitô, 798;
- Các bí tích của Hội Thánh: “nhờ Hội Thánh” và “cho Hội Thánh”, 1118;
- Các bí tích như con đường khai tâm Kitô giáo, 1212, 1275, 1425, 1533;
- Các bí tích như dây liên kết của Hội Thánh, 815;
- Các bí tích như những dấu chỉ ơn tha thứ của Thiên Chúa, 2839;
- Các bí tích truyền thông điều thiện hảo của Đức Kitô cho mọi chi thể, 947;
- Sự hiệp thông các bí tích liên kết chúng ta với Đức Kitô, 950;
- Sứ vụ về bí tích của Hội Thánh, 738-40, 1132;
- Tầm quan trọng của các bí tích trong việc dạy giáo lý về phụng vụ, 1074-75.

Giáo lý về các bí tích

- Giáo lý về các bí tích của Đức Kitô, 1114-16;

Giáo lý về các bí tích của Hội Thánh: “nhờ Hội Thánh” và “cho Hội Thánh”, 1117-21;

Giáo lý về các bí tích nuôi dưỡng, củng cố và diễn tả giáo lý đức tin, 1127-29;

Giáo lý về các bí tích truyền thông ân sủng cứu độ mà các bí tích nói lên, 1127-29;

Giáo lý về các bí tích tiên báo vinh quang tương lai của đời sống vĩnh cửu, 1130.

Hiệu quả của các bí tích

Truyền Chức Thánh và Hôn Phối như các bí tích quy hướng về ơn cứu độ của người khác, 1534-35;

Các bí tích nâng đỡ và củng cố những người đi tới sự thánh thiện, 1133, 2030;

Các bí tích làm cho Kitô hữu thành “con cái Thiên Chúa”, 1692;

Các bí tích để kết hợp với Đức Kitô, 790, 950;

Các bí tích hành động do sự (ex opere operato), 1128;

Các bí tích thực hiện hữu hiệu ân sủng mà các bí tích nói lên, 1084, 1127, 1131;

Các bí tích ban ân sủng bí tích, 2003;

Các bí tích để tha tội, 977, 987;

Các bí tích mang lại “án tín” bí tích hoặc dấu chỉ, 698, 1121;

Các bí tích ban sự trợ giúp cho việc chữa lành, 1420-21;

Các bí tích truyền thông Chúa Thánh Thần cho các chi thể của Thân Thể Đức Kitô, 739;

Các bí tích thiết lập sự hợp nhất các Kitô hữu, 1126.

Bí tích Cực thánh

Sự tôn thờ và sùng kính Bí tích Cực thánh, 1178, 1183, 1418, 2691;

Sự hiện diện thật sự của Đức Kitô trong Bí tích Cực thánh, 1374.

CÁC BIẾN CỐ CỨU ĐỘ (EVENTUS SALVIFICI)

Các biến cố vinh hiển của Đức Kitô và các hiệu quả của chúng, 126;

Các Thánh vịnh và sự tưởng nhớ các biến cố cứu độ, 2586;

Những chúc lành thần linh được biểu lộ trong các biến cố cứu độ kỳ diệu, 1081;

Phụng vụ, sự tưởng niệm các biến cố cứu độ, 1093, 1095, 1217;

Sự mạc khải bằng các biến cố cứu độ và bằng các lời nói, 53, 1103, 2651;

Trong phụng vụ, các biến cố cứu độ trở thành tác động trong hiện tại, 1104.

CÁC BIỂU TƯỢNG (SYMBOLA), x. Các dấu chỉ;

Các biểu tượng của Cựu Ước, 522, 697;

Các biểu tượng phụng vụ, 1145, 1150, 1189;

Các cử chỉ có tính biểu tượng của Chúa Giêsu, 1151;

Con người cần các dấu chỉ và các biểu tượng, 1146, 1148, 1152.

CÁC BỔN PHẬN TÔN GIÁO (OFFICIA RELIGIOSA)

- Bổn phận bày tỏ ý kiến riêng về lợi ích của Hội Thánh, 907;
- Bổn phận cầu cho cuộc Ngự đến của Nước [Thiên Chúa], 2817;
- Bổn phận cử hành công trình cứu độ của Đức Kitô, 1163;
- Bổn phận đối với cha mẹ và bề trên, 2199, 2234;
- Bổn phận giáo dục và trợ giúp con cái, 2221-31, 2252;
- Bổn phận hành động với tư cách con cái Thiên Chúa, 2784;
- Bổn phận huấn luyện lương tâm trong sáng và ngay thẳng, 2496;
- Bổn phận làm chứng cho chân lý, 2467, 2472;
- Bổn phận loại trừ thói thê gian, 2151;
- Bổn phận loan báo Tin Mừng, 848, 888;
- Bổn phận nghe theo tiếng lương tâm riêng, 1778;
- Bổn phận sử dụng các hồng ân của Thiên Chúa một cách đúng đắn, 2820;
- Bổn phận sử dụng sự nhân từ và lòng thương xót, 2298;
- Bổn phận sửa chữa lại những bất công và giả dối, 2487;
- Bổn phận tham dự phụng vụ, 1141;
- Bổn phận thích nghi phụng vụ vào các nền văn hoá khác nhau, 1205;
- Bổn phận tin vào Thiên Chúa và làm chứng cho chân lý, 2087, 2471-72;
- Bổn phận tôn kính cha mẹ, 2214-20;
- Bổn phận tránh các gương xấu, 2489;
- Bổn phận trợ giúp người lân cận, 1932-33, 2198, 2444, 2446;
- Bổn phận trợ giúp và bảo vệ gia đình, 2209-10, 2211;
- Bổn phận tuân giữ các điều răn của Hội Thánh, 578, 2037;
- Bổn phận yêu mến Thiên Chúa, 2083, 2104-05, 2136.

CÁC CHI THỂ CỦA THÂN THỂ ĐỨC KITÔ (MEMBRA CORPORIS CHRISTI)

- Các Kitô hữu như các chi thể của Thân Thể Đức Kitô, 521, 738-39, 793, 795-96, 1988;
- Chúa Thánh Thần như nguyên lý sống động cho các chi thể của Thân Thể Đức Kitô, 798;
- Những sự chia rẽ giữa các chi thể của Thân Thể Đức Kitô, 821;
- Sự hợp nhất và sự hiệp thông của các chi thể của Thân Thể Đức Kitô, 790-91, 797, 947, 953, 1368, 1396, 1469;
- Sự khác nhau giữa các chi thể của Thân Thể Đức Kitô, 791, 873;
- Trở thành các chi thể của Thân Thể Đức Kitô, 1213, 1267.

CÁC CHỨNG NHÂN (TESTES)

- Các chứng nhân của đức tin, 165;
- Các chứng nhân trong bí tích Hôn Phối, 1631;

Các chứng nhân về sự phục sinh của Chúa Giêsu, 642;
 Các giáo dân như những chứng nhân của Đức Kitô, 904-05, 913, 942, 2242;
 Các Tông Đồ với tư cách là những chứng nhân, 857;
 Đôi phối ngẫu như những chứng nhân của tình yêu Thiên Chúa, 1647-48;
 Là chứng nhân của Đức Kitô nghĩa là gì, 995;
 Sự chuyển cầu của các chứng nhân đã đi trước chúng ta vào Nước [Thiên Chúa], 2683;
 Thêm Sức, bí tích làm cho trở thành các chứng nhân của Đức Kitô, 1285, 1303.

CÁC CÔNG DÂN (CIVES)

Các bốn phận và các công dân, 1915, 2238-40, 2255;
 Các Kitô hữu như các công dân của [Nước] trời, 2796;
 Các quyền lợi và các công dân, 2273;
 Chiến tranh và các công dân, 2308;
 Công ích và các công dân, 1910;
 Đời sống công cộng và các công dân, 1915;
 Hội Thánh và các công dân, 2245;
 Lao động và các công dân, 2433;
 Quyền bính và các công dân, 1901, 2242;
 Sự công bằng giao hoán và các công dân, 2411;
 Sự gia tăng dân số phải được định hướng, Nhà Nước và các công dân, 2372;
 Sự phục vụ trong quân đội và các công dân, 2310;
 Sự tự do tôn giáo và các công dân, 2107;
 Tổ quốc và các công dân, 2199;
 Việc phụng tự ngày Chúa Nhật như quyền lợi của các công dân, 2187;
 Xã hội và sự an sinh của các công dân, 2288;
 Xã hội, các tương quan và các công dân, 2212-13.

(CÁC) CÔNG ĐỒNG (CONCILIUM/A)

Việc dạy giáo lý và Công đồng, 9;
 Giám mục đoàn và Công đồng, 884, 887, 891;
 Đức tin và Công đồng, 250;
 Các tín biểu và Công đồng, 192.

(CÁC) CÔNG VIỆC (OPUS/ERA)

Các công việc của Đức Kitô giúp nhận ra Người là “Đấng Thánh của Thiên Chúa”, 438;
 Các công việc của ma quỷ, 394;
 Các công việc của người ta, 679, 901;

Các công việc của Thiên Chúa như con đường để nhận biết Ngài, 32, 176, 236, 286;

Các công việc của Thiên Chúa, 198, 214, 295, 339, 1328;

Các công việc của xác thịt, 1852;

Các việc bác ái và đầy tình thương xót, 1473, 1458, 1815, 1829, 1853, 2044, 2447;

Các việc thống hối, 1430, 1460.

CÁC CƠ CẤU (STRUCTURAE)

Các cơ cấu của tội, 1869;

Các cơ cấu xã hội, 408, 2286.

CÁC CỬ CHỈ (GESTUS)

Các cử chỉ cần thiết để hối cải, 1430, 1435;

Các cử chỉ phụng vụ, 1149-50, 1234, 1341.

CÁC DẤU CHỈ (SIGNA) (trong các bí tích)

Các bí tích như các dấu chỉ, 1084, 1123, 1130-31, 1152;

Các dấu chỉ của bí tích Rửa Tội, 628, 694, 1235, 1238, 1241, 1243;

Các dấu chỉ của bí tích Thêm Sức, 695, 1293-1301;

Các dấu chỉ của bí tích Truyền Chức Thánh, 1574.

CÁC GIÁ TRỊ (VALORES)

Các giá trị của Hôn nhân nhân loại và Kitô giáo, 1632, 1643, 2363;

Coi thường các giá trị luân lý và gương xấu, 2286,

Gia đình như nơi để trao ban các giá trị, 2207;

Khoa học, kỹ thuật và các giá trị luân lý, 2293;

Phẩm trật các giá trị và các thể chế xã hội, 2244;

Phẩm trật các giá trị và hoạt động kinh tế, 2425;

Phẩm trật các giá trị và xã hội, 1886, 1895, 2236.

CÁC GIÁO HỘI CẢI CÁCH (ECCLESIAE REFORMATAE), x. Sự cải cách.

CÁC GIÁO HỘI CHÍNH THỐNG (ECCLESIAE ORTHODOXAE)

Kinh Tin Kính và các Giáo Hội Chính Thống, 247;

Sự hợp nhất của Hội Thánh Công giáo và các Giáo Hội Chính Thống, 836.

CÁC GIÁO PHỤ (PATRES ECCLESIAE), 11, 688.

CÁC GIÁO SĨ (CLERICI), các thừa tác viên thánh, 934, 1174.

CÁC GIỜ VÀ PHỤNG VỤ (HORAE ET LITURGIA), x. Các giờ kinh phụng vụ.

CÁC HỒNG ÂN (DONA), x. Thiên Chúa và Chúa Thánh Thần.

CÁC HIỆP HỘI (SOCIETATES)

Bảo đảm các điều kiện cho các hiệp hội, 1928, 1943, 2211;
 Khuyến khích các hiệp hội, 1882, 1893;
 Kinh tế và các hiệp hội, 2431;
 Quyền vào hiệp hội, 900.

**CÁC HOẠT ĐỘNG THỂ DỤC THỂ THAO
 (LUDICRAE EXERCITATIONES), 2289.****CÁC KINH CẦU (LITANIAE), 1154, 1177.****CÁC LOẠI VĂN (GENERA LITTERARIA) trong Thánh Kinh, 110.****CÁC LỜI KHUYÊN PHÚC ÂM (CONSILIA EVANGELICA)**

Các điều răn và các lời khuyên Phúc Âm, 2053;
 Các tu hội đời và các lời khuyên Phúc Âm, 929;
 Đời ẩn sĩ và các lời khuyên Phúc Âm, 920;
 Đời sống thánh hiến và các lời khuyên Phúc Âm, 914-16, 918, 944;
 Đời tu dòng và các lời khuyên Phúc Âm, 925;
 Hội Thánh và các lời khuyên Phúc Âm, 2103;
 Luật mới và các lời khuyên Phúc Âm, 1973-74, 1986;
 Sứ vụ và các lời khuyên Phúc Âm, 931;
 Tu đoàn tông đồ và các lời khuyên Phúc Âm, 930.

**CÁC MỐI PHÚC CỦA TIN MỪNG
 (BEATITUDINES EVANGELICAE), 1716**

Các mối phúc của Tin Mừng cho thấy mục tiêu của sự hiện hữu nhân linh, 1719;
 Các mối phúc của Tin Mừng đáp ứng ước muốn tự nhiên của con người là được hạnh phúc, 1718, 1725, 2548;
 Các mối phúc của Tin Mừng kiện toàn các lời hứa của Thiên Chúa, 1725;
 Các mối phúc của Tin Mừng như trung tâm của lời giảng dạy của Chúa Giêsu, 1716;
 Các mối phúc của Tin Mừng phác họa dung mạo Chúa Giêsu, 1717;
 Giáo huấn do các mối phúc của Tin Mừng, 1726, 1728, 1820, 2546;
 Đời sống thánh hiến và tinh thần của các mối phúc của Tin Mừng, 932;
 Đức mến của Hội Thánh được linh hứng bởi các mối phúc của Tin Mừng, 2444;
 Đức Kitô, mẫu gương của các mối phúc của Tin Mừng, 459, 1697;
 Lễ Luật và các mối phúc của Tin Mừng, 581, 1967, 1984;
 “Phúc thay những người nghèo...”, 2546-47, 2603, 2660, 2833;
 Tinh thần của các mối phúc của Tin Mừng, 1658, 2603;
 Việc dạy giáo lý về các mối phúc của Tin Mừng, 1697;
 Ý nghĩa và hiệu quả của các mối phúc của Tin Mừng, 1717.

**CÁC MÔN ĐỆ CỦA CHÚA GIÊSU NAZARETH
(DISCIPULI IESU NAZARENI)**

- Bữa tiệc cuối cùng và các môn đệ, 1339;
- Các môn đệ đầu tiên, 949;
- Các môn đệ loan báo về Chúa Giêsu, 425;
- Các phép lạ được các môn đệ làm nhân danh Chúa Giêsu, 434, 1506;
- Cách hành động của các môn đệ, 1336;
- Chúa Thánh Thần được Chúa Giêsu sai đến trên các môn đệ, 696, 730, 788, 2623;
- Kinh nghiệm của các môn đệ trước thực tại Chúa Giêsu phục sinh, 643-44;
- Lời chứng về sự Phục sinh được các môn đệ xác nhận trên bình diện lịch sử, 656;
- Sứ vụ của các môn đệ, 542;
- Việc cầu nguyện được dạy cho các môn đệ, 2701, 2722, 2759;
- Việc hiện ra của Đức Kitô phục sinh với các môn đệ, 645, 647.

CÁC MỤC TỬ CỦA HỘI THÁNH (PASTORES ECCLESIAE)

- Các Giám mục như các Mục tử của Hội Thánh, 862, 939, 1558;
- Các giáo dân trợ giúp các Mục tử của Hội Thánh, 900-01;
- Các Mục tử của Hội Thánh được Đức Kitô tuyển chọn và sai đi, 816, 1575;
- Các nhiệm vụ của các Mục tử của Hội Thánh, 801, 857, 1551, 1632, 2033, 2038, 2663;
- Cha sở như Mục tử của riêng giáo xứ, 2179;
- Nhiệm vụ mục tử của thánh Phêrô và các Tông Đồ, 881.

CÁC NÉN BẠC (TALENTA), 1880, 1936-37, 2429.

CÁC NGÔI VỊ THẦN LINH (PERSONAE DIVINAE), x. *Chúa Ba*

Ngôi;

- Các hành động của các Ngôi Vị biểu lộ các đặc điểm của các Ngài, 258, 267;
- Các tương quan giữa các Ngôi Vị, 255;
- Chúa Cha, Ngôi Vị Thứ Nhất trong Ba Ngôi, 198;
- Chúa Thánh Thần, Ngôi Vị Thứ Ba trong Ba Ngôi, 245, 684-86, 731;
- Đức Kitô, Ngôi Vị Thứ Hai trong Ba Ngôi, 466, 468, 470, 473, 477, 481, 483, 626;
- Sự duy nhất về bản tính của các Ngôi Vị, 202, 253;
- Sự phân biệt các Ngôi Vị, 254, 266, 689;
- Ý nghĩa của từ “các Ngôi Vị” trong Ba Ngôi, 252.

CÁC NHÂN ĐỨC TRỤ (CARDINALES VIRTUTES), x. *Nhân đức.*

CÁC NHI ĐỒNG (INFANTES)

Chúa Giêsu và các trẻ em, 699, 1244, 1261;
 Quyền được sống, 2322, x. *Sự phá thai*;
 Sự mai dâm cũng ảnh hưởng đến các trẻ nhỏ, 2355;
 Trở nên như trẻ nhỏ, 526, 2517, 2785, 2837.
 Tuổi để lãnh bí tích Thêm Sức, 1307;
 Việc giáo dục lương tâm, 1784;
 Việc nhận con nuôi, 2379;
 Việc rước lễ của các nhi đồng, 1244.

CÁC NƠI (LOCA) để cử hành phụng tự, 1179-86, 1198-99.

**CÁC PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG
(MEDIA PRO MASSA)**

Các luật chống việc sử dụng sai các phương tiện thông tin đại chúng, 2498;
 Sự sử dụng đúng đắn các phương tiện thông tin đại chúng, 2496;
 Sự sử dụng sai các phương tiện thông tin đại chúng, 2523.

CÁC QUYỀN LỰC (POTENTIAE seu POTESTATES)

Các quyền lực bí ẩn, 2116-17;
 Các quyền lực bóng tối, 409, 680;
 Các quyền lực tấn công Nước Đức Kitô, 671;
 Sự chiến thắng của Hội Thánh trên các quyền lực sự chết, 552.

CÁC SINH VẬT (ANIMALIA)

Sự khác nhau giữa con người và các sinh vật, 371;
 Sự tôn trọng các sinh vật, 2415, 2416, 2418;
 Tương quan giữa con người và các sinh vật, 2417, 2456-57.

(CÁC) THÁNH (SANCTUS/I)

Sự hiệp thông với các thánh, 957;
 Hội Thánh như sự hiệp thông của các thánh, 946-59, 960-62, 1331;
 Những ảnh tượng thánh của các thánh, 1161;
 Sự chuyển cầu của các thánh, 956, 2683;
 Sự kính nhớ các thánh, 1173, 1195;
 Tên thánh như tên của Phép Rửa, 2156;
 Phần thưởng của các việc tốt lành của các thánh, 1477;
 Phần riêng các thánh trong năm phụng vụ, 1172;
 Các thánh như mẫu gương của sự thánh thiện, 2030;
 Các thánh như nguồn mạch và cội nguồn của việc canh tân trong Hội Thánh, 828;
 Sự thánh thiện của Hội Thánh toả sáng nơi các thánh, 867;
 Ý nghĩa việc tôn phong các thánh, 828;
 Sự tôn kính các thánh, 61.

CÁC THÁNH VỊNH (PSALMI)

- Bộ năm cuốn sách Thánh vịnh, 2585;
Các hình thức và cách diễn tả khác nhau của các Thánh vịnh, 2588;
Các Thánh vịnh diễn tả trái tim của “những người nghèo”, 716;
Các Thánh vịnh như kinh nguyện của cộng đoàn, 2585-89;
Các Thánh vịnh và phụng vụ, 1156, 1177;
Định nghĩa các Thánh vịnh, 2596;
Lời cầu nguyện của các Thánh vịnh dạy trồng cây và tin vào Thiên Chúa, 2657;
Những nét chính yếu của các Thánh vịnh, 2589;
Sự giảng dạy về các Thánh vịnh, 1176;
Tầm quan trọng của các Thánh vịnh, 2597;
Ý nghĩa của các Thánh vịnh, 2586-88.

CÁC THỂ CHẾ (INSTITUTIONES)

- Các thể chế nhân loại và xã hội, 909, 1869, 1881-82, 1888, 1897, 1916, 2211, 2238, 2244, 2286;
Các thể chế trong Cựu Ước, 576, 709.

CÁC THÍ NGHIỆM KHOA HỌC (SCIENTIFICA EXPERIMENTA)

- Các thí nghiệm khoa học nơi các súc vật, 2417;
Các thí nghiệm khoa học và sự tôn trọng cá vị, 2292, 2295.

(CÁC) THỤ TẠO (CREATURA/AE)

- Bí tích Rửa Tội làm cho trở nên thụ tạo mới, 1214, 1265-66, 1999;
Các Thiên thần và các thụ tạo, 350;
Các thụ tạo và việc chúng có điều giống với Thiên Chúa, 41, 2500;
Những giới hạn của các thụ tạo, 311, 385, 396, 1998;
Vận mệnh của các thụ tạo, 260, 353;
Sứ điệp của các thụ tạo tỏ cho thấy sự hiện hữu của Thiên Chúa, 46, 48;
Sự hiện diện của Thiên Chúa nơi các thụ tạo, 300, 308;
Sự lệ thuộc lẫn nhau của các thụ tạo, 340, 344;
Sự quan phòng và sự cộng tác của các thụ tạo, 301, 306, 312, 321, 323, 342, 373, 1884;
Sự quy phục của các thụ tạo đối với Thiên Chúa, 49, 213, 396, 2097, 2628;
Sự quyến luyến của tâm hồn với các thụ tạo, 1394, 1472;
Sự tham dự của các thụ tạo vào sự tốt lành của Thiên Chúa, 295, 319;
Sự tôn trọng các thụ tạo, 1930, 2416;
Thiên Chúa như cội nguồn của các thụ tạo, 293, 327;
Tình yêu đối với Thiên Chúa và tình yêu đối với các thụ tạo, 2069, 2093, 2095, 2113;
Tương quan giữa các thụ tạo và con người, 343;

Tương quan giữa Thiên Chúa và các thụ tạo, 42-43, 239, 295, 356, 441, 1703;

Vẻ đẹp, sự tốt lành và sự trọn hảo của các thụ tạo, 32, 339, 2500.

CÁC THỰC TẠI (REALITATES)

Các Kitô hữu giáo dân và hành động của họ trong các vấn đề trần thế, 898-99, 2442;

Các thực tại như con đường để nhận biết Thiên Chúa, 32, 159, 1148;

Các thực tại tinh thần và cách đạt tới các thực tại đó, 1146;

Những người được thánh hiến trong các tu hội đời và hành động của họ trong các vấn đề trần thế, 929;

Tội mại thánh như việc mua hay bán các thực tại thiêng liêng, 2121.

(CÁC) TIÊN TRI (PROPHETA/AE)

Các Tiên tri như những chứng nhân của sự công chính của Thiên Chúa, 2543;

Các Tiên tri như những chứng nhân của tình yêu Thiên Chúa đối với Israel, 218;

Các Tiên tri tổ giác, 2100, 2380;

Các Tiên tri và việc loan báo Đấng Messia, 522, 555, 702;

Hành động của Chúa Thánh Thần qua các Tiên tri, 243;

Nhiệm vụ và sứ vụ của các Tiên tri trong Israel, 64, 201, 522, 762, 1964, 2581, 2595;

Ông Êlia, cha của các Tiên tri, 2582;

Ông Gioan Tẩy Giả, vị cuối cùng trong các Tiên tri, 523, 719;

Ý nghĩa và tầm quan trọng của lời cầu nguyện của các Tiên tri, 2584.

CÁC TỔ CHỨC NGHIỆP ĐOÀN

(CONSOCIATIONES OPERARIORUM), 2430.

CÁC TỔ PHỤ (PATRIARCHAE)

Các tổ phụ của dân Do thái, 839;

Các tổ phụ như gốc rễ của Hội Thánh, 755;

Sự tôn kính các tổ phụ trong Cựu Ước, 61.

CÁC TRẺ EM (PUERI)

Các trẻ em là thân dân của Nước Thiên Chúa, 559;

Những lạm dụng tình dục đối với trẻ em, 2389;

Việc giáo dục các trẻ em về đức tin, 5, 2688;

Việc giáo dục các trẻ em về sự nết na, 2524;

Việc rước lễ lần đầu của các trẻ em, 1244;

Việc xưng tội của các trẻ em, 1457.

CÁC TRÒ CHƠI MAY RỦI (FORTUNAE LUDI), 2413.

CÁC TU ĐOÀN TÔNG ĐỒ (SOCIETATES VITAE APOSTOLICAE),
930.

CÁC TU HỘI ĐỜI (INSTITUTA SAECULARIA), 928-29, *x. Đời sống thánh hiến.*

CÁC TƯƠNG QUAN (RELATIONES), *x. Con người và Xã hội.*

CÁC VẤN NẠN (QUAESTIONES)

Lời đáp trả cho những vấn nạn chính yếu của con người, 68, 282, 1676.

CÁC VỊ TỬ ĐẠO (MARTYRES)

Cách hành động của các vị tử đạo, 2113;

Hạnh các vị tử đạo, 2474;

Sự sùng kính các vị tử đạo, 957, 1173;

Ý nghĩa việc tử đạo, 2473.

CÁCH HÀNH ĐỘNG (AGENDI MODUS)

Cách hành động có tính tôn giáo của con người, 28, 844;

Cách hành động theo Kitô giáo và gương xấu, 2284, 2286;

Luật như quy luật của cách hành động, 1951, 1958;

Thái độ ích kỷ và đức mến, 1931, 2831;

Tính luân lý của cách hành động, 1753.

CÁCH SUY NGHĨ (COGITANDI MODUS)

Cách suy nghĩ “của trần gian này”, 2727;

Cách suy nghĩ theo Kitô giáo, 2105;

Cách suy nghĩ và sự thuộc về các Giáo Hội Kitô giáo khác nhau trong hôn nhân, 1634.

CẢI CÁCH, CUỘC (REFORMATIO), 406, 1400.

CÁM DỠ / THỬ THÁCH (TENTATIO)

Các cám dỗ Chúa Giêsu phải chịu, 538-40, 566;

Hành động thử thách Thiên Chúa, 2119;

Những cám dỗ trong việc cầu nguyện, 2732-33, 2753, 2755;

Những trợ giúp để chống lại các cám dỗ, 1808, 2157, 2340;

Thờ ngẫu tượng như một cám dỗ thường xuyên đối với đức tin, 2113;

Việc cầu nguyện để tránh cám dỗ, 2612;

“Xin chớ để chúng con sa chước cám dỗ”, 2846-49, 2863.

CẢM THỨC / GIÁC QUAN / Ý NGHĨA (SENSUS)

Các ý nghĩa của Thánh Kinh, 115-19;

Cảm thức bình dân tốt lành, 1676;

Cảm thức luân lý, 1954;

Cảm thức tôn giáo, 1676;

Cảm thức về đức tin, 91-93, 785, 889;
 Cảm thức về sự thánh thiêng, 2144;
 Liên kết các giác quan với việc cầu nguyện nội tâm, 2702;
 Ý nghĩa của đời sống, 282.

CAN ĐẢM, ĐỨC (FORTITUDO)

Đức can đảm như hồng ân của Chúa Thánh Thần, 712, 1303, 1831;
 Đức can đảm như một nhân đức trụ, 1805, 1808;
 Sự khẩn cầu Thần Khí can đảm, 2846.

CAN NGẮN, SỰ (DISSUASIO) chiến tranh, 2315.

CANH TÂN, SỰ (RENOVATIO)

Bí tích Rửa Tội, “việc tẩy rửa của sự tái sinh và canh tân của Chúa Thánh Thần”, 1215;
 Các Thánh như nguồn mạch và nguồn gốc của sự canh tân, 828;
 Sự canh tân Hội Thánh, 670, 821, 827, 1428;
 Sự canh tân lúc cùng tận thời gian, 1043.

CANH THỨC VƯỢT QUA (VIGILIA PASCHALIS), 281, 1217, 1254, 2719;

CÁNH CHUNG (ESCHATOLOGIA), 676, 1186, 2771, 2776, *cx. Cuộc phán xét, Hoả ngục, Sự chết, Thiên đàng, Lúc thời gian viên mãn, Đời sống vĩnh cửu.*

CĂM GHÉT, SỰ (ODIUM)

Kết án sự căm ghét, 2262, 2302-03,
 Nguồn gốc sự căm ghét, 1765, 2539;
 Sự căm ghét anh em và tội giết người, 1033;
 Sự căm ghét Chúa Giêsu và Thiên Chúa, 2094, 2148;
 Sự căm ghét của Satan, 395;
 Sự căm ghét sự dữ và kẻ thù, 1933.

CĂN TÍNH (IDENTITAS)

Các căn tính văn hoá và sự tôn trọng chúng, 2441;
 Căn tính của cá vị, 203;
 Căn tính của Chúa Giêsu, 430, 440, 590;
 Căn tính của con người phải được làm phong phú, 1880;
 Căn tính của Hội Thánh, 865;
 Căn tính của những người được tuyển chọn, 1025;
 Đón nhận căn tính riêng về tính dục, 2333.

CẮT BÌ, SỰ (CIRCUMCISIO)

Sự cắt bì của Chúa Giêsu, 527;
 Giao Ước cũ và sự cắt bì, 1150.

CẦN THIẾT, SỰ / NHU CẦU (NECESSITAS), x. Sự túng thiếu;

- Các tín hữu hỗ trợ các nhu cầu vật chất của Hội Thánh, 2043;
- Sự cần thiết của bí tích Rửa Tội, 1256-61;
- Sự cần thiết của đức tin, 161;
- Sự cần thiết của Hội Thánh, 846;
- Sự cần thiết của việc cầu nguyện, 2638, 2744.
- Sự trợ giúp cho những ai có nhu cầu, 1351, 1883, 2440, 2444, 2447, 2829;

CẦU NGUYỆN, VIỆC (ORATIO), x. Kinh Lạy Cha, Các Thánh vịnh và Các Giờ kinh phụng vụ;

- Cầu nguyện hôm nay và hằng ngày, 2659-60;
- Chúa Giêsu lắng nghe lời cầu nguyện, 2616;
- Định nghĩa sự cầu nguyện, 2559;
- Khả năng cầu nguyện luôn được ban, 2743;
- Lời Kinh của Chúa, 2761, 2765;
- Những chu kỳ và thời gian cầu nguyện, 2698;
- Sự kiên trì cầu nguyện, 2742, 2582;
- Thiên Chúa kêu gọi cầu nguyện, 2567;
- Thiên Chúa lắng nghe lời cầu nguyện của chúng ta, 1127, 2737;
- Việc cầu nguyện của Đức Maria, 2617-19, 2622;
- Việc cầu nguyện của Hội Thánh, 276, 2623-25;
- Việc cầu nguyện cùng với Đức Maria, 2673-79, 2682;
- Việc cầu nguyện hữu hiệu, 2738-41;
- Việc cầu nguyện như một nhu cầu sống động, 2744;
- Việc cầu nguyện và sự tìm kiếm Thiên Chúa, 2566;
- Việc cầu nguyện với Chúa Cha, 2664, 2680, 2779-85, 2792;
- Việc cầu nguyện với Chúa Giêsu, 2616, 2664-69;
- Việc cầu nguyện với Chúa Thánh Thần, 2670-72;
- Việc cầu nguyện với Đức Maria, 971.

Những trợ giúp cho việc cầu nguyện, 2041, 2695;

- Các thánh như những chứng nhân về tu đức, 2683-84;
- Cộng đoàn cầu nguyện, x. *Cộng đoàn cầu nguyện*;
- Gia đình Kitô giáo, 2205, 2685;
- Những người dạy, 2252, 2686, 2688-89, 2694;
- Những nơi thích hợp để cầu nguyện, 2691;
- Việc dạy giáo lý, 2688;
- Việc linh hướng, 2690.

Những khó khăn trong việc cầu nguyện, 2731, 2735-37, 2754;

- Các cám dỗ, 2732-33, 2755;
- Cuộc chiến đấu của việc cầu nguyện, 2725;
- Những chia trí, 2729;

Những thất bại trong việc cầu nguyện, 2728;
 Những trở ngại cho việc cầu nguyện, 2726-27;
 Việc cầu nguyện không được lắng nghe, 2737.

Những cách diễn đạt và những hình thức của việc cầu nguyện,
 2644, 2663, 2684;

Các Giờ kinh phụng vụ, 1174-78;
 Cầu nguyện trong mọi hoàn cảnh, 2633;
 Đời sống cầu nguyện, 2697-99;
 Kinh nguyện Thánh Thể, 1352;
 Kinh tiền tụng, 1352;
 Kinh tưởng niệm, 1354;
 Lời kinh ca ngợi, 2639-43, 2649;
 Lời kinh chúc tụng, 2626-27;
 Lời kinh chuyển cầu, 2634-36, 2647;
 Lời kinh tạ ơn, 2637-38, 2648;
 Lời rên siết, 2630;
 Sự khẩn cầu: xin, nài xin, nài nỉ, kêu cầu, kêu xin, chiến đấu trong
 việc cầu nguyện, 2629-33, 2646;
 Sự suy niệm, 2705-08, 2723;
 Sự tôn thờ, 2096-97, 2628;
 Việc cầu nguyện chiêm niệm, 2709-19, 2724.

Chúa Giêsu dạy cầu nguyện, 2601, 2603-04, 2607;

Cầu nguyện để làm theo ý Chúa Cha, 2611;
 Cầu nguyện với đức tin và lòng tin tưởng, 2609-10;
 Cầu xin nhân danh Chúa Giêsu, 2614;
 Cầu xin với sự bạo dạn của người con, 2610;
 Chúa Giêsu dạy cầu nguyện bằng việc Người cầu nguyện, 2607;
 Chúa Giêsu nhấn mạnh việc hối cải của tâm hồn, 2608;
 Chúa Giêsu như mẫu mực của việc cầu nguyện, 520, 2601;
 Tinh thức cầu nguyện, 2612.

CÁC DỤ NGÔN VỀ VIỆC CẦU NGUYỆN

Bà goá quấy rầy, 2613;
 Người bạn quấy rầy, 2613;
 Người Pharisêu và người thu thuế, 2613.

Các ý hướng khẩn cầu và chuyển cầu

Cầu xin cho các bệnh nhân, 1499, 1510;
 Cầu xin cho công cuộc đại kết, 821;
 Cầu xin cho cuộc Ngự đến của Nước Thiên Chúa, 2816;
 Cầu xin cho những người đã qua đời, 958, 1032;
 Cầu xin Chúa Thánh Thần, 2671;
 Cầu xin được giải thoát khỏi sự dữ, 2850-54;

Cầu xin lương thực hằng ngày, 2828-37;

Cầu xin ơn tha thứ, 2631, 2838-41.

Việc cầu nguyện của Hội Thánh

Cầu nguyện nhân danh Chúa Giêsu, 2664, 2668, 2671, 2815;

Cộng đoàn đầu tiên ở Giêrusalem, 2424-25.

Kinh nguyện phụng vụ, 1073, 2655;

Mọi người đồng tâm nhất trí kiên trì cầu nguyện trong ngày lễ Ngũ Tuần, 2623;

“Nhờ Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng con”, 435;

Việc cầu nguyện đi đôi với việc đọc Thánh Kinh, 2653-54;

Việc cầu nguyện trực tiếp với Chúa Giêsu, 2665-69, 2680.

Việc cầu nguyện và đời sống Kitô hữu, 2564-65;

Danh Chúa Giêsu trong tâm điểm của việc cầu nguyện Kitô giáo, 435, 2664;

Việc cầu nguyện Kitô giáo được ghi dấu bằng tước hiệu “Chúa”, 451;

Việc cầu nguyện trong đời sống thánh hiến, 2687;

Việc cầu nguyện trong đời sống hằng ngày, 2659-60;

Tương quan con thảo với Thiên Chúa trong việc cầu nguyện Kitô giáo, 2525, 2786-88;

Ý nghĩa của từ Amen, 1061-65;

Truyền thống cầu nguyện Kitô giáo, 2650-51.

Việc cầu nguyện của Chúa Giêsu

Chúa Giêsu cầu nguyện với Chúa Cha, 2599;

Chúa Giêsu học cầu nguyện nơi Đức Maria, 2599;

Hành động của Chúa Thánh Thần trong việc cầu nguyện của Chúa Giêsu, 2600;

Việc cầu nguyện của Chúa Giêsu trong đời sống, 2598-2606, 2620;

Việc cầu nguyện trong Giờ của Chúa Giêsu, 2746-51, 2758.

Việc cầu nguyện trong Chúa Thánh Thần, 2615;

Chúa Thánh Thần chuyển cầu cho chúng ta, 688, 741;

Chúa Thánh Thần như nguồn mạch của việc cầu nguyện, 2652;

Chúa Thánh Thần như Thầy dạy cầu nguyện, 2670, 2672.

Việc cầu nguyện trong Cựu Ước, 2658;

Công trình tạo dựng như nguồn mạch của việc cầu nguyện, 2569;

Việc cầu nguyện của các Thánh vịnh, 2585-89, 2596;

Việc cầu nguyện của các Tiên tri, 2581-84, 2595;

Việc cầu nguyện của ông Abraham, 2570;

Việc cầu nguyện của ông Môisen, 2574-77, 2593;

Việc cầu nguyện của vua David, 2578-80, 2594.

Các đặc điểm của tâm hồn cầu nguyện

Đức cậy, 1820;

Sự khiêm tốn như nền tảng của việc cầu nguyện, 2559;

Sự tin tưởng, 2734;

Sự tỉnh thức, 2730.

CÂY (ARBOR) cho biết điều thiện, điều ác, 396.

CHA MẸ (PARENTES), *x. Con cái và Gia đình*;

Các bổn phận của cha mẹ và tội ngoại tình, 2381;

Các bổn phận của con cái đối với cha mẹ, 2214-20;

Các bổn phận và các quyền của cha mẹ, 1520, 2221-31;

Cha mẹ có quyền lựa chọn trường học cho con cái, 2229;

Chúa Giêsu phục tùng cha mẹ Người, 531, 583;

Con cái như dấu chỉ của sự chúc lành của Thiên Chúa, 1652, 2373;

Điều răn về tình yêu đối với cha mẹ, 2197, 2199, 2200;

Đưa con phải được coi, không phải là món nợ, nhưng là một hồng ân cho cha mẹ, 2378;

Gia đình như môi trường tự nhiên của việc giáo dục con cái, 2224;

“Hãy tôn kính cha người và mẹ người”, 2196;

Những kỹ thuật không lương thiện của việc thụ thai nhân tạo, 2376;

Sự cộng tác và đối thoại giữa cha mẹ và con cái, 2230;

Sự giáo dục con cái trong đức tin, 1656, 2206, 2222, 2225-26;

Sự thánh hoá cha mẹ, 902;

Sự tôn trọng ơn gọi của con cái, 2232-33;

Tình phụ tử của Thiên Chúa và tình phụ tử của con người, 239, 2214;

Trách nhiệm của cha mẹ trong việc giáo dục con cái, 1653, 2221, 2223.

CHÂN LÝ (VERITAS), 2468, 2505;

“Làm chứng cho chân lý”, 2471-73, 2506;

Các nhà nước phải bị tố giác về việc xuyên tạc chân lý, 2499;

Các phương tiện truyền thông và chân lý, 2497, 2499, 1512;

Các sách được linh hứng dạy chân lý, 107, 110, 136

Chân lý giải thoát, 1741;

Chân lý mạc khải được hiểu biết và được lưu truyền, 91, 94;

Chân lý như con đường cứu độ, 851;

Chân lý trong các tương quan với tha nhân, 2464, 2469;

Chân lý vĩnh viễn được trao ban trong Tân Ước, 124;

Chân lý, vẻ đẹp và nghệ thuật thánh, 2500-03

Chỉ nơi Thiên Chúa, con người mới gặp được chân lý và vinh phúc, 27;

Chúa Giêsu “là Đường, là Sự thật và là Sự sống”, 2641,

Chúa Thánh Thần dẫn đưa tới chân lý, 243, 2625;
Con người tự bản tính hướng đến chân lý, 2467;
Định nghĩa chân lý, 2468, 2505;
Đức tin như sự chấp nhận chân lý, 150;
Huấn quyền của Hội Thánh trong việc phục vụ chân lý, 890;
Lời thề và chân lý, 2151, 2164;
Những xúc phạm đến chân lý, 2464, 2475-87, 2509;
Phẩm trật chân lý, 90, 234;
Quyền truyền thông chân lý, 2488-92, 2510;
Sống trong chân lý, 2465-70, 2504-05;
Sự coi thường và khước từ chân lý mạc khải, 2089;
Sự phục sinh của Chúa Giêsu như chân lý tối thượng của đức tin, 638;
Thiên Chúa như chân lý, 144, 214, 215-17, 2465;
Tìm kiếm chân lý, 1260, 1954, 1960, 2140;
Tín biểu như bản toát yếu những chân lý chủ yếu của đức tin, 188;
Tôn trọng chân lý, 2488-92, 2511.

CHÉN (CALIX)

Chén của Giao Ước Mới và của Thánh Thể, 612, 1334-35, 1339, 1365, 1396, 1412;
Chúa Giêsu và chén Chúa Cha ban cho Người, 607;
Ý nghĩa tôn giáo của việc chia sẻ một chén, 1148.

CHẾT, SỰ (MORS)

Án tử hình, 2267;
Các Kitô hữu trong trường hợp nguy tử, 1307, 1314, 1463, 1483, 1512;
Cái nhìn của Kitô giáo về sự chết được diễn tả trong phụng vụ, 1012;
Chết “với dấu chỉ của đức tin”, 1274;
Chết trong Đức Kitô Giêsu, 1005-14;
Chết trong tội trọng, 1033;
Điều kiện để từ cõi chết bước vào cõi sống, 1470;
Gây ra cái chết cho người khác, 2261, 2269, 2277, 2296;
Những người chịu chết vì đức tin, 1258;
Sự chết được Đức Kitô biến đổi, 1009;
Sự chết muôn đời trong hoả ngục, 1861;
Sự chết như hậu quả của tội, 1008;
Sự chết như một dịp để suy niệm, 1687;
Sự chết như sự kết thúc đời sống, 1007;
Sự chết theo Kitô giáo, 1010-14, 2299;
Sự chết và sự sống lại, 992, 996;
Sự tôn trọng thân thể những người đã qua đời, 2300;

“Vào lúc đời xế bóng, bạn sẽ bị xét xử về tình yêu”, 1022;
Việc chuẩn bị cho sự chết, 1014.

Những giải thích của Kitô giáo về sự chết

Dấu chỉ sự yếu đuối của con người, 2448;
Hậu quả của tội, 400-03, 1008;
Sự hoàn thành một cuộc hạ sinh mới, 1682;
Sự kết thúc đời sống trần thế, 1007;
Sự tham dự vào cái chết của Chúa, 1006;
Sự tiến vào đời sống vĩnh cửu, 1020;
Ý nghĩa tích cực của sự chết, 1010-14.

Sự chết của Chúa Giêsu, x. Đức Kitô: Sự chết;

Các đặc điểm của sự chết của Chúa Giêsu, 627;
Chúa Giêsu chấp nhận sự chết, 609, 612;
Đức Kitô xuống ngục tổ tông, 632-35;
Hiệu quả của sự chết của Chúa Giêsu, 1019;
Trách nhiệm về sự chết của Chúa Giêsu, 597;
Ý nghĩa của sự chết của Chúa Giêsu, 571, 599, 601, 605, 613-14, 624.

Sau khi chết

Cuộc phán xét riêng, 1021-22;
Cuộc phán xét sau cùng, 1038-41;
Hoả ngục, 1033-37, x. *Hoả ngục*;
Không có sự “luân hồi” (“reincarnatio”) sau khi chết, 1013;
Không còn có thể thống hối sau khi chết, 393;
Linh hồn và thân thể, 1005;
Ơn gọi tham dự vào sự sống của Chúa Ba Ngôi, 265;
Sống trên trời là “ở cùng Đức Kitô”, 1023-26;
Sự phục sinh của thân xác, 990, 996-97;
Sự thanh luyện cuối cùng hoặc luyện ngục, 1030-32, 1472;
Vận mệnh của linh hồn, 366;
Vận mệnh của những người công chính, 989, 1027-29.

CHẾT ÊM DỊU, CÁI (EUTHANASIA), x. Sự đau đớn.

Cái chết êm dịu như không thể chấp nhận được về mặt luân lý, 2277;
Sự phân biệt giữa cái chết êm dịu và sự khước từ “việc trị liệu khắc nghiệt”, 2278;
Tính nghiêm trọng của cái chết êm dịu có chủ ý, 2324;
Ý nghĩa của cái chết êm dịu, 2277.

CHIA RẼ, NHỮNG SỰ (DIVISIONES)

Các hậu quả của những sự chia rẽ của các Kitô hữu, 855;

- Kinh Lạy Cha như gia sản chung không bị cản trở bởi những sự chia rẽ, 2791-92;
Lý do của những sự chia rẽ của các Kitô hữu, 821;
Những sự chia rẽ của các môn đệ, 1336;
Những sự chia rẽ của các nhà cầm quyền Giêrusalem liên quan đến Chúa Giêsu, 595-96;
Những sự chia rẽ nhân loại bị chiến thắng bởi sự hợp nhất của Nhiệm Thể, 791, 866.

CHÌA KHOÁ NƯỚC [TRỜI] (CLAVES REGNI), 551-553;

- Các tội lỗi, sự tha thứ và chìa khoá Nước [Trời], 979, 981, 1444;
Ông Phêrô và chìa khoá Nước [Trời], 553, 567, 881, 936, 1444;
Quyền chìa khoá Nước [Trời], 981-83.

CHIÊM NGẮM / CHIÊM NIỆM, SỰ (CONTEMPLATIO)

- Bí tích Thánh Thể và sự chiêm ngắm, 1380;
Cầu nguyện và chiêm niệm, 2651, 2687;
Hội Thánh và sự chiêm niệm, 771;
Sự chiêm ngắm ảnh tượng các thánh, 1162;
Việc con người chiêm ngắm Chúa Giêsu, 2715;
Việc con người chiêm ngắm Thiên Chúa, 1028.

CHIẾN ĐẤU, CUỘC (DIMICATIO)

- Bản tính nhân loại và cuộc chiến đấu thiêng liêng, 2516;
Bí tích Rửa Tội, sự tha tội và cuộc chiến đấu chống sự dữ, 978-79, 1264;
Cầu nguyện như một cuộc chiến đấu, 2612, 2725-51, 2846, 2849;
Cuộc chiến đấu chống sự dữ, 409-10;
Đời sống con người như một cuộc chiến đấu, 409, 1707;
Đức tin và cuộc chiến đấu, 162, 2573;
Những hậu quả do nguyên tội và cuộc chiến đấu thiêng liêng, 405, 407-09;
Sự hối cải và cuộc chiến đấu, 1426;
Sự thánh thiện Kitô giáo và cuộc chiến đấu thiêng liêng, 2015;
Sự trong sạch và cuộc chiến đấu để đạt tới điều đó, 2520-27;
Xác thịt, tinh thần và cuộc chiến đấu, 2516, 2819, 2846.

CHIẾN THẮNG, SỰ (VICTORIA)

- Sự chiến thắng của Chúa Giêsu trên Satan, 539, 2853;
Sự chiến thắng của Đức Kitô trên tội lỗi và sự chết, 411, 420, 654, 1505;
Sự chiến thắng của Hội Thánh trên các quyền lực của sự chết, 552;
Sự chiến thắng của Thiên Chúa trên sự dữ lúc kết thúc trần gian, 677.

CHIẾN TRANH (BELLUM)

Bốn phạm phải tránh chiến tranh, 2307-08;

Chiến tranh chính đáng, 2309;

Cuộc chạy đua vũ khí, 2315;

Luật luân lý vẫn trường tồn trong khoảng thời gian chiến tranh, 2312-13;

Nghĩa vụ phải chống lại các mệnh lệnh bất công, 2313;

Những sự bất công và những sự bất bình đẳng về kinh tế và xã hội như những nguyên do của chiến tranh, 2317;

Vắng bóng chiến tranh và hoà bình, 2304;

Vũ khí, 2314, 2316.

CHIM BỒ CÂU (COLUMBA)

Ý nghĩa của chim bồ câu, 701;

Chúa Thánh Thần, Phép Rửa của Chúa Giêsu và chim bồ câu, 535.

CHÍNH THỐNG GIÁO (ORTHODOXIA),

x. Các Giáo Hội Chính Thống.

CHÍNH TRỊ (POLITICUS)

Các Kitô hữu giáo dân can thiệp vào cơ cấu chính trị, 899, 2442;

Các quyền con người và các chính quyền, 2273;

Các thể chế chính trị và công ích, 1901-04, 2237;

Cộng đồng chính trị và Hội Thánh, 2244-46;

Hành động chống lại sự áp bức của chính quyền, 2243;

Phán đoán luân lý của Hội Thánh về các vấn đề liên quan đến lãnh vực chính trị, 2246;

Quyền bính chính trị được trải rộng trong các giới hạn, 1923;

Sự khống chế dư luận về chính trị, 2499;

Sự phân biệt giữa việc phục vụ Thiên Chúa với việc phục vụ cộng đồng chính trị, 2242;

Việc cầu nguyện cho chính quyền, 1900.

CHỌN LỰA, (NHỮNG) SỰ (ELECTIO/NES)

Ân sủng của bí tích Rửa Tội như ân sủng của sự chọn lựa, 1308;

Chọn lựa theo lương tâm, 1777, 1786-89, 1799;

Đối tượng của sự chọn lựa và tính luân lý của các hành vi, 1755;

Hoả ngục như sự chọn lựa tự do, 1033;

Israel, dân được chọn, 60, 762;

Sự chọn lựa triệt để Chúa Giêsu đòi hỏi nơi mỗi người, 546;

Sự tự do chọn lựa của con người, 311, 1470;

Vinh phúc và những chọn lựa dứt khoát về luân lý, 1723.

CHỐNG TƯỢNG THAI, SỰ (CONTRACONCEPTIO)

Tình yêu của đôi phối ngẫu, tâm trí mở ngõ cho sự sống và sự ngăn cản việc tượng thai, 2370;

Việc điều hoà sinh sản và sự chống tượng thai, 2399.

CHÚ GIẢI, SỰ (EXEGESIS)

Nhiệm vụ của các nhà chú giải, 119;

Sự chú giải và việc giải thích đúng đắn Thánh Kinh, 116.

CHỦ NGHĨA BẤT KHẢ TRI (AGNOSTICISMUS), 2127, 2128.

CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN (INDIVIDUALISMUS), 2425, 2792.

CHỦ NGHĨA DUY VẬT (MATERIALISMUS), 285, 2124.

CHỦ NGHĨA MESSIA (MESSIANISMUS)

Chủ nghĩa Messia giả hiệu, 675;

Thuyết ngàn năm, 676.

CHỦ NGHĨA TƯ BẢN (CAPITALISMUS), x. *Giáo huấn xã hội của Hội Thánh và Đức công bằng*;

Phán đoán của Hội Thánh về một số vấn đề của chủ nghĩa Tư bản, 2425

CHỦ NGHĨA VÔ THẦN (ATHEISMUS)

Các hình thức và ý nghĩa của chủ nghĩa vô thần, 2123-24;

Các lý do của chủ nghĩa vô thần, 2126, 2424;

Chủ nghĩa bất khả tri và chủ nghĩa vô thần, 2128;

Tội vô thần, 2125, 2140.

CHỦ SỰ (PRAESIDERE)

Các phó tế chủ sự lễ nghi an táng, 1570;

Đức Kitô chủ sự mọi cử hành phụng vụ, 1348;

Ghế của vị chủ sự cộng đoàn, 1184;

Giám mục chủ sự Giáo hội địa phương, 1369;

Giáo dân có thể chủ sự các chức lành, 1669;

Giáo dân có thể chủ sự các kinh nguyện phụng vụ, 903;

Thừa tác vụ chủ sự bí tích Thánh Thể của Giám mục và của các tư tế, 1142, 1411.

CHÚA (DOMINUS), 446-51, x. *Đức Kitô và Thiên Chúa*.

CHÚA (KYRIOS), 209, 446.

CHÚA BA NGÔI (TRINITAS), x. *Thiên Chúa Cha, Chúa Con-Ngôi Lời, Chúa Thánh Thần*;

Chúa Ba Ngôi như mẫu nhiệm trung tâm của đức tin, 232, 234, 237, 261;

Gia đình như hình ảnh của sự hiệp thông Ba Ngôi, 2205;

Ngôi hoặc Ngôi Vị, 252;

Nhiệm cục thần linh như công trình chung của Chúa Ba Ngôi, 257-60;

Phụng vụ như công trình của Chúa Ba Ngôi, 1077-1109;

Sự duy nhất của Chúa Ba Ngôi và sự duy nhất của Hội Thánh, 813.
 Sự hiện diện của Chúa Ba Ngôi nơi con người, 260;
 “Sự sống nội tại” (“Theologia”) và “Sự mặc khải và truyền thông”
 (“Oeconomia”), 236;
 Thiên Chúa nhất thể tam vị, 202;
 “Và Đức Chúa Con” (“Filioque”), 246-48, 264.
 Việc cầu nguyện như sự hiệp thông với Chúa Ba Ngôi, 2655;
 Ý niệm về bản thể, 252.

Sự diễn tả về Chúa Ba Ngôi

Trong bí tích Rửa Tội, 233, 265;
 Trong phụng vụ, 249, 1066;
 Trong sự công bố tín điều, 251.

Các Ngôi Vị thần linh, 252;

Các Ngôi Vị đồng bản thể, 242, 253;
 Các Ngôi Vị phân biệt với nhau, 254, 267;
 Trong sự duy nhất, 255, 689.

Mặc khải về Thiên Chúa Ba Ngôi

Mặc khải về Chúa Ba Ngôi, 244, 648, 732;
 Mặc khải về Chúa Cha, 238, 240;
 Mặc khải về Chúa Con, 240, 242;
 Mặc khải về Chúa Thánh Thần, 243-48.

CHÚA CHA, THIÊN CHÚA (PATER, DEUS), 232-60;

Chúa Cha, Ngôi Thứ Nhất trong Ba Ngôi, 198;
 Ý nghĩa việc kêu cầu Thiên Chúa như Cha, 238-39.

Các hành động của Chúa Cha

Các hành động của Chúa Cha đối với Chúa Con là Chúa Giêsu, 648;
 Các hành động của Chúa Cha đối với người ta, 219, 443, 845, 1050,
 1153, 2466, 2714;
 Ba Ngôi và Chúa Cha, 253-55, 258;
 Chúa Cha như nguồn mạch và mục đích của phụng vụ, 1077-83;
 Cuộc đối thoại giữa Chúa Cha và người ta, 104;
 Đức Kitô, Ngôi Lời của Thiên Chúa, 65;
 Kế hoạch của Chúa Cha, 759;
 Nguồn mạch và nguồn gốc của toàn bộ thần tính, 245-46, 248;
 Sự mặc khải về Chúa Cha, 79, 516;
 Sự quan phòng và tình yêu của Chúa Cha đối với tất cả mọi người,
 17, 305;
 Thiên Chúa là Cha hay thương xót, 1439, 1449;
 Thiên Chúa, Cha chung của tất cả mọi người, 172, 239-40;
 Tiếng kêu “Abba, Cha ơi”, 742, 2777;

Tương quan giữa Chúa Cha và Chúa Giêsu Kitô, 151, 242, 454, 465, 467, 473, 482, 503, 532, 536, 590, 859, 1224;

Tương quan giữa Chúa Thánh Thần và Chúa Cha, 689, 703, 729;

Ý của Chúa Cha, 541.

Các hành động của con người đối với Chúa Cha

Các kinh nguyện phải được dâng lên Chúa Cha, 434, 1109, 1352-53, 2605;

Cầu nguyện với Chúa Cha, 1695, 2564, 2601, 2610, 2613, 2664, 2735-36, 2742, x. *Kinh Lạy Cha*;

Làm theo ý Chúa Cha, 2603, 2611;

Loại người đến với Chúa Cha, 51, 683, 1204;

Việc tạ ơn và ca ngợi Chúa Cha, 1359-61.

CHÚA GIÊSU (IESUS), x. Đức Kitô.

CHÚA THÁNH THẦN (SPIRITUS SANCTUS)

Ân sủng của Chúa Thánh Thần và sự công chính hoá, 1987-95, 2003;

Ba Ngôi và Chúa Thánh Thần, 253-55, 263;

Các mục đích của sứ vụ của Chúa Thánh Thần, 1108;

Cầu nguyện với Chúa Thánh Thần, và phù hợp với Chúa Thánh Thần, 2736, 2756;

Chúa Thánh Thần đồng bản thể với Chúa Cha và Chúa Con, 685, 689;

Chúa Thánh Thần trong kinh Tin Kính, 190;

Con người như đền thờ của Chúa Thánh Thần, 364, 782, 2519;

Con người tham dự vào ánh sáng và sức mạnh của Chúa Thánh Thần, 1704;

Khẩn cầu sự tuôn đổ Chúa Thánh Thần, 1083, 1196. 1299, 1353, 2670-72;

Khởi đầu đời sống trong Chúa Thánh Thần, 1231;

Kitô hữu được xức dầu bằng Chúa Thánh Thần, 1241;

Kitô hữu như đền thờ của Chúa Thánh Thần, 1197, 1265;

Luật mới của Chúa Thánh Thần, 782;

Những ước muốn của Chúa Thánh Thần làm cho trái tim no thoả, chống lại những ước muốn của xác thịt, 2541-43;

Quyền năng của Thần Khí thánh thiện được nhận biết trong các cuộc phong thánh, 828;

Sự canh tân của Chúa Thánh Thần, 1215;

Sự hiện diện và hành động của Chúa Thánh Thần trong các tài năng của con người, 1813;

Sự Mạc Khải của Chúa Thánh Thần, 243-45, 683, 686-87;

Tội nói phạm thượng đến Chúa Thánh Thần, 1864;

Ý nghĩa của ý niệm Thần Khí, 691.

Các danh hiệu của Chúa Thánh Thần

Các danh hiệu theo thánh Phaolô, 693;
 Đáng An Ủi, 1433;
 Đáng ban sự sống, 291;
 Đáng Bào Chữa, 692;
 Nguồn mạch sự tốt lành, 291;
 Thần chân lý, 692, 1848, 2466;
 Thần Khí Sáng Tạo, 291.

Các hồng ân của Chúa Thánh Thần, 1830-30;

Ân sủng của sự thống hối và hối cải, 1433;
 Ân sủng, 2003;
 Bảy hồng ân của Chúa Thánh Thần, 1831, 1845;
 Các hồng ân trong bí tích Hôn Phối, 1624;
 Các hồng ân trong bí tích Thêm Sức, 1289, 1303;
 Các hồng ân trong bí tích Truyền Chức Thánh, 1538, 1585-89;
 Các hồng ân trong bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân, 1520;
 Các hồng ân trong quyền tha tội, 976;
 Các hồng ân trong sự thánh hiến Giám mục, 1556, 1558;
 Các đặc sủng, 799, 951;
 Các hoa trái của Chúa Thánh Thần, 736, 1832;
 Đặc sủng chữa lành, 1508;
 Đức mến như hoa trái của Chúa Thánh Thần và của sự viên mãn
 Lễ Luật, 1824;
 Sự cần thiết phải lãnh nhận các hồng ân của Chúa Thánh Thần,
 1310;
 Sự khiết tịnh, 2345;
 Sự khôn ngoan, đức tin và sự phân định, 2690;
 Sự kính sợ Thiên Chúa, 2217;
 Tình yêu, 733, 735, 2712.

Lời hứa tiên tri của Thần Khí

Từ lúc khởi đầu, 702;
 Trong công trình tạo dựng, 703-04;
 Lời hứa được ban cho tổ phụ Abraham, 705-06;
 Trong các cuộc thần hiện, 707-08;
 Trong đất nước và trong cuộc lưu đày, 709-10;
 Sự mong đợi Đấng Messia và Thần Khí của Người, 711-16;
 Lúc thời gian viên mãn, 717-30;
 Nơi ông Gioan Tẩy giả, 717-20;
 Nơi Đức Maria, 721-26;
 Nơi Chúa Giêsu Kitô, 727-30;
 Trong ngày lễ Ngũ Tuần, 731-32.

Chúa Thánh Thần và Đức Kitô

- Chúa Thánh Thần chuẩn bị để đón nhận Đức Kitô, 1093-98, 1113;
Chúa Thánh Thần mạc khải Chúa Cha và Chúa Con, 243-48, 687;
Chúa Thánh Thần mạc khải Chúa Giêsu Kitô, 152, 683, 687, 689, 702, 727-30, 1092, 1112;
Chúa Thánh Thần nhắc nhớ mầu nhiệm của Đức Kitô, 1099-1107;
Chúa Thánh Thần như hồng ân của Đức Kitô, 729, 1287;
Chúa Thánh Thần trong cuộc Phục Sinh, 648;
Chúa Thánh Thần trong kinh nguyện của Đức Kitô, 2600;
Chúa Thánh Thần trong sự hiệp thông với Đức Kitô, 1286;
Chúa Thánh Thần trong thừa tác vụ của Đức Kitô, 535, 555;
Chúa Thánh Thần và mầu nhiệm của Đức Kitô, 1099, 1104-07;
Sứ vụ phối hợp của Chúa Con và Chúa Thánh Thần, 485, 680, 690, 727;
Tương quan giữa Chúa Thánh Thần và Chúa Giêsu, 739, 747, 797, 1108.

Chúa Thánh Thần và Hội Thánh, 738-41;

- Các công việc của Chúa Thánh Thần trong sách Công Vụ Các Tông Đồ, 2640;
Chúa Thánh Thần ban các hồng ân về phẩm trật và về đặc sủng, 768;
Chúa Thánh Thần biến đổi bánh và rượu, 1333;
Chúa Thánh Thần được ban cho các Tông Đồ và cho sự kế nhiệm tông truyền, 1087;
Chúa Thánh Thần hướng dẫn Hội Thánh trên các con đường sứ vụ, 852;
Chúa Thánh Thần làm những phần đầu tiên của toàn bộ sứ vụ của Hội Thánh, 852;
Chúa Thánh Thần như nguồn mạch sự sống và sự thánh thiện của Hội Thánh, 749, 767-68, 867;
Chúa Thánh Thần tuyển chọn những thừa tác viên thích hợp, 1142;
Chúa Thánh Thần xây dựng và thánh hoá Hội Thánh, 747;
Hành động của Chúa Thánh Thần trong các bí tích, 1116, 1127-29, 1152, 1155, 1227, 1316;
Hội Thánh như đền thờ của Chúa Thánh Thần, 797-801;
Luật mới và luật Tin Mừng như ân sủng của Chúa Thánh Thần, 1965-66;
“Ở đâu có Hội Thánh, ở đó có Thần Khí của Thiên Chúa” và ngược lại, 797;
Sự hiệp thông của Chúa Thánh Thần trong phụng vụ, 1108-09;
Sự tuân thủ Chúa Thánh Thần trong bí tích Thêm Sức, 1302, 1316.

Chúa Thánh Thần và Đức Maria

Chúa Thánh Thần như tác giả của cuộc Nhập Thể của Ngôi Lời trong Đức Maria, 456, 484-86;

Đức Maria được chuẩn bị bởi Chúa Thánh Thần, 493, 721-22.

Chúa Thánh Thần trong Nhiệm vụ cứu độ

Chúa Thánh Thần chuyển cầu cho con người, 2634;

Chúa Thánh Thần công chính hoá các tội lỗi, 1987;

Chúa Thánh Thần dẫn những người tin vào chân lý, 79;

Chúa Thánh Thần giải thích Thánh Kinh, 109-19, 137;

Chúa Thánh Thần gìn giữ và ban sinh khí cho công trình tạo dựng, 291, 703;

Chúa Thánh Thần hành động trong Nhiệm vụ cứu độ, 685;

Chúa Thánh Thần hướng dẫn các tín hữu, 79, 91, 737, 1697, 1742;

Chúa Thánh Thần hướng dẫn đời sống cầu nguyện, 2623, 2644, 2803;

Chúa Thánh Thần làm tâm hồn con người hối cải, 1989;

Chúa Thánh Thần linh hứng và lưu truyền Mạc Khải, 76, 81, 105;

Chúa Thánh Thần như nguồn mạch mọi sự thánh thiện, 749;

Chúa Thánh Thần như tác giả chính của Thánh Kinh, 137, 304;

Chúa Thánh Thần như Thầy dạy cầu nguyện, 741, 2625, 2630, 2650, 2670, 2681, 2711, 2726, 2766;

Chúa Thánh Thần phục hồi cho con người sự giống như Thiên Chúa, 720, 734;

Chúa Thánh Thần rộng ban các hồng ân cho mọi người, 2003;

Chúa Thánh Thần soi sáng, củng cố và canh tân Kitô hữu, 1695, 1769;

Chúa Thánh Thần tập họp các Kitô hữu trong sự hợp nhất, 738;

Chúa Thánh Thần trợ giúp và nâng đỡ đức tin, 94, 152, 158, 175, 683-84;

Chúa Thánh Thần tuôn đổ trong những thời buổi cuối cùng, 2819.

Các biểu tượng của Chúa Thánh Thần

Ánh sáng, 697;

Bàn tay, 699;

Chim bồ câu, 535, 701;

Dấu ấn, 698, 1295-96;

Lửa, 696;

Mây, 555, 697;

Ngón tay Thiên Chúa, 700;

Nước, 694, 1137, 2652;

Sự xúc dầu, 695.

CHUẨN BỊ, SỰ (PRAEPARATIO) để lãnh nhận các bí tích, *x. mỗi bí tích.*

CHUẨN MỤC (NORMA), x. Quy luật và Luật luân lý;

- Bài giảng trên núi như bản toát yếu các chuẩn mục luân lý, 1966;
- Các chuẩn mục của đời sống gia đình, 2223;
- Các chuẩn mục luân lý do Thiên Chúa thiết lập, 396;
- Các chuẩn mục luân lý luôn có hiệu lực, 1789, 1958;
- Đức Kitô như chuẩn mục của Luật mới, 459;
- Nguồn gốc các chuẩn mục để hành động, 1950, 1955, 1959;
- Phù hợp với các chuẩn mục luân lý, 1794;
- Sự khôn ngoan như chuẩn mục đúng đắn để hành động, 1806;
- Thiên Chúa như chuẩn mục của mọi chân lý, 2151.

CHỨC LÀNH, SỰ (BENEDICTIO)

- Bí tích Thánh Thể và sự chúc lành, 1328, 1360, 1402;
- Các gia đình đông con và sự chúc lành của Thiên Chúa, 2373;
- Các hình thức chúc lành, 2627;
- Cái chết như sự chúc lành, 1009;
- Cầu nguyện và sự chúc lành, 2589, 2767, 2781, 2803;
- Chúa Cha chúc lành cho Đức Maria một cách độc nhất vô nhị, 492, 2676;
- Những người được rửa tội xét như những người được gọi đến hưởng sự chúc lành, 1669;
- Sự chúc lành cho bánh và rượu, 1000, 1334-35, 1347, 1353, 1412;
- Sự chúc lành cho bữa ăn, 2834;
- Sự chúc lành của Hội Thánh, 1082, 1217, 1245, 1624, 1630, 1671-72;
- Sự chúc lành của Thiên Chúa, 1077-82, 1110, 2627, 2644;
- Ý nghĩa của sự chúc lành, 1078, 2626, 2645.

CHUNG THUYẾT PHỤ PHỤ, SỰ (FIDELITAS CONIUGALIS), 1646-51, 2364-65;

- Hồng ân của Chúa Thánh Thần, 1624;
- Đòi hỏi sự chung thủy phụ phụ, 1643-44, 1646, 2363;
- Lời chứng của sự chung thủy phụ phụ, 1611, 2223;
- Những động lực của sự chung thủy phụ phụ, 1647-48;
- Sự ly dị và sự trung thành, của người phối ngẫu bị bỏ rơi, với bí tích Hôn Phối, 2386;
- Sự ly thân và sự chung thủy phụ phụ, 1649;
- Sự sống chung ngoài hôn nhân và sự chung thủy phụ phụ, 2390;
- Ý nghĩa của sự chung thủy phụ phụ, 2365.

CHỦNG TỘC (STIRPS)

- Sự kỳ thị chủng tộc, 1935;

Thờ “ngẫu tượng là chủng tộc”, 2113.

CHUYỂN CẦU, SỰ (INTERCESSIO)

Lời kinh chuyển cầu, 1096, 1354, 1509, 2634-36, 2734, 2770;
 Sự chuyển cầu của các thánh, 956, 1434, 2156, 2683;
 Sự chuyển cầu của các thiên thần, 336;
 Sự chuyển cầu của các tu sĩ, 2687;
 Sự chuyển cầu của Đức Kitô, 739, 1341, 1361, 1368, 1370, 2606;
 Sự chuyển cầu của Đức Trinh Nữ Maria, 969, 1434, 2156, 2683;
 Sự chuyển cầu của Hội Thánh, 1678;
 Sự chuyển cầu của những người đã qua đời, 958;
 Sự chuyển cầu trong Cựu Ước, 210, 2574, 2577-78, 2584.

CHỮA LÀNH, SỰ (SANATIO)

Các bí tích chữa lành, x. *bí tích Thống Hối và Giao Hoà, bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân*;
 Đặc sủng chữa lành, 1508;
 Dầu được thánh hiến như dấu chỉ của sự chữa lành, 1293;
 Những can thiệp của y khoa và khoa học để chữa lành con người, 2274-75, 2292;
 Thiên Chúa thực hiện sự chữa lành thiêng liêng, 739, 798, 1210, 1484, 1502.

CON, CON CÁI (FILIIUS/II), x. Sự giáo dục, Gia đình, Cha mẹ, Hôn nhân.

Các bổn phận của cha mẹ đối với con cái, 2221-31;
 Các bổn phận của con cái, 2197, 2199, 2200, 2214-20;
 Cội nguồn các quyền và các bổn phận đối với con cái, 1631;
 Con cái như hồng ân quý giá nhất của tình yêu phụ phụ, 1664, 2373-79;
 Con cái như kết quả của tình yêu phụ phụ, 2366;
 Con cái như mục đích của Hôn nhân và của đời sống phụ phụ, 1652, 2201;
 Những đòi hỏi vì lợi ích của con cái, 1646, 2381;
 Sự điều hoà sinh sản, 2368;
 Sự giáo dục con cái, x. *Sự giáo dục*;
 Sự ly dị của cha mẹ và sự thiệt hại cho con cái, 2385;
 Sự sống phải được lưu truyền cho con cái, 372;
 Sự tôn trọng ơn gọi của con cái, 2232-33;
 Sự tự do sinh sản con cái, 2211;
 Việc nhận nuôi con cái bị bỏ rơi, 2379.

CON CÁI THIÊN CHÚA (FILII DEI)

Các bí tích như sự gặp gỡ của con cái Thiên Chúa với Chúa Cha, 1153;

Các dưỡng tử của Thiên Chúa, 1, 52, 270, 294, 422, 654, 1709, 2009;
Các hành động của Thiên Chúa đối với con cái của Ngài, 104, 239, 305;
Con cái Thiên Chúa được tái sinh trong các bí tích, 1213, 1243, 1250, 1692;
Hội Thánh, Mẹ và nhà của con cái Thiên Chúa, 808, 1186;
Những trợ giúp để sống cuộc đời làm con cái Thiên Chúa, 736, 1568, 1813, 1831, 1996, 2157, 2650, 2766;
Phẩm giá của con cái Thiên Chúa, 2736;
Sự bạo dạn với tình con thảo trong việc cầu nguyện, 2610, 2777;
Sự hiện diện của Chúa Thánh Thần trong con cái Thiên Chúa, 742, 2639;
Sự hối cải đầy tình con thảo về với Chúa Cha, 2608;
Sự liên kết và sự hợp nhất của con cái Thiên Chúa, 706, 831, 845, 855, 959, 1097, 1108;
Sự phó thác đầy tình con thảo của con cái Thiên Chúa, 305, 2830;
Việc cầu nguyện của con cái Thiên Chúa, 2565, 2673, 2712, 2766.

CON CHIÊN (AGNUS)

Các chứng nhân và vinh quang của Con Chiên, 2642.
Đức Kitô, Con Chiên, 523, 536, 602, 608, 613, 719, 1364;
Hội Thánh, hiền thê của Con Chiên, 757, 796;
Ông Abraham và Con Chiên toàn thiêu, 2572;
Sách Khải Huyền và Con Chiên, 1137, 2159;
“Tiệc cưới Con Chiên”, 1329, 1602, 1612, 1642, 2618.

CON ĐƯỜNG (NHỮNG) (VIA/AE)

Chúa Giêsu như Con đường, 459, 846, 2664, 2676;
Dụ ngôn Tin Mừng về hai con đường, 1696;
Con đường của Đức Kitô, 1696-97;
Con đường của kế hoạch của Thiên Chúa, 778;
Đường thánh giá, 1674, 2669;
Những con đường truyền giáo, 852;7
Những đường lối của sự quan phòng, 314;
Những con đường của Nước [Thiên Chúa], 1967.

CON NGƯỜI (HOMO)

Con người chỉ hạnh phúc trong Thiên Chúa, 1057;
Con người lệ thuộc Đấng Tạo Hoá, 396;
“Con người mới”, 1473, 2475;
Con người như chủ thể luân lý, 1749;
Con người như tác giả, trung tâm và mục tiêu của đời sống kinh tế và xã hội, 2459;
Con người sau khi sa ngã không bị Thiên Chúa bỏ mặc, 410;
Con người trong vườn địa đàng, 374-79;

Mẫu nhiệm của con người được sáng tỏ trong mẫu nhiệm của Ngôi Lời, 359;
 Mục đích tối hậu của con người, 260, 356, 1024;
 Người nam và người nữ, 369, 371-72, 383, 400, 1605-06;
 Tội lỗi như sự xúc phạm đến bản tính nhân loại, 1849.

Sự bình đẳng và sự khác biệt của người ta

Mọi người có cùng một bản tính, cùng một nguồn gốc và mục đích, 1934;
 Phẩm giá nhân loại như nền tảng của sự bình đẳng, 1935, 1945;
 Sự bất bình đẳng bất công, 1938;
 Sự khác biệt về khả năng, 1936-37.

Những hậu quả do tội lỗi của con người, 399-400;

Bản tính nhân loại bị tổn thương, 405;
 Con người bị thiệt hại bởi các công việc của Satan, 395;
 Con người dễ bị sai lầm và hướng chiều về sự dữ, 1714;
 Con người lạm dụng sự tự do và nguyên tội, 396-401;
 Con người mất đi sự giống như Thiên Chúa, 705;
 Cuộc chiến đấu giữa tinh thần và xác thịt, 2516;
 Mọi người bị liên lụy vì tội của ông Adam, 402-03;
 Sự chết đã đi vào trần gian, 1008;
 Sự hài hoà của công trình tạo dựng bị phá huỷ, 400;
 Sự hiện diện của tội ngay nơi các trẻ sơ sinh, 403;
 Sự tiêu huỷ sự hiệp thông nguyên thủy, 1607;
 Thân phận yếu đuối và bé nhỏ, 208, 396, 1500, 2448;
 Tội lỗi xâm nhập vào trần gian, 401;
 Vận mệnh chung của vũ trụ vật chất và của con người, 1046.

Phẩm giá nhân loại

Phẩm giá bị tổn thương do tội lỗi, 1487;
 Phẩm giá của việc cộng tác của các thụ tạo với Thiên Chúa, 306-08;
 Phẩm giá đòi phải hành động theo sự chọn lựa có ý thức và tự do, 2339;
 Phẩm giá được biểu lộ trong đời sống luân lý, 1706;
 Phẩm giá như nguồn mạch của các quyền của con người, 1930;
 Phẩm giá như nhau của người nam và người nữ, 2393;
 Quyền được thực thi sự tự do như một đòi hỏi không thể tách biệt khỏi phẩm giá, 1738;
 Sự hiệp thông với Thiên Chúa như nguyên do của phẩm giá, 27, 357, 1700.

Con người theo hình ảnh và giống như Thiên Chúa

Con người được tạo dựng theo hình ảnh của Thiên Chúa, 225, 356-61, 1702, 2713;

Con người theo hình ảnh và giống như Thiên Chúa trước và sau công trình Cứu Chuộc của Đức Kitô, 1701;
Sự phục hồi sự giống với Thiên Chúa, 705, 2809.

Con người tìm kiếm Thiên Chúa

Con người luôn tìm kiếm Thiên Chúa và thánh ý Ngài, 2566, 2826;
Con người tìm kiếm Thiên Chúa bằng lý trí, 36, 50;
Con người tìm kiếm Thiên Chúa trong Mạc Khải, 35, 50, 52;
Những con đường để tìm kiếm Thiên Chúa, 31, 34;
Sự khó khăn của việc nhận biết Thiên Chúa chỉ bằng ánh sáng của lý trí, 37;
Sự tìm kiếm Thiên Chúa bằng sức riêng của con người, 285;
Suốt dòng lịch sử, con người tìm kiếm Thiên Chúa bằng nhiều cách, 28, 31, 34, 285;
Thiên Chúa kêu gọi con người trước, 2567;
Thiên Chúa không ngừng kêu gọi con người, 30;
Thiên Chúa nói bằng ngôn ngữ nhân loại, 101, 109.

Con người và nhân loại

Nguồn gốc và mục đích chung của nhân loại, 842;
Sự cần đến nhau giữa mọi người, 361, 1947-48;
Sự duy nhất của nhân loại, 360.

Con người và ơn gọi, x. *Ơn gọi*;

Ơn gọi để làm thành dân mới của Thiên Chúa, 804, 831;
Ơn gọi đến đời sống trong Chúa Thánh Thần, 1699;
Ơn gọi đến đời sống vĩnh cửu, 1998;
Ơn gọi đến Hôn nhân, 1603;
Ơn gọi đến sự kết hợp với Đức Kitô, 521, 542;
Ơn gọi đến tình yêu, 1604;
Ơn gọi đến với Thiên Chúa như ơn gọi chung của tất cả mọi người, 1878;
Ơn gọi thần linh như ơn gọi tối hậu, 1260;
Ơn gọi tiến vào Nước [Thiên Chúa], 543.

Con người trong công trình tạo dựng

Các luật của công trình tạo dựng phải được con người tôn trọng, 346;
Con người là thụ tạo duy nhất xứng đáng nhận lấy luật từ Thiên Chúa, 1951;
Phẩm trật của các thụ tạo, 342;
Sự hài hoà nguyên thủy, 374-79, 384;
Sự lệ thuộc nhau của các thụ tạo theo ý Thiên Chúa, 340;
Sự tôn trọng của con người đối với các thụ tạo, 339;
Tầm quan trọng của con người trong công trình tạo dựng, 343, 355;

Thiên Chúa tạo dựng mọi sự vì con người, 358;
Trách nhiệm của con người đối với trần gian, 373.

Con người như thụ tạo

Con người có linh hồn và thân thể, 327, 355, 362-65, 383;
Con người được ban lý trí, 1704;
Con người được ban sự thông minh và ý chí tự do, 311, 396;
Con người được tạo dựng bởi tình yêu của Thiên Chúa, 1, 315, 1604;
Con người được tạo dựng có nam có nữ, 1605, 2203, 2331, 2334;
Con người được tạo dựng để nhận biết và yêu mến Thiên Chúa và để phục vụ Ngài, 358;
Con người được tạo dựng tốt lành, 374.

Các quyền của con người

Quyền chọn lựa trường học, 2229;
Quyền được hưởng thanh danh, 2479, 2507;
Quyền hành động một cách tự do và theo lương tâm, 1782;
Quyền tự do tôn giáo, 2106.

Những đặc điểm và cách hành động của con người

Con người được thúc đẩy để làm điều thiện hảo, 1706-07;
Con người đến với thiên nhiên để nhận biết Thiên Chúa, 32,46;
Con người được ban linh hồn thiêng liêng và bất tử, 1703;
Con người cần sự trợ giúp và ơn cứu độ thần linh, 1949, 2090;
Con người luôn chiến đấu với sự dữ, 409;
Con người ước muốn hạnh phúc, 1718;
Con người được ban sự tự do như dấu chỉ của hình ảnh thần linh, 1705, 1730;
Con người tự bản tính hướng đến chân lý, 2467;
Con người tự bản tính hướng về các nhân đức, 1803-04;
Con người được ban lý trí và ý chí để tìm kiếm và yêu mến chân lý và điều thiện hảo, 1704;
Con người như hữu thể có tôn giáo, 28, 44-45;
Con người cần đời sống xã hội, 1879-80;
Con người nghe tiếng lương tâm, 1706, 1713;
Những trọn hảo của con người phản ánh điều gì đó về sự trọn hảo vô biên của Thiên Chúa, 370;
Tính dục của con người, x. *Tính dục*.

Những tương quan giữa Thiên Chúa và con người

Chúa Giêsu, Đấng chuyển cầu duy nhất bên Thiên Chúa cho tất cả mọi người, 2634;
Con người từ chối Thiên Chúa, 29, 398, 1739;
Đức tin như sự đáp trả tự do của con người, 160, 307;
Đức tin như sự gắn bó của toàn bộ con người với Thiên Chúa, 176;

Sự bất bình đẳng không thể đo lường giữa Thiên Chúa và con người, 2007;
Sự hiệp thông của con người với Thiên Chúa trong Hội Thánh, 773;
Sự quy phục của con người đối với Thiên Chúa. 143, 154, 341, 2712;
Thiên Chúa có vị trí đầu tiên trong bản Tuyên xưng đức tin, 199;
Việc cầu nguyện như tương quan giữa Thiên Chúa và con người, 2564.

Tính dục, x. *Hôn nhân và Tính dục*.

CON TÀU CỦA ÔNG NÔÊ (ARCA NOE), 845, 1094, 1219.

CON THIÊN CHÚA (FILIIUS DEI), x. *Đức Kitô*.

CÔNG CHÍNH HOÁ, SỰ (IUSTIFICATIO)

Định nghĩa và ý nghĩa của sự công chính hoá, 1987, 1989, 1991-92;
Hiệu quả của sự công chính hoá, 1266, 1990;
Lý lẽ của việc công chính hoá người ta, 402, 617, 654, 1987, 1992;
Những con đường để đón nhận sự công chính hoá, 1446, 1996, 2001;
Ôn tha thứ và sự công chính từ trên cao như một phương diện của sự công chính hoá, 2018;
Sự công chính hoá như công trình hết sức tuyệt vời của tình yêu của Thiên Chúa, 1994;
Sự hối cải đi trước sự công chính hoá, 1989.

CÔNG ÍCH (BONUM COMMUNE)

Các điều kiện của công ích, 1907-09, 1924-25;
Các quyền chính trị được công nhận theo những đòi hỏi của công ích, 2237;
Cộng đồng chính trị, Nhà nước và công ích, 1910, 1927, 2239;
Hành động, sự công bằng xã hội và công ích, 1807, 1928, 2239, 2442;
Hội Thánh và công ích, 2246, 2420, 2458;
Ích lợi riêng và công ích, 801, 951, 1905, 2039;
Kinh tế và công ích, 2425, 2429, 2432;
Luật và công ích, 1951, 1976;
Nghĩa vụ phải cố võ công ích, 1913-14, 1916, 1926;
Những bổn phận của con người và công ích, 1880, 2237-41, 2288;
Quyền bính dân sự hợp pháp và công ích, 1888, 1897-98, 1901-03, 1921-22, 2238, 2309, 2406, 2498;
Quyền tư hữu và công ích, 2401, 2403;
Sự bảo vệ hợp pháp đối với công ích, 2238, 2242, 2265-67, 2310, 2321;
Sự di dân và công ích, 2241;
Sự đình công và công ích, 2435;
Sự tôn trọng trần gian và công ích, 2415;

Sự tự do tôn giáo và công ích, 2109;
 Truyền thông, thông tin và công ích, 2489, 2492, 2494, 2498;
 Xã hội quốc tế và công ích, 1911, 1927;
 Ý nghĩa và mục đích của công ích, 1906, 1912, 1925.

CÔNG NGHỊ (SYNODUS), 887.

CÔNG THỨC (CÁC) (FORMULA/AE)

Các công thức của Mười Điều Răn, 2065;
 Công thức giáo lý của các Điều Răn, sau 2051;
 Công thức tuyên xưng đức tin, 170;
 Công thức xá giải, 1449, 1481;
 Nguồn gốc của các công thức cầu nguyện Kitô giáo, 1096.

CÔNG TRẠNG (MERITUM), 2006-11;

Đức Kitô như nguồn mạch các công trạng của chúng ta, 1476, 2011;
 Định nghĩa và ý nghĩa của công trạng, 2006;
 Ân sủng và công trạng, 1708, 2008-09, 2011, 2025-27;
 Con người tham dự vào công trạng của Đức Kitô, 2008-09;
 Các công trạng của các thánh, 956, 1476;
 Không có công trạng nào từ phía con người trước mặt Thiên Chúa, 2007.

CÔNG TRÌNH TẠO DỰNG (CREATIO / CREATUM)

Bảy ngày và công trình tạo dựng, 2169, 2190;
 Cầu nguyện và công trình tạo dựng, 2569, 2793;
 Chúa Ba Ngôi và công trình tạo dựng, 258, 290-92, 316.
 Chúa Thánh Thần và công trình tạo dựng, 243, 291, 703;
 Công trình tạo dựng mới trong Đức Kitô, 315, 374;
 Công trình tạo dựng xét như gia sản được trao phó cho con người, 299;
 Cửa cải của công trình tạo dựng dành cho toàn thể nhân loại, 299, 2402, 2452;
 Hôn nhân trong trật tự của công trình tạo dựng, 1603-05;
 Kinh Tin Kính của các Tông Đồ và đức tin vào Thiên Chúa, Đấng Tạo Hoá, 325-27;
 Mạc khải của Thiên Chúa và công trình tạo dựng, 287-89, 337;
 Nguyên tội và công trình tạo dựng, 400, 1608;
 Nhận biết Thiên Chúa nhờ công trình tạo dựng, 31, 32, 1147, 2500;
 Những mục đích và quy luật của công trình tạo dựng, 293-94, 314, 319, 353, 358;
 Những phần việc của Ngôi Lời Thiên Chúa trong công trình tạo dựng, 291, 320;
 Phẩm giá của con người và công trình tạo dựng, 1700;
 Sự bất toàn của công trình tạo dựng, 302, 307, 310, 378;

- Sự hoàn thành công trình tạo dựng, 668, 1015;
Sự lao động nhân linh như sự cộng tác của con người trong công trình tạo dựng, 2427, 2460;
Sự quan phòng của Thiên Chúa và công trình tạo dựng, 216, 301, 314;
Tạ ơn Thiên Chúa về công trình tạo dựng, 1352, 1359-60;
Thiên Chúa gìn giữ cho công trình tạo dựng được hiện hữu, 421;
Thiên Chúa như nghệ nhân của công trình tạo dựng, 317, 337;
Tôn trọng sự toàn vẹn của công trình tạo dựng, 354, 2415-18;
Tương quan của con người với công trình tạo dựng, 343, 355, 396, 1469;
Tương quan của Đức Kitô với công trình tạo dựng, 792, 2105, 2637;
Vẻ đẹp và sự tốt lành của công trình tạo dựng, 299, 341, 353, 1333;
Việc dạy giáo lý về công trình tạo dựng, 282-89;
Ý định của Thiên Chúa và công trình tạo dựng, 257, 280, 315, 759, 1066;
Ý nghĩa của công trình tạo dựng, 326.

CỘNG ĐOÀN (COETUS)

- Chúa Thánh Thần hoạt động trong cộng đoàn, 1092, 1112;
Cộng đoàn các thánh, 946, 1372, 2006;
Cộng đoàn ngày Chúa Nhật, 1167, 1174, 2188;
Cộng đoàn nhân loại, 1880;
Cộng đoàn phụng vụ, 752, 1097, 1102, 1144, 1167, 1193, 2760;
Cộng đoàn Thánh Thể, 1329, 1348, 1383, 1566, 2777;
Hội Thánh như cộng đoàn các con người, 541, 751-52, 771, 777-78;
Hướng dẫn và chủ tọa cộng đoàn, 1184, 1348;
Sự cầu nguyện và cộng đoàn, 2585-86, 2589;
Sự chuẩn bị và sự sẵn sàng của cộng đoàn để cử hành phụng vụ, 1098, 1112, 1154, 1236, 1688;
Sự tham gia cộng đoàn, 1141, 1372, 2178;
Việc tuyên xưng đức tin trong cộng đoàn, 167.

CỘNG ĐỒNG (COMMUNITAS)

- Bí tích Rửa Tội và cộng đồng, 1253, 1255;
Bí tích Thánh Thể và cộng đồng Kitô hữu, 1166, 1400;
Bí tích Thêm Sức và những trách nhiệm trong cộng đồng Hội Thánh, 1309, 1319;
Chức tư tế và cộng đồng những người tin, 1546, 1551;
Cộng đồng chính trị và gia đình, 2209, 2211;
Cộng đồng chính trị và Hội Thánh, 2244-46;
Cộng đồng chính trị và những quyền lợi và bổn phận của các công dân, 2239, 2242;
Cộng đồng Hội Thánh và sự cầu nguyện, 2632, 2691, 2696;

Cộng đồng Hội Thánh và việc tông đồ của các giáo dân, 900, 910;
 Cộng đồng những người tin, 1045;
 Cộng đồng phổ quát, 842;
 Cộng đồng phụ phụ và gia đình, 1644, 1666, 2201, 2204, 2206-07, 2249-50, 2364;
 Công ích và cộng đồng, 1910-11, 1922;
 Đức tin và cộng đồng những người tin, 1102;
 Giáo xứ như sự hiệp thông, 2179, 2226;
 Hoạt động kinh tế, sự công bằng xã hội và cộng đồng nhân loại, 2411, 2426, 2428;
 Hội Thánh như sự hiệp thông, 751-52, 771, 833, 899;
 Những gia đình gặp khó khăn và cộng đồng, 1649, 1651;
 Ôn gọi của cộng đồng nhân loại, 1877;
 Phụng vụ và cộng đồng, 1071, 1140-41, 1198;
 Sự điều khiển các cộng đồng nhân loại, 1884, 1898, 1901, 1919, 2213;
 Sự hiệp thông đầu tiên của những người tin và đức tin của họ, 642, 949, 2624;
 Sự tha thứ và đưa về lại với cộng đồng, 1443;
 Sự tự do tôn giáo và các cộng đồng tôn giáo, 2107;
 Sứ vụ thiết lập các cộng đồng Kitô giáo, 854;
 Việc an táng những người chết và cộng đồng, 1684, 1687.

CỘNG TÁC, SỰ (COLLABORATIO)

Các quyền bình dân sự và sự cộng tác, 2236;
 Sự cộng tác giữa Thiên Chúa và con người, và sự công chính hoá, 1993, 2001;
 Sự cộng tác của các công dân và công ích, 2238;
 Sự cộng tác nhân linh và lao động, 378;
 Sự cộng tác giữa Thiên Chúa và con người, và công trạng, 1008, 2025;
 Sự cộng tác giữa cha mẹ, 2206;
 Sự cộng tác của các giáo dân trong Hội Thánh, 906, 911;
 Sự cộng tác của Đức Maria trong kế hoạch của Thiên Chúa, 488.

CỘNG TÁC, SỰ (COOPERATIO)

Sự cộng tác của các Kitô hữu vào sự hợp nhất của Hội Thánh, 821;
 Sự cộng tác của cha mẹ trong gia đình, 2206;
 Sự cộng tác của con người với ân sủng của Thiên Chúa, 1993;
 Sự cộng tác của con người với công việc của Đức Kitô, 970, 2632;
 Sự cộng tác của con người với công việc của Thần Khí, 1091, 1108;
 Sự cộng tác của con người với dự định thần linh, 306, 2062, 2738;
 Sự cộng tác của Đức Maria với Thiên Chúa, 488, 501, 968, 2675, 2682;

- Sự cộng tác vào việc phá thai, 2272;
- Sự cộng tác vào việc sử dụng ma túy, 2291;
- Sự cộng tác vào việc tự sát, 2282.

CỦA ĂN ĐI ĐƯỜNG (VIATICUM)

- Bí tích Thánh Thể như của ăn đi đường, 1331, 1392, 1517, 1524-25.

CỦA CẢI TRẦN THỂ (BONA TERRESTRIA)

- Các mối phúc và của cải trần thế, 1728-29;
- Của cải thiêng liêng và của cải trần thế, 1942, 2027;
- Đời sống kinh tế và sự sản xuất của cải trần thế, 2421, 2426;
- Dục vọng về của cải trần thế, 377, 2514, 2534, 2536, 2539, 2553;
- Hội Thánh và việc Hội Thánh sử dụng của cải trần thế, 2420, 2444;
- Quyền chung hưởng phổ quát và quyền tư hữu của cải trần thế, 2402-03, 2452, 2459;
- Sự chăm lo và tôn trọng của cải trần thế, 2288, 2407-08;
- Sự phân phối của cải trần thế, 1940, 1948, 2444, 2446, 2833;
- Sự phung phí của cải trần thế, 1439;
- Sự quyến luyến lệch lạc với của cải trần thế, 1849, 1863, 2548;
- Sự sung túc của cải trần thế và những nguy hiểm thiêng liêng, 2547, 2728;
- Từ bỏ của cải trần thế, 2544;
- Việc lấy cắp của cải của người khác, 2412;
- Việc sử dụng và quản trị của cải trần thế, 360, 1740, 1809, 1838, 2198, 2401, 2404-05, 2409.

CỦA LỄ (HOSTIA)

- Đức Kitô như của lễ sống động, 1992;
- Việc tôn kính Bánh đã được thánh hiến [Mình Thánh Chúa] cả ngoài Thánh lễ, 1378;

CỦA LỄ (OBLATIO)

- Của lễ của Hội Thánh, 1368, 1553;
- Của lễ là Thánh Thể, 1326, 1414, 2643;
- Của lễ của Chúa Giêsu, 529, 606-07, 610-11, 614, 616, 2824;
- Của lễ là chính mình, 549, 2031, 2711;
- Của lễ của Đức Trinh nữ Maria, 494, 2617, 2622.

CỦA LỄ (VICTIMA) (Đức Kitô), 457, 604, 1367, 1566.

CỦA NUÔI DƯỠNG (NUTRIMENTUM)

- Bí tích Thánh Thể như của nuôi dưỡng, 141, 728, 1020, 1244, 1335, 1394, 1426, 1436, 2861;
- Của nuôi dưỡng vật chất, 2288, 2417, 2447, 2805, 2830, 2861;
- Thánh Kinh như của nuôi dưỡng, 104, 131-32, 141, 2861.

CÙNG TẬN, CÙNG ĐÍCH (FINIS), *x. Sự hoàn thành, Sự hoàn tất;*

Cái chết như sự cùng tận đời sống trần thế, 1013, 1021;

Cùng tận thời gian, 682, 686, 865, 1042, 1048, 1059;

Thiên Chúa, nguyên lý và cùng đích của mọi loài, 198.

CUỘC KHỔ NẠN CỦA ĐỨC KITÔ (PASSIO CHRISTI), *x. Đức Kitô.*

CUỘC LÊN TRỜI (ASSUMPTIO) của Đức Maria, 966, *x. Đức Maria.*

CUỘC NGỰ ĐẾN (ADVENTUS), *x. Sự mong đợi, Sự hoàn tất;*

Cuộc Ngự đến của Chúa Thánh Thần và Lễ Ngũ Tuần, 729, 732;

Cuộc Ngự đến của Đức Kitô và việc phán xét sau cùng, 1040;

Cuộc Ngự đến của Nước Thiên Chúa được thực hiện bằng các dấu chỉ và các phép lạ, 542, 1505;

Cuộc Ngự đến của Nước Thiên Chúa và sự sụp đổ của nước Satan, 550;

“Lạy Chúa Giêsu, xin ngự đến”, 2853;

“Nước Cha trị đến”, 2816-21, 2859;

Sự biến hình như việc ném trước cuộc Ngự đến vinh hiển của Đức Kitô, 556;

Sự chuẩn bị cho cuộc Ngự đến của Đức Kitô, 522-24;

Sự mong đợi cuộc Ngự đến của Đức Kitô, 840;

Thời gian không được biết trước về cuộc Ngự đến vinh hiển của Đức Kitô, 673-74, 1040, 2772.

CUỘC QUANG LÂM (PARUSIA), 1001, *x. Lúc thời gian viên mãn.*

CUỘC RƯỚC (PROCESSIO) (hành động phụng tự)

Cuộc rước kiệu Thánh Thể, 1378;

Cuộc rước như cách diễn đạt của lòng đạo đức bình dân, 1674.

CUỘC THĂNG THIÊN (ASCENSIO) của Đức Kitô, *x. Đức Kitô;*

Việc cử hành ngày lễ Thăng Thiên, 2177.

CUỘC TRUYỀN TIN (ANNUNTIATIO), *x. Đức Maria và Thiên thần;*

Giêsu, danh xưng được Thiên Chúa ban trong cuộc Truyền Tin, 430;

Lời cầu nguyện của Đức Maria và cuộc Truyền Tin, 2617;

Ngày lễ Truyền Tin, 1171;

Sự ưng thuận của Đức Maria trong cuộc Truyền Tin, 973;

Thiên thần chào “Bà đầy ân sủng” trong cuộc Truyền Tin, 490;

Thời gian viên mãn khởi đầu từ cuộc Truyền Tin, 484;

Tình mẫu tử của Đức Maria và cuộc Truyền Tin, 969, 2674.

CỬ HÀNH (CELEBRATIO / CELEBRARE), *x. những từ có liên quan đến Cử hành, nhất là Phụng vụ.*

CỨU CHUỘC, CÔNG TRÌNH (REDEMPTIO)

Công trình cứu chuộc cho nhiều người, 605;

Công trình cứu chuộc ở trung tâm Tin Mừng Kitô giáo, 571, 601;
 Đời sống của Đức Kitô như mẫu nhiệm cứu chuộc, 517, 635, 1067;
 Đức Maria phục vụ mẫu nhiệm cứu chuộc, 494, 508;
 Hội Thánh như dụng cụ của công trình cứu chuộc mọi người, 776;
 Sự chết của Đức Kitô như hy lễ của công trình cứu chuộc, 613, 616;
 Sự loan báo và lời hứa về công trình cứu chuộc, 55, 64, 601;
 Sự trải rộng công trình cứu chuộc, 634;
 Ý nghĩa của công trình cứu chuộc chỉ được hiểu bằng đức tin, 573.

CỰU ƯỚC (VETUS TESTAMENTUM), x. Thánh Kinh và Giao Ước cũ;

Bệnh tật của con người và Cựu Ước, 1502;
 Các hình ảnh biểu tượng trong Cựu Ước, 2130;
 Chúa Ba Ngôi, hành động tạo dựng của Ngài và Cựu Ước, 292;
 Chúa Thánh Thần và Cựu Ước, 702
 Đấng Messia đã được các Tiên tri báo trước trong Cựu Ước, 1286;
 Giá trị của Cựu Ước, 121;
 Mẫu nhiệm Ba Ngôi và Cựu Ước, 237;
 Mẫu nhiệm Hội Thánh được hình dung trước trong Cựu Ước, 753;
 Những chỉ thị pháp lý trong Cựu Ước, 2449;
 Những cuộc thần hiện trong Cựu Ước, 697;
 Phụng vụ và Cựu Ước, 1093, 1349;
 Quy điển Thánh Kinh và Cựu Ước, 120;
 Sự hoàn thành các lời hứa và Cựu Ước, 122, 528, 652, 1067;
 Sự sống linh thánh trong Cựu Ước, 2260;
 Sự tôn kính Cựu Ước và các hình ảnh của Cựu Ước, 61, 123, 138;
 Trong Cựu Ước Thiên Chúa Cha đã được tuyên xưng là nguồn mạch chân lý, 684, 2465;
 Tước hiệu “Con Thiên Chúa” và Cựu Ước, 441;
 Tương quan giữa Cựu và Tân Ước, 128, 129, 140;
 Việc cầu nguyện và Cựu Ước, 2568, 2569, 2585, 2596, 2630;
 Việc dạy giáo lý khai mở điều còn bị che giấu trong văn tự của Cựu Ước, 1094.

D

DANH (NOMEN)

Danh xưng Kitô hữu của bí tích Rửa Tội, 2156-59, 2165;
 Danh Thiên Chúa, x. *Thiên Chúa*;
 Danh Chúa Giêsu, 432.

DANH TIẾNG (FAMA), x. Sự nổi tiếng.

DAY GIÁO LÝ, VIỆC (CATECHESIS), x. Giáo lý Kitô giáo;

Bản chất và mục đích của việc dạy giáo lý, 4-7, 426, 983, 1095, 2688;

Đức Kitô như trung tâm sống động của việc dạy giáo lý, 426-27, 1697-98, 2145;

Việc dạy giáo lý và các điều răn, 2065;

Việc dạy giáo lý và công trình tạo dựng, 282;

Việc dạy giáo lý và Huấn Quyền của Hội Thánh, 2033, 2049;

Việc dạy giáo lý và kinh Tin Kính, 188;

Việc dạy giáo lý và lòng đạo đức bình dân, 1674;

Việc dạy giáo lý và phụng vụ, 1074-75, 1095, 1135;

Việc dạy giáo lý và sự cầu nguyện, 2688, 2695;

Việc dạy giáo lý và sự khai tâm Kitô giáo, 1233, 1248;

Việc dạy giáo lý và Thánh Kinh, 132;

Việc dạy giáo lý về luân lý của các giáo huấn tông truyền, 1971.

DÂN (GENS)

Dân thánh, 782, 1268, 2810;

Dạy dỗ muôn dân, 849.

DÂN SỐ, VẤN ĐỀ (DEMOGRAPHIA), 2372.**DÂN THIÊN CHÚA (POPULUS DEI), 781-86;**

Các thừa tác vụ để trợ giúp dân Thiên Chúa, 874;

Dân Thiên Chúa trong Giao Ước cũ và dân mới của Thiên Chúa, 840;

Dân tiên tri của Thiên Chúa, 785;

Dân tư tế của Thiên Chúa, 784;

Dân vương đế của Thiên Chúa, 786;

Đức tin của dân Thiên Chúa, 93, 99;

Hội Thánh như dân Thiên Chúa, 781-86;

Những đặc điểm của dân Thiên Chúa, 782;

Những người Do thái, những người ngoài Kitô giáo và dân Thiên Chúa, 839;

Sự khác biệt của các dân tộc và các văn hoá trong dân Thiên Chúa, 814;

Thuộc về dân Thiên Chúa, 836, 871;

Tính phổ quát của dân Thiên Chúa, 831, 885;

Việc tập hợp dân Thiên Chúa, 761-62, 776, 865;

Việc tuyển chọn Israel như dân Thiên Chúa, 762.

DÂN TỘC / QUỐC GIA (NATIO)

Các vấn đề đe dọa hoà bình giữa các dân tộc, 2316-17;

Công ích của quốc gia như mục đích, 2237, 2310;

Công ích và sự tổ chức các quốc gia, 1911;

Kế hoạch thần linh đối với các dân tộc, 56-57;
 Ôn cứu độ thần linh bao gồm tất cả các dân tộc, 64, 543;
 Sự công bằng và tình liên đới giữa các dân tộc, 1941, 2241, 2437-42;
 Tội diệt chủng phải bị kết án, 2313.

DÂNG LỄ VẬT (OFFERTORIUM), 1333, 1350.

DẤU ẤN (SIGILLUM), 698, x. Ấn tín bí tích;

Dấu ấn bí tích của việc xưng tội, 1467, 2490;
 Dấu ấn phép rửa, 1216, 1272-74, 2769;
 Dấu ấn trong bí tích Thêm Sức, 1293, 1295-96, 1304;
 Dấu ấn trong bí tích Truyền Chức Thánh, 1121, 1582;
 Thần Khí ghi dấu ấn của Chúa cho chúng ta để chờ ngày cứu chuộc,
 1274.

DẤU CHỈ (CÁC) (SIGNUM/A), x. Các biểu tượng;

Bánh và rượu như các dấu chỉ, 1333-36, 1412;
 Ca hát và âm nhạc như các dấu chỉ trong phụng vụ, 1157-58;
 Các dấu chỉ “cho người ta chống báng” của Chúa Giêsu, 575;
 Các dấu chỉ của Giao Ước cũ, 1150;
 Các dấu chỉ để diễn tả và cảm nhận các thực tại tinh thần, 1146-48;
 Các dấu chỉ được Đức Kitô sử dụng, 1151;
 Các dấu chỉ phụng vụ, 1149, 1161, 1189;
 Các dấu chỉ thời đại được giải thích, 1788;
 Các dấu chỉ trong các á bí tích, 1167-68;
 Chim bồ câu như dấu chỉ, 701;
 Dầu thánh giá, 2157;
 Hội Thánh như dấu chỉ, 775;
 Máu như dấu chỉ, 2260;
 Nước như dấu chỉ, 694;
 Việc đặt tay như dấu chỉ, 699, 1507;
 Việc xúc dầu như dấu chỉ, 695, 1293-94.

DẦU (OLEUM), x. Dầu Thánh, (Các) bí tích và Sự xúc dầu;

Sự thánh hiến dầu, 1297;
 Ý nghĩa và việc sử dụng sự xúc dầu, 695, 1183, 1237, 1241, 1289,
 1293-94.

DẦU THÁNH (CHRISMA), x. Bí tích Thêm Sức;

Bí tích Thêm Sức và Dầu Thánh, 1289, 1297, 1300, 1312, 1320;
 Sự thánh hiến Dầu Thánh, 1297;
 Sự lưu giữ Dầu Thánh, 1183;
 Sự xúc Dầu Thánh, 1241, 1289, 1291, 1294, 1312, 1574.

DẦU THÁNH (MYRON), x. Dầu Thánh (Chrisma).

DỤ NGỌT, SỰ (SUAVITAS), 153, 395, 736, 2219.

DỤ NGÔN (CÁC) (PARABOLA/ AE)

Ý nghĩa và các mục đích của các dụ ngôn, 546, 2607.

Các dụ ngôn khác nhau

Dụ ngôn anh Lazarô nghèo khó, 633, 1201, 2463, 2831;
 Dụ ngôn bà goá quấy rầy, 2613;
 Dụ ngôn cỏ lùng, 681, 827;
 Dụ ngôn con chiên lạc, 605;
 Dụ ngôn cuộc phán xét sau cùng, 1038;
 Dụ ngôn đứa con hoang đàng, 1439, 1465;
 Dụ ngôn hai con đường, 1696;
 Dụ ngôn hạt giống, 543;
 Dụ ngôn men trong bột, 2660, 2832;
 Dụ ngôn mục tử nhân lành, 1465;
 Dụ ngôn nén bạc, 1880, 1937;
 Dụ ngôn người bạn quấy rầy, 2613;
 Dụ ngôn người đầy tớ không biết thương xót, 2843;
 Dụ ngôn người gieo giống, 2707;
 Dụ ngôn người Pharisêu và người thu thuế, 2613, 2839;
 Dụ ngôn người Samaritanô nhân hậu, 1465;
 Dụ ngôn thẩm phán công bằng, 1465.

DỤC VỌNG (CONCUPISCENTIA), *x. Sự thèm muốn và Ước muốn;*

Dục vọng xác thịt, 2514, 2520;
 Luật và dục vọng, 1963, 2542;
 Tội và dục vọng, 1869;
 Nguyên tội và dục vọng, 376, 400, 405;
 Các điều răn và dục vọng, 2529, 2534;
 Cuộc chiến đấu chống lại dục vọng, 978, 1264, 1426, 2520, 2530
 Sự thanh tẩy trái tim và dục vọng, 2517, 2530;
 Ý nghĩa và các loại dục vọng, 2514-15.

DUY NHẤT (UNA), *x. Hội Thánh: Duy nhất.*

DUY NHẤT (UNUS), *x. Thiên Chúa: Các danh hiệu và các phẩm tính của Thiên Chúa.*

DUY NHẤT / HỢP NHẤT, SỰ (UNITAS)

Người nam và người nữ như sự hợp nhất của hai người, 371-73, 1605;
 Sự duy nhất của Cựu và Tân Ước, 128-30, 140;
 Sự duy nhất của Hội Thánh, 791, 813-19, 820-22, 1396, 1416;
 Sự duy nhất của nhân loại, 360, 775, 1045;
 Sự duy nhất nội tâm của con người, 409, 2338;

Sự duy nhất thần linh xét như Ba Ngôi, 254-55, 1702, 1878, 1890;
Sự hợp nhất của đôi phối ngẫu, 1641, 643;
Sự hợp nhất của Hội Thánh và Đức Kitô, 795;
Sự hợp nhất của linh hồn và thân thể, 362-68, 382.

DỰ LUẬN (OPINIO PUBLICA), 2286, 2493, 2498, 2499, x. *Sự nổi tiếng*.

Đ

ĐA THÂN, SỰ (POLYTHEISMUS), 2112.

ĐA THÊ, TỤC (POLYGAMIA)

Tục đa thê trong Luật cũ, 1610;
Tục đa thê chống lại phẩm giá cá vị bình đẳng của người nam và người nữ, 1645;
Tục đa thê như sự xúc phạm đến phẩm giá của Hôn nhân, 2387.

ĐẠI DIỆN (VICARIUS)

Đức Giáo Hoàng như đại diện của Đức Kitô, 882;
Giám mục như đại diện của Đức Kitô, 894, 1560;
Lương tâm, “vị thứ nhất trong mọi đại diện của Đức Kitô”, 1778.

ĐẠI HỒNG THỦY (DILUVIUM), hình ảnh báo trước bí tích Rửa Tội, 1094, 1219.

ĐẠI KẾT, VIỆC (OECUMENISMUS)

Bí tích Rửa Tội như nền tảng của việc đại kết, 818, 1271;
Những hậu quả của việc mất sự hợp nhất, 855;
Những hiệu quả của việc đối thoại đại kết, 1636;
Những lý lẽ để hoạt động cho sự hợp nhất đại kết, 816, 819-22;
Những nguyên do làm mất sự hợp nhất, 817.

ĐAM MÊ (CÁC) (PASSIO / NES)

Các đam mê tự nó được coi là không tốt không xấu, 1767;
Đam mê giảm thiểu lỗi phạm, 1860;
Định nghĩa, các công việc và nguồn gốc của các đam mê, 1763-64;
Lý lẽ để phân định tính luân lý của các đam mê, 1768;
Sự cấm những đam mê vô điều độ, 2536;
Sự hoàn tất của các đam mê, 1769;
Sự làm chủ các đam mê, 908, 1804, 1809, 2239, 2341;
Sự nô lệ các đam mê, 1792;
Tính luân lý của các đam mê, 1762-70;
Tình yêu như đam mê nền tảng, 1765.

ĐÁM MÂY (NUBES)

Ý nghĩa của đám mây trong cuộc Biến hình của Chúa Giêsu, 555;

Ý nghĩa của đám mây trong lần hiện ra cuối cùng của Chúa Giêsu, 659;

Ý nghĩa của đám mây trong Cựu và Tân Ước, 697, 1094.

ĐÁNH GIÁ, SỰ (AESTIMATIO) về điều thiện hảo và sự dữ, 1865.**ĐẠO ĐỨC, LÒNG/VIỆC (DEVOTIO)**

Các lời hứa và lời khẩn như những hình thức của lòng đạo đức, 2101-02;

Các việc đạo đức của dân như bổ sung cho các Giờ kinh phụng vụ, 1178;

Lòng đạo đức bình dân và việc đạo đức, 1676;

Việc đào tạo lòng đạo đức chân thật, 24.

ĐẠO ĐỨC (ETHICA), x. *Sự giáo dục.***ĐAU ĐỚN, SỰ (DOLOR), x. *Sự đau khổ;***

Chết êm dịu (Euthanasia) như việc chấm dứt những đau đớn, 2277;

Không có đau đớn nào trong vườn địa đàng, 376;

Kinh nghiệm nhân loại về sự đau đớn, 164, 272, 385;

Làm dịu bớt những đau đớn của người hấp hối, 2279;

Những đau đớn khi sinh con, 1607, 1609;

Sự đau đớn của trái tim đi kèm theo việc hối cải, 1431, 1490;

Sự đau đớn như hậu quả của nguyên tội, 1521;

Việc chấp nhận những đau đớn, 1435, 1460.

ĐAU KHỔ, SỰ (AEGRITUDO), x. *Sự đau đớn;*

Kinh nghiệm nhân linh về sự đau khổ, 1500;

Những hậu quả và ảnh hưởng của sự đau khổ, 1500-01;

Sự đau khổ của Chúa Giêsu, 572;

Sự đau khổ như dấu chỉ tình trạng yếu đuối nguyên thủy của con người, 2448;

Sự đau khổ như hậu quả của tội, 1264;

Ý nghĩa sự đau khổ, 1502, 1505.

ĐẶC SỬNG (CHARISMA), x. *Chúa Thánh Thần.*

Chúa Thánh Thần và đặc sứng, 688, 798, 800, 809, 1508, 2003, 2024, 2684;

Đặc sứng của những người sống đời thánh hiến, 924, 1175;

Đặc sứng bất khả ngộ, 890, 2035;

Đặc sứng của các giáo dân, 910;

Đặc sứng về chân lý và sự trưởng thành trong đức tin, 94;

Sự hiệp thông đặc sứng, 951;

Sự phân định các đặc sứng, 801;

Ý nghĩa và mục đích của đặc sủng, 799, 800, 2003.

ĐẶT TAY, VIỆC (IMPOSITIO MANUUM)

Chúa Giêsu đặt tay chữa lành, 699, 1504;

Việc đặt tay như dấu chỉ của Giao Ước, 1150;

Việc đặt tay trong bí tích Thêm Sức, 1288;

Việc đặt tay trong bí tích Truyền Chức Thánh, 1538, 1556, 1558, 1573;

Ý nghĩa của việc đặt tay, 699.

ĐẮNG BÀO CHỮA (PARACLETUS), x. Chúa Thánh Thần.

ĐẮNG CỨU CHUỘC (REDEMPTOR), x. Đức Kitô.

ĐẮNG CỨU ĐỘ (SALVATOR), x. Đức Kitô: Các danh hiệu;

Chúa Giêsu như Đấng Cứu Độ con người, 389, 457, 594, 2812.

ĐẮNG MESSIA (MESSIAS), x. Đức Kitô;

Các Kitô hữu mong đợi cuộc trở lại của Đấng Messia, 840;

Chúa Giêsu Kitô là Đấng Messia, 436-40, 528-29, 535, 540, 547;

Chúa Thánh Thần ngự xuống trên Chúa Giêsu khi Người chịu phép rửa, 1286;

Sứ điệp đầu tiên về Đấng Messia sau khi con người sa ngã, 410;

Sự mong đợi cuộc Ngự đến của Đấng Messia trong Israel, 702, 711-16;

Vinh quang của Chúa Giêsu như sự khai mạc Nước của Đấng Messia, 664;

Ý nghĩa của từ Messia, 436, 695.

ĐẮNG TẠO HOÁ (CREATOR), x. Thiên Chúa.

ĐẮNG TRUNG GIAN (MEDIATOR), x. Đức Kitô;

Đức Maria trung gian, 969.

ĐẤT, TRÁI ĐẤT (TERRA), 326, x. Tràn gian;

Công trình tạo dựng [trời] đất, 198, 290, x. Công trình tạo dựng;

Đất hứa, 1222;

Đất mới, 1042-50;

Làm chủ trái đất, 307, 373, 2402-03.

ĐẦU (CAPUT), x. Đức Kitô và Ông Phêrô.

ĐẦU THAI, SỰ (REINCARNATIO), 1013.

ĐỀN BÙ, SỰ (REPARATIO)

Bí tích Thánh Thể như lễ tế để đền bù tội lỗi, 1414;

Bổn phận đền bù, 2487;

Đức Kitô đền bù sự bất tuân của ông Adam và tội lỗi của chúng ta, 411, 615;

Sự đền bù các tội liên quan đến chân lý, 2509;

Sự đền bù sự bất công, 2412, 2454.

ĐỀN THÁNH (SANCTUARIUM)

Các đền thánh như những nơi thích hợp cho việc cầu nguyện, 2691;
Việc thăm viếng các đền thánh như một hình thức của lòng đạo đức bình dân, 1674.

ĐỀN THỜ (TEMPLUM)

Chúa Giêsu và Đền thờ, 576, 583-86, 593;

Con người như đền thờ của Chúa Thánh Thần, 364, 1197, 1265, 1695, 2684;

Đền thờ Giêrusalem, 2580;

Đền thờ như sự hiện diện của Thiên Chúa nơi người ta, 593;

Đức Kitô như đền thờ thật của Thiên Chúa, 1197;

Hội Thánh như đền thờ, 756;

Hội Thánh như đền thờ của Chúa Thánh Thần, 797-98, 809.

ĐỀN TỘI, SỰ (PROPITIATIO), 1992, x. *Sự xá tội*.

ĐI THEO ĐỨC KITÔ, VIỆC (SEQUELA CHRISTI), 520, 618;

Hiệu quả của việc đi theo Đức Kitô, 1694;

Việc đi theo Đức Kitô như một hình thức thống hối, 1435;

Việc đi theo Đức Kitô như ơn gọi đầu tiên của Kitô hữu, 2232, 2253;

Việc đi theo Đức Kitô trong đời sống thánh hiến, 916, 918, 923, 932, 1618;

Việc đi theo Đức Kitô trong tinh thần chân lý, 2466.

ĐIỀU ĐỘ, SỰ (SOBRIETAS), 1809, 2730.

ĐIỀU THIỆN HẢO / ĐIỀU TỐT (BONUM)

Các bí tích như điều thiện hảo của Hội Thánh được ban cho con người, 1116, 1129, 1499, 1522, 1532;

Các con cái và điều thiện hảo của gia đình, 1652, 2217;

Các đam mê và điều thiện hảo, 1751, 1768, 1770-71, 1773, 1775;

Các Giám mục mưu ích cho tất cả các Giáo Hội, 886;

Các giáo dân và điều thiện hảo của Hội Thánh, 907;

Các thừa tác vụ trong Hội Thánh quy về điều thiện hảo, 874, 937, 1539;

“Cây cho biết điều thiện và điều ác”, 396;

Cha mẹ, quyền bính của họ và điều thiện hảo của con cái, 2234, 2248;

Chúa Thánh Thần và điều thiện hảo của con người, 291, 798-99;

Con người được kêu gọi để hoàn thành điều thiện hảo, 307, 409, 1706, 1713, 2002, 2541;

Công trình tạo dựng: “Và Thiên Chúa thấy thế là... rất tốt đẹp”, 299;

- Cuộc chiến đấu của con người giữa điều thiện hảo và sự dữ, 1707;
Điều thiện hảo của sự hiệp thông của các thánh, 947;
Sự dữ không thể được biện minh như dụng cụ để đạt tới điều thiện hảo, 1756, 1761, 1789;
Sự dữ thể lý cùng hiện hữu với điều thiện hảo thể lý cho đến cùng, 310;
Đời sống thánh hiến và điều thiện hảo của Hội Thánh, 917, 931, 945;
Đức Kitô như điều thiện hảo của con người, 457, 519;
Hôn nhân và điều thiện hảo của đôi phối ngẫu, 1601, 1660, 2201, 2203, 2363;
Khoa học và kỹ thuật và điều thiện hảo của nhân vị, 2294;
Luật luân lý và điều thiện hảo, 33, 1713, 1954-55;
Lương tâm luân lý và điều thiện hảo, 1776-77, 1780-81, 1783, 1791, 1798;
Mọi thụ tạo được định hướng tới điều thiện hảo của nhân loại, 353;
Ngày Chúa Nhật và các công việc tốt lành, 2186;
Nhân đức và điều thiện hảo, 1266, 1803-04, 1806-10, 1833, 1835, 1837;
Quyền năng của Thiên Chúa có thể làm nên điều thiện hảo từ sự dữ, 311-12, 324, 412;
Sự chiến thắng của điều thiện hảo trên sự dữ, 681;
Sự đòi hỏi phải trở về với điều thiện hảo trong xã hội, 1886;
Sự sống và sự cứu độ thể lý như điều thiện hảo được Thiên Chúa ban, 2288;
Sự trọn hảo trong việc tìm kiếm và làm điều thiện hảo, 1711, 1775, 2500;
Thiên Chúa như điều thiện hảo vĩnh cửu và tối thượng, 356, 2052;
Thiên Chúa như tác giả và nguồn mạch của mọi điều thiện hảo, 14, 1723, 2052;
Tiêu chuẩn khách quan của điều thiện hảo và sự dữ, 2244;
Tìm kiếm điều thiện hảo thiêng liêng của hối nhân, 1460;
Tìm kiếm điều thiện hảo, 1811, 1828, 2727, 2857;
Tội lỗi và điều thiện hảo, 398, 1707, 1855, 1863, 1865, 2094.

ĐÌNH CÔNG, SỰ (CESSATIO AB OPERE), 2435.**ĐOÀN CHIÊN (GREX)**

- Hội Thánh như đoàn chiên, 754, 764;
Các mục tử của đoàn chiên, 861, 881, 893, 1548, 1575, 1586.

ĐỌC THÁNH KINH, VIỆC (LECTIO SACRAE SCRIPTURAE)

- Các ý nghĩa văn tự, thiêng liêng, ẩn dụ, luân lý và dẫn đường của việc đọc Thánh Kinh, 115-19;
Sự cần thiết của việc đọc Thánh Kinh, 133, 2653;

Việc đọc Thánh Kinh trong các bí tích, 1154, 1480, 1482;
 Việc đọc Thánh Kinh trong gia đình, 2205;
 Việc đọc Thánh Kinh trong khi dạy giáo lý, 129;
 Việc đọc Thánh Kinh trong phụng vụ, 1093, 1177.

ĐỌC THÁNH KINH MÀ CẦU NGUYỆN, VIỆC (LECTIO DIVINA)

Phụng vụ và việc đọc Thánh Kinh mà cầu nguyện, 1177;
 Sự suy niệm và việc đọc Thánh Kinh mà cầu nguyện, 2708.

ĐÓI, SỰ (FAMES)

Chúa Giêsu đã từng chịu đói, 544, 556;
 Chúa Giêsu giải thoát khỏi đói khát, 549;
 Đói nghe Lời Chúa, 2835;
 Nuôi dưỡng những người đói như việc từ thiện, 1039, 2447;
 Thảm kịch đói kém trên thế giới và tình liên đới, 2831;
 Tính nghiêm trọng của việc gây ra nạn đói, 2269;
 “Xin Cha cho chúng con hôm nay lương thực hằng ngày”, 2828, 2830.

ĐÓN NHẬN, CHẤP NHẬN (ACCEPTATIO / ACCIPERE)

“Ai đón tiếp anh em, là đón tiếp Thầy”, 858;
 Con người đón nhận sự sống thần linh, 505;
 Chấp nhận ơn gọi của con cái, 2233;
 Đón nhận ân sủng của Thiên Chúa, 2001;
 Đón nhận ân sủng, 678, 682;
 Đón nhận các ngoại kiều, 2241;
 Đón nhận lòng thương xót của Thiên Chúa, 1847, 1991;
 Đón nhận lời của Chúa Giêsu, 528, 543, 764, 1967, 2835;
 Đón nhận Lời Thiên Chúa, 839, 1719, 2030, 2086, 2835;
 Đón nhận Mạc Khải nhờ đức tin, 35, 99;
 Đón nhận người lân cận, 2519;
 Đón nhận những người đồng tính luyến ái, 2358;
 Đón nhận những người nghèo, 2449;
 Đón nhận ơn tha thứ, 1989;
 Đón nhận Tin Mừng và khai tâm Kitô giáo, 1229, 1247;
 Đón nhận tình yêu của Thiên Chúa, 2712, 2792;
 Sự chấp nhận của Đức Maria, 148, 502, 2617.

ĐỘC THÂN, SỰ (CAELIBATUS)

Các Giáo Hội Đông phương và sự độc thân, 1580;
 Đời sống thánh hiến và sự độc thân, 915;
 Đức khiết tịnh và sự độc thân, 2349;
 Giáo Hội la tinh và sự độc thân của các linh mục, 1579, 1599;
 Những người độc thân và sự chăm sóc mục vụ, 1658.

ĐÔI [PHỐI NGẪU] (PAR)

Hôn nhân và đôi phối ngẫu, 1603, 1624, 1636, 1642, 2363;
Sự chung thủy và đôi phối ngẫu, 2364;
Sự hài hoà của đôi phối ngẫu và những bổ sung cho nhau về thể lý, 2333;
Sự vô sinh của con người và đôi phối ngẫu, 2377, 2374.

ĐỐI THOẠI, SỰ (DIALOGUS)

Sự đối thoại của con người với Thiên Chúa, 27, 1153, 2063, 2575, 2653;
Sự đối thoại giữa các Giáo Hội để đạt được sự hợp nhất các Kitô hữu, 821, 1126;
Sự đối thoại giữa người ta như một nhu cầu của con người, 1879;
Sự đối thoại với các tôn giáo khác, với triết học và khoa học, 39;
Sự đối thoại với những người không đón nhận Tin Mừng, 856.

ĐÔNG PHƯƠNG (ORIENTALIS), x. Hội Thánh và Phụng vụ.

ĐỒNG BẢN THỂ (CONSUBSTANTIALIS), x. Chúa Ba Ngôi;

Chúa Con đồng bản thể với Chúa Cha, 242, 262, 467, 663;
Chúa Thánh Thần đồng bản thể với Chúa Cha và Chúa Con, 685, 703;
Chúa Ba Ngôi và sự hiệp thông đồng bản thể, 248, 253, 689, 2789.

ĐỒNG HÌNH ĐỒNG DẠNG, SỰ (CONFIGURATIO)

Bí tích Rửa Tội và sự đồng hình đồng dạng với mẫu nhiệm Vượt Qua của Đức Kitô, 1239;
Sự đồng hình đồng dạng của các bệnh nhân trong Đức Kitô, 1505;
Sự đồng hình đồng dạng với Đức Kitô nơi Kitô hữu, 1121;
Sự đồng hình đồng dạng với Đức Kitô trong bí tích Truyền Chức Thánh, 1322, 1585;
Sự đồng hình đồng dạng của các hối nhân trong Đức Kitô, 1460;
Bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân và sự đồng hình đồng dạng với cuộc khổ nạn của Đức Kitô, 1521, 1523.

ĐỒNG TÍNH LUYẾN ÁI, SỰ (HOMOSEXUALITAS), 2357-59, x. Tính dục.

ĐỒNG TRÁCH NHIỆM, SỰ (CORRESPONSABILITAS) và công ích, 2240.

ĐỒNG TRINH, SỰ (VIRGINITAS)

Sự đồng trinh và sự khiết tịnh, 2349;
Sự đồng trinh của Đức Maria, 496-99, 502-03, 506, 510, 723;
Sự đồng trinh vì Nước Trời, 922, 1618-20.

ĐỨC CẬY (SPES)

Các tội chống lại đức cậy, 2091-92;

Điều răn thứ nhất như nguồn mạch của đức cậy, 2086;
 Định nghĩa đức cậy, 1817, 2090;
 Đời sống vĩnh cửu như đức cậy Kitô giáo, 1843;
 Đức cậy đáp ứng khát vọng hạnh phúc của con người, 1818;
 Đức cậy nâng đỡ và trợ giúp đức tin, 162;
 Đức cậy như một nhân đức đối thần, 1813, 1817-21;
 Hy vọng trời mới đất mới, 1042-50, 1405;
 Lý chứng của đức cậy Kitô giáo, 1681, 2785;
 Lòng trông cậy của Israel, 64, 673-74;
 Lòng trông cậy của ông Abraham như mẫu gương cho đức cậy Kitô giáo, 1819;
 Sự trợ giúp cho đức cậy, 274, 1717, 1820, 2657;
 Việc cầu nguyện như nguồn mạch của đức cậy, 2657.

ĐỨC GIÁO HOÀNG (SUMMUS PONTIFEX), 882.

Các nhiệm vụ, quyền lực và quyền bính của Đức Giáo Hoàng, 100, 882, 892, 937, 1463, 2034;
 Đức Giáo Hoàng được liên kết với mọi cử hành bí tích Thánh Thể, 1369;
 Giám mục đoàn và Đức Giáo Hoàng, 880-87, 895, 1559.
 Ổn bất khả ngộ của Đức Giáo Hoàng, 891;
 Ổn trợ giúp thần linh cho Đức Giáo Hoàng, 892.

ĐỨC KITÔ (CHRISTUS), x. *Đấng Messia*;

Các danh hiệu của Đức Kitô

Adam mới, 359, 411, 504;
 Amen, 1065;
 Ánh sáng muôn dân, Ánh sáng của con người, 280, 748, 1243;
 Bánh hằng sống, 1338, 1406, 2837;
 Bình an của chúng ta, 2305;
 Cây nho, 755, 2074;
 Chân lý, 2466;
 Chiên Thiên Chúa, 608;
 Chúa Giêsu, 430-35, 452, 2666;
 Chúa, 202, 209, 446-51, 455, 668-69;
 Con Người, 440, 460;
 Trưởng tử của nhân loại, 381, 2790;
 Con Thiên Chúa, 423-24, 441-45, 454, 1286, 2783;
 Con vua David, 439, 559;
 Đấng chuyển cầu, Đấng trung gian, con đường dẫn đến Thiên Chúa, 51, 65-67, 257, 294, 2574, 2634;
 Đấng Cứu Chuộc, 401, 616, 622, 679, 1026, 1069, 1235, 1476, 1992;
 Đấng Cứu Độ, 389, 846, 1019, 1359, 1507, 1584, 1741, 1846;
 Đấng được Thiên Chúa sai đến, 422, 437;

- Đấng được xúc dầu, 453;
Đấng giải thoát con người khỏi tội lỗi, 360, 420-21, 549, 976, 981-82, 987, 2637;
Đấng hằng sống, 625-26, 640, 662;
Đấng Messia, 440, 453, 547;
Đấng trung gian thật và duy nhất, 65-67, 480, 667, 771, 846;
Đầu của dân Thiên Chúa, Đầu của Thân Thể, 747, 753, 782, 792-95, 807, 947, 1698;
Đền thờ của Thiên Chúa, 1197;
Đức Kitô, 436-40, 453, 486, 629, 690, 695, 727, 745, 783, 1289;
Đường dẫn tới Chúa Cha, 2609;
Lời duy nhất của Thánh Kinh, 101-04;
Mẫu gương của sự thanh sạch, 2345, 2348, 2394;
Mẫu gương của tình yêu, 782, 1616, 1825;
Mẫu gương, 564, 896, 1477, 2740, 2825, 2862;
Mẫu nhiệm cứu độ, 774;
Mục đích của Lễ Luật, 1953, 1965, 1977;
Mục tử của con người, 160, 754;
Ngôi Lời, 241, 456-60;
Người tôi tớ, 565, 623, 608;
Nguồn mạch của ân sủng, 1642;
Nguồn mạch của đức cậy, 1820;
Nguồn mạch của việc loan báo Tin Mừng và việc giảng dạy, 49, 74-76;
Sứ giả của Nước [Trời], 567, 865;
Sự giao hoà giữa Thiên Chúa với trần gian, 433, 620, 1449, 2795, 2839;
Sự hoàn thành Thánh Kinh, 2763;
Sự hoàn thành thánh ý Chúa Cha, 2824;
Sự mạc khải của Chúa Cha, 73, 221, 238-42, 2798;
Sự mạc khải của Thiên Chúa, 50, 53, 151, 240, 272, 385, 2583, 2812;
Sự sống lại và sự sống, 994;
Sự sống, 2697;
Sự thánh hoá con người, 2813;
Thẩm phán, 1051, 1059;
Thầy dạy cầu nguyện, 2601, 2607-15, 2621, 2674, 2707, 2722, 2759, 2765-66, 2773, 2775;
Thầy thuốc của linh hồn và thân xác, 1421, 1458, 1484, 1503-05, 1509;
Thầy dạy, 108, 561;
Tiên tri, 783, 904;
Trung tâm điểm của việc dạy giáo lý, 426-29;

Trạng sư, 519;
 Trung tâm của đời sống Kitô hữu, 1618;
 Trung tâm của Thánh Kinh, 112, 117, 122, 124, 126, 129, 133-34,
 139, 158;
 Trung tâm của thế giới các thiên thần, 331, 333, 351;
 Tư tế, 783, 1141;
 Vua, 783, 786, 908, 2105.

Đức Kitô và Hội Thánh

Chức tư tế của Đức Kitô, 941, 1544-45;
 Cuộc Ngự đến của Đức Kitô và sự hoàn thành Hội Thánh, 769;
 Đức Kitô ban các phẩm chất cho Hội Thánh, 811, 889-90;
 Đức Kitô hướng dẫn Hội Thánh, 551, 852, 1547;
 Đức Kitô, cội nguồn của Hội Thánh, 424, 763-67;
 Đức Kitô, cội nguồn của Huấn Quyền của Hội Thánh, 88;
 Đức Kitô, tột đỉnh của Hội Thánh, 820, 822-24, 830, 837, 869, 1076,
 1547;
 Đức Kitô, cửa duy nhất, 754;
 Đức Kitô, khởi đầu, nền tảng, Đầu của Hội Thánh, 2, 424, 551-53,
 771, 778, 807, 864, 874;
 Hội Thánh, bí tích của hành động của Đức Kitô, 1118;
 Hội Thánh, bí tích Rửa Tội và Đức Kitô, 1261;
 Hội Thánh, Hiền Thê của Đức Kitô, 757, 772-73, 796, 808, 823, 867,
 926, 1617;
 Hội Thánh, người bảo toàn Lời Thiên Chúa, 171;
 Hội Thánh, sự hiệp thông với Đức Kitô, 787-89;
 Hội Thánh, Thân Thể Đức Kitô, 787-96, 805;
 Hy lễ tưởng niệm Đức Kitô, 1341, 1358, 1362-72, 1409, x. *Hy lễ*;
 Phụng vụ và các mầu nhiệm của Đức Kitô, 1164-65, 1201, 1204,
 x. *Phụng vụ*;
 Sự hiện diện của Đức Kitô trong Hội Thánh, 775, 779, 1119.

Thân Thể Đức Kitô

Bánh hằng ngày và Thân Thể [Minh Thánh] Đức Kitô, 2835, 2837,
 2861;
 Bí tích Thánh Thể và Thân Thể [Minh Thánh] Đức Kitô, 1323,
 1331, 1339, 1374-75, 1382, 1391, 1393, 1416;
 Chúa Thánh Thần và Thân Thể Đức Kitô, 797-98, 1084, 1108;
 Đức Maria và Thân Thể Christi, 466, 488, 973;
 Lễ vật, Hy lễ của Thân Thể Đức Kitô, 606, 610, 621;
 Nhân tính thật của Thân Thể Đức Kitô, 476;
 Sự biến đổi bánh thành Thân Thể [Minh Thánh] Đức Kitô, 1106,
 1333, 1353, 1376, 1411, 1413;
 Sự chết của Đức Kitô và Thân Thể của Người, 627, 630;

- Sự hiệp thông của các Kitô hữu và Thân Thể [Minh Thánh] Đức Kitô, 948, 960;
 Sự hiệp thông và Thân Thể [Minh Thánh] Đức Kitô, 1385;
 Sự phục sinh của Thân Thể Đức Kitô, 640, 645-46, 648, 657;
 Sự tôn kính Thân Thể [Minh Thánh] Đức Kitô, 103, 141;
 Sự tôn vinh Thân Thể Đức Kitô, 659.

Các mẫu nhiệm của đời sống Đức Kitô

SỰ NHẬP THỂ CỦA ĐỨC KITÔ, x. *Ngôi Lời* và *Chúa Ba Ngôi*;

- Chúa Giêsu, 430-35, 452;
 Chúa, 446-51, 455;
 Con Một, 441-45, 454;
 Đức Kitô, 436-40, 453;
 Đức Kitô, hình ảnh hữu hình của Thiên Chúa, 241, 477, 1559;
 Đức Kitô, Ngôi Vị trong Ba Ngôi, 249, 258-59;
 Sinh bởi Trinh Nữ Maria, 487-507;
 Sự chuẩn bị cho cuộc Ngự đến của Đức Kitô, 522-24;
 Sự Nhập thể của Ngôi Lời, 456, 461-63;
 Sự tượng thai bởi Chúa Thánh Thần, 437, 484-86, 490-93, 496, 498-99, 502, 504-05;
 “Thiên Chúa đã sai Con mình đến” 422.

THỜI THƠ ẤU

- Cuộc Hiếm linh, 528;
 Đời sống tại Nazareth, 531-34.
 Giáng sinh, 525-26;
 Sự báo tin cho các mục đồng, 437;
 Sự cắt bì, 527;
 Sự chạy trốn sang Ai cập và ý nghĩa của việc đó, 530;
 Sự hiến dâng trong Đền Thờ và ý nghĩa của việc đó, 529;
 Thời thiếu nhi, 527-30.

ĐỜI SỐNG CÔNG KHAI

- Bữa tiệc cuối cùng, 610-11, 1339-40;
 Các anh em và chị em của Chúa Giêsu, 500;
 Cuộc biến hình (Hiển dung), 554-56, 568;
 Khởi đầu đời sống công khai, 535;
 Những cơn cám dỗ, 538-40, 566;
 Những cuộc chữa lành, 517, 582, 695, 1151, 1503-05, 2616;
 Những cuộc trừ tà, 550, 1673;
 Những tố cáo chống Chúa Giêsu, 574-76;
 Phép Rửa, 535-37, 1223-25;
 Sự đi lên Giêrusalem, 557-58, 569;
 Sự hoàn thành Lễ Luật và Đức Kitô, 577-82, 592;

Sự loan báo Nước [Trời], 543-46;
 Sự tiến vào Giêrusalem, 559-60, 570;
 Sứ vụ của các Tông Đồ, 553, 858-60, 862, 873, 877, 935, 981, 1122,
 1536, 1575.

SỰ PHỤC TÙNG CỦA ĐỨC KITÔ

Đức Kitô phục tùng Lê Luật, 527;
 Đức Kitô phục tùng cha mẹ, 532, 564;
 Đức Kitô phục tùng Chúa Cha, 1009, 1019;
 Hiệu quả của sự phục tùng của Đức Kitô, 517;

SỰ CẦU NGUYỆN

Đức Kitô dạy cầu nguyện, 2607-15, 2621;
 Đức Kitô lắng nghe lời cầu nguyện, 2616;
 Chúa Giêsu cầu nguyện, 2599-2606, 2701, 2741;
 Chúa Giêsu như mẫu gương trọn hảo về cầu nguyện, 2620;
 Kinh Lạy Cha, 2759-2865, x. *Kinh Lạy Cha*;
 Lời cầu nguyện trong Giờ của Chúa Giêsu, 2746-51, 2758;
 Lời nguyện tư tế của Chúa Giêsu, 2604.

VIỆC GIẢNG DẠY VÀ NHỮNG CHỦ ĐỀ CHÍNH

Tình yêu đối với Thiên Chúa, 2055, 2083, 2093, 2133-34, x. *Tình yêu*;
 Tình yêu đối với người nghèo, 2443, 2449, 2463;
 Tình yêu đối với người lân cận, 1970, 2196;
 Các mối phúc, 1716-17, 1820;
 Đức mến, 1823, 2055;
 Sự chung thủy phu phụ, 2380;
 Hoả ngục (sự bị kết án muôn đời), 1034;
 Tội thờ ngẫu tượng, 2113;
 Chúa Giêsu được mặc khải bởi Chúa Thánh Thần, 728;
 Việc thờ, 2153-54;
 Hôn nhân, 1614-15, 2382;
 Sự tôn trọng của cải của người khác, 2412;
 Các bổn phận đối với gia đình, 2218;
 Sự thống hối và giao hoà, 1441, 1443;
 Sự nghèo khó, 2544, 2546;
 Tội lỗi, 1858;
 Các điều răn, 2054, 2076, 2083;
 Sự thanh sạch, 2336;
 Nước Thiên Chúa, 541-46, 2826;
 Sự tha thứ, 1933, 2262, 2842;
 Sự phục sinh, 993;
 Gương xấu, 2285;

“Ngày cuối cùng”, 678;
 Sự cảnh giác của trái tim, 2730;
 Đời sống vĩnh cửu, 2052;
 Lời kêu gọi hối cải, 1427, 1430, 1439, 1989, 2608.

CUỘC KHỔ NẠN

Giờ của cuộc khổ nạn, 730;
 Lễ vật của cuộc khổ nạn, 621;
 Những hiệu quả của cuộc khổ nạn của Đức Kitô, 1708, 1992, 2020;
 Sự cần thiết của cuộc khổ nạn của Đức Kitô, 607;
 Sự đóng đinh vào thập giá và hy lễ của cuộc khổ nạn, 616-17;
 Sự hấp hối trong vườn Giếtsemani, 612;
 Sự liên kết với cuộc khổ nạn của Đức Kitô, 1521-22, 1532;
 Vụ án, 595-98;
 Ý nghĩa của cuộc khổ nạn, 713.

SỰ CHẾT

Đức Kitô xuống ngục tổ tông, 631-37;
 Kế hoạch cứu độ và sự chết của Đức Kitô, 571-72;
 Những hiệu quả và ý nghĩa của sự chết của Đức Kitô, 634, 636-37;
 Sự chết của Đức Kitô như một lễ vật, 606-18;
 Sự chết của Đức Kitô như sự Cứu Chuộc, 573, 599-605, 619;
 Sự chết của Đức Kitô và Phép Rửa như sự chết cho tội lỗi cùng với Đức Kitô, 628, 790, 1214;
 Sự mai táng Đức Kitô, 624-30.

SỰ PHỤC SINH

Bí tích Thánh Thể, cuộc tưởng niệm sự chết và sự sống lại của Chúa Giêsu, 1163, 1166-67, 1337;
 Cựu Ước, các lời hứa và sự phục sinh của Đức Kitô, 652;
 Ngày phục sinh của Chúa Giêsu như một công trình tạo dựng mới, 2174;
 Ngày phục sinh của Chúa Giêsu, 1166-67, 2191;
 Ngôi mộ trống, 640;
 Những cuộc hiện ra của Đức Kitô, 641-44, 645;
 Phương diện cứu độ của sự phục sinh của Chúa Giêsu, 654-55, 658;
 Sự phục sinh của Đức Kitô khác biệt với những sự sống lại khác, 646;
 Sự phục sinh của Đức Kitô và sự phục sinh của con người, 992-1004;
 Sự phục sinh của Đức Kitô vì sự công chính hoá con người, 519;
 Sự phục sinh như chân lý tối thượng, 638, 651, 653, 991;
 Sự phục sinh như công trình của Ba Ngôi Chí Thánh, 648;
 Sự phục sinh, một biến cố có thật được biểu lộ trong lịch sử, 639, 643-45, 656;
 Sự phục sinh, một biến cố siêu việt, 645-48, 656;

Thân thể Đức Kitô được gìn giữ khỏi sự hư nát, 627;
 Tình trạng thân thể của Đức Kitô phục sinh, 645-46;
 Ý nghĩa của sự phục sinh của Đức Kitô, 272, 638, 651-55.

CUỘC THẮNG THIÊN

Cuộc Thắng thiên của Đức Kitô như sự hiện ra lần cuối cùng, 659;
 Những hiệu quả của cuộc Thắng thiên của Đức Kitô, 661, 663, 666-67;
 Sự tôn vinh Đức Kitô, 312;
 Ý nghĩa cuộc Thắng thiên của Đức Kitô, 662, 664-65, 668.

CUỘC NGỰ ĐẾN CỦA ĐỨC KITÔ

Sự ước muốn và niềm hy vọng Đức Kitô sẽ ngự đến, 671, 673;
 Hội Thánh và cuộc Ngự đến vinh hiển của Đức Kitô, 769;
 Mục đích của cuộc Ngự đến của Đức Kitô, 217, 457-58, 460, 678-79, 681-82;
 Cuộc phán xét cuối cùng và cuộc Ngự đến của Đức Kitô, 1038-40;
 Thời điểm của cuộc Ngự đến của Đức Kitô, 673;
 Cuộc thử thách cuối cùng của Hội Thánh, 675-77;
 Sự thâm tóm trần gian và cuộc Ngự đến của Đức Kitô, 1042-43, 2818.

Mâu nhiệm của Đức Kitô tác động trong hiện tại

Bất chước Đức Kitô, 1694;
 Bước theo Đức Kitô, 916, 918, 923, 932, 1435, 1697, 2053, 2232-33, 2253, 2466, 2708;
 Chết trong Đức Kitô, 1005-14, 1681;
 Được phục sinh với Đức Kitô, 1002-04;
 Giao Ước mới của Đức Kitô, 762, 781;
 Là các chi thể của Đức Kitô, 1213, 1241, 1265, 1271-72, 1279;
 Là các chứng nhân của Đức Kitô, 942, 995, 1816;
 Mâu nhiệm của Đức Kitô được cử hành trong phụng vụ, 1174;
 Mâu nhiệm của Đức Kitô được nhận ra trong kinh nguyện, 2708;
 Những nét chung của mâu nhiệm của Đức Kitô, 516-18;
 Sống theo Đức Kitô, 2046;
 Sống trong Đức Kitô, 2038;
 Sự hiệp thông của con người với Đức Kitô, 519, 521, 562;
 Sự hiệp thông với Đức Kitô, 957, 977, 985, 989, 1025, 1196, 1303, 1309, 1331, 1361, 1382, 1391, 1395-96, 2014, 2182;
 Sự trở lại với Đức Kitô, 1426-28, 1470;
 Tin vào Đức Kitô, 161, 1709, 1715, 2074;
 Tình yêu của Đức Kitô, 478, 609;
 Việc dạy giáo lý và mâu nhiệm của Đức Kitô, 90, 1075;
 Yêu mến Đức Kitô, 166.

Mẫu nhiệm của sự hợp nhất của Đức Kitô**ĐỨC KITÔ VÀ CHÚA THÁNH THẦN**

Đức Kitô ban Thần Khí, 667, 730-31, 739, 1287;

Tương quan giữa Chúa Thánh Thần và Đức Kitô, 739, 747, 797, 1108;

Chúa Thánh Thần và mẫu nhiệm của Đức Kitô, 1099, 1104-07.

CON VĨNH CỬU CỦA THIÊN CHÚA, x. *Chúa Ba Ngôi*;

Các mục đích của cuộc Ngự đến của Đức Kitô, 217, 456-60;

Con Thiên Chúa nghĩa là gì, 441-45;

Cuộc Nhập Thể của Đức Kitô, 479, 485, 488, 497, 723;

Đấng trung gian của công trình tạo dựng, 291-92;

Đức Kitô như đường đến Chúa Cha, 2609;

Đức Kitô như sự Mạc Khải của Chúa Cha, 73, 221, 238-42, 2798;

Đức Maria Mẹ Đức Kitô, 508-09;

Lời cầu nguyện đầy tình con thảo của Đức Kitô, 2605;

Sự đảm nhận bản tính nhân loại, 461-63, 485, 488, 497;

Sự hoàn thành kế hoạch thần linh, 128;

Tội đĩnh và Đấng bảo toàn toàn thể trần gian, 320, 703;

“Trưởng tử giữa đàn em đồng đảo”, 2790.

BẢN TÍNH CỦA ĐỨC KITÔ

Bản tính nhân loại của Đức Kitô, 470-78, 481-82;

Bản tính thần linh của Đức Kitô, 211, 447;

Đức Kitô phục tùng Chúa Cha, 536, 539, 606, 2600, 2824;

Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống, 153;

Đức Kitô, Thiên Chúa thật và Người thật, 464-69, 480-82;

Sự phục sinh xác nhận thần tính của Đức Kitô, 653;

Thân thể Đức Kitô, 476-77;

Trái tim Đức Kitô, 478;

Tri thức nhân loại của Đức Kitô, 472;

Trí tuệ của Đức Kitô, 482;

Ý chí nhân loại của Đức Kitô, 475.

THẦN KHÍ CỦA ĐỨC KITÔ, x. *Chúa Thánh Thần*;

Các Tông Đồ và Thần Khí của Đức Kitô, 1120;

Hành động theo Thần Khí của Đức Kitô, 2752;

Hành vi của Thần Khí của Đức Kitô, 2832;

Nước [Thiên Chúa] và Thần Khí của Đức Kitô, 2832.

ĐỨC MARIA

Đức Maria, Mẹ Đức Kitô bởi phép Chúa Thánh Thần, 437, 456, 484-86, 723-26.

Sự sùng kính Đức Maria

Các ngày lễ phụng vụ kính Đức Maria, 2043, 2177;
 Đức tin liên quan đến Đức Maria được đặt nền trên đức tin liên
 quan đến Đức Kitô, 487;
 Sự sùng kính Đức Maria trong năm phụng vụ, 1172, 1370;
 Sự tôn kính chứ không phải sự tôn thờ, 971;
 Sự tôn trọng danh Đức Maria, 2146;
 Việc cầu nguyện với Đức Maria, 2675-79.

Các danh hiệu của Đức Maria

“Odigitria” hoặc Đấng chỉ đường, 2674;
 “Panagia” hoặc Đấng toàn thánh, 493;
 Bà Evà Mới, 411;
 Đấng đầy ân sủng, 722, 2676;
 Đấng trọn đời đồng trinh, 499-501.
 Đấng vô nhiễm, 491-92;
 Hình ảnh cánh chung của Hội Thánh, 967, 972;
 Mẹ các sinh linh, 494, 511;
 Mẹ Đức Kitô, 411;
 Mẹ Hội Thánh, 963-70;
 Mẹ lên trời, 966;
 Mẹ Thiên Chúa, 466, 495, 509;
 Nữ tỳ của Chúa, 510;
 Toà Đấng Khôn Ngoan, 721;
 Trạng sư, Đấng cứu giúp, Đấng phù hộ, Đấng trung gian, 969.

Hội Thánh và Đức Maria

Đức Maria, sự thực hiện mẫu mực và điển hình của Hội Thánh, 967;
 Nơi Đức Maria, Hội Thánh đạt tới sự trọn hảo, 829;
 Tình mẫu tử thiêng liêng của Đức Maria, 501;
 Vị trí của Đức Maria trong mầu nhiệm Hội Thánh, 773, 963-72.

Đức Maria trong Nhiệm vụ Cứu độ

Công trình của Chúa Thánh Thần, 721-26;
 Cuộc lên trời của Đức Maria, 966;
 Cuộc Truyền tin, 484, 490;
 Đức Maria tinh tuyền khỏi tội lỗi, 411;
 Đức Maria vị trung gian của ân sủng, 969;
 Sự đồng trinh của Đức Maria, 496-98, 502-07;
 Sự thụ thai bởi phép Chúa Thánh Thần, 437, 456, 484-86, 495, 723;
 Sự tiền định của Đức Maria, 488-89, 508;
 Sự tượng thai vô nhiễm, 490-93;
 Sự ứng thuận của Đức Maria, 148, 490, 494;

Việc Đức Maria thăm viếng bà Êlisabeth như việc Thiên Chúa thăm viếng dân Ngài, 717.

Đức Maria như mẫu mực

Đức Maria như mẫu mực của đức cậy, 64;

Đức Maria như mẫu mực của sự kết hợp với Con ngài, 964;

Đức Maria như mẫu mực của sự thánh thiện, 2030;

Đức Maria như mẫu mực của sự vâng phục của đức tin, 144, 148-49, 494;

Đức Maria như mẫu mực của việc cầu nguyện trong lời “Fiat” (“Xin vâng”) và trong kinh “Magnificat” (“Linh hồn tôi ngợi khen Chúa”), 2617, 2619;

Đức Maria như mẫu mực và lời chứng của đức tin, 165, 273.

ĐỨC MẾN (CARITAS), x. *Tình yêu*.

Ân xá và đức mến, 1478;

Đức mến “không bao giờ mất được” 25;

Đức mến bị phá huỷ bởi tội trọng, 1855-56, 1861, 1874;

Đức mến bị suy yếu bởi tội nhẹ, 1855, 1863, 1875;

Đức mến như yêu mến người lân cận, 1822-29;

Đức mến xoá bỏ các tội nhẹ, 1394, 1472;

Ơn gọi đến đức mến, 1694, 2013;

Sự biếng nhác và lãnh đạm đối nghịch với đức mến, 2094;

Sự hiệp thông của đức mến, 953, 1475;

Thông tin và đức mến, 2489, 2494-95, 2497;

Trái tim như chỗ của đức mến, 1853;

Việc dạy giáo lý và đức mến, 25, 1967, 1971.

Đức mến và các bí tích

Bí tích Giao Hoà và đức mến, 1434, 1466;

Bí tích Hôn Phối và đức mến, 1570, 1654;

Bí tích Rửa Tội và đức mến, 1269, 1273, 1997, 2156, 2165;

Bí tích Thánh Thể như bí tích của đức mến, 1323, 1394-95, 1416;

Các bí tích khai tâm và sự tiến bộ trong đức mến, 1212;

Các dự tòng và đức mến, 1248-49;

Đời sống bí tích và sự trưởng thành trong đức mến, 1134.

Đức mến như lời chứng và sự phục vụ

Của cải vật chất và trật tự của đức mến, 2401, 2439, 2451, 2459, 2545;

Các phó tế và sự phục vụ đức mến, 1570, 1588, 1596;

Các thánh như mẫu gương đức mến, 2156, 2165;

Các tu hội đời và đức mến, 928;

Đời sống tu dòng và đức mến, 915-16, 926;

Đức mến đối với người lân cận, 1789, 1878, 1931-32, 2447, 2462;

Đức mến giữa các chi thể của Nhiệm Thể, 791;
 Đức mến như điều răn mang tính xã hội, 1889;
 Đức mến như linh hồn của việc tông đồ, 864;
 Đức Maria như mẫu gương đức mến, 967-68;
 Gia đình như trường học của đức mến Kitô giáo, 1657, 1666, 2204-05;
 Giáo xứ như nơi chốn của đức mến, 2179;
 Hội Thánh như cộng đoàn đức mến, 771, 815, 834;
 Sự từ khước hành động bạo lực và lời chứng của đức mến, 2306;
 Tình liên đới và đức mến, 1939, 1942;
 Tình yêu tổ quốc như trật tự của đức mến, 2239;
 Tu đoàn tông đồ và đức mến, 930.

Đức mến như đời sống luân lý Kitô giáo

Các đặc sủng và đức mến, 800, 2003;
 Các hoa trái của đức mến, 1825, 1829;
 Cầu nguyện và đức mến, 2098, 2662, 2806;
 Đức mến như mô thể của nhân đức, 826, 1827, 1841, 1844;
 Đức mến như mục đích của các hành động của chúng ta, 1829;
 Đức mến như sự trọn hảo của đời sống Kitô hữu, 1844, 1973;
 Hoà bình như hoa trái của đức mến, 2304;
 Nhân đức thờ phượng và đức mến, 2095;
 Sự khiết tịnh và đức mến, 2346;
 Sự tự do và đức mến, 1740.

Các nhân đức đối thần của đức mến, 1813, 1822, 1826, 1841, 1844.

Ân sủng của Đức Kitô như nguồn mạch của đức mến, 2011;
 Đức mến như linh hồn của sự thánh thiện, 826;
 Đức mến như nguồn mạch của các công trạng, 2011, 2026;
 Đức mến như tình yêu đối với Thiên Chúa và người lân cận, 1822, 1840, 1844, 2055, 2086, 2093;
 Đức mến như yêu mến theo tình yêu của Đức Kitô, 1823, 1825;
 Đức cậy và đức mến, 1818, 2090;
 Đức tin và đức mến, 162, 1794, 1814, 2093;
 Luật mới và đức mến, 1965-66, 1968, 1972-74;
 Sự kiên trì trong đức mến, 1824;
 Sự tự do của con cái và đức mến, 1828.

ĐỨC THÁNH CHA (PAPA), x. Đức Giáo Hoàng.

ĐỨC TIN (FIDES), x. Tin;

Bí tích Rửa Tội và đức tin, 1236, 1253-55;
 Bí tích Rửa Tội, bí tích Thêm Sức và khả năng tuyên xưng đức tin, 1270, 1305, 1319;

- Bí tích Thánh Thể như bản toát yếu và tổng luận của đức tin, 1327;
Các tín điều đức tin, 88-90;
Các tội chống lại đức tin, 2088-89;
Cảm thức siêu nhiên của đức tin, 91-93, 889, 904;
Sự dữ và câu giải đáp của đức tin, 309;
Động lực của đức tin, 156;
Đức tin của các tín hữu như đức tin của Hội Thánh được lãnh nhận từ các Tông Đồ, 949;
Đức tin như hồng ân của Thiên Chúa, 153;
Đức tin như hành vi nhân linh không chống lại sự tự do và trí khôn, 154-55;
Đức tin như nhân đức đối thần, 1813-16;
Gia đình như cộng đồng đức tin, 2204;
Hội Thánh như người gìn giữ đức tin, 171, 181, 507;
Kho tàng đức tin, 84-95, 173-75;
Khoa học và đức tin, 159;
Lời cầu nguyện của đức tin, 2570, 2610-11, 2613, 2616;
Lời chứng của đức tin, 1816, 2220, 2473-74;
Những lý chứng của đức tin, 156, 651;
Những mẫu nhiệm trung tâm của đức tin, 234, 647, 2558;
Những người Hồi giáo và đức tin vào Thiên Chúa duy nhất, 841;
Những thử thách và những khó khăn trong đời sống đức tin, 164;
Sách Giáo lý của Hội Thánh Công giáo và giáo lý đức tin, 13-18, 23;
Sự chết vì đức tin, 1281, 2473-74;
Sự giáo dục về đức tin và việc dạy giáo lý, 4-6;
Sự giáo dục về đức tin, 1656, 2225-26;
Sự hoài nghi đức tin, 644, 1381, 2088-89;
Sự khác biệt về đức tin giữa đôi phối ngẫu, 1633-37;
Sự khởi đầu của đức tin, 683-84, 875;
Sự kiên trì trong đức tin và sự bảo vệ đức tin, 162, 2088;
Sự loan báo, sự giáo dục và sự truyền bá đức tin, 3-10, 24, 91, 171, 425, 927, 935, 939;
Sự thờ ngẫu tượng như cám dỗ đối với đức tin, 2113;
Sự thử thách cuối cùng về đức tin, 675;
“Sự tương hợp của đức tin”, 114;
Thiên Chúa và những điều được Thiên Chúa xếp đặt như đối tượng của đức tin, 150-52, 170, 178, 182, 206;
Việc tuyên xưng đức tin như một bổn phận và nhiệm vụ, 2145, 2471-72;
Ý nghĩa đức tin, 26, 142-43, 150.

Những trợ giúp cho việc giáo dục đức tin

- Các ảnh tượng thánh, 1192;
Các bí tích, 1123, 1305;

Các Giám mục là thầy dạy đức tin, 12, 888, 2034;
 Chúa Thánh Thần, 1098, 1520;
 Gương mẫu của các tiền nhân, 147;
 Gương mẫu của Đức Maria, 148-49;
 Gương mẫu của ông Abraham, 144-45;
 Hội Thánh Công giáo là nhà giáo dục đức tin, 168-69, 197, 868, 1124;
 Huấn quyền, 890, 892;
 Lễ Luật, 1963;
 Lời Chúa, 131, 1102, 1122, 1154;
 Lời chứng của đời sống Kitô hữu, 2044;
 Phụng vụ, 1083, 1204, 1206;
 Sự bảo vệ và loan truyền đức tin, 1285;
 Sự ý thức về sự toàn năng của Thiên Chúa, 274;
 Thời kỳ dự tòng và sự khai tâm về đức tin, 1247-48.

Những hiệu quả của đức tin

Lương tâm ngay thẳng và đức mến, 1794;
 Một Hội Thánh trong một đức tin, 818-19;
 Nguồn mạch của đời sống luân lý, 2087, 2716;
 Nguồn mạch của sự cầu nguyện và sự trợ giúp, 2656, 2662, 2754;
 Sự chấp thuận thần linh cho những người thỉnh cầu, 548;
 Sự đạt tới mầu nhiệm Hội Thánh, 770, 779, 812;
 Sự đạt tới mầu nhiệm phục sinh của Đức Kitô, 1000;
 Sự đạt tới mầu nhiệm sự chết, 1006;
 Sự đạt tới mầu nhiệm Thánh Thể, 1381;
 Sự đón nhận và hiểu biết Mạc Khải, 99, 158;
 Sự gắn bó với sự toàn năng của Thiên Chúa, 273;
 Sự hiệp thông phụ phụ được củng cố, 1644;
 Sự nhận biết phẩm giá riêng, 1692;
 Sự nhận biết Thiên Chúa, 2614;
 Sự phân định luân lý, 2038;
 Sự tham dự vào nhiệm vụ tiên tri của Đức Kitô, 785;
 Sự tháp nhập vào Đức Kitô, 818;
 Sự thống hối, 1492;
 Sự thuộc về dân Thiên Chúa, 782;
 Vấn đề sự dữ, 309, 324.

Các công thức đức tin và các tín biểu [Kinh Tin Kính]

Các Phần và các Mục của kinh Tin Kính, 190-91;
 Tín biểu của các Công đồng Nicêa-Constantinôpôli, 195;
 Tín biểu của các Tông Đồ, 194;
 Ngôn ngữ đức tin, 170-71, 185;
 Sự tuyên xưng khi lãnh Phép Rửa, 189;

Ý nghĩa của tín biểu, 186-88, 197.

Sự vâng phục của đức tin

Đức Maria và sự vâng phục của đức tin, 144, 494;

Sự nghe Lời Chúa và sự vâng phục của đức tin, 2716;

Sự vâng phục của đức tin như sự bắt buộc hàng đầu của luân lý, 2087;

Ý nghĩa của sự vâng phục của đức tin, 143-44.

Những đặc điểm và bản chất của đức tin

Ân sủng được Thiên Chúa ban, 153, 298, 162, 179, 2005;

Hành vi cá vị và lời chứng cho những người khác, 166;

Hành vi không chống lại sự tự do và trí khôn, 154-55, 180;

Khởi đầu đời sống vĩnh cửu, 163-65;

Lời đáp trả của con người đối với hồng ân của Thiên Chúa, 142;

Một đức tin duy nhất, 172-75, 866;

Sự cần thiết của đức tin, 161, 183, 846;

Sự chắc chắn của đức tin, 157;

Sự gắn bó đầy đủ với Thiên Chúa, 143, 155, 176, 2609;

Sự hiểu biết và sự tăng trưởng về đức tin, 94-95, 156-59, 176;

Sự kiên trì trong đức tin, 162;

Sự tự do của đức tin, 160.

ĐỨC TRINH NỮ MARIA (VIRGO MARIA), x. Đức Maria.

E

EVÀ, BÀ (EVA)

Các hậu quả bởi sự bất tuân của ông Adam và bà Evà, 399, 404, 417;

Đức Maria như bà “Evà mới”, 411, 489, 726, 2618, 2853;

Thiên Chúa thực hiện lời hứa với bà Evà, 489;

Tình trạng nguyên thủy của ông Adam và bà Evà, 375;

Việc sửa chữa lại sự bất tuân của bà Evà, 494.

G

GANH TỊ, SỰ (INVIDIA)

Ganh tị như một trong bảy mối tội đầu, 2538-40, 2553-54.

GẮN BÓ, SỰ (ADHAESIO)

Sự gắn bó của Chúa Giêsu với kế hoạch của Chúa Cha, 566, 2600, 2603, 2620;

Sự gắn bó của Đức Maria với thánh ý Chúa Cha, 967;

Sự gắn bó của đức tin với các tín điều của Hội Thánh, 88;
 Sự gắn bó của đức tin với Thiên Chúa, 150, 176, 1098, 1102, 2609,
 1730, 2716.

GẶP GỠ, SỰ (OCCURSUS)

Phụng vụ như sự gặp gỡ giữa Đức Kitô và Hội Thánh, 1097;
 Sự gặp gỡ Chúa Giêsu, 529, 995, 1021;
 Sự gặp gỡ giữa Thiên Chúa và người ta, 1153, 2299, 2560, 2563,
 2567, 2591, 2626, 2710.

GHEN TƯƠNG, SỰ (ZELOTYPIA)

Sự ghen tương của Thiên Chúa, 339, 584;
 Sự ghen tương như công việc của xác thịt, 1852;
 Sự ghen tương trong hôn nhân, 1606.

GHÉP CÁC BỘ PHẬN, VIỆC (TRANSPLANTATIO ORGANORUM), 2296.

GIA ĐÌNH (FAMILIA), x. Hôn nhân

Các bốn phận của cha mẹ trong gia đình, 2221-26;
 Các bốn phận của con cái trong gia đình, 2214-20;
 Các bốn phận của gia đình đối với những người trẻ và người già,
 2208;
 Các gia đình đông con như dấu chỉ sự chúc lành của Thiên Chúa,
 2373;
 Các quyền của cha mẹ trong gia đình, 2229-30;
 Chức tư tế do Phép Rửa, 1657;
 Dành ngày Chúa Nhật để chú tâm đến gia đình, 2186;
 Gia đình của Chúa Giêsu, 533, 564;
 Gia đình của Thiên Chúa, 2232;
 Gia đình Kitô hữu, 2204-06;
 Gia đình như hình ảnh của Chúa Ba Ngôi, 2205;
 Gia đình như Hội Thánh tại gia, 655-58, 1666, 2204-05, 2685;
 Gia đình như một cộng đồng ưu việt, 2206;
 Gia đình như sự phản ánh công trình tạo dựng của Chúa Cha, 2205;
 Gia đình như tế bào căn bản của đời sống xã hội, 1882, 2207;
 Gia đình trong kế hoạch của Thiên Chúa, 2201-03;
 Gia đình và điều răn thứ tư, 2197-2200;
 Gia đình và Nước Thiên Chúa, 2232;
 Hội Thánh như gia đình của Thiên Chúa, gia đình của Đức Kitô, 1,
 759, 764, 959, 1655, 2233;
 Những cá vị không gia đình, 1658;
 Những đe dọa gia đình, 2436;
 Những xúc phạm đến gia đình, 2390;
 Quyền xây dựng gia đình, 1908;

Sự bảo vệ của xã hội cho gia đình, 2209-11;
Sự chuẩn bị để xây dựng gia đình, 1632;
Sự giáo dục của riêng gia đình, 1914;
Sự giáo dục và tôn trọng con cái, 2221-24, 2228-30;
Sự loan báo Tin Mừng cho con cái, 2225-26;
Sự mở ngõ của gia đình cho việc sinh sản, 1652-54;
Sự thiết lập, bản chất và các mục đích của gia đình, 2201-03, 2249, 2363;
Sự tôn trọng của con cái đối với cha mẹ, 2214-20;
Sự tôn trọng ơn gọi của con cái, 2232-33;
Việc cầu nguyện trong gia đình, 2183, 2685, 2691, 2834.

GIA SẢN (HEREDITAS)

Bảo chứng của Chúa Thánh Thần, 1107;
Công trình tạo dựng như gia sản dành cho con người và được trao phó cho con người, 299;
Công trạng để đạt được gia sản là đời sống vĩnh cửu, 2009.

GIẢI THÍCH, SỰ (INTERPRETATIO)

Sự giải thích các hành động, tư tưởng và lời nói của người lân cận, 2478;
Sự giải thích các vấn đề của chân lý, 1788, 2422;
Sự giải thích kho tàng đức tin, 84-95;
Sự giải thích Lễ Luật, 581-82, 2173;
Sự giải thích Lời Chúa, 85, 109, 111, 116, 119, 572, 601, 2055, 2336;
Sự giải thích Mạc Khải, 82;
Sự giải thích Thánh Kinh, 109-19;
Sự giải thích tương lai và nhìn thấy tương lai, 2116.

GIẢI THOÁT, SỰ (LIBERATIO)

Sự giải thoát được thực hiện nhờ bí tích Rửa Tội, 1221, 1237;
Sự giải thoát Israel, 1363, 2170;
Sự giải thoát khỏi tội lỗi, 1741, 1964;
Sự giải thoát và ơn cứu độ, 1741;
Sự giải thoát về kinh tế và xã hội, 2124;
Việc cầu nguyện để được giải thoát khỏi sự dữ, 2750, 2850-54.

GIÁM MỤC (EPISCOPUS), x. Bí tích Truyền Chức Thánh: Chức Giám mục;

Ghế ngồi (toà) của Giám mục, 1184;
Giám mục đoàn, 857, 877, 879-87, 1577;
Giám mục như hình ảnh sống động của Thiên Chúa Cha, 1549;
Giám mục như vị kế nhiệm các Tông Đồ; 77, 861-62;
Giám mục Rôma, x. *Đức Giáo Hoàng*;
Giám mục và linh mục đoàn, 1567;

Những cộng sự viên của Giám mục, 927, 1562-68, 1570;
Việc truyền chức Giám mục, 1555-61, 1572.

Các nhiệm vụ của Giám mục

Giám mục cai quản, 816, 873, 894-96;
Giám mục chủ sự việc cử hành bí tích Thánh Thể, 1142, 1561;
Giám mục giảng dạy, 12, 85, 888, 1558, 1676, 2034, 2068;
Giám mục như thừa tác viên bí tích Giao Hoà, 1462;
Giám mục như thừa tác viên bí tích Thêm Sức, 1299, 1312-13;
Giám mục như thừa tác viên bí tích Truyền Chức Thánh, 1538, 1569, 1576;
Giám mục phải có những quyết định đặc biệt, 919, 1483, 1673;
Giám mục thánh hiến dầu thánh, 1297;
Giám mục thánh hoá, 893;
Nhiệm vụ của Giám mục của Giáo Hội địa phương, 1560, 1594;
Nhiệm vụ của Giám mục trong việc khai tâm Kitô giáo: trong các bí tích Rửa Tội, Thêm Sức và Thánh Thể, 1120-21;
Trách nhiệm của Giám mục đối với bí tích Thánh Thể, 1369.

GIÁM MỤC, CHỨC (EPISCOPATUS), x. Giám mục;

Chức Giám mục như sự tham dự vào chức Tư tế của Đức Kitô, 1554;
Chức Giám mục như bí tích của thừa tác vụ tông truyền, 1536.

GIÁM MỤC ĐOÀN (COLLEGIUM EPISCOPALE)

(hoặc Corpus episcopale)

Quyền bính và Giám mục đoàn, 883-84;
Việc tấn phong Giám mục và Giám mục đoàn, 1559;
Hội Thánh và Giám mục đoàn, 857, 869;
Các Giáo Hội địa phương và tinh thần tập thể, 886-87;
Các Giám mục và Giám mục đoàn, 877;
Giám mục Rôma và Giám mục đoàn, 936;
Sự diễn tả của Giám mục đoàn, 885;
Ơn bất khả ngộ của Giám mục đoàn, 891.

GIÁM MỤC RÔMA (EPISCOPUS ROMANUS), x. Đức Giáo Hoàng.

GIAN ÁC, SỰ (INIQUITAS)

Mâu nhiệm của sự gian ác, 385.

GIAN DÂM, SỰ (FORNICATIO)

Định nghĩa sự gian dâm, 2353;
Tính vô luân của sự gian dâm, 1755, 1852, 2353.

GIAN LẬN, SỰ (FRAUS)

Cội rễ của sự gian lận, 2534;
Gương xấu trong việc thúc đẩy sự gian lận, 2286;
Kết án sự gian lận, 1916, 2409.

GIAN TRUÂN (NHỮNG) (TRIBULATIO/NES)

- Các mối phúc như sự trợ giúp trong những gian truân, 1717;
- Gian truân cần thiết để vào Nước Thiên Chúa, 556;
- Gian truân và đức can đảm, 1808;
- Gian truân và đức cậy, 1820;
- Gian truân và sự tin tưởng của người con thảo, 2374.

GIẢNG ĐÀI (AMBO), 1184.**GIAO HOÀ, SỰ (RECONCILIATIO), x. Bí tích Thống Hối và Giao Hoà.****GIAO ƯỚC (TESTAMENTUM), x. Cựu Ước và Tân Ước.****GIAO ƯỚC CŨ (FOEDUS VETUS), x. Cựu Ước;**

- Các dấu chỉ và các biểu tượng của Giao Ước, 1145, 1150-52, 1334;
- Các điều răn và ý nghĩa của Giao Ước, 2061-63;
- Chức tư tế và Giao Ước, 1539, 1542, 1544;
- Con người được kêu gọi tới Giao Ước với Đấng Tạo Hoá của mình, 357;
- Giá trị trường tồn của Giao Ước, 121;
- Giao Ước Sinai, 62, 204, 2810;
- Lễ vật là bánh với rượu, và Giao Ước, 1334;
- Luật và Giao Ước, 346, 709, 2060-63, 2070;
- Mười Điều Răn và Giao Ước, 2057, 2077;
- Ngày sabat như dấu chỉ của Giao Ước, 2171;
- Những chuẩn bị trong Giao Ước hướng về Đức Kitô, 522, 762;
- Những hình ảnh tiên trưng và Giao Ước, 1217, 1223, 1544;
- Ông Abraham và Giao Ước, 72, 992, 2571;
- Phụng vụ và Giao Ước, 1093, 1156;
- Thiên Chúa và Giao Ước với dân Ngài, 238, 781, 1102, 1612, 2058;
- Trái tim như nơi của Giao Ước, 2563;
- Việc cầu nguyện và Giao Ước giữa Thiên Chúa và con người, 2564, 2567, 2569, 2713, 2795, 2829, 2841.

GIAO ƯỚC MỚI (FOEDUS NOVUM), x. Tân Ước;

- Bàn thờ và Giao Ước, 1182;
- Bí tích Thánh Thể và Giao Ước, 610, 611, 1339, 1365, 1410, 1846;
- Các bí tích và Giao Ước, 1091, 1116, 1129, 1222, 1541;
- Các Tiên tri và sự mong đợi Giao Ước, 64;
- Các Tông Đồ như các tư tế của Giao Ước, 611, 859, 1337;
- Chén Giao Ước, 612;
- Đức Kitô như Giao Ước vĩnh viễn của Thiên Chúa, 73;
- Đức Kitô như Tư Tế duy nhất của Giao Ước, 662, 1348, 1365, 1410;
- Hội Thánh và Giao Ước, 759, 778, 796, 839, 840;
- Luật cũ và Giao Ước, 577, 1964, 2056;
- Nơi của phụng tự và Giao Ước, 1179;

Sự cất bì của Chúa Giêsu như dấu chỉ của Giao Ước, 527;
 Sự chết của Đức Kitô như hy lễ của Giao Ước Vượt Qua, 613;
 Việc cầu nguyện trong Giao Ước, 2565, 2607, 2614, 2771, 2787,
 2801;
 Việc phụng tự Chúa Nhật và Giao Ước, 2176.

GIÁO DÂN (LAICUS)

Các giáo dân chủ sự việc chúc lành, 1669;
 Các giáo dân và các Giờ kinh phụng vụ, 1174-75;
 Ổn gọi của các giáo dân, 898-900, 2442;
 Sự tham dự của giáo dân vào nhiệm vụ tiên tri của Đức Kitô, 785,
 904-07, 942;
 Sự tham dự của giáo dân vào nhiệm vụ tư tế của Đức Kitô, 901-03,
 941;
 Sự tham dự của giáo dân vào nhiệm vụ vương đế của Đức Kitô, 908-
 13, 943;
 Việc tông đồ giáo dân, 864, 900, 2442;
 Ý nghĩa của từ giáo dân, 897.

GIÁO DỤC, SỰ (EDUCATIO), x. *Sự huấn luyện.*

Các hiệu quả và hoa trái của sự giáo dục, 1839, 1917;
 Cha mẹ như những nhà giáo dục đầu tiên và chính yếu của con cái,
 1653, 2206, 2372;
 Hôn nhân và sự giáo dục con cái, 1601, 1652, 2201;
 Những ngăn trở trong việc giáo dục con cái, 1634;
 Quyền được hưởng sự giáo dục ngay thẳng về tính dục, 2344;
 Quyền được hưởng sự giáo dục, 1908, 1911;
 Quyền và bổn phận của cha mẹ trong việc giáo dục con cái, 1653,
 2221, 2223, 2372;
 Sự cộng tác của cha mẹ trong việc giáo dục con cái, 2206;
 Sự giáo dục Kitô giáo cho con cái như con đường của sự thánh hoá,
 902;
 Sự giáo dục lương tâm, 1783-85;
 Sự giáo dục về đức tin Kitô giáo như bổn phận và nhiệm vụ, 1635,
 1651, 1656-66, 2685;
 Sự giáo dục về đức tin và các hậu quả nếu xao lãng việc này, 2125;
 Sự giáo dục về sự tự do, 2370, 2526;
 Sự huấn luyện về tôn giáo, x. *Sự huấn luyện*;
 Sự tự do giáo dục con cái về đức tin, và cộng đồng chính trị, 2211.

GIÁO HUẤN XÃ HỘI CỦA HỘI THÁNH

(DOCTRINA SOCIALIS ECCLESIAE), 2419-25;

Các phương diện trần thế trong giáo huấn xã hội, 2420;
 Dòng lịch sử được giải thích dưới ánh sáng của Tin Mừng trong giáo
 huấn xã hội, 2421-22;

Những kế hoạch hành động được đưa ra trong giáo huấn xã hội, 2423-25;
Sự phát triển của giáo huấn xã hội, 2412-22.

GIÁO LÝ KITÔ GIÁO (DOCTRINA CHRISTIANA), x. Việc dạy giáo lý;

Bài giảng trên núi như giáo lý về sự sống, 2764;
Chân lý của giáo lý Kitô giáo trong lời chứng của việc tử đạo, 2473;
Giáo huấn của Chúa Giêsu như giáo huấn của Chúa Cha, 427;
Lời ca trong các bài thánh ca phù hợp với giáo lý công giáo, 1158;
Những bản toát yếu giáo lý Kitô giáo, 9-10;
Những công thức ngắn của giáo lý Kitô giáo, 186;
Những mục đích của giáo lý Kitô giáo, 25, 78, 98;
Sáng kiến của giáo dân là cần thiết để đem những đòi hỏi của giáo lý Kitô giáo thấm nhập vào các thực tại xã hội, 899;
Sự thiết lập giáo lý Kitô giáo, 5, 11, 427, 2179;
Tin Mừng, giáo lý tốt nhất trong tất cả, 127.

GIÁO LÝ VIÊN (CATECHISTA)

Các giáo lý viên, những thầy dạy cầu nguyện, 2663;
Các phẩm chất của giáo lý viên, 428;
Sách giáo lý nhắm đến các giáo lý viên, 12.

GIÁO PHẬN (DIOECESIS)

Định nghĩa giáo phận, 833.

GIÁO XỨ (PAROECIA), 2179, 2226.

GIÀU SANG, SỰ (DIVITIAE)

Hạnh phúc và sự giàu sang, 1723;
Sự đam mê vô độ đối với sự giàu sang, 2536;
Sự tự do của trái tim đối với sự giàu sang là cần thiết để vào Nước [Thiên Chúa], 2544, 2556;
Tình yêu người nghèo và tình yêu sự giàu sang, 2445.

GIẬN DỮ, SỰ (IRA)

Các đam mê và sự giận dữ, 1772;
Sự dữ và sự giận dữ, 1765;
Định nghĩa sự giận dữ, 2302;
Sự giận dữ như một mối tội đầu, 1866;
Sự giận dữ và tình yêu của Thiên Chúa, 208, 210;
Tội giết Abel và sự giận dữ của con người, 2259.

GIẾNG RỬA TỘI (BAPTISTERIUM), 1185.

GIẾT (OCCIDERE), 2258;

Sự tự vệ hợp pháp, 2263-67;
Sự cấm giết trong Thánh Kinh, 2259-62;

Sự chết êm dịu (Euthanasia), 2276-79;
 Sự giận dữ và ước muốn giết, 2302;
 Sự giết người có chủ ý, 2268-69;
 Sự phá thai, 2270-75;
 Sự tự sát, 2280-83.

GIẾT NGƯỜI, VIỆC (HOMICIDIUM)

Chết êm dịu (euthanasia) có chủ ý như việc giết người, 2324;
 Chỉ có Thiên Chúa là Chúa sự sống, 2258;
 Giết người không chủ ý, 2263, 2269;
 Giết người như một tội nghiêm trọng, 1447;
 Giết người vì tự vệ hợp pháp, 2263-65;
 Giết người, tội kêu thấu đến trời, 1867;
 Nguồn gốc của việc giết người, 2517;
 Những người thù ghét như những kẻ giết người, 1033;
 Tính nghiêm trọng và sự kết án việc giết người có chủ ý, 1756,
 2261, 2268;
 Việc tha thứ cho tội giết người, 1447.

GIỐNG, SỰ (SIMILITUDO)

Có sự tương đồng giữa sự duy nhất giữa các Ngôi Vị thần linh và
 tình huynh đệ của con người, 1878;
 Những con đường để phục hồi sự giống [với Thiên Chúa], 734, 2572;
 Rửa Tội, bí tích làm cho nên giống với Thiên Chúa, 1682;
 Sự giống với Thiên Chúa của các thụ tạo, 41;
 Sự giống với Thiên Chúa của con người, 225, 705, 1604, 1701-09,
 2319, 2331, 2784.

GIỜ CỦA CHÚA GIÊSU (HORA IESU), 729-30, 1165, 2719, 2746.

GIUSE, THÁNH (IOSEPH)

Chúa Giêsu phục tùng thánh Giuse, 532;
 Ngày lễ kính thánh Giuse, 2117;
 Nhiệm vụ và ơn gọi của thánh Giuse, 437;
 Thánh Giuse bốn mạng sự chết lành, 1014;
 Thiên thần truyền tin cho thánh Giuse, 497, 1846.

GOÁ PHỤ (VIDUA), 922, 1537, 1672, 2349.

GƯƠNG MẪU (EXEMPLUM)

Các cha mẹ và gương mẫu của họ cho con cái, 1632, 1656, 2223;
 Gương mẫu của các Giám mục để thánh hoá Hội Thánh, 893-94;
 Gương mẫu của các Thánh, 1173, 1195, 1697, 2683;
 Gương mẫu của các Tông Đồ, 76;
 Gương mẫu phải được bắt chước của Chúa Giêsu, 83, 520, 564, 618,
 1011, 1351, 1694, 2470, 2722, 2862;

Gương tốt như bốn phận của các Kitô hữu, 2188, 2472;
Gương xấu của các Kitô hữu và những hậu quả của nó, 29, 1792.

GƯƠNG XẤU / CỐ VẤP PHẠM (SCANDALUM)

Bốn phận tránh gương xấu, 2489;
Cố vấp phạm của Chúa Giêsu, 589;
Định nghĩa gương xấu, 2284;
Gương xấu phát sinh do luật lệ hay do những cơ chế, 2286;
Những bất bình đẳng về xã hội và kinh tế gây ra gương xấu, 1938;
Những người khuyến khích các gương xấu, 2287;
Sự gian dâm, tranh ảnh khiêu dâm và sự mai dâm như gương xấu, 2353-55;
Tính nghiêm trọng của gương xấu, 2284-85, 2326;
Tự sát như gương xấu, 2282.

H

HÀ TIỆN, TỘI (AVARITIA), một trong bảy mối tội đầu, 1866.

HẠ MÌNH, SỰ (HUMILIATIO) của Chúa Giêsu, 272, 472, 520, 537, 2748.

HAI BẢNG GHI KHẮC MƯỜI ĐIỀU RĂN (TABULAE DECEM PRAECEPTORUM), 2058, 2067.

HAM MUỐN, SỰ (CUPIDO), *x. Dục vọng và Ước muốn*;
Cửa cải của người khác và sự ham muốn, 2534, 2536;
Nguyên do của sự ham muốn, 1607, 2259;
Việc chế ngự sự ham muốn, 377, 2552;
Những lý lẽ vượt thắng sự ham muốn, 2541.

HÃM MÌNH, SỰ (MORTIFICATIO), 2015.

HÀI HOÀ, SỰ (HARMONIA)

Sự hài hoà trong gia đình, 2219, 2251;
Sự hài hoà trong các tương quan nhân loại, 1807;
Sự hài hoà giữa những ước muốn nhân loại và sứ điệp của Hội Thánh, 2126;
Sự hài hoà giữa con người và các vật thụ tạo, 374, 376, 379, 400, 1676;
Sự hài hoà giữa các quyền và các bốn phận, 912;
Sự hài hoà giữa phụng vụ và lòng đạo đức bình dân, 1675;
Sự hài hoà giữa các vật thụ tạo, 307, 341, 2500;
Sự hài hoà của các dấu chỉ trong các nhà thờ của Hội Thánh, 1158, 1162, 1181;
Sự hài hoà của hai Giao Ước, 1094;

Sự hài hoà giữa người nam và người nữ, 2333.

HÀNG GIÁO SĨ (CLERUS), x. Các giáo sĩ.

HẰNG NGÀY (COTIDIANUS)

Ý nghĩa của từ “hàng ngày” 2837;

HÀNH ĐỘNG (ACTIO, AGERE)

Các thừa tác viên hành động trong cương vị Đức Kitô, 875, 935, 1548, 1563, 1581, 1584;

Cầu nguyện và hành động, 2157, 2166, 2570, 2670;

Công trạng của hành động, 2006, 2008;

Chân lý trong hành động, 2468;

Chúa Giêsu hành động, 576, 1575, 2076;

Hành động của Chúa Ba Ngôi, 648;

Hành động của Chúa Thánh Thần nơi Đức Maria, 2675, 2682;

Hành động của Đức Kitô, x. *Đức Kitô*;

Hành động của Hội Thánh, 771, 1072, 1074, 1083;

Hành động của Thiên Chúa, 260, 292, 301, 308, 988, 1148, 1164, 1325, 1448, 2008, 2084, 2171, 2258, 2564, 2738;

Hành động đạo đức, x. *Lương tâm*;

Hành động luân lý mức lấy ý nghĩa từ Giao Ước, 2061;

Hành động mục vụ, 2352, 2423;

Hành động nhân linh, 236, 307, 1146, 1148, 1724, 1806, 2306, 2668, 2670;

Hành động như chứng nhân Tin Mừng, 2472;

Hành động như Kitô hữu, 3, 16, 1813, 2031, 2047, 2181;

Hành động phúc âm hoá, 900, 905;

Hành động phụng vụ, 15, 1070, 1074, 1088, 1097, 1108, 1111, 1136, 1140, 1153, 1155;

Hành động tạ ơn, 644, 1453, 1742;

Hành động theo Thiên Chúa, 798, 1695, 2000, 2752;

Hành động trong quyền năng của tình yêu, 1972;

Hành động xã hội, 407, 1883, 2442;

Mục tiêu của hành động, 1752;

Sự tự do và hành động, 302, 323, 1731, 1744, 1745;

Ý hướng trong hành động, 1752.

HÀNH HƯƠNG, VIỆC / CUỘC (PEREGRINATIO)

Cuộc hành hương của Hội Thánh, 769;

Cuộc hành hương trần thế của con người, 1013, 1419;

Những thời gian thích hợp để hành hương, 1438;

Việc hành hương như một hình thức đạo đức, 1674, 2101;

Ý nghĩa việc hành hương, 2691.

HÀNH VI NHÂN LINH (ACTUS HUMANUS), x. *Hành động, Con người và Các đam mê*;

- Các hoàn cảnh và hậu quả của hành vi nhân linh, 1754;
- Đối tượng của hành vi nhân linh, 1751;
- Đức tin như một hành vi nhân linh, 154, 155, 180;
- Hành vi nhân linh tốt về mặt luân lý, 1755, 1760;
- Hành vi nhân linh vô trật tự về mặt luân lý, 1761;
- Sự tự do của hành vi nhân linh, 1731, 1744, 1745, 1782, 2008, 2106;
- Sự ưng thuận kết hôn như một hành vi nhân linh, 1625-32;
- Tính luân lý của hành vi nhân linh, 1709, 1749-56, 1757-61, 1805, 1813, 1853, 1954, 2085, 2157;
- Ý hướng của hành vi nhân linh, 1752-53, 1756.

HẠNH PHÚC (FELICITAS)

- Các mối phúc như con đường đến hạnh phúc, 1697, 1718, 2546;
- Con người ước muốn hạnh phúc, 33, 1718-19, 1818, 2548;
- Thiên Chúa ban hạnh phúc, 27, 30, 384, 1028, 1035, 1723.

HẰNG SỐNG (VIVENS), Thiên Chúa hằng sống, 205, 2112, 1575.

HIỀN HOÀ, SỰ (MANSUETUDO), 716, 736, 1716, 1832.

HIỂN LINH, CUỘC (EPIPHANIA)

- Ý nghĩa của cuộc Hiển Linh, 528, 1171.

HIỆN DIỆN, SỰ (PRAESENTIA) của Đức Kitô

- Sự hiện diện của Đức Kitô trong bí tích Thánh Thể, 1374, 1378-79, 2691;
- Sự hiện diện của Đức Kitô trong phụng vụ trần thế, 1088.

HIỆN DIỆN, SỰ (PRAESENTIA) của Thiên Chúa

- Các dấu chỉ của sự hiện diện của Thiên Chúa, 1148;
- Con người ý thức sự hiện diện của Thiên Chúa và hiệu quả của sự ý thức đó, 208, 2144;
- Sống trong sự hiện diện của Thiên Chúa, 2565.

HIỆN HỮU, SỰ (EXSISTENTIA), x. *Sự sống*.

HIỆN HỮU CỦA THIÊN CHÚA, SỰ (EXSISTENTIA DEI), x. *Thiên Chúa*.

HIẾP DÂM, SỰ (VIOLATIO), 2356.

HIỆP THÔNG, SỰ (COMMUNIO)

- Các bí tích phục vụ sự hiệp thông, 790, 1126, 1533-35;
- Hội Thánh và sự hiệp thông, x. *Hội Thánh*.
- Phụng vụ và sự hiệp thông, 1071, 1136;
- Sự hiệp thông các đặc sủng, 951;
- Sự hiệp thông các lợi ích thiêng liêng, 949, 952;

- Sự hiệp thông của các bí tích, 950;
 Sự hiệp thông của Chúa Thánh Thần, 734, 1108-09, 1097;
 Sự hiệp thông của con người với các mầu nhiệm của Chúa Giêsu, 519-21;
 Sự hiệp thông của con người với các Ngôi Vị thần linh, 259, 732, 737, 850, 1107;
 Sự hiệp thông của con người với Đức Kitô, 533, 725, 787, 790, 1331;
 Sự hiệp thông của con người với Thiên Chúa, 27, 45, 54, 154, 613, 780, 1489, 1804;
 Sự hiệp thông của Giám mục với các Kitô hữu, 84, 1301;
 Sự hiệp thông của Hội Thánh trên trời và dưới thế, 954-59;
 Sự hiệp thông đức mến, 953;
 Sự hiệp thông giữa các Ngôi Vị thần linh, 267, 738, 1693;
 Sự hiệp thông của Đức Giáo Hoàng với các Giám mục, 85, 100, 816, 892, 895;
 Sự hiệp thông giữa người nam và người nữ, 371-72, 383, 2331-32;
 Sự hiệp thông giữa người ta, 357, 775, 1445, 1702, 2419;
 Sự hiệp thông Thánh Thể (*sự rước lễ*), x. *Bí tích Thánh Thể*;
 Sự hiệp thông trong đức tin, 154, 185, 188, 949, 1102, 1209;
 Sự hiệp thông trong Hội Thánh, và gia đình, 2204-05;
 Sự hiệp thông trong Hội Thánh, và lý giáo, 2089;
 Sự hiệp thông trong Hội Thánh, và tội lỗi, 1440, 1446, 1448, 1455;
 Sự hiệp thông với những người chết, 958, 1684, 1689, 1690;
 Tình bằng hữu như sự hiệp thông tinh thần, 2347;
 Việc cầu nguyện như sự hiệp thông, 2565, 2655, 2682, 2689, 2713, 2799, 2801;
 Việc dạy giáo lý và sự hiệp thông với Đức Kitô, 426.

HIỆP THÔNG CỦA CÁC THÁNH, SỰ (COMMUNIO SANCTORUM), 946-62;

- Các linh đạo khác nhau và sự hiệp thông của các thánh, 2684;
 Sự chuyển cầu như diễn tả sự hiệp thông của các thánh, 1055, 2635;
 Ý nghĩa sự hiệp thông của các thánh, 1331.

HIẾU KHÁCH, SỰ (HOSPITALITAS), 1971.

HIẾU BIẾT, SỰ (COGNITIO)

- Sự hiểu biết chân lý, x. *Lời mở đầu Sách Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo*, 74, 94, 851, 2822;
 Sự hiểu biết công trình tạo dựng như hồng ân của Thiên Chúa, 216, 283, 287;
 Sự hiểu biết của con người về Đức Kitô, 428-29, 471-74, 1792, 2708, 2715;
 Sự hiểu biết của con người về Thiên Chúa, 31-38, 40, 50, 158, 261, 286, 356, 2197, 2614;

Sự hiểu biết điều thiện hảo và sự dữ, 396, 1734;
Sự hiểu biết đức tin và sách giáo lý, 23, 186;
Sự hiểu biết thực tại được tạo dựng và không được tạo dựng, 2500;
Sự hiểu biết và sự ý thức về tội, 708, 1859.

HÌNH ẢNH TIÊN BÁO, (CÁC) (PRAEFIGURATIO/NES)

Các hình ảnh tiên báo của Giao Ước cũ, 1223.
Hình ảnh tiên báo bí tích Thánh Thể, 1335;
Hình ảnh tiên báo trong Giao Ước cũ về bí tích Rửa Tội, 1217-22;
Hình ảnh tiên báo trong Giao Ước cũ về chức tư tế, 1544.

HÌNH PHẠT (POENA)

Án tử hình, 2267;
Đời sống luân lý và việc sợ hình phạt của Thiên Chúa, 1828, 1964, 2090;
Hình phạt tương xứng với tính nghiêm trọng của tội, 2266;
Sự khác biệt giữa hình phạt trong luyện ngục và trong hoả ngục, 1031;
Tội và hình phạt của tội, 2061.

HOA QUẢ ĐẦU MÙA (PRIMITIAE)

Đức Kitô như hoa quả đầu mùa của những người chết, 655;
Các hoa trái của Chúa Thánh Thần như hoa quả đầu mùa của vinh quang vĩnh cửu, 1832;
Các đạo sĩ như hoa quả đầu mùa của các dân tộc, 528;
Đức Maria như hoa quả đầu mùa của Hội Thánh, 972.

HOÀ BÌNH / SỰ BÌNH AN (PAX), 2304;

Các công việc của hoà bình, 1716, 2442;
Các trợ giúp cho hoà bình, 1941, 2015, 2310;
Các việc đe dọa hoà bình, 1938, 2315, 2317.
Chúa kêu gọi hoà bình, 2302;
Hoà bình như nền tảng của công ích, 1909;
Hoà bình trần thế như hình ảnh của Đức Kitô, 2305;
Sự bảo vệ hoà bình, 2302-2317;
Sự bình an như hồng ân của Thiên Chúa, 1424, 1468;
Sự bình an như hoa trái của đức mến, 1829;
Sự bình an như hoa trái của Thần Khí, 736, 1832;
Sự giáo dục lương tâm và sự bình an, 1784.

HOẢ NGỤC / ÂM PHỦ (INFERI)

Các cửa hoả ngục (quyền lực tử thần) và Hội Thánh, 552, 834;
Chúa Giêsu xuống âm phủ (ngục tổ tông), 624, 631, 632-35;
Con người xuống hoả ngục, 1035.

HOẢ NGỤC (INFERNUS)

Giáo lý của Hội Thánh về hoả ngục, 1036;

Định nghĩa hoả ngục, 1033-34;

Hoả ngục như hậu quả của sự vĩnh viễn khước từ Thiên Chúa, 1034;

Hoả ngục như sự quay đi khỏi Thiên Chúa cách tự nguyện và có chủ ý, 1037;

Sự tách biệt muôn đời khỏi Thiên Chúa như hình phạt chủ yếu của hoả ngục, 1035;

Tội trọng như nguyên nhân của sự chết muôn đời, 1861.

HOẢ TÁNG, SỰ (CREMATIO), 2301.**HOÀI NGHI, SỰ (DUBIUM)**

Đức khôn ngoan, nhân đức để vượt qua sự hoài nghi về điều thiện hảo và sự dữ, 1806;

Sự hoài nghi chủ ý và không chủ ý về đức tin, 2088;

Sự hoài nghi của các môn đệ về sự phục sinh của Chúa Giêsu, 644;

Sự hoài nghi về tình yêu của Thiên Chúa, 2119.

HỐI CẢI, SỰ (CONVERSIO)

Ăn sủng và sự hối cải, 1991, 2000, 2010, 2027;

Các nguồn mạch của sự hối cải, 1436-37;

Cần thiết phải hối cải, 1490, 1848;

Sự dữ như con đường của sự hối cải, 385, 1502;

Động lực của sự hối cải và của sự Thống hối, 1439;

Luật cũ và sự hối cải, 1963;

Lương tâm và sự hối cải, 1797;

Những hình thức khác nhau của sự thống hối, và sự hối cải, 1430-32, 1434;

Những thực hành bên ngoài của sự hối cải, 1430, 1440;

Nước [Thiên Chúa] và sự hối cải, 1470, 2612;

Phán đoán sai lạc và sự thiếu hối cải, 1792;

Sự cần thiết của việc hối cải của trái tim, 821, 1430-33, 1856, 1888, 2608-09, 2708;

Sự cầu nguyện và sự hối cải, 2708, 2731, 2754, 2784;

Sự công chính hoá và sự hối cải, 1989, 1993;

Sự hối cải của thánh Phaolô, 442;

Sự hối cải của thánh Phêrô, 1429;

Sự hối cải của trái tim và bài giảng trên núi, 2608;

Sự hối cải của trái tim và các Tiên Tri, 2581-84, 2595;

Sự hối cải nội tâm là cần thiết cho những thay đổi của xã hội, 1886-89, 1896;

Sự hối cải trong phép rửa của ông Gioan, 720, 523, 535;

Sự hối cải, hồng ân của Chúa Thánh Thần, 1098, 1433;

Sự kêu gọi hối cải, 160, 545, 981, 1036, 1428;

Sự khai tâm Kitô giáo và sự hối cải, 1229;
 Sự mỏng dòn của con người và sự hối cải, 1426;
 Sự thống hối và sự hối cải, 1422-23, 2042;
 Sự từ chối hối cải, 591;
 Sự tự phụ của con người và sự hối cải, 2092;
 Thời kỳ dự tòng dẫn sự hối cải tới mức trưởng thành, 1248;
 Thực hành việc hối cải, 1435;
 Tội lỗi, sự hối cải và sự thanh tẩy, 1472, 1486, 1856.

HOÀN TẤT, SỰ (CONSUMMATIO), x. Sự hoàn thành;

Bí tích Thánh Thể như sự hoàn tất các hy lễ của Giao Ước cũ, 1330;
 Kinh nguyện của Đức Kitô và sự hoàn tất thời gian, 2749;
 Mầu nhiệm cứu độ và sự hoàn tất mầu nhiệm đó, 1170;
 Ngày Chúa Nhật như sự hoàn tất ngày sabat, 2175-76;
 Sự hoàn tất các hình ảnh của Giao Ước cũ, 1093, 1152, 1544;
 Sự hoàn tất công trình của Thiên Chúa trong Đức Kitô, 2749;
 Sự hoàn tất công trình tạo dựng trong sự phục sinh, 1015;
 Sự hoàn tất công trình tạo dựng vào ngày thứ bảy, 345;
 Sự hoàn tất của Hội Thánh, 759, 769, 778, 1042;
 Sự hoàn tất của kế hoạch thần linh, 686;
 Sự hoàn tất của Lễ Luật cũ, 1967-68, 1984, 2053;
 Sự hoàn tất của Lễ Luật trong Đức Kitô, 577, 580-82, 592;
 Sự hoàn tất của Lễ Luật trong tình yêu, 1706, 1829, 2055, 2196;
 Sự hoàn tất của lịch sử và của công trình tạo dựng trong Đức Kitô, 668;
 Sự hoàn tất của Mạc Khải trong Đức Kitô, 67, 75, 134, 561, 652, 729;
 Sự hoàn tất của sự ưng thuận kết hôn, 1627, 2366;
 Sự hoàn tất lời Thiên Chúa nơi Đức Maria, 484, 497, 2676;
 Sự hoàn tất niềm hy vọng Đấng Messia ngự đến, 676;
 Sự hoàn tất phẩm giá nhân linh trong ơn gọi hưởng vinh phúc, 1700;
 Sự hoàn tất sung mãn của điều thiện hảo lúc cùng tận trần gian, 681;
 Sự hoàn tất thánh ý Thiên Chúa và sự cầu nguyện, 2750, 2857;
 Sự hoàn tất trời mới và đất mới, 1045.

HOÀN THÀNH, SỰ (ADIMPLETIO)

Đức Maria và sự hoàn thành các lời của Chúa, 148-49, 2676;
 Sự hoàn thành các mệnh lệnh của đức công bằng, 2411;
 Sự hoàn thành Luật cũ, 580;
 Sự phục sinh và sự hoàn thành đức cậy, 992.

HOẠT ĐỘNG (ACTIVITAS), x. Hành động và Lao động;

Các hoạt động nhân linh được Thiên Chúa hướng dẫn, 912, 1818, 2172, 2185;

Gia đình Kitô hữu và hoạt động của nó, 2205;
 Hoạt động của Hội Thánh, 824, 828, 1442;
 Hoạt động của Thiên Chúa, 2500, 2501;
 Hoạt động kinh tế, 2426, 2431, 2424;
 Hoạt động truyền giáo, 856;
 Kitô hữu vắc thập giá trong hoạt động hằng ngày, 2427;
 Tiền lương công bằng và hoạt động lao động, 2434;
 Việc Tông đồ như hoạt động của Nhiệm Thể, 863.

HÒM BIA GIAO ƯỚC (ARCA FOEDERIS)

Bia chứng ước và Hòm Bia Giao Ước, 2058;
 Biểu tượng của ơn cứu độ và Hòm Bia Giao Ước, 2130;
 Lời cầu nguyện của dân Thiên Chúa và Hòm Bia Giao Ước, 2578,
 2594.

HỘI NHẬP VĂN HOÁ, SỰ (INCULTURATIO)

Các linh đạo như lời chứng của đức tin, 2684;
 Hội Thánh và sự hội nhập văn hoá, 854;
 Thích nghi các yếu tố văn hoá riêng của mỗi dân tộc vào việc khai
 tâm Kitô giáo, 1232.

HỘI THÁNH (ECCLESIA)

Các điều răn của Hội Thánh, 2041-43;
 Các Thiên thần như sự trợ giúp của Hội Thánh, 334-36;
 Đức Maria và nhiệm vụ của ngài trong mẫu nhiệm Hội Thánh, 963-
 72, 973;
 Đức Maria, Mẹ Hội Thánh, 963;
 Gia đình như “Hội Thánh tại gia”, 1655-58, 2204, 2685;
 Hội Thánh có tính thừa sai (truyền giáo), 849-56;
 Hội Thánh được hoàn tất trong vinh quang, 769, 1042;
 Hội Thánh kêu gọi lãnh nhận bí tích Truyền Chức Thánh, 1578;
 Hội Thánh như con đường để đạt tới sự ân xá của Thiên Chúa,
 1478-79;
 Hội Thánh như mầm mống và điểm khởi đầu của Nước [Thiên
 Chúa], 541, 669, 764, 768;
 Hội Thánh như toà nhà hữu hình, 1180, 1185-86, 2691;
 Hội Thánh thánh thiện và vô nhiễm, 1426;
 “Ngoài Hội Thánh không có ơn cứu độ”, 846-48;
 Tinh thần con thảo của các Kitô hữu đối với Hội Thánh, 2040.

Các đặc tính của Hội Thánh, 750, 811, 865;

DUY NHẤT, 813-22

Sự khác biệt trong sự duy nhất, 814, 818-19;
 Hội Thánh là duy nhất vì nguồn mạch của mình, vì Đấng Sáng Lập
 của mình, vì linh hồn của mình, 813;

Sự truyền giáo của Hội Thánh đòi hỏi sự hợp nhất, 855;
 Thánh Thể như bí tích củng cố sự hợp nhất của Hội Thánh, 1416;
 Những người được ban ơn hợp nhất cầu xin ơn hợp nhất, 820-22;
 Những dây liên kết của sự hợp nhất, 815-16;
 Những vết thương của sự hợp nhất, 817.

THÁNH THIỆN, 823-29;

Các lời khuyên phúc âm như sự trợ giúp để đạt tới sự thánh thiện, 1986;
 Chúa Thánh Thần như nguồn mạch của sự thánh thiện, 749;
 Hội Thánh được liên kết với Đức Maria thánh thiện, 829;
 Hội Thánh được thánh hoá bởi Đức Kitô, 823-24;
 Hội Thánh thánh thiện và mang trong lòng mình các tội nhân, 825, 827, 1428;
 Linh hồn của sự thánh thiện và của đức mến, 826.

CÔNG GIÁO, 830-56;

Các tương quan với các Giáo Hội không công giáo, 838;
 Công giáo nhờ ý muốn của Đức Kitô, 831;
 Mọi Giáo Hội địa phương như Hội Thánh công giáo, 823-35;
 Việc truyền giáo như sự đòi hỏi của tính công giáo của Hội Thánh, 849;
 Ý nghĩa của từ công giáo, 830.

TÔNG TRUYỀN, 857-65;

Đặc tính tông truyền của Hội Thánh, 863;
 Những vị kế nhiệm được chỉ định bởi các Tông Đồ, 861;
 Sự kế nhiệm của các Giám mục trong vị trí của các Tông Đồ, 862;
 Tông truyền là gì, hiểu theo ba nghĩa, 857.

Sự cấu tạo của Hội Thánh, x. Tông Đồ đoàn và Giám mục đoàn;

Các Kitô hữu giáo dân trong Hội Thánh, 897-913;
 Các thừa tác vụ chức thánh là không thể được thay thế trong cơ cấu của Hội Thánh, 1593;
 Các Tông Đồ như những tảng đá nền móng của Hội Thánh, 642;
 Cơ cấu phẩm trật của Hội Thánh, 771, 874-87;
 Đời tu dòng và thánh hiến, 914, 916, x. *Đời sống thánh hiến*;
 Đức Kitô như Đầu và cột nguồn của Hội Thánh, 669, 874;
 Đức Kitô phân phối các hồng ân và các thừa tác vụ trong Hội Thánh, 794;
 Đức Kitô và sự hiện diện của Người trong Hội Thánh, 1380.

Hội Thánh và những người không phải Kitô hữu, 839;

Hội Thánh rộng mở cho những người đang tản mác và lạc lối, 845;
 Mối dây liên kết giữa Hội Thánh và các tôn giáo ngoài Kitô giáo, 842-44;

Những tương quan của Hội Thánh với dân Do thái, 839-40;
 Những tương quan của Hội Thánh với người Hồi giáo, 841;
 Sự cần thiết của Hội Thánh để đạt tới ơn cứu độ, 846-48.

Hội Thánh và xã hội

Cộng đồng chính trị và Hội Thánh, 2244-46;
 Hội Thánh như người bảo vệ tính chất siêu việt của nhân vị, 2245;
 Phán đoán luân lý của Hội Thánh về các vấn đề chính trị, kinh tế
 và xã hội, 2246, 2420.

Hội Thánh địa phương và phổ quát

Bí tích Thánh Thể như trung tâm của đời sống Giáo Hội địa
 phương, 893;
 Giám mục như đầu và người lãnh trách nhiệm về Giáo Hội địa
 phương, 1369, 1560, 1594;
 Giáo Hội địa phương nghĩa là gì, 833;
 Giáo xứ và Giáo Hội địa phương, 2179, 2226;
 Hội Thánh phổ quát và Giáo Hội địa phương, 879, 886;
 Mọi Giáo Hội địa phương như Hội Thánh Công giáo, 832-35;
 Những lễ truyền chức và Giáo Hội địa phương, 1572;
 Những truyền thống đức tin và Giáo Hội địa phương, 83, 174, 192,
 1202;
 Những vị có trách nhiệm về Giáo Hội địa phương và Hội Thánh
 phổ quát, 1594-95;
 Trách nhiệm của linh mục đoàn đối với Giáo Hội địa phương, 1595.

Hội Thánh như sự hiệp thông

Bí tích của sự Hiệp thông trong phụng vụ, 1108;
 Các lợi ích thiêng liêng của sự hiệp thông của các thánh như kho
 tàng của Hội Thánh, 1476;
 Cộng đồng tư tế, 1119;
 Sự hiệp thông các đặc sủng, 951;
 Sự hiệp thông của các thánh, 946-48, 953;
 Sự hiệp thông đức mến, 953;
 Sự hiệp thông đức tin, 949;
 Sự hiệp thông như ơn gọi thâm sâu của Hội Thánh, 959;
 Sự hiệp thông với các thánh, 954-57;
 Sự hiệp thông với Chúa Giêsu, 787-96;
 Sự hiệp thông với những người đã qua đời, 958;
 Sự hiệp thông với Thiên Chúa và với con người, 2790.

Hội Thánh như Nhiệm Thể của Đức Kitô

Các bí tích và Hội Thánh, 774, 1116, 1123, 1267, 1279, 1621, 2040,
 2782;
 Các đặc sủng và Hội Thánh, 800;

Các Kitô hữu như những chi thể của Hội Thánh, 521, 790, 953, 960, 1267, 1396, 1988, 2045;
Chúa Thánh Thần và Hội Thánh, 1105-06, 1111, 1353;
Đức Kitô như Đầu của Hội Thánh, 1548;
Hội Thánh như Nhiệm Thể của Đức Kitô, 774, 776-77, 779, 787-96, 805-07, 1396;
Những đau khổ của con người và Hội Thánh, 1508;
Những người đã qua đời và Hội Thánh, 958;
Những người sống đời thánh hiến và Hội Thánh, 917;
Phụng vụ và Hội Thánh, 1070, 1140, 1187-88;
Sự duy nhất, sự khác biệt và sứ vụ của các chi thể của Hội Thánh, 873-74, 947;
Sự xây dựng Hội Thánh, 872, 1123, 2003;
Việc dạy giáo lý và Hội Thánh, 4.

Thừa tác vụ cai quản

Nhiệm vụ của Công đồng chung, 884;
Nhiệm vụ của Đức Giáo Hoàng, 882;
Nhiệm vụ của Giám mục đoàn, 883, 885;
Nhiệm vụ của mỗi Giám mục, 886;
Nhiệm vụ mục tử của thánh Phêrô, của các Tông Đồ và của các Giám mục như nền tảng của Hội Thánh, 881;
Quyền bính để cai quản Hội Thánh, 553;
Sự cộng tác của các Kitô hữu, 911;
Thừa tác vụ cai quản như thừa tác vụ phục vụ, 876, 894-95;
Tính chất tập thể và cá vị của thừa tác vụ trong Hội Thánh, 877-78.

Thừa tác vụ thánh hoá

Thiên Chúa thánh hoá trong Đức Kitô, 790, 805, 947, 1076, 1082, 1084, 1110-12;
Các Giám mục và các Tư tế như những người phục vụ, 893, 118-20;
Thừa tác vụ Lời [Chúa], 2031, 2038;
Việc cầu nguyện, 2558, 2655;
Những cách thức để thánh hoá, 893.

Các nhiệm vụ của Hội Thánh

Bảo toàn đức tin, 168, 171, 173;
Bảo toàn sự giảng dạy tông truyền bằng sự kế nhiệm liên tục, 77;
Chu toàn việc loan báo Tin Mừng và việc dạy giáo lý, 7;
Gìn giữ kho tàng đức tin, 84, 97, 175;
Gìn giữ và giải thích Lời Chúa, 119;
Hoàn thành sứ vụ trong trần gian, 767, 2044-45;
Là dân Thiên Chúa, 781-86;
Là gương mẫu của sự thánh thiện Kitô giáo, 2030;

Loan báo mầu nhiệm Vượt Qua, 571;
 Phục vụ Thiên Chúa, 783-86;
 Quan tâm đến các khía cạnh trần thế của công ích, 2420;
 Sự hối cải để nhiệm vụ không bị gián đoạn, 1428;
 Tha tội, 827, 979-83, 1442, 1478;
 Thánh hoá người ta, 824;
 Tuyên xưng đức tin vào một Thiên Chúa là Chúa Cha, Chúa Con và
 Chúa Thánh Thần, 152, 258, 738;
 Tuyên xưng đức tin vào vương quyền của Đức Kitô, 2105;
 Tuyên xưng đức tin, 172-75.

Nhiệm vụ giảng dạy

Các Kitô hữu giáo dân trong thừa tác vụ giảng dạy, 906;
 Giáo huấn xã hội, 2419-25;
 Đức Giáo Hoàng và các Giám mục xét như những thầy dạy đích
 thực, 888, 2034;
 Hội Thánh, Mẹ và Thầy, 2030-46;
 Huấn quyền của Hội Thánh, 85-87, x. *Huấn quyền*;
 Loan báo ơn cứu độ, 2032;
 Quyền bính của Công đồng chung, 891;
 Quyền bính của Giám mục đoàn và của Đức Giáo Hoàng, 891, 2035;
 Quyền bính trải rộng tới luật tự nhiên, 2036;
 Sự cần thiết của việc giảng dạy về đức tin, 2037;
 Thừa tác vụ giảng dạy như sự phục vụ Lời Chúa, 86;
 Việc dạy giáo lý và sự giảng dạy, 2033;
 Ý nghĩa của thuật ngữ “nhiệm vụ giảng dạy”, 890.

Mầu nhiệm Hội Thánh

Bí tích của sứ vụ của Đức Kitô và của Chúa Thánh Thần, 738;
 Bí tích phổ quát của ơn cứu độ, 849;
 Dấu chỉ của Giêrusalem thiên quốc, 117;
 Đền thờ của Chúa Thánh Thần, 797-98;
 Hiền Thê của Đức Kitô, 796;
 Mầm mống và điểm khởi đầu của Nước Thiên Chúa, 541;
 Mầu nhiệm kết hợp con người với Thiên Chúa, 772-73;
 Mầu nhiệm và bí tích, 774-76;
 Mẹ và Thầy, 2030-46;
 Nền tảng của chân lý, 171;
 Người gìn giữ kho tàng đức tin, 171;
 Nơi để mỗi Kitô hữu hoàn thành ơn gọi của mình, 2030;
 Nơi để nhận biết Chúa Thánh Thần, 688;
 Nước của các tư tế phụng sự Thiên Chúa, 1546, 1591;
 Thân Thể Đức Kitô, 787-96;
 Thực tại lịch sử và thiêng liêng, 770-71;

Trần gian đã được giao hoà, 845.

Cội nguồn của Hội Thánh

Các Tông Đồ như những tảng đá nền móng của Hội Thánh, 642;
Đức Kitô như tảng đá sống động của Hội Thánh, 552;
Hội Thánh đã được chuẩn bị trong Giao Ước cũ, 761-62;
Hội Thánh đã được hình dung trước, từ lúc khởi đầu trần gian, 760;
Hội Thánh được khởi đầu bởi Chúa Giêsu Kitô, 763-66, 874;
Hội Thánh trong kế hoạch của Chúa Cha, 759, 761;
Sự khởi đầu của Hội Thánh, 124, 763, 766-67, 1185;
Sự Mạc Khải Hội Thánh ngày lễ Ngũ Tuần, 767, 1076;
Thánh Phêrô, Tảng Đá mà trên đó Hội Thánh được xây dựng, 552, 881.

Các biểu tượng và các hình ảnh của Hội Thánh

Các hình ảnh của Hội Thánh, 507, 710, 753, 967, 2679;
Cây ôliva, 755;
Chuông chiên và đàn chiên, 754;
Đền Thờ của Thiên Chúa, 756;
Đức Maria, hình ảnh của Hội Thánh, 507, 967, 972;
Giêrusalem trên cao, 757;
Mẹ, 169, 507, 757;
Thầy dạy đức tin, 169;
Toà nhà, 756;
Ý nghĩa của từ Hội Thánh, 751-52.

HỘI THÁNH TẠI GIA (ECCLESIA DOMESTICA), x. *Gia đình và Hôn nhân*.

“HÔM NAY” (“HODIE”) của Thiên Chúa và của việc cầu nguyện, 1165, 2659-60, 2836.

HƠI THỞ (FLATUS)

Hơi thở như một hình ảnh của Chúa Thánh Thần, 691, x. *Chúa Thánh Thần*.

HUẤN LUYỆN, SỰ (EFFORMATIO)

Huấn luyện về cầu nguyện, 2686;
Huấn luyện để dạy giáo lý, 906;
Huấn luyện các dự tòng, 1248;
Huấn luyện lương tâm, 1783-85;
Huấn luyện những người loan báo Tin Mừng, 428;
Huấn luyện thiêng liêng cho con cái, 2221;
Các phương tiện truyền thông xã hội và sự huấn luyện, 2493.

HUẤN QUYỀN (MAGISTERIUM) của Hội Thánh và của các mục tử, 85-87, 888-92;

Đời sống luân lý và Huấn quyền, 2032, 2036;

Huấn quyền của các mục tử trong Hội Thánh, 2033;

Huấn quyền thông thường và phổ quát của Đức Giáo Hoàng và của các Giám mục, 2034;

Ơn bất khả ngộ của Huấn quyền, 2035;

Quyền bính và sự kế nhiệm liên tục của Huấn quyền, 77,88;

Sự liên kết giữa Thánh Truyền, Thánh Kinh và Huấn quyền, 95;

Sứ vụ và nhiệm vụ của Huấn quyền, 890.

HUYỀN NHIỆM (MYSTICUS), x. *Hội Thánh: Thân Thể huyền nhiệm của Đức Kitô*;

Đời sống huyền nhiệm (thần bí), 2014.

HUYỀN THOẠI (MYTHOLOGIA/ MYTHUS), 285, 498.

HUYNH ĐỆ, TÌNH (FRATERNITAS)

Đời sống thánh hiến và tình huynh đệ, 925, 929;

Giáo dục trong tình huynh đệ, 2207;

Những nguy hiểm đe dọa tình huynh đệ, 1740;

Tình huynh đệ được xây dựng nhờ lòng đạo đức bình dân, 1676;

Tình huynh đệ giữa các linh mục, 1568;

Tình liên đới như sự đòi hỏi của tình huynh đệ nhân loại và Kitô giáo, 1939.

HƯƠNG TRẦM (INCENSUM), 1154.

HƯỞNG KIẾN Thiên Chúa, **SỰ (VISIO Dei)**

Hoả ngục như sự mất [không được] hưởng kiến Thiên Chúa, 633;

Những người đã qua đời và sự hưởng kiến Thiên Chúa, 1032;

Sự hưởng kiến Thiên Chúa được ban cho “những trái tim trong sạch”, 2519;

Sự hưởng kiến Thiên Chúa xét như sự vinh phúc tột bậc, 2548;

Sự vinh phúc hưởng kiến Thiên Chúa, 1028, 1045;

Thiên Chúa kêu gọi người ta đến hưởng kiến Ngài xét như đến vinh phúc, 1720.

HY LỄ (CÁC) (SACRIFICIUM/A)

Các hy lễ trong Cựu Ước: bánh và rượu được dâng lên trong hy lễ, 1334;

Dâng các hy lễ cho Thiên Chúa, 901, 2099-2100.

Các hy lễ của Đức Kitô

Hy lễ của Đức Kitô hoàn thành và vượt quá các hy lễ của Cựu Ước, 1330;

Hy lễ của Đức Kitô là duy nhất và vĩnh viễn, 613-14, 1545;

Hy lễ của Đức Kitô như nguồn mạch ơn tha tội, 1851;
 Hy lễ của Đức Kitô trên thập giá cho tất cả mọi người, 616-17;
 Hy lễ của Đức Kitô và Đức Trinh nữ Maria, 964;
 Hy lễ của Đức Kitô và hy lễ Thánh Thể như một hy lễ duy nhất,
 1367;
 Hy lễ trọn hảo duy nhất của Đức Kitô, 2100;
 Toàn bộ thừa tác vụ tư tế mức lấy sức mạnh từ hy lễ của Đức Kitô,
 1566;
 Ý nghĩa hy lễ của Đức Kitô, 545, 606.

Hy lễ Thánh Thể, x. bí tích Thánh Thể;

Các mục đích của việc cử hành Hy lễ Thánh Thể, 1382, 1414;
 Đức Kitô dâng Hy lễ Thánh Thể, 1410;
 Hy lễ Thánh Thể như nguồn mạch và tột đỉnh của đời sống luân lý,
 2031;
 Hy lễ Thánh Thể như tưởng niệm hy lễ của Đức Kitô, 611, 1358,
 1362-72;
 Sự hiện diện của Đức Kitô trong Hy lễ Thánh Thể, 1088;
 Sự tham dự của con người vào Hy lễ Thánh Thể của Đức Kitô, 618,
 1419;
 Tâm quan trọng của Hy lễ Thánh Thể, 1113;
 Thánh Thể như hy lễ của Đức Kitô được hiện tại hoá, 1330;
 Việc thiết lập Hy lễ Thánh Thể, 1323.

I

ISRAEL

Chúa Giêsu và Israel, 539, 574-94;
 Chúa Giêsu, Đấng Messia của Israel, 438, 528, 535;
 Dân Israel được Thiên Chúa tuyển chọn, 781, 1539;
 Giao Ước của Thiên Chúa với Israel, 1611-12;
 Hội Thánh được hình dung trước và được chuẩn bị nơi dân Israel,
 759-62, 1093;
 Israel và đức tin vào Thiên Chúa, 212, 587-91, 594;
 Israel và sự tuân giữ ngày sabbat, 348, 2170-71;
 Israel, Con của Thiên Chúa, 238, 441;
 Israel, dân “của những người anh cả”, 63;
 Israel, dân được tuyển chọn, 60, 762;
 Israel, dân Thiên Chúa, 62-64, 762;
 Israel, dân tư tế, 63;
 Lễ Vượt Qua của Israel, 1363;
 Lời cầu xin ơn cứu độ của người Do thái, 2591-97;
 Luật Thiên Chúa và dân Do thái, 708-10, 1965;

Nghi thức xá tội trong Israel, 433;
 Người Do thái không có tội một cách tập thể về sự chết của Chúa Giêsu, 597-99;
 Người Do thái và sự tuân giữ Lễ Luật, 578-79;
 Lòng trông cậy của Israel, 64, 436, 453;
 Phụng vụ Do thái và phụng vụ Kitô giáo, 1096;
 Sự loan báo cuộc Giáng sinh của Chúa Giêsu cho Israel, 437, 522, 719;
 Sự Mạc khải của Thiên Chúa cho người Do thái, 201, 228, 287-88, 2085;
 Sự Mạc khải Danh Thiên Chúa cho người Do thái, 203-04, 209, 214;
 Sự mong đợi và lòng trông cậy của Israel, 529, 673-74;
 Sự tham dự của Chúa Giêsu vào phụng tự và Lễ Luật Israel, 527, 531, 578;
 Thiên Chúa cứu Israel khỏi tội, 431;
 Tình yêu của Thiên Chúa đối với Israel, 218-19;
 Tội trong lịch sử Israel, 401;
 Tương quan của Hội Thánh với dân Do thái, 839;
 Tương quan giữa người Do thái và Chúa Giêsu, 581.

K

KẺ THÙ (INIMICUS)

Cái chết thể xác như “kẻ thù cuối cùng” của con người, 1008;
 Con người là kẻ thù của người lân cận mình, 2259;
 Ghét kẻ thù, 1933;
 Yêu mến kẻ thù và tha thứ cho họ, 1825, 1933, 1968, 2262, 2303, 2647, 2844.

KẾ NHIỆM TÔNG ĐỒ, SỰ (SUCCESSIO APOSTOLICA), 861, 1087.

Lý lẽ của sự kế nhiệm tông đồ, 77;
 Sự kế nhiệm tông đồ bảo đảm sự hiệp thông trong đức tin, 1209.
 Sự kế nhiệm tông đồ như dây liên kết sự duy nhất của Hội Thánh, 815.

KẾT ÁN, SỰ (DAMNATIO)

“Ăn và uống án phạt cho mình”, 1385;
 Các quyền bính và sự kết án những người chống đối, 1899;
 Cuộc phán xét sau cùng và sự kết án, 1039;
 Lý do của sự kết án, 1037;
 Nguyên tội và sự kết án con người, 402;
 Sự kết án các tội nhân, 1034;
 Sự kết án những rạn nứt trong Hội Thánh, 817;

- Sự kết án thuyết đa thần, 2112;
- Sự kết án tội lỗi, 1458;
- Sự kết án tội vô tôn giáo trong điều răn thứ nhất, 2118;
- Sự kết án việc ngoại tình, 2380;
- Sự kết án việc phá thai, 2322;
- Việc làm chứng gian và sự kết án người vô tội, 2476.

KẾT HỢP, SỰ (UNIO)

- Sự kết hợp của Đức Trinh nữ Maria với Đức Kitô, 694;
- Sự kết hợp các Kitô hữu, 822;
- Sự kết hợp của con người với Đức Kitô và với Thiên Chúa, 542, 772-73, 775, 864, 950, 1391, 2014, 2074;
- Sự kết hợp của người nam và người nữ, 383, 400, 1606, 1608, 1646, 2335, 2353, 2390-91;
- Sự kết hợp của tinh thần và vật chất nơi con người, 365, 650;
- Sự kết hợp hôn nhân, 1603, 1614, x. *Hôn nhân*;
- Sự kết hợp theo ngôi hiệp (unio hypostatica) nơi Đức Kitô, 470, 483.

KÊU CẦU, SỰ (INVOCATIO)

- Sự kêu cầu các sức mạnh bí ẩn, 2117;
- Sự kêu cầu Chúa Ba Ngôi, 1278;
- Sự kêu cầu Chúa Thánh Thần, 1333;
- Sự kêu cầu Đức Kitô, 2665, 2667-68;
- Sự kêu cầu Thiên Chúa, 431, 1105, 2154, 2807.

KHÁC BIỆT, SỰ (DIVERSITAS) của các thụ tạo, 339, 353, 1936-38.

KHAI TÂM KITÔ GIÁO, SỰ (INITIATIO CHRISTIANA), 1229-33;

- Các bí tích khai tâm Kitô giáo, 1212-1419, 1420, 1533;
- Các nghi thức La tinh và Đông phương để khai tâm Kitô giáo, 1233;
- Các yếu tố căn bản của sự khai tâm Kitô giáo, 1229;
- Những cách thực hiện sự khai tâm Kitô giáo, 1230, 1233, 1244;
- Sự khai tâm Kitô giáo cho các nhi đồng, 1231;
- Sự khai tâm Kitô giáo cho người thành niên, 1233, 1247;
- Tính duy nhất của sự khai tâm Kitô giáo, 1285, 1292, 1318, 1321;
- Việc hoàn thành sự khai tâm Kitô giáo, 1289, 1306, 1322.

KHẨN CẦU, SỰ (SUPPLICATIO)

- Những hình thức khác nhau của sự khẩn cầu, 2629;
- Sự khẩn cầu như một hình thức của việc cầu nguyện, 2588;
- Những lời khẩn cầu được lắng nghe, 2614.

KHẨN CẦU CHÚA THÁNH THẦN, KINH (EPICLESIS)

- Các dấu chỉ và động lực trong kinh Khẩn cầu Chúa Thánh Thần, 699;
- Hiệu quả của kinh Khẩn cầu Chúa Thánh Thần 1238, 1297;

Kinh Khấn cầu Chúa Thánh Thần như trung tâm việc cử hành bí tích Thánh Thể, 1106;

Kinh Khấn cầu Chúa Thánh Thần trong việc cử hành bí tích Hôn Phối, 1624;

Kinh Khấn cầu Chúa Thánh Thần trong việc cử hành bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân, 1519;

Kinh Lạy Cha như gồm tóm kinh Khấn cầu Chúa Thánh Thần, 2770;

Ý nghĩa của kinh Khấn cầu Chúa Thánh Thần, 1105, 1109, 1353.

KHẾ ƯỚC (CONTRACTUS)

Hôn ước, x. *Hôn nhân* và *Tội ngoại tình*;

Sự quản trị các cộng đồng nhân loại và sự trung thành với các khế ước, 2213;

Vấn đề kinh tế, khế ước và thiện ý, 2410;

KHIÊM TỐN, SỰ (HUMILITAS)

Sự khiêm tốn cần thiết để cầu nguyện, 2713;

Sự khiêm tốn như nền tảng của việc cầu nguyện, 2559, 2631;

“Tinh thần khó nghèo” như sự khiêm tốn, 2546.

KHIẾT TỊNH, SỰ (CASTITAS)

Chúa Thánh Thần tại cội nguồn của nhân đức khiết tịnh, 1832, 2345;

Đời sống thánh hiến và sự khiết tịnh, 915, 944;

Đức tiết độ, nhân đức điều hành sự khiết tịnh, 2341;

Những trật tự của sự khiết tịnh, 2339, 2341, 2344, 2346, 2395;

Những xúc phạm đến sự khiết tịnh, 2351-56, 2396;

Sự khiết tịnh của những người đính hôn, 1632, 2350;

Sự khiết tịnh phu phụ và Hôn Nhân, 2365, 2368;

Sự khiết tịnh và bậc sống, 2348-50;

Sự khiết tịnh và bí tích Rửa Tội, 2345, 2348, 2355;

Sự khiết tịnh và đức mến, 2346;

Sự khiết tịnh và sự đồng tính luyến ái, 2357-59;

Sự mời gọi đến sự khiết tịnh, 2337, 2348, 2394;

Sự tăng trưởng của sự khiết tịnh, 2343;

Tình bằng hữu và sự khiết tịnh, 2347;

Trái tim trong sạch và sự khiết tịnh, 2518, 2520, 2532;

Việc đi theo Đức Kitô và sự khiết tịnh, 2053;

Ý nghĩa của sự khiết tịnh, 2395.

KHIÊU DÂM, SỰ (PORNOGRAPHIA), 2211, 2354, 2396.

KHOA HỌC (SCIENTIA)

Khoa học và đức tin, 159;

Khoa học và sự phục vụ con người, 2293-94;

Khoa học như hồng ân của Thần Khí, 1831.

KHOA SỬ PHẠM THẦN LINH (PAEDAGOGIA DIVINA), 53, 708, 1950, 1964.

KHỔ CHẾ, SỰ (ASCESIS)

Sự làm chủ của ý chí và sự khổ chế, 1734;

Sự tiến bộ thiêng liêng và sự khổ chế, 2015;

Sự trung thành với các lời hứa khi lãnh Phép Rửa và sự khổ chế, 2340.

KHÔN NGOAN, SỰ (PRUDENTIA)

Công ích đòi hỏi sự khôn ngoan, 1906;

Định nghĩa sự khôn ngoan, 1806, 1835;

Sự khôn ngoan như một nhân đức trụ, 1805-06;

Sự khôn ngoan trong phán đoán luân lý và trong các lời khuyên, 1788.

KHÔN NGOAN CỦA CON NGƯỜI, SỰ (SAPIENTIA HOMINIS)

Sự khôn ngoan của con người như hồng ân của Thiên Chúa, 283, 1303, 1831;

Sự khôn ngoan của con người như sự phát xuất của quyền năng của Thiên Chúa, 2500.

KHÔN NGOAN CỦA THIÊN CHÚA, SỰ (SAPIENTIA DEI)

Các thụ tạo phản chiếu một tia sáng của sự khôn ngoan của Thiên Chúa, 339, 369;

Chân lý của Thiên Chúa như sự khôn ngoan của Thiên Chúa, 216;

Con người tham dự vào sự khôn ngoan của Thiên Chúa, 1954;

Đức Kitô bị đóng đinh vào thập giá như sự khôn ngoan của Thiên Chúa, 272;

Luật luân lý như công trình của sự khôn ngoan của Thiên Chúa, 1950;

Thiên Chúa tạo dựng bằng sự khôn ngoan, 295, 299.

KHÔNG BIẾT, SỰ (IGNORANTIA)

Những gian lận lợi dụng sự không biết, 2409;

Sự không biết của lương tâm quen phạm tội, 1790-91, 1793;

Sự không biết không có chủ ý, 1860;

Sự không biết Thánh Kinh, 133;

Sự không biết Thiên Chúa, 2087;

Sự làm bộ không biết, 1859;

Trách nhiệm và sự không biết, 1735.

KHỦNG BỐ (TERRORISMUS), 2297.

KIÊN NHẪN, SỰ (PATIENTIA)

“Đức mến thì kiên nhẫn”, 1825;

Kiên nhẫn chịu đựng như việc từ thiện tinh thần, 2447;
 Sự kiên nhẫn của đức tin và việc cầu nguyện, 2613;
 Sự kiên nhẫn của Thiên Chúa, 2822;
 Sự kiên nhẫn như hoa trái của Thần Khí, 736, 1832;
 Sự kiên nhẫn trong gia đình, 2219.

KIÊN TRÌ, SỰ (PERSEVERANTIA)

Sự kiên trì đến cùng (Ởn bền đỗ đến cùng) và sự trả công, 2016;
 Sự kiên trì trong đức tin, 162;
 Sự kiên trì trong việc cầu nguyện, 2728, 2742-43.

KIÊU NGẠO, SỰ (SUPERBIA), 1866, 2514;

Những hậu quả do sự kiêu ngạo, 2094, 2317, 2540, 2728;
 Cuộc chiến đấu chống sự kiêu ngạo, 1784.

KINH CHIỀU (VESPERAE), 1175.

KINH MÂN CÔI (ROSARIUM), 971, 2678, 2708.

KINH NGHIỆM (EXPERIENTIA)

Kinh nghiệm của đời sống Kitô hữu, 6, 2038;
 Kinh nghiệm của vị giải tội về các vấn đề nhân bản, 1466;
 Kinh nghiệm của vị linh hướng, 2690;
 Kinh nghiệm về sự dữ, 272, 1606;
 Kinh nghiệm về sự yếu đuối của con người, 1550;
 Sự giải thích các dữ kiện và các dấu chỉ của kinh nghiệm, 1788.

KINH NGUYỆN THÁNH THỂ (ANAPHORA), 1352.

KINH NHẬT TỤNG (BREVIARIUM), x. Phụng Vụ: Các Giờ kinh phụng vụ.

KINH TẾ (OECONOMIA)

Các lý thuyết kinh tế không thể chấp nhận được, 2424;
 Các mục đích của kinh tế, 2426;
 Con người trong đời sống kinh tế, 2459;
 Giáo huấn xã hội của Hội Thánh và kinh tế, 2420-21, 2423, 2458;
 Kinh tế và sự tôn trọng nhân phẩm, 2407;
 Những bất bình đẳng và bất công trong kinh tế và các hậu quả của chúng, 1938, 2317, 2437;
 Quyền có sáng kiến về kinh tế, 2429;
 Sự công bằng xã hội và hoạt động kinh tế, 2426-36;
 Sự điều tiết cần thiết cho kinh tế, 2425, 2431;
 Tình liên đới và sự công bằng trong kinh tế, 1941, 2438, 2440, 2832.

KINH TƯỞNG NIỆM (ANAMNESIS), 1103, 1106, 1354, 1362.

KÍNH TRỌNG, SỰ (HONOR)

- Phải kính trọng các ảnh tượng thánh, 2132;
- Phải kính trọng các quyền bính, 1900;
- Phải kính trọng cha mẹ, 2197-2200, 2214;
- Phải kính trọng Thiên Chúa, 449, 2116;
- Quyền của con người là được kính trọng, 2479;
- Thân thể nhân linh xứng đáng được kính trọng, 364, 2300.

KITÔ GIÁO (CHRISTIANISM), tôn giáo của Ngôi Lời Thiên Chúa nhập thể, chứ không phải “một tôn giáo của Sách vở”, 108.

KITÔ HỮU (CHRISTIANUS)

- Bí tích Rửa Tội và đời sống mới của Kitô hữu, 537, 1010, 1229, 1241, 1266, 1272, 1997;
- Cửa nuôi dưỡng của Kitô hữu, 1392;
- Danh xưng Kitô hữu được lãnh nhận trong bí tích Rửa Tội, 2165;
- Dấu chỉ thiêng liêng của bí tích Thêm Sức trong Kitô hữu, 1304, 1309, 1317;
- Dấu thánh giá và Kitô hữu, 2157;
- Kinh nguyện và Kitô hữu, 707, 2743;
- Kitô hữu chu toàn ơn gọi của mình trong Hội Thánh, 2030;
- Những Kitô hữu đầu tiên, 83, 2636, 2641;
- Sự chết và Kitô hữu, 1011, 1020, 1314, 1681-82;
- Ý nghĩa của danh xưng Kitô hữu, 1289.

KỶ THỊ, SỰ (DISCRIMINATIO)

- Có công ăn việc làm mà không bị kỳ thị bất công, 2433;
- Hành động trái với ý định thần linh, 1935;
- Sự kỳ thị bất công chống những người đồng tính luyến ái, 2358.

L

LẠC GIÁO (HAERESIS)

- Cội nguồn của lạc giáo, 817;
- Định nghĩa lạc giáo, 2089;
- Những lạc giáo đầu tiên, 465.

LÀM BIẾNG, TỘI (ACEDIA), 1866, 2733, 2755, x. *Tội lười biếng*

LÃNH ĐẠM, SỰ (INDIFFERENTIA) về tôn giáo, 1634, 2094, 2128.

LÃNH ĐẠO, VỊ (DUX)

- Các Giám mục và Mục tử như các vị lãnh đạo, 939, 1140, 1575, 2033, 2594;

Đức Giáo Hoàng như vị lãnh đạo, 816, 895, 899;
 Đức Kitô lãnh đạo, 551, 1547;
 Huấn quyền của Hội Thánh lãnh đạo, 93;
 Lương tâm và sự khôn ngoan như các vị lãnh đạo, 1778, 1806;
 Nhà Nước như vị lãnh đạo trong hành động kinh tế, 2431;
 Việc linh hướng, 2690.

LAO ĐỘNG (LABOR)

Giá trị của sự lao động của con người, 1368, 2428;
 Lao động mục vụ hoặc tông đồ, 893, 924;
 Nghỉ ngơi khỏi lao động, 1193, 2172, 2184-88;
 Những xung đột trong lao động, 2430;
 Quyền có việc làm, 2211, 2433, 2436;
 Sự đình công là hợp pháp về mặt luân lý, 2435;
 Sự lao động tay chân của Chúa Giêsu, 531, 533, 564;
 Sự trả lương lao động như tình liên đới, 1940;
 Tiền lương công bằng, 2434;
 Trách nhiệm của Nhà Nước trong hành động kinh tế, 2431;
 Ý nghĩa của sự lao động của con người, 378, 901, 1609, 1914, 2427.

LẠY CHA, KINH (“PATER NOSTER”)

Kinh Lạy Cha như Lời Kinh của Chúa, 2765-66;
 Kinh Lạy Cha như Lời Kinh của Hội Thánh, 2767-72;
 Kinh Lạy Cha ở trung tâm của Thánh Kinh, 2762-64.

Từng câu của kinh Lạy Cha

“Lạy Cha”, 2779-85, 2798;
 Lạy Cha “chúng con”, 2786-93, 2801;
 “Ở trên trời”, 2794-96, 2802;
 “Danh Cha cả sáng”, 2807-15, 2858;
 “Nước Cha trị đến”, 2816-21, 2859;
 “Ý Cha thể hiện...”, 2822-27, 2860;
 “Xin Cha cho chúng con hôm nay lương thực hằng ngày”, 2828-37,
 2861;
 “Và tha nợ chúng con”, 2838-45, 2862;
 “Xin chớ để chúng con sa chước cám dỗ”, 2846-49, 2863;
 “Nhưng cứu chúng con cho khỏi sự dữ”, 2850-54, 2864.

LẠY CHÚA, XIN NGỰ ĐẾN (MARANA THA), 451.

LẮNG NGHE (AUSCULTARE)

Lắng nghe Chúa Giêsu dạy chúng ta cầu nguyện, 2598;
 Lắng nghe Lời Chúa, 709, 900, 1651, 2578, 2584, 2656, 2716, 2724,
 2835;
 Thiên Chúa Cha luôn nghe Chúa Giêsu, 2604;
 Thiên Chúa nghe tiếng kêu của con người, 2657.

“LÂM BÔ” (LIMBUS), 1261, x. *Bí tích Rửa Tội, Nghi thức An táng.*
(*Tình trạng trẻ sơ sinh chết mà chưa chịu Phép Rửa*)

LỄ (FESTIVITAS)

Bí tích Thánh Thể và lễ, 1389, 1391, 2042;
Các lễ của người Do thái và Chúa Giêsu, 583;
Lễ Phục Sinh như “Lễ của các lễ”, 1169;
Ngày Chúa Nhật là ngày thứ nhất trong mọi ngày, lễ thứ nhất trong mọi lễ, 2174;
Phụng vụ thiên quốc như cuộc lễ, 1136;
Sự chuẩn bị mừng các lễ phụng vụ, 2043;
Thánh hoá ngày lễ, 2180, 2187-88, 2193.

LỄ NGŨ TUẦN (PENTECOSTE)

Lễ Ngũ Tuần, ngày biểu lộ công khai Chúa Giêsu, 767, 1076;
Lễ Ngũ Tuần, ngày Mạc Khải đầy đủ về Chúa Ba Ngôi, 732;
Lễ Ngũ Tuần, ngày tuôn ban Chúa Thánh Thần, 696, 731, 1287, 2623.

LỊCH SỬ (HISTORIA)

Công trình tạo dựng như sự khởi đầu của lịch sử, 338;
Hiểu biết ý nghĩa cuối cùng của lịch sử, 388, 1040;
Hội Thánh và lịch sử, 759, 770;
Sự giải thích lịch sử và giáo huấn xã hội của Hội Thánh, 2422;
Sự quan phòng trong lịch sử, 303, 314, 395;
Thiên Chúa là Chúa và là Thầy của lịch sử, 269, 304, 450;
Thiên Chúa siêu việt trên lịch sử, 212;
Tội trong lịch sử, 386, 390, 401, 409;
Việc cầu nguyện và lịch sử, 2568, 2591, 2596, 2660.

LỊCH SỬ CỨU ĐỘ (HISTORIA SALUTIS) (lịch sử thánh)

Các Thiên thần trong lịch sử cứu độ, 332;
Chúa Giêsu như sự thâm tóm lịch sử cứu độ, 430, 668;
Israel trong lịch sử cứu độ, 431;
Phụng vụ và các biến cố của lịch sử cứu độ, 1103.
Sự khởi đầu lịch sử cứu độ, 280, 1080.

LINH ĐẠO/ ĐỜI SỐNG THIÊN LIÊNG/ ĐỜI SỐNG MỚI TRONG THẦN KHÍ (SPIRITUALITAS/ VITA SPIRITUALIS/ NOVA VITA IN SPIRITU)

Bí tích Thánh Thể và đời sống thiêng liêng, 1374, 1392;
Các linh đạo Kitô giáo, 2693;
Dây liên kết giữa đời sống thiêng liêng và các tín điều, 89;
Đời sống mới trong Thần Khí, 1698, 1708, 1715;
Lời Thiên Chúa và việc cầu nguyện như các nguồn mạch của đời sống thiêng liêng, 131, 2687, 2697;

Sống theo Thần Khí, 1533, 2848;
 Sự đa dạng của các linh đạo, 2684;
 Sự kết hợp với Đức Kitô trong đời sống thiêng liêng, 2014;
 Việc bảo vệ sự tự do tôn giáo hướng tới đời sống tinh thần, 2188.

LINH HỒN (ANIMA)

Bí tích Rửa Tội và Thêm Sức in ấn tín vào linh hồn, 1280, 1304, 1317;
 Bí tích Thánh Thể đổ đầy linh hồn bằng ân sủng, 1323, 1402;
 Bí tích Thánh Thể và sự hiện diện của Đức Kitô trong Mình và Máu, 1374;
 Bí tích Thánh Thể và thần tính, 1374;
 Các bí tích và ơn tha thứ, sự chữa lành linh hồn, 978, 981, 1520;
 Các dấu chỉ của linh hồn thiêng liêng, 33;
 Các nhân đức đối thần được tuôn đổ vào các linh hồn, 1813;
 Cầu nguyện và các linh hồn nơi luyện ngục, 1498;
 Cầu nguyện và linh hồn, 2559, 2562, 2590, 2700, 2703, 2709;
 Chúa Thánh Thần, linh hồn của Nhiệm Thể, 809;
 Con người được phú ban linh hồn, 1934;
 Đức Kitô, thầy thuốc chữa các linh hồn, 658, 1421, 1509;
 Đức Maria được đưa lên trời cả hồn và xác, 966, 972, 974;
 Giới răn “Người sẽ yêu mến Chúa... hết linh hồn...”, 2055, 2083;
 Linh hồn của Đức Kitô, 466, 467, 470-72, 624-26, 630, 632, 637, 650;
 Lời Thiên Chúa, của ăn của linh hồn, 127, 131;
 Luật tự nhiên được ghi khắc trong các linh hồn, 37, 1954;
 Linh hồn, 95, 1023, 1053, 2032, 2264, 2280, 2420, 2458;
 Phục sinh, sự kết hợp thân xác với linh hồn, 990, 997, 1005, 1016;
 Số phận tối hậu của linh hồn, 1021, 1051;
 Sự hợp nhất giữa linh hồn và thân xác nơi con người, 327, 362, 364-65, 382, 992, 1004, 1060, 1503, 2332;
 Sự tạo dựng linh hồn, 33, 366, 382;
 Sự tôn vinh thân thể và linh hồn, 1402, 1052;
 Thân thể và linh hồn, 362-64;
 Tinh thần, linh hồn và thân xác, 367;
 Tội và sự xâm nhập của nó vào linh hồn, 400, 403, 1035, 1456, 1863;
 Ý nghĩa của linh hồn, 363.

LINH HỨNG, SỰ (INSPIRATIO)

Sự linh hứng của Thiên Chúa, 105, 136, 2008;
 Sự linh hứng trong Thánh Kinh, 76, 81, 105-08, 135;
 Sự linh hứng của Chúa Thánh Thần, 105, 107, 111.

LINH MỤC (PRESBYTER), x. Tư tế;

- Linh mục như cộng sự viên của Giám mục, 1595;
- Linh mục như hình ảnh của Đức Kitô, 1142;
- Linh mục như thừa tác viên của các bí tích, 1257, 1312, 1411, 1461-62, 1530, 1623;
- Linh mục, chỉ người nam đã được rửa tội, 1577;
- Quyền trừ tà của linh mục, 1673;
- Sự độc thân của các linh mục, 1580;
- Sự truyền chức linh mục, 1562-68, 1572.

LINH MỤC ĐOÀN (PRESBYTERIUM), 1595;

- Thừa tác vụ của các tư tế và linh mục đoàn, 877;
- Sự duy nhất của linh mục đoàn, 1567-68.

LINH THAO (EXERCITIA SPIRITUALIA), thích hợp cho việc thống hối, 1438.

LOÀI NGƯỜI (GENUS HUMANUM), x. Con người và Nhân loại;

- Của cải của công trình tạo dựng dành cho loài người, 2402;
- Loài người tìm kiếm Thiên Chúa, 28;
- Nguồn gốc và mục đích của loài người, 297, 842;
- Ốn gọi của loài người, 1877;
- Sự chăm sóc của Thiên Chúa đối với loài người, 55-56, 353;
- Sự duy nhất của loài người, 360, 775-76, 1045;
- Sự ước muốn hạnh phúc của loài người, 1718;
- Thiên Chúa muốn cứu độ loài người, 56.

LOẠI TRỪ, SỰ (EXCLUSIO)

- Hoả ngục như “sự tự loại trừ” của con người, 1033;
- Sự loại trừ khỏi việc hiệp thông với Thiên Chúa, 1445;
- Tình yêu của Thiên Chúa không loại trừ một ai, 605;
- Tội lỗi và sự loại trừ khỏi Nước Thiên Chúa, 1861.

LOAN BÁO TIN MỪNG, VIỆC (EVANGELIZATIO)

- Các cha mẹ và việc loan báo Tin Mừng cho con cái, 2225;
- Cội nguồn và các mục đích của việc loan báo Tin Mừng, 850;
- Động lực của việc loan báo Tin Mừng, 851;
- Hội Thánh và mệnh lệnh truyền giáo, 849;
- Nguồn mạch của sự ước muốn loan báo Tin Mừng, 429;
- Những con đường của việc loan báo Tin Mừng, 852-56;
- Những người cộng tác trong việc loan báo Tin Mừng, 927-33;
- Sứ vụ của các giáo dân trong việc loan báo Tin Mừng, 905;
- Việc loan báo Tin Mừng như quyền và bổn phận của Hội Thánh, 848;
- Việc loan báo Tin Mừng và bằng chứng của những người đã lãnh Phép Rửa, 2044, 2472;

Việc loan báo Tin Mừng và các bí tích, 1122;

Việc loan báo Tin Mừng và phụng vụ, 1072.

LÒAN LUÂN, TỘI (INCESTUM)

Tính nghiêm trọng của tội loạn luân, 2356;

Ý nghĩa và các hậu quả do tội loạn luân, 2388.

LÒNG ĐẠO ĐỨC/ LÒNG HIẾU THẢO (PIETAS)

Lòng đạo đức bình dân và việc dạy giáo lý, 1674, 2688;

Lòng đạo đức kính mến Đức Trinh nữ Maria, 971;

Lòng đạo đức như hồng ân của Chúa Thánh Thần, 1303, 1831;

Lòng hiếu thảo, 2215.

LÒNG ĐẠO ĐỨC BÌNH DÂN (RELIGIOSITAS POPULARIS), 1674-75.

LÒNG THƯƠNG XÓT (MISERICORDIA)

Các tội nhân từ chối lòng thương xót của Thiên Chúa, 1864, 2091;

Chúa Giêsu biểu lộ lòng thương xót của Chúa Cha, 545, 589, 1439, 1846;

Đức Kitô muốn lòng thương xót, 2100;

Đức Maria, “Mẹ thương xót”, 2677;

Hội Thánh ban lòng thương xót của Thiên Chúa cho con người, 2040;

Hội Thánh khẩn cầu lòng thương xót của Thiên Chúa, 1037;

Lòng thương xót của Thiên Chúa, 210-11, 270;

Lòng thương xót như hoa trái của đức mến, 1829;

Những công việc của lòng thương xót, 1473;

Sự công chính như dấu chỉ tội đĩnh của lòng thương xót của Thiên Chúa, 1994;

Sự đón nhận lòng thương xót của Thiên Chúa, 1847, 2840;

Ý nghĩa và các loại công việc của lòng thương xót, 2447.

LÒNG TRẮC ẨN (COMPASSIO)

Lòng trắc ẩn của Đức Kitô đối với người ta, 1503, 1506, 2448, 2571, 2575, 2715;

Lòng trắc ẩn của con người tha thứ, 2843;

Lòng trắc ẩn của Thiên Chúa, 270.

LỜI CẦU NGUYỆN [cho người đã qua đời] (SUFFRAGIUM), 958, 1032, 1055, 1684-90.

LỜI CHỨNG (TESTIMONIUM)

Bổn phận làm chứng, 1816, 2087, 2471;

“Chứng Ước” như tên gọi các bia ghi Lễ Luật, 2058.

Hiệu quả của lời chứng, 30;

Lời chứng của các Kitô hữu, 2506;

- Lời chứng của các thành viên các tu hội đời, 929;
 Lời chứng của các Thánh, 688;
 Lời chứng của những người sống đời thánh hiến, 932-33;
 Lời chứng gian, 2464, 2476;
 Lời chứng trong việc giáo dục đức tin, 2226;
 Lời chứng về Đấng phục sinh trong cộng đồng đầu tiên của những người tin, 642;
 Lời chứng về đức tin, 2472;
 Tầm quan trọng của lời chứng, 2044;
 Việc tử đạo như lời chứng tuyệt hảo, 2473.

LỜI CON NGƯỜI (VERBUM HOMINIS)

- Chân lý của lời con người, 2500;
 Chân lý của lời con người và lời thề, 2151.

LỜI HỨA (CÁC) (PROMISSIO/NES)

- Các lời hứa của Thiên Chúa và sự hoàn thành các lời hứa đó, 484, 652, 1065, 2787;
 Đất hứa, 1222;
 Đức cậy như sự tin tưởng vào các lời hứa của Đức Kitô, 1817;
 Israel xét như người thừa hưởng các lời hứa của Thiên Chúa, 60;
 Lời hứa của bí tích Rửa Tội, 1185, 1254, 1298;
 Lời hứa của các mối phúc, 1716-17, 1725, 1967;
 Lời hứa của Thiên Chúa và lời cầu nguyện của đức tin, 2570-74, 2579;
 Lời hứa của Thiên Chúa với ông Abraham, 705-06;
 Lời hứa hôn ước, 1644;
 Lời hứa long trọng và lời thề, 2147, 2150, 2152;
 Lời hứa về Chúa Thánh Thần, 715, 729, 1287;
 Lời hứa về đời sống vĩnh cửu, 2002;
 Lời hứa về sự phục sinh của Chúa Giêsu và sự hoàn thành lời hứa đó, 638, 653;
 Lời hứa với Thiên Chúa hoặc lời khẩn, 2101-03;
 Sự trung tín của Thiên Chúa với các lời hứa, 212, 215, 422, 1063;
 Thần Khí của lời hứa, 705-06.

LỜI KHẤN (VOTUM) (của tu sĩ)

- Miễn chuẩn khỏi các lời khẩn, 2103;
 Định nghĩa lời khẩn của tu sĩ, 2102;
 Giá trị gương mẫu của lời khẩn của tu sĩ, 2103.

LỜI KINH CẦU XIN (PETITIO), x. *Việc cầu nguyện.*

LỜI RAO GIẢNG (PRAEDICATIO)

- Hiệu quả của lời rao giảng, 94;
 Lời rao giảng của các Tông Đồ, 76-77;

Lời rao giảng, 1151, 1716;
 Lời Thiên Chúa như của nuôi dưỡng lời rao giảng, 132;
 Sự phục sinh của Đức Kitô như lý chứng cho lời rao giảng của chúng ta, 651;
 Tầm quan trọng của lời rao giảng, 875, 1122.

LỜI RAO GIẢNG TIÊN KHỞI (KERYGMA), x. *Sứ điệp*.

LỜI THIÊN CHÚA (VERBUM DEI), x. *Thánh Kinh và Việc dạy giáo lý*;

Các công trình của Lời Thiên Chúa, 131, 162, 338, 1177, 1454, 1785;
 Đón nhận Lời Thiên Chúa, 543, 764;
 Đức Kitô như Lời Thiên Chúa, 65, 101, 04;
 Kitô giáo như tôn giáo của Lời Thiên Chúa, 108;
 Lời duy nhất của Thiên Chúa, 102;
 Lời Thiên Chúa là nguồn gốc sự hiện hữu và sự sống của mọi thụ tạo, 703;
 Lời Thiên Chúa như chân lý, 2465.
 Lời Thiên Chúa như nguồn mạch của việc cầu nguyện, 2587, 2653-54, 2716, 2769
 Nghệ thuật ảnh tượng Kitô giáo và Lời Thiên Chúa, 1160;
 Phụng vụ Lời Chúa, 1154, 1349;
 Sự giải thích Lời Thiên Chúa, 85-86, 113, 1101;
 Sự hiểu biết Lời Thiên Chúa, 108, 119, 1155;
 Sự loan báo Lời Thiên Chúa, 1102;
 Sự nuôi dưỡng bằng Lời Thiên Chúa, 2835;
 Tầm quan trọng của Lời Chúa trong phụng vụ, 1100, 1153, 1184;
 Thánh Kinh và Lời Thiên Chúa, 81, 104, 124;
 Tính bất hoại của hạt giống Lời Thiên Chúa, 1228.

LỢI NHUẬN (NHỮNG) (COMMODUM/A)

Công ích và tư lợi, 1908, 2236;
 Đời sống kinh tế gây nên những lợi nhuận khác nhau, 2430;
 Đức mến không tìm tư lợi, 953, 1825;
 Lợi nhuận cá vị hoặc tư lợi, 1740, 2278, 2316.

LUÂN LÝ (MORALIS), x. *Luật luân lý*.

LUẬT, LÊ LUẬT (LEX)

Định nghĩa luật, 1952;
 Luật chứ không phải ý muốn độc đoán thống trị trong Nhà nước Pháp quyền, 1904;
 Luật nhân loại phát xuất từ luật vĩnh cửu, 1904;
 Luật thị trường, 2425;
 Nhiệm vụ của luật và của ân sủng giải thoát trái tim, 2541;

Những cách diễn tả khác nhau của luật (luật vĩnh cửu, luật tự nhiên, luật mạc khải, v.v...), 1952;
Sự viên mãn của Lễ Luật, 2196.

Lễ Luật trong Giao Ước cũ

Các điều răn chính yếu của Lễ Luật, 2055;
Các mục đích của Lễ Luật, 62, 708;
Chúa Giêsu và Lễ Luật, 527, 576-82, 592, 2053, 2382;
Giá trị và ý nghĩa của Lễ Luật, 1961-64;
Lễ Luật của Thiên Chúa như chân lý, 2465;
Lễ Luật trong Nước và trong thời Lưu đày, 709;
Lời nguyện rửa của Lễ Luật, 580;
“Luật vàng” như bản toát yếu của Lễ Luật, 1970;
Mười Điều Răn như Lễ Luật của Thiên Chúa, 2058;
Sự ban Lễ Luật, 238, 700, 2060;
Tội như sự vi phạm Lễ Luật, 401;
Việc quên lãng Lễ Luật và các hậu quả của việc đó, 710.

Luật luân lý, 1950-74;

Các tội ác chống lại sự sống và luật luân lý, 2269, 2271, 2282;
Hiệu lực của luật luân lý trong lúc xảy ra chiến tranh, 2312;
Những hành xử chống lại luật luân lý, 2291, 2295-97, 2357, 2409, 2455;
Sự đa thê và luật luân lý, 2387;
Sự không biết luật luân lý, 1860;
Sự tự do và luật luân lý, 1740, 2526;
Sự tuân giữ luật luân lý của Thiên Chúa, 2222;
Sự viên mãn và sự duy nhất của luật luân lý trong Đức Kitô, 1953;
Tội như hành vi chống lại luật luân lý, 1849, 1855, 1859;
Ý nghĩa của luật luân lý, 1950.

Luật tự nhiên, 1954-60;

Các thể chế chính trị và luật tự nhiên, 1901;
Huấn quyền của Hội Thánh và luật tự nhiên, 2036;
Luật được mạc khải và luật tự nhiên, 1960;
Luật tự nhiên như nền tảng và căn bản của các luật khác, 1959;
Mười Điều Răn và luật tự nhiên, 2070-71, 2079;
Những hành vi chống lại luật tự nhiên, 2235, 2242;
Sự áp dụng luật tự nhiên trong các nền văn hoá khác nhau, 1957;
Sự lý dị và luật tự nhiên, 2384;
Tính bất di bất dịch của luật tự nhiên, 1958;
Tính phổ quát của luật tự nhiên, 1956;
Ý nghĩa của luật tự nhiên, 1954-55.

Luật mới của Tin Mừng, 1965-71, x. *Giao Ước mới*;

Chúa Giêsu như chuẩn mực của Luật mới, 459;

Định nghĩa Luật mới, 1965-66;

Luật mới như luật của tình yêu, của ân sủng và của sự tự do, 1972;

Luật mới như sự diễn tả của luật thần linh, tự nhiên và được mạc khải, 1965;

Luật mới như sự hoàn thành Luật cũ, 1967-68;

Luật mới và Chúa Thánh Thần, 1966.

LUẬT CẦU NGUYỆN (LEX ORANDI)

Ý nghĩa của thuật ngữ “luật cầu nguyện, luật đức tin” (“lex orandi, lex credendi”), 1124;

Ý nghĩa đại kết của luật cầu nguyện, 1126.

LUYỆN NGỤC (PURGATORIUM), 1030-32, 1472, x. *Sự hiệp thông của các Thánh*.**LỬA (IGNIS)**

Lửa muôn đời, 1034-35;

Lửa như biểu tượng của Chúa Thánh Thần, 696;

Lửa thanh luyện, 1031;

Lửa tình yêu, 2671, 2717, 2785;

Ý nghĩa biểu tượng của lửa, 1147, 1189.

LƯỜI BIẾNG, TỘI (PIGRITIA), x. *Tội làm biếng*;

Tội lười biếng như một trong bảy mối tội đầu, 1866;

Tội lười biếng thiêng liêng, 2094.

LƯƠNG DÂN (PAGANI), 522, 528, 781.**LƯƠNG TÂM (CONSCIENTIA)**, 1776-1802;

Các quyền, các bổn phận và lương tâm, 912;

Cách hành động, những chọn lựa và lương tâm, 1786-89, 1799;

Định nghĩa và ý nghĩa, 1776, 1778, 1795;

Đức tin và lương tâm, 160, 162, 1802;

Lề luật thần linh và lương tâm, 1706, 1776, 1778, 1786-87;

Nghe tiếng lương tâm, 1779, 1800;

Ồn cứu độ và lương tâm, 847;

Phẩm giá nhân linh và lương tâm luân lý, 1700, 1780, 2524;

Phương tiện thông tin đại chúng và sự huấn luyện lương tâm, 2496;

Quyền bính và lương tâm, 1903;

Quyền hành động theo lương tâm, 1786-89, 1799, 1907, 2106, 2242, 2256;

Quyền hành động theo sự tự do của lương tâm, 1782;

Sự hối cải và lương tâm, 1435, 1453, 1797, 1848;

Sự khôn ngoan và lương tâm, 1806;

Sự phán đoán sai lầm và lương tâm, 1790-94, 1801;
 Sự phán đoán và lương tâm, 1777, 1800;
 Sự sửa chữa lại về luân lý và bổn phận của lương tâm, 2487;
 Sự tha tội và lương tâm, 1454, 1468, 1493, 1496;
 Sự từ chối sử dụng vũ khí, do lương tâm thúc đẩy, 2311;
 Tiếng lương tâm, 33, 46, 1706, 1776, 1779, 1795, 2071;
 Tính luân lý của các hành vi nhân linh và lương tâm, 1749, 1751, 1796, x. *Hành vi nhân linh và Tính luân lý*;
 Tội lỗi và sự lia bỏ chống lại lương tâm ngay thẳng, 1849, 1860, 1865;
 Trách nhiệm của các hành vi và lương tâm, 1781;
 Việc huấn luyện lương tâm, 1783-85, 1798, 1802.

LƯU ĐÀY, CUỘC (EXILIUM)

Đời sống trần thế như cuộc lưu đày, 1012;
 Hội Thánh ý thức cuộc lưu đày của mình, 769;
 Israel và cuộc lưu đày, 710, 1081, 1093, 2795;
 Sự chết như cuộc lưu đày của thân thể, 1005, 1681.

LƯU TRUYỀN SỰ SỐNG, SỰ (TRANSMISSIO VITAE), 372, 2363, 2366, 2368, x. *Hôn nhân*.

LY DỊ, SỰ (DIVORTIUM)

Định nghĩa sự ly dị, 2384;
 Hành động của đức mến đối với những người đã ly dị, 1651;
 Luật đời chấp nhận sự ly dị, 2383;
 Những hậu quả do sự ly dị giữa đôi phối ngẫu công giáo, 1650, 1664, 2384-85, 2400;
 Sự vô tội của người phối ngẫu bị bỏ rơi cách bất công, 2386;
 Tính bất khả phân ly của Hôn nhân và sự ly dị, 2382.

LY GIÁO (SCHISMA), 817-19, 2089, x. *Lạc giáo và Bội giáo*.

LÝ TRÍ (RATIO)

Lý trí làm con người giống Thiên Chúa, 1730;
 Lý trí con người và đức tin, 50, 156-59, 274, 1706;
 Lý trí và các đam mê, 1767;
 Lý trí và các luật được công bố, 1902, 1976;
 Lý trí và các nhân đức, 1804, 1806, 2341;
 Lý trí và luật luân lý tự nhiên, 1954;
 Lý trí và sự nhận biết Thiên Chúa, 35-39, 47, 237, 286;
 Lý trí, lương tâm luân lý và sự phán đoán, 1778, 1783, 1796, 1798;
 Tội đối nghịch với lý trí, 1872.

M**MA QUỶ (DAEMONIUM, DIABOLUS)**

- Bí tích Rửa Tội như sự từ bỏ ma quỷ, 1237;
- Các công việc của ma quỷ, 394-95, 398, 2851-52;
- Các cuộc trừ quỷ để xua đuổi ma quỷ, 517, 550, 1237, 1673;
- Các thiên thần sa ngã, 391, 392, 414;
- Các Tông Đồ và quyền xua đuổi ma quỷ của các ngài, 1506;
- Chúa Giêsu và các cơn cám dỗ của ma quỷ, 538-40, 566, 2119;
- Chúa Giêsu và quyền thống trị của Người trên ma quỷ, 421, 447, 539, 550, 566, 635-36, 1086, 1708;
- Cuộc chiến đấu của con người chống lại quyền lực của bóng tối, 407, 409;
- Nguồn gốc của sự dữ, 397, 413, 1707, 2583, 2851;
- Sự giải thoát khỏi ma quỷ, 2850, 2853-54;
- Việc thờ ngẫu tượng và sự chạy lại với ma quỷ, 2113, 2116-17;
- Ý nghĩa và từ nguyên (etymon) của từ ma quỷ, 2851.

MA THUẬT (MAGIA), 2115-17.**MA TUÝ (PHARMACA NOCIVA)**

- Sự bảo vệ gia đình khỏi nạn ma túy, 2211;
- Việc sản xuất, kinh doanh và sử dụng ma túy như trọng tội, 2291.

MẠC KHẢI (REVELATIO)

- Cựu và Tân Ước như Mạc Khải thật, 129;
- Đức tin và sự đáp lại Mạc Khải, 142-43, 150, 176, 1814;
- Khả năng của con người để đón nhận Mạc Khải, 35, 36;
- Mạc Khải cho “những người bé mọn”, 544;
- Mạc Khải của Thiên Chúa được diễn tả bằng các ngôn ngữ nhân loại, 101;
- Mạc Khải đưa tới sự hiểu biết sâu xa hơn về những luật lệ của đời sống xã hội, 2419;
- Mạc Khải được thực hiện dần dần, 53, 69;
- Mạc Khải như con đường tuyệt vời nhất để nhận biết Thiên Chúa, 50;
- Mạc Khải như hoa trái của sự linh hứng của Chúa Thánh Thần, 105;
- Mạc Khải như sự soi sáng về các vấn đề tôn giáo và luân lý, 38;
- Nguyên do và các mục đích của Mạc Khải, 52, 68;
- Những bằng chứng bên ngoài để tin vào Mạc Khải, 156;
- Những mạc Khải “tự”, 67;
- Sẽ không có một Mạc Khải nào khác nữa, 66-67;
- Sự cần thiết của Mạc Khải, 74, 1960;

Sự hiểu biết của con người về Mạc Khải, 157-58;
Thánh Kinh và Thánh Truyền phát xuất từ Mạc Khải, 80-83, 124.

Các chủ đề của Mạc Khải

Mạc Khải con người như hình ảnh của Thiên Chúa, 1701, 2419;
Mạc Khải Mười Điều Răn, 2060, 2071;
Mạc Khải về chân lý vĩnh viễn, là về Chúa Giêsu Kitô, 124;
Mạc Khải về công trình tạo dựng, 287, 337;
Mạc Khải về kế hoạch cứu độ thần linh, 50-51;
Mạc Khải về lòng thương xót của Thiên Chúa đối với các tội nhân, 1846;
Mạc Khải về sự đồng trinh của Đức Maria, 502;
Mạc Khải về sự phục sinh của những người chết, 992;
Mạc Khải về thực tại của tội lỗi, 386-90;
Mạc Khải về trời mới và đất mới, 1048.

Mạc Khải của Thiên Chúa, 51-67;

Đời sống Đức Kitô như Mạc Khải về Chúa Cha, 516;
Đời sống Đức Kitô như sự hoàn tất Mạc Khải của Thiên Chúa, 561;
Mạc Khải của Thiên Chúa cho Israel, 2085;
Mạc Khải của Thiên Chúa trong Mười Điều Răn, 2059, 2070-71;
Mạc Khải Danh Thiên Chúa, 203-14, 2143;
Mạc Khải về Chúa Ba Ngôi, 237, 732;
Mạc Khải về Chúa Cha, 151, 238-42, 2779;
Mạc Khải về Chúa Con, 152, 438, 647-48, 651;
Mạc Khải về Chúa Thánh Thần, 243-48, 687-88;
Mạc Khải về sự toàn năng của Thiên Chúa, 272;
Mạc Khải về Thiên Chúa xét như về Thiên Chúa duy nhất, 201-02.

Mạc Khải trong lịch sử cứu độ

Mạc Khải cho Israel, 60-64, 72;
Mạc Khải cho nguyên tổ chúng ta, 54, 70.
Mạc Khải cho ông Nôê, 56-58, 71;
Mạc Khải sau khi con người sa ngã, 55;
Mạc Khải trong Chúa Giêsu Kitô, 65-67, 73;
Mạc Khải từ lúc khởi đầu, 54, 70.

Sự lưu truyền Mạc Khải

Lưu truyền qua các Giám mục, 77;
Lưu truyền qua các Tông Đồ và các sách Tin Mừng, 75-76;
Lưu truyền qua Hội Thánh, 78-79, 82;
Thánh Kinh và Thánh Truyền như hai cách khác nhau để lưu truyền Mạc Khải, 81-82.

MAI TÁNG, SỰ (SEPULTURA), 1690, 2300.

MẠI DÂM, SỰ (PROSTITUTIO), 2355.

MẠI THÁNH, TỘI (SIMONIA), 2118, 2121.

MANNA, 1094, 1334.

MÁU (SANGUIS), x. Bí tích Thánh Thể và Sự biến đổi bản thể;

“Đây là Máu Thầy”, 610, 1365;

Máu của các vị tử đạo như hạt giống trở sinh các Kitô hữu, 852;

Máu và nước như những biểu tượng của Hội Thánh của Đức Kitô,
766, 1225;

Phép Rửa bằng máu, 1258.

MẦU NHIỆM (MYSTERIUM)

Mầu nhiệm của Đức Kitô, 280, 512-60, 639, 654, 1067;

Mầu nhiệm của công trình tạo dựng, 287, 295-301;

Mầu nhiệm của Thiên Chúa, 42, 206, 234, 1028, 2779;

Mầu nhiệm Hội Thánh, 770-76;

Mầu nhiệm sự hiện hữu của sự dữ, 309, 385, 395;

Mầu nhiệm đức tin, 2558;

Mầu nhiệm con người, 359;

Mầu nhiệm ơn cứu độ con người, 122;

Mầu nhiệm sự hợp nhất của Hội Thánh, 813-16.

**MẪU MỤC CỦA ĐỜI SỐNG CHO CÁC TÍN HỮU
(EXEMPLAR VITAE PRO FIDELIBUS)**

Các Giám mục, 893;

Các Thánh, 828;

Đức Kitô, 459, 520, 896, 1618, 2348, 2620, 2740;

Đức Trinh Nữ Maria, 273, 967, 2030;

Ông Abraham, 144, 1819;

Thiên Chúa, 813, 2172.

MÊ ĂN UỐNG (GULA), một trong bảy mối tội đầu, 1866.

MÊ DÂM DỤC (LUXURIA)

Mê dâm dục như một mối tội đầu, 1866;

Ý nghĩa của sự mê dâm dục, 2351.

MÊ TÍN, SỰ (SUPERSTITIO), 2110-11, 2138.

MỆNH LỆNH / ĐIỀU RĂN (PRAECEPTUM)

Các mục đích của các mệnh lệnh trong Lễ Luật, 578;

Đức tin và các mệnh lệnh, 2614;

Huấn quyền của Hội Thánh và mệnh lệnh, 2033;

Huấn quyền và quyền bính của Huấn quyền liên quan đến các mệnh
lệnh, 2036;

Luật Tin Mừng và điều răn yêu thương, 1974;

Lương tâm và mệnh lệnh, 1777;
Năm điều răn của Hội Thánh, 2041-43;
Nhận biết các mệnh lệnh của Luật thần linh, 1778, 1960;
Phụng vụ và mệnh lệnh của Đức Kitô, 1341;
Quyền được nghe dạy dỗ các mệnh lệnh cứu độ thần linh, 2037;
Sự bất tuân các mệnh lệnh và tội, 397;
Sự mặc khải các mệnh lệnh của Mười Điều Răn, 2017;
Sự tuân giữ các mệnh lệnh, 348, 1050;
Sự tuân giữ các ngày lễ buộc, 2180-81, 2185;
Sự vi phạm các mệnh lệnh của Lê Luật, 557;
Việc loan báo ơn cứu độ như mệnh lệnh được ban cho Hội Thánh, 849, 2032;
Ý Thiên Chúa như mệnh lệnh cho chúng ta, 2822.

Mười Điều Răn

Các bảng của Mười Điều Răn, 2058;
Các mệnh lệnh của Mười Điều Răn như hồng ân của Thiên Chúa, 2060;
Các mục đích của các mệnh lệnh của Mười Điều Răn, 2063;
Cái nhìn chung Mười Điều Răn, 2051-52;
Đời sống vĩnh cửu và các mệnh lệnh của Mười Điều Răn, 2052, 2075;
Giao Ước cũ và các mệnh lệnh của Mười Điều Răn, 2057, 2060-62, 2077;
Kinh Tin Kính và Mười Điều Răn, 1064;
Luật cũ và các mệnh lệnh của Mười Điều Răn, 1980;
Luật Tin Mừng và các mệnh lệnh của Mười Điều Răn, 1968, 2053, 2074;
Luật tự nhiên và các mệnh lệnh của Mười Điều Răn, 1955, 2049, 2070-71, 2080;
Lương tâm và Mười Điều Răn, 1962;
Những đòi hỏi và những bắt buộc của Mười Điều Răn, 2054, 2067, 2072-73, 2081;
Sự bất tuân các mệnh lệnh của Mười Điều Răn, và tội, 1853, 1858;
Sự cần thiết của các mệnh lệnh của Mười Điều Răn, 2071;
Sự giải thích và sự hiểu biết các mệnh lệnh của Mười Điều Răn, 2055-56, 2061, 2077;
Sự hạnh phúc như mục đích tối hậu của các mệnh lệnh của Mười Điều Răn, 16;
Sự tuân giữ các mệnh lệnh của Mười Điều Răn, 2052-53;
Tầm quan trọng của các mệnh lệnh của Mười Điều Răn, 2065, 2076, 2078;
Thánh Kinh và các mệnh lệnh của Mười Điều Răn, 2056-63, 2078;
Tính duy nhất của Mười Điều Răn, 2069, 2079;

Truyền thống của Hội Thánh và các mệnh lệnh của Mười Điều Răn, 2064-68, 2078;

Việc phân chia và đánh số các mệnh lệnh của Mười Điều Răn, 2066;

Việc xưng tội và Mười Điều Răn, 1456;

Ý nghĩa các mệnh lệnh của Mười Điều Răn, 1724, 1962, 2033, 2057;

Ý nghĩa của từ “Decalogus” (Mười Điều Răn), 2056, 2058;

Ý Thiên Chúa được diễn đạt trong Mười Điều Răn, 2059, 2063.

Từng điều trong Mười Điều Răn

Điều răn thứ nhất, 2084-2141;

Điều răn thứ hai, 2142-67;

Điều răn thứ ba, 2168-95;

Điều răn thứ bốn, 2197-2257;

Điều răn thứ năm, 2258-2330;

Điều răn thứ sáu, 2331-2400;

Điều răn thứ bảy, 2401-63;

Điều răn thứ tám, 2464-2513;

Điều răn thứ chín, 2514-33;

Điều răn thứ mười, 2534-57.

Điều răn yêu thương

Các lời khuyên Phúc Âm và điều răn yêu thương, 1973-74, 1986;

Điều răn yêu thương như điều răn thứ nhất, 575, 1337, 2055;

Đức mến như điều răn mới của Đức Kitô, 782, 1823, 1970, 2074;

Đức mến, 1822, 1889;

Luật cũ và các điều răn yêu thương, 1968, 1984-85;

Mười Điều Răn như sự triển khai các điều răn, 16, 1697, 2067;

Sự tuân giữ các điều răn của Đức Kitô, 1824;

Yêu mến người lân cận, 2196-2557;

Yêu mến Thiên Chúa, 2083-2195.

MONG ĐỢI, SỰ (EXSPECTATIO), x. Cuộc Ngự đến và Sự hoàn tất;

Cuộc Nhập Thể như việc hoàn thành sự mong đợi, 422, 489;

Đất mới và sự mong đợi, 1049;

Đức cậy và sự mong đợi, 2090;

Đức Maria và sự mong đợi các lời hứa, 489;

Israel và sự mong đợi của Israel đối với Đấng Messia, 62, 522, 529, 706, 711-16, 840, 1334;

Linh hồn trong sự mong đợi việc phục sinh của thân thể, 997;

Mùa Vọng và sự mong đợi Đấng Messia, 524;

Những người chết trong sự mong đợi Đấng Cứu Chuộc, 633;

Phụng vụ và sự mong đợi, 1096, 2760;

Sự mong đợi cuộc trở lại của Đức Kitô, 1619, 2817;

Thời hiện tại như thời của sự mong đợi, 672;

Việc cầu nguyện và sự mong đợi, 2772, 2854.

MỔ TỬ THI, SỰ (AUTOPSIA), 2301.

MÔN ĐỆ CỦA ĐỨC KITÔ (DISCIPULUS CHRISTI)

Bí tích Thêm Sức như sự đảm nhận nhiệm vụ của môn đệ, 1319;
Các hồng ân được Đức Kitô trao ban cho các môn đệ, 908;
Các quyền năng của các môn đệ, 983;
Lời mời gọi của Chúa Giêsu để chúng ta làm môn đệ của Người, 520;
Môn đệ như anh em của Đức Kitô, 654;
Những đòi hỏi và những bổn phận cần thiết cho các môn đệ, 562, 915, 1693, 1816, 1823, 1986, 2262, 2347, 2427, 2466, 2612;
Ơn gọi chung của các môn đệ, 1533;
Ơn gọi của các môn đệ, 618, 767;
Sự cầu nguyện của các môn đệ, 2612, 2621;
Sự hiệp thông giữa Chúa Giêsu và các môn đệ, 787-88;
Sự hợp nhất của các môn đệ, 820, 2791;
Sự trợ giúp cho môn đệ, 1275, 1494, 1709, 2601, 2844;
Trở thành môn đệ nghĩa là gì, 546, 2475, 2614;
Việc huấn luyện các môn đệ, 1248.

MỚI MẸ, SỰ (NOVITAS)

Sự mới mẻ của Nước Thiên Chúa, 2832;
Sự mới mẻ của cái chết theo Kitô giáo, 1010;
Sự mới mẻ của việc cầu nguyện, 2599, 2614-15.

MỜI GỌI, SỰ (APPELLATIO)

Sự mời gọi của Thiên Chúa và ân sủng, 2000;
Sự mời gọi của Thiên Chúa và các trinh nữ và goá phụ được thánh hiến, 922;
Sự mời gọi của Thiên Chúa và con người, 29, 160, 545, 2461, 2566-67;
Sự mời gọi của Thiên Chúa và dân Do thái, 839;
Sự mời gọi của Thiên Chúa và Mười Điều Răn, 1962;
Sự mời gọi của Thiên Chúa với các con cái, 2232-33;
Sự mời gọi đến Chúc Thánh, 1578;
Sự mời gọi đến sự hợp nhất của Nhiệm Thể và bí tích Thánh Thể, 1396;
Sự mời gọi đến sự thánh thiện và các giáo dân, 941;
Sự mời gọi gia đình Kitô giáo, 2205-06;
Sự mời gọi sống đức khiết tịnh, 2349, 2359.

MÙ LOÀ, SỰ (CAECITAS)

Sự hoài nghi về đức tin và sự mù loà của tinh thần, 2088;
Sự mù loà của ông Hêrôđê và ông Philatô, và kế hoạch cứu độ, 600.

MÙA CHAY (QUADRAGESIMA), 540, 1095, 1438.

MỤC VỤ / MỤC TỬ (PASTORALIS)

Các mục đích của sứ vụ mục tử, 857;

Lời Thiên Chúa nuôi dưỡng việc giảng dạy mục vụ, 132;

Nhiệm vụ mục tử của Huấn quyền, 890;

Sinh hoạt mục vụ chung cho các đôi hôn phối hỗn hợp, 1636;

Sự cai quản và nhiệm vụ mục tử của các Giám mục, 886, 896, 927, 1560;

Sự chăm sóc mục vụ của giáo xứ, 2179;

Sự phân định của mục tử, cần thiết để nâng đỡ và ủng hộ lòng đạo đức bình dân, 1676.

MƯỜI ĐIỀU RĂN (DECALOGUS), *x. Các điều răn.*

N

NĂM PHỤNG VỤ (ANNUS LITURGICUS), *x. Mùa Vọng, Mùa Giáng Sinh, Mùa Chay, Mùa Phục Sinh, Lễ Hiện Xuống;*

Ngày Chúa Nhật, nền tảng và hạt nhân của năm phụng vụ, 1193;

Những thời gian thống hối, 1438;

Sự mô tả năm phụng vụ, 1168-71;

Việc cầu nguyện và năm phụng vụ, 2698.

NÂNG LÊN, SỰ (ELEVATIO)

Sự nâng lên trên thập giá, 662;

Sự nâng linh hồn lên cùng Thiên Chúa, 2098, 2559.

NẾT NA, SỰ (PUDOR)

Định nghĩa sự nết na, 2521-22;

Sự nết na của thân thể, 2523;

Sự nết na như dấu chỉ của nhân phẩm, 2524;

Sự nết na như đòi hỏi của sự trong sạch, 2521, 2533.

NGAI, CÁI (THRONUS), 1137.

NGAY THẲNG (RECTUS), *x. Công chính.*

NGÀY (DIES)

Bốn mươi ngày, 538, 540, 659;

Các ngày lễ buộc và các ngày lễ, 1389, 2177, 2181, 2185, 2187-88;

Ngày chết, 1682;

Ngày của Chúa, 1166-67, 2170, 2174-88;

Ngày của công trình tạo dựng, 337, 2169;

Ngày phán xét, 678, 681, 1040, 1059;

Ngày phục sinh của Chúa Giêsu, 2174;

Ngày thứ bảy, 345, sau 2051, 2168-73;
Ngày thứ tám, 349;
Những ngày sau hết, 841, 994, 1001, 2730;
Sự phục sinh vào ngày sau cùng, 364, 989.

NGÀY CHÚA NHẬT (DOMINICA DIES)

Ngày Chúa Nhật như ngày chính của việc cử hành Thánh Thể, 1193;
Ngày Chúa Nhật như ngày của sự Phục sinh của Chúa Giêsu, 1343;
Ngày Chúa Nhật như ngày để chăm lo đời sống gia đình, văn hoá, xã hội và tôn giáo, 2184, 2194;
Ngày Chúa Nhật như ngày thứ nhất trong tuần, 1166-67, 2174;
Ngày Chúa Nhật như sự hoàn thành ngày sabat, 2175-76;
Nghĩa vụ phải tham dự phụng vụ ngày Chúa Nhật, 1389, 2042, 2180-83;
Sự bảo vệ ngày Chúa Nhật như ngày lễ nghỉ, 2187-88;
Sự nghỉ ngơi ngày Chúa Nhật, 2185-86, 2193;
Sự thánh hoá ngày Chúa Nhật trong kinh nguyện, 2698;
Việc cử hành ngày Chúa Nhật như trung tâm của đời sống của Hội Thánh, 2177;
Ý nghĩa của ngày Chúa Nhật, 1163, 2190.

NGÀY SABAT (SABBATUM)

Giáo huấn của Chúa Giêsu về ngày sabat, 582;
Ngày Chúa Nhật như sự hoàn thành ngày sabat, 2175-76, 2190;
Ngày sabat như kết thúc sáu ngày làm việc, 345;
Ngày sabat ở trọng tâm luật Israel, 348;
Sự nghỉ ngơi và thánh hoá ngày sabat, 2168-73, 2189.

NGHỀ NGHIỆP / SỰ TUYÊN XŨNG / SỰ TUYÊN GIỮ (PROFESSIO)

Nghề nghiệp và lao động, 2230, 2433;
Sự tuyên giữ các lời khuyên Phúc Âm, 873, 915, 925, 944;
Sự tuyên xưng đức tin, 14, x. *Đức tin*;
Sự tuyên xưng một đức tin như dây liên kết sự duy nhất của Hội Thánh, 815;
Việc tuyên xưng đức tin lần đầu tiên, 189, 978;
Việc tuyên xưng đức tin như giai đoạn đầu tiên của việc khai tâm Kitô giáo, 1229.

NGHỆ THUẬT (ARS), x. *Ảnh thánh và Ảnh tượng thánh*;

Nghệ thuật thánh, 2500, 2502-03, 2513;
Sự tương đồng của nghệ thuật với hoạt động của Thiên Chúa trong công trình tạo dựng, 2501.

NGHI LỄ (RITUS), x. *Truyền thống và Phụng vụ*;

Nghi lễ an táng, x. *Những người đã qua đời*;

Nghi lễ các bí tích, 1131, x. *mỗi bí tích*;

Những nghi lễ khác nhau trong Hội Thánh phổ quát, 1201, 1203, 1208;

Những thay đổi của các nghi lễ, 1125.

NGHỈ NGƠI, SỰ (REQUIES)

Sự nghỉ ngơi ngày Chúa Nhật, 2184-85, 2194;

Sự nghỉ ngơi ngày sabat trong Mười Điều Răn, 582, 2168-73, 2189.

NGHĨA TRANG (COEMETERIUM), 1686.**NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, VIỆC (INVESTIGATIO SCIENTIFICA)**

Các tiêu chuẩn luân lý của việc nghiên cứu khoa học, 2294.

NGOẠI TÌNH, TỘI (ADULTERIUM)

Định nghĩa tội ngoại tình, 2380;

Tính nghiêm trọng của tội ngoại tình, 1756, 1856, 1858, 2380, 2400;

Tội ngoại tình và điều răn của Thiên Chúa, 2052, 2055, 2196;

Tội ngoại tình và sự bất công đối với phẩm giá của Hôn Nhân, 2380-81;

Tội ngoại tình và sự ly dị, 1650, 2384;

Tội ngoại tình và sự ước muốn, 2336, 2528;

Tội ngoại tình và trái tim con người, 1853, 2517.

NGÔI LỜI (VERBUM), x. *Đức Kitô*;

Đức Kitô, Ngôi Lời đã trở nên xác phàm, 151, 241, 477;

“Lúc khởi đầu đã có Ngôi Lời”, 291;

Mầu nhiệm Nhập Thể của Ngôi Lời, 461-63, 479;

“Ngôi Lời đã trở nên xác phàm”, 423, 456-60;

Thiên Chúa gìn giữ công trình tạo dựng nhờ Ngôi Lời, 320;

NGÔI MỘ (SEPULCRUM)

Bàn thờ như biểu tượng ngôi mộ của Đức Kitô, 1182;

Ngôi mộ trống của Đức Kitô, 640, 657.

NGÔI VỊ (HYPOSTASIS)

Đức Kitô, một Ngôi Vị, 466, 468;

Ý nghĩa của từ Ngôi Vị, 252.

NGÔN NGỮ (LINGUA)

Các lời của Thiên Chúa được diễn tả trong ngôn ngữ nhân loại, 101;

Lời nói hai ý, 2338, 2480;

Ngôn ngữ của các dấu chỉ và các biểu tượng trong đời sống con người, 1146;

Ngôn ngữ của công trình tạo dựng, 2500;

- Ngôn ngữ của đức tin, 170-71, 185;
- Ngôn ngữ của việc cầu nguyện, 2663;
- Ngôn ngữ nhân loại liên quan đến Thiên Chúa, 40-43.

NGỤC TỔ TÔNG (SHEOL), 633.

NGUYÊN TỘI (PECCATUM ORIGINALE)

- Lý do Thiên Chúa cho phép nguyên tội xảy ra, 412;
- Nguyên tội như một chân lý đức tin, 388-89;
- Nguyên tội như việc thử thách sự tự do của con người, 396;
- Sự bất tuân như nguồn gốc của nguyên tội, 215, 397-98;
- Sự lưu truyền nguyên tội cho tất cả mọi người, 404;
- Trình thuật về nguyên tội, 390;
- Ý nghĩa của giáo lý về nguyên tội, 389.

Các hậu quả do nguyên tội,

- Các hậu quả trong lịch sử con người, 402-06, 1250, 1607, 1609, 1707, 2259, 2515;
- Mất ân sủng của sự thánh thiện nguyên thủy, 399;
- Sự hài hoà bị phá huỷ, 400;
- Sự khó khăn trong việc nhận biết Thiên Chúa, 37;
- Sự xâm nhập của sự dữ, 401;
- Toàn thể trần gian bị đặt dưới quyền Thần Dữ, 409.

NGƯỜI CHA (PATER), x. *Tình phụ tử và Cha mẹ.*

NGƯỜI CHỒNG (MARITUS), x. *Hôn nhân.*

NGƯỜI DO THÁI (HEBRAEI), x. *Israel.*

NGƯỜI DỰ TÔNG (CATECHUMENUS)

- Dầu dự tông, 1294;
- Hội Thánh và những người dự tông, 1249, 1537;
- Kinh Lạy Cha và những người dự tông, 2769;
- Người dự tông và đức mến, 1248-49;
- Người dự tông và việc tuyên xưng đức tin, 168, 256, 1253;
- Ơn cứu độ của những người dự tông, 1259, 1281;
- Việc huấn luyện những người dự tông, 281.

NGƯỜI LÂN CẬN (PROXIMUS)

- Các điều răn và tình yêu đối với người lân cận, 1962, 2052, 2067, 2401, 2464;
- Các hình thức thống hối và tình yêu đối với người lân cận, 1434;
- Các việc từ thiện đối với người lân cận, 2447;
- Coi người lân cận như “cái tôi khác”, 1931;
- Lý do phải yêu mến và tôn trọng người lân cận, 678, 2212;
- “Người sẽ yêu mến người lân cận như chính mình người”, 2055, 2196;

Những xúc phạm và các tội chống lại tình yêu đối với người lân cận, 1459, 1849, 2302-03, 2409, 2477, 2485, 2539;
 Sự công bằng đối với người lân cận, 1807, 1836;
 Sự thanh sạch của trái tim như sự đòi hỏi phải đón nhận người khác như người lân cận, 2519.
 Sự tôn trọng công trình tạo dựng và tình yêu đối với người lân cận, 2415;
 Sự tôn trọng và yêu mến người lân cận như sự đòi hỏi của đức mến, 1789, 1822, 1844;
 Tình yêu đối với người lân cận không thể tách biệt khỏi tình yêu đối với Thiên Chúa, 1033, 1878;
 Tình yêu đối với Thiên Chúa và đối với người lân cận như sự hoàn thành Lê Luật của Thiên Chúa, 1706;
 Trở nên người lân cận cho những người khác, 1825, 1932.

NGƯỜI NAM (VIR), x. Con người.

NGƯỜI NỮ (MULIER)

Công trình tạo dựng người nữ theo hình ảnh của Thiên Chúa, 355, 369-70, 2335;
 Người nam và người nữ, 369, 371-72, 383, 400;
 Người nữ được thánh hiến, 918, 924;
 Người nữ như hình ảnh của Hội Thánh, 1368, 2853;
 Nhìn người nữ mà thèm muốn người đó, 2336;
 Những đòi hỏi của tình yêu của người nam và người nữ, 2363;
 Những tương quan giữa người nam và người nữ, 400, 1606-07;
 Ổn gọi của người nam và người nữ, 373, 1603, 2207, 2331;
 Phẩm giá của người nữ, 1645, 2334, 2393;
 Phán quyết của Hội Thánh Công giáo về việc truyền chức cho người nữ, 1577-78;
 Sự bảo vệ người nữ, 1610;
 Sự bổ túc, sự liên kết và sự cộng tác của người nam và người nữ, 378, 1605, 1614, 1616, 2333;
 Sự đa thê và người nữ, 2387;
 Sự hài hoà giữa người nam và người nữ trong vườn địa đàng, 376, 384;
 Sự kết hợp bất hợp pháp của người nam và người nữ, 2353, 2390-91;
 Tính dục quy hướng về tình yêu phụ phụ của người nam và người nữ, 2337, 2353, 2360-61, 2522;
 Tội ngoại tình của người nữ, 2384.

NGƯỜI NƯỚC NGOÀI (ALIENIGENA), 2241.

NGƯỜI TÔI TỐ (SERVUS) (*nói về Đức Kitô*)

Đức Kitô, Người tôi tớ của Thiên Chúa, vâng phục Ngài cách trọn vẹn, 539, 615;

Đức Kitô, Người tôi tớ của mọi người, 786;

Sứ vụ cứu chuộc của Người tôi tớ đau khổ, 440, 601.

NGƯỜI VỢ (UXOR), *x. Hôn nhân.***NHÀ NƯỚC (STATUS) (POLITICUS)**, *x. Xã hội;*

Bổn phận của Nhà Nước phải bảo vệ công ích, 1910;

Bổn phận của Nhà Nước phải bảo vệ quyền được sống, 2273;

Nhà Nước có trách nhiệm về sự thịnh vượng, 2372;

“Nhà Nước pháp quyền”, 1904;

Nhà Nước và sự tự do cá vị, 1883;

Tai hoạ của các nhà nước độc tài bị tố giác bởi ý thức luân lý, 2499;

Thờ ngẫu tượng là Nhà Nước, 2113;

Trách nhiệm của Nhà Nước trong hành động kinh tế, 2431.

NHÀ TẠM (TABERNACULUM), 1183, 1379.**NHẠC PHỤNG VỤ (MUSICA LITURGICA)**, 1156-58.**NHÂN ĐỨC (VIRTUS)**, *x. Mỗi nhân đức.*

Các nhân đức nhân bản được nâng lên bằng ân sủng, 1810-11;

Các nhân đức như hồng ân của bí tích Rửa Tội, 1266;

Các nhân đức và các hồng ân của Chúa Thánh Thần, 1831;

Chân lý như một nhân đức, 2468-69;

Chúa Thánh Thần hoạt động qua các nhân đức, 798;

Dạy giáo lý về các nhân đức nhân bản và Kitô giáo, 1697,

Định nghĩa nhân đức, 1803-04, 1833;

Đức mến như nguồn gốc và mô thể của mọi nhân đức, 25, 2346;

Đức mến như nhân đức, 2337, 2341, 2345, 2347, 2349;

Giáo dục về các nhân đức, 1784, 2223;

Những cản trở trong việc thực thi các nhân đức, 1863, 2284;

Tình liên đới như một nhân đức, 1942, 1948.

Các hồng ân của Chúa Thánh Thần

Bảy hồng ân của Chúa Thánh Thần, 1831;

Các hoa trái của Chúa Thánh Thần, 1832;

Định nghĩa các hồng ân của Chúa Thánh Thần, 1830.

Các nhân đức nhân bản

Các nhân đức luân lý, 1266, 1804, 839;

Các nhân đức nhân bản được thanh tẩy và được nâng lên bằng ân sủng, 1810-11;

Các nhân đức nhân bản giữ nhiệm vụ “cột trụ”, 1805;

Định nghĩa các nhân đức nhân bản, 1804, 1834;

Đức can đảm, 1808, 1837;
 Đức công bằng, 1807, 1836;
 Đức khôn ngoan, 1806, 1835;
 Đức tiết độ, 1809, 1838, 2290.

Các nhân đức đối thần

Định nghĩa và nhiệm vụ của các nhân đức đối thần, 1812-13, 1840-41;
 Đức tin, 153, 1814-16, 1842.
 Đức cậy, 1817-21, 1843, 2090;
 Đức mến, 1822-29, 1844;

NHÂN HẬU, SỰ (BENEVOLENTIA)

Sự nhân hậu riêng của Thiên Chúa, 214;
 Sự nhân hậu của con người đối với các sinh vật, 2416;
 Kế hoạch nhân hậu của Thiên Chúa, 50-51, 257, 315, 2807, 2823;
 Đức mến và sự nhân hậu, 1829;
 Các cộng đồng nhân loại và sự nhân hậu, 2213, 2540, 2554;
 Chúa Thánh Thần ban sự nhân hậu, 736, 1832.

NHÂN LOẠI (HUMANITAS), x. Dòng dõi nhân loại;

Các hậu quả do tội của ông Adam trên nhân loại, 400, 402-06;
 Dân Thiên Chúa và các cộng đồng của nhân loại, 782;
 Số phận tương lai của nhân loại, 1917;
 Sự hợp nhất và ơn cứu độ trong Hội Thánh cho nhân loại, 776, 845.

NHẬN NGHĨA TỬ, SỰ (ADOPTIO)

Con người được nhận làm nghĩa tử, nhờ Chúa Giêsu Kitô, 52, 257, 422, 460, 505, 654, 839, 1110, 1709, 2639, 2782, 2798, 2825;
 Đức Kitô là con, không phải nghĩa tử, 2673, 2717, 2740, 2745, 2766;
 Hiệu quả của sự được nhận làm nghĩa tử, 654, 1709, 2784;
 Kế hoạch của Thiên Chúa trong việc nhận nghĩa tử, 270, 2782;
 Sự được nhận làm nghĩa tử làm cho người ta nên đồng thừa tự với Đức Kitô, 2009; 257, 1077;
 Sự nhận các trẻ em bị bỏ rơi làm nghĩa tử trong gia đình, 2379;
 Sự nhận nghĩa tử trong kế hoạch của Thiên Chúa, 1, 52, 257;
 Sự nhận nghĩa tử và sự thừa tự vinh phúc vĩnh cửu, 1, 294;
 Sự tự do của Thiên Chúa trong việc nhận nghĩa tử, 52, 257, 1996;
 Thiên Chúa nhận nghĩa tử bằng các bí tích, 537, 1129, 1197, 1265, 1279.

NHẬP THỂ, CUỘC (INCARNATIO), 461-63.

Bản tính nhân loại được đảm nhận chứ không bị hoà tan trong Con Thiên Chúa, 470;
 Các Công đồng khẳng định cuộc Nhập thể của Đức Kitô, 465-68;
 Các hiệu quả của cuộc Nhập thể của Con Thiên Chúa, 432, 521;

- Các lạc giáo phủ nhận nhân tính của Đức Kitô, 465-68;
 Chúa Giêsu Kitô là Thiên Chúa thật và là Người thật mà không pha trộn lẫn lộn, 464, 499;
 Con Thiên Chúa có tri thức nhân loại và tri thức thần linh, 474;
 Con Thiên Chúa làm các công việc nhân loại, 470;
 Cuộc Nhập thể của Đức Kitô nhìn theo phương diện lịch sử, 423;
 Cuộc Nhập thể và cuộc Thăng thiên, 661;
 Đức tin vào cuộc Nhập thể của Đức Kitô, 463, 465;
 Dung mạo nhân loại của Đức Kitô “được hoá lại”, 476;
 Linh hồn nhân loại được đảm nhận bởi Con Thiên Chúa, 472;
 Mẫu nhiệm Nhập thể, 359;
 Ngôi Lời xuất hiện một cách hữu hình trong thân thể Đức Kitô, 477;
 Sự kết hợp của Ngôi Lời theo ngôi hiệp (hypostasim), 466, 468, 483;
 Việc chuẩn bị cho cuộc Nhập thể, 522-23;
 Ý chí nhân loại của Đức Kitô thuận theo ý chí thần linh, 475;
 Ý nghĩa của cuộc Nhập thể, 461, 464, 479, 483.

Những lý do của cuộc Nhập thể

- Các tội được tẩy xoá và ơn cứu độ được đạt tới, 456-57;
 Con người được trở nên đồng phạm với bản tính thần linh, 460;
 Mẫu mực của sự thánh thiện cho người ta, 459;
 Sự khai mạc công trình tạo dựng mới, 504;
 Sự nhận biết tình yêu Thiên Chúa, 458.

NHỆ (TỘI) (VENIALE), x. Tội.

NHIỆM VỤ CỨU ĐỘ (OECONOMIA SALUTIS)

- Các mục đích của Nhiệm vụ thần linh, 122, 260;
 Đặc tính vĩnh viễn của Nhiệm vụ cứu độ, 66;
 Nhiệm vụ các bí tích, 1076-1209, x. (Các) bí tích;
 Nhiệm vụ của Lễ Luật và của ân sủng giải thoát trái tim nhân loại, 2541;
 Nhiệm vụ Mạc Khải được xây dựng bằng các biến cố và các lời, 1103;
 Nhiệm vụ tạo dựng và cứu độ trong kinh nguyện của Chúa Giêsu, 2604, 2606, 2746, 2758;
 Những phá hoại đe dọa Nhiệm vụ thần linh, 57;
 Sự khởi đầu Nhiệm vụ cứu độ, 56, 489, 705;
 Toàn bộ Nhiệm vụ thần linh được thực hiện bởi Ba Ngôi, 258-59, 1066;
 Việc cầu nguyện và Nhiệm vụ cứu độ, 2850.

NHIỆT THÀNH, SỰ (ZELUS) về tôn giáo, 579, 2442.

NHIỀU NGƯỜI (MULTI), x. Công trình cứu chuộc.

NHÌN THẤY Thiên Chúa (**VIDERE** Deum), 707, x. *Cuộc thần hiện*;

Con người ước muốn nhìn thấy Thiên Chúa, 2548-50, 2557;

Những người có trái tim trong sạch sẽ nhìn thấy Thiên Chúa, 1722, 2519, 2531.

NHO, RƯỢU/CÂY (VINUM / VINEA / VITIS)

Dấu chỉ bánh và rượu trong bí tích Thánh Thể, 1333-35;

Đức Kitô là cây nho thật, 755;

Sự biến đổi rượu nên máu Đức Kitô, 1357-76, 1413, x. *Sự biến đổi bản thể*;

“Thầy là cây nho, anh em là ngành”, 787, 1988, 2074.

NHÓM CẦU NGUYỆN (ORATIONIS COETUS), 2689, 2695.

NHU CẦU (EGESTAS), x. *Sự cần thiết*.

NHỮNG BÍ MẬT NGHỀ NGHIỆP

(**SECRETA IN MUNERE CONSTITUTORUM**), 2491.

NHỮNG KẾT HỢP (IUNCTIONES) trước Hôn nhân, 2391.

(NHỮNG) NGƯỜI CÔNG CHÍNH (IUSTUS/I)

Chúa Giêsu và những người công chính, 545, 588, 633;

Đời sống vĩnh cửu của những người công chính sau khi chết, 769, 989, 1038;

Những người công chính trong Thánh Kinh (Các ông Abel, Nôê, Daniel, Job), 58;

Nước của những người công chính cùng với Đức Kitô, 1042;

Phẩm chất của việc cầu nguyện của người công chính, 2569, 2582.

NHỮNG NGƯỜI DI CƯ (IMMIGRANTES)

Sự kiếm được việc làm cũng mở ngõ cho những người di cư, 2433;

Các bốn phận của các quyền bính chính trị đối với những người di cư, 2241.

NHỮNG NGƯỜI ĐÃ QUA ĐỜI (DEFUNCTI), cf. *Exsequiae*;

Bí tích Thánh Thể và những lời cầu nguyện cho những người đã qua đời, 1032, 1056, 1371, 1414;

Các ân xá cho những người đã qua đời, 1471, 1479;

Sự hiệp thông với những người đã qua đời, 958;

Sự tôn trọng thân thể những người đã qua đời, 2300;

Việc cử hành lễ an táng, 1689.

NHỮNG NGƯỜI ĐÍNH HÔN (NUPTURIENTES)

Sự khiết tịnh, sự tiết dục và sự chung thủy của những người đính hôn, 2350;

Sự chuẩn bị của những người đính hôn để tiến tới Hôn Nhân, 1632.

NHỮNG NGƯỜI GIÀ (SENES)

Gia đình và việc chăm sóc những người già, 2208;
Sự phục vụ những người già, 2186.

NHỮNG NGƯỜI HẤP HỐI (MORIBUNDI), 2279, 2299.

NHỮNG NGƯỜI HỒI GIÁO (MUSULMANI), 841.

NHỮNG NGƯỜI KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG LAO ĐỘNG

(INCAPACITATE LABORANTES) (khuyết tật), *x. Các bệnh nhân;*

Cái chết êm dịu và những người không có khả năng lao động, 2277;
Tình liên đới, sự chăm sóc và sự tôn trọng đối với những người không có khả năng lao động, 2208, 2276.

NHỮNG NGƯỜI MÙ (CAECI)

Lời cầu xin của những người mù được Chúa Giêsu lắng nghe, 2616.

NHỮNG NGƯỜI NGHÈO (PAUPERES) / SỰ KHÓ NGHÈO

(PAUPERTAS), *x. Những người túng thiếu.*

Bí tích Thánh Thể bắt buộc lo cho những người nghèo, 1397;
Đức Kitô khó nghèo, 517, 525, 544, 1351, 2407;
Những người nghèo trong tinh thần, 709, 716, 1716, 2544-47;
Nước Trời và những người nghèo, 544;
Sự khó nghèo như con đường của Đức Kitô và của Hội Thánh, 544, 786, 852;
Sự khó nghèo như một lời khuyên Phúc Âm, 915;
Sự quan tâm, chăm sóc và tình yêu đối với những người nghèo, 886, 1033, 1435, 1825, 1941, 2208, 2405, 2443-49;
Tình liên đới của các dân tộc giàu đối với những người nghèo, 2439-40;
Từ bỏ sự giàu sang như một cách sống, 2544-45;
Việc chạy đua vũ trang như sự xúc phạm đến những người nghèo, 2329.

NHỮNG NGƯỜI PHARISÊU (PHARISAEI)

Cách hành động của những người Phariseu, 576, 579, 595, 993, 2054;
Những tương quan của Chúa Giêsu với những người Phariseu, 575;
Sự bất đồng giữa Đức Kitô và những người Phariseu, 574, 581, 588, 596, 2285.

NHỮNG NGƯỜI PHỐI NGÃU (CONIUGES), *x. Hôn nhân và Sự ly dị.*

(NHỮNG) NGƯỜI THU THUẾ (PUBLICANUS/I)

Chúa Giêsu và những người thu thuế, 588;
Dụ ngôn người Phariseu và người thu thuế, 2613.

(NHỮNG) NGƯỜI TIN (CREDENS/NTES)

- Các nhiệm vụ của những người tin, 904-05;
- Chủ nghĩa Vô thần và những người tin, 2125;
- Chức tư tế của những người tin, 1546;
- Đức Maria, Mẹ của những người tin, 2676;
- Hội Thánh và những người tin, 181, 752, 759, 836;
- Lời chứng của những người tin, 2471;
- Ông Abraham, “cha của tất cả những người tin”, 145-47, 1080;
- Sự hợp nhất của những người tin trong Đức Kitô, 790, 805, 813, 817, 947;
- Sự tăng trưởng về đức tin của những người tin, 94, 166, 1102.

NHỮNG NGƯỜI TRẺ (IUVENES)

- Các nguy hiểm cho những người trẻ, 2282, 2353, 2389;
- Việc giáo dục và huấn luyện những người trẻ, 5, 1632, 2688, 2526, 2685.

NHỮNG NGƯỜI TÚNG THIẾU (EGEND), x. *Những người nghèo.*

- Đức mến đối với những người túng thiếu, 1586, 1932, 2449.

**NHỮNG LỢI ÍCH LUÂN LÝ VÀ THIÊNG LIÊNG
(BONA MORALIA ET SPIRITUALIA)**

- Bạc sống thánh hiến và các lợi ích thiên quốc, 933;
- Bí tích Giao Hoà và các lợi ích của sự sống thần linh, 1468-69;
- Đức Kitô và những lợi ích Người đã ban cho người ta, 412, 420, 819;
- Lợi ích của Hôn Nhân và của tình yêu phu phụ, 1643, 2333, 2363;
- Những lợi ích thiêng liêng, 293, 1050, 1948, 2121, 2548;
- Những lợi ích tương lai, 662, 2549;
- Những lợi ích và việc cầu nguyện, 2010, 2559, 2590, 2736, 2830;
- Những lợi ích, lương tâm luân lý và sự phân định, 1780;
- Sự hiệp thông các lợi ích, 947, 949-53, 955;
- Sự trao đổi các lợi ích thiêng liêng, 1475-76, 1697.

NIỀM VUI (GAUDIUM)

- Các nguồn mạch của niềm vui, 30, 163, 301, 1804, 1829, 2015, 2362;
- Ngày Chúa Nhật như ngày của niềm vui, 1193;
- Những điều ngăn cản hưởng niềm vui, 2094;
- Niềm vui của những người nghèo, 2546;
- Niềm vui như hoa trái của Thần Khí, 736, 1832;
- Niềm vui trên trời, 1029-30.

NÓI DỐI, SỰ (MENDACIUM)

- Các cách phân định chân lý và sự nói dối, 1954, 2847;
- Định nghĩa và ý nghĩa sự nói dối, 2482;
- Kết án sự nói dối, 2485;
- Ma quỷ như cha sự nói dối, 392, 2482;

Sự nói dối của Tên cám dỗ như khởi đầu của tội, 215;
 Sự nói dối như những xúc phạm đến chân lý, 2483;
 Tính nghiêm trọng của sự nói dối, 2484, 2486.

NÓI PHẠM THƯỢNG, TỘI (BLASPHEMIA)

Chúa Giêsu bị tố cáo về tội nói phạm thượng, 574;
 Lời thề và tội nói phạm thượng, 2149;
 Tính nghiêm trọng của tội nói phạm thượng, 1031, 1756, 1856;
 Ý nghĩa của tội nói phạm thượng, 2148, 2162.

NÓI XẤU, SỰ (DETRACTIO)

Các hậu quả do sự nói xấu, 2479;
 Sự nói xấu không thể được chấp nhận về mặt luân lý, 2477.

NÔÊ, ÔNG (NOE)

Giao ước của Thiên Chúa với ông Nôê, 56, 58, 71.

NÔ LỆ, SỰ (SERVITUS)

Thiên Chúa cứu Israel khỏi sự nô lệ người Ai cập, 62, 2061;
 Chúa Giêsu giải thoát người ta khỏi sự nô lệ tội lỗi, 549, 601, 635,
 1741;
 Sự giải thoát khỏi sự nô lệ tội lỗi, 2057, 2097, 2744;
 Lệnh cấm không được bắt các thụ tạo nhân linh làm nô lệ, 2414;
 Sự nô lệ tội lỗi, 407, 421, 1733.

NỖ LỰC, SỰ (NISUS)

Đức khiết tịnh như sự nỗ lực cá vị, 2344;
 Sự nỗ lực của các Kitô hữu, 1319, 2046;
 Sự nỗ lực của gia đình đối với người lân cận, 2208;
 Sự nỗ lực trong giao dịch xã hội, 1913, 1940, 1947;
 Sự nỗ lực trong Hôn nhân, 2381, 2390;
 Sự nỗ lực truyền giáo, 854;
 Sự đáp trả của đức tin như một nỗ lực, 1102, 1248;
 Sự tự chủ như một nỗ lực liên li, 2342.

NỘI TÂM (INTERIORITAS)

Sự tự vấn nội tâm của mình, 1779.

NƯỚC CỦA SATAN (REGNUM SATANAE), 550, x. *Ma quỷ*.

NƯỚC THIÊN CHÚA (REGNUM DEI), 1720, 2819;

Các dấu chỉ biểu lộ cuộc Ngự đến của Nước Thiên Chúa, 560;
 Các dấu chỉ của Nước Thiên Chúa, 547-50, 670, 1505;
 Các điều kiện để vào Nước [Thiên Chúa], 526, 543-44, 556, 577,
 1215, 1427, 1470, 1716, 2544, 2556, 2826;
 Các mối phúc và Nước Trời, 1716, 1726, 2546;
 “Chìa khoá Nước [Trời]”, 551-53;

Chiến thắng của Nước Đức Kitô, 680;
 Con đường để mở rộng Nước Thiên Chúa, 853, 863;
 Cuộc biến hình của Đức Kitô như sự nếm trước Nước [Thiên Chúa],
 554;
 Cuộc Ngự đến của Nước Thiên Chúa và đời sống Kitô hữu, 2046;
 Đón nhận Nước Thiên Chúa, 764;
 Gia đình và Nước Thiên Chúa, 2232-33;
 Hội Thánh như mầm móng và điểm khởi đầu Nước Thiên Chúa,
 567, 669, 764, 768;
 Hội Thánh như Nước Đức Kitô đã hiện diện trong mẫu nhiệm, 763;
 Luật và Nước Thiên Chúa, 1963;
 Những người được kêu gọi vào Nước [Thiên Chúa], 526, 543-44,
 2603;
 Lòng trông cậy Nước Thiên Chúa, 1817;
 “Nước Cha trị đến”, 2804, 2816-21, 2859;
 Nước Đức Kitô chưa tuyệt đối, 671;
 “Nước Thiên Chúa đã đến gần”, 541-42, 1503, 2612;
 Nước Thiên Chúa như công trình của Chúa Thánh Thần, 709;
 Nước vĩnh cửu của Thiên Chúa, 664;
 Sự đồng trinh vì Nước Thiên Chúa, 1579, 1599, 1618-19;
 Sự hoàn thành Nước Thiên Chúa, 677, 1042, 1060;
 Sự loại ra khỏi Nước Thiên Chúa và các nguyên do của việc đó,
 1852, 1861, 2450;
 Sự loan báo Nước Thiên Chúa, 543-46, 768;
 Sự tiến bộ và Nước Thiên Chúa, 2820;
 Sự xây dựng Nước Thiên Chúa, 395;
 Trước hết tìm kiếm Nước Thiên Chúa, 305, 1942, 2632;
 Việc cầu nguyện và Nước Thiên Chúa, 2632, 2646, 2660.

Ơ

ƠN BIẾT LO LIỆU (CONSILIUM) như hồng ân của Chúa Thánh Thần,
 1303, 1831.

ƠN CỨU ĐỘ (SALUS)

Những trợ giúp cho linh hồn được ơn cứu độ, 95;
 Cuộc Ngự đến của Đức Kitô vì ơn cứu độ con người, 456-57, 519,
 1019;
 Các Thiên thần như những sứ giả của kế hoạch thần linh ban ơn
 cứu độ, 331-32;
 Bí tích Rửa Tội cần thiết để được ơn cứu độ, 1256-57, 1277;
 Thiên Chúa mở ngõ ơn cứu độ cho con người, 54, 56, 218, 431, 781,
 1058, 2575;

- Thiên Chúa muốn ban ơn cứu độ mọi người trong chân lý, 851;
Hồng ân cứu độ được ban nhờ Đức Kitô, 1811;
Hội Thánh như dụng cụ và bí tích phổ quát của ơn cứu độ, 776, 780, 816;
Không lãnh Phép Rửa có được cứu độ không, 1259, 1261;
Con người cần ơn cứu độ, 1949, 2448;
Sự tự do nhân linh và ơn cứu độ, 1739-42;
Các phương tiện của ơn cứu độ, 830, 980;
Thừa tác vụ của Hội Thánh để cứu độ con người, 874;
Sứ vụ cứu độ trong các công việc của các tư tế, 1565;
Tầm quan trọng của những quyết định luân lý để được ơn cứu độ, 1696;
Sự tôn trọng luật tự nhiên cần thiết để được ơn cứu độ, 2036;
“Nhiệm cục cứu độ”, 1066;
Mọi người cần ơn cứu độ, 588;
Mọi sự được quy hướng về ơn cứu độ của con người, 313;
Các công trình cứu độ bị ngăn cản bởi Thần Dữ, 2851;
Cầu nguyện cho ơn cứu độ, 2744;
Làm cho linh hồn mình được cứu độ, 1889;
Thánh Kinh để cứu độ con người, 107, 122;
Các bí tích cần thiết để được cứu độ, 1129;
Hy lễ thập giá để cứu độ con người, 600-02, 617;
Ơn cứu độ chỉ đến từ một mình Thiên Chúa, 169, 620;
Ơn cứu độ và sự hiệp thông của các Thánh, 1477;
Ơn cứu độ của cá vị và của xã hội gắn liền với hạnh phúc phụ phụ, 1603, 2250;
Sự phục vụ và lời chứng của đức tin cần thiết để được ơn cứu độ, 1816;
Lòng trông cậy được ơn cứu độ trong Israel, 64;
Lòng trông cậy được ơn cứu độ, 2091;
Thánh Phaolô đặt tính phổ quát của ơn cứu độ đối nghịch với tính phổ quát của tội, 402;
Đức Trinh Nữ Maria cộng tác vào việc cứu độ nhân loại, 511, 969.

ÔN GỌI của con người (VOCATIO hominis)

- Các lời khuyên Phúc Âm và ơn gọi cá vị, 1974;
Các tính chất chung của ơn gọi nhân linh, 1878-85;
Ơn gọi của các giáo dân, 898-900, 2442;
Ơn gọi của các Kitô hữu được hoàn thành trong Hội Thánh, 2030;
Ơn gọi của con người được Đức Kitô mạc khải, 1701;
Ơn gọi của con người được hoàn thành bằng đời sống trong Chúa Thánh Thần, 1699;
Ơn gọi của con người được thực hiện nhờ sự trợ giúp của xã hội, 1886;

- Ơn gọi của Đức Maria, 490;
 Ơn gọi của người nam và người nữ trong kế hoạch của Thiên Chúa, 373;
 Ơn gọi của nhân loại, 1877;
 Ơn gọi của ông Abraham, 762;
 Ơn gọi đến đời sống trong Chúa Thánh Thần, 1699;
 Ơn gọi đến đời sống vĩnh cửu, 1998, 2820;
 Ơn gọi đến Hôn nhân, 1603-04, 1607, 2331;
 Ơn gọi đến sự cộng tác với Thiên Chúa trong công trình tạo dựng, 307;
 Ơn gọi đến sự hiệp thông với Thiên Chúa, 27, 44;
 Ơn gọi đến sự kết hợp với Đức Kitô, 521, 542;
 Ơn gọi đến sự khiết tịnh, 2337-59;
 Ơn gọi đến tình yêu, 1604, 2331, 2392;
 Ơn gọi đến việc phượng tự thần linh và phục vụ Hội Thánh, 1121;
 Ơn gọi đến việc thiết lập dân mới của Thiên Chúa, 804, 831;
 Ơn gọi đến việc tông đồ Kitô giáo, 863;
 Ơn gọi đến vinh phúc thần linh, 1700, 1703, 1716-24;
 Ơn gọi của Israel được hoàn thành cách trọn hảo bởi Chúa Giêsu, 539;
 Ơn gọi làm cha mẹ, 2369;
 Ơn gọi người ta nên giống như sự duy nhất và tình huynh đệ của các Ngôi Vị thần linh, 1878;
 Ơn gọi người ta trở thành các nghĩa tử của Thiên Chúa, 1;
 Ơn gọi để biểu lộ Thiên Chúa, 2085;
 Ơn gọi để tìm kiếm Thiên Chúa, 30;
 Ơn gọi để tôn trọng và trợ giúp con cái, 1656, 2226, 2232;
 Ơn gọi tiến vào Nước Trời, 543;
 Ơn gọi tối hậu của con người, 1260;
 Ơn gọi tư tế của dân Thiên Chúa, 784;
 Ơn gọi tư tế, 1583;
 Quyền thực hiện ơn gọi riêng phải được xã hội tạo điều kiện, 1907, 2461;
 Sự thánh thiện và Tin Mừng như ơn gọi của tất cả các môn đệ Đức Kitô, 1533, 1962.

P

PHÁ THAI, TỘI (ABORTUS)

- Các mệnh lệnh luân lý và tội phá thai, 2271, 2274;
 Sự tôn trọng sự sống và tội phá thai, 2270;
 Sự trợ giúp cho tội phá thai, 2272.

PHẠM THÁNH, TỘI (SACRILEGIUM), 2118, 2120, 2139.

PHÁN XÉT, CUỘC / SỰ PHÁN ĐOÁN / PHÁN QUYẾT (IUDICIUM)

- Các giới hạn của sự phán đoán phê bình, 1861, 2497;
- Cuộc phán xét của Đức Kitô, 679;
- Cuộc phán xét riêng, 1021-22;
- Cuộc phán xét sau cùng, cánh chung, 677-78, 1023, 1038-41;
- Ngày phán xét, 681;
- Phán quyết của Hội Thánh, 119, 553, 2032, 2246, 2420, 2423;
- Sự phán đoán của lương tâm, 1777-82, 1783, 1786-87, 1806, 1848, 2039;
- Sự phán đoán hồ đồ, 2477-78;
- Sự phán đoán sai lầm, 1790-94, 2409, 2477;
- Sự tham dự trước vào cuộc phán xét trong bí tích Thống Hối, 1470.

PHÁT TRIỂN, SỰ (PROGRESSIO), *x. Sự tăng trưởng, Sự tăng tiến và Sự tiến triển;*

- Sự phát triển của con người, 2461.

PHẨM CHẤT CỦA CON NGƯỜI (INDOLES HOMINIS), 1264, 1810.

PHẨM GIÁ (DIGNITAS)

- Các phương diện và các dấu chỉ của phẩm giá, 27, 356-57, 1700, 1706, 1730, 1956, 2524;
- Gương xấu và sự tôn trọng phẩm giá của người khác, 2284-2301, *x. Gương xấu;*
- Hành hạ các thú vật như một xúc phạm đến nhân phẩm, 2418;
- Lợi nhuận và phẩm giá, 2424;
- Những xúc phạm đến nhân phẩm, 1487, 2261, 2275, 2295, 2297, 2324, 2353-55, 2377, 2414, 2418, 2424, 2436, *x. Sự tôn trọng;*
- Phẩm giá bình đẳng của mọi thành viên của gia đình, 2203;
- Phẩm giá cá vị như nhau của đôi phối ngẫu, 1645;
- Phẩm giá của các tư tế, 1587, 1595;
- Phẩm giá của con người được Thiên Chúa tạo dựng, 306, 308;
- Phẩm giá của dân Thiên Chúa, 782, 786;
- Phẩm giá của nhân vị, 1700-1876;
- Phẩm giá của thân xác con người như của hình ảnh của Thiên Chúa, 364, 1004;
- Phẩm giá của tình yêu được nâng lên tới phẩm giá của bí tích, 1601, 1603, 1638, 1660;
- Phẩm giá của tình yêu phụ phụ, 1632;
- Phẩm giá như nhau của con cái Thiên Chúa, 872, 1468, 1692, 1698, 1934;
- Phẩm giá như nhau của người nam và người nữ, 369, 2334;
- Sự thất nghiệp như một xúc phạm đến phẩm giá, 2436;

Sự tôn trọng và sự bảo vệ phẩm giá, 1929, 2158, 2235, 2238, 2267, 2279, 2284-2301, 2304, 2402, 2407, 2479, 2494, 2521, 2526.

PHẨM TRẬT (HIERARCHIA)

Phẩm trật của các chân lý đức tin, 90, 234;

Phẩm trật của các giá trị tinh thần và vật chất, 1886, 1895, 2236, 2244;

Phẩm trật của các lời cầu xin trong việc cầu nguyện, 2632;

Phẩm trật của các thụ tạo được diễn tả trong công trình tạo dựng, 342;

Phẩm trật của Hội Thánh, 871-76, 1569, 1571.

PHÂN ĐỊNH, SỰ (DISCRETIO)

Chúa Thánh Thần ban sự phân định, 2690;

Sự phân định các của cải trần thế và việc sử dụng chúng, 1729;

Sự phân định các đặc sủng, 800;

Sự phân định cơn cám dỗ, 2847;

Sự phân định lòng đạo đức bình dân và cảm thức tôn giáo, 1676;

Sự phân định tình trạng của con người và hành động của họ, 407, 1780.

PHÉP LẠ (CÁC) (MIRACULUM/ A)

Hồng ân làm phép lạ, 2003;

Các phép lạ của các môn đệ Đức Kitô, 434;

Các phép lạ của Đức Kitô như dấu chỉ của thần tính của Người, 515;

Các phép lạ của Đức Kitô và ý nghĩa của chúng như những dấu chỉ, 548-49, 1335;

Ý nghĩa các phép lạ của Đức Kitô, 156, 547, 1335.

PHÊRÔ, ÔNG (PETRUS) (Tông Đồ)

Các nhiệm vụ của ông Phêrô, 552, 624, 881;

Đức tin của ông Phêrô vào Đức Kitô, 153, 424, 440, 442;

Giám mục Rôma, x. *Giám mục Rôma*;

Ông Phêrô như chứng nhân cuộc phục sinh của Đức Kitô, 641-42;

Ông Phêrô như vị đứng đầu các Tông Đồ của Đức Kitô, 552, 765, 880-81;

Việc chối [Thầy] và sự hối cải của ông Phêrô, 1429, 1851.

PHÓ TẾ (DIACONUS)

Ấn tín được ghi nơi phó tế trong việc truyền chức, 1570;

Các khả năng của phó tế, 1256, 1570, 1588, 1596;

Chức phó tế như một cấp bậc của bí tích Truyền Chức Thánh, 1554;

Chức phó tế vĩnh viễn, 1571;

Phó tế được truyền chức “để phục vụ”, 1538, 1569-71;

Phó tế như người trợ giúp của Giám mục và của các linh mục, 886, 1554, 1569, 1596;

Sự long trọng của việc truyền chức phó tế, 1572-74;
Sự tôn trọng các phó tế, 896, 1554.

PHONG THÁNH, SỰ (CANONIZATIO), x. (Các) Thánh.

PHÔI NGƯỜI (EMBRYON HUMANUS)

Sự bảo vệ phôi người, 2270-71, 2273-74, 2377-78;
Sự được phép can thiệp trên phôi người, 2275.

PHỤC SINH CỦA ĐỨC KITÔ, SỰ

(RESURRECTIO CHRISTI), x. Đức Kitô.

PHỤC SINH CỦA NHỮNG NGƯỜI CHẾT, SỰ

(RESURRECTIO MORTUORUM)

Bí tích Thánh Thể như sức mạnh của sự phục sinh, 1524;
Các lý lẽ và nền tảng của đức tin vào sự phục sinh của những người chết, 993-95;
Đức tin vào sự phục sinh của những người chết như một yếu tố căn bản của đức tin Kitô giáo, 991;
Linh hồn và thân xác trong sự phục sinh cuối cùng, 366;
Những cách phục sinh của những người chết, 999, 1000;
Những chống đối và không hiểu liên quan đến đức tin vào sự phục sinh của những người chết, 996;
Phục sinh là gì, 977;
Sự biến hình của Đức Kitô như dấu chỉ của sự phục sinh của con người, 556;
Sự hoả táng và đức tin vào sự phục sinh của thân xác, 2301;
Sự mạc khải tiệm tiến về sự phục sinh của những người chết, 922;
Sự phục sinh của những người chết như công trình của Ba Ngôi Chí Thánh, 989;
Sự phục sinh của tất cả những người chết, 998;
Sự phục sinh của thân xác nghĩa là gì, 990;
Thời gian của sự phục sinh của những người chết, 1001, 1038;
“Tôi tin xác loài người ngày sau sống lại”, 988-1013.

PHỤC TÙNG, SỰ (của con người) (SUBMISSIO) (hominis)

Sự phục tùng của con người đối với các quyền bính hợp pháp, 2239-40;
Sự phục tùng của con người đối với Thiên Chúa, 154, 341, 396, 1955;
Sự từ chối phục tùng Đức Giáo Hoàng, (ly giáo), 2089.

PHỤC VỤ, SỰ (DIACONIA), 1569, 1588.

PHỤC VỤ, SỰ (SERVITIUM)

Các phó tế như những thừa tác viên được quy hướng tới sự phục vụ, 1569-70, 1596;

Phụng vụ như sự phục vụ Thiên Chúa, 1069-70;
 Quyền bính xét như sự phục vụ, 2235;
 Sự lệ thuộc nhau của các thụ tạo và sự phục vụ, 340;
 Sự phục vụ các quyền bính dân sự và sự phục vụ Thiên Chúa, 2242;
 Sự phục vụ của các giáo dân trong cộng đoàn Hội Thánh, 910;
 Sự phục vụ của các Thiên thần, 333;
 Sự phục vụ của gia đình như thừa tác vụ của sự sống, 1653;
 Sự phục vụ dân sự, 2311;
 Sự phục vụ như con đường đi theo Đức Kitô, 852;
 Sự phục vụ Tổ quốc, 2239, 2310.

PHỤNG VỤ (LITURGIA)

Các mục đích của phụng vụ, 1068;
 Các phụng vụ Đông phương và những đặc điểm của chúng, 948, 1182, 1240, 1623;
 Các Thiên thần trong phụng vụ, 335;
 Đức Maria trong phụng vụ, 721;
 Lòng đạo đức bình dân và phụng vụ, 1674-75;
 Nhà thờ và nơi thích hợp hơn cho kinh nguyện phụng vụ, 2691, 2695;
 Phụng vụ Do thái và Kitô giáo, 1096;
 Phụng vụ Lời [Chúa], 1103, 1154, 1346, 1349, 2183;
 Phụng vụ thiên quốc, 1090, 1137-39, 1326;
 Phụng vụ trần thế, 1088-89;
 Phụng vụ Vượt Qua, 1217;
 Sự tham dự phụng vụ của Hội Thánh, 1273, 1389;
 Ý nghĩa của từ phụng vụ, 1069-70.

Việc cử hành phụng vụ

Các thừa tác vụ và việc cử hành phụng vụ, 1142-44;
 Các truyền thống phụng vụ và tính công giáo của Hội Thánh, 1200-03.
 Mẫu nhiệm Vượt Qua của Đức Kitô trong việc cử hành phụng vụ, 1067-68;
 Sự thay đổi nghi thức bí tích, 1125;
 Việc cử hành phụng vụ của bí tích Hôn Phối, 1621-24, 1631, 1663;
 Việc cử hành phụng vụ của bí tích Rửa Tội, 1234-45, 1278;
 Việc cử hành phụng vụ của bí tích Thánh Thể, 1330, 1345-55, 1363;
 Việc cử hành phụng vụ của bí tích Thêm Sức, 1297-1301, 1321;
 Việc cử hành phụng vụ của bí tích Thống Hối, 1480-84;
 Việc cử hành phụng vụ của bí tích Truyền Chức Thánh, 1572-74, 1597;
 Việc cử hành phụng vụ của bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân, 1517-19, 1531;

Việc cử hành phụng vụ của việc an táng, 1684-90.

CÁC YẾU TỐ CỦA VIỆC CỬ HÀNH PHỤNG VỤ

Các ảnh tượng thánh, 1159-62;

Các dấu chỉ và các biểu tượng, 1145-52;

Các lời và các hành động, 1153-55;

Thánh ca và âm nhạc, 1156-58.

NHỮNG VỊ CỬ HÀNH PHỤNG VỤ THIÊN QUỐC, 1137-39;

Đầu và các chi thể, 1142-43;

Cộng đồng và cộng đoàn, 1140-41, 1144;

Những người cử hành phụng vụ bí tích, 1140-44.

Giải thích phụng vụ

Phụng vụ được thay đổi theo các nền văn hoá khác nhau, 1204-06;

Phụng vụ làm cho các biến cố cứu độ tác động trong hiện tại, 1104;

Phụng vụ như chỗ rất đặc biệt để dạy giáo lý, 1074;

Phụng vụ như tột đỉnh mà hành động của Hội Thánh vươn tới, và như nguồn mạch tuôn trào sức mạnh của Hội Thánh, 1074;

Phụng vụ như hành động của Hội Thánh, 1071-72;

Phụng vụ như lời đáp trả của đức tin, 1083;

Phụng vụ như một yếu tố cấu thành của Thánh Truyền, 1124.

Các Giờ kinh phụng vụ, 1174-78;

Nguồn gốc của các Giờ kinh phụng vụ, 1096;

Những hiệu quả của các Giờ kinh phụng vụ, 1437;

Những lời cầu nguyện của toàn thể dân Thiên Chúa, 1173;

Những mục đích của các Giờ kinh phụng vụ, 1174;

Những người tham dự các Giờ kinh phụng vụ, 1175;

Những nơi để cử hành các Giờ kinh phụng vụ, 2691;

Việc thiết lập các Giờ kinh phụng vụ, 1176-77;

Ý nghĩa của các Giờ kinh phụng vụ, 1174, 1178.

Các Ngôi Vị thần linh trong phụng vụ

Chúa Thánh Thần trong phụng vụ, 688, 1091, 1109;

Đức Kitô như trung tâm và Tư Tế của phụng vụ, 662, 1070, 1088;

Đức Kitô trong phụng vụ, 1084-90, 1097, 1136, 2655;

Phụng vụ như công trình của Chúa Ba Ngôi, 1076-1109;

Thiên Chúa Cha như nguồn mạch và mục đích của phụng vụ, 1077-83.

Thời gian phụng vụ, 1163-78;

NĂM PHỤNG VỤ, 1168;

Mầu nhiệm Vượt Qua như nền tảng để giải thích năm phụng vụ, 1168-69;

Sự giải thích thời gian về phương diện phụng vụ, 1095;

Sự kính nhớ các Thánh, 1173;
 Sự kính nhớ Đức Trinh Nữ Maria, 1172, 1370;
 Sự triển khai mầu nhiệm Vượt Qua, 1171.

NGÀY CHÚA NHẬT, 1166-67;

Các ngày lễ khác phải được cử hành, 2177;

Ngày của Chúa, 1166-67;

Tầm quan trọng của việc cử hành bí tích Thánh Thể ngày Chúa Nhật, 2177-79.

Q

QUAN PHÒNG, SỰ (PROVIDENTIA), *x. Thiên Chúa*;

Bằng chứng về sự quan phòng trong Thánh Kinh, 303;

Định nghĩa sự quan phòng, 302, 321;

Lời cầu nguyện Kitô giáo như việc cộng tác vào sự quan phòng, 2738;

Sự phó thác với tình con thảo vào sự quan phòng, 305, 322, 2215, 2547, 2830;

Sự quan phòng hướng dẫn, 1040;

Sự quan phòng thần linh như kế hoạch của Thiên Chúa được thực hiện, 302-05;

Sự quan phòng và sự dữ, 309-14, 324, 395;

Sự quan phòng và những nguyên nhân đệ nhị, 306-308;

Sự quan phòng và sự cộng tác của các thụ tạo, 306-307, 323.

QUÊ HƯƠNG (PATRIA)

Quê hương thiên quốc, 117, 1525, 2795;

Quê hương trần thế và các bổn phận đối với quê hương, 2199, 2239-40, 2310.

QUY LUẬT (REGULA) luân lý, *x. Luật và Chuẩn mực*;

Đức Kitô như quy luật luân lý của cách hành động, 2074;

Luật luân lý xét như quy luật để hành động, 1951;

Luật tự nhiên xét như quy luật, 1957, 1959;

“Quy luật vàng”, 1789, 1970, 2510;

Thánh Kinh như nguồn mạch mọi quy luật, 75, 141.

QUY PHỤC, SỰ (OBSEQUIUM)

Sự quy phục đạo hạnh của tâm hồn đối với giáo huấn thông thường của Huấn quyền, 892.

Sự quy phục đối với các định tín của Huấn quyền, 891;

QUY TỘI, TÍNH (IMPUTABILITAS) của các hành động và các tội lỗi, 1735, 1860, 2125, 2355.

QUY TỰ, SỰ (RECAPITULATIO), 518, 668, 2854.

QUỸ ĐẠO (AMBITUS), *x. Thiên nhiên và Công trình tạo dựng.*

QUYÊN GÓP, SỰ (COLLECTA) và ý nghĩa của nó, 1351.

QUYỀN (CÁC) (IUS/RA)

- Các hành động chống lại các quyền căn bản, 2242, 2414, 2424;
- Các quyền chính trị, 2237;
- Các quyền lực công cộng và các quyền của cá vị, 1907, 2254, 2273;
- Các thể chế chính trị chống lại các quyền của con người, 1901;
- Đời sống kinh tế và sự bảo vệ quyền, 2430-31.
- Hành động chống lại quyền lực vi phạm các quyền, 2243;
- Hội Thánh và sự bảo vệ của Hội Thánh đối với các quyền căn bản, 2420, 2458;
- Khoa học và kỹ thuật trong sự phục vụ các quyền căn bản, 2294, 2375;
- Luật tự nhiên như nền tảng của các quyền căn bản, 1956, 1978, 2070, 2273;
- “Nhà Nước pháp quyền”, 1904, 2273;
- Những hành động chống lại các quyền của các dân tộc, 2313, 2328;
- Quyền bầu cử, 2240;
- Quyền biết và quyền bày tỏ chân lý, 2488-89, 2494, 2508, 2512;
- Quyền chọn lựa nghề nghiệp và bậc sống, 2230;
- Quyền chọn trường học cho con cái, 2229;
- Quyền có sáng kiến về kinh tế, 2429;
- Quyền của con cái, 2378;
- Quyền của con người là được giáo huấn về các mệnh lệnh thần linh, 2037;
- Quyền của những người đã chịu Phép Rửa, 1269;
- Quyền di cư, 2241;
- Quyền được cấp dưỡng của các thừa tác viên trong Hội Thánh, 2122;
- Quyền được sống, 2264, 2270, 2273, 2322;
- Quyền được tôn trọng, 2479;
- Quyền giáo dục con cái, 2221;
- Quyền hành động theo lương tâm và sự tự do, 1782, 1907;
- Quyền hưởng các của cải của trái đất, 360;
- Quyền loan báo Tin Mừng cho người ta, 848, 900;
- Quyền ngưng các phương tiện y khoa, 2278;
- Quyền phê phán các quyền bính, 2238;
- Quyền quy định việc sản xuất và buôn bán vũ khí, 2316;
- Quyền theo sự công bằng xã hội, 1943;
- Quyền tự do tôn giáo, 2104-09;
- Quyền tự do, 1738, 1747;

Quyền tư hữu, 2211, 2401, 2403, 2406, 2452;
 Quyền tự vệ hợp pháp, 1909, 2265-66, 2308, 2310, 2321;
 Sự bình đẳng giữa người ta và các quyền của họ, 1935, 1944-45;
 Sự công nhận các quyền, 2270, 2273;
 Sự ly dị dân sự và các quyền hợp pháp phải được bảo đảm, 2383;
 Sự thông tin qua phương tiện truyền thông và sự tôn trọng các quyền, 2492, 2494, 2498;
 Sự tôn trọng các quyền con người, 1807, 1882, 1889, 2237, 2306, 2407.

QUYỀN BÌNH (AUCTORITAS)

Chiến tranh và quyền bình quốc tế, 2308;
 Công ích và quyền bình, 1903, 1906, 1909, 1928, 2239, 2266, 2406, 2429, 2498,;
 Gia đình và quyền bình, 2202, 2207, 2234;
 Lê Luật như sự bắt nguồn của quyền bình, 1951;
 Nền tảng của quyền bình nhân loại, 1897-1904;
 Nền tảng của quyền bình, 1899, 1918, 1920, 1930;
 Những bổn phận của các quyền bình, 1917, 1923, 2235-36, 2241, 2272, 2316, 2354, 2498;
 Những giới hạn của quyền bình, 2267;
 Những quyền bình dân sự bất hợp pháp, 2155;
 Những quyền bình tôn giáo của những người ở Giêrusalem và Chúa Giêsu, 575, 587, 589, 591, 595-96;
 Quyền bình cần thiết cho xã hội nhân loại, 1897-98, 1919;
 Quyền bình của các Giám mục, 883, 888, 894, 1596, 2034, 2179;
 Quyền bình của các thừa tác viên của Hội Thánh, 875, 1551, 1563;
 Quyền bình của các Tông Đồ, 551, 873, 1444, 1575;
 Quyền bình của chân lý, 1777;
 Quyền bình của Đức Giáo Hoàng, 1594, 2034;
 Quyền bình của Đức Kitô, 581-82, 651, 668-69, 1063, 1441, 1673, 2173;
 Quyền bình của Hội Thánh, 85, 119, 553, 874, 895, 918, 1023, 1125, 1399, 1578, 1635, 1673, 1792, 2037, 2420;
 Quyền bình của Huấn quyền của Hội Thánh, 88, 2036;
 Quyền bình của kinh Tin Kính, 194-95;
 Quyền bình của Thiên Chúa, 156, 239, 668, 1295, 1381, 2086, 2777;
 Quyền bình dân sự và nhân loại, 1900, 1901, 2234;
 Sự lạm dụng của các quyền bình dân sự, 2155, 2242, 2298;
 Sự phục vụ của quyền bình, 2235;
 Sự thực thi quyền bình cách hợp pháp, 1897, 1921;
 Sự tôn trọng những điều khác và quyền bình, 1902, 1930, 2199, 2254;
 Sự tôn trọng quyền bình, 1880;

Sự từ chối vàng phục quyền bính, 2256.

QUYỀN CHỦ TỂ (DOMINATUS)

Quyền chủ thể của Chúa Giêsu, 449-50;
Quyền chủ thể của con người, 2293, 2415;
Quyền chủ thể của Thiên Chúa, 304;
“Vương quyền” như quyền chủ thể, 2816.

QUYỀN LỰC (POTESTAS)

“Quyền chìa khoá”, 553, 981-83;
Quyền lực của bóng tối và sự giải thoát khỏi quyền lực đó trong bí tích Rửa Tội, 1250;
Quyền lực của Chúa Giêsu Kitô, 635, 649, 664, 668, 1441, 1503;
Quyền lực của Chúa Thánh Thần, 703, 798;
Quyền lực của con người, 943, 1731, 1861, 1884, 2002;
Quyền lực của Đức Giáo Hoàng và của Giám mục đoàn, 882-83;
Quyền lực của Nhà Nước, 1904, 2237, 2239, 2241, 2244.

QUYỀN NĂNG CỦA THIÊN CHÚA (POTENTIA DEI)

Đức tin vào sự toàn năng của Thiên Chúa, 273-74;
Lời Thiên Chúa như quyền năng, 124, 131;
Những đặc điểm của quyền năng của Thiên Chúa, 268, 270;
Những sự biểu lộ quyền năng của Thiên Chúa, 277, 296, 648, 1508, 2500;
Quyền năng của Chúa Thánh Thần, 496, 1127, 1238, 2778;
Quyền năng của Đức Kitô, 449, 649;
Quyền năng của Thiên Chúa trong các bí tích, 1128;
Sự bề ngoài có vẻ bất lực của Thiên Chúa, 272;
Sự toàn năng thần linh không hề có tính độc đoán, 271;
Thánh Kinh tuyên xưng quyền năng của Thiên Chúa, 269.

QUYỀN TỐI THƯỢNG (PRIMATUS)

Quyền tối thượng của Đức Giáo Hoàng, 882;
Quyền tối thượng của Đức Kitô, 792;
Quyền tối thượng của Giáo Hội Rôma, 834;
Quyền tối thượng của Thiên Chúa, 304.

S

SA MẠC (DESERTUM)

Sa mạc nội tâm và đời ẩn sĩ, 921;
Chúa Giêsu trong sa mạc, 538-40, 566.

SA NGÃ, SỰ (LAPSUS), x. Nguyên tội.

Nguyên do sự sa ngã của con người, 215, 385;

Nguyên do và cội nguồn của sự sa ngã của các Thiên thần, 391-93, 760;

Thiên Chúa không bỏ mặc con người sau khi nó sa ngã, 55, 70, 410;

Trình thuật trong sách Sáng Thế về sự sa ngã của con người, 289, 390.

SATAN (SATANAS), *x. Ma quỷ.*

SÁCH (LIBER), *x. Lời, Thánh Kinh và Tin Mừng.*

SÁCH BÀI ĐỌC (LECTIONARIUM), 1154.

**SÁCH GIÁO LÝ CỦA HỘI THÁNH CÔNG GIÁO
(CATECHISMUS ECCLESIAE CATHOLICAE)**

Cấu trúc của sách giáo lý, 13-17;

Mục đích của sách giáo lý, 11;

Nguyên tắc mục vụ của sách giáo lý, 25;

Những nguồn mạch chủ yếu của sách giáo lý, 11;

Những thích nghi của sách giáo lý vào các nền văn hoá khác nhau, 24;

Sách giáo lý dành cho ai, 12;

Sách giáo lý như sự trình bày hữu cơ của toàn bộ đức tin, 18;

Việc chuẩn bị cho sách giáo lý, 10.

SÁCH THÁNH (BIBLIA), *x. Thánh Kinh.*

SAI LẦM, SỰ (ERROR)

Giáo lý đức tin và sự bảo vệ giáo lý chống lại các sai lầm, 250;

Những hậu quả do các sai lầm của người ta, 844;

Những trợ giúp để tránh sai lầm: Mạc Khải, 38; Luật, 1956; Tin Mừng, 2527;

Nói dối dẫn đến sự sai lầm, 2483, 2485;

Sự dễ bị sai lầm và nguồn gốc của điều đó, 1707, 1714;

Sự sai lầm như nguyên do khiến việc nhận biết Thiên Chúa bị mờ tối và lộn xộn, 286;

Sự sai lầm trong phán đoán, 1786, 1790-94, 1799, 1801;

Sự sửa chữa những sai lầm của con người do Chúa Giêsu thực hiện, 615;

Thanh luyện khỏi sự sai lầm, 856, 2825.

SIÊU NHIÊN (SUPERNATURALIS)

Các nhân đức đối thần và các hành vi siêu nhiên, 1812-13, 1840-41;

Cảm thức siêu nhiên về đức tin, 91-93;

Đức tin như nhân đức siêu nhiên, 153, 179;

Mục đích siêu nhiên của con người, 367;

Ơn gọi siêu nhiên đến hưởng đời sống vĩnh cửu, 1998;

Sự hiệp thông siêu nhiên, 950;

Vinh phúc siêu nhiên, 1722, 1727.

SIÊU VIỆT, SỰ (TRANSCENDENTIA) của Thiên Chúa, 42, 212, 239, 300, 1028.

SINH HẠ MỚI, CUỘC (NATIVITAS NOVA)

(Việc trao) Lời Kinh của Chúa nói lên ý nghĩa cuộc sinh hạ mới vào sự sống thần linh, 2769;

Bí tích Rửa Tội ban ân sủng là cuộc sinh hạ, 683, 720, 1215, 1262;

Các hiệu quả của cuộc sinh hạ mới, 526, 1279;

Chúa Giêsu khởi đầu cuộc sinh hạ mới, 505;

Đức Trinh Nữ Maria cộng tác trong cuộc sinh hạ mới của các tín hữu, 963;

Hội Thánh như mẹ sinh ra chúng ta, 169;

Mầu nhiệm Giáng sinh, 525-26;

Nước rửa tội như dấu chỉ của cuộc sinh hạ mới, 694;

Sự cần thiết của cuộc sinh hạ mới, 1250;

Sự chết như việc hoàn thành cuộc sinh hạ mới, 1682;

Trở nên dân Thiên Chúa nhờ cuộc sinh hạ mới, 782.

SINH SẢN, SỰ (PROCREATIO)

Các kỹ thuật sinh sản chống lại phẩm giá con người, 2377;

Đôi phối ngẫu có trách nhiệm về sự sinh sản, 2372;

Sự điều hoà sinh sản, 2368, 2370;

Sự sinh sản có trách nhiệm, 2368;

Sự sinh sản con cái như mục đích của Hôn nhân, 1652;

Tính dục và sự sinh sản, 2351-52;

Tính luân lý của các phương pháp điều hoà sinh sản, 2370.

SINH SẢN NHÂN TẠO, SỰ (FECUNDATIO ARTIFICIALIS)

Sự sinh sản nhân tạo không thể được chấp nhận về mặt luân lý, 2377;

Sự thụ tinh hoặc sinh sản nhân tạo khác nguồn (heterologae) là gây tai hại cách nghiêm trọng, 2376.

SINH SÔI NẢY NỞ, SỰ (FECUNDITAS)

Đức Kitô, cây nho ban sự sinh sôi nảy nở thiêng liêng, 755, 864, 2074;

Mở ngõ cho sự sinh sôi nảy nở của đôi phối ngẫu, 372, 1604, 1642-43, 1652-54, 1662, 1664;

Sự sinh sôi nảy nở của Hôn nhân, 2366-72;

Sự sinh sôi nảy nở như một đòi hỏi của tình yêu phụ phụ, 2363;

Trải rộng sự sinh sôi nảy nở của tình yêu phụ phụ, 2221, 2363;

Ý nghĩa của sự sinh sôi nảy nở của con người, 2335, 2398.

SỢ, SỰ / SỰ KÍNH SỢ (TIMOR)

Sự kính sợ được thúc đẩy do sự hiện diện của Thiên Chúa, 2144;

Sự kính sợ Thiên Chúa được linh hứng bởi sứ điệp của cuộc phán xét sau cùng, 1041;
 Sự kính sợ Thiên Chúa như hồng ân của Thần Khí, 1303, 1831;
 Sự kính sợ Thiên Chúa như nền tảng của việc tôn trọng cha mẹ, 2217;
 Sự sợ bị kết án muôn đời, 1453;
 Sự sợ sự dữ, 1765;
 Sự sợ trong các đam mê chủ yếu, 1772.

SÙNG KÍNH, SỰ / VIỆC PHỤNG TỰ (CULTUS)

Sự khác đạo trong các hôn phối hỗn hợp, 1633-37;
 Sự lệch lạc của việc sùng kính, 2111, 2113, 2138, 2581;
 Sự sùng kính bí tích Thánh Thể, 1178, 1418, 1325, 1378, 1380, 1408;
 Sự sùng kính các ảnh tượng thánh, 2131-32, 2141;
 Sự sùng kính Đức Maria, 971;
 Sự sùng kính tôn thờ Thiên Chúa, 28, 347, 939, 1121, 1123, 1148, 1180, 1564, 1596, 2083, 2135;
 Thời gian dành cho việc phụng tự thần linh, 2184-87, 2193;
 Việc phụng tự thiêng liêng và đời sống luân lý, 2031, 2047;
 Việc phụng tự trong Cựu Ước, 1093;
 Việc phụng tự trong Tân Ước, 1179.

SUY NIỆM, SỰ (MEDITATIO), 2705-08;

Các hoa trái của sự suy niệm, 2706, 2708;
 Các mục đích của sự suy niệm, 2723;
 Các phương pháp suy niệm, 2707;
 Những thời gian thích hợp để suy niệm, 2186;
 Sự suy niệm và sự gia tăng sự hiểu biết về đức tin, 94-95;
 Suy niệm như một trong ba cách diễn đạt quan trọng hơn của việc cầu nguyện, 2699;
 Ý nghĩa của sự suy niệm, 2705.

SUY TƯ, SỰ (REFLEXIO), x. Sự suy niệm;

Tâm quan trọng của sự suy tư cá vị, 1779;
 Vừa suy tư vừa cầu nguyện, 2708.

SỨ ĐIỆP (NUNTIUS), x. Việc loan báo Tin Mừng;

Gia đình như nơi đầu tiên của sứ điệp đức tin, 1666;
 Một sứ điệp cứu độ trên khắp trần gian, 174;
 Sứ điệp của Hội Thánh, 2126,
 Sứ điệp Tin Mừng bằng hình ảnh trong các ảnh thánh, 1160;
 Sứ điệp Tin Mừng và kinh Lạy Cha, 2763;
 Sứ điệp Tin Mừng và lời kêu gọi hối cải, 1427, 1989;
 Sứ điệp Tin Mừng và việc dạy giáo lý, 6;

Sự truyền bá sứ điệp cứu độ, 900, 2044.

SỰ CHAI ĐÁ CỦA TRÁI TIM (INDURATIO CORDIS), 591, 674, 1859.

SỰ CHỌN LỰA ƯU TIÊN (OPTIO PRAEFERENTIALIS), *x. Tình yêu: Tình yêu ưu tiên.*

SỰ CHỐNG ĐỐI CỦA LƯƠNG TÂM (OBIECTIO CONSCIENTIAE), *x. Sự khước từ tuân phục.*

SỰ CÔNG BẰNG / SỰ CÔNG CHÍNH (IUSTITIA)

Bốn phận của các giáo dân là làm cho mọi sự phù hợp với các chuẩn mực của đức công bằng, 909;

Các bốn phận của công bằng, 1459, 1787, 2401, 2446-47, 2487;

Các quyền lực chính trị và sự công bằng, 2237;

Định nghĩa sự công bằng, 1807;

Hành động theo sự công bằng, 1697, 1754, 1778, 1787;

Hiệu quả của sự công bằng, 2304;

Nhân đức công bằng, 1805, 1807, 2479, 2484, .

Những đòi hỏi của đức công bằng, 1459, 2494-95;

Những hành động nghịch với sự công bằng, 1916, 2297, 2325, 2356, 2413, 2476, 2485;

“Phúc thay ai đói khát sự công chính”, 1716;

Sự bách hại vì sự công chính, 1716;

Sự công bằng giữa các dân tộc, 2437-42;

Sự công bằng phân phối, 2236, 2411;

Sự công bằng xã hội, 1928-42, 2425-26, 2832;

Sự công chính của Thiên Chúa, 271, 1040, 1861, 1953, 1987, 1991-92, 2017, 2543;

Sự thánh thiện và sự công chính nguyên thủy, 375-76, 379, 400, 404;

Tìm kiếm sự công bằng, 1888, 2820.

SỰ CÔNG BỐ (PROCLAMATIO) Lời Thiên Chúa, *x. Lời*;

Các phó tế công bố Lời Thiên Chúa, 1570;

Sự công bố Lời Thiên Chúa trong việc cử hành bí tích Thánh Thể, 1408;

Tầm quan trọng của sự công bố Lời Thiên Chúa, 1154.

SỰ DẪN VÀO MÀU NHIỆM (MYSTAGOGIA), 1075.

SỰ DIỄN ĐẠT (EXPRESSIO) ra bên ngoài của người cầu nguyện, 2702-03.

SỰ DỮ / ĐIỀU XẤU (MALUM), *x. Điều thiện hảo*;

Cuộc phán xét cuối cùng đối với những kẻ làm điều xấu, 1039;

Sự dữ luân lý, 311-12;

- Sự dữ thể lý, 310;
 Sự dữ trong các giáo thuyết nhị nguyên và manichê, 285;
 Sự dữ trong cách thực hành tín ngưỡng của con người, 844;
 Sự dữ và tính luân lý của các hành động nhân linh, 1749-56;
 Đức Kitô giải thoát con người khỏi sự dữ, 549, 1505;
 Đức tin Kitô giáo như câu trả lời về sự dữ, 309, 385;
 Không ước muốn sự dữ cho người lân cận, 2303, 2539;
 Lời cầu xin được giải thoát khỏi sự dữ, 2846, 2850-54, x. *Kinh Lạy Cha*;
 Lý trí và sự phân định điều thiện hảo và sự dữ, 1954;
 Nguyên tội như nguồn gốc của sự dữ, 403, 407, 1607, 1707;
 Những trợ giúp để tránh sự dữ, 1806, 1889, 1950, 1962, 2527;
 Nước Thiên Chúa còn bị sự dữ tấn công, 671;
 Phục sinh để bị kết án, 998;
 Quyền lực của Thiên Chúa đưa tới điều thiện hảo từ những hậu quả của sự dữ, 312-13, 412;
 Sự chiến thắng của Thiên Chúa trên sự dữ, 272, 410, 677.
 Sự chọn lựa giữa điều thiện hảo và sự dữ, 1732-33;
 Sự dẫn đến sự dữ, 1869, 2284;
 Sự không hiểu biết và tính quy tội của việc làm điều xấu, 1791, 1793, 1860;
 Việc ghé thăm sự dữ, 1427, 1431, 1706, 1776;
 Việc lập đi lập lại điều xấu và những hậu quả của việc đó, 1865;
 Sự quan phòng và gương xấu của sự dữ, 309-14;
 Sự xâm nhập của sự dữ sau tội đầu tiên, 401, 1707;
 Tính phổ quát của sự dữ trong lịch sử con người, 401;
 Tính vô luân của việc “làm điều xấu như nguyên do để đạt được điều thiện hảo”, 1789;
 Tội như sự dữ nghiêm trọng nhất, 1488;
 Vấn nạn về nguồn gốc của sự dữ, 385.

SỰ HIỆP THÔNG (KOINONIA), 948.

SỰ KHẮC NGHIỆT CỦA VIỆC ĐIỀU TRỊ (SAEVITIA THERAPEUTICA), 2278.

SỰ KHƯỚC TỪ VẮNG PHỤC (RECUSATIO OBOEDIENTIAE), x. *Sự vâng phục*;

- Sự khước từ vâng phục của ông Adam được Đức Kitô đền bù, 411, 523, 614-15;
 Sự khước từ vâng phục của ông Adam và của con người, và những hậu quả của sự khước từ đó, 399, 400-02, 1733, 2515;
 Sự khước từ vâng phục luân lý, 1733, 1862, 2515;
 Sự khước từ vâng phục quyền bính, 2256, 2242, 2313;
 Tội như sự khước từ vâng phục Thiên Chúa, 397, 1850, 1871.

SỰ NHỚ / KÝ ỨC (MEMORIA)

- Chúa Thánh Thần như ký ức sống động của Hội Thánh, 1099;
- Sự kính nhớ các Thánh, 957, 1173, 1195;
- Sự kính nhớ các Thiên thần, 335;
- Sự kính nhớ Chúa Giêsu Kitô và hy lễ của Người, 1333, 1341-44, 1394;
- Sự kính nhớ cuộc khổ nạn và sự phục sinh của Đức Kitô, 1163, 1167, 1354;
- Sự tưởng nhớ các kỳ công của Thiên Chúa, 1103;
- Sự tưởng nhớ công trình tạo dựng, 2169;
- Sự tưởng nhớ những người đã qua đời, 958, 1032.

SỰ NỔI TIẾNG (RUMOR) hoặc danh tiếng trên báo chí, 1723.

SỰ PHÓ DÂNG LINH HỒN (RECOMMENDATIO ANIMAE), 690, 1020.

SỰ SỐNG, ĐỜI SỐNG (VITA)

- Bản chất thánh thiêng của sự sống con người, 2258, 2319;
- Cái chết như sự kết thúc đời sống trần thế, 1013;
- Chỉ Thiên Chúa là Chúa của sự sống, 2258;
- Chúa Giêsu “Tướng lãnh sự sống”, 635;
- Đời sống con người như cuộc chiến đấu chống sự dữ, 386, 409, 1707;
- Đời sống con người trong vườn địa đàng, 376;
- Đời sống của Đức Kitô, x. *Đức Kitô*;
- Đời sống của Hội Thánh, x. *Hội Thánh*;
- Đức Kitô như sự kết hợp của sự chết và sự sống, 625;
- Hy sinh mạng sống vì bạn hữu, 609;
- Lời Thiên Chúa và hơi thở của Ngài là nguồn gốc của mọi sự sống, 703;
- Nước như nguồn mạch của sự sống và sự sinh sôi nảy nở, 1218;
- Phẩm giá của sự sống của thân xác nhân linh, 364;
- Sự đau khổ và đau buồn ảnh hưởng trên đời sống nhân loại, 1500;
- Sự sống của Thiên Chúa, x. *Thiên Chúa*;
- Sự sống gắn liền với sự chết, 1007, 1012;
- Thay đổi đời sống bằng việc hối cải, 1431;
- “Tôi là sự Sống lại và là sự Sống”, 994;
- Việc phục vụ sự sống như bốn phận căn bản của Hôn nhân và gia đình, 1653.

Những phản bội lại sự sống con người

- Sự can thiệp vào phôi thai, 2275;
- Sự chết êm dịu, 2276-79;
- Sự giết hài nhi, 2271;
- Sự giết người có chủ ý, 2268-69;

Sự phá thai, 2271, 2322;

Sự tự sát, 2280-83.

Sự lưu truyền sự sống

Sự điều hoà sinh sản, 2368, 2370;

Sự lưu truyền sự sống được xếp đặt bởi Thiên Chúa, 372;

Sự lưu truyền sự sống như mục đích của tình yêu phụ phụ, 2363, 2366;

Sự lưu truyền sự sống như sự cộng tác vào công việc của Đấng Tạo Hoá, 372, 2367, 2398.

Đời sống vĩnh cửu

“Ai ăn thịt tôi..., sẽ được sống muôn đời”, 1406, 1524;

Bảo chứng của đời sống vĩnh cửu trong các bí tích, 1130;

Bí tích Rửa Tội “dấu ấn của đời sống vĩnh cửu”, 1274;

Chỉ Thiên Chúa có “những lời ban sự sống muôn đời”, 1336;

Đời sống vĩnh cửu của các Thánh xét như sự sở hữu sung mãn các hoa trái của công trình cứu chuộc, 1026;

Đời sống vĩnh cửu xét như phần thưởng cho những người công chính, 1038, 2002;

Đức Kitô, Chúa của đời sống vĩnh cửu, 679;

Ơn gọi hưởng đời sống vĩnh cửu như một hồng ân nhưng không của Thiên Chúa, 1998;

Sự phục sinh của những người chết và đời sống vĩnh cửu, 989-90, 994, 999-1002, 1016;

Thiên Chúa muốn ban cho con người đời sống vĩnh cửu, 55;

Thiên Chúa sẽ “có toàn quyền trên muôn loài”, 1050, 1060;

“Tôi phải làm gì tốt, để được sống muôn đời?”, 2052, 2075;

Tôi tin hằng sống vậy, 1020;

Tội trọng như sự ngăn trở việc đạt tới đời sống vĩnh cửu, 1472.

Đời sống Kitô hữu

Bí tích Thánh Thể, “nguồn mạch và tột đỉnh của toàn bộ đời sống Kitô hữu”, 1324, 1391-92;

Các bí tích như nền tảng và sự trợ giúp của đời sống Kitô hữu, 1210, 1212-13;

Các Thiên thần như sự trợ giúp cho đời sống Kitô hữu, 336;

Cầu nguyện, yếu tố hết sức cần thiết của đời sống Kitô hữu, 2710, 2745, 2764, x. *cầu nguyện*;

Chúa Ba Ngôi Chí Thánh như mẫu nhiệm trung tâm của đời sống Kitô hữu, 234;

Đời sống Kitô hữu và con đường trọn lành, 2015;

Đời sống Kitô hữu và sự hiệp thông với Ba Ngôi thần linh, 259;

Đời sống Kitô hữu và sự tham dự vào sự chết và sự sống lại của Đức Kitô, 1002;

Gia đình như trường học đầu tiên của đời sống Kitô hữu, 1657;
Lòng đạo đức bình dân làm phong phú đời sống Kitô hữu, 1679;
Những lệnh truyền cho đời sống Kitô hữu trong Bài giảng trên núi, 1966;
Thánh Kinh như của nuôi dưỡng và quy luật của đời sống Kitô hữu, 141;
Thời kỳ dự tòng như sự đào tạo đời sống Kitô hữu, 1248.

Đời sống phu phụ, x. *Hôn nhân*;

Đời sống phu phụ được thiết lập bởi Đấng Tạo Hoá và được Ngài ban các lề luật của Ngài, 1660;
Đời sống phu phụ và sự hiện diện của Đức Kitô trong đời sống đó, 1642;
Đời sống phu phụ và sự sinh sản, 1654, 1664.

Đời sống thánh hiến, 916;

Các hình thức khác nhau của đời sống thánh hiến, 917-19;
Các lời khuyên Phúc Âm và việc tuyên giữ, 914-16, 944;
Các trinh nữ và goá phụ được thánh hiến, 922-24, 1537, 1672;
Các tu hội đời, 928-29;
Định nghĩa đời sống thánh hiến, 916;
Đời ẩn sĩ, 920-21;
Đời tu dòng, 925-27;
Hội Thánh công nhận đời sống thánh hiến, 915;
Sự thánh hiến và sứ vụ, 931-33;
Tu đoàn tông đồ, 930;
Ý nghĩa của đời sống thánh hiến trong Hội Thánh, 932.

Sự sống con người

Các mục đích của đời sống: Nhận biết và yêu mến Thiên Chúa, và phục vụ Ngài, 1, 68;
Hoà bình và sự tôn trọng sự sống, 2304;
Quyền được sống, 2264, 2273;
Sự tôn trọng sự sống con người ngay từ lúc tượng thai, 2270-75, 2322;
Sự tôn trọng sự sống con người và án tử hình, 2266-67;
Sự tôn trọng sự sống con người và sự tự vệ hợp pháp, 2263-67, 2321;
Sự tôn trọng sự sống con người, 2559-83.

Đời sống luân lý

Các đam mê và đời sống luân lý, 1767-70;
Các nhân đức và các hồng ân của Chúa Thánh Thần như sự trợ giúp cho đời sống luân lý, 1804, 1808, 1830;
Định nghĩa đời sống luân lý, 2407;

Đời sống luân lý đem lại sự tự do thiêng liêng, 1828;
 Đời sống luân lý được hoàn thành trong đời sống vĩnh cửu, 1715;
 Đời sống luân lý như điều kiện cho sự tăng trưởng của Hội Thánh
 và của Nước [Thiên Chúa], 2045-46;
 Đời sống luân lý như điều kiện cho việc loan báo Tin Mừng, 2044;
 Đời sống luân lý như việc phụng tự thiêng liêng, 2031, 2047;
 Đời sống luân lý và Huấn quyền của Hội Thánh, 2032-40, 2049-51;
 Đời sống luân lý và phẩm giá của nhân vị, 1706;
 Đức tin như nguồn mạch đời sống luân lý, 2087;
 Luật tự nhiên điều tiết đời sống luân lý, 1955;
 Những ngăn trở đối với đời sống luân lý, 1740.

Đời sống mới, sự sống thần linh, x. *Ân sủng*, 648;

Ân sủng như sự tham dự vào sự sống của Thiên Chúa, 375, 1997;
 Bí tích Rửa Tội như nguồn mạch của đời sống mới, 1254, 1279;
 Các hoa trái trong sự sống mới trong Đức Kitô theo Thần Khí, 740;
 Đời sống mới có thể được thực hiện nhờ Chúa Thánh Thần ngự
 xuống, 735;
 Đời sống mới do Đức Kitô lập công cho chúng ta, 1708;
 Đời sống mới được lãnh nhận từ Hội Thánh trong bí tích Rửa Tội,
 168, 628, 683;
 Phụng vụ như nguồn mạch của đời sống mới, 1071-72;
 Sự hiệp thông với sự sống thần linh như mục đích của công trình
 tạo dựng, 760;
 Sự sống mới được mở ngõ trong cuộc phục sinh của Đức Kitô, 654;
 Sự sống thần linh được ban cho người ta trong các bí tích, 694,
 1131;
 Thiên Chúa muốn truyền thông sự sống thần linh của Ngài cho
 người ta, 52, 541;
 Việc dạy giáo lý về đời sống mới, 1697;
 Việc tham dự vào sự sống thần linh không phát xuất do ý muốn của
 xác thịt nhưng do bởi Thiên Chúa, 505.

Đời sống xã hội

Cách cai quản của Thiên Chúa phải được bắt chước trong đời sống
 xã hội, 1884;
 Công ích và đời sống xã hội, 1906, 1911, 1924;
 Đời sống xã hội cần thiết cho con người, 1789, 1891;
 Đời sống xã hội phải được tổ chức, 2442;
 Đời sống xã hội và sự bảo vệ đời sống riêng tư, 1907;
 Đức mến trong đời sống xã hội, 1889;
 Gia đình và đời sống xã hội, 2207, 2210;
 Mạc khải Kitô giáo và đời sống xã hội, 2419;
 Sự tham dự vào đời sống xã hội, 1882, 1897, 1917.

Đời sống thiêng liêng, đời sống trong Thần Khí, 1699, x. *Linh đạo*.

SỰ THAM DỰ ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

(**PARTICIPATIO IN VITA SOCIALI**), 1882, 1897-1917.

SỰ THĂNG TIẾN con người (**PROVECTIO humana**), 1929.

SỰ TÌM KIẾM THIÊN CHÚA (INDAGATIO DEI), 28, 30, 285, 843, 1501, 2566.

SỰ TIN TƯỜNG VỚI TÌNH CON THẢO (FIDUCIA FILIALIS)

Kinh Lạy Cha và sự tin tưởng với tình con thảo, 2777-78, 2797, 2830;

Sự tin tưởng với tình con thảo của Chúa Giêsu khi Người cầu nguyện với Chúa Cha, 2610, 2778;

Việc cầu nguyện bị thử thách, 2756;

Việc cầu nguyện và sự tin tưởng với tình con thảo, 2734, 2741.

SỰ TUÔN BAN CHÚA THÁNH THẦN (EFFUSIO SPIRITUS SANCTI)

Các cuộc cử hành Kitô giáo và sự tuôn ban Chúa Thánh Thần, 1104;

Các hiệu quả của sự tuôn ban Chúa Thánh Thần, 686, 706, 759, 1076, 1229;

Sự đặt tay để tuôn ban Chúa Thánh Thần, 699;

Sự tuôn ban Chúa Thánh Thần như sự hoàn thành cuộc Vượt Qua của Đức Kitô, 667, 731;

Sự tuôn ban Chúa Thánh Thần trên các Tông Đồ cho sứ vụ của các ngài, 1287, 1556;

Sự tuôn ban Chúa Thánh Thần trong bí tích Thêm Sức, 1299, 1302;

Sự tuôn ban Chúa Thánh Thần trong bí tích Truyền Chức Thánh, 1573;

Sự tuôn ban Chúa Thánh Thần trong thời hiện tại, 2819.

SỨ VỤ, (CÁC) (MISSIO/ NES)

Các sứ vụ của các Tông Đồ, 2, 551, 858-60, 1122, 1223;

Sứ vụ của các Giám mục, 2068;

Sứ vụ của các giáo dân, 897-913;

Sứ vụ của các phó tế, 1570;

Sứ vụ của cha mẹ, 2226;

Sứ vụ của Chúa Thánh Thần, 244, 485, 716, 1108;

Sứ vụ của đôi phối ngẫu, 2367;

Sứ vụ của Đức Kitô, 430, 436, 438, 440, 534, 536, 606, 608;

Sứ vụ của Đức Trinh Nữ Maria, 489, 969;

Sứ vụ của Hội Thánh, 6, 730, 738, 768, 782, 811, 831, 849-56, 873;

Sứ vụ của Huấn quyền, 890;

Sứ vụ của những người được thánh hiến, 931-33;

Sứ vụ của thánh Phêrô, 552;

Sứ vụ đến với mọi dân tộc, 1122, 1533, 1565, 2044, 2419.

Sứ vụ phối hợp của Chúa Con và Chúa Thánh Thần, 689-90, 702, 727, 737, 743, 2655.

SỬA LỖI HUYNH ĐỆ, SỰ (CORRECTIO FRATERNA)

Đức mến và sự sửa lỗi huynh đệ, 1829;

Sự hối cải và sự sửa lỗi huynh đệ, 1435.

SỨC KHOẺ (VALETUDO), x. *Sự an sinh thể lý.*

SỨC MẠNH (VIS)

Các bí tích ban các sức mạnh, 1116, 1496, 1521, 1588;

Các sức mạnh nhân linh, 60, 405, 661, 822, 2090, 2520;

Đức Kitô ban các sức mạnh, 1504, 1566, 1615, 1642;

Sức mạnh của Chúa Thánh Thần, 735, 1107, 1285, 1520, 1550, 1624, 1704, 2472;

Sức mạnh của lời cầu nguyện, 2610;

Sức mạnh của Lời Chúa, 124, 131, 2057;

Sức mạnh của sự quan phòng, 302;

Sức mạnh quân đội, 2309;

Thiên Chúa ban các sức mạnh, 1432, 2584, 2848;

Yêu mến Thiên Chúa hết sức mình, 1, 201.

T

TẠ ƠN, VIỆC (GRATIARUM ACTIO)

Bí tích Thánh Thể như việc tạ ơn, 1328, 1358, 1360;

Chúa Thánh Thần khơi dậy việc tạ ơn, 1103;

Đời sống như việc tạ ơn, 2062;

Lời kinh tạ ơn, 1352, 1359-60, 2637-38;

Những dịp tạ ơn, 2638;

Sự cần thiết của việc tạ ơn Thiên Chúa, 224, 795, 983, 1167, 1333, 2781;

Thánh hoá Danh Thiên Chúa, nghĩa là nhận biết Danh Ngài là thánh, 2807;

Việc Chúa Giêsu tạ ơn Chúa Cha, 2603-04.

TÁI SINH, SỰ (REGENERATIO) (Kitô giáo)

Các hiệu quả của sự tái sinh, 784, 872, 1262;

Rửa Tội, bí tích và sự tẩy rửa của sự tái sinh, 1213, 1215.

TAM NHẬT VƯỢT QUA (TRIDUUM PASCHALE), 1168.

TĂNG TIẾN, SỰ (INCREMENTUM), *x. Sự tăng trưởng, Sự tiến triển, và Sự phát triển;*

- Sự tăng tiến của các dân tộc, 2315;
- Sự tăng tiến và công ích, 1908;
- Sự tăng tiến về luân lý, 1784.

TĂNG TRƯỞNG, SỰ (AUGMENTUM), *x. Sự tăng tiến, Sự phát triển, và Sự tiến triển:*

- Hội Thánh và sự tăng trưởng các lợi ích trần thế, 1942;
- Những trợ giúp cho sự tăng trưởng thiêng liêng và tôn giáo của con người, 794, 798, 874, 1210, 1303, 1392, 1731, 2010, 2041, 2186, 2227, 2847;
- Sự tăng trưởng của con người, 1936;
- Sự tăng trưởng của Hội Thánh, 7, 766, 798, 874, 910, 1134;
- Sự tăng trưởng của nhân loại, 1049;
- Sự tăng trưởng của Nước Thiên Chúa và sự tiến bộ trần thế, 1049;
- Sự tăng trưởng của Nước Thiên Chúa, 2820, 2859;
- Sự tăng trưởng toàn diện của con người, của khoa học và kỹ thuật, 2293;
- Sự tăng trưởng trong hiểu biết về đức tin, 94-95.

TÂM HỒN PHÓNG TÚNG VỀ LUÂN LÝ (PERMISSIVUS ANIMUS MORUM), 2526.

TÂN ƯỚC (NOVUM TESTAMENTUM), *x. Thánh Kinh;*

- Các sách Tân Ước, 120;
- Các sách Tin Mừng như trái tim của Tân Ước, 125-27;
- Đối tượng của Tân Ước, 124, 684;
- Nguồn gốc của Tân Ước, 83, 105;
- Sự duy nhất của Cựu và Tân Ước, 128-30.

THA THỨ, SỰ (VENIA), *x. Bí tích Thống Hối và Giao Hoà;*

- Ấn sủng của Thiên Chúa như nguồn gốc sự tha thứ, 2010;
- Các bí tích xét như những con đường để đạt được sự tha thứ, 987, 2839;
- Các hiệu quả của sự tha thứ tội lỗi, 1443, 1473;
- Chỉ mình Thiên Chúa ban sự tha thứ, 1441;
- Gia đình như trường học trao tặng sự tha thứ, 1657, 2227;
- Mọi tội đều có thể được tha thứ, 982;
- Những con đường khác nhau để đạt được ơn tha thứ tội lỗi, 1434, 1437, 1452;
- Quyền lực tha thứ, 981;
- Sự cầu xin ơn tha thứ trong việc cầu nguyện, 1425, 2631, 2838-45;
- Sự hối cải và sự tha thứ, 2608;
- Sự tha thứ của Thiên Chúa như dấu chỉ sự toàn năng của Ngài, 277;

Sự tha thứ được ban cho kẻ làm sai, 2840, 2845;
 Tội nói phạm thượng đến Chúa Thánh Thần không được tha thứ, 1864.

THA TỘI, SỰ (REMISSIO PECCATORUM), x. Bí tích Thống Hối và Giao Hoà;

Bí tích Rửa Tội và sự tha tội, 403, 977-80, 1226, 1263;
 Bí tích Thánh Thể và sự tha tội, 1393, 1846;
 Các hình thức thống hối và những con đường để được tha tội, 1434-39;
 Các tư tế như những dụng cụ để tha tội, 1421, 1486, 1520;
 Chỉ một mình Thiên Chúa có thể tha tội, 430-31, 1441;
 Chúa Thánh Thần và sự tha tội, 984;
 Đức Kitô công chính hoá người ta, 615, 1708;
 Đức Kitô thực hiện sự tha tội, 987, 1741;
 Đức Kitô, “Chiên Thiên Chúa, Đấng xoá tội trần gian”, 523, 536, 608;
 Đức Kitô, “của lễ đền thay tội lỗi chúng ta”, 615, 1708;
 Hy lễ của Đức Kitô để tha tội cho con người, 536, 545, 610, 613;
 Lễ tế của Đức Kitô dâng lên Chúa Cha vì tội lỗi chúng ta, 606-18;
 Quyền năng của Hội Thánh để tha tội, 981;
 Sự tha tội như hồng ân của tình yêu của Thiên Chúa, 734;
 Sự tha tội như hiệu quả của sự công chính hoá, 2018;
 Sự tha tội như sự giao hoà với Hội Thánh, 1443;
 Sự tha tội và bí tích Thống Hối, 1496;
 Thiên Chúa đã làm cho Đức Kitô thành “hiện thân của tội vì chúng ta”, 602-03.

THAM DỰ, SỰ (PARTICIPATIO)

Sự tham dự của các tín hữu trong các cuộc cử hành phụng vụ, 1141, 1273;
 Sự tham dự của Chúa Giêsu vào quyền năng và quyền bính của Thiên Chúa, 668;
 Sự tham dự vào bí tích Thánh Thể, 1000, 1388, 2182;
 Sự tham dự vào cái chết và sự sống lại của Đức Kitô, 1002, 1006;
 Sự tham dự vào kinh nguyện của Đức Kitô, 1073;
 Sự tham dự vào hy lễ của Đức Kitô, 618, 1372;
 Sự tham dự vào sự sống thần linh, 375, 505, 541, 654, 759, 1212, 1726, 1997;
 Sự tham dự của giáo dân vào nhiệm vụ vương đế của Đức Kitô, 908-13;
 Sự tham dự của giáo dân vào nhiệm vụ tiên tri của Đức Kitô, 904-07;
 Sự tham dự của giáo dân vào nhiệm vụ tư tế của Đức Kitô, 901-03, 1546, 1591;

Sự tham dự theo thừa tác vụ vào chức tư tế của Đức Kitô, 1554.

THANH TẮY (PURIFICARE)

Bí tích Rửa Tội như sự thanh tẩy mọi tội, 2520;

Bí tích Thánh Thể và quyền lực thanh tẩy của bí tích đó, 1393;

Cuộc thanh tẩy sau cùng hoặc luyện ngục, 1030-32, 1054;

Hội Thánh luôn phải được thanh tẩy, 872, 1428;

Sự thanh tẩy bầu khí xã hội, 2525.

Sự thanh tẩy không ngừng, 2813;

Thanh tẩy trái tim, 1723, 2517-19, 2532;

Tin Mừng và quyền lực thanh tẩy của Tin Mừng, 856, 2527;

Xung các tội riêng như điều kiện của sự thanh tẩy, 1847.

THÁNH GIÁ (CRUX) (= DẤU THÁNH GIÁ, SIGNUM CRUCIS)

Bắt đầu một ngày và các hành động bằng dấu thánh giá, 2157, 2166;

Các á bí tích và dấu thánh giá, 1668, 1671;

Ý nghĩa của dấu thánh giá, 1235.

THÁNH HIẾN, SỰ (CONSECRATIO), x. Sự biến đổi bản thể;

Sự thánh hiến các Giám mục, 1556-59, 1562;

Sự thánh hiến các giáo dân, 901;

Sự thánh hiến các trinh nữ (nghị thức phụng vụ), 923;

Sự thánh hiến của Chúa Giêsu, 438, 534;

Sự thánh hiến dầu thánh, 1297;

Sự thánh hiến và bậc sống thánh hiến, 916, 931;

Sự thánh hiến và bí tích Truyền Chức Thánh, 1538;

Sự thánh hiến và các bí tích, 1535;

Sự thánh hiến và chức tư tế của Đức Kitô, 1548;

Sự thánh hiến và Kinh Nguyện Thánh Thể, 1352;

Sự thánh hiến và sự chúc lành, 1672;

Sự thánh hiến và sứ vụ, 931-33;

Sự thánh hiến và sự xúc dầu, 1294.

THÁNH HOÁ, SỰ (SANCTIFICATIO)

Ân sủng như nguồn mạch việc thánh hoá con người, 1999, 2001;

Các bí tích thánh hoá con người, 1123, 1152, 1668, 1677;

Cha mẹ và sự tham gia của họ vào nhiệm vụ thánh hoá, 902;

Chúa Thánh Thần được sai đến để chu toàn mọi sự thánh hoá, 2818;

“Danh Cha được thánh hoá” 2807-15, 2858;

Được kêu gọi đến sự thánh hoá, 2813;

Hội Thánh để thánh hoá con người, 824, 827;

Lao động của con người như dụng cụ của sự thánh hoá, 2427;

Nhiệm vụ thánh hoá của các Giám mục, 893;

Những yếu tố của sự thánh hoá ngoài Hội Thánh công giáo, 819;
 Phụng vụ để thánh hoá con người, 1070;
 Sự công chính hoá như sự thánh hoá, 1989, 1995;
 Sự thánh hoá các ngày lễ, 2187;
 Sự thánh hoá các sự vật vật chất, 1670;
 Sự thánh hoá của những người được thánh hiến trong các tu hội đời, 928;
 Sự thánh hoá Hội Thánh như sứ vụ của Chúa Thánh Thần, 767;
 Sự thánh hoá ngày và đêm trong các Giờ kinh phụng vụ, 1174;
 Sự thánh hoá như công trình riêng của Chúa Thánh Thần, 703;
 Sự thánh hoá trong bí tích Hôn Phối, 1637;
 Sự thánh hoá vĩnh viễn con người được thực hiện chỉ nhờ hy lễ của Đức Kitô, 1540.

THÁNH KINH (SACRA SCRIPTURA), 81, x. Cựu Ước và Tân Ước;

Các mục đích và ý nghĩa của Cựu Ước, 122;
 Các sách Tin Mừng và tầm quan trọng của chúng, 125, 127, 139;
 Các tác giả nhân loại của Thánh Kinh được Thiên Chúa linh hứng, 106;
 Cựu Ước như phần không thể thiếu của Thánh Kinh, 121, 123;
 Đức Kitô như đối tượng trung tâm của Tân Ước, 124, 127;
 Đức Kitô như sự hoàn thành Thánh Kinh, 2763;
 Kinh Lạy Cha như trung tâm của Thánh Kinh, 2763, 2774;
 Sự linh hứng và chân lý của Thánh Kinh, 106-07;
 Sự tôn kính Thánh Kinh, 103;
 Tầm quan trọng của Thánh Kinh trong phụng vụ, 1096, 1100;
 Thánh Kinh dạy chân lý, 107;
 Thánh Kinh như của nuôi dưỡng đời sống Kitô hữu, 141;
 Thánh Kinh như Lời Thiên Chúa, 104, 135;
 Thánh Kinh trong đời sống Hội Thánh, 131-132;
 Thánh Kinh và Thánh Truyền, 78, 80-83, 95, 97;
 Thiên Chúa tác giả của Thánh Kinh, 105, 136;
 Thư quy Thánh Kinh, 120, 138;
 Vị trí độc đáo của ba chương đầu sách Sáng Thế, 289;
 Việc đọc Thánh Kinh, 1437, 2653;
 Việc soạn thảo các sách Tin Mừng, 126.

Sự giải thích Thánh Kinh

Các tiêu chuẩn đúng đắn để giải thích Thánh Kinh, 112-14, 121-25;
 Các ý nghĩa để giải thích Thánh Kinh: nghĩa văn tự, nghĩa thiêng liêng, nghĩa ẩn dụ, nghĩa luân lý, nghĩa dẫn đường, 115-19;
 Chúa Thánh Thần như Đấng giải thích Thánh Kinh, 109-11;
 Nguyên tắc nền tảng của việc giải thích Thánh Kinh, 111, 137;

Sự cần thiết của việc rộng mở lối vào Thánh Kinh cho các Kitô hữu, 131;

Sự duy nhất của Cựu và Tân Ước, 128-30;

Việc chú giải Thánh Kinh, 109, 119;

Việc nghiên cứu Thánh Kinh, 132-33.

THÁNH LỄ (MISSA), x. Bí tích Thánh Thể.

THÁNH THIỆN, SỰ (SANCTITAS)

Đức mến như linh hồn của sự thánh thiện, 826;

Đức tin như sự trợ giúp để đạt tới sự thánh thiện, 1709;

Không sự thánh thiện nào mà không có khổ chế, 2015;

Ơn gọi tới sự thánh thiện, 2013-14, 2028;

Sự thanh luyện trong luyện ngục để đạt tới sự thánh thiện, 1030;

Sự thánh thiện của các Kitô hữu, 2045;

Sự thánh thiện của Đức Kitô, 459, 564, 2030;

Sự thánh thiện của Đức Maria, 492;

Sự thánh thiện của Hội Thánh, 670, 824-25, 867, 1986;

Sự thánh thiện của Thiên Chúa, 2809, x. *Thiên Chúa*;

Sự thánh thiện như thước đo trong Hội Thánh, 828;

Sự thánh thiện trong sự hiệp thông của các thánh, 1475;

Thập giá như con đường dẫn tới sự thánh thiện, 2015;

Tình trạng thánh thiện nguyên thủy và tội lỗi, 375, 405.

THÁNH THIÊNG, SỰ (SACRUM)

Cảm thức về sự thánh thiêng, 2144.

THÀNH (CIVITAS)

Thành thánh và sự hoàn tất Nước Thiên Chúa, 1045;

Thành thánh và Hội Thánh, 756, 1198;

Thành thánh và phụng vụ, 1090;

Thành thánh và niềm hy vọng, 2016;

Thành đô trần thế và chủ nghĩa vô thần, 2124.

THÀNH NIÊN, NHỮNG NGƯỜI (ADULTI)

Bí tích Rửa Tội cho những người thành niên, 1247;

Việc dạy giáo lý cho những người thành niên, 5, 2688;

Thời dự tòng của những người thành niên, 1232, 1233;

Con cái thành niên và đời sống gia đình, 2214, 2218, 2230;

Sự khai tâm Kitô giáo cho những người thành niên, 1233, 1247,

x. *Khai tâm Kitô giáo*.

THÁP NHẬP, SỰ (INCORPORATIO)

Sự tháp nhập vào Đức Kitô, 1010;

Sự tháp nhập vào Hội Thánh, 837, 1396.

THÂN MẬT, SỰ (INTIMITAS)

Sự thân mật giữa Thiên Chúa và thụ tạo của Ngài, 239, 441, 921;
 Sự thân mật phụ phụ, 2360, 2362;
 Sự tôn trọng và bảo vệ sự thân mật cá vị, 2492, 2521.

THÂN THỂ nhân linh (CORPUS humanum)

Bản chất của thân thể bất hoại, 997, 999, 1016-17;
 Cuộc phán xét sau cùng và thân thể, 1059;
 Đền Thờ của Chúa Thánh Thần, 364;
 Đức mến và thân thể nhân linh, 2447;
 Đức Kitô như thầy thuốc của thân thể, 1421, 1503, 1509;
 Hoả ngục và thân thể, 1034;
 Những lạm dụng thân thể riêng, 2355;
 Nước Thiên Chúa và thân thể, 1042, 1060;
 Sự chăm sóc thân thể và tâm hồn, 2289;
 Sự chết và thân thể, 1011, 1016, 1681;
 Sự cứu chuộc thân thể, 1046;
 Sự điều khiển thân thể riêng, 908;
 Sự hợp nhất của linh hồn và thân thể, 327, 360, 362-68, 382;
 Sự nét na và thân thể, 2523;
 Sự nghỉ ngơi của thân thể và ngày Chúa Nhật, 2185, 2193;
 Sự phục sinh và thân thể, 298, 990, 992, 997, 999, 1000, 1016-17;
 Sự tôn trọng thân thể, 1004, 2301;
 Tình yêu phụ phụ và thân thể nhân linh, 1643;
 Tính dục và thân thể, 2332, 2362, 2370;
 Tội và thân thể, 1863, 2516;
 Việc cầu nguyện và thân thể, 2702-03, 2722.

THẦN DỮ (MALIGNUS)

Các việc trừ tà như sự bảo vệ khỏi bị Thần Dữ xâm nhập, 1673;
 Sự thống trị của Thần Dữ trên con người, 409, 1707.

THẦN HIỆN, CUỘC (THEOPHANIA), 707.**THẦN HỌC (THEOLOGIA), 94.****THẦN TÍNH (DIVINITAS)**

Những vị thần giả, 1723, 2112;
 Sự tham dự của con người vào thần tính của Thiên Chúa, 460;
 Thần tính của Ba Ngôi, 253-54, 266;
 Thần tính của Chúa Giêsu, 209, 455, 464-69, 484, 515, 653, 663,
 1374, 1413;
 Thần tính của Chúa Thánh Thần, 245, 684;
 Thiên Chúa Cha như nguồn mạch và cội nguồn của toàn bộ thần
 tính, 245.

THẬP GIÁ (CRUX)

Bí tích Thánh Thê như Hy Lễ thập giá luôn tác động trong hiện tại, 1323, 1364-66, 1382;
Hiệu quả của Hy Lễ thập giá, 617, 813, 1505, 1741, 1992, 2305;
Hy lễ thập giá như gương mẫu của tình liên đới và của đức mến, 1939;
Hy lễ thập giá và sự chấp nhận hy lễ đó, 561;
Nhận và vắc thập giá riêng, 1435, 1460, 1615, 1642, 2029, 2427;
Nước Thiên Chúa được mở rộng nhờ con đường thập giá, 853;
Nước Thiên Chúa được thiết lập nhờ thập giá của Đức Kitô, 550;
Thập Giá như bàn thờ của Giao Ước Mới, 1182;
Thập giá như con đường để theo Đức Kitô, 555, 1816;
Thập giá như con đường đến sự thánh thiện, 2015;
Trách nhiệm của hình phạt thập giá, 598;
Vương quyền của Đức Kitô và thập giá, 440.

THẤT NGHIỆP, SỰ (OCCUPATIONIS PRIVATIO)

Sự thất nghiệp như một tổn thương cho nhân phẩm và gây ra những nguy cơ cho nhân phẩm, 2436.

THẦY DẠY (CÁC) (MAGISTER/RI)

Các Giám mục như thầy dạy đức tin, 1558, 2050.

THẦY THUỐC (MEDICUS)

Chúa Giêsu Kitô như thầy thuốc của các linh hồn và các thân thể, 1421, 1484, 1503-1505;
Những bí mật trong nhiệm vụ của thầy thuốc, 2491.
Những hành động vô luân của các thầy thuốc, 2377, 2537;
Sự chăm sóc thân thể nhân linh và chăm sóc sức khỏe, 2288-89.

THÊ, VIỆC (IUSIURANDUM)

Lời Chúa Giêsu: “Đừng thề chi cả”, 2153;
Sự phản bội lời thề, 2152, 2476;
Sự từ chối không thề trong những chuyện vô ích, 2155;
Việc thề gian, 2150-51;
Việc thề theo truyền thống của Hội Thánh, 2154.

THÊ GIAN / BỘI THÊ, SỰ (PERIURIUM)

Những hậu quả do sự thề gian, 2476;
Tính nghiêm trọng của sự thề gian, 1756, của sự bội thề, 2153, 2163;
Ý nghĩa của từ bội thề, 2152.

THIÊN CHÚA (DEUS), x. Chúa Ba Ngôi;

Con Thiên Chúa, x. *Con Thiên Chúa*;
Dân Thiên Chúa, x. *Dân*;

Hình ảnh của Thiên Chúa, 370, 399, 844, 1549, 1702, 1705, 2129-32;
 Lời của Thiên Chúa, x. *Lời*;
 Nước Thiên Chúa, x. *Nước*;
 Sự cao cả của Thiên Chúa, 41, 223, 272, 283, 300, 306, 1147;
 Sự hiện hữu của Thiên Chúa, 31, 33-35, 46, 48, 286, 2127;
 Sự quan phòng của Thiên Chúa, x. *Sự quan phòng*;
 Thần Khí của Thiên Chúa, x. *Chúa Thánh Thần*;
 Trời như nơi riêng của Thiên Chúa, 326.

Các hành động của Thiên Chúa đối với con người

Ban ân sủng, 1996, 2008, 2021, 2023-24;
 Ban Chúa Thánh Thần, 741, 1993;
 Ban sự công chính hoá, 994, 2020;
 Ban sự thương xót, 1422, 1846, 1870;
 Chúc lành cho tất cả các sinh vật, 1080-81;
 Cứu độ con người, 15, 74, 169, 430-31, 1949;
 Đặt ước muốn hạnh phúc vào trái tim con người, 1718, 1721, 1725, 1818;
 Giới thiệu việc tông đồ giáo dân, 900;
 Hứa ban dòng dõi cho ông Abraham, 706;
 Hướng dẫn bằng luật luân lý, 708, 1776, 1950-51, 1961, 1975, 1981, 2063;
 Kết hợp con người với Thiên Chúa, 950, 1027, 1033, 2305;
 Kêu gọi cầu nguyện, 2567, 2591;
 Kêu gọi đến chân lý, 160, 410;
 Kêu gọi đến đời sống vĩnh cửu, 1011, 1998;
 Kêu gọi đến sự thánh thiện; 2012-14;
 Kêu gọi giao hoà, 1442;
 Kêu gọi vào Nước, 1726;
 Kêu gọi yêu thương, 1604, 2331;
 Kiện toàn những điều đã khởi sự nơi con người, 2001;
 Ký kết Giao Ước với Israel, 2060;
 Mạc khải Mười Điều Răn, 2058-59;
 Nói với con người, 715, 1777, 1795, 2700;
 Sai Chúa Giêsu, 422, 457-58;
 Sự tốt lành của Thiên Chúa, x. *Sự tốt lành*;
 Tạo dựng, x. *Thiên Chúa: Đấng Tạo Hoá của vũ trụ và của con người*;
 Tha tội, 208, 1440-42;
 Thiết lập dân Ngài, 781;
 Thúc đẩy ý chí con người về điều thiện hảo, 27, 51-52, 152-154, 162, 179, 1724, 1742, 1811-13, 1817, 1821, 1830-31, 1848, 1949, 1989, 1994, 1999, 2001-02, 2008, 2021-22;

Thực hiện những công trình chớp đỉnh của bí tích Thánh Thể, 1325;
Trao thừa tác vụ phục vụ sự sống, 2271;
Tuôn đổ các nhân đức đối thần vào linh hồn các tín hữu, 1812-13,
1840.

Các hành động của con người đối với Thiên Chúa

Bằng sự thánh hiến, được hiến dâng để phục vụ Thiên Chúa, 931,
933-44, 1579;
Bước đi trong sự hiệp thông với Thiên Chúa, 197, 367, 518, 613,
737, 1071, 1472, 1540, 2565;
Chiêm ngắm Thiên Chúa, 97, 1028;
Có thể nói về Thiên Chúa, 39-43, 48;
Được giao hoà với Thiên Chúa, 980, 1445, 1462, 1468, 1484, 1493,
1496;
Gắn bó với Thiên Chúa với tình con thảo, 2609;
Phục vụ Thiên Chúa, 1273, 2424;
Sống phù hợp với thánh ý Thiên Chúa, 348, 847, 1026, 2103, 2233,
2822-27;
Tham dự vào quyền làm cha của Thiên Chúa, 2367, 2398;
Tham dự vào sự sống của Thiên Chúa, 1988, 1997;
Tìm kiếm Thiên Chúa, 28, 1281, 1501, 2566;
Tin Thiên Chúa; 227;
Tin vào Thiên Chúa, 150-51, 199, 222-27, 1266, 1842;
Trở lại với Thiên Chúa, 1428, 1431-32;
Trông thấy Thiên Chúa, 163, 1716, 1722, 2518-19, 1531, 1547-50,
2557;
Vâng phục Thiên Chúa, 143-44, 154, 2242, 2256;
Yêu mến Thiên Chúa như điều răn thứ nhất và quan trọng nhất,
2055, 2083.

Những hành động tiêu cực của con người đối với Thiên Chúa

Bị tách biệt khỏi Thiên Chúa, 1033, 1035, 1057, 1263, 1607;
Phạm tội, nghĩa là không vâng phục Thiên Chúa, 397;
Thử thách Thiên Chúa, 2139;
Xúc phạm Thiên Chúa, 398, 1440, 1487, 1850, 1871, 2277, 2281,
2314, 2324, 2464.

Sự tôn thờ, sự cầu nguyện, sự sùng kính Thiên Chúa

Bí tích Thánh Thể như việc tạ ơn và ca ngợi Thiên Chúa, 1359-61,
1408;
Cầu nguyện Thiên Chúa, 2664, 2800;
Công trình tạo dựng hướng về sự tôn thờ, 347;
Dâng các hy lễ cho Thiên Chúa, 2099;
Điều răn phải tôn thờ Thiên Chúa và phải phục vụ Ngài, 2083-94,
2095-2109, 2133-36;

Gia đình như cộng đồng đầu tiên tôn thờ Thiên Chúa, 2207;
 Kinh “Lạy Cha”, x. *Kinh Lạy Cha*;
 Lời kinh ca ngợi phải được dâng lên cho Thiên Chúa, 2589, 2639, 2649;
 Ngày Chúa Nhật như ngày của Chúa, 2174-88, 2190-95;
 Ngày sabat như ngày của Chúa, 2168-73, 2189;
 Nhà tạm và nhà thờ như những nơi tuyệt vời để tôn thờ Thiên Chúa, 1183, 2691;
 Những cách và những dụng cụ làm vinh danh và ca ngợi Thiên Chúa, 1123, 1162, 1670-71, 1678, 1698, 2062, 2641;
 Những cơ hội để tạ ơn, ca ngợi, và tôn thờ Thiên Chúa, 1164, 1167, 1174, 2502, 2513;
 Sự lạc đường trong việc sùng kính Thiên Chúa, 2138;
 Sự tôn thờ trong phụng vụ, 1110;
 Sự tôn vinh Thiên Chúa, 824;
 Ý nghĩa của việc tôn thờ Thiên Chúa, 2097, 2628.

Các danh hiệu và các phẩm tính của Thiên Chúa

Cha, 233, 238-40, 2779-85, 2794-96, 2802, x. *Cha*;
 Chân lý, 214-17;
 Đáng công chính, 62, 215, 271, 2577;
 Đáng hằng sống, 205, 2112, 2575;
 Đáng thánh, 208, 1352;
 Đáng thương xót, 210-11;
 Đáng toàn năng, x. *Thiên Chúa toàn năng*;
 Đáng tốt lành, 339, 385, 2052;
 Mẫu nhiệm khôn tả, 230;
 Nguồn mạch mọi điều thiện hảo và mọi tình yêu, 1723, 1955, 2465;
 Nguồn mạch việc cầu nguyện, 2639;
 Thần Khí tinh tuyền, 370;
 Thiên Chúa của người sống, 993;
 Thiên Chúa duy nhất, 200-02, 212, 222-28, 254, 258, 2110-28;
 Tình yêu, 214, 218-21, 257, 342.

Kế hoạch của Thiên Chúa

Các mục đích của kế hoạch của Thiên Chúa, 257, 294, 772;
 Các Thiên thần như những sứ giả của kế hoạch của Thiên Chúa, 331;
 Chức vụ là mẹ đồng trinh của Đức Maria trong kế hoạch của Thiên Chúa, 502-07, 723, 2617;
 Con người khước từ kế hoạch của Thiên Chúa và các hậu quả của việc khước từ đó, 1739;
 Công trình tạo dựng như nền tảng của kế hoạch của Thiên Chúa, 280, 315;

- Đức Kitô như trái tim và trung tâm của kế hoạch của Thiên Chúa, 112;
- Gia đình trong kế hoạch của Thiên Chúa, 2201-06;
- Hoạt động kinh tế theo kế hoạch của Thiên Chúa, 2426;
- Hội Thánh trong kế hoạch của Thiên Chúa, 7, 751-80, 851;
- Hôn nhân trong kế hoạch của Thiên Chúa, 1602-20, 1665;
- Kế hoạch của Thiên Chúa bao gồm tất cả mọi người, 841-42;
- Kế hoạch của Thiên Chúa được mạc khải và được loan báo bởi chính Ngài, 50-64, 474, 1066, 1079;
- Những hành động và việc làm chống lại kế hoạch của Thiên Chúa, 1665, 1935, 2387;
- Satan là “kẻ phá ngang” kế hoạch của Thiên Chúa, 2851, 2864;
- Sự chết của Chúa Giêsu trong kế hoạch của Thiên Chúa, 599-605, 624;
- Sự cộng tác của con người trong kế hoạch của Thiên Chúa, 2062, 2611, 2738;
- Sự gắn bó của Chúa Giêsu với kế hoạch của Thiên Chúa, 566, 606-07;
- Sự hiểu biết kế hoạch của Thiên Chúa, 158, 426;
- Sự hoàn thành và thực hiện kế hoạch của Thiên Chúa, 332, 571, 670, 686, 1043, 1138, 2683;
- Sự khác biệt giữa các nhân vị trong kế hoạch của Thiên Chúa, 1937, 1946;
- Sự quan phòng kiện toàn kế hoạch của Thiên Chúa, 302-14;
- Sự từ bỏ, sự gắn bó và sự hoà hợp với kế hoạch của Thiên Chúa, 716, 2745;
- Ước muốn kế hoạch của Thiên Chúa được thực hiện, 2823, 2860, 2825.

Đấng Tạo Hoá của vũ trụ và của con người, 279, 324;

- Chỉ một Đấng Tạo Hoá duy nhất, 290, 317;
- Chúa của sự sống, 2280, 2318;
- Đã tạo dựng con người theo hình ảnh mình, 355-61, 1701-09;
- Gìn giữ và nâng đỡ công trình tạo dựng, 301;
- Hình thành con người, 362, 371, 704;
- Khả năng nhận biết sự hiện hữu của Đấng Tạo Hoá, 286;
- Mạc khải dần dần mẫu nhiệm của công trình tạo dựng, 287-88;
- Nguyên do, lý lẽ và mục đích của công trình tạo dựng, 293-94, 319, 760;
- Nguyên nhân đệ nhất, 308;
- Siêu việt trên công trình tạo dựng và hiện diện cho nó, 300;
- Tạo dựng bằng sự khôn ngoan và bằng tình yêu, 295;
- Tạo dựng mọi vật hữu hình và vô hình, 325, 327, 337-38;
- Tạo dựng trần gian tốt đẹp và có tổ chức, 299;

Tạo dựng từ hư vô, 296-98;
 Thực hiện kế hoạch của mình, 302-14, 320-24;
 Trao việc cai quản trần gian cho con người, 1884;
 Vấn đề về cội nguồn của trần gian, 285.

Thiên Chúa toàn năng

“Đấng đã làm cho tôi những điều cao cả, Ngài quyền năng”, 273;
 Mâu nhiệm về sự bề ngoài có vẻ bất lực của Thiên Chúa, 272-74;
 Những công trình của sự toàn năng thần linh, 311, 997, 1004;
 Những đặc điểm của sự toàn năng thần linh, 268;
 Những sự biểu lộ của sự toàn năng thần linh, 277, 312, 315;
 Sự quan trọng của ý niệm về Thiên Chúa toàn năng, 274, 278;
 Sự toàn năng phổ quát, 269;
 Sự toàn năng thần linh là công chính chứ không độc đoán, 271;
 Thiên Chúa, là Cha toàn năng, 268-78.

Các hồng ân của Thiên Chúa

Ân sủng, 1608, 1999, 2000, 2005, 2712;
 Bản toát yếu các hồng ân trong kinh Tin Kính, 14, 1692;
 Chúa Giêsu, 603, 614;
 Chúa Thánh Thần, 683, 733-36, 742;
 Chức tư tế, 983;
 Đời sống vĩnh cửu, 1016, 1722;
 Đức tin, 153, 155, 162, 848, 1381;
 Lễ Luật, 1955, x. *Luật*;
 Ôn cứu độ, 169, 620;
 Phẩm giá cá vị, 2334, 2393;
 Quyền bính, 1899, 1918;
 Sự ăn năn tội, 1452-53;
 Sự cao cả của các hồng ân, 1692;
 Sự cầu nguyện, 2559-61, 2564, 2713;
 Sự cộng tác của nhân loại để hoàn thành kế hoạch của Thiên Chúa,
 306-07, 323, 378;
 Sự hiệp thông, 1489;
 Sự hiểu biết, 1955;
 Sự hối cải, 1432;
 Sự khiết tịnh, 2345;
 Sự sống và sức khoẻ thể lý, 2288;
 Sự thanh sạch, 2520;
 Sự tự do, 1730;
 Tình yêu của Thiên Chúa đối với con người, 516, 604, 776, 2658;
 Trái đất và các tài nguyên của nó, 2402;
 Vinh phúc, 1722, 1727.

Danh của Thiên Chúa

Các Danh của Thiên Chúa: Adonai, 209; YHWH, Kyrios, 206, 210-11, 213-14, 231, 446;
“Chúng con nguyện Danh Cha cả sáng”, 2807-15, 2858;
Sự Mạc Khải Danh Thiên Chúa, 203-04, 207;
Sự thánh thiện của Danh Thiên Chúa, 2142-49;
Sự tôn trọng Danh Thiên Chúa, 2150-55, 2162-63.

Thánh ý Thiên Chúa

Chu toàn thánh ý Thiên Chúa, 1260, 1332;
Phân định thánh ý Thiên Chúa, 1787;
Sống phù hợp với thánh ý Thiên Chúa, 348.

THIÊN ĐÀNG / VƯỜN ĐỊA ĐÀNG (PARADISUS), x. Trời;

Con người đầu tiên trong vườn địa đàng, 374-79, 1023;
Sự hồi phục con người để được vào thiên đàng, 736;
Thiên đàng trong kế hoạch của Thiên Chúa, 1721;
Ý nghĩa của thiên đàng, 1027.

THIÊN THẦN (ANGELUS)

Các Thiên thần bảo vệ người ta, 336;
Các thiên thần đi sai đường, 311;
Các thiên thần sa ngã, 391-93, 414, 760;
Các Thiên thần trong đời sống Hội Thánh, 334-35;
Các Thiên thần trong Kinh nguyện Thánh Thể, 1352;
Căn tính và các bổn phận của các Thiên thần, 329, 332-36, 350-52, 1034, 1352;
Đức Kitô và các Thiên thần, 331, 538, 954, 1038, 1161;
Hình ảnh các Thiên thần trong nghệ thuật, 1192, 2131, 2502;
Sự hiện hữu của các Thiên thần như một chân lý đức tin, 328;
Thiên thần Gabriel truyền tin, 148, 2676;
Thiên thần hộ thủ, 336;
Trật tự vũ trụ và sự bảo vệ của các Thiên thần, 57;
Trời và các Thiên thần, 326, 1023-29, 1053;
Việc Chúa Giáng sinh và các Thiên thần, 525, 559.

THIẾU SÓT, SỰ (OMISSIO)

Sự thiếu sót như một tội, 1853;
Sự thiếu sót trong việc chăm sóc những người bệnh, 2277.

THINH LẶNG, SỰ (SILENTIUM)

Sự thờ lạy và sự thinh lặng kính cẩn trước mặt Thiên Chúa, 2628;
Việc cầu nguyện như “biểu tượng của thế giới đang tới”, 2717.

THỊT, XÁC THỊT (CARO)

Xác thịt yếu đuối, 2733;

Thịt Đức Kitô như của ăn nuôi sống, 728, 787, 1384, 1391, 1406, 1524;
 Đức Kitô, Ngôi Lời tỏ hiện trong xác thịt, 51, 423, 461, 476-77;
 Dục vọng của xác thịt, 2514, 2520;
 Cuộc chiến giữa xác thịt và tinh thần, 1819, 1846, 2116;
 Các công việc của xác thịt, 1852;
 Sự phục sinh của xác thịt, 988, 990, 996, 1017;
 Người nam và người nữ, [một xương] một thịt, 372, 1605, 1616, 1627, 1642, 2364.

THÓI XẤU (CÁC) (VITIUM/A), *x. Kiêu ngạo, Hà tiện, Ganh tị, Hờn giận, Mê dâm dục, Mê ăn uống, Làm biếng hoặc Lười biếng;*

Các thói xấu hoặc các mối tội đầu, 1866;
 Các thói xấu và các nhân đức, 1768, 1774, 2516;
 Nguồn gốc các thói xấu, 1865, 1876;
 Phê phán các thói xấu, 2302.

THÔNG TIN, SỰ (INFORMATIO)

Các phương tiện thông tin, 2493;
 Chân lý của sự thông tin phải được tôn trọng, 2497-98, 2525;
 Quyền được biết thông tin, 2494;
 Sự thông tin và đời tư, 2489, 2491-92;
 Sự tự do thông tin, 2498.

THỐNG HỐI, SỰ (POENITENTIA)

Các hình thức thống hối trong đời sống Kitô hữu, 1434-39;
 Các mục đích của sự thống hối, 2043;
 Công việc thống hối cầu cho những người đã qua đời, 1032;
 Sự thống hối nội tâm, 1430-33.

THỜ NGÃU TƯỢNG, NGÃU TƯỢNG (IDOLATRIA / IDOLUM)

Danh tiếng và giàu sang như ngẫu tượng, 1723;
 Định nghĩa và ý nghĩa việc thờ ngẫu tượng, 2112-14;
 Sự giải thoát khỏi việc thờ ngẫu tượng của trần gian, 2097;
 Thờ ngẫu tượng là thân xác con người, 2289;
 Thờ ngẫu tượng là tiền bạc, 2424;
 Thờ ngẫu tượng như một sự lệch lạc, 2114;
 Thờ ngẫu tượng như một tội, 1852;
 Thờ ngẫu tượng như sự mê tín, 2138;
 Việc cấm làm các ngẫu tượng, 2129.

THỜI GIAN (TEMPUS)

Công trình tạo dựng và sự khởi đầu thời gian, 338;
 Đời sống con người và thời gian, 1007;
 Lúc cùng tận thời gian, 1042;
 Lúc thời gian viên mãn, 484;

Thiên Chúa và thời gian, 205, 600;
Thời của Hội Thánh, 1076;
Thời gian nhân rồi, 2184, 2186-87, 2194;
Thời gian phụng vụ, 1163-65;
Thời hiện tại, 672;
Thời sau hết, 715, 2819.

THỜI KỲ DỰ TÒNG (CATECHUMENATUS)

Những hình thức của thời kỳ dự tòng, 1230-33;
Những người thành niên và thời kỳ dự tòng, 1247;
Ý nghĩa và mục đích của thời kỳ dự tòng, 1248.

THỜI THƠ ẤU (INFANTIA)

Sự chăm sóc và tôn trọng của cha mẹ suốt thời thơ ấu của con cái, 2228;
Thời thơ ấu của Chúa Giêsu, 527-30.

THÚ VUI, (CÁC) (DELECTATIO/NES)

Thú vui tình dục: điều độ, 2362; vô điều độ, 2351-56;
Thú vui tinh thần, 2500;
Đức tiết độ, nhân đức điều tiết sự lôi cuốn của thú vui, 1809.

THỬ DÂM, SỰ (MASTURBATIO), 2352.

THỤ TINH NHÂN TẠO, SỰ (INSEMINATIO ARTIFICIALIS)

Sự thụ tinh nhân tạo không thể được chấp nhận về mặt luân lý, 2376-77.

THUỘC VỀ, SỰ (PERTINENTIA)

Sự thuộc về Đức Kitô, 1272, 1296, 2182;
Ý nghĩa của sự thuộc về Hội Thánh, 1309.

THUYẾT NGỘ ĐẠO (GNOSIS), 285.

THUYẾT NHÂN BẢN KITÔ GIÁO

(HUMANISMUS CHRISTIANUS), 1676.

THUYẾT NHỊ NGUYÊN (DUALISMUS), 285.

THỬ THÁCH, (CÁC) (PROBATIO/NES)

Chịu đựng các thử thách, 901, 1508;
Chúa Giêsu chịu Satan thử thách, 538, 2119;
Cuộc thử thách cuối cùng của Hội Thánh, 675-77.
Đức can đảm để đương đầu với thử thách, 1808;
Đức cậy như nguồn mạch của niềm vui trong cơn thử thách, 1820;
Đức tin chịu thử thách, 164, 272;
Sự hoàn tất của Hội Thánh xảy ra sau những thử thách lớn lao, 769;
Sự phân biệt giữa thử thách và cám dỗ, 2847.

THỪA TÁC VIÊN (CÁC) (MINISTER/ RI), x. Các thừa tác viên của mỗi bí tích;

Các thừa tác viên có chức thánh như “hình ảnh” của Đức Kitô Tư Tế, 1142;

Các thừa tác viên có chức thánh như những vị hữu trách về việc huấn luyện cầu nguyện, 2628;

Các thừa tác viên của Đức Kitô và của Hội Thánh, 1553;

Các thừa tác viên như “các tông đồ của Đức Kitô”, 876;

Các Tông Đồ như “các thừa tác viên của Thiên Chúa”, 859;

Mục đích của các hành động của thừa tác viên, 874;

Ơn gọi cá vị của thừa tác viên, 878;

Sự bất xứng của các thừa tác viên có chức thánh và hành động của Đức Kitô, 1584;

Sự cấp dưỡng cho các thừa tác viên của Hội Thánh, 2122;

Việc thực thi sự phục vụ của các thừa tác viên có chức thánh, 1592;

Việc tuyển chọn các thừa tác viên lãnh chức thánh, 1579.

THỪA TÁC VỤ (MINISTERIUM)

Các thừa tác vụ đặc biệt, 1143;

Sự khác nhau của thừa tác vụ, 873, 910;

Sự thực thi thừa tác vụ, 2039;

Thừa tác vụ công khai của Chúa Giêsu, 583;

Thừa tác vụ của Hội Thánh, 874-79;

Thừa tác vụ dạy giáo lý, sự giảng dạy, Lời [Chúa], 9, 24, 132, 903.

Thừa tác vụ gìn giữ và giải thích Lời [Chúa], 119;

Thừa tác vụ Giao hoà, 981, 1442, 1461-62;

Thừa tác vụ thánh chức, 1120, 1142. x. *Chức Tư tế*;

Thừa tác vụ Tông Đồ, 553, 983, 1536.

THƯỜNG PHẠT, SỰ (RETRIBUTIO) thần linh (vĩnh cửu), 1021-22, 2016.**THƯỢNG HỘI ĐỒNG (SYNEDRIUM), 591, 596.****TIỆC CƯỚI (NUPTIAE)**

Sự đồng bàn dự tiệc cưới trong Nước [Thiên Chúa], 1027, 1335;

Tiệc cưới Cana, 1613, 2618;

Tiệc cưới Con Chiên, 1244, 1329, 1602, 1612, 1642, 2618;

Tiệc cưới huyền nhiệm, 923.

TIÊN TRI, SỰ (PROPHETIA)

Sự tiên tri như một ân ban, 2004.

Sự tiên tri về người Tôi Tớ đau khổ, 601;

Sự tiên tri về việc Đền Thờ sụp đổ, 585.

TIÊN TRÙNG, SỰ (TYPOLOGIA), 128, 130.

TIẾN TRIỂN, SỰ (PROGRESSUS), x. Sự tăng trưởng, Sự tăng tiến và Sự phát triển;

Sự tiến triển của các hoạt động kinh tế, 2426.

TIỀN BẠC (PECUNIA)

“Người ham hố tiền bạc có bao nhiêu cũng sẽ không thoả mãn”
2536;

Sự cấm cho vay lấy lãi, 2449;

Tội mại thánh, 2121.

Tội thờ ngẫu tượng và sùng bái tiền bạc, 2113, 2172, 2424;

TIỀN CÔNG (STIPENDIUM)

Sự chết như tiền công của tội, 1006.

TIỀN ĐỊNH, SỰ (PRAEDESTINATIO), 257, 600, 1007, 2012, 2782, 2823.

TIỀN LÃI (USURA)

Cho vay lấy lãi, 2269, 2449.

TIỀN LƯƠNG (SALARIIUM)

Tiền lương công bằng, 2434.

TIẾNG (VOX)

Tiếng lương tâm, x. *Lương tâm*;

Tiếng Thiên Chúa Cha, x. *Thiên Chúa*.

TIẾT DỤC, SỰ (CONTINENTIA)

Cầu nguyện và sự tiết dục, 2520;

Hiệu quả của sự tiết dục, 2340;

Sự sinh sản và sự tiết dục, 2370;

Sự tiết dục của những người đính hôn, 2350;

Sự tiết dục và các hoa trái của Thần Khí, 1832;

Sự tiết dục và sự khiết tịnh, 2349;

Sự tiết dục và sự ly dị, 1650.

TIẾT ĐỘ, ĐỨC (TEMPERANTIA)

Các hoa trái của đức tiết độ, 1838, 2290;

Định nghĩa đức tiết độ, 1809;

Đức khiết tịnh và sự thanh sạch phụ thuộc vào đức tiết độ, 2341,
2517, 2521;

Đức tiết độ như một nhân đức trụ, 1805;

Sự ham mê của cải trần thế và đức tiết độ, 2407.

TIN (CREDERE), x. Đức Tin;

Hồng ân để tin, 153, 179, 1266;

Động lực để tin, 156;

Kinh Tin Kính, x. *Tín biểu*

Những điều phải tin được nói lên trong Tín biểu, 184, 190-01;
 Những hệ quả của việc tin vào Thiên Chúa, 222-27;
 Những quy chiếu để tin, 177;
 Sự cần thiết phải tin để đạt tới ơn cứu độ, 161;
 Sự hoà nghi đức tin, 2088;
 Sự từ chối [không chịu] tin, 1034;
 Tin là hành vi có chiều kích Hội Thánh, 181;
 Tin là hành vi nhân linh, 154-55, 166, 180;
 Ý nghĩa của việc tin, 26, 155, 1064;
 Ý niệm vững chắc về sự toàn năng của Thiên Chúa, 274.

TIN MỪNG (BONUS NUNTIUS), *x. Tin Mừng (Evangelium/a) và Tân Ước;*

Tin Mừng của các Tông Đồ, 638, 977, 1427, 2443;
 Hiệu quả của Tin Mừng, 2527;
 Tin Mừng của Đức Kitô, 422, 632, 634, 714, 763, 852, 2763;
 Mầu nhiệm Vượt Qua và Tin Mừng, 571.

TIN MỪNG (EVANGELIUM/A), *x. Tin Mừng (Bonus Nuntius), Tân Ước, Thánh Kinh;*

Các tác giả Tin Mừng, 515;
 Kinh Lạy Cha như bản tóm tắt toàn bộ Tin Mừng, 2761, 2763, 2774;
 Lễ Luật cũ như sự chuẩn bị cho Tin Mừng, 1964;
 Nhiệm vụ công bố Tin Mừng của các phó tế, 1570;
 Những bằng chứng của Tin Mừng, 514;
 Sự đón nhận Tin Mừng, 1229;
 Sự loan báo Tin Mừng, 2, 75, 860, 875, 888, 1565, 2044, 2419;
 Tầm quan trọng và ý nghĩa của Tin Mừng, 125-27, 139;
 Tin Mừng như Mạc Khải về lòng thương xót của Thiên Chúa, 1846;
 Tin Mừng như sự hoàn thành Lễ Luật cũ, 1968;
 Tin Mừng và giáo huấn xã hội của Hội Thánh, 2419, 2421;
 Việc dạy giáo lý và sự loan báo Tin Mừng, 6, 854;
 Việc lưu truyền Tin Mừng, 76-79;
 Việc soạn thảo sách Tin Mừng, 126.

TIN TƯỜNG, SỰ (FIDUCIA)

Nói đối phá huỷ sự tin tưởng giữa người ta, 2486;
 Sự tin tưởng của con người vào Thiên Chúa, 301, 304, 2086, 2115, 2119, 2828, 2836, 2861;
 Sự tin tưởng vào [Chúa] quan phòng, 2115, 2547;
 Sự tin tưởng vào Lời Thiên Chúa, 215.

TÍN BIỂU (SYMBOLUM) của các Tông Đồ, đức tin, 14, 184, 187-88, 197;

- Các phần cấu thành Tín biểu, 190-91;
- Đọc Tín biểu, 197;
- Thiên Chúa trong Tín biểu, 199;
- Tín biểu của các Tông Đồ, 194, 196, 2558;
- Tín biểu để tuyên xưng đức tin, 187, 192;
- Tín biểu Nicêa-Constantinôpôli, 195;
- Tín biểu phép rửa, 189;
- Tín biểu thay đổi qua các thế kỷ, 192-93;
- Việc soạn thảo Tín biểu, 186;
- Ý nghĩa của từ Tín biểu, 188.

TÍN ĐIỀU (DOGMA)

- Các tín điều của đức tin, 88-90;
- Các tín điều về Ba Ngôi Chí Thánh, 253-56;
- Sự tuyên bố các tín điều do quyền bính của Hội Thánh, 88;
- Tín điều [Đức Maria] Vô nhiễm Nguyên tội, 491;
- Việc hình thành các tín điều về Ba Ngôi Chí Thánh, 249-52.

TINH THẦN (SPIRITUS)

- Các Thiên thần như tinh thần (thiên liêng), 329;
- Con người như thân thể và tinh thần, 327, 365, 367, 2515-16, 2702, 2846;
- “Những người nghèo trong tinh thần”, 2546;
- Satan như thụ tạo thuần túy tinh thần (thiên liêng), 395;
- Sự nâng tinh thần lên tới Thiên Chúa, 2098;
- Thiên Chúa như tinh thần thuần túy (thiên liêng), 370;
- Tinh thần của con người trong việc suy niệm, 2705.

TÍNH BẤT KHẢ PHÂN LY (INDISSOLUBILITAS) của Hôn nhân, 1610-11, 1615, 1643-45, 1647, 2364.

TÍNH CÔNG GIÁO (CATHOLICITAS)

- Sự chia rẽ của các Kitô hữu và tính công giáo, 855;
- Các Giáo Hội địa phương và tính công giáo, 832-36;
- Giám mục, các Kitô hữu và tính công giáo, 1292;
- Phụng vụ, các truyền thống và tính công giáo của Hội Thánh, 1200-03, 1208;
- Việc loan báo Tin Mừng và tính công giáo, 849.

TÍNH DỤC (SEXUALITAS), x. Hôn nhân;

- Con người được tạo dựng có nam có nữ, 355, 383;
- Điều răn liên quan đến tính dục, 2336;
- Đức khiết tịnh và tính dục, 2337, 2395;
- Phẩm giá của tính dục, 2362;

Phẩm giá như nhau của người nam và người nữ, 369, 2334, 2393;
 Sự khác biệt và tính bổ sung của các phái tính, 369-73, 1605, 2333;
 Sự nết na và sự khiết tịnh, 2522;
 Sự sinh sản và tính dục, 2370;
 Sự toàn vẹn của tính dục trong nhân vị và sự khiết tịnh, 2337;
 Tầm quan trọng của sự kết hợp phu phụ, 2335;
 Tính dục ảnh hưởng trên mọi phương diện của nhân vị, 2332, 2362;
 Tính dục liên quan đến khả năng yêu thương, 2332;
 Tính dục vô trật tự, 2351-57, 2380, 2388-90;
 Ý nghĩa của tính dục trong Hôn nhân, 2360-63.

TÍNH ĐƠN NHẤT, SỰ ĐƠN SƠ (SIMPLICITAS)

Sự đơn sơ của việc cầu nguyện, 2589, 2713, 2778;
 Tính đơn nhất của Thiên Chúa, 202.

TÍNH ÍCH KỶ (EGOISMUS)

Đức mến như con đường để vượt thắng tính ích kỷ, 1931;
 Đức cậy gìn giữ khỏi tính ích kỷ, 1818;
 Hôn nhân như sự trợ giúp để chiến thắng tính ích kỷ, 1609;
 Sự điều hoà sinh sản và tính ích kỷ, 2368;
 Sự giáo dục chống lại tính ích kỷ, 1784.

TÍNH LUÂN LÝ (MORALITAS)

Tình yêu đối với chính mình như nguyên tắc nền tảng của tính luân lý, 2264;
 Các hoàn cảnh, ý hướng và tính luân lý của các hành động, 1756;
 Lương tâm luân lý và phẩm giá của cá vị, 1780, 1794;
 Hội Thánh và tính luân lý, 2420;
 Các nguồn mạch của tính luân lý, 1750-54;
 Sự phán đoán về tính luân lý của các hành vi nhân linh, 1756, 1768;
 Tính luân lý phải được tôn trọng và bảo vệ, 2210, 2294, 2498;
 Tính luân lý của các đam mê, 1762-70.

TÍNH NHƯỜNG KHÔNG của ơn cứu độ (**GRATUITAS** salutis), 218, 1250, 1699, 1722, 1996.

TÌNH BẰNG HỮU (AMICITIA)

Đức mến, sự hoà hợp và tình bằng hữu, 1829, 1939;
 Sự khiết tịnh được giải thích và được diễn tả trong tình bằng hữu, 2347;
 Tình bằng hữu giữa Đức Kitô và con người, 1395, 2665;
 Tình bằng hữu giữa Thiên Chúa và con người, 55, 277, 355, 374, 384, 396, 1023, 1030, 1468, 1863, 2709;
 Tình bằng hữu không tổ cáo những bất công chống lại chân lý, 2480;

Tình bằng hữu như sự trợ giúp cho người đồng tính, 2359.

TÌNH LIÊN ĐỐI (SOLIDARIETAS)

Các hình thức của tình liên đới, 1940-41;

Con người cần đến nhau, 361;

Định nghĩa tình liên đới, 1948;

Sự hiệp thông của các Thánh và việc con người cần đến nhau, 953;

Tầm quan trọng của tình liên đới trong Hội Thánh, 1942;

Tất cả các thụ tạo đều cần đến nhau, 344;

Tình liên đới Kitô giáo, 1942, 2850;

Tình liên đới như hậu quả của sự truyền thông ngay thật và chính xác, 2495;

Tình liên đới như sự đòi hỏi của tình huynh đệ, 1939;

Tình liên đới như sự tôn trọng nhân phẩm, 2407;

Tội làm tổn thương tình liên đới nhân loại, 1849;

Việc cầu nguyện và tình liên đới, 2831;

Việc sở hữu của cải và tình liên đới giữa con người, 2402.

TÌNH LIÊN ĐỐI GIỮA CÁC DÂN TỘC

(SOLIDARIETAS INTER POPULOS), 2437-42;

Nhiệm vụ của giáo dân là can thiệp vào việc tổ chức đời sống xã hội, 2442;

Tình liên đới giữa các dân tộc như một bổn phận, 2439;

Tình liên đới giữa các dân tộc như sự cần thiết, 2438.

TÌNH PHỤ TỬ (PATERNITAS)

Các đôi phối ngẫu tham dự tình phụ tử của Thiên Chúa, 2367;

Quyền làm cha mẹ có trách nhiệm, 2368.

Tình phụ tử của Thiên Chúa, 239, 270, x. *Thiên Chúa*;

Tình phụ tử thần linh như nguồn mạch của tình phụ tử nhân loại, 2214;

TÌNH YÊU (AMOR), x. Đức mến;

Tình yêu đối với Thiên Chúa

Cầu nguyện cho Nước Thiên Chúa và tham dự vào tình yêu cứu độ của Thiên Chúa, 2633, 2738;

Cầu nguyện không ngừng và sự nhiệt thành phát xuất bởi tình yêu, 2742;

Cầu nguyện mức được mọi sự trong tình yêu mà chúng ta được yêu mến trong Đức Kitô, 2658;

Cầu nguyện và tình yêu, 2709, 2792;

Cầu nguyện, sự hiệp thông tình yêu trong Chúa Thánh Thần, 2615, 2712;

Đức tin xét như việc tin vào tình yêu Thiên Chúa, 278, 1064, 2087, 2614;

Kitô hữu chết để ở cùng Thiên Chúa, 1011;
 “Người sẽ yêu mến Chúa là Thiên Chúa người, hết trái tim...”, 2055, 2063, 2083, 2093;
 Phụng vụ, lời đáp trả của đức tin và của tình yêu đối với Thiên Chúa, 1083;
 Sống độc thân vì tình yêu Thiên Chúa, 1599;
 Tuân giữ các giới răn và ở lại trong tình yêu, 1824;
 Yêu mến Thiên Chúa là Chúa, 2086;

Tình yêu đối với người lân cận

“Anh em hãy yêu mến nhau, như Thầy đã yêu mến anh em...”, 459, 1337, 1823;
 Gia đình Nazareth, mẫu gương của tình yêu đối với người lân cận, 533;
 “Người sẽ yêu mến người lân cận của người”, 1844, 2055, 2196;
 Tình yêu đối với kẻ thù, 2608, 2844;
 Tình yêu đối với người nghèo không đi đôi với tình yêu đối với của cải, 2445;
 Tình yêu người lân cận đối với người sai lầm trong vấn đề đức tin, 2104;
 Tình yêu người lân cận không thể tách biệt khỏi tình yêu Thiên Chúa, 1878;
 Tình yêu người lân cận xét như việc cầu nguyện với Cha chung, cho tất cả mọi người, 2793;
 Tình yêu người lân cận xét như việc tha thứ cho anh em tận đáy lòng, 2843;
 Yêu mến Thiên Chúa và người lân cận như tổng hợp Mười Điều Răn, 1822, 2055, 2067, 2069;
 Yêu người nghèo và kẻ thù như Đức Kitô yêu 1825, 2443.

Tình yêu ưu tiên, 2729, 2732.

Tình yêu của Đức Kitô

Cuộc khổ nạn, Đức Kitô chết vì tình yêu đối với chúng ta, 1825;
 Cuộc khổ nạn, hy lễ của Đức Kitô để tha thứ tội lỗi, 545;
 Cuộc khổ nạn, tình yêu rộng mở đến tất cả mọi người, 605, 616;
 Đời sống Chúa Giêsu mạc khải mẫu nhiệm tình yêu của Chúa Cha, 516, 701;
 Đức mến, điều răn mới, 1823;
 Những sự chữa lành, những dấu chỉ của tình yêu, 1503;
 Trái tim Đức Kitô, dấu chỉ tình yêu của Người đối với chúng ta, 478, 2669;
 Việc cầu nguyện, sự gắn bó của tình yêu với thánh ý Chúa Cha, 2600.

Tình yêu của Thiên Chúa, x. Thiên Chúa;

- Con người tham dự vào tình yêu của Chúa Ba Ngôi, 850;
- Công trình tạo dựng như bằng chứng đầu tiên của tình yêu của Thiên Chúa, 315;
- Người nam và người nữ được tạo dựng theo hình ảnh tình yêu Thiên Chúa, 2331;
- Thiên Chúa không bỏ mặc các thụ tạo của Ngài, 2577;
- Tình yêu của Thiên Chúa đối với Israel, 219-20;
- Tình yêu của Thiên Chúa dựng nên và bảo tồn trần gian, 421;
- Tình yêu của Thiên Chúa như lý do của việc tạo dựng, 27, 293, 295;
- Tình yêu của Thiên Chúa quy hướng mọi sự về con người, 313;
- Tình yêu của Thiên Chúa sắp xếp để các thụ tạo đạt tới mục đích tối hậu, 321;
- Tình yêu của Thiên Chúa, “phát ghen” vì chúng ta, 2737;
- Tình yêu Thiên Chúa, hồng ân đầu tiên, 733;
- Tình yêu Thiên Chúa, hoa trái của Chúa Thánh Thần, 736, 1832, 2658;
- Tình yêu Thiên Chúa, nguồn mạch của sự cầu nguyện, 2658;
- Tình yêu Thiên Chúa, nguyên lý của đời sống mới, 735.

Thiên Chúa như tình yêu được mạc khải

- Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, các danh xưng của tình yêu, 221, 257, 850;
- Người ta bị phán xét theo tình yêu, 1022;
- “Thiên Chúa là tình yêu”, 214, 221, 231, 733;
- Trời, sự hiệp thông tình yêu, 1024.

Tình yêu của Hội Thánh, x. Hội Thánh;

- Tình yêu của Hội Thánh đối với các anh em ly khai, 818;
- Tình yêu của Hội Thánh đối với người nghèo, 2444, 2448.

Tình yêu của con người, x. Con người;

- Gia đình, xã hội tự nhiên của tình yêu, 2207;
- Tình yêu của con người đối với chân lý, 2105, 2185, 2466, 2518;
- Tình yêu của con người đối với điều thiện hảo, 1765-66;
- Tình yêu của con người đối với tổ quốc, 2239;
- Tình yêu phụ phụ của con người như hình ảnh của tình yêu của Thiên Chúa, 1604;
- Tình yêu phụ phụ của con người quy hướng về sự sinh sản và sự hợp nhất, 1652, 2363, 2366, 2369;
- Tình yêu phụ phụ của con người trong sự thiết lập Hôn Nhân, 1603;
- Tình yêu phụ phụ của con người, tự bản chất là bất khả phân ly và chung thủy, 1646;
- Trật tự hướng về công ích được làm cho sống bởi tình yêu, 1912.

TỈNH THỨC, SỰ (VIGILANTIA)

Đức Kitô mời gọi tỉnh thức, 672;
 Sự cần thiết của sự tỉnh thức, 1036;
 Sự tỉnh thức đối với các phương tiện truyền thông, 2496;
 Sự tỉnh thức đối với những cách suy nghĩ, 2727;
 Sự tỉnh thức trong việc cầu nguyện, 2612, 2699, 2799, 2849, 2863;
 Sự tỉnh thức trong việc giữ đức tin, 2088;
 Thời hiện tại như thời phải tỉnh thức, 672.

TỎ HIỆN, SỰ (MANIFESTATIO)

Sự tỏ hiện của Chúa Giêsu Kitô, 486, 528, 535, 639, 660, 1224;
 Sự tỏ hiện của Chúa Thánh Thần, 697, 951;
 Sự tỏ hiện của Thiên Chúa và của sự tốt lành, quyền năng và vẻ đẹp của Ngài, 294, 707, 2519;
 Sự tỏ hiện cuộc Ngự đến của Nước Thiên Chúa, 570;

TOÀN VẬN, SỰ (INTEGRITAS) của cá vị, 2273-75, 2295, 2297-98, 2338-45, 2356, 2389.

TỐ CÁO, SỰ (ACCUSATIO), *x. Thống Hối và Giao Hoà: Việc xưng tội.*

TÔI TỐ (SERVUS)

Các thừa tác viên của Hội Thánh như những tôi tớ của Thiên Chúa, 876;
 Dụ ngôn người tôi tớ không biết thương xót, 2843;
 Phó tế như tôi tớ của mọi người, 1570.

TỘI (CULPA), *x. Tội lỗi;*

Chủ ý giết người và tội, 2269;
 Đức Maria, được gìn giữ tinh tuyền khỏi nguyên tội, 966;
 Hình phạt dân sự và tội, 2266;
 Lương tâm và các tội, 1781, 1784, 1801;
 Những chia rẽ của Hội Thánh và của con người, 817;
 Phá thai, sự cộng tác và tội, 2272;
 Phán đoán sai lạc và tội, 1791,
 Sự chết của Đức Kitô và các tội của con người, 580, 598;
 Sự không hiểu biết không do chủ ý và tội, 1860;
 Sự nhận biết các tội, 827, 1455, 1847;
 Sự sửa chữa lại các tội, 2487;
 Sự tha thứ mọi tội, 978, 982, 1502, 1847;
 Sự tha tội, 1031, 1425, 1436, 1452;
 Sự thống hối và tội, 1435, 1459;
 Sự tự vệ hợp pháp và tội, 2264;
 Thanh danh, sự tôn trọng thanh danh và tội, 2477;
 Tính nghiêm trọng của tội, 1861, 2073;
 Tội của ông Adam và các hậu quả của nó, 390, 402-03;

Tội làm gương xấu, 2287, 2284, 2326;
Tội nghịch đức công bằng và chân lý, 2477, 2480-81, 2485, 2487, 2509;
Tội nghịch đức khiết tịnh, 2352, 2354-55;
Tội vô thần, 2125;
Việc xưng tội, 1458, 1493.

TỘI (PECCATUM)

Cội rễ của tội, 1853;
Định nghĩa tội, 1849-50;
Dục vọng thúc đẩy phạm tội, 978;
Mối liên kết sâu xa của con người với Thiên Chúa và sự nhận biết tội, 286-88;
Những con đường để nhỏ tận gốc tội lỗi, 943;
Satan như nguyên do các tội, 2852;
Thực tại của tội, 385-87;
Tình yêu mạnh hơn tội, 2844;
Tội của các Thiên thần, 392-93;
Tội như sự dữ trầm trọng nhất, 1488;
Tội trong Hội Thánh, 827;
Trách nhiệm của người cộng tác với các tội của những người khác, 1868.

Các hậu quả do tội

Các hình phạt do tội, 1472-73;
Các thói xấu và những hướng chiều lệch lạc, 1426, 1865;
Cuộc chiến đấu giữa tinh thần và xác thịt, 2516;
Đời sống của tội nhân bị suy yếu, 1459;
Đời sống Kitô hữu bị suy yếu, 1420;
Mất sự giống như Thiên Chúa, 705;
Mất sự hiệp thông với Thiên Chúa, 761, 1472;
Mất sự sống vĩnh cửu, 1472;
Tình cảm lệch lạc đối với các thụ tạo, 1472;
Việc giết Con Thiên Chúa, 321.

Sự phân biệt các tội

Sự phân biệt các tội theo đối tượng, 1853;
Sự phân biệt các tội theo tính nghiêm trọng, 1854.

Các giải thích về tội

Con người lạm dụng sự tự do Thiên Chúa ban, 1739;
Công việc của xác thịt, 1852;
Sự dữ luân lý xâm nhập vào trần gian, 311, 1869;
Hành vi cá vị, 1868;
Ly giáo, lạc giáo, bội giáo, 817;

Những đe dọa sự hợp nhất và hiệp thông của Hội Thánh, 814, 1440;
 Những xúc phạm đến Thiên Chúa, 431, 1850;
 Sự chết xâm nhập vào lịch sử nhân loại, 400, 1006, 1008;
 Sự khước từ Thiên Chúa, 398;
 Tội lỗi làm hại sự hiệp thông nhân loại, 761, 953;
 “Tội xã hội”, 1869.

Sự giải thoát khỏi tội, x. *Bí tích Thống Hội và Giao Hoà*;

Bạo lực và tính đa dạng của tội được biểu lộ trong cuộc khổ nạn của Đức Kitô, 1851;
 Bí tích Rửa Tội giải thoát khỏi tội, 977-78, 985, 1213, 1237, 1263-64;
 Chỉ một mình Thiên Chúa có thể tha tội, 270, 277, 430-31, 1441;
 Đức Kitô thực hiện việc tha tội, 987, 1741;
 Đức Kitô, “Chiên Thiên Chúa, Đấng xoá tội trần gian”, 523, 536, 608;
 Đức Kitô, “của lễ đền tội cho chúng ta”, 457, 604;
 Đức Kitô, Đấng đền tội cho chúng ta với Chúa Cha, 615, 1708;
 Lễ tế của Đức Kitô vì tội của con người, 606-18;
 Lời cầu nguyện để chúng ta đừng đi vào con đường tội lỗi, 2846;
 Luật thần linh, sự trợ giúp cho sự bị tổn thương bởi tội, 1949;
 Những con đường để đạt được ơn tha tội, 1434-39;
 Sự chữa lành con người khỏi tội, 211, 549, 1989-90, 1999, 2057, 2097;
 Sự thống hối nội tâm xét như con đường để vượt thắng tội, 1431;
 Sự thống hối và giao hoà, x. *Bí tích Thống Hối và Giao Hoà*;
 Thiên Chúa đã làm cho Đức Kitô thành “hiện thân của tội vì chúng ta”, 602-03;
 Thiên Chúa không bỏ mặc con người dưới quyền lực sự chết, 410-11, 1609.

Những cách phạm tội

Các tội trong tư tưởng, lời nói, việc làm, và những điều thiếu sót, 1853;
 Những cách phạm tội chống lại tình yêu của Thiên Chúa, 2094.

Các tội

Ác ý, 1860;
 Các hành vi tình dục ngoài Hôn nhân, 2390;
 Các tội chống lại đức cậy, 2091;
 Các tội chống lại đức tin, 2088-89;
 Ganh tị, 2539;
 Giận dữ, 2302;
 Giết người, 2268;

Nói dối, 2484;
 Nói phạm thượng đến Chúa Thánh Thần, 1864;
 Nói phạm thượng, 2148;
 Thù ghét, 2303;
 Tội phạm thánh, 2120;
 Vi phạm nghĩa vụ phải tham dự bí tích Thánh Thể các ngày lễ
 buộc, 2181.

Các mối tội đầu

Các mối tội đầu như đầu mối sinh ra các tội khác, 1866;
 “Các tội kêu thấu đến trời”, 1867.

Tội trọng

“Ai không yêu mến, người đó còn ở trong sự chết”, 1033;
 Các điều kiện: chất liệu nghiêm trọng, 1858; hiểu biết đầy đủ, 1859;
 ưng thuận rõ ràng, 1859;
 Các hậu quả, 1855, 1861;
 Chết trong tội trọng, 1033, 1035;
 Những hình phạt muôn đời dành cho người chết trong tội trọng,
 1033;
 Sự phân biệt giữa tội trọng và tội nhẹ, 1854;
 Sự tha thứ các tội trọng trong việc ăn năn tội cách trọn, 1452,
 1856;
 Tính quy tội của lỗi phạm, 1860.

Tội nhẹ

Các điều kiện về chất liệu, sự hiểu biết và sự ưng thuận, 1862;
 Các hậu quả do tội nhẹ, 1863;
 Việc xưng các tội nhẹ, 1458.

Sự tha tội trong bí tích, x. Bí tích Thống Hối và Giao Hoà;

Bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân và sự tha tội, 1520;
 Các bí tích tha tội, 1421, 1486, 1520;
 Quyền bính và quyền năng để tháo cởi và tha tội, 553, 976, 1441-
 45, 1461;
 Sự tha tội như hiệu quả của sự công chính hoá, 2018;
 Sự tha tội và sự giao hoà với Hội Thánh, 1443;
 Sự thanh luyện khỏi các hình phạt do tội, 1475;
 Tình yêu của Thiên Chúa như nguyên do của ơn tha tội, 734;
 Việc xưng tội và sự xá giải, 1424;
 Việc xưng tội, theo điều răn của Hội Thánh, 2042.

TỘI NHÂN (CÁC) (PECCATOR/ ES)

Các hiệu quả của bí tích Thống Hối nơi các tội nhân, 1423, 1468-70;
 Các tội nhân phải làm việc đền tội, 1459;
 Các tội nhân và các người công chính trong Hội Thánh, 827;

Chúa Giêsu mời gọi các tội nhân, 545, 588;
 Con đường giao hoà của các tội nhân, 1449;
 Cuộc phán xét cuối cùng dành cho các tội nhân, 1038;
 Được nhận biết như các tội nhân, 208, 827, 1697, 2677, 2839;
 Lòng thương xót của Chúa Giêsu đối với các tội nhân, 589, 1443;
 Lòng thương xót của Thiên Chúa đối với các tội nhân, 1465, 1846;
 Mọi người “thành tội nhân”, 402;
 Mọi tội nhân như tác giả cuộc khổ nạn của Đức Kitô, 589;
 Quyền ban ơn tha thứ cho các tội nhân, 979, 1444;
 Sự công chính hoá các tội nhân, 1994;
 Sự thanh tẩy các tội nhân, 1475.

TÔN GIÁO (CÁC) (RELIGIO/NES)

Bản phận xã hội của tôn giáo, 2104-05, 2467;
 Các hành vi tôn giáo, 1969;
 Hội Thánh và các tôn giáo ngoài Kitô giáo, 842-43;
 Nhân đức thờ phượng, 1807, 2095-96, 2117, 2125, 2135, 2144;
 Sự tìm kiếm Thiên Chúa trong mọi tôn giáo, 2566;
 Sự tự do tuyên xưng tôn giáo, 2137;
 Tôn giáo và cộng đồng chính trị, 2244;
 Việc kêu cầu Thiên Chúa là Cha trong nhiều tôn giáo, 238.

TÔN KÍNH, SỰ (VENERATIO)

Sự tôn kính các ảnh tượng thánh, 2132;
 Sự tôn kính các thánh tích, 1674;
 Sự tôn kính các Thánh, 1090;
 Sự tôn kính Lời Chúa, 127, 1151;
 Sự tôn kính và sự tôn thờ bí tích Thánh Thể, 1378.

TÔN THỜ, SỰ (ADORATIO)

Các Thiên thần và sự tôn thờ Ngôi Lời nhập thể, 333;
 Nghệ thuật thánh và sự tôn thờ, 2502;
 Sự chúc tụng và sự tôn thờ, 2626;
 Sự tôn thờ Thiên Chúa, 2096;
 Sự tôn thờ, hành vi chính yếu của nhân đức thờ phượng, 2096, 2628, x. *Thiên Chúa*.

TÔN TRỌNG, SỰ (OBSERVANTIA), x. *Phẩm giá*;

Đức mến như sự tôn trọng người lân cận, 1789, 1825;
 Sự tôn trọng các điều răn, Lễ Luật, các lời khuyên Phúc Âm, 532, 579, 1986, 2053, 2200;
 Sự tôn trọng các Kitô hữu không Công giáo, 818;
 Sự tôn trọng các tội nhân, 1466, 1467;
 Sự tôn trọng các vị lãnh đạo của Hội Thánh, 1269;
 Sự tôn trọng chân lý, 2488-92;

- Sự tôn trọng của cải của người khác, 2408-14;
- Sự tôn trọng Danh Thiên Chúa, 2144, 2148, 2149;
- Sự tôn trọng Đền Thờ, 583-84;
- Sự tôn trọng gia đình, 2206, 2214-17, 2219, 2228, 2251;
- Sự tôn trọng luật tự nhiên, 2036;
- Sự tôn trọng quyền bính chính trị, 1880, 1900;
- Sự tôn trọng sự sống con người, 2259-83;
- Sự tôn trọng sự tự do của con người, 1738, 1884;
- Sự tôn trọng sự tự do tôn giáo, 2188;
- Sự tôn trọng tài sản riêng, 2403;
- Sự tôn trọng thân thể riêng, 1004;
- Sự tôn trọng Thiên Chúa, 209, 2101, 2148;
- Sự tôn trọng tính toàn vẹn của công trình tạo dựng, 2415-18.

Sự tôn trọng phẩm giá của nhân vị, 2284-2301;

- Sự tôn trọng linh hồn người khác, 2284-87;
- Sự tôn trọng nhân vị và các quyền của nhân vị, 1907, 1929-33, 1944;
- Sự tôn trọng nhân vị và việc nghiên cứu khoa học, 2292-96;
- Sự tôn trọng những người chết, 2299-2301;
- Sự tôn trọng sức khỏe, 2288-91;
- Sự tôn trọng thanh danh của nhân vị, 2477, 2507;
- Sự tôn trọng tính toàn vẹn của thân thể, 2297-98.

TÔNG ĐỒ (APOSTOLUS)

- Bí tích Rửa Tội và các Tông Đồ, 1226;
- Bí tích Truyền Chức Thánh và các Tông Đồ, 1087, 1536, 1565, 1576, 1577, 1594;
- Các vị kế nhiệm các Tông Đồ, 77, 861-63, 892, 938, 1313, 1560, 1562, 2068;
- Chúa Thánh Thần và các Tông Đồ, 244, 746, 798, 1287, 1288, 1299, 1302, 1315, 1485, 1556;
- Hội Thánh và các Tông Đồ, 688, 756, 857, 865, 869, 1342, 2032;
- Lời chứng của các Tông Đồ, 664, 1518;
- Những cuộc hiện ra của Đấng phục sinh và các Tông Đồ, 641-42, 644-45, 647;
- Quyền tha tội của các Tông Đồ, 981, 983, 984, 1442, 1444, 1485, 1586;
- Sự đón nhận giáo huấn của các Tông Đồ, 87, 949, 2624;
- Sự giảng dạy của các Tông Đồ, 76;
- Sự lưu truyền đức tin và các Tông Đồ, 171, 173, 605, 815, 816, 889, 1124;
- Sự lưu truyền Lời Chúa và các Tông Đồ, 3, 81, 84, 96, 126, 571;

Sự tuyển chọn và ơn gọi của các Tông Đồ, 2, 75, 96, 858-60, 873, 935, 1086, 1120, 1122, 1575, 2600;
 Thừa tác vụ giao hoà và các Tông Đồ, 981, 1442, 1461;
 Tông Đồ Đoàn, 880;
 Việc đặt tay và các Tông Đồ, 699, 1288, 1299, 1315;
 Việc dạy giáo lý của các Tông Đồ, 1094;
 Việc thiết lập bí tích Thánh Thể và các Tông Đồ, 610-11, 1337, 1339-41;
 Ý nghĩa của danh hiệu Tông Đồ, 858.

TÔNG ĐỒ ĐOÀN (COLLEGIUM APOSTOLICUM)

Giám mục đoàn và Tông Đồ đoàn, 880;
 Giao Ước mới và Tông Đồ đoàn, 816;
 Nhiệm vụ cầm buộc và tháo cởi, 881, 1444;
 Sự tuyển chọn Tông Đồ đoàn, 1577;
 Tông Đồ đoàn của Nhóm Mười Hai và của ông Phêrô, 552.

TÔNG TRUYỀN (APOSTOLICA), x. *Hội Thánh*.

TỐT ĐẸP (BONUS), x. *Điều thiện hảo*;

Trần gian tốt đẹp và có trật tự được tạo dựng bởi Thiên Chúa, 299.

TỐT LÀNH, SỰ (BONITAS)

Chúa Thánh Thần ban sự tốt lành, 736, 1832;
 Sự tốt lành của các hành vi nhân linh, 1754-55, 1760;
 Sự tốt lành của công trình tạo dựng, 299, 302, 339, 353, 1333, 1359;
 Sự tốt lành của Đức Kitô và luật ngày sabat, 2173;
 Sự tốt lành của Hôn Nhân, 1613;
 Sự tốt lành như hoa trái của Chúa Thánh Thần, 1695;
 Sự tự do và sự trưởng thành trong sự tốt lành, 1721.

TỐT LÀNH CỦA THIÊN CHÚA, SỰ (BONITAS DEI), x. *Thiên Chúa*;

Các thụ tạo, công trình tạo dựng và sự tốt lành của Thiên Chúa, 1, 214, 284, 293, 295, 299, 308, 759, 970;
 Mạc Khải và sự tốt lành của Thiên Chúa, 51, 101;
 Sự tham dự của các thụ tạo vào sự tốt lành của Thiên Chúa, 306, 319, 1954, 1978;
 Sự tốt lành của Thiên Chúa đối với người ta, 41, 294, 396, 842, 1050, 1722, 2009, 2784;
 Sự tốt lành của Thiên Chúa trong mọi công trình của Ngài, 214, 284, 299;
 Sự tốt lành của Thiên Chúa và các hồng ân của Ngài cho Hội Thánh, 750;
 Thiên Chúa như sự khôn ngoan và sự tốt lành, 239, 308, 310, 311, 759, 1951, 2086, 2500, 2828;

Tội lỗi của con người và sự tốt lành của Thiên Chúa, 215, 397, 1869, 2091, 2094, 2119, 2307.

TRA TẤN, SỰ (CRUCIATUS), 2297-98.

TRÁCH NHIỆM (RESPONSABILITAS)

Các Giám mục và trách nhiệm tông truyền, 1594;
Lương tâm và trách nhiệm phải đảm nhận, 1781;
Sự nghèo khó và trách nhiệm luân lý của các nước giàu, 2439;
Sự tham gia vào đời sống xã hội và trách nhiệm, 1913-17;
Sự tự do và trách nhiệm, 1036, 1731-38;
Tội và trách nhiệm, 1868;
Trách nhiệm của các hành động, 1735, 1737, 1745-46, 1754;
Trách nhiệm của các tội nhân về sự chết của Chúa Giêsu, 597-98;
Trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái, 2223, 2225;
Trách nhiệm của con cái đối với cha mẹ, 2218;
Trách nhiệm của con người để quản trị trần gian, 373;
Trách nhiệm của dân Thiên Chúa, 783;
Trách nhiệm của đôi phối ngẫu trong việc lưu truyền sự sống, 2368.

TRÁI TIM (COR)

Các đam mê và cội nguồn của chúng trong trái tim, 1764;
Chúa Thánh Thần canh tân trái tim nhân loại, 715;
Chúa Thánh Thần ngự trong trái tim, 683, 689, 742, 782, 1082, 1296, 1303, 2671;
Chúa Thánh Thần như sự trợ giúp cho trái tim nhân loại, 2712, 2767;
Luật Tin Mừng và trái tim con người, 1776, 1965, 1968, 1984;
Luật tự nhiên và trái tim con người, 1955-56, 1958, 2070;
Những đặc điểm của trái tim nhân loại, 1432, 1697, 1725, 1809, 1818, 2551;
Những đòi hỏi và những hậu quả do sự thanh sạch của trái tim, 298, 1720, 1728, 1990, 2517-19, 2530-33, 2621;
Những hậu quả do sự chai đá của trái tim, 643, 1610, 1614, 1859, 2840;
Những hậu quả do sự khiêm tốn của trái tim, 544, 570;
Sự biến đổi của trái tim người cầu nguyện, 2739;
Sự cầu nguyện và trái tim, 2562, 2588, 2655, 2700, 2710, 2721, 2800;
Sự nghèo khó của trái tim như sự bắt buộc để được vào Nước [Trời], 2544-47;
Sự hướng chiều của trái tim nhân loại, 401, 582;
Sự tỉnh thức khiêm tốn của trái tim, 2729-33, 2849;
Sự tôn thờ trái tim Đức Kitô, 2669;
Thiên Chúa biết trái tim con người, 473, 1586;

Thiên Chúa cai quản các trái tim theo ý Ngài, 269;
 Thiên Chúa đụng đến và thúc đẩy trái tim nhân loại cách trực tiếp,
 1742, 2002, 2070, 2072;
 Tình yêu Thiên Chúa và trái tim con người, 733, 2658;
 Tội lỗi và trái tim con người, 1850, 1853, 1855, 1873, 1963, 2336,
 2528;
 Trái tim của Đức Kitô và Thánh Kinh, 112, 2599, 2603;
 Trái tim của Đức Kitô yêu mến mọi người và từng người, 478;
 Trái tim của Đức Kitô, Ngôi Lời nhập thể, 478, 766, 1419, 1439;
 Trái tim của Hội Thánh, 1407;
 Trái tim mở ngõ cho đức tin, 89;
 Trái tim như nơi của chân lý, của giao ước, của sự gặp gỡ, 2563,
 2710;
 Việc giáo dục lương tâm tạo nên sự bình an của trái tim, 1784,
 2302;
 Ý của Thiên Chúa và sự thuận theo của trái tim, 2611;
 Ý nghĩa của trái tim, 368, 2563, 2710;
 Yêu mến Chúa hết trái tim, 201-02, 1809, 2055, 2083.

TRÁI TIM [CỤC] THÁNH (SACRUM COR), 478.

TRẠNG SƯ (ADVOCATUS)

Đức Kitô, trạng sư của chúng ta, 519;
 Chúa Thánh Thần, vị trạng sư khác (Đấng Bào Chữa), 692, 729,
 1433, 1848.

TRẦN GIAN (MUNDUS)

Các trợ giúp cho điều thiện hảo và cho việc cứu độ trần gian, 799,
 909, 928, 1941, 2044, 2438;
 Đức Kitô Đấng cứu độ trần gian, 457-58, 608, 728, 1355;
 Hội Thánh “được sai đi” khắp trần gian, 782, 863, 2105;
 Nguồn gốc trần gian, 284-85;
 Sự cùng tận trần gian, 681, 1001, 1243;
 Sự điều tiết tình cảm đối với các cửa của trần gian này, 2545,
 2548;
 Sự quan phòng hoạt động trong trần gian, 303, 395;
 Thế giới thứ ba, 2440;
 Trần gian bày tỏ “những con đường” để nhận biết Thiên Chúa, 31-
 34;
 Trần gian được giao hoà và được quy tụ, 620, 2748;
 Trần gian mới và được canh tân, 655, 670, 916, 1042-50;
 Trần gian và công trình tạo dựng, 216, 295, 325, 327, 337-49, 760,
 x. *Công trình tạo dựng và Thiên Chúa: Đấng Tạo Hoá của vũ
 trụ và con người;*
 Trần gian và tội, 310, 402, 408, 2844, 2852-54;

Tương quan giữa con người và trần gian, 373, 377;
Tương quan giữa Thiên Chúa và trần gian, 212, 300;
Vận mệnh trần gian, 314, 769, 1001, 1046, 1680.

TRẬT TỰ (ORDO)

Trật tự của công trình tạo dựng, 299, 341, 1608;
Trật tự quốc tế, 1885;
Trật tự chính trị, 2246;
Trật tự xã hội hoặc công cộng, 1909, 1940, 2032, 2266-67, 2298, 2304, 2424.

TRÍ TUỆ/ SỰ HIỂU BIẾT/ SỰ THÔNG MINH (INTELLECTUS/ INTELLIGENTIA)

Những cách diễn đạt sự thông minh của con người, 2501;
Sự hiểu biết thiêng liêng, 1095, 1101;
Sự thông minh của con người như một hồng ân của Thiên Chúa, 283;
Trí tuệ như hồng ân của Chúa Thánh Thần, 1303, 1831.
Trí tuệ và các nhân đức nhân bản, 1804;
Trí tuệ và đức tin, 89, 143, 154, 156-59, 299;
Trí tuệ và luật tự nhiên, 1955.

TRIỆT SẢN, SỰ (STERILIZATIO), 2399.

TRỌN HẢO, SỰ (PERFECTIO)

Các nhân đức nhân bản và sự trọn hảo, 1804;
Con đường của sự trọn hảo, 2015;
Đức mến như “dây liên kết của sự trọn hảo”, 1827;
Đức Kitô như con đường của sự trọn hảo, 1953;
Người nam và người nữ phản chiếu sự trọn hảo của Thiên Chúa, 370;
Sự động viên ý chí và trái tim về sự trọn hảo luân lý, 1770, 1775;
Sự trọn hảo của các thụ tạo, 41, 330, 339;
Sự trọn hảo của công trình tạo dựng, 302, 310;
Sự trọn hảo của Đức Maria và của Hội Thánh, 829;
Sự trọn hảo đòi buộc các Kitô hữu, 825, 1709, 2013, 2028;
Sự trọn hảo được đạt tới bằng việc tìm kiếm chân lý và điều thiện hảo, 1704;
Sự trọn hảo như hoa trái của Chúa Thánh Thần, 1832;
Thiên Chúa như sự viên mãn mọi trọn hảo, 41, 213, 370.

TRONG SẠCH, SỰ (PURITAS)

Cuộc chiến đấu để sống trong sạch, 2520-27;
Dây liên kết giữa sự trong sạch của trái tim, của thân thể và của đức tin, 2518;

Những đòi hỏi và những điều kiện để sống trong sạch, 2521, 2525, 2532-33;

Sự trong sạch của trái tim như điều kiện để xem thấy Thiên Chúa, 2519, 2531;

Sự trong sạch của ý hướng và của cái nhìn, 2520;

Sự trong sạch như hồng ân của Chúa Thánh Thần, 2345.

TRỘM CẮP, VIỆC (FURTUM)

Định nghĩa việc trộm cắp, 2408;

Gốc rễ của việc trộm cắp, 2534;

Sửa chữa lại việc trộm cắp, 2412.

TRỞ LẠI, SỰ (REDITUS), x. Cuộc Ngự đến, Sự mong đợi, Sự hoàn tất.

TRỢ GIÚP (ASSISTENTIA / ASSISTERE)

Sự trợ giúp của các phó tế, 1369, 1570;

Sự trợ giúp của các Thiên thần cho con người, 332, 335;

Sự trợ giúp của Chúa cho các bệnh nhân, 1520;

Sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần, 86, 94, 688, 2182, 2422;

Sự trợ giúp thần linh cho Đức Giáo Hoàng và các Giám mục, 892;

Sự trợ giúp về sức khoẻ và xã hội, 2288;

Trợ giúp cho gia đình, 2211;

Trợ giúp cho phụng vụ, 2178, 2180.

TRỜI (CAELUM)

Vinh phúc trên trời, 1729;

Các Kitô hữu như công dân nước trời, 2796;

Đức Kitô và cuộc Thăng Thiên của Người, 659-64, 665-67;

Đức Kitô và cuộc xuống từ trời của Người, 440, 1001;

Sự hiệp thông giữa Hội Thánh thiên quốc và trần thế, 954-59, 962;

Công trình tạo dựng trời đất trong kinh Tin Kính, 198, 279, 325;

Thiên Chúa, Đấng tạo dựng trời đất, 212, 216, 269, 287, 290;

Hội Thánh và vinh quang trên trời, 269, 778, 1042, 1053;

Bí tích Thánh Thể như bánh bởi trời, 1331, 1355, 1419, 2837;

Trời mới và đất mới, 1042-50;

Kinh Lạy Cha và trời, 2794-96; 2802;

Vẻ đẹp của trời và sự nhận biết Thiên Chúa, 32;

Nước Trời và các mối phúc, 1716, 1724-25;

Nước Trời và Đức Kitô, 541, 567, 763;

Nước Trời và các chìa khoá, 553;

Nước Trời, sự độc thân và sự đồng trinh, 1579, 1618-19;

Nước Trời và thánh ý Thiên Chúa, 2826;

Nước Trời và Hội Thánh, 865;

Nước Trời và Lễ Luật, 577, 1964;

Nước Trời và cuộc Vượt Qua của Đức Kitô, 541, 567, 763;

Nước Trời và sự nghèo khó, 544, 2544, 2547, 2556;
 Nước Trời và đức cậy, 1817-18;
 Ý nghĩa của trời, 326, 1024-26, 2794-95, 2802;
 Đức cậy và vinh quang trên trời, 1821;
 Kho tàng trên trời, 2053.

TRUNG TÍN, SỰ (FIDELITAS)

“Amen” như sự diễn tả của sự trung tín, 1062;
 Sự trung tín của Hội Thánh, 1117, 1342;
 Sự trung tín của những người đã được Rửa Tội, 2044;
 Sự trung tín của Thiên Chúa, 207, 212, 214, 489, 1062-63, 1334, 2577;
 Sự trung tín với Đức Kitô trong việc tham dự bí tích Thánh Thể, 2182;
 Sự trung tín với Lời Chúa, 81, 86, 2466;
 Sự trung tín với Thiên Chúa, 1502, 2101, 2787.

TRUYỀN GIÁO (MISSIONALIS seu MISSIONARIUS)

Các nguồn mạch của nhiệt tình truyền giáo, 828, 851;
 Mệnh lệnh truyền giáo, 849-50;
 Nỗ lực truyền giáo, 854.

TRUYỀN THÔNG, SỰ (COMMUNICATIO)

Sự truyền thông sự tốt lành của Thiên Chúa, 294, 947;
 Sự truyền thông các lợi ích thiêng liêng, 955;
 Sự truyền thông giữa Hội Thánh công giáo và các Giáo Hội Đông phương, 1399;
 Sự truyền thông qua các bí tích mẫu nhiệm của Đức Kitô, 947, 1076, 1092;
 Sự truyền thông ơn cứu độ, 1088;
 Các phương tiện truyền thông xã hội, 906, 2492-96, x. *Các phương tiện đại chúng*;
 Hoà bình và sự truyền thông giữa người ta, 2304;
 Chân lý và sự truyền thông, 1886, 2488-89, 2495, 2512.

TRUYỀN THỐNG (TRADITIO), 81;

Cùng một sức mạnh của Thánh Truyền, 174;
 Kho tàng đức tin được chứa đựng trong Thánh Truyền và Thánh Kinh, 84, 97;
 Phụng vụ như một yếu tố cấu thành của Thánh Truyền, 1124;
 Thánh Truyền và Thánh Kinh, 80-83, 95, 97, 113, 120;
 Truyền thống đức tin và việc cầu nguyện, 2615, x. *Việc cầu nguyện*;
 Truyền thống tông đồ, 75-79;
 Truyền thống truyền khẩu trong việc soạn thảo các sách Tin Mừng, 126.

TRỪ TÀ, VIỆC (EXORCISMUS)

Việc trừ tà trong cuộc cử hành bí tích Rửa Tội, 1237;

Ý nghĩa các việc trừ tà của Chúa Giêsu, 517, 550;

Ý nghĩa và các mục đích của việc trừ tà và các cách thực hiện việc đó, 1673.

TRƯỜNG HỌC (SCHOLA)

Quyền được chọn lựa trường học cho con cái, 2229.

TRƯỞNG THÀNH, SỰ (MATURITAS) của Kitô hữu về đức tin, 1248, 1308.

TU SĨ (RELIGIOSUS/A), *x. Đời sống thánh hiến và tu dòng*;

Bậc sống tu dòng, 916, 925-27;

Các gia đình dòng tu, 917-18, 927;

Lời chứng của các tu sĩ, 933.

TUNG HÔ, SỰ (ACCLAMATIO) Chúa Giêsu khi Người tiến vào Giêrusalem, 559.

TÚNG THIẾU, SỰ (INOPIA) và việc trợ giúp những người túng thiếu, 1351, 2218, 2315, 2833, *x. Nhu cầu*.

TUỔI (AETAS)

Tuổi để cử hành bí tích Thêm Sức, 1318-19;

Tuổi khôn để xưng tội, 1457;

Tuổi trưởng thành về đức tin được phân biệt với tuổi tăng trưởng tự nhiên, 1307-08.

TUỔI GIÀ (SENECTUS), *x. Những người già*.

TUỔI TRẺ (ADULESCENTIA)

Tuổi trẻ và nạn mạng dâm, 2355;

Tuổi trẻ và những sự lạm dụng tình dục, 2389;

Tuổi trẻ và sự nết na, 2524;

Tuổi trẻ và sự tự chủ, 2342;

Tuổi trẻ và việc dạy giáo lý, 5, 24.

TUYỆT THÔNG, SỰ (EXCOMMUNICATIO)

Sự tuyệt thông như hình phạt ngăn cản việc lãnh nhận các bí tích, 1463.

TUYỆT VỌNG, SỰ (DESPERATIO)

Những lý do khiến mất đức cậy, 844, 1501;

Những hậu quả do sự tuyệt vọng, 2091.

TƯ HỮU, SỰ (PROPRIETAS PRIVATA)

Sự chung hưởng (*destinatio universalis*) và sự tư hữu của cải, 2402-06, 2452;

Quyền tư hữu, 2211, 2401, 2403, 2406, 2411;

Tôn trọng sự tư hữu, 2409.

TƯ TẾ / CHỨC TƯ TẾ (SACERDOS / SACERDOTIUM),

x. *Bí tích Truyền Chức Thánh và Linh mục*;

Chức tư tế cộng đồng của những người đã chịu Phép Rửa, 1141, 1143, 1268, 1273, 1546-47;

Chức tư tế của Đức Kitô, 1544-47, 1551, 1554, x. *Đức Kitô*;

Chức tư tế của Giao Ước cũ, 1539-41, 1591;

Chức tư tế duy nhất của Đức Kitô, 1544-45.

Chức tư tế thừa tác hoặc phẩm trật của các Giám mục và linh mục, 1547;

Chức tư tế tối cao như sự viên mãn của bí tích Truyền Chức Thánh, 1557;

Đức Kitô Tư Tế, x. *Đức Kitô*;

Hội Thánh như dân tư tế, 784, 941, 1591, 1119;

Hội Thánh như nước các tư tế, 1546;

Những thừa tác vụ đặc biệt, 1143;

Sự tham dự vào chức tư tế của Đức Kitô, 1546;

Ý nghĩa của từ tư tế, 1554.

Căn tính của thừa tác vụ tư tế

“Nhân danh toàn thể Hội Thánh”, 1552-53;

Thừa tác vụ tư tế được liên kết với chức tư tế của Đức Kitô, 1544-45;

Tư tế hành động trong cương vị Đức Kitô (in persona Christi), 1548;

Tư tế như phương tiện để xây dựng Hội Thánh, 1547;

Chức tư tế thừa tác để phục vụ chức tư tế cộng đồng, 1120, 1547, 1592;

Chức tư tế thừa tác được thiết lập vì người ta và vì cộng đồng Hội Thánh, 1551;

Tư tế thật của Tân Ước, 1564;

Dây liên kết tư tế với Đức Kitô và với các Tông Đồ, 1120.

Thừa tác vụ tư tế

Các chiều kích phổ quát của sứ vụ của tư tế, 1565;

Chấp nhận sự ưng thuận kết hôn trong bí tích Hôn Phối, 1630;

Nhiệm vụ của tư tế trong các Giờ kinh phụng vụ, 1175;

Phạm vi thực thi thừa tác vụ, 877, 1564;

Sự cộng tác của các giáo dân trong việc thực thi thừa tác vụ tư tế, 900;

Sự yếu đuối con người của tư tế, 1550;

Tư tế chủ sự bí tích Thánh Thể và thánh hiến bánh và rượu, 1142, 1411;

Tư tế làm cho vị Giám mục hiện diện trong các cộng đoàn địa phương, 1567;
 Tư tế như cộng sự viên của Giám mục, 1562;
 Tư tế như thừa tác viên của bí tích Rửa Tội, 1256;
 Tư tế như thừa tác viên của bí tích Thống Hối, 983, 1461-67, 1495;
 Tư tế như thừa tác viên của bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân, 1516, 1530.

Linh mục đoàn, x. *Linh mục*;

Linh mục đoàn duy nhất cùng với Giám mục và sự vâng phục của các linh mục đối với Giám mục, 1567;
 Linh mục đoàn phục tùng nhiệm vụ của Giám mục, 1562;
 Phẩm tính tập đoàn trong tương quan của linh mục đoàn với Giám mục, 877;
 Sự duy nhất của linh mục đoàn, 1568.

TƯ TƯỞNG (CÁC) (COGITATIONES)

Các tư tưởng của người lân cận được giải thích cách ngay thẳng, 2478;
 Sự ngay thẳng trong các tư tưởng của người công chính, 1807;
 Tư tưởng trong sạch và không trong sạch, 2520.

TỪ BỎ, SỰ (RENUNTIATIO) tiền của, 2544, 2556.

TỰ CHỦ, SỰ (DOMINIUM SUI) như công việc phải bền bỉ lâu dài, 2342.

TỰ DO, SỰ (LIBERTAS)

Chân lý như hồng ân của sự tự do, 1741;
 Định nghĩa sự tự do, 1731;
 Những điều kiện để đạt tới sự tự do, 2223, 2236, 2402;
 Những nguy cơ đe dọa sự tự do, 1740, 1883;
 Quyền lực trần thế và sự tự do cá vị, 450;
 Sự giáo dục lương tâm bảo đảm cho sự tự do, 1784;
 Sự giáo dục về sự tự do, 2207, 2223, 2228, 2526;
 Sự tự do chính trị, 2245;
 Sự tự do của con người, 33, 387, 1700, 1730-48;
 Sự tự do của gia đình, 2211;
 Sự tự do nhân linh để hành động, 1738, 1782, 2008;
 Sự tự do thông tin và truyền thông, 2304, 2498;
 Sự tự do tiến tới Hôn nhân, 1625;
 Sự tự do tôn giáo, 1907, 2107-09, 2211;
 Việc thực hành đời sống luân lý đem lại sự tự do, 1828;
 Ý nghĩa sự tự do của con người, 1705.

Sự tự do và trách nhiệm, 1731-38;

Những hậu quả do việc sử dụng sự tự do, 1733-34;

Quyền thực thi sự tự do, 1738, 1907, 2254;
 Sự tự do và khả năng chọn lựa giữa điều thiện hảo và sự dữ, 1732;
 Việc xâm phạm sự tự do cá vị, 2356, 2492;
 Ý chí và sự tự do, 1734-35.

SỰ TỰ DO TRONG NHIỆM VỤ CỨU ĐỘ

Ân sủng không đối nghịch với sự tự do của con người, 1742, 1993, 2008;
 Các giới hạn của sự tự do, 396, 450;
 Sự tự do của Chúa Giêsu trong việc vâng phục Chúa Cha, 609-10, 1009, 2749;
 Sự tự do của đức tin, 154, 160, 180;
 Sự tự do của Đức Trinh Nữ Maria, 488, 511;
 Sự tự do được Đức Kitô ban cho chúng ta, 908, 1741;
 Sự tự do và nguyên tội, 397, 407, 415, 1707, 1714, 1739;
 Sự tự do và tội lỗi, 387, 601, 654, 1739, 1741, 1853, 1859;
 Thiên Chúa tạo dựng “từ hư vô” một cách tự do, 296;
 Thiên Chúa tôn trọng sự tự do của con người, 311, 1884.

TỰ LẬP, SỰ (AUTONOMIA)

Sự tự lập của con cái, 2232;
 Lương tâm và sự tự lập hiểu theo nghĩa xấu của lương tâm, 1792.

TỰ PHỤ, SỰ (PRAESUMPTIO)

Sự tự phụ như tội chống lại đức cậy, 2091-92.

TỰ SÁT, SỰ (SUICIDIUM), 2280-83, 2325.

TỰ VỆ HỢP PHÁP, SỰ (DEFENSIO LEGITIMA), 2263-67;

Những hậu quả của sự tự vệ hợp pháp, 2263;
 Những lý lẽ của sự tự vệ hợp pháp, 2264, 2309;
 Những mục đích của sự tự vệ hợp pháp, 2266;
 Quyền tự vệ hợp pháp, 1909, 2308;
 Sự tự vệ hợp pháp như một bổn phận quan trọng của người có trách nhiệm về sự sống của người khác, 2265.

TƯƠNG HỢP, SỰ (ANALOGIA)

Sự tương hợp của mạc khải trong Thánh Kinh, 128-30, x. *Sự tiên trưng*;
 “Sự tương hợp của đức tin”, 114;
 Đấng Tạo Hoá, và sự tương hợp với các thụ tạo của Ngài, 41, 2500;
 Đời sống thiêng liêng và sự tương hợp của nó với đời sống tự nhiên, 1210-12.

TƯƠNG LAI (FUTURUM)

Sự hiểu biết tương lai, 2115;
 Tương lai của nhân loại, 1917.

TƯỜNG NIỆM, CUỘC (MEMORIALE)

- Bí tích Thánh Thể như cuộc tưởng niệm sự chết và sự sống lại của Chúa Giêsu, 611, 1167, 1130, 1358, 1362-72, 1382;
 Chúa Giêsu thiết lập cuộc tưởng niệm lễ tế tự nguyện của Người, 610, 1323, 1337;
 Cuộc tưởng niệm các biến cố cứu độ của Giao Ước cũ, 1093, 2170;
 Phụng vụ như cuộc tưởng niệm mầu nhiệm cứu độ, 1099.

TƯỜNG TƯỢNG, TRÍ (IMAGINATIO)

- Sự rèn luyện trí tưởng tượng, 2520;
 Sự vận dụng trí tưởng tượng, 2708.

TƯỢNG THAI, SỰ (CONCEPTIO)

- Sự tượng thai của Đức Kitô, 466, 496, 498, 505;
 Sự tượng thai và quyền được sống, 2322;
 Sự tượng thai và việc tôn trọng sự sống con người, 2270, 2273-74, 2323, 2378;
 Sự tượng thai Vô nhiễm, 490-93.

Ư**ƯỚC MUỐN, SỰ (DESIDERIUM), x. *Dục vọng, Sự ham muốn*;**

- Con người và sự ước muốn Thiên Chúa của họ, 2548-50, 2557, 2566, 2589, 2709, 2784;
 Cuộc chiến đấu chống lại những ước muốn hỗn loạn, 2520;
 Đức tiết độ và việc điều tiết sự ước muốn, 1809;
 Sự ganh tị như sự ước muốn của cải của người khác, 2539, 2553;
 Sự giận dữ như sự ước muốn trả thù, 2302;
 Sự ước muốn cầu nguyện, 2601;
 Sự ước muốn Chúa Giêsu, 607, 1130;
 Sự ước muốn Chúa Thánh Thần, 2541-43, 2737, 2764;
 Sự ước muốn cuộc trở lại của Đức Kitô, 524;
 Sự ước muốn điều thiện hảo, 1707, 1765;
 Sự ước muốn hạnh phúc, 1718-19, 1725, 2548;
 Sự ước muốn hối cải, 1431;
 Sự ước muốn loan báo Đức Kitô, 425, 429;
 Sự ước muốn như một đam mê, 1772;
 Sự ước muốn Nước Thiên Chúa, 2632, 2818;
 Sự ước muốn Thiên Chúa, 27-30, 2736;
 Sự ước muốn tiền bạc, 2424;
 Việc kết án sự ước muốn hỗn loạn, 1871, 2336, 2380, 2480, 2535-40.

V

VĂN HOÁ (CÁC) (CULTURA/AE)

- Việc dạy giáo lý và sự khác biệt của các văn hoá, 24, 854;
Các cử hành phụng vụ và văn hoá, 1145, 1149, 1204, 1207, 1668, 1686;
Truyền thông xã hội và văn hoá, 2493;
Văn hoá như công ích, 1908;
Tin Mừng và văn hoá, 2527;
Lao động, nghỉ ngơi và văn hoá, 2184;
Luật tự nhiên và văn hoá, 1957;
Sự tự do và văn hoá, 1740;
Hôn nhân và văn hoá, 1606;
Sự tôn trọng căn tính của các văn hoá, 2441;
Sự tiến bộ của văn hoá và sự tăng trưởng của Nước [Thiên Chúa], 2820;
“Sự xã hội hoá” và văn hoá, 1882;
Tình liên đới và văn hoá, 361;
Sự duy nhất của Hội Thánh và sự khác biệt của các văn hoá, 814;
Đời sống luân lý và văn hoá, 909, 2524;
Đời sống công cộng, sự tham gia và văn hoá, 1915, 1917.

VẬN MỆNH (DESTINATIO)

- Các thể chế và vận mệnh của con người, 2244, 2257;
Vận mệnh của con người, 30, 311, 1008, 1031, 1036, 1703, 1995, 2371;
Vận mệnh của trần gian, của công trình tạo dựng, 295, 302, 1046-47.

VÂNG PHỤC, SỰ (OBOEDIENTIA)

- Bổn phận vâng phục, 1900;
Sự vâng phục các luật thiết định, 2240;
Sự vâng phục của các linh mục, 1567;
Sự vâng phục của Đức Kitô, 411, 475, 532, 539, 612, 615, 908, 1009;
Sự vâng phục của đức tin, 143, 144-149, 1831, 2807, 2098, 2135, 2340, 2716, 2825;
Sự vâng phục của Đức Trinh Nữ Maria, 148, 494, 511;
Sự vâng phục lương tâm, 1790;
Sự vâng phục như một lời khuyên Phúc Âm, 915, 2053;
Sự vâng phục như sự tôn trọng với tình con thảo, 2216-17, 2251;
Sự vâng phục ơn gọi của những người đã được rửa tội, 1269;
Sự vâng phục và sự tự do, 1733;
Sự vâng phục và tội lỗi, 1850, 1862, 2515.

VẼ ĐẸP (PULCHRITUDO), 2500;

- Nghệ thuật và vẽ đẹp, 2501-03, 2513;
- Sự chiêm ngắm vẽ đẹp của Thiên Chúa, 319, 2784;
- Sự trợn mắt của Thiên Chúa và vẽ đẹp của các thụ tạo, 41, 341;
- Thân xác con người như sự biểu lộ vẽ đẹp thần linh, 2519;
- Thiên Chúa như tác giả của vẽ đẹp, 2129, 2500;
- Vẽ đẹp của các ảnh thánh được in vào đời sống các tín hữu, 1162.
- Vẽ đẹp của trần gian như con đường để đạt tới Thiên Chúa, 32, 33;
- Việc cầu nguyện như tình yêu vẽ đẹp của Thiên Chúa, 2727;
- Việc cầu nguyện và vẽ đẹp diễn cảm của việc đó, 1157, 1191.

VI PHẠM, SỰ (TRANSGRESSIO)

- Tội như sự vi phạm, 1849;
- Sự vi phạm các điều răn, 2069;

VIỆC DÂNG (PRAESENTATIO) Chúa Giêsu vào Đền Thờ, 529;**VIỆC ĐIỀU HOÀ (REGULATIO) sinh sản, 2368, 2370, 2372, 2399.****VIỆC LY THÂN CỦA ĐÔI PHỐI NGÃU**

(SEPARATIO CONIUGUM), 2383, x. *Sự ly dị.*

VIỆC TÔNG ĐỒ (APOSTOLATUS)

- Việc tông đồ của các giáo dân, 900, 905, 940;
- Việc tông đồ của Hội Thánh, 863-64;
- Việc tông đồ và bí tích Thánh Thể, 864, 1324.

VIÊN MÃN/ SUNG MÃN, SỰ (PLENITUDO)

- Các lời khuyên Phúc Âm như sự viên mãn của đức mến, 1974;
- Đức mến như sự viên mãn của Lễ Luật, 2055;
- Đức Kitô như sự viên mãn của luật luân lý, 1953;
- Đức Kitô như vị trung gian và sự viên mãn của toàn thể mạc khải, 65-67;
- Khi thời gian viên mãn, 422, 484, 717-30, 744, 2598-2619;
- Sự sung mãn các phương tiện cứu độ, 824;
- Sự viên mãn của đời sống Kitô hữu, 5, 2013;
- Sự viên mãn của Đức Kitô, 423, 515;
- Sự viên mãn của Nước Thiên Chúa, 1042;
- Việc cầu nguyện khi thời gian viên mãn, 2598-2619.

VINH PHÚC (BEATITUDO)

- Các hiệu quả của vinh phúc, 1721;
- Đạt tới vinh phúc thần linh nhờ bí tích Rửa Tội, 1257;
- Đức cậy và vinh phúc vĩnh cửu, 1818;
- Nhân vị được định hướng tới vinh phúc vĩnh cửu, 1700, 1703, 1711, 1769, 1818, 1934, 2548;
- Ởn gọi của con người tới vinh phúc, 1700, 1934;

Thiên Chúa như vinh phúc của chúng ta, 257, 1731, 1855;
Tội lỗi làm con người quay đi khỏi Thiên Chúa và khỏi vinh phúc của Ngài, 1855, 1863, 1874, 1949;
Ước muốn hạnh phúc và vinh phúc, 1718, 2548;
Vinh phúc, hồng ân nhưng không của Thiên Chúa, 1720-22, 1727.

VINH QUANG (GLORIA)

Các Thiên thần tôn vinh Thiên Chúa, 350;
Các Tông Đồ và vinh quang của Thiên Chúa, 241;
Con người cần vinh quang của Thiên Chúa, 705;
Hội Thánh tôn vinh Thiên Chúa, 434, 824, 1204, 2639;
Ông Môisen và vinh quang của Thiên Chúa, 210;
Sự hoàn tất của vinh quang của Hội Thánh trên trời, 769, 1042, 1821, 2550;
Sự tôn vinh Đức Kitô, 124, 312, 429, 663, 1335;
Thiên Chúa mạc khải vinh quang của Ngài, 2059;
Thiên nhiên và nghệ thuật tôn vinh Thiên Chúa, 1162, 2416, 2502;
Trần gian được tạo dựng cho vinh quang của Thiên Chúa, 293-94;
Vinh quang của Thiên Chúa và của sự sống vinh phúc của Ngài, 257;
Vinh quang nhân loại không tạo nên hạnh phúc thật, 1723.

VINH TỤNG CA (DOXOLOGIA)

Vinh tụng ca cuối cùng, 2855-56;
Vinh tụng ca như việc tạ ơn và ca ngợi, 1003;
Nguồn gốc của vinh tụng ca, 2641.

VĨNH CỬU, SỰ (AETERNITAS), 33, 488, 679.

VÔ NHIỄM (IMMACULATA)

Ngày lễ [Đức Maria] Vô nhiễm nguyên tội, 2177;
Vô nhiễm nguyên tội, 490-93.

VÔ ƠN, SỰ (INGRATITUDO) đối với Thiên Chúa, 2094.

VÔ SINH, SỰ (STERILITAS), 2375, 2379.

VÔ TÍN, SỰ (INCREDULITAS)

Định nghĩa và ý nghĩa sự vô tín, 2089;
Sự vô tín như một tội, 678, 1851.

VÔ TÔN GIÁO, SỰ (IRRELIGIO)

Kết án sự vô tôn giáo, 2110, 2118;
Các tội của sự vô tôn giáo, 2119-20, 2139;

VU KHỔNG, SỰ (CALUMNIA), 2477, 2479, 2507;

VŨ KHÍ (ARMA)

Các điều kiện để sử dụng vũ khí, 2243, 2309;

Sự chạy đua vũ trang, 2315, 2329, 2438;
 Sự sử dụng vũ khí cách bừa bãi, 2314;
 Sự tích lũy các vũ khí, 2315;
 Sự từ chối sử dụng vũ khí, 2311;
 Việc sản xuất và buôn bán vũ khí, 2316;
 Vũ khí đe dọa hoà bình, 2317.

VŨ TRỤ (UNIVERSUM), x. *Trần gian*;

Thiên Chúa như nguồn gốc và cùng đích của vũ trụ, 32, 269, 279, 317, 325;
 Vẻ đẹp của vũ trụ phản ánh vẻ đẹp vô tận của Đấng Tạo Hoá, 341, 1147;
 Vũ trụ lúc cùng tận thời gian, 1047, 1060.

VUI HƯỞNG, SỰ (FRUITIO)

Sự vui hưởng của cải trần thế, 1716, 1740;
 Sự vui hưởng sự sống của Chúa Ba Ngôi, 1721-22;
 Sự vui hưởng vô trật tự, 2351-53.

VƯƠNG QUYỀN (REGALITAS) (dân tộc vương đế), 786, 2105.

VƯỢT QUA (PASCHA)

Bí tích Thánh Thể như sự tưởng niệm cuộc Vượt Qua của Đức Kitô, 1340, 1362-66;
 Biến cố Vượt Qua, 640;
 Các danh hiệu của lễ Vượt Qua, 1169;
 Các hiệu quả do cuộc Vượt Qua của Đức Kitô, 1225, 1449;
 Cuộc Vượt Qua cuối cùng của Hội Thánh, 677;
 Cuộc Vượt Qua cuối cùng của Kitô hữu, 1680-83;
 Ngày cử hành lễ Vượt Qua, 1170;
 Sự hoàn tất cuộc Vượt Qua, 1096, 1164;
 Sự hoàn thành cuộc Vượt Qua của Đức Kitô, 731;
 Sự hoàn thành cuộc Vượt Qua của Nước Thiên Chúa, 1403;
 Sự kết hợp các Kitô hữu trong cuộc Vượt Qua của Đức Kitô, 793;
 Việc cử hành lễ Vượt Qua của các Kitô hữu và của người Do thái, 1096;
 Ý nghĩa lễ Vượt Qua của Do thái giáo, 1363.

X

XÁ GIẢI, SỰ (ABSOLUTIO), x. *Thống Hối và Giao Hoà*.

XÁ TỘI, SỰ (EXPIATIO)

Chúa Giêsu như lễ vật xá tội cho loài người, 457, 604, 615-16, 1476, 1992;

Giá trị xá tội của hình phạt, 2266;

Sự xá tội trong Israel, 433, 578.

XÃ HỘI (SOCIETAS), x. Đời sống xã hội;

Bậc thang đúng đắn của các giá trị trong xã hội, 1886-87, 1895;

Các phương tiện truyền thông và xã hội, 2493-99;

Các tương quan giữa xã hội và Nhà nước, 1883, 1885;

Cái nhìn về con người trong xã hội, 2244, 2257;

Cộng đồng chính trị và Hội Thánh, 2244-46, 2257;

Công ích và xã hội, 1905-12, 1924, 1927;

Giáo huấn xã hội của Hội Thánh, 2198, 2419-25;

Điều Răn thứ tư làm sáng tỏ các tương quan trong xã hội, 2212;

Định nghĩa ý niệm xã hội, 1880;

Đời sống xã hội phải được tổ chức, 2442;

Đức mến xét như điều răn mang tính xã hội cao nhất, 1889, 1939;

Gia đình như tế bào gốc của đời sống xã hội, 2207;

Hội Thánh như men của xã hội, 854;

Ly dị như một tai ương xã hội, 2385;

Mười Điều Răn thống nhất đời sống xã hội và đời sống đối thần, 2069;

“Nhà nước pháp quyền”, 1904;

Nhân vị như nguyên lý, chủ thể và mục đích của xã hội, 1881, 1892, 1929, 2459;

Nhân vị và xã hội lệ thuộc nhau, 2344;

Những điều kiện để phát triển xã hội, 2441;

Những sự cải tổ xã hội và việc hối cải nội tâm, 1888;

Nói dối là tai họa cho mọi xã hội, 2486;

Quyền thông tin thật trong xã hội, 2494, 2512;

Sự an sinh xã hội, 1603, 2250;

Sự bảo vệ xã hội cách hợp pháp, 2266;

Sự cần thiết của đời sống xã hội, 1879, 1886, 1891;

Sự công bằng xã hội và công ích, 1928, 1943;

Sự phát triển của xã hội và sự tăng trưởng của Nước Thiên Chúa, 2820;

Sự tham dự vào đời sống xã hội, 1882, 1893;

Sự thanh sạch Kitô giáo và bầu khí xã hội, 2525;

“Tội xã hội”, 1896;

Trật tự xã hội, 2032;

Vấn đề xã hội, 1896, 2438, 2459.

Các quyền bính, 1897-1904, 1918-23;

Những hình thức khác biệt và tự do của các chính thể, 1884, 1901;

Nghĩa vụ phải bênh vực và bảo vệ sự tự do thông tin, 2498;

Sự cần thiết và nhiệm vụ của quyền bính trong xã hội, 1897-98;

Sự vâng phục và tôn trọng quyền bính, 1899, 2234;
 Thiên Chúa trao cho mỗi thụ tạo những nhiệm vụ mà nó có khả năng thực thi, 1884;
 Việc thực thi quyền bính cách hợp pháp, 1921.

Các bốn phận của công dân, 2238-43, 2255-56;

Chống lại sự áp bức của quyền lực chính trị, 2243;
 Cộng tác với các thẩm quyền dân sự vì lợi ích xã hội, 2239;
 Dành sự tôn trọng phải có cho quyền bính, 1900;
 Đón nhận người nước ngoài, 2241;
 Đóng thuế, thực thi quyền bầu cử, bảo vệ tổ quốc, 2240;
 Khước từ vâng phục các chỉ thị của quyền bính khi chúng chống lại lương tâm, 2242;
 Tích cực tham gia vào đời sống công cộng, 1915;
 Truyền thông những thông tin thật, 2495;
 Xây dựng xã hội, 2255.

Các bốn phận của xã hội

Bốn phận của tôn giáo và quyền tự do tôn giáo, 2104-05;
 Chăm sóc sức khỏe của các công dân, 2288;
 Cho phép mỗi người thực hiện ơn gọi, 1907;
 Quyền tôn trọng sự sống, 2273;
 Trợ giúp các gia đình gặp khó khăn, 2208-10;
 Trợ giúp để có công ăn việc làm, 2433.

XÃ HỘI HOÁ, VIỆC (SOCIALIZATIO), 1882-83.

XÉT MÌNH, SỰ (EXAMEN CONSCIENTIAE), x. Bí tích Thống Hối và Giao Hoà;

Sự xét mình để lãnh nhận các bí tích, 1385, 1454, 1456, 1482, 1779;
 Sự xét mình như con đường đưa đến sự hối cải, 1427-29, 1435.

XIN CHÚA THƯƠNG XÓT CHÚNG CON (KYRIE ELEISON), 2613.

XUẤT HÀNH, CUỘC (EXODUS)

Giá trị của cuộc Xuất Hành không bao giờ bị mất đi, 130;
 Mười Điều Răn trong bối cảnh của cuộc Xuất Hành, 2057;
 Phụng vụ và sự nhớ đến cuộc Xuất Hành, 1093, 1363;
 Ý nghĩa của bánh trong bối cảnh của cuộc Xuất Hành, 1334.

XUNG ĐỘT (CÁC) (CONFLICTIO/NES)

Các xung đột trong hôn nhân, 1606;
 Các xung đột vũ trang và luật luân lý, 2312, 2328;
 Các xung đột vũ trang và việc tích lũy vũ khí, 2315-16;
 Các xung đột xã hội và hoạt động kinh tế, 1940, 2424, 2430;
 Xung đột giữa điều thiện hảo và sự dữ, 285;
 Xung đột giữa Luật thần linh và luật của tội lỗi, 2542.

XỨC DẦU, SỰ (UNCTIO)

- Biểu tượng của sự xúc dầu, 695;
- Các hiệu quả của việc xúc dầu bằng Chúa Thánh Thần cho các Kitô hữu, 91, 698, 786, 2769;
- Đức Kitô được xúc dầu bằng Chúa Thánh Thần, 438, 690;
- Sự xúc dầu trong bí tích Rửa Tội, 1241, 1291;
- Sự xúc dầu trong bí tích Thêm Sức, 1242, 1289, 1291, 1295, 1300;
- Sự xúc dầu trong bí tích Truyền Chức Thánh, 1574;
- Ý nghĩa của sự xúc dầu, 1293-94.

XUNG TỘI, SỰ (CONFESSIO), *x. Bí tích Thống Hối và Giao Hoà.*

Y

Y PHỤC (VESTIS)

- Bí tích Rửa Tội như y phục của sự bất tử, 1216, 1243;
- Y phục và sự nét na, 2522;

Ý CHÍ CỦA CON NGƯỜI (VOLUNTAS HOMINIS)

- Các đam mê và ý chí, 1767-68;
- Nhân đức và ý chí, 1834;
- Tính luân lý của các hành vi nhân linh và ý chí, 1755;
- Tội và ý chí tự do, 1853;
- Việc làm chủ của con người đối với ý chí riêng, 1734, 1809.

Ý ĐỊNH (PROPOSITUM)

- Ý định không phạm tội nữa như một hành vi của hối nhân, 1451, 1490;
- Ý định làm việc đền tội và các việc đền bù, 1491.

Ý HƯỚNG (INTENTIO)

- Định nghĩa ý hướng, 1752;
- Mục đích không biện minh cho các phương tiện, 1753, 1759, 2399;
- Nhiều ý hướng gợi hứng cho cùng một hành động, 1752;
- Những ý hướng đáng lên án, 2117, 2282;
- Nói dối và ý hướng lừa đảo, 2152;
- Sự trong sạch của ý hướng, 2520;
- Tính luân lý của các hành động phải được phán đoán cách độc lập với ý hướng, 1756;
- Ý hướng của trái tim và các ước muốn, 582, 2534;
- Ý hướng như yếu tố căn bản trong việc thẩm định một hành động về mặt luân lý, 1750-51;
- Ý hướng xấu làm cho hành vi tự nó là tốt trở nên xấu, 1753.

Ý KIẾN (SENTENTIA)

Ý kiến tự do của các công dân, 1901.

Ý THIÊN CHÚA (VOLUNTAS DEI), 51, 294-95, 541, 2059, 2822,

x. Thiên Chúa: Đức Kitô.

Ý THỨC HỆ (IDEOLOGIA) của Hội Thánh và sự phi bác các ý thức hệ chuyên chế và vô thần, 2425.**YẾU ĐUỐI, SỰ (INFIRMITAS)**

Chúa Thánh Thần như sự trợ giúp cho sự yếu đuối nhân loại, 741, 2630;

Mâu nhiệm về sự bề ngoài có vẻ bất lực của Thiên Chúa, 272;

Những sự yếu đuối nhân loại và Chúa Giêsu, 517, 540, 1505, 2602;

Sự chuyển cầu của các Thánh như việc trợ giúp cho sự yếu đuối nhân loại, 956, 1053;

Sự yếu đuối nhân loại cả nơi các thừa tác viên có chức thánh, 1550;

Sự yếu đuối nhân loại và các bí tích khai tâm Kitô giáo, 978, 1264, 1426;

Sự yếu đuối nhân loại và sự biểu lộ quyền năng thần linh, 268, 1508.

YHWH

Danh Thiên Chúa được mạc khải, 206, 210-13, 466;

Danh của Chúa Giêsu, 211, 446-447, 2666.

MỤC LỤC TỔNG QUÁT

KÝ HIỆU CÁC SÁCH THÁNH KINH	7
CÁC CHỮ VIẾT TẮT KHÁC	9
TÔNG HIẾN KHO TÀNG ĐỨC TIN	
CÔNG BỐ SÁCH GIÁO LÝ CỦA HỘI THÁNH CÔNG GIÁO	11
LỜI MỞ ĐẦU	17
I. Sự sống của con người – Nhận biết Thiên Chúa và yêu mến Ngài	17
II. Sự lưu truyền đức tin – Việc dạy giáo lý	18
III. Sách Giáo Lý này được soạn với mục đích gì? Cho ai?	20
IV. Bố cục của Sách Giáo Lý	20
V. Những chỉ dẫn thực hành cho việc sử dụng Sách Giáo Lý	21
VI. Những thích nghi cần thiết	22
Trên hết mọi sự là đức mến	23
PHẦN THỨ NHẤT: TUYÊN XUNG ĐỨC TIN	25
ĐOẠN THỨ NHẤT: “TÔI TIN” – “CHÚNG TÔI TIN”	27
CHƯƠNG I: CON NGƯỜI “CÓ KHẢ NĂNG” ĐÓN NHẬN THIÊN CHÚA	28
I. Con người khao khát Thiên Chúa	28
II. Những con đường giúp con người nhận biết Thiên Chúa	29
III. Việc nhận biết Thiên Chúa theo quan niệm của Hội Thánh	31
IV. Phải nói về Thiên Chúa thế nào? Tóm lược	32 33
CHƯƠNG II: THIÊN CHÚA ĐẾN GẶP CON NGƯỜI	35
Mục 1: Mạc Khải của Thiên Chúa	35
I. Thiên Chúa mạc khải “kế hoạch yêu thương” của Ngài	35
II. Các giai đoạn mạc khải	36
III. Chúa Giêsu Kitô – “Đấng Trung Gian và là sự viên mãn của toàn thể mạc khải”	39
Tóm lược	40
Mục 2: Sự lưu truyền Mạc Khải của Thiên Chúa	41
I. Truyền thống các Tông Đồ	41
II. Tương quan giữa Thánh Truyền và Thánh Kinh	43

III. Giải nghĩa kho tàng đức tin	44
Tóm lược	46
Mục 3: Thánh Kinh	47
I. Đức Kitô – Lời duy nhất của Thánh Kinh	47
II. Linh hứng và chân lý Thánh Kinh	48
III. Chúa Thánh Thần, Đấng giải thích Thánh Kinh	49
IV. Thư quy các Sách Thánh	52
V. Thánh Kinh trong đời sống Hội Thánh	55
Tóm lược	55
CHƯƠNG III: CON NGƯỜI ĐÁP LỜI THIÊN CHÚA	57
Mục 1: Tôi tin	57
I. Sự vâng phục của đức tin	57
II. “Tôi biết tôi đã tin vào ai” (2 Tim 1,12)	59
III. Những đặc tính của đức tin	60
Mục 2: Chúng tôi tin	64
I. “Lạy Chúa, xin nhìn đến đức tin của Hội Thánh Chúa”	65
II. Ngôn ngữ đức tin	66
III. Một đức tin duy nhất	66
Tóm lược	67
Tín biểu	68
ĐOẠN THỨ HAI: TUYÊN XỨNG ĐỨC TIN KITÔ GIÁO	70
Các tín biểu	70
CHƯƠNG I: “TÔI TIN KÍNH ĐỨC CHÚA TRỜI LÀ CHA”	74
Mục 1: “Tôi tin kính Đức Chúa Trời, là Cha phép tắc vô cùng, dựng nên trời đất”	74
Tiết 1: Tôi tin kính Đức Chúa Trời	74
I. “Tôi tin kính một Thiên Chúa”	75
II. Thiên Chúa mạc khải Danh Ngài	76
III. Thiên Chúa, “Đấng Hiện Hữu”, là chân lý và là tình yêu	79
IV. Những hệ quả của đức tin vào Thiên Chúa duy nhất	81
Tóm lược	82
Tiết 2: Chúa Cha	82
I. “Nhân Danh Cha và Con và Thánh Thần”	82
II. Mạc khải về Thiên Chúa Ba Ngôi	84
III. Ba Ngôi Chí Thánh trong giáo lý đức tin	87
IV. Các công trình thần linh và các sứ vụ của Ba Ngôi	90
Tóm lược	91
Tiết 3: Đấng Toàn Năng	92
Tóm lược	94

Tiết 4: Đấng Tạo Hoá	95
I. Dạy giáo lý về công trình tạo dựng	96
II. Tạo dựng – Công trình của Ba Ngôi Chí Thánh	98
III. “Trần gian được tạo dựng để làm vinh danh Thiên Chúa”	99
IV. Mẫu nhiệm tạo dựng	100
V. Thiên Chúa thực hiện kế hoạch của Ngài: Sự quan phòng của Thiên Chúa	103
Tóm lược	107
Tiết 5: Trời và đất	109
I. Các Thiên thần	109
II. Thế giới hữu hình	112
Tóm lược	115
Tiết 6: Con người	116
I. “Theo hình ảnh của Thiên Chúa”	116
II. “Một hữu thể có xác có hồn”	118
III. “Thiên Chúa đã tạo dựng con người có nam có nữ”	120
IV. Con người trong vườn địa đàng	121
Tóm lược	122
Tiết 7: Sự sa ngã	123
I. Ở đâu tội lỗi đã lan tràn, ở đó ân sủng càng chứa chan gấp bội	124
II. Sự sa ngã của các Thiên thần	125
III. Nguyên tội	126
IV. “Cha đã không bỏ mặc con người dưới quyền lực sự chết”	131
Tóm lược	132
CHƯƠNG II: TÔI TIN KÍNH MỘT CHÚA GIÊSU KITÔ, CON MỘT THIÊN CHÚA	134
Mục 2: “Tôi tin kính Đức Chúa Giêsu Kitô, là Con Một Đức Chúa Cha, cùng là Chúa chúng tôi”	137
I. Chúa Giêsu	137
II. Đức Kitô	138
III. Con Một Đức Chúa Cha	140
IV. Chúa	142
Tóm lược	144
Mục 3: Chúa Giêsu Kitô “bởi phép Đức Chúa Thánh Thần mà Người xuống thai, sinh bởi bà Maria đồng trinh”	145
Tiết 1: Con Thiên Chúa làm người	145
I. Tại sao Ngôi Lời làm người?	145
II. Nhập Thể	146
III. Thiên Chúa thật và người thật	147
IV. Con Thiên Chúa làm người như thế nào	150

Tóm lược	153
Tiết 2: “Bởi phép Đức Chúa Thánh Thần mà Người xuống thai, sinh bởi bà Maria đồng trinh”	154
I. Bởi phép Đức Chúa Thánh Thần mà Người xuống thai...	154
II. Sinh bởi bà Maria đồng trinh	155
Tóm lược	161
Tiết 3: Các mầu nhiệm của cuộc đời Đức Kitô	162
I. Toàn bộ cuộc đời Chúa Giêsu là mầu nhiệm	162
II. Các mầu nhiệm của thời thơ ấu và của cuộc đời ẩn dật của Chúa Giêsu	165
III. Các mầu nhiệm của cuộc đời công khai của Chúa Giêsu	170
Tóm lược	179
Mục 4: Chúa Giêsu Kitô đã “chịu nạn đời quan Phongxiô Philatô, chịu đóng đinh trên cây thánh giá, chết và táng xác”	181
Tiết 1: Chúa Giêsu và Israel	182
I. Chúa Giêsu và Lê Luật	183
II. Chúa Giêsu và Đền Thờ	185
III. Chúa Giêsu và đức tin của Israel vào Thiên Chúa duy nhất và là Đấng Cứu Độ	187
Tóm lược	188
Tiết 2: Chúa Giêsu “chịu đóng đinh trên cây thánh giá, chết”	189
I. Vụ án Chúa Giêsu	189
II. Cái chết cứu chuộc của Đức Kitô trong kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa	192
III. Đức Kitô đã tự hiến cho Chúa Cha vì tội lỗi chúng ta	194
Tóm lược	199
Tiết 3: Chúa Giêsu Kitô được “táng xác”	200
Tóm lược	202
Mục 5: Chúa Giêsu Kitô “xuống ngục tổ tông, ngày thứ ba bởi trong kẻ chết mà sống lại”	202
Tiết 1: Đức Kitô “xuống ngục tổ tông”	203
Tóm lược	205
Tiết 2: “Ngày thứ ba bởi trong kẻ chết mà sống lại”	205
I. Biến cố lịch sử và siêu việt	205
II. Sự Phục Sinh – Công trình của Ba Ngôi Chí Thánh	209
III. Ý nghĩa và ảnh hưởng cứu độ của sự Phục Sinh	210
Tóm lược	212

Mục 6: Chúa Giêsu “lên trời, ngự bên hữu Đức Chúa Cha phép tắc vô cùng”	212
Tóm lược	214
Mục 7: Ngày sau bởi trời”, Người “lại xuống phán xét kẻ sống và kẻ chết”	215
I. “Người sẽ trở lại trong vinh quang”	215
II. “để phán xét kẻ sống và kẻ chết”	219
Tóm lược	220
CHƯƠNG III: TÔI TIN KÍNH ĐỨC CHÚA THÁNH THẦN	221
Mục 8: “Tôi tin kính Đức Chúa Thánh Thần”	222
I. Sứ vụ phối hợp của Chúa Con và Chúa Thánh Thần	223
II. Danh xưng, các danh hiệu và các biểu tượng của Chúa Thánh Thần	224
III. Thần Khí và lời Thiên Chúa trong thời đại của các lời hứa	229
IV. Thần Khí của Đức Kitô lúc thời gian viên mãn	233
V. Thần Khí và Hội Thánh trong thời đại cuối cùng	237
Tóm lược	239
Mục 9: “Tôi tin Hội Thánh Công giáo”	240
<i>Tiết 1: Hội Thánh trong kế hoạch của Thiên Chúa</i>	241
I. Danh xưng và hình ảnh về Hội Thánh	241
II. Nguồn gốc, nền tảng và sứ vụ của Hội Thánh	244
III. Mẫu nhiệm Hội Thánh	248
Tóm lược	251
<i>Tiết 2: Hội Thánh - Dân Thiên Chúa, Thân Thể Đức Kitô, Đền Thờ Chúa Thánh Thần</i>	251
I. Hội Thánh – Dân Thiên Chúa	251
II. Hội Thánh – Thân Thể Đức Kitô	254
III. Hội Thánh – Đền Thờ Chúa Thánh Thần	257
Tóm lược	259
<i>Tiết 3: Hội Thánh duy nhất, thánh thiện, công giáo và tông truyền</i>	260
I. Hội Thánh duy nhất	261
II. Hội Thánh thánh thiện	265
III. Hội Thánh công giáo	267
IV. Hội Thánh tông truyền	275
Tóm lược	278
<i>Tiết 4: Các Kitô hữu: Phẩm trật, giáo dân, đời sống thánh hiến</i>	280
I. Cơ cấu phẩm trật của Hội Thánh	281
II. Các Kitô hữu giáo dân	287
III. Đời sống thánh hiến	291
Tóm lược	296

Tiết 5: “Các Thánh thông công”	298
I. Hiệp thông của cải thiêng liêng	299
II. Sự hiệp thông giữa Hội Thánh thiên quốc và Hội Thánh trần thế	300
Tóm lược	302
Tiết 6: Đức Maria – Mẹ Đức Kitô, Mẹ Hội Thánh	302
I. Tình mẫu tử của Đức Maria đối với Hội Thánh	303
II. Việc sùng kính Đức Trinh Nữ diễm phúc	305
III. Đức Maria – Hình ảnh cánh chung của Hội Thánh	305
Tóm lược	306
Mục 10: “Tôi tin phép tha tội”	307
I. Có một Phép Rửa để tha tội	307
II. Quyền chìa khoá	308
Tóm lược	309
Mục 11: “Tôi tin xác loài người ngày sau sống lại”	310
I. Sự Phục Sinh của Đức Kitô và của chúng ta	311
II. Chết trong Đức Kitô Giêsu	314
Tóm lược	317
Mục 12: “Tôi tin hằng sống vậy”	318
I. Phán xét riêng	319
II. Thiên Đàng	320
III. Sự thanh luyện cuối cùng hoặc Luyện ngục	321
IV. Hỏa ngục	322
V. Phán xét cuối cùng	324
VI. Hy vọng Trời Mới Đất Mới	326
Tóm lược	328
“ <i>Amen</i> ”	329
PHẦN THỨ HAI: CỬ HÀNH MẦU NHIỆM KITÔ GIÁO	331
ĐOẠN THỨ NHẤT: NHIỆM VỤ CỤC BÍ TÍCH	336
CHƯƠNG I: MẦU NHIỆM VƯỢT QUA TRONG THỜI ĐẠI CỦA HỘI THÁNH	337
Mục 1: Phụng vụ - Công trình của Ba Ngôi Chí Thánh	337
I. Chúa Cha, nguồn mạch và cùng đích của Phụng vụ	337
II. Công trình của Đức Kitô trong Phụng vụ	339
III. Chúa Thánh Thần và Hội Thánh trong Phụng vụ	341
Tóm lược	346
Mục 2: Mầu nhiệm Vượt Qua trong các bí tích của Hội Thánh	347
I. Các bí tích của Đức Kitô	347
II. Các bí tích của Hội Thánh	348
III. Các bí tích của đức tin	349
IV. Các bí tích của ơn cứu độ	350

V. Các bí tích của đời sống vĩnh cửu	351
Tóm lược	352
CHƯƠNG II: CỬ HÀNH MẦU NHIỆM VƯỢT QUA TRÔNG	
CÁC BÍ TÍCH	353
Mục 1: Cử hành phụng vụ của Hội Thánh	353
I. Ai cử hành?	353
II. Cử hành thế nào?	356
III. Cử hành khi nào?	361
IV. Cử hành ở đâu?	366
Tóm lược	368
Mục 2: Nhiều phụng vụ khác nhau và một mầu nhiệm duy nhất	370
Tóm lược	372
ĐOẠN THỨ HAI: BẢY BÍ TÍCH CỦA HỘI THÁNH	373
CHƯƠNG I: CÁC BÍ TÍCH KHAI TÂM KITÔ GIÁO	374
Mục 1: Bí tích Rửa Tội	375
I. Bí tích Rửa Tội được gọi bằng những danh xưng nào?	375
II. Bí tích Rửa Tội trong Nhiệm cục cứu độ	376
III. Bí tích Rửa Tội được cử hành thế nào?	379
IV. Ai có thể lãnh nhận bí tích Rửa Tội?	382
V. Ai có thể ban bí tích Rửa Tội?	384
VI. Sự cần thiết của bí tích Rửa Tội	384
VII. Ân sủng của bí tích Rửa Tội	386
Tóm lược	389
Mục 2: Bí tích Thêm Sức	391
I. Bí tích Thêm Sức trong Nhiệm cục cứu độ	391
II. Các dấu chỉ và nghi thức của bí tích Thêm Sức	393
III. Những hiệu quả của bí tích Thêm Sức	396
IV. Ai có thể lãnh nhận bí tích Thêm Sức?	397
V. Thừa tác viên bí tích Thêm Sức	398
Tóm lược	399
Mục 3: Bí tích Thánh Thể	400
I. Thánh Thể, nguồn mạch và chóp đỉnh của đời sống Hội Thánh	401
II. Bí tích Thánh Thể được gọi thế nào?	402
III. Bí tích Thánh Thể trong Nhiệm cục cứu độ	403
IV. Cử hành phụng vụ Thánh Thể	407
V. Hy lễ bí tích: Tạ ơn, tưởng niệm, hiện diện	410
VI. Bàn tiệc Vượt Qua	418
VII. Bí tích Thánh Thể - “Bảo chứng cho vinh quang tương lai”	424
Tóm lược	425

CHƯƠNG II: CÁC BÍ TÍCH CHỮA LÀNH	428
Mục 4: Bí tích Thống Hối và Giao Hoà	428
I. Bí tích này được gọi như thế nào?	429
II. Tại sao cần bí tích Giao Hoà sau khi đã lãnh nhận bí tích Rửa Tội?	429
III. Sự hối cải của những người đã chịu Phép Rửa	430
IV. Thống hối nội tâm	431
V. Nhiều hình thức thống hối trong đời sống Kitô hữu	432
VI. Bí tích Thống Hối và Giao Hoà	434
VII. Các hành vi của hối nhân	437
VIII. Thừa tác viên của bí tích Thống Hối	440
IX. Các hiệu quả của bí tích Thống Hối	441
X. Các ân xá	443
XI. Cử hành bí tích Thống Hối	445
Tóm lược	447
Mục 5: Bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân	448
I. Nền tảng của bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân trong Nhiệm cục cứu độ	449
II. Người lãnh nhận và người ban bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân	453
III. Bí tích này được cử hành thế nào?	454
IV. Hiệu quả của bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân	454
V. Cửa ăn đàng, bí tích cuối cùng của Kitô hữu	456
Tóm lược	456
CHƯƠNG III: CÁC BÍ TÍCH PHỤC VỤ SỰ HIỆP THÔNG	458
Mục 6: Bí tích Truyền Chức Thánh	459
I. Tại sao gọi là “Sacramentum ordinis” (Bí tích Truyền Chức Thánh)?	459
II. Bí tích Truyền Chức Thánh trong Nhiệm cục cứu độ	460
III. Ba bậc của bí tích Truyền Chức Thánh	464
IV. Việc cử hành bí tích Truyền Chức Thánh	469
V. Ai có thể ban bí tích này?	470
VI. Ai có thể lãnh nhận bí tích này?	471
VII. Những hiệu quả của bí tích Truyền Chức Thánh	472
Tóm lược	475
Mục 7: Bí tích Hôn Phối	477
I. Hôn nhân trong kế hoạch của Thiên Chúa	477
II. Cử hành bí tích Hôn Phối	483
III. Sự ưng thuận kết hôn	484
IV. Những hiệu quả của bí tích Hôn Phối	487
V. Những điều tốt lành và những đòi hỏi của tình yêu phu phụ	489
VI. Hội Thánh tại gia	492

Tóm lược	493
CHƯƠNG IV: NHỮNG CỬ HÀNH PHỤNG VỤ KHÁC	495
Mục 1: Các á bí tích	495
Tóm lược	498
Mục 2: An táng theo nghi thức Kitô giáo	499
I. Cuộc Vượt Qua cuối cùng của Kitô hữu	499
II. Cử hành nghi thức an táng	500
PHẦN THỨ BA: ĐỜI SỐNG TRONG ĐỨC KITÔ	503
ĐOẠN THỨ NHẤT: ƠN GỌI CỦA CON NGƯỜI: SỐNG TRONG THÂN KHÍ	508
CHƯƠNG I: PHẨM GIÁ CỦA NHÂN VỊ	508
Mục 1: Con người là hình ảnh của Thiên Chúa	509
Tóm lược	510
Mục 2: Ơn gọi của chúng ta là đến hưởng vinh phúc	511
I. Các mối phúc	511
II. Ước muốn hạnh phúc	512
III. Vinh phúc Kitô giáo	513
Tóm lược	514
Mục 3: Sự tự do của con người	515
I. Sự tự do và trách nhiệm	515
II. Sự tự do của con người trong Nhiệm cục cứu độ	517
Tóm lược	518
Mục 4: Tính luân lý của các hành vi nhân linh	519
I. Các nguồn mạch của tính luân lý	519
II. Hành vi tốt và hành vi xấu	520
Tóm lược	521
Mục 5: Tính luân lý của các đam mê	521
I. Các đam mê	521
II. Các đam mê và đời sống luân lý	522
Tóm lược	523
Mục 6: Lương tâm luân lý	524
I. Phán đoán của lương tâm	524
II. Việc huấn luyện lương tâm	526
III. Chọn lựa theo lương tâm	526
IV. Phán đoán sai lầm	527
Tóm lược	528
Mục 7: Các nhân đức	529
I. Các nhân đức nhân bản	529
II. Các nhân đức đối thần	532
III. Các ân huệ và hoa trái của Chúa Thánh Thần	536
Tóm lược	537
Mục 8: Tội lỗi	538
I. Lòng thương xót và tội lỗi	538

II. Định nghĩa tội lỗi	539
III. Các tội lỗi khác nhau	540
IV. Mức độ nghiêm trọng của tội: Tội trọng và tội nhẹ	541
V. Tội lỗi sinh sôi nảy nở	543
Tóm lược	544
CHƯƠNG II: CỘNG ĐỒNG NHÂN LOẠI	546
Mục 1: Cá vị và xã hội	546
I. Tính cách cộng đồng của ơn gọi nhân linh	546
II. Sự hối cải và xã hội	548
Tóm lược	549
Mục 2: Sự tham gia vào đời sống xã hội	550
I. Quyền bính	550
II. Công ích	552
III. Trách nhiệm và sự tham gia	553
Tóm lược	554
Mục 3: Công bằng xã hội	555
I. Tôn trọng nhân vị	556
II. Sự bình đẳng và những khác biệt giữa con người	557
III. Tình liên đới nhân loại	558
Tóm lược	559
CHƯƠNG III: ƠN CỨU ĐỘ CỦA THIÊN CHÚA: LỀ LUẬT VÀ ƠN SỬNG	561
Mục 1: Luật luân lý	561
I. Luật luân lý tự nhiên	562
II. Luật cũ	564
III. Luật mới hay Luật Tin Mừng	566
Tóm lược	569
Mục 2: Ân sủng và sự công chính hoá	570
I. Sự công chính hoá	570
II. Ân sủng	573
III. Công trạng	576
IV. Sự thánh thiện Kitô giáo	577
Tóm lược	579
Mục 3: Hội Thánh, Mẹ và Thầy	580
I. Đời sống luân lý và Huấn quyền của Hội Thánh	581
II. Các điều răn của Hội Thánh	583
III. Đời sống luân lý và chứng từ truyền giáo	584
Tóm lược	585
Mười Điều Răn	585
ĐOẠN THỨ HAI: MƯỜI ĐIỀU RĂN	588
Tóm lược	594

CHƯƠNG I: “NGƯỜI PHẢI YÊU MẾN CHÚA, THIÊN CHÚA CỦA NGƯỜI, HẾT LÒNG, HẾT LINH HỒN VÀ HẾT TRÍ KHÔN NGƯỜI”	596
Mục 1: Điều răn thứ nhất	596
I. “Chính Chúa, Thiên Chúa của người, là Đấng người phải phụng thờ; chính Ngài là Đấng người phải phụng sự”	597
II. “Người phải thờ phượng một mình Ngài mà thôi”	600
III. “Người không được có thần nào khác đối nghịch với Ta”	604
IV. “Người không được làm cho mình bất cứ hình tượng nào về Thiên Chúa...”	608
Tóm lược	609
Mục 2: Điều răn thứ hai	610
I. Danh Thiên Chúa là thánh	610
II. Kêu Danh Chúa cách gian dối	612
III. Danh hiệu Kitô hữu [Tên Thánh]	613
Tóm lược	614
Mục 3: Điều răn thứ ba	615
I. Ngày sabat	615
II. Ngày của Chúa	616
Tóm lược	621
CHƯƠNG II: “NGƯỜI PHẢI YÊU THƯƠNG NGƯỜI LÂN CẬN NHƯ CHÍNH MÌNH”	623
Mục 4: Điều răn thứ tư	623
I. Gia đình trong kế hoạch của Thiên Chúa	625
II. Gia đình và xã hội	626
III. Bổn phận của các phần tử trong gia đình	628
IV. Gia đình và Nước Trời	632
V. Quyền bính trong xã hội dân sự	632
Tóm lược	636
Mục 5: Điều răn thứ năm	637
I. Tôn trọng sự sống con người	637
II. Tôn trọng phẩm giá con người	644
III. Bảo vệ hoà bình	648
Tóm lược	652
Mục 6: Điều răn thứ sáu	653
I. “Thiên Chúa đã tạo dựng con người, có nam có nữ...”	653
II. Ôn gọi sống khiết tịnh	655
III. Tình yêu của đôi phối ngẫu	660
IV. Những xúc phạm đến phẩm giá hôn nhân	665
Tóm lược	669
Mục 7: Điều răn thứ bảy	670
I. Quyền chung hưởng và quyền tư hữu của cải	670

II. Tôn trọng các nhân vị và của cải của họ	671
III. Giáo huấn xã hội của Hội Thánh	674
IV. Hoạt động kinh tế và công bằng xã hội	676
V. Sự công bằng và tình liên đới giữa các quốc gia	679
VI. Yêu thương người nghèo	680
Tóm lược	683
Mục 8: Điều răn thứ tám	685
I. Sống trong chân lý	685
II. “Làm chứng cho chân lý”	686
III. Những xúc phạm đến chân lý	688
IV. Tôn trọng chân lý	690
V. Sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội	691
VI. Chân lý, vẻ đẹp và nghệ thuật thánh	693
Tóm lược	694
Mục 9: Điều răn thứ chín	695
I. Thanh tẩy trái tim	696
II. Chiến đấu để sống trong sạch	697
Tóm lược	699
Mục 10: Điều răn thứ mười	700
I. Sự vô trật tự của các ham muốn	700
II. Những ước muốn của Thần Khí	702
III. Sự nghèo khó của trái tim	703
IV. Tôi muốn nhìn thấy Thiên Chúa	704
Tóm lược	705
PHẦN THỨ TƯ: KINH NGUYỆN KITÔ GIÁO	707
ĐOẠN THỨ NHẤT: KINH NGUYỆN TRONG ĐỜI SỐNG KITÔ HỮU	709
Câu nguyện là gì?	709
CHƯƠNG I: MẠC KHẢI VỀ CẦU NGUYỆN	712
Mục 1: Trong Cựu Ước	713
Tóm lược	720
Mục 2: Khi thời gian viên mãn	721
Tóm lược	728
Mục 3: Trong thời của Hội Thánh	729
I. Chúc tụng và thờ lạy	730
II. Lời kinh cầu xin	730
III. Lời kinh chuyển cầu	732
IV. Lời kinh tạ ơn	733
V. Lời kinh ca ngợi	733
Tóm lược	735
CHƯƠNG II: TRUYỀN THỐNG CẦU NGUYỆN	736
Mục 1: Những nguồn mạch của kinh nguyện	736
Tóm lược	739

Mục 2: Con đường cầu nguyện	739
Tóm lược	745
Mục 3: Những người hướng dẫn cầu nguyện	745
Tóm lược	748
CHƯƠNG III: ĐỜI SỐNG CẦU NGUYỆN	749
Mục 1: Những các diễn đạt việc cầu nguyện	750
I. Khẩu nguyện	750
II. Suy niệm	751
III. Chiêm niệm	752
Tóm lược	754
Mục 2: Cuộc chiến đấu của việc cầu nguyện	755
I. Những trở ngại cho việc cầu nguyện	755
II. Tâm hồn khiêm tốn và tinh thức	756
III. Lòng tin tưởng của người con thảo	758
IV. Kiên trì trong tình yêu	760
Lời cầu nguyện trong Giờ của Chúa Giêsu	761
Tóm lược	763
ĐOẠN THỨ HAI: LỜI KINH CỦA CHÚA: KINH LẠY CHA	764
Mục 1: “Bản tóm lược toàn bộ Tin Mừng”	765
I. Ở tâm điểm của Sách Thánh	765
II. Lời kinh của Chúa	766
III. Lời kinh của Hội Thánh	767
Tóm lược	768
Mục 2: “Lạy Cha chúng con ở trên trời”	769
I. “Chúng ta dám nguyện rằng”	769
II. “Lạy Cha”	770
III. “Lạy Cha chúng con”	772
IV. “Ở trên trời”	774
Tóm lược	775
Mục 3: Bày lời cầu xin	776
I. “Chúng con nguyện Danh Cha cả sáng”	777
II. “Nước Cha trị đến”	780
III. “Ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời”	782
IV. “Xin Cha cho chúng con hôm nay lương thực hàng ngày”	783
V. “Và tha nợ chúng con như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con”	786
VI. “Xin chớ để chúng con sa chước cám dỗ”	789
VII. “Nhưng cứu chúng con cho khỏi sự dữ”	791
Vinh tụng ca kết thúc	792
Tóm lược	794
MỤC LỤC CÁC CHỖ TRÍCH DẪN	795
MỤC LỤC PHÂN TÍCH	857
MỤC LỤC TỔNG QUÁT	1071

SÁCH GIÁO LÝ CỦA HỘI THÁNH CÔNG GIÁO

Nguyên tác:

“CATECHISMUS CATHOLICAE ECCLESIAE”

Bản dịch chính thức của Ủy Ban Giáo Lý Đức Tin

trực thuộc Hội Đồng Giám Mục Việt Nam

Hiệu đính bản dịch:

Giám mục Phaolô Bùi Văn Đọc

Linh mục Giuse Bùi Văn Hoàng

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Nguyễn Công Oánh

Biên tập:

Phạm Gia Thoan

Sửa bản in:

Linh mục Giuse Bùi Văn Hoàng

Nguyễn Bá Phúc

Phạm Thị Thơm

Trình bày:

Nữ tu Maria Phan Thị Tú CMR

Thực hiện:

TOÀ GIÁM MỤC MỸ THO

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Số 25 Trần Duy Hưng

Quận Cầu Giấy – Hà Nội

In 1.000 cuốn, khổ 16,5 x 24cm, tại Công ty in Trần Phú.

Giấy phép XB: 937 – 2009 / CXB / 19 – 290 / TG.

In xong và nộp lưu chiểu: Quý I năm 2010.

Giá: 120.000 đồng.